

**100 NĂM KHỞI NGHĨA
VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI
(1916-2016)**

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH QUẢNG NAM
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG



**100 NĂM
KHỞI NGHĨA
VIỆT NAM
QUANG PHỤC HỘI
(1916-2016)**



NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG - 2016

LỜI GIỚI THIỆU

Những năm đầu thế kỷ XX, cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất đã tạo ra những biến đổi trên cả bình diện kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa mà những yếu tố này đều có những tác động nhất định đến phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân Việt Nam chống lại ách cai trị thực dân. Dựa trên những nền tảng kinh tế, xã hội mới với sự xuất hiện của những giai tầng xã hội mới cũng như sự du nhập của những trào lưu tư tưởng mới mang sắc thái dân chủ tư sản từ các quốc gia khác, phong trào yêu nước đi từ phạm trù phong kiến bắt đầu chuyển hướng sang màu sắc dân chủ tư sản với hai dòng chủ đạo là canh tân và vũ trang bạo động. Tuy vậy, cho đến trước năm 1914, các con đường cứu nước theo khuynh hướng này vẫn không mang lại kết quả cuối cùng và vũ trang bạo động với các cuộc đấu tranh theo những khuynh hướng khác nhau vẫn là khuynh hướng chủ đạo. Nổi lên trong giai đoạn này là các hoạt động yêu nước dưới ngọn cờ của Việt Nam Quang phục hội ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Hội kín ở Nam Kỳ. Vào lúc đó, Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất (1914-1918) diễn ra đã lôi cuốn hàng loạt quốc gia vào vòng xoáy, trong đó có nước Pháp. Như một tất yếu, để phục vụ cho cuộc chiến tranh, Pháp đã huy động sức người, sức của từ khắp các thuộc địa của mình dưới nhiều hình thức và bằng mọi biện pháp. Điều này đã gây nên sự oán thán, phẫn uất trong nhân dân mà biểu hiện cụ thể của sự phản ứng chính là các cuộc nổi dậy đấu tranh chống Pháp của các tầng lớp nhân dân.

Trong bối cảnh đó, cuộc vận động khởi nghĩa ở Nam Trung Kỳ diễn ra vào tháng 5.1916 với mục tiêu đánh Pháp, giành độc lập cho đất nước và thành lập một chính phủ mới; tuy nhiên, ngay trước khi bắt đầu, cuộc khởi nghĩa đã bị thực dân Pháp đàn áp dập tắt.

Cuộc khởi nghĩa thất bại do nhiều nguyên nhân, nhưng xét trong tổng thể tiến trình vận động của cách mạng thời kỳ cận đại, cuộc vận động khởi nghĩa ở Quảng Nam - Đà Nẵng và các tỉnh Nam Trung Kỳ vào năm 1916 giữ một vị trí quan trọng. Trước hết, cuộc khởi nghĩa là sự tiếp nối các hoạt động đấu tranh yêu nước chống thực dân Pháp liên tục của nhân dân ta từ giữa thế kỷ XIX, thể hiện tinh thần yêu nước của nhân dân Trung Kỳ cũng như khích lệ phong trào đấu tranh cách mạng chung của cả dân tộc. Cuộc khởi nghĩa cũng đồng thời cho thấy đấu tranh bằng con đường vũ trang vẫn là xu hướng chủ đạo của phong trào cứu nước của thời kỳ này. Mặt khác, cũng trong tiến trình đó, cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 còn là hoạt động đấu tranh yêu nước cuối cùng ít nhiều mang màu sắc phong kiến thể hiện ở nền tảng tư tưởng, lực lượng tham gia, lực lượng lãnh đạo và chính thể thành lập. Nói cách khác, từ sau cuộc khởi nghĩa này, phong trào yêu nước dưới ngọn cờ của các sĩ phu phong kiến đã chính thức chấm dứt. Không chỉ vậy, so với các phong trào khác cùng thời kỳ, đây là một trong số ít các cuộc đấu tranh có địa bàn hoạt động trải rộng trên nhiều tỉnh Trung Kỳ, từ Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam tới Quảng Ngãi, đặc biệt là Quảng Nam - Đà Nẵng là địa bàn quan trọng của cuộc khởi nghĩa. Chính vì vậy, cuộc vận động khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916 là một mốc son quan trọng trong lịch sử đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của dân tộc Việt Nam.

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội (1916-2016), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam, Sở Văn hóa Thể thao thành phố Đà Nẵng đã tổ chức một số hoạt động có ý nghĩa như viếng hương mộ Thái Phiên - Trần Cao Vân tại Huế, phối hợp với Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học **“100 năm khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội ở Phủ Tam Kỳ (1916-2016)”** với sự tham gia hưởng ứng viết bài tham luận rất nhiệt tình của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu lịch sử từ các cơ quan Trung ương, các Viện nghiên cứu, các trường

Đại học, Hội khoa học lịch sử, Liên hiệp Hội khoa học kỹ thuật và một số trường trung học phổ thông chuyên... ở Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Gia Lai, Lâm Đồng - Đà Lạt, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Cần Thơ... Với số lượng phong phú, đa dạng, trong đó có không ít những bài viết được dựa trên nguồn tài liệu hoàn toàn mới, cũng như góc nhìn mới để nhận định, đánh giá về một sự kiện lịch sử đã diễn ra cách đây đúng 100 năm, mang đến những luận cứ khoa học mới, qua đó góp phần làm sáng tỏ thêm nhiều vấn đề lịch sử liên quan đến cuộc khởi nghĩa.

Với mục đích ôn lại truyền thống đấu tranh yêu nước, cách mạng của nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng, góp phần nâng cao nhận thức, tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường bất khuất, quyết tâm đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam phối hợp Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Đà Nẵng tuyển chọn và xuất bản công trình sách **“100 năm khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội (1916-2016)”**.

Tập sách này là một công trình có giá trị, là nén tâm nhang tưởng niệm các chí sĩ yêu nước, đồng đạo quần chúng nhân dân đã tham gia, hy sinh trong cuộc khởi nghĩa vừa tròn 100 năm.

Trân trọng giới thiệu bạn đọc.

PGS.TS. Đinh Quang Hải
Viện trưởng Viện Sử học
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

DƯỚI GÓC NHÌN SỬ HỌC

CUỘC KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI TRONG PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP Ở QUẢNG NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

*PGS.TS. NGUYỄN DUY BÌNH**
*ThS.NCS. TRỊNH THỊ HƯỜNG***

Quảng Nam là vùng đất có truyền thống lịch sử xa xưa, là quê hương của nhiều danh nhân nổi tiếng. Ít nhất lịch sử đã nhắc nhiều đến địa danh Quảng Nam từ thời vua Lê Thánh Tông, khi đặt Thừa Tuyên Quảng Nam¹ (1471), sau đến thời chúa Nguyễn Hoàng đặt làm dinh Quảng Nam (1602), đến thời vua Minh Mạng đặt làm tỉnh Quảng Nam² (1832). Do nằm ở vị trí sát với Kinh đô Huế, khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, Quảng Nam - Đà Nẵng là nơi đầu tiên chúng chọn để đánh chiếm. Ngay từ những ngày đầu Pháp xâm lược, nhân dân Quảng Nam đã nổi dậy, các phong trào chống Pháp nửa cuối thế kỷ XIX ở trên cả nước nói chung và Quảng Nam nói riêng đều chưa thành công. Dù vậy, Quảng Nam vẫn là tỉnh có điều kiện thuận lợi cho các văn thân, sĩ phu, quan lại có tư tưởng chống Pháp hoạt động để cứu nước giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX. Bài viết của chúng tôi cố gắng phác thảo “Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội trong phong trào chống Pháp ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX”.

1. Vài nét về phong trào yêu nước chống Pháp ở Quảng Nam hồi cuối thế kỷ XIX

Cùng với phong trào chống Pháp trên cả nước sau khi triều đình

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

** Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

¹ Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép năm Tân Mão (1471), “*Tháng 6, lấy đất Chiêm Thành đặt làm thừa tuyên Quảng Nam*”. Xem thêm: Phan Du, *Quảng Nam qua các thời đại* (quyển thượng), Cổ học Tùng thư in lần thứ nhất, Đà Nẵng, 1974.

² Tỉnh Quảng Nam thống hạt tỉnh Quảng Ngãi, đặt chức Nam Ngãi Tuần phủ. Đến năm Thiệu Trị thứ 7 đặt chức Nam Ngãi Tổng đốc.

Nguyễn ký hiệp ước Patenôtre năm Giáp Thân (1884), nhân dân Quảng Nam đã không chịu khuất phục trước những hiệp ước bất bình đẳng, nước ta trở thành thuộc địa của Pháp. Phong trào yêu nước, chống Pháp, chống triều Nguyễn liên tục nổ ra. Theo chính sử triều Nguyễn chép sự kiện tháng 8 năm Ất Dậu (1885): “*Thân hào Quảng Nam kết đảng làm hội nghĩa (Sơn phòng sứ là Trần Văn Dữ³ làm chủ việc ấy), tụ họp dân chúng bức giữ tỉnh thành, bọn Tuần phủ là Nguyễn Ngoạn, Bố chính Bùi Tiến Tiên, Án sát Hà Thúc Quán đều chạy trốn, nước Đại Pháp tiến quân đến đánh đuổi...*”⁴, “*Ngay sau khi vua Hàm Nghi bỏ kinh thành ra sơn phòng, truyền hịch Cần Vương thì toàn tỉnh Quảng Nam nổi dậy do sơn phòng sứ là Trần Văn Dữ cầm đầu chống giữ tỉnh thành. Quân Pháp ở Đà Nẵng tiến đánh, nghĩa quân bị bức phải rút ra khỏi thành, nhưng địch chưa dám vào sâu trong nội địa*”⁵, tới tháng 12, Nguyễn Học và văn thân Quảng Nam lại nổi dậy hoạt động ở “Các phủ, huyện: Điện Bàn, Thăng Bình, Quế Sơn, Hà Đông, Duy Xuyên, hằng tuần đều bị đốt phá, toàn hạt Quảng Nam lại nhiễu loạn lớn (nguyên Thương biện Nguyễn Học làm chủ)”⁶.

Sự kiện tháng Giêng năm Bính Tuất (1886), nghĩa quân ở Quảng Nam đã giết viên tri huyện Hòa Vinh là Trần Bản Ứng nhân khi có tên Quan ba và 6 tên lính Pháp đến trạm Nam Chân xem sửa đường sá. Tới tháng hai, nghĩa quân còn đánh úp tỉnh thành Quảng Nam. Nghĩa quân giành được một số thắng lợi ở Bình Sơn và một số nơi khác, quan quân trong tỉnh vây đánh nhưng vẫn không thắng được. Sau đó Nguyễn Thân lúc ấy là kiêm lý Quảng Ngãi quân vụ sang giải vây, nghĩa quân mới chịu rút lui.

Tháng 9, Bính Tuất (1886) quân Pháp đóng ở Quảng Nam đi

³ Đúng ra là Trần Văn Dư, có thể do Sử gia chép nhầm, hoặc dịch sai tên. Trần Văn Dư (1839-1885), người làng An Mỹ Tây, tổng Chiên Đàn Trung, huyện Hà Đông (nay là xã Tam An, huyện Phú Ninh, Quảng Nam).

⁴ Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập Chín, NXB. Giáo dục, 2007, tr.181.

⁵ Trần Văn Giàu, *Chống xâm lăng*, quyển thứ ba: Phong trào Cần Vương, trong *Giáo sư Trần Văn Giàu tổng tập*, NXB. Quân đội nhân dân, 2006, tr. 527.

⁶ *Đại Nam thực lục*, tập Chín, Sđd, tr.213.

tuần, tấn công căn cứ của nghĩa quân ở Trung Lộc, Quế Sơn, Quảng Nam, nghĩa quân thua trận, thiệt hại không nhỏ. Đến tháng 3 năm Đinh Hợi (1887), quân Pháp và quan quân triều Nguyễn (quân Pháp gồm có 2 đạo binh: lính Pháp 2 đội, lính tập một đội, mỗi đội 200 tên) tiến hành càn quét ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định⁷ để nhanh chóng bình định vùng này.

Mặc dù quân Pháp và quân triều Nguyễn liên tục đàn áp các cuộc nổi dậy của nghĩa quân, nhưng phong trào chống Pháp, chống phong kiến vẫn diễn ra rộng khắp trong tỉnh, “Tháng 2 và tháng 3.1887, tên quan năm Pháp là Boilever đem một tiểu đoàn lên vùng tây bắc Quảng Nam, vùng Ái Thiã, hợp với tiểu đoàn của quan năm Brasany vây đánh 2.000 nghĩa quân tụ họp ở Ái Thiã. Tháng 5, nghĩa quân Quảng Nam giáp chiến với Pháp rất dữ dội ở sông Thu Bồn. Từ tháng 10.1886 đến tháng 6.1887, riêng đồn Trường Phọc của địch bị nghĩa quân tấn công 13 lần, địch và ta ở vùng này đánh nhau tất cả 37 trận”⁸. Hoạt động của nghĩa quân Nguyễn Duy Hiệu ở sơn phận An Lâm (Quảng Nam), tên việt gian thân Pháp Nguyễn Thân⁹ phải mang quân đi đánh dẹp, tới tháng 8 (1887) mới bắt được Nguyễn Hiệu thủ lĩnh nghĩa quân¹⁰.

Chỉ trong vòng từ tháng 8 đến tháng 10 năm Đinh Hợi (9.11.1887), số thân hào Nghĩa hội Quảng Nam ra đầu thú có tới cả

⁷ *Đại Nam thực lục*, tập Chín, Sdd, tr.315.

⁸ Trần Văn Giàu, *Chống xâm lăng* trong *Giáo sư Trần Văn Giàu tổng tập*, Sdd, tr.527.

⁹ Nguyễn Thân là cộng sự đắc lực của chính quyền thuộc địa ở Đông Dương. Giữ chức Tiểu phủ sứ Sơn phòng Nghĩa Định. Tới trước năm 1892 làm Khâm sai đại thần Quảng Nam Quảng Ngãi Bình Định. Sau đó được Toàn quyền Đông Dương là Lannessan nhắc lên chức Thượng thư Bộ công vào tháng 3 năm Nhâm Thìn (1892).

¹⁰ *Đại Nam thực lục*, tập Chín, Sdd, tr.357. *Nguyễn Duy Hiệu (1847-1887)*, quê Diên Phước, phủ Điện Bàn, Quảng Nam. Ngày 14 tháng 8 năm Đinh Hợi (tức ngày 30.9.1887), bản án xử ông được đưa lên cho vua Đồng Khánh phê chuẩn và ông đã bị châu phê án chém, thi hành ngay. Sau đó một ngày, đúng ngày rằm tháng 8, lãnh tụ nghĩa hội Quảng Nam Nguyễn Duy Hiệu đã thung dung ra pháp trường chịu chém với một nụ cười. Đầu của ông bị thực dân Pháp cho tay sai dùng ngựa trạm đặc biệt hỏa tốc đưa ngay về Quảng Nam, phủ Điện Bàn là chính quê hương của ông, bêu lên cho dân chúng dọc đường thấy. (Baille: *L'exécution eut lieu le lendemain matin. Hieu subit la mort presque en souriant...* dẫn theo Nguyễn Sinh Huy, *Phong trào Nghĩa hội Quảng Nam* (lịch sử Cần vương tại Quảng Nam), NXB. Đà Nẵng, 1996, tr.303).

trăm, chức vụ từ tán tương, tham tán, bang biện trở xuống đến hương binh. Nguyễn Thuật, làng Hà Lam, Thăng Bình, Quảng Nam lúc ấy được giữ chức Tuyên úy xử trí đại thần được giao xét việc ở Quảng Nam. Nguyễn Thuật tư cho Viện Cơ mật, “*Hạt Quảng Nam từ khi nguy Hiệus gây ra quấy rối, trong tỉnh đều bị dây dưa, trong đó kẻ cam tâm giúp hấn bạo ngược không đến một hai phần mười, còn thì đều bị hiếp bách, tới khi quan quân tiến đánh, lẫn trốn bị bắt cũng có, hiện sung làm khổ sai và còn giam chưa kết án, hạng ấy rất nhiều... Còn như hạt Quảng Nam trước bị nguy Hiệus bức bách, ngay bấy giờ tỉnh, phủ, huyện cũng không trị nổi...*”¹¹.

Đồng bào các dân tộc ít người thiểu số phía tây của tỉnh Quảng Nam cũng nổi dậy chống Pháp mạnh mẽ. Vì vậy mà viên quan tỉnh Quảng Nam phải dâng bản tâu lên triều đình để xin thêm quân và súng ống, khí giới “*Năm Quý Tỵ Thành Thái thứ 5 (1893), tháng giêng. Nguyên quan tỉnh Quảng Nam Huỳnh Vĩ dâng tâu tâu nói xã dân ở ba tổng Tiên Giang, Đức Hòa, Phước Lợi huyện Hà Đông thuộc tỉnh ở gần núi nhiều lần bị ác Man quấy nhiễu, xin rút tinh binh về chước lượng cấp súng ống khí giới, tập hợp dân binh, chước lượng đặt quân mục cùng Phó tổng tuần tiễu tra xét những nơi quan yếu ở thương du*”¹².

Như vậy, Quảng Nam là một trong những cái nôi diễn ra nhiều phong trào yêu nước chống Pháp cuối thế kỷ XIX. Các phong trào yêu nước chống Pháp theo ngọn cờ Cần vương, theo khuynh hướng phong kiến đều thất bại, nhưng nó mãi là những phong trào khích lệ nhân dân tiếp tục đứng lên chống Pháp mãnh liệt hơn ở đầu thế kỷ XX.

2. Phong trào chống Pháp ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX

Vào những năm đầu thế kỷ XX, Quảng Nam là vùng đất tốt cho các nhà yêu nước hoạt động. Chính vì vậy mà phong trào yêu nước diễn ra ở Quảng Nam khá mạnh mẽ và sôi nổi. Nhiều hoạt động của

¹¹ *Đại Nam thực lục*, tập Chín, Sdd, tr. 372-373.

¹² Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục Chính biên Đế lục kỷ phụ biên*, Người dịch: Cao Tự Thanh, NXB. Văn hóa - Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2011, tr.171.

các danh nhân tên tuổi xuất thân từ Quảng Nam hoặc hoạt động tại Quảng Nam, như: Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Thái Phiên, Trần Cao Vân... đã góp phần vào phong trào đấu tranh chung của dân tộc. Tiêu biểu nhất là các phong trào Duy tân, Đông du, và đặc biệt là chống thuế ở Trung Kỳ 1908.

Đầu thế kỷ XX, ngọn cờ quân chủ trung quân, ái quốc không còn tập hợp được quần chúng như trước, một bộ phận đã ra hợp tác với thực dân Pháp. Trong lúc đó, những trào lưu tư tưởng mới vào Việt Nam, các cuộc Duy tân Mậu Tuất ở Trung Quốc (1898), việc Nhật Bản thắng Nga Hoàng đã như một trong những luồng gió mới về những tư tưởng của thế giới dội vào, đã tác động đến tinh thần yêu nước của các sĩ phu tiến bộ. Họ đã tiếp nhận tư tưởng tư sản như một luồng gió mới qua tân thư, tân văn. Qua tân thư, tân văn như một hồi chuông “tỉnh mộng” đối với sĩ phu yêu nước lúc bấy giờ. Chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng, người con của quê hương Quảng Nam đã viết: “được đọc loại sách báo trên, như trong buồng tối, bỗng chợt thấy tia sáng lọt vào, những học thuyết mới... một tiếng sét nổ đùng, có sức kích thích mạnh nhất, thấm vào tâm não người Việt Nam”¹³.

Tác động bởi những tư tưởng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX, Phan Châu Trinh đã hô hào “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, mà Quảng Nam là cái nôi của xu hướng yêu nước duy tân (Quảng Nam là nơi khởi phát của 2 phong trào: Phong trào Duy tân do Phan Châu Trinh khởi xướng và thành lập Duy tân hội), và cũng là cái nôi của phong trào yêu nước diễn ra mạnh mẽ trong 20 năm đầu thế kỷ XX.

Từ ảnh hưởng của tình hình thế giới và sự vận động tìm đường cứu nước của các sĩ phu yêu nước, năm 1904, Duy tân hội được thành lập. Giữa tháng 5 năm 1904, tại nhà Tiểu La Nguyễn Thành (huyện Thăng Bình, Quảng Nam) đã diễn ra hội nghị thành lập một Hội đảng bí mật, lấy tên là Duy tân hội, Cường Để được cử làm Hội chủ. Tham gia Duy tân hội có nhiều người là con em của Quảng Nam như: Phan Châu Trinh (Tam Kỳ), Đỗ Đăng Tuyển (Đại Lộc), Châu Thượng Văn

¹³ Huỳnh Thúc Kháng, *Bức thư bí mật*, NXB. Anh Minh, Huế, 1957, tr.36.

(Hội An), Trần Quý Cáp (Điện Bàn), Thái Phiên¹⁴... Quảng Nam chẳng những là địa bàn đứng chân mà còn là nơi cung cấp về nhân sự cho Duy tân hội. Về sự kiện này, sử triều Nguyễn có nói tới và sự tham gia của Cường Để là người trong Hoàng tộc đã rời bỏ kinh thành đưa vợ con đi mưu trốn ra nước ngoài (Nhật Bản) cùng Phan Bội Châu: *“Năm Bính ngọ Thành Thái thứ 18 (1906), tháng hai: Nguyên Kỳ Ngoại hầu Cường Để trốn đi. Cường Để là người coi việc tế tự phòng Anh Duệ hoàng thái tử cùng nguyên Cử nhân sinh viên học trường Giám Phan Bội Châu người Nghệ An đồng mưu trốn ra nước ngoài. Để mang theo một bức chân dung của Anh Duệ hoàng thái tử, một đạo sách văn và đưa vợ con cùng đi. Chủ là Trợ quốc Khanh Anh Nghi cáo giác, Phủ Tôn nhân xét ra quả đúng bèn tâu lên tham hặc,... cấp hạn một tháng buộc Anh Nghi phải tìm kiếm khắp nơi, cốt phải bắt được. Lại bàn với Tòa sứ gửi điện văn đi khắp Nam Bắc hai kỳ bí mật truy nã, chờ bắt được sẽ nghĩ xử (về sau hai tỉnh Khánh Hòa Bình Định tư nói Đốc học Đàm Liêm, Giáo thụ An Nhơn Nguyễn Liêu đều nhận được một phong thư của Bội Châu muốn khuyên người trong nước du học, ba tỉnh Thanh Hóa, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Sở Điện báo ở kinh đều đệ một phong thư kính cáo của Cường Để, cùng đóng triện riêng là kiểm nhỏ khắc hai chữ “Duy tân”, đều dùng mực son, nhưng đối chiếu với triện gốc thì dấu triện không phù hợp)”*¹⁵.

Phong trào cứu nước của Duy tân hội, nổi bật nhất là phong trào Đông du bước đầu thu được những dấu hiệu khả quan và còn nhiều hứa hẹn phía trước. Ở trong nước Đông kinh nghĩa thực được thành lập và đang lan rộng ra cả nước. Ở Nam Kỳ, Trung Kỳ, Quảng Nam, phong trào Duy tân đã thu được một số thành quả. Lo sợ trước ảnh hưởng của Duy tân hội chính quyền thuộc địa đã câu kết với Chính phủ Nhật, để đóng cửa và giải tán các tổ chức Đông du, trục xuất học sinh, cả Phan Bội Châu và Cường Để cũng phải rời khỏi Nhật Bản.

¹⁴ Nội tổ ông vốn người tỉnh Bình Định ra lập nghiệp tại làng Nghi An, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam (Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam đất nước và nhân vật*, NXB. Văn hóa Thông tin, 2001, tr.585.

¹⁵ Đại Nam thực lục Chính biên Đệ lục kỷ phụ biên, Sdd, tr.455.

Sau thất bại của phong trào Đông du, Duy tân hội cũng tự tan rã. Dù chỉ tồn tại trong thời gian ngắn, nhưng Duy tân hội đã có ảnh hưởng nhất định trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX.

Ở Quảng Nam các hội: Hội buôn, hội nông, trường học... đã phát triển rầm rộ. Quảng Nam có gần 40 trường dân lập đa số ở nông thôn, góp phần thay đổi dân trí... Chính trong không khí bí mật của Duy tân hội và công khai của phong trào Duy tân mà Quảng Nam... nơi phát khởi một phong trào quần chúng rộng lớn suốt 10 tỉnh miền Trung đó là Phong trào chống thuế 1908¹⁶.

Phong trào chống thuế (còn gọi là phong trào dân biến) ở Trung Kỳ là phong trào chống sưu cao, thuế nặng, chống bắt đi phu (ở miền Nam gọi là đi Xâu). Quảng Nam là quê hương và nơi khởi phát của phong trào vào năm 1908. Phong trào bắt đầu từ huyện Đại Lộc, sau đó lan ra khắp 7 phủ, huyện (Hội An, Điện Bàn, Thăng Bình, Tam Kỳ, Hòa Vang, Duy Xuyên...) trong toàn tỉnh. Sau đó phong trào còn lan rộng ra hầu khắp các tỉnh Trung Kỳ. Phan Châu Trinh cũng có những ghi chép về đầu đuôi của Phong trào dân biến ở Trung Kỳ “*Năm 1908, dân tỉnh Quảng Nam, nhân việc làm xâu gây biến, lan ra khắp các tỉnh Trung Kỳ*”¹⁷. Phong trào đã buộc nhà cầm quyền thực dân và phong kiến phải điều đình, nhân nhượng. Ngoài việc đàn áp dã man những nơi phong trào lên cao, thì chúng còn áp dụng chính sách “be bờ” để cho phong trào không lan sang các địa phương khác.

Triều đình Huế, cũng cùng với thực dân ra sức chặn đứng phong trào. Sử triều Nguyễn chép: “*Năm Mậu Thân, Duy Tân thứ 2 (1908), tháng 2, sai Phụ chính đại thần Trương Như Cương, Lê Trình tới Quảng Nam khám xét tình hình (lúc bấy giờ dân hạt Quảng Nam tụ họp xin sưu, tình hình không yên nên có mệnh ấy). Chuẩn tạm đặt chức Thương biện Quảng Nam, lấy nguyên Tri phủ Tuy An Hậu bổ là Nguyễn Trọng Hàm (tên cũ là Khải) sung vào. Lúc bấy giờ dân*

¹⁶ *Quảng Nam - Đà Nẵng xưa và nay*, NXB. Đà Nẵng, 1996, tr.94.

¹⁷ Tây Hồ Phan Châu Trinh, *Trung Kỳ dân biến thi mật*, Lê Âm, Nguyễn Q. Thắng, dịch và giới thiệu, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa xuất bản, 1973, tr.27.

Quảng Nam xin sưu náo loạn, phủ huyện cơ hồ không thể chế ngự, Tổng đốc Nam Ngãi Hồ Đắc Trung xin tạm đặt chức Thương biện để giúp đỡ hiểu dụ trấn áp, nên có lời chuẩn ấy”¹⁸.

Phong trào chống sưu thuế diễn ra hàng tháng trời, mà dân Quảng Nam vẫn chưa chịu giải tán, đã làm lan rộng tới các tỉnh khác. Lo sợ mầm mống biến loạn thực dân Pháp đã chĩa mũi nhọn vào tầng lớp thân sĩ (những người đỗ đạt làm quan, quan về hưu, những người thi đậu và thi hỏng ở các thôn xã). Nhiều người bị kết án tử hình, trong đó có chí sĩ Trần Quý Cáp (xử tử tại Nha Trang), Ông Ích Đường (Quảng Nam)... Hàng trăm người bị đày đi Côn Đảo, trong đó có Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Thúc Duyện, Trần Cao Vân (Quảng Nam)...”¹⁹.

Phong trào chống thuế diễn ra mạnh nhất ở Quảng Nam, sau lan ra nhiều tỉnh Trung Kỳ, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Huế, Nghệ An, Hà Tĩnh... Tuy phong trào cuối cùng bị giải tán, và bị đàn áp do thiếu một đội ngũ lãnh đạo, tổ chức thống nhất, phong trào còn mang tính tự phát. Nhưng đây là cuộc vùng lên mãnh liệt của nông dân trong buổi đầu thiết lập nền thống trị dân sự của thực dân Pháp ở Việt Nam. Không có một tổ chức chính trị nào được ghi chép đứng ra lãnh đạo phong trào, nhưng thực chất được đẩy lên bởi những tư tưởng dân tộc, dân quyền, do các sĩ phu duy tân đầu thế kỷ XX truyền bá, “Chính các cuộc vận động duy tân đã gieo rắc các mầm mống cách mạng về sau. Việc chống nộp thuế đi phu cũng nằm trong ảnh hưởng của cuộc vận động đó”²⁰.

Phong trào chống thuế năm 1908 ở Quảng Nam chỉ kéo dài hơn một tháng, nhưng đã thể hiện được tinh thần quật khởi của nhân dân nơi đây. Với sức mạnh toàn dân, với hình thức đấu tranh mới, nhân dân Quảng Nam đã tấn công vào ách áp bức, bóc lột của thực dân

¹⁸ *Đại Nam thực lục Chính biên Đế lục kỷ*, Sdd, tr. 497.

¹⁹ Chương Thâu, Hồ Song, Ngô Văn Hòa, Nguyễn Văn Kiệm, Đinh Xuân Lâm, *Lịch sử Việt Nam 1897-1918*, NXB. Khoa học xã hội, 1999, tr.202.

²⁰ Phạm Văn Sơn (cb), *Quần dân Việt Nam chống Tây xâm lược (1847-1945)*, Bộ Tổng tham mưu Sài Gòn xuất bản, 1971, tr.338.

Pháp và phong kiến Nam triều, mở ra cao trào chống sưu cao, thuế nặng rầm rộ trên hầu khắp Trung Kỳ²¹.

3. Khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội đỉnh cao của phong trào chống Pháp ở Quảng Nam những năm đầu thế kỷ XX

Sau khi phong trào Đông du tan rã, cộng với tình hình trong nước sau các vụ chống thuế ở Trung Kỳ, đầu độc Hà Thành, Đông Kinh nghĩa thực, thực dân Pháp tăng cường đàn áp làm cho phong trào đang trong khí thế sôi nổi bị xẹp xuống. Các yếu nhân của các phong trào trên bị xử án, tù đầy, một số tản mát sang Trung Quốc, số sang Xiêm, một bộ phận ở trong nước. Đúng lúc đó tình hình thế giới có những biến chuyển đặc biệt là cuộc Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc năm 1911, đã đem lại cho Phan Bội Châu và các đồng chí một nguồn phấn khởi và tin tưởng mới; họ tìm thấy ở đây một cơ hội hoạt động mới.

Ở trong nước mặc dù bị bọn thống trị bưng bít nhưng “Phong trào Trung Hoa cách mệnh thành công, ảnh hưởng với nước ta hung lắm. Nhiệt tình người nước ta so với trước kia lên gấp bội. Nếu ở nước ngoài có cái gì làm tiên thanh, thì khí thế ở trong nước khác sống lại”²².

Trước tình hình đó, hội viên Duy tân hội và những người Đông du còn lại trên dưới 100 người, từ Xiêm đến, Nhật Bản về, ở trong nước sang đã họp hội nghị thành lập Việt Nam Quang phục hội và quyết định thủ tiêu Duy Tân hội vào thượng tuần tháng 5, năm Nhâm Tý²³ (1912), tại từ đường Lưu Vĩnh Phúc ở Sa Hà, Quảng Đông (Trung Quốc). Với mục đích là “*Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam*”²⁴. Cường Để được cử làm Hội trưởng, Phan Bội Châu được cử làm Tổng lý.

²¹ Bùi Xuân, *Về diễn biến phong trào chống thuế năm 1908 ở Quảng Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 2 (273), 1994, tr.88.

²² Lời của Nguyễn Trọng Thường, con thứ hai của Nguyễn Thiện Thuật, khi từ Hà Nội sang cho biết tình hình, được chép trong Phan Bội Châu *Toàn tập*, tập 6, NXB. Thuận Hóa, Huế, tr.210-211.

²³ *Cuộc đời cách mạng Cường Để* (Hồi ký), In tại nhà in Tôn Thất Lễ, Sài Gòn, 1957, tr.54.

²⁴ *Lịch sử Việt Nam 1897-1918*, Sdd, tr.226.

Sau khi thành lập Việt Nam Quang phục hội đã tiến hành một số hoạt động để gây tiếng vang trong nước, như: Âm sát Tuần phủ Thái Bình Nguyễn Duy Hàn (1913), Vụ ném tạc đạn âm sát các sĩ quan Pháp tại khách sạn Hà Nội, và nhiều cuộc bạo động khác... Các hội viên của Việt Nam Quang phục hội được phái về nước đã thiên về hoạt động âm sát để gây tiếng vang “kinh thiên động địa”, để có những dấu hiệu “gọi tỉnh hồn nước” trong dân chúng. Sau hàng loạt các hoạt động ở trong nước của Việt Nam Quang phục hội chính quyền thực dân Pháp đã tìm cách bắt Cường Để, sau khi bị bắt Cường Để đã tìm cách bỏ trốn sang châu Âu. Thực dân Pháp câu kết với đế quốc Anh và Tổng đốc Quảng Đông là Long Tế Quang bắt giam Phan Bội Châu²⁵ vào cuối năm 1913 và đến tháng 2.1917 mới được thả. Chấm dứt thời kỳ hoạt động sôi nổi của Phan Bội Châu, những người chủ chốt, các cơ sở của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Quốc và Việt Nam đều bị đàn áp.

Ở trong nước, từ sau năm 1913, hoạt động của Việt Nam Quang phục hội tuy yếu đi và chỉ hoạt động tập trung ở một số nơi, nhưng ảnh hưởng của Việt Nam Quang phục hội cũng tác động nhất định tới tình hình trong nước, mà đỉnh điểm là Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội diễn ra tại Quảng Nam. Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916, còn được gọi là *Cuộc khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân, Cuộc khởi nghĩa Duy Tân*, do có sự tham gia của vua Duy Tân, tuy nhiên xét trên thực tế vai trò, ảnh hưởng và sự tham gia của vua Duy Tân không nhiều và không phải ngay từ đầu, do vậy gọi là cuộc Khởi nghĩa Duy tân là không hoàn toàn chính xác.

Về nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội, do tình hình thế giới trong Thế chiến thứ nhất, nước Pháp tham chiến và bọn thực dân ở Đông Dương bắt binh lính Việt ra chiến trường làm bia đỡ đạn cho thực dân Pháp, cùng với đó là những khoản thuế má nặng nề, công trái để phục vụ cho chiến tranh. Tình

²⁵ Thế Nguyên, *Phan Bội Châu thân thế và thi văn (1867-1940)*, Nhà in Tân Việt, 1956, tr.30.

trạng này đã gây nên sự căm giận và xao xuyến trong nhân dân và binh lính, nhất là những tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Huế là những tỉnh có tầm quan trọng về chính trị và quân sự. Trong tình hình ấy các sĩ phu yêu nước ở Trung Kỳ, nhất là các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi đã quyết định xúc tiến một cuộc khởi nghĩa quy mô lớn để cứu nước và cứu dân đang bị dồn vào con đường cùng. Ngoài ra, còn có một nguyên nhân khác nữa là người Đức muốn giúp đỡ cuộc khởi nghĩa, nhằm làm suy yếu Pháp, vì Pháp là nước tham chiến trong cuộc chiến tranh thế giới đang diễn ra tại châu Âu.

Sự hoạt động của Việt Nam Quang phục hội ở trong nước đã làm cho thực dân và phong kiến đề phòng, đoạn sử sau đây nói về phê chuẩn yêu cầu Phủ Phụ chính thông tư cho các địa phương cho biết: “Năm Quý Sửu Duy Tân thứ 7 (1913), tháng 3. Chuẩn cho Phủ phụ chính thông tư cho quan các tỉnh mật sức cho các phủ huyện gia tâm kiểm soát hiện tình, lại thỉnh thoảng đích thân đi tuần sát hiệu dụ, có việc gì lạ thì một mặt điện báo, một mặt bàn với Trú sứ trù tính (lúc bấy giờ Trú sứ Bình Thuận kiểm soát bắt được kiếm vàng ẩn vàng, Trú sứ Quảng Nam gửi giao trái phiếu và phương lược của Quang phục quân, quan tỉnh Thái Bình ở Bắc Kỳ bị tạc đạn giết chết, hiện tại Hải Dương dò thám được nhiều tạc đạn, các thành phố Sài Gòn, Chợ Lớn ở Nam Kỳ cũng thu được rất nhiều tạc đạn chưa nổ nên quý Tòa mật tư cho Chính phủ gửi điện văn thông sức cho các địa phương biết để tuân hành)”²⁶.

Ở Quảng Nam trong các năm 1914-1915, sự hoạt động mạnh của các chí sĩ, sĩ phu yêu nước, trong đó có những người mới ra tù, đặc biệt nổi lên vai trò của Thái Phiên và Trần Cao Vân²⁷, làm cho tình hình ở Quảng Nam thêm sục sôi khí thế cách mạng. Các nhân sĩ yêu nước thường xuyên gặp gỡ nhau bàn kế hoạch khởi nghĩa và vẫn trông đợi sự hỗ trợ của Việt Nam Quang phục hội từ bên ngoài: “Đã nhiều lần sĩ phu yêu nước Trung Kỳ cử người sang Quảng Đông và

²⁶ *Đại Nam thực lục Chính biên Đế lục kỷ*, Sdd, tr. 574-575.

²⁷ *Trần Cao Vân* (1866-1916), quê làng Tư Phú, tổng Đa Hòa, phủ Điện Bàn (nay là xã Điện Thọ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam).

Xiêm để đặt kế hoạch phối hợp. Khi được biết thực trạng của Quang phục hội, các ông đành phải hoạt động độc lập”²⁸. Ngay cuộc họp ở Đà Nẵng do Thái Phiên cùng với Lê Ngung đứng ra tổ chức đầu năm 1914, đã gấp rút và phân công người chuẩn bị khởi nghĩa. Trần Cao Vân khi đó đang bị quản thúc tại Vĩnh Điện đã đề nghị với Thái Phiên mời vua Duy Tân tham gia, do vua Duy Tân có tư tưởng bài Pháp.

Cuối năm 1915, tình hình thế giới chiến tranh, nhiều tin tức không hay của binh lính người Việt bên Pháp đưa về, càng thúc đẩy nhóm những người lãnh đạo phong trào ở Quảng Nam nôn nóng muốn khởi nghĩa ngay. Tháng 9.1915, Thái Phiên đã triệu tập cuộc họp các nhà yêu nước để bàn về khởi nghĩa. Dự họp có sự tham gia của Thái Phiên, Trần Cao Vân, Đỗ Tự, Phan Thành Tài (Quảng Nam), Lê Ngung, Nguyễn Công Phương (Quảng Ngãi), Đoàn Bổng (Thừa Thiên), Nguyễn Chanh (Quảng Bình)... Các báo cáo cho biết các địa phương ở Trung Kỳ cũng đang gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa nhưng chưa đầy đủ. Hội nghị đã quyết định chính thức mời vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa, giao cho Thái Phiên và Trần Cao Vân lo gặp mặt (tối tận đầu năm 1916 trước khi khởi nghĩa nổ ra mấy tháng vua Duy Tân mới tham gia với vai trò “mời vua ra để yên lòng dân”).

Tháng 2.1916, Thái Phiên mời các chí sĩ yêu nước về Huế để họp hội nghị và nhất trí khởi nghĩa ngay. Hội nghị đi tới quyết định cuối cùng sau khi khởi nghĩa thành công, sẽ chọn chính thể quân chủ lập hiến với đa số tán thành. Chỉ huy cuộc khởi nghĩa là Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Đỗ Tự, Lê Ngung... Đỗ Tự và một số đồng chí phụ trách cuộc khởi nghĩa ở Quảng Nam. Vua Duy Tân cho biết đến 10.5.1916, thì 2500 lính mộ tập trung tại Huế sẽ phải sang Pháp nên phải khởi sự ngay. Cuối cùng Thái Phiên và Trần Cao Vân đã quyết định khởi nghĩa vào tối mùng 3 rạng sáng ngày 4.5.1916.

Cuộc khởi nghĩa sắp nổ ra thì kế hoạch bị lộ, thực dân Pháp nắm được kế hoạch khởi nghĩa đã định từ hai ngày trước, nên có kế hoạch ngăn chặn: “Gần đến ngày khởi sự thì việc tuyên truyền trong

²⁸ *Lịch sử Việt Nam 1897-1918*, Sdd, tr.301.

binh lính không được thận trọng. Vợ con lính tập rời về quê gây ra một không khí khác thường làm cho giấc Pháp sinh nghi. Chúng tung mật thám đi dò manh mối. Đầu tháng 5.1916, chúng điều tra thấy một số người trong đó có cả Trần Cao Vân đã liên lạc từ Huế vào Quảng Nam, Quảng Ngãi. Đồng thời Công sứ Quảng Nam cũng khám phá ra vụ âm mưu cướp đồn Tam Kỳ và đồn Quảng Nam...

Trong lúc chúng đang ráo riết đề phòng, thì chiều 3.5, Trần Quang Trữ²⁹ phản bội báo cho Khâm sứ Huế biết ngày giờ khởi nghĩa. Ở Quảng Nam cũng chiều hôm đó một lính khố xanh đã sơ xuất nói với bạn câu chuyện khởi nghĩa, tin đó dần dần lan đến tai Án sát Phạm Liệu là một tay sai trung thành của giặc...³⁰. Vì thế, ở Quảng Nam, Quảng Ngãi và các vùng lân cận thực dân Pháp đã ra lệnh giới nghiêm, tước vũ khí, đóng chặt cửa thành... Mặc dù vậy ở một số nơi cuộc khởi nghĩa vẫn nổ ra.

Tới ngày gần khởi nghĩa vua Duy Tân cho đúc ấn để giao cho các địa phương, vua Duy Tân còn xuống *Chiếu kêu gọi khởi nghĩa*, tờ chiếu lưu tại Trung tâm lưu trữ hải ngoại tại Pháp, nội dung chiếu có đoạn: “*Thuận theo ý Trời, Trẫm công bố Chiếu chỉ Phục quốc. Tình yêu Tổ quốc khiến Trẫm không đội trời chung với kẻ thù... Tào dựng một Nhà nước lập hiến... Ngay sau khi sự nghiệp hoàn thành, tất cả những ai có công hiến sẽ được nhận những phần thưởng xứng đáng... Nay báo!*”³¹. Ngoài ra vua Duy Tân còn bổ nhiệm 4 chức vụ cao nhất, được ghi ở cuối bức Chiếu: Trần Cao Vân, làm Tể tướng trong Chính phủ mới; Thái Phiên làm Tổng đốc Hoàng thành...

Trong các địa phương của tỉnh Quảng Nam và trong các tỉnh Nam Trung Kỳ chỉ duy nhất ở phủ Tam Kỳ là đã xảy ra cuộc khởi nghĩa thực sự. Nhân dân phủ Tam Kỳ đã bí mật ủng hộ nghĩa quân của Việt Nam Quang phục hội và tham gia nghĩa quân. Các sĩ phu

²⁹ Có sách chép là Trứ, chúng tôi đề nguyên văn tài liệu trích dẫn.

³⁰ Trần Huy Liệu, Nguyễn Công Bình, Phan Khôi, Văn Tạo, *Tài liệu tham khảo lịch sử Cách mạng cận đại Việt Nam*, tập III, Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa xuất bản, 1955, tr.99.

³¹ Tôn Thất Thọ, *Về cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân*, Tạp chí Xưa Nay, số 469, tháng 3-2016, tr.11-12. Toàn văn bức chiếu được Nguyễn Trương Đàn công bố trên báo *Đà Nẵng cuối tuần* số ra ngày 13.5.2011.

yêu nước ở các làng Tân An Tây, Tam Mỹ, Ngọc Mỹ, Khương Mỹ, Trường Xuân, Ngọc Thọ, Thọ Khương, Vân Trai, Quý Thượng, Quảng Phú, Trung Đàn Thượng, Phú Lâm, Cây Cốc, An Hòa, Kim Đái, Thanh Bình... đã bí mật thành lập các đội nghĩa binh. Nghĩa binh phủ Tam Kỳ được các tầng lớp nhân dân ủng hộ về lương thực, tài chính, giúp đỡ về hậu cần. Các hào phú trong phủ Tam Kỳ như Lê Khâm Duy (tức Bát Kiện) ở Hòa Hạ, Bá Ba ở Thanh Lâm... là những người đóng góp tiền bạc và lúa gạo nhiều nhất cho nghĩa quân. Một nhóm phụ nữ là thợ dệt, thợ may ở các vùng Tam Kỳ, Bãi Dương, Cầu Duối... đã bí mật dùng thuyền rở, thuyền đăng, ghe chở hàng đậu dọc sông Ba Kỳ ở vùng Phú Ninh, Trường Cửu dệt vải may quần phục, túi rết; các nhóm thợ rèn ở nhiều nơi được huy động đến phối hợp với xóm lò rèn ở Xuân Trung để rèn giáo, gươm trang bị cho nghĩa quân³².

Các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Huế công việc chuẩn bị khởi nghĩa diễn ra đúng kế hoạch. Ở Quảng Nam dân quân ở ngoại thành đã chuẩn bị dây và thang treo vào thành. Người chỉ huy là Trần Chương (cháu Trần Cao Vân) đã treo vào trước đốt một cái nhà làm hiệu. Nhưng tin tức bại lộ và lính tập bị thu hết súng, dân binh phải giải tán. Riêng ở phủ Tam Kỳ vì được tin muộn, nên quân khởi nghĩa đã giết 3 tên giặc, cướp dinh nhà một tên quan lại thì quân Pháp kéo tới, một dân quân đang treo lên cột cờ để hạ lá cờ tam tài xuống và thay vào đó là cờ mới thì bị trúng đạn giặc. Cuộc khởi nghĩa không thành công được³³.

Ở Huế và các tỉnh lân cận, kế hoạch bị bại lộ nên cuộc khởi nghĩa cũng không nổ ra theo dự báo. Vì đến giờ khởi sự mà vẫn im hơi lặng tiếng. Tiếng súng thần công, tiếng voi gầm cũng không có, lửa đốt ở đèo Hải Vân cũng không. Đêm mùng 3.5.1916, vua Duy Tân, Thái Phiên và Trần Cao Vân ra khỏi thành, chờ đến sáng nhìn về kinh đô không thấy động tĩnh gì, biết việc không thành, Trần và Thái

³² Nguyễn Phước Tương, Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916, Tạp chí Xưa & Nay, số 335, 2009, tr. 25-27.

³³ Tài liệu tham khảo lịch sử Cách mạng cận đại Việt Nam, tập III, Sdd, tr.100.

trù tính đưa nhà vua về Nam Ngãi... mấy hôm sau chúng mới tìm được tung tích (nhà vua) tại một ngôi chùa bên núi Ngũ Long cách Huế 5km... nhà vua bị kết tội “nghe lời xu nịnh, làm cho xã tắc khuynh nguy” rồi bị đày đi đảo Réunion³⁴.

Kết quả, cuộc khởi nghĩa đã thất bại, không gây được cho thực dân Pháp những thiệt hại nào đáng kể. Ngược lại chúng đã đàn áp, bắt bớ, chém giết và đưa đi tù đày nhiều chí sĩ yêu nước. Những yếu nhân của cuộc khởi nghĩa như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phạm Thành Chương, Phan Thành Tài (Quảng Nam), Phó Bẻm (Tam Kỳ) đều bị án chém ngay. Lê Đình Dương, Đỗ Tự bị tù ở Khánh Hòa, Lê Cơ bị tù ở Lao Bảo... phần lớn các nhân sĩ đều là người quê Quảng Nam, đã thể hiện tinh thần yêu nước xả thân vì dân tộc.

Sự kiện Việt Nam Quang phục hội đã được sử triều Nguyễn chép, nói đến việc nhân dân Quảng Nam khởi nghĩa và Toàn quyền Đông Dương chọn người kế vị thay của Duy Tân: “Năm Bính Thìn Khải Định thứ 1 (1916), tháng 4. Phủ Toàn quyền gửi điện văn tới, đại lược nói “... *nhân dân và lính tập ở hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi đều coi việc vua Duy Tân rời ngôi là thông đồng với bọn giặc trốn núp ở nước ngoài, về việc vua Duy Tân phản đối Bảo hộ, ... Duy Tân cứ tạm lưu ở đài Trấn Bình rồi sẽ an trí ngoài đất Đông Pháp*”³⁵. Như vậy, rõ ràng tuy không tham gia từ đầu nhưng vua Duy Tân, tới lúc bị bắt khi tham gia khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội vẫn thể hiện là một ông vua yêu nước, không chịu làm bù nhìn cho Pháp giật dây.

3. Một vài nhận xét

Quảng Nam là vùng đất có truyền thống bất khuất đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược ngay từ khi chúng đặt chân lên nước ta. Cuộc đấu tranh diễn ra liên tục trong suốt nửa thế kỷ nửa cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Các hoạt động vận động yêu nước đầu thế

³⁴ Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm, Hoàng Văn Lân, Nguyễn Văn Sự, Đặng Huy Vận, *Lịch sử cận đại Việt Nam*, tập III, NXB. Giáo dục, 1961, tr.309.

³⁵ Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục Chính biên Đế thất kỷ*, Người dịch: Cao Tự Thanh, NXB. Văn hóa - Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2012, tr.82.

kỷ XX, của các văn thân, sĩ phu, các nhà yêu nước tại đất Quảng là vùng đất thuận lợi, có điều kiện địa chính trị tốt, lại gần kinh đô Huế. Từ phong trào Duy tân (1906) tới Chống thuế (1908), Quảng Nam đều là nơi khởi phát của các phong trào. Phong trào Chống thuế năm 1908 lên tới đỉnh cao khi sức mạnh quần chúng nổi lên tự phát, do ảnh hưởng của những trào lưu tư tưởng mới tiến bộ.

Dù phong trào Chống thuế 1908, bị thực dân Pháp đàn áp, phong trào lắng xuống, nhưng nó vẫn âm ỉ, chỉ cần có điều kiện là bùng lên, và đó chính là cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội diễn ra năm 1916 mà đỉnh cao là ở Tam Kỳ, Quảng Nam. Sự tham gia của vua Duy Tân, một ông vua có tinh thần chống Pháp dù có làm thay đổi đi mục đích, hay tính chất ban đầu của Việt Nam Quang phục hội là nhằm “*Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc*”, nhưng từ sau năm 1913 hoạt động của Việt Nam Quang phục hội không còn được như trước. Chính vì vậy mà ở Trung Kỳ và Quảng Nam, các chí sĩ yêu nước phải tự hoạt động độc lập. Sự tham gia của vua Duy Tân, với mong muốn nếu thành công sẽ đi theo thể chế, chính thể Quân chủ lập hiến, nhưng vua Duy Tân chỉ với vai trò “*để yên lòng dân*” như là ngọn cờ hiệu triệu quần chúng, binh sĩ người Việt trong quân đội Pháp, chứ không phải là nhân vật quyết định, lãnh đạo từ đầu.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thất bại của phong trào, nhưng nó đã để lại bài học giá trị cho cách mạng Việt Nam về tổ chức đấu tranh, giữ gìn lực lượng, tập hợp và đoàn kết quần chúng nhân dân tham gia. Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tới nay đã lùi xa chúng ta 100 năm (1916-2016). Rõ ràng có thể nói cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội diễn ra tại phủ Tam Kỳ là một trong những cuộc khởi nghĩa quan trọng, là đỉnh cao của phong trào yêu nước nửa đầu thế kỷ XX ở Quảng Nam, và là trọng tâm của phong trào yêu nước ở miền Trung vào đầu thế kỷ XX.

NDB-TTH

PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG Ở ĐẤT QUẢNG TỪ TRUNG KỲ DÂN BIẾN 1908 ĐẾN KHỞI NGHĨA THÁI PHIÊN - TRẦN CAO VÂN 1916

ThS. BÙI VĂN TIẾNG*

1. Nhìn từ phía các sĩ phu

Có thể nói từ Trung Kỳ dân biến năm 1908 đến Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân năm 1916, các sĩ phu đất Quảng từng tham gia phong trào yêu nước và cách mạng (tôi nhấn mạnh: *và cách mạng*, bởi có người cho rằng hai chữ *cách mạng* chỉ nên dùng để chỉ các phong trào đấu tranh theo đường lối vô sản ở nước ta¹) theo cả hai xu hướng Minh xã/Phong trào Duy tân/bất bạo động và Ám xã/Duy tân hội/bạo động, vẫn tiếp tục kiên định con đường mình đã chọn.

Tuy nhiên, do thực dân Pháp và Nam triều thẳng tay đàn áp những người tham gia - và cả những người không trực tiếp tham gia - cuộc biểu tình kháng thuế cự sưu khởi đầu từ Quảng Nam rồi lan rộng khắp Trung Kỳ, khiến phong trào yêu nước và cách mạng đất Quảng tổn thất quá nặng nề: các sĩ phu đất Quảng nếu không phải thụ hình án chém như Trần Quý Cáp hay như Ông Ích Đường - người ra pháp trường với câu nói nổi tiếng: *Dân nước Nam như cỏ cú, giết Đường này còn có trăm nghìn Đường khác, bao giờ hết mía mới hết Đường!* - thì cũng phải chịu cảnh giam cầm đầy ải, rất ít người tránh khỏi liên lụy...

Tiếp tục kiên định con đường mình đã chọn, một số sĩ phu đất Quảng tự nguyện chấp nhận cái chết để giữ tròn khí tiết, để bảo vệ bí mật của tổ chức và để đảm bảo sự an toàn của đồng chí/đồng đội, tiêu biểu nhất là Châu Thượng Văn và Đỗ Đăng Tuyển.

* Chủ tịch Hội KHLS thành phố Đà Nẵng.

¹ Huỳnh Thúc Kháng từng gọi Phan Châu Trinh là “nhà cách mạng đầu tiên của Việt Nam”.

Châu Thượng Văn người Hội An được xem là cái gạch nối giữa Minh xã/Phong trào Duy tân và Âm xã/Duy tân hội. Với Phong trào Duy tân do Bộ ba Quảng Nam - Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng - khởi xướng, Châu Thượng Văn là người chuyên cung cấp tân thư được nhập khẩu qua các tàu buôn Trung Quốc (trong một bài viết về Lê Cơ, Nguyễn Ngọc cho rằng: *“không ra Huế như các nhà duy tân khác hồi bấy giờ, nhưng Lê Cơ - bằng con đường nào - qua thương cảng Hội An, cũng là một cửa mở quan trọng nhập khẩu “sách mới” chẳng - đã có sự tiếp xúc riêng và độc lập với các Tân thư, thậm chí có thể trước cả người anh em con cô con cậu của mình là Phan Châu Trinh”*). Còn với Duy tân hội, Châu Thượng Văn có mối quan hệ với Tiểu La, Nguyễn Thành từ rất sớm: cả hai ông đều tham gia Nghĩa hội Quảng Nam của Trần Văn Dư/Nguyễn Duy Hiệu, đều tạm thời bình an để giấu mình chờ thời khi phong trào này bị kẻ thù dồn đến thế cùng lực kiệt vào năm 1887, và cùng đóng góp rất nhiều cho công cuộc Đông du.

Năm 1908, Trung Kỳ dân biến khởi đầu từ Đại Lộc nhưng lại bùng phát ở ngay Faifo/Hội An quê Châu Thượng Văn, thực dân Pháp và Nam triều lập tức liệt ông vào danh sách những người chủ mưu, bắt giam ông và kết án chung thân đày ra Lao Bảo. Và vì muốn bảo toàn lực lượng cho phong trào nên chính ông đã nhận toàn bộ trách nhiệm về phần mình: *Người nước Nam sang Nhật Bản và hạt dân xin thuế, chính tôi là người chủ mưu, không ai dám dựa vào cả!* Rồi trên đường đi đày, Châu Thượng Văn tuyệt thực mà chết ở nhà lao Phú Thừa - một sự lựa chọn được ông cho là việc dễ so với việc khó là sống để tiếp tục cuộc đấu tranh. Điều này đương thời được Huỳnh Thúc Kháng kể lại trong *Thi tù tùng thoại*: *Tôi gọi thử: - Châu tiên sinh! Châu tiên sinh! Còn nhìn biết tôi là ai không? Khi ấy Châu quân mở hai mắt nhìn tôi một chốc lâu rồi nói nho nhỏ trong cổ: - Minh Viên quân, tôi làm cái dễ, còn anh em gắng gánh lấy sự khó.*

Đỗ Đăng Tuyển cũng là một yếu nhân/thành viên sáng lập của Nghĩa hội Quảng Nam, sau khi phong trào tan rã, ông trở về nhà giấu mình chờ thời, làm như kẻ chẳng còn bận tâm gì đến thời cuộc, hằng ngày mượn chén rượu câu thơ để tìm quên lãng và đã trở thành một

lão tụy ông/ông lão say trong mắt bọn lý hương làng Ô Gia. Đến năm 1904, Đỗ Đăng Tuyển lại trở thành một yếu nhân/thành viên sáng lập của Duy tân hội, đương nhiên khi Trung Kỳ dân biến bùng nổ, ông khó thoát khỏi sự truy lùng của thực dân Pháp và Nam triều, nhưng mãi đến năm 1910 họ mới bắt được ông. Sa vào tay giặc, nhiều lần ông tìm đến cái chết nhằm bảo toàn bí mật của tổ chức, và đến tháng 4 năm 1911, trên đường đi đày, Đỗ Đăng Tuyển đã tuyệt thực mà chết ngay khi vừa tới Nhà tù Lao Bảo - sau này Phan Bội Châu có bài thơ khóc Đỗ Đăng Tuyển, trong đó có câu *Lao Bảo nhờ ông mới có danh*. Xin nói thêm: Nhà tù Lao Bảo còn chứng kiến cái chết của Dương Thưởng - người bị đày ra Lao Bảo từ năm 1908 và bị thảm sát vào năm 1916 do tham gia một cuộc phản kháng bọn cai ngục tàn ác.

Dương Thạc - người anh em sinh đôi của Dương Thưởng và là tác giả của câu ngục trung thi nổi tiếng viết về Côn Đảo: *Hòn đảo mở cõi giữa cõi cùng* - được xem là người đầu tiên của phong trào Trung Kỳ dân biến hy sinh tại Côn Đảo. Do vậy cái chết vào năm 1909 của ông gây xúc động mạnh trong các bạn tù và cả 40 chính trị phạm ở đây đều có câu đối viếng ông - các câu đối ấy về sau được tập hợp lại thành một tập, Huỳnh Thúc Kháng đề tựa và *được truyền về trong nước, truyền tụng khắp nơi, cho đến mấy anh em du học bên Nhật Bản cũng nhiều người đọc thuộc...* (Huỳnh Thúc Kháng: *Thi tù tùng thoại*, trang 82), và ngôi mộ ông còn được các chính trị phạm thuê người dựng bia khắc tên: *Việt Nam chí sĩ Dương Trường Đình chi mộ*.

Cuối năm 1911, Tiểu La, Nguyễn Thành - một yếu nhân/thành viên sáng lập của Duy tân hội, hay theo cách nói của Phan Bội Châu: *Từ Duy tân hội đến phong trào Đông du, chính Tiểu La tiên sinh là ông tổ mở mồi, vạch đường khai sinh ra tất cả* - đang thụ án đày biệt xứ ngoài Côn Đảo, cũng đã qua đời.

Sau Trung Kỳ dân biến, ở Nhà tù Côn Đảo, ngoài Dương Thạc và Tiểu La Nguyễn Thành, còn có nhiều lãnh tụ của Phong trào duy tân và Duy tân hội bị giam cầm và trong thời gian giữa hai biến cố chính trị năm 1908 và năm 1916, vẫn chưa thể có mặt ở đất Quảng.

Phần lớn trong số họ chỉ rời Côn Đảo sau khi đất Quảng diễn ra biến cố thứ hai - tức sau năm 1916, sớm nhất là Phan Thúc Duyện. Nhà nghiên cứu Trần Viết Ngạc trong bài *Góp phần tìm hiểu thêm về Phan Thúc Duyện qua một số tài liệu lưu trữ ở Aix-en-Provence (Pháp) và bưu ảnh trích dẫn từ bản trích lục sổ phóng thích (Extraits des registres d'écrou) được lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ tài liệu hải ngoại của Pháp ở Aix-en-Provence (A.O.M Aix-en-Provence) được Phủ Phụ chính triều Duy Tân xét duyệt ngày 19 tháng 8 năm 1908 về số phận của Phan Thúc Duyện: Phan Thúc Duyện, 41 tuổi, cựu cử nhân, quán làng Phong Thử, tổng Đa Hòa, phủ Điện Bàn tỉnh Quảng Nam bị bắt ngày 7 tháng 4 năm 1908 vì lãnh đạo cuộc khuấy động ở Quảng Nam. Bản án do tòa án Quảng Nam kết án ngày 9 tháng 6 năm 1908 và Phủ Phụ chính (triều Duy Tân) xét duyệt ngày 16 tháng 8 năm 1908, đày Côn Lôn, được giảm án còn 13 năm khổ sai do quyết định của Phủ Toàn quyền Đông Dương ngày 1 tháng 12 năm 1913. Ngày mãn hạn tù là 7 tháng 4 năm 1921. Nhận xét: Trợ thủ chính của Phan Châu Trinh. Cần giám sát nghiêm ngặt. Mãi đến năm 1919, người con trai của ông là Phan Minh, từng tham chiến trong Thế chiến thứ nhất, tốt nghiệp kỹ sư ở Pháp về làm việc ở Sài Gòn, đã làm đơn xin chính quyền thuộc địa ân xá cho ông, ông được trả tự do.*

Huỳnh Thúc Kháng còn muộn hơn, đến năm 1921 mới được phóng thích - thời gian ở tù dài như vậy nên Huỳnh Thúc Kháng tai nghe mắt thấy nhiều chuyện liên quan đến đời sống của chính trị phạm ngoài Côn Đảo nói riêng và chính trị phạm người Quảng nói chung, và cuốn *Thi tù từng thoại* của ông có thể được xem là cuốn lịch sử đấu tranh yêu nước và cách mạng của người Quảng trong giai đoạn từ cuối thập niên thứ nhất đến hết thập niên thứ hai của thế kỷ XX.

Người được rời Côn Đảo sớm nhất - trước khi đất Quảng diễn ra biến cố thứ hai - là Phan Châu Trinh, nhưng cho đến tận cuối đời Phan Châu Trinh vẫn là người Quảng xa quê. Nhờ dư luận trong nước và nhất là nhờ có sự vận động của Hội Nhân quyền (Ligue des Droits de l'Homme et du Citoyen) ngay trên đất Pháp nên đầu mùa hè năm 1910, Thống đốc Nam Kỳ theo lệnh của Toàn quyền Đông Dương ra Côn Đảo thẩm vấn riêng Phan Châu Trinh và tháng 8 năm đó, ông

được đưa về đất liền, được ân xá nhưng buộc phải xuống Mỹ Tho chịu quản thúc. Đến năm 1911 Phan Châu Trinh được chính quyền Đông Dương cử tham gia một đoàn giáo dục Đông Dương sang Pháp, rồi định cư ở đó tới năm 1925 mới trở lại Sài Gòn và quyết định chọn nơi đây làm địa bàn tiếp tục hoạt động cách mạng cho đến khi qua đời vào tháng 3 năm 1926 - điều này cũng chứng tỏ thời tiết chính trị của đất Quảng đã thay đổi nhiều so với hồi đầu thế kỷ.

Chỉ có hai người trở lại quê nhà từ nhà tù Côn Đảo trước khi đất Quảng diễn ra biến cố thứ hai là Trần Cao Vân và Lê Bá Trinh. Nhờ có sự vận động của môn đồ và một số người có cảm tình với ông ở triều đình Huế nên Trần Cao Vân được ân xá trước thời hạn và về đến Hội An vào đầu năm 1914. Nhưng kiên định với con đường đã chọn, sau khi thọ tang cha, người tù Côn Đảo Trần Cao Vân tiếp tục dần thân vào cuộc đấu tranh mới và cùng với người đồng hương Thái Phiên trở thành người lãnh đạo của Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân. Bàn về Trần Cao Vân ở thời điểm đêm trước của cuộc khởi nghĩa này, nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân trong một tham luận tại Hội thảo lần thứ hai về Tân thư tổ chức tại Hà Nội hồi tháng 1 năm 1997 cho rằng: *Sáu năm Côn Đảo, rồi trở về, tham gia Việt Nam Quang phục hội, cùng Thái Phiên gặp vua Duy Tân, vạch kế hoạch làm cuộc chính biến, phối hợp với các mũi đánh về từ biên giới phía Bắc, nhằm lập nên một nhà nước quân chủ lập hiến... - quãng thời gian cuối đời này, ở Trần Cao Vân có lẽ đã có những biến chuyển tư tưởng so với trước. Một vài sáng tác còn lại cho thấy đến lúc này, ông hoàn toàn biểu hiện mình như một chí sĩ duy tân, như một tác gia Tân thư*².

² Thực ra nguyên nhân chính dẫn đến nhận định nói trên là do Trần Cao Vân chủ trương thừa nhận địa vị của Thiên chúa giáo trong cộng đồng Việt. Trong tham luận đã dẫn, Lại Nguyên Ân đặt vấn đề: Phải chăng có thể xem ông là một tác gia Tân thư với việc đề xuất cách giải quyết vấn đề *xung đột tôn giáo* (nói cụ thể hơn là *xung đột lương - giáo*) - một trong những vấn nạn của thời đại, và đi đến kết luận rằng: “*Chấp nhận thêm vị trí của đạo Thiên chúa trong cộng đồng Việt là nét mới nhất ở ông. Đây cũng là nét bổ sung của Trần Cao Vân vào tư tưởng duy tân, trong khi nhiều tác gia Tân thư khác ở ta cùng thời ông thường tập trung vào việc đổi mới nguồn kiến văn, chú trọng đến các kiến thức mới về kinh tế, xã hội, về quản lý nhà nước, về sản xuất kinh doanh, và khi đề cập đến hoạt động trí tuệ tinh thần, cũng mới chú ý đến việc thay đổi sự học*”.

Cũng như Trần Cao Vân, Lê Bá Trinh được trả tự do vào đầu năm 1916 và ngay sau đó lại tiếp tục tham gia khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân, một lần nữa bị kẻ thù bắt giam ở Lao Bảo, đến đầu năm 1925 mới vượt ngục trốn về quê ẩn cư tại một am vắng dưới chân Ngũ Hành Sơn.

Vào năm 1913 còn có một chính trị phạm được trở về với phong trào yêu nước và cách mạng sau khi thụ án 5 năm khổ sai không phải ở nhà tù Côn Đảo, cũng không phải ở nhà tù Lao Bảo, mà là ở nhà lao Hội An. Đó chính là Xã Sáu Lê Cơ quê làng Phú Lâm - nhà thực hành xuất sắc của Phong trào Duy tân đất Quảng. Ra tù ông liền bí mật tiếp xúc với Thái Phiên và trở thành yếu nhân của Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân, rồi giống như Lê Bá Trinh, Lê Cơ bị bắt giam ở Lao Bảo và bị thẩm sát vào năm 1918 cùng với Dương Thường. Trở về từ Nhà lao Hội An trước Lê Cơ hai năm là Mai Dị - người được Phan Châu Trinh giao phó một sứ mệnh đặc biệt là cùng với Phan Khôi mang bản *Đấu Pháp chính phủ thư* ra Hà Nội giao cho Alfred-Ernest Babut chuyển ngữ tiếng Pháp và gửi Toàn quyền Đông Dương Jean Baptiste Paul Beau, đồng thời đưa đăng công khai trên *Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient*/Tập san nghiên cứu của Viện Viễn Đông Bác cổ - đến năm 1916 lại bị bắt giam lần nữa vì thực dân Pháp và Nam triều nghi ông có tham gia Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân, mãi tới năm 1918 Mai Dị mới được ra tù.

Cũng cần nói thêm là trong những sĩ phu đất Quảng tham gia Phong trào Duy tân còn có một người hoạt động khai dân trí/chấn dân khí/hậu dân sinh không phải ở quê nhà mà là ở Phan Thiết: Hiệu trưởng trường Dục Thanh Lương Thúc Kỳ - cha vợ của Phan Khôi. Khi nổ ra Trung Kỳ dân biến năm 1908, Lương Thúc Kỳ bị thực dân Pháp và Nam triều bắt giam tại Phan Thiết đến năm 1910 mới được trả tự do và được cho tiếp tục làm nghề dạy học. Tuy nhiên để tách Lương Thúc Kỳ khỏi “điểm nóng” của phong trào yêu nước và cách mạng đương thời, chính quyền thực dân không để ông trở lại trường Dục Thanh mà chuyển ông ra làm huấn đạo huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình, huấn đạo huyện Cam Lộ tỉnh Quảng Trị, giáo thụ huyện Tuy An tỉnh Phú Yên...

Trong số những sĩ phu đất Quảng tạm thời bình an không bị tù giam án chém trong thời gian từ Trung Kỳ dân biến năm 1908 đến năm 1916, có thể kể đến Lê Vĩnh Huy, Phan Thành Tài và Thái Phiên. Lê Vĩnh Huy và Phan Thành Tài bị thực dân Pháp và Nam triều truy lùng trong vụ Trung Kỳ dân biến nhưng hai ông đều trốn thoát, ẩn mình chờ thời và tham gia Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân. Riêng Thái Phiên, nhờ biết khôn khéo náu mình dưới dáng vẻ hiền lành của một tư chức cần mẫn mà ông có vinh dự là cái gạch nối giữa hai biến cố chính trị lớn cùng diễn ra trong khoảng thời gian chưa đầy chục năm ở Trung Kỳ nói chung, ở xứ Quảng nói riêng và trở thành kiến trúc sư trưởng của cuộc khởi nghĩa mang tên ông và Trần Cao Vân năm 1916.

Kiến trúc sư trưởng của cả một cuộc vận động cách mạng trong lòng địch, giữa sào huyệt quân thù, trước hết phải là một người giàu mưu lược và năng lực tổ chức thực tiễn. Khi chọn Thái Phiên thay Tiểu La Nguyễn Thành - mà thực ra là thay cho Đỗ Đăng Tuyển vừa được cử thay Tiểu La Nguyễn Thành chừng một năm thì bị bắt - để điều hành Duy tân hội và sau này là Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ, hẳn Phan Bội Châu đã thừa nhận những tố chất lãnh đạo đáng quý ấy của Thái Phiên. Ngay cả cách Thái Phiên tạo vỏ bọc để hoạt động hợp pháp ở Tourane cũng góp phần chứng tỏ ông có tài năng vượt trội, nhất là việc Thái Phiên bằng chính nhân cách của mình đã thu phục được lòng tin của thầu khoán Pháp kiều Le Roy - người không ít lần tận tình can thiệp với nhà chức trách để bảo vệ Thái Phiên. Điều hành Duy tân hội thời sơ khai, Nguyễn Thành chủ yếu nhìn về phương Đông, điều hành Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ trước ngưỡng cửa cuộc Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất, Thái Phiên không thể không nhìn về phương Tây - đến Phan Bội Châu lúc này cũng phải vậy. Chính vì nghĩ nước Pháp nhất định sẽ bại trận trong thế chiến mà Thái Phiên càng củng cố thêm niềm tin về thời cơ khởi nghĩa... Và trong thực tế thì Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân đã bắt đầu xuất hiện yếu tố Đức quốc với tư cách là một nguồn ngoại viện đầy hấp dẫn. Đương nhiên yếu tố Trung Quốc cũng rất

đậm nét trong tư duy của những nhà lãnh đạo Việt Nam Quang phục hội đương thời, đậm nhất là Cách mạng Tân Hợi năm 1911 - Phan Bội Châu khi chấp bút tôn chỉ của Việt Nam Quang phục hội vào năm 1912 đã khẳng định mô hình chính thể của Việt Nam là: “*Khu trục Pháp tặc, khôi phục Việt Nam, kiến lập Việt Nam cộng hoà dân quốc*”³; và đương nhiên những người lãnh đạo Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân cũng từng cân nhắc giữa mô hình chính thể quân chủ lập hiến và mô hình chính thể cộng hòa dân quốc.

Kiến trúc sư trưởng của cả một cuộc vận động cách mạng trong lòng địch, giữa sào huyệt quân thù, phải là một người có tư duy công tác cán bộ sắc sảo. Thái Phiên quả là có con mắt xanh khi đánh giá cao vai trò “chính ủy” của Trần Cao Vân. Thật vậy, cuộc nổi dậy dưới ngọn cờ vua Duy Tân không thể và vĩnh viễn không thể thấp lên ngọn lửa báo hiệu giờ khởi nghĩa trên đèo Hải Vân, song lại làm bùng sáng nhãn quan chính trị của riêng Trần Cao Vân. Còn nhớ trước khởi nghĩa mấy ngày, trong khi ngồi bàn quốc sự với Thái Phiên, Phan Thành Tài và một số đồng chí khác, Trần Cao Vân lại tỏ ý ngần ngừ chưa muốn khởi nghĩa gấp. Cái ngần ngừ ấy xuất phát từ sự tỉnh táo chính trị của một người lên thác xuống ghềnh suốt ba mươi năm trường tìm đường cứu dân cứu nước, và lúc bấy giờ đang bước sang tuổi năm mươi - tuổi ngũ thập tri thiên mệnh... Tất nhiên mọi việc sau đó như chúng ta đều biết, vẫn cứ diễn ra giống hệt kịch bản được chuẩn bị từ đầu, có lẽ vì Trần Cao Vân có lý và có uy tín đến đâu cũng chỉ là... thiếu số.

Thái Phiên còn có con mắt xanh khi chọn vua Duy Tân làm ngọn cờ hiệu triệu tối cao của cuộc cách mạng 1916. Đây là một sự lựa chọn táo bạo và đòi hỏi người kiến trúc sư trưởng phải thiết kế cho được một kế hoạch tiếp cận và vận động chính xác đến từng chi tiết đối với vị hoàng đế trẻ tuổi có tinh thần yêu nước nhưng luôn bị người Pháp giám sát nghiêm ngặt từng hành tung một. Và chỗ khó xử nhất của Thái Phiên và các đồng chí của ông trong tiến trình tiếp cận

³ Phan Bội Châu, *Toàn tập*, tập 4, NXB. Thuận Hóa, Huế, 1990, trang 212.

và vận động vua Duy Tân tham gia cuộc khởi nghĩa là vấn đề quyền lực: khi giành được thắng lợi, đòi lại được giang sơn thì vai trò của nhà vua sẽ không còn cao cao tại thượng như trong chế độ quân chủ toàn trị, sẽ phải mất nhiều quyền lực trong chế độ quân chủ lập hiến - hẳn nhiên vua Duy Tân hồi đó chắc cũng suy nghĩ như vua Bảo Đại sau này: *Thà làm dân một nước độc lập, còn hơn làm vua một nước nô lệ...* Với tư cách kiến trúc sư trưởng, Thái Phiên xuất sắc vượt lên tất cả mọi trở lực và đã đưa được vua Duy Tân 16 tuổi vào vị trí danh dự số một của cuộc chính biến năm 1916 - so với việc hai quan phụ chính đại thần Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường đưa được vua Hàm Nghi 14 tuổi vào vị trí danh dự số một của cuộc chính biến năm 1885 thì còn khó hơn nhiều.

Phan Bội Châu có một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật khóc Thái Phiên sau khi ông hy sinh vì đại nghĩa với hai câu kết: *Chúng ta vẫn cùng giòng Hồng Lạc/Xin hỏi Nam Xương có mấy ai?* - Nam Xương là hiệu của Thái Phiên do chính Phan Bội Châu đặt. Còn nhớ khi mất Tiểu La Nguyễn Thành, Phan Bội Châu với tư cách là nhà lãnh đạo công khai của Duy tân hội không thể không lo lắng: *Than ôi! Núi Hải Vân còn đó, biển Đà Nẵng còn đó, ai là người Tiểu La tiên sinh thứ hai?* Câu hỏi cháy lòng ấy, may thay lịch sử đã có câu trả lời đúng đắn: người Tiểu La tiên sinh thứ hai ấy không ai xứng đáng hơn là Thái Phiên. Trong một ký sự đăng ba kỳ trên tuần báo Sông Hương ở Huế hồi tháng 9 năm 1936, Phan Khôi với tư cách người đương thời đã đặt vấn đề rằng Tiểu La Nguyễn Thành và Đỗ Đăng Tuyển lúc bấy giờ đều trên dưới năm mươi tuổi, bậc lão thành danh vọng, được người ta suy phục, sự ấy đã cố nhiên, chứ *Thái Phiên, một anh thông ngôn nhà buôn Tây, hơn nữa, một anh thầu khoán mới ngoài ba mươi tuổi, vậy mà dám gánh lấy một trách nhiệm lớn trong sáu bảy năm trời, bao nhiêu đồng chí trong ngoài đều khâm phục, con người ấy tưởng không ai có thể quên được trên lịch sử.* Thái Phiên từng may mắn thoát được tù giam án chém trong biến cố chính trị thứ nhất nhưng không thể may mắn như vậy trong biến cố chính trị thứ hai - bởi lần này ông là kiến trúc sư trưởng.

2. Nhìn từ phía thực dân Pháp

Thực dân Pháp ý thức rất rõ mầm mống nguy hiểm của Trung Kỳ dân biến đối với sự đô hộ của họ ở Việt Nam. *Báo cáo tổng hợp về Trung Kỳ dân biến ngày 22 tháng 7 năm 1908 của Toàn quyền lâm thời Đông Dương Louis Alphonse Bonhoure* gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp Millies-Lacroix khẳng định: “Thực ra họ (tức những người tham gia Trung Kỳ dân biến) không chỉ nhằm giẫm một vài thứ thuế mà nhằm - tôi xin nhắc lại đây mới là điều nghiêm trọng và đáng lo cho tương lai - tạo ra sự hỗn loạn về tổ chức cai trị trong toàn quốc và chuẩn bị sự thức tỉnh của một phong trào dân tộc” (Dẫn theo Vân Trình: “Trung Kỳ dân biến” qua cái nhìn của thực dân Pháp, Báo Quảng Nam điện tử ngày 4 tháng 1 năm 2008). *Louis Alphonse Bonhoure* còn đi sâu phân tích: “Giai đoạn đầu tiên ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Huế và tỉnh Thừa Thiên. Giai đoạn này mở đầu với đặc điểm là các cuộc biểu tình đều không vũ trang, với số lượng đông đảo nhưng không mang tính chất bạo lực... Nhưng khi nó lan đến các tỉnh phía Nam thì ngay từ đầu nó đã mang tính chất nổi loạn dữ dội. Tỉnh Bình Định là một trong những nơi đã thực sự rơi vào tình trạng vô chính phủ” (Dẫn theo Vân Trình, nguồn như trên).

Sự phân biệt Trung Kỳ dân biến theo hai giai đoạn như vậy chứng tỏ người đứng đầu thực dân Pháp ở Đông Dương không chỉ ngăn ngại ảnh hưởng/tác động của Ám xã/đấu tranh bạo động/Duy tân hội mà còn ngăn ngại ảnh hưởng/tác động của Minh xã/đấu tranh bất bạo động/Phong trào Duy tân. Thậm chí có vẻ như mật thám Pháp nhằm Phan Châu Trinh với Phan Bội Châu khi đề cập mối quan hệ giữa Phan Châu Trinh với Nhật Bản, thể hiện trong Báo cáo Tổng hợp số 1919 ngày 22 tháng 7 năm 1908 cũng của Toàn quyền lâm thời Đông Dương *Louis Alphonse Bonhoure* gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp Millies-Lacroix: “Một Đảng thứ hai được phát triển ở Trung Kỳ và Nam Trung Kỳ, cầm đầu là một nho sĩ đi Nhật về là Phan Châu Trinh mà ta có thể coi là kẻ xúi giục cuộc dân biến Trung Kỳ”, hoặc trong Công điện ngày mùng 1 tháng 4 năm 1908 của Khâm sứ Trung Kỳ *Fernand Lévecque* gửi Toàn quyền lâm thời Đông Dương *Louis Alphonse Bonhoure* Lévecque: “Sự rối loạn này do sự

chỉ đạo của những kẻ gọi là cải cách có liên hệ với Nhật (tôi nhấn mạnh - BVT)”. Cụ Phan xứ Quảng quả là có sang Nhật để tìm hiểu tình hình nhưng không đến mức “có liên hệ với Nhật” như cụ Phan xứ Nghệ.

Tuy nhiên người Pháp không nhầm khi xem Phan Châu Trinh chính là *kẻ xúi giục cuộc dân biến Trung Kỳ*. Thực tình thì Trung Kỳ dân biến nằm ngoài suy nghĩ của một Phan Châu Trinh luôn quan niệm *đối thủ của chúng ta là của một thế giới đã mở rộng ra mênh mông, đã toàn cầu hóa, và trong cuộc toàn cầu hóa ấy, ta chậm, thấp hơn họ một thời đại*⁴, và trên danh nghĩa đây là sản phẩm của Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ, nhưng ý thức đấu tranh đòi lợi quyền của những người tham gia kháng thuế cự sưu năm 1908 đích thị là sản phẩm của Phong trào Duy tân đất Quảng. Cho nên không phải ngẫu nhiên mà khi khủng bố trắng những người tham gia hoặc bị buộc tội tham gia Trung Kỳ dân biến, thực dân Pháp và Nam triều đã thẳng tay trừng trị cả các sĩ phu theo Âm xã lẫn các sĩ phu theo Minh xã, thậm chí ban đầu còn định tội các sĩ phu theo Minh xã nặng hơn các sĩ phu theo Minh xã: *Bây giờ chiếu theo luật “mưu làm giặc mà chưa làm” định tội: Huỳnh Thúc Kháng, Phan Diện (tức Phan Thúc Duyện - BVT) cũng bắt tội như Phan Châu Trinh: xử tử, đày ra Côn Lôn, còn Nguyễn Thành và Lê Bá Trinh thì đánh 100 gậy, đày đi 3.000 dặm*⁵.

Thật ra từ trước khi xảy ra Trung Kỳ dân biến, thực dân Pháp đã có sự thay đổi trong chính sách đối với Phong trào Duy tân. Trong một bài nghiên cứu có nhan đề *Những lúng túng của chính quyền thuộc địa* đăng trên Tạp chí Tia Sáng điện tử ngày 25 tháng 7 năm 2007, Gilles de Gantes viết: *“Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ và vụ đầu độc quân Pháp ở Hà Nội dường như đặt dấu chấm cho chính sách này* (chính sách cởi mở, hợp tác/association, chấp nhận thậm chí khuyến khích Phong trào Duy tân do Toàn quyền Jean Baptiste Paul

⁴ Nguyên Ngọc: *Phan Châu Trinh và lòng tin vào sức mạnh của tri thức văn hóa*, Tạp chí Văn hiến Việt Nam, tháng 3.2006.

⁵ Dẫn theo: Phan Châu Trinh: *Hồi ký Phong trào Dân biến ở Trung Kỳ đầu thế kỷ XX*, bản dịch của Lê Âm và Nguyễn Q. Thắng, NXB. Hồng Đức, 2015, tr. 45.

Beau đề ra - BVT). *Về mặt chính trị, phái Duy tân mà Toàn quyền Beau theo Đảng Cộng hòa muốn chọn làm chỗ dựa đã tỏ ra không đáng tin cậy so với phái truyền thống (những quan lại trung thành với triều đình Huế). Anthony Klobukowski người kế tục Paul Beau đã được chọn vì chủ trương dựa vào quan lại để cai trị Đông Dương.* Tuy nhiên, bước ngoặt bảo thủ đã được thực hiện từ trước khi Klobukowski được bổ nhiệm. Các báo cáo của Paul Beau thường bị phê bình ở Bộ thuộc địa, hoặc bởi chính Bộ trưởng Millies-Lacroix hoặc bởi Giám đốc phụ trách chính trị Robert Vasselie (tôi nhấn mạnh - BVT)". Cần nói thêm là khi nổ ra vụ Trung Kỳ dân biến, Jean Baptiste Paul Beau đã được triệu hồi về Pháp (*Louis Alphonse Bonhoure* tạm thay Jean Baptiste Paul Beau từ ngày 28 tháng 2 năm 1907 đến ngày 23 tháng 9 năm 1908; từ ngày 23 tháng 9 năm 1908 Anthony Wladislas Klobukowski được chính thức bổ nhiệm làm Toàn quyền thay Jean Baptiste Paul Beau - BVT) - điều này có nghĩa là Chính phủ Pháp đã xử lý tình huống trước hết bằng "công tác cán bộ".

Động thái thay đổi chính sách tiếp theo của thực dân Pháp trong khoảng thời gian từ Trung Kỳ dân biến năm 1908 đến Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân năm 1916 là tăng cường sức mạnh quân sự nhằm ngăn chặn những cuộc nổi dậy kiểu Trung Kỳ dân biến trong tương lai. Chính *Louis Alphonse Bonhoure* đã đề xuất giải pháp này trong Báo cáo ngày 22 tháng 7 năm 1908: "Ngay từ bây giờ Chính phủ phải tính đến một cuộc nổi dậy có thể xảy ra bất cứ lúc nào mà các sự việc vừa qua là những triệu chứng báo hiệu trước và... chúng ta cũng chỉ có thể ngăn chặn bằng cách thường xuyên sẵn có ở Đông Dương những lực lượng vũ trang đủ mạnh" (Dẫn theo Văn Trình, nguồn như trên).

Đương nhiên một giải pháp như vậy sẽ khó khả thi đối với Bộ Thuộc địa Pháp trong bối cảnh cuộc Đệ nhất Thế chiến sắp diễn ra vào đầu thập niên thứ hai của thế kỷ XX, nhưng trong những năm cuối thập niên thứ nhất thì đó không phải là ý tưởng viển vông. Đặc biệt trong bối cảnh mà chính quyền dân sự còn bất cập như *Louis Alphonse Bonhoure* thẳng thắn thừa nhận trong báo cáo vừa nêu:

“Nhân sự người Âu trong bộ máy cai trị quá kém, còn nhân sự người bản xứ thì vừa bất cập so với nhiệm vụ vừa không phải lúc nào cũng thật sự trung thành, các cơ quan chuyên môn toàn xứ đã tạo ra những rối rắm, gây nên tình trạng dân bản xứ xa dần bộ máy cai trị của Pháp và làm suy yếu khả năng hành động của chính quyền địa phương” (Dẫn theo Văn Trình, nguồn như trên), thì tăng cường sức mạnh quân sự theo đề xuất của *Louis Alphonse Bonhoure* là điều người Pháp không muốn cũng không được.

Thực dân Pháp còn thành lập lực lượng vệ binh bản xứ vào ngày 30 tháng 6 năm 1915 theo sắc lệnh của Tổng thống Pháp, gồm toàn bộ binh lính người bản xứ - bao gồm Đông Dương và Quảng Châu Loan, không thuộc lực lượng chính quy/quân đội thuộc địa của Pháp. Lực lượng này thuộc quyền chỉ huy tối cao của Nguyên súy tổng thống Đông Dương quân vụ đại thần/Général commandant en chef de l'Indochine, còn ở mỗi kỳ thì do Thống đốc Nam Kỳ, Thống sứ Bắc Kỳ và Khâm sứ Trung Kỳ chỉ huy, chuyên làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự an ninh, canh gác công sở, trại giam và các tuyến giao thông, áp tải tội phạm, áp tải hàng hóa của chính quyền, đàn áp các cuộc khởi nghĩa...

Và thực tế đã chứng tỏ dự báo tình hình và giải pháp đề khắc phục của *Louis Alphonse Bonhoure* vào năm 1908 là hoàn toàn chính xác, bởi sau khi Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Quang phục hội vào năm 1912 thì ở Bắc Kỳ liên tiếp diễn ra nhiều cuộc nổi dậy có vũ trang của các chi bộ Việt Nam Quang phục hội chống lại người Pháp, chẳng hạn kế hoạch đánh vào Hà Nội khoảng cuối tháng 8 năm 1914 của Chi bộ Việt Nam Quang phục hội Văn Nam do Đỗ Chân Thiết/Đậu Cơ Quang đứng đầu, hoặc kế hoạch đầu năm 1915 đánh vào Móng Cái do Nguyễn Mạnh Hiếu (con trai của Nguyễn Thiện Thuật - BVT) chỉ huy, đánh vào Lạng Sơn do Nguyễn Thượng Hiền lãnh đạo và đánh vào Hà Khẩu do Hoàng Trọng Mậu cầm quân...

Tuy nhiên do chủ động tăng cường lực lượng quân sự, thắt chặt an ninh nên thực dân Pháp đã sớm vô hiệu hóa các cuộc nổi dậy này: đợt vây bắt ở Hà Nội kéo dài từ đầu tháng 9 cho đến cuối tháng 10

năm 1914 đã đánh bại kế hoạch của Chi bộ Việt Nam Quang phục hội Vân Nam, Đỗ Chân Thiết và 58 người khác bị xử tử; còn kế hoạch đánh vào Móng Cái, Lạng Sơn, Hà Khẩu thì do bất đồng ý kiến giữa các người đứng đầu nên chỉ thực hiện được một mũi tấn công không thành công ở Tà Lùng. Và đương nhiên Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân, thực chất là Khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ, với tương quan lực lượng địch - ta quá chênh lệch, khó lòng tránh khỏi sự đàn áp đẫm máu của kẻ thù⁶.

Động thái thay đổi chính sách nữa của thực dân Pháp trong khoảng thời gian từ Trung Kỳ dân biến năm 1908 đến Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân năm 1916 - mà không thành công như họ mong đợi - là tìm cách thao túng nhiều hơn nữa đối với Nam triều nhằm tạo nên chỗ dựa vững chắc trong các quan chức triều đình Huế - những người mà *Louis Alphonse Bonhoure* gọi là *phái truyền thống*. Cho nên sau khi ép vua Thành Thái phải thoái vị và đưa vị hoàng đế thứ mười của nhà Nguyễn đi an trí ở Cap Saint Jacques/Vũng Tàu vào tháng 9 năm 1907, thực dân Pháp quyết tâm tìm một người đứng đầu Nam triều “dễ bảo” như kiểu vua Đồng Khánh trước đây. Phương án nhân sự ban đầu mà Toàn quyền lâm thời Đông Dương *Louis Alphonse Bonhoure* và *Khâm sứ Trung Kỳ Fernand Lévecque* lựa chọn là hoàng tử Bửu Đảo con trai vua Đồng Khánh, nhưng do phương án này không được sự đồng thuận cao của các quan đại thần triều đình Huế nên người Pháp đành chấp nhận phương án của Phụ chính đại thần, Lễ Bộ Thượng thư sung Cơ mật đại thần Lê Trinh đề xuất, đồng ý đưa hoàng tử Vĩnh San con vua Thành Thái lên ngôi, lấy niên hiệu là Duy Tân.

Do Vĩnh San là sự lựa chọn không nằm trong “quy hoạch cán bộ” của người Pháp nên không phải ngẫu nhiên mà *Louis Alphonse Bonhoure* cố tình thăm soi và báo cáo Bộ Thuộc địa Pháp về cái niên hiệu *Duy Tân*, cho rằng cần phải đề cao cảnh giác vì theo ông ta thì dường như có mối quan hệ nào đó giữa niên hiệu của vị vua trẻ tuổi với một từ đang hết sức “nhạy cảm” lúc bấy giờ là *duy tân/cải cách* -

⁶ Xem thêm Bùi Văn Tiểng: *Bàn thêm về nguyên nhân thất bại của Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân qua các tài liệu mới*, Báo Đà Nẵng Chủ nhật ngày 15.5.2016

gọi liên tưởng hoặc Phong trào Duy tân hoặc Duy tân hội là những tổ chức chính trị thường xuyên ám ảnh Louis Alphonse Bonhoure từ khi sang Đông Dương tạm thay Paul Beau trên cương vị Toàn quyền. Vai trò của vua Duy Tân trong Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân năm 1916 đã chứng tỏ một lần nữa viên toàn quyền thực dân Louis Alphonse Bonhoure lại đúng! Và cũng không phải ngẫu nhiên mà sau khi dìm cuộc khởi nghĩa này trong bể máu, thực dân Pháp có ý muốn kết thúc số phận lịch sử của chế độ quân chủ Việt Nam mà không thành công, họ đã nhanh chóng thực hiện ngay phương án nhân sự từng bị gián đoạn chín năm trời: đưa Bửu Đảo lên ngôi hoàng đế, và những gì mà vua Khải Định thể hiện trong thời gian trị vì ngôi báu càng chứng tỏ Louis Alphonse Bonhoure... luôn đúng!

Động thái nữa của thực dân Pháp trong khoảng thời gian từ Trung Kỳ dân biến năm 1908 đến Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân năm 1916 là đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông/kết cấu hạ tầng đô thị nhằm phục vụ đắc lực cho công cuộc khai thác thuộc địa - cũng là nhằm tăng cường khả năng đàn áp các cuộc nổi dậy của người Việt. Một yếu tố hạ tầng đô thị rất quan trọng là thông tin liên lạc. Có thể nói rằng đến thời điểm 1908, thông tin vô tuyến điện cùng với hệ thống thông tin liên lạc hữu tuyến của thực dân Pháp ở nước ta cũng như trên toàn cõi Đông Dương đã khá phát triển, phát triển đến mức ngày 18 tháng 12 năm 1913, Toàn quyền Đông Dương Albert Pierre Sarraut đã có thể cử Péri - Chánh Sở *Vô tuyến điện*/Service Radio về Pháp để nghiên cứu việc mở rộng cải tiến hệ thống vô tuyến điện ở Đông Dương và chuẩn bị cho việc thiết lập mối liên lạc trực tiếp với chính quốc. Ngay cả hàng ngàn công điện từ tòa công sứ ở các tỉnh gửi về Tòa Khâm sứ Trung Kỳ ở Huế để báo cáo công vụ cũng chứng tỏ công nghệ đánh dây thép/điện tín của Thực dân Pháp phát triển như thế nào. Chỉ tính riêng đất Quảng, ngày 26 tháng 9 năm 1913, thực dân Pháp bắt đầu lắp đặt mạng lưới điện thoại nội hạt ở Tourane/Đà Nẵng và Faifo/Hội An; còn về vô tuyến điện thì trước đó - vào cuối năm 1912, thực dân Pháp đã thiết lập xong cơ sở vô tuyến điện ở Tourane/Đà Nẵng cùng lúc với một cơ sở tương tự ở Quảng Châu Loan.

Thứ nữa là về giao thông vận tải. Chỉ tính riêng trên địa bàn đất Quảng và các tỉnh lân cận, ngày 10 tháng 12 năm 1908, thực dân Pháp bắt đầu khai thác tuyến đường xe lửa Đà Nẵng - Đông Hà dài 174,5km - tuyến đường được xây dựng theo nghị quyết của Hội đồng Tối cao Đông Dương tại khóa họp ở Hà Nội vào ngày 14 tháng 9 năm 1898⁷. Và đương nhiên con đường thiên lý Bắc Nam nối đất Quảng với các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa... và với Kinh đô Huế cùng các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An... cũng được người Pháp từng bước nâng cấp và tận dụng. Toàn quyền Đông Dương Joseph Athanase Paul Doumer trong hồi ký *Xứ Đông Dương* khẳng định đến năm 1902, với tuyến đường huyết mạch này, “*quá trình thi công được tiếp tục trong các năm 1899, 1900 và 1901, và khi tôi về nước (năm 1902 - BVT), việc thi công đã hoàn tất tại các tỉnh đông dân và giàu có nhất*”⁸.

Quan trọng hơn cả là tuyến đường thủy nội địa và quốc tế qua cảng Đà Nẵng được người Pháp triệt để khai thác. Các chính trị phạm người Quảng nói riêng, người miền Trung nói chung, bị kết án đày Côn Đảo trong vụ Trung Kỳ dân biến đều ra đảo thụ án theo đường biển từ cảng Đà Nẵng. Những người Việt ở khắp Trung Kỳ bị thực dân Pháp ráo riết bắt lính để đưa sang châu Âu “đóng thuế máu” cho chính quốc trong Thế chiến thứ nhất cũng xuất phát từ thủy lộ này - không phải ngẫu nhiên mà khi chuẩn bị lực lượng tham gia khởi nghĩa, Thái Phiên và nhất là Lê Đình Dương rất quan tâm đến việc vận động hàng ngàn lính mộ đã được tập luyện kỹ thuật chiến đấu tại Đà Nẵng từ tháng 7 năm 1915 và đang tập kết ở cửa Hàn chờ xuống tàu sang Pháp.

3. Một số nhận xét

1. Tổng quan tình hình sĩ phu đất Quảng trong giai đoạn từ Trung Kỳ dân biến năm 1908 đến Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân năm 1916, có thể thấy:

1.1. Lực lượng nòng cốt đầu đàn của phong trào yêu nước và cách mạng ở đất Quảng đã mỏng đi rất nhiều so với hồi đầu thế kỷ

⁷ Paul Doumer: *Xứ Đông Dương*, NXB. Thế Giới, 2016, tr. 548, 540.

⁸ Paul Doumer: *Sách đã dẫn*, trang 532.

XX. Điều đáng nói nhất là các sĩ phu đất Quảng tham gia hoạt động cách mạng ở quê nhà trong giai đoạn này hầu như đều thiên về phương thức đấu tranh bạo động/bất hợp pháp/ám sát. Lý giải hiện tượng vừa nêu, Phan Khôi trong bài ký đăng tuần báo Sông Hương dẫn trên cho rằng chính cuộc khủng bố trắng năm 1908 đã làm cho những sĩ phu đất Quảng trước đây theo phương thức đấu tranh bất hợp pháp/hợp pháp/Minh xã phải thay đổi quan điểm: *Hai phái ấy, giá bấy giờ cứ để cho họ tiến, có ngày đến họ giết nhau cũng nên. Nực cười có cuộc bắt bớ năm 1908, làm cho hai phái chẳng hề có tiếp hiệp với nhau mà bỗng dưng hợp một; và từ đó trở đi hầu hết những người từng ở bên mình đều phải khí mình đầu ám.*

Diễn hình cho trường hợp từng ở bên mình mà phải khí mình đầu ám như nhìn nhận của Phan Khôi chính là Xã Sáu Lê Cơ: khó có thể hình dung người thiết kế và thi công Làng duy tân Phú Lâm mười năm trước với tinh thần *Túng bất năng hành chi thiên hạ do khả nghiệm chi nhất hương/Không thể làm được trong toàn thiên hạ thì thử nghiệm trong một làng vậy*, mà lại trở thành người chỉ huy trận đánh vào Trần Bình đài/dồn Mang Cá trong Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân. Trong lời tựa cuốn sách *Chỉ sĩ Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX* của Ngô Văn Minh, Nguyễn Ngọc lý giải về bước ngoặt tư tưởng nói trên của Lê Cơ: *“Chúng ta biết thực nghiệm đẹp đẻ của Lê Cơ ở thung lũng Phú Lâm đã bị dở dang. Nghĩa là công cuộc tìm đường cứu nước thống thiết một lần nữa lại bế tắc. Khai dân trí và cải tạo xã hội vừa manh nha nhóm lên, thật đẹp, liền lập tức chuyển thành bạo lực. Cuộc bùng nổ 1908, nhìn lại, rõ ràng là tất yếu. Kẻ thù không chấp nhận hòa bình. Chính sự đàn áp tàn bạo của chúng đã đẩy một phong trào muốn tìm con đường hòa bình vào bạo lực không thể tránh. Và chúng cũng lập tức tận dụng cơ hội đó để đánh tan tất cả, cả chủ trương và hành động hòa bình lẫn bạo lực. Trong tình thế bi kịch này, ứng xử của Phan Châu Trinh và Lê Cơ có khác nhau. Phan Châu Trinh cố đi tiếp con đường hòa bình... cho đến tuyệt vọng. Lê Cơ khác. Ngay từ thí điểm Phú Lâm, ông đã để ngỏ một cửa ra bạo lực. Nên khi bùng nổ Trung Kỳ dân biến ông đã là một trong những người dẫn đầu, một lãnh tụ. Và như ngày nay chúng ta được biết, sau khi thoát tù từ 1911, ông đã trở thành một trong những nhân vật chính yếu, một vị tướng đảm*

nhệm một cánh quân quan trọng cuộc khởi nghĩa vũ trang bắt thành với danh nghĩa vua Duy Tân ở Huế năm 1916. Nói cho đúng, cũng là một cuộc khởi nghĩa tuyệt vọng, một bước quay lại muộn màng, và cũng dở dang thôi...”.

Ngoài Lê Cơ, còn có thể kể thêm Phan Thành Tài nguyên hiệu trưởng Nghĩa thực Diên Phong - một trong những nghĩa thực lớn của Quảng Nam giai đoạn từ năm 1904 đến năm 1908...

1.2. Trong một cuộc họp của Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ, Trần Cao Vân có tỏ ra ngần ngừ trước giờ khởi nghĩa, nhưng suy đến cùng thì sự tỉnh táo của Trần Cao Vân vẫn chỉ nằm trong phạm vi tính toán thời điểm sớm - muộn để ấn định ngày vũ trang khởi nghĩa, chứ chưa phải là sự cân nhắc tương quan lực lượng địch - ta để quyết định nên hay không nên khởi nghĩa vũ trang, chưa thấy đặt vấn đề khởi nghĩa vũ trang lúc ấy là rất không phù hợp. Thực ra vào cuối năm 1913, khi bị bắt giam ở nhà ngục Quảng Châu, Phan Bội Châu khởi sự viết *Ngục trung thư*, trong đó có đoạn ông nêu rõ cách nghĩ về tương quan lực lượng địch - ta của ông và các lãnh tụ Duy tân hội gần mười năm trước: *“Phải chi mình ở vào những thời Đinh, Lý, Lê, Trịnh thuở xưa, thì chỉ vung tay mà kêu lên một tiếng, tức thời sóng dậy sấm vang chỉ là việc thành trong giây lát mà thôi. Nhưng đời nay thì khác hẳn. Từ lúc đời có súng đạn phát minh ra, bao nhiêu khí giới gọi là gươm giáo đao thương đã hóa ra đồ bỏ. Cái thứ để chặt cây làm mác kia, đời xưa người ta vác đi đánh Tần đuổi Sở được, chứ đời nay có dùng nó làm nên trò vè gì! Phải biết vũ khí của người Pháp tinh nhuệ hơn của người mình muôn lần ngàn lần⁹”*. Có điều hồi đó Phan Bội Châu và các lãnh tụ Duy tân hội thấy rõ tương quan lực lượng địch - ta như vậy không phải để từ bỏ con đường khởi nghĩa vũ trang mà chủ yếu để đề ra chủ trương xuất dương cầu ngoại viện.

1.3. Một điểm nữa là trong giới sĩ phu đất Quảng giai đoạn này đã có sự giao thoa giữa cựu học và tân học - giao thoa trong từng người và giao thoa trong cả giới. Trong nhà tù Côn Đảo, Tiến sĩ khoa thi hội Giáp Thìn 1904 Huỳnh Thúc Kháng bắt đầu tự học chữ Pháp

⁹ Phan Bội Châu toàn tập, Tập 4, NXB. Thuận Hóa, 1990, tr. 285-286.

chỉ với cuốn tự điển Le Petit Larousse. Thái Phiên tuy không phải là nhà khoa bảng uyên thâm Hán học nhưng cũng ít nhiều thành thạo chữ Nho để có đủ khả năng đọc và trả lời thư của các đồng chí Duy tân hội gửi đến luận bàn về quốc sự, và dẫu không phải là người được đào tạo thật bài bản về Tây học song ông cũng ít nhiều thành thạo chữ Pháp để có đủ khả năng vào vai một thầy ký ngày ngày cặm cụi tính mướn, viết thuê. Cũng có những người xuất thân chủ yếu từ tân học. Phan Thành Tài học quốc ngữ và chữ Pháp tại Tourane, năm 1899 được bổ làm thông ngôn ở dinh Tổng đốc Bình Định - Phú Yên, rồi làm thông phán ở Viện Viễn Đông Bác cổ ở Sài Gòn¹⁰, khi tham gia Phong trào Duy tân đất Quảng, ông là giáo viên dạy quốc ngữ và Pháp ngữ ở Nghĩa thực Diên Phong. Lê Đình Dương tốt nghiệp á khoa khóa đầu tiên vào năm 1915 tại trường Cao đẳng Y khoa Đông Dương tại Hà Nội, được bổ nhiệm làm y sĩ điều trị chuyên ngành nhãn khoa tại bệnh viện Hội An và khi tham gia Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân, ông là giám đốc bệnh viện Hội An... Chính nhờ sự giao thoa giữa cựu học và tân học mà Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân được tổ chức một cách bài bản quy củ hơn hẳn so với các phong trào vận động cách mạng trước đó ở đất Quảng.

2. Tổng quan tình hình đối phương trong giai đoạn từ Trung Kỳ dân biến năm 1908 đến Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân năm 1916, có thể thấy:

2.1. Khâm sứ Trung Kỳ Jean François Eugène Charles được thực dân Pháp đánh giá là người có công lớn trong việc đàn áp Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân, bằng chứng là so với các viên khâm sứ Trung Kỳ tiền nhiệm (thường giữ chức khâm sứ nhiều nhất hai năm, có người chỉ một năm: Fernand Lévecque từ 1906 đến 1908, Élie Jean - Henri Groleau từ 1908 đến 1910, Henri Victor Sestier từ 1910 đến 1912, George Marie Joseph Mahé từ 1912 đến 1913), Jean François Eugène Charles được yên vị ở Tòa Khâm trên đất Huế đến bảy năm, từ 1913 đến 1920, nghĩa là kéo dài suốt thời gian diễn ra Đại chiến Thế giới lần thứ nhất, thậm chí ngay khi dẹp tan Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân, ông ta còn được giao chức Toàn

¹⁰ Viện Viễn Đông Bác cổ thành lập năm 1900, trụ sở đầu tiên ở Sài Gòn, năm 1902 mới dời trụ sở ra Hà Nội.

quyền Đông Dương lâm thời (từ ngày 23 tháng 5 năm 1916 đến ngày 22 tháng 1 năm 1917) trước khi bàn giao cho Albert Pierre Sarraut lần thứ hai chính thức được bổ nhiệm chức vụ Toàn quyền. Trên cương vị mới, Toàn quyền lâm thời Jean Francois Eugène Charles tiếp tục lập công với Bộ Thuộc địa và Chính phủ Pháp khi chỉ đạo giải quyết những vấn đề liên quan đến Trung Kỳ sau cuộc khởi nghĩa bất thành tháng 5 năm 1916, chẳng hạn như cho bắt Mai Dị, hạ lệnh xử tử Phan Thành Tài và các bản án tử hình những người khởi nghĩa vẫn nổi tiếp cho đến tháng 6 năm 1916...

2.2. Qua việc này có thể thấy sau Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân, phong trào yêu nước và cách mạng đất Quảng lại tiếp tục gặp khó khăn, tiếp tục bị tổn thất. Đối với Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân, với ưu thế về thông tin liên lạc, Jean François Eugène Charles hoàn toàn không bắt ngờ về mưu đồ và hành tung của các sĩ phu đất Quảng, kể cả với người có vỏ bọc hợp pháp tốt như Thái Phiên (Jean François Eugène Charles khi còn làm Công sứ Quảng Nam từng hạ lệnh bắt Thái Phiên lúc ấy đang hoạt động ở Đà Nẵng và tổng giam tại nhà lao Hội An). Jean François Eugène Charles chỉ bắt ngờ về sự tham gia của vua Duy Tân cũng như về việc cuộc khởi nghĩa khởi phát trước tiên tại Kinh thành Huế. Đóng bản doanh ngay Kinh đô Huế, các Khâm sứ Trung Kỳ như đang bắc chiếc ghế bành ngồi trước Ngọ Môn để dõi theo nhất cử nhất động của vua nhà Nguyễn, nhưng cũng có lúc họ không tránh khỏi sơ hở/bị động.

2.3. Mặc dầu đã sớm cảnh giác với vua Duy Tân nhưng các Khâm sứ Trung Kỳ, kể cả Jean François Eugène Charles, vẫn chủ quan cho rằng vua Duy Tân còn quá trẻ/quá non để có thể thoát khỏi quỹ đạo quyền lực của họ, từ đó không thể kiểm soát được cuộc tiếp xúc của các sĩ phu đất Quảng mà trực tiếp là Thái Phiên và Trần Cao Vân với vua Duy Tân, dẫn đến nhà vua đã đồng ý làm thủ lĩnh tinh thần cao nhất và là biểu tượng của cuộc khởi nghĩa - đó là bất ngờ thứ nhất. Bất ngờ thứ hai là các Khâm sứ Trung Kỳ không nghĩ các sĩ phu đất Quảng lại dám đặt trung tâm nổi dậy ở ngay Kinh đô - là nơi mà chắc chắn là được phòng thủ cẩn mật hơn nhiều so với bên kia Hải Vân quan. Chính vì vậy, sau khi chìm Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân trong biển máu, người Pháp vẫn đề cao công tác cán bộ, tiếp

tục sử dụng năng lực bao quát tình hình, sự lão luyện và cả sự va vấp trong việc thu thập thông tin tình báo và xử lý tình huống an ninh chính trị của Jean François Eugène Charles, để đảm bảo vua Khải Định không thể tạo nên... một bất ngờ mới.

3. Tổng quan phong trào yêu nước và cách mạng ở đất Quảng từ Trung Kỳ dân biến năm 1908 đến Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân năm 1916 từ hai góc độ: nhìn về phía các sĩ phu và nhìn về phía thực dân Pháp, có thể đưa ra một số nhận xét bước đầu như sau:

3.1. Cục diện chính trị đất Quảng trong khoảng gần mười năm từ năm 1908 đến năm 1916 vừa chịu tác động/ảnh hưởng của biến cố chính trị khu vực là Cách mạng Tân Hợi năm 1911 ở Trung Quốc, vừa chịu tác động/ảnh hưởng của biến cố chính trị toàn cầu là Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất từ năm 1914 đến năm 1919, nhất là đối với Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân.

Là một bộ phận của Việt Nam Quang phục hội mới được thành lập ở Quảng Châu vào năm 1912, Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ không thể không chịu ảnh hưởng bởi cương lĩnh của Trung ương Hội về mô hình chính thể: “*Khu trục Pháp tặc, khôi phục Việt Nam, kiến lập Việt Nam cộng hoà dân quốc*”. Chính vì vậy, khi luận bàn quốc sự, các sĩ phu đất Quảng tham gia Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ không thể không trao đổi kỹ về việc Việt Nam có thể đoạn tuyệt với chế độ quân chủ để đi theo con đường dân quốc sau khi khởi nghĩa thành công hay không. Chắc là những người từng hoạt động trong Phong trào Duy tân/Minh xã, từng chịu ảnh hưởng của Phan Châu Trinh - người quyết tâm chống chế độ quân chủ đến cùng - để ủng hộ mô hình cộng hòa dân quốc như Phan Bội Châu hình dung từ năm 1912, nhưng có thể Thái Phiên chưa muốn đẩy mọi việc đi quá xa khi mà cuộc khởi nghĩa đang giương cao ngọn cờ hiệu triệu của vua Duy Tân, cho nên cuối cùng họ đã chọn phương án quân chủ lập hiến. Trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước ta và của lực lượng khởi nghĩa vào năm 1916, theo tôi thì sự lựa chọn này là phù hợp.

Về ảnh hưởng của Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất từ năm 1914 đến năm 1919, có thể thấy cuộc chiến tranh này đã mở ra cho những người chủ trương Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân một

cái nhìn lạc quan về cân bằng lực lượng địch - ta. Trước hết họ nghĩ rằng thực dân Pháp ở Đông Dương sẽ phải “chia lửa” với chính quốc về nhân lực và tài lực và như vậy cần phải tranh thủ thời cơ này. Những người chủ trương Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân còn theo dõi tình hình chiến sự ở Pháp để đánh giá tương quan lực lượng địch - ta, để thấy khởi sự trong năm 1914 như đề xuất của Lê Ngung là không khả thi, để thấy khả thi hơn nếu khởi sự trong năm 1915 - khi Pháp liên tục bại trận trước các cuộc tiến công của Đức và khả năng thất thủ Paris đang đến rất gần... Thử nữa họ nghĩ đến khả năng lôi kéo những người Việt Trung Kỳ bị thực dân Pháp bắt lính và tập kết ở Đà Nẵng vốn đang có tâm lý không muốn bị ném vào lò lửa chiến tranh, không muốn thay màu da các xác chết ở chiến trường châu Âu, vận động số lính mộ này phản chiến và tự nguyện gia nhập nghĩa quân. Cuối cùng họ nghĩ Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất đang mở ra cho người Việt chống Pháp một chỗ dựa mới - theo lý thuyết “thù của thù là bạn”: vai trò của nước Đức trong Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân, với tư cách là một nguồn ngoại viện. Chính vì vậy mà trong kế hoạch nổi dậy ở Kinh thành Huế mới có thể có phương án liên quan đến một sĩ quan người Đức đang chỉ huy đồn Mang Cá, rồi trong kế hoạch nổi dậy ở Đà Nẵng mới có thể có phương án liên quan đến một tàu Đức sẽ tiếp viện vũ khí tại cửa Hàn.

3.2. Cả hai cuộc nổi dậy Trung Kỳ dân biến năm 1908 và Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân năm 1916 đều do người Quảng đi đầu khởi xướng. Điều này là một thực tế khách quan và được người đương thời cũng như học giả của các địa phương khác thừa nhận. Về cuộc nổi dậy thứ nhất, Nguyễn Hàng Chi - người đứng đầu phong trào kháng thuế cự sưu ở Hà Tĩnh đã dành những lời “có cánh” để ca ngợi dân Quảng Nam trong cuộc nổi dậy này: “*Đáng yêu thay dân Quảng Nam/ Đáng kính thay dân Quảng Nam/ Đáng học thay dân Quảng Nam/ Lòng họ chuyên nhất như thép/ Chí họ kiên quyết nhẫn nại đến thép/ Hành động họ sáng tỏ là thép...*”. Về cuộc nổi dậy thứ hai, Nguyễn Đắc Xuân, trong tham luận *Tám mươi năm khởi nghĩa Duy Tân - những âm vang còn lại* đọc tại một hội thảo ở Đà Nẵng vào năm 1996, cho rằng: “*Nghiên cứu cuộc Duy Tân khởi nghĩa ta thấy người Quảng Nam khởi xướng (Trần Cao Vân, Thái Phiên, Phan Thành Tài...), người Quảng Nam vận động vua Duy Tân (Thái Phiên và Trần Cao Vân), người Quảng Nam tổ chức, và người Quảng Nam*

(Thái Phiên, Trần Cao Vân) lãnh đạo dưới ngọn cờ của vua Duy Tân. Cuối cùng người Quảng Nam đã phải trả cái giá bi thảm nhất khi cuộc cách mạng bị kẻ thù dìm trong biển máu (tất cả cơ sở đã tham gia cuộc Duy Tân khởi nghĩa ở Quảng Nam đều bị sa lưới mật thám Pháp). Cho nên ta có thể nói cuộc Duy Tân khởi nghĩa là cuộc khởi nghĩa của Quảng Nam. Phải chăng vì thế mà lâu nay giới nghiên cứu luôn lấy ngày 17 tháng 5 năm 1916, ngày các chí sĩ lãnh đạo cuộc khởi nghĩa người Quảng Nam (Trần Cao Vân, Thái Phiên) lên đoạn đầu đài làm ngày kỷ niệm cuộc Duy Tân khởi nghĩa chăng?”. Xin nói thêm là khi cuộc khởi nghĩa đứng trước nguy cơ thất bại, theo kế hoạch tru liệu từ đầu, Thái Phiên, Trần Cao Vân đã đưa vua Duy Tân theo đường núi vào Bà Nà để tính kế lâu dài - mà không kịp.

3.3. Việc thực dân Pháp thẳng tay đàn áp dã man cả hai cuộc nổi dậy do người Quảng đi đầu khởi xướng đã khiến cục diện chính trị đất Quảng từ sau năm 1916 kéo dài đến thập niên thứ ba của thế kỷ XX, là hết sức đen tối. Có thể nói từ thời điểm này, đất Quảng đã không còn giữ được vai trò trung tâm của phong trào yêu nước và cách mạng của cả nước như hồi đầu thế kỷ. Điều đó cũng lý giải vì sao khi trở về nước vào năm 1925, Phan Châu Trinh không chọn đất Quảng mà chọn Sài Gòn làm địa bàn tiếp tục vận động đồng bào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ. Thật ra thì thực dân Pháp cũng đang rất cảnh giác với sĩ phu đất Quảng, nhất là đối với các cự tù chính trị. Bằng chứng là vào ngày mùng 10 tháng 9 năm 1926, Huỳnh Thúc Kháng và nhóm nhân sĩ trí thức yêu nước trong Hưng Nam hội như Trần Mộng Bạch, Đào Duy Anh, Lê Văn Huân, Trần Đình Nam... gửi đơn xin phép nhà cầm quyền Pháp cho thành lập Việt Nam tân bộ dân hội có trụ sở đặt tại Đà Nẵng nhưng Toàn quyền Đông Dương Alexandre Varenne đã thẳng thừng bác bỏ đề nghị này. Rồi bất chấp nỗ lực của Huỳnh Thúc Kháng nhằm thuyết phục nhà cầm quyền Pháp cho phép đặt trụ sở Báo *Tiếng Dân* tại Tourane, Khâm sứ Trung Kỳ D'Elloy kiên quyết không chịu nhượng bộ và cuối cùng tòa soạn *Tiếng Dân* vẫn phải đặt tại Huế...

BVT

THỪA THIÊN-HUẾ VÀ QUẢNG NAM- ĐÀ NẴNG TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA TRUNG KỲ

*PGS.TS. ĐỖ BANG**

Thừa Thiên - Huế và Quảng Nam - Đà Nẵng vốn là đất của Châu Hóa thời Trần ra đời cách đây 700 năm trước; là đất của phủ Triệu Phong dưới thời Lê - Mạc (thế kỷ XV-XVI). Dưới thời các chúa Nguyễn, Tây Sơn và triều Nguyễn, Thừa Thiên - Huế là đất của thủ phủ, kinh đô thì Quảng Nam - Đà Nẵng là đất của cửa ngõ giao thương, hội nhập và nguồn lực canh tân đất nước. Mối quan hệ này càng thể hiện sự thiết thân trong cuộc vận động khởi nghĩa Trung Kỳ tháng 5 năm 1916.

Hội nghị đầu tiên tại Đà Nẵng - tháng 3 năm 1914

Tháng 3 năm 1914, Thái Phiên, Lê Ngung cùng một số nhà yêu nước Trung Kỳ của Việt Nam Quang phục hội đã tổ chức hội nghị đầu tiên tại Đà Nẵng. Trần Cao Vân lúc đó từ nhà tù Côn Đảo được trở về bị quản thúc ở quê cũng tìm cách liên lạc với tổ chức và tham gia hội nghị.

Hội nghị đã nhất trí vận động cuộc khởi nghĩa mà lực lượng vũ trang nòng cốt là số binh lính người Việt bị Pháp sắp bắt sang châu Âu để đánh với quân Đức trong Chiến tranh Thế giới thứ Nhất mà Pháp đang ở thế thua. Trong hội nghị này, Trần Cao Vân đề nghị liên lạc với vua Duy Tân để tập hợp lực lượng Hoàng gia, lực lượng binh lính ở kinh đô, Thái Phiên và Trần Cao Vân trở thành hai nhân vật trọng yếu lãnh đạo cuộc khởi nghĩa.

Sau hội nghị lần thứ nhất ở Đà Nẵng, những người chủ chốt phân công vận động trên toàn các tỉnh Trung Kỳ. Trần Cao Vân giao

* PCT Hội KHL.S. Việt Nam, Chủ tịch Hội KHL.S tỉnh Thừa Thiên-Huế.

nhệm vụ cho Lương Thái Hoà vận động các tỉnh Trung Kỳ và Thừa Phong vào Nam Kỳ vận động tài chính để mua vũ khí¹.

Hội nghị Huế lần thứ nhất - tháng 9 năm 1915

Hội nghị Huế lần này quyết định mời vua Duy Tân tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa và định ngày khởi nghĩa. Nhưng do sự chuẩn bị chưa chu đáo nhất là lực lượng khởi nghĩa nên quyết định hoãn cuộc khởi nghĩa và tiếp tục vận động binh lính người Việt khắp các tỉnh Trung Kỳ tham gia.

Hội nghị ở Huế lần thứ hai - tháng 2 năm 1916

Hội nghị ở Huế lần thứ hai diễn ra trong tình hình cả Trung Kỳ đang dấy lên cuộc vận động khởi nghĩa được nhân dân nô nức hưởng ứng và nhất là số phận hàng ngàn binh lính đã tập trung ở kinh đô và các tỉnh chờ ngày lên tàu sang châu Âu làm bia đỡ đạn cho Pháp. Cuộc họp có mặt Thái Phiên, Trần Cao Vân và nhiều nhân vật chủ chốt của các tỉnh Trung Kỳ từ Quảng Bình trở vào Nam². Hội nghị đã thống nhất về thời gian khởi nghĩa vào giữa tháng 5 năm 1916; định ra quốc hiệu, quốc kỳ³, quân kỳ, quốc đô, thể chế. Chỉ huy khởi nghĩa là Trần Cao Vân, Thái Phiên, Phan Thành Tài, Đỗ Tự, Lê Ngung... Trần Cao Vân và Thái Phiên được giao nhiệm vụ tổ chức khởi nghĩa ở kinh đô Huế và vận động vua Duy Tân tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa.

Vai trò của vua Duy Tân và kinh đô Huế trong cuộc khởi nghĩa Trung Kỳ tháng 5 năm 1916

Triều đình Huế đứng đầu là vua Duy Tân, bên cạnh có Khâm sứ Trung Kỳ. Chiếm được kinh đô Huế là chiếm được trung tâm chính trị của Trung Kỳ và có tác động đến phong trào cả nước. Trần Cao Vân đã nhìn nhận đúng vai trò của Huế và vua Duy Tân nên đã kiên trì vận động nhà vua và bản thân những người lãnh đạo cao nhất Hội đều trực tiếp chỉ huy cuộc khởi nghĩa ở kinh đô Huế.

¹ Tô Đình Cơ, Thân thế và sự nghiệp Trần Cao Vân, Sở Văn hóa Thông tin Bình Định, 1995, tr44. Lương Thái Hòa quê làng Kim Bồng, nay là xã Cẩm Kim, thị xã Hội An, Thừa Phong quê huyện Hòa Vang.

² Hội nghị được tổ chức tại nhà ông Đoàn Bổng một nhân viên thư lại của Bộ Hộ, ở đường Đông Ba, nay là đường Mai Thúc Loan, Huế.

³ Quốc kỳ là lá cờ có nền đỏ, 5 sao trắng; lấy ý nghĩa “ngũ tinh tụ tĩnh” trong Kinh Dịch.

Sau những lần ra nghỉ mát ở cửa Tùng, qua Bát Mang (tức Trương Thị Dương)⁴ - phái viên của Việt Nam Quang phục hội, Khoá Bảo (tức Nguyễn Hữu Đồng⁵) - một lãnh tụ của Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Trị đã có cơ hội tiếp xúc với vua Duy Tân.

Biết được khát vọng giành độc lập của vua Duy Tân và nhà vua đã có thiện cảm với những người yêu nước trong tổ chức Việt Nam Quang phục hội nên những người lãnh đạo Hội có kế hoạch chu đáo để được tiếp cận với nhà vua.

Hội đã bỏ một số tiền lớn để thương lượng với người lái xe hơi của vua, yêu cầu người này thôi việc và giới thiệu Phạm Hữu Khánh, tốt nghiệp trường Bách công Huế⁶; một đảng viên ưu tú của Việt Nam Quang phục hội vào thay. Trần Cao Vân đã viết bức tâm thư khá dài và xúc động cho vua Duy Tân và trao cho Phạm Hữu Khánh dâng lên nhà vua khi có cơ hội⁷.

Sau khi đọc thư, vua Duy Tân giao cho hai thị vệ thân tín là Tôn Thất Đề và Nguyễn Quang Siêu tổ chức ngay cuộc gặp gỡ với người đại diện Việt Nam Quang phục hội. Biết được sự bức thiết này của nhà vua, ngày 17 tháng 2 năm 1916, phái viên Trương Thị Dương đã vào tận Điện Bàn (Quảng Nam) mời Trần Cao Vân ra kinh đô để hội kiến.

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, nhưng cơ hội cuối cùng rồi cũng đến. Ngày 14 tháng 4 năm 1916, ở Huế tổ chức cuộc duyệt binh số lính mộ sắp đưa sang chiến trường châu Âu tại Trường Thi⁸. Sau khi xem duyệt binh, vua Duy Tân theo sự sắp xếp của Nguyễn Quang Siêu và Phạm Hữu Khánh đã đi bộ theo sông Ngự Hà rồi bí mật đến Mậu Hồ, nơi đó Trần Cao Vân và Thái Phiên nhờ đôi vợ chồng người

⁴ Quê ở làng Tân Điền, nay thuộc xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng tỉnh Quảng Trị, phái viên của Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ, người nhận nhiệm vụ trực tiếp từ Thái Phiên và Trần Cao Vân trong cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916. Sau cuộc khởi nghĩa thất bại, năm 1925, bà đã bí mật đưa hai cốt lõi chí sĩ Thái Phiên và Trần Cao Vân từ Cống chém An Hòa đến gần chùa Châu Lâm - Thọ Đức để an táng. Bà qua đời ngày 14 tháng 7 năm 1956.

⁵ Quê ở làng Tân Mỹ, nay thuộc xã Cam Thành, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Ông là lãnh đạo các phong trào yêu nước ở Quảng Trị vào đầu thế kỷ XX.

⁶ Nay là Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế.

⁷ Hoàng Hiền, Vua Duy Tân, NXB. Thuận Hóa, 1996, tr 56.

⁸ Ở Bắc sông Ngự Hà, phường Tây Lộc, gần cửa Chánh Tây.

lái dò cũng bí mật đưa thuyền đến Hậu Hồ và giả làm người câu cá để đợi nhà vua⁹.

Trong cuộc gặp này, vua Duy Tân tiết lộ thông tin là ngày 10 tháng 5 năm 1916, 2.500 lính mộ người Việt sẽ xuống tàu sang Pháp nên khẩn trương thực hiện cuộc khởi nghĩa để tranh thủ lực lượng này. Sau khi thảo luận, các lãnh tụ quyết định ngày khởi nghĩa là đêm ngày 3 rạng sáng ngày 4 tháng 5 năm 1916 khắp các tỉnh Trung Kỳ mà Huế là pháo lệnh đầu tiên.

Sau cuộc họp kín này, vua Duy Tân nhận nhiệm vụ vận động những người trong hoàng tộc và số binh lính thị vệ ở kinh thành tham gia, nhà vua bí mật ban hành các chiếu chỉ và đóng ấn “Văn lý - Mật sát” để gửi cho quốc dân vận động khởi nghĩa. Từ đó, các thân sĩ còn lại thời Càn vương, Văn thân, Đông du, Duy tân và đông đảo các tầng lớp nhân dân đã hăng hái tham gia.

Chuẩn bị cho lực lượng khởi nghĩa ở Huế, ngoài đội lính mộ sắp bị đưa sang chiến trường châu Âu, có lính khố vàng của nhà vua, lính khố xanh ở kinh thành, còn có lính Bảo hộ ở đồn Mang Cá do viên thiếu tá người Đức chỉ huy sẽ yểm trợ lúc cuộc khởi nghĩa nổ ra.

Các đội binh quân này phối hợp tấn công vào đồn Mang Cá, Toà Khâm sứ... cùng sự hưởng ứng, nổi dậy của đông đảo nhân dân sẽ nhanh chóng làm chủ kinh thành Huế.

Trần Cao Vân và Thái Phiên lãnh đạo cuộc khởi nghĩa và trực tiếp chỉ huy cuộc tấn công chiếm kinh đô và sẽ tôn vua Duy Tân lên ngôi khi giành được chiến thắng.

- Vai trò của Trần Cao Vân và Thái Phiên trong cuộc khởi nghĩa Trung Kỳ tháng 5 năm 1916.

Trần Cao Vân (1866-1916) và Thái Phiên (1882-1916) đều quê ở Quảng Nam - Đà Nẵng, là lãnh tụ tối cao, linh hồn của cuộc khởi nghĩa Trung Kỳ tháng 5 năm 1916.

⁹ Có ý kiến cho rằng nơi gặp vua Duy Tân là hồ Tịnh Tâm, Ngự Hà, Phu Văn Lâu... Nhưng theo kết quả nghiên cứu của Phan Thuận An thì đó là Hậu Hồ, còn gọi là hồ Hòa Bình vì hồ nằm gần cửa này (Thương xác về địa điểm gặp mặt giữa vua Duy Tân, Trần Cao Vân và Thái Phiên trong sách “Cổ đô Huế Xưa & Nay”, Hội KHLN. Thừa Thiên - Huế và NXB. Thuận Hóa, 2005, tr 611-617.

Trần Cao Vân là sĩ phu yêu nước tham gia trong phong trào Văn thân cuối thế kỷ XIX ở Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên bị tù Côn Đảo. Ra tù (1914) tham gia Việt Nam Quang phục Hội và trở thành nhân vật quan trọng nhất trong cuộc vận động vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa. Từ thực tiễn cuộc vận động đấu tranh và lòng nhiệt thành yêu nước, ông trở thành vị *Chánh quân sư* cho cuộc khởi nghĩa năm 1916.

Thái Phiên là người theo Tây học, làm Ký lục thương chánh cho người Pháp ở Tam Kỳ, rồi làm Thông phán cho ngành Bưu Điện ở Đà Nẵng. Dựa vào ngạch công chức này, Thái Phiên tham gia Duy Tân hội và phong trào Đông du (1905) do Phan Bội Châu chủ xướng và tham gia phong trào chống thuế (1908). Ông bị bắt giam tại Hội An, sau khi bị người Pháp phát hiện ra tên của Thái Phiên trong một thư chuyển tiền cho cụ Phan Bội Châu đang hoạt động ở nước ngoài. Ra tù, năm 1914, Thái Phiên liên kết với các chí sĩ yêu nước ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định như Lê Ngung, Trần Cao Vân, Đỗ Tự, Lê Cơ, Lê Đình Dương, Phan Thành Tài... để thành lập tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ.

Trong cuộc khởi nghĩa năm 1916, Thái Phiên là người chủ trì hội nghị đầu tiên tại Đà Nẵng vào tháng 3 năm 1914 và trở thành nhân vật quan trọng nhất của cuộc vận động khởi nghĩa. Cùng với Trần Cao Vân, ông là người hoạch định kế hoạch và phương thức đấu tranh chống Pháp. Nhưng qua quá trình tiếp xúc, vận động vua Duy Tân, vai trò Trần Cao Vân được thể hiện xuất sắc hơn, nên Thái Phiên chỉ nhận làm *Phó quân sư* cho cuộc khởi nghĩa¹⁰.

Cuộc vận động khởi nghĩa Trung Kỳ tháng 5 năm 1916, tuy không đi đến kết quả cuối cùng như mong đợi do nóng vội và sơ hở về tổ chức; nhưng vùng đất Thừa Thiên - Huế và Quảng Nam - Đà Nẵng một thời đã thể hiện cho khát vọng yêu nước của cả dân tộc, đã cống hiến cho đất nước những nhà lãnh đạo tài ba, những chiến sĩ kiên cường, bất khuất đấu tranh cho lý tưởng độc lập, tự do./.

ĐB

¹⁰ Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam Đất nước & Nhân vật*, NXB. Văn hóa, 1996, tr 572.

NHÌN LẠI VỤ MƯU KHỞI NGHĨA NĂM 1916

PGS.TS. NGÔ VĂN MINH*

Đêm ngày 3 rạng ngày 4 tháng 5 năm 1916 xảy ra một vụ mưu khởi nghĩa tại Huế và nhiều tỉnh Trung Kỳ. Nó có tiếng vang lớn không những ở trong nước mà ra cả nước ngoài. Vụ mưu khởi nghĩa này có một số đặc điểm sau đây:

1. Đây là một nước cờ hiểm của nhân dân Trung Kỳ phản kháng lại ách đô hộ của thực dân Pháp bằng hình thức vũ trang

Gọi là vụ mưu khởi nghĩa năm 1916, hay nhìn cả quá trình từ khi bắt đầu nhen nhóm, vận động, xây dựng và phát triển tổ chức, đặt kế hoạch hoạt động trong nước và liên lạc với tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở nước ngoài, mời vua Duy Tân tham gia, bí mật liên lạc với người Đức, vận động binh lính người Việt làm nội ứng, và gắn với tên tuổi hai người lãnh đạo chính: Thái Phiên (về sau có Trần Cao Vân) thì có thể gọi tên một cách đầy đủ là *cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân*. Đây là một cuộc quật khởi mới, thể hiện tinh thần và khả năng cách mạng của nhân dân các tỉnh Trung Kỳ tiếp sau các phong trào Duy tân, chống thuế. Tuy sau vụ chống thuế của nhân dân Trung Kỳ, chính quyền thuộc địa có điều chỉnh đôi chút về chính sách cai trị, chủ yếu về chế độ làm xâu cho nhân dân Việt Nam và quy định chính quyền hàng tỉnh phải có kế hoạch cụ thể về bảo đảm những yêu cầu vệ sinh, sức khỏe, an toàn lao động cho người đi xâu. Nhưng mặt khác, chúng lại tăng cường lực lượng để đề phòng mọi hành động phản kháng tiếp theo của nhân dân ta. Quyền Toàn quyền Đông Dương Bonhoure trong văn thư gửi Bộ Thuộc địa Pháp nói rõ chủ ý của y: *“Lực lượng của chúng ta phải được họ [nhân dân Việt Nam] thấy là rất mạnh và phải thấy quyết tâm của chúng ta tiếp tục làm chủ ở đất này”*, không được để cho dân chúng “mơ tưởng” là những sự điều chỉnh trong chính sách cai trị “sẽ

* Học viện Chính trị khu vực III Đà Nẵng.

đẩy nhanh giờ ra đi của chúng ta”. Do đó, bầu không khí chính trị ở Việt Nam đang rất ngột ngạt bởi sự khủng bố của kẻ thù, đến mức như trong thư gửi Bộ trưởng Bộ thuộc địa Pháp, Phan Thúc Duyện - một sĩ phu yêu nước Quảng Nam đã tố cáo rằng, từ sau năm 1908, chính quyền thuộc địa “gây ra một cái án đại ngục trên lịch sử nước Nam thưở nay chưa từng xảy ra một phong trào chống thuế”. Cả thủ lĩnh lẫn những người tán trợ hai phong trào chống sưu thuế và Duy Tân hội đều bị giặc bắt giam tại các nhà lao tỉnh hoặc nặng hơn thì bị đày tại Côn Đảo, đến mức “*Áo lam ngồi đầy lao, xiềng gông đi khắp xứ*”. Phong trào hầu như không thể gắng gượng lại được. Thực dân Pháp cũng tưởng rằng với thủ đoạn vừa đâm vừa xoa như thế có thể ngăn ngừa được sự nổi dậy của nhân dân ta. Thế mà một số rất ít những nhà yêu nước không bị giặc bắt trong những đợt khủng bố trên vẫn ngấm ngầm gây dựng tại tổ chức. Chỉ trong vòng hơn 6; 7 năm phong trào đã phát triển trên diện rộng ở hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi rồi lan ra Huế, Quảng Trị, vào Bình Định, và đã có được một kế hoạch có phân bài bản, lại chọn ngay chính kinh đô Huế làm nơi phát khởi, làm cho chính quyền thực dân rất bất ngờ. Thế cho nên, Huỳnh Thúc Kháng nhận xét rằng: “Trong bụng con cò chết mà có nước cò đánh cái đập như thế cũng là nước cò hiểm”¹. Còn thực dân Pháp thì trong khoá họp thường kỳ năm 1916 của Hội đồng chính phủ Đông Dương cũng nhận định rằng: “Phong trào hồi tháng 5.1916 vừa qua, cũng giống như các cuộc phiên loạn hồi năm 1908, là sự nghiệp của đảng phái cách mạng đang có hoạt động chống lại người Pháp. Bọn chúng đã mưu toan nhân cơ hội nước Pháp đang bận bịu về cuộc chiến tranh ở châu Âu mà gây rối loạn ở Đông Dương nhằm đánh đuổi người Pháp ra khỏi đất nước An Nam, giành lại nền độc lập cho xứ sở”².

Xét trong bối cảnh khu vực, cuộc vận động khởi nghĩa này diễn ra trong bối cảnh “châu Á thức tỉnh”. Cũng như Việt Nam, sự xâm nhập của thực dân phương Tây đã làm cho các nước châu Á khác (trừ Nhật Bản) lần lượt trở thành thuộc địa hoặc nửa thuộc địa. Nhất là khi bước sang đầu thế kỷ XX cuộc tranh giành đất đai thuộc địa giữa các

¹ Huỳnh Thúc Kháng, *Thi tù tùng thoại*, NXB. Nam Cường, 1951, tr 191.

² Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*, NXB. Giáo dục, 1999, tr 366.

nước để quốc ngày càng kiệt liệt. Chế độ thống trị thực dân đã đưa đến những hậu quả nặng nề về chính trị, kinh tế và xã hội đối với các nước này. Chính vì vậy, trong nửa đầu thế kỷ XIX có sự thức tỉnh mạnh mẽ tinh thần dân tộc của nhân dân các nước bị xâm lược và đã dẫn đến phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc tiếp diễn ở nhiều nước châu Á. Trong bối cảnh chung đó, vụ mưu khởi nghĩa năm 1916 đã góp mặt vào thời kỳ châu Á thức tỉnh nên mặc dầu không thành công vẫn được Lê-nin đánh giá cao: “ở An Nam thuộc Pháp nhân dân đã vùng lên chống chủ nghĩa đế quốc Pháp... báo hiệu một thời kỳ mới của cách mạng Á Đông”³.

2. Cuộc vận động khởi nghĩa này là một sự tiếp tục phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đã được hình thành từ những năm đầu thế kỷ XX

Do chịu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản nên trong những năm đầu thế kỷ XX ở Việt Nam hình thành hai xu hướng cứu nước: xu hướng cứu nước bằng cách bạo động chống Pháp của Phan Bội Châu và xu hướng duy tân tự cường rồi mới “dần mưu tính đến việc khác” của Phan Châu Trinh. Hai xu hướng cứu nước hình thành nên hai phái: phái duy tân và phái bạo động và dẫn đến hai phong trào: Phong trào Duy tân và phong trào Đông du. Nhưng rồi cả hai đều bị thực dân Pháp đánh phá, đàn áp, cả ở trong nước lẫn ở nước ngoài (với trường hợp Phan Bội Châu và các du học sinh tại Nhật). Dẫu vậy, trong số những người chủ chốt của cuộc vận động khởi nghĩa do Thái Phiên lãnh đạo như Phan Thành Tài, Trương Bá Huy, Đỗ Tự, Lê Cơ (Quảng Nam), Lê Ngung, Nguyễn Suy, Phạm Cao Châm (Quảng Ngãi), và cả bản thân Thái Phiên đều là những người đã từng tham gia các phong trào trên, tức là những người đã chịu ảnh hưởng tư tưởng dân chủ tư sản. Trong đó, Thái Phiên vốn là một yếu nhân của Duy tân hội, có mặt trong tổ chức này ngay từ ngày đầu thành lập. Từ 1909 trở đi, nhất là sau khi Đỗ Đăng Tuyển - cũng một yếu nhân của Duy tân hội đã bị giặc bắt, Thái Phiên hầu như một mình phải lo gầy dựng lại tổ chức ở Quảng Nam và bắt liên lạc với Lê Ngung để gầy dựng tổ chức ở Quảng Ngãi. Điều này được Phan Bội Châu ghi nhận:

³ Lê-nin, *Phong trào giải phóng dân tộc của các dân tộc phương Đông*, NXB. Sự thật H, 1963. Dẫn theo Trần Ngọc Chương.

“Năm Dậu, năm Tuất (1909-1910) Đảng ta ở trong nước đã cơ hồ không còn ai, chỉ còn một mình Nam Xương tiên sinh; nhưng đến lúc việc Duy Tân [khởi nghĩa năm 1916], tiên sinh lại là người trọng yếu ở trong Đảng”. Trong quá trình vận động, Thái Phiên, Lê Ngung đều có cử phái viên ra nước ngoài tìm gặp Tổng bộ Việt Nam Quang phục hội do Phan Bội Châu thành lập đầu năm 1912 để xin sự chỉ đạo chung. Tổng bộ cũng từng cử phái viên mang theo tôn chỉ và mục đích về trong nước bắt liên lạc và vận động quần chúng. Dù sự liên lạc của hai bên diễn ra đứt quãng, nhất là khi lãnh tụ Phan Bội Châu bị bắt, Việt Nam Quang phục hội gặp khó khăn, khiến tổ chức của Thái Phiên phải chuyển sang dựa vào sức mình là chính, không trông cậy nhiều vào bên ngoài, tuy vậy, trong những mức độ nhất định, tổ chức phục quốc của Thái Phiên vẫn còn chịu ảnh hưởng nhất định về mặt tư tưởng của Phan Bội Châu và Việt Nam Quang phục hội. Có một điều là, nếu trước đó các sĩ phu còn băn khoăn trước đôi đường nên Duy tân hay bạo động thì từ sự đàn áp thẳng tay của thực dân Pháp đối với những hoạt động Duy tân khiến cho họ không còn con đường lựa chọn nào khác là phải chuyển sang hướng bạo động, xem đây như là quân bài cuối cùng.

Tuy các sĩ phu chủ chốt của cuộc vận động là những người chịu ảnh hưởng tư tưởng dân chủ tư sản, nhưng quan điểm cụ thể vẫn còn có chỗ khác nhau, có người muốn chính thể sau khi khởi nghĩa thành công phải chuyển hẳn sang dân chủ, nhưng cũng có người tuy không còn nặng quân chủ như trước nhưng vẫn muốn phò một ông vua để dễ hiệu triệu sĩ phu và nhân dân như trước đó Phan Bội Châu và Tiểu La Nguyễn Thành đã chủ trương bằng việc mời Kỳ Ngoại hầu Cường Để làm Hội chủ Duy tân hội.

Khi bàn bạc về mặt chính thể, theo lời ông Nguyễn Công Phương là một người trong hàng ngũ chỉ huy tại Quảng Ngãi cho biết, đây là vấn đề chưa thật thống nhất ý kiến: “*Chỗ làm dân chủ hay quân chủ bàn hung lắm, bên thì bảo dân chủ, bên thì bảo quân chủ mới tiện*” nhưng cuối cùng cũng đã “*thống nhất với nhau là làm quân chủ lập hiến*”⁴.

⁴ Hồi ức ông Nguyễn Công Phương, do Hải Phương ghi lại trong các năm 1966-1968. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

Theo tài liệu “Việt Nam kháng Pháp sử mà là dật sử Hoàng Thị Tòng”⁵ ghi lại lời kể của những người đương thời cũng cho biết, theo dự định sau khi khởi nghĩa thành công sẽ chủ trương chính thể quân chủ lập hiến theo kiểu nước Nhật. Thành phần tân chánh phủ sở do vua Duy Tân làm tối cao lãnh đạo. Cố vấn chánh phủ: Trần Cao Vân. Thủ tướng: Nguyễn Thụy. Thống lĩnh Quân đội toàn quốc: Phan Thành Tài. Các bộ trưởng gồm: Bộ trưởng Tài chánh: Phan Phú Tiên; Bộ trưởng Ngoại giao: Lê Đình Dương; Bộ trưởng bộ Công kiêm Lễ nghi: Đỗ Tự; Bộ trưởng Bộ Hộ kiêm Giáo dục: Thái Phiên; Bộ trưởng Kinh tế kiêm Xã hội: Hồ Khắc Khoan; Bộ trưởng Y tế chủng đậu: Đặng Khánh Giai; Bộ trưởng bộ Cải tạo xã thôn: Lê Ngung. Tuy nhiên, trong tài liệu của mình, ông Trần Ngọc Chương⁶ ghi chép từ lời kể của những người đương thời lại cho biết, khi khởi nghĩa tại tổng Phước Lợi có treo bức trướng hình chữ nhật vải tây điều viết mực đen dòng chữ nho: “An Nam Cộng hòa dân quốc vạn tuế”. Vậy, có chăng đến phút khởi sự vẫn chưa có sự quán triệt nhất quán về vấn đề chính thể trong nội bộ những người khởi nghĩa. Còn chỉ xét về mặt quân chủ lập hiến thôi thì rõ ràng đây là một bước lùi so với tư tưởng dân chủ của những nhà lãnh đạo phong trào Duy tân và đã được họ thể nghiệm trong những năm 1904-1908, cũng như với Phan Bội Châu và Nguyễn Thành, vì sau khi sang Trung Quốc và Nhật Bản. Phan Bội Châu đã bắt đầu chuyển hướng tư tưởng sang dân chủ, tôn chỉ của Việt Nam Quang phục Hội cũng là “đánh đuổi giặc Pháp xây dựng nước Cộng hoà dân quốc Việt Nam”, còn Nguyễn Thành khi bị ngoli tù tại Côn Đảo nghe tin về cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) của Tôn Trung Sơn cũng đã nhận thấy rằng chủ trương trước đó của mình không còn thích hợp nữa, và đã kịp khuyên anh em đồng chí: “trông cái gương cách mạng Trung Hoa”⁷.

3. Tham gia vào cuộc vận động khởi nghĩa có mặt nhiều thành phần

Đông đảo nhất vẫn là nông dân, nhưng lại có mặt cả công nhân,

⁵ Tài liệu đánh máy của ông Hoàng Đình Long.

⁶ Nguyên Trưởng phòng nghiên cứu Viện bảo tàng cách mạng Việt Nam, Ông mất năm 2001.

⁷ Phan Bội Châu Toàn tập, T4, NXB. Thuận Hóa, Huế, 1990, tr 282.

đây là một dấu hiệu mới. Trong thời gian gần đến ngày khởi nghĩa, nhiều công nhân làm việc ở mỏ vàng Bồng Miêu, mỏ than Nông Sơn và các đồn điền được vận động bỏ về quê và lên các khu căn cứ rèn vũ khí. Phụ nữ cũng đóng một vai trò tích cực trong việc may quân trang cho dân binh và phục quốc quân. Lực lượng khởi nghĩa ở Quảng Nam còn vận động được một số đồng bào dân tộc thiểu số hưởng ứng trong việc xây dựng căn cứ địa tại các vùng rừng núi. Một lực lượng được các nhà lãnh đạo quan tâm, đặt nhiều hy vọng là binh lính người Việt trong quân đội Pháp và Nam triều. Chủ trương lôi kéo số lính tập và số tân binh Pháp mới sung quân chuẩn bị đưa sang tham chiến bên chiến trường châu Âu quay sang hưởng ứng khởi nghĩa được triển khai hầu như ở các địa phương và các cấp tại Huế. Các nhà lãnh đạo giao cho Lê Đình Dương tiếp cận đại tá người Đức Harmandes đang chỉ huy lính lê dương tại trấn Bình Đài (đồn Mang Cá) và các viên đội trưởng người Việt dưới quyền Harmandes (Đoàn Văn Còn, Nguyễn Đình Trứ, Hà Lại, Đào Duy Phong) nhận làm hậu thuẫn khi nổ ra khởi nghĩa; cả đội trưởng phụ trách bảo vệ Hoàng thành Tôn Thất Đề và đội trưởng hầu cận vua Duy Tân đều là những nhân vật quan trọng của lực lượng khởi nghĩa. Đến trước ngày khởi nghĩa, tại Quảng Nam đã vận động được khoảng 80% lính tập. Ở Quảng Ngãi, đã đưa vào tổ chức được 1/3 trong tổng số 450 lính, 1/3 khác có cảm tình với lực lượng khởi nghĩa, một số chỉ huy cũng đã được vận động. Đại tá người Đức Harmandes khi được thăng hàm đại tá tổng chỉ huy quân đội toàn miền Trung một mặt lên kế hoạch lấy cớ đi phát lương để ngầm cổ động tân cựu binh người Việt hưởng ứng khởi nghĩa, mặt khác đề nghị vua Duy Tân hạ chiếu chỉ tuyên mộ 2000 tân binh trên danh nghĩa giúp nước Pháp đánh Đức để công khai việc huấn luyện và chuyển thành lực lượng khởi nghĩa khi khởi sự. Đặc biệt, các nhà yêu nước vận động được cả vua Duy Tân với chủ trương “Phụng Kim thượng vi an dân cơ sở”. Do đó, đây là cuộc vận động khởi nghĩa của các sĩ phu nhưng có sự tham gia của vua Duy Tân vào giai đoạn cuối. Vấn đề căn cứ địa cũng rất đáng quan tâm. Ở Quảng Ngãi đã cử người đảm trách công tác xây dựng căn cứ địa tại vùng núi Ba Tơ, Minh Long, Măng Đen, An Lão, mở đường từ Nghĩa Hành lên Ba Tơ, từ Minh Long qua Lào. Ở Quảng Nam lấy vùng núi Phú Túc, Bà Nà (Hòa Vang) và Nước Hai (Trà My) xây dựng khu căn cứ.

4. Những cuộc khởi nghĩa trong lịch sử thường trước hết hội tụ những người vì việc nghĩa tại một vùng hẻo lánh (chủ yếu là vùng núi), sau khi tổ chức luyện tập và đến lúc thấy đủ sức thì tiến đánh mở rộng phạm vi, từ vùng núi kéo xuống đồng bằng. Nhưng với cuộc vận động khởi nghĩa này lại tập trung ngay tại các huyện đồng bằng và vận động vào các đồn lính, cũng như cơ quan đầu não Nam triều

Về biên chế lực lượng ở hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi; theo tư liệu của ông Trần Ngọc Chương thì thành phần hội viên có 3 hạng:

- Hội viên chính thức là những người tuyệt đối trung thành với Hội, là những người ít nhiều có tham gia vào Duy tân hội và phong trào chống sưu thuế trong năm 1908.

- Hội viên dự bị là những người tán thành tôn chỉ, mục đích của Hội, ủng hộ Hội về tài chính và vận động tuyên truyền cho Hội.

- Hội viên tán trợ là những người có quan hệ họ hàng, thân thuộc với hội viên chính thức, giúp đỡ Hội một số công việc chủ yếu như: làm liên lạc đưa tin tức, vận chuyển binh lương vũ khí và làm dân binh khi khởi nghĩa.

Tùy theo mức độ phấn đấu của các hội viên, ban chỉ huy sẽ quyết định chuyển từ hội viên tán trợ lên hội viên dự bị và từ hội viên dự bị lên hội viên chính thức.

Lực lượng vũ trang được tổ chức từ xã đến tổng. Mỗi tổng thành lập một đội lấy tên là “Phục quốc quân”, mỗi xã thôn thành lập một cơ hoặc đội, các đội viên này gọi là “dân binh”. Cả hai thứ quân này đều do ban chỉ huy cấp tổng phụ trách, dưới sự chỉ huy chung của ban chỉ huy cấp tỉnh. Vũ khí của phục quốc quân là kiếm trường và giáo, mác. Trang phục của phục quốc quân là quần trắng, áo rằn, có dính trước ngực một mảnh vải tròn màu đỏ, viết mực đen 4 chữ Nho: An Nam phục quốc, một dây thắt lưng vải tây điều và một nón gõ đan bằng tre. Dân binh chỉ được phát một áo mã bò rằn(?). Hiện chưa có số liệu chung về lực lượng vũ trang toàn tỉnh Quảng Nam và tại thành phố “nhượng địa” Tourane. Song, theo số liệu riêng tổng Phước Lợi phủ Tam Kỳ đến trước ngày khởi nghĩa đã có 240 phục quốc quân và trên 2000 dân binh.

Ở Quảng Ngãi, cũng theo lời kể của ông Nguyễn Công Phương thì lực lượng vũ trang được tổ chức theo từng vùng. Cứ 10-20 người bầu ra một người chỉ huy gọi là cai, mỗi huyện có một người chỉ huy chung gọi là quản. Quân phục cũng bằng vải đen. Toàn tỉnh Quảng Ngãi có chừng 600 đội viên vũ trang. Trong đó, các huyện Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ, Tư Nghĩa số đội viên lên tới 350 người.

5. Vụ mưu khởi nghĩa gắn liền với thời cơ khách quan do Chiến tranh Thế giới thứ nhất đưa đến nhưng về yếu tố chủ quan lại chưa đảm bảo cho khởi nghĩa thắng lợi

Đây là một nét rất đáng lưu ý, bởi những người lãnh đạo rất quan tâm theo dõi tình hình bên Pháp, nhân lúc nước Pháp đang phải đối phó với quân Đức trong Chiến tranh Thế giới thứ nhất để mưu sự ở Việt Nam.

Khi tham chiến trong cuộc Chiến tranh Thế giới thứ nhất, ở Đông Dương, chính quyền thực dân thực hiện chính sách thời chiến, ra sức vơ vét nhân lực, tài lực, vật lực của nhân dân Việt Nam như bắt lính, phát hành công trái và “phiếu quốc phòng” với lời hô hào “Rồng Nam phun bạc đánh đồ Đức tặc” để phục vụ cho nước Pháp nên càng gây thêm nỗi căm phẫn trong nhân dân ta.

Nôn nóng nhất là Lê Ngung. Cho rằng Chiến tranh thế giới nổ ra mà Pháp là một nước tham chiến là một thời cơ khách quan thuận lợi cho nhân dân ta tự giải phóng nên ông đã ba lần viết thư gửi Thái Phiên thúc giục khởi nghĩa. Lần thứ nhất vào tháng 8.1914 khi Pháp và Đức đang bắt đầu đánh nhau ông đã viết thư yêu cầu Thái Phiên, cho rằng: “Đức, Pháp khởi hân chi nhật, tức Việt Nam độc lập chi thời” (ngày Đức, Pháp đánh nhau cũng chính là thời cơ độc lập của nước Việt Nam). Nhưng đề nghị của Lê Ngung bấy giờ không được Thái Phiên và các nhà lãnh đạo khác đồng ý, vì cho rằng quân Pháp chưa thật suy yếu, lực lượng khởi nghĩa cũng chưa mạnh. Lần thứ hai vào tháng 1.1915, Lê Ngung lại viết thư đề nghị tiến hành khởi nghĩa vì quân Pháp đang liên tiếp thất trận, ở bên ngoài Phan Bội Châu đã mật liên lạc và nhận được sự giúp đỡ ban đầu của lãnh sự Đức, nếu nổ ra khởi nghĩa quân Đức sẽ giúp đỡ vũ khí qua đường biển và lực lượng Việt Nam Quang phục hội từ Trung Quốc sẽ vượt biên giới đánh vào các tỉnh phía bắc để hỗ trợ. Tuy nhiên, lần này Thái Phiên và các

yếu nhân khác cũng chưa đồng ý vì lực lượng tại các tỉnh vẫn chưa phát triển đều. Phải đến lần thứ 3 vào tháng 7.1915 khi biết được tin quân Đức đang tiến thẳng đến Paris khiến cho Chính phủ Pháp phải rút một bộ phận quân viễn chinh tại Đông Dương về bảo vệ nước Pháp, Lê Ngung lại gửi thư cho Thái Phiên và gửi ra nước ngoài cho Phan Bội Châu khẩn thiết thúc giục: “Thời hồ, thời hồ, thời bất tái lai! Kim trì bất phán cô đãi hà thời?” (Thời cơ! Thời cơ! Thời cơ không trở lại. Ngày nay không phần đầu còn đợi đến lúc nào?). Thái Phiên và các yếu nhân khác ghi nhận ý kiến lần này của Lê Ngung và đã tổ chức hội nghị toàn thể đại biểu các tỉnh vào tháng 9.1915 để bàn việc xúc tiến khởi nghĩa⁸. Nhưng cho đến lúc này phong trào vẫn phát triển chưa đều, chỉ mới mạnh ở Quảng Nam (mạnh nhất là các tổng Vĩnh Quý, Tiên Giang, Phước Lợi, Đông Việt, Phú Quý của phủ Tam Kỳ, các tổng thuộc huyện Hoà Vang) và Quảng Ngãi. Đến tháng 2.1916 Ban lãnh đạo của Quảng Ngãi mới cử Trần Kỳ Truyện vào vận động tại các tỉnh Bình Định, Phú Yên; cử Phạm Quán lên vận động tại Kon Tum. So với Bình Định, Phú Yên, phong trào ở Bình Thuận có khá hơn. Nhưng đến lúc khởi sự các tỉnh Bình Định, Kon Tum, Bình Thuận đều chỉ xin hưởng ứng, không thể khởi nghĩa bởi chưa đủ lực lượng. Ở Thừa Thiên cho đến trước ngày khởi nghĩa phong trào vẫn chưa lên kịp so với yêu cầu. Ban Chỉ huy ở Quảng Nam phải cấp tốc cử người đi giúp Thừa Thiên và cho đến đêm khởi sự vẫn có một cánh quân từ Quảng Nam kéo ra ém sẵn để trợ lực cho phục quốc quân và dân binh Huế tấn công Trấn Bình Đài và các cơ sở trọng yếu⁹. Ở Quảng Bình số người tham gia cuộc vận động còn rất ít. Như vậy, có thể nhận thấy rằng, dù có yếu tố Chiến tranh Thế giới thứ nhất nhưng thời cơ cho cuộc khởi nghĩa vẫn chưa chín muồi, bởi Pháp chưa phải là nước bại trận, tinh thần quân Pháp ở Việt Nam không suy sụp. Mặt khác, sự chuẩn bị lực lượng khởi nghĩa cũng chưa được chu đáo. Đây là những lý do chính dẫn đến vụ mưu khởi nghĩa bất thành.

⁸ Dẫn theo Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vận: Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền Nam Trung bộ năm 1916. Nghiên cứu lịch sử, số 22, tháng 1.1981 và hồi ức của ông Nguyễn Công Phương.

⁹ Theo lời ông Lâm Quang Pháp và ông Phan Văn Dật ở Huế (nay cả hai ông đều đã qua đời) kể với tác giả bài viết này hồi năm 1986, 1987.

6. Chỉ mới mưu, mà chưa thực hiện

Kế hoạch khởi nghĩa bị thay đổi nhiều lần. Lúc đầu các nhà lãnh đạo dự định sẽ nổ ra vào đêm 29 tháng chạp năm Bính Thìn (22.01.1917). Dự tính thời điểm như vậy vì cho rằng đây là lúc chuẩn bị đón Tết, thực dân Pháp có thấy tình hình lộn xộn cũng không nghi ngờ. Nhưng đầu tháng 3.1916 do biết được ý định khởi nghĩa đã bị lộ nên các nhà lãnh đạo buộc phải tiến hành khởi nghĩa ngay trong tháng 5.1916¹⁰. Thời điểm cụ thể được ấn định vào giờ tý ngày mùng 3 tháng 4 năm Bính Thìn (khuya ngày 3 rạng ngày 04.5.1916). Theo kế hoạch, tại kinh thành Huế, Tôn Thất Đề và Nguyễn Quang Siêu sẽ đốc suất lính thân binh thị vệ trấn giữ hoàng thành, Nguyễn Đình Trứ, Hà Lại, Phạm Thành Chương chỉ huy công phá trấn Bình Đài. Tại đây sẽ có đại tá Harmandes làm nội ứng. Lê Cảnh Hàn, Đặng Khánh Khải, Trần Đại Trinh điều động lính tập chiếm Tòa Khâm sứ Trung Kỳ với sự trợ lực của một đội cảm tử quân đưa từ hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi ra. Tổng chỉ huy việc phát lệnh khởi nghĩa là Thái Phiên.

Khi nghe tiếng pháo lệnh tại cửa Nhà Đồ, lửa ở đèo Hải Vân sẽ được đốt lên báo hiệu cho lực lượng khởi nghĩa ở Đà Nẵng. Đà Nẵng sẽ chuyển tín hiệu cho Quảng Nam. Cứ như thế ở phía nam sẽ chuyển hiệu lệnh vào tận Bình Thuận, ở phía Bắc sẽ chuyển ra tới Quảng Bình. Kế hoạch đề ra như vậy tưởng sẽ hoàn toàn chủ động. Thế nhưng điều không may là trong ngày hôm trước cuộc khởi nghĩa, đại tá Harmandes ra lệnh thiết quân luật toàn miền Trung khiến cho Toà Khâm sinh nghi liền cho một viên đại úy người Pháp đem quân đến ám sát Harmandes. Tiếp đến trong đêm khởi sự, khi Tôn Thất Đề,

¹⁰ Cơ mưu bị lộ do Trần Thị Nương biết được qua nhân tình là Harmandes. Nương nói lại với chú ruột là Trần Quang Trứ làm việc tại Tòa Khâm. Vậy là Trứ biết được một kế hoạch khởi nghĩa có vua Duy Tân tham gia nhưng không biết sẽ nổ ra vào ngày nào, Trứ bèn báo cho anh là Trần Tiểu Hối đang làm Tuần vũ ở Quảng Ngãi. Sau đó, anh em Trứ đi báo với Toà Khâm, trên đường gặp Tôn Thất Đề (nguyên trước là thầy dạy của Trứ). Vì không biết Tôn Thất Đề nằm trong thành phần khởi nghĩa nên anh em Trứ nói cho Tôn Thất Đề biết. Tôn Thất Đề bèn báo ngay với vua Duy Tân và Lê Đình Dương. Do đó mà vua Duy Tân và các nhà lãnh đạo buộc phải rút thời gian khởi nghĩa ngược lại vào đầu tháng 4. Xem cụ thể hơn trong bài của tác giả “Góp thêm đôi điều về vụ mưu khởi nghĩa ở Huế” đăng trên tạp chí Đất Quảng, số 68/1991.

Nguyễn Quang Siêu, Phạm Hữu Khánh đưa vua Duy Tân ra khỏi hoàng thành lại gặp phải Trần Quang Trứ. Trứ liền phi báo cho Toà Khâm biết nên những người tháp tùng phải đưa vua Duy Tân ngược lên hướng núi Ngũ Phong (nay thuộc thôn Ngũ Tây, xã Thụy An, thành phố Huế) để lánh. Vụ mưu khởi nghĩa đã không thực hiện được - pháo lệnh đã không nổ ra do đó mật hiệu khởi nghĩa không thể truyền được đến các địa phương. Ở các tỉnh, lực lượng phục quốc quân và dân binh đã ế m sẵn buộc phải tự động rút hết. Chỉ riêng ở phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, dân binh dù không có hiệu lệnh vẫn bao vây tòa đại lý Pháp phá kho thu được một số đạn và hai khẩu súng trường rồi kéo vào phủ đường, nhưng cũng như đồn đại lý, tri phủ đã bỏ trốn. Liên ngay trong đêm phục quốc quân và dân binh rút lui. Hai hôm sau (6.5.1916) vua Duy Tân, Thái Phiên, Trần Cao Vân, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu, Phạm Hữu Khánh đều bị bắt. Vua Duy Tân bị bắt giam tại trấn Bình Đài. Ngày 15.5.1916, Duy Tân bị phế ngôi và sau đó bị đày đi đảo Réunion ở Đông Phi thuộc Pháp. Theo lệnh Khâm sứ Pháp tại Huế, Phủ Phụ chính và Phủ Tôn nhân chọn đưa Phụng Hoá công Nguyễn Phúc Bửu Đảo lên ngôi lấy niên hiệu Khải Định. Trong tờ Thông cáo gửi Thống sứ Bắc Kỳ hai phủ này đã dùng những lời lẽ kết tội vị vua của mình mà làm “trái lễ thường, trái đạo với tổ tiên khi trước và quên ơn nhà nước bảo hộ. Ngài tự mình mà bỏ ngôi thì thật là không đáng làm chúa trong nước nữa, nay phế ngài cũng là phải”¹¹(!). Với Thái Phiên, Trần Cao Vân, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu, Phạm Hữu Khánh thì bị xử trảm tại bãi chém làng Đốc Sơ (ngoại thành Huế), ở các tỉnh hàng trăm người bị bắt đày Lao Bảo, nhiều người bị xử tử.

Nhìn nhận lại kế hoạch khởi nghĩa như trên có thể thấy ngay điểm yếu lớn nhất là các nhà lãnh đạo chỉ chọn một điểm phát lệnh cho toàn kỳ nên khi pháo lệnh ở Huế không nổ được thì lập tức lực lượng khởi nghĩa ở các địa phương đành phải thúc thủ và chính điều đó đã làm cho vụ mưu khởi nghĩa lập tức bị thất bại./.

NVM

¹¹ Tài liệu do tác giả sao tại Trung tâm lưu trữ quốc gia.

VỊ TRÍ LỊCH SỬ CỦA KHỞI NGHĨA TAM KỲ (1916)

GS.TS. TRƯƠNG SỸ HÙNG*
NGUYỄN THỊ HUỆ**

Cuộc chiến tranh Thế giới lần thứ nhất (1914-1918) bước vào thời kỳ quyết liệt. Trận đánh nổi tiếng nhất ở mặt trận phía Tây nước Pháp đang diễn ra dai dẳng đã kéo dài gần hết năm 1916 không phân thắng bại, khiến chính quyền Cộng hòa Pháp toan lo bối rối. Đức tấn công thành cổ Verdun để mở đường vào Paris. Quân Pháp cố thủ đến cùng. Hai bên cự nhau vô cùng ác liệt, nhưng chiến tuyến chỉ dịch chuyển chưa vượt khỏi 10 km. Quân Đức đánh chiếm được thủ đô Paris. Mặt khác, từ cuối thế kỷ XIX, các nước phương Tây đã cùng nhau “vươn vòi bạch tuộc” đến các nước phương Đông, đẩy một bộ phận nông dân lao động tách khỏi đồng ruộng, đến với những công xưởng, nhà máy đang hình thành. Tầng lớp tri thức tư sản mới ở Đông Nam Á đã lập ra các hình thức đấu tranh đòi bình đẳng lợi quyền, đòi tự do dân chủ. Phong trào tân thư, tân văn, cải cách xã hội... nổi nhau xuất hiện ở châu Á.

Hòa ước Quý Mùi (1883) còn gọi là Hòa ước Harmand được triều Nguyễn và chính phủ Pháp ký kết; với nội dung chính là xác lập quyền bảo hộ lâu dài của Pháp trên toàn bộ Việt Nam, chính thức công khai bằng pháp lý trước công luận: toàn bộ lãnh thổ Việt Nam trở thành thuộc địa của thực dân Pháp; thời kỳ kéo dài từ 1883 đến cách mạng tháng Tám năm 1945. Nằm trong hoàn cảnh ấy, trải qua 37 năm - từ khi bị Pháp xâm lược 1858 - quân dân Việt Nam đã và đang kháng Pháp lại có nguyên cơ bùng lên mạnh mẽ hơn tinh thần yêu nước, khát khao độc lập tự do.

Đánh đuổi thực dân, chống chế độ bảo hộ của Pháp, nhân dân

* Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

** Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

Việt Nam đã nhất tề nổi dậy khắp ba miền Bắc, Trung, Nam. Ở miền Trung, sau khi các phong trào *Nghĩa hội Quảng Nam* (1885-1887) và *Kháng thuế* (1908) bị thực dân Pháp đàn áp man rợ tạm thời lắng xuống thì tổ chức *Duy tân hội* lại ra đời, tập hợp lực lượng yêu nước chống Pháp kế tục sự nghiệp đánh giặc cứu nước. Tiền thân của *Duy tân hội* là *Cứu Quốc hội*. *Cứu Quốc hội* được thành lập năm 1904, tại *Nam Thịnh sơn trang* ở huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam của Ấm Hàm - tên gọi dân dã của Tiểu La Nguyễn Thành. Trong cuộc họp ra mắt tại sơn trang, Nguyễn Thành đã đưa ra một kế hoạch hành động, được tất cả các thành viên tham dự đồng tình. Chí sĩ Phan Bội Châu là một đại biểu sáng giá có mặt tại cuộc họp. Năm 1905, Phan Bội Châu gặp Tôn Trung Sơn ở Nhật Bản, các vị có đàm luận với nhau, rồi đổi tên *Cứu Quốc hội* thành *Duy tân hội*. Tháng 2 năm 1912, có mặt đầy đủ các đại biểu nhân sĩ cách mạng Việt Nam của Bắc Kỳ, Nam Kỳ, Trung Kỳ tại từ đường nhà Lưu Vĩnh Phúc ở Sa Hà, tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc), diễn ra lễ thành lập *Việt Nam Quang phục hội*, bãi bỏ *Duy tân hội*. *Việt Nam Quang phục hội* nêu rõ tôn chỉ, mục đích duy nhất của hội là: “Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa dân quốc Việt Nam”. Hội trưởng là Cường Để, Phan Bội Châu là Tổng lý.

Tổ chức chính phủ lâm thời gồm: Bộ Tổng vụ, Bộ Binh nghị và bộ Chấp hành. Bộ tổng vụ do Cường Để kiêm nhiệm bộ trưởng, Phan Bội Châu kiêm phó bộ trưởng. Bộ binh nghị gồm đại biểu của ba kỳ: Nguyễn Thượng Hiền (Bắc Kỳ), Phan Bội Châu (Trung Kỳ), Nguyễn Thần Hiến (Nam Kỳ). Bộ Chấp hành có 10 ủy viên đặc trách: Hoàng Trọng Mậu, Lương Lập Nham về quân vụ, Mai Lão Bạng, Đặng Tử Kính về kinh tế, Lâm Đức Mậu, Đặng Bình Thành về giao tế, Phan Bá Ngọc, Nguyễn Yển Chiêu về văn thư, Phan Quý Chuân, Đinh Tế Dân về thứ vụ¹. Hội đặt ra quốc kỳ hình chữ nhật, nền vàng, có năm

¹ Theo Nguyễn Thị Minh Thâm trong sách *Chí sĩ - liệt sĩ Nguyễn Đức Công - Thân thế và sự nghiệp*, NXB. Đại học quốc gia, H, 2015 cho biết: “Trong cuộc đại hội ở Quảng Châu, vào tháng 5 năm 1912, chính phủ lâm thời của nước Cộng hòa Việt Nam tương lai đã được thành lập (...) Cường Để được chọn làm tổng đại biểu, nói cách khác là tổng thống, Phan Bội Châu làm bộ trưởng Ngoại giao, Tán Thuật làm thủ tướng, Nguyễn Thượng Hiền làm bộ trưởng Tài chính, Hoàng Trọng Mậu phụ trách quân đội.”

ngôi sao đỏ; quân kỳ nền đỏ, có năm ngôi sao trắng; cho phát hành ngân phiếu tài chính; gồm *Thông dụng ngân phiếu* và *Quân dụng phiếu* với các mệnh giá 5 ; 10 và 100 piastres (tương đương đồng bạc của ngân hàng Đông Dương), lưu hành ở trong nước và tại hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc). Tổ chức lực lượng vũ trang của *Việt Nam Quang phục hội* tên là *Quang phục quân*.

Lời cáo bạch của *Việt Nam Quang phục quân* nêu rõ: “Tôn trọng đạo người, kính giữ phép công, ấy là cái tôn chỉ thứ nhất của quân chính phủ tôi, người Việt, người Pháp đối đãi cũng bằng nhau, giống vàng, giống trắng coi không có khác. Bởi vì chính phủ nước Pháp giả danh bảo hộ làm chính đã man (...) vua Thành Thái tội gì? Bởi ghét thông minh mà đày đi khuất mắt! Vua Tự Đức tội gì? Bởi tham vàng ngọc mà đào cả xương! Khinh rẻ người Nam, làm những chính ác. Không những người Nam nghĩ nòi giống mà đau lòng, dẫu người Pháp biết đạo cũng phải nhỏ nước mắt!”

Cuộc khởi nghĩa của *Việt Nam Quang phục hội* năm 1916 ở các tỉnh Trung Kỳ diễn ra từ Quảng Trị đến Bình Định do Thái Phiên, quê ở làng Nghi An, tổng Phước Tường, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng) lãnh đạo. Với sự tham gia tích cực của Trần Cao Vân, quê ở làng Tư Phú, tổng Hòa Đa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc xã Điện Quang, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam).

Tác giả Bùi Định trong *Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Nghĩa* viết: “Đầu năm 1913 Lâm Quán Trung tức Vũ Quán là ủy viên bộ chấp hành *Việt Nam Quang phục hội* từ Trung Quốc về gặp ông Thái Phiên để cùng lo xúc tiến việc xây dựng phân bộ *Việt Nam Quang phục hội* ở Trung Kỳ (...) Chủ trương của *Việt Nam Quang phục hội* miền nam Trung Bộ lúc này, ngoài các chủ trương cũ như vận động phát triển lực lượng hội, tích cực vận động quân đội địch... hội còn có hai chủ trương mới:

- Một là tích cực vận động các nhà yêu nước chống Pháp trong các phong trào trước vừa ở tù ra như các ông Nguyễn Thụy - tức Cử Sự ở Quảng Nghĩa, Trần Cao Vân ở Quảng Nam gia nhập hội.

- Hai là cử các ông Bùi Thọ Đặc, tức là Bùi Triệu và Nguyễn Công Mậu đi sang Xiêm để lo đặt mối liên hệ với *Việt Nam Quang phục hội* ở hải ngoại”².

Khi sang đến Xiêm “hai ông gặp được ông Hùng Lục (có lẽ là Hùng Lục) người Quảng Nam và ông Đinh Hữu Tôn người Phan Thiết, được hai ông Lục và Tôn cho biết: các cơ sở cách mạng của ta ở Quảng Đông (Trung Quốc) đã bị Long Tế Quang khủng bố, cụ Phan Sào Nam đã bị bắt. Còn ở Xiêm thì Pháp đã ký hiệp ước với nhau, nên các hoạt động cách mạng của người Việt ở Xiêm cũng đang gặp khó khăn”.

Tháng 2 năm 1915, hội nghị đại biểu *Việt Nam Quang phục hội* của hai tỉnh Quảng Ngãi và Quảng Nam ở Đà Nẵng, nghe tin báo từ Xiêm do hai ông thông báo. Đại biểu Quảng Ngãi là Lê Ngung đề nghị khởi nghĩa ngay bằng hành động bạo lực thì bị Thái Phiên, Nguyễn Thụy phản đối. Hội nghị đã nhận định tình hình các mặt, chủ trương gấp rút tăng cường chính đốn thể lực, nhất là đẩy mạnh công tác vận động binh lính địch để khi có thời cơ thì chớp lấy khởi nghĩa đánh Pháp giành quyền độc lập cho đất nước.

Hội nghị đã phân công hai ông Thái Phiên và Hoàng Công Mậu lo xây dựng lực lượng ở Quảng Nam và qua công tác thầu khoán mà lo tài chính cho cách mạng (...) Đặc biệt phải gấp rút xây dựng căn cứ cách mạng ở miền núi và mở rộng một con đường sang Lào để tạo lợi thế cho tiến công và thế thủ trong khi khởi động sau này.

Hội nghị giao cho Thái Phiên và Trần Cao Vân tìm mọi cách vận động vua Duy Tân tham gia phong trào để có danh nghĩa lôi kéo, vận động các tầng lớp trên”³.

Biết vua Duy Tân đang áp ủ chủ trương hành động yêu nước chống Pháp, nên *Việt Nam Quang phục hội* quyết định móc nối các tổ chức yêu nước với nhau. Qua nghiên cứu, tìm hiểu tình hình thực tế,

² Bùi Định, Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Nghĩa, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng và Sở VH TT. Nghĩa Bình, 1985.

³ Bùi Định, Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Nghĩa, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng và Sở VH TT. Nghĩa Bình, 1985.

nhận thức rõ chủ trương yêu nước chân chính, Trần Cao Vân và Thái Phiên đã cùng nhau tự bỏ tiền của cá nhân mình, vận động người lái xe riêng của vua Duy Tân xin thôi việc, tạo ra kẽ hở để cho Phạm Hữu Khánh - một thành viên của hội - xin vào thay thế, tạo cơ hội liên lạc. Vào tháng Tư năm 1916, vua Duy Tân đi nghỉ mát ở bãi tắm Cửa Tùng, thì nhận được bức thư của Trần Cao Vân và Thái Phiên do Phạm Hữu Khánh trực tiếp chuyển đến. Vừa đọc xong bức thư, vua Duy Tân nóng vội muốn gặp hai người bàn việc khởi nghĩa vũ trang đánh Pháp.

Cuộc hẹn gặp diễn ra vào ngày hôm sau, ba người cùng đến trong vai diễn “đi câu cá” ở một hồ nước trong hoàng thành, để mật bàn kế hoạch. Như vậy, vua Duy Tân đã đắc ý tham gia với tư cách là linh hồn là tư tưởng chỉ đạo của cuộc khởi nghĩa. Sau khi bàn luận kỹ, kế hoạch cuộc khởi nghĩa sẽ được tổ chức mở trận đánh lúc 1h00 ngày 4 tháng 5 năm 1916. Trần Cao Vân và Thái Phiên được cử vào ủy ban khởi nghĩa tại kinh đô Huế, trong dịp tiếp xúc nhà vua lần thứ hai. Thái Phiên giữ chức chủ tịch và Trần Cao Vân giữ chức thủ lĩnh quân sự. Lúc đầu cuộc tổng khởi nghĩa định vào giờ Ngọ, ngày Ngọ, tháng Ngọ tức là ngày mùng 2 tháng 5 năm Bính Thìn, theo dương lịch là ngày 8 tháng 6 năm 1916. Trước đó, Trần Cao Vân đã làm bài thơ *Hỏa xa Huế Hàn* phổ biến trong tổ chức yêu nước, coi như mật lệnh khởi nghĩa:

*Nỗi xa thơ đã biết chưa
Bắc Nam hai ngả gặp nhau vừa
Đường rầy đã sẵn thang mây bước.
Ổng khói càng cao ngọn gió đưa.
Sấm dậy từ bể trăm máy chuyển,
Phút thâm muôn dặm nửa giờ trưa
Trời sai ra dọn xong từ đây,
Một mối xa thơ đã biết chưa?*

Song, do biến động thời cuộc, sau khi bài thơ hiệu lệnh đã phát đi, lệnh khởi nghĩa đột ngột thay đổi, thời điểm thực thi phải được

tiến hành sớm hơn trước một tháng. Trần Cao Vân khởi sự theo kế hoạch mới. Rủi thay, trước khi khởi sự một ngày - chiều ngày 2 tháng 5, Võ An một tân binh Pháp người Việt, tình nguyện làm thành viên của *Việt Nam Quang phục hội* đã vô tình tiết lộ tin mật - qua việc truyền tin cho người anh, tên Võ Huệ là lính cơ ở Quảng Ngãi. Huệ xin nghỉ phép về quê tránh đụng độ, nhưng do y là người đã lộ tin bí mật về cuộc binh biến, nên bị tên chỉ huy gọi đến tra xét. Y đã khai rõ kế hoạch khởi nghĩa. Thế nhưng, đúng 23 giờ đêm ngày 3 tháng 5 năm 1916 (ngày 2 tháng 4 năm Bính Thìn) cuộc khởi nghĩa vẫn nổ ra từ tả ngạn sông Hương ở kinh đô Huế. Mặc dù kế hoạch khởi nghĩa của *Việt Nam Quang phục hội* bị lộ đã lan nhanh trong giới cầm quyền từ kinh thành Huế đến khắp dải đất miền trung, nhưng nhóm nghĩa binh có nhiệm vụ đưa vua ra khỏi hoàng thành, làm linh hồn cho cuộc khởi nghĩa vẫn hành động theo kế hoạch cũ. Trần Cao Vân và Thái Phiên không hay biết gì về kế hoạch khởi sự đã bị lộ. *Đại Nam thực lục chính biên* (Đệ lục kỷ phụ biên) chép: “Mùa hạ tháng Tư, Quý Ty, đêm ngày 2 (Canh Tý) vua tự rời ngôi báu. Lúc đầu là vua bị phi nhân Trần Cao Vân mê hoặc, nửa đêm ngấm bỏ hoàng thành ra ngoài, theo đảng nghịch Vân bày bày việc quang phục, mưu đồ nổi loạn (Vân người Tư Phú, Quảng Nam, từng can trọng án, được tha về lại mưu sự) cùng Thái Phiên thông đồng tin tức với nước ngoài, tạo cờ hiệu, chế khí giới, họp đồ đảng lên tới kinh sư, ngầm liên kết với Suất đội Siêu, Thị Đề đưa tin vào đại nội. Lúc đầu giả làm người câu cá sau hồ Tĩnh Tâm, mưu xin chiếu vãn, kế tới Thương Bạc dùng thuyền lừa mời ngự giá. Lại vẽ bản đồ Trấn Bình, tụ họp dụ dỗ lính mộ ở đồn Mang Cá nội ứng ngoại công, nhiều cách bắt mồi. Vua gần đây ngôn ngữ cử chỉ dường như có vẻ uất ức, đến lúc ấy gặp lời tà làm dao động, bèn tới nổi vứt bỏ ngôi báu như chiếc giày rách, bôn ba gió bụi. Đã qua mấy ngày, lòng người nháo nhác, nhờ có phủ phụ chính đồng tâm dẹp nạn, vẫn hồi đại cục, theo vết tìm kiếm thì kẻ sinh sự đều là bọn đầu sỏ phản nghịch Trần Cao Vân gây ra tội nghiệt, việc lộ ra bắt tra nghịch Vân và bè đảng là bọn Thái Phiên, Nguyễn Quang Siêu, Nguyễn Đề khép vào tội đại nghịch đều xử chém (...) Kế mời xa giá trở về ở đài Trấn Bình trong thành; ngày 3 tháng 6 hộ tống tới Nam Kỳ. Mùa đông, tháng 10 lại đón phế đế

Thành Thái từ Cap Saint Jacques cùng đáp tàu máy tới cư trú ở đảo Réunion thuộc địa của nước Đại Pháp”⁴.

Trần Cao Vân 陳高雲 (1866-1916) sinh năm Bính Dần (1866) tại làng Tư Phú, tổng Đa Hoà, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông tên thật là Trần Công Thọ, lúc lớn lên từng học và đi thi lấy tên là Trần Cao Đệ, lúc vào chùa pháp danh là Như Ý, ra hoạt động cách mạng đổi tên là Trần Cao Vân, biệt hiệu là Hồng Việt, Chánh Minh và Bạch Sĩ. Sử sách viết về ông không chỉ là một chí sĩ yêu nước nổi tiếng trong các phong trào từ *Nghĩa hội Quảng Nam* đến *Việt Nam Quang phục hội* mà trải qua nhiều lần tời luyện, thử thách trong những bước đường hoạt động, Trần Cao Vân còn là một nhà thơ lớn, ghi lại những sự kiện lịch sử trọng đại của người Quảng Nam, đất Quảng Nam. Người Quảng Nam, đất Quảng Nam luôn có sự “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu” khá nhanh nhạy và lập được những trang sử vẻ vang trong lịch sử đấu tranh giải phóng của dân tộc Việt Nam. Ngày 17 tháng 5, Trần Cao Vân, Thái Phiên, Phan Hữu Khánh và mấy người lính cận vệ của vua Duy Tân bị xử chém tại phường An Hòa, ở phía tây bắc nội thành Huế.

Tam Kỳ trở thành huyện đường từ năm 1906. Ở đây thực dân Pháp đã xây dựng nhiều đồn bốt kiên cố để bảo vệ các cơ quan đầu não của chúng và cũng là một trong những điểm răn đe, giam giữ những người yêu nước chống Pháp. Thế nhưng, những thủ đoạn đàn áp tàn bạo các phong trào yêu nước và nhất là cuộc khởi nghĩa của nhân dân Tam Kỳ, vẫn không thể nào ngăn chặn nổi những làn sóng chống chính phủ bảo hộ Pháp đã và đang liên tục nổi dậy. Chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Tam Kỳ, chiều ngày 3 tháng 5 năm 1916, các đội nghĩa binh có khoảng 650 người đã bí mật tập kết tại căn cứ Gò Chùa (còn có tên gọi là Gò Đỏ) bí mật làm lễ xuất quân, tế cờ ngũ tinh của *Việt Nam Quang phục quân*. Sau khi nghĩa binh uống rượu, tuyên thệ lời thề phục quốc do tổng lãnh binh Trần Huỳnh đọc. Một phát súng nổ vang rền phát đi mệnh lệnh khởi binh. Lúc ấy, trời nhá nhem tối,

⁴ *Đại Nam thực lục chính biên* (Đệ lục kỷ phụ biên), NXB. Văn hóa văn nghệ TP. HCM, 2011.

Lê Ngạn dẫn đầu một đoàn quân giương cờ nghĩa tiến về phủ lý Tam Kỳ. Các cánh quân khác do Trần Huỳnh, Trần Ni và Trầm Tùng Vân chỉ huy cũng đồng thời xuất quân trong khoảng thời gian sát soát nhau trên dưới 5 phút, phối hợp với nhau đánh chiếm phủ đường Tam Kỳ và đồn Đại lý của nhà Nguyễn và quân đội Pháp. Phía đồn binh và quan lính phủ đường đã biết trước cuộc khởi sự của nghĩa binh, nhưng cũng chưa kịp trở tay nên lực lượng khởi nghĩa chiếm đồn, phá kho và thu được khá nhiều đạn dược, quân trang và một số khẩu súng hồng. Nghĩa quân vẫn tiến vào bao vây phủ đường ngay trong đêm; không ai biết quân địch đang bảo toàn lực lượng, tập trung quan quân đã có kế hoạch tác chiến để đàn áp.

Từ hai hướng khác, đội nghĩa binh do Lê Tiệp chỉ huy đã đánh chiếm đồn Trà My. Lính khố xanh tháo chạy tán loạn vào rừng. Cánh nghĩa binh do Nguyễn Tinh chỉ huy đánh chiếm đồn Thương Chánh Hiệp Hòa. Song, cả ba, bốn hướng xuất quân của nghĩa binh đều không hướng nào nằm ngoài vòng kiểm tỏa của quân đội Pháp và chính quyền tay sai sở tại. Lực lượng nghĩa quân ở đây không nắm được diễn biến trở ngại đã xảy ra, cứ theo hiệu lệnh cũ, khởi sự đúng 1h00 sáng ngày 4 tháng 5 năm 1916. Lê Vĩnh Huy và các đồng đội huy động dân chúng đến bao vây đồn Đại lý và phủ đường - trụ sở của các quan phủ. Nhưng tình thế ồn ào, náo động ấy chỉ diễn ra trong khoảng trước khi mặt trời mọc. Sáng ngày 4.5, các đội lính lê dương được trang bị đầy đủ súng đạn ồ ạt trấn áp, phá vỡ đội ngũ nghĩa quân, phân rẽ lực lượng khởi nghĩa một cách dễ dàng, nhanh gọn. Nghĩa quân tan rã dần; quân và dân thiệt hại người và của phải vội rút lui. Khi Trịnh Uyên, chỉ huy đội nghĩa binh Kim Đái trèo lên cột cờ ở phủ đường để tháo cờ quẻ ly, treo cờ ngũ tinh thì bị một loạt đạn bắn chết khi chưa kịp hành động. Nhiều nghĩa binh tràn vào các vị trí hang ổ tại phủ lý; tiếng súng đánh chặn của địch từ các ngõ ngách thi nhau nổ đạn. Tuy bị tổn thương khá nhiều, nhưng các nghĩa binh vẫn kiên trì chiến đấu, lợi dụng địa hình, địa vật tạo được thế thắng trong khoảnh khắc. Sau gần trọn đêm đánh chiếm phủ lý Tam Kỳ, nghĩa binh bị hao tổn lực lượng rơi vào tình thế bị động bất ngờ phải tìm cách rút quân. Kết cục có 31 nghĩa binh bị bắt làm tù binh. Nhiều vị

chỉ huy như: Trần Huỳnh, Trầm Tùng Vân, Trần Thu, Trần Khuê... Trần Ni thoát thân về núi Đất, quê ngoại ở làng Quảng Phú. Thực dân đã tổ chức cuộc truy lùng ráo riết, ba tháng sau chúng mới bắt được ông; kết án tử hình và xử chém ông tại Chợ Củi, Vĩnh Điện, Điện Bàn.

Cuộc khởi nghĩa Tam Kỳ diễn ra đêm ngày 3 rạng sáng ngày 4 tháng 5 năm 1916 của hàng nghìn nghĩa binh theo ngọn cờ nghĩa do tổng chỉ huy lãnh binh Trần Huỳnh chỉ huy; tuy chiếm được phủ đường, giết được mấy tên ác ôn, nhưng bị thất bại khá nhanh trên toàn tỉnh Quảng Nam. Mặc cho, ngay từ chiều ngày 3 tháng 5, De Taste, Công sứ Quảng Ngãi đã biết rõ và mật điện cho Charles, Khâm sứ Trung Kỳ biết về cuộc khởi nghĩa Tam Kỳ. Charles liền ra lệnh thu giữ súng ở tất cả các trại lính người Việt, cấm cửa các doanh trại không cho một người lính Việt nào ra ngoài. Quân Pháp áp dụng nhiều chiến thuật khủng bố tàn bạo. Được tin báo, đại lý Pháp đã tránh đi nơi khác và tri phủ Tam Kỳ tìm cách bảo vệ phủ đường. Sau đó, thực dân Pháp và quân tay sai Nam triều khủng bố trắng, đàn áp phong trào, vây lùng, truy bắt những người chỉ huy. Cuộc binh biến bất thành. Các con trai Lê Vĩnh Huy là Lê Vĩnh Triêm, Lê Vĩnh Duyệt đều bị bắt. Bù nhìn Nam triều và Chính phủ “bảo hộ” xử trượng, tù đầy khổ sai tất cả số người bắt được. Kẻ lưu đầy Côn Lôn, người vào tù Lao Bảo... Riêng Lê Vĩnh Huy bị giam tại nhà lao Hội An chưa hết năm thì qua đời.

Nghĩa sĩ yêu nước kiên cường, dũng cảm Lê Vĩnh Huy tên thật là Lê Ngọc Cung sinh năm 1842 tại làng Thanh Bình, tổng Tiên Giang Thượng, huyện Hà Đông (nay thuộc xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước), danh tự là Vĩnh Huy, tục danh là Bang Tuyển hay Tán Hai (dân gọi theo chức tước thời ông tham gia giữ chức Bang tá rồi Tán lý quân vụ thuộc *Nghĩa hội Quảng Nam* (1885). Lê Vĩnh Huy là con trai thứ của Phó bảng Lê Vĩnh Khanh (1819-1884). Ông có chí, thông minh, nhận thức nhanh, từng dự thi nhưng mới đậu tú tài. Năm 1886 sau khi Nguyễn Duy Hiệu dời bản doanh cùng tướng sĩ đến Nà Lầu đóng trại, Lê Vĩnh Huy trực tiếp chỉ huy một cánh quân chính để bảo vệ bản doanh, chiến đấu góp phần tạo nên chiến thắng tại các trận Nà

Lầu, Suối Đá, Dốc Miếu (nay thuộc Tiên Phước). Tháng 2 năm 1886 ông cùng Hồ Học chỉ huy một cánh quân, hợp đồng với cánh quân của Phan Bá Phiến từ nam Hà Đông (Tam Kỳ) tiến ra đánh tỉnh Quảng Nam tại Vĩnh Điện (nay thuộc thị xã Điện Bàn). Sau đó quân triều đình phản công, nghĩa quân phải rút về căn cứ ở Quế Sơn, Tiên Phước, Trà My⁵.

Cuối tháng 7 năm 1887 phong trào *Nghĩa hội Quảng Nam* tan rã, một số bị bắt, còn phần lớn lui về mai danh ẩn tích tại trên các vùng đất Quảng Nam và lân cận. Năm 1898, Lê Vĩnh Huy được cử làm Chánh tổng Tiên Giang đã tạo ra điều kiện mới giúp ông hoạt động thuận lợi hơn, ông ra sức vận động nhân dân tham gia vào các phong trào yêu nước khác. Từ năm 1902 đến năm 1908, ông là một trong số những người nhiệt tình tán trợ, hiến tặng nửa gia tài của ông cho hoạt động yêu nước; trực tiếp đứng ra tổ chức hưởng ứng phong trào Đông du, phụ trách việc vận động và đưa thanh niên Quảng Nam đi du học ở Nhật Bản. Năm Mậu Thân 1908, ông bị chính phủ Nam triều ra lệnh truy tố, lùng bắt, nhưng ông trốn thoát. Các con trai ông bị bắt giam vào nhà lao Hội An. Em trai ông là Lê Quý Liên, và hai con ông là Lê Triêm, Lê Duyệt và cháu nội là Lê Liễn đều xuất dương học tại Nhật rồi trở thành những cánh tay đắc lực của phong trào. Vì tinh thần yêu nước cao cả, vì nghĩa lớn với vận mệnh độc lập dân tộc, khi phong trào bị thực dân Pháp đàn áp, tất cả cha con, anh em, chú cháu một gia đình cách mạng đều là nạn nhân của Chính phủ bảo hộ và triều Nguyễn đã vào đoạn cuối chặng đường suy vong.

Trong nhà lao Hội An, Trần Huỳnh vẫn lạc quan, động viên đồng chí giữ vững ý chí chiến đấu, và nhất quyết nhận hết trách nhiệm tổ chức, hô hào kháng Pháp về mình để giảm đòn tra tấn cho binh sĩ. Các cánh quân trong khởi nghĩa Tam Kỳ nhanh chóng cất giấu binh khí, thay đổi quân phục, dung nhan, rải ra các vùng dân cư, phân tán về các làng quê, miền rừng hẻo lánh chờ thời lập tích. Từ sáng sớm cho đến hết cả ngày ngày 4 tháng 5 năm 1916, quân đội Pháp từ Hội An đã tỏa đi khắp nơi trong tỉnh Quảng Nam truy lùng

⁵ Theo: Nguyễn Phước Tương, Sdd.

vây bắt tàn quân của nghĩa binh. Cả dải đất Trung Kỳ cũng nhốn nháo binh quyền. Hơn 500 người là vợ con, thân nhân của các nghĩa sĩ, cán, binh đều bị bắt, đóng gông giải về nhà tạm giam tại phủ đường để tra hỏi.

Sinh thời Trần Huỳnh, nhân dân thường gọi tên ông là Phó Bẻm (ghép chức vụ phó tổng với danh xưng Bẻm là tên người con trai cả của ông), sinh ngày 14 tháng 3 năm 1858, tại xã Tân An Tây, tổng Đức Hòa Trung, huyện Hà Đông (nay thuộc xã Tiên Thọ, huyện Tiên Phước). Trần Huỳnh là một người có uy tín nổi tiếng với nhân dân trong vùng vì ông đã từng tham gia các phong trào yêu nước chống Pháp ở Quảng Nam đương thời. Từ năm 1905-1908, Trần Huỳnh lập hai trường học dạy chữ quốc ngữ là trường Tân Xuân và Dục Thanh để dạy văn dạy võ dân tộc cho lớp lớp trai tráng trong vùng, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, rèn luyện tâm lực, đức dục để lập mưu đánh giặc cứu nước. Toan lo mọi việc, cùng lúc Trần Huỳnh đã bỏ tiền của riêng, xây dựng một căn lều rộng có bằng khung gỗ, lợp mái tranh ở chợ Cây Cốc cho dân chúng ngụ tạm, trao đổi hàng hóa, phát triển kinh tế. Chuẩn bị cơ sở vật chất, đào tạo nhân lực dồi dào, hơn bảy năm sau Trần Huỳnh mới huy động tất cả cùng tham gia nghĩa quân. Rằm tháng 7 năm Ất Mão (tức ngày 25.8.1915), Ban chỉ huy khởi nghĩa tổng Phước Lợi chính thức được thành lập. Trần Huỳnh được chọn làm Tổng lãnh binh.

Ngày 27.5.1916, tòa án hình sự Quảng Nam xét xử và kết án Trần Huỳnh xử “trảm giam hậu” và đưa đi đày ngục Buôn Ma Thuột. Một tuần sau, ngày 3 tháng 6 năm 1916, chúng lại xử chém ông tại Chợ Củi gần tỉnh lỵ La Qua (nay thuộc xã Điện Phương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Chí sĩ yêu nước, người anh hùng dân tộc Trần Huỳnh hiên ngang vẫy chào vĩnh biệt mọi người, hô vang khẩu hiệu: *Dòng giống Lạc Hồng thiên thu! Việt Nam vạn tuế!* Một số nho sĩ đã từng làm thơ đả kích quan lại cũng bị bắt để “nhà nước bảo hộ” làm việc. Trần Siêu đã quyền sinh trong nhà lao, Trầm Tùng Vân bị kết án chung thân, đi đày ngục Buôn Ma Thuột. Hơn chục người khác như: Nguyễn Tình - người làng An Hòa, xã Tam Hải, Trần Thu - người làng Ngọc Mỹ, xã Tam Phú, Lương Đình Thự - người làng Phú

Thượng, Nguyễn Châu Ân - người làng Tam Quý, xã Tam Phú, Nguyễn Kế người làng Vân Trai, xã Tam Hiệp, Trần Cang - người làng An Mỹ Đông, xã Tam An, Trần Khuê người làng Cây Cốc, Lê Tiệp - người làng Thanh Bình, Lê Cơ người làng Phú Lâm, Nguyễn Buốt - người làng Khương Mỹ, Lê Ngạn - người làng Trung Đàm Thượng, Ngô Đồi... bị kết án 3 năm tù trở lên, và đưa đi đày ở nhà tù Lao Bảo. Trong số nghĩa binh bị kết án dưới 3 năm tù giam tại nhà lao Hội An, gồm có: Võ Dương người làng Khương Mỹ, huyện Tam Xuân, Nguyễn Lược người làng Diêm Trường, xã Tam Anh, Bùi Quang Ngọc người làng Phú Ninh, xã Tam Ngọc, v.v. Trên thực tế từ những năm đầu thế kỷ, thực dân Pháp đã thẳng tay đàn áp đẫm máu nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân và công, nông, trí thức ở khắp ba miền, nên chúng đã có kế hoạch đề phòng. Mới chỉ bốn tháng trước cuộc khởi nghĩa Tam Kỳ, ngày 16 tháng 1 năm 1916 thực dân Pháp đã xử bắn tướng quân Hoàng Trọng Mậu⁶, một trong số bốn vị tướng tiên khởi nổi tiếng của *Việt Nam Quang phục hội* tại trường bắn Bạch Mai (Hà Nội) - người đã được vua Duy Tân biết đến trong *Chi dụ* ngày 5 tháng 5 năm 1915: “chỉ định Nguyễn Đức Công, hiệu Hoàng Trọng Mậu, quê ở Hà Tĩnh, giữ chức Tả quân chính đạo - Tổng tư lệnh”. Có thể nào, nhóm tổ chức *Việt Nam Quang phục hội* ở Trung Kỳ nói chung và Quảng Nam nói riêng lại chủ quan khinh địch, hay vì khoảng cách thông tin bị ách tắc, họ chưa nắm hết được nhiều nguồn tin rung động về sự thiệt hại to lớn của tổ chức *Việt Nam Quang phục hội* trung ương, nên các thủ lĩnh, nhân sĩ, trí thức ở Quảng Nam vẫn khởi sự hành động.

Theo kế hoạch đã thống nhất giữa các tâm điểm tụ quân ở các tỉnh Trung Kỳ, cuộc khởi nghĩa sẽ tiến hành vào đêm mùng 3 rạng mùng 4 tháng 5 năm 1916, khi tiếng súng thần công nổ phát lệnh từ kinh đô Huế và tín hiệu lửa đốt trên đỉnh đèo Hải Vân. Nhưng trước đó, do đại tá Harmandes - người Pháp gốc Đức - tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Trung Kỳ đã biết thời điểm cuộc khởi nghĩa của *Việt Nam*

⁶ Nguyễn Thị Minh Tâm - *Chỉ sĩ, liệt sĩ Nguyễn Đức Công - Thân thế và sự nghiệp*, NXB. Đại học quốc gia, H, 2015.

Quang phục hội. Khâm sứ Egène Charles ra lệnh hạ sát đại tá Harmandes gây rối thêm tình hình thời cuộc. Khâm sứ Trung kỳ đã thông báo trước tin cuộc bạo động của *Việt Nam Quang phục hội* cho các công sứ Pháp các tỉnh từ Quảng Bình đến Bình Định, để sẵn sàng đối phó với cuộc khởi nghĩa sẽ xảy ra. Riêng tỉnh Quảng Nam có ba, bốn địa điểm vẫn nổ ra các cuộc nổi dậy theo kế hoạch đã được thay đổi; hợp thành cơn lốc lớn là khởi nghĩa Tam Kỳ.

Sau khi đàn áp cuộc khởi nghĩa Tam Kỳ, khâm sứ Huế Charles và toàn quyền thuyết phục vua Duy Tân trở lại ngai vàng, nhưng ông kiên quyết phản kháng. Vì vậy, thông qua chính quyền bù nhìn, Pháp bắt triều đình Huế phải xử tội nhóm bạo động chống Pháp. Thượng thư bộ Học Hồ Đắc Trung được ủy nhiệm làm bản cáo trạng. Trần Cao Vân đang bị giam trong ngục, nhờ người đưa tin cho Hồ Đắc Trung, xin nhận hết tội do mình gây ra và xin tha cho vua. Hồ Đắc Trung làm bản án kết tội bốn người là: Thái Phiên, Trần Cao Vân, Tôn Thất Đề và Nguyễn Quang Siêu. Bốn người bị xử chém tại phường An Hòa ở Huế. Chúng chôn Thái Phiên và Trần Cao Vân tại bãi chém (về sau, người đồng chí của hai ông là bà Trương Thị Dương lén di dời về sau lưng chùa Từ Hiếu, thuộc phường Thủy Xuân, thành phố Huế). Vua Duy Tân bị đày đi đảo Réunion là thuộc địa của Pháp ở Đông Phi, cùng với vua cha Thành Thái.

Trần Cao Vân nổi tiếng về văn chương thơ phú từ năm 13 tuổi với giai thoại về tài ứng đối. Trong một buổi học, thấy giữa lớp học có một cây đèn treo, thầy ra vế đối: *Đèn treo giọi sáng bốn phương nhà*. Tuy nhỏ tuổi nhất lớp, nhưng Trần Cao Vân đã kịp thời đối lại: *Trăng tỏ khắp soi muôn hướng núi*. Thoát ly gia đình đi hoạt động yêu nước, cho đến lúc hy sinh vì nghĩa cả, Trần Cao Vân từ một nho sĩ, một đạo sĩ đã trở thành một nhà yêu nước cách mạng, sống một cuộc đời thanh đạm cao siêu. Hình ảnh một Nho sĩ thường mặc áo vải ta màu xanh chàm, đầu bịt khăn nhiễu thâm, đội nón lá, khuôn mặt đăm chiêu tư lự, nhưng chất chứa một nỗi niềm khát khao độc lập tự do đã để lại dấu ấn khó phai mờ trong trang sử đánh giặc cứu nước oai hùng của người Quảng Nam.

Tại tỉnh lỵ Hội An, nghĩa quân bị quân Pháp phát hiện và giải giáp ngay khi khởi sự, Lê Đình Dương bị bắt ngay lúc đó, còn Phan Thành Tài liền lẩn tránh vào núi Bà Nà rồi cũng bị bắt.

Ở phủ Điện Bàn, dưới sự chỉ huy của Trần Chương (là cháu của Trần Cao Vân), nghĩa quân đã đột nhập vào thành La Qua, chỉ kịp đốt cháy một số nhà tranh bỏ trống để làm tín hiệu thì bị lính tập giải giáp.

Các sĩ phu yêu nước ở Tam Kỳ cũng như cả tỉnh Quảng Nam đã nhận được biểu dụ của vua Duy Tân kêu gọi mọi người tham gia *Việt Nam Quang phục hội* từ trước, nên không khí quyết tâm nổi dậy đánh Pháp bừng bừng khắp các miền quê trong tỉnh. Các thành viên chủ chốt của *Việt Nam Quang phục hội* ở Tam Kỳ đã tổ chức một cuộc họp bí mật tại nhà ông Lê Ngạn ở làng Trung Đàn Thượng (có tư liệu cho biết đó là ngày rằm tháng 7 năm Ất Dậu tức là 25.6.1915) để bầu ra ban chỉ huy nghĩa binh *Việt Nam Quang phục hội* phủ Tam Kỳ. gồm có 5 người: Trần Huỳnh, Tổng lãnh binh, người làng Tân An Tây; Trần Ni, phó tổng lãnh binh người làng Trường Xuân; Trần Khuê, Đề Các, người làng Cây Cốc; Lê Ngạn, tán tương quân vụ, người làng Trung Đàn Thượng; Ngô Đối, Tán lý sự vụ.

Nhân dân phủ Tam Kỳ đã bí mật ủng hộ nghĩa quân của *Việt Nam Quang phục hội* và tham gia nghĩa quân. Các sĩ phu yêu nước ở các làng Tân An Tây, Tam Mỹ, Ngọc Mỹ, Khương Mỹ, Trường Xuân, Ngọc Thọ, Thọ Khương, Vân Trai, Quý Thượng, Quảng Phú, Trung Đàn Thượng, Phú Lâm, Cây Cốc, An Hoà, Kim Đái, Thanh Bình... đã kín đáo thành lập các đội nghĩa binh trong lòng các làng xã. Đáng chú ý nhất là nhiều công nhân của mỏ vàng Bồng Miêu và đồn điền chè Đức Phú của Pháp, đã bỏ việc về quê tham gia các đội nghĩa binh.

Nghĩa binh phủ Tam Kỳ được các tầng lớp nhân dân ủng hộ về lương thực, tài chính, giúp đỡ về hậu cần. Các hào phú trong phủ Tam Kỳ như Lê Khâm Duy (tức Bát Kiện) ở Hòa Hạ, Bá Ba ở Thanh Lâm... đã tự nguyện đóng góp tiền bạc, lúa, gạo... góp phần nuôi quân ăn no đánh thắng. Các nhóm phụ nữ là thợ dệt, thợ may ở các

vùng Tam Kỳ, Bãi Dương, Cầu Duối... đã bí mật dùng các loại thuyền, ghe chở hàng tá quần áo, vải vóc, vải dẹt may quân phục, túi dết đến dọc sông Ba Kỳ ở vùng Phú Ninh, Trường Cửu để tặng cho các tướng sĩ. Nhiều nhóm thợ rèn trong toàn tỉnh được huy động đến phối hợp với xóm lò rèn ở Xuân Trung để sản xuất gươm giáo, dao, liềm... làm vũ khí trang bị cho nghĩa quân.

Cho đến nay, các nhân vật quan trọng thành lập và chỉ huy lực lượng nghĩa quân khởi nghĩa Tam Kỳ như: Trần Huỳnh chỉ huy đội nghĩa quân Tân An Tây; Trần Ni chỉ huy đội nghĩa binh Trường Xuân; Lê Tiễn chỉ huy đội nghĩa binh Thanh Bình; Trịnh Uyên chỉ huy đội nghĩa binh Kim Đái; Trần Thu chỉ huy đội nghĩa binh Ngọc Mỹ; Võ Dương (thân sinh ông Võ Chí Công) chỉ huy đội nghĩa binh Khương Mỹ; Lương Đình Thự chỉ huy đội nghĩa binh Phú Thượng; Nguyễn Tình chỉ huy đội nghĩa binh An Hoà; Nguyễn Kế chỉ huy đội nghĩa binh Vân Trai... vẫn được nhân dân ghi nhớ công ơn, tôn vinh sự nghiệp.

Cuộc khởi nghĩa vũ trang tại Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam diễn ra vào rạng sáng ngày 4 tháng 5 năm 1916 là một sự kiện lịch sử, tô đậm truyền thống yêu nước cách mạng, góp phần ghi nhận một trang sử ngời sáng của *Việt Nam Quang phục hội* trong 80 năm chống thực dân Pháp của toàn thể dân tộc Việt Nam. Hưởng ứng tiếng gọi cứu nước thiêng liêng của *Việt Nam Quang phục hội*, cuộc khởi nghĩa Tam Kỳ của quân dân Quảng Nam đã góp phần khẳng định ý chí kiên trì đấu tranh giải phóng khỏi ách nô lệ nước ngoài, luôn luôn tự khẳng định tinh thần độc lập dân tộc cao cả của dân tộc Việt Nam.

Khởi nghĩa Tam Kỳ đêm ngày 3 rạng sáng ngày 4 tháng 5 năm 1916 đã thắp sáng niềm tin vào nội lực của con người và ý chí quyết chiến quyết thắng ngoại xâm, vững một niềm tin bảo vệ sự thống nhất đất nước, cho dù cuộc chiến tranh chính nghĩa có hao tổn binh lực, tổn kém của cải vật chất./.

TSH-NTH

PHỦ TAM KỲ (QUẢNG NAM) - TRUNG TÂM ĐIỂM CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI Ở TRUNG KỲ NĂM 1916

TS. NGUYỄN VĂN PHƯỢNG*

TS. TRẦN QUỐC TUẤN**

Trong thời gian diễn ra cuộc Chiến tranh Thế giới thứ nhất (1914-1918), thực dân Pháp buộc phải thay đổi một số chính sách về chính trị, kinh tế cũng như văn hóa, xã hội để ổn định sản xuất, ổn định xã hội và phục vụ cho cuộc chiến tranh ở chính quốc. Với nhiều thủ đoạn, thực dân Pháp đã duy trì sự thống trị của chúng ở Việt Nam khi chính quốc đang có chiến tranh. Nhưng sự bất mãn, căm thù thực dân Pháp ở nước ta thì không ngừng tăng lên trong các tầng lớp nhân dân. Vì vậy, trong thời gian diễn ra Chiến tranh Thế giới thứ nhất, nhiều cuộc khởi nghĩa chống Pháp đã nổ ra khắp ba kỳ, miền xuôi cũng như miền ngược; trong đó phải kể đến cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916.

Theo kế hoạch do những người lãnh đạo qua nhiều lần thảo luận định ra thì phải rước vua Duy Tân “*tham gia vào đại cuộc để an lòng dân*” và địa bàn tiến hành khởi nghĩa là ở khắp các tỉnh Trung Kỳ, từ Quảng Bình đến Bình Thuận. Với kế hoạch đó, theo lý thuyết, Huế được chọn là nơi khởi điểm và là trung tâm của toàn bộ cuộc khởi nghĩa. Mọi hành động khởi nghĩa ở các tỉnh khác đều nhất nhất theo tín hiệu từ Huế. Tuy nhiên, thực tiễn cuộc khởi nghĩa lại diễn ra khác. Tới ngày khởi sự (tối ngày 3 rạng ngày 4.5.1916), trong khi toàn Trung Kỳ, đặc biệt tại những địa phương được xác định là quan trọng như Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi..., kế hoạch khởi nghĩa đều bị vỡ và thất bại từ trướng nước thì riêng phủ Tam Kỳ (Quảng Nam) cuộc khởi nghĩa lại diễn ra trên thực tế, khá rầm rộ bằng những hành động vũ trang đánh chiếm và làm chủ phủ lỵ trong một thời gian

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Quy Nhơn.

** Khoa Lịch sử, Trường Đại học Quy Nhơn.

ngắn. Do đó, cuộc bạo động ở phủ Tam Kỳ (Quảng Nam) là “*cuộc khởi nghĩa thực sự*” và Tam Kỳ chính là trung tâm điểm của cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916.

1. Phủ Tam Kỳ, địa bàn quan trọng trong kế hoạch khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội năm 1916

Cuộc biểu tình chống thuế của nhân dân Trung Kỳ năm 1908 bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu, nhiều sĩ phu bị bắt tù hoặc đày đi Côn Đảo, nhưng nhân dân Trung Kỳ và những sĩ phu có tâm huyết vẫn giữ được nhiệt tình yêu nước, nuôi chí căm thù, chờ cơ hội vùng dậy. Do đó, khi mãn hạn tù trở về, một số sĩ phu như Trần Cao Vân, Lê Ngung, Trương Bá Huy, Lê Bá Trinh, Nguyễn Sụy,... chẳng những không nhụt chí mà còn tiếp tục tham gia chống Pháp tích cực hơn, điều này như càng cổ vũ thêm cho cuộc đấu tranh đã âm ỉ từ trước đó. Tất cả dần tập hợp xung quanh Thái Phiên, một yếu nhân của Hội Duy tân trước đây.

Trong khi đó, việc bắt lính phục vụ chiến tranh ngày càng ráo riết, lính khố xanh có nguy cơ phải chuyển thành lính khố đỏ để sang Pháp. Tình hình trên dẫn đến tình trạng căm giận và xao xuyến trong nhân dân, nhất là các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Huế - những tỉnh, thành phố có tầm quan trọng về chính trị và quân sự.

Từ đầu năm 1914, Thái Phiên và Lê Ngung, một nhà yêu nước rất nhiệt thành của tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức cuộc họp mặt các nhà yêu nước Trung Kỳ ở Đà Nẵng. Hội nghị nhất trí phải hành động gấp và phân công người chuẩn bị khởi nghĩa. Phương hướng hành động là vận động binh lính người Việt, chủ yếu là lính khố xanh và lính bị động viên sắp phải sang Pháp. Trần Cao Vân đề nghị mời vua Duy Tân tham gia để cuộc vận động thêm thuận lợi. Ý kiến này được Thái Phiên chấp nhận. Từ đó, Thái Phiên và Trần Cao Vân trở thành hai nhân vật quan trọng nhất của cuộc vận động.

Nửa sau năm 1915, nhiều tin tức không hay của binh lính người Việt bên Pháp gửi về, cộng thêm tình hình trong nước làm dân tình xao xuyến. Một số người cầm đầu như nhóm Lê Ngung ở Quảng Nam nôn nóng muốn khởi nghĩa ngay. Thái Phiên cùng một số nhân vật cốt cán mở cuộc hội nghị tại chợ Cầu Cháy (làng Xuân Yên, Quảng Ngãi) nhằm kiểm điểm quá trình chuẩn bị, hoạch định kế

hoạch khởi nghĩa. Theo đó, hội nghị đã xác định lực lượng tham gia khởi nghĩa ở Huế, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Hội An và Tam Kỳ. Riêng ở Tam Kỳ, những người tham gia khởi nghĩa có *Thẩm Tùng Vân (Hoa kiều), Út Pem, Phạm Hoanh, Trần Cang, Trần Văn Ni*¹...; đồng thời ở Tam Kỳ và một số địa phương khác tạm thời đóng cửa vại thương hội, rút người vào núi rèn đúc thêm tạc đạn, mìn, dao phạng cùng với vũ khí ở Xiêm gửi về phục vụ cho quân khởi nghĩa. Hội nghị nhấn mạnh các địa phương được xác định là địa bàn trọng yếu như Tam Kỳ, nghĩa quân bắt buộc phải làm chủ tình hình trước hết và bên cạnh lực lượng chủ lực cần tổ chức thêm các đội dân quân vũ trang dao phạng, trái phá. Đặc biệt, để mở đường cho quân ngoại viện là lực lượng của Chi bộ Việt Nam Quang phục hội ở Xiêm và quân đội Đức từ cửa biển Đà Nẵng đánh vào, hội nghị giao nhiệm vụ *cho các địa phương ở Quảng Nam, Đà Nẵng tập trung lực lượng chiếm giữ cửa Hàn, ngăn ngừa sự tiếp viện của quân Pháp*².

Tiếp đó, tháng 9.1915, Thái Phiên triệu tập các nhà yêu nước về nhà ông Đoàn Bổng (Huế) để dự Hội nghị toàn kỳ của Việt Nam Quang phục hội Nam Trung Kỳ nhằm bàn định kế hoạch. Những báo cáo từ các địa phương cho thấy công việc chuẩn bị khởi nghĩa tuy đã khá nhưng chưa đầy đủ và đều. Ngay cả Huế, một trọng điểm của cuộc khởi nghĩa cũng chưa vận động được binh lính. Do đó, hội nghị quyết định hoãn cuộc khởi nghĩa, đồng thời quyết định chính thức mời vua Duy Tân tham gia, giao cho Thái Phiên, Trần Cao Vân lo bố trí việc gặp mặt và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương có diễn ra cuộc khởi nghĩa.

Theo kế hoạch vạch ra, lực lượng khởi nghĩa chiếm ngay ba tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi để làm bàn đạp, rồi từ đây phát động khởi nghĩa khắp các tỉnh từ Quảng Bình vào đến Bình Thuận. Chọn Huế làm nơi khởi sự rồi báo hiệu cho các tỉnh phía bắc lẫn phía nam biết cùng hành động. Tuy nhiên, giao cho hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi đốc toàn lực chiếm giữ cửa biển Đà Nẵng để ngoại

¹ Thiện Sinh, “Thái Phiên và cuộc Duy Tân khởi nghĩa”, *Tạp chí Bách Khoa*, số 123, ngày 15.2.1962, Sài Gòn.

² Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước*, NXB. Tổng hợp TP. HCM, 2005, tr. 580.

viện đồ bộ lên bờ và mở đường giao thông suốt từ Đà Nẵng vào tận Đức Phổ (Quảng Ngãi). Sau đó, hỗ trợ các tỉnh từ Phú Yên trở vào nổi dậy hưởng ứng khởi nghĩa.

Riêng ở tỉnh Quảng Nam, hai địa phương là tỉnh lỵ Hội An và phủ Tam Kỳ tiếp tục được xác định là những địa bàn quan trọng trong kế hoạch khởi nghĩa. Vì thế, hội nghị trực tiếp chỉ định người *đảm nhiệm tổ chức khởi nghĩa ở Tam Kỳ là Thẩm Tùng Vân, Út Pem, Trần Cang, Trần Văn Ni, Trần Huỳnh...*, đồng thời giao nhiệm vụ cho lực lượng khởi nghĩa ở Tam Kỳ hợp lực với các địa phương khác mở đường cho quân ngoại viện đánh vào Đà Nẵng; tạo chướng ngại vật ngăn chặn quân Pháp từ Quảng Nam ra và từ Huế vào Đà Nẵng tiếp viện³.

Trong khi công việc chuẩn bị khởi nghĩa đang tiếp tục, tháng 2.1916, Thái Phiên lại mời các nhà yêu nước về Huế dự Hội nghị toàn kỳ của Việt Nam Quang phục hội Nam Trung Kỳ lần thứ hai. Qua bàn thảo, hội nghị nhất trí phải khởi nghĩa ngay. Hội nghị định ra quốc hiệu, quốc kỳ, quân kỳ và quốc đô. Quốc hiệu là Việt Nam, Quốc kỳ hình vuông nền đỏ có 5 ngôi sao năm cánh màu vàng quay quanh một vòng tròn (ngũ tinh), thủ đô tương lai sẽ đặt tại Quy Nhơn. Hội nghị cũng tranh cãi kịch liệt về chính thể. Một số sĩ phu chủ trương thiết lập chế độ quân chủ lập hiến, số khác lại đưa ra tôn chỉ dân chủ của Việt Nam Quang phục hội. Sau hai ngày bàn luận, đa số tán thành nền quân chủ lập hiến. Hội nghị cũng định nhật kỳ khởi nghĩa và kế hoạch hành động. Ngày khởi nghĩa được ấn định vào trung tuần tháng 5.1916.

Qua rà soát, hội nghị nhận thấy tuy mới một thời gian ngắn nhưng lực lượng khởi nghĩa được tổ chức khắp các tỉnh Trung Kỳ và đủ để khởi nghĩa. Trong đó, xét về thực lực thì hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi lực lượng được tổ chức đông đảo, chặt chẽ hơn cả. Do đó, hội nghị nhất trí với báo cáo của các cấp bộ toàn kỳ lấy hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi làm “*chủ lực trung kiên*” của cuộc khởi nghĩa, và một khi Huế có sự biến sẽ rước vua Duy Tân vào hai tỉnh này để tiếp tục duy trì cuộc khởi nghĩa.

³ Hành Sơn, *Cụ Trần Cao Vân: người đề xướng dịch Trung Thuần và đã cùng hoàng đế Duy Tân điều động cuộc cách mạng 1916*, Minh Tân, Paris, 1952, tr. 93.

Từ những dữ liệu nêu trên, rõ ràng trong kế hoạch khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916, từ lúc còn là ý tưởng đến khi triển khai thành kế hoạch cụ thể đều xác định phủ Tam Kỳ của tỉnh Quảng Nam là một trong những địa bàn trọng yếu và được giao những nhiệm vụ quyết định đến thành bại của cuộc khởi nghĩa trên toàn kỳ. Phủ Tam Kỳ không chỉ đơn thuần là địa bàn hưởng ứng khi khởi nghĩa nổ ra mà còn có vai trò to lớn trong quá trình xây dựng lực lượng, chuẩn bị quân trang quân dụng, phối hợp tác chiến với Huế, hỗ trợ phong trào ở các tỉnh nam Quảng Ngãi. Và do Tam Kỳ thể hiện vai trò trong cả quá trình tiến hành vận động tập hợp lực lượng như vậy mà đến thời điểm khởi nghĩa, mặc dù không nhận được hiệu lệnh, ở phủ Tam Kỳ vẫn diễn ra cuộc khởi nghĩa trên thực tế, với những hành động đấu tranh quyết liệt của quân khởi nghĩa.

2. Phủ Tam Kỳ - địa bàn duy nhất diễn ra cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916

Sau mấy tháng chuẩn bị ráo riết cho cuộc khởi nghĩa, Thái Phiên và Trần Cao Vân ấn định khởi nghĩa vào tối ngày 3 rạng ngày 4.5.1916. Tuy vậy, việc chuẩn bị của những người lãnh đạo có nhiều sơ hở nên kế hoạch bị lộ. Thực dân Pháp nắm được kế hoạch khởi nghĩa từ hai ngày trước, do đó đã tìm cách ngăn chặn. Tại những nơi quan trọng như Quảng Nam, Quảng Ngãi và Huế, thực dân Pháp ban lệnh giới nghiêm, tước vũ khí của binh lính người Việt, cho canh gác nghiêm ngặt, đồng thời bịt kín các đường giao thông quan trọng. Kế hoạch khởi nghĩa ở các nơi đều bị vỡ. Tại Quảng Ngãi, dân binh kéo đến tinh lý theo kế hoạch nhưng chờ không thấy hiệu lệnh, phải giải tán. Ở Quảng Nam, Tri phủ hưu trí Nguyễn Đĩnh phản bội, hầu hết những người lãnh đạo đều bị bắt. Ở Hội An dân binh chờ không thấy hiệu lệnh, cuối cùng phải rút. Ở Huế, kế hoạch khởi nghĩa không thực hiện được. Thái Phiên và Trần Cao Vân đưa vua Duy Tân ra khỏi thành, nhưng cả ba người đều bị bắt tại một ngôi chùa gần núi Ngũ Long (huyện Phú Lộc, Huế). Còn những địa phương khác không nắm được tình hình và gần như không có một biến cố nào xảy ra.

Thực dân Pháp thẳng tay đàn áp những người tham gia phong trào. Các thủ lĩnh như *Trần Cao Vân, Thái Phiên, Phạm Hồng Chương, Phan Thành Tài,...* đều hy sinh; vua *Duy Tân* bị đày sang

đảo Réunion; Lê Ngung tự tử trước khi bị bắt; 26 người bị đưa đi giam ở nhà lao Thái Nguyên, hàng trăm người bị chém; hơn 60 người bị đày ở Lao Bảo hoặc Côn Đảo⁴. Cuộc khởi nghĩa đổ vỡ hoàn toàn.

Với kết quả nêu trên, từ trước đến nay nhiều nhà nghiên cứu đều cho rằng khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916 ở Trung Kỳ chỉ là “một âm mưu khởi nghĩa” hay “một cuộc vận động khởi nghĩa” mà thôi. Do đó, các giáo trình và sách giáo khoa hiện tại khi định danh về cuộc khởi nghĩa này đều dùng những tiêu đề như: *Vụ mưu khởi nghĩa ở Huế (1916)*; *Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916)*; *Cuộc vận động khởi nghĩa ở miền Trung (1916)*⁵... Nhận định này chỉ đúng với Huế và các địa phương khác, còn riêng Tam Kỳ thực tiễn lại khác.

Đến thời khắc khởi nghĩa (rạng sáng ngày 4.5.1916), mặc dù không nhận được lệnh khởi nghĩa từ kinh đô Huế, nhưng trước đó những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở phủ Tam Kỳ nhận được mật dụ của vua Duy Tân hiểu dụ tham gia Việt Nam Quang phục hội nên quyết tâm nổi dậy đánh Pháp.

Trước đó, các tầng lớp nhân dân ủng hộ về lương thực, tài chính, giúp đỡ về hậu cần. Các hào phú trong phủ Tam Kỳ như ông Lê Khâm Duy (tức Bát Kiện) ở Hòa Hạ, ông Bá Ba ở Thanh Lâm,... là những người đóng góp tiền bạc và lúa gạo nhiều nhất cho nghĩa quân⁶. Nhiều nhóm phụ nữ là thợ dệt, thợ may ở các vùng Bãi Dương, Cầu Duối (Tam Phú), Xóm Hàng (Hòa Hương),... bí mật dùng thuyền rở, thuyền dăng, ghe chở hàng đậu dọc sông Ba Kỳ ở vùng Phú Ninh, Trường Cửu dệt vải may quần phục, túi rết; các nhóm thợ rèn ở nhiều nơi được huy động đến phối hợp với xóm lò rèn ở Xuân Trung (Tam Thái), Phú Ninh (Tam Ngọc) để rèn đúc các loại vũ khí trang bị cho nghĩa quân⁷.

Theo *Lịch sử đấu tranh cách mạng huyện Tiên Phước (1858-*

⁴ Nguyễn Ngọc Cơ (Chủ biên), *Giáo trình Lịch sử Việt Nam, tập IV, từ 1858 đến 1918*, NXB. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2010, tr. 339.

⁵ Xem thêm: Nguyễn Thị Dăm, “Bản thêm về tên gọi của sự kiện lịch sử vận động khởi nghĩa ở Trung Kỳ”, *Tạp chí Huế xưa và nay*, số 9, 10.2006.

⁶ Nguyễn Phước Tương, “Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang Phục Hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916”, www.vusta.vn, *Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam*, 8.2.2009.

⁷ Thành ủy Tam Kỳ, *Lịch sử Đảng bộ huyện Tam Kỳ*, 2007, tr. 34

1975), *Lịch sử Đảng bộ huyện Tam Kỳ (1930-1954)* và tài liệu sưu tầm của nhà nghiên cứu Nguyễn Q. Thắng thì thời điểm năm 1915 ở các làng xã thuộc phủ Tam Kỳ thành lập được nhiều đội nghĩa binh gọi là *Phục quốc quân*, có nơi quân số lên đến hàng đại đội, nhất là các làng *Tân An Tây, Tam Mỹ, Ngọc Mỹ, Khương Mỹ, Trường Xuân, Ngọc Thọ, Thọ Khương, Vân Trai, Quý Thượng, Quảng Phú, Trung Đan Thượng, Phú Lâm, Cây Cốc, An Hòa, Kim Đài, Thanh Bình*⁸.... Lực lượng này được trang bị khá đầy đủ vũ khí, gồm giáo mác, gươm kiếm và một ít súng khai hậu hai nòng. Đặc biệt, đáng chú ý nhất là cuộc khởi nghĩa lôi cuốn nhiều công nhân của mỏ vàng Bồng Miêu, mỏ kẽm Đức Bố và đồn điền chè Đức Phú bỏ nơi làm việc về quê tham gia các đội nghĩa binh. Đến ngày khởi nghĩa, ban chỉ huy còn vận động được hai đội lính tập ở phủ đường Tam Kỳ làm nội ứng.

Đến gần ngày khởi nghĩa, các yếu nhân của cuộc khởi nghĩa thành lập ban chỉ huy lực lượng nghĩa quân phủ Tam Kỳ. Trong đó, *Trần Huỳnh làm Tổng lãnh binh cuộc khởi nghĩa, Nguyễn Tình và Trần Ni làm Phó lãnh binh*⁹. Các đội nghĩa binh ở các làng xã đều được phân công người chỉ huy để đảm bảo thống nhất khi hành động.

Chiều ngày 3.5.1916, các đội nghĩa binh với khoảng 650 người đã bí mật tập kết tại căn cứ Gò Chùa (còn gọi là Gò Đỏ) làm lễ tế cờ Ngũ tinh, chuẩn bị xuất binh. Sau khi nghĩa binh uống rượu thề phục quốc, Tổng Lãnh binh Trần Huỳnh đọc tuyên các rồi bắn một phát súng lệnh khởi binh. Lực lượng khởi nghĩa xuất phát hướng về phủ lý Tam Kỳ theo lá cờ Ngũ tinh được giương cao từ tay Lê Ngạn. Theo đó, Lê Tiễn dẫn một đội nghĩa binh tiên đánh, cướp đồn Trà My, những lính khố xanh còn sống sót tháo chạy vào rừng. Nguyễn Tình chỉ huy một đội nghĩa binh đánh chiếm đồn Thương Chánh Hiệp Hòa. Còn Trần Huỳnh, Trần Ni được phân công chỉ huy một đội nghĩa binh lớn đánh chiếm phủ đường và đồn Đại lý Tam Kỳ.

Tuy nhiên, do kế hoạch khởi nghĩa bị lộ ở Huế nên viên Đại lý và Tri phủ Tam Kỳ Tạ Thúc Xuyên tìm cách bảo vệ phủ đường; Tổng

⁸ Xem thêm: Đảng bộ huyện Tiên Phước, *Lịch sử đấu tranh cách mạng huyện Tiên Phước (1858-1975)*, 1993, tr. 43; Thành ủy Tam Kỳ, *Lịch sử Đảng bộ huyện Tam Kỳ, Sđd*, tr. 34 và Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước, Sđd*, tr. 602.

⁹ Về danh sách Ban chỉ huy khởi nghĩa có nhiều tài liệu nêu danh sách khác nhau, tác giả theo *Lịch sử Đảng bộ huyện Tam Kỳ*, tr. 35.

đốc Từ Thiệp thông báo khẩn với Khâm sứ Charles cử một trung đội Âu Phi cấp tốc vào Tam Kỳ đàn áp cuộc khởi nghĩa.

Trước những bất lợi đó, lực lượng khởi nghĩa không chùn bước, tiếp tục tấn công chiếm tòa Đại lý Tam Kỳ, phá kho và thu được một số đạn dược, quần áo và vài khẩu súng. Tiếp đó, quân khởi nghĩa tiến đến bao vây phủ đường trong đêm khuya, tại đây địch bố trí quân phục kích, đánh trả quyết liệt.

Khi Trịnh Uyên, chỉ huy đội nghĩa binh Kim Đái leo lên cột cờ của phủ đường để hạ cờ Nam triều xuống thay bằng lá cờ Ngũ tinh thì bị bắn hy sinh tại chỗ. Hai bên giao đấu nhau quyết liệt. Sáng ngày 4.5.1916, lực lượng khởi nghĩa chiếm đóng phủ lý Tam Kỳ, chung quanh đồn Đại lý và các vùng xung quanh. Nhưng sau đó thực dân Pháp phản công và do tương quan lực lượng bất lợi cho nghĩa quân nên sau 8 giờ làm chủ phủ lý Tam Kỳ, nghĩa binh không chống cự nổi, phải rút lui.

Chính quyền thực dân bắt được 31 nghĩa binh, trong đó phần lớn là những người chỉ huy như Trần Huỳnh, Thẩm Tùng Vân, Lê Ngạn, Ngô Đốc, Trần Thu, Trần Khuê,... Ngày 6.5.1916, chúng chuyển những người bị bắt về nhà lao Hội An. Trong nhà lao, Trần Huỳnh luôn luôn động viên các đồng chí của mình giữ vững ý chí và khẳng khái nhận hết trách nhiệm về mình trước bọn mật thám Pháp. *Lực lượng nghĩa binh còn lại đã phân tán về các làng. Thực dân Pháp điều thêm quân từ Hội An đến tiến hành việc lùng sục các tổng, làng bắt khoảng 500 người đưa về phủ đường tra tấn*¹⁰. Một số nghĩa binh bỏ làng rút vào rừng để lẩn tránh. Sau nửa tháng trời, quân Pháp mới lập lại trật tự trong toàn phủ Tam Kỳ.

Ngày 27.5.1916, tòa án Nam triều Quảng Nam mở phiên tòa xét xử những người tham gia khởi nghĩa. Trần Huỳnh và Trần Ni bị xử chém tại Chợ Củi (Điện Bàn). Trước khi thọ hình, các ông vẫn hiên ngang vẫy chào mọi người và hô vang: *“Dòng giống Lạc Hồng thiên thu! Việt Nam vạn tuế!”*. Số nghĩa quân còn lại đều bị kết án tù từ một năm đến chung thân, có người bị đày ở nhà lao Lao Bảo, số khác bị giam tại nhà lao Hội An.

¹⁰ Nguyễn Phước Trương, “Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang Phục Hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916”, www.vusta.vn, *Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam*, 8.2.2009.

Như vậy, khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916 mặc dù trên toàn cục, do âm mưu nổi dậy bị bại lộ nên thất bại từ trứng nước ở kinh đô và một số tỉnh khác, nhưng nó đã nổ ra trên thực tế tại phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

3. Kết luận

Từ những kiến giải trên cho thấy phủ Tam Kỳ (Quảng Nam) ngay từ đầu đã có vị trí quan trọng trong kế hoạch khởi nghĩa Việt Nam quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916. Đây không chỉ là quê hương của nhiều yêu nhân trong tổ chức Việt Nam Quang phục hội mà còn được xác định là một trọng địa của cuộc khởi nghĩa cần phải giành được chiến thắng, đồng thời có nhiệm vụ hỗ trợ cuộc nổi dậy ở các địa phương khác. Ý thức được trách nhiệm của mình đối với thành bại của cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội, những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Tam Kỳ dưới sự ủng hộ của nhân dân đã tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình chuẩn bị khởi nghĩa và được đánh giá là một trong những nơi có công tác chuẩn bị tốt. Do đó, khi thời điểm khởi nghĩa đến, dù không nhận được hiệu lệnh nhưng nhân dân Tam Kỳ dưới sự chỉ huy của Trần Huỳnh và các đồng chí của ông nhất tề nổi dậy, tiến hành cuộc đấu tranh vũ trang với kẻ thù. Một hành động mà những địa phương khác không làm được.

Cuộc nổi dậy vũ trang diễn ra vào đêm ngày 3 rạng sáng ngày 4.5.1916 tại phủ Tam Kỳ là một thực tế lịch sử, đây là một cuộc khởi nghĩa với đầy đủ tính chất của nó, do Việt Nam Quang phục hội lãnh đạo, lực lượng khởi nghĩa bằng sự quả cảm của mình đã vượt qua lưới đạn của kẻ thù, tấn công trực diện và làm chủ trong một thời gian ngắn của một trong những trung tâm chính trị - quân sự của tỉnh Quảng Nam là phủ lỵ Tam Kỳ. Máu của người dân Tam Kỳ đã đổ xuống, với quyết tâm giành lại độc lập tự do, để lại một dấu ấn sâu sắc trong truyền thống cách mạng tốt đẹp của xứ Quảng địa linh nhân kiệt. Và cố nhiên, ngày nay nếu như nhân dân Tam Kỳ nói riêng, tỉnh Quảng Nam nói chung có quyền tự hào về võ công của cha ông mình, thì chúng ta cũng có thể đi đến khẳng định rằng phủ Tam Kỳ là trung tâm điểm của cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916./.

KHỞI NGHĨA TAM KỲ NĂM 1916 - NHỮNG NGUYÊN NHÂN TẠO NÊN SỰ KHÁC BIỆT

TS. TRƯƠNG THỊ DƯƠNG*

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, dưới ách thống trị của thực dân Pháp, nhân dân ta sống trong cảnh nô lệ lầm than. Cùng lúc đó, dưới tác động của những yếu tố khách quan và chủ quan, xã hội Việt Nam có sự thay đổi, trong đó sự chuyển biến về tư tưởng của các trí thức nho học - những người được trọng vọng nhất trong xã hội lúc bấy giờ là một trong những nét khác biệt dẫn đến những phong trào yêu nước mang màu sắc mới. Quảng Nam nói chung và Tam Kỳ nói riêng là một trong những vùng đất vinh dự được đón nhận sự hoạt động yêu nước của các sĩ phu có tư tưởng tiến bộ lúc bấy giờ. Có lẽ vì thế, trong phong trào Duy tân đầu thế kỷ XX Tam Kỳ là một trong những nơi mà thực dân Pháp đánh giá là hoạt động yêu nước mạnh, thu hút nhiều người dân tham gia, nó đe dọa đến sự tồn tại của chính quyền thực dân. Mười năm sau, cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916 chuẩn bị diễn ra thì bị bại lộ nhưng riêng ở Tam Kỳ là nơi duy nhất cuộc khởi nghĩa vẫn nổ ra. Phải chăng đó cũng là lý do cuộc Hội thảo kỷ niệm 100 năm cuộc khởi nghĩa Tam Kỳ được tổ chức để các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu Lịch sử cùng nhau trao đổi. Riêng cá nhân tôi cũng mạnh dạn có những lý giải xin được trao đổi về nguyên nhân vì sao Tam Kỳ lại là nơi duy nhất diễn ra cuộc khởi nghĩa năm 1916.

Thứ nhất, trước đây chính Tam Kỳ là một trung tâm lớn của phong trào Duy tân, ảnh hưởng của phong trào Duy tân kéo dài đến sau này khiến cho cuộc khởi nghĩa ở Tam kỳ vẫn nổ ra. Bởi lẽ, trong sự đầu tư về văn hóa, giáo dục chúng ta khó thấy ngay kết quả mà phải có thời gian để tích lũy và biểu hiện kết quả đó. Phong trào Duy tân cũng là một sự đầu tư bằng cách thực hiện khai dân trí, chấn dân

*Khoa Lịch sử, Trường Đại học Quy Nhơn.

khí để chuẩn bị cho phong trào chống Pháp sau này. Mặc dù năm 1908, phong trào Duy tân bị dập tắt nhưng những nội dung nhằm khai thông dân trí mà phong trào mang lại vẫn in đậm trong tư tưởng của người dân Tam Kỳ, nó thể hiện ra khi kế hoạch khởi nghĩa được triển khai thì nhân dân Tam Kỳ đã hưởng ứng mạnh mẽ, chuẩn bị kỹ hơn ở nơi khác.

Nhìn lại phong trào Duy tân ở Tam Kỳ cho thấy, khi các sĩ phu yêu nước Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp... khởi xướng phong trào Duy tân vào những năm đầu thế kỷ XX nhân dân Tam Kỳ hăng hái tham gia vào Hội kín ở Quảng Nam. Trong phong trào Duy tân, các thành viên của Hội hiệp thương Quảng Nam đi khắp các Hội vận động người dân thực hiện cắt tóc ngắn, ăn mặc theo phong cách người Âu, dạy cho người dân muốn có quyền trong tay phải tự lực khai hóa, dân phải có trình độ. Báo cáo của chính quyền thực dân đã nói rõ: *“Hoạt động của các thành viên hội này diễn ra chủ yếu trong phủ Thăng Bình và phủ Tam Kỳ, và nhất là ở vùng giáp ranh giữa hai khu vực này và chính nơi này là nơi Phan Châu Trinh ở. Các cuộc họp công khai được tổ chức nơi mà các diễn giả chỉ dẫn cho những người nhà quê các thủ tục mới sẽ đưa đất nước An Nam đến tiến bộ bằng những con đường nào đấy. Theo tôi thì đã đến lúc phải kết thúc sự tuyên truyền vô tổ chức và phá hoại chính quyền này”*¹. Hiện tượng này không thấy có ở nơi khác trong báo cáo của Công sứ Pháp ở Quảng Nam.

Một báo cáo khác của chính quyền thực dân cũng cho biết ở Tam Kỳ nhân dân được tập hợp lại để nghe các trí thức Nho học diễn thuyết, tuyên truyền về vấn đề dân quyền nhằm nâng cao sự hiểu biết cho người dân, tuyên truyền một phương thức làm kinh tế mới tư bản chủ nghĩa, chú trọng đến phát triển thương nghiệp, khuyến khích trồng nông nghiệp để làm giàu, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân, Báo cáo chính trị tháng 11.1907 gửi ngài Khâm sứ: *“Số lượng thành viên tham gia vào Hội Kín ở Quảng Nam tăng từng ngày. Những thành viên có tầm ảnh hưởng nhất trong hội sống ở phủ Tam Kỳ và phủ*

¹ Rapport Politique Octobre 1907, (Hoi An, le November 1907) No 167, Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV, Hồ sơ 242RSA/RP.

Thăng Bình, ở đây cả làng là thành viên của hội. Các buổi họp được tổ chức vào những ngày ấn định, đó là ngày 1 và ngày 15 hàng tháng. Các buổi họp được tổ chức ở trong các khu chợ chính. Một vài buổi họp được hàng nghìn người. Mặt khác, các bài diễn thuyết không có gì là lén lút và người ta có hơi công kích uy quyền các quan lại, nhất là người ta thường xuyên nói về việc cần thiết phải trau dồi học tập thường xuyên nói về việc cần thiết phải trau dồi học tập để có thể tự mình lãnh đạo được, người ta tán dương nông nghiệp và thương mại như là phương tiện trở nên giàu có và đem lại quyền lực”².

Trong phong trào Duy tân, Quảng Nam là nơi khởi phát, hoạt động của các chí sĩ yêu nước rộng khắp, nhưng trọng tâm vẫn ở vùng Tam Kỳ và Thăng Bình, nơi hoạt động nhiều của các chí sĩ yêu nước tại quê hương và là nơi ra đời của Hội Duy tân, ở đây người dân được khơi dậy lòng yêu nước, sự hi sinh bản thân mình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Một báo cáo của Công sứ Hội An gửi Khâm sứ Trung Kỳ đã ghi:

“Hội kín ở Quảng Nam tiếp tục tuyên truyền chống Pháp và chủ nghĩa dân tộc. Hoạt động của Hội chủ yếu diễn ra ở phủ Thăng Bình và Tam Kỳ, các thành viên trong Hội tham gia vào các trường học trong làng. Họ định hướng việc học tập, họ đưa cho những học viên trẻ những quyển sách có dụng ý ca ngợi lòng yêu nước, căm thù quân xâm lược, coi thường cái chết: Ai cũng phải sẵn sàng hi sinh cuộc sống của mình vì tổ quốc. Đó là những bài học về sức mạnh rất hay, chỉ có điều đáng tiếc là chúng tôi lại là những người chịu ảnh hưởng xấu từ việc giảng dạy này”³. Trong những trường học Duy tân lúc đó được mở ra không chỉ dạy cho học sinh những môn khoa học mà còn dạy những môn võ, so với nhiều trường học duy tân lúc đó, việc dạy môn võ chưa phổ biến. Trong báo cáo của Công sứ Pháp tại Quảng Nam gửi cho Công sứ Trung Kỳ có đoạn ghi: “Trong các trường, ngoài việc giáo dục cho thế hệ trẻ, người ta cũng cố gắng dạy giáo dục thể chất. Trong nhiều làng ở phủ Thăng Bình và Tam Kỳ, các

² Rapport Politique du November 1907, No 184 (FaiFoo, le Décembre 1907) Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV, Hồ sơ 235 RSA/RP.

³ Rapport Politique, Décembre 1907 (Hoi An, 8.1.1908) No 4. Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV, Hồ sơ 244/1 RSA/RP.

thanh niên trẻ từ 18 đến 30 tuổi được giáo dục theo cách của quân đội. Những người lính cũ giúp giáo viên trong những bài học này”⁴. Như vậy chính trong phong trào Duy tân nhưng người lính đã giác ngộ và góp phần đào tạo những dân binh tương lai cho cuộc khởi nghĩa Tam Kỳ, phải chăng đó cũng là nguyên cơ sau này cuộc khởi nghĩa có sự phối hợp giữa dân binh và lực lượng binh lính.

Những hoạt động trong phong trào Duy tân tuy ôn hòa nhưng đã mở mang cho dân ta nói chung và nhân dân Tam Kỳ nói riêng những hiểu biết mới, họ ý thức được quyền lợi của mình và cùng nhau đứng lên đấu tranh chống sưu cao thuế nặng, đòi quyền dân sinh dân chủ. Phong trào sớm diễn ra ở huyện Đại Lộc sau đó lan nhanh ra các địa phương khác ở Quảng Nam và những tỉnh lân cận, riêng Tam Kỳ - Quảng Nam là nơi diễn ra phong trào chống sưu thuế khá quyết liệt. Đỉnh điểm, vào tối ngày 30.3.1908, sĩ phu yêu nước Trần Thuyết (Trần Văn Vinh) người làng Phước Lợi, tổng Phước Lợi, phủ Tam Kỳ, (nay là xã Tam Lãnh, huyện Phú Ninh) dẫn hơn 3.000 người từ khắp nơi trong phủ kéo về bao vây phủ đường Tam Kỳ ba ngày, đòi xử tội Đề đốc Trần Tuệ là tay sai rất gian ác, yêu cầu Trần Tuệ và tri phủ tham gia vào đoàn biểu tình, cùng kéo về đồn Đại lý Pháp để xin sưu, chống thuế. Báo cáo từ Hội An gửi Khâm sứ Trung Kỳ như sau: *“Ở Tam Kỳ, trong vòng ba ngày, hàng nghìn người biểu tình đã chiếm lĩnh phủ, họ hú hét và dọa giết tri phủ và đề đốc, bỏ tù những vị quan này. Những vị quan bất hạnh này chỉ được giải thoát khi gặp vệ binh cận vệ Salvant, người áp tải một tù nhân nguy hiểm đến Nghệ An và đang trên đường trở về Tam Kỳ. Khi ngài đến nơi thì Đề đốc và quan phủ sắp bị rơi vào tay đám đông phần khích quá độ này. Tôi tin rằng nếu họ bị rơi vào tay đám đông này thì họ không còn sống sót”⁵.* Trước sự phẫn nộ của quần chúng, Trần Tuệ không dám ra mặt và lén leo lên xe chạy về đồn. Không dừng tại đây, nhân dân cùng Trần Thuyết kéo xuống đồn để đòi yêu sách, nhưng bọn thực dân không

⁴ Rapport Politique, Décembre 1907 (Hoi An, 8.1.1908) No 4. Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV, Hồ sơ 244/1 RSA/RP.

⁵ Rapport Politique (Hoi An, 3.5.1908) No 64. Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV, Hồ sơ 262/ RSA/RP.

những không đáp ứng yêu cầu chính đáng của nhân dân mà còn xua quân đàn áp dã man, chúng bắn chết một số người, một số khác bị bắt giam. Thực dân Pháp sợ phong trào lan rộng đến công nhân, đồn trưởng Đại lý phải cho lính đến bảo vệ đưa Trần Tuệ về đồn. Tuy nhiên khi xe đưa Trần Tuệ đến công, sĩ phu yêu nước Trần Thuyết hô to “*Đồng bào ta xin quan Đại lý giao Đề Tuệ cho dân ăn gan*”, một tiếng “dạ” đồng thanh vang lên, Đề Tuệ ngất xỉu, hộc máu chết. Sau cuộc biểu tình, cụ Trần Thuyết cùng nhiều sĩ phu yêu nước khác bị thực dân Pháp bắt giam cầm, tra tấn dã man. Đến chiều ngày 5.4.1908 nhằm ngày 16.4 năm Mậu Thân bọn chúng kết án tử hình và đem Trần Thuyết ra xử chém tại đầu cầu Tam Kỳ.

Tuy phong trào Duy tân và phong trào chống thuế bị đàn áp dã man nhưng ý chí của những người dân Tam Kỳ không bao giờ khuất phục, thậm chí tinh thần yêu nước lại càng được nung nấu hơn sau những hoạt động tuyên truyền trước đó của phong trào Duy tân. Khi có kế hoạch khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội họ đã có những hoạt động sôi nổi để chuẩn bị một cách chu đáo. Nhân dân phủ Tam Kỳ đã bí mật ủng hộ nghĩa quân của Việt Nam Quang phục hội và tham gia nghĩa quân. Các sĩ phu yêu nước ở các làng Tân An Tây, Tam Mỹ, Ngọc Mỹ, Khương Mỹ, Trường Xuân, Ngọc Thọ, Thọ Khương, Vân Trai, Quý Thượng, Quảng Phú, Trung Đoàn Thượng, Phú Lâm, Cây Cốc, An Hoà, Kim Đái, Thạnh Bình... đã bí mật thành lập các đội nghĩa binh. Đặc biệt, đáng chú ý nhất là nhiều công nhân của mỏ vàng Bồng Miêu và đồn điền chè Đức Phú của Pháp đã bỏ nơi làm việc về quê tham gia các đội nghĩa binh.

Nghĩa binh phủ Tam Kỳ được các tầng lớp nhân dân ủng hộ về lương thực, tài chính, giúp đỡ về hậu cần. Các hào phú trong phủ Tam Kỳ như ông Lê Khâm Duy (tức Bát Kiện) ở Hòa Hạ, ông Bá Ba ở Thanh Lâm... là những người đóng góp tiền bạc và lúa gạo nhiều nhất cho nghĩa quân.

Riêng lực lượng dân binh tại các xã Ngọc Mỹ, Quý Thượng, Kim Đới, Quảng Phú, An Hà, Tam Quý, Phú Ngọc, Hòa Thanh thuộc tổng Phú Quý và một số địa phương khác tham gia với quân số lên

đến hơn 300 người. Ngoài ra Ban chỉ huy dân binh còn vận động lính khổ đỏ, công nhân, giáo chức tiến bộ cùng tham gia được trang bị đầy đủ giáo mác, gậy gộc sẵn sàng đối đầu với quân địch. Dưới sự chỉ huy của các sĩ phu yêu nước Trần Thu, Cai Chùy, Trịnh Uyên (Ngọc Mỹ), Lương Đình Thự (Quý Thượng), Nguyễn Thước, Nguyễn Châu Ân (Phú Ngọc), Lê Khâm Duy và Trần Siêu (Hạ Thanh) sẵn sàng khởi nghĩa.

Một nhóm phụ nữ là thợ dệt, thợ may ở các vùng Tam Kỳ, Bãi Dương, Cầu Duối... đã bí mật dùng thuyền rở, thuyền đăng, ghe chở hàng đậu dọc sông Ba Kỳ ở vùng Phú Ninh, Trường Cửu dệt vải may quần phục, túi rết; các nhóm thợ rèn ở nhiều nơi được huy động đến phối hợp với xóm lò rèn ở Xuân Trung để rèn giáo, gươm trang bị cho nghĩa quân.

Đề có sự khác biệt như vậy là tinh thần của nghĩa hội và ảnh hưởng của phong trào Duy tân vẫn còn đó trong đông đảo nhân dân mà sau khi phong trào bị dập tắt vẫn nuôi dưỡng tinh thần yêu nước năm nào khi được nghe diễn thuyết, tuyên truyền.

Thứ hai, Tam Kỳ trước đây là nơi các chí sĩ duy tân hoạt động sôi nổi, sau cũng là nơi tập hợp được nhiều nghĩa sĩ còn sót lại của phong trào Duy tân và phong trào chống Thuế, trong đó chủ trương cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh tuy có khác nhau về phương pháp thực hiện nhưng cùng một chí hướng, không bài trừ nhau mà hỗ trợ lẫn nhau, vì thế những ảnh hưởng của Phan Châu Trinh trước đây ở Tam Kỳ vẫn có tác dụng với chủ trương của Việt Nam Quang phục hội sau này. Và những hoạt động của Phan Châu Trinh lại truyền bá những chủ trương cứu nước của Phan Bội Châu (người sáng lập Duy tân hội): *“Hội kín ở Quảng Nam tiếp tục tuyên truyền chống Pháp, các thành viên trong hội đưa cho họ những quyển sách ca ngợi lòng yêu nước căm thù giặc, một vài quyển sách có tựa đề khơi gợi: “Đả kích số phận của những đứa con An Nam”; “Cái chết của một đế quốc”, quyển này được cho là của Phan Bội Châu”*⁶.

⁶ Rapport Politique, Décembre 1907 (Hoi An, 8.1.1908) No 4. Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV, Hồ sơ 244/1 RSA/RP.

Những yếu nhân của phong trào Duy tân còn lại hoặc mới được thả ra đã lại tiếp tục thay đổi phương châm hoạt động. Thượng tuần tháng 5 năm Nhâm Tý (tháng 6 năm 1912), trong cuộc “Đại hội nghị” tại từ đường nhà Lưu Vĩnh Phúc ở Quảng Đông (Trung Quốc), có đông đủ đại biểu khắp ba kỳ đã quyết định giải tán Duy tân hội. Giữa lúc ấy Trung Quốc Đồng minh hội, chính Đảng tư sản đầu tiên ở Trung Quốc lãnh đạo cách mạng Tân Hợi thành công thành lập Trung Hoa Dân Quốc, tác động mạnh mẽ tới Phan Bội Châu. Tháng 12.1912, ông cùng nhiều đồng chí từ Xiêm (Thái Lan) đến Trung Quốc gặp Hội viên Hội Duy tân và những người Đông du trong nước sang để bàn phương châm hoạt động. Nhiều Nho sĩ tiến bộ vừa là những người hoạt động trong phong trào Duy tân đầu thế kỷ XX vừa là những yếu nhân trong khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916. Chính họ đã mang nhiệt huyết năm nào đốt cháy lên ngọn lửa yêu nước của nhân dân Tam Kỳ bằng một cuộc khởi nghĩa mới. Ví như, Trần Huỳnh ở Tiên Thọ khi các phong trào chống Pháp ở quê hương ông đều tích cực tham gia, trong phong trào Duy tân ông cùng với Lê Cơ ở Phú Lâm, Lê Vĩnh Huy ở Thạnh Bình, Phan Quang ở Cẩm Y, ông đứng ra vận động công cuộc cải cách ở Tân An Tây, thành lập trường dạy chữ Quốc ngữ lấy tên là trường Tân Xuân và một trường dạy võ mang tên Dục Thanh. Cũng trong thời gian này, Trần Huỳnh lấy danh nghĩa là Lý trưởng đứng ra vận động những người có tâm huyết, có lòng ái quốc chung góp xây dựng nên khu lều chợ (chợ Cây Cốc) bằng gỗ, lớp tranh, diện tích trên 400 m² là một trong những chợ lớn nhất lúc bấy giờ. Tháng 9.1915, đội phục quốc quân được thành lập tại nhà ông Trần Huỳnh với khoảng 30 người tham gia, đến cuối năm 1915 đã có 60 người tham gia.

Lê Đình Dương quê ở Điện Bàn, trong phong trào chống thuế, với kiến thức tiếng Pháp ngữ của mình ông đấu tranh cùng với nhân dân, sau đó bị đuổi học và tiếp tục tham gia tổ chức Việt Nam Quang phục hội. Trong cuộc khởi nghĩa năm 1916, ông được giao trọng trách là tiếp xúc với tên Đại tá người Đức đang chỉ huy một Trung đoàn đóng ở Mang Cá, nhằm làm cho trung đoàn này “án binh bất động” khi cuộc khởi nghĩa nổ ra. Với tài năng và đức độ của mình, ông được đại hội Việt Nam Quang phục hội tín nhiệm và cử làm

Tổng trấn Quảng Nam nếu cuộc khởi nghĩa thành công, tuy nhiên cuộc khởi nghĩa không thành, ông bị bắt giam ở Khánh Hòa và đày đi Buôn Ma Thuột

Trần Cao Vân, sau cuộc khởi nghĩa Võ Trứ ông bị bắt, khi ra tù ông tiếp tục liên kết với các chí sĩ yêu nước, trong phong trào chống thuế ông lại bị kết tội yêu thư, yêu ngôn (liên quan gián tiếp đến phong trào) và khi được thả ra một lần nữa ông đã thực hiện nhiệm vụ của Việt Nam Quang phục hội liên lạc với vua Duy Tân chuẩn bị khởi nghĩa. Phan Thành Tài (quê ở Điện Bàn) tích cực tham gia phong trào Duy tân ở Quảng Nam, sau cùng với Thái Phiên và Trần Cao Vân lập kế hoạch khởi nghĩa lật đổ chính quyền thực dân.

Như vậy, qua đó cho thấy tại Tam Kỳ đã có nhiều sĩ phu trước đó hoạt động trong phong trào Duy tân, phong trào chống thuế, sau cũng là những đóng vai trò chủ chốt trong cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội như Trần Huỳnh, Trần Cao Vân, Lê Đình Dương, Phan Thành Tài,... đây là một hiện tượng hiếm có ở các tỉnh khác trong giai đoạn đó.

Thứ ba, từ đầu thế kỷ XX đến khi cuộc khởi nghĩa Tam Kỳ diễn ra, Tam Kỳ là một vùng đất tập hợp được khá nhiều trí thức Nho học tiến bộ hoạt động sôi nổi, đó là nét riêng mà ở Bình Định, Quảng Ngãi không có được. Tiêu biểu như Phan Châu Trinh, Trần Thuyết ở tổng Phước Lợi, phủ Tam Kỳ, Lê Cơ (người đã thực hiện Tam thập xã thôn ở vùng giáp 4 phủ huyện: Tiên Phước, Tam Kỳ, Thăng Bình và Quế Sơn); Tiến sĩ Huỳnh Hanh (Huỳnh Thúc Kháng) quê ở Tiên Phước, Quảng Nam; Trần Thu (xã Tam Phú, Tam Kỳ) lấy danh nghĩa là thầy thuốc đi chữa bệnh cho dân nghèo đã đến đây để liên lạc với các địa phương, bàn về việc khởi nghĩa. Sau một thời gian bôn ba khắp các tỉnh lân cận, ông trở về quê nhà cùng với các sĩ phu yêu nước khác đứng ra thành lập đội quân khởi nghĩa. Khu vườn nhà ông trở thành nơi hội họp, tập luyện dân binh, tích trữ lương thực chuẩn bị khởi nghĩa. Báo cáo của Công sứ Hội An cũng đã ghi: *“Những vị lãnh đạo chính của Hội kín ở Quảng Nam, như tôi đã cho ngài biết, đó là: Phó bảng Phan Châu Trinh ở làng Tây Lộc, tiến sĩ Huỳnh Hanh ở làng Thạnh Bình, Ám Hàm ở làng Thạnh Mỹ.... những người này có*

tầm ảnh hưởng rất lớn ở Tam Kỳ”⁷. Vì thế không thể phủ nhận rằng sự ảnh hưởng của các trí thức trên giúp cho dân Tam Kỳ nâng cao nhận thức, khiến họ sẵn sàng nổi dậy chống chính quyền thực dân khi được tổ chức, lãnh đạo.

Thứ tư, công tác chuẩn bị khởi nghĩa ở Tam Kỳ được lực lượng chính là nông dân chuẩn bị chu đáo và vận động được bộ phận binh lính ủng hộ, lực lượng dân binh được tập hợp và hỗ trợ phong trào.

Với những nguyên nhân trên, năm 1916 công tác chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa hoàn tất, việc phối hợp tác chiến đã được các cánh quân khởi nghĩa đã được các thủ lĩnh của các vùng bàn bạc kỹ lưỡng tại nhà ông Biện Chánh vào chiều ngày 2.5.1916.

Theo kế hoạch đã nhất trí giữa các tỉnh, cuộc khởi nghĩa sẽ tiến hành vào đêm mùng 3 rạng ngày mùng 4 tháng 5.1916 khi có lệnh súng thần công nổ ở kinh đô Huế và tín hiệu lửa đốt trên đỉnh Hải Vân báo hiệu cho hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi biết để phối hợp hành động. Trường hợp không giành được thắng lợi thì đạo quân Quảng Nam rút về phía tây Bà Nà, Quảng Ngãi rút vào rừng núi Ba Tơ, Giá Vụt để tiếp tục kháng chiến. Nhưng chẳng may tổ chức ở Quảng Ngãi bị bại lộ, tình hình trở nên căng thẳng, nhưng tại Tam Kỳ, chiều ngày 3.5.1916, các đội dân binh được tập trung nghe “Tuyên cáo khởi nghĩa” dưới sự chỉ huy của Trần Huỳnh và lãnh binh Trần Ni, nhân dân nhiều nơi trong tỉnh kéo về phủ lý.

Ở tỉnh lỵ Hội An, tỉnh Quảng Nam, nghĩa quân bị quân Pháp phát hiện và bị giải giáp, Lê Đình Dương bị bắt ngay đêm đó, còn Phan Thành Tài liền lánh vào núi Bà Nà nhưng sau đó cũng bị bắt, chém ở Vĩnh Điện.

Chiều ngày 3.5.1916, tại gò Chùa, dân binh đã tụ tập gần 1.000 người. Lễ khao quân đã diễn ra tại nhà Trần Huỳnh, mỗi dân binh uống một chung rượu thề, sau đó lễ xuất quân được diễn ra tại một đám ruộng. Dưới lá cờ vuông nền đen, 5 ngôi sao trắng kéo lên cột cờ, Trần Huỳnh đọc tuyên cáo khởi binh và hạ lệnh xuất quân, đội

⁷ Rapport Politique, Décembre 1907 (Hoi An, 8.1.1908) No 4. Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV, Hồ sơ 244/1 RSA/RP.

quân do Trần Huỳnh và Trần Tùng Vân chỉ huy, có Lê Ngạn cầm đầu, gồm 650 dân binh, rầm rộ kéo đến phủ đường Tam Kỳ. Tuy nhiên, do kế hoạch khởi nghĩa bị bại lộ tại kinh đô nên đại lý Pháp và tri phủ Tam Kỳ Tạ Thúc Xuyên đã biết trước nên đã trốn tránh đi nơi khác và tìm cách bảo vệ phủ đường Tam Kỳ.

Nghĩa binh chọn tòa Đại lý là nơi tấn công đầu tiên bởi có đồn lính khố xanh ở đây, nhưng không thấy địch chống cự. Nghĩa binh đã chiếm được đồn, phá kho và chỉ thu được một số đạn, quần áo và vài khẩu súng hỏng. Nghĩa quân lạng lẽ tiến đến bao vây phủ đường trong đêm khuya, nhìn bên ngoài im lìm như không hề hay biết gì, nhưng thực ra quân địch đã tập trung lực lượng binh lính của toàn phủ Tam Kỳ tại đây và bố trí quân phục kích để đánh trả.

Nhận tin báo, quân khởi nghĩa khắp mọi nơi kéo về vây kín phủ đường, Công sứ Charles ở Hội An phái 1 trung đội lính Âu phi cấp tốc hành quân đến đàn áp. Rạng sáng ngày 4.5.1916 lực lượng dân binh cùng hàng ngàn quần chúng ở khắp nơi kéo về bao vây phủ đường Tam Kỳ và tòa Đại lý Pháp, đột nhập vào trụ sở. Trong lúc đó, Trịnh Uyên (quê Tam Thăng, Tam Kỳ) là thành viên trong Ban chỉ huy dân binh cánh đông, xung phong trèo lên cột cờ phủ đường Tam Kỳ xé cờ Quẻ ly, treo cờ nghĩa hội “Ngũ tinh” lên, bất ngờ bị quân Pháp phục sẵn ngoài cổng nổ súng bắn chết Trịnh Uyên tại chỗ.

Súng từ các ngõ ngách trong các công thự của phủ đường bắn ra xối xả vào nghĩa binh. Bị đánh bất ngờ, các nghĩa binh đã dựa vào địa hình, địa vật phản kích quyết liệt, nhưng do tương quan lực lượng của địch mạnh hơn, sau tám giờ làm chủ phủ lý Tam Kỳ, nghĩa binh không chống cự nổi, phải rút lui.

Cuộc khởi nghĩa thất bại, quân địch đã bắt được 31 nghĩa binh trong đó phần lớn là chỉ huy, cốt cán gồm có Trần Huỳnh, Trần Tùng Vân, Trần Thu, Trần Khuê... Trần Ni không bị bắt lánh về làng Quảng Phú. Chiều hôm sau (6.5.1916), Pháp giải các ông và 26 dân binh về nhà lao Hội An. Trong nhà lao, Trần Huỳnh luôn luôn động viên các bạn chiến đấu vững ý chí và khẳng khái nhận hết trách nhiệm về mình trước bọn mật thám Pháp. Các sĩ phu yêu nước Trần Thu, Cai Chùy, Lương Đình Thự, Nguyễn Thước, Nguyễn Châu Ân

bị thực dân Pháp bắt đầy đi khổ sai ở nhà tù Lao Bảo (Quảng Trị). Riêng lãnh binh Trần Huỳnh, ngày 27.5.1916, Tòa án hình sự Quảng Nam mở phiên tòa xét xử và kết án ông hình phạt xử chém “trảm giam hậu”. Sau đó, ngày 3.6.1916, ông bị xử chém tại Chợ Củi gần tỉnh lỵ La Qua (nay thuộc xã Điện Phương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Trước lúc thọ hình, ông vẫn hiên ngang vẫy chào mọi người và hô vang: “*Dòng giống Lạc Hồng thiên thu! Việt Nam vạn tuế!*”.

Sau khi rút lui trong đêm 3.5.1916, các đội nghĩa binh còn lại đã phân tán về các làng mình. Sáng hôm sau, bọn Pháp điều thêm quân từ Hội An đến và tiến hành việc lùng sục các tổng, các làng để vây bắt nghĩa binh. Một số nghĩa binh đã bỏ làng rút vào rừng để ẩn tránh. Sau nửa tháng trời, quân Pháp mới dẹp yên được nghĩa binh và đưa lại trật tự an ninh trong phủ Tam Kỳ. Giặc bắt bớ tràn lan trên 500 người đưa về phủ đường tra tấn.

Nhân cơ hội ngày, tri phủ Tam Kỳ Tạ Thúc Xuyên tìm cách bắt bớ, hành hạ nhân dân. Người thân của những nghĩa binh bị bắt đều bị quy tội liên can và bị đóng gông giải về nhà lao phủ đường để tra hỏi. Những nho sĩ trước đây hay làm thơ đả kích bọn tham quan ô lại và cả những người giàu có ở địa phương cũng bị bắt, bị đeo gông tạ, quỳ trên gai xơ mít giữa sân để buộc họ hối lộ cho chúng. Tuy bị đàn áp dã man nhưng các nghĩa binh và đồng bào ta vẫn vững vàng khí tiết trước đòn tra tấn của chúng.

Như vậy, cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội, mặc dù trên toàn cục, do âm mưu nội dậy bị bại lộ nên thất bại ở kinh đô Huế và một số tỉnh khác, nhưng nó đã nổ ra trong một bộ phận tại phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, có tác dụng lớn động viên phong trào kháng Pháp của nhân dân ta. Cùng với những phong trào trước đó Tam Kỳ luôn giữ được vị thế là trung tâm của phong trào yêu nước ở Quảng Nam nói riêng và khu vực miền Trung lúc bấy giờ.

So với Bình Định, Quảng Ngãi, tuy có Trần Thu (xã Tam Phú, Tam Kỳ) lấy danh nghĩa là thầy thuốc đi chữa bệnh cho dân nghèo đã đến đây để liên lạc với các địa phương, bàn về việc khởi nghĩa nhưng ở Quảng Ngãi khi kế hoạch bị lộ thực dân Pháp đã truy bắt những

người cầm đầu và các sĩ phu tham gia Việt Nam Quang phục hội, ở Bình Định không diễn ra cuộc khởi nghĩa. Ở Huế, vua Duy Tân và Thái Phiên, Trần Cao Vân cũng bị bắt...

Kết luận: Qua những phong trào trên thực sự cho thấy ngoài thực hiện kế hoạch khởi nghĩa, Tam Kỳ đã chịu sự tác động của phong trào Duy tân và tư tưởng của những nhà lãnh đạo phong trào làm thức tỉnh ý thức dân tộc vốn tiềm ẩn trong nhân dân. Chính nhờ đó đã tạo thuận lợi cho hoạt động của Việt Nam Quang phục hội. Đặc biệt, trong hai mươi năm đầu thế kỷ XX, Tam Kỳ là vùng đất thu hút nhiều chí sĩ yêu nước có tư tưởng tiên bộ khiến cho phong trào chống Pháp ở đây có những nét điển hình so với những địa phương khác. Qua đó, khẳng định vai trò của quần chúng luôn là sức mạnh phi thường khi họ được trau dồi những hiểu biết và nâng cao ý thức chính trị, thiết nghĩ đây cũng là bài học kinh nghiệm “*lấy dân làm gốc*” mà từ xưa đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Để ghi nhận công lao của những người hy sinh trong cuộc khởi nghĩa Tam Kỳ, chính quyền tỉnh Quảng Nam và các gia đình đã tìm được hài cốt các cụ Trần Thu, Lương Đình Thự và Nguyễn Thước đưa về cải táng tại quê nhà. Với truyền thống bất khuất, lòng thiết tha độc lập, tự do của dân tộc, các thế hệ của phủ Tam Kỳ xưa - thành phố Tam Kỳ nay tự hào về sự hy sinh cao cả của hàng trăm đồng bào yêu nước và những tấm gương trung liệt của các sĩ phu yêu nước. Năm 2005 và năm 2009 phần mộ của các sĩ phu yêu nước đã được UBND tỉnh Quảng Nam xếp hạng di tích lịch sử và tháng 2.2013 UBND thành phố Tam Kỳ đã quy tập mộ cụ Trần Thu, Trịnh Uyên, Lương Đình Thự và Nguyễn Thước đưa vào khu lăng mộ tập trung được xây dựng ở khu vực Đồng Hưu, (thôn Ngọc Mỹ, Tam Phú, Tam Kỳ). Công trình này không chỉ là nơi tôn vinh các sĩ phu yêu nước mà còn là nơi sinh hoạt văn hóa, giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ mai sau. Dù trải qua nhiều biến cố của lịch sử nhưng nhân dân Tam Kỳ tự hào tiếp nối truyền thống của những người đã ngã xuống trong cuộc khởi nghĩa, đó là niềm tự hào, độc đáo của Tam Kỳ mà trong trang sử dân tộc Việt Nam trong khoảng giao thời giữa phong trào Duy tân với phong trào giải phóng dân tộc do Nguyễn Ái Quốc lãnh đạo thì khởi nghĩa Tam Kỳ chính là một gạch nối đỏ trong trang sử ấy./.

TTD

KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI TẠI PHỦ TAM KỲ QUA MỘT SỐ TÀI LIỆU LƯU TRỮ

VÕ HÀ*

Trong các địa phương của tỉnh Quảng Nam và cả Trung Kỳ, duy nhất phủ Tam Kỳ là đã xảy ra cuộc khởi nghĩa thực sự và đây chính là “điểm nhấn” cho ý đồ sử dụng vũ lực để đánh Pháp của phong trào khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân tại địa bàn Quảng Nam nói riêng và Trung Kỳ nói chung. Bài viết này thông qua một số tài liệu lưu trữ¹ với mong muốn làm rõ thêm khởi nghĩa tại Tam Kỳ của Việt Nam Quang phục hội năm 1916.

1. Quảng Nam, Đà Nẵng - một địa bàn trọng điểm của khởi nghĩa

Cuối thế kỷ XIX, người Pháp đã nhận thấy vị trí quan trọng của hải cảng Đà Nẵng trong ý đồ đánh Việt Nam. Từ thương nhân, giáo sĩ đến những nhà quân sự phương Tây có dịp đến Đà Nẵng lúc bấy giờ, đều nung nấu một khát vọng mạnh mẽ là đánh chiếm Đà Nẵng, làm bàn đạp tấn công kinh đô Huế. Theo Taboulet thì: “Đà Nẵng là nơi rất dễ phòng thủ, một đồn binh nhỏ nó có thể làm ra pháp luật và cắt đứt giao thông từ tỉnh này sang tỉnh khác, thì sự kháng cự của nhân dân sẽ yếu ớt”². Vì lẽ đó, Trung tướng Rigault cho rằng, chỉ cần đánh chiếm Đà Nẵng để khống chế mặt biển, vượt Hải Vân để đánh vào kinh đô Huế và “chỉ cần chiếm được Huế thôi là chắc chắn bẻ gãy ý chí kháng cự của đối phương”³.

* Hội Khoa học Lịch sử thành phố Đà Nẵng.

¹ Tài liệu được lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia hải ngoại Pháp Aix-en-Provence (ANOM). Các tài liệu này đã được dịch sang tiếng Việt bởi các nhà nghiên cứu Lê Thị Kinh, Nguyễn Phước Tương, Nguyễn Sinh Duy. Một vài trong tài liệu này được sử dụng trong đề tài “Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân (5-1916) qua một số tài liệu mới” của Hội Khoa học lịch sử thành phố Đà Nẵng (chủ trì) năm 2015.

² Georges Taboulet: *La Geste Française en Indochine*, tập 1, Paris, 1955, tr.146.

³ Georges Taboulet: *ltd*, tr.437.

Sau khi đã “bình định” được nước ta, trong nhận thức của các tướng lĩnh Pháp đều có cái nhìn chung quát về vị trí chiến lược của Đà Nẵng như trên. Tướng Đờ Cát cho rằng: “Trong dải đất nhỏ hẹp đó (tức miền Trung), thì “Tua-ran” (tức Đà Nẵng) rất đáng giá về quân sự. Đà Nẵng là hải cảng và là căn cứ hải quân và không quân quan trọng. Vì thế, Đà Nẵng là điểm giữa, điểm phòng thủ chiến lược, kiểm soát đường biển, đường bộ và đường hàng không của toàn miền Trung Đông Dương. Bản thân của “Tua-ran nhỏ” rất dễ bảo vệ và rất khó bị tấn công hoặc bị đánh chiếm, vì 1 phía là biển, 2 phía là núi. Đèo Hải Vân và núi Sơn Trà là những cao điểm thiên nhiên quý giá bảo vệ cho Đà Nẵng”⁴. Nhắc lại điều này để thấy rằng, các vị trí nỏ ra cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại Quảng Nam như Tam Kỳ, Hội, An, Đà Nẵng... đều nằm trong tầm kiểm soát về quân sự, chính trị của thực dân Pháp. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà Thái Phiên - Trần Cao Vân chọn Quảng Nam và Đà Nẵng là địa bàn chiến lược của cuộc khởi nghĩa. Tuy nhiên, điểm mấu chốt để Quảng Nam, Đà Nẵng trở thành địa bàn chiến lược của khởi nghĩa là vì vùng đất này đã duy trì một tinh thần “nghĩa khí cương cường”, ý chí chống giặc ngoại xâm của lực lượng sĩ phu và nhân dân tại đây⁵.

Thực dân Pháp tại Quảng Nam đã thấy được Quảng Nam là “xứ bất trị nhất tại Trung Kỳ” khi đánh giá: “Không còn nghi ngờ gì nữa, không bao giờ mà tinh thần quốc gia lại được trỗi dậy rất hăng hái trong những năm gần đây. Tỉnh Quảng Nam chắc chắn là tỉnh có tinh thần quốc gia nhiều hơn hết ở Đông Dương. Những phần tử có liên quan đến những sự việc xảy ra năm 1908 và 1916 còn giữ những quan hệ liên tục với nhau về lòng trong sạch của họ và trở thành một lực lượng tích cực có quan hệ với những người cộng sản Đông Dương. Người ta tưởng rằng như thế tỉnh Quảng Nam là một tỉnh căn

⁴ Lê Mạnh Thái: *Hồi chuyện tướng Đờ-cát*, NXB. Thanh Niên, Hà Nội, 2000, tr.164.

⁵ Ngay sau khi triều Huế đầu hàng thực dân Pháp, Quảng Nam là nơi nỏ ra phong trào Cần Vương mạnh mẽ nhất Trung Kỳ. Tiếp đó, Phong trào chống thuế năm 1908 nổ ra ở Quảng Nam và lan khắp Trung Kỳ, với sức mạnh của lòng “chuyên nhất”, chí “kiên quyết”, “hành động sáng tỏ”, sĩ dân Quảng Nam đã giáng một đòn chí mạng vào chính sách cai trị của thực dân Pháp và phong kiến Nam Triều.

bản báo hoàng. Sự thật không phải thế”⁶. Cụ thể hơn, trước khi nổ ra cuộc khởi nghĩa tháng 5.1916, từ nguồn tin của Nha Chính trị và Bản xứ, Toàn quyền Đông Dương có công điện gửi cho Khâm sứ Trung Kỳ cho biết: “Một nguồn tin rất chính xác cho biết trung tâm của cuộc nổi loạn là ở vùng Trà My, phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam do các tên ẩn náu từ Xiêm trở về. Cuộc nổi dậy đang chuẩn bị tại vùng này của tỉnh Quảng Nam và tỉnh Quảng Ngãi ở lân cận. Cần đề phòng và báo cáo tình hình”⁷. Một tài liệu khác cho thấy sự liên hệ giữa các yếu nhân của phong trào đối với các lãnh đạo của Việt Nam Quang phục hội bên ngoài: “Những người Annam di cư sang Xiêm đã từ lâu khuyên là nên để những người có tiền án trong vụ biến động năm 1908 đảm nhiệm, và chính những người này đã được các mật vụ người Đức cố vấn. Hội đồng tối cao của cuộc khởi nghĩa (bộ tham mưu của Thái Phiên gồm): Thái Phiên, Trần Cao Vân (thầy phù thủy và bạn vua Duy Tân), Phan Thành Tài, Hương Thù”⁸.

Toàn quyền Đông Dương Ernest Roume sau này đã tự kiểm điểm trong báo cáo ngày 20.5.1916 gửi về Bộ trưởng Bộ thuộc địa Pháp, như sau: “Từ tháng 6 năm 1915, dựa trên tin tức được Nha Chính trị và Bản xứ cung cấp, tôi đã chỉ rõ với Khâm sứ Trung Kỳ rằng tại tỉnh Quảng Nam, phủ Tam kỳ, nơi đã diễn ra các cuộc rối loạn cuối cùng của thời gian trước, thì nay đang tồn tại một ổ phiến loạn do những kẻ cầm đầu từ Xiêm trở về để chuẩn bị cho một phong trào phiến loạn tại tỉnh Quảng Nam và tỉnh lân cận là Quảng Ngãi”⁹. Về mối liên hệ giữa Quảng Nam và Quảng Ngãi, giữa Thái Phiên - Trần Cao Vân đối với vua Duy Tân trước khi cuộc khởi nghĩa nổ ra: “Theo hải điện tín số 199, 1T, 2T và 7T của các ngày 6, 8, 10 tháng 5

⁶ “Báo cáo chính trị từ tháng 6.1934 đến tháng 6.1935 của Sở mật thám Quảng Nam”, Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

⁷ “Điện số 1321, ngày 17.5.1915 của Toàn quyền Đông Dương thông báo với Khâm sứ Trung Kỳ nguồn tin sẽ có bạo loạn vùng Trà My - Tam Kỳ - Quảng Ngãi”, Tài liệu số 107, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

⁸ “Công điện số 543 ngày 7.5.1916 của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa gửi Toàn quyền Đông Dương”, Tài liệu số 214, Hồ sơ 9588, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

⁹ “Báo cáo số 467 ngày 20.5.1916 của Toàn quyền Đông Dương gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa tường trình về cuộc nổi loạn ở Trung kỳ”, Tài liệu số 10, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

tôi đã báo cáo về những biến cố xảy ra tại Trung Kỳ có đoạn đáng chú ý: Ngày càng rõ là nhà vua trẻ này (tức vua Duy Tân), đã liên lạc với những kẻ phiến loạn đã từ lâu, cùng với họ chuẩn bị cho cuộc nổi dậy đầu tiên ở hai tỉnh thường hay làm loạn là Quảng Nam và Quảng Ngãi”¹⁰.

2. Khởi nghĩa tại phủ Tam Kỳ

Trước khi cuộc khởi nghĩa nổ ra, các thành viên chủ chốt của Việt Nam Quang phục hội ở phủ Tam Kỳ đã tổ chức một cuộc họp bí mật tại nhà ông Lê Ngoạn ở làng Trung Đàn Thượng¹¹ để bầu ra Ban chỉ huy nghĩa binh Việt Nam Quang phục hội phủ Tam Kỳ. Ban Chỉ huy nghĩa binh tại phủ Tam Kỳ được bầu ra từ cuộc họp trên gồm có năm người: Trần Huỳnh - Tổng lãnh binh (làng Tân An Tây, Tiên Phước)¹²; Trần Ni - Phó tổng lãnh binh (làng Trường Xuân, Tam Kỳ); Trần Khuê - Đề Các (làng Cây Cốc, Tam Kỳ); Lê Ngạn - Tán tương quân vụ (làng Trung Đàn Thượng, Tam Kỳ); Ngô Đồi - Tán lý sự vụ¹³. Để chuẩn bị cho khởi nghĩa, chiều ngày 3.5.1916, các đội nghĩa binh gồm khoảng 650 người đã bí mật tập kết tại căn cứ Gò Chùa¹⁴ kín đáo để làm lễ xuất quân, lễ tế cờ ngũ tinh. Đây là lá cờ của Việt Nam Quang phục hội màu đỏ, hình vuông, ở giữa có hình tròn với năm ngôi sao màu trắng. Sau khi nghĩa binh uống rượu thề phục quốc, Tổng lãnh binh Trần Huỳnh đọc tuyên cáo rồi bắn một phát

¹⁰ “Báo cáo số 467 ngày 20.5.1916 của Toàn quyền Đông Dương gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa tường trình về cuộc nổi loạn ở Trung kỳ”: tlđd.

¹¹ Có tác giả cho biết đó là ngày rằm tháng 7 Ất Dậu, tức ngày 25.8.1915.

¹² Trần Huỳnh là Phó tổng Phước Lợi, có con trai đầu tên là Bêm, nên nhân dân trong vùng thường gọi là Phó Bêm. Ông sinh ngày 14.3 (Mậu Ngọ), tức là ngày 27.4.1858 tại làng Tân An Tây, tổng Đức Hòa Trung, phủ Hà Đông, về sau là tổng Phước Lợi, huyện Tiên Phước, nay là xã Tiên Thọ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Sinh thời ông là người có uy tín với dân trong làng và tổng, đã từng tham gia phong trào nghĩa hội Quảng Nam 1885-1887 do Tiến sĩ Trần Văn Dư và Phó bảng Nguyễn Duy Hiệu lãnh đạo. Sau đó ông tham gia phong trào duy tân do Phó bảng Phan Châu Trinh khởi xướng. Trong thời kỳ này từ 1905-1908, ông đã thành lập trường tân học Tân Xuân dạy chữ quốc ngữ và trường Dục Thanh dạy võ dân tộc cho thanh niên. Ông cũng là người cùng một số người nhiệt tâm trong phong trào duy tân đã dựng một lều chợ bằng gỗ rất lớn gồm 11 gian tại chợ Cây Cốc để lập hội thương.

¹³ Dẫn theo kết quả điền dã của Đề tài “Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân (5.1916) qua một số tài liệu mới” của Hội Khoa học lịch sử thành phố Đà Nẵng (chủ trì) năm 2015.

¹⁴ Còn gọi là Gò Đò.

súng lệnh khởi binh. Trời bắt đầu tối, đoàn nghĩa binh xuất phát hướng về phủ lý Tam Kỳ với lá Quốc kỳ ngũ tinh dẫn đầu từ tay Lê Ngoạn giường cao.

Một nhân chứng sau này thuật lại đêm trước của cuộc khởi nghĩa tại Tam Kỳ như sau: “Tối mùng 1 tháng Tư âm lịch - tức mùng 2 tháng 5 dương lịch - khi tôi đến nhà Xã Mới thì thấy Xã Vắn, các con của Hương Kiền và Xã Hai, họ đều là dân Phú Vang. Xã Mới nói với tôi con của ông Xã Hoàn ở làng Chiên Đàn, đến và báo về phần Tú Kiên thì hoãn lại để chờ danh. Quỳnh đến hỏi ý kiến của Học Tài đến ngày quy định sẽ đưa người tới phân phát các chiếu chỉ cần thiết. Xã Mới còn nói với tôi có nghe Xã Hai đã tuyển mộ được một số người để tham gia vào cuộc nổi dậy. Tôi hỏi lại Xã Hai, ông ta trả lời không có, rồi tắt cả giải tán. Đêm đó, tôi nghỉ trong một cái quán ở làng Khương Mỹ. Sáng hôm sau - ngày 3 tháng 5 dương lịch - tôi đang đi ở đó thì gặp Xã Mới, ông ta nói với tôi là vừa đến chỗ ông Tu ở Phú Hòa, tại đó đã nghe nói rõ ràng về mọi việc, rồi dẫn tôi đến nơi đã hẹn khi được tin Quỳnh đã trở về. Chiều tối, Xã Mới cho tôi biết là Quỳnh đã trở về, tôi đến ngay chỗ Quỳnh nhưng không thấy ai cả, ông nói với tôi là đã tuyển mộ được 20 người và đã chuyển cho Xã Hai để đưa đến Phú Hòa, là nơi tổ chức cuộc tụ họp. Vì sự kiểm soát quá gắt gao, chúng tôi không thể đi đến chỗ tụ họp được. Trong đêm tối mịt mùng, chúng tôi nghe được những tin hiệu về cuộc tấn công Phủ đường và Tòa đại lý. Và sáng hôm sau, tôi âm thầm trở về nhà. Tôi biết trong đêm qua, các bộ đồng phục, các chiếu chỉ ghi danh các người được bổ nhiệm, đã được ông Triết phân phát. Việc này do người anh của Quỳnh phụ trách cùng với những người đến từ nhà của Học Tài. Tôi không nhớ ai đã nhận chức vụ gì để điều khiển các đoàn người đó, cũng như danh xưng các chức vụ đó”¹⁵.

Khởi sự, Lê Tiện dẫn một đội nghĩa binh tiến đánh đồn Trà My và cướp được đồn, lính khố xanh sống sót tháo chạy vào rừng. Nguyễn Tình chỉ huy một đội nghĩa binh đánh chiếm đồn Thương chánh Hiệp Hòa. Trần Huỳnh, Trần Ni và Trầm Tùng Vân chỉ huy

¹⁵ “Quan Bô trong khi làm nhiệm vụ gửi Ngài Công sứ Pháp ở Hội An trình bản khai của Lương Đình Thư”, Tài liệu số 50, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

một đội nghĩa binh lớn có nhiệm vụ đánh chiếm phủ đường Tam Kỳ và đồn Đại Lý Pháp. Như trên đã nói, do kế hoạch khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội bị bại lộ tại kinh đô, Đại lý Pháp và tri phủ Tam Kỳ là Tạ Thúc Xuyên đã biết trước nên đã đi trốn tránh nơi khác và tìm cách bảo vệ phủ đường Tam Kỳ.

Nghĩa binh trước tiên tấn công Tòa Đại lý Pháp có đồn lính khố xanh ở đây, nhưng không thấy địch chống cự. Nghĩa binh đã chiếm được đồn, phá kho và chỉ thu được một số đạn, quần áo và khẩu súng hỏng. Nghĩa quân lạng lẽ tiến đến bao vây phủ đường trong đêm khuya, nhìn bên ngoài im lìm như không hề hay biết gì, nhưng thực ra quân địch đã tập trung lực lượng binh lính của toàn phủ lý Tam Kỳ tại đây và bố trí quân phục kích để đánh trả. Khi Trịnh Uyên, chỉ huy đội nghĩa binh Kim Đái leo lên cột cờ phủ đường để hạ lá cờ quẻ li của Nam triều, treo lá cờ ngũ tinh của phe khởi nghĩa thì bị một loạt đạn làm tử thương. Súng từ các ngõ ngách trong các công thự của phủ đường bắn ra xối xả vào nghĩa binh. Bị đánh bất ngờ, các nghĩa binh đã dựa vào địa hình, địa vật phản kích quyết liệt, nhưng do tương quan lực lượng của địch mạnh hơn, sau 8 giờ làm chủ phủ lý Tam Kỳ, nghĩa binh không chống cự nổi, phải rút lui.

Phản ánh tình hình này, hàng loạt bức điện được mật thám Pháp tới tập phát đi tại Hội An. Ngày 4.5.1916, Khâm sứ Trung Kỳ gửi cho Toàn quyền Đông Dương bức điện có nội dung: “Tiếp theo công điện số 98-S. Công sứ tại Hội An điện báo: Đồn trưởng lính khố xanh tại Tam Kỳ báo cáo là Quan Phủ và tất cả người Âu châu bị tấn công trong đêm nay. Các người Âu châu phải tập trung lại. Một nhóm phiến loạn đã chiếm phủ, Văn phòng Tòa Đại lý phải di chuyển”¹⁶. Tiếp ngay sau đó, Khâm sứ lại điện báo cáo: “Hội An điện báo việc xảy ra ở Tam Kỳ vào lúc 2 giờ đến 4 giờ sáng. Nhà ở của người Âu và Tòa Đại lý không bị tấn công. Tòa phủ của Quan phủ bị phá hoại. Chỉ huy lính khố xanh khi biết tin phủ đường bị tấn công đã cùng với mấy người lính đi ra ngoài, đến phía sau Tòa Đại lý thì gặp toán quân

¹⁶ “Điện cực khẩn, số 99s, ngày 4.5.1916 của Khâm sứ Trung Kỳ báo cáo với Toàn quyền Đông Dương tình hình biến động ở Quảng Nam, Quảng Ngãi”, Tài liệu số 118, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

đầu đang tán loạn, 2 phiên loạn chết, đi đến chỗ phủ đường đã bị phá hoại có 1 phiên loạn chết. Quân phiên loạn đã kéo cờ tại Phủ đường. Cờ màu đỏ, ở góc trên là màu xanh với 5 ngôi sao trắng. Phiên quân có ba hoặc bốn súng săn, ta đã lấy được 1 khẩu, có 4 thường dân bị thương”¹⁷.

Về các công việc và diễn biến cụ thể ở phủ Tam Kỳ, trong báo cáo số 119c, ngày 1.6.1916 của Công sứ Quảng Nam gửi Khâm sứ Trung Kỳ về cuộc nổi loạn đêm 3 sáng 4.5.1916 cho biết: “Ở Tam Kỳ, người ta đã chuyển sang hành động. Họ đã tuyển mộ được 200 đến 250 người. Mỗi người được nhận từ 1 đến 2 đồng, một áo vải xanh, mỏng. Những người này đều là dân trộm cướp, tổ chức thành 2 đoàn vào lúc 2 giờ sáng ngày 4 tháng 5 tấn công vào bốn gác của đồn lính khố xanh thuộc tòa đại lý và phủ đường. Nhưng vào cuối buổi chiều lúc 4 giờ, ông thanh tra Fouconnet tỉnh cờ đi ngang qua Tòa đại lý Tam Kỳ (nơi đây đã bỏ trống hơn một năm) đã được báo cho biết và đã cùng với Quan Phủ, có sự giúp đỡ của Chánh tổng Phước Lợi điều tra ra được kế hoạch tấn công của nhóm phiên loạn. Với lực lượng 5 người (4 người khác đã đi hộ tống về Bồng Miêu) cùng với số người Âu có tại Tam Kỳ, họ nhanh chóng tập hợp về Tòa đại lý. Ông Fouconnet đã đứng ra tổ chức việc phòng vệ. Công cuộc bảo vệ đó được tăng cường nhờ có một phân đội gồm 6 lính bộ binh thuộc địa từ Đà Nẵng đi ô tô vào Quảng Ngãi, đúng lúc đó xe bị hỏng phải dừng lại nhiều giờ trên đoạn đường giữa Đà Nẵng và Hội An. Những người phản loạn chỉ là bạch binh, nên cuộc tấn công của họ bị thất bại ngay bởi vì cái đồn nhỏ kia không có người, họ lại không có một khẩu súng, một viên đạn, nên đã bị thanh tra Fouconnet cùng với 10 người (trong đó có 6 người Âu) đẩy lui.

Trong lúc toán quân thứ nhất này bỏ chạy, thì Quan phủ hốt hải chạy đến nhờ thanh tra Fouconnet đến giải cứu phủ đường đang bị một toán quân khoảng chừng 100 đến 150 người chiếm giữ, phá phách, mà ông ta thoát được một cách lạ lùng. Có nhiều tiếng súng ở hướng phủ đường, ông Fouconnet cùng với số người của ông ta chạy

¹⁷ “Điện số 107s, ngày 4.5.1916 của Khâm sứ Trung Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về tình hình chung và việc đang truy bắt vua Duy Tân”, Tài liệu số 120, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

đến đó. Trong đêm không trăng, trời tối như mực, ban đầu ông Fouconnet ngỡ rằng đó là một đám nhà quê đang kéo tới vì sự tò mò. Ông ta gọi hỏi thì đám người này trả lời: “Chúng tôi là những người nổi dậy!”. Ông ta ra lệnh cho quân mình nạp đạn tấn công thì những người dân quê đó đã phân tán đi nhiều hướng nên không thể đuổi kịp họ. Họ để lại một người chết, một khẩu súng săn 2 nòng còn mới, 9 túi da đựng đạn chì, hàng tá dao rựa. Trong nhà của Quan phủ, tất cả đều bị phá, các rương hòm bị đục thủng. Như trên tôi đã trình bày, quan phủ đã đề phòng, nên đã tổ chức việc bảo vệ với số lính lệ và khoảng bốn mươi người phu có trang bị giáo mác. Ngay những phát súng đầu tiên đã làm hai người bị thương, một người đã chết trước khi đưa đi bệnh viện, một người đang điều trị sau khi mổ lấy mảnh đạn 12 ly găm trong đùi. Tất cả số người còn lại chạy đã trốn thoát với chính Quan Phủ. Sáng hôm sau, người ta thấy cờ của nhóm phản loạn treo trên trụ cờ trước khi những người này rút chạy. Cờ nền màu đỏ, phía góc trái có một hình vuông màu xanh với 5 ngôi sao màu trắng. Một vài người tù tạm giam trong nhà tù ở phủ đường được bọn phản loạn giải thoát, ngày hôm sau đã trở lại nhà giam. Việc tấn công của quân phản loạn ở Tam Kỳ chỉ giới hạn chừng đó, nhóm phản loạn cũng không phục hồi lại được. Đường dây điện thoại không bị cắt, nhà bưu điện bị bỏ trống vì người quản lý tạm lánh sang tòa đại lý, cũng không bị tấn công”¹⁸.

Trong bức điện số 44 ngày 6.5.1916 cho biết: “Trong đêm mùng 3 rạng mùng 4, khoảng 2 giờ sáng, một nhóm culi (công nhân) khoảng 20 người bản xứ đã tấn công... Các người biểu tình này hướng về các đồn lính bản xứ của phái đoàn Tam Kỳ, thường do một ông Đội (Trung sĩ) dân quân chỉ huy, và tấn công các đồn này nhằm mục đích chiếm vũ khí, đạn dược... Trong lúc đàn áp, lính bảo an đã bắn chết 4 người và làm bị thương 2 người khi họ bị tấn công trước. Những người Tây ở trung tâm Tam Kỳ đã di tản vào khu đại biểu địa phương với sự hỗ trợ của phân đội Bảo an”¹⁹.

¹⁸ “Báo cáo số 119c, ngày 1.6.1916 của Công sứ Quảng Nam gửi Khâm sứ Trung Kỳ về cuộc nổi loạn đêm 3 sáng 4.5.1916, Tài liệu 75, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

¹⁹ “Điện số 44 ngày 6.5.1916”, Tài liệu số 178, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

Sau những lúng túng ban đầu trước lực lượng khởi nghĩa, thực dân Pháp huy động lực lượng nhanh chóng đàn áp phong trào nổi dậy tại Tam Kỳ. Chúng đã bắt được 31 nghĩa binh trong đó phần lớn là chỉ huy cốt cán gồm có Trần Huỳnh, Trần Tùng Vân, Trần Thu, Trần Khuê... Riêng ông Trần Ni thì không bị địch bắt, lánh về quê ngoại ở núi Đất tại Quảng Phú. Những người bị bắt, Pháp chuyển về nhà lao Hội An chiều ngày 6.5.1916. Trong nhà lao, Trần Huỳnh luôn luôn động viên các bạn chiến đấu giữ vững ý chí và khẳng khái nhận hết trách nhiệm về mình trước bọn mật thám Pháp.

Sau khi rút lui trong đêm 3.5.1916, các đội nghĩa binh còn lại đã phân tán về các làng mình. Sáng hôm sau, bọn Pháp điều thêm quân từ Hội An đến và tiến hành việc lùng sục các tổng, các làng để vây bắt nghĩa binh. Một số nghĩa binh đã bỏ làng rút vào rừng để ẩn tránh. Sau nửa tháng trời, quân Pháp bắt bớ tràn lan trên 500 người đưa về phủ đường tra tấn. Nhân cơ hội này Từ Thiệp tìm cách bắt bớ, hành hạ nhân dân. Vợ con, thân nhân của những nghĩa binh bị bắt đều bị quì tội liên can và bị đóng gông giải về nhà lao phủ đường để tra hỏi. Cả những nho sĩ trước đây hay làm thơ đả kích bọn quan lại tham ô và cả những người giàu có ở địa phương cũng bị bắt để tống tiền²⁰. Tuy bị đàn áp dã man, nhưng các nghĩa binh và đồng bào ta vẫn vững vàng khí tiết trước đòn tra tấn của chúng. Cuộc nổi dậy vũ trang đã xảy ra vào đêm 3.5.1916 tại phủ Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam là một thực tế lịch sử, nghĩa quân đã chiếm Phủ đường, để lại một dấu ấn sâu sắc trong truyền thống đấu tranh, tinh thần quật khởi của người dân xứ Quảng²¹, dưới sự lãnh đạo của Việt Nam Quang phục hội với “ngọn cờ” vua Duy Tân./.

VH

²⁰ Đang giữa trưa hè trời nắng chang chang, bọn lính lệ trong phủ bắt những người này phải đeo gông tạ, quỳ trên gai sơ mít giữa sân để buộc họ hối lộ cho chúng. Hình thức tra tấn khổ sai này, ngày đó người ta gọi là “giả hiệu” (lệnh mang gông).

²¹ Sau cuộc bạo động, cuối năm 1916, Tòa khâm sứ Trung Kỳ và triều đình Huế quyết định tách phần đất phía tây rộng lớn của phủ Tam Kỳ để thành lập huyện Tiên Phước, nhằm dễ bề kiểm soát và cai trị.

QUẢNG NAM VỚI CUỘC KHỞI NGHĨA CỦA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI NĂM 1916

ThS. HUỲNH VĂN TUYẾT*

Cuộc khởi nghĩa của tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916 là một trong những sự kiện tiêu biểu nhất của dân tộc Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh chống Pháp để giành lại độc lập cho dân tộc Việt Nam, như Huỳnh Thúc Kháng đã khẳng định: “Cuộc khởi nghĩa Duy Tân đã ghi một vết khá sâu trong đoạn lịch sử “Việt Nam thuộc Pháp”¹. Hay nói một cách khác, cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916 là một trong những sự kiện tiêu biểu nhất trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam thời cận đại, là 1 trong 3 sự kiện tiêu biểu nhất biểu thị quyết tâm chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm 1914-1918 (Cuộc khởi nghĩa của tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916; Cuộc phá Khâm lớn Sài Gòn 1916; Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên 1917). Tạo dựng nên cuộc khởi nghĩa này không phải chỉ do vài cá nhân tiêu biểu như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Duy Tân như một số nhà nghiên cứu trước đây thường gọi; mà đó kết quả của sự quyết tâm chiến đấu của các giai cấp tầng lớp nhân dân yêu nước Trung Kỳ dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước tiến bộ theo xu hướng bạo động của Phan Bội Châu. Trong cuộc vận động khởi nghĩa này, Quảng Nam là một trong ba địa bàn chính (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên - Huế) trong công cuộc chuẩn bị và tổ chức lãnh đạo, tiến hành khởi nghĩa.

1. Nhân sĩ Quảng Nam cùng với nhân sĩ Quảng Ngãi đóng vai trò chủ yếu khởi động và lãnh đạo cuộc vận động khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916

* NCS. Trường Đại học Sư phạm Huế.

¹ Huỳnh Thúc Kháng: Cuộc khởi nghĩa Duy Tân năm 1916, in trong Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước nhìn từ góc độ văn hoá*, Nxb Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh, 2005, tr 711.

Sau khi phong trào Đông du (1905-1909) tan rã, phần lớn lưu học sinh Việt Nam ở Nhật đã về nước. Con đường đào tạo nhân tài, cũng cố tổ chức ở Nhật Bản đã khép lại với Phan Bội Châu. Bị buộc phải rời khỏi đất Nhật, Phan Bội Châu cùng một số đồng chí quay lại Trung Quốc, rồi sang Xiêm lao động, nuôi dưỡng phong trào và đợi thời phục quốc. Tháng 10.1911, Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc nổ ra và giành thắng lợi, chế độ phong kiến Mãn Thanh bị lật đổ, Trung Hoa Dân Quốc được thành lập. Tin này đem đến cho Phan Bội Châu và những đồng chí của mình một niềm tin tưởng mới. Tháng 12.1911, ông cùng với những đồng chí của mình trở lại Trung Quốc hoạt động. Với sự giúp đỡ của những người bạn chân thành Trung Quốc, Phan Bội Châu đã tập hợp các đồng chí và tổ chức ra Việt Nam Quang phục hội (2.1912) để thay thế cho Duy tân hội, với tôn chỉ là đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa dân quốc Việt Nam. Sự ra đời của Việt Nam Quang phục hội, đã đánh dấu bước chuyển biến lớn trong tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu; ông đã đoạn tuyệt hẳn với tư tưởng quân chủ để hướng theo con đường dân chủ chủ nghĩa, đồng thời đánh dấu một bước tiến mới của cách mạng Việt Nam trên con đường tìm kiếm và lựa chọn con đường cứu nước cho phù hợp với yêu cầu dân tộc.

Việt Nam Quang phục hội ra đời khi cách mạng Việt Nam đang rơi vào giai đoạn thoái trào, thực dân Pháp và phong kiến tay sai đang đẩy mạnh khủng bố sau phong trào chống thuế ở Trung Kỳ năm 1908, Vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội (6.1908). Sự ra đời của tổ chức Việt Nam Quang phục hội có tác dụng nhen nhóm lại được phong trào cách mạng trong nước sau khi 3 ủy viên của Hội là Đặng Xuân Hồng (Bắc Kỳ), Lâm Quảng Trung tức Võ Quán (Trung Kỳ) và Đặng Bình Thành (Nam Kỳ) mang chương trình và tuyên ngôn về trong nước vận động. Ở Nam Trung Kỳ, mặc dù thực dân Pháp tăng cường đàn áp, khủng bố sau vụ “Trung Kỳ dân biến”; song cơ sở cách mạng vẫn còn giữ được ở một số nơi, đặc biệt là ở Quảng Nam và Quảng Ngãi: “Trong suốt những năm 1909-1912, cơ sở cách mạng ở Nam - Ngãi vẫn còn một số yếu nhân của phong trào vẫn ngấm ngấm xây dựng lại cơ sở, bí mật thư từ và liên lạc với bên ngoài. Hầu hết các sĩ phu trong phong trào Đông du, Duy tân, chống thuế mà chưa bị sa

vào tay giặc đều tập trung xung quanh Thái Phiên và Lê Ngung để hoạt động”². Hoạt động của Thái Phiên (Quảng Nam) và Lê Ngung (Quảng Ngãi) ở Nam - Ngãi tạo điều kiện để chương trình và tuyên ngôn của Hội từ bên ngoài truyền về nước và thâm nhập vào phong trào quần chúng, các cơ sở cách mạng từng bước được gây dựng lại, nhất là khi các chiến sĩ trong phong trào Duy tân được Pháp trả tự do trở về tham gia hoạt động.

Tại Quảng Nam, sau khi nhận được Chương trình và Tuyên ngôn của Việt Nam Quang phục hội (do Võ Quán tức Lâm Quán Trung, Ủy viên của tổ chức Việt Nam Quang phục hội về Trung Kỳ phổ biến), đông đảo các sĩ phu yêu nước tiến bộ Quảng Nam và Quảng Ngãi đã gia nhập và thành lập ra Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ. Những người có uy tín nhất và có trách nhiệm lãnh đạo là Thái Phiên, Trần Cao Vân (Quảng Nam), Lê Ngung, Nguyễn Thụy (Quảng Ngãi). Sự thành lập Kỳ bộ thể hiện quyết tâm của các sĩ phu yêu nước tiến bộ Trung Kỳ đi theo con đường cách mạng dân chủ tư sản và phương thức hành động chủ yếu là đấu tranh vũ trang. Tuy nhiên, trên thực tế, Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ cũng chỉ là một cơ sở của Hội Việt Nam Quang phục ở Nam - Ngãi, chưa có hệ thống tổ chức, lãnh đạo thống nhất toàn Trung Kỳ. Hoạt động của Kỳ bộ còn thiếu tính tổ chức, theo đặc điểm của từng địa phương, chỉ hội họp, bàn bạc khi có việc quan trọng. Nhìn chung, phương hướng hoạt động của Hội chưa cụ thể, mang tính chung chung dựa theo đường lối của Tổng bộ từ bên ngoài là vận động gây dựng cơ sở trong binh lính và nhân dân, gây tài chính để tiến tới bạo động giành độc lập tự do. Điều đó chứng tỏ, phong trào hãy còn non yếu, sự lúng túng trong phương hướng hoạt động của những người lãnh đạo Việt Nam Quang phục hội.

Từ cuối năm 1913, quan hệ quốc tế diễn biến phức tạp, nguy cơ Thế chiến thứ nhất đã cận kề, Pháp tăng cường đàn áp, khủng bố; mặt khác tổ chức của Hội bị bọn phản động chui vào chống phá, khiến Lương Ngọc Quyến, Võ Hoàng, Nguyễn Điền, Phạm Cảnh (Quảng

² Lê Trọng Khánh- Đặng Huy Vận (1961), “Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền Nam Trung bộ năm 1916”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, (22), tr. 32-50.

Ngãi) bị thực dân bắt. Tình hình cách mạng trong nước lúc này hết sức khó khăn; hơn nữa, thông tin liên lạc với Tổng bộ bên ngoài bị cách trở khiến những người lãnh đạo phong trào ở Trung Kỳ càng thêm lúng túng. Trước tình hình đó, Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ đã quyết định cử Nguyễn Công Mậu và Bùi Phụ Thiệu (Quảng Ngãi) sang Xiêm để tìm hiểu tình hình và bắt liên lạc với Tổng bộ. Tháng 2.1914, Nguyễn Công Mậu và Bùi Phụ Thiệu trở về nước. Tháng 3.1914, Kỳ bộ Trung Kỳ đã triệu tập Hội nghị tại Đà Nẵng do Thái Phiên chủ trì, nhằm nghe báo cáo tình hình bên ngoài và thảo luận đường lối và nhiệm vụ trước mắt của cách mạng. Hội nghị đã thống nhất nhận định, tình hình bên ngoài không mấy khả quan, do đó, không thể trông chờ vào bên ngoài mà phải dựa vào thực lực trong nước là chủ yếu. Từ đó, Hội nghị chủ trương, một mặt vẫn giữ liên lạc với Tổng bộ bên ngoài, mặt khác phải tăng cường củng cố tổ chức, xây dựng lực lượng, mở rộng thế lực trong nước, chuẩn bị mọi điều kiện để chờ cơ hội tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị đã tiến hành phân công trách nhiệm cho từng ủy viên phụ trách địa bàn để vận động, xây dựng phát triển lực lượng của Hội tại Trung Kỳ. Cụ thể: Thái Phiên và Nguyễn Công Mậu được giao nhiệm vụ củng cố và phát triển lực lượng trên địa bàn Quảng Nam; đồng thời, tiếp tục công việc thầu khoán để gây tài chính. Riêng Thái Phiên còn được Hội nghị giao nhiệm vụ liên lạc với Trần Cao Vân để mời tham gia phong trào. Địa bàn Quảng Ngãi giao cho Lê Ngung phụ trách, có nhiệm vụ phát triển lực lượng tại chỗ, xây dựng căn cứ địa, mở đường sang Lào để phòng khi khởi nghĩa thất bại thì có đường rút lui để bảo toàn lực lượng, tiếp tục kháng chiến. *Có thể nói Hội nghị (3.1914) tại Đà Nẵng, đã đánh dấu một bước tiến quan trọng trong công tác vận động cách mạng ở Quảng Nam, Quảng Ngãi lúc bấy giờ, vì nó đã thể hiện bước chuyển biến tư tưởng của những người lãnh đạo biết nhìn vào thực lực trong nước là chính, lực lượng bên ngoài chỉ là hỗ trợ, do đó đã đề ra công tác cụ thể để tiến hành. Đây là sự kiện quan trọng để tạo sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng ở Trung Kỳ theo xu hướng của Phan Bội Châu, trong đó nhân sĩ Nam - Ngãi đã đóng một vai trò hết sức quan trọng.*

Sau hội nghị tại Đà Nẵng, công tác phát triển thực lực của Hội

được xúc tiến mạnh mẽ. Ở Quảng Nam, ngoài việc tập trung chinh đồn, phát triển lực lượng, Thái Phiên và Nguyễn Công Mậu còn tham gia với nhóm Thu Đồng nhận thầu làm con đường thuộc địa từ Đồng Hới (Quảng Bình) đến Phan Thiết (Bình Thuận) để gây quỹ, tích góp tài chính. Qua Thái Phiên, Trần Cao Vân tham gia cuộc vận động cứu nước. Ở Quảng Nam và Quảng Ngãi, hầu hết các nhân sĩ đã từng tham gia phong trào Cần vương, Duy tân và chống thuế đã hưởng ứng phong trào. Trần Cao Vân trở thành một trong những nhân vật chính của cuộc vận động, đã cử Lương Thái Hòa, một người có tài tổ chức vào bắt liên lạc với các đồng chí cũ ở Bình Định, Phú Yên và giao nhiệm vụ vận động cuộc nổi dậy ở Phú Yên cho Võ Thượng Khải; mặt khác, ông lại cử người vào tận Nam Kỳ vận động lạc quyền giúp đảng. Cuộc vận động khởi nghĩa đã có phương hướng hoạt động cụ thể, rõ ràng hơn; công tác lãnh đạo, tổ chức được củng cố, phát triển.

Tháng 8.1914, Thế chiến thứ nhất bùng nổ. Tại Đông Dương, Pháp ráo riết bắt lính, tăng cường đàn áp bóc lột, đẩy mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp lên cao; nhân dân bất mãn, sục sôi căm thù. Do cho rằng thời cơ đã đến, Lê Ngung đã đưa ra đề nghị khởi nghĩa nhưng không được Thái Phiên chấp thuận. Bởi “Quân Pháp tuy liên tiếp bại trận nhưng chưa đến lúc thật sự suy yếu, vậy nên chờ một thời gian để xây dựng lực lượng. Nếu chúng ta thất bại thì xây dựng mười năm cũng chưa bình phục được”³.

Cuối năm 1915, quân Pháp liên tiếp bại trận trên chiến trường, thủ đô Pari đứng trước nguy cơ thất thủ. Thực dân Pháp ở Đông Dương ráo riết mộ binh, đưa thanh niên Việt Nam sang bổ sung quân số cho chiến trường Âu châu. Phong trào chống bắt lính dâng lên mạnh mẽ, không khí cách mạng lại sôi sục, việc tuyên truyền vận động cách mạng hết sức thuận lợi, lực lượng khá đông binh lính đã ngả về phía cách mạng, rất hăng hái và sẵn sàng đợi lệnh khởi nghĩa. Trước tình hình trên, Lê Ngung lại đưa ra đề nghị khởi nghĩa; Thái Phiên tiến hành triệu tập Hội nghị toàn Kỳ của Việt Nam Quang phục hội tại Huế (9.1915) đưa đề nghị của Lê Ngung ra bàn. Sau khi thảo luận, Hội nghị quyết định hoãn cuộc khởi nghĩa, gấp rút tăng cường

³ Dẫn theo Lê Trọng Khánh- Đặng Huy Vận, TLDD, tr.36.

thêm lực lượng và mời vua Duy Tân tham gia cuộc khởi nghĩa để an lòng dân chúng.

Công cuộc gấp rút xúc tiến mưu sự khởi nghĩa được Hội nghị phân công như sau:

“- Ông Thái Phiên và Trần Cao Vân đảm nhiệm việc tiếp xúc Vua Duy Tân và mời vua tham dự cuộc khởi nghĩa.

- Ông Nguyễn Thụy và Lê Đình Dương giao thiệp với cố đạo Bàn Cốc (Quảng Ngãi) để mật giao với thiếu tá người Đức đang chỉ huy lính lê dương tại đồn Mang Cá Huế để tiến hành khởi nghĩa tại Huế.

- Ông Lê Ngung lo việc thảo tờ hịch và chương trình hành động.

- Ông Nguyễn Chánh làm Ủy viên kiểm soát.

- Tại các tỉnh phải gấp rút vận động thêm binh lính hưởng ứng và tổ chức thêm đoàn ngũ dân chúng chờ yểm trợ cuộc khởi nghĩa”⁴.

Thực hiện nhiệm vụ của Hội nghị đặt ra, Thái Phiên và Trần Cao Vân đã vận động thành công vua Duy Tân và một số quan lại, viên chức ở Huế như Tôn Thất Đề, Phạm Hữu Khánh, Nguyễn Quang Siêu... tham gia cuộc khởi nghĩa như Hội nghị đặt ra. Lê Đình Dương đã vận động được thiếu tá người đức ở Mang Cá làm nội ứng.

2. Quảng Nam là một trong những địa bàn chính của cuộc khởi nghĩa

Trên cơ sở hoạt động chuẩn bị đã được triển khai từ trước, sau hội nghị toàn kỳ lần thứ nhất ở Huế, tại Quảng Nam và Đà Nẵng công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa diễn ra mạnh mẽ, đảm bảo bí mật và khẩn trương hơn.

Việc chuẩn bị lực lượng và vũ khí cho cuộc khởi nghĩa được đẩy mạnh. Theo Phan Thành Tài, việc mộ quân cho cuộc khởi nghĩa ở Quảng Nam phải đạt ít nhất từ 500 đến 600 người; chi phí cho việc tuyển mộ do Trần Cao Vân và Thái Phiên chi trả, có danh sách và chữ

⁴ Lê Uớc (1968), “Cuộc Duy Tân khởi nghĩa năm 1916 và Phan Thành Tài”, *Tập san Sử Địa*, số 11, tr.83-84.

ký của người nhận tiền và được phân công phụ trách theo từng địa phương cụ thể như sau: Phó Bế (Trần Huỳnh), Nguyễn Thuyền, Xã Duân, Lê Thùy chịu trách nhiệm phụ trách công tác tuyển mộ binh lính tại phủ Tam Kỳ. Tại Điện Bàn do Nguyễn Trình và Phan Khôi đảm nhiệm; Đại Lộc có Đội Đóa, Duy Xuyên do Nguyễn Nhẫn, Nguyễn Uýnh phụ trách; Quế Sơn có Thầy Lãm, Thăng Bình có Huỳnh Phùng đảm nhiệm⁵.

Các ban chỉ huy khởi nghĩa và các đội dân binh đã được thành lập ở các tổng, xã. Tại Tiên Phước, ban chỉ huy khởi nghĩa tổng Phước Lợi (8.1915) do Trần Huỳnh làm Tổng lãnh binh, Trầm Tùng Vân (Thẩm Tường Vân) làm Phó lãnh binh và tổng Vinh Quý gồm Lê Cơ, Phan Quang, Trịnh Đông Lâm được thành lập. Đội phục quốc quân ra đời không lâu sau đó (9.1915), tại nhà Trần Huỳnh, xã Tân An Tây (nay thuộc Tiên Thọ, Tiên Phước, Quảng Nam), ban đầu gồm 30 người sau đó tăng lên 60 người. Đến cuối năm 1915, toàn huyện đã vận động thành lập được 22 đội dân binh ở các thôn xã, với khoảng 350 người; trước ngày khởi nghĩa lực lượng dân binh đã tăng lên gần 1000 người⁶. Nghĩa binh được trang bị vũ khí khá đầy đủ, gồm phần lớn là giáo mác, gươm kiếm, rựa, một số ít sử dụng được súng khai hậu hai nòng. Ngoài ra, nghĩa quân còn vận động được hai đội lính tập ở phủ đường Tam Kỳ nhận lời làm nội ứng cho cuộc khởi nghĩa và đồng bào các làng tham gia chống Pháp.

Tại phủ Tam Kỳ, các đội dân binh được tổ chức ở hầu hết các xã, có nơi quân số lên đến hơn 100 người như Ngọc Mỹ, Kim Đới, Quý Thượng (Tam Phú). Càng gần đến ngày khởi nghĩa thì công việc tuyển mộ dân binh diễn ra hết sức khẩn trương, theo Công sứ Lesterlin thì “Tại Tam Kỳ, họ đã tuyển mộ được 200 đến 250 người”⁷.

Tại Quế Sơn, Đặng Văn Bí (thầy thuốc, hiệu Tây Viên, bí danh

⁵ Lưu Anh Rô (2016), “Kỷ niệm 100 năm ngày khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân - Cuộc nổi dậy tại tỉnh thành La Qua”, Cổng thông tin điện tử thị xã Điện Bàn, ngày 8.2.2016.

⁶ Đảng bộ huyện Tiên Phước (1993), *Lịch sử đấu tranh cách mạng huyện Tiên Phước 1858-1975*, tr.43-44.

⁷ Lưu Anh Rô (2016), TLĐĐ.

Bạch Linh) đã đứng ra vận động tổ chức khởi nghĩa, các đội dân binh ở các tổng lần lượt ra đời với quân số lên đến hàng ngàn người tham gia. Trong đó, ở Tý, Sé khoảng 300 người do Nguyễn Hữu Âu chỉ huy; tổng An Mỹ gần 560 người, do Cao Tuệ, Đặng Văn Phỉ, Nguyễn Văn Trọng chỉ huy; tổng Xuân Mỹ có khoảng 460 người, do Nguyễn Đình Hòa chỉ huy. Ở tổng Xuân Phú có đến hàng ngàn người tham gia dưới sự chỉ huy của Nguyễn Hoan, Lê Công Tấn, Nguyễn Đốc, Trần Thúc Diện...⁸

Tại Thăng Bình, ban chỉ huy khởi nghĩa gồm: Võ Kiên, Huỳnh Thế Kỷ, Ngô Đạm; công tác tuyên truyền, vận động nhân dân hưởng ứng cuộc khởi nghĩa được giao cho các ông: Trương Huy, Trương Hoàn (Đức An), Nguyễn Thoại, Nguyễn Thuận (Ngọc Phô), Trương Bá Huy (Hung Mỹ), Nguyễn Lý Thán, Nguyễn Thương (Việt An),...

Việc rèn sắm vũ khí, may quân phục, chuẩn bị lương thực, tài chính cho cuộc khởi nghĩa diễn ra trong không khí sôi nổi và hết sức khẩn trương. Theo Phan Thành Tài, sau khi trực tiếp giao kinh phí tuyển mộ dân binh cho Huỳnh Phùng (Thăng Bình) và Phan Khôi (Điện Bàn), ông còn giữ lại 185 đồng dùng để dệt 130 cây vải xanh (chỉ dọc màu trắng, chỉ ngang màu xanh) may đồng phục cho nghĩa quân. Phụ nữ ở hầu hết các phủ, huyện, thôn xã được huy động dệt vải may quân trang cho nghĩa quân. Thợ dệt vải, dệt lụa ở Điện Bàn, Duy Xuyên, Tam Kỳ được huy động đem cả khung cửi xuống thuyền, neo đậu ở những nơi thanh vắng trên sông Vĩnh Điện, Thu Bồn, Tam Kỳ để bí mật dệt vải. Riêng tại Phú Lâm (Tiên Phước), Lê Cơ đã bí mật đưa 30 thợ về dệt vải rằn, may quân trang, quân dụng trong nhà, may xong đóng gói gửi đến Ban chỉ huy tỉnh⁹. Các lò rèn ở các tổng, xã trong toàn tỉnh được trưng dụng để bí mật rèn sắm vũ khí, các thợ rèn ở Thanh Hà, Phú Xuân được gọi về căn cứ Phước Sơn, Phú Vinh hoạt động suốt ngày đêm sản xuất vũ khí. Các lò rèn lớn ở Xuân Trung, Phú Trà, Trường Xuân (Tam Kỳ) được giao nhiệm vụ rèn đúc vũ khí trang bị cho nghĩa binh Tiên Phước - Tam Kỳ đánh chiếm phủ lý. Công nhân mỏ than Nông Sơn, mỏ vàng Bồng Miêu, mỏ kẽm Đức

⁸ Đảng bộ huyện Quế Sơn (1985), *Lịch sử Đảng bộ huyện Quế Sơn*, tr.42.

⁹ Đảng bộ huyện Tiên Phước, TLDD, tr.43.

Bố, các đồn điền Tùng Sơn, Đức Phú phần lớn bỏ việc về quê chuẩn bị tham gia khởi nghĩa.

Về lương thực, tài chính, ngoài số do hội viên và nhân dân toàn tỉnh tự nguyện đóng góp; tại Tiên Phước, nghĩa binh còn tổ chức tập kích vào một số gia đình địa chủ giàu có để tịch thu tiền bạc, lúa gạo, đồng khí. Lúc này, Trần Huỳnh nhân danh Phó tổng Phước Lợi mượn đình làng làm kho chứa lúa gạo, lương thực dưới hình thức là số lúa gạo này để chia cho người nghèo. Các hào phú trong phủ Tam Kỳ như ông Lê Khâm Duy (tức Bát Kiện) ở Hòa Hạ, ông Bá Ba ở Thanh Lâm... là những người đóng góp tiền bạc và lúa gạo nhiều nhất cho nghĩa quân. Tại Quế Sơn, các ông Võ Tào, Ngô Đốc, Phan Úc... ở Mông Lãnh được giao đóng hàng chục thang dài từ 8 đến 10 mét để nghĩa quân vượt tường rào đánh chiếm tỉnh thành Quảng Nam.

Đến đầu năm 1916, việc tổ chức, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc khởi nghĩa ở Quảng Nam cơ bản hoàn thành. Lực lượng nghĩa quân ngoài bộ phận trọng yếu là binh lính người Việt trong hàng ngũ Pháp ở Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ... đã sẵn sàng quay súng khi có lệnh. Lực lượng dân binh ở các phủ, huyện ước tính lên đến gần chục ngàn người, với vũ khí, trang bị khá đầy đủ. Báo cáo của Khâm sứ Trung Kỳ ngày 10.7.1916 cho thấy: “Tổ chức phản loạn đã tiến hành may đồng phục, may cờ, rèn đúc vũ khí như giáo, mã tấu, và sản xuất cả bom... Việc khám phá ra một số giáo, mã tấu, gươm, thang và bom đã làm sáng tỏ những dự định của những người khởi nghĩa. Những quả bom... là loại bom tự chế gồm có khối thuốc nổ đen, có những mảnh sắt vụn được đóng vào những giỏ đan bằng tre. Cũng đã phát hiện ra những bó rựa được đưa tới các hào quanh thành Hội An...”¹⁰

Vào khoảng trung tuần tháng 3.1916, Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ triệu tập hội nghị lần thứ hai tại Huế để kiểm điểm tình hình công tác chuẩn bị khởi nghĩa, hoạch định chương trình kiến quốc và định kế hoạch khởi nghĩa. Sau khi nghe báo cáo tình hình chuẩn bị khởi nghĩa ở các địa phương, Hội nghị quyết định tiến hành khởi nghĩa đồng loạt ở các tỉnh vào trung tuần tháng 5.1916. Ít phút trước

¹⁰ Dẫn theo Lưu Anh Rô (2016), TLDD.

giờ khởi sự, Huế sẽ nổ thần công làm hiệu lệnh báo cho Bình - Trị biết, đồng thời đốt lửa ở đèo Hải Vân báo cho Nam - Ngãi. Ủy ban khởi nghĩa được bầu ra gồm: Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Đỗ Tự (Quảng Nam), Lê Ngung (Quảng Ngãi) và Nguyễn Thụy.

Nếu khởi nghĩa thành công, sẽ thiết lập chế độ quân chủ lập hiến, sẽ có một Chính phủ gọi là *Việt Nam quân chính phủ* do vua Duy Tân đứng đầu. Trần Cao Vân làm cố vấn tối cao.

Tại Huế, Thái Phiên và Trần Cao Vân chỉ huy, huy động các đạo quân dân Thừa Thiên hưởng ứng cùng binh lính chiếm Kinh thành và tòa Khâm sứ.

Cùng với Quảng Ngãi, Quảng Nam là địa bàn trọng yếu, có lực lượng mạnh, cơ sở vững chắc nên được chọn làm “chủ lực trung kiên của cuộc khởi nghĩa”, toàn bộ lực lượng ở Quảng Nam do Phan Thành Tài và Đỗ Tự chỉ huy. Theo kế hoạch khởi nghĩa, Quảng Nam phối hợp cùng Quảng Ngãi đốc toàn lực của lính tập và dân chúng chiếm giữ cửa biển Đà Nẵng để quân lực viện trợ ở Xiêm về nước đổ bộ lên bờ và để mở đường thông suốt từ Đà Nẵng vào tận Đức Phổ¹¹.

Tại Quảng Nam, kế hoạch khởi nghĩa được phân công như sau:

- Phan Thành Tài, Đỗ Tự, Lê Văn Bính, Ông Văn Long, Huỳnh Khâm, Huỳnh Phùng, Mai Dị, Trần Chương... nắm nghĩa quân đánh chiếm tỉnh thành La Qua, Điện Bàn và hiệp đồng với lực lượng tại Đà Nẵng nhanh chóng chiếm giữ Đà Nẵng để lực lượng viện binh từ Xiêm vào đất liền.

- Tại Đà Nẵng, giao cho Lâm Nhĩ, Hồ Cẩm Vinh, Lê Trường, Trần Ngọc Đạm... phụ trách các lực lượng, phối hợp cùng Quảng Nam, lãnh trách nhiệm đánh chiếm Cửa Hàn (nhượng địa Đà Nẵng) và tiếp nhận vũ khí của Đức.

- Nhân dân 2 làng Nghi An, Phong Lệ đồn cây, tạo chướng ngại vật, chặn đường tiến quân cứu viện của Pháp từ Quảng Nam ra hay từ Huế vào.

¹¹ Lê Ước (1968), TLDD, tr. 89.

- Tại Hội An, giao cho y sĩ Lê Đình Dương, Quảng Thái... phụ trách các lực lượng đánh chiếm tòa Công sứ Pháp và phát hiệu lệnh cho lực lượng tại Điện Bàn tấn công chiếm tỉnh thành Quảng Nam.

- Tại Tam Kỳ, Thẩm Tường Vân (Hoa kiều) chịu trách nhiệm phụ trách chung và một cuộc họp bí mật được tổ chức tại nhà ông Lê Ngạn ở làng Trung Đàn Thượng (có tư liệu cho biết đó là ngày rằm tháng 7 năm Ất Dậu tức là 25.6.1915) đã bầu ra Ban Chỉ huy nghĩa binh Việt Nam Quang phục hội phủ Tam Kỳ gồm:

- + Trần Huỳnh, Tổng Lãnh binh (làng Tân An Tây, Tiên Phước)
- + Trần Ni, Phó Tổng Lãnh binh (làng Trường Xuân, Tam Kỳ)
- + Trần Khuê, Đề đốc (làng Cây Cốc, Tam Kỳ)
- + Lê Ngạn, Tán lý Quân vụ (làng Trung Đàn Thượng, Tam Kỳ)
- + Ngô Đồi, Tán lý Sự vụ.

Trong lúc các tỉnh đang khẩn trương để tiến hành khởi sự, khi nghe tin lính mộ ở Huế sẽ lên đường sang Pháp vào ngày 10.5.1916, vua Duy Tân quyết định cuộc khởi nghĩa sẽ bắt đầu vào giờ Tý sáng ngày mùng 3 tháng 4 năm Bính Thân (lúc 1h00 ngày 4.5.1916), lấy Huế làm khởi điểm phát động... Tuy nhiên kế hoạch khởi nghĩa bị lộ từ Quảng Ngãi, sau đó ở Huế, nhưng hầu như những người lãnh đạo các tỉnh không biết. Nhiều nơi nghĩa quân vẫn tập hợp lực lượng để chờ lệnh khởi sự từ Huế.

Theo báo cáo của thực dân Pháp, tại Quảng Nam có khoảng từ 250 đến 300 nghĩa binh chia thành hai nhóm đã công khai tấn công một đội lính tại phủ Tam Kỳ rồi rút lui an toàn. Xung quanh bến cảng Đà Nẵng và Hội An cũng xuất hiện nhiều tập nghĩa binh với tư thế sẵn sàng chiến đấu. Riêng tại Huế, có khoảng 50 thủ lĩnh nghĩa quân từ Quảng Nam, Quảng Ngãi đến để vận động, tổ chức nghĩa quân chuẩn bị tấn công tiểu đoàn thứ 16 để cướp vũ khí¹².

Cụ thể, chiều ngày 3.5.1916, các đội dân binh bồm khoảng gần

¹² Dương Kinh Quốc (1999), Việt Nam những sự kiện lịch sử tập 1, (1858-1918), NXB. Giáo dục, Hà Nội.

1000 người đã bí mật tập kết tại căn cứ Gò Chùa (còn gọi là Gò Đỏ, Tiên Thọ, Tiên Phước) để làm lễ tế cờ, xuất quân. Sau khi nghĩa binh uống rượu thề phục quốc, Tổng Lãnh binh Trần Huỳnh đọc tuyên cáo khởi binh và hạ lệnh xuất quân. Trời bắt đầu tối, đại quân do Trần Huỳnh và Thảm Tường Vân (Trầm Tùng Vân) chỉ huy gồm trên 650 người, xuất phát hướng về phủ lý Tam Kỳ với lá quốc kỳ Ngũ tinh dẫn đầu từ tay Lê Ngạn giương cao. Đại binh có nhiệm vụ đánh chiếm phủ đường Tam Kỳ và đồn Đại lý Pháp. Lê Tiễn dẫn một đội nghĩa binh gồm khoảng 150 người, tiến đánh đồn Trà My. Nguyễn Tình chỉ huy một đội nghĩa binh đánh chiếm đồn Thương Chánh Hiệp Hòa.¹³

Tại tỉnh thành La Qua (Điện Bàn), dù không nhận được lệnh khởi nghĩa, song nghĩa quân dưới sự chỉ huy của Trần Chương đã đột nhập vào bên trong tỉnh thành, đốt cháy một số nhà tranh bỏ trống, để làm tín hiệu nhưng do nghĩa quân chỉ trang bị bằng gậy gộc nên bị lính tập giải giáp. Về diễn biến cuộc nổi dậy tại tỉnh thành La Qua, Phan Thành Tài cho biết: “... Đến 18 giờ, Phan Khôi nói với tôi là đã đưa Trần Chương vào trong thành tỉnh để báo tín hiệu. Khi tiếng súng trong thành phát ra mọi người leo thang đã đặt sẵn ở cửa Tiền để vào thành”¹⁴.

3. Một số nhận xét

Trên cơ sở phác họa lại những nét cơ bản nhất về cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 của Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Nam, chúng tôi đưa ra một số nhận định về cuộc khởi nghĩa này như sau:

Thứ nhất, cuộc khởi nghĩa có quá trình chuẩn bị lâu dài, là sự tiếp nối của các phong trào đấu tranh yêu nước trước đó như Duy tân hội và phong trào Đông du (1905-1909), phong trào Duy tân và phong trào chống sưu thuế ở Trung Kỳ năm 1908.

Các phong trào trên tuy bị đàn áp nhưng đã nuôi dưỡng tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh để giành độc lập và các quyền tự do dân chủ cho nhân dân Việt Nam, phát triển đất nước theo con đường

¹³ Đảng bộ huyện Tiên Phước, TLDD, tr.44.

¹⁴ Dẫn theo Lưu Anh Rô (2016), TLDD.

văn minh tiến bộ. Cuộc khởi nghĩa năm 1916 ở Trung Kỳ là sự tiếp tục thực hiện các mục tiêu của các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX đã nêu ra. Những người đóng vai trò lãnh đạo hầu như đã từng tham gia các phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX như Trần Cao Vân, Thái Phiên, Lê Cơ, Phan Thành Tài, Châu Thượng Văn, Đỗ Tự, Lê Vĩnh Huy...

Mặt khác, cuộc khởi nghĩa có quá trình chuẩn bị lâu dài, gian khổ, đã được nhen nhóm trong những năm 1909-1912, đến khi Việt Nam Quang phục hội ra đời (2.1912) như chất men kích thích các nhân sĩ yêu nước ở Trung Kỳ đẩy mạnh cuộc vận động theo chủ trương của tổ chức này. Đến khi Chiến tranh Thế giới thứ nhất bùng nổ, đây được xem là cơ hội tốt để khẩn trương chuẩn bị mọi mặt để đi tới khởi nghĩa giành độc lập, tự do.

Thứ hai, cuộc khởi nghĩa đã thể hiện tính năng động và vai trò tiên phong của tầng lớp sĩ phu yêu nước tiến bộ và các giai cấp, tầng lớp nhân dân yêu nước ở Quảng Nam nói riêng, xứ Trung Kỳ nói chung trong cuộc đấu tranh cứu nước.

Cuộc khởi nghĩa đã thể hiện truyền thống đi đầu của nhân dân Quảng Nam nói riêng và nhân dân Trung Kỳ nói chung trong công cuộc đấu tranh cứu nước thời cận đại. Nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng đã đi đầu trong cuộc đấu tranh chống Pháp từ ngày 1.9.1858. Khi vua Hàm Nghi xuống dụ Cần Vương kêu gọi văn thân, sĩ phu trong cả nước đứng lên chống Pháp, Quảng Ngãi là nơi hưởng ứng đầu tiên với cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình ngày 13.7.1885. Vào đầu thế kỷ XX, nhân sĩ Quảng Nam đi đầu trong tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản, xứ Quảng là nơi xuất hiện sớm tư tưởng cải cách Duy tân, làm cho Quảng Nam trở thành mảnh đất nẩy sinh các phong trào yêu nước tiêu biểu đầu thế kỷ XX như phong trào Duy tân (1903-1908), Duy Tân Hội (1904- 1909) và phong trào Đông du (1905-1909), phong trào chống sưu thuế ở Trung Kỳ (1908)... Từ Quảng Nam, phong trào lan toả khắp cả nước.

Đến khi các phong trào trên bị đàn áp đẫm máu, những người yêu nước Nam - Ngãi không bị cầm tù hoặc khi được ra khỏi tù đã tìm cách bắt liên lạc, tập hợp lực lượng, tiêu biểu nhất là Thái Phiên ở

Quảng Nam, Lê Ngung ở Quảng Ngãi. Đến khi tổ chức Việt Nam Quang phục hội ra đời (2.1912), các nhân sĩ Nam - Ngãi đã nhanh chóng tiếp cận đường lối cứu nước và chương trình hành động và cử người (Bùi Phụ Thiệu, Nguyễn Công Mậu) ra nước ngoài bắt liên lạc với Tổng bộ nhằm phối hợp hành động trong bối cảnh Phan Bội Châu bị giới quân phiệt Trung Hoa cầm tù năm 1913. Nhận thấy, Tổng bộ Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Châu không có khả năng tổ chức hoạt động phối hợp, các nhân sĩ yêu nước ở Trung Kỳ Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung, Nguyễn Thụy quyết định tự tiến hành cuộc vận động khởi nghĩa. Các nhân sĩ yêu nước tiên bộ Quảng Nam (Trần Cao Vân, Thái Phiên, Phan Thành Tài, Lê Đình Dương...) đã cùng với Lê Ngung, Nguyễn Thụy (Quảng Ngãi), đóng vai trò khởi xướng và lãnh đạo chủ chốt cuộc vận động. Đây là điểm cần lưu ý của cuộc khởi nghĩa này. Đó là sự tiếp nối truyền thống năng động, tiên phong của sĩ phu yêu nước Nam - Ngãi trong cuộc kháng chiến chống Pháp diễn ra từ nửa sau thế kỷ XIX.

Thứ ba, cuộc khởi nghĩa đánh dấu một bước tiến mới về phương thức vận động cứu nước.

Phương thức chủ yếu của cuộc khởi nghĩa do Việt Nam Quang phục hội năm 1916 tiến hành ở Quảng Nam nói riêng và Trung Kỳ nói chung là đấu tranh vũ trang. Tuy hệ thống tổ chức chưa chặt chẽ, nhưng cuộc vận động khởi nghĩa được tiến hành dưới danh nghĩa của tổ chức Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ do đó, tạo ra khả năng tập hợp lực lượng.

Để tiến tới khởi nghĩa, binh lính người Việt trong quân đội Pháp được xem là lực lượng chính, nhưng Việt Nam Quang phục hội cũng đã xây dựng được cơ sở khá sâu rộng và vững chắc trong nhân dân chứ không phải bó hẹp trong một nhóm người. Quảng Nam là một trong những địa bàn mà Việt Nam Quang phục hội xây dựng được cơ sở trong nhân dân khá sâu rộng; hệ thống tổ chức được xây dựng đến tận các tổng, xã. Trước ngày khởi nghĩa các ban khởi nghĩa từ cấp tổng đến huyện, phủ đã được thành lập ở hầu hết các địa phương trong tỉnh. Về lực lượng và vũ khí hầu hết các địa phương từ cấp huyện, phủ đều tuyển mộ và tổ chức được các đội dân binh khá đông

đảo (trung bình khoảng gần 2000 người/huyện, phủ) và được trang bị vũ khí tương đối đầy đủ, dù chỉ là giáo, mác, gậy gộc. Công tác vận động tuyên truyền nhân dân đóng góp binh lương, xây dựng căn cứ diễn ra sôi nổi, Hội cũng đã vận động được cả những người giàu có đóng góp, ủng hộ cho khởi nghĩa. Phụ nữ cũng được huy động tham gia chuẩn bị cho khởi nghĩa. Cơ sở của Hội trong binh lính cũng được xây dựng khá vững: Tam Kỳ vận động được 2 đội lính tập, Hội An binh lính cũng đã sẵn sàng làm nội ứng, Đà Nẵng có khoảng 1500 lính đang đợi lệnh...

Trải qua các cuộc hội nghị, những người lãnh đạo của Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ đã vạch ra được đường lối, chủ trương cho cuộc khởi nghĩa; không ngừng bổ sung, điều chỉnh nhằm tăng cường củng cố tổ chức, xây dựng lực lượng, mở rộng thế lực, chuẩn bị mọi điều kiện sẵn sàng chờ thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền. Nếu Hội nghị tại Đà Nẵng (3.1914), được xem là một bước tiến quan trọng trong công tác vận động cách mạng, đánh dấu bước chuyển biến tư tưởng của những người lãnh đạo biết nhìn vào thực lực trong nước là chính; thì đến Hội nghị lần thứ nhất (9.1915) tại Huế, đã đưa ra chủ trương gấp rút xúc tiến mưu sự khởi nghĩa, làm đẩy lên cuộc vận động chuẩn bị mọi mặt cho cuộc khởi nghĩa trong không khí khẩn trương và sôi nổi ở các tỉnh Trung Kỳ. Và đến đầu năm 1916, khi công tác chuẩn bị mọi mặt cho khởi nghĩa về cơ bản đã hoàn tất, trong bối cảnh thế giới và trong nước khá thuận lợi; tại Hội nghị lần thứ hai tại Huế, Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ đã quyết định phát động khởi nghĩa giành chính quyền đồng loạt ở Trung Kỳ từ Quảng Bình cho đến Bình Thuận. Điều đáng nói ở đây là công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa diễn ra trên quy mô lớn, thu hút đông đảo các giai cấp và tầng lớp nhân dân tham gia (hoàng tộc đứng đầu là vua Duy Tân, một số quan lại, đông đảo binh lính, các nhà hào phú, nông dân, thợ thủ công, công nhân, đồng bào các dân tộc ít người...) nhưng đảm bảo được bí mật. Cuộc khởi nghĩa bị vỡ lở vì tình cảm anh em ở Quảng Ngãi (Võ Huệ, Võ An) hoặc do tình cảm vợ chồng ở Huế (vợ chồng viên sĩ quan người Đức chỉ huy lính khổ xanh đóng ở đồn Mang Cá), sự phản bội của Trần Quang Trứ, nhân viên Toà Khâm sứ, tham gia cuộc vận động).

Có thể nói trong quá trình chuẩn bị cũng như khi triển khai kế hoạch khởi nghĩa, Quảng Nam là địa bàn chiến lược quan trọng hàng đầu của cuộc khởi nghĩa do Việt Nam Quang phục hội tiến hành ở Trung Kỳ. Nhiệm vụ của Quảng Nam và Quảng Ngãi không chỉ chiếm Đà Nẵng, các trung tâm đầu não ở Quảng Nam và Quảng Ngãi, mà còn hỗ trợ Huế giành chính quyền.

Thứ tư, cuộc khởi nghĩa nổ ra không phải tự phát mà có tổ chức lãnh đạo, có kế hoạch cụ thể rõ ràng, có sự phối hợp giữa các địa phương trong tỉnh và các tỉnh khác.

Quyết định khởi nghĩa không phải xuất phát từ sự bộc phát, manh động của một cá nhân nào mà đó là kết quả của cả quá trình chuẩn bị lâu dài, dưới sự lãnh đạo thống nhất, xuyên suốt của Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Nam Trung Kỳ. Kế hoạch khởi nghĩa cho chúng ta thấy rõ cuộc khởi nghĩa không chỉ dự định nổ ra ở Huế mà đồng loạt ở khắp các tỉnh từ Quảng Bình cho đến Bình Thuận, theo một ngày, giờ đã định sẵn; nằm dưới sự chỉ huy tối cao của một Ủy ban khởi nghĩa được hội nghị Kỳ bộ đề cử. Sự phối hợp giữa các địa phương khá chặt chẽ, theo kế hoạch đã được định sẵn. Trong đó, Huế được chọn làm khởi điểm phát động và báo hiệu cho các tỉnh khác đồng loạt nổi dậy, Quảng Nam và Quảng Ngãi với lực lượng được đánh giá là mạnh nhất, cơ sở kiên cố nhất nên được chọn làm lực lượng chủ lực của cuộc khởi nghĩa và giao nhiệm vụ đặc biệt: “Đặc biệt ở Quảng Nam và Quảng Ngãi: dốc toàn lực của lính tập và dân chúng chiếm giữ cửa biển Đà Nẵng để quân lực viện trợ ở Xiêm về nước đổ bộ lên bờ và mở đường giao thông suốt từ Đà Nẵng vào tận Đức Phổ”¹⁵.

Sự phân công, phân nhiệm trong quá trình chuẩn bị và tổ chức lãnh đạo khởi nghĩa cũng hết sức rõ ràng và cụ thể đến từng địa bàn trọng yếu như đã nêu ở phần trên. Ở Quảng Nam, hệ thống tổ chức lãnh đạo khởi nghĩa các cấp từ tổng, huyện, phủ cho đến tỉnh đã được xác lập với kế hoạch rõ ràng và sự phân công, phân nhiệm cụ thể để lãnh đạo cuộc khởi nghĩa hoặc vận động nhân dân nổi dậy hưởng

¹⁵ Lê Uớc (1968), TLĐĐ, tr. 90.

ứng. Tại Tiên Phước, kế hoạch khởi nghĩa nêu rõ: Một đội dân binh khoảng trên 150 người do Lê Tiệm chỉ huy tiến thẳng lên đồn Trà My. Đại quân do Trần Huỳnh và Trầm Tùng Vân (Thảm Tường Vân) chỉ huy gồm trên 650 người theo đường cái tiến xuống phủ đường Tam Kỳ¹⁶. Điều đó chứng tỏ, kế hoạch khởi nghĩa đã được vạch ra rất chi tiết, cụ thể không chỉ ở cấp tỉnh mà đến tận cấp tổng, xã.

Sự phối hợp hành động giữa các địa phương trong tỉnh và với Đà Nẵng được thể hiện rõ trong kế hoạch khởi nghĩa: “Hỏa lực tỉnh Quảng Nam do Phan Thành Tài, Đỗ Tự và Ông Văn Long điều động hiệp cùng lực lượng Đà Nẵng quyết chiếm giữ lập tức Đà Nẵng để viện binh ở Xiêm về tràn vào đất liền. Các đội dân quân của 2 làng Nghi An và Phong Lệ ở ngoại ô Đà Nẵng phụ trách đồn ngã cây lẩn súc ra đường tạo thành chướng ngại vật ngăn chặn quân Pháp tiếp cứu Đà Nẵng từ Quảng Nam ra hay ở Huế vào”¹⁷. Trong cuốn “Quảng Nam Xưa & Nay”, khi viết về tiểu sử Phan Thành Tài, tác giả Hồ Ngân viết: “Theo như chương trình khởi nghĩa đã định thì đồng thời cử sự vào rạng sáng ngày mùng ba tháng tư năm Bính Thìn (4.5.1916). Trước đó một ngày thì các lính ủng mộ đến tại nhà ông Tú Kinh lãnh mỗi người một cái áo đen và 1 đồng. Rồi bí mật đi rải rác đến khuya nhất tề tụ tập chung quanh tỉnh thành tỉnh Quảng Nam, chờ hiệu lệnh phát hỏa của Lê Đình Dương ở Hội An thì tức thời công hãm tỉnh thành. Khi vào được tỉnh thành, thì bắt giết hết quan lại trong ấy chỉ trừ người nào nói: “Xuân đây” (mật khẩu của đảng) thì khởi giết. Công việc (khởi nghĩa tại Quảng Nam) sắp đặt xong, thang đã bắc sẵn ở thành (tỉnh Quảng Nam) chờ thấy lửa (ám hiệu) cháy ở Hội An (do Lê Đình Dương đốt) là leo vô thành...”¹⁸. Hay khi thuật lại diễn biến cuộc khởi nghĩa tại tỉnh thành La Qua, Phan Thành Tài cho biết: “...Tôi đi qua Phong Thử để tìm toán quân của Nguyễn Uýnh, nhưng không thấy nên tôi lại lên xe kéo trở về Vĩnh Điện. Tại đây tôi gặp chiếc ghe của Huỳnh Côn người làng Phương Xá phủ Tam Kỳ. Tôi lên ghe thấy khoảng 30 người lính mộ, tôi bảo họ lên bộ

¹⁶ Đảng bộ huyện Tiên Phước, TLĐĐ, tr.44.

¹⁷ Lê Ước (1968), TLĐĐ, tr. 91.

¹⁸ Dẫn theo Nguyễn Đắc Xuân, “Danh Nhân” Nguyễn Hiến Dinh ông là ai, Tạp chí Sông Hương, Số 124, năm 1999.

đi Đà Nẵng, còn tôi ở lại thành tỉnh đợi các toán quân sau khi tấn công vào tòa sứ và thành tỉnh sẽ đưa tất cả cùng ra Đà Nẵng để cùng hành động”¹⁹.

Những dẫn chứng trên đã chứng tỏ rằng cuộc vận động khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội tại Quảng Nam có sự chuẩn bị khá chu đáo, có kế hoạch cụ thể và có sự phối hợp hành động giữa các địa phương trong tỉnh và với các tỉnh khác. Theo đó, cuộc khởi nghĩa tại Quảng Nam dự định sẽ bắt đầu bằng việc tấn công tòa Công sứ Pháp tại Hội An, do Lê Đình Dương chỉ huy và đồng thời phát hỏa làm ám hiệu đề Điện Bàn công hãm tỉnh thành La Qua. Sau đó sẽ dồn toàn bộ lực lượng ra phối hợp chiếm Đà Nẵng. Cùng thời điểm đó, các địa phương khác trong tỉnh đồng loạt nổi dậy giành chính quyền.

Thứ năm, trong các địa phương của tỉnh Quảng Nam và trong các tỉnh Trung Kỳ chỉ duy nhất ở phủ Tam Kỳ là đã xảy ra cuộc khởi nghĩa thực sự.

Cũng như các địa phương khác ở Trung Kỳ, do kế hoạch bị bại lộ từ trước, thực dân Pháp tiến hành thiết quân luật và tuần phòng nghiêm ngặt nên không có hiệu lệnh khởi nghĩa phát ra từ Huế. Vì vậy, hầu hết các địa bàn trọng yếu ở Quảng Nam và Đà Nẵng đều không xảy ra khởi nghĩa, mà lực lượng nghĩa quân tự giải tán sau khi biết kế hoạch đã bại lộ. Riêng tại Tam Kỳ đã xảy ra khởi nghĩa thực sự, lực lượng nghĩa quân với khoảng gần 2000 người, dưới sự chỉ huy của Trần Huỳnh đã tiến công chiếm đồn Đại lý và bao vây phủ đường Tam Kỳ. Tuy nhiên, do kế hoạch đã bại lộ từ trước, Pháp - chính quyền Nam triều bố trí lực lượng mai phục, bất ngờ phản công, dù đã anh dũng chống trả nhưng do tương quan lực lượng quá lớn, nên sau 8 giờ làm chủ phủ lý Tam Kỳ, nghĩa binh phải rút lui.

Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội, mặc dù trên toàn cục, do âm mưu nổi dậy bị bại lộ nên thất bại ở kinh đô và một số tỉnh khác, nhưng nó đã nổ ra trong một bộ phận tại phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Theo tài liệu của Pháp để lại cho biết: “... tại Quảng Nam có khoảng 250 đến 300 nghĩa binh, chia làm hai nhóm, đã công

¹⁹ Dẫn theo Lưu Anh Rô (2016), TLDD.

khai tấn công một đội lính tại địa hạt Tam Kỳ rồi rút lui an toàn; xung quanh bến cảng Đà Nẵng và Hội An cũng xuất hiện nhiều tốp nghĩa binh, với tư thế sẵn sàng chiến đấu; ...”²⁰

Cuộc nổi dậy vũ trang đã xảy ra vào đêm mùng 3 rạng ngày 4.5.1916 tại phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam là một thực tế lịch sử, là một cuộc khởi nghĩa với đầy đủ tính chất của nó do Việt Nam Quang phục hội lãnh đạo, đã để lại một dấu ấn sâu sắc trong truyền thống cách mạng chống Pháp của xứ Quảng địa linh nhân kiệt mà nhân dân Quảng Nam có quyền tự hào.

Đến đây vấn đề đặt ra là tại sao Tam Kỳ là nơi duy nhất ở Nam Trung Kỳ diễn ra khởi nghĩa thật sự?

Lâu nay chúng ta vẫn cho rằng, do không nhận được thông tin, không biết kế hoạch đã bại lộ từ trước nên ở Tam Kỳ khởi nghĩa vẫn diễn ra theo như kế hoạch đã định. Nếu như vậy, thì cho đến trước khi Tam Kỳ khởi sự (vào đêm 3 rạng ngày mùng 4.5.1916) đã có bao nhiêu địa phương nhận được thông tin kế hoạch khởi nghĩa đã bị lộ để tự giải tán? Điều này chúng ta đều biết, không có một địa phương nào nhận được thông tin cuộc khởi nghĩa đã bị bại lộ trước giờ khởi sự; những người đầu tiên biết thông tin này là Thái Phiên và Trần Cao Vân vào lúc 3 giờ sáng ngày 4.5 (tức 2 tiếng sau giờ ấn định khởi sự) ở tại Huế: “Chờ mãi đến 3 giờ sáng vẫn không có hiệu lệnh gì cả. Liên lạc tới tấp báo tin về: tình hình Huế đang bị giới nghiêm, lính Pháp tuần tiễu khắp nơi đề phòng ráo riết... Trần Cao Vân và Thái Phiên biết cuộc khởi nghĩa đã thất bại”²¹. Có nghĩa là không một địa phương nào hay biết gì cho đến khi trời sáng và tự giải tán. Vậy một vấn đề nữa đặt ra là tại sao các địa phương khác không tiến hành khởi nghĩa theo kế hoạch đã định như ở Tam Kỳ?

Đề cập đến vấn đề này, tác giả Lê Ước cho rằng: “Vốn có oán hận sẵn bọn Pháp và quan lại hà khắc, bọn tổng lý tham nhũng, nên dân chúng kéo đến vây chặt đồn Đại lý và Phủ đường, bắt trói Tri phủ Tạ Thúc Xuyên và giết chết viên Đại lý người Pháp”²². Cách lý giải

²⁰ Dương Kinh Quốc (2001), *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858- 1918)*, NXB. Giáo Dục, Hà Nội, tr. 356.

^{21, 22} Lê Ước (1968), TLDD, tr. 98, 99.

này hoàn toàn không sai nhưng chưa thể làm rõ vấn đề đặt ra, bởi mâu thuẫn giữa nhân dân ta với chính quyền thực dân phong kiến là mâu thuẫn lớn nhất, bao trùm nhất; tình trạng quan lại hà khắc, tham nhũng, bóc lột nhân dân là phổ biến chứ không riêng gì ở Tam Kỳ.

Hãy đặt Tam Kỳ trong mối quan hệ so sánh với các địa phương khác trong tỉnh Quảng Nam và các tỉnh khác, chúng ta sẽ nhận thấy:

Tam Kỳ và tất cả các địa phương khác ở Trung Kỳ đều có chung bối cảnh là không nắm được thông tin về cuộc khởi nghĩa đã bị lộ cho đến khi giải tán và có cùng điều kiện là tất cả các lực lượng chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa đã sẵn sàng ở vị trí chỉ chờ hiệu lệnh tiến công. Nhưng chỉ có ở Tam Kỳ xảy ra khởi nghĩa thật sự còn các địa phương khác thì chỉ là “cuộc vận động khởi nghĩa” mà thôi. Điều đó, chứng tỏ cuộc khởi nghĩa diễn ra vào đêm mùng 3 rạng ngày 4.5.1916 tại phủ Tam Kỳ là hoàn toàn chủ động, không “máy móc” dù không nhận được lệnh khởi nghĩa. Sự chủ động đó đến từ các yếu tố sau:

Trước hết, Tam Kỳ là địa bàn quan trọng trong cuộc vận động khởi nghĩa ở Quảng Nam và Trung Kỳ; có quá trình vận động chuẩn bị khởi nghĩa lâu dài, chu đáo; là địa phương có lực lượng mạnh, cơ sở kiên cố nhất ở Quảng Nam.

Với vị trí trung tâm, là cầu nối giữa Quảng Nam và Quảng Ngãi - hai địa bàn chiến lược quan trọng bậc nhất trong kế hoạch khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ, do vậy Tam Kỳ trở thành địa bàn chiến lược quan trọng mà nghĩa quân cần phải đánh chiếm để cùng với Đà Nẵng, Điện Bàn... tạo thành trục giao thông thông suốt vào tận Quảng Ngãi. Quá trình chuẩn bị cho khởi nghĩa diễn ra trong thời gian dài (1909-1916); từ 8.1915, các ban khởi nghĩa và các đội dân binh đã được thành lập ở hầu hết các xã, thôn. Đến cuối năm 1915, tại huyện Tiên Phước đã thành lập được 22 đội dân binh với khoảng 350 người, tại phủ Tam Kỳ các đội dân binh đã được thành lập ở hầu hết các xã, có nơi lên đến 100 người, được tập trung luyện tập thường xuyên. Ở Tiên Phước, các đội dân binh bầu Trần Huỳnh làm Tổng lãnh binh, lấy Gò Chùa (Tiên Thọ, Tiên Phước) làm căn cứ, thường xuyên luyện tập các bài tập phóng giáo, múa kiếm,

đâm chém, nhảy xa... Bên cạnh đó, lực lượng khởi nghĩa còn vận động được hai đội lính tập ở phủ Tam Kỳ sẵn sàng làm nội ứng và nhân dân hai làng Nước Hai ủng hộ nghĩa quân lập căn cứ chống Pháp lâu dài một khi cuộc khởi nghĩa bắt thành.

Hơn nữa, sự chủ động, linh hoạt và quyết đoán của những người lãnh đạo là một trong những yếu tố quan trọng làm bùng cuộc khởi nghĩa tại phủ Tam Kỳ. Như chúng ta biết, Tam Kỳ là một trong số ít các địa phương có Ban khởi nghĩa cấp phủ, huyện trong tỉnh Quảng Nam và các tỉnh Trung Kỳ. Ban khởi nghĩa Phủ Tam Kỳ do Trần Huỳnh làm Tổng chỉ huy, một người đã từng tham gia phong trào Cần vương, là một trong những lãnh tụ tiêu biểu của phong trào Duy tân ở Tiên phước (cùng với Lê Cơ) và phong trào chống thuế. Với bản lĩnh, kinh nghiệm dày dặn và tính quyết đoán, Trần Huỳnh đã chủ động chỉ huy lực lượng nghĩa quân tiến công phủ đường Tam Kỳ dù không nhận được lệnh khởi nghĩa. Đó là một trong những tấm gương tiêu biểu cho tinh thần quật khởi, đấu tranh không biết mệt mỏi, là sự tiếp nối của các phong trào yêu nước trước đó của nhân dân Quảng Nam trong cuộc chiến chống thực dân Pháp, giành lại độc lập dân tộc ở cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Như vậy, với những mâu thuẫn vốn có với chính quyền thực dân phong kiến cùng với quá trình chuẩn bị lâu dài, chu đáo; sự chủ động linh hoạt và quyết đoán của những người lãnh đạo, dù không nhận được lệnh khởi nghĩa nhưng nhân dân phủ Tam Kỳ đã chủ động đứng lên làm chủ phủ ly. Đó là hiện tượng độc đáo, là địa phương duy nhất ở Trung Kỳ trong cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 của Việt Nam Quang phục hội diễn ra khởi nghĩa thực sự./.

HVT

VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI VÀ MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG Ở NAM TRUNG KỲ

PGS.TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI*

Địa giới Trung Kỳ (Annam) theo Hiệp ước Harmand (1883), gồm từ phía Nam đèo Ngang (thuộc Quảng Bình) đến phía Bắc tỉnh Bình Thuận. Năm 1884, triều đình tiếp tục ký Hiệp ước Patenotre. Sách *Đại Nam thực lục*, Tập XXXVI, Chính biên, Đế Ngũ kỷ, Q.IV, Khoản thứ 3 chép: “Địa giới nước Đại Nam từ giáp tỉnh Biên Hòa (Nam Kỳ) về phía Bắc cho đến giáp tỉnh Ninh Bình (Bắc Kỳ)”. Theo đó, lãnh thổ Trung Kỳ, phần phía Đông được nói rộng hơn, bao gồm từ Thanh Hoá đến hết Bình Thuận và chia thành 3 khu vực nhỏ: Bắc Trung Kỳ (Nord Annam) gồm các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh), Trung Trung Kỳ (Centre Annam) gồm các tỉnh: Quảng Bình đến Bình Định, *Nam Trung Kỳ (Sud Annam) gồm các tỉnh: Phú Yên đến Bình Thuận*. Bài viết này, bước đầu tìm hiểu về Việt Nam Quang phục hội và một số hoạt động ở Nam Trung Kỳ.

1. Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX, trước tình hình lịch sử mới, những sĩ phu tiến bộ đã nhận thấy, quan niệm trung quân ái quốc thời kỳ Cần vương đã dường như không đủ sức tập hợp nhân dân chống Pháp. Trong khi đó, tư tưởng dân chủ tư sản của phương Tây được truyền vào Việt Nam qua tân thư, tân văn từ Trung Quốc, Nhật Bản. Ở Trung Quốc cổ sứ điển hình cho tư tưởng đó là Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu. Các học thuyết về nhân đạo, dân quyền của những nhà tư tưởng thuộc trào lưu Ánh sáng Pháp thế kỷ XVIII cũng được truyền bá vào Việt Nam. Tư tưởng đó đã được các sĩ phu đó tiếp thu và cổ vũ. Họ dần từng bước chuyển theo mục tiêu của cuộc Cách

* Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

mạng Pháp (1789), cuộc vận động Duy tân (1898) và Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc, giúp họ chuyển hẳn từ tư tưởng quân chủ lập hiến sang tư tưởng dân chủ cộng hòa. Mặt khác, Nhật Bản đã trở thành nước hùng mạnh. Sau chiến thắng của quân đội Nhật trong chiến tranh Nga - Nhật (1904-1905) càng là một thực tế cho các sĩ phu tin tưởng vào cách mạng tư sản.

Khởi xướng và lãnh đạo trào lưu này là hai chí sĩ tiêu biểu: Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh. Họ chủ trương đánh Pháp, khôi phục độc lập dân tộc và xây dựng đất nước theo con đường tư bản chủ nghĩa, tiến kịp các nước tiên tiến.

Nhưng hai chí sĩ tiêu biểu Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh mặc dù thống nhất về mục tiêu và không có mâu thuẫn nhau, nhưng hình thức đấu tranh lại khác nhau. Phan Bội Châu theo đuổi xu hướng bạo động. Phan Châu Trinh chủ trương cải cách.

Các sĩ phu yêu nước đã kết hợp đấu tranh vũ trang kết hợp với nhiều biện pháp mới về chính trị, kinh tế, ngoại giao, tiến hành cải cách trong nhân dân. Các sĩ phu yêu nước đã lập ra các hội yêu nước như Duy tân hội, Việt Nam Quang phục hội, đưa thanh niên ra nước ngoài học tập như phong trào Đông du. Họ mở trường học, xuất bản sách, báo, phổ biến kiến thức mới như phong trào Đông kinh nghĩa thực. Nhiều hình thức mới mẽ được tiến hành như tổ chức diễn thuyết, bình văn, kêu gọi thay đổi phong tục, lập hội buôn, phát triển công thương, hợp tác với các nhà yêu nước châu Á như Hội chấn Hoa hưng Á để họ viện trợ ủng hộ cho cách mạng Việt Nam.

2. Phan Bội Châu và Duy tân hội, tiền đề cho sự ra đời của Việt Nam Quang Phục hội

Phan Bội Châu chủ trương giành độc lập dân tộc bằng con đường bạo động. Từ năm 1902-1904, ông đã đi từ nam ra bắc để tìm người hợp tác. Tháng 5.1904, Phan Bội Châu và Cường Để cùng hơn 20 người (trong đó có Nguyễn Hàm¹, Đặng Tử Kính, Đặng Thái Thân

¹ Nguyễn Hàm ở Quảng Nam.

hợp lập ra *Duy tân hội* ở Quảng Nam với mục đích “Cốt sao khôi phục được nước Việt Nam...”. Kế hoạch gồm ba điểm:

- Mở rộng thế lực của Hội về người và tài chính
- Xúc tiến các công việc để chuẩn bị bạo động
- Chọn người xuất dương cầu viện

Để mở rộng thế lực của Hội, Phan Bội Châu và các cộng sự đã liên kết với nghĩa quân Yên Thế², kêu gọi 10 giới đồng tâm nhằm hướng đến mục tiêu muốn đánh Pháp thì nhân dân phải chung sức chung lòng: “*Nghìn muôn ức triệu người chung góp; Xây dựng nên cơ nghiệp nước nhà*”³.

Phan Bội Châu còn chủ trương tiến hành cải cách kinh tế, văn hoá: “Phải tổ chức các hội Nông, Thương, học làm cho người trong nước biết có đoàn thể, dễ dàng cho cuộc vận động”⁴.

Việc xuất dương cầu viện, ông nhận thấy, Nhật Bản là nước đồng văn đồng chủng, nên đó là nước mà kế hoạch cầu viện của ông và các cộng sự hướng đến. Ngày 20.1.1905, Phan Bội Châu cùng Tăng Bạt Hổ sang Nhật, mở đầu cho phong trào Đông du. Đến năm 1908, số học sinh du học Nhật Bản lên đến gần 200 người⁵. Chỉ có 5 người được học ở Trường Chấn Võ quân sự học hiệu là Cường Để, Lương Lập Nham (tức Lương Ngọc Quyến), Lương Nghị Khanh, Trần Hữu Công, Nguyễn Điển. Nội dung học tập của các du học sinh chủ yếu là về văn hóa và quân sự. Đây được coi là những nhân tố quan trọng chuẩn bị cho công cuộc đánh Pháp, xây dựng đất nước.

Đối với việc mở mang dân trí cho nhân dân, Phan Bội Châu và các nhà lãnh đạo *Duy tân hội* đã sáng tác nhiều tác phẩm như *Việt*

² Năm 1902, Phan Bội Châu ra Yên Thế nhưng gặp lúc Hoàng Hoa Thám bị ốm nên chỉ gặp Cả Trọng. Cuộc gặp này giữa hai người đã đi đến thống nhất, nếu Trung Kỳ khởi nghĩa thì Yên Thế sẽ hưởng ứng.

³ *Văn Thơ Phan Bội Châu chọn lọc*, NXB. Văn học, Hà Nội, 1957, tr.168.

⁴ Phan Bội Châu niên biểu, NXB. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1957, tr.59.

⁵ Có hơn 100 người Nam Kỳ, 50 người Trung Kỳ và hơn 40 người Bắc Kỳ. Họ đều được học tại Trường Đông Á Đồng Văn thư viện của Đông Á Đồng Văn hội.

Nam vong quốc sử (1905), *Khuyến quốc dân tự trợ du học văn* (1906), *Hải ngoại huyết thư* (1906), *Kính cáo toàn quốc phụ lão* (1906), *Đề tỉnh quốc dân hồn* (1907) để tuyên truyền trong nhân dân. Đặc biệt trong tác phẩm *Hải ngoại huyết thư*, Phan Bội Châu đã đề cập đến vai trò, vị trí của “mười hạng người đồng tâm”, đó là *phú hào, quý tộc, sĩ phu, lính tập, giáo đồ, du đồ hội đảng, nhi nữ anh sĩ, thông ngôn ký lục bồi bếp, con em có mối thù nhà và sự đồng lòng của người trong ngoài nước ta*. Khác với quan niệm Nho giáo, Phan Bội Châu đề cao vai trò của phụ nữ và sự đoàn kết lương giáo, sự đồng lòng của đồng bào dân tộc thiểu số trong công cuộc cách mạng.

Khi phong trào Đông du đang phát triển thì bị thực dân Pháp khủng bố. Pháp còn thỏa hiệp với Nhật trục xuất những người Việt Nam đang học tại Nhật. Tháng 9.1908, chính quyền Nhật Bản trục xuất gần hết số du học sinh Việt Nam khỏi nước Nhật. Chỉ có một số ít người nhờ mượn được quốc tịch Trung Quốc nên tiếp tục ở lại học tập. Vài người chuyển về Trung Quốc tìm cách học tại một số trường quân sự và sau này đã thực hiện bạo động vũ trang như Lương Ngọc Quyến⁶, Đặng Tử Mặc⁷, Hoàng Trọng Mậu⁸, Trần Hữu Lực⁹, Nguyễn

⁶ *Lương Ngọc Quyến*: Từng tốt nghiệp Trường Chấn Võ học hiệu ở Nhật Bản, sau khi bị trục xuất khỏi Nhật đã vào học ở Trường Quân Nhu học hiệu ở Quảng Đông và Trường Sĩ quan học hiệu ở Bắc Kinh. Ông ham mê nghiên cứu quân sự chiến thuật. Khi về Hương Cảng, ông bị mật thám Pháp bắt giải về Hà Nội, rồi giam ở nhà tù Thái Nguyên. Năm 1917, ông trở thành một trong những nhà lãnh đạo tiêu biểu của Khởi nghĩa Thái Nguyên. Phan Bội Châu từng nhận xét về ông: “Thật là tướng tiên phong cho quân cách mệnh” (Theo *Phan Bội Châu toàn tập*, tập 6, NXB. Thuận Hóa, Huế, 1990, tr.163).

⁷ *Đặng Tử Mặc*: Là một trong những lưu học sinh rất tâm huyết, sau khi bị trục xuất khỏi Nhật Bản đã sang Trung Quốc; Đến Hương Cảng lập xưởng chế thuốc súng không khói và lựu đạn. Để tránh mật thám Pháp, ông trở về biên giới Xiêm - Lào, vận động Việt Kiều ở Xiêm tham gia cách mạng Việt Nam; âm mưu chống Pháp ở Trung Kỳ.

⁸ *Hoàng Trọng Mậu* người Nghệ An, còn có tên là Nguyễn Đức Công, thông Hán học, Văn khoa cử khá hay. Khi phong trào mới bắt đầu, ông bỏ nghề cử nghiệp, đem hết của cải đi xuất dương. Ông từng học ở Học viện quân sự Nhật Bản, rồi sang Trung Quốc kết giao với Trung Hoa cách mệnh đảng. Đến khi Việt Nam Quang Phục hội thành lập ông là một trong những người chủ yếu soạn thảo *Việt Nam Quang Phục quân phương lược*.

⁹ *Trần Hữu Lực* từng học quân sự ở Nhật Bản rồi học tiếp ở Trường Lục quân cán bộ học đường Quảng Tây. Khi Việt Nam Quang Phục hội thành lập, ông sang Xiêm tổ chức đội quân Việt kiều quang phục, vận động Việt kiều sắm sửa vũ khí, chuẩn bị vũ trang bạo động ở vùng biên giới phía tây Việt Nam.

Quỳnh Lâm¹⁰.

Sau khi phong trào Đông du thất bại, từ tháng 10.1910, Phan Bội Châu cùng một số vị lãnh đạo của Duy tân hội đi sang vùng Đông Bắc Thái Lan. Năm 1911, Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc thành công, Phan Bội Châu rất phấn khởi, coi đây là cơ hội tốt cho cách mạng Việt Nam. Ông trở lại Trung Quốc tiếp tục cuộc vận động cứu nước. Lực lượng của Duy tân hội ở Trung Quốc lúc này có gần 100 người. Một số chí sĩ yêu nước cũng hội tụ về Trung Quốc. Mai Lão Bạng từ Xiêm, Nguyễn Trọng Thường từ trong nước sang thông báo tình hình với Phan Bội Châu, “Phong trào Trung Hoa cách mệnh thành công, ảnh hưởng với nước ta hung mãnh. Nhiệt độ người nước ta so với trước kia lên gấp bội¹¹. Nếu ở ngoài có cái gì làm tiên thanh¹², thì khí thế ở trong nước khắc sống lại”¹³. Tin tức đó đã cổ vũ cho Phan Bội Châu rất nhiều. Sau khi suy xét các bước tiến hành¹⁴, tại Quảng Đông, Trung Quốc, Phan Bội Châu cùng các chí sĩ yêu nước trung kiên ở nước ngoài và một số chí sĩ từ trong nước sang cùng gần 100 người đã mở hội nghị tuyên bố giải tán Duy tân hội, từ bỏ lập trường quân chủ¹⁵, đề xuất nghị án chủ nghĩa dân chủ. *“Đầu hết tán thành là các ông Đặng Tử Mã, Lương Lập Nham, Hoàng Trọng Mậu, cùng đồng chí Trung Bắc nhị kỳ thầy đại tán thành, chỉ duy một vài người Nam Kỳ phản đối. Bởi vì đồng bào trong ấy, đối với Kỳ Ngoại hầu tin ngưỡng rất sâu, chưa bỗng chốc mà đổi được não chất*

¹⁰ Nguyễn Quỳnh Lâm: Là một trong số ít người lưu lại ở Nhật học thêm, không bị trục xuất khỏi nước Nhật. Sau 18 tháng học thêm, ông về Trung Quốc vào Binh dinh Quảng Đông nghiên cứu chế tạo thuốc súng và lựu đạn; tham gia quân đội Trung Hoa. Khi Việt Nam Quang phục hội thành lập, ông liên lạc với Trung Hoa Quốc dân đảng cầu ngoại viện.

¹¹ Nhiệt tình cách mạng.

¹² Lên tiếng trước.

¹³ Phan Bội Châu toàn tập, tập 6, NXB. Thuận Hóa, Huế, 1990, tr.210.

¹⁴ Phan Bội Châu viết: “Bây giờ muốn đảng vụ trung hưng (xây dựng đảng -TG) tất phải có một phen chinh đồn mới được. Bước thứ nhất là phải quyết định một chủ nghĩa để cho vấn đề quốc thể được giải quyết xong. Bước thứ nhì thì phải kén chọn uỷ viên phái về trong nước đi khắp Tam Kỳ làm một phen vận động lớn. Bước thứ ba thì liên lạc các người cách mệnh đảng Trung Hoa, đặt thành cơ quan, mời các người có thể lực tới, cầu viện trợ thương giới (súng ống khí giới -TG) cho mình...” (Phan Bội Châu toàn tập, tập 6, sđd, tr.210 211).

¹⁵ Phan Bội Châu viết: “Vả lại kết hợp bạn đồng chí Trung Hoa, thì từ lâu chủ nghĩa quân chủ đã đặt ra ở sau ót (tức sau gáy, ý nói đã để ra sau, không chú ý đến).

vậy. Lão tiền bối là cụ Nguyễn Hải Dương (tức Nguyễn Thượng Hiền) có ý không cho dân chủ là thích lắm nhưng cụ cũng ừ cho. Kết quả thì đa số khuyh hướng về dân chủ chủ nghĩa, quyết chí thủ tiêu Hội Duy tân, tổ chức một cơ quan mới để thay thế. Việt Nam Quang phục hội đẻ ra từ đây”¹⁶. Đó là ngày 5 tháng 5 năm Nhâm Tý (19.6.1912), Việt Nam Quang phục hội ra đời tại Quảng Đông, Trung Quốc.

Tôn chỉ độc nhất của Hội là đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Việt Nam Cộng hòa dân quốc.

Về tổ chức của Hội gồm 3 bộ lớn:

- Tổng vụ bộ: Bộ trưởng¹⁷ là Việt Nam Quang phục hội Hội trưởng¹⁸ Cường Để. Phó Bộ trưởng là Hội Tổng lý Phan Sào Nam¹⁹.

- Bình Nghị bộ: có 3 uỷ viên chọn người trong 3 kỳ. Bắc Kỳ: Nguyễn Thượng Hiền, Trung Kỳ: Phan Sào Nam (Phan Bội Châu); Nam Kỳ: Nguyễn Thành Hiến.

- Chấp hành bộ: Đặc cử 10 người:

a. Quân vụ uỷ viên: Hoàng Trọng Mậu, Lương Lập Nham

b. Kinh tế bộ uỷ viên: Mai Lão Bạng, Đặng Tử Mẫn.

c. Giao tế uỷ viên: Lâm Đức Mậu, Đặng Bính Thành²⁰.

d. Văn độc uỷ viên²¹: Phan Bá Ngọc, Nguyễn Yên Chiêu²².

c. Thư vụ uỷ viên²³: Phan Quý Chuân²⁴, Đinh Tế Dân.

¹⁶ Phan Bội Châu toàn tập, tập 6, sdd, tr.211-212.

¹⁷ Một số sách viết là Hội trưởng. Ở đây, tôi viết nguyên văn trong Phan Bội Châu toàn tập.

¹⁸ Có sách viết là Tổng đại biểu.

¹⁹ Trong Cuộc đời cách mạng Cường Để có ghi thêm Hoàng Trọng Mậu làm bí thư tổ chức Quang Phục quân và khởi thảo Việt Nam Quang Phục quân phương lược. Lúc này Cường Để đang bị bệnh ở Cửu Long (Hương Cảng) không về được nên viết thư giao quyền cho cụ Phan tiến hành công việc.

²⁰ Hai người này, một người biết tiếng Pháp, một người biết tiếng Đức và đều biết chữ Hán.

²¹ Uỷ viên văn hoá.

²² Nguyễn Yên Chiêu còn có tên là Đài, người Quảng Ngãi.

²³ Thư ký đoàn.

²⁴ Sau đổi tên là Dương Trần Hải, người Đài Loan.

Vấn đề kinh phí của Hội cũng hết sức quan trọng. Phan Bội Châu kêu gọi sự ủng hộ của các nhà cách mạng Trung Quốc cũng như cử người về nước quyên góp tiền bạc.

Hội tổ chức nên *Quang phục quân* và định ra Quân kỳ (nền vàng sao trắng), Quốc kỳ (nền vàng sao đỏ). “*Đã có quân tất phải có Quân kỳ, có Quân kỳ tất phải có Quốc kỳ. Xưa nay nước ta chỉ có cờ hoàng đế, mà không có cờ nước, cũng là một việc quái gở. Hội Việt Nam Quang phục mới chế định ra Quốc kỳ, gọi bằng cờ Ngũ tinh, dạng huy thức²⁵ dùng bằng ngũ tinh liên châu²⁶. Nhân vì nước ta có 5 đại bộ²⁷ cho nên dùng thức này để tỏ rõ cái ý 5 đại bộ liên lạc thống nhất. Sắc cờ dùng hoàng địa hồng tinh làm cờ nước, hồng địa bạch tinh làm cờ quân. Hoàng là để biểu thị nhân chúng ta, hồng là biểu thị sắc nước ta: Nam phương thuộc hỏa, hỏa sắc hồng đó vậy*”²⁸.

Hội còn biên soạn *Việt Nam Quang phục quân phương lược* gồm 5 chương để làm tài liệu học tập cho Quang phục quân. Phan Bội Châu viết chương 1;2. Hoàng Trọng Mậu là một trong những người tổ chức Quang phục quân soạn thảo 3 chương 3;4;5.

Việt Nam Quang phục quân phương lược được các nhà quân sự Việt Nam hiện đại đánh giá là “một trong những bản quy định đầu tiên về cách thức tổ chức quân đội”²⁹ trong lịch sử quân sự Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Đầu bìa sách *Việt Nam Quang phục quân phương lược* in Quốc kỳ và Quân kỳ, toàn bản hơn 100 trang. Nội dung chia làm 5 như sau:

²⁵ Hình thức.

²⁶ Một chùm năm ngôi sao.

²⁷ Có người giải thích 5 đại bộ là Trung, Nam, Bắc, Miên, Lào. Nhưng theo Chương Thâu (Sưu tầm và biên soạn) *Phan Bội Châu toàn tập* thì 5 đại bộ phải là sĩ, nông, công, thương, binh là những “hạng đồng tâm” cơ bản mà có lần Cụ Phan đã nói đến.

²⁸ *Phan Bội Châu toàn tập*, tập 6, sdd, tr.219-220.

²⁹ *Lịch sử quân sự Việt Nam tập 9 Hoạt động quân sự từ năm 1897 đến cách mạng Tháng Tám 1945*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.68.

1. *Tôn chỉ Quang phục quân*³⁰
2. *Nghĩa vụ của Quang phục quân*³¹
3. *Kỷ luật của Quang phục quân*, gồm 37 điều³²
4. *Chức viên và lương bổng*.
5. *Những kế hoạch tiến hành của Quang Phục quân đã được dự tính trước*³³

Để có nguồn tài chính hoạt động chuẩn bị cho võ trang bạo động, Việt nam Quang phục hội đã ấn phát *Việt Nam Quang phục quân quân dụng phiếu*³⁴.

Tranh thủ sự giúp đỡ của nước ngoài, Hội đã thành lập *Hội*

³⁰ Tôn chỉ duy nhất của Quang phục quân là lấy mục đích đánh giặc, khôi phục nền độc lập dân tộc, xây dựng chế độ cộng hoà dân chủ làm đầu.

³¹ Nghĩa vụ của Quang phục quân, gồm 42 điều chia làm 4 tiết: Đối với nhân dân, Đối với người Pháp, Đối với những người nước ngoài, Đối với quân nhân v.v. (Tham khảo *Phan Bội Châu toàn tập*, Chương Thâu sưu tầm và biên soạn, tập 3, NXB. Thuận Hóa -Trung tâm Văn hóa - Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2000, tr.373).

³² 25 điều nói về thưởng, phạt gọi là “25 điều răn của quân đội”; 4 điều cần chú ý trong quân thứ; 5 điều cần chú ý đối với tù và hàng binh; 3 điều cần chú ý sau khi chiến tranh kết thúc. Những điều quy định trong Chương 3 cho thấy quân đội có kỷ luật nghiêm minh. Điều 26 quy định: “Đại quân đóng tại quân thứ cũng như khi hành quân mọi thứ cần thiết trong quân đội như củi đốt, gạo nước, thực phẩm cùng các đồ dùng... thì những địa phương phụ cận có nghĩa vụ phải cung cấp. Song nếu không có lệnh của chủ tướng thì không được tự tiện trưng dụng hoặc cấp phát. Những vật phẩm cung ứng, bản quân sẽ trả với giá tương đương... Những việc sách nhiễu, ép buộc giá cả đều nhất thiết nghiêm cấm. Người nào trái lệnh sẽ chiếu theo quân pháp trị tội nặng” (Theo *Phan Bội Châu toàn tập*, Chương Thâu sưu tầm và biên soạn, tập 3, sdd, tr.375).

³³ Trong tác phẩm *Phan Bội Châu toàn tập*, tập 6, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1990 chép *Việt Nam Quang phục quân phương lược* có 5 chương nhưng trong *Lịch sử quân sự Việt Nam tập 9 Hoạt động quân sự từ năm 1897 đến cách mạng Tháng Tám 1945*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000 thì chỉ có 4 chương. Ở đây tôi theo *Phan Bội Châu toàn tập*, tập 6.

³⁴ Việc in ấn *Việt Nam Quang phục quân quân dụng phiếu* được Phan Bội Châu giao cho Hoàng Trọng Mậu cùng với Tô Thiệu Lâu (người Quảng Đông) qua Hương Cảng, tìm những người cách mệnh đang quen làm việc này, bí mật chế tạo in thành phiếu khoản 4 món: Mặt trước khắc một hàng chữ trên có dòng chữ: *Việt Nam Quang phục quân quân dụng phiếu*. Chính giữa lòng, chữ lớn in rõ số bạc 5 đồng, 10 đồng, 20 đồng, 100 đồng. Chữ số ở 4 góc cũng in như vậy. Mặt sau dùng hai thứ chữ: Hán văn, Quốc ngữ, khắc chữ: “Giấy bạc này là Việt Nam Quang phục hội lâm thời chính phủ phát hành, y chữ số mặt giấy mua đổi bạc thật, chờ đến lúc chính thức Dân quốc chính phủ thành lập, đem bạc thật thu hồi, cấp lại một thành hai. Người ký tên là Phan Sào Nam. Người kiểm phát là Hoàng Trọng Mậu (Theo *Phan Bội Châu toàn tập*, tập 6, sdd, tr.221-222).

Chấn Hoa Hưng Á. Đại hội tổ chức vào tháng 7 năm Nhâm Tý (1912) đã thu hút sự tham gia của gần 200 người gồm những người hoạt động trong ngành công, thương, học giới người Hoa, tướng bộ quân dinh và các nữ trí thức. Chủ trương của Hội là, “trong thì vận động binh lính, ngoài thì nhờ sự giúp đỡ của quân đội Trung Quốc về vũ khí, quân nhu”. Mục đích của Hội này là liên hiệp những người cách mạng Trung Quốc và cách mạng Việt Nam, làm cho Trung Quốc trở thành trung tâm cách mạng châu Á rồi viện trợ cho Việt Nam để đánh đuổi giặc Pháp³⁵. Chương trình của Hội là: “chấn chỉnh nước Trung Hoa làm cho châu Á hưng thịnh, đánh đổ kẻ thù trước mắt là thực dân Pháp đã xâm lược Việt Nam, mà kế hoạch là: bước một, viện trợ Việt Nam; bước hai, viện trợ Ấn Độ và Miến Điện (Myanmar -TG); bước ba, viện trợ Triều Tiên”³⁶. Đồng thời, Hội còn lợi dụng mâu thuẫn giữa Đức - Pháp để tranh thủ viện trợ. Lãnh sự Đức ở Xiêm hứa giúp Hội số tiền thu được từ bán Quân dụng phiếu và sự ủng hộ của các cá nhân cho cách mạng Việt Nam, v.v...

3. Hoạt động Việt Nam Quang phục hội ở Nam Trung Kỳ.

Như trên đã nêu, sau thời gian củng cố về tổ chức và tài chính. Việt Nam Quang phục hội đã mua sắm vũ khí trang bị cho Quang phục quân và quyết định tổ chức các cuộc bạo động ở trong nước. Nhiều hình thức bạo động được thực hiện ở Bắc Kỳ như ám sát tuần phủ Thái Bình Nguyễn Duy Hàn vào ngày 13.4.1913. Rồi ném lựu đạn vào khách sạn Hà Nội, giết hai sĩ quan Pháp và một số bị thương 26.4.1913. Trước đó (tháng 11.1912), mục tiêu lúc đầu là ám sát Toàn quyền Albert Sarraut trong dịp phát mũ áo cho thí sinh thi Hương ở Nam Định nhưng không thành. Sau đó, thực dân Pháp tiến hành khủng bố, bắt bớ nhân dân, bắt 254 người, kết án tử hình 7 người, trong đó có Nguyễn Khắc Cần, Phạm Văn Tráng, Phạm Đệ Quý, Vũ

³⁵ *Lịch sử tư tưởng Việt Nam tập III từ năm 1858 đến năm 1945*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014, tr.142.

³⁶ *Phan Bội Châu niên biểu*, Phạm Trọng Điềm và Tông Quang Phiệt dịch, Nxb Văn - Sử - Địa, Hà Nội, 1957, tr.31.

Ngọc Thụy³⁷. Ngày 24 tháng 12 năm Quý Sửu (19.1.1914) Phan Bội Châu và Mai Lão bạng bị bắt và giam ở ngục Quảng Đông. Sau những hoạt động không thành trong năm Quý Sửu (1913), Việt Nam Quang phục hội gần như không có hoạt động gì. Ngày 1.8.1914, Chiến tranh Thế giới thứ nhất bùng nổ có sự tham gia của Pháp. Năm 1914, Đức phải chiến đấu trên hai mặt trận: phía Đông và phía Tây. Ở mặt trận phía Tây, ngày 2.8.1914 quân Đức chiếm Luxembourg và hai ngày sau tràn vào Bỉ, vi phạm tình trạng trung lập của nước này để lấy đường tiến vào miền bắc nước Pháp. Tuy nhiên, khi đi sâu vào đất Pháp, các vị chỉ huy quân Đức đã có nhiều sai lầm. Thế rồi, trong trận sông Marne lần thứ nhất vào tháng 9 năm 1914 quân Đức đánh bất phân thắng bại với liên quân Pháp - Anh. Quân Đức phải lui binh về cố thủ, quân Pháp quá kiệt quệ nên không thể truy kích. Hai bên không phân thắng bại. Chiến tranh trên mặt trận phía tây dần đi vào hình thức chiến tranh chiến hào diễn ra trong suốt bốn năm chiến tranh. Trận đánh kế tiếp tại Aisnediễn ra từ ngày 13 - 28.9.1914 khốc liệt hơn trận sông Marne. Cả hai bên đều tổn thất hàng ngàn binh lính, nhưng vẫn không phân thắng bại. Tin quân Pháp thất trận liên tiếp truyền sang Việt Nam. Nhân cơ hội đó, Hội liên đẩy mạnh hoạt động, chuẩn bị bạo động gấp rút hơn. Tháng 9.1914, hội viên của Hội là Đỗ Chân Thiết đứng ra thành lập chi hội ở Vân Nam, có khoảng 50 người tham gia. Chi hội Vân Nam đã được sự giúp đỡ của lãnh sự Đức ở Mông Tự (Trung Quốc), đã lập cơ sở chế bom ở Hà Nội và vận động binh lính người Việt tham gia chuẩn bị đánh úp Hà Nội. Nhưng kế hoạch bị bại lộ do có kẻ phản bội. Đỗ Chân Thiết cùng 50 người bị bắt và bị kết án tử hình, một số bị tù đầy. Cuộc vận động thất bại.

Sau đó, Việt Nam Quang phục hội chuyển về trong nước hoạt động và đã thực hiện một số cuộc bạo động như tập kích trại lính khổ xanh ở Phú Thọ (từ ngày 6 - 7.1.1915); tấn công đồn Nho Quan Ninh Bình (7.1.1915); tập kích đồn Tà Lùng ở Cao Bằng (13.3.1915); phá ngục Lao Bảo ở Quảng Trị (9.1915). Ngoài ra còn có các cuộc đánh

³⁷ Tham khảo *Lịch sử quân sự Việt Nam tập 9 Hoạt động quân sự từ năm 1897 đến cách mạng tháng Tám 1945*, sdd, tr.70.

đồn khác như trận đột kích ở Lục Nam (10.1914), ở Bát Xát, Lào Cai (8.1916), Đồng Văn, Hà Giang (3.1917). Trong số các cuộc bạo động đó, cuộc phá ngục Lao Bảo là nổi bật nhất³⁸. Mặc dù cuối cùng đều thất bại nhưng các cuộc bạo động đó đã thúc đẩy khí thế đấu tranh của quần chúng, ghi lại những thành công cũng như kinh nghiệm cho khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Nam Trung Kỳ.

Đầu năm 1914, Thái Phiên³⁹ từng là nhân vật quan trọng của Duy tân hội, được Phan Bội Châu rất tin tưởng, cùng với Lê Ngung (người Quảng Ngãi) và Trần Cao Vân⁴⁰ (từng tham gia phong trào chống thuế ở Quảng Nam năm 1908. Ông vừa từ nhà tù Côn Đảo trở về) đã mở một hội nghị các nhà yêu nước Trung Kỳ tổ chức được một “Kỳ bộ” do các chí sĩ yêu nước đứng đầu. Ngoài Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung còn có Đỗ Tuyển, Phạm Thành Chương, Phan Thành Tài, Đỗ Tự, Lê Đình Dương, Cử Sứ. Ở Nam Trung Kỳ, Việt Nam Quang phục hội được tổ chức khá chặt chẽ, là nơi duy nhất có được một “Kỳ bộ”. Các nhà lãnh đạo trong Kỳ bộ đã sớm liên lạc với bên ngoài qua đường biên giới Lào - Xiêm. Thông tin từ cha xứ Bầu Gốc cho hay, lãnh sự Đức Xiêm sẽ viện trợ cho Việt Nam chống Pháp nếu đạt được thắng lợi. Đồng thời Kỳ bộ Trung Kỳ còn chiêu được thiếu tá quân đội lê dương của Pháp làm nội ứng khi khởi nghĩa nổ ra. Việt Nam Quang Phục hội ở Trung Quốc và Xiêm cũng hưởng ứng, cổ vũ, viện trợ cuộc nổi dậy ở trong nước.

Kỳ bộ đã họp bàn về việc xây dựng lực lượng, phân công các nhà lãnh đạo phụ trách các địa phương. Phương hướng hành động vận động nhân dân tham gia, xây dựng căn cứ địa, vận động binh lính

³⁸ Cuộc nổi dậy dưới sự chỉ huy của Liêu Thanh, từng hoạt động trong phong trào Đông du, là hội viên của Việt Nam Quang phục hội và Hồ Bá Kiên, yếu nhân của Duy tân hội. Khoảng 200 tù nhân phần lớn là tù chính trị ở Lao Bảo đã hưởng ứng cuộc nổi dậy. Họ bắt ngờ cướp súng của cai và lính áp giải nhất loạt nổi dậy phá nhà lao, sau đó rút vào rừng tiếp tục chiến đấu. Nhưng do bị giam cầm lâu ngày, sức khỏe suy yếu lại không được hỗ trợ của nhân dân do ở trong rừng nên sau hơn 1 tháng cầm cự, cuộc nổi dậy dần tan rã.

³⁹ Thái Phiên quê làng Nghi An, tổng Phước Tường, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam, nay thuộc phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

⁴⁰ Trần Cao Vân quê làng Tư Phú, tổng Đa Hòa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, nay là xã Điện Quang, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

người Việt Nam tham gia quân đội Pháp phản chiến, chủ yếu là binh lính khổ xanh và binh lính bị động viên sắp sang Pháp. Kịp thời nắm bắt thông tin quân Pháp. Địa bàn của cuộc vận động từ Quảng Bình đến Bình Thuận, trọng yếu nhất là Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi. Sau một thời gian, Hội đã được nhân dân giúp đỡ lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm khác, sắm sửa vũ khí, xây dựng được căn cứ ở các nơi hiểm yếu như vùng rừng núi Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, mở đường qua núi sang Lào.

Trong cuộc họp vào tháng 9.1915, Lê Ngung thông báo tình hình như sau: “Ở Quảng Ngãi có 580 lính khổ xanh, thì có tới 450 người ngã theo cách mạng. Ở Quảng Nam cũng vậy, khoảng 80% lính khổ xanh và lính tập ngã theo ta. Về vũ khí, ngoài 580 lính khổ xanh sử dụng, còn 350 khẩu đang trong kho và rất nhiều đạn dược”⁴¹. Thông qua các nguồn tin, Hội còn nắm bắt tin tức của quân Pháp. Sự chuyển dịch lực lượng cho chiến tranh của Pháp là vấn đề đáng quan tâm. Ở Quảng Nam trước có 150 lính lê dương đã điều động đi rất nhiều, chỉ còn 35 người. Ở Huế cũng vậy, riêng ở đồn Mang Cá từ một sư đoàn còn 50 lính. Trong số 2.500 lính mộ mà Pháp chuẩn bị đưa xuống tàu sang chính quốc, Hội đã vận động được khá nhiều làm nội ứng⁴², v.v...

Sau các cuộc hội nghị ở Huế, Quảng Ngãi, Kỳ bộ Trung Kỳ đã quyết định tiến hành khởi nghĩa vào giữa tháng 5.1916 dưới danh nghĩa vua Duy Tân, địa bàn nổi dậy đầu tiên là Huế. Khi biết tin ngày 10.5.1916, 2.500 lính mộ ở Huế sẽ xuống tàu sang Pháp, vua Duy Tân, Trần Cao Vân và Thái Phiên đã quyết định khởi nghĩa vào đêm mùng 3 rạng sáng ngày mùng 4 tháng 5 năm 1916. Theo kế hoạch thì sau khi vua Duy Tân và 4 thị vệ rời hoàng thành ra sông Phủ Cam

⁴¹ Theo *Lịch sử quân sự Việt Nam tập 9 Hoạt động quân sự từ năm 1897 đến cách mạng Tháng Tám 1945*, sdd, tr. 82.

⁴² Tham khảo *Lịch sử quân sự Việt Nam tập 9 Hoạt động quân sự từ năm 1897 đến cách mạng Tháng Tám 1945*, sdd, tr.82. Ở Hội nghị này, Kỳ bộ còn bàn việc xây dựng đất nước như định rõ chính thể theo dân chủ tư sản, định Quốc kỳ, Quân kỳ, Thủ đô và thảo *Hịch khởi nghĩa*, cử Cường Để làm Hội trưởng, vận động vua Duy Tân đứng đầu và được nhà vua chấp.

bằng thuyền vào đêm mùng 3 rạng ngày 4.5.1916 thì sẽ phát động khởi nghĩa. Lệnh hiệu là súng thần công nổ ở kinh đô Huế và tín hiệu lửa đốt trên đỉnh Hải Vân nhưng kế hoạch sớm bị lộ, do thực dân Pháp đã phát hiện từ 2 ngày trước khi nghi ngờ số đông vợ con binh lính dồn về quê. Pháp còn phát hiện ra liên lạc giữa Trần Cao Vân và Thái Phiên nên đã ngăn chặn ngay. Trước đó, Đại tá Harmand, người Pháp gốc Đức, tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Trung Kỳ là người có mối liên lạc với Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội, nhận làm nội ứng nên biết được thời điểm nổ ra khởi nghĩa. Khâm sứ Egène Charles liền ra lệnh hạ sát đại tá Harmand và đến đêm 3.5.1916 Pháp bắt Thái Phiên tại Huế nên ông không thể phát lệnh khởi nghĩa bằng súng thần công. Trần Quang Trứ với vai trò phụ trách 2.500 lính mộ đã nhanh chóng quay đầu phản bội, báo tin cho Khâm sứ Pháp ở Huế. Tuy nhiên, nhân dân ở các địa phương không nhận được thông tin kịp thời vẫn thực hiện kế hoạch nổi dậy. Đêm mùng 3 rạng sáng ngày 4.5, họ kéo về tỉnh lỵ Quảng Nam, Quảng Ngãi chờ tín hiệu đốt lửa, nhưng mãi không thấy nên tự giải tán. Ở ngoại thành Quảng Nam, phủ Điện Bàn, nghĩa quân dưới sự chỉ huy của Trần Chương (cháu Trần Cao Vân) dù không nhận được lệnh khởi nghĩa, đã tràn vào được trong thành La Qua và đốt cháy một số nhà tranh bỏ trống để làm tín hiệu, nhưng không được binh lính đáp lại nên tự rút lui. Ở Tam Kỳ, Việt Nam Quang phục hội đã nhận được sự giúp đỡ của nhân dân. Họ đã ủng hộ về lương thực, tài chính, giúp đỡ về hậu cần và tham gia nghĩa quân. Phụ nữ ở các vùng Tam Kỳ, Bãi Dương, Cầu Duối dệt vải, may quần phục cho nghĩa quân. Thợ rèn rèn giáo, gươm. Các sĩ phu yêu nước ở các làng Tân An Tây, Tam Mỹ, Ngọc Mỹ, Khương Mỹ, Trường Xuân, Ngọc Thọ, Thọ Khương, Vân Trai, Quý Thượng, Quảng Phú, Trung Đan Thượng, Phú Lâm, Cây Cốc, An Hòa, Kim Đái, Thanh Bình... đã thành lập các đội nghĩa binh. Đặc biệt, nhiều công nhân của mỏ vàng Bồng Miêu và đồn điền chè Đức Phú của Pháp đã bỏ về quê tham gia các đội nghĩa binh. Quân khởi nghĩa nổi dậy diệt được 3 lính, chiếm được huyện lỵ nhưng quân Pháp đã tập trung binh lính của toàn phủ Tam Kỳ và bố trí quân phục kích. Nghĩa quân bị đánh bất ngờ và do tương quan lực lượng quá chênh lệch nên

sau 8 giờ làm chủ phủ lý Tam Kỳ, nghĩa binh không chống cự nổi, phải rút lui. Cuộc nổi dậy vũ trang bị tổn thất và thất bại nhanh chóng.

Kế hoạch nổi dậy ở Huế không thực hiện được, không có một hành động vũ trang nào diễn ra do Pháp sớm phát hiện và đàn áp dã man. Trần Cao Vân đã đưa vua Duy Tân lánh ra ngoại ô kinh đô Huế để tìm đường rút về căn cứ ở Bà Nà, tỉnh Quảng Nam, nhưng đã bị quân Pháp bắt ở núi Thiên Mụ ngày 6.5.1916. Khâm sứ Trung Kỳ đã thông báo trước tình hình cho các Công sứ Pháp các tỉnh từ Quảng Bình đến Bình Định để đối phó với cuộc khởi nghĩa có thể xảy ra. Các vị lãnh đạo như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Nguyễn Thụy đều bị Pháp xử chém ở trường chém An Hòa, Huế. Mộ song táng của hai ông hiện nay trên đồi Từ Hiếu, xã Thủy Xuân, Huế⁴³.

Cuộc khởi nghĩa ở Nam Trung Kỳ mặc dù bị thất bại nhưng hoạt động khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Nam Trung Kỳ là cuộc vũ trang bạo động tiêu biểu, chịu ảnh hưởng khuynh hướng dân chủ tư sản của Phan Bội Châu, thể hiện tinh thần yêu nước của các chí sĩ cách mạng và nhân dân, ghi thêm dấu ấn sâu sắc trong truyền thống cách mạng chống Pháp của nhân dân Nam Trung Kỳ nói chung và Quảng Nam nói riêng./.

NTPC

⁴³ Tham khảo thêm: Đảng bộ Tam Kỳ, Tam Kỳ, đất nước con người và những truyền thống yêu nước trước khi có Đảng (Sơ thảo), 1988; Nguyễn Phước Tương, Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916, Trang tin điện tử Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam- VUSTA, đăng 08.12.2009; Hồng Lâm “Trần Huýnh - Tổng Lãnh binh một đạo quân Duy Tân khởi nghĩa năm 1916”, trong Đặc san Tiên Phước 30 năm xây dựng và phát triển, 2006.

ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CUỘC VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA DO VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI TIẾN HÀNH Ở TRUNG KỲ NĂM 1916

PGS.TS. TRƯƠNG CÔNG HUỖNH KỲ*

Trong bối cảnh lịch sử những năm 1914-1918, cuộc vận động khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916 là một trong những sự kiện lịch sử tiêu biểu nhất. Cuộc khởi nghĩa được chuẩn bị trên địa bàn rộng gồm nhiều tỉnh từ Quảng Bình đến Bình Thuận, (trong đó Huế, Quảng Nam và Quảng Ngãi giữ vị trí then chốt) thu hút đông đảo các giai cấp và tầng lớp xã hội tham gia, do vua Duy Tân làm minh chủ, diễn ra ngay cả ở trung tâm chính trị đầu não của xứ Trung Kỳ - Huế. Đây là cuộc khởi nghĩa được Nguyễn Ái Quốc quan tâm: *“Trong thời kỳ chiến tranh ở châu Âu, nhiều cuộc bạo động đã nổ ra nhưng lại bị dẹp tắt ngay trong biển máu. Trong số các cuộc khởi nghĩa đó, cần chú ý đến cuộc nổi dậy của binh lính An Nam - binh lính sắp được đem sang Pháp - do ông vua trẻ Duy Tân tổ chức. Sau khi âm mưu bại lộ, vua Duy Tân bị phế và đày sang Châu Phi”*¹. Cuộc khởi nghĩa này có một số đặc điểm đáng chú ý trong quá trình hình thành và phát triển đặt trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ.

1. Cuộc vận động khởi nghĩa của tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916 diễn ra trong điều kiện khách quan thuận lợi, trên địa bàn rộng lớn có truyền thống đi đầu trong cuộc đấu tranh chống Pháp từ nửa sau thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX

Năm 1912, Phan Bội Châu thành lập tổ chức Việt Nam Quang phục hội với mục đích và tôn chỉ tiến bộ hơn trước. Đó là đánh Pháp

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Huế.

¹ *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 1*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.412.

giành độc lập và thiết lập chế độ dân chủ cộng hoà ở Việt Nam. Sau khi thành lập, Phan Bội Châu, một mặt cử người về nước tiến hành trừ khử những tên tay sai khét tiếng, mặt khác cử các uỷ viên về nước để xây dựng, phát triển tổ chức, lực lượng và gây quỹ tài chính cho Đảng. Thực hiện chủ trương này, đầu năm 1913, Võ Quán - Hội uỷ viên Trung Kỳ về nước gặp Thái Phiên và các sĩ yêu nước ở Nam - Ngãi cùng lo xúc tiến việc thành lập Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ để tiếp tục đẩy mạnh hoạt động cứu nước theo xu hướng bạo động. Việc thành lập Kỳ hội này là cơ sở để Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Đỗ Tự, Lê Đình Dương... cùng với các nhân sĩ yêu nước Quảng Ngãi như Nguyễn Thụy, Lê Ngung, Phạm Cao Châm, Nguyễn Công Mậu, Võ Hàng, Bùi Phụ Thiệu, Nguyễn Công Phương... tiến hành cuộc vận động khởi nghĩa 1916 ở các tỉnh Trung Kỳ.

Trong khi Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ đang triển khai công cuộc chống Pháp thì Chiến tranh Thế giới thứ nhất bùng nổ. Nước Pháp liên tiếp bại trận trước sự tấn công của quân Đức. Chính phủ Pháp tập trung mọi nguồn lực tại chính quốc để đối phó với cuộc chiến tranh này. Ngay cả hàng hoá Pháp cũng không có điều kiện để đưa sang thị trường Việt Nam, tạo điều kiện cho nền kinh tế dân tộc Việt Nam phát triển.

Để phục vụ cho cuộc chiến tranh đế quốc, thực dân Pháp ở Việt Nam tăng cường bóc lột, vơ vét các nguồn nhân lực, tài lực và vật lực của nhân dân Việt Nam. 51.000 người làm việc chế thuốc súng, đào hầm, vận chuyển, cứu thương và làm nhiều việc khác nữa. 49.000 người ra mặt trận ở Pháp, ở Xalônich và ở Xibêri, 20.000 người đã chết”². Tất cả các yếu tố trên đây khiến cho đời sống của nhân dân Việt Nam, nhất là nông dân trở nên khốn khổ hơn, làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp trong thời kỳ chiến tranh trở nên gay gắt như Huỳnh Thúc Kháng đã nhận xét: “*Cuộc Duy Tân năm 1916 có cái đặc sắc là từ vua quan đến các sĩ dân, cho đến hàng quân ngũ dưới quyền quân lính Pháp cùng bạn học Tây học mà người Pháp đào tạo ra đều ôm lòng phẫn uất, chứng tỏ rằng chính sách cai*

² Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 1, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.347.

*trị của bọn thực dân ở Việt Nam hung ác đến cực điểm, chúng bạn thân li bày ra cái tình cảnh “trong một thuyền đều là kẻ cừu địch”*³. Đó là nguyên nhân cơ bản trực tiếp thúc đẩy nhân dân Trung Kỳ vùng lên mạnh mẽ khi cơ hội xuất hiện. Cơ hội lúc này là sự suy yếu trông thấy của chính quyền thuộc địa ở Đông Dương vào nửa đầu của cuộc chiến tranh. Điều này chúng ta đã nhận thấy, trong những năm 1914-1916, giai đoạn tiền hành cuộc vận động khởi nghĩa này, đã diễn ra một số cuộc bạo động. Đó là việc mưu đánh úp thành Hà Nội của Chi hội Việt Nam Quang phục hội ở Vân Nam do Đỗ Chân Thiết đứng đầu; các cuộc bạo động ở Lục Nam (10.1914), Phú Thọ (1.1915), Tà Lùng (Lạng Sơn, 3.1915), Hà Khẩu (Móng Cái, 3.1915), cuộc phá ngục Lao Bảo (9.1915), Nho Quan (Ninh Bình), Bát Xắc (Lào Cai, 8.1916),... Trong bối cảnh chưa xuất hiện một tổ chức cách mạng mới có uy tín và trình độ lãnh đạo cao hơn, danh nghĩa Việt Nam Quang phục hội cùng với uy tín của lãnh tụ Phan Bội Châu là nguồn cổ vũ và niềm tin cho các lực lượng yêu nước trong những năm Chiến tranh Thế giới thứ nhất. Đây là điều kiện khách quan thuận lợi để tiến hành một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở trong nước.

Trong bối cảnh đó, địa bàn vận động của cuộc khởi nghĩa từ Quảng Bình cho đến Bình Thuận đã hội tụ nhiều yếu tố đặc biệt hơn các địa bàn khác trong cả nước. Đây là nơi thực dân Pháp đặt trung tâm chính trị đầu não của xứ Trung Kỳ (tòa Khâm sứ), chính phủ Nam triều, nhượng địa Đà Nẵng. Trên vùng đất này, nhân dân và văn thân sĩ phu đã đi đầu trong cuộc đấu tranh chống Pháp ngay từ nửa sau thế kỷ XIX. Nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng sát cánh quân đội triều đình đấu tranh chống Pháp xâm lược trong những năm 1858-1860, làm thất bại âm mưu xâm lược của liên quân Pháp và Tây Ban Nha. Vùng đất này mở đầu phong trào đấu tranh chống Pháp mạnh mẽ nhất trong nửa sau thế kỷ XIX dưới danh nghĩa phong trào Cần vương (1885-1896) sau vụ biến kinh thành Huế 1885 với cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình ở Quảng Ngãi vào ngày 13.7.1885. Trung Kỳ cũng là nơi mở đầu của các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX

³ Huỳnh Thúc Kháng: “Cuộc khởi nghĩa Duy Tân năm 1916”, in trong Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước nhìn từ góc độ văn hóa*, NXB. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2005, tr 711.

như phong trào Duy tân (1903-1908), Duy tân hội (1904-1912) và phong trào Đông du (1905-1909), được manh nha từ Huế và trở thành phong trào từ đất Quảng Nam. Tại đây, nhân dân Trung Kỳ đã chớp lấy cơ hội nhân thực dân Pháp chuẩn bị tăng thuế để phát động phong trào chống sưu thuế ở Trung Kỳ năm 1908, bắt đầu từ Quảng Nam, sau đó lan tràn vào các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, lan ra các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, tạo ra “Vụ dân biến ở Trung Kỳ năm 1908” - đỉnh cao của phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX, làm cho thực dân Pháp lo sợ. Quá trình này, đã tạo nên truyền thống năng động, gan lì, cương cường, kiên quyết của nhân dân Trung Kỳ trong việc chớp lấy cơ hội để vùng dậy trong những năm Chiến tranh Thế giới thứ nhất như thực dân Pháp đã thừa nhận. Nguyên nhân của những thành tựu trên bắt nguồn từ nhiều yếu tố chung của thế giới, dân tộc và của địa phương - nổi bật là tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất. Phong trào yêu nước trong những năm đầu thế kỷ XX ở Trung Kỳ được tiếp nối và phát huy trong những thời kỳ tiếp theo, tạo nên một truyền thống tính cách là “nổi tiếng có lý lẽ và có xu hướng cách mạng”⁴. Và “họ không bao giờ bỏ qua một dịp hay một duyên cớ để nổi dậy, điều đó thấy rõ trong các năm 1908 và năm 1916”⁵.

Để cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung Kỳ năm 1916 có thể diễn ra cần phải có ngòi nổ, đó chính là tinh thần yêu nước bất khuất và sự năng động của nhân sĩ Nam Ngãi dưới ảnh hưởng của tổ chức Việt Nam Quang phục hội như đã trình bày ở trên.

Đến đầu tháng 5 năm 1916, đúng vào lúc nước Đức và phe Hiệp ước giành được thắng lợi, quân Pháp rơi vào tình trạng khốn đốn, cuộc khởi nghĩa đã không diễn ra theo dự kiến. Song cuộc khởi nghĩa này đã được các nhân sĩ Nam Ngãi nhen nhóm từ những năm 1909-

⁴ Nguyễn Bá Trắc, Nguyễn Đình Chi, Quảng Ngãi tỉnh chí, *Nam phong tạp chí* (1933) Bản đánh máy, Tài liệu lưu trữ tại Thư viện tổng hợp tỉnh Quảng Ngãi. ĐC/322, tr 64,65,144.

⁵ Commission d'enquête sur les événements du Nord - Annam, Séance du 19 Juilliet 1931. Déclaration de M.Lavigne, Résident de France à Quang Ngai. Tài liệu lưu trữ tại Ban NCLS Đảng Quảng Ngãi. Bản dịch của Nguyễn Luận, tr 2.

1912, đến khi Việt Nam Quang phục hội ra đời (thượng tuần tháng 5 Nhâm Tý tức tháng 6.1912) như chất men kích thích các nhân sĩ yêu nước ở Trung Kỳ đẩy mạnh cuộc vận động theo chủ trương của tổ chức này.

Sau phong trào chống sưu thuế năm 1908, phong trào yêu nước chống Pháp ở Trung Kỳ bị rơi vào tình trạng khó khăn, chỉ có ở Quảng Ngãi là vững hơn cả. Vượt qua sự đàn áp đẫm máu của các thế lực thực dân phong kiến, nhân dân và sĩ phu tâm huyết của Trung Kỳ nói chung vẫn giữ nhiệt tình yêu nước, nâng cao chí khí, chờ cơ hội vùng dậy. Tại Côn Đảo, cũng như các lao tù khác của đế quốc Pháp, các sĩ phu tiền bộ yêu nước xem nhà tù là “trường học” để xem xét lại phương châm, hành động cứu nước của mình, bàn luận chính trị, nuôi dưỡng lòng yêu nước chờ hết hạn tù để tiếp tục vận động cứu nước. Ngô Đức Kế, Lê Văn Huân, Đặng Nguyên Cẩn, Nguyễn Đình Kiên (Nghệ Tĩnh), Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Thành, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Châu Thượng Văn,... (Quảng Nam), Phạm Cao Châm, Nguyễn Thụy, Trần Kỳ Phong, Lê Ngung (Quảng Ngãi)... đều có phương châm hành động như vậy.

Sau một thời gian khó khăn, bất chấp sự khủng bố của kẻ thù, các sĩ phu yêu nước Trung Kỳ tiếp tục tiến hành cuộc vận động cách mạng. Từ kinh nghiệm của các cuộc vận động cứu nước trong những năm cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, các sĩ phu yêu nước nhận thấy rằng cần tăng cường phối hợp giữa các lực lượng chống Pháp ở các tỉnh Trung Kỳ thì mới đem lại kết quả. Theo xu hướng đó, từ năm 1909, các nhân sĩ Quảng Ngãi như Nguyễn Điển, Lê Triết, Bùi Phụ Thiệu, Nguyễn Công Mậu,... một mặt tìm bắt liên lạc với Thái Phiên - một yếu nhân của Duy Tân Hội trước đây và là người được Phan Bội Châu tin cậy - để bàn kế hoạch tiếp tục chống Pháp ; mặt khác, bí mật vận động thanh niên yêu nước xuất dương theo Phan Bội Châu⁶ để được đào tạo thành nhân tài chuẩn bị tiến hành công cuộc bạo động trong bối cảnh phong trào yêu nước xu hướng cải cách tuy diễn

⁶ Bùi Định, Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (1885-1945), Sở Văn hóa Thông tin Nghĩa Bình xuất bản, 1985, tr. 76-77.

ra mạnh mẽ, sôi nổi nhưng tỏ ra bế tắc trước sự đàn áp của thực dân Pháp. Ở Quảng Nam, Thái Phiên, Lê Đình Dương, Phan Thành Tài, Đỗ Tự,... ra sức tập hợp lực lượng để cứu nước. Từ đó, phong trào yêu nước ở nam Trung Kỳ dần dần có điều kiện khôi phục. Hầu hết các sĩ phu trong phong trào Đông du, Duy tân, chống thuế ở Nam Ngãi chưa bị sa vào tay giặc hoặc mới ra khỏi tù đã tập hợp xung quanh Thái Phiên và Lê Ngung để hoạt động⁷. Đây chính là một trong những tiền đề dẫn đến cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916.

Khi tổ chức Việt Nam Quang phục hội ra đời (6.1912), các nhân sĩ Nam - Ngãi đã nhanh chóng tiếp cận đường lối cứu nước và chương trình hành động và cử người (Bùi Phụ Thiệu, Nguyễn Công Mậu, Võ Hàng) sang Quảng Đông và Xiêm bắt liên lạc với Tổng bộ nhằm phối hợp hành động trong bối cảnh Phan Bội Châu bị giới quân phiệt Trung Hoa cầm tù từ tháng 1 năm 1914 (24.12 Nhâm Tý). Qua báo cáo của các phái viên, những người lãnh đạo tổ chức Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ (Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung, Nguyễn Thụy) nhận thấy rằng, Tổng bộ Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Châu không có khả năng tổ chức hoạt động phối hợp, vì vậy, các nhân sĩ yêu nước ở Trung Kỳ, chủ yếu là Nam - Ngãi quyết định tự lực tiến hành cuộc vận động khởi nghĩa trong nước theo chủ trương của Việt Nam Quang phục hội. Các nhân sĩ yêu nước tiến bộ Quảng Nam như Trần Cao Vân, Thái Phiên, đã cùng với Lê Ngung, Nguyễn Thụy (Quảng Ngãi), đóng vai trò khởi xướng và lãnh đạo chủ chốt cuộc vận động. Đây là điểm cần lưu ý của cuộc khởi nghĩa này. Đó là sự tiếp nối truyền thống năng động, đi đầu của sĩ phu yêu nước Nam - Ngãi trong cuộc kháng chiến chống Pháp diễn ra từ nửa sau thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX. Đối với các sĩ phu Nam - Ngãi, việc phối hợp với hoạt động của Việt Nam Quang phục hội Việt Nam Quang phục hội ở nước ngoài chỉ gây thanh thế, hỗ trợ, còn nội lực trong nước mới có ý nghĩa quyết định.

Tiến trình lịch sử trên đây bắt nguồn từ sự năng động, ý chí

⁷ Lê Trọng Khánh - Đặng Huy Vận, “Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền Nam Trung bộ năm 1916”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, 22/1961, tr. 32-50.

quyết tâm sắt đá chống Pháp để giành độc lập tự do của nhân sĩ Trung Kỳ nói chung, nhân sĩ Nam Ngãi nói riêng. Cuộc vận động khởi nghĩa đã tiếp tục thể hiện truyền thống đi đầu của nhân sĩ Quảng Nam, Quảng Ngãi nói riêng và nhân dân Trung Kỳ nói chung trong công cuộc đấu tranh cứu nước thời cận đại. Cuộc vận động khởi nghĩa bắt nguồn từ truyền thống yêu nước và cách mạng của nhân dân Trung Kỳ, chủ yếu là của nhân dân và sĩ phu Nam - Ngãi, phản ánh yêu cầu chống lại và cởi bỏ ách thống trị ngột thở của chính quyền thực dân, đáp ứng được yêu cầu thoát khỏi cuộc sống ngột ngạt vì chính sách động viên của thực dân Pháp trong những năm chiến tranh.

2. Cuộc vận động khởi nghĩa mang tính dân tộc sâu sắc, thu hút đông đảo các giai cấp và tầng lớp tham gia do vua Duy Tân làm minh chủ

Trong cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên 1917, thành phần tham gia bao gồm các sĩ phu yêu nước tiến bộ - tù chính trị do Lương Ngọc Quyến đứng đầu, binh lính yêu nước mà Trịnh Văn Cấn là đại diện tiêu biểu nhất. Ngoài ra, còn có một số viên chức nhỏ, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh ở tỉnh lỵ, nông dân các vùng phụ cận, 50 công nhân ở mỏ than Phấn Mễ và mỏ thiếc làng Hích, đồng bào các dân tộc thiểu số. Cuộc mưu phá Khám Lớn ở Sài Gòn năm 1916 để cứu Phan Xích Long chủ yếu là nông dân, dân nghèo thành thị, một số người làm nghề phương thuật.... Còn trong cuộc vận động khởi nghĩa của tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916, ngoài sĩ phu yêu nước tiến bộ, tiểu tư sản trí thức, doanh nhân, địa chủ, phú nông, nông dân, đồng bào các dân tộc (Hré, Cotu, Bana...), công nhân (mỏ than Nông Sơn, mỏ vàng Bồng Miêu), còn có sự tham gia của giáo sĩ (Cố Hoàng ở nhà thờ Bàu Gốc - Quảng Ngãi), đông đảo binh lính yêu nước người Việt và một ít người nước ngoài (viên thiếu tá người Đức ở đồn Mang Cá - Huế) trong quân đội Pháp, một số quan lại và người trong hoàng tộc, đứng đầu là vua Duy Tân... *Có thể nói cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 ở Trung Kỳ thu hút đông đảo nhất các thành phần xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, biểu thị ý chí và quyết tâm của toàn thể dân tộc trong cuộc đấu tranh để giành lại nền độc lập*

cho đất nước, tự do cho nhân dân. Ở đây, cần chú ý đến hai thành phần, vì sao họ tham gia cuộc khởi nghĩa. Đó là binh lính người Việt trong quân đội Pháp và vua Duy Tân - đại diện cho chính thể Nam triều phong kiến. Đây là hai chỗ dựa cơ bản của chế độ thuộc địa ở Việt Nam. Với cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916 và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, hai chỗ dựa này của thực dân Pháp bị lung lay. Chính hai điểm này gây được sự chú ý đến chính quyền thực dân và mặc dù các cuộc khởi nghĩa tuy thất bại nhưng có ảnh hưởng lớn và được xem là những sự kiện tiêu biểu nhất đe dọa nền thống trị của thực dân Pháp ở Việt Nam trong những năm 1914-1918 và được nhân dân Việt Nam ca ngợi. Thế giới xem đây là những sự kiện tiêu biểu của trào lưu “Châu Á thức tỉnh” đầu thế kỷ XX.

Việc vua Duy Tân tham gia cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 ở Trung Kỳ là một trong những nét đặc thù của sự kiện này. Vì sao vua Duy Tân tham gia cuộc khởi nghĩa năm 1916 trong bối cảnh Huế là trung tâm đầu não về chính trị, quân sự và văn hoá của xứ Trung Kỳ, bộ máy hành chính và bạo lực ở đây được tổ chức chặt chẽ với quy mô lớn? Sự tham gia của nhà vua có phải là do “vọng thính sâm ngôn” (nghe theo lời xúi bẩy) hay do động cơ yêu nước? Để làm rõ vấn đề này, chúng ta cần làm rõ các cơ sở lịch sử của nó.

Theo Hiệp ước Patenôtre (1884) triều đình Huế vẫn còn tồn tại với tư cách là một nhà nước độc lập có quyền về nội trị và quân sự, cai quản trực tiếp xứ Trung Kỳ và phần nào ở Bắc Kỳ. Thế nhưng đó chỉ là hình thức. Thực dân Pháp ở Đông Dương tìm mọi cách thủ tiêu toàn bộ quyền lực của triều đình Huế, biến triều đình này trở thành công cụ tay sai nhằm nhanh chóng thiết lập chế độ thực dân theo kiểu cũ ở Việt Nam. Trong khi đó, triều đình Huế dưới thời hai vị vua yêu nước là Kiến Phúc và Hàm Nghi, thực sự là triều đình kháng chiến, thể hiện trong việc chuẩn bị đánh Pháp giành lại quyền lực thực sự của triều đình. Chính điều này dẫn đến mâu thuẫn trực tiếp giữa thực dân Pháp và phe chủ chiến của triều đình do Tôn Thất Thuyết đứng đầu và vụ biến Kinh thành thất yếu xảy vào ngày 5.7.1885. Cuộc phản công thất bại. Đồng Khánh lên ngôi (18.8.1885) trở thành vua bù nhìn

đầu tiên của triều Nguyễn. Từ đó, trên thực tế, thực dân Pháp đã thủ tiêu các quyền lực của triều đình như Hiệp ước 1884 quy định và nắm toàn bộ quyền lực tại kinh đô Huế.

Từ 1897, cùng với việc tổ chức khai thác bóc lột trên toàn cõi Đông Dương, sự tập trung quyền lực vào tay người Pháp được tiến hành bằng cơ sở pháp lý. Toàn quyền Paul Doumer (1897-1902) thay thế hệ thống bảo hộ theo Hiệp ước 1884 bằng việc cai trị trực tiếp. Nghị định ngày 26.7.1897 bãi bỏ chức Kinh lược ở Bắc Kỳ và viên Thống sứ Bắc Kỳ tại Hà Nội được nâng lên hàng đại diện nhà vua, từ nay sẽ đảm nhiệm các chức vụ của quan Kinh lược. Vai trò thực chất của triều đình Huế đối với Bắc Kỳ không còn nữa. Ở cấp tỉnh, quan lại chỉ còn chức năng trang trí, làm công cụ tay sai, thực quyền nằm trong tay các công sứ cùng các đại diện của họ. Hai tháng sau đến lượt Trung Kỳ. Ngày 27.9.1897, vua Thành Thái buộc phải chấp nhận việc bãi bỏ Viện cơ mật và thay vào đó là Hội đồng Thượng thư do viên Khâm sứ tại Huế làm Chủ tịch. Khâm sứ trở thành người lãnh đạo thực sự chính quyền thuộc địa ở Trung Kỳ. Mỗi vị Thượng thư lại có một quan chức người Pháp kèm theo. Đến ngày 15.8.1898, Pháp ép triều đình Huế giao quyền quản lý tài chính và thu thuế cho thực dân Pháp. Và chỉ chuyển vào ngân sách triều đình một số tiền cần thiết cho việc chi tiêu của nhà vua, hoàng tộc và chính phủ Nam triều. Đến thời Duy Tân, thực dân Pháp tiếp tục lộng hành như Quốc sử quán triều Nguyễn đã chép: *“Chỉ đến đời Thành Thái, Duy Tân, hiến pháp mới bị sửa đổi nhiều, khi ấy không cần có chỉ dụ mà chỉ bằng nghị định của Thống sứ là thi hành”*⁸.

Tất cả các yếu tố trên đây tạo nên sự bất mãn về mặt chính trị không chỉ đối với nhân dân Việt Nam mà còn đối với bộ máy cầm quyền của chính phủ Nam triều đứng đầu là nhà vua vốn theo truyền thống có quyền lực tuyệt đối. Có thể nói *“Gánh nặng thuế khoá, sự tập trung thái quá, việc loại bỏ hàng loạt quan lại, ... sự tàn ác của thực dân sẽ làm nổi dậy các phong trào dân tộc vào lúc Châu Á “bùng tỉnh” trước thắng lợi của Nhật Bản. Trước biến chuyển tư*

⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đồng Khánh, Khải Định chính yếu*, NXB. Thời đại, 2009, tr. 501.

tường này, nền chính trị Pháp lại không có sự cố kết, liên tục chao đảo giữa chủ nghĩa tự do tương đối và sự phản ứng, trôi theo dòng các biến cố bên ngoài và những trời sập của Quốc hội Pháp”⁹. Tình hình trên đây, tác động đến nhận thức và quyền lợi của tất cả các giai cấp và tầng lớp trong xã hội Việt Nam, trong đó có giai cấp phong kiến, nhà vua và giới quan lại.

Việc thiết lập các vua từ Đồng Khánh, Thành Thái, Duy Tân, Khải Định, Bảo Đại đều do thực dân Pháp quyết định. Một trong những điểm nổi bật của vấn đề này là thực dân Pháp đều chọn các vua thuộc dòng chính hệ (dòng đích) để mua chuộc hoàng tộc, giới quan lại và nhân dân Việt Nam; mặt khác các vua được chọn đều là vua nhỏ tuổi để thu tóm quyền lực, dễ bề sai khiến, biến thành bù nhìn tay sai. Tuy nhiên, mưu đồ đó của thực dân Pháp chỉ đạt được một phần. Các vị vua như Thành Thái, Duy Tân và một số quan lại vẫn thể hiện lòng yêu nước và tiến hành thực hiện lòng ái quốc đó trong những điều kiện có thể. Thành Thái là một tấm gương điển hình. Sau khi Đồng Khánh qua đời đột ngột, năm 1889, hoàng tử Bửu Lân (1871-1954) con vua Dục Đức được thực dân Pháp đưa lên ngôi lấy niên hiệu là Thành Thái lúc mới 18 tuổi do cảm tình với vua Dục Đức khi còn sống tỏ ra có xu hướng và hành động thân Pháp. Tuy nhiên, không như ý đồ của thực dân Pháp, Thành Thái được sinh ra và lớn lên trong bối cảnh mất nước, nhà tan, dân tình khốn khổ, với đức tính cương cường và khảng khái nên ông luôn ưu tư về vận nước và tìm cách thể hiện lòng yêu nước của mình. Ông tán thành tư tưởng canh tân đất nước do các sĩ phu yêu nước tiên bộ khởi xướng khi được tiếp xúc với tân thư, tân văn và cuộc vận động canh tân đầu thế kỷ XX. Bản thân Thành Thái cũng tự thân thể hiện sự đổi mới để làm gương cho xu hướng cấp tiến như tự mình lái thuyền máy và xe hơi, cắt tóc ngắn... Thành Thái luôn quan tâm đến nỗi khổ của nhân dân. Năm 1904, ở Bắc Kỳ và bắc Trung Kỳ có nạn đói, Thành Thái đã vi hành ra Thanh Hóa, chứng kiến cảnh điêu linh của dân chúng, ông thương xót dân chúng và tỏ sự uất hận đối với bọn quan lại tay sai không

⁹ Lê Thành Khôi, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XX*, NXB. Thế giới, 2014, tr 501.

quan tâm đến sự lầm than của dân, của nước. Đối với giới quan lại tay sai ở triều đình, Thành Thái tỏ ra bất bình. Sự bất bình của Thành Thái còn thể hiện đối với các viên Khâm sứ tại Huế, đặc biệt là đối với Lévêque, khi những người này tỏ ra khinh rẻ nhà vua và tìm cách lấn áp quyền lực. Mâu thuẫn giữa Thành Thái và Khâm sứ Trung Kỳ ngày càng căng thẳng trong việc bất đồng việc bổ nhiệm quan lại và bắt bớ vô lý một số quan lại, hoàng tộc (Bửu Thạch). Ngày 30.7.1905, nhà vua ra bắc định trốn sang Trung Hoa mưu cuộc khôi phục độc lập cùng phái Duy tân hội và phong trào Đông du¹⁰. Kế hoạch không thành, vua Thành Thái “giả vờ bị tâm thần” để tránh sự dò xét của Pháp. Hành động chống lại Pháp của vua Thành Thái được Quốc sử quán triều Nguyễn chép: “*Hồi những năm Thành Thái, triều đình ta hành sự có nhiều sai trái, từ đó khiến cho quốc quyền có nhiều tổn thất*”¹¹. Cuối cùng để trừ hậu họa, thực dân Pháp sai bọn triều thần tay sai dâng sớ yêu cầu Thành Thái thoái vị. Để trấn an dư luận, thực dân Pháp đưa hoàng tử Vĩnh San - con vua Thành Thái mới 8 tuổi lên ngôi lấy hiệu là Duy Tân. Việc này gây sự phẫn nộ trong một bộ phận quan lại và dân chúng đối với thực dân Pháp. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến Vụ dân biến Trung Kỳ năm 1908 (Huỳnh Thúc Kháng). Riêng đối với Duy Tân, việc vua Thành Thái bị ép thoái vị và bị an trí tại Cap Saint Jacques (Vũng Tàu) có tác động mạnh đến tư tưởng tình cảm yêu nước của nhà vua như Huỳnh Thúc Kháng đã nhận xét: “*Thực thế, một dân tộc hấp thụ Khổng giáo đã mấy trăm đời, luân lý in sâu vào trong não mọi người, nhất là cái luân cha con, cha con do huyết thống di truyền chứ không phải do sức người kết hợp, dầu cho kẻ ngu dại đến bậc nào cũng nhận đạo nghĩa trong cha con là kính trời nghĩa đất... Quân Pháp không hiểu hay không muốn hiểu chỗ tâm lý đó, nên có cuộc “đày cha lập con” như trên. Theo tâm lý chung, dầu vị vua nhỏ tuổi (lúc lập vua Duy Tân mới 7 tuổi), ở trong buồng kín lại không tiếp xúc với dân chúng, song sĩ phu thức giả đều đoán được là ông vua ấy thế nào cũng bị lương tâm cắn rứt mà không xem ngai vàng kia là quý hơn cả*

¹⁰ Phạm Văn Sơn (1972), *Chế độ Pháp thuộc tại Việt Nam*, tr. 13.

¹¹ Quốc sử quán Triều Nguyễn, *Đồng Khánh, Khải Định chính yếu*, NXB. Thời đại, 2009, tr. 501.

cái nhục cha mình bị đi đày”¹². Đây là một trong những yếu tố để những người lãnh đạo dựa vào nhằm vận động vua Duy Tân tham gia cuộc vận động khởi nghĩa.

Không như ý đồ của chính quyền thực dân khi đưa hoàng tử Nguyễn Phúc Vĩnh San lên ngôi là sẽ biến Vĩnh San thành công cụ thừa hành với sự mua chuộc về vật chất và việc thực hiện một chương trình giáo dục nhồi sọ bởi các nhà giáo giỏi nhất. Vua Duy Tân là người rất thông minh, rất giỏi tiếng Pháp, khoa học và văn chương¹³, có chí khí, sớm thấu hiểu thời cuộc do tác động của gia đình (tình thân yêu nước của vua Thành Thái, bị phế truất và đưa đi đày), chính sách thống trị của thực dân Pháp và hoàn cảnh đất nước, nên vua Duy Tân sớm có lòng yêu nước, thấy được trách nhiệm của mình đối với đất nước, với dân, nên luôn nuôi dưỡng ước vọng giành lại độc lập cho đất nước, khôi phục lại sự chính thống của dòng họ. Vua Duy Tân đã từng tâm sự với cận thần rằng: *“Từ khi lên ngôi đến nay, Trẫm không thấy vui vẻ gì”*¹⁴. Có thể nói, *nợ nước, tình nhà là hai yếu tố luôn chiếm trong suy nghĩ và tình cảm của vị vua trẻ tuổi. Nó trở thành động lực luôn thôi thúc nhà vua hành động ngày càng quyết liệt*. Điều này thường được thể hiện trong ngôn ngữ và cử chỉ hằng ngày. Thực dân Pháp cử người luôn theo dõi và tỏ ra lo lắng vì càng ngày càng lớn lên, vua Duy Tân thể hiện rõ những “tật xấu” của vua cha Thành Thái. Trong Báo cáo của Khâm sứ Trung Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương ngày 14.10.1915, đã viết: *“Điều quan trọng nhất của các đại thần cũng như tôi đã biết sự việc của vua Thành Thái, thì chúng tôi cũng đã phát hiện ở ông vua trẻ này những tính cách xấu đáng tiếc của vua cha”*¹⁵. Có chuyện kể lại rằng, một lần nghỉ mát ở Cửa Tùng, vua bốc cát chơi làm nhóp cả hai tay. Một ông quan mức

¹² Huỳnh Thúc Kháng, Cuộc khởi nghĩa Duy Tân (1916), In trong Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước nhìn từ góc độ văn hoá*, NXB. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2005, tr. 707-708.

¹³ Tài liệu số 64, Hồ sơ 65530. ANOM. Dẫn theo Lưu Anh Rô, Chân dung vua Duy Tân qua một vài sử liệu mới, *Tạp chí Xưa Nay*, số 3.2016, tr 13-14.

¹⁴ Tài liệu số 64, Hồ sơ 65530. ANOM. Dẫn theo Lưu Anh Rô, Tài liệu đã dẫn, *Tạp chí Xưa&Nay*, số 3.2016, tr 13-14.

¹⁵ Tài liệu số 209, Hồ sơ 9588. Dẫn theo Lưu Anh Rô, Vua Duy Tân qua một vài sử liệu mới, *Tạp chí Xưa&Nay*, số 3.2016, tr 14.

nước cho nhà vua rửa tay. Vua không rửa tay ngay mà hỏi: *“Tay nhóp lầy nước mà rửa, nước nhóp lầy chỉ mà rửa?”*¹⁶... Theo tài liệu lưu trữ của thực dân Pháp, qua lời khai của viên thị vệ Nguyễn Văn Siêu - người môi giới và tham gia cuộc vận động khởi nghĩa cùng nhà vua - thì *“từ lâu hoàng thượng đã nuôi chí khôi phục vương triều, Ngài đã giao phó cho ông ta việc tìm kiếm những con người có đủ khả năng như thế, nhưng cho đến nay vẫn chưa tìm được”*¹⁷. Vì vậy, vua Duy Tân *“muốn tạo ra tình trạng hỗn loạn và gây ra cuộc nổi dậy trong nước, để buộc nhà nước Pháp phải mang lại hòa bình với việc quan tâm đến điều kiện của tôi. Đây không phải là quyền lợi cá nhân xui khiến, vì điều đầu tiên của yêu sách là mong cho người cha của tôi trở lại ngai vàng”*¹⁸.

Ngoài tình cảm đối với phụ hoàng Thành Thái, vua Duy Tân muốn thể hiện ý thức độc lập của triều đình Huế, muốn tỏ rõ quốc thể của một dân tộc, nhà vua phải có quyền lực thật sự chứ không phải là bù nhìn. Một trong những minh chứng cho việc này là Duy Tân đòi thực dân Pháp thực hiện triệt để Hiệp ước 1884 vốn đã bị vô hiệu hoá trong thực tế từ sau vụ biến Kinh thành (5.7.1885), được pháp lý hoá năm 1897. Vua Duy Tân đã từng tuyên bố quả quyết rằng: *“Khi tôi quyết định một điều gì tôi sẽ không nương tay. Tôi biết quyền của tôi và những việc tôi phải làm”*.

Mặt khác, vua Duy Tân tỏ ra bất mãn với chính quyền thực dân trong việc đào bới tìm kiếm cổ vật ở lăng Tự Đức và trong hoàng thành mặc cho thực dân Pháp viện các lý do nhưng vua Duy Tân tỏ rõ sự tức giận và buồn bực về vấn đề này. Điều này được viên Khâm sứ Charles cho biết như sau: *“Điều cần lưu ý là nhà vua tỏ ra thiếu tôn trọng và thường muốn trừng trị các vị Thượng thư. Thật đáng tiếc vì biết bao sự ân cần và công sức của Chính phủ An Nam và Chính phủ bảo hộ dành cho việc giáo dục và dạy bảo người còn trẻ con này. Đây không chỉ là tính nết bất thường hay cau có của một đứa trẻ mất*

¹⁶ Dẫn theo Phạm Văn Sơn (1972), *Chế độ Pháp thuộc tại Việt Nam*, tr. 19.

¹⁷ ANOM. Dẫn theo Lưu Anh Rô, Phát hiện mới về cuộc gặp giữa Thái Phiên và Trần Cao Vân với vua Duy Tân, *Tạp chí Non Nước*, số 220.

¹⁸ Tài liệu số 253, Hồ sơ 9588. ANOM. Dẫn theo Lưu Anh Rô, Chân dung vua Duy Tân qua một vài sử liệu mới, *Tạp chí Xưa&Nay*, số 3.2016, tr 14.

dạy phản ứng lại khi người ta nói không tốt về nó. Nhà vua chẳng ngại chống lại tôi, song tôi luôn cương nghị trước ông ta, nên ông ta cũng có nể sợ một ít. Qua các sự việc diễn ra ta thấy tính chất nghiêm trọng của nó, bởi qua sự cố này, cũng như các vụ việc đã xảy ra cho thấy nhà vua luôn có nỗi hiềm thù và luôn tỏ ra hách dịch, vẫn thường nổi cơn thịnh nộ không kìm giữ được theo ý muốn của mình, không ai được cãi lại, mọi người phải phục tùng mình... Tôi lo vì các vị Thượng thư không nhận thức được tầm quan trọng của nhiệm vụ mà họ đảm nhận. Khi đã trưởng thành nhà vua sẽ nắm toàn bộ quyền hành và những việc như vừa xảy ra báo trước cho các vị Thượng thư rằng, họ sẽ gặp trở ngại khi nhà vua thực thi việc chuyên chế theo ý của mình. Ông nói rằng, mình sinh ra là để chỉ huy chứ không phải để phục tùng...”¹⁹.

Có thể nói, chính tinh thần yêu nước, nhân cách cương trực, ý định cùng hành động xả thân vì nước của vua Duy Tân đã làm Khâm sứ Trung Kỳ Charles phải lo sợ. Báo cáo ngày 20.5.1916 của Toàn quyền Đông Dương có đoạn: *“Lần đầu tiên khi phát hiện một kho báu có mười ngàn nén bạc trong Hoàng cung vào ngày 7 tháng 10 vừa qua, vua Duy Tân đã thể hiện một cách khác thường mà ngài Charles đã báo cáo, có bản sao kèm theo (phụ lục số 10) và tôi xin Ngài hết sức chú ý đến sự việc này. Nhà vua chống lại việc khai quật kho báu, tỏ ra ngạo mạn trước các vị thượng thư và thiếu lịch sự đối với người đại diện Chính phủ bảo hộ đang có mặt tại đây. Trong trường hợp đó, nhà vua đã bộc lộ tư tưởng sai lầm của một người mới lớn muốn thể hiện quyền lực và quyền hạn tuyệt đối của mình. Ngài Khâm sứ đã có ý kiến xác đáng trong báo cáo của mình, là cần có kế hoạch để đấu tranh với nhà vua chống lại việc chuyên quyền độc đoán và nhà vua phải biết bảo vệ các Thượng thư để họ thi hành nhiệm vụ”²⁰.*

Thái độ bất mãn của vua Duy Tân đối với thực dân Pháp trong

¹⁹ Tài liệu số 209, Hồ sơ 9588. ANOM. Dẫn theo Lưu Anh Rô, Tài liệu đã dẫn, *Tạp chí Xưa&Nay*, số 1.2016.

²⁰ Báo cáo ngày 20.5.1916 của Toàn quyền Đông Dương. Tài liệu số 10 - HS 65530. ANOM. Dẫn theo Lưu Anh Rô, Vua Duy Tân với bảo vật hoàng gia, *Tạp chí Xưa&Nay*, số 1.2016.

việc cướp bóc cổ vật như đã trình bày ở trên, còn có một ẩn ý cao cả hơn rất nhiều, nó vượt khỏi ý thức bảo vệ quyền lợi và quyền lực của gia tộc, mà mục đích là để tạo nguồn tài chính nhằm tiến hành công cuộc vận động cứu nước, giành lại độc lập dân tộc. Điều này được thể hiện trong một bản báo cáo của Toàn quyền Đông Dương, 4 ngày sau cuộc vận động khởi nghĩa thất bại: *“Rõ ràng là những hành động của vua Duy Tân, mà người ta có thể cho đó là những hành động của trẻ con, những sai lầm của tính độc đoán và sự hay thay đổi tính khí, song sự thật thì trái lại, đó là biểu hiện của một ý chí đang nung nấu, chưa bộc lộ ra. Việc ông đặt lại xem xét các vấn đề liên quan về Hiệp ước 1884 và ông trách móc các Thượng thư không hiểu nội dung của hiệp ước này. Cũng như vậy, nhà vua tỏ thái độ về việc phát hiện kho báu chứa bạc nén, ông ta tỏ rõ sự giận dữ vì đã để mất đi một tài sản lớn nhằm cung cấp cho nhóm nổi loạn”*²¹.

Sự bất mãn của vua Duy Tân đối với chính sách thống trị của thực dân Pháp càng tăng lên mạnh mẽ trong giai đoạn Chiến tranh Thế giới thứ nhất xảy ra. Thực dân Pháp dùng mọi thủ đoạn cưỡng ép để mộ lính, bóc lột công trái, tăng thuế khóa, bòn rút tài sản của nhân dân Việt Nam phục vụ cho cuộc chiến tranh phi nghĩa. Mặt khác, mặc dù thực dân Pháp đàn áp dã man phong trào yêu nước Việt Nam nhưng nhân dân Việt Nam vẫn kiên quyết đứng lên chống Pháp trong bối cảnh Chiến tranh Thế giới thứ nhất diễn ra được cho là một cơ hội thuận lợi. Sự ra đời và hoạt động của Việt Nam Quang phục hội do Phan Bội Châu cùng củng cố quyết tâm chống Pháp của nhân dân Việt Nam, trong đó có vua Duy Tân theo con đường vũ lực.

Rõ ràng, việc vua Duy Tân tham gia cuộc khởi nghĩa không phải vì *“vọng thính sàm ngôn”* (nghe theo lời xúi bậy) như Bản án của Phủ Phụ chính triều đình kết tội hay *“manh tâm phiến loạn”*²² theo cách nhìn của Khải Định mà là tiếp nối ý chí phụ hoàng Thành Thái, xuất phát từ tinh thần yêu nước, ý thức độc lập tự do của dân tộc Việt

²¹ Báo cáo ngày 20.5.1916 của Toàn quyền Đông Dương. Tài liệu số 10 - HS 65530. ANOM. Dẫn theo Lưu Anh Rô, Vua Duy Tân với bảo vật hoàng gia, Tạp chí Xưa & Nay, số 1.2016.

²² Quốc sử quán Triều Nguyễn, Đồng Khánh, Khải Định chính yếu, NXB. Thời đại, 2009, tr. 471.

Nam. Trước khi tham gia cuộc vận động khởi nghĩa, theo lời khai của thị vệ Nguyễn Văn Siêu, thì vua Duy Tân *“rất muốn nước nhà được độc lập, ... hoàng thượng rất biết coi trọng những người có khả năng và rằng sẽ có tuyển dụng vào khoảng cuối năm, để chọn lựa những người đủ năng lực nhằm khôi phục lại đất nước, đồng thời có thể bảo vệ hoàng thượng khi ngài xuất cung”*²³.

Tất cả những yêu tố trên đây ở vua Duy Tân đã được những người lãnh đạo cuộc vận động khởi nghĩa như Thái Phiên, Trần Cao Vân nhận thức và vận dụng để tiếp kiến mời vua Duy Tân làm minh chủ của cuộc vận động nhằm tạo ra chính danh để hiệu triệu dân chúng như Huỳnh Thúc Kháng đã khẳng định: *“Đoán trúng vào đáy lòng vị vua trẻ, lại gặp dịp Ấu chiến (1914) cho là cơ hội tiện lợi, một vài tay trong bọn cách mạng mới tìm đường băng lối kêu gọi lòng “tự ái” của vị vua trẻ, đặt lợi dụng danh nghĩa để hiệu triệu dân chúng. Việc này chủ động có Lê Đình Dương, Phan Thành Tài, Thái Phiên, Trần Cao Vân; Quảng Ngãi thì Nguyễn Suy, Tú Ngung, Phạm Cao Chấn cùng một số sĩ dân và lính”*²⁴.

Điều này thể hiện trong thư của Trần Cao Vân gửi Duy Tân đề nghị nhà vua tham gia cuộc vận động cứu nước. Trong thư gọi nỗi đau khổ thầm kín và ước vọng của nhà vua như sau:

“ Nay thời cơ thuận lợi, vận nước đang lúc bỏ cũ thay mới, tình thế khả quan. Chúng ta đang có được thiên thời địa lợi.

Thiên thời là trời sinh ra bậc thánh minh, có chí khí đuổi giặc Pháp để dựng nước, địa lợi là sinh người tuấn kiệt có tinh thần diệt giặc cứu dân.

Chế độ bảo hộ của thực dân Pháp quét sạch đất đai nước ta, xua thanh niên nước ta chết ở chiến trường Pháp - Đức để bảo vệ quyền lợi của chúng, giết chiến sĩ ta ở ngục Lao Bảo, Côn Lôn, đàn áp phong trào dân tộc.

Đức phụ hoàng [chỉ vua Thành Thái] vì tội gì mà bị lưu đày?

²³ ANOM.Dẫn theo Lưu Anh Rô, Phát hiện mới về cuộc gặp giữa Thái Phiên và Trần Cao Vân với vua Duy Tân, *Tạp chí Non Nước*, số 220.

²⁴ Huỳnh Thúc Kháng: “Cuộc khởi nghĩa Duy Tân năm 1916”, Tài liệu đã dẫn, 2005, tr 708.

Lăng tẩm Dục Tôn hoàng đế [Tự Đức] có gì mà bị đào bới? Bút mực không thể nào ghi chép hết tội ác và sự bạo tàn của chúng”²⁵.

Cùng với nhà vua, một bộ phận giới quan lại cũng bị thực dân Pháp khinh rẻ, nhiều người bất mãn với thực dân, chờ cơ hội đứng lên cứu nước như Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu...

Có thể khẳng định rằng, các giai cấp và tầng lớp nhân dân yêu nước tham gia cuộc vận động khởi nghĩa với nhiều khát vọng, song có thể khẳng định rằng *chủ nghĩa dân tộc là động lực chính thúc đẩy các giai cấp và tầng lớp nhân dân Trung Kỳ đứng lên chống Pháp, trong đó có vua Duy Tân*, đúng như nhận định của Nguyễn Ái Quốc: *“Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người cu ly biết phản đối, nó làm cho những người “nhà quê” phản đối ngàm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó thúc giục thanh niên bãi khóa, làm cho những người cách mạng trốn sang Nhật và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa...”²⁶.*

3. Cuộc vận động khởi nghĩa đánh dấu một bước tiến mới về phương thức cứu nước theo xu hướng bạo động song chưa dựa trên một cơ sở vững chắc

Tuy không thành công, song cuộc vận động khởi nghĩa của tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916 *đánh dấu một bước tiến mới về phương thức vận động cứu nước theo xu hướng bạo động*. Tuy hệ thống tổ chức chưa chặt chẽ, nhưng cuộc vận động khởi nghĩa được tiến hành dưới danh nghĩa trực tiếp của tổ chức Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ, do đó, tạo ra khả năng tập hợp lực lượng. Đến khi Chiến tranh Thế giới thứ nhất bùng nổ, đây được xem là cơ hội tốt để khẩn trương chuẩn bị mọi mặt để đi tới khởi nghĩa giành độc lập, tự do như đã trình bày ở trên.

²⁵ Lê Trọng Khánh - Đặng Huy Vận, “Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền Nam Trung bộ năm 1916”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, 22.1961, tr. 32-50.

²⁶ Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ, *Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 1*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr 466.

Để tiến tới khởi nghĩa, trên cơ sở theo dõi diễn biến tình hình thế giới và trong nước, những người lãnh đạo của Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ đã từng bước vạch ra đường lối, chủ trương cho cuộc khởi nghĩa; không ngừng bổ sung, điều chỉnh kế hoạch để củng cố và phát triển tổ chức, xây dựng lực lượng, rèn sắm vũ khí, mở rộng thế lực, chuẩn bị mọi điều kiện sẵn sàng chờ thời cơ vùng dậy theo tôn chỉ mục đích, phương lược của *Việt Nam Quang phục quân phương lược* do Phan Bội Châu và Hoàng Trọng Mậu soạn thảo.

Cuộc vận động khởi nghĩa thể hiện tính tổ chức và tính kế hoạch trong một thể thống nhất trên cả khu vực và trong từng địa phương của quá trình chuẩn bị lực lượng cũng như trong tiến hành khởi nghĩa.

Trước hết, công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa diễn ra trên quy mô lớn nhất trong những năm 1914-1918, trải dài trên địa bàn nhiều tỉnh Trung Kỳ [từ Quảng Bình đến Bình Thuận, trọng tâm là Huế (trung tâm chính trị ở xứ Trung Kỳ), Quảng Nam - Đà Nẵng, Quảng Ngãi] thu hút đông đảo các giai cấp và tầng lớp nhân dân tham gia, đặt dưới sự lãnh đạo của Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ, đứng đầu là vua Duy Tân, Thái Phiên, Trần Cao Vân.

Tính thống nhất về mặt tổ chức được thể hiện ở các cuộc hội nghị của Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ, có ảnh hưởng lớn đến quá trình vận động của cuộc khởi nghĩa. Trên cơ sở lực lượng đã được chuẩn bị, đến đầu năm 1914, trong bối cảnh quan hệ quốc tế có nguy cơ dẫn đến một cuộc Chiến tranh thế giới mà nước Pháp sẽ trở thành một khâu then chốt của biến cố này, những người lãnh đạo chủ chốt của tổ chức Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ đã triệu tập hội nghị ở Đà Nẵng (3.1914), đây được xem là sự kiện chính thức mở đầu cuộc vận động khởi nghĩa trên toàn xứ Trung Kỳ với quan điểm chuẩn bị thực lực trong nước là chính khi trên thế giới xuất hiện nguy cơ của một cuộc chiến tranh thế giới và trong nước những dấu hiệu của tình thế cách mạng bắt đầu xuất hiện, ở ngoài nước Việt Nam Quang phục hội có dấu hiệu suy yếu. Đó là tiến hành vận động binh lính người Việt, xây dựng lực lượng dân binh, rèn đúc

vũ khí, tích trữ quân lương ở các tỉnh từ Quảng Bình đến Bình Thuận, xây dựng hệ thống căn cứ ở vùng miền núi (Bà Nà, Mang Đen, Già Vụt, Minh Long, An Lão...) để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài khi hữu sự ở đô thị và đồng bằng chưa thành công.

Sau gần 1 năm tham chiến, quân Pháp bị thiệt hại rất nhiều. Thực dân Pháp ở Việt Nam bắt thêm lính thuộc địa, đợt bắt lính thứ 2 vào tháng 7.1915 rất ráo riết. Lính khổ xanh có nguy cơ chuyển thành lính khổ đỏ để sang Pháp tham chiến. Tình hình trên đây cùng với sự vơ vét về của cải và thuế khóa, gây nên tình trạng căm giận, xao xuyến trong nhân dân và binh lính, nhất là ở Quảng Nam, Quảng Ngãi và Huế, những tỉnh và thành phố có tầm quan trọng về chính trị và quân sự. Trong bối cảnh đó, *Hội nghị lần thứ nhất tại Huế (9.1915), đã đưa ra chủ trương gấp rút xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa, mời vua Duy Tân và một số quan lại yêu nước tham gia, đẩy mạnh vận động binh lính (lính mộ, lính khổ xanh, khổ vàng...), vận động viên thiếu tá người Đức ở đồn Mang Cá làm nội ứng.... để thực hiện chiến thuật “nội công, ngoại kích”. Chủ trương của hội nghị này tạo ra bước chuyển biến mới của cuộc vận động.*

Đến đầu năm 1916, thực dân Pháp khôn quần trong cuộc chiến tranh đế quốc. Quân Đức vượt qua sông Aisne, uy hiếp thủ đô Paris. Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ tổ chức hội nghị ở Huế lần thứ hai (2.1916), do Thái Phiên triệu tập, đã quyết định tiến hành khởi nghĩa và đề ra các chủ trương chính sách cho một nước Việt Nam văn minh trong tương lai.

Hội nghị định ra quốc hiệu (Việt Nam), quốc kỳ, quân kỳ, quốc đô, chủ trương thiết lập chế độ quân chủ lập hiến. Chính phủ tương lai của nước Việt Nam gọi là *Việt Nam Quang phục quân chính phủ* cũng được thành lập do vua Duy Tân đứng đầu.

Hội nghị cũng định ra nhật kỳ khởi nghĩa và kế hoạch hành động. Ngày khởi nghĩa sẽ tiến hành vào giữa tháng 5.1916 ở hầu hết các tỉnh Trung Kỳ từ Quảng Bình đến Bình Thuận. Huế là địa bàn phát lệnh khởi nghĩa đầu tiên. Đến giờ khởi sự sẽ bắn thần công báo hiệu cho Bình Trị, tại đèo Hải Vân sẽ đốt lửa báo cho Nam Ngãi biết để hành sự.

Một ban chỉ huy khởi nghĩa được thành lập, gồm chủ yếu các nhà ái quốc Nam - Ngãi: Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Đỗ Tự (Quảng Nam), Lê Ngung, Nguyễn Thụy (Quảng Ngãi).

Thái Phiên, Trần Cao Vân trực tiếp chỉ huy khởi nghĩa ở Huế.

Trên cơ sở kế hoạch chung, kế hoạch khởi nghĩa ở Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi được xác định một cách cụ thể. Kế hoạch khởi nghĩa ở Huế được tiến hành như sau:

+ Thái Phiên giữ trách nhiệm tổng chỉ huy, phát lệnh khởi nghĩa với sự phụ giúp của Lê Cơ.

+ Trần Cao Vân hộ giá vua Duy Tân, đưa vua tạm thời lánh vào Quảng Ngãi, đợi khi khởi nghĩa thành công sẽ trở về Huế.

+ Nguyễn Quang Siêu và Tôn Thất Đề chỉ huy thị vệ và thân binh chiếm Hoàng thành.

+ Trần Quang Trứ, Phạm Thành Chương phụ trách việc tấn công Mang Cá với sự nội ứng của viên đại tá người Đức, sau đó cùng với lực lượng lính mộ ở Trường Thi và dân quân nổi dậy phối hợp chiếm Kinh thành Huế.

+ Trần Đại Trinh, Trần Khánh Khải, Lê Cảnh Hàn phụ trách lực lượng lính tập chiếm tòa Khâm sứ.

Ở Quảng Nam - Đà Nẵng và Quảng Ngãi, Đỗ Tự và Phan Thành Tài cùng một số đồng chí chịu trách nhiệm ở Quảng Nam có nhiệm vụ vận động 1.500 lính mộ ở Đà Nẵng, đồng thời giúp tỉnh Thừa Thiên. Huy động toàn lực Nam Ngãi chiếm giữ cửa biển Đà Nẵng để mở đường cho lực lượng tiếp viện từ Xiêm về nước.

Nguyễn Thụy, Lê Đình Dương giao thiệp với cố đạo Bàu Gốc để mật giao với đại tá người Đức hiện đang chỉ huy binh lính ở đồn Mang Cá (Huế) làm binh biến hỗ trợ.

Lê Ngung phụ trách ở Quảng Ngãi, Bình Định, Kon Tum và các tỉnh cực Nam Trung Kỳ để cho các tỉnh này có thể cùng lúc nổi dậy...

Hịch khởi nghĩa do Lê Ngung soạn thảo.²⁷

²⁷ Phạm Văn Sơn, *Chế độ Pháp thuộc tại Việt Nam*, Tác giả xuất bản Sài Gòn, 1972, tr 21.

Trong khi các địa phương đang tích cực chuẩn bị khởi nghĩa, thì hàng ngàn lính mộ ở Huế và Đà Nẵng - lực lượng tham gia khởi nghĩa - được lệnh sẽ bị đưa sang Pháp vào ngày 10.5.1916, nên ngày 12.4.1916, vua Duy Tân yêu cầu Thái Phiên và Trần Cao Vân tổ chức khởi nghĩa sớm hơn dự định, vào đêm mùng 3 rạng ngày mùng 4 tháng 5 năm 1916. Theo chủ trương ngày, *kế hoạch khởi nghĩa được thống nhất*. Các tỉnh từ Quảng Bình cho đến Bình Thuận đồng loạt khởi nghĩa theo một ngày, giờ đã định sẵn: lúc 1 giờ sáng ngày 4.5.1916 đặt dưới sự chỉ huy tối cao của một Ủy ban khởi nghĩa được Hội nghị Kỳ bộ đề cử.

Với kế hoạch khởi nghĩa trên đây, nhiệm vụ của lực lượng khởi nghĩa mỗi tỉnh và sự phối hợp giữa các địa phương đã được xác định cụ thể. Trong đó, Huế được chọn làm khởi điểm phát động và báo hiệu cho các tỉnh khác đồng loạt nổi dậy. Quảng Nam và Quảng Ngãi với lực lượng được đánh giá là mạnh nhất, cơ sở kiên cố nhất nên được chọn làm lực lượng chủ lực của cuộc khởi nghĩa và được giao nhiệm vụ đặc biệt: không chỉ giành chính quyền ở địa phương mà còn hỗ trợ Huế và các tỉnh khác đồng loạt nổi dậy.

Trên cơ sở kế hoạch chung, tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, kế hoạch tiến hành khởi nghĩa được đề ra cụ thể. Ở Quảng Nam, hệ thống tổ chức lãnh đạo khởi nghĩa các cấp từ tổng, huyện, phủ cho đến tỉnh đã được xác lập với kế hoạch rõ ràng và sự phân công, phân nhiệm cụ thể để lãnh đạo cuộc khởi nghĩa hoặc vận động nhân dân nổi dậy hưởng ứng. Tại Quảng Nam, dự định cuộc khởi nghĩa sẽ bắt đầu bằng việc tấn công Tòa Công sứ Pháp tại Hội An, do Lê Đình Dương chỉ huy và đồng thời phát hỏa làm ám hiệu để nghĩa quân Điện Bàn công hãm thành La Qua. Sau đó sẽ dồn toàn bộ lực lượng ra phối hợp chiếm Đà Nẵng. Cùng thời điểm đó, các địa phương khác trong tỉnh đồng loạt nổi dậy giành chính quyền. Ở phủ Tam Kỳ, kế hoạch khởi nghĩa nêu rõ: Một đội dân binh khoảng trên 150 người do Lê Tiệm chỉ huy tiến thẳng lên đồn Trà My. Đại quân do Trần Huỳnh và Trần Tùng Vân (Thẩm Tường Vân) chỉ huy gồm trên 650 người theo đường cái tiến xuống tấn công phủ đường Tam

Kỳ²⁸. Điều đó chứng tỏ, kế hoạch khởi nghĩa đã được đề ra cụ thể không chỉ ở cấp tỉnh mà đến cấp tổng, xã.

Trong quá trình chuẩn bị lực lượng, trang phục của nghĩa quân cũng được quy định chung: bằng vải màu đen. Trong ngày khởi sự ở các địa phương đều xác lập ám hiệu, mật hiệu... Lực lượng dân binh được tổ chức thành nhiều cấp: ngũ thập, cai, đội, vệ, doanh, trấn... Tổng chỉ huy lực lượng quân đội là Thống chế. Bốn chiếc ấn Kinh lược được đúc để điều hành công cuộc khởi nghĩa ở bốn vùng: Bình Trị (Quảng Bình, Quảng Trị), Nam Ngãi (Quảng Nam, Quảng Ngãi), Bình Phú (Bình Định, Phú Yên), Khánh Thuận (Khánh Hoà, Bình Thuận).

Những dẫn chứng trên đã chứng tỏ rằng cuộc vận động khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội tại Trung Kỳ có sự chuẩn bị lâu dài, có kế hoạch cụ thể và có sự phối hợp hành động giữa các địa phương trong tỉnh và với các tỉnh khác nhưng chủ yếu là giữa ba tỉnh, thị xã: Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Để thống nhất ý chí và hành động, ngày 27.3 năm Duy Tân thứ 10 (29.4.1916), vua Duy Tân đã ban chiếu ra lệnh và kêu gọi các giai cấp và tầng lớp nhân dân yêu nước đứng lên khởi nghĩa. Nội dung của chiếu thể hiện rõ điều trần trở, nỗi thống khổ, tình yêu Tổ quốc và tâm nguyện của nhà vua cùng nguyện vọng của toàn thể dân tộc quyết đồng tâm hiệp lực, tranh thủ thời cơ để đánh Pháp giành lại độc lập, phát triển đất nước theo con đường văn minh tiến bộ dưới chế độ quân chủ lập hiến. Tờ chiếu cũng nói rõ việc trao quyền hành cho các vị thủ lĩnh để lãnh đạo khởi nghĩa và quản lý mọi mặt của đất nước sau khi thành công. Một bộ máy nhà nước lâm thời sẽ được thiết lập.

Nguyên văn trong tờ chiếu (được dịch ra chữ quốc ngữ):

“Thuận theo ý Trời, Trẫm công bố Chiếu chỉ phục quốc:

Tình yêu Tổ quốc khiến Trẫm không đội trời chung với kẻ thù; đó là nguyên tắc xử thế của các vị vua lớn cũng như của các nhà ái quốc anh minh.

²⁸ Lịch sử Đảng bộ huyện Tiên Phước, tr 44.

Từ tuổi nhỏ lên ngai vàng, đến nay Trẫm tính đã có 10 năm trị vì. Nhìn cảnh đất nước, Trẫm thật xiết bao đau buồn, tình thế của vương triều càng đem lại cho Trẫm nỗi thống khổ biết chừng nào. Tấm lòng của Trẫm ưu sầu vì nhân dân đã trải qua những thời gian thử thách nặng nề và hai vị vua đã không trở về.

Mong muốn phục quốc cháy sáng trong tâm can Trẫm, và đối với Trẫm, đã trở thành một lý do để trấn trở, vì Trẫm vẫn chưa tìm thấy một con đường giải quyết thuận lợi. Ý trời cũng vừa tỏ ra thuận theo mong muốn của Trẫm, đã cổ súy tất cả những người cùng chung nguyện vọng được bộc lộ vào một thời cơ tốt lành. Mọi người đã cùng Trẫm bàn bạc, rồi thảo ra một văn kiện cho lưu hành khắp nơi, nhằm giành lại di sản của tổ tiên Hồng Bàng.

Sau đây là Cương lĩnh của Trẫm tóm tắt qua những đường lối lớn:

1. Rất coi trọng việc thi hành những nhiệm vụ xã hội, được thể hiện ở nguyên tắc cơ bản về sự trung thành với các vị vua Triều Nguyễn.

2. Tạo dựng một Nhà nước lập hiến với khẩu hiệu “Vì sự hoàn thiện cao nhất trên con đường Văn Minh”.

3. Thiết lập một Hiến chương chính trị liên quan đến Nhà nước lập hiến và những quyền tự do chính trị.

4.? [Câu này đề cập sự tôn trọng các tôn giáo hay một giáo phái không thật rõ.(lời người dịch từ chữ Hán sang chữ Pháp)]

Mục đích mà Trẫm theo đuổi có tầm quan trọng lớn nhất. Cần biết rằng con người khi bắt tay thực hiện một mưu sự nào, phải có sự phù hộ của Trời Đất để thành công. Vậy thì, khi mà Đấng Chí tôn đã biểu thị đồng cảm với con người, chúng ta còn có gì phải do dự nữa?

Chính vì vậy, không chút chậm trễ. Trẫm gửi đi Chiếu chỉ này và đặt vào đây Danh dự và Tính mệnh của mình. Trong tất cả mọi việc, Trẫm trao quyền cho Hồng Việt (Trần Cao Vân - TG chủ), Hoàng Anh (Thái Phiên - TG chủ), Thanh Minh (Lâm Nhĩ - TG chủ), Lam Giang (Nguyễn Quang Siêu - TG chủ), với sự hợp tác của những

người có tấm lòng cao cả trong ba kỳ của Quốc gia An Nam, dù họ là quan chức, viên chức đương nhiệm hay không đương nhiệm, các nho sĩ, thân hào, người bình dân và tất cả đều vì mục đích theo đuổi là đem lại một kỷ nguyên Văn Minh.

Ngay sau khi sự nghiệp hoàn thành, tất cả những ai có cống hiến sẽ nhận được những phần thưởng xứng đáng và sẽ trở thành bất tử qua thời gian.

Bất cứ ai cản trở sự nghiệp này sẽ bị truy tố và trừng phạt không tha thứ.

Nay kính báo”.

Chuyển để thi hành:

- đến đạo nhơn Trần... (tức Trần Cao Vân - TG chủ), tỵ Hồng Việt - chức vụ và cấp bậc: Cố vấn cao cấp, Tể tướng để phục hưng, phòng vệ đoàn tùy tùng hoàng gia, phụ trách các vấn đề quân sự.

- đến đạo nhơn Thái... (tức Thái Phiên - TG chủ), tỵ Hoàng Anh, Phó Cố vấn cao cấp, Tổng đốc Hoàng thành, phụ trách các vấn đề tài chính và kinh tế”.

- đến đạo nhơn Lâm... (Lâm Nhĩ - TG chủ), tỵ Thanh Minh, Thống chế, người bảo vệ đoàn tùy tùng hoàng gia, phụ trách công tác quản trị

- đến đạo nhơn Nguyễn... (tức Nguyễn Quang Siêu - TG chủ), tỵ Lam Giang, Phó Thống chế, Tổng đốc Thành nội và Kinh đô, phụ trách hành chính.

Hạ chiếu chỉ ngày 27 tháng 3 năm Duy Tân thứ 10²⁹.

Cuộc khởi nghĩa của tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ, bên cạnh những ưu điểm nêu trên, còn có một số hạn chế về xác định mục tiêu, lực lượng, phương thức đấu tranh.

Trước hết về mục tiêu đấu tranh, tuy cuộc khởi nghĩa chịu ảnh

²⁹ Dẫn theo Nguyễn Trương Đàn, “ Chiếu khởi nghĩa của vua Duy Tân”, Báo Đà Nẵng, ngày 15.4.2011.

hường rõ nét của tổ chức Việt Nam Quang phục hội, nhưng mục tiêu của cuộc khởi nghĩa chưa phản ánh đầy đủ yêu cầu của cách mạng Việt Nam là cần phải giải quyết đầy đủ hai yêu cầu dân tộc và dân chủ theo thể chế cộng hòa như cương lĩnh Việt Nam Quang phục hội đã nêu. Ở đây, chính thể mà những người lãnh đạo định thiết lập là quân chủ lập hiến sẽ do vua Duy Tân đứng đầu. Điều này thiếu sự trùng khớp, thống nhất về mặt tư tưởng giữa những người sáng lập và tham gia tổ chức này. Điều này phản ánh sự lỏng lẻo không chỉ về tổ chức hoạt động mà còn về mặt tư tưởng của tổ chức Việt Nam Quang phục hội. Mặt khác, mục đích tôn chỉ của cuộc khởi nghĩa còn chung chung, còn khá mơ hồ, thiếu tính cụ thể về vấn đề dân chủ, dân sinh; do đó mặc dù, độc lập dân tộc là mục tiêu cao nhất của những người Việt Nam yêu nước nhưng đồng thời phải gắn với những lợi ích cụ thể về chính trị, kinh tế, văn hoá... của các giai cấp và tầng lớp, thì mới trở thành động lực mạnh mẽ và dẫn đến tính triệt để của cuộc vận động cách mạng và mới có sức hấp dẫn thu hút quần chúng nhân dân tham gia. Đây là yêu cầu tất yếu của các cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở các nước thuộc địa: “Xưa nay một phong trào dân tộc thật sự bao giờ cũng chứa đựng một nội dung dân chủ nhất định bởi vì bất cứ một giai cấp nào muốn đấu tranh để giành chủ quyền dân tộc hoặc muốn tự mình trở thành dân tộc thì không thể không đồng thời thực hiện những yêu cầu dân chủ nào đó đối với quần chúng nhân dân, lực lượng thành bại quyết định của phong trào dân tộc”³⁰. Cuộc vận động khởi nghĩa còn bộc lộ sự non yếu về mặt hệ thống tổ chức của Việt Nam Quang phục hội ở trong nước. Ngoài tổ chức Tổng bộ ở ngoài nước, ở trong nước chỉ có hệ thống tổ chức Kỳ bộ. Còn ở cấp tỉnh, huyện, cơ sở hầu như chưa thấy hệ thống tổ chức nào.

Mặt khác, trong quá trình xây dựng lực lượng, những người lãnh đạo còn quá chú trọng vào đội ngũ binh lính người Việt trong quân đội Pháp, chưa thấy được vai trò, vị trí của bộ phận đông đảo nhất trong xã hội là công nhân và nông dân. Hơn nữa, những người lãnh đạo cuộc vận động còn thuần túy thiên về bạo động và xây dựng lực lượng vũ trang, không thấy được vai trò hỗ trợ của lực lượng

³⁰ Lê Duẩn, *Một vài đặc điểm của cách mạng Việt Nam*, NXB. Sự thật, Hà Nội, 1970, tr 16.

chính trị và đấu tranh chính trị. Do đó, lực lượng yêu nước của toàn dân được huy động còn hạn chế, chưa tạo ra sức áp đảo đối với đối phương. Vì vậy, khi kế hoạch bị lộ, thực dân Pháp tìm cách triệt hạ lực lượng binh lính người Việt trong quân đội Pháp, dường như cuộc khởi nghĩa không thể diễn ra.

Cuộc khởi nghĩa dự định tiến hành khi các tỉnh Quảng Bình, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận... chưa chuẩn bị đầy đủ, điều đó chứng tỏ cuộc khởi nghĩa diễn ra trong điều kiện lịch sử chưa chín muồi. Tất cả những hạn chế trên đây, chứng tỏ những người lãnh đạo cuộc vận động khởi nghĩa chưa nắm chắc vấn đề bạo lực cách mạng, vấn đề tình thế và thời cơ cách mạng. Đây là một nguyên nhân dẫn tới thất bại của cuộc khởi nghĩa. Mặt khác, cuộc vận động yêu nước này còn thiếu sự hậu thuẫn của lực lượng cách mạng quốc tế mặc dù từ đầu thế kỷ XX, các chí sĩ yêu nước như Phan Bội Châu, Nguyễn Thành... đã nhận thức được yêu cầu lịch sử này nhưng đến lúc này cũng chưa giải quyết được.

Cuộc vận động khởi nghĩa trong quá trình chuẩn bị còn có số sơ hở. Một số binh lính người Việt trong quân đội Pháp tham gia cuộc vận động còn thiếu kiên định như trường hợp Võ Huệ, Võ An ở Quảng Ngãi; hay sự phản bội của Trần Quang Trứ, nhân viên tòa Khâm sứ, tham gia cuộc vận động, làm cho kế hoạch khởi nghĩa bị lộ.

4. Một vài kết luận

Trong phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX, cuộc vận động khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916 là cuộc vận động yêu nước theo xu hướng bạo động lớn nhất ở Trung Kỳ và cả nước trên các phương diện quy mô, hình thức và lực lượng tham gia. Đây là cuộc vận động cứu nước thể hiện rõ ảnh hưởng của tổ chức Việt Nam Quang phục hội, phỏng theo phương lược của *Việt Nam Quang phục quân phương lược* do Phan Bội Châu và Hoàng Trọng Mậu soạn thảo, diễn ra trong một điều kiện khách quan thuận lợi, tình thế cách mạng đã xuất hiện, trên địa bàn rộng lớn (từ Quảng Bình vào đến Bình Thuận, trọng tâm là Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi), sĩ phu và nhân dân ở đây có truyền thống đi đầu trong cuộc đấu tranh chống Pháp diễn ra từ nửa sau thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Cuộc vận động khởi nghĩa đã thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân yêu nước trong các tỉnh Trung Kỳ lúc bấy giờ.

Cuộc vận động khởi nghĩa bắt nguồn từ các yếu tố dân tộc, địa phương và quốc tế, từ “tinh thần độc lập của dân tộc, cơ sở văn hóa của dân tộc trước sự phá sản của chế độ phong kiến trong nước và trong lúc phương Đông đang biến chuyển từ phong kiến qua tư sản”³¹, “bắt nguồn từ truyền thống cách mạng của nhân dân Trung Kỳ, chủ yếu là của nhân dân và sĩ phu Nam - Ngãi, phản ánh yêu cầu chống lại và cởi bỏ ách thống trị ngột thở của chính quyền thực dân, đáp ứng được yêu cầu thoát khỏi cuộc sống ngột ngạt vì chính sách động viên của thực dân Pháp trong những năm chiến tranh. Chính vì vậy mà dù tôn chỉ của những người lãnh đạo còn lạc hậu so với trào lưu cách mạng chung, dù tổ chức còn thiếu chặt chẽ và chưa khoa học, nhưng cuộc vận động vẫn được nhân dân và binh lính người Việt nhiệt tình hưởng ứng. Tuy thất bại, cuộc vận động khởi nghĩa đã thể hiện tinh thần yêu nước quật khởi, bồi đắp thêm truyền thống cách mạng của dân tộc ta và nhân dân Nam Ngãi nói riêng”³².

Qua cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 cũng như tiến hành lịch sử dân tộc từ sau năm 1908 đến 1918, chúng ta thấy rằng phong trào yêu nước ở nước ta đã bộc lộ rõ sự khủng hoảng về mặt giai cấp lãnh đạo. Nếu như đầu thế kỷ XX, phong trào diễn ra đa dạng với nhiều hình thức đấu tranh, kết hợp cải cách với bạo động, thì sau phong trào chống sưu thuế và vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội năm 1908, phong trào yêu nước chủ yếu diễn ra theo xu hướng bạo động với một số cuộc đấu tranh vũ trang của Việt Nam Quang phục hội, đánh dấu bước tiến về quy mô, hình thức và lực lượng, nhưng về mặt phương thức tổ chức tỏ ra non yếu và sự hưởng ứng cũng không đồng đều ở các địa phương. Tình hình này đặt ra yêu cầu về một con đường cứu nước mới ở Việt Nam do một giai cấp tiên tiến cùng một tổ chức cách mạng khoa học lãnh đạo./.

TCHK

³¹ Lê Duẩn, *Về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, NXB. Sự Thật, Hà Nội, 1963, tr 5.

³² Chương Thuần, Hồ Song, Ngô Văn Hoà, Nguyễn Văn Kiệm, Đinh Xuân Lâm, *Lịch sử Việt Nam 1897-1918*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1999, tr 307.

TÍNH CHẤT CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA TRUNG KỲ NĂM 1916

PGS.TS. TRẦN THUẬN*

Cuộc vận động khởi nghĩa chống Pháp ở Trung Kỳ dự định nổ ra vào năm 1916 đã thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân từ vua quan đến binh lính, công nhân, nông dân ở thành thị cũng như nông thôn tham gia nhiệt tình và hăng hái.

Do cơ mưu bại lộ nên không thể nổ ra, để rồi bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu. Tuy vậy, cuộc khởi nghĩa đã định hình với những đặc điểm, tính chất cụ thể. Nghiên cứu cuộc khởi nghĩa này ta thấy nổi lên ba tính chất cơ bản: tinh thần dân tộc, tính nhân dân và tính thần dân chủ tư sản.

1. Cuộc khởi nghĩa mang tinh thần dân tộc sâu sắc

Yêu nước và sẵn sàng hy sinh để giành và giữ nền độc lập dân tộc là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Tinh thần dân tộc cao cả đó được hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử và luôn được phát huy mạnh mẽ khi các thế lực ngoại bang kéo vào xâm lược nước ta. Từ giữa thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược, nhân dân ta khắp nơi trong cả nước đã đứng dậy chống Pháp dưới nhiều hình thức, dưới sự lãnh đạo của các lực lượng khác nhau, theo nhiều trào lưu tư tưởng khác nhau, từ những cuộc khởi nghĩa mang tính tự phát cho đến cả phong trào đấu tranh dưới ngọn cờ lãnh đạo quốc gia mà các thế hệ vua quan, văn thân khởi xướng.

Cuối thế kỷ XIX, phong trào Cần vương cứu nước dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu, văn thân đã bị dập tắt, nhưng nói như Chương Thâu thì, “*tinh thần diệt thù cứu nước vẫn chưa chìm xuống. Tiếng vang của các cuộc khởi nghĩa (từ Phan Đình Phùng đến Đề Thám) vẫn còn ảnh hưởng lớn, vẫn thôi thúc mọi người. Lớp văn thân trước*

*Khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh.

kia, có vai trò chỉ đạo các cuộc nổi dậy, tuy không còn người lãnh tụ tiêu biểu nữa, song cái chí nguyện độc lập, tự do, chống bọn xâm lăng của họ vẫn còn đó, còn nung nấu chí nguyện phục thù. Ở một số nhà nho kế cận, vẫn còn thấy được hấp dẫn bởi những ngọn cờ quật khởi, vẫn mong được vì “non nước tuốt gươm ra”¹. Tuy nhiên, kiểu đấu tranh với các biện pháp truyền thống như lập căn cứ, tấn công cướp thành, giành đất như các cuộc khởi nghĩa trước đây, có lẽ không còn phù hợp nữa. Các vị đã nhận ra điều cơ bản là phải đánh địch bằng phương cách khác, phù hợp với điều kiện xã hội mới, huy động được nhiều tầng lớp xã hội tham gia.

Đầu thế kỷ XX, tình hình đất nước đã thay đổi nhiều, người Pháp đã hoàn thành công cuộc bình định và đang bước vào thời kỳ khai thác thuộc địa, Nam kỳ đã khoác lên mình một bộ mặt mới mang màu sắc văn minh phương Tây. Trung Kỳ, Bắc Kỳ tuy có chậm nhưng cũng đã đổi thay trên nhiều lĩnh vực. Cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc cũng đòi hỏi phải thay đổi về mặt tư duy. Những đòi hỏi của lịch sử đã được đáp ứng bởi sự cộng hưởng giữa những tác động từ bên ngoài như tân văn, tân thư (từ Trung Quốc, Nhật Bản), các tác phẩm của phương Tây cổ súy tinh thần dân chủ,... và sự đổi mới trong nhận thức của các nhà nho cấp tiến Việt Nam khi họ tiếp nhận “con sóng trào” dội vào từ các phía, để rồi một phong trào Duy tân - Đông du - Đông kinh nghĩa thực rầm rộ diễn ra trên khắp ba kỳ Nam - Trung - Bắc.

Tuy có khác nhau về phương thức tiến hành, sớm muộn về thời gian, hiệu quả và tác động mạnh yếu trên các mặt của đời sống xã hội, song có thể nhận ra rằng, phong trào Duy tân đầu thế kỷ XX là cả một cuộc vận động của toàn dân tộc, một sự chuyển mình căn bản trên cả tư duy lẫn nội dung và hình thức phong trào cứu nước, cứu dân. Kết quả của phong trào Duy tân đầu thế kỷ XX là dân tộc Việt Nam đã bước đầu “*khai dân trí, chấn dân khí*”, đem lại nhiều đổi thay cho đời sống dân sinh. Nhìn tổng quan ta thấy tinh thần dân tộc Việt Nam trỗi

¹ Chương Thâu, “Phong trào Duy tân với sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam đầu thế kỷ XX”, trong Đỗ Thị Minh Thúy - Nguyễn Hồng Sơn (ĐCB, 2010), *Phong trào Duy tân với sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam đầu thế kỷ XX*, NXB. Từ điển bách khoa và Viện Văn hóa, Hà Nội, tr. 32.

dậy mạnh mẽ. Chính điều đó đã làm cho chính quyền thực dân lo sợ và phải ra tay đàn áp. Tháng 11.1907, chúng đóng cửa Đông kinh nghĩa thực; tháng 5.1908, dập tắt phong trào “cự sưu khất thuế” ở Trung Kỳ; tháng 9.1908, thỏa hiệp với chính phủ Nhật trục xuất các nhà cách mạng và lưu học sinh Việt Nam ra khỏi nước Nhật. Phong trào yêu nước tạm lắng xuống trước sự đàn áp của chính quyền thực dân. Song, ngọn lửa đấu tranh của người dân Việt vẫn âm ỉ và chờ một làn gió mới để bùng lên.

Sau khi bị trục xuất khỏi nước Nhật, chí sĩ Phan Bội Châu cùng một số đồng chí sang Trung Hoa tìm cơ hội khôi phục phong trào. Năm 1912, sau Cách mạng Tân Hợi Trung Hoa, Phan Bội Châu khởi xướng thành lập Việt Nam Quang phục hội, một tổ chức yêu nước của người Việt Nam ở Quảng Đông. Ngay từ khi tuyên bố thành lập, tổ chức này đã xác lập tôn chỉ, mục đích là “*Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập Cộng hòa Dân chủ Việt Nam*”. Việt Nam Quang phục hội nhanh chóng phát triển về nước và được sự hưởng ứng mạnh mẽ của giới nhân sỹ yêu nước cả ba kỳ Bắc - Trung - Nam, trong đó tập hợp không ít những nhân sỹ trí thức yêu nước đã từng tham gia phong trào Đông du và Duy tân trước đó.

Từ năm 1913 Việt Nam Quang phục hội đã tiến hành nhiều hoạt động chống Pháp ở trong nước như ném tạc đạn vào khách sạn Hanoi Hôtel ở phố Tràng Tiền, Hà Nội, vào trưa ngày 19 tháng 4 năm 1913; tháng 3 năm 1915, chủ trương đánh úp Móng Cái, Lạng Sơn, Hà Khẩu; ngày 28.9.1915, khoảng 200 tù nhân Lao Bảo đã nổi dậy giết lính canh, phá gông cùm, cướp vũ khí, rồi rút chạy và tan rã. Năm 1916, mưu tổ chức khởi nghĩa ở Trung Kỳ. Sau đó, Hội còn tổ chức khởi nghĩa ở Thái Nguyên vào năm 1917, mưu sát Toàn quyền Đông Dương Martial Henri Merlin vào tháng 6.1924 ở Sa Diện, Quảng Châu (Trung Quốc). Năm 1925, Phan Bội Châu bị Pháp bắt đưa về an trí ở Huế, Việt Nam Quang phục hội từ đó tan rã.

Trong các hoạt động vũ trang của Việt Nam Quang phục hội, cuộc mưu khởi nghĩa ở Trung Kỳ đã để lại nhiều ấn tượng sâu đậm, tạo được tiếng vang lớn trong phong trào yêu nước, giải phóng dân tộc. Ở đây ta thấy, những người lãnh đạo cao nhất cuộc khởi nghĩa,

ngoài vua Duy Tân, Thái Phiên² và Trần Cao Vân³ là hai yếu nhân quan trọng, hai cán bộ của Việt Nam Quang phục hội, là những người từng tham gia phong trào chống Pháp trước đó, từng vào tù ra khám nhưng vẫn nuôi ý chí khôi phục nền độc lập dân tộc. Nhìn vào bộ chỉ huy của cuộc khởi nghĩa, ta thấy các địa bàn quan trọng như Thừa Thiên, Quảng Nam - Đà Nẵng - Hội An, Quảng Ngãi đều do những hội viên nòng cốt của Việt Nam Quang phục hội đảm trách. Cụ thể:

Chỉ huy tối cao: Vua Duy Tân

Cố vấn: Trần Cao Vân

Phụ trách Huế: Thái Phiên

Quảng Nam: Phan Thành Tài, Đỗ Tự, Ông Văn Long

Đà Nẵng: Lâm Nhĩ, Hồ Cẩm Vinh

² Thái Phiên quê tại làng Nghi An, xã Hòa Phát, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam (nay là Khố Nghi An, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng). Thời trẻ ông đi tu tại chùa Cổ Lâm (miền núi Quảng Nam), một thời gian sau, ông vào Bình Định làm nghề dạy học và hoạt động cách mạng, tham gia khởi nghĩa chống Pháp. Năm 1904, ông tham gia phong trào Đông du, năm 1908 ông tham gia Duy tân cùng Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh. Từ năm 1913, ông là một trong những người lãnh đạo Việt Nam Quang phục hội miền Nam Trung Kỳ.

³ Trần Cao Vân sinh năm Bính Dần (1866) tại làng Tư Phú, Điện Bàn. Mặc dù không đỗ đạt, nhưng ông là người khảo học uyên thâm, văn chương lỗi lạc. Năm 1885, sau cuộc phản công ở kinh thành Huế thất bại, Trần Cao Vân vào ở chùa Cổ Lâm với ông Võ Thạch (Thừa Tô) người Đại Giang, Đại Lộc mưu đồ công cuộc cứu nước, ông đóng vai một tu sĩ còn Võ Thạch là một thương khách lặn lội đó đây để tìm đồng chí. Sau khi cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Duy Hiệu thất bại, năm 1891 chùa Cổ Lâm bị khám xét, Trần Cao Vân phải từ biệt Cổ Lâm về làng Đại Giang dạy học. Được gần 1 năm, mùa thu năm Nhâm Thìn (1892), ông vào Bình Định mở trường dạy học, làm thầy địa lý và bói quẻ. Nghề bói quẻ của ông được đồn vang là linh nghiệm khắp hai tỉnh Bình Định và Phú Yên, khách tình thân chủ tín phục ông ngày càng nhiều, nhờ thế ông lôi cuốn được nhiều người mà về sau họ trở thành những người đồng chí và đồ đệ trung thành của ông. Ông cùng Võ Trứ xây dựng cơ sở bí mật, khởi nghĩa chống Pháp ở Phú Yên vào năm 1898 nhưng thất bại, Võ Trứ bị bắt và bị kết án tử hình, ông bị tra tấn và do Võ Trứ khai nhận hết tội nên chỉ bị giam 11 tháng. Ra tù, ông trở lại Bình Định dạy học và đề xướng thuyết “Trung Thiên Dịch”. Thực dân Pháp cho rằng thuyết này lôi kéo đông đảo nhân dân tin theo, nên bắt ông giam 1 năm tại Bình Định, sau đó đưa về ngục Quảng Nam. Trong vụ chống thuế năm 1908, ông lại bị bắt sau đó bị kết án khổ sai chung thân đầy đi Côn Lôn. Ở Côn Lôn 6 năm, do có sự vận động của các môn đồ và quan lại ở tỉnh Quảng Nam như Tổng đốc Tạ, Lãnh binh Lê có cảm tình nên ông được ân xá. Về nhà được thời gian ông được mời tham gia Việt Nam Quang phục hội và cùng Thái Phiên lãnh đạo cuộc khởi nghĩa năm 1916.

Hội An: Lê Đình Dương

Quảng Ngãi: Lê Ngung, Nguyễn Suy, Phạm Cao Châm

Kế hoạch khởi nghĩa bị bại lộ, hầu hết lực lượng khởi nghĩa ở các địa phương bị lùng sục, bắt bớ trước khi kịp nổ ra, duy chỉ có Tam Kỳ - Quảng Nam, cuộc khởi nghĩa nổ ra chóng vánh và cũng sớm thất bại.

Tuy thất bại, nhưng cuộc khởi nghĩa Trung Kỳ năm 1916 đã tiếp nối, khơi thông dòng chảy lịch sử phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam. Các sĩ phu văn thân trong phong trào Cần vương, các chí sĩ trong phong trào Đông du - Duy tân - Đông kinh nghĩa thực, các hội viên Việt Nam Quang phục hội,... là các thế hệ kế tiếp nhau, thậm chí nhiều người cùng thế hệ trải suốt dặm dài đấu tranh của dân tộc. Họ đã nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ vì mục đích cao cả là giành lại nền độc lập cho nước nhà.

Trong số 13 ông vua triều Nguyễn, Duy Tân là một trong ba vị vua có tinh thần yêu nước, chống Pháp. Vua cha Thành Thái đã bộc lộ tinh thần dân tộc rất cao. Ông khinh ghét những bọn quan lại xu phụ thực dân. Nhà vua ngấm ngấm chuẩn bị chống Pháp. Cuối cùng người Pháp đã buộc ông thoái vị⁴ và đưa con trai là hoàng tử Vĩnh San lên ngôi, tức vua Duy Tân vào năm 1907.

Vua Duy Tân, một ông vua lên ngôi khi còn rất trẻ (sinh năm 1900, lên ngôi năm 1907, tức mới 8 tuổi), nhưng rất thông minh và có khí phách của một vị vua yêu nước. Sau ngày đăng quang (5.9.1907), vua Duy Tân đã hoàn toàn thay đổi so với hoàng tử Vĩnh San trước đó, vì vậy, một nhà báo Pháp đã phát biểu rằng: “*Un jour*

⁴ Trước các ý tưởng cấp tiến của vua Thành Thái, người Pháp lo ngại tìm cách ngăn trở. Để che mắt, Thành Thái giả hành động như một người mất trí. Khi các bản vẽ vũ khí của ông bị phát hiện, Thành Thái giả điên, cào cấu các bà cung phi và xé nát các bản vẽ. Lợi dụng cơ hội này, người Pháp vu cho ông bị điên, ép ông thoái vị, nhường ngôi cho con vì lý do sức khỏe. Khâm sứ Pháp còn nói thẳng là đã biết ông có ý đồ chống Pháp, nên không để ông ở ngôi được. Còn nếu Thành Thái muốn tại vị thì ông phải ký vào một tờ giấy xin lỗi, tuyên bố với quốc dân là có âm mưu chống lại nước Pháp, nay phải thành thực hồi tâm. Nhưng ông đã ném tờ tuyên cáo thảo sẵn ấy xuống đất, từ chối.

de trône a complètement changé la figure d'un enfant de huit ans” (“Một ngày lên ngai vàng đã thay đổi hoàn toàn bộ mặt của cậu bé lên tám”).

Vua Duy Tân căm ghét người Pháp vì cách hành xử của họ đối với vua cha Thành Thái. Ông sớm bày tỏ thái độ bất bình, bất hợp tác với Pháp ra mặt khi người Pháp xúc phạm đến phong tục của người Việt Nam. Nhà vua còn có ý thức chống lại người Pháp. Bởi vậy, khi được Thái Phiên và Trần Cao Vân vận động tham gia khởi nghĩa, nhà vua đã rất cảm kích và nhận lời ngay, thậm chí còn bày tỏ sự nôn nóng muốn cuộc khởi nghĩa nhanh chóng nổ ra. Ngày 5.5.1915 (22.3 năm Duy Tân thứ 9), nhà vua đã ra một bản chỉ dụ kêu gọi thần dân trong nước nổi dậy hưởng ứng cuộc đấu tranh chống Pháp với lời lẽ thống thiết:

“Khâm thừa Thiên mệnh,

Hoàng đế chế viết:

Trẫm dũ Đại Nam ly phiếm hùng nhân giả đương kim ẩn tại Nam sơn chi trung, xuất dã dĩ địch lực dũ Tây phương quốc nhân, giai kê hung tài khí chi nhân dã. Nhược Nam nhân tồn thân thiết ư Đại Nam vương tắc giai tỵ tại Thừa Thiên phủ Văn Xá xã chi địa nhưng tại tiểu sơn chi trung. Dĩ hậu kê vi tướng:

Nhất dã Hà Tĩnh tỉnh Nguyễn Đức Công

Nhất dã Quảng Nam tỉnh Nguyễn Bùi Lễ

Nhất dã Bình Định tỉnh Trần Phú

Nhất dã Nghệ An tỉnh Vũ Đình Xán.

Phong Nguyễn Đức Công vi Tả quân chính đạo, tồn các Lễ, Phú, Xán phong vi đạo toán.

Duy Tân cửu niên tam nguyệt nhị thập nhị nhật.

Ngự bút⁵.

⁵ Trong văn bản này có 2 dấu kiểm. Một dấu kiểm đóng áp trên chữ “Cửu” và một dấu kiểm mang dòng chữ “Ngự tiền chi bảo” đóng sát bên phải.

Dịch:

“Kính thừa Thiên mệnh

Hoàng đế truyền rằng:

Trẫm thấu tỏ rằng trong khắp đất nước Đại Nam ta, biết bao những thần dân can trường, dũng cảm, tận tụy, tràn đầy lòng hy sinh cao cả cho non sông đất nước, đang phải trôi dạt lẫn khuất giữa chốn núi rừng. Những thần dân cao cả đó giờ đây đang rời nơi ẩn náu để cùng nhau tiến hành cuộc chiến đấu chống lại bọn người Tây phương.

Hỡi các người! Các thần dân can trường bất khuất của Vương quốc ta. Tất cả các người đều là những thần dân dũng cảm, giàu lòng ái quốc, sục sôi bầu nhiệt huyết cao quý. Nếu các người muốn thấy gia đình dòng tộc được bền vững dài lâu và còn muốn bảo vệ Đức Vua của đất nước Đại Nam, các người hãy cùng tụ hội về lãnh địa làng Văn Xá phủ Thừa Thiên. Đó là nơi vốn có một ngọn núi nhỏ.

Trẫm chỉ định các thần dân dưới đây được lãnh trọng trách làm tướng:

- Một người là ông Nguyễn Đức Công ở tỉnh Hà Tĩnh,
- Một người là ông Nguyễn Bùi Lễ ở tỉnh Quảng Nam,
- Một người là ông Trần Phú ở tỉnh Hà Tĩnh,
- Một người là ông Vũ Đình Xán ở tỉnh Nghệ An.

Trẫm phong cho ông Nguyễn Đức Công làm Tả quân chính đạo, thống lĩnh toàn thể các đạo quân cánh trái; phong các ông Lễ, Phú, Xán làm Thủ toán, chỉ huy các đạo quân.

Ngày 22 tháng 3 Duy Tân thứ 9.

Ngự bút⁶

⁶ Bản dịch của Nguyễn Trương Đàn dựa vào bản chữ Hán và tham khảo bản dịch tiếng Pháp ở Trung tâm Lưu trữ quốc gia hải ngoại, kho Toàn quyền Đông Dương. Dẫn theo Ngô Văn Minh (2012), *Chỉ sĩ Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX*, NXB. Đà Nẵng, tr. 210 - 212.

Sắp đến ngày khởi nghĩa, vua Duy Tân còn ban bố mật chiếu đề ra lệnh cho “tất cả các quan lại trên ba kỳ nổi dậy, bắt đầu cuộc đấu tranh gọi là “Nghĩa” của những người trung thành vào đêm mồng 2 rạng ngày mồng 3 tháng tư, tức mồng 3 sang 4 tháng Năm”⁷.

Vua Duy Tân nôn nóng khởi nghĩa là vì sợ để lâu sẽ bị lộ. Điều mà nhà vua lo lắng cuối cùng cũng đã xảy ra. Kế hoạch khởi nghĩa đã bị lộ từ Quảng Ngãi, thực dân Pháp đã nắm được thông tin và thông báo cho nhau để đối phó với lực lượng khởi nghĩa. Cơ mưu bại lộ, cuộc khởi nghĩa thất bại. Vua Duy Tân cùng Thái Phiên, Trần Cao Vân, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu bị Pháp bắt tại chùa Ngũ Phong (gần An Cựu, thành phố Huế). Bốn vị bị giam ở ngục Thừa Thiên sau đó lãnh án chém, còn vua Duy Tân bị giam ở đồn Mang Cá sau đày qua đảo Réunion (ở Đông Phi thuộc Pháp)⁸.

Mặc dầu bị thất bại từ khi mới khởi phát, nhưng cuộc khởi nghĩa Trung Kỳ 1916 đã gây nên sự rung động đến toàn bộ nền thống trị của thực dân Pháp ở Đông Dương. Nó đã tạo được tiếng vang lớn trong công cuộc chống Pháp ở Việt Nam nói riêng, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa nói chung vào thời gian diễn ra cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918), “*đến mức, bấy giờ Lênin đánh giá nó đã góp phần báo hiệu một thời kỳ mới của cách mạng Á Đông*”⁹.

⁷ Dẫn theo Ngô Văn Minh (2012), Sdd, tr. 220.

⁸ Vua Duy Tân đi đày trên chiếc tàu Guadiana, khởi hành ngày 3.11.1916, trực chỉ sang hải cảng Point des Gates vào ngày 20.11 năm ấy. Theo lệnh của Toàn quyền Đông Dương, bộ Hình vội vã giải Thái Phiên, Trần Cao Vân và hai thị vệ của vua Duy Tân là Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu đến pháp trường Cổng Chém ngoài cửa An Hòa của kinh thành Huế. Cuộc hành quyết bốn chí sĩ cách mạng đã diễn ra lúc 16g30 phút. Nhiều tài liệu ghi ngày 17.5.1916, nhưng gần đây nhà nghiên cứu Nguyễn Trương Đàn trên tạp chí *Xưa & Nay* và báo *Đà Nẵng Cuối tuần* lại dẫn các tờ báo *Trung Bắc Tân Văn* (số ngày 27.5.1916), *Lục Tỉnh Tân Văn*, *Nông Cổ Mĩ Đàm* (8.6.1916) cho rằng cuộc xử chém diễn ra lúc 16g30 chiều 16.5.1916. Mẩu tin ngắn trên báo *Trung Bắc Tân Văn* ghi rõ: “*Hồi 4 giờ rưỡi chiều 16 Mai, bốn người mưu việc khởi loạn Trung Kỳ, đã phải xử tử tại đường Quảng Trị, cách la-ga An Hòa 100 thước. Một người tên là Trần Cao Vân và một người là Thái Phiên, cùng ở Quảng Nam cả...*”. Nguồn: <http://www.baodanang.vn>.

⁹ Lênin, *Phong trào giải phóng dân tộc của các dân tộc phương Đông*, NXB. Sự thật, Hà Nội, 1963. Dẫn theo Ngô Văn Minh, Sdd, tr.234.

2. Cuộc khởi nghĩa mang đậm tính nhân dân

Ít có cuộc khởi nghĩa nào có quy mô rộng lớn, huy động được một lực lượng đông đảo bao gồm nhiều tầng lớp nhân dân và cả binh lính trong hàng ngũ đối phương như cuộc khởi nghĩa Trung Kỳ năm 1916. Một cuộc vận động khởi nghĩa đã diễn ra trên hầu hết các tỉnh Trung Kỳ, từ Quảng Bình phía bắc đến Bình Thuận ở phía Nam.

Trong một tài liệu do người Pháp để lại đã phản ánh khá rõ tình hình cuộc khởi nghĩa ở các địa phương Trung Kỳ như sau: *“tại Quảng Ngãi xuất hiện nhiều tốp nghĩa binh, khá đông, vũ trang bằng dao và mác, đã vận động suốt đêm ngày, tại nhiều địa điểm trong tỉnh và với tư thế sẵn sàng chiến đấu; tại Quảng Nam có khoảng 250 đến 300 nghĩa binh, chia làm hai nhóm, đã công khai tấn công một đội lính tại địa hạt Tam Kỳ rồi rút lui an toàn; xung quanh bến cảng Đà Nẵng và Hội An cũng xuất hiện nhiều tốp nghĩa binh, với tư thế sẵn sàng chiến đấu; riêng tại Huế có khoảng 50 thủ lĩnh nghĩa quân trong số này (của vua Duy Tân) từ Quảng Nam, Quảng Ngãi đến để vận động, tổ chức nghĩa quân chuẩn bị tấn công tiểu thủ 16 để cướp vũ khí; trong khi đó, ở quanh thành Huế, xuất hiện nhiều tốp nghĩa quân - mỗi tốp chừng 50 đến 80 người đóng rải rác khắp các cánh đồng, sẵn sàng chờ lệnh tấn công thành Huế; số thủ lĩnh này đã họp kín với vua Duy Tân hồi 10 giờ đêm ngày 3.5.1916, và vua Duy Tân đã ra lời kêu gọi quan lại, sĩ dân nổi dậy khởi nghĩa”*¹⁰.

Tuy nhiên, có thể thấy rằng, tài liệu trên đây chỉ mới phản ánh tình hình ở Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi. Trong khi đó, nhiều địa phương khác, không khí không kém phần sôi động. Chẳng hạn như tại Phú Yên, nơi mà trước đây Trần Cao Vân đã hoạt động một thời gian dài cùng với Võ Trứ lãnh đạo cuộc khởi nghĩa vũ trang năm 1900 nhưng không thành, rất nhiều cơ sở và đồng chí của ông đang chờ đợi thời cơ nổi dậy¹¹. Trần Cao Vân phái Lương Thái Hòa, một

¹⁰ Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 2001, tr. 365.

¹¹ Năm 1900, Võ Trứ và Trần Cao Vân phát động khởi nghĩa vũ trang chống Pháp tại Phú Yên. Nghĩa quân sử dụng vũ khí thô sơ chủ yếu là rựa nên thực dân Pháp gọi là “giặc rựa”. Sau cuộc tấn công vào tỉnh lỵ Sông Cầu ngày 15.5.1900 thất bại, Võ Trứ bị bắt xử tử hình, Trần Cao Vân bị thực dân Pháp giam cầm.

người có tài tổ chức vào bắt liên lạc với các tỉnh Bình Định, Phú Yên; và giao nhiệm vụ vận động cuộc nổi dậy ở Phú Yên cho Võ Thượng Khải¹². Nhưng ở Phú Yên do không nhận được hiệu lệnh từ Quảng Ngãi và Bình Định nên khởi nghĩa đã không nổ ra.

Lực lượng chỉ huy khởi nghĩa ở các địa phương rất đông. Ở Quảng Trị có Tú Cơ, Khóa Bảo, Đào Duy Chánh, Quản Thiệu; Đà Nẵng có Lâm Nhĩ, Lê Tường, Hồ Cẩm Vinh; Quảng Nam có Đỗ Tự, Phan Thành Tài, Lê Văn Bính; Quảng Ngãi có Cử Sụy, Phạm Cao Châm, Lê Ngung. Tại Bình Thuận “Liên Thành thương quán” được thành lập trước đó với mục đích “dĩ thương hợp quần” chuẩn bị cho khởi nghĩa. Tỉnh Bình Định do thực lực trong hàng ngũ binh lính và dân chúng chưa được mạnh nên sẽ chờ hưởng ứng với Quảng Ngãi,... Ở Quảng Ngãi, Lê Ngung được giao nhiệm vụ thảo tờ hịch gửi đi các nơi. Nghĩa quân ở các tỉnh sẽ phối hợp với lực lượng lính mộ, lính khổ xanh nổi dậy khi hiệu lệnh phát đi từ Huế.

¹² Võ Thượng Khải tên thật là Võ Ngọc Đãi, sinh năm 1890 ở làng Phú Lộc, tổng Hòa Bình, huyện Tuy Hòa (nay là thôn Phú Lộc, xã Hòa Thắng, huyện Phú Hòa). Xuất thân là lý trưởng nên mọi hoạt động của ông đều dễ dàng qua nhiều tai mắt do thám của địch. Thường ngày, ông giao du với nhiều tầng lớp khác nhau ở các nơi trong tỉnh hoặc bên ngoài, vì vậy nhà ông trở thành địa điểm lui tới của nhiều yếu nhân tổ chức “Việt Nam quân chính phủ”. Ông được giao chức Lãnh binh phụ trách tỉnh Phú Yên đồng thời liên lạc với Bình Định để phối hợp hành động. Nghĩa quân lập trang trại, tiến hành sản xuất ở vùng Hòn Kén, thôn Thạch Bình, tổng Sơn Lạc, huyện Sơn Hòa. Ở đó cất giấu vũ khí, lương thực, bò, ngựa chuẩn bị cuộc khởi nghĩa. Chính quyền Pháp và Nam triều khám xét nhà ông Khải và phát hiện nhiều giấy tờ quan trọng, trong đó có hịch kêu gọi khởi nghĩa, sắc phong chức Lãnh binh. Nhưng tên tri phủ sợ liên lụy, làm ngơ không đưa cho tên công sứ Phú Yên và nói rằng đó là các loại giấy tờ ruộng đất và chứng nhận lý trưởng. Trong lúc nhà bị khám xét, thì ông Khải đang ở căn cứ Hòn Kén khẩn trương cùng nghĩa quân tẩu tán lương thảo, vũ khí để khỏi rơi vào tay địch. Sau đó, ông Khải bị bắt giam tại lao Sông Cầu trong 3 tháng và địch dùng mọi cực hình tra tấn, dụ dỗ, nhưng ông một mực không khai báo. Trong thời gian này, các thân hào làng Phú Lộc cũng như trong tổng Hòa Bình tiến hành vận động đấu tranh, cử ông Đào Tấn Thâm đưa đơn ra Sông Cầu và Huế đòi thả ông Khải. Cuối cùng, không đủ chứng cứ nên chính quyền thực dân ở Phú Yên buộc phải tha bổng. Sau khi về nhà, Võ Thượng Khải có xuống phủ lý Tuy Hòa cảm ơn viên tri phủ đã không đem các giấy tờ liên quan đến nghĩa quân bị thu giữ khi khám xét nhà ông để nộp cho quan Pháp kết án. Sau khởi nghĩa Duy Tân, ông Khải bị bãi chức lý trưởng. Ông mất năm 1931 sau một cơn bạo bệnh do những trận đòn tra tấn của kẻ thù lúc ở lao Sông Cầu. Theo Đào Nhật Kim, “Võ Thượng Khải và cuộc vận động khởi nghĩa Duy Tân 1916 ở Phú Yên”, <http://www.baophuyen.com.vn>.

Trong khi không khí khởi nghĩa đang hùng hực tại các tỉnh Trung Kỳ, vua Duy Tân nóng lòng mong muốn cuộc khởi nghĩa xảy ra càng sớm càng tốt. Theo kế hoạch, tại kinh thành Huế, Tôn Thất Đề đốc suất các đội thân binh, thị vệ trấn giữ hoàng thành phối hợp với Trần Quang Trứ, Phạm Thanh Chương, Lại Hà, Đặng Khánh Khải, Lê Cảnh Hàn sẽ tiến chiếm đồn Mang Cá, tòa Khâm sứ¹³.

Về lực lượng nghĩa binh, một mặt xuất phát từ lòng yêu nước nhiệt thành mà nhiều tầng lớp nhân dân tham gia với sự đóng góp sức người sức của, mặt khác những người lãnh đạo khởi nghĩa đã có sự định hướng cụ thể. Nhiều cuộc hội nghị được triệu tập bàn về việc xây dựng lực lượng, phân công các nhà lãnh đạo phụ trách từng địa phương, vận động nhân dân tham gia, xây dựng căn cứ địa, nắm tình hình địch để chủ động tấn công.

Việc mộ quân ở các địa phương diễn ra rầm rộ. Phan Thành Tài, một yếu nhân của cuộc khởi nghĩa cho biết, ở Quảng Nam chỉ tiêu đặt ra là phải mộ cho được từ 500 đến 600 người. *“Chi phí cho việc tuyển mộ do Trần Cao Vân và Thái Phiên chi trả với yêu cầu là phải có chữ ký của người nhận tiền... Những người cốt cán tại phủ Tam Kỳ có các ông: Phó Bểm, người làng Tân Tây, Xã Duân, người làng Phú Quý - Ngọc Giáp, Nguyễn Thuyền người làng Tân An Tây, Lê Thùy tự Lê Tùng, người làng Thanh Mỹ Trung. Tại huyện Đại Lộc có Đội Đóa, người làng Quảng Huế Trung. Tại phủ Điện Bàn có Nguyễn Trình, người làng Bảo An Tây và Phan Khôi, người làng Phong Thử. Tại huyện Duy Xuyên: Nguyễn Nhân làng Phúc An, Nguyễn Uýnh làng Mỹ Lộc. Tại huyện Quế Sơn: Thầy Lãm, người làng Trung Lộc. Tại phủ Thăng Bình có Huỳnh Phùng, người làng Tiên Đóa... Thái Phiên trực tiếp giao tiền cho Huỳnh Phùng ở Thăng Bình và Phan Khôi ở Điện Bàn... Tiền còn lại ở tôi là 185 đồng, dùng để dặt 130 cây vải xanh (chỉ dọc màu trắng, chỉ ngang màu xanh) để phân phối cho những người đứng ra mộ lính, may đồng phục. Còn giáo, mác, mã tấu do người phụ trách lính lo liệu. Việc sắm cờ, đúc ấn, đúc con dấu do Thông Phiên chịu trách nhiệm”*. Càng gần đến ngày khởi nghĩa, công

¹³Dẫn theo Đào Nhật Kim, “Võ Thượng Khải và cuộc vận động khởi nghĩa Duy Tân 1916 ở Phú Yên”, <http://www.baophuyen.com.vn>.

việc tuyển mộ dân binh thêm khẩn trương, theo Công sứ Lesterlin thì “Tại Tam Kỳ, họ đã tuyển mộ được 200 đến 250 người”. Bản báo cáo của Trigon, Khâm sứ Trung kỳ ngày 10.7.1916 nhắc lại rằng: “Tổ chức phản loạn đã tiến hành may đồng phục, may cờ, rèn đúc vũ khí như giáo, mã tấu, và sản xuất cả bom... Việc khám phá ra một số giáo, mã tấu, gươm, thang và bom đã làm sáng tỏ những dự định của những người khởi nghĩa. Những quả bom... là loại bom tự chế gồm có khối thuốc nổ đen, có những mảnh sắt vụn được đóng vào những giỏ đan bằng tre. Cũng đã phát hiện ra những bó rạ được đưa tới các hào quanh thành Hội An...”¹⁴.

Trong bài viết của Lưu Anh Rô còn cho biết thêm, ở Quảng Nam, có một nhóm phụ nữ là thợ dệt, thợ may ở các vùng Tam Kỳ, Bãi Dương, Cầu Duối... đã bí mật dùng thuyền rở, thuyền đăng, ghe chở hàng đậu dọc sông Ba Kỳ ở vùng Phú Ninh, Trường Cửu dệt vải may quân phục, túi rết; các nhóm thợ rèn ở nhiều nơi được huy động đến phối hợp với xóm lò rèn ở Xuân Trung để rèn gươm giáo trang bị cho nghĩa quân. Nghĩa binh phủ Tam Kỳ được các tầng lớp nhân dân ủng hộ về lương thực, tài chính, giúp đỡ về hậu cần. Các hào phú trong phủ Tam Kỳ như ông Lê Khâm Duy (tức Bát Kiện) ở Hòa Hạ, ông Bá Ba ở Thanh Lâm,... là những người đóng góp tiền bạc và lúa gạo nhiều nhất cho nghĩa quân¹⁵.

Như vậy là sau một thời gian vận động, nhân dân đã tự nguyện đóng góp lương thực, thực phẩm; thành lập được tổ chức hậu cần; sửa chữa quân trang, vũ khí;... xây dựng được căn cứ ở các nơi hiểm yếu; nhiều chị em phụ nữ tham gia dệt lụa, dệt vải; những người thợ rèn tập trung rèn đúc vũ khí; và khá đông những người công nhân ở các mỏ vàng, mỏ than, đồn điền bỏ việc để về quê ứng nghĩa¹⁶.

Điều đặc biệt là, bên cạnh việc tích cực tham gia khởi nghĩa, bà con nhân dân còn làm tốt công tác “binh vận”. Điều này xuất phát từ

¹⁴ Lưu Anh Rô, “Ngàn thu tiết rở”. Nguồn: <http://www.baoquangnam.com.vn>.

¹⁵ Lưu Anh Rô, “Ngàn thu tiết rở”. Tlđđ.

¹⁶ Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Văn Tạo (Chủ biên, 2000), *Lịch sử quân sự Việt Nam*, Tập 9: *Hoạt động quân sự từ năm 1897 đến Cách mạng Tháng Tám 1945*, NXB. Chính trị quốc gia. Nguồn: <http://www.quansuvn.net>. UyenNhi.

chủ trương của Quang phục hội, như ta biết, tháng 3.1914, một cuộc hội nghị gồm các nhà yêu nước Trung Kỳ được tổ chức ở Đà Nẵng để thống nhất chủ trương và phân công người chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa chống Pháp. Phương hướng hành động là vận động binh lính yêu nước người Việt, chủ yếu là lính khố xanh và binh lính bị động viên sắp đưa sang Pháp phản chiến, phối hợp với lực lượng dân binh, tiến hành “nội công, ngoại kích”¹⁷. Kết quả của hoạt động này rất khả quan. Trong một cuộc họp vào tháng 9.1915, Lê Ngung báo cáo rằng, ở Quảng Ngãi có 580 lính khố xanh, thì có tới 450 người đã ngả theo cách mạng. Ở Quảng Nam, khoảng 80% lính khố xanh và lính tập ngả theo ta. Về vũ khí, ngoài 580 khẩu súng do lính khố xanh sử dụng, còn 350 khẩu đang trong kho và rất nhiều đạn dược¹⁸.

Bộ chỉ huy khởi nghĩa còn nắm được tình hình lúc bấy giờ, lực lượng địch đang diễn ra sự chuyển biến từ nơi này sang nơi khác do chúng phải điều động lực lượng cho cuộc chiến ở châu Âu. Ở Quảng Nam, trước đây có 150 lính lê dương nay chỉ còn 35 tên. Ở Huế, riêng Mang Cá, trước có một sư đoàn, trong đó nhiều lính Tây, nay chỉ còn 50 tên. Trong số 2.500 lính mộ, mà Pháp chuẩn bị cho xuống tàu, ta đã vận động được khá đông làm nội ứng cho cuộc khởi nghĩa,...¹⁹.

Rất tiếc, kế hoạch khởi nghĩa đã bị bại lộ nên không thể nổ ra đồng loạt theo pháo lệnh như đã thống nhất²⁰. Tuy vậy, khởi nghĩa cũng đã kịp nổ ra ở phủ Tam Kỳ.

Mặc dù không nhận được lệnh khởi nghĩa từ kinh đô Huế, nhưng trước đó các sĩ phu yêu nước phủ Tam Kỳ đã nhận được mật dụ của vua Duy Tân hiểu dụ tham gia Việt Nam Quang phục hội nên quyết tâm nổi dậy đánh Pháp.

¹⁷ UBND tỉnh Quảng Ngãi, *Địa chí Quảng Ngãi*, Phần II: *Các phong trào yêu nước chống Pháp từ 1885 đến 1930*. Nguồn: <http://www.doko.vn/tai-lieu>.

¹⁸ Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Văn Tạo (Chủ biên, 2000), *Lịch sử quân sự Việt Nam*, Tập 9, Tlđd.

¹⁹ UBND tỉnh Quảng Ngãi, *Địa chí Quảng Ngãi*, Phần II, Sdd.

²⁰ Sai lầm của Ủy ban khởi nghĩa là chỉ có pháo lệnh ở một điểm duy nhất ở Huế cho cả khu vực rộng lớn, nên các địa phương rất thụ động.

Nhân dân phủ Tam Kỳ đã bí mật ủng hộ nghĩa quân của Việt Nam Quang phục hội và tham gia nghĩa quân. Các sĩ phu yêu nước ở các làng Tân An Tây, Tam Mỹ, Ngọc Mỹ, Khương Mỹ, Trường Xuân, Ngọc Thọ, Thọ Khương, Vân Trai, Quý Thượng, Quảng Phú, Trung Đàn Thượng, Phú Lâm, Cây Cốc, An Hoà, Kim Đái, Thanh Bình,... đã bí mật thành lập các đội nghĩa binh. Đặc biệt, đáng chú ý nhất là nhiều công nhân của mỏ vàng Bồng Miêu và đồn điền chè Đức Phú của Pháp đã bỏ nơi làm việc về quê tham gia các đội nghĩa binh.

Phan Thành Tài là người chịu trách nhiệm chỉ huy khởi nghĩa ở Đà Nẵng và tỉnh thành La Qua tại Điện Bàn. Cùng với Phan Thành Tài là Phan Khôi (người làng Phong Thử, huyện Điện Bàn), Hồ Tấn (người làng Hà Mật), Xã Trì (người làng Hương Quế, huyện Quế Sơn), Trần Chương (là cháu của Trần Cao Vân) chịu trách nhiệm chỉ huy các đội quân đánh chiếm thành tỉnh La Qua. Ngoài việc phân công chỉ huy khởi nghĩa, việc phân công phụ trách các chức vụ sau khi khởi nghĩa thành công cũng được tính tới, theo đó: Trì phủ là: Võ Kiên, Trần Tu (tức Huy), làng Đại An, phủ Điện Bàn; Bang biện có: Dương Ngọc Dịch, làng Phước Kiều, phủ Điện Bàn, Trọng Hứa, làng Châu Lâu, phủ Điện Bàn, Nguyễn Quang, làng Miếu Bông, phủ Điện Bàn, Khóa Luyện làng Tích Bi tỉnh Thừa Thiên, nhà ở phía Cửa Hậu thành tỉnh (Quảng Nam).

Ở tỉnh lỵ Hội An, nghĩa quân bị quân Pháp phát hiện và bị giải giáp, Lê Đình Dương bị bắt ngay đêm đó, còn Phan Thành Tài liền lánh vào núi Bà Nà nhưng sau đó cũng bị bắt. Ở phủ Điện Bàn, nghĩa quân dưới sự chỉ huy của Trần Chương, dù không nhận được lệnh khởi nghĩa, đã đột nhập vào tỉnh thành La Qua và đốt cháy một số nhà tranh bỏ trống để làm tín hiệu, nhưng do nghĩa quân chỉ trang bị bằng gậy gộc nên bị lính tập giải giáp²¹.

“Ngay sau cuộc nổi dậy, khắp Quảng Nam nói chung và Tam Kỳ nói riêng, thực dân Pháp đàn áp rất khốc liệt. Viên công sứ Lesterlin ở Quảng Nam cho biết: *“Hơn 120 cuộc truy bắt đã được*

²¹ Dẫn theo Lưu Anh Rô, “Kỷ niệm 100 năm khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân (1916-2016) - Cuộc nổi dậy tại Tỉnh thành La Qua”. Tlđd.

tiến hành liên tục từ ngày 4 đến ngày 25 tháng 5 trong phủ Tam Kỳ. Chúng tôi không còn chỗ để giam giữ và không có đủ người để trông coi họ...”²².

Như vậy, Quảng Nam là nơi duy nhất nổ ra khởi nghĩa cũng đã bị dập tắt sau khi nghĩa quân làm chủ thành La Qua (Điện Bàn) trong thời gian ngắn ngủi. Điều đáng nói là, nghĩa quân tuy vũ khí thô sơ, gây gộc là chủ yếu, dễ dàng bị đối phương đánh bại, nhưng trong họ, tinh thần bất khuất, đức hy sinh xả thân vì nước cao ngất trời. Và, “cuộc khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân đặt trong tổng thể của cả cuộc nổi dậy khắp Trung Kỳ năm 1916, dưới “ngọn cờ” vua Duy Tân đã thể hiện rõ những nét kiêu hùng, tinh thần quật khởi của người dân xứ Quảng”²³.

3. Cuộc khởi nghĩa mang tính chất dân chủ tư sản rõ nét

Đầu thế kỷ XX, các cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở nước ta hầu hết bị dập tắt, cuộc khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo cuối cùng cũng bị dập tắt hoàn toàn vào năm 1913. Cùng với việc mở rộng quá trình thực dân hoá, tư bản hóa nhằm khai thác thuộc địa một cách hiệu quả, những cơ sở đầu tiên của kinh tế tư sản bắt đầu phát triển trên toàn cõi Việt Nam. Công cuộc khai thác của Pháp đã tạo nên sự biến đổi sâu sắc về kinh tế và xã hội ở nước ta.

Có thể nói, “*thuở ấy bản thân xã hội Việt Nam chưa cấp bách đòi hỏi phải phát triển tư bản chủ nghĩa, nhưng công cuộc chống ngoại xâm lại cấp bách đòi hỏi phải duy tân, tự cường, bằng không, bằng trễ thì mất nước*”²⁴. Khi tầng lớp tiểu tư sản có một bước phát triển và mầm mống của giai cấp tư sản đã xuất hiện, thì ảnh hưởng của cuộc vận động cải cách của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu đã làm cho các sĩ phu Việt Nam yêu nước có sự thay đổi trong nhận thức, và một bộ phận không nhỏ đã đi theo xu hướng dân chủ tư sản, thể hiện qua các phong trào Đông du, Duy tân, Đông kinh nghĩa thực, Việt Nam Quang phục hội,...

²² Lưu Anh Rô, Tlđđ.

²³ Lưu Anh Rô, Tlđđ.

²⁴ Trần Văn Giàu (1993), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, Tập 1, NXB. TP. Hồ Chí Minh, tr. 54.

Bấy giờ, trong hoạt động cứu nước, hầu như các nhà duy tân đều nhận thức được một điều rất cơ bản là con đường cứu nước sẽ hết sức gian nan và không thể một sớm một chiều mà thành công được, vì vậy, *“muốn giành thắng lợi không thể đơn thuần tiến hành đấu tranh vũ trang, bất hợp pháp, mà phải biết kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh hòa bình, hợp pháp, đấu tranh trong nước và đấu tranh ở nước ngoài, dựa vào sức mình, nhưng phải biết khai thác sự giúp đỡ của các nước khác, đồng thời phải rất coi trọng mở mang dân trí, bồi dưỡng dân khí, đào tạo cán bộ đáp ứng được yêu cầu trước mắt và lâu dài của sự nghiệp cách mạng”*²⁵.

Cơ sở lý luận của phong trào Duy tân là chủ thuyết Tam dân do Phan Châu Trinh đề xướng, nội dung cơ bản của nó là *“khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”*. Tuy không thành công như mong muốn, *“nhưng tư tưởng và những gì đã thực hiện được của phong trào này đã tác động mạnh mẽ vào tư tưởng, tâm lý quốc dân đầu thế kỷ XX: Từ quan niệm trung quân chuyển sang tôn dân, xem “dân ta là thánh là thần”. Từ cách làm ăn manh mún của người nông dân chuyển sang ý thức “Dĩ nông hợp quần”. Từ quan niệm thứ bậc sĩ, nông, công, thương, xem nhẹ nghề buôn chuyển sang làm ăn kinh doanh theo quy mô hợp thương “Dĩ thương hợp quần”. Từ lối học từ chương bát cú, xem chữ Hán là chữ Thánh hiền, chỉ biết thế giới bên ngoài hầu như chỉ mỗi Trung Hoa, tinh hoa văn hóa bên ngoài hầu như có mỗi Tứ thư, Ngũ kinh, đã bước sang lối học mới trong thực nghiệp, chú tâm nhiều về cơ xảo, nắm bắt cả những tư tưởng của Mạnh-đức-tư-cưu (Montesquieu), Lu-thoa (Rousseau). Ngay cả cách ăn mặc cũng thay đổi: bỏ áo dài, khăn đóng, búi tóc củ hành, thay bằng mặc đồ ngắn, cắt tóc ngắn”*²⁶.

Cuộc vận động Duy tân đánh dấu một bước chuyển biến quan trọng trong lịch sử đấu tranh yêu nước chống Pháp của nhân dân trong cả nước khơi dậy, nuôi dưỡng lòng yêu nước, vận động tân văn

²⁵ Nguyễn Văn Hạnh, “Đồng kinh nghĩa thực với mô hình giáo dục mới và tinh thần tự phê phán dân tộc”, trong *100 năm Đông Kinh nghĩa thực*, NXB. Tri thức, tr. 56 - 57.

²⁶ Ngô Văn Minh, “Phong trào Duy tân đầu thế kỷ XX - Thời gian, không gian, chủ thể và phương thức hoạt động của nó”, trong *Phong trào duy tân với sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam đầu thế kỷ XX*, Sdd, tr. 61.

hóa, tân sinh hoạt, đề xướng dân quyền, đề cao nghề nghiệp, cải thiện sản xuất, phát triển công nông thương nghiệp, xây dựng một nền giáo dục chống từ chương, khoa cử, đề cao khoa học, chữ quốc ngữ. Cuộc đấu tranh này nhằm đòi lại giá trị thực của người Việt Nam, chống vọng ngoại, chống chủ nghĩa cá nhân, đề cao đoàn thể, phát huy nội lực, tiếp tục kế thừa và phát triển truyền thống chuộng cách tân của dân tộc, trực tiếp châm ngòi cho phong trào chống sưu thuế 1908.

Sau vụ chống thuế Trung Kỳ (3.1908) và vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội (6.1908), thực dân Pháp nhân đó quy trách nhiệm cho sĩ phu duy tân và thẳng tay đàn áp, bắt hầu hết giáo viên, giải tán hội buôn, đóng cửa *Đăng Cổ tùng báo*²⁷, cấm diễn thuyết, nói chuyện, cấm lưu hành và tàng trữ các tác phẩm của nhà trường.

Việt Nam Quang phục hội là sự tiếp nối, kế thừa, cũng như sự tập hợp lực lượng của phong trào Duy tân - Đông du - Đông kinh nghĩa thực và phát triển lên một bước cao hơn²⁸. Về mặt tư duy và khuynh hướng tư tưởng, khởi nghĩa Trung Kỳ năm 1916 thể hiện một bước phát triển, khi mục tiêu được xác định một cách rõ ràng: *Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập Cộng hòa Dân chủ Việt Nam*.

Trong cuộc họp vào tháng 9.1915 như đã nói ở trên, các lãnh tụ khởi nghĩa còn bàn việc chuẩn bị xây dựng đất nước sau thắng lợi, như định rõ chính thể theo dân chủ tư sản đại nghị, định Quốc kỳ, Quân kỳ, Quốc hiệu, Thủ đô và thảo Hịch khởi nghĩa²⁹.

²⁷ *Đăng cổ tùng báo* và *Đại Việt tân báo* là hai cơ quan ngôn luận của Đông Kinh nghĩa thực. Năm 1907 ở Hà Nội, *Đăng cổ tùng báo* đăng tải những bài kêu gọi lòng yêu nước, chống tục lệ phong kiến... Báo bị chính quyền đóng cửa vào ngày 11.11.1907. Vài ngày sau khi *Đăng cổ tùng báo* đóng cửa, tờ *Lục tỉnh tân văn* ra mắt số 1 tại Sài Gòn.

²⁸ Tại các tỉnh miền Trung, các nhà hoạt động Duy tân và Đông du trước đây phần lớn chuyển theo Quang phục hội: Phan Thành Tài (1878 - 1916), Lê Ngung (? - 1916), Thái Phiên (1882 - 1916) là những người đầu tiên tổ chức Quang phục hội. Khi Trần Cao Vân (1866 - 1916) từ đảo Côn Lôn mãn hạn tù trở về Quảng Nam vào tháng 1.1915, liền tham gia vào tổ chức này. Theo Nguyễn Q. Thắng (1996), *Quảng Nam, Đất nước & Nhân vật*, Nxb Văn Hóa, Tp HCM, tr. 548, 566; Tô Đình Cơ (1995), *Thân thế và sự nghiệp Trần Cao Vân (1866 - 1916)*, Sở VH.TT. Bình Định, tr. 43 - 44.

²⁹ Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Văn Tạo (Chủ biên, 2000), *Lịch sử quân sự Việt Nam*, Tập 9, Tlđd. Tháng 9.1915, Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ họp đại hội lần thứ nhất tại

Và ngay trong chiếu chỉ Phục quốc, vua Duy Tân đã xác định rõ Cương lĩnh tóm tắt qua những đường lối lớn, trong đó, điều thứ 2 xác định là phải *“Tạo dựng một Nhà nước lập hiến với khẩu hiệu “Vì sự hoàn thiện cao nhất trên con đường Văn Minh”, và điều thứ 3 là “Thiết lập một Hiến chương chính trị liên quan đến Nhà nước lập hiến và những quyền tự do chính trị”*³⁰.

Có thể nói, phong trào dân tộc dân chủ ở Trung Kỳ từ đầu thế kỷ XX đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất là sự kế thừa truyền thống đấu tranh chống Pháp của dân tộc nói chung, của nhân dân Trung kỳ nói riêng, với một trình độ cao hơn về tư tưởng chính trị và tổ chức, lực lượng và phương pháp đấu tranh. Cùng với phong trào Duy tân - Đông du,... trước đó, cuộc khởi nghĩa Trung Kỳ 1916 đã tiếp nối và tạo nên một thời kỳ, một phong trào yêu nước (ở Trung Kỳ nói riêng, Việt Nam nói chung) chuyển từ phạm trù phong kiến sang phạm trù dân chủ tư sản, phù hợp với những điều kiện lịch sử Việt Nam và thế giới lúc bấy giờ.

Bàn về tính chất cuộc khởi nghĩa Trung Kỳ năm 1916, trong phần cuối sách *Chi sĩ Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX*, PGS.TS. Ngô Văn Minh cũng đã có sự xác quyết rằng, *“Đây là một cuộc quật khởi mới, thể hiện tinh thần và khả năng nổi dậy của sĩ phu và nhân dân các tỉnh Trung Kỳ tiếp sau các phong trào duy tân, chống thuế. Nó là một nước cờ hiểm phản kháng lại ách đô hộ của thực dân Pháp bằng hình thức vũ trang. Cuộc vận động khởi nghĩa này là sự tiếp tục phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đã được hình thành từ những năm đầu thế kỷ XX”*³¹.

TT

nhà ông Đoàn Bổng, một nhân viên bộ Hộ, trên đường Đông Ba (sau là đường Mai Thúc Loan), Huế. Hội nghị quyết định khởi nghĩa, và cử Thái Phiên cùng Trần Cao Vân đại diện tổ chức mời vua Duy Tân tham dự. Vua Duy Tân bí mật đồng ý đứng đầu cuộc khởi nghĩa do Việt Nam Quang phục hội tổ chức. Tháng 2.1916, Quang phục hội Trung Kỳ họp lần thứ hai, cũng tại Huế, thông qua chương trình hành động và kế hoạch khởi nghĩa.

³⁰ Hiện nay trong Trung tâm lưu trữ Hải ngoại của Pháp ở Aix-en-Provence ANOM, tại Văn khố Toàn quyền Đông Dương, hồ sơ 9588 nhan đề “Triều đình An Nam. Cuộc mưu loạn ở Huế. Việc chạy trốn và lưu đày vua Duy Tân, 1916”, có tài liệu số 33, là Chiếu chỉ khởi nghĩa của Vua Duy Tân, đề ngày 29 tháng 4 năm 1916.

³¹ Ngô Văn Minh, Sdd, tr. 232.

KHỞI NGHĨA THÁNG 5.1916 Ở TAM KỲ- QUẢNG NAM QUA CÁC TÀI LIỆU MỚI

NGUYỄN TRƯỞNG ĐÀN*

Cuộc khởi nghĩa tháng 5.1916 do tổ chức Việt Nam Quang phục hội lãnh đạo và khởi xướng diễn ra trên nhiều tỉnh ở Trung Kỳ, trong đó Tam Kỳ là một địa phương mà cuộc khởi nghĩa đã thực sự nổ ra, đã được nhiều tác giả trong gần 100 năm nay nghiên cứu với nhiều công trình, tác phẩm với các thể loại khác nhau, sau đây chúng tôi gọi tắt là tài liệu tham khảo (TLTK). Theo thống kê sơ bộ, thì đã có hơn 100 TLTK đề cập đến sự kiện lịch sử này. Trong số các TLTK đề cập riêng về khởi nghĩa ở Tam Kỳ, tiêu biểu có hai TL sau đây: *Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916* của tác giả Nguyễn Phước Tương; và phần đề cập về Khởi nghĩa ở Tam kỳ trong cuốn sách “*Chí sĩ Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX*” của PGS. TS. Ngô Văn Minh, NXB. Đà Nẵng, 2012. Tuy nhiên ở hai tài liệu nói trên cũng như các công trình nghiên cứu trước đây, chỉ có một vài công trình có đề cập, dẫn chứng ít nhiều về nguồn tài liệu được lưu trữ ở Pháp; phần lớn còn lại thì đều căn cứ vào các tài liệu khai thác, sưu tầm trong nước, tìm hiểu qua sự thuật lại, kể lại của những người không trực tiếp tham gia vào sự kiện. Một vài công trình có đề cập, dẫn chứng từ nguồn lưu trữ ở Pháp cũng chỉ đưa ra được một vài tài liệu không theo một hệ thống, mà chỉ là thu thập gián tiếp, tình cờ.

Trong các năm 2013;2014, Hội Khoa học Lịch sử Thành phố Đà Nẵng đã chủ trì đề tài *Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân (5.1916) qua các tài liệu mới*. Nhóm tác giả Nguyễn Trương Đàn, Lưu Anh Rô, Bùi Văn Tiếng, Võ Hà đã có dịp tiếp cận và tra cứu một nguồn sử liệu mới khá phong phú từ Trung tâm Lưu trữ quốc gia hải ngoại Pháp đặt tại Aix-en-Provence (Archives Nationales d’Outre -

* Hội Khoa học Lịch sử thành phố Đà Nẵng.

Mer, Aix-en-Provence, Française - viết tắt là ANOM). Trung Tâm này hiện có 3 hộp Hồ sơ thuộc Thư khố (Fond) Toàn quyền Đông Dương (Gouvernement Général de l'Indochine - viết tắt là GGI).

- Hồ sơ thứ nhất mang ký hiệu ANOM_GGI_65530: *Troubles de l'Annam 1916 (Cuộc biến loạn ở Trung kỳ 1916)*

- Hồ sơ thứ hai mang ký hiệu ANOM_GGI_9588: *Cour d'Annam - Complot à Huế - Evasion et Déposition de S.M Duy Tân (Triều đình An nam- Cuộc âm mưu ở Huế. - Cuộc đào thoát và sự phé truất Hoàng đế Duy Tân).*

- Hồ sơ thứ ba mang ký hiệu số ANOM_GGI_4199 là các Báo cáo tình hình chính trị các quý trong năm 1916 của Khâm sứ Trung kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương.

Nhờ có sự hợp tác giúp đỡ của các nhà nghiên cứu hiện ở Pháp, chúng tôi đã có được sự thống kê, phân loại các nguồn tài liệu nói trên một cách cơ bản, toàn diện và khá chi tiết.

Hồ sơ thứ nhất mang ký hiệu ANOM_GGI_65530: Troubles de l'Annam 1916 (Cuộc biến loạn ở Trung kỳ 1916) có gần 200 tài liệu bao gồm các loại tài liệu chính như sau :

- Các bức điện tín trao đổi trong quá trình xảy ra biến cố giữa công sứ ở các tỉnh với Khâm sứ Trung kỳ, giữa Khâm sứ với các công sứ và với Toàn quyền Đông Dương, giữa Toàn quyền Đông Dương với Khâm sứ Trung kỳ, với Khâm sứ, Thống sứ, đại diện ở các xứ, các vùng, và với Bộ trưởng bộ Thuộc địa ở Paris; giữa Bộ trưởng Bộ Thuộc địa với Toàn quyền Đông Dương.

- Loại thứ hai là các báo cáo, công văn, biên bản, bút lục... giữa các cấp, các ngành trong bộ máy cai trị của Pháp và của triều đình Huế lúc bấy giờ để báo cáo, nhận định tình hình, triển khai các biện pháp ứng phó với cuộc khởi nghĩa diễn ra ở từng địa phương và trên toàn Trung Kỳ.

- Loại thứ ba là các văn bản về vua Duy Tân, có những văn bản trực tiếp do Vua Duy Tân viết, hoặc những văn bản liên quan đến nhà vua. Loại này có gần 120 tài liệu, khoảng 250 trang.

- Loại thứ tư là các bản khai của các nhân vật bị bắt, các hồ sơ cá nhân do thực dân lập ra để theo dõi, điều tra về những người tham gia hoặc có liên quan đến cuộc khởi nghĩa.

- Loại thứ 5 là Các tài liệu của phe khởi nghĩa: Ngoài các bức chiếu kêu gọi nổi dậy, các chỉ dụ do vua Duy Tân ký ban bố, còn có các văn kiện của tổ chức Việt Nam quân chính phủ, và các tổ chức yêu nước khác.

Hồ sơ thứ hai mang ký hiệu ANOM_GGI_9588: Cour d'Annam - Complot à Huế - Evasion et Déposition de S.M Duy Tân (*Triều đình An nam - Cuộc âm mưu ở Huế. - Cuộc đào thoát và sự phé truất Hoàng đế Duy Tân*).

Trong tập hồ sơ này có 57 tài liệu trực tiếp viết ra trong quá trình diễn biến của cuộc khởi nghĩa và có 9 tài liệu bổ sung là các tài liệu viết trước đây để làm rõ các sự việc, nhân vật có liên quan đến sự kiện khởi nghĩa tháng 5.1916.

Hồ sơ thứ ba mang ký hiệu số ANOM_GGI_4199 là các Báo cáo tình hình chính trị các quý trong năm 1916 của Khâm sứ Trung Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương.

Trong hồ sơ này có 4 bản báo cáo, gồm 1 bản của Khâm sứ Charles (quý I), và 3 báo cáo của Khâm sứ Le Marchand de Trigon (các quý còn lại) về tình hình chính trị Trung kỳ các quý I, II, III, IV năm 1916 gửi Toàn quyền Đông Dương.

Trên cơ sở những nghiên cứu bước đầu, có thể thấy nguồn sử liệu nêu trên chứa đựng các nội dung liên quan đến sự kiện khởi nghĩa tháng 5.1916 rất phong phú, trong đó có khá nhiều tài liệu đề cập trực tiếp đến khởi nghĩa ở Tam Kỳ, từ quá trình vận động chuẩn bị cho đến diễn biến khởi nghĩa và sự đàn áp của thực dân Pháp đối với cuộc khởi nghĩa ở đây. Sau đây chúng tôi xin được trình bày những nét cơ bản trong các tài liệu trên liên quan đến sự kiện khởi nghĩa ở Tam Kỳ trong bối cảnh chung của khởi nghĩa ở Quảng Nam - Đà Nẵng và các tỉnh Trung Kỳ.

1. Quá trình chuẩn bị khởi nghĩa qua các tài liệu mới

Vận động xây dựng lực lượng, tuyển mộ dân binh, chuẩn bị vũ khí, tài lực :

Công cuộc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa của VNQPH ở Trung kỳ là cả một thời gian nhiều năm. Các thủ lĩnh chủ chốt trong toàn kỳ như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung, Phan Thành Tài, Nguyễn Sự, Lê Đình Dương, Khóa Bảo... đã tiến hành tổ chức, vận động các yếu nhân khác ở các địa phương, đồng thời bên bỉ liên lạc với tổ chức VNQPH ở ngoài nước. Một yếu nhân trong hàng ngũ thủ lĩnh là Phan Thành Tài đã kể lại qua bản khai sau khi bị bắt :

“Ngày 28 tháng 1 năm 1916 tôi đến thăm Thông Phiên, được Thông Phiên trao đổi như sau: Hiện nay nước Pháp bị tổn thất trong cuộc chiến tranh với nước Đức. Những người Pháp đang ở Đông Dương được gọi về nước để ra mặt trận, nên tại đây không còn nhiều người Pháp. Mặt khác những người Annam đã xuất dương như Phan Bá Ngọc, Hồng Lục, Trương Hùng và Đặng Tử Kính đã về nước trên những chiếc tàu chiến mang theo vũ khí vay mượn từ vài nước. Họ sẽ về đến Đà Nẵng. Đây là thời cơ thuận lợi để giành lấy chính quyền và tuyên bố độc lập...”

Chúng ta cố gắng để các viên chức cao cấp tiếp tục làm việc và điện báo cho Chính phủ Cộng hòa Pháp hoàn trả lại nền độc lập cho chúng ta. Như vậy, Nhật sẽ không có cơ gì để đưa quân vào.

Chính những lời nói đầy thuyết phục đó đã khiến tôi chấp nhận tham gia vào các kế hoạch dự kiến, và tôi được Thông Phiên giao nhiệm vụ đi khắp tỉnh để mộ lính thông qua các người thứ ba.

Sau đây là danh sách những người chịu trách nhiệm mộ lính ở các địa phương:

Tại phủ Tam Kỳ:

- Phó Bẻm, người làng Tân Tây.
- Xã Duân, làng Phú Quý, Ngọc Giáp.
- Nguyễn Thuyên, làng Tân An Tây.

- Lê Thùy tự Lê Tùng làng Thanh Mỹ Trung

Tại huyện Đại Lộc:

- Đội Đóa, làng Quảng Huế Trung

Tại phủ Điện Bàn

- Nguyễn Trình, làng Bảo An Tây

- Phan Khôi, làng Phong Thử

Tại huyện Duy Xuyên

- Nguyễn Nhân, làng Phúc An

- Nguyễn Uýnh, làng Mỹ Lộc

Tại huyện Quế Sơn

- Thầy Lãm, làng Trung Lộc

Tại phủ Thăng Bình

- Huỳnh Phùng, làng Tiên Đóa, Diên Phước

Tại huyện Hòa Vang

Do Thông Phiên trực tiếp nên tôi không rõ tên những người đứng ra mộ binh.

Việc mộ binh đạt cho được từ 500 đến 600 người. Chi phí cho việc tuyển mộ do Trần Cao Vân và Thái Phiên chi trả với yêu cầu có chữ ký của người nhận tiền. Tôi thường thấy Trần Cao Vân phái Thừa Phong người làng La Bông đi lấy chữ ký ở Bình Định và Phú Yên song tôi không nhớ là chi hết bao nhiêu và tên những người ký tên...”(Tài liệu số 42, hồ sơ 65530 - Bản khai của Phan Thành Tài).

Còn sau đây là lời khai của một người ở ngay phủ Tam Kỳ về một số hoạt động của những người tham gia khởi nghĩa. Tất nhiên, chúng ta không thể cho rằng tất cả những lời khai là đúng với sự thật, mà chỉ có thể phản ánh một phần nào đó của sự thật.

Lương Đình Thự, trước đây gọi là Lương Tiếp Vũ, biệt hiệu là Thầy Thự, 47 tuổi, đăng ký tại làng Phú Quý Thượng, tổng An Hòa,

không còn ông bà, cha mẹ, anh em; kết hôn với bà Võ Thị Hường có 4 con cả trai lẫn gái, dạy học tư.

Vào tháng 12 năm ngoái (tháng 1 năm 1916), Trần Tấu, quê ở làng Hòa Thanh Hạ đến tôi và kể chuyện: Hương Thủy từ chỗ Học Tài - tức Phan Thành Tài - tìm đến ông để hỏi thăm về tình hình dân chúng... Ngày 24 tháng 2 vừa qua - 27 tháng 3 năm 1916 - Nguyễn Phiên đến chỗ tôi và cho biết cách đây không lâu Học Tài có đưa Sáu Phụng đến và yêu cầu các hương lý trong phủ đến họp tại nhà Tài để nói về các chỉ thị nhằm thực hiện một hoạt động. Ông ta mời tôi dự... Sau ba ngày ông ta trở lại chỗ tôi thuật việc đến nhà Học Tài, và Học Tài cho biết: Cừ Trật - tôi quên họ và quê quán - trước đây đã tị nạn tại Suède (có lẽ là Thụy Điển - ND) nay về quy phục ở Hà Nội do một viện hành chánh của nước sở tại dẫn về. Toàn quyền Đông Dương bố trí ông ta ở văn phòng báo chí và giao nhiệm vụ là khuyến dụ, lôi kéo những người An Nam tị nạn ở nước ngoài trở về, Cường Để và Phan Bội Châu về nước quy phục thì sẽ được tha tội. Nhân cơ hội đó, ông ta qua Tàu, khi trở về có dẫn theo một người - không nhớ họ tên - về đến Hà Nội, ông ta khuyến dụ những người trong nước có những đề nghị bí mật với nhà Vua về việc tranh đấu giành lại xứ sở, những người ở nước ngoài sẽ dẫn quân về để chi viện. Mặt khác, Thông Phiên đã chi tiền cho một Hoa kiều ở Quảng Ngãi - không rõ tên - nhưng người này đã bị công sứ bắt và điều tra, để giúp cho Học - Sanh - Đức trốn để đi Hồng Kông sau khi được trả tự do, để liên lạc với Cường Để và Phan Bội Châu; và phụ trách một người tên là Tô Chúc, quê ở Quảng Trị làm nghề buôn với người Mọi để sang Lào thông báo tình hình với những người tị nạn tại đây. Tiếp theo, Cường Để và Phan Bội Châu gửi thư bí mật cho Nhà Vua để yêu cầu nhà Vua quyết định và cho biết nền chính trị theo chế độ Vương quốc hay Cộng hòa. Nhà Vua đã trả lời theo đường thư tín rằng Ngài đã quyết định thành lập chế độ lập hiến với 3 Đại Hội đồng: Hội đồng quân sự, Hội đồng tài chánh và Hội đồng hành chánh; và giành lại quyền cai trị đất nước.

Lúc này, Cường Để cùng các đồng đảng của ông gửi thư kêu gọi dân chúng nổi dậy, sẽ có những chiến hạm của những nhà cải

cách trở về từ Hồng Kông, những đoàn quân tiếp viện đến từ Xiêm. Về phần mình, nhà Vua sẽ ra các chiếu chỉ gọi đến những người trung thành trong và ngoài nước kêu gọi nổi dậy tham gia cuộc tiến công có tên gọi là “NGHĨA”. Nguyễn Phiên nói thêm, dân chúng ở các tỉnh, không lẽ gì chúng ta lại im lặng. Ông mời tôi tham gia vào việc tuyển lính và các hoạt động khác.

Cũng chính Nguyễn Phiên nói với tôi ngày 16 tháng 3 (18 tháng 4 dương lịch) rằng một người có tên Nguyễn Vức từ chỗ Thông Phiên trở về nói với tôi rằng Thông Phiên yêu cầu các nhân vật trong tỉnh về họp tại nhà ông Y sĩ ở Hội An vào ngày 21 trong tháng - tức 23 tháng 4 dương lịch - để bàn về một công việc bí mật.

Ngày 18 - tức ngày 20 tháng 4 dương lịch - Nguyễn Phiên còn trở lại chỗ nhà tôi cho tôi biết là Sáu Phụng người của Học Tài đến mời ông ta về nhà Tú tài Đỗ họp bàn công việc trong ngày 25 tháng này, tức 27 tháng 4 dương lịch. Tôi và Nguyễn Phiên không dự cuộc họp này, tôi được tin là Phó Bể, Quinh, Hương Thủy và Huỳnh - Tư đều có mặt. Các ông này đã ngăn cản Thông Phiên đừng đến dự họp vào đêm đó bởi vì người ta đã theo dõi rất chặt, Học Tài báo cho các người dự phải phân tán đi, riêng mình Quinh ở lại (tài liệu số 50, hồ sơ 65530).

Trên đây chỉ là một vài thí dụ về quá trình tổ chức vận động tiến tới khởi nghĩa của các thủ lĩnh hàng đầu.

Đề tiên tới khởi nghĩa, các thủ lĩnh quê ở Quảng Nam đã tiến hành nhiều cuộc gặp mặt trao đổi, thảo luận ở nhiều địa điểm, khi thì ở nhà của Thái Phiên, khi thì ở nhà Lâm Nhĩ, v.v... mà cuộc họp quan trọng nhất lại tổ chức ở nhà tú tài Đỗ Tự ở làng Miếu Bông. Về cuộc họp tại nhà của Thái Phiên, chính ông đã kể lại rằng: “*Thượng tuần tháng 2, ông Ngô Vương Lang tới tìm tôi; lúc đó tôi bảo ông đi tìm Trần Cao Vân. Khi Trần Cao Vân tới, ông ấy nhắc lại rằng từ năm ngoái cho tới bây giờ người ta đã cho ông biết rõ rằng Nhà Vua đã biểu lộ rõ ý muốn của Ngài về việc khôi phục lại Vương quốc. Và khi đó, tôi nhớ lại và kể cho Trần Cao Vân những điều mà ông Tú Ngung đã nói cũng như những tin tức từ những người Trung Hoa nói với tôi. Tiếp đó, chúng tôi quyết định triệu tập các ông Phan Thành Tài,*

Phạm Thành Chương, Trương Bá Huy, Lâm Nhĩ, có hiệu là Thanh Minh Đạo Nhơn - là bạn chiến đấu với ông Trần Cao Vân, quê làng Cẩm Toại. Khi những người đó đến tôi thông báo cho họ biết những tin tức mà các người Trung Hoa đã truyền đạt, và tôi cũng nói rõ ý muốn của Nhà Vua về việc khôi phục Vương quốc, để mọi người cùng bàn định và sắp đặt kế hoạch hưởng ứng khởi nghĩa” (tài liệu số 48, hồ sơ 65530). Xin lưu ý rằng, vào thời gian những năm sau 1910, Thái Phiên đã chuyển về ở nhà vợ kế là Trần Thị Băng ở làng Quan Châu, gần với Miếu Bông, không còn ở làng Nghi An. Như vậy các cuộc họp ở nhà Thái Phiên được nói đến trong các tài liệu mới có nghĩa là họp ở nhà cô Hai Băng, làng Quan Châu.

Sự kiện về cuộc họp ở Miếu Bông là một mốc quan trọng tiến tới khởi nghĩa, mà nhiều người con trung kiên của Tam Kỳ đã đến dự để cùng đi tới những quyết định quan trọng, như cụ Lương Đình Thực đã thuật ở trên.

2/ Việc tổ chức liên lạc với tổ chức bên ngoài và vai trò của Hồng Lực, tức Tú Định một người con trung kiên của Tam Kỳ

Một điều đáng lưu ý là, các lời khai trên đây đều cho thấy, những yếu nhân khởi nghĩa đều nhắc đến sự liên lạc với các nhân vật từ nước ngoài hoạt động chỉ đạo hoặc hỗ trợ cho phong trào ở trong nước. Trong số những người đó, có một nhân vật là **Hồng Lực, tức Tú Định**, là người dân của phủ Tam Kỳ. Ông chính tên là Nguyễn Khải, quê làng Hội An, phủ Tam Kỳ, nay là xã Tiên Châu, huyện Tiên Phước. Hoạt động của ông đã bị thực dân và Nam triều theo dõi từ nhiều năm. Ngay trong ngày đầu tiên khi nhận được điện thượng khẩn của Khâm sứ Trung kỳ Charles báo tin có cuộc nổi loạn ở Huế và mấy tỉnh lân cận, Toàn quyền Đông Dương đã lập tức gửi điện thông báo khẩn cho thuộc hạ khắp các xứ thuộc Đông Dương biết để phối hợp xử lý, đề phòng. Đối với từng đối tượng thuộc hạ cụ thể, ông ta nhắc nhở những việc rất tỉ mỉ có liên quan đến phạm vi trách nhiệm và địa bàn của quan chức ấy phụ trách. Trong bức điện gửi cho Khâm sứ ở Lào, Toàn quyền Roume không quên báo cho ông này rằng, ở phạm vi của ông ta thì phải hết sức đề phòng một nhân vật quan trọng của Việt Nam Quang phục hội quê gốc ở Quảng Nam, lúc

ấy đang ở Băng Cốc, lúc này đây khi xảy ra biến động có thể nhân vật này sẽ tìm cách về nước chẳng. Vì Lào là nước có chung biên giới với Thái Lan, nên Toàn quyền nhắc nhở, “phải có sự tăng canh gác gấp đôi”. Toàn văn bức điện cực khẩn số 1564 ngày 5.5.1916 của Toàn quyền Đông Dương gửi Khâm sứ Lào ở Viên Chăn, nội dung như sau:

“Vua An Nam đã bí mật rời Hoàng cung đêm hôm kia và chưa bị bắt. Người ta giả thiết là Vua đã tìm cách gặp lại các băng nhóm nổi loạn ở Quảng Nam và Quảng Ngãi, còn các tỉnh khác vẫn yên tĩnh cho đến nay.

*Ngài hãy liên lạc với Khâm sứ An Nam để bàn định các biện pháp xét thấy có lợi, nhất là canh giữ các đường qua Lào và Xiêm mà trên đó sẽ có sự tăng cường canh gác gấp đôi. Nhắc lại với Ngài là **Tu Dịch, chỉ huy hiện nay của bọn nổi loạn ẩn náu ở Xiêm là người gốc Quảng Nam**”.*

Như vậy Toàn quyền tỏ rõ là ông ta đã theo dõi sát sao về một nhân vật yêu nước mà ông cho là chỉ huy của những người nổi loạn, vốn là dân gốc Quảng Nam, hiện đang ẩn náu ở Xiêm. Thêm nữa, trong bản báo cáo gửi về Bộ trưởng Bộ thuộc địa ngày 20.5.1916, ông ta vẫn còn băn khoăn, có thể là Tú Dịch hay một ai đó trong nhóm cầm đầu phản loạn hiện đang ẩn náu ở Xiêm, đã về ngay Quảng Nam để chỉ đạo cuộc nổi dậy. Ông ta viết: *“Cho đến lúc này, hình như các người cầm đầu cuộc nổi loạn được các tên phản loạn người An Nam đang tị nạn tại Xiêm xúi dục - theo như **Nha Chính trị đã báo là một trong số người này đã có mặt tại Quảng Nam**”*

Vậy Tu Dịch là ai ? Hoạt động của ông ta là như thế nào? Ở các phần trên chúng ta đã biết rằng, những nhà hoạt động ở trong nước vẫn luôn có sự liên lạc với các yếu nhân cách mạng ở nước ngoài. Ngược lại, thì các nhà hoạt động yêu nước đang ở nước ngoài cũng luôn tìm cách liên hệ nắm tình hình trong nước để phối hợp hoạt động. Sau khi thành lập VNQPH ở Quảng Châu, Hội đã cử 3 ủy viên về vận động trong nước, trong đó có Lâm Quảng Trung (tức Võ Quán, người huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi) đã được cử về miền Trung. Tiếp đó, nhiều nhân vật khác cũng đã theo những con đường

khác nhau về nước thực hiện những nhiệm vụ cụ thể. Châu bản triều Nguyễn cũng cho biết, một đảng viên của VNQPH là **Nguyễn Khải, tức Tú Định, hiệu Hồng Lực**, người làng Hội An (nay thuộc xã Tiên Châu, huyện Tiên Phước) đã bí mật về nước hoạt động chí ít cũng từ năm 1911 đang bị phát lệnh truy nã cùng lúc với Cửu Cai Trần Hoàn (Quảng Trị), Sở Cường Lê Dư, Trần Tuấn, hiệu Dục Trí (cùng quê Quảng Nam), Bích Ngô, tức Ba Hợp (quê Quảng Ngãi), nhưng đến năm 1913 lại nhận chỉ thị của Phan Bội Châu và Cường Để mang tài liệu của VNQPH theo đường Lào đem về tuyên truyền, gây dựng đồng chí, tổ chức trong nước. Châu bản ngày 13 tháng 3 năm Duy Tân thứ bảy (19.4.1913) viết rằng: *“Công sứ Quảng Nam tư nói xét được tình hình hiện nay của tỉnh ấy, việc dụ dân khởi nguy càng ngày càng thêm. Quý Tòa nhận xét tư nói các lẽ, tưởng chắc là Phan Bá Ngọc, tức Phan Đình Tạo, cùng Hồng Lực, tức Tú tài Định, chia đi các tỉnh Trung kỳ củ dụ dân mưu toan việc nguy. Hai tên này từ nước Đại Thanh đến Trung Kỳ, tưởng chắc nhận lãnh mưu lược chỉ hoạch của Phan Bội Châu và Cường Để, mưu bày là chống cự Bảo hộ và Quốc gia, ý muốn nhờ đảng cách mạng người Thanh giúp đỡ để lập dân quyền. Bọn ấy tụ tập và tàng trữ khí giới tại địa phận nước Xiêm, toan muốn qua sông Cửu Long, chia làm hai đạo đi xuống, một đạo do đường Lao Bảo đến Quảng Trị, một đạo do đường Trảng Gạo đến Quy Nhơn... Lại ngày mùng 8, tiếp tỉnh Quảng Nam mật tư rằng: “Gần đây tiếp Quý trú sứ thương giao các khoản việc mật: Quang phục quân phương lược một quyển, do có ấn son, trong khắc Quang phục quân chánh trị ấn, in trùm mặt quyển sách, Phật Lang Tây trung cáo thư một quyển; giấy bạc giả 100 đồng một tờ...”* (Nguyễn Thế Anh, Các châu bản liên hệ đến phong trào lãnh đạo bởi Phan Bội Châu trong giai đoạn 1910-1913. Bài in trong **Nghiên Cứu Huế**, tập một, 1999, tr 296-297).

Qua tờ tấu trình trên, ta biết được rằng vào khoảng đầu năm 1913, Tú tài Định đã từ Trung Hoa về nước, cùng với một vài đồng chí đi tuyên truyền vận động nhân dân nhiều địa phương miền Trung, mà theo cách nói của phủ phụ chính triều đình Huế là “củ dụ dân mưu toan việc nguy”. Các ông cũng đã tập hợp lực lượng và tàng trữ vũ khí ở Xiêm, “toan muốn chia hai đường qua sông Cửu Long”, qua địa phận nước Lào đi về Quảng Trị và Quy Nhơn”.

Chúng ta không biết tiếp những hoạt động của Tú tài Địch thời gian sau đó trong những việc mà viên Công sứ Quảng Nam lúc bấy giờ là Charles theo dõi và đã báo cáo. Nhưng cũng rất may là trong một tài liệu khác của mật thám Pháp, tài liệu *“Hoạt động chống Pháp ở các xứ An nam từ 1905 đến 1918”* cho biết thêm một số hoạt động của Tú Địch (nguyên trong tài liệu là Tu Dich) - một người yêu nước quê ở Quảng Nam, nhưng trong tài liệu này lại ghi sai thành quê ở Nghệ An. Trong phần thuật lại những hoạt động của nhóm Việt Nam Quang phục hội ở Xiêm (Thái Lan), những năm sau Chiến tranh Thế giới thứ nhất bùng nổ, tức là các năm 1914-1915, mật thám Pháp cho thấy họ đã theo dõi khá sát sao việc các nhà yêu nước này quan hệ với sứ quán Thái Lan ở Băng Cốc để vận động có sự giúp đỡ về tài chính nhằm thực hiện những kế hoạch tác động về trong nước. Lúc này ở Xiêm đã có một nhóm khá đông những người Việt yêu nước sang lánh nạn và đang cùng nhau thực hiện những công việc mà Việt Nam Quang phục hội ở nước ngoài giao phó. Trong số này có Giao Trung, mới được phái đến bắt liên lạc với những người đã ở đó từ trước, và tài liệu của sở mật thám Pháp cho biết thêm: *“Ở Xiêm ông ta cư trú tại Luk - khe, ở đó, theo tin cho biết, ông ta mua một bất động sản nhỏ, và dưới cái bề ngoài sống như một người dân quê bình thường, ông tiếp tục đảm bảo việc liên lạc của những người cách mạng Việt Nam giữa Quang Sĩ và miền Nam bán đảo. Như vậy chính là ở cửa ngõ Bangkok mà ông ta sẽ bắt đầu liên hệ với ông Kum - Viset nổi tiếng, vị luật sư người Việt biện hộ cho các đồng bào của mình trước Tòa án Quốc tế và với sự giúp đỡ của ông này, sau đó hoàn thành nhiệm vụ giao cho ông là tự giới thiệu với toà lãnh sự Đức, và toà lãnh sự này trao cho ông 10 nghìn Ticaux.*

“Hãy chú ý rằng, theo ông, chính là Kum - Viset giới thiệu ông với Tu - Dich, với Đặng Tử Kính, với Ông Chánh đều là người Nghệ An (Trung Kỳ), với Bá Nho và Tư Thanh và cùng với họ, ông đã có những cuộc trao đổi dài về khả năng đánh đuổi chúng ta ra khỏi Đông Dương.”(Tl vừa dẫn, tr.185).

Như vậy, trong số những người Giao Trung quan hệ, lại thấy xuất hiện Tú Địch, người mà hơn một năm trước đã từ Trung Hoa về

Trung Kỳ, vận động xây dựng phong trào, cũng là một người trong nhóm hoạt động tập hợp lực lượng và vũ khí ở biên giới nước Xiêm, chuẩn bị chuyển về trong nước. Tài liệu của mật thám Pháp cho biết tiếp rằng, sau khi Giao Trung nhận được một khoản tiền ước khoảng 22.000 Franc Pháp của lãnh sự quán Đức “ủng hộ”, những người yêu nước đã phải tranh luận xem nên chuyển số tiền đó cho ai, dùng vào công việc gì. Câu chuyện này lại liên quan đến nhiều người yêu nước khác đang có mặt ở miền Trung, trong đó có vua Duy Tân và hai chí sĩ Thái Phiên - Trần Cao Vân. Tài liệu của Pháp thuật lại rằng: “...Do đó người ta giả thiết có những cuộc tranh cãi ở nhà Kum - Viset trong đó Giao Trung là người Bắc Kỳ và một vài đồng chí yêu cầu là tiền của người Đức phải được mang về Quang Si cho Nguyễn Cẩm Giang vốn là bạn của ông ta và cho nhóm người của ông, trong khi đó những người Trung Kỳ như Đặng Tử Kính và Tu Dich (Tú Dich) muốn tiền đó gửi đến chỗ khác. Lý do để cuối cùng họ phải thoả thuận với nhau là như sau: Hoàng Trọng Mậu, vị thủ lĩnh mọi người đều biết của những kẻ mưu phản, vốn gốc người Nghệ An (Trung Kỳ), còn đang ở Quang Si, chỉ huy một toán quân sẽ phải hợp tác với Nguyễn Cẩm Giang ở biên giới Đông Bắc Bắc Kỳ. Những người cách mạng Việt Nam ở Xiêm cũng phải biết nhiều sự việc và điều đó giải thích tại sao họ lại để Giao Trung ra đi với số tiền mà ông ta vừa lấy được ấy là vì không phải họ không biết rằng nhà vua trẻ Duy Tân sắp bước ra vũ đài hoạt động và liên kết với họ trong khi trao cho Hoàng Trọng Mậu chức chỉ huy quân đội tối cao .

Quả vậy, hai tháng sau trận đánh Tà Lùng, tháng 5 năm 1915, Duy Tân ra một chỉ dụ do chính tay mình viết, ký tên và đóng dấu nhà vua chỉ định Nguyễn Đức Công, hiệu Hoàng Trọng Mậu giữ chức “Tả quân chánh đạo”, tổng tư lệnh hoặc tổng tham mưu trưởng và đại tướng quân ở tỉnh Hà Tĩnh .

Những quan hệ của ông với những người Trung Hoa giả hiệu từ đầu năm 1915 cũng như ý muốn của ông chinh phục lại vương quốc đã được bày rõ trong những lời khai ở Huế của Thái Phiên, cố vấn phụ trợ và là người chỉ huy trận tấn công thành Huế, ông này bảo rằng đã biết được những điều đó từ Trần Cao Vân, cố vấn chính

nổi tiếng và người bảo vệ nhà vua, con người là linh hồn của mưu đồ và sẽ phải chạy trốn theo nhà vua”(Tl vừa dẫn, tr. 186).

Một lần nữa, Tú tài Địch lại xuất hiện trong hồ sơ của mật thám Pháp. Có thể nhận thấy, ông có một vị thế và một tầm ảnh hưởng không nhỏ trong các mối quan hệ khi hoạt động ở trong nước cũng như khi hoạt động ở nước ngoài. Trong các tài liệu mới, ngoài tài liệu của Toàn quyền Đông Dương vừa nêu ở trên, tên tuổi của Tú tài Địch, tức Hồng Lực còn được nhắc tới như một nhân vật quan trọng tham gia một nhiệm vụ trong cuộc khởi nghĩa tháng 5.1916. Ví dụ, trong tài liệu số 273, là bản báo cáo tình hình chính trị quý II năm 1916, Khâm sứ Trung Kỳ Le Marchant de Trigon viết rằng: “Theo tuyên bố của thủ lĩnh phong trào, thì Hồng Lực cùng các cộng sự của ông đã có sự giúp đỡ từ nước Xiêm, còn ở Bắc Kỳ thì Hoàng Hưng (tức Ngô - Hưng) và Lê - Bao - Chuyết, tính đến việc giúp đỡ của những nhà cách mạng Trung Hoa...” Như thế, viên Khâm sứ Trigon cho rằng Hồng Lực và thủ lĩnh của phong trào đã liên lạc được với nhau. Còn Trần Cao Vân thì cũng nói, ông được biết về Hồng Lực qua sự thông báo của Thái Phiên. Trong bản khai lần thứ ba, Trần Cao Vân cho biết: *“Tôi hỏi Thái Phiên: Phải chăng họ đã nhận được tin tức từ những người ở ngoài nước truyền về? Ông ấy trả lời tôi là ở Xiêm, Hồng Lực và thuộc hạ có yêu cầu chính quyền nước này giúp đỡ về quân sự cho ta; ở Bắc Kỳ thì có các ông Hoàng Hưng và Lê Bách Chuyết cùng các đồng chí yêu cầu sự giúp đỡ của những người Trung Hoa cách mạng; ở Lào thì ông Đề Đạt và thuộc hạ yêu cầu sự góp sức của người Lào; còn ông Nam Quang Trung đang tìm kiếm sự giúp sức của lực lượng hải quân nước ngoài”.*

Những hoạt động của Tú Địch - Hồng Lực để chuẩn bị khởi nghĩa ở Tam Kỳ - Quảng Nam và toàn vùng có thể đã bị cơ quan mật thám Pháp theo dõi, và đã báo cho Toàn quyền Đông Dương nhiều tháng trước khi khởi nghĩa bùng nổ. Gần một năm trước khi nổ ra cuộc khởi nghĩa 5.1916, từ nguồn tin của Nha Chính trị và Bản xứ, Toàn quyền đã có bức công điện số 1321 sau đây gửi cho Khâm sứ Trung Kỳ: *“Hà Nội, ngày 18.6.1915.*

Toàn quyền Đông Dương gửi Khâm sứ Trung Kỳ, Huế

Một nguồn tin rất chính xác cho biết trung tâm của cuộc nổi loạn là ở vùng Trà My, phủ Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam do các tên ẩn náu từ Xiêm trở về. Cuộc nổi dậy đang chuẩn bị tại vùng này của tỉnh Quảng Nam và tỉnh Quảng Ngãi ở lân cận. Cần đề phòng và báo cáo tình hình” (Tài liệu 107, HS 65530). Khâm sứ Trung Kỳ đã cho kiểm tra tình hình, và đã trả lời bằng hai công điện số 78S ngày 21.6.1915 và số 81S ngày 30.6.1915, cho rằng trong cả hai vùng Quảng Nam và Quảng Ngãi đều “hoàn toàn yên tĩnh”. Sau này, khi đã cơ bản dẹp yên cuộc nổi dậy, ngày 20.5.1916, toàn quyền Roume nhắc lại sự việc trên trong bản báo cáo gửi cho Bộ trưởng Bộ thuộc địa: *“Từ tháng 6 năm 1915, dựa trên tin tức được Nha Chính trị và Bản xứ cung cấp, tôi đã chỉ rõ với Khâm sứ Trung Kỳ rằng tại tỉnh Quảng Nam, phủ Tam kỳ, nơi mà người ta biết rằng đã diễn ra các cuộc rối loạn cuối cùng của thời gian trước, thì nay đang tồn tại một ổ phiến loạn do những kẻ cầm đầu từ Xiêm trở về để chuẩn bị cho một phong trào phiến loạn tại tỉnh Quảng Nam và tỉnh lân cận là Quảng Ngãi. Sau khi điều tra tại chỗ và khi mà các Công sứ đã tìm hiểu kỹ, ngài Charles trả lời cho tôi rằng không có dấu hiệu gì để xác minh về tin đồn đó”* (Tài liệu 10, HS 65530).

Với những tài liệu từ hai phía như chúng tôi vừa nêu ở trên, có thể thấy sự chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa ở Tam Kỳ là một khâu quan trọng trong tổng thể của cuộc vùng lên dành độc lập tự do ở toàn khu vực Trung Kỳ.

2. Diễn biến khởi nghĩa ở Tam Kỳ

Diễn biến khởi nghĩa ở Tam Kỳ theo báo cáo của các hiến binh, nhân viên bưu điện và bộ máy cầm quyền

Cuộc khởi nghĩa ở các tỉnh Trung Kỳ nói chung và diễn biến khởi nghĩa ở Tam Kỳ nói riêng đã được các tài liệu mới ghi nhận khá sớm và chi tiết. Sau đây là một số nét cơ bản về những diễn biến đó.

Ngày trong sáng sớm ngày 4.5.1916, trong khi Công sứ Thừa Thiên gửi Công điện cho huyện Cầu Hai, chỉ viết rất vắn tắt: *“Bốn thị vệ đã rời Huế vào đêm nay cùng với vua Duy Tân. Hãy bắt ngay các thị vệ và săn sóc cẩn thận nhà vua”* (Tài liệu 164, HS 65530); thì điện

của Phân đội Hiến binh Trung kỳ cũng trong sáng sớm 4.5 viết chi tiết như sau: “*Có vài cuộc kích động dân chúng đã xảy ra tại Huế vào chiều hôm qua. Mọi biện pháp đề phòng đã được tiến hành. Ba cuộc lũng bắt của lính khố xanh. Xác nhận Vua Duy Tân đã đào tẩu đúng như tin đồn. Theo lệnh trưng dụng của Khâm sứ, một trưởng toán và hạ sĩ hiến binh TISNES đã lên đường truy tìm nhà vua ở hướng Quảng Trị và Đà Nẵng*”(Tài liệu 165, HS 65530). Sau đó, vào ban đêm, Phân đội hiến binh này có thêm bức điện bổ sung gửi về cấp chỉ huy: “*Tôi xin kính báo. Tôi vừa nhận được công điện của Hiến Binh Đà Nẵng*”.

Nội dung Số 47: Sau khi nhận được tin báo của Khâm sứ Trung kỳ về cuộc nổi loạn ở Quảng Ngãi, đã điều một phân đội gồm 21 lính người Âu xuất phát vào lúc 14 giờ chiều hôm qua từ Đà Nẵng để đi Quảng Ngãi. Hôm nay công sứ cho biết Tam Kỳ (Quảng Nam) cách Hội An 50km, bị tấn công bởi một nhóm vũ trang”(Tài liệu 166, HS 65530). Bức điện tiếp theo vào chiều ngày 5/5 của Trung úy Le Bon chỉ huy phân đội Hiến Binh Bắc Kỳ - Trung Kỳ đã thông báo: “*Tôi xin kính báo: Tôi vừa nhận được công điện của Hiến Binh Hội An*
Nội dung: Số 43: Nổi loạn nghiêm trọng tại Tam Kỳ, phủ đường bị tấn công, bốn kẻ tham gia bị bắn chết, hai bị thương, tình hình đã trở lại yên ổn”(Tài liệu 167, HS 65530). Đặc biệt, bức điện dài sau đây cho thấy nhiều lĩnh vực hoạt động của lực lượng Hiến binh phải đảm nhiệm trong khi diễn ra tình hình nguy cấp, phối hợp với các lực lượng quân sự khác đã diễn ra như thế nào. Đó là bức điện số 44 ngày 6.5.1916: “*Hiến binh Guisset, chỉ huy các đội hiến binh Faifoo (Hội An) báo cáo về vụ nổi loạn trầm trọng xảy ra ở phủ Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam: Ngày 2 vừa qua vào khoảng 16 giờ, tôi được ông Công sứ Pháp tại Hội An cho hay có bạo loạn lớn do dân chúng bản xứ của các hội đoàn tỉnh Quảng Ngãi xúi dục, ông ta bảo không được để phong trào phổ biến và lan ra tỉnh của ông ta, và yêu cầu cảnh giác trong bất cứ trường hợp nào.*

Tôi cùng nhân viên cảnh sát dưới quyền thiết lập ngay các cuộc tuần tra ở thành phố và các điểm đặc biệt, ngăn cản bất cứ một cuộc tấn công nào có thể xảy ra.

Khoảng 15 giờ chiều ngày 4, trong lúc trình diện tại tòa khám sứ tôi được nghe như sau :

Trong đêm mồng 3 rạng mồng 4, khoảng hai (2) giờ sáng, một nhóm culi (công nhân) khoảng 20 người bản xứ đã tấn công nhà: và đã hoàn toàn

Các người biểu tình này hướng về các đồn lính bản xứ của phái đoàn Tam Kỳ, thường do một ông Đội (Trung sĩ) dân quân chỉ huy, và tấn công các đồn này nhằm mục đích chiếm vũ khí, đạn dược.

Ông cấp cao đội lính bản xứ đồn Tam Kỳ hiện đang nhất thời ở Tam Kỳ đã kịp thời chỉ huy phân đội, truy quét các người

Trong lúc đàn áp, lính bảo an đã bắn chết 4 người và làm bị thương 2 người khi họ bị tấn công trước .

Những người Tây ở trung tâm Tam Kỳ đã di tản vào khu đại biểu địa phương với sự hỗ trợ của phân đội Bảo an.

Đến giờ này người biểu tình đã tản mác hết, mọi sự chống đối hình như đã bị dẹp yên.

An ninh nội thành Hội An, ngoài cảnh sát thường địa phương còn được bổ sung lính bảo an và lính biệt kích bản xứ thường xuyên tuần tra.

Một phân đội gồm 50 lính Tây và lính biệt kích bản xứ của quân đồn trú ở Đà Nẵng dưới sự chỉ huy của viên trung úy được gửi đến Hội An và đã tiến hành nhiều cuộc tuần tra lưu động ở trong Thành phố và các điểm khác nhau trong tỉnh.

Dân chúng bản xứ ở nội thành Hội An đến giờ này rất yên ổn, và hình như rất lo lắng, sợ bị cướp bóc có thể xảy ra vì các việc lộn xộn nói trên.

Không có bất cứ 1 lộn xộn nào khác xảy ra trong tỉnh.

Việc thu thuế được thực hiện bình thường, không có rắc rối nào do chính quyền bản xứ gây ra.

Người ta còn chưa biết rõ nguyên nhân của việc nổi loạn.

Ký tên Guisset

(Do ông Manot, chỉ huy trưởng Hiến binh Hải Phòng chuyển cho Toàn quyền)

Hải Phòng, ngày 14 tháng 5 năm 1916”(Tài liệu 178, HS 65530).

Còn hệ thống cầm quyền của Pháp từ Toàn quyền đến Khâm sứ, Công sứ thì hành xử như thế nào trước, trong và sau khi khởi nghĩa nổ ra ở Trung Kỳ nói chung và ở Tam Kỳ nói riêng? Trong các tài liệu mới, những người Pháp cai trị xứ Đông Dương cho thấy rằng họ luôn chú ý theo dõi những biến động trong tình hình ở Trung kỳ, nhưng cũng đã có những biểu hiện chủ quan, say sưa với vẻ bề ngoài yên tĩnh, lặng lẽ của xứ Annam. Toàn quyền Đông Dương Roume đã tự kiểm điểm trong báo cáo ngày 20.5.1916 gửi về Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp, như sau:

“Từ tháng 6 năm 1915, dựa trên tin tức được Nha Chính trị và Bản xứ cung cấp, tôi đã chỉ rõ với Khâm sứ Trung Kỳ rằng tại tỉnh Quảng Nam, phủ Tam Kỳ, nơi đã diễn ra các cuộc rối loạn cuối cùng của thời gian trước, thì nay đang tồn tại một ổ phiền loạn do những kẻ cầm đầu từ Xiêm trở về để chuẩn bị cho một phong trào phiền loạn tại tỉnh Quảng Nam và tỉnh lân cận là Quảng Ngãi. Sau khi điều tra tại chỗ và khi mà các Công sứ đã tìm hiểu kỹ, ngài Charles trả lời cho tôi rằng không có dấu hiệu gì để xác minh về tin đồn đó.

Kể từ lúc khởi đầu cuộc chiến tranh, xứ An Nam luôn tỏ ra là một mẫu mực về nền chính trị hoàn hảo thể hiện bằng việc tuyển lính chiến phục vụ mẫu quốc đạt kết quả mỹ mãn. Không thể dự đoán một hoạt động chống đối xảy ra, cho nên trong báo cáo chung ngày 21 tháng 2 vừa qua, tôi có nhận định rằng, trên mảnh đất này của Liên bang không có một triệu chứng nào làm cho ta phải lo lắng. Báo cáo ngày 19 tháng 4, là báo cáo Quý I năm 1916 của Khâm sứ Trung Kỳ gửi cho tôi cũng xác định như thế” (tài liệu số 10, hồ sơ 65530).

Trong niềm say sưa như thế, Toàn quyền Đông Dương dự định

trở về chính quốc vào đầu tháng 5.1916, và triệu tập Khâm sứ Trung Kỳ Charles ra Hà Nội tạm quyền cai quản thay mình. Cả Toàn quyền và Khâm sứ đang lạng lẽ chuẩn bị cho chuyến ra đi, kẻ thì về Pháp, kẻ thì ra Hà nội, nhưng biến cố đã bất ngờ xảy ra. Ngày 2.5, sự việc tiết lộ về một âm mưu nổi loạn diễn ra ở Quảng Ngãi, và Công sứ De Tastes đã điện báo ngay cho Khâm sứ Trung Kỳ. Trong ngày 3.5, Khâm sứ Charles vội điện báo cho Toàn Quyền Đông Dương, đồng thời xin hoãn việc khởi hành ra Hà Nội. Khi đó, Khâm sứ Charles vẫn chưa dự kiến được tình hình sẽ bùng nổ với quy mô trên toàn khu vực, nên vẫn chưa xin được hủy bỏ chuyến khởi hành ra Hà Nội. Nhưng ngay trong 24 giờ tiếp theo thì sự bùng nổ đã diễn ra dồn dập. Những sử liệu quan trọng minh chứng cho thấy, cả hệ thống cai trị, quản lý trực tiếp ở Trung Kỳ đã phần nào ngớ ngàng, lúng túng trước những cuộc bạo loạn nổ ra đồng thời ở Quảng Nam, Thừa Thiên Huế, ngay tiếp theo sự kiện ở Quảng Ngãi. Bức điện cực khẩn của số 99s, ngày 4.5.1916 của Khâm sứ Trung kỳ gửi cho Toàn quyền Đông Dương báo tin: qua bức điện sau đây

“ Số 99-S. Thượng khẩn. Tiếp theo công điện số 98-S

Công sứ tại Hội An điện báo: Đồn trưởng lính khố xanh tại Tam Kỳ báo cáo là Quan Phủ và tất cả người Âu Châu bị tấn công trong đêm nay. Các người Âu châu phải tập trung lại. Một nhóm phiến loạn đã chiếm phủ, Văn phòng Tòa Đại lý phải di chuyển... (*tài liệu số 118, hồ sơ 65530*). Mãi sau này, viên Công sứ Pháp tại Hội An Lesterlin mới viết lại, thuật lại chi tiết về diễn biến cuộc khởi nghĩa trong toàn tỉnh Quảng Nam và nêu chi tiết hơn về diễn biến ở Tam Kỳ. Theo ý của ông ta thì việc trấn áp của Pháp đối với cuộc nổi dậy ở Tam Kỳ có thêm một sự may mắn tình cờ giúp sức, nếu không chưa thể nói, tình hình sẽ diễn ra như thế nào. Sự tình cờ ấy chính là việc viên thanh tra cấp cao Fouconnet bỗng nhiên có mặt ở Tam Kỳ đúng vào lúc diễn ra khởi nghĩa. Viên thanh tra này vốn phụ trách ở đồn Trà My, nhưng lúc đó lại có việc gì đó phải đến Tam Kỳ, nên “nhất thời có mặt ở Tam Kỳ”, và đã trở thành người chỉ huy cuộc chiến chống lại những người nổi dậy. Như vậy là cuộc đàn áp bạo loạn ở Tam Kỳ của Pháp có hai điều bất ngờ trùng hợp: đó là sự có mặt tình

cờ của phân đội lính người Âu trên đường đi vào tăng viện cho Quảng Ngãi, vừa đến Tam Kỳ thì dừng lại. Và thứ hai là sự có mặt cũng rất tình cờ của viên thanh tra Fouconnet từ Trà My xuống. Chúng ta sẽ thấy những sự việc này trong Bản báo cáo khá chi tiết của Công sứ Pháp Lesterlin, dưới một cách tường trình khác. Khởi nghĩa diễn ra đầu tháng 5, nhưng mãi một tháng sau, ngày 1.6.1916, Công sứ Pháp ở Hội An, Lesterlin, mới viết bản báo cáo có tính tổng hợp gửi lên Khâm sứ Trung Kỳ. Thời gian một tháng đủ để ông ta suy ngẫm, sàng lọc thông tin, và bản báo cáo chứng tỏ đã có những sự chọn lọc và sắp xếp theo một ý tưởng cần thiết. Mở đầu báo cáo số 199c, viết ngày 1.6.1916, Lesterlin đưa ra nhận định khái quát về cuộc nổi loạn, thuật lại vắn tắt về quá trình chuẩn bị cho cuộc nổi loạn đó, mà sự kiện đỉnh cao của sự chuẩn bị đó là cuộc họp ngày 27 tháng 4 tại tiệc khánh thành nhà mới của Đỗ Tự gần chợ Miếu Bông. Lesterlin nhấn mạnh về cuộc họp đó như sau: “Tại đây cũng trong ngày này họ đã phổ biến chiếu của nhà vua về việc nổi dậy của những người trung thành gọi là “Nghĩa” vào đêm mùng 2 rạng sáng mùng 3 tháng 4 âm lịch - tức đêm ngày 3 rạng sáng ngày 4 tháng 5 dương lịch. Cũng trong đêm đó, Hội đồng tối cao của cuộc khởi nghĩa gồm có Thông Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài và Hương Thùy đã quyết định những đường nét lớn về việc tổ chức một tân quốc gia, việc ra một tuyên ngôn đối với dân chúng khi cuộc nổi dậy đã hoàn thành. Họ chọn lựa các quan chức cao cấp cho Vương quốc, quyết định mẫu cờ, ấn tín, đồng phục v.v... Các chiếu chỉ được phân phát đến các thành viên. Hai ngày sau, cử nơnh Mai Dị quê ở Nông Sơn, một người hay chữ đã chuyển cho những người đại diện ở các tỉnh bản Tuyên ngôn đã được tu sửa cẩn thận. Họ chuẩn bị để hành động” (*tài liệu 75, hồ sơ 65530*).

Về phần cốt yếu nhất là diễn biến của cuộc khởi nghĩa, Lesterlin đã khôn khéo thuật lại như sau: “Trong những ngày cuối họ bí mật tuyển người, lôi kéo các người chỉ huy trong đội lính khổ xanh thuộc các tiểu đoàn lính mộ mới được thành lập. Âm mưu đó hình như thực hiện được ở Quảng Ngãi, còn ở Hội An tôi không thấy một bằng chứng khả nghi nào trong số những người của chúng ta ở tỉnh lỵ mà duy nhất họ đảm bảo sự đề kháng của chúng ta cho đến tận giữa đêm 5 tháng 5. Chúng có lẽ có 2 hạ sĩ nhận đề nghị tham gia song sau đó

họ đã từ chối, tuy vậy họ vẫn phạm tội nghiêm trọng là không chịu tiết lộ việc đó. Sự việc còn chưa rõ, tôi sẽ nhanh chóng đưa ra ánh sáng việc này.

Ở Tam Kỳ, người ta đã chuyển sang hành động. Họ đã tuyển mộ được 200 đến 250 người. Mỗi người được nhận từ 1 đến 2 đồng, một áo vải xanh, mỏng. Những người này đều là dân trộm cướp, tổ chức thành 2 đoàn vào lúc 2 giờ sáng ngày 4 tháng 5 tấn công vào bất gác của đồn lính khố xanh thuộc tòa đại lý và phủ đường. Nhưng vào cuối buổi chiều lúc 4 giờ, ông thanh tra Fouconnet tình cờ đi ngang qua Tòa Đại lý Tam kỳ (nơi đây đã bỏ trống hơn một năm) đã được báo cho biết và đã cùng với Quan phủ, có sự giúp đỡ của Chánh tổng Phước Lợi điều tra ra được kế hoạch tấn công của nhóm phiến loạn. Với lực lượng 5 người (4 người khác đã đi hộ tống về Bồng Miêu) cùng với số người Âu có tại Tam Kỳ, họ nhanh chóng tập hợp về tòa Đại lý. Ông Fouconnet đã đứng ra tổ chức việc phòng vệ. Công cuộc bảo vệ đó được tăng cường nhờ có một phân đội gồm 6 lính bộ binh thuộc địa từ Đà Nẵng đi ô tô vào Quảng Ngãi, đúng lúc đó xe bị hỏng phải dừng lại nhiều giờ trên đoạn đường giữa Đà Nẵng và Hội An.

Những người phản loạn chỉ là bạch binh, nên cuộc tấn công của họ bị thất bại ngay bởi vì cái đồn nhỏ kia không có người, họ lại không có một khẩu súng, một viên đạn, nên đã bị thanh tra Fouconnet cùng với 10 người (trong đó có 6 người Âu) đẩy lui.

Trong lúc toán quân thứ nhất này bỏ chạy, thì quan phủ hốt hải chạy đến nhờ thanh tra Fouconnet đến giải cứu phủ đường đang bị một toán quân khoảng chừng 100 đến 150 người chiếm giữ, phá phách, mà ông ta thoát được một cách lạ lùng. Có nhiều tiếng súng ở hướng phủ đường, ông Fouconnet cùng với số người của ông ta chạy đến đó. Trong đêm không trăng, trời tối như mực, ban đầu ông Fouconnet ngờ rằng đó là một đám nhà quê đang kéo tới vì sự tò mò. Ông ta gọi hỏi thì đám người này trả lời: “Chúng tôi là những người nổi dậy!”. Ông ta ra lệnh cho quân mình nạp đạn tấn công thì những người dân quê đó đã phân tán đi nhiều hướng nên không thể đuổi kịp họ. Họ để lại một người chết, một khẩu súng săn 2 nòng còn mới, 9 túi da đựng đạn chì, hàng tá dao rựa. Trong nhà của quan phủ, tất cả

đều bị phá, các rương hòm bị đục thủng. Như trên tôi đã trình bày, quan phủ đã đề phòng, nên đã tổ chức việc bảo vệ với số lính lệ và khoảng bốn mươi người phu có trang bị giáo mác. Ngay những phát súng đầu tiên đã làm hai người bị thương, một người đã chết trước khi đưa đi bệnh viện, một người đang điều trị sau khi mổ lấy mảnh đạn 12 ly găm trong đùi. Tất cả số người còn lại chạy đã trốn thoát với chính quan phủ. Sáng hôm sau người ta thấy cờ của nhóm phiến loạn treo trên trụ cờ trước khi những người này rút chạy. Cờ nền màu đỏ, phía góc trái có một hình vuông màu xanh với 5 ngôi sao màu trắng.

Một vài người tù tạm giam trong nhà tù ở phủ đường được bọn phiến loạn giải thoát, ngày hôm sau đã trở lại nhà giam. Việc tấn công của quân phiến loạn ở Tam kỳ chỉ giới hạn chừng đó, nhóm phiến loạn cũng không phục hồi lại được. Đường dây điện thoại không bị cắt, nhà bưu điện bị bỏ trống vì người quản lý tạm lánh sang tòa đại lý, cũng không bị tấn công...

Tôi và các quan lại cho rằng không có nơi nào trong tỉnh có xảy ra bạo loạn vào đêm 3 rạng sáng ngày 4 tháng 5, kể từ Hội An, đến thành tỉnh, đến Đà Nẵng và các phủ đường, huyện đường.

Dựa vào những tin tức đáng tin cậy từ Quảng Ngãi, tôi đã thực hiện một số biện pháp đề phòng vào chiều ngày 3 tháng 5: tăng cường lực lượng từ chỗ 7 lính khố xanh lên 15 lính để canh gác nhà tù tại thành tỉnh, tăng cường việc canh gác tại các văn phòng, sở thuế, khôi phục lại việc canh gác ban đêm tại Tòa công sứ, nơi đã bị bỏ nhiều tháng vì thiếu người.

Theo lời khai của các tên bị bắt tại Tam Kỳ và những tiết lộ sau khi bắt giữ vua Duy Tân, và hai người phò tá Trần Cao Vân và Thầy Phiến, đã có thể thấy được đầy đủ về kịch bản của cuộc nổi dậy. Phong trào có mục tiêu tấn công thành phố Đà Nẵng với sự tham gia của lính chiến, việc chiếm lấy thành tỉnh, Hội An có sự giúp sức của lính khố xanh. Phan Thành Tài, người sẽ đảm nhận chức Kinh lược Nam Ngãi, là người chịu trách nhiệm tổ chức và chỉ huy tất cả phong trào đó với sự tham gia của y sĩ người bản xứ Dương phụ trách Hội

An. Chính Phan Thành Tài sẽ chỉ huy đánh chiếm thành tỉnh và tiếp đó tiến đánh Đà Nẵng.

Tôi rất nghi ngờ về việc khởi đầu của nổi loạn tại Hội An. Người ta có nói đến một số toán phiến loạn đi ghe đến Hội An, nằm vùi trong bãi cát cạnh thành phố để chờ tín hiệu hành động. Nhưng không một ai thấy họ, cho nên sự việc không chính xác. Nhưng ở thành tỉnh thì khác. Ta có thể đoán được là có nhiều toán quân đã đến chốt tại các cửa thành, trong đó có cửa thành do Phan Thành Tài trực tiếp chỉ huy. Tất cả chờ hiệu lệnh, nhưng không thấy hiệu lệnh nên họ đã di tản trước lúc trời sáng để lại một lô 50 mã tấu, một bó 9 lá cờ của tân chế độ, những cái thang dẫu trong bụi bên các hố, rãnh. Các quan lại cũng không còn nghi ngờ gì nữa về một âm mưu đốt nhà tranh trong thành tỉnh. Vào lúc 2 giờ sáng họ đã thấy một người lạ khả nghi nên bắt hỏi. Người này đã không thể nào khai vì sao mình có mặt ở đây vào giờ đó nên đã thú tội là có nhiệm vụ đốt một ngôi nhà để gây ra hiệu lệnh cho cuộc tấn công. Họ làm sao có thể đánh chiếm một thành như thành tỉnh Quảng Nam được canh phòng nghiêm ngặt, phòng thủ chu đáo với 28 tay súng trong khi họ không có một cây súng nào! Thật là ngây thơ!...”(tài liệu số 75, hồ sơ 65530).

Các nhà yêu nước nói gì về khởi nghĩa ở Quảng Nam và Tam Kỳ?

Về phía các nhà yêu nước thì sao? Họ đã tiến hành công cuộc giải phóng giành độc lập như thế nào?

Như Phan Thành Tài đã thuật lại, trong cuộc họp suốt đêm 27.4.1916 tại nhà của Thái Phiên, các thủ lĩnh đã phân công trách nhiệm đối với từng người như sau: Do là thủ lĩnh trực tiếp chỉ đạo chung của cả phong trào, Trần Cao Vân và Thái Phiên sẽ phụ trách chỉ đạo khởi nghĩa ở Huế; Phan Thành Tài phụ trách chỉ huy khởi nghĩa ở Đà Nẵng và Thành tỉnh; Lê Đình Dương phụ trách chỉ huy khởi nghĩa ở Hội An.

Việc chỉ huy các đội quân (tức các mũi tiến công) như sau:

- Lê Cơ và Tú Huy sẽ phối hợp với các đội quân của Thừa Thiên và Quảng Trị, sẽ đi ra Huế;

- Phụ trách các đội quân tấn công đánh chiếm Đà Nẵng là các ông Đội Đóa - người làng Quảng Huế Trung, ông Nguyễn Trình - người Bảo An Tây, ông Nguyễn Uýnh - người làng Mỹ Lộc, ông Huỳnh Côn - người làng Phương Xá, phủ Thăng Bình.

- Phụ trách các đội quân đánh chiếm thành tỉnh là các ông: Phan Khôi - người làng Phong Thử huyện Điện Bàn; ông Hồ Tấn - người làng Hà Mật; ông Xã Trì - người làng Hương Quế, huyện Quế Sơn

- Phụ trách các đội quân đánh chiếm Hội An là các ông: Tú Phùng - người làng Tiên Đồn Diên Phước; ông Nguyễn Nhân - người làng Phúc An; Thầy Lâm - người làng Trung Lộc; Hương Thùy (?) có lẽ là Lê Thùy - người làng Phước Ninh, huyện Quế Sơn; cũng có lẽ là Lê Thùy, tức Lê Tùng - người làng Thạnh Mỹ Trung phủ Tam Kỳ).
(tài liệu số 42, hồ sơ 65530)

Sau cuộc họp đó, Phan Thành Tài đã nhận ấn và dấu của chức Kinh Lược Nam Ngãi, nên ông lần lượt đi các địa phương gặp các đồng chí cốt cán, phổ biến kế hoạch. Ngày 29.4.1916, Tú tài Mai Dị đã tu chỉnh xong bản tuyên ngôn khởi nghĩa, và đến trao cho Thái Phiên. Thái Phiên đã cho một người thân tín quê ở Quế Sơn sao lại thành nhiều bản và đóng dấu Việt Nam Quân chính phủ ở trên chỗ đề ngày tháng, để phân phát đi các địa phương. Một người ở Quảng Ngãi đã đến nhận tài liệu này. Sáng ngày 1.5.1916, Phan Thành Tài đến nhà Thái Phiên để nhận tài liệu, nhưng Thái Phiên đã đi ra Huế chưa về.

Hoạt động của Trần Cao Vân - Thái Phiên trong những ngày cuối tháng Tư năm 1916 diễn ra hết sức khẩn trương, căng thẳng. Sau khi gặp vua Duy Tân vào ngày 14.4.1916, được chỉ dụ của nhà vua định liệu ngày khởi nghĩa vào 2 tháng Tư âm lịch, tức ngày 3.5.1916, Trần Cao Vân và Thái Phiên trở về Quảng Nam ra sức triển khai kế hoạch tiến tới khởi nghĩa. Nhưng do lúc đó chưa có Chiếu chỉ của nhà vua nên việc vận động tập hợp lực lượng còn bị trở ngại, Trần Cao Vân lại phải đi Huế để xin vua ban chiếu chỉ. Mãi cho đến ngày 25 tháng Tư mới có Chiếu chỉ khởi nghĩa chính thức của nhà vua, và

Thái Phiên ra Huế để nhận lãnh chiếu chỉ. Hôm sau, hai ông trở về Đà Nẵng và triệu tập cuộc họp với các đồng chí chủ chốt là bạn bè thân tín vào ngày 27.4 ở nhà Đỗ Tự, làng Miếu Bông để bàn cách đẩy nhanh cuộc khởi nghĩa theo đúng kế hoạch. Chính lúc đó, nhiều sự kiện dồn dập diễn ra. Trong dân chúng, một luồng không khí chộn rộn dâng lên, chắc chắn là do đã có rò rỉ về kế hoạch khởi nghĩa từ một kẻ hở nào đó. Lê Châu Hàng, người được giao phụ trách vận động lính mộ, báo tin đã vận động có kết quả, vì có sự cộng tác của Trần Quang Trứ và Sáu Cụt. Sáu Cụt lại cho biết thêm rằng, số lính mộ sắp bị đưa sang Pháp trong nay mai, và khuyên nên khởi nghĩa gấp. Đó là những sức ép rất lớn đòi hỏi các thủ lĩnh phải có những quyết định tinh táo và đúng đắn để xử lý.

Buổi sáng ngày 1.5, sau khi đến nhà Thái Phiên, không gặp, vì Thái Phiên đi Huế chưa về, Phan Thành Tài đã đến nhà Phạm Lương để chuyển giao ông này 6 bản lệnh có đóng ấn và dấu “Nam Nghĩa Kinh Lược” trong đó quyết định ngày tấn công là vào đêm mùng 2 sang ngày 3 âm lịch, chuyển 6 bản lệnh này cho các ông Nguyễn Phiên, Phó Bêm và xã Duân; phân công Nguyễn Phiên chỉ huy cuộc tấn công vào tòa Đốc lý phủ Tam Kỳ, xã Duân chỉ huy cuộc tấn công vào đồn Trà My, Phó Bêm chỉ huy tấn công đồn Phương Xá.

Buổi chiều ngày 1.5.1916, Phan Thành Tài trở lại nhà của Thái Phiên thì ông vừa ở Huế trở về. Thái Phiên thông báo cho Phan Thành Tài biết rằng, Trần Cao Vân khi ở Huế đã trình với nhà Vua ngày tấn công được quy định vào đêm 3 rạng sáng 4 tháng 5, nhưng vì chuẩn bị không kịp nên nhà Vua đồng ý quyết định chuyển vào đêm 7 rạng sáng 8 tháng 5.

Thế nhưng, một sự kiện bất ngờ lại xảy đến. Sáng ngày 2.5, kế hoạch khởi nghĩa bị lộ ở Quảng Ngãi. Khi biết tin này, lập tức Thái Phiên đã đi ngay ra Huế và xin ý kiến nhà Vua vẫn giữ ngày hành động như chiếu chỉ đã ban, tức là vào đêm 3 rạng ngày 4 tháng 5. Đây là những điều mà Phan Thành Tài đã thuật lại, đúng như Trần Cao Vân cũng đã thuật trong bản khai cung lần thứ hai của ông: “Ngày 29 tháng 3 (tức 1 tháng 5), Huỳnh Anh mời tôi đến gặp vào sáng hôm sau ở nhà ông. Ông ấy nói rằng, dân chúng đã náo động, có thể việc

của chúng ta đã bị lộ. Huỳnh Anh ra Huế ngay bằng chuyến tàu lửa buổi sáng, còn tôi đi vào chuyến tàu chiều” (*tài liệu số 18, hồ sơ 65530*). Có thể nói, Phan Thành Tài chính là một trong những đồng chí xứ Quảng thân thiết của Thái Phiên - Trần Cao Vân đã tiễn hai thủ lĩnh và đồng thời là hai đồng đội chí thiết rời khỏi quê hương đi vào trận chiến đấu cuối cùng. Trong tâm khảm những người đồng chí lúc ấy, người ở lại xứ Quảng cũng như người lên tàu ra cùng xứ Huế, chắc chắn đều dâng lên những niềm xúc cảm lớn lao. Họ đang đi vào những giờ khắc thiêng liêng thực hiện một sứ mệnh vì đại nghĩa của cả dân tộc. Và trong tâm trí họ đang vang lên những lời thống thiết như chính Trần Cao Vân thay lời vua Duy Tân vừa viết trong bức Chiêu kêu gọi dân chúng: “Từ xưa tới nay, các vị đế vương cũng như các bậc đại nhân không bao giờ chấp nhận sống dưới ách đô hộ. Chúng ta phải giành lại giang sơn của chúng ta hoặc chúng ta cùng hy sinh... Chúng ta chỉ có một con đường là phải hành động. Thượng đế đã nuôi dưỡng trong rất nhiều thần dân một ý nguyện cứu nước. Mọi thần dân có lòng yêu nước hãy cùng nhau chung sức khôi phục giang sơn của nòi giống tổ tiên Hồng Bàng. Hành động của chúng ta chính là thực hiện sự ủy thác của Đạo Trời cao cả. Tất cả những ai tham gia vào nhiệm vụ chiến đấu giành lại giang sơn đều thực thi theo lẽ công bằng và những quy tắc ứng xử của nền văn minh... Mọi thần dân hãy cùng nhau nổi dậy chiếm lấy các tỉnh thành để khôi phục Vương quốc của chúng ta, vì mục tiêu cao cả đã chọn là tiến lên hoàn thiện một kỷ nguyên Văn Minh cho giang sơn gấm vóc của chúng ta!”...

Ngay khi tiễn chân các thủ lĩnh và đồng chí Trần Cao Vân, Thái Phiên, Lê Châu Hàn, Phạm Thành Chương, Lê Cơ... đi ra kinh thành Huế, Phan Thành Tài trở lại những nẻo đường thân quen của xứ Quảng để xúc tiến ngay những công việc khẩn thiết cho cuộc chiến đấu cuối cùng vào đêm hôm sau, theo lịch trình đã định. Và sau đây là lời thuật lại những hoạt động của ông và các đồng chí xứ Quảng trong hai ngày đêm cuối cùng: “Sáng hôm sau xã Cơ ra Huế, còn tôi đi tìm các toán quân, gặp được một số đã mộ được ở Đà Nẵng rồi tôi trở về Bình Long bằng xe kéo để báo cho Đội Đóa cùng với một số người của ông ra Đà Nẵng đến vùng nhượng địa nhưng được tin ông đã đi với toán quân theo đường Túy Loan. Tôi đi qua Phong Thử để

tìm toán quân của Nguyễn Uýnh, nhưng không thấy nên tôi lại lên xe kéo trở về Vĩnh Điện. Tại đây tôi gặp chiếc ghe của *Huỳnh Côn người làng Phương Xá, phủ Tam Kỳ*. Tôi lên ghe thấy khoảng 30 người lính mộ, tôi bảo họ lên bộ đi Đà Nẵng, còn tôi ở lại thành tỉnh đợi các toán quân sau khi tấn công vào tòa sứ và thành tỉnh sẽ đưa tất cả cùng ra Đà Nẵng để cùng hành động. Toán quân của Huỳnh Côn ra Đà Nẵng vừa đến chợ Thi An thì gặp một xe đang đứng chặn lại cùng với một số lính Pháp. Vì bị chặn đường nên toán này phải quay về thành tỉnh. Tôi báo cho Huỳnh Côn, xã Trị, Phan Khôi và Hồ Tân đem số người có vũ trang này bố trí ở chỗ cửa Tiên, nhưng xã Trị và Phan Khôi để số người này ở phía cửa Tả gần rừng cấm của làng La Qua. Đến 18 giờ, Phan Khôi nói với tôi là đã đưa Trần Chương vào trong thành tỉnh để báo tin hiệu. Khi tiếng súng trong thành phát ra mọi người leo thang đã đặt sẵn ở cửa Tiên để vào thành. Đến 2 giờ sáng Hương Thủy cùng toán quân của ông từ Hội An lên đến cửa Tả báo với xã Trị rằng ở Hội An do Lê Dương sợ hãi nên không phát triển được. Lập tức xã Trị phá hết thang và báo tin cho mọi người đang ở quanh thành hãy giải tán ai đi ngả nấy bỏ lại vũ khí và cờ. Đêm đó tôi lên đò về Phong Lệ, ném ấn, dấu “*Kinh lược Nam Ngãi*” xuống sông, theo lái buôn lên vùng Mọi ở Phú Túc theo đường núi Túc Loan” (*tài liệu số 42, hồ sơ 65530*). Ở phần khai thêm, Phan Thành Tài cho biết kế hoạch đã định liệu như sau: Tại Hội An, do Đốc Dương (tức Lê Đình Dương) chỉ huy, sẽ vận động các đồn lính tập nổi dậy, mục tiêu tấn công là tòa Công sứ và trại lính khổ xanh. Cuộc tấn công phải hoàn tất được trước 23 giờ đêm, sau đó lực lượng dân binh và số lính tập chiêu mộ được có trang bị vũ khí sẽ kéo lên phối hợp với lực lượng ở thành tỉnh nổi dậy vào 2 giờ sáng. Sau đó các lực lượng này sẽ cùng tiến lên phối hợp đánh chiếm các mục tiêu ở Đà Nẵng giống như ở Hội An. Nhưng tiếc thay, tất cả đã không thành. *Bản khai của Phan Thành Tài không đề cập gì đến cuộc tấn công và nổi dậy ở Tam Kỳ. Có lẽ ông không nắm được tình hình ở nơi đó.* Chỉ có một nhân chứng có tham gia vào cuộc nổi dậy ở Tam Kỳ là cụ Lương Đình Thự, có nhớ lại và khi bị bắt đã phải khai với quân thù một vài chi tiết, nhưng theo cách khai cung rất khéo léo, quanh co, chỉ khai những gì bất khả kháng. Cụ Lương Đình Thự là một thầy

giáo làng, đã tham gia nhiều cuộc đấu tranh yêu nước, và trong cuộc khởi nghĩa tháng 5.1916, theo kế hoạch, sau khi khởi nghĩa giành thắng lợi, cụ sẽ được bổ nhiệm làm Tri phủ Tam Kỳ, nhưng cụ đã từ chối, vì cho rằng mình không có hiểu biết “về việc cai trị”. Thuật lại về những hoạt động trong mấy ngày diễn ra khởi nghĩa ở Tam Kỳ, cụ kể như sau: “Đêm mùng 1 tháng Tư âm lịch - tức mùng 2 tháng 5 dương lịch - khi tôi đến nhà Xã Mới thì thấy Xã Vắn, các con của Hương Kiền và Xã Hai, - họ đều là dân Phú Vang. Xã Mới nói với tôi con của ông Xã Hoàn ở làng Chiên Đàn, đến và báo về phần Tú Kiên thì hoãn lại để chờ danh-Quỳnh đến hỏi ý kiến của Học Tài đến ngày quy định sẽ đưa người tới phân phát các chiếu chỉ cần thiết. Xã Mới còn nói với tôi có nghe Xã Hai đã tuyển mộ được một số người để tham gia vào cuộc nổi dậy. Tôi hỏi lại Xã Hai, ông ta trả lời không có, rồi tắt cả giải tán. Đêm đó tôi nghỉ trong một cái quán ở làng Khương Mỹ. Sáng hôm sau - ngày 3 tháng 5 dương lịch - tôi đang đi ở đó thì gặp Xã Mới, ông ta nói với tôi là vừa đến chỗ ông Tu ở Phú Hòa, tại đó đã nghe nói rõ ràng về mọi việc, rồi dẫn tôi đến nơi đã hẹn khi được tin Quỳnh đã trở về. Chiều tối, Xã Mới cho tôi biết là Quỳnh đã trở về, tôi đến ngay chỗ Quỳnh nhưng không thấy ai cả, ông nói với tôi là đã tuyển mộ được 20 người và đã chuyển cho Xã Hai để đưa đến Phú - Hòa, là nơi tổ chức cuộc tụ họp. Vì sự kiểm soát quá gắt gao chúng tôi không thể đi đến chỗ tụ họp được. Trong đêm tối mịt mùng, chúng tôi nghe được những tín hiệu về cuộc tấn công phủ đường và tòa đại lý. Và sáng hôm sau tôi âm thầm trở về nhà.

Tôi biết trong đêm qua, các bộ đồng phục, các chiếu chỉ ghi danh các người được bổ nhiệm, đã được ông Triết phân phát. Việc này do người anh của Quỳnh phụ trách cùng với những người đến từ nhà của Học Tài. Tôi không nhớ ai đã nhận chức vụ gì để điều khiển các đoàn người đó, cũng như danh xưng các chức vụ đó” (*tài liệu số 50, hồ sơ 65530*).

Rõ ràng, sau những lúng túng ban đầu trước lực lượng khởi nghĩa, thực dân Pháp huy động lực lượng nhanh chóng đàn áp phong trào nổi dậy tại Tam Kỳ. Chúng đã bắt được 31 nghĩa binh trong đó phần lớn là chỉ huy cốt cán gồm có Trần Huỳnh, Trầm Tùng Vân,

Trần Thu, Trần Khuê... Riêng ông Trần Ni thì không bị địch bắt, lánh về quê ngoại ở núi Đất tại Quảng Phú. Những người bị bắt, Pháp chuyển về nhà lao Hội An chiều ngày 6.5.1916. Trong nhà lao, Trần Huỳnh luôn luôn động viên các bạn chiến đấu giữ vững ý chí và khẳng khái nhận hết trách nhiệm về mình trước bọn mật thám Pháp. Sau khi rút lui trong đêm 3.5.1916, các đội nghĩa binh còn lại đã phân tán về các làng mình. Sáng hôm sau, bọn Pháp điều thêm quân từ Hội An đến và tiến hành việc lùng sục các tổng, các làng để vây bắt nghĩa binh. Một số nghĩa binh đã bỏ làng rút vào rừng để ẩn tránh. Sau nửa tháng trời, quân Pháp bắt bớ tràn lan trên 500 người đưa về phủ đường tra tấn. Nhân cơ hội này Từ Thiệp tìm cách bắt bớ, hành hạ nhân dân. Vợ con, thân nhân của những nghĩa binh bị bắt đều bị qui tội liên can và bị đóng gông giải về nhà lao phủ đường để tra hỏi. Cả những nho sĩ trước đây hay làm thơ đả kích bọn quan lại tham ô và cả những người giàu có ở địa phương cũng bị bắt để tống tiền. Đang giữa trưa hè trời nắng chang chang, bọn lính lệ trong phủ bắt những người này phải đeo gông tạ, quỳ trên gai sơ mít giữa sân để buộc họ hối lộ cho chúng. Hình thức tra tấn khổ sai này, ngày đó người ta gọi là “già hiệu” (lệnh mang gông). Tuy bị đàn áp dã man, nhưng các nghĩa binh và đồng bào ta vẫn vững vàng khí tiết trước đòn tra tấn của chúng.

Cuộc nổi dậy vũ trang đã xảy ra vào đêm 3.5.1916 tại phủ Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam là một thực tế lịch sử, là một cuộc khởi nghĩa với đầy đủ tính chất của nó do Việt Nam Quang phục hội lãnh đạo, đã để lại một dấu ấn sâu sắc trong truyền thống đấu tranh chống Pháp của nhân dân dân xứ Quảng (*Sau cuộc bạo động vũ trang này, vào cuối năm 1916, Tòa khâm sứ Trung Kỳ và triều đình Huế đã quyết định tách phần đất phía tây rộng lớn của phủ Tam Kỳ để thành lập huyện Tiên Phước, nhằm dễ bề kiểm soát và cai trị*).

Về nhân vật Quan Bố Nguyễn Hiền Dĩnh trong sự liên quan đến cuộc khởi nghĩa và địa danh Tam Kỳ

Hiện nay trong giới nghiên cứu sử học còn tồn tại một vấn đề về nhân vật Nguyễn Hiền Dĩnh. Vấn đề này đã được nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân tổng hợp và đăng trong cuốn *Kể chuyện ba vua*

Dục Đức - Thành Thái - Duy Tân, NXB. Thuận Hóa, Huế, 1999, trong bài: *Vì sao những nhà yêu nước Quảng Nam tham gia khởi nghĩa Duy Tân 1916 bị thực dân Pháp bắt sạch?* Tác giả Nguyễn Đắc Xuân cho rằng: Thủ phạm đem nộp danh sách các nhà yêu nước Quảng Nam tham gia khởi nghĩa Duy Tân năm 1916 chính là ông Tuần vũ Nguyễn Hiền Dĩnh, người làng An Quán.

Nguồn hồ sơ mới có tài liệu mang số 75, Hồ sơ 65530, là bản báo cáo số 119 ngày 1.6.1916 của Công sứ Quảng Nam, Lesterlin gửi cho Khâm sứ Trung Kỳ, đã nhắc đến “nhiệm vụ” hay “sứ mệnh” (nguyên văn tiếng Pháp là *mission*) của một nhân vật được gọi là **Quan Bố**. Các đoạn văn nói về nhiệm vụ của Quan Bố trong báo cáo này như sau: “Trong lúc đó có mấy cuộc lũng bắt - bốn cuộc khi xảy ra sự việc. Ngay từ hôm sau, **Quan Bố**, mà tôi đã phải gập vào ban đêm đến nhiều nơi vì tin vào những thông tin của Tòa Khâm sứ lấy được từ Quảng Ngãi, có sự giúp sức của Quan phủ, tôi đã biết được tên của các người đã tham gia cuộc bạo loạn, mà điều thú vị nhất là đã biết được tên những kẻ chủ mưu hoặc những kẻ tổ chức tấn công”; “Như tôi đã báo cáo phần trên, mặc dù có những việc xảy ra bất ngờ song việc trị an vẫn được giữ vững trong toàn xứ. Các cuộc tuần tiễu của lính khổ xanh đi cùng với các chánh tổng và các nha lại tiến hành có khi là tự phát vào các làng mà chính đó là những nơi cần phải đến. Đến bây giờ tôi có thể nói rằng các cuộc truy bắt đã thực hiện xong và **sứ mệnh của Quan Bố đã chấm dứt tại Tam Kỳ**”. Và sau đây là đoạn quan trọng nhất: “Cuộc điều tra lại tiếp tục. Việc khám phá quan trọng nhất là đã tìm thấy những bản gốc của “Tuyên bố với quốc dân” của Hội đồng cách mạng, các chiếu chỉ bổ nhiệm 17 quan chức của chế độ mới trong tỉnh. **Chúng ta ghi công đối với cựu quan lại - Quan Bố Nguyễn Hiền Dĩnh - nghỉ hưu ở làng An Quán - Điện Bàn về lòng trung thành và sự hiến thân của ông.** (Có thể được dịch như sau: “Việc đó, chúng ta nhờ vào lòng trung thành và sự tận tụy của một vị quan lại cũ, **Quan Bố chánh Nguyễn Hiền Dĩnh hưu trí ở An Quán - Điện Bàn**).

Tài liệu trên đây cho thấy, Quan Bố đã được Công sứ Lesterlin giao cho một nhiệm vụ gì đó, mà theo Công sứ nói trong bài là “đã

*phải gấp Quan Bó trong đêm đến nhiều nơi”. Và theo Công sứ thì các cuộc truy bắt đã thực hiện xong và **sứ mệnh của Quan Bó đã chấm dứt tại Tam Kỳ**. Cuối cùng thì Công sứ đã nêu rõ tên tuổi, chức vị của Quan Bó là “**một vị quan lại cũ, Quan Bó chánh Nguyễn Hiền Dĩnh hưu trí ở An Quán - Điện Bàn**”.*

Trong Hồ sơ 65530, có một tài liệu khác, là tài liệu số 50, đã được ghi như sau:

“Tam Kỳ, ngày 19 tháng Năm năm 1916

Quan Bó trong khi thực hiện nhiệm vụ

Gửi Ngài Công sứ Pháp tại Hội An

Tôi trân trọng gửi đến ngài bản khai cung của Lương Đình Thự kèm theo đây; bản khai trong cuộc hỏi cung vào ngày 17 tháng 5.1916”. Điều mà Công sứ Quảng Nam Lesterlin nói “**sứ mệnh của Quan Bó đã chấm dứt tại Tam Kỳ**” phải chăng chính là việc hỏi cung ông Lương Đình Thự diễn ra ở Tam Kỳ?

Cuối cùng, vẫn còn một chi tiết đáng lưu ý. Đó là sự việc sau đây mà Khâm sứ Trung Kỳ Charles đã báo cáo với Toàn quyền Đông Dương trong bản báo cáo trao tay ngày 9.5.1916 tại Huế. Trong báo cáo này, Charles cho biết: “Trần Cao Vân và các cộng sự với ông **đang tìm cách nối lại mối liên lạc với các quan lại đã về hưu** và nhất là tìm cách để các lính mộ của Quảng Nam và Quảng Ngãi nổi dậy ở các tiểu đoàn lính này. Họ đã thu được kết quả với sự tham gia của 2500 người trong 2 tiểu đoàn. Việc tuyên truyền đối với quan lại cũ không có kết quả mấy. **Một trong những người đó nhận việc với Trần Cao Vân nhưng đã cung cấp cho chúng tôi những tin tức**”. Phải chăng viên quan lại đã về hưu đã nhận việc với Trần Cao Vân nhưng lại đã cung cấp cho Pháp những tin tức, chính là Quan Bó Nguyễn Hiền Dĩnh. Đối chiếu với đoạn viết trong báo cáo của Công sứ Lesterlin về Nguyễn Hiền Dĩnh, suy đoán trên là rất có cơ sở, mặc dù Khâm sứ Trung Kỳ Charles không nêu đích danh ông ta.

Một vài điều kết luận

Cuộc khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân đặt trong tổng thể

của cả cuộc nổi dậy khắp Trung Kỳ năm 1916, dưới “ngọn cờ” vua Duy Tân đã thể hiện rõ những nét kiêu hùng, tinh thần quật khởi của người dân xứ Quảng nói chung và của nhân dân Tam Kỳ nói riêng. Bằng các tài liệu mới phát hiện được từ khuôn khổ đề tài này, đã hiện hiện lên những gương mặt sĩ phu tiêu biểu của đất Quảng lúc bấy giờ và vai trò của họ đối với cả xứ Trung Kỳ. Qua các nguồn tài liệu có được, chúng ta thấy rõ sự huy động lực lượng (theo chúng tôi chủ yếu là dân binh, các hưu quan, những người từng tham gia chống Pháp các cuộc khởi nghĩa trước đây) mà thiếu hẳn lực lượng công nhân, lực lượng lính tập, nhất là mối liên hệ với các “sĩ quan Đức” như các tài liệu lâu nay chúng ta có được. Tài liệu cũng cho ta thấy rõ hơn hành trạng của các nhân vật lâu nay ít được đề cập đến như Lâm Nhĩ, Đỗ Tự, Trần Huỳnh, Trần Ni, Lương Đình Thự, nhân vật Hương Thùy, nhất là nhân vật Hồng Lực, tức Tú Định, tức Nguyễn Khải là một người con của quê hương Tiên Phước, cũng là người yêu nước có những hoạt động khá phong phú mà hiện chưa được làm sáng tỏ; nhất là các cuộc họp quan trọng tại địa bàn Quảng Nam, Đà Nẵng có tính quyết định đến kế hoạch của cuộc khởi nghĩa... Tất cả các tài liệu có được, dù đã được phản ánh qua nhãn quan của mật thám Pháp song đều toát lên được tinh thần yêu nước, ý chí chống ngoại xâm, tính “nghĩa khí cương cường, hành động sáng tỏ”... của các sĩ phu và nhân dân đất Quảng nói chung và nhân dân Tam Kỳ nói riêng trong cuộc khởi nghĩa này

Về bài học lớn từ cuộc khởi nghĩa tháng 5.1916 nói chung và ở Tam Kỳ nói riêng, chúng tôi thấy cuộc khởi nghĩa tháng 5 năm 1916 đã để lại những bài học quý giá cho tiến trình cách mạng tương lai. *Bài học quý giá hàng đầu chính là bài học về tinh thần yêu nước và ý chí bất khuất, sẵn sàng hy sinh cho sự nghiệp thiêng liêng giành độc lập, tự do cho dân tộc.*

Suy xét về giai đoạn lịch sử cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, nhà văn hóa - nhà văn Nguyên Ngọc đã viết: “Mấy thập niên cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, do những tích tụ lâu dài, Quảng Nam đã là một trong những trung tâm sôi nổi và quần quai nhất của các cuộc vùng dậy và trăn trở tìm đường cứu nước, từ Nghĩa Hội Cần vương anh hùng và bi tráng của Trần Văn Dư và Nguyễn Duy Hiệu, cho đến

Duy tân hội của Phan Bội Châu thực ra từng được mưu tính tại trang trại của Tiểu La Nguyễn Thành, rồi phong trào Duy tân của “bộ ba Quảng Nam” đứng đầu là Phan Châu Trinh, sẽ làm rung chuyển cả Trung Kỳ, cả nước, vang dội đến cả bên “chính quốc”, và khởi nghĩa bất thành năm 1916 với danh nghĩa vua Duy Tân dù trừ định điểm nổ ra ở Huế, song các yếu nhân trong bộ tham mưu chủ chốt hầu hết là người Quảng Nam... Không gian và thời gian vào loại nóng bỏng và quan trọng nhất trong thời kỳ lịch sử cận đại của nước ta đã được nhiều tác giả nghiên cứu, phân tích, cắt nghĩa, song chắc chắn còn phải được công phu đào xới, nhận diện, lý giải, không chỉ đối với cả giai đoạn, với từng phong trào, mà cả từng nhân vật, đều đặc sắc và độc đáo như vẫn thường thấy trong những khúc quanh ngặt và gấp của lịch sử. Một Nguyễn Duy Hiệu, người có sự hy sinh vào hàng lắm liệt nhất trong những người anh hùng cận đại, còn chưa được ngay những nhà sử học hiểu biết và đánh giá đầy đủ (thậm chí ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đến nay còn chưa có được một con đường mang tên ông, cạnh những anh hùng chống Mỹ). Một Tiểu La, nhân vật nổi kết độc đáo giữa Cần vương và Duy tân (cả Duy tân hội Phan Bội Châu lẫn Duy tân Phan Châu Trinh), mà Phan Bội Châu tôn làm quân sư, có lẽ cũng chưa được đặt đúng vị trí trong nghiên cứu về thời kỳ chuyển động quan trọng này. Ngay cả với Phan Châu Trinh, từng được nói đến nhiều nhất, một luận văn mới đây của Lê Thị Hiền Minh ở đại học Canada bỗng soi sáng một khía cạnh bất ngờ và lại quan trọng đến mức gần như quyết định để thấu hiểu ông. Rồi Trần Cao Vân, Thái Phiên của khởi nghĩa 1916... Đây là mới kể những nhân vật “hàng đầu”. Còn những khuôn mặt lâu nay vẫn được coi là “hậu cảnh”, “thứ yếu”, có thật họ là thứ yếu không?”. (Trích lời giới thiệu cuốn *“Chỉ sĩ Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX”*, tác giả Ngô Văn Minh, NXB. Đà Nẵng, 2012, tr. 7-8...)

Cũng chính nhà văn hóa - nhà văn Nguyễn Ngọc đã tìm tòi, suy nghĩ và đã phải nhận ra sự thật khắc nghiệt về con đường cứu nước của cụ Phan Châu Trinh. Sách *Tìm hiểu con người xứ Quảng* do ông chủ biên, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam xuất bản tháng 10.2004, đã đưa ra nhận định như sau: “Sự thay đổi cơ bản ở Phan Châu Trinh trong trần trở suy tìm nguyên nhân mất nước và từ đó

khẳng định con đường cứu nước là sự “giác ngộ” to lớn này: sở dĩ chúng ta thua Pháp là vì chúng ta thua họ một thời đại. Muốn cứu nước, phải khắc phục chính cái khoảng cách về thời đại đó, phải tự thay đổi dân tộc, đưa dân tộc vượt lên hẳn một thời đại mới, để từ đó, trong cuộc đối đầu, độ sức với họ, giữa ta với họ là một đối thủ bình đẳng, ngang bằng với nhau về thời đại xã hội. Đây là một bước tiến vĩ đại, một cuộc cách mạng trong tư duy. Về ý nghĩa, nó đưa công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc chính thức bước sang thời kỳ hiện đại. Nó tạo nên một cơ sở văn hóa mới có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam...(Svd, tr.191)... Ngày nay nhìn lại, ta thấy phong trào duy tân hồi đầu thế kỷ với Quảng Nam là điểm xuất phát và trung tâm đã để lại cho chúng ta bài học sâu sắc về dân trí. Phan Châu Trinh được coi là bộ óc minh mẫn nhất của đất nước đầu thế kỷ XX vì ông là người đã nhận ra và đã diễn đạt một cách mãnh liệt và sáng rõ nhất vấn đề chìa khóa đó của vận mệnh dân tộc. Theo một cách nào đó, có thể nói, ông đã chủ trương và đã thực hiện một cuộc cách mạng bằng giáo dục.

Cuộc cách mạng đó còn dở dang “*Do những éo le của thời cuộc, lịch sử đã không đi theo con đường họ Phan đã sáng suốt lựa chọn. Các thế lực đế quốc, và cả tình thế quốc tế, đã buộc công cuộc giải phóng dân tộc của chúng ta phải sử dụng bạo lực cách mạng để giành lại độc lập và thống nhất. Nền độc lập dân tộc đã được trả giá bằng vô vàn hy sinh xương máu...*” (Svd, tr.204).

Cũng cùng chung nhận định như Nguyên Ngọc, trong cuốn sách của mình - cuốn “*Chí sĩ Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX*”, NXB. Đà Nẵng, 2012), tác giả Ngô Văn Minh phân tích về những suy tư, trăn trở của chí sĩ Lê Cơ để tham gia vào phong trào cứu nước sau thời gian bị tù ra. Tác giả viết: “Lê Cơ cùng các đồng chí của mình bị giam tại nhà lao Hội An suốt 3 năm. Cho đến năm 1911 mới được ra tù trở về quê nhà khi mà bao nhiêu thành quả từ công cuộc duy tân của ông và những người hằng tâm hằng sản trong làng đã bị quân Pháp phá hoại. Rồi quân Pháp chính thức đóng đồn ở Phú Lâm, sát ngay sau vườn nhà của ông để theo dõi mọi động tĩnh yêu nước còn nhen nhóm trong thân sĩ và nhân dân nơi đây. Khi Lê Cơ trở về thì mọi sự theo dõi của chúng đều chủ yếu tập trung vào

ông, hòng khuất phục, bắt ông phải chấp nhận cái cảnh quản thúc tại làng quê của mình. Nhưng vốn là người cương cường khí khái nên ông chẳng bao giờ chịu khom mình trước bọn sai lang cướp nước... Là con người hành động, Lê Cơ không thể ngồi im tại làng quê của mình trong khi đất nước đang bị thực dân giày xéo. Cuộc xin xâu khất thuế theo chủ trương của các ông chỉ diễn ra ôn hòa, dừng ở áp lực của quần chúng thôi và đối tượng tấn công cũng chỉ dừng ở các quan lại Nam triều chứ không trực tiếp đối với chính phủ thực dân nhằm giữ phong trào ở thể hợp pháp, thể mà bọn Pháp vẫn thẳng tay đàn áp bắt bớ thân sĩ, một số bị xử chém, phần đông bị tù đầy kẻ ra Côn Lôn người lên Lao Bảo, các cơ sở duy tân đều bị phá bỏ. Điều đó khiến cho Lê Cơ và các thân sĩ phải suy nghĩ lại biện pháp đấu tranh của mình. *Đã ôn hòa cũng bị đàn áp, vậy thì chi bằng phải dùng đến biện pháp đấu tranh kịch liệt, nhằm thẳng vào bọn thực dân, phải nổi dậy khởi nghĩa đòi lại lợi quyền dân tộc. Chỉ khi nào đuổi được kẻ cướp nước mới có thể tính đến những vấn đề dân sinh, dân chủ.*" (Svd, tr.186-187). Chính trên nhận thức mới như vậy, Lê Cơ đã gia nhập hàng ngũ những người chỉ huy tham gia vào cuộc khởi nghĩa tháng 5.1916, sát cánh cùng những đồng chí xứ Quảng như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phạm Thành Chương, Phan Thành Tài, Lê Đình Dương, Lâm Nhĩ, Đỗ Tự, Lê Cảnh Vận, Lê Châu Hàn...

Sự thật khắc nghiệt về con đường cứu nước của cụ Phan Châu Trinh và nhận thức mới của chí sĩ Lê Cơ chính là bài học quan trọng bậc nhất của cuộc khởi nghĩa tháng 5.1916 đối với cách mạng nước nhà: *Lúc mất nước thì phải lo đánh giặc, cứu nước, phải đứng về phía Tổ quốc và Nhân dân. Tuy công việc chưa thành, đời sau sẽ tiếp nối. Vua Duy Tân và các chí sĩ đã làm như vậy. Khi "nước bản thì lấy máu mà rửa". Các thế lực đế quốc, và cả tình thế quốc tế, đã buộc công cuộc giải phóng dân tộc của chúng ta phải sử dụng bạo lực cách mạng để giành lại độc lập và thống nhất. Nền độc lập dân tộc đã được trả giá bằng vô vàn hy sinh xương máu... Nhưng "Chỉ khi nào đuổi được kẻ cướp nước mới có thể tính đến những vấn đề dân chủ, dân sinh" ./.*

NTĐ

MƯU KHỞI TRUNG KỲ NĂM 1916 - CUỘC GẶP GỠ CỦA TINH THẦN YÊU NƯỚC VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

*ThS. HUỖNH BẢ LỘC**

Cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 tại Trung Kỳ không thành công, tuy nhiên nó đã để lại dấu ấn quan trọng trong quá trình tìm kiếm con đường cứu nước và kết hợp các lực lượng đấu tranh của dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX. Trong đó, từ lãnh đạo cho đến lực lượng tham gia, địa bàn phong trào... đều thể hiện một sự hợp lực rộng rãi, tinh thần dân tộc mạnh mẽ. Đặt phong trào trong toàn bộ cuộc vận động yêu nước, chúng ta có thể nhận ra vị trí của nó trong sự tiến triển về tinh thần cách mạng và sự đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp giải phóng.

1. Các nhóm lãnh đạo cuộc mưu khởi

Có thể thấy rằng cuộc mưu khởi đã quy tụ được các lực lượng chính: (1) Vua Duy Tân, đội ngũ quan lại, các chỉ huy quân sự của triều đình quân chủ; (2) Trần Cao Vân, một Nho sĩ có tính cách đấu tranh, tham gia phong trào vũ trang từ thời kỳ Cần vương; (3) Những cựu tù chính trị từ Côn Đảo là những sĩ phu yêu nước theo phong trào Duy tân, những người hấp thu tinh thần cách mạng mới; (4) Các thành viên của Việt Nam Quang phục hội (Thái Phiên và các đồng chí), một sự phát triển của phong trào Đông du với tôn chỉ hướng đến nền cộng hòa. Ngoài ra, lực lượng kết tập của cuộc mưu khởi còn có tính đặc biệt với sự liên kết giữa các chỉ huy quân sự trong binh lính triều đình với binh lính người Pháp, lính khổ đỏ, khổ xanh (thuộc Pháp), liên kết giữa sĩ phu Hán học với những thành tố mới trong trí thức tân học.

* Khoa Lịch sử, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG TP. HCM.

Người đầu tiên trong vai trò lãnh đạo tối cao của cuộc mưu khởi là vua Duy Tân, người đã đến với cuộc khởi nghĩa bằng ý chí và quyết tâm cứu nước ngay từ đầu. Vua đã chủ động lựa chọn phối hợp với lực lượng nghĩa quân. Ý định đó đã có ngay từ khi Vua ngồi lên ngai vàng thay vua cha Thành Thái. Điều này đã được nhiều nhà nghiên cứu làm rõ, đặc biệt qua các lời khai của những người như Tôn Thất Đền, Nguyễn Văn Siêu với thực dân Pháp trong công bố gần đây của các tác giả Nguyễn Trương Đàn, Lưu Anh Rô¹. Mặt khác, có thể lý giải thêm như nhận định của Huỳnh Thúc Kháng, vua Duy Tân đứng lên chống Pháp không chỉ vì tinh thần yêu nước, thương dân mà còn ở truyền thống gia đình. Từ việc làm của Pháp đối với vua Thành Thái, vua Duy Tân ngay từ sớm “đã không xem ngai vàng kia là của quý hơn cái nhục cha mình bị đày”².

Về phía nhóm lãnh đạo thuộc Việt Nam Quang phục hội, có Thái Phiên cùng Phan Hiên, là những người chịu trách nhiệm tiếp xúc ban đầu với các lực lượng phối hợp, đặc biệt là vai trò của Thái Phiên. Ngoài ra, Việt Nam Quang phục hội cũng có lực lượng yểm trợ từ Thái Lan. Thái Phiên là một người được biết đến từ sớm trong phong trào Đông du của Phan Bội Châu. Là người giữ vai trò kinh tài của phong trào sau Nguyễn Hàm và Đỗ Đăng Tuyển. Khi Duy Tân hội chuyển thành Việt Nam Quang phục hội, tuy không có tên trong Bộ chỉ huy nhưng Thái Phiên đã đóng vai trò quan trọng. Thái Phiên được nhìn nhận là người đã một mình gây dựng lại tổ chức và phong trào mới ở Trung kỳ. Phan Bội Châu đã nhận xét: “ông nhiệt tâm đại nghĩa có tài kinh tế (kinh bang tế thế - tác giả) và biện sự”³. Chúng ta cũng có thể tin rằng Bộ chỉ huy Việt Nam Quang phục hội hải ngoại cũng sẽ có nhiều ý kiến trao đổi, chỉ đạo cùng Thái Phiên trong quá trình bàn tính kế hoạch của cuộc mưu khởi. Trong khi đó, năm 1913, Trần Hữu Lực sang Thái Lan, tổ chức lực lượng “Việt kiều quang phục” và tìm cách đưa quân lực, vũ khí về nước. Có thể điều này nằm

¹ Nguyễn Trương Đàn (2014), *Vua Duy Tân 1916*, NXB. Văn học; Lưu Anh Rô (2016), Phát hiện mới về cuộc gặp giữa Thái Phiên và Trần Cao Vân với vua Duy Tân, *Tạp chí Non nước*, số 220, tháng 3.2016, Đà Nẵng.

² Huỳnh Thúc Kháng, “Cuộc khởi nghĩa Duy Tân”, *Huỳnh Thúc Kháng con người và thơ văn* (Nguyễn Q. Thắng tuyển chọn), NXB. Văn học, 2006, trang 678.

³ Phan Bội Châu (2000), *Tự phán*, NXB. Văn hóa Thông tin, TP. HCM, trang 211.

trong việc mưu tính một cuộc khởi nghĩa trên cả ba kỳ của Việt Nam Quang phục hội. Thời điểm này Lương Lập Nham cũng về Bắc Kỳ, Nguyễn Yêu Chiêu tìm về Nam Kỳ cùng hợp sức như “thầy là một kế hoạch làm cách mạng hiểm trù khôn”⁴.

Trong khi đó, Trần Cao Vân là một người rất nổi tiếng lúc bấy giờ trong vùng từ Quảng Nam đến Bình Định, Phú Yên. Cuộc đời hoạt động tranh đấu của ông có nhiều điểm đặc sắc. Từng đi nhiều vùng để kết giao, tìm bạn đồng chí, năm 1898, ông cùng Võ Trứ khởi nghĩa tại Phú Yên. Cuộc khởi nghĩa thất bại, Trần Cao Vân về Bình Định truyền bá thuyết *Trung Thiên dịch* (1900) gây ra lo lắng cho Pháp. Ông bị bắt và đến năm 1907 mới ra tù. Nhưng năm sau, Trần Cao Vân lại bị bắt vì nghi ngờ liên quan đến phong trào Duy tân. Ông bị đày ra Côn Đảo chung với những chí sĩ Duy tân và về lại đất liền năm 1913.

Sự kết tập ban đầu của cuộc mưu khởi còn chú ý đến những cựu tù chính trị khác từ Côn Đảo. Đó là những người như Lê Ngung, Trương Bá Huy, Nguyễn Sụy (Nguyễn Thụy), những yếu nhân tham gia phong trào Duy tân ở các địa phương. Như Nguyễn Sụy là bạn phong trào của Phạm Cao Châm, Nguyễn Tuyên, Lê Khiết trong phong trào Duy tân tại Quảng Ngãi; Trương Bá Huy là người nhiệt tình trong các phong trào của Huỳnh Thúc Kháng, Lê Bá Trinh, thường diễn thuyết tại các trường học ở Hà Lam, Phước Bình, Chiên Đàn, bị kết án cùng Huỳnh Thúc Kháng, Phan Thúc Duyện, Phan Châu Trinh, Lê Bá Trinh, Nguyễn Hàm. Những người này tinh thần yêu nước đã từng được chứng tỏ trong phong trào 1908, được rèn luyện, trưởng thành trong “trường học thiên nhiên” Côn Đảo.

2. Vai trò liên hiệp trong quá trình chuẩn bị khởi nghĩa

Như vậy, khi xem xét thành phần lực lượng của cuộc mưu khởi, ta không khởi ngạc nhiên vì sự liên hiệp của nó. Cho đến 10 năm đầu thế kỷ XX, tinh thần yêu nước và đấu tranh ở Việt Nam đã mang những đặc tính mới, xuất hiện nhiều tổ chức và cá nhân với các phương cách cứu nước khác nhau, thậm chí đối ngược nhau. Như chủ

⁴ Phan Bội Châu (200), *Sđd*, trang 200. Năm 1916, Trần Hữu Lực bị bắt ở Xiêm (sau tuần nghĩa ở Hà Nội), Lương Lập Nham bị bắt ở Hương Cảng.

trương dân chủ, công khai, ôn hòa của tinh thần phong trào Duy tân, chủ trương lập hiến, bí mật, bạo động của tinh thần Đông du. Ngoài ra là tinh thần đấu tranh của triều đình quân chủ và dấu ấn vũ trang kiểu Cần vương. Đến năm 1916, tất cả các khuynh hướng này tụ hội trong cuộc mưu khởi, tuy không nổ ra được nhưng đã để lại một dấu ấn quan trọng trong tiến trình phát triển của chủ nghĩa dân tộc ở Việt Nam.

Để hiểu được sự liên hiệp đó, trước hết phải trả lời câu hỏi: ai (nhóm nào) đã có vai trò lãnh đạo thực sự trong cuộc mưu khởi? Việt Nam Quang phục hội, vua Duy Tân hay Trần Cao Vân? Điều này trên thực tế đã được đề cập từ rất sớm dù không ai nghi ngờ gì về tinh thần yêu nước, đấu tranh và dám chấp nhận hy sinh của các nhà lãnh đạo. Năm 1936, Phan Khôi công khai bày tỏ quan điểm về vai trò của Thái Phiên trên tờ *Sông Hương*. Tuy nhiên, cho đến cuối thập niên 1950, sách *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp* vẫn viết: “Theo một số tài liệu, thì, cuộc âm mưu khởi nghĩa này còn có với Việt Nam Quang phục hội, như Hoàng Trọng Mậu được vua Duy Tân sắc phong làm Tổng tư lệnh; nhưng phần đóng góp của Việt Nam Quang phục hội vào việc này thì không được rõ ràng”⁵. Trong khi đó, Trần Cao Vân dường như được biết đến nhiều hơn trong nhận thức của quần chúng tham gia khởi nghĩa như tại Quảng Nam, Quảng Ngãi⁶.

Như đã nói, không ai nghi ngờ về tinh thần đấu tranh, uy tín, sức ảnh hưởng và vai trò của vua Duy Tân hay Trần Cao Vân trong cuộc mưu khởi. Ta cũng biết, ý chí cứu nước, tụ nghĩa của vua Duy Tân cũng đã bắt đầu từ trước với việc căn dặn Tôn Thất Đề tìm kiếm người tài năng, dũng cảm để chiêu nạp. Nhưng về quá trình xây dựng, tổ chức lực lượng cho cuộc mưu khởi, chúng ta biết rằng, chính Thái Phiên là người đã đóng vai trò quan trọng. Đã có một quá trình vận động ngay từ năm 1912. Trước đó, với vai trò phụ trách kinh tài cho Duy tân hội trong nước, Thái Phiên đã luôn tích cực liên hiệp đồng

⁵ Trần Huy Liệu (2003), *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp* (Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh), NXB. KHXH, Hà Nội, trang 205-206.

⁶ Có thể vai trò của Trần Cao Vân trong cuộc mưu khởi cũng được đề cập từ năm 1936. Đọc bài của Phan Khôi trên *Sông Hương*, ta biết đây chỉ là một bài trả lời lại trong một vấn đề được một số tờ báo quan tâm. Tuy nhiên, rất tiếc là tác giả chưa tiếp cận được các bài báo khác trong thời điểm này.

chí, vận động cách mạng. Thái Phiên cũng đã sớm đưa vào tổ chức một số thành viên trong triều đình. Như năm 1911 ông kết nạp được hai người, một người đang học trường Hậu bổ, một người làm bát phẩm bộ Công⁷. Thái Phiên có lẽ cũng đã trù tính những kế hoạch lớn. Chính vì vậy, năm 1913, Thái Phiên đã phái Trịnh Mai qua Hương Cảng gặp Phan Bội Châu nhờ hỗ trợ⁸, cùng lúc ông tiếp xúc các cựu tù chính trị vừa trở về từ Côn Đảo và mời họ tham gia tổ chức. Từ đó, Thái Phiên tìm cách bắt liên lạc với vua Duy Tân, cho lập nhiều thương quán rải rác ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, với mục đích “dĩ thương hợp quần”⁹. Ngoài ra, Thái Phiên cùng đồng chí của mình không ngừng cố gắng liên kết và xây dựng lực lượng tại các địa phương.

Như vậy, chính Việt Nam Quang phục hội, mà đại diện của nó, Thái Phiên là người giữ vai trò quan trọng ngay từ đầu. Ông cũng là người đã lựa chọn liên hiệp với những thành phần khác nhằm tạo điều kiện tổ chức một cuộc khởi nghĩa rộng lớn. Tinh thần đó mang tính rộng mở, thể hiện chủ nghĩa dân tộc mới mẻ ở Việt Nam. Trên tờ *Sóng Hương* năm 1936, Phan Khôi cho biết, một người đồng sự của Thái Phiên là Thông Hiên (Thông phán Hiên, Thái Phiên cũng được gọi là Thông Phiên), cũng là bạn đồng chí trong phong trào Đông du, đã đứng ra nhận tội thay Thái Phiên và bị bắt, bị đày Côn Đảo¹⁰. Sau này, năm 1914, có một người tên là Phan Hiên đã cùng với Thái Phiên liên lạc với Trần Cao Vân và những người trở về từ Côn Đảo¹¹. Có thể hai người này là một, khi Phan Hiên ra Côn Đảo cùng lúc với những yếu nhân của phong trào đấu tranh của những năm 1904-1908, ông đã quen biết những người như Trần Cao Vân, Nguyễn Thụy, Lê Ngung, Trương Bá Huy. Vì vậy, khi trở về đất liền, với cơ sở đó,

⁷ Phan Khôi (1936), “Địa vị của Thái Phiên và Trần Cao Vân trong cuộc biến ở Huế năm 1916”, *Phan Khôi tác phẩm đăng báo 1936* (Lại Nguyên Ân sưu tầm và biên soạn), NXB. Tri thức, Hà Nội, trang 102.

⁸ Nguyễn Sinh Duy (2013), “Thái Phiên và cuộc Duy Tân khởi nghĩa 1916”, *Quảng Nam những vấn đề lịch sử*, NXB. Văn học, TP. HCM, trang 187.

⁹ Nguyễn Sinh Duy (2013), *Sđd*, trang 189.

¹⁰ Phan Khôi (1936), *Sđd*, trang 101.

¹¹ Nguyễn Q. Thắng (2005), *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước*, NXB. Tổng hợp TP. HCM, trang 578.

Phan Hiên đã cùng với Thái Phiên bắt liên lạc và mời các yếu nhân này tham gia phong trào của Việt Nam Quang phục hội¹².

3. Sự gặp gỡ trên tinh thần của chủ nghĩa dân tộc

Tìm đến Trần Cao Vân, Thái Phiên cần một người dày dặn kinh nghiệm trong tranh đấu yêu nước, đã trải qua thời gian hoạt động với nhiều vị trí khác nhau. Về phần mình, với tài năng Nho học, số, lý, hóa, pháp, Trần Cao Vân đã tạo nên hình ảnh của một người có khả năng “cứu nhân độ thế”, thu hút sự ủng hộ của đông đảo quần chúng. Ngoài ra, với việc tham gia các phong trào đấu tranh từ Cần vương đến Duy tân, Đông du, rồi hai lần bị tù tội, bị đày Côn Đảo, Trần Cao Vân đã xây dựng được uy tín, sự ảnh hưởng lớn trong đội ngũ những người yêu nước lúc bấy giờ, ông cũng trở thành một người có vai trò như thủ lĩnh “tinh thần” trong quần chúng. Trần Cao Vân là người vừa có đủ khả năng quyền biến, quân sư phối hợp trong cuộc khởi nghĩa, vừa là người có đủ khả năng và uy tín để quy tập lực lượng, đặc biệt là sự ủng hộ, tin tưởng của quần chúng.

Với Trần Cao Vân, nghĩa quân đã liên lạc với Nguyễn Văn Siêu (Đội Siêu), thị vệ hoàng cung. Ông này cho biết rằng mình đã biết đến Trần Cao Vân khi làm Suất đội ở Quảng Nam. Năm 1914, ông được thăng chức suất đội rồi Chánh đội An Ty ở Kỳ Cô của Vệ thân binh. Một người khác, Quan đề Phú (biết Trần Cao Vân khi làm lãnh binh Quảng Nam) đã cùng Trần Cao Vân tìm gặp Nguyễn Văn Siêu ở Huế để bàn việc lớn. Từ đó, Nguyễn Văn Siêu đã trở thành cầu nối giữa Trần Cao Vân và vua Duy Tân thông qua Tôn Thất Đức.

Trong khi đó, những sĩ phu, cựu tù chính trị Côn Đảo là những người cùng một thế hệ với Thái Phiên, mang trong mình hoài bão cứu nước theo những phương hướng mới. Trước đây, bằng nhiều cách khác nhau họ đã tham gia tích cực vào cuộc vận động giải phóng, duy tân dưới ảnh hưởng của hai tinh thần lớn “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” và “khai dân trí, thụ nhân tài”. Sự gặp gỡ cho thấy rằng khi mục đích cứu nước được xác lập, chủ nghĩa dân tộc hình thành và

¹² Các tư liệu đã chứng minh rằng Thái Phiên đã chủ động bắt liên lạc với Trần Cao Vân và nhóm cựu tù chính trị Côn Đảo. Riêng về vai trò của Phan Hiên, điều này còn cần tìm kiếm thêm tư liệu liên quan để củng cố hơn nhận định, đặc biệt là tư liệu về thân thế của Phan Hiên hay về tổ chức Việt Nam Quang phục hội tại Trung Kỳ.

phát triển, những con người có sự khác biệt về tính cách, địa vị, thân phận, phương pháp hoạt động, thậm chí quan điểm chính trị vẫn có thể kết hợp cùng nhau khi đối diện với chế độ thuộc địa. Hơn ai hết, họ sẽ là những người mà một cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội cần đến. Ngoài ra, sự ảnh hưởng của phong trào Duy tân trước đây trong nhân dân sẽ lại tiếp tục được đẩy lên với những lãnh tụ cũ của nó.

Sự kết hợp này là một điều đặc biệt, và cũng là sự phát triển trong phong trào cách mạng Việt Nam. Nếu trước đây, phe “minh xã” của Phan Châu Trinh và phe “ám xã” của Phan Bội Châu đã từng công kích nhau, họ chỉ “gặp” được nhau khi cùng lên máy chém hoặc cùng ra Côn Đảo vào thời điểm 1908. Giờ đây, qua những biến động, họ đã tìm đến nhau trong một điều kiện mới, cùng hướng đến một cuộc khởi nghĩa mang tính chất quốc gia rộng rãi. Tại đại hội thứ hai tại Cầu Cháy, Ủy ban khởi nghĩa được thành lập gồm Thái Phiên (chủ tịch), Trần Cao Vân (quân sự), Phan Thành Tài, Đỗ Tự, Lê Ngung...

Một điểm đáng chú ý là lúc bấy giờ Việt Nam Quang phục hội đã chuyển hướng theo tính chất cộng hòa. Cường Để đã không còn được xem như người sẽ kế vị ngai vàng nếu phong trào thành công. Phan Bội Châu đã xác nhận tôn chỉ của Hội là: “Khôi phục Việt Nam, kiến lập Việt Nam Cộng hòa dân quốc, ấy là tôn chỉ độc nhất của bản hội”¹³. Trong trường hợp đó, Thái Phiên cùng các đồng chí tại Trung Kỳ lại tìm kiếm mối liên hệ với vua Duy Tân và mời vua tham gia khởi nghĩa với vai trò lãnh đạo cao nhất. Chắc chắn điều này đã nhận được những nhìn nhận, phản ứng khác nhau từ các thành viên của Hội, đặc biệt là nhóm lãnh đạo của Hội ở hải ngoại. Nhưng họ đồng ý và ủng hộ tài chính, vũ khí cho cuộc mưu khởi, nghĩa là đồng ý với vai trò của vua Duy Tân.

Có thể nói, mong muốn liên hiệp cùng vua Duy Tân trong khởi nghĩa xuất phát từ Thái Phiên và Trần Cao Vân. Trần Cao Vân, người đóng vai trò quân sự cho biết, trong một bàn luận với ông, Thái Phiên bày tỏ: “Tôi có nghe nói, cách đây hai năm, Hoàng thượng của chúng ta phàn nàn việc chính phủ bảo hộ đã hạn chế rất nhiều quyền lực của

¹³ Phan Bội Châu (2000), *Sdd*, trang 178.

ngài. Làm sao có cách liên lạc để chúng ta tâu lên Hoàng thượng những kế hoạch của mình”¹⁴. Điều này có nghĩa là Thái Phiên muốn nhân thái độ và mối quan hệ không tốt của vua Duy Tân với Pháp để trợ lực cho cuộc khởi nghĩa. Trong khi đó, theo Trần Cao Vân, việc mời vua Duy Tân tham gia còn là vì: “Chúng ta mong có sự đồng thuận của Hoàng thượng, để họ không gọi chúng ta là quân nổi loạn”¹⁵. Cũng lúc này, Trần Cao Vân nêu lên năm điều hệ trọng liên quan đến cuộc khởi nghĩa. Trong đó có vấn đề thái độ đối với hệ thống quan lại nhà Nguyễn, chính phủ mới, người châu Âu, Nho giáo, Thiên chúa giáo, mối quan hệ với dân chúng.

Trong lời khai của mình, Thái Phiên cũng cho biết: “Tôi có nói với ông Trần Cao Vân rằng, Đức Vua rất thông minh, nhưng Ngai không có quyền hành, nên từ lâu Ngai đã tỏ ra bất bình vì việc đó. Bây giờ có nhiều tin tốt lành từ bên ngoài, nhưng làm thế nào để báo cho Ngai biết, ngõ hầu chúng ta có thể tập hợp được mọi người? Ông Trần Cao Vân bảo tôi, lần trước học trò của ông cho biết Đức Vua rất muốn nước nhà được độc lập. Bây giờ, có lẽ ông ta phải đi Huế để có được những thông tin chính xác hơn. Khi trở về Đà Nẵng, ông cho tôi hay rằng, ông tìm được ở Huế một viên chức cung đình chịu đảm trách việc làm trung gian để liên lạc với nhà Vua”¹⁶.

Như vậy, Việt Nam Quang phục hội đã tìm đến vua Duy Tân vì còn tin vào uy tín với nhân dân và tin vào tinh thần chống Pháp của vị vua trẻ. Chính vì vậy, họ đã cùng chấp nhận một giải pháp khởi nghĩa có sự tham gia của vua Duy Tân, coi đó như là một điều kiện để dẫn đến sự thành công. Về ý của vua Duy Tân, Nguyễn Văn Siêu cho biết sự trao đổi giữa Trần Cao Vân với Vua: “những người khởi nghĩa muốn chiếm lại vương quyền và thành lập nền cộng hòa, nhưng ý của ông ấy (Trần Cao Vân - tác giả) là muốn tái lập quyền lực tuyệt đối của nhà Vua và chỉ có Vua là lãnh đạo tối cao”¹⁷. Khi ý định này được chuyển đến vua Duy Tân, Vua trả lời: “Trẫm cũng nghĩ như các khanh!” và gửi Trần Cao Vân. Vua Duy Tân đã theo sát quá trình

¹⁴ Lưu Anh Rô (2016), *Sdd.*

¹⁵ Lưu Anh Rô (2016), *Sdd.*

¹⁶ Lưu Anh Rô (2016), *Sdd.*

¹⁷ Lưu Anh Rô (2016), *Sdd.*

chuẩn bị khởi nghĩa, Vua bí mật ban hành chiếu chỉ, cử người liên lạc trực tiếp, các giấy tờ liên quan đến khởi nghĩa được Vua chấp thuận đóng ấn “Văn lý - Mật sát”, nhờ vậy, lòng dân tin tưởng, hăng hái, sôi nổi. Lá thư của Trần Cao Vân gửi vua Duy Tân còn cho biết có người muốn xây dựng nền cộng hòa sau cách mạng nhưng cuối cùng cũng ủng hộ Vua Duy Tân trong cuộc mưu khởi. Điều này chắc chắn vì hai lẽ: vua Duy Tân được tin tưởng, và mục đích tối hậu của khởi nghĩa - giải phóng, độc lập dân tộc.

Quá trình kết hợp đó đã tạo ra một đội ngũ lãnh đạo và lực lượng ủng hộ nghĩa đa dạng trong cuộc mưu khởi năm 1916. Sự thật rằng cuộc mưu khởi thất bại. Nhưng nếu thành công, Việt Nam có lẽ sẽ trở thành một quốc gia điển hình trong sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc ở châu Á, nơi liên hiệp giữa các giai cấp, tầng lớp, giữa các chủ trương chính trị - cách mạng, giữa quân sự với quần chúng, giữa giới cựu trào lẫn tân trào.

Từ đầu thế kỷ XX, tinh thần yêu nước ở Việt Nam được bồi đắp bởi chủ nghĩa dân tộc. Trong đó, sĩ phu cấp tiến là thế hệ đầu tiên mang đến những thuật ngữ quan trọng như “quốc gia”, “quốc dân”. Cũng thời điểm đó, từ bài thơ *Lương ngọc danh sơn phú* (1905), từ những lời kêu gọi trên các tờ báo của phong trào Minh tân, người Việt đã gọi nhau là “đồng bào” trong phong trào chống thuế ở Trung Kỳ. Dần dần, các phong trào đấu tranh cho thấy rằng chính chủ nghĩa dân tộc mới mẻ này là động lực quan trọng nhất trong quá trình vận động, tập hợp lực lượng để hướng đến độc lập, tự do. Vào những năm 1920, nó sẽ được định hình một cách rõ nét và trở thành tâm điểm của mọi vấn đề chính trị ở Việt Nam. Nhưng với cuộc mưu khởi năm 1916 ở Trung Kỳ, tinh thần này đã cho thấy vai trò liên hiệp của nó, trước hết là ở việc liên hiệp các cá nhân, nhóm lãnh đạo thuộc các khuynh hướng khác nhau. Và vì vậy, lực lượng được tập hợp của cuộc mưu khởi đã bao gồm nhiều bộ phận và nhiều địa phương khác nhau, từ Cần vương đến chí sĩ Duy tân, Đông du (Việt Nam Quang phục hội) và phú hào, lý trưởng, quan lại, quần chúng nhân dân./

HBL

KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI - BỨC TRANH PHẢN CHIẾU VỀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

TS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH*

Khi phong trào “chống thuế”, “xin râu” do các thủ lĩnh Duy tân hội lãnh đạo nổ ra ở các tỉnh Trung Kỳ mà tiêu biểu là Quảng Nam, Quảng Ngãi vừa dứt, chưa kịp nguôi lắng sau sự đàn áp đẫm máu của thực dân Pháp thì chính tại mảnh đất Trung kỳ này, một cuộc khởi nghĩa mới mang tên gọi khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội lại được nhen nhóm và thổi bùng lên mạnh mẽ. Một lần nữa, lòng yêu nước thiết tha, bản lĩnh và ý chí quật cường của con người Việt, đặc biệt là của các chí sĩ yêu nước và nhân dân miền đất Nam Trung Bộ lại được trỗi dậy và trau luyện qua thử thách. Điều đáng nói, cuộc khởi nghĩa rộng lớn, quyết liệt này vừa là sự tiếp nối những phong trào đấu tranh tiêu biểu trước đó, vừa có những đặc trưng riêng mang âm hưởng của thời đại mới trong bối cảnh khu vực và quốc tế đang không ngừng biến chuyển, đổi thay. Vì vậy, lần lại cuộc khởi nghĩa này, chúng ta sẽ thấy ở đó một bức tranh phản chiếu khá trọn vẹn về một thời kì quá độ của nền cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX mà vừa mang đặc trưng của thời kỳ trước đó, vừa chứa đựng những dấu ấn riêng ảnh hưởng đến thời kỳ lịch sử về sau.

1. Cuộc khởi nghĩa diễn ra trong bối cảnh giao thời của lịch sử dân tộc

Có thể nói, những diễn tiến của lịch sử dân tộc Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX chịu ảnh hưởng sâu sắc của bối cảnh khu vực, quốc tế lúc bấy giờ, đặc biệt là chịu tác động trực tiếp từ những biến động quan trọng diễn ra ở hai nước lớn trong khu vực châu Á: Trung Quốc và Nhật Bản.

* Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Vào nửa sau thế kỷ XIX, từ năm 1868, thời kỳ Minh Trị (Meiji) ở Nhật Bản bắt đầu. Thời kỳ này là thời kỳ đổi mới của Nhật Bản với việc tiến hành thử nghiệm nền chính trị thực dụng để tái định nghĩa thể chế Hoàng Đế (nền chuyên chế của Thiên hoàng) trên cơ sở liên minh quý tộc - tư sản nhằm lật đổ chính quyền Mạc phủ. Từ một quốc gia có nguy cơ bị biến thành dân tộc nô lệ như nhiều nước khác ở Đông Á, sự thành công của cải cách Minh Trị đã đưa Nhật Bản phát triển nền công nghiệp, thương nghiệp, từng bước trở thành một đất nước giàu mạnh, duy trì được cân cân quyền lực với các thế lực thực dân phương Tây, bảo vệ được chủ quyền dân tộc cùng lợi ích quốc gia, thậm chí đưa nước này trở thành một cường quốc quân sự sau khi đánh bại nhà Thanh trong cuộc chiến Giáp Ngọ (1894-1895) và thắng lợi trước Hải quân Hoàng gia Nga năm 1905. Thành công ấy đặt trong bối cảnh lịch sử châu Á thời bấy giờ có thể xem “là một hiện tượng dị biệt, là mẫu hình tiêu biểu của phong trào cải cách châu Á những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX”¹.

Nếu như những sự kiện xảy ra ở Nhật Bản vào những năm 1860-1870 (một cuộc cách mạng tư sản không triệt để và “thời kỳ Minh Trị” được xem là thời kỳ quá độ từ chế độ phong kiến sang chủ nghĩa tư bản tại đất nước này) là sự kiện quan trọng bậc nhất trong khu vực có ảnh hưởng sâu sắc đến Việt Nam ở cuối thế kỷ XIX, thì bước sang đầu thế kỷ XX, cuộc cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc (1911) lại là sự kiện bên ngoài để lại ảnh hưởng to lớn hơn cả. Đây là cuộc cách mạng dân chủ tư sản, do những người trí thức cấp tiến trong giai cấp tư sản và tiểu tư sản lãnh đạo nhằm lật đổ triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại lâu đời ở Trung Quốc, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

Rõ ràng, trong khu vực Đông Á lúc bấy giờ, chế độ phong kiến đã trở nên bảo thủ, lỗi thời và chế độ tư bản chủ nghĩa đã, đang là một xu thế mới để hướng tới.

¹ Nguyễn Văn Kim, *Cải cách Minh Trị ở Nhật Bản (1868-1912)*; trong: Vũ Dương Ninh (Cb), *Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á giữa thế kỷ XIX- đầu thế kỷ XX*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 2007, tr 50-51.

Ở Việt Nam, sự lỗi thời, thậm chí là bất lực của hệ tư tưởng phong kiến cũng đang ngày càng bộc lộ rõ nét. Thất bại của phong trào Cần vương cuối thế kỷ XIX (1885-1896), một phong trào đấu tranh vũ trang do Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết phát động đã minh chứng sinh động cho sự bất lực của hệ tư tưởng phong kiến trong việc giải quyết nhiệm vụ giành độc lập dân tộc do lịch sử đặt ra. Bước sang đầu thế kỷ XX, khi thực dân Pháp đang tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Đông Dương thì trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây cũng truyền bá vào Việt Nam. Thông qua các tân thư, tân văn Trung Quốc, các học thuyết về nhân quyền và dân quyền của Rousseau, Montesquieu, Voltaire..., đến với các sĩ phu yêu nước Việt Nam đang khao khát tìm kiếm một con đường cứu nước mới. Tân thư, tân văn cùng với ảnh hưởng của công cuộc duy tân ở Nhật Bản, phong trào cách mạng dân chủ tư sản ở Trung Quốc đã thực sự như một luồng gió mới làm nảy sinh tính chất dân chủ tư sản trong phong trào yêu nước và cách mạng do chính các sĩ phu phong kiến tiên bộ lãnh đạo.

Rõ ràng, hệ tư tưởng dân chủ tư sản đang dần thấm thấu vào Việt Nam đầu thế kỷ XX và được hiện thực hóa trong thực tiễn cách mạng. Song, một điều không thể phủ nhận rằng, lúc bấy giờ, hệ tư tưởng ấy đã được thâm nhập vào nước ta trong một bối cảnh lịch sử vô cùng đặc biệt: Thứ nhất, những yếu tố tích cực trong tư tưởng của các nhà khai sáng Pháp dường như đã bị phai nhạt, bào mòn qua các “Tân thư”, “Tân văn” của Trung Quốc, đặc biệt là qua chủ nghĩa bảo hoàng của Lương Khải Siêu. Thứ hai, nó thâm nhập vào đất Việt khi tại đây đang thiếu đi cơ sở xã hội quan trọng. Đó là giai cấp tư sản Việt Nam chưa được hình thành và ngay từ buổi đầu đã bộc lộ sự yếu hèn của mình và do đó, đối tượng tiếp nhận, thực thi hệ tư tưởng dân chủ tư sản ở Việt Nam chỉ có thể là các tri thức Nho học yêu nước vốn mang trong mình ảnh hưởng sâu sắc của hệ tư tưởng phong kiến. Trong khi đó, nhìn lại nhân dân Việt Nam mà nông dân chiếm đa số lại kiên cường, bất khuất, quyết chiến quyết thắng kẻ thù chứ không chịu chấp nhận chủ nghĩa cải lương tư sản dưới bất kỳ hình thức nào. Do vậy, dù ở Việt Nam lúc này, so sánh với hệ tư tưởng phong kiến,

hệ tư tưởng dân chủ tư sản đã là một bước tiến, song hệ tư tưởng dân chủ tư sản ấy dưới bàn tay, khối óc của những nhà Nho yêu nước đã không thể khắc phục triệt để hạn chế của hệ tư tưởng phong kiến, không thể giải quyết đúng đắn các vấn đề cơ bản của đường lối cách mạng có liên quan đến nhận thức về đối tượng cách mạng, lực lượng cách mạng, mục tiêu, phương pháp và con đường tiến lên của cách mạng. Vì vậy, tuy hệ tư tưởng dân chủ tư sản ở Việt Nam bấy giờ được xem là nhân tố mới nhưng nó chưa đoạn tuyệt hẳn với cái cũ, *chưa dứt khoát từ bỏ chế độ quân chủ* cũng như các thói quen về mối liên hệ giữa một ông vua với các “tôi thần” (mandarins), với “thần dân” (subjects). Chính sự “lưng chừng” ấy đã làm nên tính chất “giao thoa” “quá độ” của phong trào cách mạng Việt Nam lúc này và cũng là bước tạo đà chuẩn bị những điều kiện bên trong cho dân tộc Việt Nam đi tìm và rồi tiếp thu hệ tư tưởng khoa học, cách mạng hơn của thời đại khi mà xét trên bình diện thế giới, cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và thuộc địa thậm chí đã đi vào phạm trù cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2. Lực lượng lãnh đạo đặc biệt

Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội năm 1916 diễn ra ở các tỉnh Trung Kỳ từ Quảng Trị cho đến Bình Định do Thái Phiên lãnh đạo cùng với sự tham gia của Trần Cao Vân và vua Duy Tân. Bấy giờ, dù vừa nếm trải sự đàn áp đẫm máu của thực dân Pháp sau phong trào chống sưu thuế năm 1908 ở Trung Kỳ song nhân dân và sĩ phu yêu nước ở Trung Kỳ vẫn giữ vững nhiệt tình yêu nước, chờ cơ hội vùng dậy. Từ năm 1909, các nhân sĩ Trung Kỳ tìm cách bắt liên lạc với Thái Phiên - một yếu nhân của Duy tân hội trước đây và là người được Phan Bội Châu tin cậy, để bàn kế hoạch tiếp tục đứng lên chống Pháp. Đến hè năm 1912, ngay sau sự thành lập của Việt Nam Quang phục hội (越南光復會) một tổ chức cách mạng do Phan Bội Châu đề xướng theo chủ nghĩa dân chủ, với mục đích đánh đuổi người Pháp, *khôi phục Việt Nam, kiến lập Việt Nam Dân Quốc* (越南民國), thì Võ Quán (một ủy viên của tổ chức Việt Nam

Quang phục hội) đã về Trung Kỳ phổ biến chương trình hành động hội và xúc tiến xây dựng tổ chức tại nơi đây. Được sự ủng hộ của đông đảo các sĩ phu yêu nước tiến bộ Quảng Nam - Quảng Ngãi, Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ đã được thành lập sau đó dưới sự lãnh đạo là Thái Phiên, Trần Cao Vân (Quảng Nam), Lê Ngung, Nguyễn Thụy (Quảng Ngãi). Sự thành lập Kỳ bộ năm 1912 đã minh chứng cho quyết tâm *lựa chọn con đường cách mạng dân chủ tư sản* để đi của các sĩ phu yêu nước tiến bộ Trung Kỳ lúc này. Và cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916 chính là sản phẩm của đường lối cách mạng dân chủ tư sản ấy. Hay nói cách khác, từ năm 1912, phong trào cách mạng nơi đây đã thực sự chuyển sang giai đoạn *quá độ* do các sĩ phu tư sản hóa lãnh đạo.

Trong bối cảnh giao thời của xã hội Việt Nam, khi các giai cấp và tầng lớp mới mà trước hết là hai giai cấp tư sản và vô sản đang trong quá trình hình thành, chưa bước lên vũ đài chính trị, khi giai cấp tiểu tư sản thành thị tuy đã ra đời cùng với sự mở mang các đô thị và bộ máy hành chính, sự nghiệp của chính quyền thực dân nhưng vẫn không có khả năng lãnh đạo cách mạng vì đang là một giai cấp trung gian, phức tạp, không có hệ tư tưởng riêng, thì sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng Việt Nam đã thuộc về bộ phận có tinh thần yêu nước và tiến bộ trong tầng lớp trí thức Nho học. Có thể nói, xét trong bối cảnh dân tộc đầu thế kỷ XX, không ai khác, chính bộ phận này của tầng lớp trí thức Nho học là những người có khả năng nhất trong việc nuôi dưỡng tinh thần yêu nước của nhân dân, tố cáo tội ác của giặc, tiếp thu tư tưởng mới, đưa ra đường lối cứu nước...

Như vậy, đứng trước sự khủng hoảng về ngọn cờ lãnh đạo cách mạng, những trí thức Nho học yêu nước đã “tự giác” đón nhận sứ mệnh mà lịch sử trao truyền cho họ trong buổi giao thời nhiều biến động. Trong số tầng lớp trí thức Nho học có vai trò quan trọng trong cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội 1916, không thể không kể đến những tấm gương tiêu biểu như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài (Quảng Nam), Phạm Cao Châm, Nguyễn Thụy, Trần Kỳ Phong, Lê Ngung, Nguyễn Diễn, Lê Tựu Khiết, Bùi Phụ Thiệu, Nguyễn Công Mậu (Quảng Ngãi).... Họ mang trong mình truyền

thống yêu nước của dân tộc. Họ được học hành, biết chữ Hán, do đó có khả năng tiếp xúc, hấp thu các luồng tư tưởng mới qua Tân thư, Tân văn bằng chữ Hán từ Trung Quốc vào. Tuy nhiên, vì được đào tạo trong nhà trường Nho học cũ kỹ, tri thức của họ không thể theo kịp thời đại. Và cũng chính vì chỉ có thể tiếp xúc với các tư tưởng mới qua các sách báo Trung Quốc nên tư tưởng dân chủ tư sản của phương Tây khi tác động đến họ đã bị “khúc xạ” qua lăng kính chủ quan của các tác giả và các dịch giả Trung Quốc. Đó cũng chính là căn nguyên lý giải vì sao khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội diễn ra dưới ngọn cờ dân chủ tư sản nhưng lại là *dân chủ không triệt để, dân chủ mang tính nửa vời*.

Tính chất nửa vời ấy cũng thể hiện ngay trong thành phần lãnh đạo cuộc khởi nghĩa. Bên cạnh đại diện các tri thức yêu nước như Thái Phiên, Trần Cao Vân thì chúng ta phải kể đến vai trò rất quan trọng của vua Duy Tân nhà Nguyễn. Nếu như Phan Bội Châu khi thành lập Việt Nam Quang phục hội năm 1912, dù thay đổi tôn chỉ nhưng vẫn duy trì Kỳ Ngoại hầu Cường Để trong vai trò chủ tịch, thì Thái Phiên, Trần Cao Vân khi vạch định kế hoạch khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội ở Nam Trung Kỳ 1916 cũng đã tìm mọi cách để mời cho được vua Duy Tân tham gia khởi sự. Duy trì vai trò của một vị quân vương trong phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản như thế là bởi hơn ai hết, các tri thức yêu nước lúc bấy giờ nhận chân rõ nét rằng: Trong bối cảnh Việt Nam đương thời, cái ý thức “tôn vương nhường di” (kính vua khinh giặc) của nhân dân vẫn rất cao. Một ông vua có thể bị mất ngôi, mất nước nhưng ngôi vua vẫn tượng trưng cho nước, vẫn là ngọn cờ quy tụ nhân dân. Sức mạnh tập hợp, thống nhất nhân quần của ngôi vua bắt nguồn từ thuyết Thiên mệnh của Nho gia (nước là của Trời giao cho vua, mà dân cũng là của Trời giao cho vua) vẫn còn in đậm dấu ấn trong tiềm thức của các tri thức yêu nước cũng như trong quần chúng nhân dân bao đời nay vốn quen sống thuận theo cái nghĩa trung quân ái quốc. Chỉ có điều, ông vua có sức mạnh quy tụ lòng dân ấy lúc này phải là một ông vua có tác lòng yêu nước để dung hòa Ái quốc (đánh đuổi giặc Pháp, cứu nước khỏi vòng nô lệ) và Trung quân làm một. Vua Duy Tân đã

được Ủy ban khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội chọn để đứng trong hàng ngũ lãnh đạo cuộc Khởi nghĩa cũng chính vì lẽ đó.

Sau khi phế truất vua Thành Thái do vị vua này tỏ thái độ chống Pháp quyết liệt, thực dân Pháp đã đưa Vĩnh San (tức vua Duy Tân) mới 7 tuổi lên kế vị với mong muốn biến Duy Tân thành tay sai đắc lực nhằm dễ bề sai khiến. Song, thực tế thì, ngay sau lễ tôn vương (5.9.1907), vua Duy Tân đã thể hiện đậm nét khí chất khác thường và bộc lộ rõ thái độ chống Pháp đầy tự tin, dứt khoát. Ý chí chống Pháp từ thừa nhỏ được tôi rèn, thôi thúc theo thời gian trong con người nhà vua và như một hệ quả tất yếu, cuối cùng vua Duy Tân đã quyết định tham gia cuộc khởi nghĩa năm 1916 khi thời cơ đến mà không hề do dự. Vào cuối năm 1916, Duy Tân đã bí mật gặp hai nhà chí sĩ của Việt Nam quang phục hội (do Phan Bội Châu chủ xướng) là Trần Cao Vân và Thái Phiên bàn mưu khởi nghĩa đánh Pháp. Nhà vua đã chủ động quyết định đẩy ngày khởi nghĩa sớm hơn để khỏi lỡ thời cơ. Nhưng không may, cuộc khởi nghĩa đã bị lộ, ngày 6.5.1916, Pháp bắt được vua Duy Tân cùng nhiều chí sĩ yêu nước khác. Câu nói đầy khảng khái của Duy Tân khi Toàn quyền Đông Dương thuyết phục ông ra làm vua bù nhìn cho chúng lúc bị bắt là minh chứng sinh động cho lòng yêu nước, ý chí chống giặc cứu nước sắt son trước sau như một của ông: “Nếu ông buộc tôi tiếp tục ở lại ngôi vị Hoàng đế An Nam. Ông cần xem tôi như một vị hoàng đế đã trưởng thành. Tôi không cần cả Hội đồng Phụ chính lẫn lời khuyên của ông. Tôi sẽ điều hành công việc của đất nước tôi trên cơ sở như các quốc gia khác, trong đó có nước Pháp”². Có thể nói, dù kết quả không thành nhưng rõ ràng, gam chủ trong cuộc đời vua Duy Tân vẫn là thứ gam yêu nước mà người đời mãi khắc ghi và chính sự hiện diện của ông trong vai trò chỉ đạo cuộc khởi nghĩa đã làm nên sắc thái “quân chủ” đan xen trong cuộc khởi nghĩa theo khuynh hướng dân chủ tư sản này.

3. Từ định hướng, tôn chỉ đến mục tiêu cách mạng đều thể hiện quá trình chuyển hóa, vận động từ quân chủ sang dân chủ

² Vũ Thanh Sơn, *Nhân vật lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, Quyển 15, Việt Nam Quang Phục hội (1913 – 2/1917), NXB. Quân đội nhân dân, tr.109.

Cuộc khởi nghĩa năm 1916 ở Nam Trung bộ diễn ra theo sự chỉ đạo, định hướng của Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ. Đây thực chất là một bộ phận gắn bó hữu cơ với tổ chức Việt Nam Quang phục hội - một tổ chức do Phan Bội Châu đề xướng theo chủ nghĩa dân chủ với mục đích đánh đuổi người Pháp khỏi Đông Dương, *khôi phục Việt Nam, kiến lập Việt Nam Dân Quốc*. Tôn chỉ của Việt Nam Quang phục hội đã chỉ rõ: *“Chính thể dân chủ cộng hoà là một chính thể rất tốt đẹp. Quang phục quân trong khi vừa đánh đuổi giặc Pháp, đồng thời cũng vừa xây dựng một nước cộng hoà dân chủ. Quyền bính của nước là của chung toàn dân do nhân dân quyết định. Những dấu vết độc hại của chính thể chuyên chế không còn nữa”*³. Hay cũng chính trong *Việt Nam quang phục quân phương lược* (1912), Phan Bội Châu đã lý giải vì sao phải xóa bỏ quân chủ để chọn dân chủ: *“Phải xóa bỏ chính thể quân chủ, vì đó là một chính thể rất xấu xa . . . Chính thể Dân chủ cộng hoà là một chính thể rất tốt đẹp . . . Quyền bính của nước nhà là của chung toàn dân do nhân dân quyết định. Những dấu vết độc hại của chính thể chuyên chế không còn nữa. Rạng rỡ thay dân tộc Việt Nam ta! Trên mặt địa cầu, Việt Nam trở thành một dân tộc hùng cường, hoàn toàn tự do! Đó là một tôn chỉ tôi quan trọng”*⁴. Có thể nói, với tư tưởng này, lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, chủ nghĩa quân chủ đã bị phủ nhận và chủ nghĩa dân chủ “được xác định”. Cho dù việc thay đổi “ngọn cờ quân chủ” (mà Phan Bội Châu đã đề cao để chống Pháp lúc xuất dương) thành lá cờ dân chủ chịu ảnh hưởng lớn từ Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc, song đặt trong bối cảnh lịch sử nửa đầu thế kỷ XX ở Việt Nam, sự kiện này có ý nghĩa như một khúc nhạc dạo đầu báo hiệu sự cáo chung của chế độ quân chủ Việt Nam. Và những hoạt động cách mạng sau đó, trong đó có cuộc khởi nghĩa Nam Trung Kỳ năm 1916 cũng chính là sự cụ thể hóa con đường cách mạng dân chủ ấy. Tư tưởng hướng đến một xã hội mới cao hơn xã hội phong kiến đương thời hẳn nhiên sẽ có tác dụng kích thích, khuyến khích mọi người phát huy sức mạnh vì sự sống còn và tương lai của đất

³ Phan Bội Châu, Toàn tập, tập 3, NXB. Thuận Hóa, Huế, 1990, tr 135.

⁴ Phan Bội Châu, Toàn tập, tập 3, NXB. Thuận Hóa, Huế, 1990, tr 135.

nước. Song, điều đáng nói là tư tưởng dân chủ mang tính định hướng ấy lại có tính nửa vời bởi thành phần lãnh đạo điều khiển cuộc khởi nghĩa theo khuynh hướng dân chủ ấy là những nhà Nho tuy duy tân nhưng vẫn “Tôn quân”, vẫn dựa vào vua để tập hợp quốc dân đồng bào. Hay nói cách khác, lúc này, từ bộ phận lãnh đạo khởi nghĩa đến thành phần tham gia khởi nghĩa đều là con người “quốc dân - đồng bào” - sản phẩm của tư tưởng Nho giáo, nếp nghĩ Nho giáo chứ không phải là con người “cá nhân - công dân” như trong cách mạng dân chủ ở phương Tây.

4. Tiếp tục phát huy sức mạnh nội lực của quần chúng nhân dân và buổi đầu kiếm tìm sức mạnh bên ngoài

Với mục tiêu cao cả là đánh đuổi thực dân Pháp, khôi phục nước Việt Nam độc lập, cuộc khởi nghĩa vừa dấy lên đã nhận được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân. Các giai tầng đã tham gia nghĩa quân ở khắp các tỉnh như Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định. Ngay ở phủ Tam Kỳ (Quảng Nam), mặc dù không nhận được lệnh khởi nghĩa từ kinh đô Huế, nhưng trước đó các sĩ phu yêu nước nơi đây đã nhận được mật dụ của vua Duy Tân hiệu dụ tham gia Việt Nam Quang Phục Hội nên quyết tâm nổi dậy đánh Pháp. Nhân dân Tam Kỳ đã bí mật ủng hộ và tham gia nghĩa quân. Lần lại diễn biến của cuộc khởi nghĩa nơi đây, chúng ta không chỉ nhìn thấy trong thành phần nghĩa quân có sự hiện diện của các sĩ phu yêu nước ở các làng Tân An Tây, Tam Mỹ, Ngọc Mỹ, Khương Mỹ, Trường Xuân, Ngọc Thọ, Thọ Khương, Vân Trai, Quý Thượng, Quảng Phú, Trung Đàn Thượng, Phú Lâm, Cây Cốc, An Hòa, Kim Đái, Thanh Bình... mà còn thấy sự có mặt của nhiều công nhân ở mỏ vàng Bồng Miêu và đồn điền chè Đức Phú của Pháp. Thậm chí, nhiều hào phú trong phủ Tam Kỳ như ông Lê Khâm Duy (tức Bát Kiện) ở Hòa Hạ, ông Bá Ba ở Thanh Lâm... đã đóng góp không ít tiền bạc và lúa gạo cho nghĩa quân. Một nhóm phụ nữ là thợ dệt, thợ may ở các vùng Tam Kỳ, Bãi Dương, Cầu Duối... đã dùng thuyền rở, thuyền đăng, ghe chờ hàng đậu dọc sông Ba Kỳ ở vùng Phú Ninh, Trường Cửu dệt vải may quần phục; rồi các nhóm thợ rèn ở nhiều nơi cũng được huy động đến phối hợp với xóm lò rèn ở Xuân Trung để rèn giáo, gươm trang bị vũ khí,

quân dụng cho quân khởi nghĩa. Có thể nói, sự ủng hộ to lớn về lương thực, tài chính, hậu cần của các tầng lớp nhân dân trong cuộc khởi nghĩa này là không thể nào phủ nhận.

Tuy nhiên, trên thực tế, lý tưởng nêu lên trong mục tiêu chiến đấu “*đuổi giặc ngoại xâm để giành lại chủ quyền độc lập cho dân tộc*” thì lại chưa đủ hấp dẫn đối với toàn thể các thành phần xã hội khác nhau trong đại khối nhân dân bởi bên cạnh mục tiêu độc lập dân tộc, mục tiêu phản phong cũng là một trong hai mục tiêu quan trọng phải hướng tới của lịch sử dân tộc lúc bấy giờ. Hơn thế, cuộc khởi nghĩa này tuy theo khuynh hướng dân chủ tư sản nhưng rõ ràng, màu sắc quân chủ với sự tồn tại vai trò của một ông vua trong thành phần lãnh đạo khiến cho nó không thể thu hút được nhưng thành phần trí thức đã tiếp nhận được luồng sinh khí mới bắt nguồn từ cách mạng Pháp 1789 lan tràn ra khắp thế giới từ cuối thế kỷ XVIII.

Hơn thế, cuộc khởi nghĩa tuy lan rộng ra nhiều tỉnh thành ở Nam Trung Bộ nhưng nó vẫn có tính cách lẻ tẻ, biệt lập, chưa tạo được sự phối kết hợp chặt chẽ trong hành động giữa các địa phương. Tình trạng này khiến cho quân Pháp có thể dồn toàn lực để tiêu diệt một cách hết sức dễ dàng và cũng làm hạn chế đi rất nhiều sức mạnh của quần chúng nhân dân các địa phương.

Hơn nữa, điều đáng lưu ý là, do thực tế lịch sử lúc bấy giờ, nhất là khi cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, Đức tấn công nước Pháp khiến cho giặc Pháp ở Đông Dương ra sức bắt lính phục vụ cho cuộc chiến ở chính quốc nên ngay từ đầu, Ủy ban khởi nghĩa đã xác định phương hướng hành động là vận động binh lính người Việt, chủ yếu là lính khố xanh và binh lính bị động viên sắp phải đưa sang Pháp phản chiến chống lại quân Đức, đồng thời tổ chức thêm dân binh để hỗ trợ⁵. Chính việc xác định lực lượng chính như vậy đã vô tình khuôn hẹp thêm thành phần tham gia khởi nghĩa và quy định phương thức hành động đơn thuần là đấu tranh vũ trang, không kết hợp được các hình thức đấu tranh khác để lôi kéo thêm nhiều bộ phận dân chúng khác tham gia khởi nghĩa.

⁵ Vũ Thanh Sơn, Sdd, tr121.

Tuy nhiên, chính trong cuộc khởi nghĩa này, bên cạnh công cuộc huy động nội lực thì các nhà chỉ huy khởi nghĩa đã bước đầu thoát khỏi tư tưởng “nội hạ, ngoại di”, biết hướng ra bên ngoài để gia tăng thực lực nhằm phá tan gông xiềng nô lệ của thực dân Pháp. Trong quá trình chuẩn bị khởi nghĩa, hai yếu nhân là Thái Phiên, Trần Cao Vân đã không ít lần cử người sang Trung Quốc, Xiêm La để đặt kế hoạch phối hợp. Thậm chí ở cấp trên, những nhà lãnh đạo Việt Nam Quang phục hội còn sang Xiêm yêu cầu công sứ Đức - Áo giúp vũ khí, tiền bạc cho Việt Nam đánh pháp⁶. Cho dù kết quả có việc thành công, có việc bất thành nhưng hành động hướng ra bên ngoài để gia tăng nội lực là bước đi đúng đắn, phù hợp với xu hướng phát triển tất yếu của quốc gia. Nhất là đặt trong bối cảnh của Việt Nam ở những năm đầu thế kỷ XX, khi những nhà lãnh đạo cuộc khởi nghĩa người vốn xuất thân từ “cửa Không sân Trình”, lại mới chỉ được tiếp xúc với các trào lưu tư tưởng tư sản được chuyển tải qua “tân thư”, “tân văn” Trung Quốc, thì tư tưởng hướng ra bên ngoài để tăng cường nguồn lực, cũng như để xác lập mối quan hệ giữa nội lực và ngoại lực phải khẳng định là một định hướng phù hợp đầu kết quả còn rất hạn chế.

Như vậy, nhìn chung, trong vấn đề tập hợp lực lượng, huy động sức mạnh cho cuộc khởi nghĩa, Bộ chỉ huy nghĩa quân vẫn tiếp tục vấp phải những hạn chế thường gặp trong các phong trào đấu tranh ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Trong rất nhiều nguyên nhân đưa đến những hạn chế ấy thì việc tách rời hai nhiệm vụ phản đế, phản phong - một trong những hạn chế lớn nhất trong khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản đầu thế kỷ ở nước ta - có thể xem là căn nguyên chính yếu. Tuy nhiên, việc bước đầu hướng ra bên ngoài để phối hợp hành động, gia tăng thực lực là một nét mới, mang ý nghĩa tích cực, mở đường cho một xu thế mới: xu thế kết hợp sức mạnh giữa nội lực và ngoại lực, giữa dân tộc và quốc tế trong những thời kỳ lịch sử dân tộc về sau.

⁶ Vũ Thanh Sơn, Sdd, tr 31.

Thay lời kết

Vậy là, mang trong mình những hạn chế về lịch sử, về giai cấp, các sĩ phu cấp tiến lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916 cũng như những lãnh tụ phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX khác đã không thể tìm được một hướng đi đúng đắn nhất cho cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc lúc bấy giờ nên rốt cục cuộc khởi nghĩa vừa trỗi dậy đã bị kẻ thù dập tắt. Song dù vậy, cuộc khởi nghĩa đã thực sự cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân ta, bồi đắp thêm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, tạo ra động lực quan trọng thôi thúc những nhà yêu nước, nhất là lớp thanh niên trí thức có khuynh hướng dân chủ tiếp tục tái lập một hành trình mới với một con đường mới, một giải pháp cứu nước mới thuận theo xu thế mới. Vì thế, cuộc khởi nghĩa tuy bị đàn áp đẫm máu nhưng tinh thần, bản lĩnh, ý chí Việt không vì vậy mà bị mất mòn đi. Vấn đề cốt lõi là chính họ - những tri thức yêu nước phải rút kinh nghiệm đau thương từ quá khứ để viết tiếp câu chuyện của cách mạng Việt Nam sao cho hấp dẫn hơn, phù hợp hơn với yêu cầu của thực tiễn dân tộc và thời đại.

Lịch sử là một dòng chảy liên tục, hành trình cách mạng xưa nay chưa bao giờ là chuyển đi thuận buồm xuôi gió nhưng cho dù có kinh qua những biến trải đau thương thì bánh xe lịch sử vẫn tiếp tục chuyển bánh trên hành trình đưa con tàu cách mạng cập bến./.

NTMH

QUẢNG NAM TRƯỚC VÀ TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI NĂM 1916

ThS. NGUYỄN VĂN BIỂU*

Quảng Nam là vùng đất địa linh nhân kiệt, với những truyền thống lâu đời trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc. Phát huy truyền thống đó, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nước ta, Quảng Nam nói chung, Đà Nẵng nói riêng là nơi đầu tiên đứng lên chống Pháp. Ngay từ những ngày đầu thực dân Pháp xâm lược nước ta, quân và dân Quảng Nam đã giáng trả cho thực dân Pháp những đòn đích đáng. Các phong trào chống Pháp nửa cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX ở Quảng Nam diễn ra mạnh mẽ, do Quảng Nam là tỉnh nằm sát kinh đô Huế, có điều kiện thuận lợi cho các văn thân, sĩ phu, quan lại có tư tưởng chống Pháp hoạt động để cứu nước giải phóng dân tộc.

Cuộc khởi nghĩa nổ ra vào tháng 5.1916 tại Quảng Nam, là một trong những sự kiện tiêu biểu của tổ chức Việt Nam Quang phục hội. Trước đây người ta cho rằng đây là cuộc khởi nghĩa Duy Tân¹, do có sự tham gia của vua Duy Tân, tuy nhiên có ý kiến cho rằng gọi như thế không hoàn toàn chính xác và vua Duy Tân chỉ là người có vai trò tượng trưng, và không tham gia từ đầu. Ý kiến khác cho rằng đây là cuộc khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân, do hai ông là lãnh tụ chính của cuộc khởi nghĩa².

Trong bài viết này chúng tôi tập trung làm sáng tỏ Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại Quảng Nam và Tam Kỳ, là nơi đã diễn ra cuộc khởi nghĩa thực sự.

* Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

¹ Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vận, *Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền nam Trung Bộ năm 1916*, Tạp chí NCLS, 1961, số 22, tr 32-50.

² Trong các văn kiện, công điện, tài liệu thực dân Pháp gọi sự kiện này là: “*Cuộc biến loạn ở Trung Kỳ 1916*”, “*Triều đình An nam, cuộc âm mưu ở Huế, cuộc đào thoát và sự phé truất Hoàng đế Duy Tân*”.

1. Quảng Nam và các tỉnh Nam Trung Kỳ trước cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội

Vào thập niên đầu của thế kỷ XX, tỉnh Quảng Nam là nơi diễn ra các cuộc vận động của các nhà yêu nước muốn cứu nước giải phóng dân tộc. Nguyên nhân là do tác động của tình hình thế giới và trong nước, trước hết là do những Tân thư, Tân văn như một luồng gió mới thổi vào nước ta được các sĩ phu tiếp nhận, sau đó là các sự kiện Nhật Bản chiến thắng nước Nga, và đặc biệt là cách mạng Tân Hợi Trung Quốc năm 1911 đã tác động mạnh đến nước ta.

Ở Quảng Nam nơi có nhiều phong trào yêu nước chống Pháp diễn ra suốt nửa cuối thế kỷ XIX, tuy các phong trào chưa thành công, nhưng những tấm gương yêu nước, như: *Trần Văn Dư* (1839-1885), người xã Tam An, Tam Kỳ (Quảng Nam); *Nguyễn Duy Hiệu* (1847-1887), người Thanh Hà, Diên Phước (nay là Cẩm Hà, Hội An, Quảng Nam),... như là những lớp người ngã xuống trong buổi đầu chống Pháp. Đến đầu thế kỷ XX, Quảng Nam lại là nơi diễn ra các phong trào Duy Tân, phong trào chống Thuế 1908... Kêu gọi mọi người bỏ lối học khoa cử, đoạn tuyệt với các hủ tục (như cắt búi tóc), mặc âu phục, theo đòi tân học, lập trường học, mở hiệu buôn mở mang công thương theo con đường tư bản chủ nghĩa. Nhất là Phan Châu Trinh³ đã qui lỗi các tệ đoan trong xã hội thời bấy giờ cho giới

³ *Phan Châu Trinh* 潘周楨 (1872-1926) quê làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, phủ Tam Kỳ (nay là thôn Tây Hồ, xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam).

Đỗ Cử nhân khoa Canh Tý (1900), 30 tuổi đỗ Phó bảng khoa Tân Sửu niên hiệu Thành Thái 13 (1901). Sau khi thi đỗ, ông về nhà nghỉ 3 tháng rồi ra Huế, tiếp xúc với thân hữu và nhân sĩ yêu nước. Để dễ bề hoạt động chính trị, đầu 1903 Phan Châu Trinh nhận chức Thừa biện ở bộ Lễ. Nhưng quá chán nản với môi trường quan lại, chỉ một năm sau ông liền xin từ chức để rộng đường cho công việc tuyên truyền vận động cứu nước. Năm 1904, Phan Châu Trinh cùng hai bạn thân là Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng mới đậu Tiến sĩ (không ra làm quan) thực hiện một chuyến đi vào Nam. Đến Bình Định, gặp quan tỉnh đang mở cuộc thi học trò, ba ông nộp đơn vào dự thi. Phan Châu Trinh làm bài thơ Chí thành thông thánh, hai ông Trần, Huỳnh làm bài phú Lương ngọc danh sơn, khi nộp quyền chỉ ghi một tên chung là Đào Mộng Giác. Theo Ngô Đức Kế: “Hai bài thơ phú ấy không giống các thơ phú bình thường mà chỉ nói về việc nước để đánh thức dân sĩ phu đang mê ngủ trong đám quan trường. Quan tỉnh thấy mà thất kinh, không dám điểm duyệt, phải dịch ra quốc ngữ để trình cho Công sứ. Sau rồi hai bài ấy đọc khắp nước, có ảnh hưởng lớn trong giới sĩ phu...”.

quan lại được đào tạo theo lối họ “tầm chương trích cú”... “Ở Quảng Nam hình thành một xu hướng mang tính chất tìm tòi một con đường đấu tranh mới để phục hưng dân tộc trên nền tảng nâng cao dân trí, tiếp nhận những trào lưu tư tưởng dân chủ từ bên ngoài... Phong trào đó được gọi là Duy tân mà Quảng Nam thực sự trở thành một điểm khởi phát và một trung tâm sôi nổi hành đầu của cả nước”⁴.

Năm 1904, Duy tân hội được thành lập tại nhà Tiểu La Nguyễn Thành⁵ (thuộc huyện Thăng Bình, Quảng Nam), Cường Để⁶ được cử làm Hội chủ. Tham gia Duy tân hội có nhiều người Quảng Nam, như: Đỗ Đăng Tuyển (Đại Lộc), Châu Thượng Văn (Hội An), Trần Quý Cáp (Điện Bàn), Thái Phiên⁷... Mặc dù, Kỳ ngoại hầu Cường Để được cử làm Hội chủ nhưng các công việc quan trọng đều do Phan Bội Châu, Nguyễn Thành, Đặng Thái Thân⁸ và các hội viên quyết định⁹. Phong trào diễn ra mạnh mẽ ở Quảng Nam, trước ảnh hưởng

⁴ Viện Sử học, *Lịch sử thành phố Đà Nẵng* (sơ thảo), Ban Văn hóa Thể thao Thành phố Đà Nẵng - NXB. Đà Nẵng, 1996, tr 83

⁵ Nguyễn Thành (1863-1911), còn có tên là Hàm quê làng Thanh Mỹ, huyện Lễ Dương (nay là xã Bình Quý, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam).

⁶ Cường Để (1882-1951), là cháu năm đời của người con trưởng Nguyễn Ánh - Gia Long, tức dòng đích. Nhưng không phải dòng mà vua Gia Long chọn kế vị ngai vàng.

⁷ Đỗ Đăng Tuyển (1856-1911), người Đại Lộc, Quảng Nam.

Châu Thượng Văn (1856-1908), hiệu là Thơ Đồng, người làng Minh Hương (nay là Hội An, Quảng Nam).

Trần Quý Cáp (1870-1908), 陳季恰. Người xã Bất Nhị, huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam - Nay thuộc thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Sau khi thi đỗ, năm 1906 Trần Quý Cáp được bổ chức giáo thụ phủ Thăng Bình. Đến nơi liền bắt tay vào việc gây dựng tân học, mở lớp dạy chữ Pháp, học trò nghe tin đến theo học rất đông.

Năm 1908, Trần Quý Cáp bị thuyền chuyển đến Ninh Hoà chưa được bao lâu, phong trào chống thuế nổ ra ở Đại Lộc, Quảng Nam lan nhanh đi nhiều nơi. Thực dân Pháp bắt bớ hàng loạt người biểu tình. Tuy không có bằng cứ nhưng chúng vẫn bắt giam Trần Quý Cáp, tạo nguy chứng vu cho ông tội mưu phản rồi tuyên án “trảm quyết”.

Thái Phiên (1882-1916), nội tổ ông vốn người tỉnh Bình Định ra lập nghiệp tại làng Nghi An, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam. Ông là một trong số các lãnh tụ của khởi nghĩa Duy Tân (Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam đất nước và nhân vật*, Nxb Văn hóa Thông tin, 2001, tr 585).

⁸ Phan Bội Châu (1867-1940), quê làng Đan Nhiễm, xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Đặng Thái Thân (1874-1910), là người quê Mỹ Chiêm, Nghi Lộc, Nghệ An.

⁹ Chương Thâu, Hồ Song, Ngô Văn Hòa..., *Lịch sử Việt Nam 1897-1918*, NXB. Khoa học xã hội, 1999, tr 115-116.

của phong trào, lo sợ sẽ ảnh hưởng tới sự cai trị của chúng, thực dân Pháp tìm cách đàn áp.

Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đã làm thay đổi dân trí, tác động mạnh tới người dân Quảng Nam, chính vì vậy mà nơi đây cũng là nơi khởi đầu cho Phong trào chống thuế diễn ra rộng khắp các tỉnh Trung Kỳ năm 1908, *“Chính trong không khí sôi nổi bí mật của Duy tân hội và công khai của phong trào Duy tân, mà Quảng Nam được chọn làm nơi phát khởi một phong trào quần chúng rộng lớn...Phong trào chống thuế năm 1908”*¹⁰.

Theo Huỳnh Thúc Kháng¹¹ một trong những lãnh tụ của phong trào Duy tân, thì nguyên nhân xa của phong trào là do thực dân Pháp *“bắt đầu thẳng tay bóc lột nhân dân Việt Nam bằng sưu cao thuế nặng... bọn tham quan, ô lại muốn được mau thăng quan tiến chức, để làm vui lòng quan thầy, bọn đó không trừ một thủ đoạn áp bức bóc lột nào, làm cho nhân dân đã khổ lại càng khổ hơn”*, nguyên nhân gần là do truyền thống đấu tranh bất khuất của nhân dân, lớp này ngã xuống lớp sau kế cận. Họ dùng thơ văn để *“Đề tình quốc dân ca”*, *“Hải ngoại huyết thư”* chống Pháp, đồng thời khuynh hướng *“Tân Thơ”*, *“Âu hóa”* cũng phát triển mạnh... bài điều trần của cụ Tây Hồ, trong đó vạch rõ tội ác của bọn quan lại tham tàn thối nát và lên án chính sách thực dân, làm cho phong trào cách mạng ở Quảng Nam đã phát triển ngấm ngấm trong mọi tầng lớp nhân dân, nhất là việc chống lại bọn tham quan ô lại. Ví dụ: ở phủ Tam Kỳ, phủ Điện Bàn, học trò cô động nhân dân làm đơn kiện 2 tên tri phủ...¹².

Phan Châu Trinh có những ghi chép về đầu đuôi của phong trào dân biến ở Trung Kỳ *“Năm 1908, dân tỉnh Quảng Nam, nhân việc*

¹⁰ *Quảng Nam - Đà Nẵng xưa và nay*, NXB. Đà Nẵng, 1996, tr.94.

¹¹ Huỳnh Thúc Kháng 黃叔沆 (1876-1947). Theo Cao Xuân Dục trong *Quốc triều Hương khoa lục* tại “khoa thi năm Canh Tý, Thành Thái thứ 12 (1900), Huỳnh Thúc Kháng đỗ đầu. Ông người xã Thanh Bình, huyện Hà Đông, tỉnh Quảng Nam. Đậu năm 25 tuổi. Thi đậu Hội nguyên Tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1904)”. Sau khi thi đỗ không ra làm quan, ở nhà đọc tân thư, kết giao với Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp..., cổ vũ việc học chữ Quốc ngữ, khởi xướng phong trào Duy tân.

¹² Huỳnh Thúc Kháng, *Trung Kỳ cự sưu ký*, dẫn theo Thái Bạch, *Thi văn quốc cảm*, NXB. Khai Trí, 1968, tr 368.

làm xâu gây biến, lan ra khắp các tỉnh Trung Kỳ”, trong hồi ức này Phan Châu Trinh viết: “Năm 1908 dân biến bắt đầu phát ra ở huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, mà dân Đại Lộc lại thiệt vì việc làm xâu gây ra biến...”¹³.

Phong trào chống thuế ngày càng lan rộng, triều đình nhà Nguyễn tìm cách đối phó: “*Năm Mậu Thân Duy Tân thứ 2 (1908), tháng 2, sai Phụ chính đại thần Trương Như Cương, Lê Trinh tới Quảng Nam khám xét tình hình (lúc bấy giờ dân hạt Quảng Nam tụ họp xin sưu, tình hình không yên nên có mệnh ấy).*

Chuẩn tạm đặt chức Thương biện Quảng Nam, lấy nguyên Tri phủ phủ Tuy An Hậu bổ là Nguyễn Trọng Hàm (tên cũ là Khải) sung vào. Lúc bấy giờ dân Quảng Nam xin sưu náo loạn, phủ huyện cơ hồ không thể chế ngự, Tổng đốc Nam Ngãi Hồ Đắc Trung xin tạm đặt chức Thương biện để giúp đỡ hiểu dụ trấn áp, nên có lời chuẩn ấy”¹⁴.

Phong trào diễn ra rộng khắp toàn tỉnh Quảng Nam, tiêu biểu như ở Hội An (nơi có Tòa Công sứ đóng), ở phủ Điện Bàn (Tri phủ Trần Văn Thông bị dân kiện), ở phủ Thăng Bình, và phủ Tam Kỳ (Đề đốc Trần Tuệ học máu chết).

Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ đã được chính sử triều Nguyễn ghi chép một đoạn khá chi tiết “Tháng 3, năm Mậu Thân (1908). Dân các tỉnh từ Hà Tĩnh trở vào nam, Bình Định trở ra bắc náo loạn. Lúc bấy giờ bọn hiểu sự ở Quảng Nam Quảng Ngãi hiểu sai Tân thư, đem những từ “dân quyền”, “đồng bào” đi khắp nơi mở trường diễn thuyết, ngầm tới hạt khác sách động dụ dỗ, bắt dân cúp tóc thay đổi quần áo, quên góp tiền bạc, ai không theo thì ép buộc, sai cùng họp bọn lên quan ra chợ âm ỉ, đều lấy tiếng xin giảm sưu thuế. Bắt đầu ở Quảng Nam, dân huyện Đại Lộc hơn 400 người vây quanh tỉnh thành chặn bắt quan phủ (chặn quan tỉnh, bắt Tri phủ Điện Bàn), tra xét ra 6 người đứng đầu hô hào (Trương Tôn, Trương Hoàn, Trương Côn, Trương Đính, Hứa Tạo, Lương Châu), đều chiêu

¹³ Tây Hồ Phan Châu Trinh, *Trung Kỳ dân biến thi mật ký*, Lê Âm -Nguyễn Q. Thắng, dịch và giới thiệu, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa xuất bản, 1973, tr 27-28.

¹⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục Chính biên Đế lục kỷ Phụ biên*, Người dịch: Cao Tự Thanh, NXB. Văn hóa - Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2011, tr 497.

luật đánh bản quan tăng thêm hai bậc kết án đi đày phát phối lên Lao Bảo. Kế xả dân các phủ huyện trong hạt Quảng Nam và các phủ tỉnh Thừa Thiên, Quảng Ngãi, Bình Định, Hà Tĩnh họp bọn nổi lên náo loạn, hoặc chiếm giữ phủ thự, vây bắt quan trưởng, giết chết phái viên, thiêu hủy trại xá (dân ở thượng du Duy Xuyên Đại Lộc Quảng Nam ném Tổng Quát xuống sông, đốt trại của Phó Huyện)”¹⁵.

Thực dân Pháp quy tội cho các nhà trí thức nho học là lãnh tụ tinh thần của phong trào chống đối ấy. Báo cáo tổng hợp ngày 22.7.1908 của Quyền Toàn quyền Đông Dương Bonhoure¹⁶ cho biết các nguyên nhân chung không chỉ tồn tại ở nước Nam mà là chung cho các nước Viễn Đông và có những duyên cớ riêng của địa phương đã được những kẻ cầm đầu gây rối khai thác khéo léo để lôi kéo dân chúng. Những tên này đều thuộc tầng lớp ưu tú của xã hội An Nam, quan lại cũ hoặc Nho sĩ. Phần lớn họ có nguồn gốc Trung Kỳ, tức là bộ phận của nước An Nam có truyền thống văn học bền vững và ý thức dân tộc dai dẳng nhất... Khi biểu tình chống các quan lại địa phương đang làm việc cho nước Pháp, họ đã được sự dẫn dắt của các nho sĩ và quan lại cũ mà họ coi là những kẻ cầm đầu đương nhiên.

Sang đầu thế kỷ XX những biến chuyển mau chóng của các quốc gia khu vực, ở Nhật Bản và đặc biệt là Cách mạng Tân Hợi Trung Hoa nổ ra năm 1911. Trước tình hình đó, hội viên Duy tân hội và những người Đông du còn lại trên dưới 100 người, từ Xiêm đến, Nhật Bản về, ở trong nước sang đã họp hội nghị thành lập Việt Nam Quang phục hội và quyết định thủ tiêu Duy tân hội vào giữa tháng 5, năm Nhâm Tý¹⁷ (1912), tại từ đường Lưu Vĩnh Phúc ở Sa Hà, Quảng Đông (Trung Quốc). Với mục đích là “Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam”¹⁸, và chủ trương phát triển về trong nước. Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ được thành lập. Những nhân vật trọng yếu của Kỳ bộ gồm có: Thái

¹⁵ Đại Nam thực lục Chính biên Đế lục kỷ Phụ biên, Sdd, tr 499.

¹⁶ Louis Alphonse Bô-nua-rơ (Bonhoure). Sinh 1865-1909, được cử làm Toàn quyền Đông Dương ngày 28.2.1908. Thôi giữ chức Toàn quyền Đông Dương ngày 23.9.1908.

¹⁷ Cuộc đời cách mạng Cường Để (Hồi ký), In tại nhà in Tôn Thất Lễ, Sài Gòn, 1957, tr 54

¹⁸ Lịch sử Việt Nam 1897-1918, Sdd, tr 226.

Phiên¹⁹, Đỗ Tự, Phan Thành Tài, Phạm Thành Chương (Quảng Nam); Đoàn Bổng (ở Thừa Thiên); Nguyễn Suyền, Nguyễn Công Phương, Bùi Phụ Thiệu, Võ Hàm (Quảng Ngãi)... Về sau, có sự tham gia của một số tù chính trị mãn hạn ở Côn Đảo về²⁰.

Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội đã gây được một số tiếng vang, đã gây sự chú ý của Nam triều và chính quyền thuộc địa. *Đại Nam thực lục Chính biên Đế lục kỷ Phụ biên* do Quốc Sử quán triều Nguyễn biên soạn chép sự kiện năm Quý Sửu Duy Tân thứ 7 (1913), tháng 3: “Chuẩn cho Phủ Phủ chính thông tư cho quan các tỉnh mật sức cho các phủ huyện gia tâm kiểm soát hiện tình, lại thỉnh thoảng đích thân đi tuần sát hiểu dụ, có việc gì lạ thì một mặt điện báo, một mặt bàn với Trú sứ trừ tính (lúc bấy giờ Trú sứ Bình Thuận kiểm soát bắt được kiếm vàng ẩn vàng, Trú sứ Quảng Nam gửi giao trái phiếu và phương lược của *Quang phục quân* (tức Việt Nam Quang phục quân thuộc Việt Nam Quang phục hội), quan tỉnh Thái Bình ở Bắc Kỳ bị tạc đạn giết chết²¹, hiện tại Hải Dương dò thám được nhiều tạc đạn, các thành phố Sài Gòn, Chợ Lớn ở Nam Kỳ cũng thu được rất nhiều tạc đạn chưa nổ nên quý Tòa mật tư cho Chính phủ gửi điện văn thông sức cho các địa phương biết để tuần hành)”²².

Như vậy, dù chưa có những cuộc khởi nghĩa, bạo động lớn của Việt Nam Quang phục hội nhưng đó là một trong những hoạt động yêu nước tiêu biểu ở Việt Nam lúc bấy giờ.

2. Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại Quảng Nam 1916

Những nhân tố chủ quan và khách quan của tình hình thế giới và trong nước là những nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918)

¹⁹ Phan Bội Châu đã ghi nhận vai trò của Thái Phiên, như sau: “Năm Dậu, năm Tuất (1909-1910) đảng ta ở trong nước đã cơ hồ không còn ai, chỉ còn một mình Nam Xương tiên sinh; nhưng đến lúc việc duy tân (khởi nghĩa năm 1916), tiên sinh lại là người trọng yếu ở trong Đảng” (Phan Bội Châu, *Toàn tập*, tập 6, NXB. Thuận Hóa, 1990, tr 248).

²⁰ Tỉnh ủy - UBND tỉnh Quảng Nam, Thành Ủy - UBND Thành phố Đà Nẵng, *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng*, NXB. Khoa học xã hội, 2010, tr 464.

²¹ Túc sự kiện Phan Văn Tráng thành viên Việt Nam Quang phục hội ném tạc đạn giết chết Tuần phủ Thái Bình Nguyễn Duy Hàn ngày 12.4.1913.

²² *Đại Nam thực lục Chính biên Đế lục kỷ Phụ biên*, Sdd, tr 574-575.

nổ ra, nước Pháp tham chiến và thực dân Pháp ở Đông Dương bắt binh lính người Việt ra chiến trường làm bia đỡ đạn chết thay cho chúng, cùng với đó là những khoản thuế má nặng nề, công trái để phục vụ cho chiến tranh. Những thông tin bại trận của Pháp trên chiến trường, người Đức tung tin nước Pháp sẽ bị đánh bại, để gây bất lợi cho Pháp ở Đông Dương.

Trong tình hình ấy các sĩ phu yêu nước ở Trung Kỳ, nhất là các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi đã quyết định xúc tiến một cuộc khởi nghĩa quy mô lớn để cứu nước và cứu dân đang bị dồn vào con đường cùng. Ngoài ra, còn có một nguyên nhân khác nữa là người Đức muốn giúp đỡ cuộc khởi nghĩa, nhằm làm suy yếu Pháp, vì Pháp là nước tham chiến trong cuộc chiến tranh thế giới đang diễn ra tại châu Âu “*Đức bỏ ra một số tiền lớn để giúp các nhà cách mạng Việt Nam quấy rối Pháp ở thuộc địa và còn mong lật đổ cả chính quyền Pháp ở đây, hầu thế lực Pháp tại hải ngoại phải giảm sút*”²³. Tất cả những nguyên nhân trên đã khiến cho các nhà yêu nước nhận định, đây là cơ hội tốt để chuẩn bị kế hoạch khởi nghĩa và có thể đi đến thành công.

Cuối năm 1915, Chiến tranh Thế giới thứ nhất ngày càng diễn ra ác liệt, nhiều tin tức không hay của binh lính người Việt bên Pháp đưa về, càng thúc đẩy nhóm những người lãnh đạo phong trào ở Quảng Nam nôn nóng muốn khởi nghĩa ngay. Lợi dụng lúc quân Pháp đang bị quân Đức tấn công. Lê Ngung đã viết thư cho Thái Phiên đề nghị chớp thời cơ này để tiến công khởi nghĩa: “*Đức, Pháp khởi hân chi nhật, tức Việt Nam độc lập chi thời!*” (ngày Đức, Pháp đánh nhau cũng là thời cơ độc lập của nước Việt Nam)²⁴, trong thư cũng có câu khẩu thiết: “*Thời hồ! thời hồ! thời bất tái lai! Kim thời bất phán, cô đãi hà thời*”²⁵ (nghĩa là: Thời cơ! Thời cơ! Thời cơ không trở lại. Ngày nay không phán đầu còn đợi đến lúc nào!).

²³ Phạm Văn Sơn, *Việt Sử tân biên: Chế độ Pháp thuộc ở Việt Nam*, (Việt Nam kháng Pháp sử), quyển VII (tập hạ), Cơ sở xuất bản Đại Nam, Sài Gòn, 1972, tr 20.

Sứ thần Đức ở Xiêm đã tìm gặp Đặng Thúc Hứa bàn về việc đánh Pháp và hứa sẽ giúp Việt Nam khôi phục độc lập. Đặng Thúc Hứa đã báo cho Trung ương hội biết, và Nguyễn Thượng Hiền được cử sang Xiêm thương thuyết với sứ thần Đức để mua khí giới và mộ lính để lập một đạo quân dùng vào việc phục quốc.

²⁴ Ngô Văn Minh (Chủ biên), *Lịch sử Đà Nẵng* (1858-1945), NXB. Đà Nẵng, 2007, tr 185

²⁵ Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vận, *Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền Nam Trung Bộ năm 1916*, Tạp chí NCLS 1961, số 22, tr 37.

Tháng 9.1915, Thái Phiên đã triệu tập cuộc họp các nhà yêu nước về Huế để bàn về khởi nghĩa. Dự họp có sự tham gia của Trần Cao Vân²⁶, Đỗ Tự, Phan Thành Tài²⁷ (ở Quảng Nam), Lê Ngung, Nguyễn Công Phương (ở Quảng Ngãi), Đoàn Bồng (ở Thừa Thiên), Nguyễn Chanh (ở Quảng Bình)... Các báo cáo cho biết các địa phương ở Trung Kỳ cũng đang gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa nhưng chưa đầy đủ. Hội nghị đã quyết định chính thức mời vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa, giao cho Thái Phiên và Trần Cao Vân lo gặp mặt với vai trò “*mời vua ra để yên lòng dân*” (Phụng Kim Thượng vi an dân cơ sở).

Nhân dân hưởng ứng, và ủng hộ cuộc khởi nghĩa đặc biệt là ở Quảng Nam, Quảng Ngãi lên cao. Nhân dân phủ Tam Kỳ đã bí mật ủng hộ nghĩa quân của Việt Nam Quang phục hội và tham gia nghĩa quân... Đáng chú ý nhất là nhiều công nhân của mỏ vàng Bông Miêu và đồn điền chè Đức Phú của Pháp đã bỏ nơi làm việc về quê tham gia các đội nghĩa binh. Nghĩa binh phủ Tam Kỳ được các tầng lớp nhân dân ủng hộ về lương thực, tài chính, giúp đỡ về hậu cần. Một nhóm phụ nữ là thợ dệt, thợ may ở các vùng Tam Kỳ, Bãi Dương, Cầu Duối... đã bí mật dệt vải may quân phục; các nhóm thợ giáo, grom trang bị cho nghĩa quân²⁸.

Tháng 2.1916, Thái Phiên đã hội nghị có sự tham dự của các nhà

²⁶ Trần Cao Vân (1866-1916), lãnh tụ khởi nghĩa Duy Tân. Quê làng Tư Phú, tổng Đa Hòa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Điện Thọ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam), theo Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam đất nước và nhân vật*, NXB. Văn hóa, tr 357).

Châu bản triều Nguyễn vẫn còn ghi chép về việc ông tham gia Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ và bị kết án. Châu bản triều Nguyễn, Tập XVII, tờ 115-117, chép danh sách tù phạm bị phát phối ra Côn Đảo ngày 29 tháng 3 năm Duy Tân thứ 3 (18.5.1909), do Phủ Phụ chính dâng tấu lên vua, có đoạn chép: “Trần Cao Vân: tỉnh Bình Định kết nghị tên này can về tội tụ hội giảng thuyết “*Trung Thiên Đồ*”, mượn lời của thần tiên, truyền bá khích biến, xin chiếu điều lệ luật “*tạo yêu thư yêu ngôn*” xử trăm lập quyết, thần Phủ phụng duyệt, xin chiếu y luật ấy (truyền tụng đến dân chúng) xử trăm giam hậu, phát giao Côn Lôn phối dịch, 43 tuổi, xã Tư Phú, tỉnh Quảng Nam. (Dẫn theo: Nguyễn Thế Anh, *Phong trào kháng thuế ở miền Trung qua các châu bản triều Duy Tân*, NXB. Văn học, 2008, tr 184).

²⁷ Phan Thành Tài (1878 - 1916), ông là người quê Điện Bàn, Quảng Nam. Xem thêm: Lê Ước, *Cuộc Duy tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài (1882-1916)*, Tập san Sử Địa, số 11, 1968, tr 81-101.

²⁸ Nguyễn Phước Tương, “*Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916*”, *Tạp chí Xưa & Nay*, số 335, 2009, tr 26.

yêu nước ở Huế²⁹, hội nghị nhất trí phải khởi nghĩa ngay, hội nghị cũng quy định “quốc hiệu, quốc kỳ, quân kỳ và quốc đô... Thủ đô tương lai sẽ đặt ở Quy Nhơn. Hội nghị tranh cãi kịch liệt về chính thể... Ngày khởi nghĩa định vào trung tuần tháng 5 năm 1916”³⁰, Huế sẽ nổ súng đầu tiên và sẽ báo hiệu cho Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi để phối hợp hành động; Binh lính và dân quân Huế nổi dậy chiếm lấy kinh đô, có sự hậu thuẫn của viên thiếu tá người Đức ở đồn Mang Cá mà lực lượng khởi nghĩa liên hệ vận động được; Lực lượng các tỉnh, khi nhận được tín hiệu, sẽ nổi dậy đánh chiếm tỉnh lỵ, thiết lập chính quyền mới”³¹. Nếu tấn công bất lợi bị đánh lui thì đạo quân Quảng Nam sẽ rút lui về phía Tây chiếm rừng núi Ba Nà, đạo quân Quảng Ngãi sẽ kéo lên miền Gò Rút, đạo quân Bình Định sẽ kéo lên miền rừng núi Gia Lai (Playku) là những địa điểm hiểm trở để làm hậu thuẫn cho các cuộc phản công... Hội nghị bầu ra ủy ban lãnh đạo khởi nghĩa, gồm: “Huế: Thái Phiên, Trần Cao Vân; Quảng Nam: Phan Thành Tài, Đỗ Tự; Quảng Ngãi: Lê Ngung(*)...”³².

Để nắm chắc thái độ của Duy Tân, Thái Phiên và Trần Cao Vân giao cho Phạm Hữu Khánh³³ - một người trong tổ chức cách mạng đang làm lái xe cho nhà vua - một lá thư với lời lẽ thống thiết, vừa khích lệ tinh thần ái quốc, vừa khơi gợi lại mối hận Thành Thái bị truất phế đi đây, lăng Dục Tông bị Pháp đào bới³⁴, vừa khích lệ nhà vua trẻ đứng ra quy tụ anh tài và toàn dân đánh Pháp. Vua Duy Tân dù tuổi trẻ nhưng vẫn là một ông vua có lòng phục quốc, không chịu hợp tác với Pháp để hưởng cái vinh hoa cho cá nhân mình, vì vậy mà

²⁹ Theo Lê Ước thì Hội nghị (Đại hội toàn kỳ) tổ chức vào trung tuần tháng 3 năm Bính Thìn (1916) tại “Chợ cầu Cháy” làng Xuân Yên, Quảng Ngãi (Lê Ước, *Cuộc Duy Tân khởi nghĩa 1916*, Tlđl, tr 87).

³⁰ *Lịch sử Việt Nam 1897-1918*, Sđd, tr 304.

³¹ *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng*, Sđd, tr 465

(*) *Lê Ngung* (1865-1916), người làng Đông Phước, nay là thôn Phước Hòa, xã Bình Thanh Tây, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi. Ông đỗ Tú tài nên hay được gọi là Tú Ngung.

³² Phạm Văn Sơn, *Việt Sử tân biên: Chế độ Pháp thuộc ở Việt Nam*, (Việt Nam kháng Pháp sử), quyển VII (tập hạ), Sđd, tr 25.

³³ Thái Phiên và Trần Cao Vân đã phải bỏ ra một số tiền lớn để thương lượng với người tài xế của vua xin thôi việc, và chịu đứng ra giới thiệu người khác thay thế để đưa Phạm Hữu Khánh (có tài liệu nói là Phan Hữu Khánh) vào lái xe cho vua Duy Tân.

³⁴ Ngô Văn Minh, *Chí sử Lê Cơ trong phong trào chống Pháp đầu thế kỷ XX*, NXB. Đà Nẵng, 2012, tr 208.

việc vận động diễn ra thuận lợi: “*Trần Cao Vân và Thái Phiên thường giả đi câu cá, theo đường thủy đạo vào Nội, tâu đối với Ngài. Họ lấy việc Phụ hoàng bị an trí, việc Đại Trú sứ Mahé đào mả vua Tự Đức 1913 (Phụ hoàng Hoàng đế hà tội kiến thiên? Dực Tông tôn lãng hà cố kiến quật), để kích thích thêm lòng bất mãn của nhà vua*”³⁵.

Công việc khởi nghĩa đang được gấp rút chuẩn bị khẩn trương thì vua Duy Tân cho Thái Phiên và Trần Cao Vân biết đến ngày 10.5.1916, thì 2.500 lính mộ tập trung ở Huế sẽ phải sang Pháp nên phải khởi sự ngay. Thái Phiên và Trần Cao Vân quyết định khởi nghĩa vào tối mùng 3 rạng sáng ngày 4.5.1916 và thông báo tin ấy cho các tỉnh³⁶.

Trong hồ sơ số 4199, Tài liệu số 273, *Báo cáo về tình hình chính trị Trung Kỳ* quý 2 (1916), ngày 10.7.1916 do Khâm sứ Le Marchant de Trigon tổng hợp và phân tích về cuộc khởi nghĩa tháng 5.1916 ở Trung Kỳ lưu tại Trung tâm lưu trữ Hải ngoại Aix-en-Provence ở Pháp cho biết các yếu nhân đã có cuộc họp tại làng Miêu Bông (nay thuộc quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng) vào đêm ngày 27 tháng 4.1916 để quyết định những công việc tối quan trọng và thông báo tờ mật chiếu của vua Duy Tân kêu gọi khởi nghĩa. Nội dung tờ chiếu viết: “*Thuận theo ý Trời, Trẫm công bố Chiếu chỉ Phục quốc... Ngay sau khi sự nghiệp hoàn thành, tất cả những ai có công hiển sẽ được nhận những phần thưởng xứng đáng... Nay báo!*”³⁷. Vua Duy Tân cho đúc 4 ấn Kinh lược để chỉ huy 4 vùng: *Bình Trị* (Quảng Bình, Quảng Trị), *Nam Ngãi* (Quảng Nam, Quảng Ngãi), *Bình Phú* (Bình Định, Phú Yên), *Khánh Thuận* (Khánh Hòa, Bình Thuận).

Tới gần trước ngày khởi nghĩa, do thiếu thận trọng nên ở một số nơi như: Quảng Nam, Huế kế hoạch khởi nghĩa bị bại lộ. Thực dân Pháp nắm được kế hoạch khởi nghĩa và đã có kế hoạch ngăn chặn.

³⁵ Phan Khoang, *Việt Nam Pháp thuộc sử*, In lần thứ hai (Tăng bổ), Phủ Quốc vụ Khanh đặc trách Văn hóa xuất bản, 1971, tr 464.

³⁶ Tức đêm mùng 2, rạng sáng mùng 3 tháng 4 năm Bính Thìn (1916), Âm lịch.

³⁷ *Chỉ sĩ Lê Cơ trong phong trào chống Pháp đầu thế kỷ XX*, Sđd, tr 220-222.

Nội dung tờ chiếu của vua Duy Tân do ông Nguyễn Trương Dân công bố trên báo *Đà Nẵng cuối tuần* số ra ngày 13.5.2011. Nhân dịp kỷ niệm 95 năm cuộc khởi nghĩa của tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ.

Xem thêm: <http://www.baodanang.vn> và Tạp chí Xưa & Nay, số 469 (tháng 3.1916), số Kỷ niệm 100 năm ngày Khởi nghĩa Duy Tân (1916-2016), tr 11-12.

Thực dân Pháp ra lệnh giới nghiêm tước vũ khí của lính người Việt và cho canh gác tuần phòng nghiêm ngặt. Các tuyến đường giao thông quan trọng đều bị kiểm soát. Kế hoạch khởi nghĩa ở nhiều nơi bị đổ vỡ.

Trong một điện văn vào tháng 4 năm Bính Thìn (1916), đã cho biết Phủ Toàn quyền nắm được kế hoạch khởi nghĩa: “*Thiếu chức quan sát nhân dân và lính tập ở hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi đều coi việc vua Duy Tân rời ngôi là thông đồng với bọn giặc trốn núp ở nước ngoài...*”³⁸.

Sự kiện Khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội được ghi chép khá cụ thể trong *Đại Nam thực lục Chính biên Đế thất kỷ*³⁹ (chép từ năm 1916-1925), “... Trần Cao Vân người Tư Phủ, Quảng Nam, từng can trọng án, được tha về lại mưu sự, cùng Thái Phiên thông đồng tin tức với nước ngoài, tạo cờ hiệu, chế khí giới, họp đồ đảng lên tới kinh sư, ngầm liên kết với Suất đội Siêu, Tá Lý Nguyễn Thượng Trung (đã về hưu) cùng tổ chức một hội bí mật (tên là Hội Thương mại Quế Viên), thu góp tiền bạc, ngầm ngầm hành động. Kế do Thị vệ Tôn Thất Đề chuyển tin vào đại nội, Cao Vân bắt đầu giả làm người câu cá ở hồ phía sau hoàng thành, từ đó thường gặp Phế đế Duy Tân, nói bậy việc quang phục, lại hẹn ngày cử sự (xem tháng 4 năm Duy Tân thứ 10), lại thác tiếng tôn phù, dần dần làm chủ, lại tụ họp lính mộ ngầm đem đao thương khí giới giấu dưới cầu An Hòa, âm mưu nhất tề nổi lên bạo động. Phế đế Duy Tân⁴⁰ bị mê hoặc, nhân lúc nửa đêm đem vài thị tòng rời khỏi hoàng thành ra ngoài để hiểu triệu quân dân, không ngờ

³⁸ Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục Chính biên Đế thất kỷ*, Người dịch: Cao Tự Thanh, NXB. Văn hóa - Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2012, tr 82.

³⁹ *Đệ thất kỷ* chép nối *Đệ lục kỷ*, ghi chép sự việc triều Nguyễn dưới thời vua Khải Định (vua Duy Tân bị phế ngôi vị từ sau 16 tháng 4 năm Bính Thìn - 1916). *Đệ thất kỷ* chép thời vua Khải Định (bắt đầu từ 17 tháng 4 năm Bính Thìn - 1916, năm Khải Định thứ 1 đến năm Ất Sửu, Khải Định thứ 10 tức năm 1925).

⁴⁰ Vua Duy Tân (1900-1945) lên ngôi khi mới 8 tuổi, sau khi vua cha là Thành Thái bị thực dân Pháp phế. Việc triều chính giao cho Phủ Phụ chính (có quyền điều khiển triều chính khi vua còn nhỏ, đi xa, ốm, hoặc băng hà), đứng đầu là Trương Như Cương. Vua Duy Tân là người có tư tưởng bài Pháp.

Khi vua Duy Tân lên ngôi còn nhỏ tuổi, do vậy mà mọi việc do Phủ Phụ chính giải quyết. Phủ Phụ chính gồm những đại thần dưới quyền của tên Khâm sứ Lévecque, “phàm mọi việc liên quan đến tâu đối, phải do Phụ chính phủ thần cung duyệt, rồi mới tâu lên” (*Châu bản triều Duy Tân*, tập IV, tờ I).

sự cơ bị bại lộ, tự chuốc tai họa, nguyên nhân tạo nghiệt thì Cao Vân là kẻ thủ ác. May là ngày ấy Chính phủ Bảo hộ tiên cơ chế ngự, Chính phủ ta đồng tâm cứu vãn, chuyển nguy thành yên, nếu không biến cố đột nhiên xảy ra, Xích huyện thần châu suýt trở thành bãi máu, mà trong giây lát mù tan mây tạnh, lại thấy trời quang, tuy nói trời thương nhưng cũng có sức người ở đó”⁴¹. Rõ ràng nội dung nêu trên cho thấy vai trò của Trần Cao Vân và Thái Phiên là chủ sự, vì vậy mà Trần Cao Vân được gọi là “Kẻ thủ ác”, có sự tham gia của vua Duy Tân, mà sử bút ở đây là bôi bút cho “Chính phủ Bảo hộ” (thực dân Pháp).

Ở Quảng Nam, lực lượng khởi nghĩa đã sẵn sàng chờ lệnh để đánh chiếm thành La Qua và Hội An. Dân quân ở ngoại thành đã chuẩn bị giậy và thang treo vào thành. Người chỉ huy là Trần Chương (cháu Trần Cao Vân) đã treo vào trước đốt một cái nhà làm hiệu. Sự phối hợp khởi nghĩa không diễn ra như mong đợi do những tin tức bại lộ và lính tập bị thu hết súng⁴². Nghĩa quân bị thực dân Pháp phát hiện và bị giải giáp, Lê Đình Dương bị bắt ngay đêm đó, còn Phan Thành Tài liền lánh vào núi Bà Nà nhưng sau đó cũng bị bắt. Chỉ duy nhất ở phủ Tam Kỳ là đã xảy ra cuộc khởi nghĩa, tiêu biểu và lớn hơn cả. Chỉ huy lực lượng nghĩa quân phủ Tam Kỳ vào thời đó gồm có: Trần Huỳnh, Trần Ni, Lê Tiện, Trịnh Uyên,...

Chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa, chiều ngày 3.5.1916, các đội nghĩa binh bồm khoảng 650 người đã bí mật tập kết tại căn cứ Gò Chùa (còn gọi là Gò Đò) kín đáo để làm lễ xuất quân. Sau đó Tổng Lãnh binh Trần Huỳnh đọc tuyên cáo rồi bắn một phát súng lệnh khởi binh. Nghĩa binh xuất phát hướng về phủ lỵ Tam Kỳ... Lê Tiện dẫn một đội nghĩa binh tiến đánh đồn Trà My và cướp được đồn. Nguyễn Tình chỉ huy một đội nghĩa binh đánh chiếm đồn Thương Chánh Hiệp Hoà. Trần Huỳnh, Trần Ni và Trần Tùng Vân (người Minh Hương) chỉ huy một đội nghĩa binh lớn có nhiệm vụ đánh chiếm phủ đường Tam Kỳ và đồn Đại lý Pháp.

Do thực dân Pháp biết trước kế hoạch đã tìm cách bảo vệ phủ đường Tam Kỳ. Khi Trịnh Uyên, chỉ huy đội nghĩa binh Kim Đái leo lên cột cờ của phủ đường để thay thế lá cờ Quê ly bằng lá cờ Ngũ tinh

⁴¹ Đại Nam thực lục Chính biên Đệ thất kỷ, Sdd, tr 83-84.

⁴² Tài liệu tham khảo lịch sử Cách mạng cận đại Việt Nam, tập III, Sdd, tr 100.

thì bị một loạt đạn làm tử thương. Súng từ các ngõ ngách trong các công thự của phủ đường bắn ra xối xả vào nghĩa binh. Bị đánh bất ngờ, các nghĩa binh đã dựa vào địa hình, địa vật phản kích quyết liệt, nhưng do tương quan lực lượng của địch mạnh hơn, sau tám giờ làm chủ phủ lý Tam Kỳ, nghĩa binh không chống cự nổi, phải rút lui⁴³.

Như trên đã nói, cuộc khởi nghĩa bị thất bại, và không kịp hoãn báo tin tức cho các địa phương, do vậy mà ở một số địa phương mưu khởi nghĩa không thành công, chỉ có một số nơi như Tam Kỳ là có khởi nghĩa thực sự. Cuộc khởi nghĩa do Việt Nam Quang phục hội đề xướng thất bại. Thực dân Pháp đã đàn áp, khủng bố rất dã man. Chúng đày đi Lao bảo 62 người, trong đó Quảng Nam có các ông: Lê Cơ, Trương Bá Huy, Đỗ Tự, Lâm Nhĩ, Trần Chương. Một số khác bị đày đi Côn Đảo, Buôn Ma Thuột, Thái Nguyên. Xã Mãi người làng Phước Kiều (Điện Bàn) là người được giao đúc ấn kinh lược cũng bị bắt: *“Lúc bấy giờ ở Quảng Nam, Quảng Ngãi có nhiều người bị đảng giặc Trần Cao Vân mê hoặc làm loạn bị xử tử như Trần Huỳnh, Trần Thuyên cùng Nguyễn Suy, Võ Cẩm, mỗi vụ án đều kéo thêm tới năm sáu người cùng can trọng án, số còn lại hoãn xử tử hình, phát phối chung thân cũng rất thường thấy”*⁴⁴.

Ở Huế, đêm mùng 3 tháng 5, Phan Trứ làm việc ở Tòa Khâm sứ đã báo với Khâm Sứ Huế biết việc vua Duy Tân đã cùng Thái Phiên và Trần Cao Vân ra khỏi Hoàng thành cùng ngày giờ và kế hoạch hành động. Vì vậy mà đến giờ hành động khắp các đồn trại vẫn im hơi lặng tiếng. Tiếng súng thần công, tiếng voi gầm báo hiệu không có, lửa đốt ở đèo Hải Vân cũng không... Vua Duy Tân cùng Thái Phiên và Trần Cao Vân ra khỏi Hoàng thành, chờ đến sáng, nhìn về Kinh đô không thấy động tĩnh gì, biết việc không thành⁴⁵. Ngày hôm sau Le Fol, Đồng lý Văn phòng Tòa Khâm sứ, cùng với 3 sĩ quan khác, có một số lính khố xanh, do Giám binh Lanneluc chỉ huy, được lệnh đi truy lùng và bắt vua Duy Tân. Lúc này nhà vua đã tách 3 sĩ phu nói trên (Thái Phiên, Trần Cao Vân...), để ẩn náu tại một ngôi

⁴³ Nguyễn Phước Tương, *Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916*, Tạp chí Xưa & Nay, số 335, 2009, tr 25-27.

⁴⁴ *Đại Nam thực lục Chính biên Đế thất kỷ*, Sdd, tr 84.

⁴⁵ Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm... *Lịch sử cận đại Việt Nam*, tập III, NXB. Giáo dục, 1961, tr 309.

chùa gần Nam Giao... Tại đây quân Pháp đã phát hiện và bắt vua Duy Tân. Khi chúng vào, một tên định tiến đến để lục soát một cái gói ở thắt lưng của nhà vua. Nhà vua vừa lùi 1 bước vừa nói “*đừng đến gần, ta không có vũ khí gì cả, rất tiếc là nếu ta có 1 khẩu súng thì ta sẽ bắn chết cả bốn đứa bay*”⁴⁶. Vua Duy Tân bị kết tội “nghe lời xu nịnh, làm cho xã tắc khuynh nguy” rồi bị đày đi đảo Réunion⁴⁷.

Ngày 5.5.1916, Thái Phiên bị mật thám Pháp bắt tại Truồi, còn Trần Cao Vân và nhà vua thì bị bắt tại nhà Đội Cơ, ở thôn Ngũ Tây, xã Thủy An, thành phố Huế. Ngày 17.5.1916, thực dân Pháp đưa Thái Phiên, Trần Cao Vân, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu ra chém ở Pháp trường An Hòa, gần Huế⁴⁸.

Vua Duy Tân bị bắt và bị phế bỏ ngôi vị, Toàn quyền Đông Dương đã lựa chọn người thay để phục vụ cho sự thống trị của chúng: “... Việc vua Duy Tân phản đối Bảo hộ, dư luận đều cho rằng không thể ở ngôi vua lâu được. Lại qua lời nghị của Phụ chính và đình thần văn võ xin phế truất, thiêm chức đã gửi điện văn về triều đình Đại Pháp duyệt định. Duy Tân cứ tạm lưu ở đài Trấn Bình rồi sẽ an trí ngoài đất Đông Pháp. Nay kinh đón con trưởng của Cảnh tông Thuần hoàng đế vào nối đại thống, lại tiên đế cũng là lúc trước Đặc ủy nước Đại Pháp đón về tôn lập, tình nghị vốn rất thân thiết”⁴⁹.

Những yếu nhân của cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội, bị bắt và bị xử quyết: “*Thủ phản nghịch là bọn Trần Cao Vân, Thái Phiên, Nguyễn Quang Siêu, Nguyễn Đề (Tôn thất bị tước bỏ tôn tịch) đều bị giết, đồng đảng là bọn Dương Đức Tuyên, Lê Đình Thuởng, Phạm Thành Chương, Lê Đồng Hàn, Nguyễn Thượng Trung, Dương Đức Nhuận hoặc khổ sai lưu đày, hoặc giam giữ phát phối, đều phân biệt theo tội kết án...*”⁵⁰. Một số lần trốn được như Phan Thành Tài, trốn lên miền núi Bến Hiên, Bến Giằng được người thượng tên U They che giấu. Chỉ được mấy ngày, hai người bị bắt áp

⁴⁶ Phạm Văn Sơn (Chủ biên), *Quân dân Việt Nam chống Tây xâm (1847-1945)*, Bộ Tổng Tham mưu (Sài Gòn) xuất bản, 1971, tr 358-359.

⁴⁷ Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm, Hoàng Văn Lân, Nguyễn Văn Sự, Đặng Huy Vận, *Lịch sử cận đại Việt Nam*, tập III, NXB. Giáo dục, 1961, tr 309.

⁴⁸ *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng*, Sdd, tr 466.

⁴⁹ *Đại Nam thực lục Chính biên Đế thất kỷ*, Sdd, tr 82.

⁵⁰ *Đại Nam thực lục Chính biên Đế thất kỷ*, Sdd, tr 83-84.

giải về Vĩnh Điện: “Ngày 9.6.1916, ông bị hành quyết tại một cồn hoang gần thị trấn Vĩnh Điện, Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam”⁵¹.

Nói tóm lại, nhìn toàn cục của cuộc khởi nghĩa có thể thấy cuộc khởi nghĩa này hoàn toàn không phải là một cuộc đấu tranh tự phát của quần chúng nhân dân, cũng không phải do vua Duy Tân đề xướng ra, mà chính là do những sĩ phu, văn thân yêu nước, tiến bộ, cả những quan lại, và những người về hưu, do Việt Nam Quang phục hội chủ trương và lãnh đạo.

3. Một vài nhận xét

Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội năm 1916 thất bại do nhiều nguyên nhân, dù thời cơ khá thuận lợi, “... *âm mưu khởi nghĩa của Thái Phiên, Trần Cao Vân trong vụ Duy Tân tháng 5.1916 cũng như pháo tịt ngòi không một tiếng nổ. Tất cả sự việc ở trên đã chứng tỏ điều kiện khách quan dù có thuận lợi đến mấy, nhưng nếu không có một lực lượng lãnh đạo đúng đắn có thể động viên, tổ chức được dân chúng thì cũng không thể nắm được thời cơ, làm nổ ra một cuộc khởi nghĩa vĩ đại*”⁵².

Ngoài việc không có một lực lượng lãnh đạo đúng đắn, còn có các nguyên nhân khác như việc tuyên truyền không thận trọng, thiếu tổ chức, cảnh giác. Lực lượng của cuộc khởi nghĩa khác với Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ (1908), là có sự nổi dậy mạnh mẽ của quần chúng, thì ở đây lực lượng chính là binh lính người Việt trong quân đội Pháp mà cụ thể là các tân binh chuẩn bị bị đưa sang chiến trường châu Âu. Khi khởi sự bị tước vũ khí, giới nghiêm... Ngoài những nguyên nhân chủ quan trên, còn có nguyên nhân khách quan là nước Pháp ở châu Âu có bị suy yếu vì Chiến tranh Thế giới thứ nhất, nhưng ở Đông Dương chúng vẫn còn mạnh. Lực lượng của ta vũ khí thô sơ, chủ yếu là giáo mác, súng ống không được trang bị tốt. Khi nổ ra khởi nghĩa, binh lính Pháp và Nam triều chỉ có ít quân mà có thể đàn áp, giải tán cả một đám đông...

⁵¹ Nguyễn Q. Thắng, *Cuộc khởi nghĩa Duy Tân năm 1916*, trong cuốn “*Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước*”, NXB. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2002, tr 606-607.

⁵² *Bản thảo đánh máy, Hồ sơ số 56b, Phòng Trần Huy Liệu, THL 56b*, Lưu trữ Thư viện Viện Sử học. Viện Sử học, *Trần Huy Liệu với Sử học*, NXB. Khoa học xã hội, 2011, tr 432.

Chí sĩ Minh viên Huỳnh Thúc Kháng khi viết về “Cuộc khởi nghĩa Duy Tân” đã có lời nhận xét: “Cuộc Duy Tân năm 1916 có cái đặc sắc là từ vua quan đến các sĩ dân cho đến hàng ngũ dưới quyền quân lính Pháp cùng bạn Tây học mà người Pháp đào tạo ra đều ôm lòng phần uất, chứng tỏ rằng chánh sách cai trị của bọn thực dân ở Việt Nam hung ác cực điểm, chúng bạn phân ly bày ra cái tình cảnh “trong một thuyền đều là kẻ cừu địch - chu trung giai địch”. Vậy mà không biết tự xét, cứ thi cái độc thủ “giết đày” tàn khốc, rõ là lòng đen và mắt mù”⁵³.

Quảng Nam là quê hương của truyền thống yêu nước tiêu biểu ở đầu thế kỷ XX, từng là nơi thành lập Duy tân hội (1904), nơi khởi phát: Phong trào Duy tân (1906), Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ (1908). Đó là truyền thống vốn quý trong lịch sử chống ngoại xâm, giữ nước của con người nơi đây. Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội diễn ra tại phủ Tam Kỳ, Quảng Nam nói riêng, cũng như các tỉnh nam Trung Kỳ dù thất bại nhưng nó để lại những bài học kinh nghiệm cho cách mạng Việt Nam giai đoạn tiếp theo.

Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội qua lớp bụi thời gian vừa tròn đúng 100 năm (1916-2016). Có thể nói rằng cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội diễn ra tại Nam Trung Kỳ, tiêu biểu là tại phủ Tam Kỳ là một trong những cuộc khởi nghĩa đã ghi vào lịch sử dân tộc, lịch sử vùng đất Quảng Nam, như một trong những trang sử sáng ngời về truyền thống dám hy sinh, xả thân vì quê hương, dân tộc cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, và cũng là trọng tâm của phong trào yêu nước ở Trung Kỳ vào đầu thế kỷ XX: “Tên đất, tên người Quảng Nam, ghi thêm trang sử vàng quý giá để góp phần giáo dục truyền thống cho nhân dân Quảng Nam yêu thương”⁵⁴./.

NVB

⁵³ Huỳnh Thúc Kháng, *Khởi nghĩa Duy tân*, “Một ít đặt sử trên đoạn sử Việt Nam cách mạng trong thời kỳ thuộc Pháp 1885-1945”, trong phần Phụ lục tài liệu về cuộc khởi nghĩa Duy Tân trong *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước*, Sdd, tr 711.

⁵⁴ Phát biểu của ông Nguyễn Xuân Phúc, nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam tại cuộc Hội thảo khoa học về *Danh xưng Quảng Nam* (Kỷ yếu Hội thảo Tam Kỳ, 9.2001), do Sở Văn hóa Thông tin Quảng Nam tổ chức, tr 11-12.

VỀ CUỘC KHỞI NGHĨA Ở TRUNG KỲ NĂM 1916

ThS. NGUYỄN THỊ THÙY NHUNG*

Trong phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời kỳ Chiến tranh Thế giới thứ nhất (1914-1918), cuộc khởi nghĩa ở Trung Kỳ năm 1916 của tổ chức Việt Nam Quang phục hội có sự tham gia của vua Duy Tân vào vai trò lãnh đạo là một sự kiện rất đáng được chú ý. Vì vậy, bài viết này mong muốn sẽ tìm hiểu rõ hơn về một số khía cạnh của cuộc khởi nghĩa để thấy được những điểm đặc biệt cũng như tầm quan trọng của sự kiện này đối với lịch sử đấu tranh của dân tộc. Qua đó góp phần lý giải vì sao mặc dù kết quả thất bại nhưng cuộc khởi nghĩa vẫn được đánh giá là một sự kiện có tiếng vang lớn vào đầu thế kỷ XX.

Thành phần lãnh đạo và lực lượng tham gia khởi nghĩa

Cuộc khởi nghĩa được sự chuẩn bị lâu dài của tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở hải ngoại cũng như tại miền Trung theo kế hoạch thống nhất. Trong đó, mối quan hệ giữa Tổng hội và Kỳ hội Trung Kỳ được duy trì thường xuyên trong suốt quá trình chuẩn bị¹. Thời điểm diễn ra cuộc khởi nghĩa là vào tháng 5 năm 1916, giai đoạn đỉnh cao của cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918). Trong thời gian này, cùng với hệ quả của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, các chính sách trong thời chiến của Pháp cũng đã tác động lớn rất lớn đến nền kinh tế và xã hội nước ta. Thành phần xã hội chịu sự chi phối sâu sắc nhất của các chính sách thời chiến chính là giai cấp nông dân và lực lượng binh lính. Xét về yếu tố kinh tế, nông dân lâm vào tình trạng cùng quẫn do nông nghiệp Việt Nam bị biến thành một bộ phận của nông nghiệp Pháp với mục đích phục vụ chiến tranh. Mặt khác, một số lượng lớn nông dân lại bị bắt lính, làm bia đỡ đạn cho Pháp tại

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Huế.

¹ Nguyễn Quang Trung Tiến (2006), “Nhận thức mới về cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916”, *Tạp chí Huế xưa & nay*, số 75 (5-6.2006), tr 6.

chiến trường Pháp và châu Âu. Binh lính người Việt phải thực hiện những nhiệm vụ ngày càng tàn khốc hơn đối với đồng bào của mình do Pháp đặt ra để tương xứng với quá trình bóc lột về kinh tế, trấn áp về chính trị, quân sự của Pháp trong thời chiến.

Chính thời điểm nổ ra cuộc khởi nghĩa đã dẫn đến những điểm đặc biệt trong thành phần xuất thân của những người lãnh đạo và lực lượng tham gia cuộc khởi nghĩa. Trong giới lãnh đạo, cuộc khởi nghĩa có sự tham gia của cả những sĩ phu yêu nước cũ như Trần Cao Vân, Lê Ngung; những trí thức Tây học như Lê Đình Dương, Phan Thành Tài; bản thân Thái Phiên cũng đã từng làm Thông phán, Ký lục và từng đứng đầu các công việc kinh doanh theo lối làm ăn mới². Đặc biệt, cuộc khởi nghĩa còn có sự tham gia của nhà vua yêu nước Duy Tân. Tuy xuất thân khác nhau nhưng họ đều có chung mục tiêu đánh Pháp để giải phóng dân tộc, xây dựng nước Việt Nam phát triển theo một hướng mới.

Về thành phần tham gia, động lực chính của cuộc khởi nghĩa là binh lính người Việt trong quân đội Pháp, cụ thể là số lính tập và lính khổ xanh giác ngộ. Ngoài ra, còn có quần chúng nhân dân khắp cả Trung Kỳ ủng hộ, nhất là nhân dân và sĩ phu Quảng Nam, Quảng Ngãi, Huế. Tất cả họ tập trung dưới ngọn cờ khởi nghĩa của tổ chức Việt Nam Quang phục hội. Cuộc khởi nghĩa ở Trung Kỳ năm 1916 có cái đặc sắc là từ vua quan đến các sĩ dân cho đến hàng quân ngũ dưới quyền quân lính Pháp cùng bạn học Tây học mà người Pháp đào tạo ra đều ôm lòng phẫn uất, chứng tỏ rằng chính sách cai trị của bọn thực dân ở Việt Nam đã hung ác cực điểm...³ Vì vậy, trong cuộc khởi nghĩa, lần đầu tiên binh lính người Việt hưởng ứng với số lượng đông đảo. Điều này cho thấy những khó khăn của thực dân Pháp trong việc thực hiện chính sách động viên nhân tài vật lực cho cuộc chiến. Chính sách cai trị của Pháp cũng là lý do đẩy mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp ngày càng trở nên gay gắt và tinh thần hưởng ứng cách mạng của nhân dân và binh lính lên cao.

² Hoàng Hiến (1996), *Vua Duy Tân*, NXB. Thuận Hóa, Huế, tr 51.

³ Nguyễn Q. Thắng (2005), *Quảng Nam trong hành trình mở cõi & giữ nước*, NXB. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr 711.

Cuộc khởi nghĩa có sự tham gia của vua Duy Tân với vai trò là người lãnh đạo tạo nên điểm đặc biệt của sự kiện này so với các phong trào yêu nước trước đó

Mặc dù không phải là người đề xướng lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ngay từ đầu, nhưng vua Duy Tân vẫn đóng vai trò quan trọng trong cuộc khởi nghĩa ở Trung Kỳ năm 1916. Vai trò đó được thể hiện trên nhiều khía cạnh: sự dân thân tham gia vào cuộc khởi nghĩa; sự cung cấp thông tin hữu ích cho những người cách mạng; thậm chí là khí tiết của nhà vua sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại và bị lưu đày, bởi đây là hệ quả từ sự tham gia khởi nghĩa của vua Duy Tân.

Nhận thức được vua Duy Tân là một ông vua yêu nước, có tư tưởng chống Pháp, Đảng bộ Việt Nam Quang phục hội đã có kế hoạch xúc tiến việc mời vua tham gia với tư cách là một người lãnh đạo chính thức cho cuộc khởi nghĩa Trung Kỳ ngay trong hội nghị lần thứ nhất của Hội tại Huế (tháng 9.1915). Tuy nhiên, do liên quan đến vấn đề chính thể của đất nước sau khi khởi nghĩa thành công, nên việc mời vua Duy Tân được bàn bạc kỹ lưỡng trong suốt Hội nghị lần thứ hai (tháng 2 năm 1916). Cuối cùng, Hội nghị vẫn quyết định mời vua Duy Tân tham gia để yên lòng dân.

Về phía vua Duy Tân, mong muốn được gặp gỡ những người lãnh đạo tổ chức Việt Nam Quang phục hội và sau đó chấp nhận rời bỏ ngai vàng để tham gia vào cuộc khởi nghĩa đã chứng minh con người yêu nước nhiệt thành của vua Duy Tân. Sự tham gia vào cuộc khởi nghĩa đánh dấu một bước tiến lên trong tư tưởng và hành động của nhà vua yêu nước Duy Tân - đứng về góc độ giai cấp và thành phần xuất thân của ông mà nói⁴. Bởi không phải dễ dàng gì một ông vua chấp nhận từ bỏ thân phận và địa vị tôn quý của mình để tham gia vào một cuộc khởi nghĩa mà sau đó không biết số phận mình sẽ ra sao. Vua Duy Tân đã làm được điều mà không phải vị vua yêu nước nào cũng làm được.

Khi nhận lời tham gia cuộc khởi nghĩa, ngay trong cuộc gặp gỡ

⁴ Hoàng Hiến (1996), *Vua Duy Tân*, NXB. Thuận Hóa, Huế, tr 59.

đầu tiên, vua Duy Tân đã có những sự bàn bạc, thảo luận và cung cấp nhiều thông tin quan trọng cho những nhà cách mạng của Hội Quang phục. Nghe Thái Phiên và Trần Cao Vân báo cáo tình hình, nhà vua rất quan tâm đến công cuộc chuẩn bị bạo động vũ trang trong nước. Vua Duy Tân đặt nhiều câu hỏi về sự tổ chức của lực lượng vũ trang trong công tác chuẩn bị khởi nghĩa. Về kế hoạch khởi nghĩa, nhà vua tỏ ra yên tâm và hoàn toàn nhất trí với hai nhà cách mạng.

Nhờ được tiếp xúc với những thầy phụ đạo người nước ngoài, vua Duy Tân hiểu rõ tình hình thế giới. Lúc này, nước Pháp đang bị Đức đánh mạnh, Pháp không còn đủ sức đảm đương hết tất cả các thuộc địa của mình. Nhà vua còn nắm được viên đại tá người Đức đang chỉ huy lực lượng đóng ở Mang Cá sẽ sẵn sàng làm hậu thuẫn cho cuộc khởi nghĩa⁵. Hơn nữa, vua Duy Tân cũng tiết lộ đến ngày 10 tháng 5 năm 1916 thì 2500 lính mộ sẽ xuống tàu sang Pháp nên phải khởi nghĩa trước ngày đó mới kịp. Đó cũng là lý do mà lãnh đạo khởi nghĩa đã quyết định chọn tối mùng 3 rạng sáng mùng 4 tháng 5 năm 1916 làm ngày khởi nghĩa. Vua Duy Tân cũng cung cấp thông tin rất đầy đủ về tình hình trong triều đình và nhận lời vận động người trong Hoàng tộc cùng thị vệ tham gia khởi nghĩa.

Có thể nói, mặc dù không đóng vai trò khởi xướng và tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ngay từ đầu, nhưng từ khi dần thân vào hoạt động cùng Hội Quang phục, vua Duy Tân luôn thể hiện sự nhiệt tình trong những công việc chung. Rõ ràng nhà vua không phải là bù nhìn hay thụ động mà chủ động tham gia vào việc chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa. Nhà vua tìm hiểu kỹ lưỡng về quá trình chuẩn bị khởi nghĩa của Trần Cao Vân và Thái Phiên nhất là tổ chức lực lượng vũ trang; những thông tin thiết thực của vua Duy Tân giúp Việt Nam Quang phục hội lựa chọn đúng thời điểm khởi nghĩa. Ngược lại, về phía những nhà cách mạng của tổ chức Việt Nam Quang phục hội, từ khi có sự tham gia của vua Duy Tân, thì trong kế hoạch khởi nghĩa hay mọi việc quan trọng khác, Hội đều thông qua vua Duy Tân để xin ý

⁵ Nguyễn Đắc Xuân biên soạn và sưu tập (1995), *Chuyện ba vua Dục Đức - Thành Thái - Duy Tân*, NXB. Thuận Hóa, Huế, tr 89.

kiến trước khi tiến hành. Như vậy, sự tham gia của vua Duy Tân vào cuộc khởi nghĩa là thực chất và bằng những đóng góp thực sự chứ không phải chỉ là danh nghĩa.

Hơn thế nữa, những ứng xử và thái độ của vua Duy Tân sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại cũng chứng minh đóng góp của nhà vua trong vai trò lãnh đạo cuộc khởi nghĩa và với đất nước. Dù khởi nghĩa thất bại nhưng vua Duy Tân vẫn luôn một lòng với lý tưởng, với tổ chức, với đất nước, không phản bội tất cả để bảo vệ quyền lợi ích kỷ của bản thân mình. Tất cả những gì mà nhà vua thể hiện từ sau khi cuộc khởi nghĩa thất bại đến lúc bị lưu đày và chính cuộc sống của nhà vua nơi bị lưu đày đã chứng minh vai trò thật sự, con người yêu nước thật sự của vua Duy Tân.

Như vậy, xét về vai trò của vua Duy Tân trong cuộc khởi nghĩa ở Trung Kỳ năm 1916, có thể thấy rằng, ngay từ đầu, sự tham gia của nhà vua đã thể hiện tấm lòng yêu nước, thương dân cùng nhận thức sâu sắc của nhà vua rằng: nếu từ chối nghĩa vụ cầm đầu cuộc vận động đó thì ông sẽ là một kẻ hèn nhát, phản bội xứ sở, phản bội cha ông và không còn xứng đáng làm vua một nước nữa. Khi đã tham gia, thì ông tham gia thực sự chứ không phải trên danh nghĩa. Nếu như vua Hàm Nghi bước vào phong trào Cần vương khi lúc đầu mọi việc đều do Tôn Thất Thuyết định đoạt; thì vua Duy Tân bước vào cuộc khởi nghĩa tháng 5 năm 1916 với tư cách là một ông vua trẻ tuổi có suy nghĩ chín chắn về việc cứu nước, cứu dân. Vì vậy, ngay từ buổi gặp gỡ đầu tiên với những nhà cách mạng, vua Duy Tân đã có sự bàn bạc, thảo luận kỹ lưỡng về cuộc khởi nghĩa, đồng thời cung cấp những thông tin hữu ích cho tổ chức Việt Nam Quang phục hội. Do điều kiện khách quan quy định, vai trò của vua Duy Tân không thể như các sĩ phu yêu nước tiên bộ khác trong cuộc khởi nghĩa tháng 5 năm 1916 ở Trung Kỳ, nhưng từ khi tham gia phong trào, vua Duy Tân đã có được những sự chuyển biến từ nhận thức đến hành động, tiến kịp tư tưởng của những người lãnh đạo khởi nghĩa, mặc dù tư tưởng đó không phải là tư tưởng tiên bộ theo kịp thời đại nữa. Dù thời gian tham gia khởi nghĩa rất ngắn, nhưng vua Duy Tân đã cố gắng hết sức mình để làm những gì có thể, thể hiện sự chủ động và không đòi

hỏi bất cứ quyền lợi gì cho bản thân. Chúng ta có thể thấy vua Duy Tân đã đặt quyền lợi dân tộc lên trên lợi ích cá nhân, điều mà không phải ông vua nào cũng làm được⁶.

Mục tiêu cuối cùng của cuộc khởi nghĩa không phải là khôi phục lại chế độ phong kiến với người đứng đầu là vua Duy Tân mà là đánh đuổi Pháp, xây dựng một nước Việt Nam mới

Cuộc khởi nghĩa có sự tham gia của vua Duy Tân nhưng lại không mang tính chất phong kiến mà là sự tiếp nối của phong trào yêu nước có xu hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX⁷. Bản thân vua Duy Tân khi tham gia vào cuộc khởi nghĩa cũng đã ít nhiều tiếp cận với tư tưởng dân chủ tư sản. Nhà vua cũng chỉ xem mình là một người lính và không có đòi hỏi gì cho quyền lợi của cá nhân⁸. Cho nên cuộc khởi nghĩa hoàn toàn không còn mang tính chất phong kiến theo ý nghĩa phò tá một ông vua hay một triều đại nào như trước.

Cuộc khởi nghĩa Trung Kỳ năm 1916 do những yếu nhân trong tổ chức Việt Nam Quang phục hội lãnh đạo nên mang đậm tư tưởng và đường lối hoạt động của tổ chức này. Tuy nhiên, những yếu nhân của Hội Quang phục ở trong nước chưa có sự chuyển hướng tư tưởng một cách kịp thời nên tư tưởng của cuộc khởi nghĩa chỉ dừng lại ở mức cao nhất là quân chủ lập hiến mà thôi⁹. Điều đó được chứng minh trong hội nghị tháng 2 năm 1916 với việc định ra quốc hiệu (Việt Nam), quốc kỳ (hình vuông, nền đỏ, 5 ngôi sao trắng quanh một vòng tròn), quân kỳ và quân đô (thủ đô sẽ đặt tại Quy Nhơn), chính thể (quân chủ lập hiến); định ngày khởi nghĩa vào giữa tháng 5-1916. Mặc dù tôn chỉ của những người lãnh đạo còn lạc hậu so với trào lưu cách mạng nói chung, dù tổ chức thiếu chặt chẽ và không khoa học, nhưng cuộc vận động vẫn được nhân dân và binh lính người Việt nhiệt liệt hưởng ứng. Những hạn chế nói trên cũng là hạn chế chung của thời đại mà những con người sống trong thời đại đó chưa thể vượt qua.

⁶ Hoàng Hiến (1996), *Vua Duy Tân*, NXB. Thuận Hóa, Huế, tr 122-124.

⁷ Phạm Hồng Việt, “Vụ mưu khởi nghĩa có sự tham gia của vua Duy Tân ở Huế (3.5.1916)”, in trong *Tác phẩm tuyển chọn những bài báo về lịch sử trên những chặng đường lịch sử thế kỷ XX*, Huế, 2009, Bản đánh máy, tr 20.

⁸ Hoàng Hiến (1996), *Vua Duy Tân*, NXB. Thuận Hóa, Huế, tr 60-61.

⁹ Hoàng Hiến (1996), *Vua Duy Tân*, NXB. Thuận Hóa, Huế, tr 51.

Về phạm vi diễn ra theo kế hoạch và tầm ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa ở Trung Kỳ năm 1916

Trước đây có nhiều ý kiến cho rằng cuộc khởi nghĩa này chỉ diễn ra trong phạm vi ở Huế và các tỉnh miền Nam Trung Kỳ, tuy nhiên những nghiên cứu gần đây đã ngày càng khẳng định phạm vi cuộc khởi nghĩa không giới hạn ở Huế và một vài địa phương mà gần như bao trùm cả miền Trung. Theo kế hoạch, Kỳ hội Trung Kỳ chủ trương phát động cuộc khởi nghĩa trên nhiều tỉnh miền Trung, đồng thời còn vạch ra phương án dự phòng khi thất bại thì rút về các căn cứ ở miền núi để cố thủ. Tuy nhiên, do thực tế là nhân sự chủ chốt và ảnh hưởng của Việt Nam Quang phục hội không đều trên địa bàn Trung Kỳ, nên kế hoạch khởi nghĩa được khoanh vùng từ Quảng Bình vào đến Bình Thuận (bao gồm cả Tây Nguyên)¹⁰. Như vậy, phải nói rằng dù vẫn còn nhiều hạn chế về mặt tư tưởng, tổ chức và kế hoạch hành động, nhưng cuộc khởi nghĩa vẫn nhận được sự ủng hộ to lớn từ nhiều tầng lớp nhân dân trên một phạm vi rộng lớn.

Điểm đặc biệt nữa là trong các địa phương thuộc phạm vi cuộc khởi nghĩa chỉ duy nhất ở phủ Tam Kỳ là đã xảy ra cuộc khởi nghĩa thực sự. Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội, mặc dù trên toàn cục, do âm mưu nổi dậy bị bại lộ nên thất bại ở Kinh đô và một số tỉnh khác, nhưng nó đã nổ ra trong một bộ phận tại phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Cuộc nổi dậy vũ trang đã xảy ra vào đêm 3.5.1916 tại phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam là một thực tế lịch sử, là một cuộc khởi nghĩa với đầy đủ tính chất của nó do Việt Nam Quang phục hội lãnh đạo, đã để lại một dấu ấn sâu sắc trong truyền thống cách mạng chống Pháp của xứ Quảng địa linh nhân kiệt mà nhân dân Quảng Nam có quyền tự hào¹¹.

Kết quả của cuộc khởi nghĩa tuy thất bại nhưng có tiếng vang lớn trong và ngoài nước. Đánh giá về cuộc khởi nghĩa này, Hội đồng chính phủ Đông Dương trong phiên họp thường kỳ năm 1916 đã nhận

¹⁰ Nguyễn Quang Trung Tiến, Nhận thức mới về cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916, *Tạp chí Huế xưa & nay*, số 75 (5.6.2006), tr 7.

¹¹ Nguyễn Phước Tương (2009), Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916, <http://www.vusta.vn>.

định: “Phong trào hồi tháng 5.1916 vừa qua, cũng giống như các cuộc phiên loạn, hồi năm 1908, là sự nghiệp của đảng phái cách mạng đang có hoạt động chống lại sự nghiệp của người Pháp... nhân cơ hội nước Pháp đang bận bịu về cuộc chiến tranh ở châu Âu mà gây rối loạn ở Đông Dương nhằm đánh đuổi người Pháp ra khỏi đất nước An Nam, giành lại nền độc lập cho xứ sở”¹². Trong bài báo “Tổng kết cuộc tranh luận về một quyền tự quyết” viết hồi tháng 7.1916, V.I Lênin đã viết: “Đã có những mưu đồ khởi nghĩa ở An Nam thuộc Pháp”¹³. Có thể nói, cuộc khởi nghĩa Trung Kỳ năm 1916 mặc dù thất bại nhưng vẫn được đánh giá như một sự kiện có tầm ảnh hưởng đến sự thống trị của Pháp ở Việt Nam, gây khó khăn cho chính sách động viên của Pháp. Tuy vẫn còn hạn chế trong nhiều vấn đề nhưng cuộc khởi nghĩa đã làm phong phú hơn truyền thống yêu nước của dân tộc, tạo thêm một minh chứng hùng hồn khẳng định ý chí giành lại quyền độc lập cho đất nước của nhân dân Việt Nam nói chung và nhân dân và sĩ phu Quảng Nam, Quảng Ngãi, Huế nói riêng./.

NTTN

¹² Nguyễn Q. Thắng (2005), *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước*, NXB. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr 613.

¹³ Phạm Hồng Việt, “Vụ mưu khởi nghĩa có sự tham gia của vua Duy Tân ở Huế (3.5.1916)”, in trong *Tác phẩm tuyển chọn những bài báo về lịch sử trên những chặng đường lịch sử thế kỷ XX*, Huế, 2009, Bản đánh máy, tr 20.

TIỀN ĐỀ TƯ TƯỞNG CỦA KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI

*Th.S NGUYỄN THỊ HÀ GIANG**

Vào đầu thế kỷ XX, khi các phong trào đấu tranh vũ trang chống Pháp dưới ngọn cờ Cần vương bị đàn áp và thất bại, thực dân Pháp đã xác lập được nền thống trị của chúng ở nước ta. Đề tìm đường cứu nước đưa dân tộc vượt qua khủng hoảng, đầu thế kỷ XX, các chí sĩ yêu nước, tiến bộ đã tiếp thu những luồng tư tưởng mới và phát động phong trào yêu nước với các xu hướng khác nhau.

Quảng Nam là điểm khởi phát và là một trung tâm sôi nổi của những phong trào đấu tranh theo khuynh hướng mới. Nhiều nhân vật yêu nước của Quảng Nam có ảnh hưởng sâu sắc trên toàn quốc như Tiểu La Nguyễn Thành là một trong những người khởi xướng phong trào Đông du cùng Phan Bội Châu; Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp là những người phát động phong trào Duy tân; Trần Cao Vân, Thái Phiên là những người chủ xướng cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội. Các xu hướng đó tuy biện pháp khác nhau nhưng đều hướng về tư tưởng dân chủ tư sản.

Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội của các tỉnh Trung Kỳ từ Quảng Trị cho đến Bình Định do Thái Phiên (quê ở làng Nghi An, tổng Phước Tường, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam) lãnh đạo năm 1916 với sự tham gia của Trần Cao Vân (quê ở làng Tư Phú, tổng Hòa Đa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam) đã tạo nên chấn động lớn trong phong trào chống Pháp ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Cuộc nổi dậy vũ trang đã xảy ra vào đêm 3.5.1916 tại phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam là một cuộc khởi nghĩa với đầy đủ tính chất của nó. Cuộc khởi nghĩa nổ ra hướng theo tư tưởng dân chủ tư sản của Việt Nam Quang phục hội.

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Đà Lạt.

1. Nguồn gốc của tư tưởng dân chủ tư sản

Tư tưởng dân chủ tư sản xuất hiện trước mỗi cuộc cách mạng tư sản và trở thành tiền đề tư tưởng chuẩn bị cho các cuộc cách mạng này bùng nổ. Tư tưởng này đã xuất hiện ở nhiều cuộc cách mạng xã hội của giai cấp tư sản ở nhiều nước trên thế giới. Ở Anh, hệ tư tưởng dân chủ tư sản thể hiện qua cuộc đấu tranh của Thanh giáo chống lại Anh giáo, là ngọn cờ của giai cấp tư sản núp dưới bóng tôn giáo. Ở Pháp, đầu thế kỷ XVIII, có trào lưu tư tưởng “*Ánh sáng*” chống chế độ phong kiến, giáo hội, xây dựng mô hình xã hội lý tưởng với những đại biểu xuất sắc: Montesquieu, Rousseau, Voltaire. Ở Nhật, trước cuộc cải cách của vua Minh Trị, xuất hiện trào lưu “*Hà Lan học*”, đề xướng tư tưởng “*trọng thương*”, tiếp thu nhiều thành tựu tiên bộ của phương Tây.

Khuynh hướng dân chủ tư sản là một khái niệm dùng để chỉ một hướng đi mà theo đó sẽ có sự định hướng về con đường giải phóng và phát triển xã hội, chống lại chế độ phong kiến và hướng tới xã hội tiến bộ hơn. Điều đó thể hiện đúng nguyện vọng của người dân. Do đó, nó có tác dụng khơi dậy tinh thần đấu tranh của nhân dân. Và như vậy, tư tưởng dân chủ có tác dụng mở đường cho các cuộc cách mạng tư sản bùng nổ. Cách mạng tư sản sau thắng lợi, tư tưởng dân chủ được khẳng định và thể chế dân chủ được thành lập với mô hình nhà nước Tam quyền phân lập tiến bộ hơn các thể chế trước đó. Sự tiến bộ đó sẽ được tìm thấy trong các mô hình xã hội phương Tây. Nói cách khác, khuynh hướng dân chủ tư sản là một hướng đi, thoát khỏi xã hội phong kiến lạc hậu để xây dựng một xã hội tiến bộ theo mô hình phương Tây.

Tuy nhiên, tư tưởng dân chủ tư sản tuy đề cao vấn đề dân chủ nhưng chỉ là dân chủ giới hạn trong phạm vi giai cấp tư sản, còn đa số nhân dân lao động vẫn bị áp bức bóc lột, bị hạn chế trong việc hưởng tự do dân chủ. Giai cấp tư sản trong xã hội mới được hưởng nhiều quyền lợi kinh tế lẫn chính trị, cơ bản đối lập với nhân dân. Như vậy, dân chủ tư sản là quyền dân chủ giữa những con người thuộc giai cấp tư sản.

Những năm đầu thế kỷ XX là thời kỳ mà tư tưởng dân chủ tư sản Âu - Mỹ, những tiến bộ của Nhật Bản sau cuộc Minh Trị duy tân (1868), sự thắng lợi của chủ nghĩa Tam dân trong suốt quá trình tiến hành cách mạng dân chủ tư sản ở Trung Quốc (1911-1927) đã ảnh hưởng tới Việt Nam. Bên cạnh đó, tác động của chính sách đầu tư, khai thác thuộc địa của Pháp đã tạo điều kiện những luồng tư tưởng mới này du nhập vào nước ta. Có thể nói rằng, chưa bao giờ ảnh hưởng của thế giới bên ngoài mạnh mẽ đến như vậy. Nhưng trong giai đoạn đầu tiên này, các sĩ phu tư sản hóa Việt Nam được giác ngộ tư tưởng mới chủ yếu qua làn sóng tư tưởng cải cách Trung Hoa. Tư tưởng này du nhập vào Việt Nam đang lúc xã hội Việt Nam khủng hoảng về con đường cứu nước thì nó được tiếp nhận một cách nhanh chóng, làm chuyển biến tư tưởng cách mạng Việt Nam.

2. Tác động của tư tưởng dân chủ tư sản ở Trung Quốc

Cuối thế kỷ XIX, những năm đầu thế kỷ XX, tình hình thế giới có nhiều biến đổi, đặc biệt là các nước Châu Á đang trong quá trình thức tỉnh. “*Sự thức tỉnh của châu Á*” là khái niệm của Lenin đầu thế kỷ XX dùng để chỉ những trào lưu tư tưởng muốn thoát khỏi chế độ phong kiến để vươn tới những nền văn minh mới ở châu Âu. Phong trào này bắt đầu ở Nga với xu hướng cải tổ nhằm thủ tiêu chế độ Sa hoàng, thiết lập chế độ tư bản chủ nghĩa ở Nga. Sau đó, trào lưu tư tưởng này xuất hiện ở Tây Ban Nha, Myanmar, Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Việt Nam, Nhật Bản,... Khi nói tới “*sự thức tỉnh của Châu Á*”, người ta hay nói đến Trung Quốc, Nhật Bản, trong đó có sự xuất hiện của những cuốn sách, những tờ báo đề cập những vấn đề về kinh tế, chính trị, tư tưởng của phương Tây.

Đối với Việt Nam, Trung Quốc không chỉ có cùng cảnh ngộ là một nước phong kiến bị thực dân xâm lược mà còn là nước có nhiều điểm tương đồng về văn hóa, đặc biệt là ảnh hưởng của Nho giáo và chữ Hán. Ngoài ra, Trung Quốc còn là nước láng giềng với Việt Nam nên thường xuyên có sự tiếp xúc giữa những nhà cách mạng. Do đó, cách mạng Trung Quốc có ảnh hưởng lớn đến cách mạng Việt Nam. Bản thân sỹ phu Trung Hoa lúc đó đã nhận ra rằng lối khoa cử và tư

tưởng cũ không còn hợp thời nữa. Nhiều trí thức tiên tiến đã du học châu Âu, hấp thu học thuật mới và dịch các tác phẩm triết học châu Âu của Montesquieu, Rousseau, Huxley, Spens, Smith; các tác phẩm văn học của Victor Hugo, Alexandre Dumas, Honoré de Balzac, Charles Dicken, Cervantes,... Những tư tưởng tiên bộ này được truyền vào Việt Nam qua những “tân thư”, “tân văn”.

Tân thư là một danh từ khá bao quát để chỉ những cuốn sách chứa đựng những kiến thức mới, khác với những kiến thức cũ trong kinh điển của nhà Nho. Những kiến thức mới này bao gồm những tri thức về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, nhân văn. Những cuốn sách này phần lớn được dịch từ Nhật Bản sang chữ Hán và có khi chỉ dịch tóm lược lấy ý cơ bản nhằm giới thiệu “văn minh phương Tây” với mục đích hô hào đổi mới. Ngoài “tân thư”, còn có “tân văn” là những tờ báo đăng tải những bài vở, tin tức do các nhà duy tân Trung Quốc sáng lập. Có thể khẳng định tân thư là một hiện tượng chung của các nước châu Á lúc bấy giờ trước nguy cơ bành trướng của chủ nghĩa tư bản phương Tây.

Trong số những nhân vật nổi tiếng trong cuộc vận động duy tân ở Trung Quốc lúc bấy giờ có hai người nổi bật nhất là Khang Hữu Vi (1858-1927) và Lương Khải Siêu (1873-1929). Những tác phẩm của họ như “*Dại Đồng thư*” của Khang Hữu Vi, “*Âm Bãng thất văn văn tập*” của Lương Khải Siêu có ảnh hưởng to lớn tới tư tưởng, nhận thức, tình cảm của giới sĩ phu yêu nước Việt Nam: “*Tập Âm Bãng của Lương tiên sinh với sĩ phu ta chẳng khác chi thuốc hay với người mang bệnh trầm kha. Còn Trung Quốc hẳn cũng cả Lương là tập sách vài mươi trang mà thay đổi lòng người như chớp, một cuốn sách nói chuyện nước Tàu mà 20 triệu dân An Nam ta phấn khởi*”¹.

Hầu hết những sĩ phu yêu nước Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX đều tiếp xúc với tư tưởng dân chủ tư sản qua tân thư, tân văn. Tuy nhiên, các nhà cách mạng Việt Nam tiếp nhận tư tưởng dân chủ tư sản

¹ Đỗ Thị Minh Thúy, Nguyễn Hồng Sơn (đồng chủ biên) (2010), *Phong trào duy tân với sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam đầu thế kỷ XX*, NXB. Từ điển Bách khoa và Viện Văn hóa, Hà Nội, tr 114.

Trung Hoa một cách đầy sáng tạo. Vì thế, phong trào đấu tranh của các bậc sỹ phu phong kiến Việt Nam vượt xa hẳn các nhà duy tân mà họ chịu ảnh hưởng. Trong khi, những nhà duy tân Trung Quốc còn dựa vào triều đình Mãn Thanh để duy tân; thì các sỹ phu yêu nước Việt Nam đều lên án chế độ phong kiến đã lỗi thời lạc hậu. Là những trí thức của giai cấp phong kiến, xuất thân từ Nho giáo mang nặng tư tưởng trung quân nhưng đứng trước sự sụp đổ của triều đình, sự thất bại của phong trào Cần vương và tác động của những biến chuyển lớn của thời cuộc mới làm cho họ bừng tỉnh. Cho đến giữa thế kỷ XIX, đặc điểm sinh hoạt tư tưởng Việt Nam thời phong kiến là sự cô lập, cách biệt với thế giới bên ngoài. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, trong điều kiện chiến tranh với sự xâm nhập ngày càng mạnh mẽ của văn minh phương Tây, những nhà Nho tiên tiến khao khát tìm đến học thuật tư tưởng mới.

Ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX, các phong trào đấu tranh chịu ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản tuy đã lỗi thời ở phương Tây, nhưng lại là một luồng gió mới đối với số đông sỹ phu yêu nước Việt Nam lúc bấy giờ. Đây là thời kỳ quá độ từ phạm trù phong kiến sang phạm trù tư sản. Phương hướng đấu tranh là xóa bỏ nhà nước phong kiến chuyên chế, xây dựng một nhà nước tiến bộ hơn. Chính khuynh hướng dân chủ tư sản đã làm cho công cuộc vận động giải phóng dân tộc ở Việt Nam có nhiều chuyển biến tích cực. Tư tưởng đó đã khơi lên ngọn lửa đấu tranh của những phong trào cách mạng trong những năm đầu thế kỷ XX. Đi tiên phong trong việc tiếp thu, truyền bá tư tưởng mới - dân chủ tư sản là chí sỹ Phan Bội Châu.

3. Tư tưởng dân chủ tư sản của khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội

Phan Bội Châu là nhà cách mạng tiêu biểu trong phong trào đấu tranh của lịch sử Việt Nam đầu thế kỷ XX. Năm 1897, được đọc tân thư, tân báo giới thiệu tư tưởng mới ở phương Tây, Phan Bội Châu đã quyết định đi theo khuynh hướng dân chủ tư sản. Ông đã thành lập, lãnh đạo Duy tân hội và phong trào Đông du (1905-1908).

Tháng 10.1911, cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc thắng lợi có tác động đến tư tưởng của Phan Bội Châu. Tư tưởng của Phan Bội Châu đã có sự chuyển biến từ quân chủ sang dân chủ. Ông nhận thấy sự lỗi thời lạc hậu của chế độ phong kiến và muốn thay thế nó bằng thể chế cộng hòa tư sản. Sự chuyển biến tư tưởng này được đánh dấu bằng việc thành lập tổ chức Việt Nam Quang phục hội năm 1912. Việt Nam Quang phục hội được Phan Bội Châu thành lập thay thế Duy tân hội. Mục đích của hội là đánh đuổi thực dân Pháp và thủ tiêu chế độ quân chủ phong kiến, xây dựng chính thể dân chủ, theo chủ nghĩa dân chủ với mục đích đánh đuổi người Pháp khỏi Đông Dương. Phan Bội Châu đã xác định đúng yêu cầu cấp thiết hàng đầu của cách mạng Việt Nam là giành độc lập dân tộc. Với sự thành lập của Việt Nam Quang phục hội, lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, chủ nghĩa quân chủ đã bị phủ nhận và chủ nghĩa dân chủ “được xác định”.

Việt Nam Quang phục hội ra đời khi cách mạng Việt Nam đang chuyển sang giai đoạn thoái trào, thực dân Pháp và phong kiến tay sai đang đẩy mạnh khủng bố sau những vụ Đông du, chống thuế ở Trung Kỳ, đầu độc ở Hà Nội. Tổ chức cách mạng này nhanh chóng phát triển về nước và được sự hưởng ứng mạnh mẽ của giới nhân sỹ yêu nước cả Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ.

Các sĩ phu ở Quảng Nam và Trung Kỳ tiếp nhận mục đích, tôn chỉ của Hội và nhận chiến đấu trong tổ chức cách mạng này. Những chí sĩ trước đó hoạt động trong Duy tân hội, trong phong trào Duy tân, nhiều nhà yêu nước thuộc các tầng lớp xã hội khác nhau, trong đó tiêu biểu là: Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Đình Dương, Phan Thành Tài, Đỗ Tự đã tự nguyện đứng vào tổ chức, hình thành Kỳ hội Việt Nam Quang phục hội tại Trung Kỳ². Ở Quảng Nam, Thái Phiên đứng ra thành lập Quang phục hội Quảng Nam vào năm 1913 với sự tham gia của Lê Đình Dương, Phan Thành Tài, Trần Cao Vân. Sự thành lập Kỳ bộ và Quang phục hội Quảng Nam thể hiện quyết tâm của các sĩ phu yêu nước tiến bộ Quảng Nam đi theo con đường cách mạng dân

² Nguyễn Quang Trung Tiến (2006), “Nhận thức mới về cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang Phục hội ở Trung Kỳ năm 1916”, Tạp chí *Huế xưa và nay*, số 5-6, tr 4.

chủ tư sản và phương thức hành động chủ yếu là đấu tranh vũ trang.

Năm 1914, Chiến tranh Thế giới thứ nhất bùng nổ, lôi kéo nước Pháp vào cuộc chiến. Những người lãnh đạo Quang phục hội Trung Kỳ nhận thấy thời cơ thuận lợi để phát động khởi nghĩa đã đến. Tháng 3.1914, các đại biểu của Quang phục hội Nam Trung Kỳ tiến hành hội nghị lần thứ nhất ở Đà Nẵng. Hội nghị lần thứ hai diễn ra tại Huế vào tháng 9.1915 do Thái Phiên chủ trì. Một vấn đề quan trọng mà hội nghị bàn cãi là sau khi khởi nghĩa thành công thì thiết lập chế độ cộng hòa dân chủ hay chế độ quân chủ lập hiến. Những đại biểu ủng hộ chế độ quân chủ lập hiến cho rằng vì dân chưa hiểu chế độ cộng hòa dân chủ nên nếu họ biết cuộc khởi nghĩa phé truất cả vua e rằng dân sẽ không ủng hộ. Trước tình hình đó, Thái Phiên đã đưa ra một sáng kiến chính trị là “*Phụng kim thượng vi an dân cơ sở*” (Rước vua về làm cơ sở để yên lòng dân) và yêu cầu hai phái của hội nghị dung hòa ý kiến. Như vậy, hội nghị chưa quyết định rõ thể chế chính trị³. Cuối tháng 2.1916, hội nghị lần thứ ba được triệu tập với sự có mặt của các nhân sĩ Quảng Ngãi, Quảng Nam, Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình do Thái Phiên, Trần Cao Vân chủ trì. Hội nghị lần này đã quyết định chính thể là quân chủ lập hiến với nội dung dân chủ tư sản kiểu nước Anh và quyết định mời vua Duy Tân tham gia cuộc khởi nghĩa.

Với cuộc khởi nghĩa theo tư tưởng dân chủ, đoạn tuyệt với tư tưởng quân chủ, sự tham gia của vua Duy Tân đã đặt ra nghi vấn về hướng đi sau khi cuộc khởi nghĩa thành công. Tuy nhiên, sự có mặt của vua Duy Tân trong cuộc khởi nghĩa không làm thay đổi định hướng dân chủ tư sản của cuộc khởi nghĩa. Việc mời vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa cũng được bàn đi bàn lại nhiều lần trong các hội nghị. Trong hội nghị lần một, chỉ có một số hội viên ở Quảng Nam ủng hộ việc mời vua Duy Tân; tại hội nghị lần hai, việc mời vua mới được thông qua trong toàn Kỳ hội; đến hội nghị lần thứ ba, tất cả hội viên mới nhất trí phương án liên lạc trực tiếp với nhà vua để mời

³ Nguyễn Phước Tương, “Thái Phiên, nhà lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của Quang phục hội năm 1916”, Tạp chí *Huế xưa và nay*, số 5-6.2006, tr 12.

tham gia khởi nghĩa. Như vậy, việc mời vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa chỉ với tư cách khách mời chứ không phải là người phát động khởi nghĩa⁴, cũng như không làm thay đổi lập trường tư tưởng dân chủ tư sản, còn người trực tiếp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa là Thái Phiên và Trần Cao Vân. Đó là những yếu nhân giữ vai trò hết sức quan trọng của cuộc khởi nghĩa nhưng vẫn nằm trong tổ chức Việt Nam Quang phục hội, có quan hệ chặt chẽ với Tổng hội ở nước ngoài.

Qua các kỳ hội nghị, Kỳ hội đã đề ra kế hoạch phát động khởi nghĩa từ Quảng Bình trở vào các tỉnh phía nam, vạch ra kế hoạch dự phòng nếu thất bại thì rút lui căn cứ ở miền núi rừng, và phân công phụ trách cụ thể từng vùng cho bộ phận lãnh đạo khởi nghĩa. Trên cơ sở lực lượng đã được tổ chức, những người lãnh đạo cuộc vận động khởi nghĩa đã quyết định khởi sự vào trung tuần tháng 5.1916, nhưng sau đó lại chọn tối ngày 3 rạng ngày 4.5.1916. Không may, kế hoạch bị lộ, cuộc vận động khởi nghĩa thất bại và bị đàn áp. Riêng ở Quảng Nam, dù không nhận được lệnh khởi nghĩa, nghĩa quân ở đây đã tự động tấn công một số nơi, trong đó chỉ duy nhất ở phủ Tam Kỳ là đã xảy ra cuộc khởi nghĩa thực sự.

Cuộc khởi nghĩa thất bại do nhiều nguyên nhân nhưng không thể nhắc tới một nguyên nhân hết sức quan trọng về mặt tư tưởng. Lúc này, tuy con đường dân chủ tư sản đã trở nên lỗi thời ở Tây Âu, bộc lộ những mặt tiêu cực nhưng so với các nước phương Đông, trong đó có Việt Nam, nó vẫn còn hết sức mới mẻ, đầy sức hấp dẫn và đặc biệt nó mang tính chất tiến bộ hơn hẳn so với ngọn cờ phong kiến, dù sức lôi kéo các nhà yêu nước Việt Nam đang bế tắc trong đường lối cứu nước. Bản thân con đường dân chủ tư sản đã chứa đựng nhiệm vụ dân chủ nhưng khi vào nước ta, với điều kiện mới, nó đồng thời tiến lên giải quyết nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Nói cách khác, khuynh hướng dân chủ tư sản vừa là mục tiêu, vừa là phương tiện để đi tới độc lập. Tuy nhiên, nếu như với cách mạng tư sản ở các

⁴ Nguyễn Quang Trung Tiến, “Nhận thức mới về cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916”, Tạp chí *Huế xưa và nay*, số 5-6. 2006, tr 6-7.

nước châu Âu, tư tưởng dân chủ tư sản nảy sinh từ trong yêu cầu nội tại của cuộc cách mạng đó thì ở Việt Nam chưa có một cơ sở để tiếp thu nó. Do đó, tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây vào Việt Nam thông qua Trung Quốc đã có sự biến dạng nhất định. Vốn không phải là quê hương của tư tưởng dân chủ tư sản, các tác phẩm qua các tân thư, tân văn truyền bá vào Việt Nam vốn đã mang tính chủ quan lại thiếu tính hệ thống, không đề cập đến các vấn đề cơ bản nhất của tư tưởng này. Như vậy, tư tưởng mà cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội hướng tới không phải xuất phát từ trong thực tế lao động thực tiễn ở Trung Kỳ, ở Quảng Nam mà qua sách báo, do đó không tránh khỏi hạn chế.

Với những điều kiện mới, cùng với phong trào yêu nước đầu XX, cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Nam là sự tiếp nối phong trào đấu tranh của giai đoạn trước nhưng mang tính chất dân chủ tư sản, một bước tiến mới so với ngọn cờ phong kiến. Tính chất tư sản tuy chưa trở thành một cuộc cách mạng nhưng nó là sự kế thừa truyền thống đấu tranh chống Pháp của dân tộc nói chung, của nhân dân Quảng Nam nói riêng, nhưng ở một trình độ cao hơn về tư tưởng chính trị và tổ chức, lực lượng và phương pháp đấu tranh. Đây là thời kỳ phong trào yêu nước ở Quảng Nam chuyển từ phạm trù phong kiến sang phạm trù dân chủ tư sản, phù hợp với những điều kiện lịch sử Việt Nam và thế giới lúc bấy giờ. Những tấm gương sáng của cuộc khởi nghĩa và những gì còn là hạn chế đều để lại bài học kinh nghiệm quý báu cho thế hệ cách mạng, góp phần gây dựng cơ sở cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Quảng Nam về sau./.

NTHG

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TƯ TƯỞNG QUÂN SỰ TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI NĂM 1916

*ThS. TRẦN VĂN GIÁP**

Năm 1912, Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Quang phục hội, hoạt động với chủ trương sử dụng bạo lực đánh đuổi thực dân Pháp. Thực hiện chủ trương đó hội đã tổ chức nhiều cuộc ám sát, bạo động vũ trang như: Ám sát tuần phủ Thái Bình (1913), ném tạc đạn vào khách sạn Hà Nội (1913), đánh úp tỉnh lỵ Phú Thọ (1.1915), đánh đồn Tà Lùng ở Cao Bằng (3.1915), phá ngục Lao Bảo ở Quảng Trị (9.1915), khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916... Trong đó khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916 (còn gọi là khởi nghĩa tại Nam Trung Kỳ và Huế) là hoạt động vũ trang có quy mô, gây tiếng vang lớn nhất, biểu hiện rõ nét tư tưởng quân sự của Phan Bội Châu và tổ chức Việt Nam Quang phục hội.

Ngày 1.8.1914 Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất bùng nổ. Sau hơn 1 năm tham chiến trong cuộc Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất thực dân Pháp đã hao tổn khá nhiều về nhân, vật lực. Để bù đắp sự thâm hụt về con người, Pháp tăng cường bắt lính ở các nước thuộc địa, nhất là ở Đông Dương. Các đợt bắt ép đi lính đã gây phẫn nộ trong dư luận của quần chúng nhân dân, đặc biệt là tầng lớp binh lính.

Tháng 3 năm 1914, các nhà yêu nước trong Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ đã tổ chức một cuộc họp tại Đà Nẵng, thảo luận và quyết định chuẩn bị khởi nghĩa. Tháng 9 năm 1915, Thái Phiên chủ trì cuộc họp các nhà yêu nước tại Huế, một số ý kiến tỏ ra nóng nảy muốn phát động khởi nghĩa ngay. Tuy nhiên, các thành viên tham gia cuộc họp thảo luận xét thấy các điều kiện chưa thực sự chín muồi nên quyết định hoãn khởi nghĩa, tiếp tục vận động binh lính và

* Ban Khoa học quân sự, BCH Quân sự tỉnh Quảng Nam.

mời vua Duy Tân cùng tham gia khởi nghĩa. Tháng 2 năm 1916, khi nhận thấy thời cơ đã đến Thái Phiên triệu tập họp các nhà yêu nước và quyết định tiến hành khởi nghĩa. Trong cuộc họp này, Việt Nam Quang phục hội đã thông qua quốc hiệu, quốc kỳ, chính thể, kinh đô và kế hoạch khởi nghĩa. Thời điểm khởi nghĩa theo kế hoạch là rạng sáng ngày 3 tháng 5 năm 1916, hiệu lệnh là tiếng súng thần công khai hỏa tại kinh thành Huế; đồng thời nghĩa quân sẽ đốt lửa trên đèo Hải Vân để báo hiệu cho tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi hưởng ứng. Tuy nhiên, trước giờ hành động, kế hoạch khởi nghĩa bị bại lộ, thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa các trại lính, thu giữ vũ khí của binh lính người Việt, thay thế các đội lính Tây tuần tiễu, canh phòng cẩn mật khắp nơi.

Ở Phú Tam Kỳ, dưới sự lãnh đạo của chánh lãnh binh Trần Huỳnh và phó lãnh binh Trần Ni, Nguyễn Tình nhân dân các xã trong phủ tham gia dân binh rất đông đảo, nhất là các xã ở phía đông như: Ngọc Mỹ, Kim Đới, Quý Thượng..., kể cả công nhân mỏ vàng Bồng Miêu, mỏ kẽm Đức Bố, đồn điền chè Đức Phú cũng bỏ việc về hưởng ứng khởi nghĩa. Theo kế hoạch chiều ngày 3 tháng 5 năm 1916, toàn bộ lực lượng tập trung tại các địa điểm xuất phát để nghe “tuyên cáo khởi binh” và làm lễ “tế cờ xuất quân”. Ngay trong đêm ngày 3 tháng 5, dân binh cùng lực lượng quần chúng kéo đến bao vây phủ đường Tam Kỳ và đồn Đại Lý Tam Kỳ. Thực dân Pháp đã có kế hoạch đối phó từ trước nên nhanh chóng dập tắt cuộc khởi nghĩa, rất nhiều dân binh và những người lãnh đạo khởi nghĩa bị giết chết hoặc sa vào tay giặc. Cuộc khởi nghĩa kết thúc thất bại, nhiều yếu nhân của Việt Nam Quang phục hội bị tàn sát hoặc chịu cảnh tù đầy.

Từ cuộc khởi nghĩa năm 1916 của Việt Nam Quang phục hội, nhất là diễn biến thực tế tại phủ Tam Kỳ, chúng tôi rút ra một số vấn đề về tư tưởng quân sự chỉ đạo cuộc khởi nghĩa này như sau:

Sử dụng bạo lực để đánh đuổi thực dân Pháp, trong suốt quá trình hoạt động cách mạng cụ Phan Bội Châu luôn giữ quan điểm thực dân Pháp chính là kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta, phải sử dụng bạo lực để giành lại chính quyền, sau đó mới mưu tính những việc khác. Có sử dụng bạo lực mới giải quyết được mâu thuẫn sâu sắc

trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ là mâu thuẫn giữa thực dân Pháp và toàn thể nhân dân ta. Trong thực tế thực dân Pháp sử dụng bạo lực phản cách mạng để giết hại, đàn áp nhân dân ta thì nhất thiết ta phải sử dụng bạo lực cách mạng để đánh đổ chúng. Năm 1912, Việt Nam Quang phục hội ra đời, để thực hiện tôn chỉ “Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa dân quốc Việt Nam” hội đã thành lập và tập trung xây dựng Quang phục quân. Biên soạn tác phẩm *Việt Nam Quang phục quân phương lược* để xác định mục đích, tôn chỉ, phương châm, cơ cấu tổ chức, sách lược hoạt động của quân đội.

Về mặt tổ chức, binh lính Quang phục quân được tuyển lựa trong đồng bào miền núi gần biên giới Trung - Việt. Cán bộ chỉ huy là sĩ quan đã tốt nghiệp Trường Sĩ quan Bắc Kinh, Trường Quân nhu Bắc Kinh, Trường Cán bộ lục quân Quảng Tây... Quang phục quân được chia thành các “binh chủng” như bộ binh, pháo binh, có Bộ Tổng tư lệnh, Tổng tham mưu... binh lính được biên chế thành ngũ, thập, cai, đội, cơ, vệ, doanh, trấn, quận.

Thực tế trong cuộc khởi nghĩa, việc sử dụng bạo lực để đánh đổ thực dân Pháp đã được biểu hiện sinh động. Quá trình chuẩn bị, kế hoạch hành động, kế hoạch phối hợp giữa các tỉnh, các lực lượng... được tổ chức thực hiện khá chu đáo. Riêng tại phủ Tam Kỳ các đội dân binh được trang bị giáo mác, gậy gộc với khí thế mạnh mẽ đã bao vây phủ đường và đồn Đại Lý Tam Kỳ, bắn chết tên quan Pháp.

Tập hợp, đoàn kết các lực lượng đánh giặc, công tác binh, địch vận và sử dụng lính tập, Phan Bội Châu chủ trương đoàn kết đông đảo các lực lượng để gánh vác sự nghiệp chung, vì lợi ích chung của mọi người. Ông từng kêu gọi: “Đồng tâm hiệp lực, kẻ này nắm tay, người kia xòe ngón, người thổi lửa, kẻ chất rơm, tất cả đều bước lên cùng đấu tranh với người Pháp”¹. Trên cơ sở mức độ và khả năng của các tầng lớp, ông chỉ rõ nhiệm vụ của từng đối tượng: Phú nông bỏ tài sản ra giúp nước; quan lại thì làm kế phản gián; lính tập thì sẵn

¹ Phan Bội Châu, *Toàn tập*, tập 3, Chương Thâu sưu tầm và biên soạn, NXB. Thuận Hóa, Trung tâm Văn Hóa - Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2000, tr.70.

sàng quay súng đánh Pháp; phụ nữ thì góp tiền giúp việc binh, khuyên chồng con đi lính...². Trong tác phẩm *Việt Nam Quang phục quân phương lược* cũng đề cập đến vấn đề tổ chức các đội hương binh, dân binh hưởng ứng và tham gia chiến trận và làm cơ sở để bổ sung cho quân chính quy, Điều thứ 8 trong *phương lược* viết: “Phàm trong quốc dân có ai có khả năng tổ chức quân đội riêng đi đánh lấy lại được thành, được ấp hoặc làm phản chính các thành ấp ấy rồi ung theo về với bản quân, thì... được cử ngay trong số những người có công đánh lấy thành ấp đó bổ sung vào... Những thân hào, kỳ mục trong các làng xã nếu tổ chức ra các đội dân quân, đi đánh phá các thành ấp, hưởng ứng với bản quân, tình nguyện chịu sự chỉ đạo, thì sẽ... không có sự phân biệt và đều được hưởng những quyền lợi trong bản quân”³.

Trong cuộc khởi nghĩa năm 1916, hội đã giao nhiệm vụ cho Thái Phiên và Trần Cao Vân thuyết phục vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa để dễ bề hiệu triệu đồng bào tham gia. Tại phủ Tam Kỳ, những yếu nhân của Việt Nam Quang phục hội đã vận động được nhiều tầng lớp tham gia: Dân binh từ các làng xã trong phủ bao gồm nhiều thành phần không có sự phân biệt già trẻ, gái trai, lương giáo, miền xuôi, miền ngược; công nhân từ mỏ vàng Bồng Miêu, mỏ kẽm Đức Bó, đồn điền chè Đức Phú... ngoài ra, hội cũng chủ trương vận động đông đảo lực lượng phụ nữ làm nhiệm vụ dệt vải, may quân trang⁴, các phú nông, nhà giàu đóng góp lương thực thực phẩm, tiền bạc cho nghĩa quân...

Lính tập là lực lượng nòng cốt trong cuộc khởi nghĩa năm 1916. Trong quá trình lãnh đạo Việt Nam Quang phục hội, Phan Bội Châu luôn chú trọng đến lực lượng binh lính người Việt trong quân đội Pháp. Ông cho rằng, binh lính phần lớn bị ép buộc tham gia phục vụ cho Pháp, tất cả đều có dòng máu Việt Nam, đều có tinh thần yêu

² Dẫn theo Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam*, tập III, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014, tr 138.

³ Phan Bội Châu, *Toàn tập*, tập 3, Sdd, tr 369-370.

⁴ Tại Phủ Tam Kỳ, một số nơi phụ nữ hưởng ứng mạnh mẽ phong trào dệt vải, may quân trang như Phú Lâm (Tiên Sơn), Bãi Dương (Quý Thượng, Tam Phú)...

nước, yêu đồng bào, thương vợ con, gia đình đang bị thực dân Pháp bóc lột, giày xéo. Do vậy, ông yêu cầu phải làm tốt công tác vận động, cần phải tuyên truyền cho binh lính thấy được sự vô ơn, bạc phước của thực dân Pháp, khơi dậy trong binh lính tinh thần dân tộc, lòng yêu nước để họ sẵn sàng quay súng bắn lại những ông chủ của mình. Điều thứ 9 trong tác phẩm *Việt Nam Quang phục quân phương lược* ghi rõ: “Những người làm quan lại hoặc đi lính tập cho Pháp, không kể từ bao giờ, nếu giết được quan Pháp, lính Pháp, hoặc làm phản chính ở các thành, ấp, hoặc bí mật cung cấp tình hình địch, hoặc làm nội ứng, thì bản quân đều coi như đồng chí, được đối xử và khen thưởng một cách đặc biệt trừ những kẻ trung thành với giặc, tội không thể tha, còn tất cả đều không hỏi đến”⁵, Điều thứ 11 cũng ghi: “Những lính Pháp, nếu trong khi tác chiến, biết quay súng lại giết giặc, mang vũ khí quân lương về với ta thì bản quân coi như những người có công, đều được trọng dụng. Nếu trong khi chiến bại mà đầu hàng, thì không bị giết. Người nào tự đầu hàng mà sau đó lại tự nguyện đi lập công, cũng đều được lực dụng”⁶. Một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cuộc khởi nghĩa năm 1916 là do các đợt tuyển lính của thực dân Pháp, nhất là đợt tuyển lính thứ hai vào tháng 7 năm 1915, với hàng chục ngàn binh lính bị bắt ép tập trung tại Huế và Đà Nẵng huấn luyện chuẩn bị đưa sang Pháp làm “bia đỡ đạn” đã gây sự phản nộ trong quần chúng.

Ở Hội An, Tam Kỳ, binh lính không thể trực tiếp tham gia khởi nghĩa nhưng nhờ sự hoạt động tích cực của các yếu nhân và binh lính trước đó nên đã thu hút được nhiều lực lượng tham gia khởi nghĩa.

Giải quyết vấn đề vũ khí, ngay sau khi ra đời để có kinh phí hoạt động và mua sắm vũ khí trang bị cho Quang phục quân, Việt Nam Quang phục hội đã triển khai nhiều hình thức huy động tài chính và vũ khí như vận động sự giúp đỡ của cá nhân và các tổ chức cách mạng Trung Quốc, phát hành tín phiếu *Quân dụng phiếu* và *Thông dụng ngân phiếu*, vận động viện trợ cho Việt Nam Quang phục hội,

⁵ Phan Bội Châu, *Toàn tập*, tập 3, Sdd, tr 369 - 370.

⁶ Phan Bội Châu, *Toàn tập*, tập 3, Sdd, tr 370.

trong đó việc phát hành tín phiếu *Quân dụng phiếu* và *Thông dụng ngân phiếu* là hình thức thu được nguồn kinh phí khá lớn. Từ nguồn kinh phí này, Việt Nam Quang phục hội đã có điều kiện để mua sắm vũ khí bên ngoài. Đồng thời, quá trình hoạt động Việt Nam Quang phục hội cũng rất quan tâm đến việc xây dựng các lò rèn để tự lực rèn sắm vũ khí, phục vụ mưu sự lâu dài, Phan Bội Châu đã từng khẳng định: “Nay trước hết chúng ta cần phải dựa vào chính sức mình. Chúng ta sẽ không làm gì được nếu chỉ ngồi chờ mọi thứ từ bên ngoài”⁷. Một trong những vấn đề lớn được đề cập trong quá trình chuẩn bị khởi nghĩa năm 1916 là “Huy động cả sức người và tiền của để sung vào công cuộc chế tạo vũ khí, mua sắm quân nhu, quân phục...”⁸. Tại phủ Tam Kỳ, được sự vận động của các nhà yêu nước, các xóm lò rèn ở Xuân Trung (Tam Thái), Phú Ninh (Tam Ngọc), Phú Lâm (Tiên Sơn), Tân An Tây (Tiên Thọ)... đã ngày đêm bí mật rèn guom, giáo mác để trang bị cho lực lượng tham gia khởi nghĩa.

Tư tưởng quân sự của Phan Bội Châu và Việt Nam Quang phục hội được thể hiện rõ nét trong cuộc khởi nghĩa vũ trang năm 1916, nhất là diễn biến thực tế tại phủ Tam Kỳ. Những tư tưởng quân sự đó góp phần làm phong phú và đánh dấu bước tiến mới trong lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam. Tuy bị thực dân Pháp dim trong biển máu nhưng khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội đã thể hiện rõ nét tinh thần bất khuất của nhân dân ta nói chung và nhân dân phủ Tam Kỳ nói riêng, góp phần giữ ấm ngọn lửa đấu tranh chống thực dân Pháp, giành độc lập, tự do./.

TVG

⁷ Phan Bội Châu, *Toàn tập*, tập 2, Chương Thâu sưu tầm và biên soạn, NXB. Thuận Hóa, Trung tâm Văn Hóa - Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2000, tr 247.

⁸ Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam đất nước và con người*, NXB. Văn hóa Thông tin, TP. Hồ Chí Minh, 2001, tr 391.

KHÍ PHÁCH KIÊN CƯỜNG VÀ LÒNG YÊU NƯỚC CỦA NGƯỜI MIỀN TRUNG QUA CUỘC KHỞI NGHĨA NĂM 1916

ThS. TRẦN THỊ THANH HUYỀN*

Cuộc khởi nghĩa do Trần Cao Vân, Thái Phiên theo ảnh hưởng của Việt Nam Quang phục hội năm 1916 về cơ bản chưa diễn ra theo như dự kiến của những người lãnh đạo, nhưng nó có ý nghĩa vô cùng lớn đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nước ta. Trong toàn bộ diễn biến của sự kiện đó, khí phách kiên cường, không chịu khuất phục và lòng yêu nước luôn xả thân vì đất nước của những người lãnh đạo khởi nghĩa nói riêng và nhân dân miền Trung là một trong những điểm nổi bật và chính điều đó đã làm cho sự kiện này sống mãi với thời gian.

1. Từ Việt Nam Quang phục hội đến cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916)

Tổ chức Việt Nam quang phục hội

Do ảnh hưởng của cách mạng Trung Quốc, thượng tuần tháng 5 năm Nhâm Tý, Phan Bội Châu cùng các đồng chí đã họp “đại hội nghị” tại từ đường Lưu Vĩnh Phúc quyết định thủ tiêu Duy tân hội và thành lập Việt Nam Quang phục hội. Hội nghị đã thống nhất tôn chỉ duy nhất của hội là: “*đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa dân quốc Việt Nam*”; hội trưởng là Cường Để và tổng lý là Phan Bội Châu. Chức viên của hội gồm 3 bộ phận lớn: bộ tổng vụ, bộ bình nghị, bộ chấp hành. Bộ chấp hành gồm 10 ủy viên, trong đó có các ủy viên quân sự, kinh tế, giao tế, văn hóa. Cơ quan lãnh đạo này gọi là Việt Nam quân chính phủ của Việt Nam Quang phục hội với vai trò như một Chính phủ lâm thời (lưu vong)

* Viện sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

của nước Việt Nam sau này. Hội phát hành quân dụng phiếu làm nguồn tài chính, soạn thảo phương lược Quang phục quân, quy định tổ chức kỷ luật và hoạt động của quân đội, định ra quân kỳ, quốc kỳ¹. Tháng 8.1912, hội góp phần tổ chức ra Hội chấn Hoa hưng Á nhằm tranh thủ sự viện trợ của các nhà yêu nước châu Á đối với Việt Nam, thu hút gần 200 hội viên.

Vì Việt Nam Quang phục hội chưa xây dựng được quân đội, chưa chuẩn bị được vũ khí và lương thực để tiến hành bạo động. Nôn nóng hành động, Phan Bội Châu và những người lãnh đạo Hội Việt Nam Quang phục dự định phải làm một việc gì đó gây tiếng vang lớn để kêu gọi sự giúp đỡ của nhân dân trong nước và nhân dân Trung Hoa, chỉ có như vậy cách mạng mới nhanh chóng thành công được. Với những tính toán đó, Phan Bội Châu quyết định những cuộc ám sát trong nước, xử tử những tên thực dân đầu sỏ và tay sai đắc lực như Lê Hoan, Hoàng Trọng Phu, Nguyễn Duy Hàn... nhưng chỉ được hai vụ: một vụ nổ ngày 13.4.1913 do công nhân lái xe Phạm Văn Tráng gây nên ở Thái Bình, giết chết tên tuần phủ Nguyễn Duy Hàn và vụ nổ ngày 26.4.1913 ở khách sạn Hà Nội, phố Tràng Tiền, giết chết hai trung tá Pháp, do công nhân xe lửa Gia Lâm Nguyễn Văn Túy gây nên. Thực dân Pháp khủng bố dã man, bắt bớ giam cầm hàng trăm người xử tử 7 chiến sĩ yêu nước². Tháng 1.1914, Phan Bội Châu cũng bị bọn quân phiệt Trung Quốc bắt ở Quảng Đông và bị giam cho đến đầu năm 1917. Tuy thế, phong trào chống Pháp theo ảnh hưởng của Việt Nam Quang phục hội không vì thế mà lắng xuống. Trong những năm 1914, 1915, 1916, hàng loạt các hành động của nhân dân hưởng ứng theo tinh thần của hội diễn ra, tiêu biểu như các cuộc bạo động ở Phú Thọ, Ninh Bình, Móng Cái; tập kích Tà Lùng (Lạng Sơn) đầu năm 1915; phá ngục Lao Bảo ngày 2.9.1915; và gây tiếng vang hơn cả là cuộc khởi nghĩa ở miền Trung (3.5.1916).

¹ Quốc kỳ: nền vàng có chòm 5 ngôi sao đỏ. Vàng tượng trưng cho màu da. Đỏ biểu hiện nước ở phương Nam, thuộc hỏa, sắc đỏ. Quân kỳ: nền đỏ sao trắng. Trắng về hành kim biểu hiện sự sát phạt, chinh chiến (như Phan Bội Châu giải thích).

² Phạm Văn Tráng, Nguyễn Văn Túy, Nguyễn Khắc Cần, Phạm Đệ Quý, Vũ Ngọc Thụy, Phạm Hoàng Quế, Phạm Hoàng Triết.

Vụ mưu khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân năm 1916

Do ảnh hưởng của Việt Nam Quang phục hội, một số chiến sĩ phong trào Duy tân năm 1908 bị Pháp lưu đày ở Lao Bảo, Côn Đảo lần lượt được trả tự do, về đất liền họ gặp nhau tại địa phương Quảng Nam, Quảng Ngãi... nhân cơ hội này đề lật đổ chế độ thống trị của Pháp tại Việt Nam. Họ họp nhau tổ chức một cuộc khởi nghĩa để đạt được mục đích là đuổi Pháp ra khỏi nước ta.

Tháng 2.1915, đại biểu 2 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi hội bàn ở Đà Nẵng để nghe Nguyễn Công Mậu và Bùi Phụ Thiệu báo cáo kết quả chuyến đi công du qua Thái Lan và bàn chuyện sắp tới. Lê Ngung vì hay tin vụ bạo động do Trần Hữu Lục thất bại đã nôn nóng đề nghị tiến hành bạo động gấp, nhân chuyện “*Pháp Đức khai hán*” để giành độc lập. Nhận thấy thời cơ chưa tới cũng như công tác chuẩn bị còn hạn chế, Thái Phiên khuyên Lê Ngung nên bình tĩnh, còn Nguyễn Thụy thì nói: “*ta làm bạo động vì toàn thể đồng bào, hay chỉ vì một số đồng bào, đồng chí bị khủng bố? Nếu vì toàn thể đồng bào thì được, nếu vì mấy trăm đồng chí, đồng bào bị khủng bố mà nổi dậy bạo động thì chưa được*”.³

Tháng 9.1915, sau khi nhận được thư đề nghị gấp rút nổi dậy của Quảng Ngãi, Thái Phiên lập tức triệu tập một cuộc hội nghị đại biểu các tỉnh miền Trung để bàn về việc chuẩn bị khởi nghĩa. Hội nghị phân tích:

Lực lượng cách mạng đã phát triển đều khắp trong các tỉnh miền Trung, có khả năng nổi dậy đánh Pháp giành thắng lợi và thời cơ cho một cuộc khởi nghĩa cũng đã chín muồi. Hội nghị chủ trương tích cực tuyển mộ trong quần chúng cách mạng để lấy thêm người bổ sung vào các đội “*tân quân*” để đủ sức vùng lên khởi nghĩa, vận động lính tập lính mộ và đẩy mạnh việc chuẩn bị quân trang vũ khí.

Theo báo cáo của Lê Ngung thì ở Quảng Ngãi có 580 lính khố xanh thì 450 người ngã theo cách mạng. Cũng như vậy ở Quảng Nam,

³ Nguyễn Công Phương: *Quảng nghĩa 1885-1945*.

khoảng 80 % lính khổ xanh và lính tập ngả theo ta. Về vũ khí, ngoài 580 khẩu do lính khổ xanh sử dụng còn 350 khẩu đang trong kho và rất nhiều đạn dược.

Hội nghị lần này tuy hoãn ngày khởi nghĩa nhưng tinh thần hưởng ứng của nhân dân, đặc biệt ở hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi lên rất cao. Ở nhiều địa phương đã xuất hiện hịch kêu gọi binh lính phản chiến và vận động nhân dân khuyến góp tiền cho phong trào.

Địa bàn: địa bàn trọng điểm là các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, đặc biệt phải chiếm cho được Đà Nẵng để có đường thông thương với nước ngoài.

Khí thế chuẩn bị khởi nghĩa nhộn nhịp khắp Trung Kỳ. Nhiều nơi đã tập hợp nghĩa binh, rèn sắm vũ khí, tích trữ quân nhu, quyên góp gạo tiền, một số căn cứ được tập trung xây dựng ở vùng rừng núi Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định mở đường thông sang Lào.

Trung tuần tháng 3.1916, đại hội Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ họp lần thứ 2 tại làng Xuân Yên (Bình Sơn - Quảng Ngãi) để kiểm điểm tình hình và công tác chuẩn bị khởi nghĩa, xét duyệt tờ hịch, chương trình kiến quốc và kế hoạch khởi nghĩa.

Trong đó, những người lãnh đạo quyết định lấy danh nghĩa vua Duy Tân kêu gọi nhân dân nổi dậy đánh Pháp, giành độc lập cho đất nước. Sau khi giành thắng lợi sẽ lập một bộ máy chính quyền gồm: một cơ quan lập pháp lấy tên là “*viện nhân dân đại biểu*”, một chính phủ⁴ gọi là “*Viện hành chính trung ương*”, bên dưới có các nha kinh lược như: Nam Nghĩa Kinh lược, Bình Phú Kinh lược, Trị Thiên kinh lược. Đứng đầu nhà nước mới sẽ là một tổng thống.

⁴ Thành phần chính phủ sẽ gồm: lãnh đạo tối cao là hoàng đế Duy Tân; cố vấn chính phủ là Trần Cao Vân; Thủ tướng chính phủ là cử nhân Hồ Khuê Nguyễn Thụy, giữ ấn Tổng trấn Khánh Thuận; Thống lãnh quân đội toàn quyền là Trúc Sơn Phan Thành Tài, giữ ấn Kinh lược Nam Ngãi; liên lạc giữ vua với tân chính phủ là Phan Hữu Khánh; Bộ trưởng bộ ngoại giao là bác sĩ Lê Đình Dương, giữ ấn tổng trấn Nam Ngãi; Bộ trưởng bộ Hộ kiêm giáo dục là Thái Phiên, giữ ấn tổng trấn kinh thành Huế; Bộ trưởng bộ học vụ kiêm lễ nghi là Đỗ Tự; Bộ trưởng cải cách nông thôn là Hồ Khắc Khoan (riêng các lãnh binh, đề đốc lãnh đạo các tỉnh, thành sẽ bổ nhiệm theo lệnh của hoàng đế Duy Tân).

Tuy nhiên, sắp đến ngày hành động thì kế hoạch bị bại lộ ở Quảng Ngãi. Tên công sứ Quảng Ngãi báo cho khâm sứ Trung Kỳ để tiến hành ngăn chặn cuộc khởi nghĩa mà ban chỉ huy cuộc khởi nghĩa không hề hay biết gì hết, vì thế cuộc khởi nghĩa đã không được diễn ra như kế hoạch. Những người lãnh đạo khởi nghĩa như Trần Cao Vân, Nguyễn Quang Siêu, Thái Phiên, Tôn Thất Đề, Phạm Hữu khánh lần lượt bị sa lưới. Tuy nhiên, một vài nơi nhất là Tam Kỳ đã nổi lên công phá chiếm phủ đường, tòa đại lý Tam Kỳ. Nhưng vì phía trung ương của cuộc khởi nghĩa đã bị đánh bại hoàn toàn nên khi Pháp tiến hành phản công thì đội nghĩa dũng ở Tam Kỳ cũng hoàn toàn bị tiêu diệt. Những người đứng đầu trong cuộc nổi dậy ở Tam Kỳ như ông Trần Huỳnh, Trần Văn Ni cũng bị giặc giết.

Thực dân Pháp tiến hành đàn áp, khủng bố đã man những người lãnh đạo khởi nghĩa. Ngày 27.5.1916, tòa Nam án Quảng Nam mở phiên tòa xử riêng những vị có liên quan đến vụ chiếm phá phủ đường Tam Kỳ. Tòa tuyên xử án Trần Huỳnh tù chung thân, đày đi Buôn Ma Thuột, Thẩm Tùng Vân, Lê Cơ 7 năm khổ sai đày Lao Bảo, Lê Ngạn, Lê Tiêm đày đi Trà Khê (Phú Yên), Lương Đình Thự đày đi Bình Định... Đỗ Đăng Cảnh, Trần Thu tự vẫn chết ở quê nhà, Nguyễn Thiện chết ở Buôn Ma Thuột cùng với Lê Đình Dương và một số người ở nhà lao Hội An như Lê Vĩnh Huy, Nguyễn Xuân Vận, Phan Quang.

Vua Duy Tân cùng ban tham mưu bị bắt ở làng Hà Trung cùng với đoàn tùy tùng. Nhà vua bị đày sang đảo Réunion ở châu Phi cùng nơi với phụ hoàng Thành Thái đang bị lưu đày ở đó. Ở Huế, Trần Cao Vân, Thái Phiên, Tôn Thất Đề, Phạm Khánh, Nguyễn Quang Siêu bị điệu ra chém tại pháp trường An Hòa, Huế.

2. Tinh thần yêu nước và khí phách kiên cường của những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa

Mặc dù cuộc khởi nghĩa chưa được diễn ra, nhưng qua sự kiện này cho thấy nổi bật lên tinh thần yêu nước và khí khác kiên cường của những con người đã làm lên nó. Chính tinh thần yêu nước, khí khác kiên cường, không chịu khuất phục của những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đã tạo nên sự lan tỏa tinh thần hy sinh hết mình để

giành độc lập cho tổ quốc. Đó chính là điều làm cho thực dân Pháp sợ hãi và đem lại sức sống lâu bền cho sự kiện này.

Vua Duy Tân

Triều Nguyễn, từ vua Tự Đức trở về, nếu có một ông vua cách mạng, công nhiên phản kháng chính sách bảo hộ, ấy là vua Duy Tân. Lúc ngài còn tại vị, tuy còn ít tuổi đã có sáng suốt và can đảm không chịu ký tên vào những giấy tờ có tính cách xâm phạm chủ quyền nước Việt Nam hoặc tăng thuế nọ, hoặc nhượng đất kia, mà toàn quyền hay khâm sứ định đưa cho ngài để cử việc nhắm mắt ký tên.

Có lúc người ta muốn uy hiếp ông vua trẻ tuổi ấy cũng chẳng nổi: *“Bay cứ ép tau lên ngôi, chứ tau có thiết làm vua vong quốc đâu!”* Ấy là lời vua Duy Tân khẳng khái nói trước mặt viên khâm sứ Mahe, người đã lệnh đào lăng vua Tự Đức để tìm vàng.

Khi quyết định cùng với Thái Phiên và Trần Cao Vân mưu toan việc lớn, ngài đã thảo ra hịch khởi nghĩa trong đó có đoạn: *“Tình yêu tổ quốc khiến Trẫm không đội trời chung với kẻ thù; đó là nguyên tắc xử thế trong quá khứ của các vị vua lớn cũng như của những nhà ái quốc anh minh.*

...Nhìn cảnh đất nước trẫm thật xiết bao đau buồn, tình thế của vương triều càng đem lại cho Trẫm nỗi thống khổ biết chừng nào. Tấm lòng của Trẫm ưu sầu vì nhân dân đã trải qua những thời gian thử thách nặng nề và hai vị vua đã không trở về.

Mong muốn phục quốc cháy sáng trong tâm can Trẫm và đối với Trẫm đã trở thành một lý do để trăn trở, vì trẫm vẫn chưa tìm thấy một con đường giải quyết thuận lợi. Ý trời cũng vừa tỏ ra thuận theo mong muốn của Trẫm, đã cổ súy tất cả những người cùng chung nguyện vọng được bộc lộ vào một thời cơ tốt lành. Mọi người đã cùng trẫm bàn bạc, rồi thảo ra một văn kiện cho lưu hành khắp nơi, nhằm giành lại di sản của tổ tiên hồng bàng.⁵”

Cũng chính vì lòng yêu nước, trăn trở với vận mệnh dân tộc mà

⁵ Tôn Thất Thọ: *Về cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân*, Tạp chí xưa và nay số 469 (3.2016), tr 11.

đức vua không màng đến danh lợi cũng trong chính sử triều Nguyễn đã ghi lại: “*Vua gần đây ngôn ngữ, cử chỉ dường như có vẻ uất ức, đến lúc ấy gặp lời tà làm dao động, bèn tới nổi vứt bỏ ngai báu như chiếc giày rách, bốn ba gió bụi*”⁶.

Trần Cao Vân

Trần Cao Vân là một chiến sĩ văn thân nhưng khi chứng kiến những biến cố dồn dập của đất nước, ông đã từ bỏ cử nghiệp dần thân vào công cuộc cứu nước. Trước cuộc khởi nghĩa cùng vua Duy Tân, ông là người hoạt động không biết mệt mỏi trong phong trào yêu nước ở miền Trung. Năm 1898, ông bị bắt giam ở nhà ngục Phú Yên một thời gian⁷ vì liên quan đến khởi nghĩa Võ Trứ. Ra tù chưa được 2 năm, năm 1900, ông lại bị bắt vì vụ án “*Trung Thiên dịch*”⁸; năm 1908, phong trào Duy tân lên cao, ông lại bị thực dân Pháp bắt lần nữa và đày ra Côn Đảo đến năm 1914 mới được phóng thích.

Đến năm 1915, với những ảnh hưởng của Việt Nam Quang phục hội, ông và Thái Phiên đứng ra lãnh đạo phong trào quần chúng và liên lạc với vua Duy Tân để tiến hành khởi nghĩa.

Khi quyết định ngày khởi nghĩa, trong cuộc họp trong nhà ông Lâm Nhĩ, làng La Châu, huyện Hòa Vang (Quảng Nam), có mặt Thái Phiên, Phan Thành Tài... Trần Cao Vân đã tỏ ý còn chần chừ chưa muốn khởi nghĩa gấp. Ý kiến chần chừ của Trần Cao Vân, theo lời thuật lại của một số thân sĩ có tham dự vào cuộc cách mệnh 1916 ấy thì hôm tại nhà ông Lâm Nhĩ, các nhà chí sĩ bày ra việc bói quẻ, sau lúc bói xong, Trần Cao Vân tỏ ý muốn trì hoãn công cuộc khởi nghĩa lại... Căn cứ vào một bài thi tám câu của Trần Cao Vân, đầu đề vịnh “*Tàu hỏa chạy từ Đà Nẵng - Huế*” để gửi cho các đồng chí, hẹn ngày khởi nghĩa. Bài thơ:

⁶ Tôn Thất Thọ: *Về cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân*, Tạp chí xưa và nay số 469 (3.2016), tr 10.

⁷ Do Trần Cao Vân làm cổ vắn cuộc khởi nghĩa Võ Trứ bị thất bại, nhưng Võ Trứ đã khẳng khái nhận tất cả là do mình gây ra nên ông được thả.

⁸ Trần Cao Vân bị kết tội “*yếu thơ yếu ngôn*” xúi nhủ dân phiến loạn, bị đưa về giam ở Quảng Nam, đến năm 1907 mới được thả.

“Một mối xa thư đã biết chưa
 Bắc nam hai ngã gặp nhau vừa
 Đường rầy đã sẵn thang mây bước
 Ống khói càng cao ngọn gió đưa
 Sấm dậy tư bề trăm máy chuyển
 Phút thâu muôn dặm một giờ trưa
 Trời sai ra dọn xong từ đây
 Một mối xa thư đã biết chưa”⁹

Tuy nhiên, do sự hối thúc của vua Duy Tân khi được biết ngày 10.5.2016, 2500 lính mộ ở Huế sẽ sang Pháp, các chí sĩ Việt Nam Quang phục hội quyết định khởi nghĩa vào đêm mùng 2 tháng 4 (3.5.1916). Vì sự thúc giục của anh em lính mộ¹⁰ nên Trần Cao Vân tán thành theo đề nghị của vua Duy Tân: “*cụ cũng như các chiến sĩ khác là những người đã dâng mình cho non sông, thì ngày non sông đã tha thiết kêu gọi; trên mệnh vua hối thúc khởi nghĩa! Dưới lòng dân thúc giục khởi nghĩa! Như thế còn đợi gì?*”¹¹

Khi vua Duy Tân bị bắt, các đảng viên tùy tùng, đứng đầu là Trần Cao Vân vì lòng thương mến mà không chịu bỏ ngài, cứ đứng chung quanh ngài nên cũng bị bắt và sau nhiều người bị án tử hình.

Sau khi bị bắt, Trần Cao Vân đã an phận tất chết, nhưng việc ông lo nghĩa nhất là cứu vua Duy Tân. Chính phủ thực dân lúc bấy giờ trao vụ án cho Viện cơ mật xét và có khuynh hướng kết án vua Duy Tân thật nặng cho được hả lòng tức giận nhà vua phản bội nước Pháp giữa lúc nước Pháp đang theo đuổi cuộc chiến bên châu Âu.

⁹ Bài thơ đại khái người ta bảo “một giờ trưa” là Trần Cao Vân muốn chờ đến hội ngộ mới khởi nghĩa.

¹⁰ Đây là đội lính chịu ảnh hưởng của cách mệnh và được tổ chức chặt chẽ hơn hết; đội lính ấy ước hơn nghìn người, lúc bấy giờ đương tập trung tại thành Huế và gần đến ngày sang Pháp. Vì lý do đó, đại hội toàn kỳ buộc phải tức tốc khai hội lần thứ hai tại kinh đô Huế vào khoảng trung tuần tháng 3 để kiểm điểm lại lực lượng và bàn kế hoạch khởi nghĩa.

¹¹ Hành Sơn: *Cụ Trần Cao Vân*, Minh Tân, Paris, 1952, tr 86.

Nhưng suốt cả thời kỳ xét án lấy cung, mỗi việc gì Trần Cao Vân cũng khẳng khái nhận là trách nhiệm mình, để gỡ cho vua. Trần Cao Vân sắp bị hành hình, còn viết 2 câu đối trên miếng giấy vắn thuốc lá, ủy thác người lính đao phủ đưa về tận tay cho Thượng thư Hồ Đắc Trung:

“Trung là ai? Nghĩa là ai? Cân đai vòng lọng là ai? Nỡ để cô thân tử biệt

Trời còn đó. Đất còn đó. Xã tắc sơn hà còn đó? Mong thánh thượng sinh toàn”¹².

Trong câu ấy phân minh ký thác Hồ Đắc Trung phải hết sức cứu gỡ nhà vua vậy. Cách mười năm sau, Hồ Đắc Trung còn giữ mẫu giấy kỷ niệm ấy kể chuyện với người thân tín lấy làm tự hào vì Trần Cao Vân ký thác cho mình công việc cứu vua.

Các lãnh đạo khởi nghĩa khác

Thái Phiên

Thái Phiên từng học chữ hán rồi chuyển sang Tây học, rồi làm tư với thầu khoán người Pháp ở Đà Nẵng. Ông tham gia các phong trào cách mạng từ sớm: năm 1903, ông tham gia phong trào Đông du với Phan Bội Châu; năm 1908, phong trào xin xâu kháng thuế bị khủng bố, ông thoát khỏi lưới giặc. Đến năm 1913-1914, ông lại liên lạc với tú tài Lê Ngung, Trần Cao Vân tổ chức cơ sở Quang phục hội tại Quảng Nam và tiếp xúc với vua Duy Tân để tiến hành khởi nghĩa. Thái Phiên cũng từng gây chú ý với người Pháp khi chính phủ bảo hộ bắt được người Hoa kiều Lý Bình Quân từ Đà Nẵng ra Nghệ An với một số bạc và một bức thư ký tên Thái Phiên gửi cho Phan Bội Châu ở hải ngoại. Với việc này, Thái Phiên bị công sứ Charles cho bắt giam.

Khi cuộc khởi nghĩa năm 1916 bị bại lộ, thực dân Pháp tiến hành bắt bớ, đàn áp những người khởi nghĩa nhưng cả Trần Cao Vân và Thái Phiên đều khẳng khái nhận: “Trần Cao Vân chức chánh quân

¹² Huỳnh Tôn: *Hoàng đế Duy Tân*, Nhà in Kim Sơn, 1949, tr 20.

sư, Thái Phiên chức phó quân sư”. Ngày 17.5.1916, thực dân Pháp đưa ông cùng một số các đồng chí của ông như Trần Cao Vân, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu ra pháp trường.

Lê Đình Dương

Lê Đình Dương mới ngoài 20 tuổi, vừa tốt nghiệp trường thuốc Hà Nội, hơn nữa ông lại là con của một thượng quan từng được Khâm sứ Trung Kỳ yêu chuộng và cấp học bổng cho.

Bị bắt ở Quảng Nam đem về Huế. Ông được dẫn đến trước mặt Khâm sứ. Khâm sứ tức tối hỏi Y sĩ Dương *“tại sao anh phản nước Pháp đã nuôi anh ăn học thành tài?”*. Ông Dương trịnh trọng nói rằng: “Thưa ngài tôi rất lấy làm tiếc, song cũng như ngài và cũng như những người yêu nước khác tôi có bốn phận thiết yếu là phải để quyền lợi và danh dự của Tổ quốc lên trên hết mọi sự. Nếu ngài nghĩ kỹ lại một chút thì ngài không thể lấy một cớ gì mà trách tôi được, vì lẽ mấy chục triệu người Pháp lấy làm tức tối trong lòng khi mà nước Pháp bị mất hai tỉnh Alsace và Lorraine về tay người Đức, huống chi như chúng tôi đây thì mất cả nước từ Nam chí Bắc mà ngài nhủ chúng tôi cứ cúi đầu mà chịu thì chúng tôi chịu mằn rãnh được?”.

Lê Đình Dương bị án khổ sai ở ngục thất Khánh Hòa. Sau, toàn quyền Albert Sarraut ân xá cho, rồi cho làm y tá ở miền Cao Nguyên. Ông ở đó được vài năm thì mất. Dân Quảng Nam có khóc ông bằng những bài thơ huyết lệ. Ngoài ra còn rất nhiều tấm gương trung nghĩa của nhân dân miền trung sẵn sàng hy sinh thân mình trong cuộc khởi nghĩa này như: Phan Thành Tài, Lê Cơ...

Mặc dù, cuộc khởi nghĩa chưa được diễn ra như dự kiến nhưng mưu sự khởi nghĩa này cùng những tấm gương anh dũng hết lòng vì nước ảnh hưởng lớn đến thái độ thực dân Pháp (bằng chứng là qua cách Pháp đàn áp phong trào và thái độ của Pháp sau mưu sự diễn ra) và phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân ta lúc bấy giờ. Hội đồng chính phủ Đông Dương trong phiên họp thường kỳ năm 1916, thực dân Pháp đã nhận định như sau: *“phong trào hồi tháng 5 vừa qua, cũng giống như các cuộc phản loạn, hồi năm 1908, là sự nghiệp của các đảng phái cách mạng đang có hoạt động chống lại sự nghiệp*

của người Pháp. Bởi vậy phần lớn bọn thủ mưu là những văn thân đã can dự vào vụ năm 1908 và vẫn đang có liên lạc với những phần tử người Trung Kỳ đã trốn ra nước ngoài. Và bọn này cũng không ngừng bắt liên lạc với người của chúng còn lại ở Trung Kỳ hay đã trở lại Trung Kỳ. Bọn chúng đã mưu toan nhân cơ hội nước Pháp bận bịu về cuộc chiến tranh ở châu Âu mà gây rối loạn ở Đông Dương nhằm đánh đuổi người Pháp ra khỏi đất nước An Nam, giành lại độc lập cho xứ sở”¹³.

Huỳnh Thúc Kháng khi nghe được thăm kích ấy nhận xét và tổng vịnh: “Cuộc Duy tân năm 1916 có cái đặc sắc là từ vua quan đến các sĩ dân cho đến hàng quân ngũ dưới quyền quân lính người Pháp cùng bạn học mà người Pháp đào tạo ra đều ôm lòng phẫn uất, chứng tỏ rằng chính sách cai trị của bọn thực dân ở Việt Nam hung ác cực điểm, chúng bạn thân li bày ra cái tình cảnh “trong một thuyền đều là kẻ cừu địch”. Vậy mà không biết tự xét, cứ thi cái độc thủ “giết đày” tàn khốc, rõ là lòng đen và mắt mù”¹⁴.

Chỉ cần qua những nhận xét trên, chúng ta có thể phần nào thấy được ý nghĩa to lớn mà mưu sự khởi nghĩa này đem lại. Qua sự kiện đó, chúng ta thấy được sự đồng lòng, mong muốn đứng lên chống giặc cứu nước của nhân dân ta. Nó tiếp tục ghi vào trang sử hào hùng của dân tộc về những tấm gương quên mình vì nghĩa lớn, vì dân tộc. Đối với những con người đó, những tấm lòng đó, dù thời đại nào và kết quả của những cống hiến đó dù chưa xứng đáng với những gì họ đã làm thì vẫn luôn được trân trọng, tôn thờ./.

TTTT

¹³ Dương Kinh Quốc: *Việt Nam những sự kiện lịch sử*, NXB. Giáo Dục, 2001, Hà Nội.

¹⁴ Trích theo: Nguyễn Q. Thắng: *Quảng Nam trong hành trình mở cõi giữ nước*, NXB. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2005, tr 613.

TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TUYỂN MỘ LAO ĐỘNG, BINH LÍNH NGƯỜI VIỆT THAM GIA CHIẾN TRANH THẾ GIỚI LẦN THỨ NHẤT ĐẾN SỰ BÙNG NỔ CUỘC KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI (1916)

TS. NGUYỄN THỊ VĨNH LINH*

Là một trong những cuộc chiến tranh tàn khốc nhất của lịch sử nhân loại, Chiến tranh Thế giới thứ nhất đã mở ra trang sử đầy bi thương cho nhiều quốc gia, dân tộc¹. Với tư cách là thuộc địa của Pháp, Đông Dương buộc phải đóng góp không ít nhân lực và vật lực cho bộ máy chiến tranh “*điên cuồng*” ấy khi chính quyền thực dân thực thi chính sách tuyển mộ lao động và binh lính sang làm việc, chiến đấu tại chiến trường châu Âu. Chính sách này được chính thức khởi động vào cuối năm 1915 và duy trì đến năm 1919 với hàng trăm nghìn lao động, binh lính được tuyển mộ và không ít trong số họ là người Việt Nam. Trong giới hạn của bài viết, chúng tôi muốn đi sâu phân tích tác động từ chính sách tuyển lao động và binh lính trên đến sự bùng nổ cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội trên địa bàn miền Trung Việt Nam vào năm 1916.

1. Chính sách tuyển mộ lao động và binh lính người Việt của chính quyền thuộc địa từ năm 1915

Tính đến nửa đầu năm 1915, mặc dù chỉ mới chính thức tham chiến trong Chiến tranh Thế giới thứ nhất gần 10 tháng, nhưng nước Pháp đã phải gánh chịu những tác động hết sức nặng nề trên tất cả các mặt, nhất là quân sự và kinh tế. Việc huy động một số lượng quân sĩ

* Khoa Văn hóa - Du lịch, Trường Đại học Quảng Nam.

¹ Cả hai phe đã động viên trên 65 triệu người, trên 8 triệu mất tích và 21 triệu bị thương. Chiến phí trực tiếp là non 200 tỉ Mỹ kim. Còn số chiến phí gián tiếp thì không sao tính hết. Theo: Nguyễn Hiến Lê, *Thiên Giang* (2006), *Lịch sử thế giới*, Nxb Văn hóa Thông tin, Tp Hồ Chí Minh, tr 760.

lớn đến chiến trường² và sự thương vong của binh lính trong năm đầu chiến tranh khiến xã hội Pháp lâm vào khủng hoảng do thiếu hụt nguồn lao động. Tình trạng trên ngày càng trở nên trầm trọng kể từ cuối năm 1915, khi tại mặt trận phía Tây, cả hai bên tham chiến đều sử dụng chiến thuật “*chiến tranh hao mòn dưới hầm*”³. Chính phủ Pháp nhận ra rằng cuộc chiến mà họ đang can dự sẽ không thể nhanh chóng kết thúc và nếu thế, nguồn binh lực ở đâu sẽ cung ứng cho nền công nghiệp quân sự và phục vụ trực tiếp trên chiến trường? Người đầu tiên đề xuất ý tưởng giải quyết vấn đề nan giải này là *Ngoại trưởng phụ trách Pháo binh và Dạn dược* khi ông đưa ra ý kiến *thuê những người châu Âu di cư và dân thuộc địa từ Bắc Phi, Madagascar, Indochina (Liên bang Đông Dương thuộc Pháp) và Trung Quốc* sang châu Âu để làm công nhân và sung vào quân đội.

Hiện thực hóa ý tưởng trên, chính sách tuyển mộ lao động và binh lính người Việt của chính quyền thuộc địa Pháp được khởi động từ đầu năm 1915 thông qua sắc lệnh của Toàn quyền Đông Dương Joost van Vollenhoven (1877-1918). Theo đó, những binh lính, viên chức, quân dự bị đã kết thúc thời hạn phục vụ của họ trong giai đoạn 1900-1909, được gọi trở lại để thực hiện trách nhiệm quân đội bắt đầu từ tháng 12 năm 1915⁴ (Vietnamese labour). Số lượng lính tình nguyện này phải vượt qua những cuộc kiểm tra khắc khe về điều kiện thể chất và cao từ 1.5 m trở lên theo quy định. Mỗi một người lính mới nhập ngũ thì sẽ được nhận 200 Franc và một tháng lương, gia đình của họ cũng nhận số tiền hỗ trợ tương ứng một tháng lương. Nếu anh ta chết khi tham chiến, vợ và con anh ta dưới 18 tuổi sẽ nhận được khoản tiền trợ cấp. Ban đầu, hợp đồng này chỉ có kỳ hạn một

² Trong 10 tháng đầu của Chiến tranh Thế giới thứ nhất, đã có tới 6 triệu lính Pháp tham chiến. Điều này đã dẫn đến sự thiếu hụt nghiêm trọng nguồn nhân lực trong ngành công nghiệp chế tạo vũ khí và đạn dược. Vu-Hill Kimloan (4 June 2015), *Theo: Indochinese Workers in France (Indochina)*, <http://encyclopedia.1914-1918.online.net>.

³ Cả hai phe đều đào hầm núp để giữ vị trí của mình. từ Thụy Sĩ tới Bắc Hải hai đường hầm chạy song song nhau, có đoạn cách nhau một cây số, có chỗ lại cách nhau một thước. Hàng triệu người sống dưới hầm, tháng này qua tháng khác thay phiên nhau canh gác suốt đêm ngày...*Theo: Nguyễn Hiến Lê, Thiên Giang (2006), Lịch sử thế giới, Nxb Văn hóa Thông tin, Tp Hồ Chí Minh, tr 757.*

⁴ Vu-Hill Kimloan (02 December 2015), *Between Acceptance and Refusal - Soldiers' Attitudes Towards War (Indochina)*.

năm và chỉ tiếp nhận những nam thanh niên trên 20 tuổi. Tuy nhiên, khi chính phủ Pháp nhận ra rằng, cuộc chiến tranh có thể kéo dài hơn nhiều so với dự tính thì một số quy định trong tuyển lao động và binh lính cũng ít nhiều thay đổi. Theo đó, kỳ hạn phục vụ của binh lính là cho đến khi chiến tranh kết thúc cộng thêm 6 tháng và tuổi điều kiện được giảm xuống 17⁵. Văn bản chính thức được ký kết giữa Bộ trưởng Bộ thuộc địa và Bộ trưởng Chiến tranh vào tháng 12 năm 1915 đã chính thức cho phép việc tuyển người trên quy mô lớn một cách hợp pháp. Trên lãnh thổ Việt Nam, chiến dịch tuyển quân đã diễn ra tại 22 trung tâm ở Nam Kỳ, 27 ở Bắc Kỳ, và 14 ở Trung Kỳ. Mặc dù sử dụng khá nhiều phương thức để tuyển quân nhưng do hiệu quả mang lại không như mong đợi nên chính quyền thuộc địa thực thi chính sách bắt buộc theo đúng số lượng quy định đối với Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

Theo tài liệu được lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ quốc gia I: *“Trong các năm 1915-1919, những chuyến tàu từ Đông Dương sang Pháp đã đưa đến Chính quốc tổng cộng 92.411 người bản xứ. Đây là con số do Ban chỉ huy quân đội thuộc địa tổng hợp tại công điện số 16595 1/8 ngày 2 tháng 8 năm 1919”*. Theo đó, số lượng nhân công sang Pháp làm lao động phổ thông cụ thể là:

Năm	Số lao động
1915	4.631
1916	26.098
1917	11.719
1918	5.806
1919	727
Tổng số	48.981

Nguồn: Trung tâm lưu trữ Quốc gia I.⁶

⁵ Vu-Hill Kimloan (4 June 2015), *Indochinese Workers in France (Indochina)*, <http://encyclopedia.1914-1918.online.net>.

⁶ Bùi Thị Hệ (Trung tâm lưu trữ quốc gia 1), *Đóng góp của Đông Dương trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918)*, <http://www.archives.gov.vn>.

Số lao động trên đây được tổ chức thành các tiểu đoàn “Thợ không chuyên” (ONS-ouvriers non spécialistes) và được giao do Văn phòng Lao động thuộc địa (Service des Travailleurs coloniaux) quản lý.

Nếu tính riêng binh lính thì họ được biên chế vào các lĩnh vực cụ thể sau:

4 tiểu đoàn thực chiến	29.072
15 tiểu đoàn dự bị	
Y tá thuộc địa	9.019
Công nhân hành chính thuộc địa	5.339
Tổng cộng	43.430

Nguồn: *Trung tâm lưu trữ Quốc gia I*.⁷

Các tiểu đoàn dự bị được giao nhiệm vụ bảo đảm thông tin liên lạc và vận tải ở vùng chiến sự. Họ làm đường, xây dựng bệnh viện sơ tán dưới bom đạn ác liệt. Bảng số liệu dưới đây cho biết những nhiệm vụ được phân công cho một đại đội thuộc tiểu đoàn Đông Dương 17 kể từ tháng 9 năm 1916 đến tháng 9 năm 1917.

Tại Ressons-sur-Matz (tháng 9.1916 - 4.1917)	Xây dựng bệnh viện sơ tán; Phân định khu vực nghỉ ngơi; Dựng lán trại kiểu Adrian, phục vụ cuộc tấn công vào Lassigny và Roye đầu năm 1917.
Tại Vauxcéré (tháng 4 - 5.1917)	Dựng một khu phẫu thuật;

⁷ Bùi Thị Hệ (Trung tâm lưu trữ quốc gia 1), *Đóng góp của Đông Dương trong Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918)*, <http://www.archives.gov.vn>.

Tại Vailly (tháng 5-7.1917)	Làm đường sắt khổ hẹp; Sửa chữa cầu ở Aisne; Cải tạo và dọn dẹp hầm.
Tại Ciry-Salsogne (tháng 7.1917)	Xây dựng đường sắt; Xây dựng cầu và cầu một nhịp.
Tại Louâtre (tháng 8.1917)	Đốn gỗ; sản xuất than củi cho mùa đông.
Tại Vieil-Arcy (tháng 9.1917)	Xây dựng đường sắt khổ hẹp.

Nguồn: *Trung tâm lưu trữ Quốc gia I*.⁸

Và tính cho đến khi kết thúc chiến tranh thì 3.46 % hoặc 1.797 người Việt đã chết trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Chính sách tuyển binh lính và lao động của chính quyền thuộc địa trên nguyên tắc là tự nguyện nhưng phần lớn được thực thi trong thực tế dựa trên sự cưỡng ép. Vì vậy, nó đã gặp phải sự phản đối mạnh mẽ từ các tầng lớp nhân dân trong xã hội và gây nên những phản ứng khác nhau. Và nếu xem xét trong phạm vi không gian chỉ riêng ở Trung Kỳ, thì phải chăng chính sách trên cũng là một trong những nhân tố thúc đẩy sự bùng nổ của cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội do vua Duy Tân và các lãnh tụ Thái Phiên, Trần Cao Vân... khởi xướng?

2. Tác động của chính sách tuyển lao động và binh lính đến sự bùng nổ khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội (1916)

Có thể nói từ góc độ này, chúng ta không nên xem xét chính

⁸ Bùi Thị Hê (Trung tâm lưu trữ quốc gia 1), *Đóng góp của Đông Dương trong Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất (1914-1918)*, <http://www.archives.gov.vn>

sách tuyển binh và nhân công của chính quyền thuộc địa trong sự tách biệt mà nên đặt chúng vào trong bối cảnh chung của thời điểm lịch sử ấy để thấy được tác động (dù trực tiếp hay gián tiếp) đến sự bùng nổ cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội.

Ngay từ thập niên đầu tiên của thế kỷ XX, tình hình kinh tế ở Đông Dương rơi vào tình trạng khủng hoảng đặc biệt là ở Trung kỳ và Nam kỳ, nơi mà lũ lụt và hạn hán càng làm tình hình thêm trầm trọng. Từ năm 1902 đến 1918, lũ lụt thường xuyên xuất hiện ở Trung Kỳ nhưng nghiêm trọng nhất là trong ba năm 1913 đến 1915. Trong năm 1915, có đến 365.000 ha (chiếm 25% tổng diện tích đất nông nghiệp) ở Trung kỳ hoàn toàn chìm sâu dưới 6 mét nước⁹. Thêm vào đó, từ năm 1899 đến 1916, Trung Kỳ phải chịu đựng những đợt hạn hán kéo dài, tình trạng cướp bóc, nổi loạn diễn ra thường xuyên. Phân tích những điều này để thấy được cả thiên tai và nhân họa đều đẩy người dân Trung Kỳ vào cảnh khốn cùng. Trong bối cảnh đó, chính sách tuyển binh với lời hứa về một tương lai tốt đẹp hơn ở “*mẫu quốc*” đã tác động mạnh mẽ đến những người nông dân trong các làng quê nghèo, cùng khổ vì hạn hán, lũ lụt và ách áp bức “*một cổ hai tròng*”. Vì vậy, không có gì đáng ngạc nhiên khi có đến 90% binh lính Đông Dương sang Pháp thì đều được tuyển mộ từ Trung Kỳ và Nam Kỳ¹⁰. Một số người Việt muốn đổi đời, muốn được nhìn thấy những nhà thờ nguy nga lộng lẫy, những con đường sạch sẽ, những cửa hàng khang trang, những khu vực phồn hoa... mà nhà cầm quyền đã vẽ nên cho họ. Một số khác bị thu hút bởi các điều kiện vật chất: tiền trợ cấp cho gia đình, lương hưu, một chức vụ danh dự trong hệ thống quan lại, và đặc biệt là được miễn thuế thân - gánh nặng lớn nhất đối với các gia đình nông dân nghèo, theo như các yết thị dán tại đình làng. Bằng cách tuyên truyền rộng rãi bức tranh về người lính Việt Nam chung tay với quân đội Đồng minh và binh lính Pháp, chính quyền thực dân muốn truyền đạt thông điệp về một tương lai

⁹ Das, Santanu (Ed.): *Race, empire and First World War writing*, Cambridge; New York 2011: Cambridge University Press, tr 54.

¹⁰ Das, Santanu (Ed.): *Race, empire and First World War writing*, Cambridge; New York 2011: Cambridge University Press, tr 54.

tươi sáng, sự nâng lên trong địa vị xã hội và sự bình đẳng giữa các dân tộc nếu người Việt tự nguyện tòng binh¹¹. Thế nhưng, chính quyền thực dân đã không đủ “*kiên nhẫn*” khi áp lực quân sự trên chiến trường châu Âu ngày càng lớn. Để đảm bảo đủ số lượng, chính quyền đã thực thi hàng loạt hành động mang tính cưỡng ép (trong đó có các đối tượng như những người thất nghiệp, tội phạm, vô gia cư...) ở khắp các làng. Điều này đã gây nên sự phản ứng mạnh mẽ trong hầu khắp các tầng lớp xã hội (đặc biệt là nông dân). Những số liệu ở trên cho ta thấy rằng, cuộc khởi nghĩa bùng nổ ở Trung Kỳ (khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội) trong thời gian này không phải hoàn toàn mang tính ngẫu nhiên. Phải chăng, chính sách mộ binh của chính quyền thuộc địa Pháp đã làm sâu sắc thêm mâu thuẫn vốn đang tồn tại trong một xã hội đầy rẫy những bất công vào đầu thế kỷ XIX? Đọc và suy ngẫm về mấy câu thơ sau để thấy hết tác động của chính sách này đối với nhân dân thuộc địa:

“*Sớm mai em quảy gánh xuống chợ Hàn
Gặp anh giữa hàng em nói một câu:
Tai nghe anh sắp xuống tàu
Em đem ve rượu, mâm trầu trả anh*”¹²

Theo tác giả Lê Minh Quốc thì mấy câu thơ trên ra đời từ tháng Giêng năm 1916 khi Pháp thực hiện chính sách mộ binh. Tưởng người thương ra đi và bỏ xác vì cái lý do “lãng xẹt” ấy nên nàng mới trả lại định lễ cưới hỏi. Và chàng trai đã trả lời:

“*Ai đồn quanh quẩn lanh quanh
Sao em nói đại làm anh giựt mình rứa em ?
Lính mô, lính nớ ai thềm
Đi chết uống mạng, xa em răng đành*”¹³

¹¹ Das, Santanu (Ed.): *Race, empire and First World War writing*, Cambridge; New York 2011: Cambridge University Press.

¹² Lê Minh Quốc (2012), *Người Quảng Nam*, NXB. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, tr 50.

¹³ Lê Minh Quốc (2012), *Người Quảng Nam*, NXB. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, tr 51.

Thông qua những câu thơ ở trên cho thấy, chính sách mộ binh của chính quyền không những không nhận được sự ủng hộ mà còn gặp phải thái độ phản đối, “khinh miệt” của hầu hết giai tầng trong xã hội. Điều này cũng dễ hiểu khi Trung Kỳ, đặc biệt là Quảng Nam, ngay từ đầu thế kỷ đã chứng kiến hàng loạt phong trào yêu nước làm rung chuyển xã hội. Sự khủng bố, đàn áp thẳng tay của chính quyền thực dân đã phơi bày “bộ mặt thật” của những người mang danh “khai hóa”. Sự bất nhất giữa lời tuyên truyền và hành động của chính quyền một lần nữa làm sâu thêm mâu thuẫn và khiến những ngọn lửa đấu tranh đang cháy âm ỉ bùng lên dữ dội. Xem bảng thống kê số lượng lao động và binh lính được tuyển mộ thì năm 1916, có đến 26.098 người được đưa sang Pháp - đây là năm có số lượng được tuyển cao nhất so với các năm còn lại cũng có nghĩa là năm mà mâu thuẫn tăng lên mạnh mẽ nhất. Do đó, khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội không đơn giản chỉ là sự kiện mang tính ngẫu nhiên mà còn sự liên quan mật thiết đến chính sách mộ binh của chính quyền thuộc địa. Điều này càng được chứng minh rõ nét hơn thông qua nguồn tư liệu hiện còn lưu giữ về kế hoạch khởi nghĩa của Việt Nam quang phục hội. Những người lính mộ được đánh giá là lực lượng đóng vai trò tiên phong của cuộc khởi nghĩa: *“Kiểm soát và chính đồn chặt chẽ các tổ chức trong các tầng lớp dân chúng ở mỗi địa phương, các tổ chức trong các cấp lính Nam triều, Bảo hộ, nhất là đội lính mộ sắp đưa sang Pháp tham chiến, trồng cấy vào lực lượng binh sĩ ấy sẽ quay súng lại làm chủ lực tiên phong cho quân khởi nghĩa”*¹⁴.

Bên cạnh đó, việc vua Duy Tân quyết định giờ khởi nghĩa cũng một phần do tác động của những người lính mộ. Đội lính ấy với quân số hơn một nghìn người lúc bấy giờ đang được tập trung về Huế và gần đến ngày xuống tàu sang Pháp. Xuất phát từ việc lo ngại người Pháp sớm đưa tàu chuyển binh nên vua Duy Tân hạ chỉ hối thúc khởi sự. Ngày khởi nghĩa định vào một giờ sáng ngày 3 tháng 5 năm 1916.

¹⁴ Nguyễn Q. Thắng (2001), *Quảng Nam đất nước và nhân vật*, NXB. VHNT, TP. Hồ Chí Minh, tr 390-391.

Như vậy, lực lượng binh lính này không chỉ được xác định đóng vai trò nòng cốt mà còn là duyên cớ thúc đẩy khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội bùng nổ sớm hơn dự kiến.

3. Kết luận

Tóm lại, khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội diễn ra trên địa bàn khá rộng lớn của các tỉnh Trung Kỳ từ Quảng Trị đến Bình Định. Mặc dù thất bại nhưng cuộc khởi nghĩa một lần nữa đã chứng tỏ tinh thần yêu nước, ý chí chiến đấu để giành lại độc lập dân tộc. Tuy không phải là nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự bùng nổ của Việt Nam Quang phục hội nhưng qua những phân tích ở trên cho thấy: chính sách tuyển mộ lao động và binh lính của chính quyền thực dân Pháp tại Đông Dương vào năm 1915 đã làm sâu sắc thêm mâu thuẫn xã hội. Những người lính mộ cũng đóng vai trò quan trọng trong kế hoạch khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội và tác động trực tiếp đến thời điểm bùng nổ cuộc khởi nghĩa./.

NTVL

YẾU TỐ THỜI CƠ CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI NĂM 1916

*ThS. NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG**

Những ngày đầu tháng 5 cách đây vừa tròn 100 năm, năm 1916, không khí khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của tổ chức Việt Nam Quang phục hội¹ sục sôi khắp các tỉnh Trung Kỳ, nhất là tại Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi. Các nhà nghiên cứu gọi sự kiện này theo nhiều cách khác nhau, có người cho rằng đó là cuộc “muru khởi” (âm muru khởi nghĩa), có người cho rằng đó là “cuộc vận động khởi nghĩa”, có người lại cho rằng đó là cuộc khởi nghĩa. Vậy, đâu là cách gọi đúng nhất và được nhiều người ghi nhận? Bằng những lập luận lịch sử xác đáng, ngày nay, phần đông các nhà nghiên cứu coi đây là một cuộc khởi nghĩa bởi tiếng súng khởi nghĩa đã nổ ra, tại phủ Tam Kỳ - Quảng Nam, nên nó không dừng lại ở “muru khởi” dù rằng những người đứng đầu phong trào như Trần Cao Vân, Thái Phiên, vua Duy Tân... đã bị bắt trước đó.

Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916 là một sự tiếp nối những phong trào yêu nước kháng Pháp đầu thế kỷ XX như: phong trào Đông du, phong trào Duy tân, phong trào Chống sưu thuế. Nhưng số phận của cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội giống như những phong trào yêu nước trước năm 1930, đều thất bại. Theo kế hoạch đã bàn bạc kỹ lưỡng từ trước, ngày 3.5.1916, cuộc khởi nghĩa sẽ nổ ra nhưng Pháp biết được nên có sự chuẩn bị, đề phòng.

* Khoa Lịch Sử, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG TP. HCM.

¹ Việt Nam Quang phục hội là một tổ chức cách mạng do Phan Bội Châu đề xướng thành lập năm 1912 theo chủ nghĩa dân chủ với mục đích đánh đuổi người Pháp khỏi Đông Dương. Hội trưởng là Cường Để. Tôn chỉ của tổ chức này là: Khôi phục Việt Nam, kiến lập Việt Nam Dân quốc Cộng hòa. Chủ trương của tổ chức này là bạo lực cách mạng. Việt Nam Quang phục hội có tổ chức một lực lượng vũ trang mang tên “Quang phục quân”, có đặt ra Quốc kỳ, Quân kỳ, có cho phát hành “Quân dụng phiếu” lưu hành ở trong nước và Lưỡng Quảng.

Khâm sứ Trung Kỳ thông báo trước tình hình cho các Công sứ Pháp các tỉnh từ Quảng Bình đến Bình Định để đối phó với cuộc khởi nghĩa có thể xảy ra. Bản thân những người lãnh đạo khởi nghĩa cũng không lường trước sự việc, không ngờ là kế hoạch đã bại lộ trước ngày khởi nghĩa. Những người đứng đầu, khởi xướng cuộc khởi nghĩa cho rằng năm 1916 là thời điểm thích hợp nhất để tiến hành khởi nghĩa. Do đó, họ khẳng định thời cơ đã đến, phải tiến hành ngay. Ta thử bàn về những yếu tố làm nên thời cơ, bao gồm cả khách quan và chủ quan để hiểu hơn về cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916.

**** Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất (1914-1918) - yếu tố khách quan tạo nên thời cơ cho cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916***

Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất (1914-1918) là một cuộc chiến tranh khốc liệt với chiến trường chính bao trùm khắp châu Âu và ảnh hưởng ra toàn thế giới. Đây là cuộc chiến giữa phe Hiệp ước (chủ yếu là Anh, Pháp, Nga, và sau đó là Hoa Kỳ, Brasil) và phe Liên minh (chủ yếu là Đức, Áo - Hung và Bulgaria). Việt Nam lúc bấy giờ là thuộc địa của Pháp nên cũng bị ảnh hưởng bởi chính sách thời chiến của Pháp. Tháng 7.1915, quân Pháp tại chính quốc gặp nhiều khó khăn, thực dân Pháp ra sức bắt lính ở thuộc địa đưa sang chính quốc. Cuối năm 1915, quân Đức đại thắng quân Pháp khiến Pháp càng phải tăng cường tiếp viện cho chính quốc.

Tại Đông Dương, Pháp một mặt vơ vét người và của để ném vào lò lửa chiến tranh ở Pháp, một mặt tìm cách đề phòng và đàn áp những cuộc cách mạng có thể xảy ra khi quân lực và tài lực của chúng đang suy kiệt. *“Từng đoàn lính chiến và lính thợ Việt Nam cũng như Miên, Lào bị chuyển sang Pháp làm bia đỡ đạn. Những món tiền quốc trái và quốc phòng đòi hỏi hết lớp này đến lớp khác. Tính ra trong thời kỳ này, nhân dân Đông Dương đã phải cung cấp 10 vạn lính chiến và lính thợ, gần 191,5 triệu Frank quốc trái cùng 200 triệu phơ răng quốc phòng cho đế quốc chủ nghĩa Pháp”*².

² Trần Huy Liệu, Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh, Nxb KHXH, H., 2003, tr 188.

Việt Nam đang trải qua một thực trạng là “Người đi lính chết bỏ thây ở nước ngoài; người ở nhà bị sưu thuế nặng nề lại thêm bị lạc quyền, công trái... Tình hình ấy càng kích thích tinh thần quyết tâm khởi nghĩa của anh em lính tập, nhất là những tin tức “lính Pháp chết như rạ”, “tàu Pháp bị đắm vô số”, “lính An Nam chết rất nhiều”... được truyền vào các trại lính mộ hàng ngày. Một không khí vừa căm thù uất hận, vừa hoang mang lo sợ tràn ngập từ trong trại lính đến các thôn xóm”³.

Nhân dân bị bắt lính, lại bị sưu thuế nặng nề nên sôi sục căm thù, luôn luôn muốn nổi dậy chống Pháp. Khi Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất vừa mới nổ ra, những năm 1914-1915, nhiều cuộc nổi loạn của dân miền núi xảy ra trong vùng Yên Thế, Phú Thọ. Tháng 1-2.1916, các tù nhân chính trị bị giam ở Biên Hòa nổi loạn, chiếm khí giới, tràn ra các vùng lân cận và được tiếp ứng bởi những đoàn nông dân vũ trang và tổ chức bởi các hội kín. Nhiều cuộc bạo động xảy ra tại Vĩnh Long, Sa Đéc, Gia Định, Mỹ Tho, Chợ Lớn, Bà Rịa, Tây Ninh, Cần Thơ, Trà Vinh, Châu Đốc, Long Xuyên... Khắp nơi trong cả nước đều xuất hiện những cuộc đấu tranh bởi cuộc đại thế chiến được coi là “một vài điều kiện thuận lợi của khách quan đã như ngọn gió thổi vào đồng lửa cách mạng còn âm ỉ cháy. Thấy nước Pháp bị đánh và tài lực của thực dân Pháp ở Đông Dương ngày càng suy kiệt, các đảng phái cách mạng ở trong nước đều muốn tính toán bài cuối cùng. Tình hình nhân dân càng xao xuyến, nhiều người trông ngóng ngọn cờ khởi nghĩa trong một cơ hội hiếm có”⁴.

Hầu hết những người yêu nước xác định chiến tranh thế giới nổ ra đã tạo thuận lợi đáng kể cho phong trào cách mạng trong nước. Việt Nam Quang phục hội cũng nhanh chóng nắm bắt thời cơ này. “Các nhà cách mạng của ta chờ cuộc Pháp - Đức chiến tranh đã từ lâu nên khi Thế chiến đệ nhất xảy ra, các lĩnh tụ như cụ Sào Nam bị tù ở Quảng Đông, cụ Cường Để qua Âu châu, các đồng chí của các

³ Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vận, Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền Nam Trung bộ năm 1916, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 22, 1961, tr 39.

⁴ Trần Huy Liệu, Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh, NXB. KHXH, H., 2003, tr 190.

cụ trong hoàn cảnh rất eo hẹp về tiền bạc vẫn cố gắng sắm vũ khí, mộ quân đội, phái người về nước tổ chức tổng bạo động”⁵. Lê Ngung⁶ từng viết thư cho Thái Phiên⁷ khẳng định: “Đức Pháp khởi hân chi nhật, tức Việt Nam độc lập chi thời” (nghĩa là: ngày Đức Pháp đánh nhau cũng là thời cơ độc lập của nước Việt Nam)⁸. Cuộc chiến tranh với quy mô to lớn trong lịch sử nhân loại, Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất, được Việt Nam Quang phục hội tận dụng làm thời cơ để tiến hành khởi nghĩa. Cuộc chiến ấy đã khiến dân tình nước Nam đã khổ lại càng thêm khổ, tình trạng bất lính đưa sang chiến trường châu Âu, tình trạng sưu cao thuế nặng đè nặng lên vai người nông dân. Bởi vậy, nhân dân phấn uất và tinh thần kháng chiến được đẩy lên cao độ. Thêm vào đó, vì phải lo xoay sở với thế trận ở Âu châu, thực dân Pháp tại thuộc địa Đông Dương có phần suy yếu hơn trước góp phần làm tăng niềm tin giành độc lập dân tộc của những người lãnh đạo phong trào yêu nước.

**** Sự ủng hộ, đồng lòng hợp sức của nhân dân đối với cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916***

Động lực chính của cuộc khởi nghĩa là binh lính, nhất là những binh lính sắp đưa sang Pháp đánh nhau với Đức nhưng thực tế, cuộc khởi nghĩa cũng có cơ sở trong quần chúng, không phải bó hẹp trong

⁵ Phạm Văn Sơn, Việt sử tân biên, Quyển V, Nhà sách Khai Trí phát hành, Sài Gòn, 1963, tr.456.

⁶ Lê Ngung (1865 - 1916) ở xã Bình Thanh Tây, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi. Ông nổi tiếng văn hay, võ giỏi, tính tình khảng khái. Năm 1906, ông gia nhập Duy Tân hội và sau đó tham gia Việt Nam Quang phục hội, trở thành một trong những nhân vật có đóng góp tích cực vào sự lớn mạnh của Việt Nam Quang phục hội. Khi cuộc khởi nghĩa bị bại lộ tại Quảng Ngãi, hầu hết các chỉ huy khởi nghĩa và nhiều binh lính, dân binh hưởng ứng lời kêu gọi của Việt Nam Quang phục hội đều bị bắt. Lê Ngung tìm cách trốn thoát, nhưng giặc Pháp và tay sai biết ông là người cầm đầu cuộc khởi nghĩa ở Quảng Ngãi nên ra sức bao vây, truy nã gắt gao. Biết đã rơi vào thế cô, khó thoát khỏi vòng vây kẻ thù nên Lê Ngung uống thuốc độc tự vẫn.

⁷ Thái Phiên (1882-1916) quê tại làng Nghi An, xã Hòa Phát, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam. Năm 1904, ông tham gia phong trào Đông Du. Năm 1908, ông tham gia Duy tân cùng Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh. Từ năm 1913, ông là một trong những người lãnh đạo Việt Nam Quang phục hội miền Nam Trung Kỳ. Ngày 17.5.1916, Thái Phiên và các đồng chí của ông bị thực dân Pháp áp giải đến pháp trường An Hòa (Huế) và đều bị chém chết.

⁸ Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vện, Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền Nam Trung bộ năm 1916, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 22, 1961, tr 36.

một nhóm người. Sự ủng hộ, đóng góp của nhân dân về sức người sức của là đã tiếp thêm sức mạnh cho nghĩa quân, là yếu tố chủ quan tạo nên thời cơ cho cuộc khởi nghĩa. Nhân dân tham gia đóng góp binh lương, xây dựng căn cứ ở nhiều nơi, đặc biệt là tại Quảng Nam và Quảng Ngãi. Chính vì lẽ đó mà 2 tỉnh này là địa bàn Việt Nam Quang phục hội hoạt động mạnh nhất ở miền Trung, được những người lãnh đạo tin tưởng nhất.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Việt Nam Quang phục hội, nhân dân dốc sức chuẩn bị cho khởi nghĩa. Nhân dân đăng ký tham gia các đội nghĩa binh và góp lương thực để nuôi quân. Công tác tuyên truyền được đẩy mạnh và được chú ý nhiều nhất trong lĩnh tập. Việt Nam Quang phục hội thường lợi dụng việc Pháp bại trận để lôi cuốn nhân dân và binh lính tham gia. Từ thanh niên đến phụ nữ đều nhiệt tình góp sức góp công cho nghĩa quân. Những người thợ rèn thì rèn vũ khí và làm súng cho nghĩa quân. Chị em phụ nữ dệt vải làm quân trang, thậm chí để tránh tai mắt của kẻ thù, họ dệt ở trên các thuyền mang khung cử đậu trên những chỗ thanh vắng của các con sông Thu Bồn, Tam Kỳ... Nhìn chung, phong trào tập luyện quân sự, rèn vũ khí, may quân trang ở nông thôn rất sôi nổi. Nhân dân còn hỗ trợ nghĩa binh mua ngựa đưa về căn cứ. Những công nhân làm việc ở mỏ vàng Bồng Miêu, ở đồn điền chè Đức Phú sẵn sàng bỏ nơi làm việc về quê tham gia các đội nghĩa binh.

Ở Quảng Ngãi, tính đến tháng 7.1915, hơn 80% (450 người) lính khố xanh đã ngã về phía những người yêu nước và sẵn sàng nổi dậy. Đầu năm 1916, số dân binh ở Quảng Ngãi lên tới 600 người.⁹ Riêng tại phủ Tam Kỳ, nghĩa binh được các tầng lớp nhân dân ủng hộ về lương thực, tài chính, giúp đỡ về hậu cần. Các hào phú trong phủ Tam Kỳ như ông Lê Khâm Duy (tức Bát Kiện) ở Hòa Hạ, ông Bá Ba ở Thanh Lâm... là những người đóng góp tiền bạc và lúa gạo nhiều nhất cho nghĩa quân. Một nhóm phụ nữ là thợ dệt, thợ may ở các vùng Tam Kỳ, Bãi Dương, Cầu Duối... đã bí mật dùng thuyền rở, thuyền đăng, ghe chở hàng đậu dọc sông Ba Kỳ ở vùng Phú Ninh, Trường Cửu dệt vải may quân phục, túi rê; các nhóm thợ rèn ở nhiều

⁹ Dư địa chí Quảng Ngãi, <http://www.quangngai.gov.vn>.

nơi được huy động đến phối hợp với xóm lò rèn ở Xuân Trung để rèn giáo, gươm trang bị cho nghĩa quân¹⁰. Bởi vậy, khi cuộc khởi nghĩa nổ ra ở một địa bàn duy nhất là phủ Tam Kỳ, nhân dân dưới sự lãnh đạo của Phó Bềm kéo đến vây phủ và tấn công Tòa Đại lý Pháp. Tuy cuộc khởi nghĩa diễn ra trong chóng vánh, hôm sau giặc đem quân về khùng bố đánh tan nghĩa binh, nhân dân bị tàn sát, hàng trăm án chém nhưng khí thế khởi nghĩa ở phủ Tam Kỳ lên cao ngùn ngụt.

Có thể thấy lực lượng cách mạng lớn mạnh nhưng chủ yếu ở Quảng Nam, Quảng Ngãi. Các nơi khác lực lượng chưa được mạnh nhưng tinh thần cách mạng trong anh em binh lính lên rất cao. Chưa nói đến thành - bại nhưng sức mạnh của nhân dân là điều kiện cần thiết để cuộc khởi nghĩa có thể nổ ra. Việt Nam Quang phục hội đã phần nào khơi gợi được sức mạnh ấy.

*** Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội có sự tham gia của vua Duy Tân**

Những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội mời vua Duy Tân tham gia để tranh thủ tầng lớp trên và dễ bề huy động lực lượng, kêu gọi dân chúng. *“Vua Duy Tân bấy giờ còn nhỏ, nhưng đã nổi tiếng thông minh và hay làm những bài thơ, câu đối có nghĩa khí nên được một số sĩ phu chú ý muốn ủng hộ vua để làm việc nước”*¹¹.

Theo kế hoạch, Trần Cao Vân¹² được giao nhiệm vụ tìm cách liên lạc với vua Duy Tân ở trong nội thành (Huế). Ông *“chịu trách nhiệm thăm dò tư tưởng và xu hướng của nhà vua để nếu có thể thì*

¹⁰ Nguyễn Phước Tương, Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916, <http://www.vusta.vn>.

¹¹ Trần Huy Liệu, Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh, NXB. KHXH, H., 2003, tr 205.

¹² Trần Cao Vân (1866-1916) quê ở làng Tư Phú, tổng Đa Hòa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Mặc dù trong khoa cử, ông không đỗ đạt nhưng là một người khảo học uyên thâm, văn chương lỗi lạc. Trong đời làm cách mạng, Trần Cao Vân nhiều lần vào tù ra khám. Ông cùng Võ Trứ tiến hành cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Phú Yên năm 1898. Ông từng bị thực dân Pháp nghi ngờ có dính líu đến vụ chống thuế ở Trung Kỳ năm 1908. Khi cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội thất bại, ông và Thái Phiên bị bắt và bị chém ở An Hòa ngày 17.5.1916.

mời tham gia cuộc khởi nghĩa”. Nhưng các sĩ phu yêu nước cần trọng, “*phải đề dặt vì Duy Tân tuy có tư tưởng bài Pháp nhưng chưa biết xu hướng thế nào, vả lại vua còn ít tuổi chưa chín chắn mà Cơ mật viện cùng hoàng gia đều là tay sai cho Pháp cả*”¹³. Việc mời vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa được những yếu nhân của cuộc khởi nghĩa cân nhắc khá kỹ. Đại hội lần đầu do Việt Nam Quang phục hội tổ chức tại Huế tháng 9.1915 bàn luận rất lâu về vấn đề này vì có liên quan đến chính thể. “*Người chủ trương quân chủ lập hiến thì cho rằng nhân dân ta chưa biết dân chủ là gì, mà còn thích chế độ quân chủ, nhất là các sĩ phu; vì vậy nên mời nhà vua để có danh nghĩa còn vẫn chủ trương có hiến pháp, có quốc hội để quyết định mọi việc trong nước như chính thể nước Anh. Người chủ trương dân chủ lại cho rằng chế độ quân chủ đã lỗi thời, nhân dân ta ai cũng đã chán ghét vì vậy nên lập chế độ dân chủ*”. Cuối cùng, hội nghị đồng ý mời vua Duy Tân tham gia với ý nghĩa “*Phụng kim thượng vi an dân cơ sở*” (nghĩa là mời vua tham gia vào cuộc khởi nghĩa cho yên lòng dân chúng)¹⁴. Tuy nhiên, lúc này nghĩa quân chưa liên hệ được với vua Duy Tân (tức Nguyễn Phúc Vĩnh San), để tạo dựng ngọn cờ cho đại sự, nên Thái Phiên và Trần Cao Vân đề nghị hoãn kế hoạch khởi nghĩa; vị vua yêu nước Duy Tân lúc này đang bị mật thám Pháp kiểm soát chặt chẽ tại Huế. Điều này cho thấy tầm quan trọng của vua Duy Tân đối với cuộc khởi nghĩa dù rằng vua chỉ mang tính chất biểu tượng. Sau khi vua Duy Tân nhận lời tham gia khởi nghĩa, Trần Cao Vân đã mượn danh nghĩa nhà vua, viết chiếu chỉ gửi cho những nhân sĩ ái quốc.

Khi đại cuộc bắt đầu như dự định, “*mặc dầu vua Duy Tân đã thoát ra khỏi nội thành, nhưng tiếng súng khởi nghĩa chưa nổ thì các binh lính Việt Nam đã bị tước khí giới và nhốt ở trong trại. Những toán dân quân ở ngoài định hưởng ứng với quân khởi nghĩa ở trong đều bị dẹp tan. Cuộc khởi nghĩa đã bị bóp nghẹt ở Huế cũng như ở Quảng Nam, Quảng Ngãi. Riêng ở Tam Kỳ (Quảng Nam), quân khởi*

¹³ Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vận, Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền Nam Trung bộ năm 1916, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 22, 1961, tr 35-36.

¹⁴ Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vận, Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền Nam Trung bộ năm 1916, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 22, 1961, tr 38.

nghĩa đã nổi dậy chiếm công sở, giết mấy tên cầm chính quyền của giặc trước khi bị đánh tan”¹⁵. Kết cục, vua Duy Tân bị thực dân Pháp bắt và đày sang đảo Réunion, thuộc địa của Pháp ở Đông Phi. Thế nhưng vua Duy Tân không hề hối hận vì đã tham gia cuộc khởi nghĩa. Sau này ông nói: “Nếu như chúng tôi không có nghĩa cử cầm đầu cuộc vận động ấy thì dưới con mắt của dân tộc tôi, tôi được coi như một kẻ hèn nhát, phản bội xứ sở, phản bội cha ông tôi”¹⁶. Đó là tấm lòng của một vị vua yêu nước.

Đương thời, Huỳnh Thúc Kháng có bài thơ vịnh về vua Duy Tân như sau:

*Nào sát toàn bàn nhất trước sai
Cửu niên hoàng ốc khí như di
Khả lân trung ngoại thần liêu tại
Cơ đích Chu Toàn lượng bố y*

Dịch thơ:

*Một nước cờ sai cả cuộc xong
Chín năm ngôi báu bỏ như không
Trong ngoài tôi tớ còn nguyên đó
Hai bác¹⁷ dân theo đến bước cùng.¹⁸*

Ta có thể thấy vua Duy Tân là người được mời tham gia sau khi mọi việc đã được những người lãnh đạo khởi nghĩa chuẩn bị xong xuôi, không hề có sự chủ động như ghi nhận của nhà sử học Nguyễn Thế Anh rằng: “Vốn có tinh thần nhiệt thành yêu nước, nhà vua lại cảm tức hành động ngang tàng của khâm sứ Mahé đã đào lãng tằm vua Tự Đức để tìm vàng. Vào tháng năm năm 1916, được biết Trần Cao Vân khởi nghĩa ở Quảng Nam, nhà vua mưu toan trốn khỏi Huế

¹⁵ Trần Huy Liệu, Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh, NXB. KHXH, H, 2003, tr 206.

¹⁶ Lưu Anh Rô, Thái Phiên - nhà lãnh tụ trọng yếu của cuộc khởi nghĩa Duy Tân năm 1916, <http://www.baodanang.vn>.

¹⁷ Hai bác chi Nam Xương và Bạch Xi.

¹⁸ Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vện, Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền Nam Trung bộ năm 1916, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 22, 1961, tr 48-49.

để cầm đầu phong trào”¹⁹. Bởi đây là phong trào yêu nước có tính chất tự sản, chỉ mượn danh nghĩa của vua để thảo hịch và mật chiếu kêu gọi nhân dân kháng Pháp. Tuy nhiên, chúng ta không thể phủ nhận rằng sự có mặt của vua Duy Tân có ý nghĩa tinh thần rất lớn đối với nghĩa quân và dân chúng.

**** Quyết tâm của những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916***

Nắm bắt tình hình cuộc chiến tranh thế giới, nhân lúc nước Pháp đang sa lầy vì cuộc chiến, cộng với tinh thần hướng nghĩa của quần chúng nhân dân, các chí sĩ được coi là những yếu nhân của phong trào như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung... quyết định phát động khởi nghĩa đánh đổ thực dân Pháp. Họ là những sĩ phu yêu nước và tiên bộ đã hấp thụ tư tưởng tư sản mới, trong đó có một vài người là trí thức tiểu tư sản. Sự quyết tâm cao độ của những người lãnh đạo khởi nghĩa vì nước vì dân có ý nghĩa quan trọng, là một trong những yếu tố chủ quan làm nên thời cơ của một cuộc cách mạng. Từ quyết tâm ấy, họ nhận ra được thời cơ khách quan đã đến, cần phải chớp lấy để hành động.

Để chuẩn bị chu đáo, bàn kế hoạch kỹ càng, những người lãnh đạo khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội đã 2 lần tổ chức đại hội tại Huế vào tháng 9.1915 và tháng 2.1916. Tại đại hội lần thứ hai, tháng 2.1916, các yếu nhân của cuộc khởi nghĩa đều có mặt gồm: Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài (ở Quảng Nam), Lê Ngung, Nguyễn Thụy (Quảng Ngãi), Nguyễn Chánh (Quảng Bình), Đoàn Bổng (Thừa Thiên)... để bàn việc chuẩn bị khởi nghĩa. Đại hội thành lập Ủy ban khởi nghĩa do Thái Phiên đứng đầu, kiêm Tổng chỉ huy quân sự. Kế hoạch nổi dậy nêu rõ: Thái Phiên và Trần Cao Vân trực tiếp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa tại kinh đô Huế. Theo đó, đúng 1 giờ sáng ngày 4.5.1916, quân khởi nghĩa sẽ đốt lửa trên đồi Thiên Mụ để báo hiệu cho các cánh quân đồng loạt nổi dậy.

Sau đại hội, Thái Phiên và Trần Cao Vân tìm cách tiếp cận với

¹⁹ Nguyễn Thế Anh, Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ, Lửa Thiêng xuất bản, 1970, tr 308.

vua Duy Tân bằng mọi giá. Ngày 14.4.1916, nhân lúc vua Duy Tân đi duyệt binh ở Trường Thi, Phạm Hữu Khánh đưa nhà vua đến chỗ gặp Thái Phiên, Trần Cao Vân. Vì đại cuộc, Thái Phiên và Trần Cao Vân bất chấp nguy hiểm, giả làm người câu cá trên sông Ngự Hà để vào Hoàng thành gặp vua.

Tiếc thay, vì nhiều lý do khách quan và chủ quan, kế hoạch khởi nghĩa bị lộ ở Quảng Ngãi, công sứ Pháp ra lệnh giới nghiêm, tổng giám và tước vũ khí binh lính người Việt ở tỉnh và ngay ở nông thôn cũng ra sức canh phòng cẩn thận. Nghĩa quân từ thế chủ động rơi vào thế bị động, không ngờ trước tình hình. Thực dân Pháp kiểm duyệt chặt chẽ đường giao thông nên ban chỉ huy khởi nghĩa tỉnh không kịp loan báo cho các nơi. Ở Quảng Nam, tuần phủ hưu trí Nguyễn Đình đã chui vào phá hoại phong trào, đem kế hoạch khởi nghĩa báo cho tòa sứ Hội An. Sau đó, Đà Nẵng và Hội An bị thiết quân luật nên đến giờ bạo động, tân quân và nhân dân đã sẵn sàng mà không dám hành động. Ở phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, nghĩa quân dưới sự chỉ huy của Trần Chương (cháu của Trần Cao Vân), dù không nhận được lệnh khởi nghĩa, đã đột nhập vào tỉnh thành La Qua và đốt cháy một số nhà tranh bỏ trống để làm tín hiệu, nhưng do nghĩa quân chỉ trang bị bằng gậy gộc nên bị lính tập giải giáp. Còn ở phủ Tam Kỳ, mặc dù không nhận được lệnh khởi nghĩa từ kinh đô Huế, nhưng trước đó các sĩ phu yêu nước nhận được mật dụ của vua Duy Tân hiểu dụ tham gia Việt Nam Quang phục hội nên quyết tâm nổi dậy đánh Pháp.

Chí khí, quyết tâm của các sĩ phu yêu nước tiến hành khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916 có thể gói gọn trong những vần thơ của Trần Cao Vân:

*Trời chung không đội với thù Tây
Quyết trả ơn vua nợ nước này
Một mối ba giềng xin nguyện giữ
Thân dù thác xuống rặng đài mây...*²⁰

²⁰ Nguyễn Trương Đan, Về bản di ngôn của nhà cách mạng Thái Phiên, www.tapchisonghuong.com.vn.

Phong trào yêu nước nói chung và cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916 nói riêng mang dấu ấn của trào lưu cách mạng dân chủ tư sản thế giới. Nhưng những người lãnh đạo phong trào không phải là giai cấp tư sản mà họ là tầng lớp sĩ phu yêu nước. Vậy nên ở họ, ý thức hệ phong kiến vẫn còn tồn tại, khởi nghĩa vì nợ nước ơn vua. Điều này cho thấy sự hạn chế về tính chất giai cấp của người lãnh đạo lúc bấy giờ.

*

Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916 không thành công nhưng những người tham gia khởi nghĩa đã thực sự “thành nhân”, được sử sách lưu danh vì tấm lòng vì nước quên thân. Cuộc khởi nghĩa thất bại vì tuyên truyền bừa bãi, thiếu tổ chức, thiếu cảnh giác; trước ngày khởi sự, đã “hiện ra cảnh xao xuyến trong binh lính”. Đánh hơi được tình hình, Pháp tung mật thám vào để tìm ra manh mối và cho những tay sai khiêu khích để đẩy quần chúng vào cạm bẫy. Hơn thế nữa, cuộc khởi nghĩa thiếu một đường lối chính trị rõ rệt, một bộ tham mưu đúng đắn. Nói như nhà sử học Trần Văn Giàu thì: Hội “không có tổ chức cơ sở, không có hệ thống, chẳng qua là một số đồng chí hẹn nhau cùng làm một việc lớn, việc cứu nước, theo một đường lối nhất định. Một hội, một đảng như thế dễ lập mà cũng dễ tan, điều chắc chắn là không tạo ra nổi thực lực bền bỉ, không khơi lên nổi phong trào lâu dài, không làm nổi nhiệm vụ cách mạng; chính đảng kiểu ấy mà đương với nhiệm vụ cách mạng đánh đổ thực dân và phong kiến thì tựa như lấy dao bổ cau để mà mổ bò. Thất bại là không tránh khỏi”²¹.

Thời cơ khởi nghĩa xuất hiện với yếu tố khách quan là cuộc Thế chiến thứ nhất, yếu tố chủ quan là sự ủng hộ của nhân dân đối với nghĩa quân, sự tham gia của vua Duy Tân và quyết tâm của những người lãnh đạo khởi nghĩa. Tuy nhiên, yếu tố chủ quan chưa đủ chín muồi để có thể làm nên chiến thắng. Bởi vậy “Cái ý định đánh cây bài cuối cùng hay chơi canh bạc chót với thực dân Pháp do đó tuy

²¹ Trần Văn Giàu, Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh, Quyển II, NXB. KHXH, H., 2003, tr 668.

được các điều kiện khách quan thuận lợi mà vẫn thất bại. Vậy ta không thể phàn nàn thời cơ không tới mà nên nói rằng ta chưa có chuẩn bị đầy đủ để lợi dụng thời cơ mà thôi”²². Tháng 2.1916, đại hội đưa ra quyết định khởi nghĩa và thông qua bài hịch, trong đó có đoạn: “Thời cơ thuận lợi, quốc vận đương cách cổ đỉnh tân chi nhật; tình thế khả quan, ngã môn bả thiên thời địa lợi chi kỳ. Hạnh kim: thiên khai thánh minh, hữu bài Pháp hưng bang chí khí; địa sinh tuần kiệt, hữu yên dân tiểu địch tinh thần” (Tạm dịch: Thời cơ thuận lợi, vận nước đang lúc đổi cũ thay mới, tình thế khả quan, chúng ta nắm được thời kỳ thiên thời địa lợi tốt. Nay may trời sinh bậc thánh minh, có chí khí diệt giặc Pháp dựng nước; đất nảy người tuần kiệt, có tinh thần giết giặc cứu dân)²³. Đó là nhận định hết sức chủ quan của những người lãnh đạo khởi nghĩa về thời cơ. Đánh rằng chiến tranh thế giới gây khó cho Pháp, đánh rằng vua Duy Tân có tinh thần chống Pháp, đánh rằng nhân tài có tinh thần giết giặc nhưng Pháp vẫn còn rất mạnh, thực lực của nghĩa quân có giới hạn và không có một đường lối đúng đắn, chưa có sự chuẩn bị thật kỹ lưỡng thì dù yếu tố khách quan và chủ quan của thời cơ cộng hưởng lại với nhau cũng chưa thể làm nên chuyện được./.

NTHN

²² Phạm Văn Sơn, Việt sử tân biên, Quyển V - Tập trung, Nhà sách Khai Trí phát hành, Sài Gòn, 1963, tr 457.

²³ Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vận, Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền Nam Trung bộ năm 1916, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 22, 1961, tr 40.

YẾU TỐ “THIÊN THỜI, ĐỊA LỢI, NHÂN HÒA” TRONG PHONG TRÀO VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI Ở QUẢNG NAM

NGUYỄN THỊ HẢI*

Quảng Nam là tỉnh có vị trí trọng yếu về mặt quân sự cũng như lợi thế về mặt tài nguyên thiên nhiên, vì thế từ thế kỷ XVIII Quảng Nam đã nằm trong âm mưu xâm lược của các đế quốc, thực dân. Người dân Quảng Nam cũng được biết đến với tinh thần yêu nước quật khởi và trung thành với cách mạng, nơi đây được xem là trung tâm của các phong trào đấu tranh chống Pháp từ những năm cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX ở Trung Kỳ. Sự ra đời và phát triển của tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Nam có chịu sự tác động của ba yếu tố Thiên thời - địa lợi - nhân hòa hay không? Bài viết dưới đây sẽ góp phần làm sáng tỏ hơn ba yếu tố này cũng như góp phần lý giải sự thất bại của tổ chức Việt Nam Quang phục hội.

Thiên thời

Trong *Từ điển Hán - Việt*, tác giả Đào Duy Anh đưa ra khái niệm Thiên thời như sau: “*Thiên thời là thời vận của Trời*”¹. Như vậy, thiên thời là yếu tố tác động từ bên ngoài, yếu tố khách quan đưa lại, vậy sự ra đời của tổ chức Việt Nam Quang phục hội có được yếu tố này hay không?

Trước hết sự ra đời của tổ chức Việt Nam Quang phục hội chịu sự ảnh hưởng trực tiếp của Cách mạng Tân Hợi (tháng 10 năm 1911) ở Trung Quốc. Thành công của cách mạng trung Quốc là luồng gió mới thổi thêm sinh khí trong tư tưởng của các nhà yêu nước khi mà phong trào cách mạng ở Việt Nam những năm trước đó đang đi vào bế tắc. Ngay sau khi nghe tin Cách mạng Tân Hợi thành công, nước

* Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

¹ Đào Duy Anh, *Từ điển Hán - Việt*, NXB. Khoa học xã hội, 2004, tr 409.

Trung Hoa dân quốc ra đời, Phan Bội Châu đã cho rằng đây là cơ hội cho cách mạng Việt Nam, nên cụ đã trở lại Trung Quốc hoạt động và viết *Liên Á sơ ngôn* kêu gọi đoàn kết các nước châu Á chống đế quốc giành độc lập. Cùng lúc đó, một số các nhà cách mạng lâu nay náu mình chờ thời trên đất Trung Quốc cùng tập trung nhau lại ở Quảng Đông, hội tụ với một số thanh niên trong nước sang. Dư luận trong nước được tin khởi nghĩa Vũ Xương bùng nổ thắng lợi, Chính phủ dân quốc lâm thời thành lập ở Nam Kinh do Tôn Trung Sơn làm Tổng thống, vô cùng phấn khởi. Nguyễn Trọng Thường, một thanh niên yêu nước từ Hà Nội sang cho biết: “Việc cách mạng Trung Quốc thành công có ảnh hưởng to lớn đến nước ta, nhân dân phấn khởi hơn nhiều lắm, nếu bây giờ ở ngoài tạo được thanh thế thì không lo gì khí thế bên trong không sống lại được”². Phan Bội Châu cũng nhận định “Trung Hoa dân quốc dựng lên, như có luồng gió tiếng vang, rung động tới nước mình nhiều. Dân khí ta lại phấn chấn đáo để”³.

Cách mạng Tân Hợi thành công và Trung Hoa dân quốc ra đời tạo điều kiện khách quan thuận lợi cho sự ra đời của Việt Nam Quang phục hội. Nó có ý nghĩa như là một tiếng hô tập hợp lực lượng cách mạng Việt Nam đã từng bị tản mát trong những năm 1909-1911 sau khi tổ chức Đông du của Duy tân hội bị giải tán.

Từ ảnh hưởng của cách mạng Tân Hợi và trên cơ sở nhận định tình hình trong nước, tháng 5 năm 1912, tại từ đường nhà Lưu Vĩnh Phúc ở Sa Hà (Quảng Đông) một cuộc hội nghị đông đủ đại biểu khắp ba kỳ đã khai sinh ra Việt Nam Quang phục hội. “Tôn chỉ duy nhất của Hội là đánh đuổi quân Pháp, khôi phục nước Việt Nam thành lập cộng hòa Dân Quốc Việt Nam”⁴. Tổ chức của hội có 3 bộ: bộ Tổng vụ, bộ Bình Nghị, Bộ Chấp hành. Hội phát hành quân dụng phiếu làm nguồn tài chính, soạn thảo phương lược Quang Phục quân, quy định tổ chức, kỷ luật và hoạt động của quân đội, định ra quốc kỳ, quân kỳ. Tháng 8 năm 1912 Hội góp phần tổ chức ra Hội Chấn Hoa Hưng Á nhằm tranh thủ sự viện trợ của các nhà yêu nước châu Á đối

² Phan Bội Châu - *Niên biểu*, NXB. Văn Sử Địa, H, 1957, tr 140.

³ Phan Bội Châu - *Ngục trung thư*, Bản dịch của Đào Trinh Nhất, NXB. Nippon Bunka - Kaikau, 1945, tr.46. Dẫn theo Đinh Xuân Lâm, Chương Thái, *Phong trào yêu nước cách mạng đầu thế kỷ XX - Nhân vật và sự kiện*, NXB. Lao Động, H, 2012, tr 56.

⁴ Phan Bội Châu - *Niên biểu*, NXB. Văn sử địa, H, 1957, tr 141.

với cách mạng Việt Nam, thu hút được gần 200 hội viên. Sau khi Hội được thành lập, các nhà lãnh đạo Việt Nam Quang phục hội cho rằng “việc vận động trong nước nếu không có một tiếng vang kinh thiên động địa thì không có hiệu quả”⁵, cần phải có một dấu hiệu gì kịch liệt để “gọi tỉnh hồn nước” trong dân chúng. Từ đó phong trào bạo động cách mạng đã nổ ra ở nhiều địa phương trong cả nước như Hà Nội, Thái Nguyên, Quảng Nam,...

Tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Nam có thêm một thời cơ nữa đó là Chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra ở châu Âu từ năm 1914, đến năm 1918 nước Pháp gặp phải khó khăn cả về tài chính lẫn quân lính nên Pháp ra sức bắt lính ở các thuộc địa, đây là cơ hội tốt để chuẩn bị kế hoạch khởi nghĩa bằng cách đưa những người cách mạng trà trộn vào quân lính để tuyên truyền, giác ngộ và phổ biến chủ trương của tổ chức. Trong một bức thư mà Phan Bội Châu gửi cho Thái Phiên có câu: “*Thời hò, thời hò, thời bắt tái lai; Kim thời bắt phẩn cô trì hà thời*”, nghĩa là “Thời cơ, thời cơ, thời cơ không trở lại; bây giờ không nổi dậy còn thời cơ nào nữa”⁶. Mặc dù Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ được thành lập từ tháng 3.1914 với chủ trương: “từ nay về sau những người ở ngoài có nhiệm vụ ở ngoài; chúng ta ở trong có nhiệm vụ ở trong. Việc của chúng ta hiện nay là vẫn tiếp tục liên lạc với anh em bên ngoài như cũ để trao đổi tình hình, nắm được phần nào hay phần ấy. Khi cần giúp đỡ theo khả năng, có cơ hội và điều kiện tốt, xét thấy được thì hưởng ứng chứ không nên quá ỷ lại như trước”⁷. Với những nhân vật trọng yếu của Kỳ bộ, gồm: Quảng Nam có Thái Phiên, Đỗ Tự, Phan Thành Tài, Phạm Thành Chương; Thừa Thiên có Đoàn Bồng; Quảng Ngãi có Nguyễn Suy, Nguyễn Công Phuong, Bùi Bá Thiệu, Võ Hàm,... Về sau có một số chính trị phạm mãn hạn tù ở Côn Đảo về cùng tham gia vào tổ chức này như Trần Cao Vân. Nhưng đến tháng 9 năm 1915, sau khi nhận được thư khởi nghĩa của Phan Bội Châu, trong một cuộc hội nghị của Việt Nam Quang phục hội toàn kỳ tại Huế, do Thái

⁵ Phan Bội Châu - *Niên biểu*, NXB. Văn sử địa, H, 1957, tr155.

⁶ Lâm Quang Thự (Biên soạn), *Quảng Nam - địa lý, lịch sử, nhân vật*, Ban liên lạc đồng hương tỉnh Quảng Nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hóa xuất bản năm 1974, tr.85.

⁷ Trần Văn Giàu, *Lịch sử Cận đại Việt Nam, tập 3*, NXB. Giáo Dục, H, 1961, tr.298.

Phiên chủ trì, sau khi phân tích tình hình địa phương đã đi đến quyết định: Hoàn kế hoạch khởi nghĩa thêm một thời gian nữa, để củng cố lực lượng cho tốt hơn và mời vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa.

Tháng 2.1916 sau khi đã liên lạc được vua Duy Tân, Thái Phiên và Trần Cao Vân triệu tập Đại hội đại biểu về dự hội nghị kỳ bộ lần thứ hai tại Huế. Hội nghị đã xem xét, đánh giá lại tình hình, lực lượng chuẩn bị lần cuối cùng và quyết định ngày khởi nghĩa, Thái Phiên và Trần Cao Vân được cử vào Ủy ban khởi nghĩa, trực tiếp chỉ đạo cuộc khởi nghĩa tại kinh đô Huế. Tuy nhiên, cuộc khởi nghĩa ở Huế đã bị dập tắt từ trong trứng nước, chỉ có Quảng Nam là địa phương duy nhất tổ chức được cuộc bạo động ở phủ Tam Kỳ, nhưng cũng bị đàn áp, khủng bố đẫm máu bởi chưa có được yếu tố thời cơ thuận lợi.

Địa lợi

Luận về vai trò của yếu tố *địa* trong quân sự, Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn, sau ba cuộc kháng chiến của nhà Trần chống quân Nguyên - Mông xâm lược vào thế kỷ XIII giành thắng lợi, đã tổng kết trong *sách Binh thư yếu lược*: “*Cái đạo hành binh quý nhất ở địa lợi, địa lợi không rõ thì rất khó ra quân kỳ, đặt quân phục*”⁸. Trên cơ sở đó có thể xét yếu tố *địa* ở Quảng Nam trong các cuộc đấu tranh nói chung và đối với phong trào Việt Nam Quang phục hội nói riêng ở các khía cạnh sau:

Quảng Nam từ thời các chúa Nguyễn đã được xem là thủ phủ, kinh đô thứ hai xứ Đàng Trong. Chúa Nguyễn đã nhận thấy Trần Quảng Nam đất tốt dân đông, sản vật giàu có, số thuế thu vào nhiều hơn đất Thuận Hóa mà số quân thì cũng bằng quá nửa, nên có ý kinh dinh đất này. Hoàng định năm thứ 3 (1602) chúa đi chơi núi Hải Vân thấy núi non hiểm trở, phán rằng: chỗ này là đất yết hầu của miền Thuận Quảng, chúa lại vượt qua núi xem xét hình thế sai lập dinh ở xã Càn Húc, xây kho tàng, chứa lương thực, rồi sai công tử thứ sáu là Nguyễn Phước Nguyên trấn giữ.

Xét về tài nguyên, sản vật thì Quảng Nam là vùng đất giàu có và luôn được các triều đại, thế lực chú ý. Trong *Vân đài loại ngữ*, Lê Quý Đôn cho biết “các núi phủ Thăng Bình đều có sản xuất vàng.

⁸ *Binh thư yếu lược*, phụ Hồ trưởng khu cơ, sdd, tr. 135.

Đạo Trà Tế ở núi nhiều vàng, đạo Trà Nô ở sông nhiều vàng”. Ngoài vàng ra ở đảo Đại Chiêm có yến, ở nguồn Thu Bồn có quế, ở huyện Diên Phước có đường thạch khối, đường băng hoa, đường đen, đường mật. Ở Hòa Vang và Lễ Dương có ruộng muối, ở núi Ngũ hành có cẩm thạch, ở nguồn Ô Da có sáp ong, nguồn Chiên Đàn có mật ong,... Lại có danh mộc rất nhiều, hải sản cũng lắm, đất đai phì nhiêu, dân cư trù mật⁹. Quảng Nam còn nằm trong vị trí chiến lược về mặt quân sự của các chúa Nguyễn, là cơ sở đem lại thế yểm cho thượng đô và cho cả chính dinh, nhằm có đủ khả năng, lực lượng chặn đứng mọi cuộc tiến chiếm của quân Trịnh từ phía bắc tràn xuống, mặt khác vừa tạo được bàn đạp để bành trướng thế lực mở rộng bờ cõi về phía Nam.

Đến nhà Nguyễn coi Quảng Nam là địa bàn chiến lược quan trọng và tăng cường lực lượng cho công cuộc phòng thủ đất nước. Dưới thời vua Hàm Nghi cùng với Tân Sở (ở Quảng Trị), nha sơn phòng Quảng Nam được tăng cường, đầu năm 1885, vua Hàm Nghi đã cho tái vào sơn phòng này 90 gánh vàng bạc và tích trữ muối gạo chuẩn bị lâu dài¹⁰. Ngay khi Dụ Cần vương được ban ra, nhân dân Quảng Nam lập tức hưởng ứng mạnh mẽ. Phong trào Nghĩa hội dâng cao mà Quảng Nam trở thành hạt nhân tập hợp với “Quảng Nam tam tỉnh Nghĩa hội”. Nghĩa hội thực sự trở thành ngọn cờ tụ nghĩa thúc dục lời kêu gọi như “Hịch văn thân Quảng Nam” của Phạm Như Xương đã nêu “Người trong nước phải đền nợ nước”.

Trước sự lớn mạnh của phong trào đấu tranh của nhân dân Quảng Nam, thực dân Pháp đã dùng các biện pháp để thiết chặt hơn nữa sự quản lý của chính quyền: trước hết Tổng tư lệnh lực lượng Pháp ở Trung Kỳ là De Courcy đã ra lệnh cho tướng Prud'Homme điều động công binh và buộc Đồng Khánh phải huy động phu dịch làm đường từ Huế qua đèo Hải Vân đến Đà Nẵng. Bên cạnh đó, trên đất Quảng Nam, Pháp đã cho xây dựng 36 đồn bót mới¹¹. Điều đó cho thấy, Quảng Nam có vị trí đặc địa và là điểm chốt của phong trào đấu tranh chống pháp.

⁹ Phan Du, *Quảng Nam qua các thời đại*, NXB. Cổ học tùng thư, Đà Nẵng, 1974, tr.55.

¹⁰ Viện Sử học, *Lịch sử thành phố Đà Nẵng*, NXB. Đà Nẵng, 1996, tr.79.

¹¹ Viện Sử học, *Lịch sử thành phố Đà Nẵng*, sdd, tr.82.

Nhân hòa

Từ xa xưa, ông cha ta đã quan niệm “Thùy tri vạn cổ trùng hưng nghiệp, bán tại quan hà, bán tại nhân”, có nghĩa là “Sự nghiệp trùng hưng muôn thuở, nửa do sông núi, nửa do người”. Như vậy, yếu tố con người đóng vai trò không nhỏ trong sự thành bại của một phong trào, một cuộc khởi nghĩa của dân tộc hay một vùng. Quảng Nam là vùng đất nổi tiếng với truyền thống anh hùng trượng nghĩa, người dân luôn chăm chỉ làm lụng và giàu lòng yêu nước. Luận về tính cách người dân Quảng Nam sử triều Nguyễn cho biết: “Học trò chăm học hành, nông phu chăm đồng ruộng, siêng sản xuất mà ít đem cho; vui làm việc nghĩa và sốt sắng việc công. Quân tử giữ phận mà hổ thẹn việc bên cạnh, tiểu nhân khí khái mà hay kiện tụng. Dân ven núi sinh nhai về nghề hái củi đốn cây mà tính chất phác, dân ven biển sinh nhai về nghề tôm cá, mà tính nóng nảy”¹².

Với truyền thống và bản tính tốt đẹp đó, phong trào yêu nước của nhân dân tỉnh Quảng Nam đã diễn ra từ rất sớm và luôn được xem là tâm điểm ở Trung Kỳ. Ngay từ khi Pháp nổ súng xâm lược nước ta, nhân dân Quảng Nam dưới sự chỉ huy của Nguyễn Tri Phương đã đứng lên chống Pháp. Quảng Nam cũng là trung tâm của phong trào Cần vương với tổ chức Nghĩa hội do Nguyễn Duy Hiệu đứng đầu. Sau khi phong trào Cần vương thất bại, các nhà yêu nước lại tiếp tục con đường cứu nước mới theo xu hướng duy tân, cải cách. Trong đó Quảng Nam là nơi đại bản doanh của phái cải cách, do hoạt động trực tiếp của Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, là những nhà cải cách có tên tuổi phong trào Duy tân. Những người theo chủ trương bạo động ở Quảng Nam có Nguyễn Thành, Châu Thượng Văn, Đỗ Đăng Tuyển, Thái Phiên,... Quảng Nam cũng là tỉnh đầu tiên phát động phong trào chống Thuế năm 1908.

Ở Trung Kỳ, khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội diễn ra chủ yếu ở ba tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, trong đó Quảng Nam là tỉnh đã đóng vai trò quan trọng, với những người cầm đầu cuộc khởi nghĩa là Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài và một số sĩ phu tham gia đông đảo hơn ở các tỉnh khác.

¹² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, NXB. Thuận Hóa, Huế, 2006, tr. 395.

Thái Phiên sinh năm 1882 tại làng Nghi An, tổng Phước Tường, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam. Ông đã tích cực tham gia các phong trào chống Pháp ở địa phương, đầu tiên là phong trào chống thuế năm 1908. Trong thời gian từ năm 1909 đến 1912, Thái Phiên đã cùng với Lê Ngung ở Quảng Ngãi tìm mọi cách tập hợp các nhà yêu nước chưa bị sa lưới trong cao trào chống thuế để từ đó khi có thời cơ thành lập nên tổ chức Việt Nam Quang phục hội.

Trần Cao Vân sinh năm 1866 tại làng Tư Phú, tổng Hòa Đa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông tham gia phong trào chống Pháp ở địa phương từ rất sớm và đã từng bị đày ra nhà lao Côn Đảo. Năm 1916, ông được mời tham gia Việt Nam Quang phục hội và cùng Thái Phiên lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Quảng Nam. Trước khi bị hành hình, ông có làm bài thơ nói về ý chí quyết tâm và tinh thần khảng khái của quân dân Quảng Nam như sau: *“Đứng giữa càn khôn vững chẳng nghiêng/ Việt Nam văn vật đã lòng tên./ Quân dân hợp sức chung quyền chủ/ Nhật nguyệt treo gương rạng mỗi giềng./ Bách Việt non sông không bạch xỉ/ Một lòng trung nghĩa có hoàng thiên./ Anh hùng thành bại khoan bàn vội/ Mặc sử ngàn thu luận trắng đen”*¹³.

Phan Thành Tài sinh năm Canh Ngọ (1870), tại làng Bảo An - Phủ Điện Bàn nay thuộc xã Điện Trung - huyện Điện Bàn. Ông là một trong những người theo Tây học đầu tiên của tỉnh Quảng Nam, là sĩ phu đặc lực cho phong trào Đông du của cụ Phan Bội Châu. Cùng với Thái Phiên và Trần Cao Vân, ông là người tham gia tích cực tổ chức Việt Nam Quang phục hội, từng chỉ huy cuộc bạo động chiếm giữ cửa bể Đà Nẵng của lực lượng Việt Nam Quang phục hội từ Quảng Nam đến Quảng Ngãi. Khởi nghĩa không thành, ngày 9 tháng 6 năm 1916 ông bị thực dân Pháp bắt và hành quyết khi vừa tròn 46 tuổi. Hiện nay mộ ông nằm tại thị trấn Vĩnh Điện - huyện Điện Bàn.

Bên cạnh các nhân vật kiệt xuất lãnh đạo phong trào, còn có những người lãnh đạo trực tiếp ở các địa phương trong các đội nghĩa binh, trong đó đáng chú ý là phủ Tam Kỳ với các tên tuổi như: Trần Huỳnh, Trần Ni, Trần Khuê, Lê Ngạn, Ngô Đồi. Nhân dân tỉnh

¹³ Bản dịch nghĩa trong *Quảng Nam địa lý - nhân vật - lịch sử*, Ban liên lạc đồng hương tỉnh Quảng Nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hóa xuất bản, 1974, tr.160.

Quảng Nam nói chung và phủ Tam Kỳ nói riêng đã hết sức ủng hộ phong trào bằng cách thành lập các đội nghĩa binh hưởng ứng. Rất nhiều các đội nghĩa binh được thành lập ở các làng như Tân An Tây, Tam Mỹ, Ngọc Mỹ, Khương Mỹ, Trường Xuân, Ngọc Thọ, Thọ Khương, Văn Trai, Quý Thượng, Quảng Phú, Trung Đoàn Thượng, Phú Lâm, Cây Cốc, An Hoà, Kim Đái, Thạnh Bình....

Nhờ có sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân địa phương và tận dụng lợi thế cách xa trung tâm kinh đô Huế nên cuộc khởi nghĩa ở phủ Tam Kỳ đã diễn ra đêm ngày 3 rạng sáng ngày 4 tháng 5 năm 1916. Lê Tiễn dẫn một đội nghĩa binh tiến đánh đồn Trà My và cướp được đồn, bọn lính khố xanh sống sót tháo chạy vào rừng. Nguyễn Tình chỉ huy một đội nghĩa binh đánh chiếm đồn Thương Chánh Hiệp Hòa.

Trần Huỳnh, Trần Ni và Trầm Tùng Vân (người Minh Hương) chỉ huy một đội nghĩa binh lớn có nhiệm vụ đánh chiếm phủ đường Tam Kỳ và đồn Đại lý Pháp.

Tuy nhiên, do kế hoạch khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội bị bại lộ tại kinh đô, đại lý Pháp và tri phủ Tam Kỳ Tạ Thúc Xuyên đã biết trước nên trốn đi nơi khác và tìm cách bảo vệ phủ đường Tam Kỳ. Khi nghĩa binh tiến công tòa Đại lý Pháp nhưng không thấy chống cự, nghĩa binh đã chiếm được đồn, phá kho và thu được một ít đạn, quần áo, và vài khẩu súng hỏng. Nghĩa quân lạng lẹ bao vây phủ đường trong đêm khuya nhưng bị quân địch phục kích đánh trả, nghĩa binh không chống cự nổi phải rút lui. Ngay sau đó một cuộc truy bắt những người yêu nước và tham gia khởi nghĩa đã được thực dân Pháp thi hành ráo riết ở Quảng Nam và phủ Tam Kỳ, những người lãnh đạo đều bị bắt và tử hình.

Trên cơ sở phân tích ba yếu tố *Thiên thời, địa lợi, nhân hòa* nêu trên, chúng ta có thể thấy sự ra đời của tổ chức Việt Nam Quang phục hội do Phan Bội Châu khởi xướng và hình thành ở Trung Quốc đầu năm 1912 trong điều kiện thuận lợi đó là sự thắng lợi của cách mạng Tân Hợi và được sự ủng hộ nhiệt tình của những người cách mạng Trung Quốc và những chí sĩ Việt Nam đang có mặt ở đây. Khi tổ chức này được đưa về để triển khai trong nước với chương trình hành

động mở màn là các cuộc bạo động để gây thanh thế. Tuy nhiên, yếu tố thuận lợi mà tổ chức này có được chỉ ở Trung Quốc, còn trong nước, thắng lợi cách mạng Tân Hợi chỉ làm khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh trong lòng các chí sĩ và một số người dân mà chưa có sự phổ biến rộng rãi và chưa có ảnh hưởng đến chính quyền thuộc địa. Chỉ khi Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất nổ ra, yếu tố thời cơ mới có sự tác động trực tiếp đến chính quyền thực dân tuy không nhiều nhưng cũng tạo ra một điều kiện thuận lợi nhất định. Trong khi đó, vì quá ỷ lại và tin tưởng vào yếu tố bên ngoài hay yếu tố *thiên thời* mà tổ chức đã chưa hay không chú trọng đến yếu tố trong nước, có chăng chỉ căn cứ trên tinh thần yêu nước của người dân mà chưa có sách lược hành động cụ thể. Các cuộc bạo động nổ ra lẻ tẻ ở một số địa phương trên khắp cả nước, trong đó nổi bật là Trung Kỳ do chính người địa phương lãnh đạo mà chưa thấy được vai trò của người đứng đầu tổ chức.

Tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ được thành lập trên cơ sở liên kết các nhà yêu nước chủ yếu ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Thừa Thiên Huế, trong đó nổi bật là tỉnh Quảng Nam. Đây cũng là địa phương tiến hành được cuộc bạo động duy nhất của tổ chức này ở Trung kỳ. Cuộc bạo động có thể nổ ra được ở phủ Tam Kỳ là sự kết hợp giữa hai yếu tố *địa lợi* và *nhân hòa* tức là dựa trên yếu tố địa lý là nơi xa kinh thành lại địa hình lắm đồi núi, sông ngòi, các đội nghĩa binh có thể hình thành mà không bị phát giác sớm bởi chính quyền thuộc địa. Bên cạnh đó, người dân Tam Kỳ cũng có tinh thần yêu nước, hăng hái tham gia vào các tổ chức cách mạng với tinh thần và trách nhiệm cao. Tuy nhiên, cuộc bạo động ở Tam Kỳ nói riêng và Quảng Nam cũng như cả nước nói chung thiếu đi yếu tố quan trọng là *thiên thời* khi mà các âm mưu khởi nghĩa và các cuộc bạo động diễn ra trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, chính quyền thực dân còn mạnh, chưa bị tác động bởi yếu tố bên ngoài, trong khi đó tổ chức cách mạng lại lỏng lẻo và chưa có sự chuẩn bị kỹ càng, do đó sự thất bại của phong trào đấu tranh do tổ chức Việt Nam Quang phục hội khởi xướng là điều tất yếu của lịch sử./.

NTH

ẢNH HƯỞNG CỦA TỔ CHỨC VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI ĐỐI VỚI PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1912-1918

ThS. PHẠM VĂN HÒA *

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX thực dân Pháp bắt tay vào công cuộc khai thác thuộc địa với quy mô toàn cõi Đông Dương. Cuộc khai thác thuộc địa đã làm mâu thuẫn nhân dân ta với Pháp vốn đã gay gắt, càng trở nên sâu sắc hơn. Đó là nguyên nhân thúc đẩy nhiều phong trào yêu nước, đấu tranh cách mạng ở nước ta phát triển mạnh mẽ, dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong quá trình tìm kiếm con đường giải phóng cho dân tộc, Phan Bội Châu là người vươn lên không ngừng, từ tư tưởng quân chủ lập hiến, đến tư tưởng Cộng hoà, thành lập tổ chức Duy tân hội (1904) đến Việt Nam Quang phục hội (1912). Việt Nam Quang phục hội là tổ chức tiên bộ về cương lĩnh, điều lệ và có nhiều ảnh hưởng đến phong trào cách mạng nước ta trong khoảng thời gian 1912-1918.

1. Vài nét về sự thành lập tổ chức Việt Nam Quang phục hội của nhà yêu nước Phan Bội Châu

Trước hết, xuất phát từ yêu cầu đòi hỏi của lịch sử dân tộc vào những năm đầu thế kỷ XX. Chính sách khai thác thuộc địa đã làm cho xã hội Việt Nam phân hoá sâu sắc, nhiều giai cấp mới ra đời tạo điều kiện tiếp thu các trào lưu tư tưởng bên ngoài tác động vào nước ta. Yêu cầu đòi hỏi của lịch sử dân tộc đặt ra đó là vừa giải phóng dân tộc, vừa giải phóng giai cấp. Đưa đất nước thoát khỏi tình trạng một nước thuộc địa nửa phong kiến. Con đường giải phóng dân tộc được trao cho giai cấp nào ? đi theo con đường nào?.

Thứ hai, những hoạt động yêu nước của các chí sĩ cách mạng cùng thời với Phan Bội Châu đã góp phần thúc đẩy Cụ Phan hướng

* Học viện Chính trị khu vực III, Đà Nẵng.

tới tìm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc thoát khỏi ách nô lệ, lầm than của chế độ thực dân, phong kiến. Sinh ra và lớn lên trong môi trường gia đình, quê hương giàu truyền thống yêu nước cách mạng, Phan Bội Châu không ngừng vươn lên để tìm ra con đường giải phóng dân tộc đúng đắn cho dân tộc, từ tư tưởng quân chủ lập hiến thành lập tổ chức Duy tân hội đến tư tưởng dân chủ tư sản của tổ chức Việt Nam Quang phục hội.

Thứ ba, cùng với những ảnh hưởng, tác động từ phong trào, “luồng gió” mới từ bên ngoài, nhất là Cách mạng Tân Hợi (Trung Quốc) thành công đã tác động đến Phan Bội Châu và các đồng chí cộng sự của ông. Với những điều kiện chín muồi, năm 1912 Phan Bội Châu quyết định thành lập tổ chức Việt Nam Quang phục hội.

Đây là một tổ chức tiên bộ vượt bậc so với các tổ chức trước đây mà Phan Bội Châu thành lập về điều lệ, cương lĩnh, cơ cấu tổ chức và hoạt động. Tổ chức đã có nhiều ảnh hưởng đến phong trào cách mạng nước ta trong thời gian Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất.

Tuy nhiên, tổ chức Việt Nam Quang phục hội có nhiều hạn chế dẫn đến sự thất bại là điều khó tránh khỏi. Đảng chỉ chú trọng những cuộc bạo động, không đề cao việc tuyên truyền giác ngộ quần chúng. Không tổ chức được một mặt trận thống nhất dân tộc rộng rãi. Không gây được thực lực trong nước mà chỉ kỳ vọng vào ngoại viện.

2. Ảnh hưởng của tổ chức Việt Nam Quang phục hội đối với phong trào yêu nước Việt Nam trong những năm 1912-1918

Thứ nhất, tình hình Việt Nam trong những năm chiến tranh thế giới nổ ra (1914-1918) hứng chịu nhiều mất mát của cải và con người. Do nước Pháp phải tham chiến, nên chúng phải huy động nhân lực, vật lực ném vào cuộc chiến tranh. Các nước thuộc địa của thực dân Pháp nói chung và Việt Nam đều phải chịu chung số phận gánh chịu hậu quả chiến tranh do các nước đế quốc gây ra. Trong thời gian Chiến tranh, đế quốc thực dân Pháp đã sử dụng nhiều chính sách và thủ đoạn để vơ vét bóc lột nhân dân ta. Những chính sách đó là nguyên nhân dẫn đến nhiều phong trào đấu tranh của nhân dân ta nổ ra khắp nơi, dưới mọi hình thức khác nhau. Những cuộc đấu tranh

khởi nghĩa đó, dưới nhiều góc độ khác nhau đều chịu ảnh hưởng từ những hoạt động của tổ chức Việt Nam Quang phục hội.

Thứ hai, sự tác động của tổ chức Việt Nam Quang phục hội đến các cuộc khởi nghĩa, đấu tranh của nhân dân trên phạm vi cả nước.

Một là, cuộc đấu tranh phá ngục Lao Bảo: Cuộc phá ngục Lao Bảo do Hồ Bá Kiên người của Duy tân hội và Liêu Thanh hội viên của tổ chức Việt Nam Quang phục hội tổ chức. Ngày 28.9.1915 cuộc khởi nghĩa nổ ra giành thắng lợi nhanh chóng, nghĩa quân rút sang Lào lập căn cứ chiến đấu lâu dài. Cuối tháng 10.1915 cuộc khởi nghĩa thất bại trước sự đàn áp của thực dân Pháp.

Hai là, cuộc khởi nghĩa Thái Phiên và Trần Cao Vân: Cuộc khởi nghĩa do Thái Phiên hội viên của Duy tân hội, năm 1912 Thái Phiên cùng với Lê Ngung thành lập Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ. Trần Cao Vân từng tham gia nhiều phong trào đấu tranh chống Pháp, bị bắt giam nhiều lần nhưng tinh thần cách mạng trong ông vẫn không thay đổi. Thái Phiên và Trần Cao Vân trở thành linh hồn của cuộc khởi nghĩa. Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ đã có sự liên lạc với chi bộ Việt Nam Quang phục hội ở Vân Nam Trung Quốc và Xiêm. Cuộc khởi nghĩa được quyết định vào 1 giờ sáng ngày 4.5.1916, nhưng kế hoạch khởi nghĩa bị lộ trước ngày khởi sự dẫn đến cuộc khởi nghĩa bị thất bại. Nguyên nhân thất bại là do tầm nhìn hạn chế của những người lãnh đạo chủ trương xây dựng nhà nước quân chủ lập hiến sau khi cách mạng thành công. Việc vận động tổ chức khởi nghĩa non kém, kế hoạch khởi nghĩa bại lộ.

Ba là, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên: Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa là Trịnh Văn Cấn, đội trưởng lính khổ xanh được Lương Ngọc Quyến hội viên của Việt Nam Quang phục hội tuyên truyền giác ngộ cách mạng. Cả hai đã tích cực vận động binh lính và tù nhân khởi nghĩa. Ngày 30 tháng 8 năm 1917 cuộc khởi nghĩa nổ ra giành thắng lợi, lá cờ năm sao Nam Bình Phục Quốc tung bay trên cổng thành Thái Nguyên, đặt quốc hiệu Đại Hùng. Sau khi nhận được tin về cuộc khởi nghĩa thực dân Pháp đã tập trung lực lượng để đàn áp và bị dập tắt vào 11 năm 1918. Nguyên nhân: sự trông chờ vào ngoại viện của những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa. Nghĩa quân không tạo được

thế tiến công liên tục địch mà chuyển vào phòng ngự dẫn đến thất bại của cuộc khởi nghĩa vũ trang này.

Bốn là, cuộc khởi nghĩa Bình Liêu: Đông Bắc Việt Nam là cửa ngõ của các chiến sỹ cách mạng Việt Nam thường hay qua lại. Tổ chức Việt Nam Quang phục hội từng có chủ trương đẩy mạnh hoạt động ở đây. Những hoạt động của tổ chức Việt Nam Quang phục hội đã có ảnh hưởng đến con em dân tộc mặc áo lính. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa là Tham Cam Say từng liên hệ với tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở vùng Lưỡng Quảng và ông từng có dự định tiến công vào các đồn binh Pháp dọc biên giới Việt Trung. Ngày 16.11.1918 cuộc khởi nghĩa nổ ra nghĩa quân nhanh chóng làm chủ một địa bàn rộng lớn. Cuối tháng 6.1919 cuộc khởi nghĩa mới bị dập tắt. Nguyên nhân dẫn đến thất bại là do cuộc khởi nghĩa không có một đường lối rõ ràng, bộ máy chỉ huy thiếu thống nhất.

Tóm lại, trong những năm đầu thế kỷ XX, dưới sự lãnh đạo các sỹ phu yêu nước tiêu biểu là Phan Bội Châu và tổ chức Việt Nam Quang phục hội đã tạo ra một phong trào đấu tranh rầm rộ trên phạm vi cả nước. Mặc dù tổ chức Việt Nam Quang phục hội và các cuộc khởi nghĩa mặc đều thất bại, nhưng đã tô thắm cho lịch sử đấu tranh hào hùng của dân tộc. Mặt khác, qua thực tiễn đấu tranh thất bại của tổ chức và các phong trào yêu nước trên đây, cho thấy rằng con đường đấu tranh cứu nước của Phan Bội Châu và tổ chức Việt Nam Quang phục hội đề ra là không phù hợp với hoàn cảnh nước ta lúc bấy giờ. Thất bại của tổ chức Việt Nam Quang phục hội đã để lại bài học kinh nghiệm quý giá cho các chiến sỹ yêu nước, cách mạng những năm tiếp theo hoạt động và tìm đường cứu nước đúng đắn hơn, phù hợp với hoàn cảnh đất nước và thời đại. Nhất là sau khi chiến tranh thế giới kết thúc, Cách mạng tháng Mười Nga thành công (1917), với sự xuất hiện và hoạt động năng nổ của lãnh tụ Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc những năm 20 của thế kỷ XX, tìm ra con đường đúng đắn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc thoát khỏi ách áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến tay sai giành lại độc lập cho dân tộc, tự do hạnh phúc cho nhân dân./.

GIÁ TRỊ LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI Ở TRUNG KỲ NĂM 1916

TS. NGUYỄN VĂN CHIẾN*

Trong những năm đầu thế kỷ XX, dân tộc Việt Nam đã chứng kiến nhiều biến chuyển quan trọng trên con đường chống Pháp theo khuynh hướng dân chủ tư sản với các biện pháp bạo động và cải cách, đánh dấu một bước phát triển mới của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam. Đó là phong trào Duy tân (1903-1908), Duy tân hội và phong trào Đông du (1905-1909), Đông kinh nghĩa thực (1907), phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ, sự ra đời và hoạt động của Việt Nam Quang phục hội (1912-1917). Từ những phong trào và cuộc vận động yêu nước tiêu biểu này đã dẫn đến các biến cố làm cho thực dân Pháp hoảng hốt, lo sợ và tiến hành đàn áp điên cuồng. Đó là phong trào chống sưu thuế ở Trung Kỳ năm 1908; Vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội năm 1908; cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916; cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917... Huỳnh Thúc Kháng đã từng khẳng định rằng: “Cuộc khởi nghĩa Duy Tân đã ghi một vết khá sâu trong đoạn lịch sử “Việt Nam thuộc Pháp”¹. Hay nói một cách khác, Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916 là một trong những sự kiện tiêu biểu nhất trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam thời cận đại, là 1 trong 3 sự kiện nghiêm trọng nhất đối với thực dân Pháp trong những năm 1914-1918 (Cuộc khởi nghĩa của tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916; cuộc phá Khảm lớn Sài Gòn 1916; cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên 1917). Mặc dù cuộc khởi nghĩa thất bại và bị đàn áp đẫm máu, song nó có giá trị lịch sử trên nhiều mặt.

* Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh Gia Lai.

¹ Huỳnh Thúc Kháng: Cuộc khởi nghĩa Duy Tân năm 1916, in trong Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước nhìn từ góc độ văn hoá*, NXB. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2005, tr 711.

1. Cuộc khởi nghĩa biểu thị lòng yêu nước, quyết tâm chống Pháp của nhân dân Việt Nam theo con đường cách mạng bạo động do các sĩ phu yêu nước tiên bộ lãnh đạo, đánh dấu bước phát triển mới của phong trào cách mạng Việt Nam.

Sau khi nổ ra phong trào chống sưu thuế ở Trung Kỳ năm 1908; Vụ đầu độc lính Pháp xảy ra ở Hà Nội, thực dân Pháp đã đàn áp khốc liệt phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân ta. Các cơ sở yêu nước như hội buôn, trường học đều bị đóng cửa, các sĩ phu yêu nước người thì phải lên máy chém (Trần Quý Cáp, Lê Khiết, Ám Loan...), hầu hết bị lưu đày ở các nhà lao như Côn Lôn, Lao Bảo, Thái Nguyên với các mức án từ 1 năm đến chung thân. Chính trong hoàn cảnh đó, các sĩ phu yêu nước tiên bộ như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Cao Vân, Phạm Cao Chắm, Nguyễn Thụy, Lê Ngung, Châu Thượng Văn, Lê Cơ, Lê Vĩnh Huy, Trương Bá Huy... xem nhà tù là “trường học” để xem xét lại chủ trương và hành động cứu nước của mình để khi được ra khỏi nhà tù tiếp tục tiến hành cuộc vận động cứu nước. Trong khi đó, một số nhân sĩ yêu nước còn có điều kiện hoạt động bên ngoài nhà tù như Thái Phiên tìm cách bất liên lạc để dập tắt phong trào. Chính trong bối cảnh đó, ở ngoài nước, Phan Bội Châu và các đồng chí vẫn miệt mài nuôi dưỡng ý chí cứu nước sau khi phong trào Đông du (1905-1909) thất bại, đã ngày đêm theo dõi tình hình trong nước và thế giới để kịp thời chuyển hướng phong trào cho phù hợp để thúc đẩy phong trào yêu nước và cách mạng của dân tộc tiến lên, dẫn đến sự ra đời của tổ chức Việt Nam Quang phục hội năm 1912, đây là một trong những tiền đề dẫn đến cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916. Cuộc khởi nghĩa đã thu hút đông đảo các giai cấp và tầng lớp nhân dân yêu nước tham gia như những người trong hoàng tộc đứng đầu là vua Duy Tân, các quan lại Nguyễn Quang Siêu, Tôn Thất Đề, Đoàn Bổng; các sĩ phu yêu nước đã từng tham gia các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX như Trần Cao Vân, Phạm Cao Chắm, Lê Ngung, Nguyễn Thụy, Lê Cơ, Trương Bá Huy, Lê Vĩnh Huy, Nguyễn Chánh, Khoá Bảo...; thanh niên trí thức tân học (Thái Phiên, Phan Thành Tài, Lê Đình Dương, Phạm Hữu Khánh...), binh lính người Việt

trong quân đội Pháp, thợ thủ công, nông dân, doanh nhân, phú nông, địa chủ, công nhân, đồng bào các dân tộc ở các tỉnh, đô thị trên dải đất miền Trung nối liền: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên, Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận như Huỳnh Thúc Kháng nhận xét: “Cuộc Duy Tân năm 1916 có cái đặc sắc là từ vua quan đến các sĩ dân, cho đến hàng quân ngũ dưới quyền quân lính Pháp cùng bạn học Tây học mà người Pháp đào tạo ra đều ôm lòng phẫn uất, chứng tỏ rằng chính sách cai trị của bọn thực dân ở Việt Nam hung ác đến cực điểm, chúng bạn thân li bày ra cái tình cảnh “trong một thuyền đều là kẻ cừu địch”². Tất cả các giai cấp và tầng lớp trên, dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước tiến bộ như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung, Nguyễn Thụy, Phan Thanh Tài... đặt dưới ngọn cờ của minh chủ Duy Tân, đã tranh thủ thời cơ nhân thực dân Pháp tham gia cuộc Chiến tranh Thế giới thứ nhất gặp nhiều khó khăn tổn thất, nhân dân Việt Nam bất mãn với chính sách thống trị của thực dân Pháp, tiến hành công cuộc chuẩn bị để tiến tới bạo động giành lấy độc lập tự do theo phương thức “nội công ngoại kích”. Đáng tiếc, do những hạn chế của bản thân cuộc vận động và rủi ro của cuộc sống đời thường, nên cuộc vận động khởi nghĩa đã không diễn ra như mong muốn. Tuy vậy, cuộc khởi nghĩa đã thể hiện quyết tâm chống Pháp của nhân dân Việt Nam theo con đường bạo động trong bối cảnh phương thức cải cách không còn điều kiện để phát triển trong thời điểm lịch sử lúc bấy giờ. Cuộc khởi nghĩa cũng khẳng định giá trị của tư tưởng cách mạng bạo động do Phan Bội Châu đề xướng, đồng thời khẳng định vai trò, sự năng động của tầng lớp sĩ phu yêu nước tiến bộ trong việc tận dụng thời cơ để tiến hành cách mạng, trong bối cảnh giai cấp tư sản chưa đủ sức lãnh đạo cũng như tầng lớp trí thức tân học chưa thể thay thế. Song cuộc khởi nghĩa này, cũng khẳng định đây là những cố gắng cuối cùng của tầng lớp sĩ phu yêu nước tiến bộ trên con đường sẽ chuyển giao thế hệ lãnh đạo cho tầng lớp trí thức tân học trong

² Huỳnh Thúc Kháng: Cuộc khởi nghĩa Duy Tân năm 1916, in trong Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước nhìn từ góc độ văn hoá*, NXB. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2005, tr 711.

phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam sau Chiến tranh Thế giới thứ nhất.

Cuộc khởi nghĩa cũng góp phần khẳng định những đóng góp của Phan Bội Châu và tổ chức Việt Nam Quang phục hội do ông sáng lập. Mặc dù lúc này, Phan Bội Châu đang bị giam trong nhà tù giới quân phiệt Trung Quốc nhưng ảnh hưởng của tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu và đường lối của Việt Nam Quang phục hội phần nào đã đáp ứng được yêu cầu lịch sử của nhân dân Việt Nam lúc này.

Nếu như trong những năm đầu thế kỷ XX, trong phong trào yêu nước theo khuynh hướng tư sản, các cuộc đấu tranh diễn ra theo hai xu hướng bạo động và cải cách, trong đó xu hướng cải cách nổi trội trong thực tiễn, xu hướng bạo động có mức độ, ở miền núi cuộc đấu tranh mang tính tự phát, thì vào những năm 1914-1918, xu hướng bạo động đóng vai trò chủ yếu với hình thức khởi nghĩa vũ trang. Cùng với các cuộc khởi nghĩa và bạo động khác, *cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ là sợi dây nối liền giữa cuộc vận động yêu nước do tầng lớp cựu học tiến bộ lãnh đạo với phong trào yêu nước do tầng lớp trí thức tân học lãnh đạo sau Chiến tranh Thế giới thứ nhất.*

2. Cuộc khởi nghĩa góp phần thúc đẩy phong trào “Châu Á thức tỉnh” phát triển

Đến đầu thế kỷ XX, ở Châu Á, do tác động và ảnh hưởng của sự thống trị, khai thác bóc lột của chủ nghĩa thực dân, cùng với ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây, làm cho giai cấp tư sản ra đời, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa hình thành, đời sống văn hoá, tư tưởng có nhiều chuyển biến theo văn minh phương Tây, dẫn đến sự hình thành và phát triển của phong trào “Châu Á thức tỉnh” với nội dung cơ bản là đấu tranh không chỉ giành độc lập mà còn giành các quyền tự do dân chủ trong khuôn khổ chế độ tư sản. V.I.Lenin là người đầu tiên nghiên cứu phong trào cách mạng ở Châu Á đầu thế kỷ XX đã đưa ra khái niệm “Châu Á thức tỉnh”. Theo Lenin, đó là một phong trào cách mạng làm cho “hàng trăm triệu

người đã thức tỉnh hướng về cuộc sống, về ánh sáng, về tự do”³, “hàng triệu nhân dân bị áp bức, chìm đắm trong trạng thái đình đốn thời trung cổ đã tỉnh dậy, đòi hỏi một cuộc đời mới, đấu tranh để giành lấy quyền lợi căn bản nhất của con người, giành lại quyền tự do dân chủ”⁴. Tiêu biểu cho phong trào này, đó là phong trào Duy tân, cách mạng Tân Hợi (1911) bùng nổ ở Trung Quốc, những cải cách của Rama V ở Xiêm, phong trào “Lương tri xã” (Buđi Ôtômô) ở Indonesia, tổ chức Đồng minh hội ở Singapore, hoạt động của Hội Liên hiệp Phật giáo ở Miến Điện (Myanmar), phong trào “Thổ Nhĩ Kỳ trẻ” ở Thổ Nhĩ Kỳ, cuộc vận động cải cách ở Iran, cuộc vận động giải phóng dân tộc theo con đường dân chủ tư sản ở Ấn Độ, v.v... Phong trào châu Á thức tỉnh theo khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản trên đây là sức mạnh tinh thần cổ vũ nhân dân yêu nước Việt Nam hướng tới một con đường cứu nước tiến bộ hơn. Đặc biệt là tình hình Trung Quốc và Nhật Bản ảnh hưởng sâu sắc đến Việt Nam. Có thể nói, phong trào Duy tân ở Trung Quốc, Nhật Bản, chiến thắng của Nhật đối với Nga hoàng (1905) cùng với các tân thư, tân văn mang nội dung chủ yếu là tư tưởng dân chủ, dân quyền đã ảnh hưởng sâu sắc đến Việt Nam, như một hồi chuông “tỉnh mộng” đối với các sĩ phu yêu nước Việt Nam lúc bấy giờ, hướng họ đi vào một con đường cứu nước dân chủ tư sản. Nhận xét sau đây của Huỳnh Thúc Kháng là một trong những minh chứng:

“Địa ngục mấy tầng, ngọn triều Âu tràn vào bốn mặt, đồng nội mịt mù, đêm dài vắng vặc, bỗng đâu gà hàng xóm gáy lên một tiếng, giấc mộng quần chúng thoát tỉnh dậy: Sau cuộc Trung - Nhật chiến tranh (1894), Canh Tý liên binh (1900), người Trung Hoa đã dịch các học thuyết Đông Tây; sách báo của danh nhân như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu; tạp chí của phái cách mạng Tôn Dật Tiên lần lần lọt vào nước ta. Trong học giới có bạn đã sẵn có tư tưởng quốc gia cùng lòng đau đớn với giống nòi, được đọc loại sách báo nói trên, như trong buồng tối bỗng chợt thấy tia sáng lọt vào, những học thuyết mới “Cạnh tranh sinh tồn”, “Nhân quyền tự do” gần chiếm cả cái chủ đích

³ *Lênin toàn tập, tập 23*, NXB. Tiến bộ, Mátxcova, 1980, tr.214.

⁴ Lênin: *Châu Á thức tỉnh, Toàn tập, tập 23*, NXB. Tiến bộ, Mátxcova, 1980, tr. 186-188.

môn học khoa cử ngày trước, mà một tiếng sét nổ bùng, có sức kích thích mạnh nhất, thấm vào tâm não người Việt Nam ta là trận chiến tranh 1904 Nhật Bản thắng Nga...”⁵.

Phong trào châu Á thức tỉnh là một trong những nhân tố dẫn đến sự hình thành phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX. Đó là phong trào Duy tân (1903-1908), Duy tân hội (1904-1912) và phong trào Đông du (1905-1909), Đông kinh nghĩa thực (1907), phong trào Minh tân ở Nam Kỳ, phong trào chống sưu thuế ở Trung Kỳ năm 1908; vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội năm 1908; sự ra đời và hoạt động của Việt Nam Quang phục hội (1912-1917); cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916; cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917... trong đó, sự ra đời và hoạt động của tổ chức Việt Nam Quang phục hội cùng tất cả các sự kiện tiêu biểu diễn ra trong những năm Chiến tranh Thế giới thứ nhất *tiếp tục khẳng định nhân dân Việt Nam với truyền thống đấu tranh bất khuất đã luôn tiến kịp thời đại, đưa nước ta gia nhập ngày càng sâu hơn vào phong trào Châu Á thức tỉnh, một phong trào đấu tranh hết sức sôi động, thể hiện sự phát triển mới về chất của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á.*

Trong khi tổng kết, khái quát những kinh nghiệm của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân châu Á, phong trào châu Á thức tỉnh, V.I.Lenin đã đưa ra luận điểm nổi tiếng về phong trào giải phóng dân tộc. Người chỉ rõ chiến tranh dân tộc và khởi nghĩa dân tộc: “Là một cuộc khởi nghĩa nhằm thiết lập quyền độc lập chính trị của một dân tộc bị áp bức, nghĩa là nhằm tạo ra một quốc gia dân tộc riêng rẽ của mình”⁶. Theo Lenin, trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, “những cuộc chiến tranh dân tộc chống các cường quốc đế quốc chủ nghĩa không phải chỉ có thể xảy ra và có khả năng xảy ra, mà còn là không thể tránh khỏi, và có tính chất tiến bộ, cách mạng”⁷. Một châu

⁵ Huỳnh Thúc Kháng: *Bức thư bí mật*. NXB. Anh Minh, Huế, 1957, tr.36.

⁶ Lenin: Bàn về sự phóng hoả xuyên tạc chủ nghĩa Mác và về chủ nghĩa kinh tế đế quốc, *Toàn tập, tập 23*, NXB. Sự thật Hà Nội, 1963, tr. 77.

⁷ Lenin: Bàn về cuốn sách nhỏ của I-u-ni-út, *Toàn tập, tập 22*, NXB. Sự thật Hà Nội, 1963, tr. 385.

Á như thế sẽ đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới và chuẩn bị tốt những điều kiện để tiếp thu ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga 1917. Trên quan điểm đó, phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam theo khuynh hướng dân chủ tư sản nói chung trong đó có cuộc khởi nghĩa của tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916 đã *góp phần thúc đẩy phong trào chống chủ nghĩa thực dân ở châu Á phát triển*.

3. Tạo ra những tiền đề cho phong trào cách mạng Việt Nam phát triển

Mặc dù thất bại, cuộc khởi nghĩa năm 1916 đã *góp phần tiếp tục nuôi dưỡng tinh thần dân tộc, tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam*. Nhiều người tham gia tổ chức Việt Nam Quang phục hội sau này đã đổi mới tư duy cứu nước, chuyển biến lập trường cách mạng theo con đường cấp tiến như Võ Tòng, Đặng Thúc Hứa tham gia tổ chức Hội Việt Cách mạng Thanh niên - một trong hai tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cuộc khởi nghĩa năm 1916 ở Trung Kỳ cũng với các cuộc bạo động trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ nhất là *chất men kích thích tinh thần đối với các tù chính trị và binh lính ở Thái Nguyên tiến hành cuộc khởi nghĩa vào cuối tháng 8.1917*⁸. Đây là cuộc khởi nghĩa diễn ra quyết liệt nhất và đạt được một số thắng lợi nhất định trong giai đoạn 1914-1916.

Cuộc khởi nghĩa của tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ, bên cạnh những ưu điểm nêu trên, còn có một số hạn chế về xác định mục tiêu, lực lượng, phương thức đấu tranh. Trước hết về mục tiêu đấu tranh, tuy cuộc khởi nghĩa chịu ảnh hưởng rõ nét của tổ chức Việt Nam Quang phục hội, nhưng mục tiêu của cuộc khởi nghĩa chưa phản ánh đầy đủ yêu cầu của cách mạng Việt Nam là cần phải giải quyết hai yêu cầu dân tộc và dân chủ như Cương lĩnh Việt Nam

⁸ Theo Huỳnh Thúc Kháng trong tác phẩm *Cuộc khởi nghĩa Duy Tân năm 1916*, Sách đã dẫn, khi cuộc khởi nghĩa của VNQP Hội tại Trung Kỳ thất bại, có đến 27 người bị đày ra nhà tù Thái Nguyên, tr 711).

Quang phục hội đã nêu. Ở đây, chính thể mà những người lãnh đạo định thiết lập là quân chủ lập hiến sẽ do vua Duy Tân đứng đầu. Điều này thiếu sự trùng khớp, thống nhất về mặt tư tưởng giữa những người sáng lập và tham gia tổ chức này. Điều này phản ánh sự lỏng lẻo không chỉ về tổ chức hoạt động mà còn về mặt tư tưởng. Mặt khác, trong quá trình xây dựng lực lượng, những người lãnh đạo còn quá chú trọng vào đội ngũ binh lính người Việt trong quân đội Pháp, chưa quan tâm đầy đủ đến các giai cấp cơ bản là công nông. Trong khi lực lượng chuẩn bị chưa đầy đủ (chỉ mới ở Huế, Quảng Nam và Quảng Ngãi tương đối khá, còn các tỉnh khác chưa được bao nhiêu), những người lãnh đạo quyết định khởi nghĩa là không phù hợp. Điều đó chứng tỏ cuộc khởi nghĩa diễn ra trong điều kiện lịch sử chưa chín muồi. Sau khi kế hoạch bị lộ, dường như cuộc khởi nghĩa không thể diễn ra. Mặt khác, cuộc khởi nghĩa thiên về bạo động, thiếu các hoạt động cải cách hỗ trợ, làm cho cuộc khởi nghĩa không có hậu thuẫn vững chắc. Mặt khác, cuộc khởi nghĩa thất bại do ảnh hưởng của tình cảm vụn vặt có tính chất gia đình nên cuộc khởi nghĩa bị lộ, sự phản bội của một số phần tử trong bộ máy thống trị như Trần Quang Trứ (Huế), Nguyễn Đĩnh ở Quảng Nam. Có thể nói, cuộc khởi nghĩa diễn ra trong thời cơ khách quan tương đối thuận lợi, nhưng yếu tố chủ quan hạn chế (vấn đề đường lối, vai trò tổ chức lãnh đạo, xây dựng lực lượng, việc nhận thức thời cơ phát động khởi nghĩa...) nên thất bại.

Từ những ưu điểm và hạn chế trên, cuộc khởi nghĩa đã để lại những bài học lịch sử cho thế hệ những người kế tục sự nghiệp cách mạng của dân tộc kế thừa và phát triển, vận dụng đưa cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi.

Đó là cần đánh giá đúng thái độ chính trị của các giai cấp và tầng lớp trong xã hội Việt Nam. Qua cuộc khởi nghĩa này cũng khẳng định, tất cả các giai cấp và tầng lớp trong xã hội Việt Nam đều có mâu thuẫn với thực dân Pháp ở những mức độ khác nhau, do đó đều có tinh thần dân tộc, ý thức độc lập tự do ở những mức độ khác nhau. Đây là động lực chính tạo nên cuộc khởi nghĩa năm 1916. Vì vậy, trong quá trình vận động cách mạng *cần kêu gọi và phát huy tinh thần dân tộc trong tất cả các giai cấp và tầng lớp nhân dân Việt Nam.*

Trong quá trình nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp thu vận dụng vào điều kiện Việt Nam để đề ra đường lối cách mạng, Hồ Chí Minh luôn nghiên cứu kinh nghiệm lịch sử dân tộc, trong đó có cuộc khởi nghĩa ở Trung Kỳ năm 1916, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người cu ly biết phản đối, nó làm cho những người “nhà quê” phản đối ngấm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó thúc giục thanh niên bãi khóa, làm cho những người cách mạng trốn sang Nhật và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa...⁹. Đây chính là cơ sở để Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, đồng thời mạnh dạn đề nghị bổ sung cơ sở lịch sử phương Đông vào chủ nghĩa Mác, trong đó, nhấn mạnh chủ nghĩa dân tộc là động lực chính của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản. Và cũng chính từ nhận thức này, trong quá trình xây dựng và phát triển đường lối cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh cũng đề cao yếu tố dân tộc trên cơ sở quyền dân tộc tự quyết. Để cho vấn đề dân tộc trở thành một động lực mạnh mẽ, Người luôn gắn vấn đề dân tộc với vấn đề đoàn kết, bình đẳng và tương trợ. Mặt khác, trong khi đề cao vấn đề dân tộc, Hồ Chí Minh, cũng quan tâm đến vấn đề dân chủ tự do như Người thường nói: “Nếu nước độc lập mà dân đói khổ, không được học hành, không có tự do dân chủ thì độc lập chẳng có ý nghĩa gì”¹⁰. Đây là một trong những nhân tố hàng đầu dẫn đến thắng lợi của Cách mạng Việt Nam từ 1945 đến nay.

Trong quá trình vận động cách mạng, phải huy động các lực lượng yêu nước, *quan tâm vấn đề binh lính, những tầng lớp trên và trung gian tham gia bộ máy thống trị nhưng không được xem là lực lượng chủ yếu. Muốn cách mạng thắng lợi phải dựa vào các giai cấp và tầng lớp lao động, chủ yếu là công nông.*

⁹ Hồ Chí Minh toàn tập, tập 1, NXB. Chính trị Quốc gia, 1995, tr 466.

¹⁰ Dẫn theo *Cách mạng tháng Tám ở Nam Bộ*, NXB. Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 2010, tr 477.

Mặt khác, *phải quán triệt quan điểm: Cách mạng không tự nó đến, mà phải chuẩn bị lấy nó và giành lấy nó. Công cuộc chuẩn bị phải tiến hành chu đáo về tất cả các mặt (đường lối cách mạng, lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa, tinh thần, văn hoá tư tưởng...)* và *phải chớp đúng thời cơ. Đấu tranh không đơn thuần dựa vào lực lượng vũ trang mà phải dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng, không chỉ bằng quân sự mà còn phải bằng chính trị, kinh tế, văn hoá làm biện pháp hỗ trợ. Mặt khác, muốn cách mạng thắng lợi, phải có sự lãnh đạo một tổ chức cách mạng tiên tiến.*

4. Kết luận: Cuộc khởi nghĩa năm 1916 của tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ là một trong những sự kiện tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trên con đường chống Pháp để đi tới giành độc lập tự do. Tuy thất bại, nhưng cuộc khởi nghĩa không những có giá trị lịch sử đối với dân tộc mà còn có ý nghĩa quốc tế. Từ sự thành công và thất bại của cuộc khởi nghĩa này đã để lại nhiều bài học lịch sử quý giá cho các thế hệ sau kế thừa phát triển và khắc phục để đưa cách mạng Việt Nam đi tới thắng lợi./.

NVC

TÍNH HỆ THỐNG TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA CỦA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI TẠI PHỦ TAM KỲ NĂM 1916 QUA CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

ThS. NGÔ XUÂN DƯƠNG*

Nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa

Tháng 10.1911, cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc thắng lợi lật đổ chế độ phong kiến Mãn Thanh, Trung Hoa Dân quốc được thành lập. Tin này đem đến cho Phan Bội Châu và những đồng chí của mình một niềm tin tưởng mới. Ông đã viết thư chúc mừng những người bạn cũ ở Trung Hoa và đến tháng 12.1911, ông cùng với những đồng chí của mình từ Xiêm trở lại Trung Quốc hoạt động. Tháng 2.1912, tại từ đường Lưu Vĩnh Phúc (ở Sa Hà, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc), Việt Nam Quang phục hội được thành lập. Đây là một tổ chức cách mạng do Phan Bội Châu đề xướng, theo khuynh hướng dân chủ với mục đích đánh đuổi người Pháp khỏi Đông Dương. Tôn chỉ của tổ chức này là: *Khôi phục Việt Nam, kiến lập Việt Nam Dân quốc Cộng hòa*. Hội trưởng là Cường Để, Tổng lý hội là Phan Bội Châu. Cơ quan lãnh đạo của Việt Nam Quang phục hội gồm ba bộ: Bộ Tổng vụ; Bộ Binh nghị; Bộ Chấp hành. Việt Nam Quang phục hội có tổ chức một lực lượng vũ trang mang tên “Quang phục quân”, có đặt ra Quốc kỳ, Quân kỳ, cho phát hành “Quân dụng phiếu” lưu hành ở trong nước và vùng Lưỡng Quảng¹. Tổ chức cách mạng này nhanh chóng phát triển về nước và được sự hưởng ứng mạnh mẽ của giới nhân sỹ yêu nước cả Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ.

Khi Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất (1914-1918) bùng nổ,

* Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

¹ Dương Kinh Quốc (2001), *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*, NXB. Giáo Dục, Hà Nội, Tr.334.

nước Pháp tham chiến. Vì thế, một phần lớn quân Pháp ở Đông Dương kể cả lính khổ đờ Annam đã được đưa về Pháp chiến đấu, trở thành “chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do”². Rất nhiều người lính Annam đó đã phải bỏ mạng trên các chiến trường ở châu Âu. Trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc đã viết: “Tổng cộng có 700.000 người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp; và trong số ấy, 80.000 người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa!”³.

Chính vì lý do đó mà quân Pháp ở Trung Kỳ thời kỳ này “mỏng” hơn trước, những người lính Annam bị đưa sang chiến trường châu Âu bất bình, có tư tưởng phản kháng, sẵn sàng nổi dậy nếu như được tổ chức, giác ngộ.

Cũng trong thời gian này, một số chiến sĩ trong phong trào Duy tân 1908 bị Pháp lưu đày ở Côn Đảo, Lao Bảo lần lượt được Pháp trả tự do, đã gặp nhau và tìm cách bắt liên lạc, tham gia vào Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, v.v... để nhân cơ hội này lật đổ nền thống trị của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Sau khi các đại biểu Việt Nam Quang phục hội Quảng Nam, Quảng Ngãi tổ chức Hội nghị tại Đà Nẵng tháng 2.1915, phong trào ở Quảng Nam, Quảng Ngãi và một số địa phương khác ở Trung Kỳ phát triển khá mạnh, nhiều cơ sở yêu nước trong nhân dân và binh lính địch được gây dựng.

Cuối năm 1915, tại nhà ông Đoàn Bổng - một viên thư lại bộ Hộ, ở đường Đông Ba (Huế), Việt Nam Quang Phục hội tiến hành Đại hội lần thứ nhất tại Huế, hội đủ các yếu nhân như: Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Đỗ Tự (ở Quảng Nam), Lê Ngung, Nguyễn Mậu, Nguyễn Triết (Quảng Ngãi), Phan Phù Tiên (Quảng Trị), Nguyễn Chính (Quảng Bình), Đoàn Bổng (Thừa Thiên)... để bàn việc chuẩn bị khởi nghĩa⁴.

Đại hội chủ trương “Phụng Kim thượng vi an dân cơ sở” (rước

² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb CTQG, H.2011, T.2, Tr.25.

³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb CTQG, H.2011, T.2, Tr.26.

⁴ Hành Sơn (1952), *Cụ Trần Cao Vân*, Nxb Minh Tân, Paris VI^e, Tr.79.

vua Duy Tân tham gia vào cuộc khởi nghĩa để yên lòng dân), Trần Cao Vân và Thái Phiên được phân công nhiệm vụ tìm cách tiếp xúc và thuyết phục vua Duy Tân tham gia.

Để tiếp xúc được vua, Trần Cao Vân và Thái Phiên đã bỏ ra một số tiền vận động người tài xế của vua thôi việc để bố trí Phạm Hữu Khánh - một hội viên trẻ, ưu tú của Việt Nam Quang phục hội vào thay. Từ đó, những lời tấu, những bức “mật thư” của Trần Cao Vân và Thái Phiên đã được chuyển đến vua thông qua đầu mối liên lạc Phạm Hữu Khánh. Những bức thư với lời lẽ thống thiết tố cáo tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân, đối với triều đình đã có sức lay động tới vị vua trẻ.

Trong các thư gửi đến có những câu: “Tha Mỹ - quốc hắc nô, ngũ thập niên du khả tự cường; hướng hồ dân Hoàng đế tử tôn, năm ngũ triệu khởi cam chung được!” (Kìa nước Mỹ dòng giống rợ đen, năm mươi năm còn có thể tự cường; hướng dân ta con cháu nhà vua, hai mươi lăm triệu nữ đành hèn yếu!).

Và câu: “Thiên khai thánh minh hữu bài Pháp hưng binh chi chí. Địa sinh tuấn kiệt hữu truất dân thảo tặc chi quyền” (Trời sinh vua thông minh sẵn có cái chí cử binh chống Pháp. Đất sinh người tài giỏi có quyền đuổi giặc thương dân.)

Hay “Phụ hoàng Hoàng đế hà tội kiến thiên? Dục tôn tôn lãng hà có kiến quật?” (Đức vua cha của ngài tội gì mà bị đày? Lãng tảm Dục tôn vì có gì mà bị bới?)⁵.

Đầu năm 1916, theo sự sắp xếp của Nguyễn Quang Siêu (viên đội thị vệ), tài xế Phạm Hữu Khánh, Trần Cao Vân và Thái Phiên đã gặp được vua Duy Tân, trình bày ý định khởi khởi nghĩa. Nhà vua đồng ý và khuyên hai ông nên hành động kéo trễ mắt cơ hội.

Kế hoạch khởi nghĩa

Tháng 2.1916, tại nhà của một hội viên Việt Nam Quang phục hội (ở chợ Cầu Cháy, làng Xuân Yên, tỉnh Quảng Ngãi), Trần Cao

⁵ Hành Sơn (1952), *Cụ Trần Cao Vân*, NXB. Minh Tân, Paris VI^e, Tr.80-81.

Vân, Thái Phiên, Tú Ngung, Cử Suy sau khi hội ý với nhau đã triệu tập các nhân vật chủ chốt của Hội ở Trung Kỳ để thảo luận ý kiến của vua Duy Tân và định bàn kế hoạch khởi nghĩa.

Đến trung tuần tháng 3.1916, do sự thúc giục của vua Duy Tân (vua đã quyết định chọn đêm 3.5.1916) và sự hối thúc của đội lính mộ hơn 1.000 người (sắp đến ngày bị đưa sang Pháp), Việt Nam Quang phục hội đã tiến hành đại hội toàn kỳ lần thứ hai tại Huế để kiểm điểm lại lực lượng và ban hành kế hoạch khởi nghĩa.

Đại hội đã thống nhất:

Về thời gian khởi nghĩa: giờ Tý, ngày mùng 3 tháng Tư năm Bính Thìn tức 1 giờ sáng ngày 4.5.1916 (như vua đã quyết định)⁶.

Kế hoạch cụ thể:

1, Tổng phát động khởi nghĩa toàn diện, đúng giờ Tý ngày mùng ba tháng tư năm Bính Thìn, khởi điểm tại kinh đô Huế, sẽ bắn súng thần công báo hiệu lệnh cho hai tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, đồng thời ở đèo Hải Vân cũng sẽ nổi lửa để báo hiệu cho hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi.

2, Huy động các đạo dân - quân Thừa Thiên hưởng ứng trợ oai với các đội binh sĩ chiếm lấy kinh đô Huế.

3, Thu cả toàn lực Quảng Nam, Quảng Ngãi, dân quân hợp lực với binh sĩ chiếm giữ cửa biển Đà Nẵng để mở đường giao thông với

⁶ Về thời gian khởi nghĩa, theo Hành Sơn (1952), *Cụ Trần Cao Vân*, NXB. Minh Tân, Paris VI^e, Tr. 85-86: trước Đại hội “tại nhà ông Lâm Nhĩ, làng La Châu, huyện Hòa Vang, Quảng Nam, có mặt cụ Thái Phiên, Phan Thành Tài v.v., cụ Cao Vân đã tỏ ý sau khi bói quẻ xong tỏ ý muốn trì hoãn cuộc khởi nghĩa lại... Căn cứ vào một bài thơ *Tàu hỏa chạy từ Đà Nẵng - Huế* của cụ Cao Vân đề gửi cho các cộng sự của mình:

Một mối xa thư đã biết chưa?
Bắc-Nam hai ngã gặp nhau vừa.
Đường rầy đã sẵn thang mây bước.
Ông khói càng cao ngọn gió đưa.
Sấm dậy tứ bề trăm mây chuyển.
Phút đầu muôn dặm một giờ trưa.
Trời sai ra dọn xong từ đây.
Một mối xa thư đã biết chưa?”

Đức. Ngoài ra các tỉnh khác cũng theo kế hoạch bạo động cướp chính quyền như thế ...

4, Vạn nhất tấn công không thắng lợi, thì đạo quân Quảng Nam rút về phía tây chiếm vùng rừng núi Bà Nà, đạo quân Quảng Ngãi kéo lên miền Gió Rút, là địa thế hiểm trở để làm hậu thuẫn cho những cuộc phản công.

5, Do sự ủy nhiệm của Việt Nam quân chính phủ, các yếu nhân cách mệnh mỗi người đều có công tác phụ trách điều khiển mỗi tỉnh, hai cụ Cao Vân, Thái Phiên điều động chiếm thủ kinh đô và phụ trách rước vua Duy Tân ra khỏi hoàng thành, chờ cuộc hỗn loạn bình định và chính quyền vẫn hồi sẽ tôn nhà vua trở lại ngôi⁷.

Ủy ban khởi nghĩa⁸:

- Ở Huế: Thái Phiên (Chủ tịch); Trần Cao Vân (Quân sự).

- Ở Quảng Nam: Phan Thành Tài, Đỗ Tự

- Ở Quảng Ngãi: Lê Ngung

Cũng theo kế hoạch, phụ trách khởi nghĩa ở phủ Tam Kỳ gồm có: Thảm Tùng Vân, Út Pem, Trần Cang, Trần Ni, Trần Huỳnh, v.v..⁹

Diễn biến

Kế hoạch đã định như vậy nhưng đến sát ngày khởi nghĩa kế hoạch đã bị anh em Võ An, Võ Huệ làm bại lộ. Trần Cao Vân, Thái Phiên, Nguyễn Quang Siêu, Tôn Thất Đề, Phạm Hữu Khánh v.v.. lần lượt bị bắt, Đại tá Hermandes chỉ huy quân nội ứng ở Huế bị Đại úy Jean de Suhule sát hại ở đồn Mang Cá. Như vậy, cuộc khởi nghĩa ở Huế đã bị đàn áp, và thất bại ngay từ trong trứng nước. Cũng chính vì lý do đó mà hiệu lệnh khởi nghĩa phát đi từ Huế không thực hiện được. Vì thế, kế hoạch khởi nghĩa ở Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi đã không trở thành hiện thực.

⁷ Hành Sơn (1952), *Cụ Trần Cao Vân*, NXB. Minh Tân, Paris VI^e, tr.87-88.

⁸ Nguyễn Q. Thắng (2005), *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước*, NXB. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr.583.

⁹ Nguyễn Q. Thắng (2005), *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước*, NXB. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr.586.

Tuy nhiên, tại phủ Tam Kỳ (Quảng Nam), mặc dù không nhận được lệnh khởi nghĩa từ kinh đô Huế, nhưng trước đó các sĩ phu yêu nước phủ Tam Kỳ đã nhận được mật dụ của vua Duy Tân hiểu dụ tham gia Việt Nam Quang phục hội nên quyết tâm nổi dậy đánh Pháp.

Nhân dân phủ Tam Kỳ đã bí mật ủng hộ lương thực, tài chính, hậu cần cho Việt Nam Quang phục hội. Các hào phú trong phủ Tam Kỳ như ông Lê Khâm Duy (tức Bát Kiện) ở Hòa Hạ, ông Bá Ba ở Thanh Lâm... là những người đóng góp tiền bạc và lúa gạo nhiều nhất cho nghĩa quân. Một nhóm phụ nữ là thợ dệt, thợ may ở các vùng Tam Kỳ, Bãi Dương, Cầu Duối... đã bí mật dùng thuyền rở, thuyền đăng, ghe chở hàng đậu dọc sông Ba Kỳ ở vùng Phú Ninh, Trường Cửu dệt vải may quân phục, túi rết; các nhóm thợ rèn ở nhiều nơi được huy động đến phối hợp với xóm lò rèn ở Xuân Trung để rèn giáo, gươm trang bị cho nghĩa quân. Các sĩ phu yêu nước ở các làng Tân An Tây, Tam Mỹ, Ngọc Mỹ, Khương Mỹ, Trường Xuân, Ngọc Thọ, Thọ Khương, Vân Trai, Quý Thượng, Quảng Phú, Trung Đàn Thượng, Phú Lâm, Cây Cốc, An Hòa, Kim Đái, Thạnh Bình... đã bí mật thành lập các đội nghĩa binh. Đặc biệt, đáng chú ý nhất là nhiều công nhân của mỏ vàng Bồng Miêu và đồn điền chè Đức Phú của Pháp đã bỏ nơi làm việc về quê tham gia các đội nghĩa binh.

Chỉ huy lực lượng nghĩa quân phủ Tam Kỳ vào thời đó gồm có: Trần Huỳnh chỉ huy đội nghĩa quân Tân An Tây; Trần Ni chỉ huy đội nghĩa binh Trường Xuân; Lê Tiễn chỉ huy đội nghĩa binh Thạnh Bình; Trịnh Uyên chỉ huy đội nghĩa binh Kim Đái; Trần Thu chỉ huy đội nghĩa binh Ngọc Mỹ; Võ Dương (thân sinh ông Võ Chí Công) chỉ huy đội nghĩa binh Khương Mỹ; Lương Đình Thự chỉ huy đội nghĩa binh Phú Thượng; Nguyễn Tình chỉ huy đội nghĩa binh An Hòa; Nguyễn Kế chỉ huy đội nghĩa binh Vân Trai...

Các thành viên chủ chốt của Việt Nam Quang phục hội ở phủ Tam Kỳ đã tổ chức một cuộc họp bí mật tại nhà ông Lê Ngạn ở làng Trung Đàn Thượng (có tư liệu cho biết đó là ngày rằm tháng 7 năm Ất Dậu tức là 25.6.1915) để bầu ra Ban Chỉ huy nghĩa binh Việt Nam Quang phục hội phủ Tam Kỳ gồm có 5 người: Trần Huỳnh (Tổng

Lãnh binh); Trần Văn Ni (Phó tổng Lãnh binh); Trần Khuê (Đề Các); Lê Ngạn (Tán tương Quân vụ); Ngô Đồi (Tán lý Sự vụ).

Ban chỉ huy đã vận động được hai đội lính tập ở phủ đường Tam Kỳ nhận làm nội ứng khi lực lượng nghĩa quân tấn công phủ lý.

Chiều ngày 1.5.1916 (tức ngày 29.3 Âm lịch), các nhân vật chủ chốt của Ban Chỉ huy đã tiến hành một cuộc họp khẩn cấp tại nhà ông Biện Chánh ở Tích Phước (nay thuộc xã Tiên Lộc, Tiên Phước), Chiên Đàn, Tam Kỳ, Quý Thượng để kiểm tra và hoàn tất các công việc cho cuộc khởi nghĩa như đã định.

Đến chiều ngày 3.5.1916, các đội nghĩa binh gồm khoảng 650 người đã bí mật tập kết tại căn cứ Gò Chùa (còn gọi là Gò Đỏ) kín đáo để làm lễ xuất quân, lễ tế cờ Ngũ tinh. Đây là lá cờ Việt Nam Quang phục hội màu đỏ, hình vuông, ở giữa có vòng tròn với 5 ngôi sao màu trắng (ngũ tinh tinh tụ). Sau khi nghĩa binh uống rượu thề phục quốc, Tổng Lãnh binh Trần Huỳnh đọc tuyên các rồi bắn một phát súng lệnh khởi binh. Trời bắt đầu tối, đoàn nghĩa binh xuất phát hướng về phủ lý Tam Kỳ với lá quốc kỳ Ngũ tinh dẫn đầu từ tay Lê Ngạn giương cao.

Lê Tiện dẫn một đội nghĩa binh tiến đánh đồn Trà My và cướp được đồn, bọn lính khố xanh sợ hãi tháo chạy vào rừng. Nguyễn Tình chỉ huy một đội nghĩa binh đánh chiếm đồn Thương Chánh Hiệp Hoà.

Trần Huỳnh, Trần Ni và Thẩm Tùng Văn chỉ huy một đội nghĩa binh lớn có nhiệm vụ đánh chiếm phủ đường Tam Kỳ và đồn Đại lý Pháp.

Như trên đã nói, do kế hoạch khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội bị bại lộ tại kinh đô, nên Đại lý Pháp và Tri phủ Tam Kỳ đã biết trước nên đã trốn tránh đi nơi khác và tìm cách bảo vệ phủ đường Tam Kỳ.

Nghĩa binh trước tiên tấn công tòa Đại lý Pháp có đồn lính khố xanh ở đây, nhưng không thấy địch chống cự. Nghĩa binh đã chiếm

được đồn, phá kho và chỉ thu được một số đạn, quần áo và vài khẩu súng hồng. Nghĩa quân lặng lẽ tiến đến bao vây phủ đường trong đêm khuya, nhìn bên ngoài im lìm như không hề hay biết gì, nhưng thực ra quân địch đã tập trung lực lượng binh lính của toàn phủ Tam Kỳ tại đây và bố trí quân phục kích để đánh trả.

Khi Trần Chải, chỉ huy đội nghĩa binh Kim Đái leo lên cột cờ của phủ đường để thay thế lá cờ Quẻ Ly bằng lá cờ Ngũ tinh thì bị một loạt đạn làm tử thương. Súng từ các ngõ ngách trong các công thự của phủ đường bắn ra xối xả vào nghĩa binh. Bị đánh bất ngờ, các nghĩa binh đã dựa vào địa hình, địa vật phản kích quyết liệt, nhưng do tương quan lực lượng của địch mạnh hơn, sau tám giờ làm chủ phủ ly Tam Kỳ, nghĩa binh không chống cự nổi, phải rút lui.

Kết quả

Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ thất bại. Các nhân vật chủ chốt của cuộc khởi nghĩa như Trần Huỳnh, Trần Văn Ni bị xử chém; Thẩm Tùng Vân bị kết án chung thân giam ở Buôn Ma Thuột. Những người bị kết án 3 năm tù trở lên, bị đi đày ở nhà lao Lao Bảo gồm có Nguyễn Tình (quê làng An Hoà, Tam Hải), Trần Thu (quê làng Ngọc Mỹ, Tam Phú), Lương Đình Thự (quê làng Phú Thượng), Nguyễn Châu Ân (quê làng Tam Quý, Tam Phú), Nguyễn Kế (quê làng Vân Trai, Tam Hiệp), Trần Cang (quê làng An Mỹ Đông, Tam An), Trần Khuê (quê làng Cây Cốc), Lê Tiện (quê làng Thanh Bình), Lê Cơ (quê làng Phú Lâm), Nguyễn Buốt (quê làng Khương Mỹ), Lê Ngạn (quê làng Trung Đàn Thượng), Ngô Đối... Những người bị kết án dưới 3 năm tù giam tại nhà lao Hội An, gồm có Võ Dương (quê làng Khương Mỹ, Tam Xuân), Nguyễn Lược (quê làng Diêm Trường, Tam Anh), Bùi Quang Ngọc (quê làng Phú Ninh, Tam Ngọc), v.v...

Một số nghĩa binh đã bỏ làng rút vào rừng để ẩn tránh. Sau nửa tháng trời, quân Pháp mới dẹp yên được nghĩa binh và đưa lại trật tự an ninh trong phủ Tam Kỳ. Giặc bắt bớ tràn lan trên 500 người đưa về phủ đường tra tấn.

Ý nghĩa lịch sử

Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916 tuy thất bại nhưng có những ý nghĩa lịch sử nhất định:

Thứ nhất, Cuộc khởi nghĩa là sự tiếp nối truyền thống kiên cường của nhân dân Trung Kỳ nói chung và người Tam Kỳ nói riêng từ phong trào Cần vương, phong trào Duy tân, v.v... trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp, là mốc son trong lịch sử đấu tranh yêu nước trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời của người xứ Quảng.

Thứ hai, Cuộc khởi nghĩa thể hiện tinh thần phản kháng, khát vọng tự do giành độc lập không chịu ách đô hộ ngoại bang của người xứ Quảng, từ văn thân, sĩ phu cho đến binh lính, nhân dân lao động v.v..¹⁰

Thứ ba, Cuộc khởi nghĩa đã để lại nhiều bài học quý báu về vấn đề công tác nhân sự, tổ chức lực lượng, thời cơ, bảo mật, v.v.. trong khởi nghĩa vũ trang cho sự nghiệp cách mạng của chúng ta sau này./.

NXD

¹⁰ Theo Dương Kinh Quốc (2001), *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*, NXB. Giáo Dục, Hà Nội, tr 168: Đánh giá về cuộc khởi nghĩa này, Hội đồng Chính phủ Đông Dương trong phiên họp thường kỳ năm 1916 đã nhận định “Phong trào hồi tháng 5.1916 vừa qua, cũng giống như các cuộc phiến loạn, hồi năm 1908, là sự nghiệp của đảng phái cách mạng đang có hoạt động chống lại sự can thiệp của người Pháp. Bởi vậy, phần lớn bọn thủ mưu là những văn thân đã can dự vào vụ năm 1908 và vẫn đang có liên lạc với những phần tử người Trung Kỳ đã trốn ra nước ngoài. Và bọn này cũng đã không ngừng liên lạc với người của chúng còn lại ở Trung Kỳ hay đã trở lại Trung Kỳ. Bọn chúng đã mưu toan nhân cơ hội nước Pháp đang bận bịu về cuộc chiến tranh ở châu Âu mà gây rối loạn ở Đông Dương nhằm đánh đuổi người Pháp ra khỏi đất nước An Nam, giành lại nền độc lập cho xứ sở”.

TÍNH HỆ THỐNG TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA CỦA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI Ở PHỦ TAM KỲ VÀ CÁC TỈNH MIỀN TRUNG NĂM 1916

*ThS. NGUYỄN QUANG TRUNG TIẾN**

Một trăm năm trước, đêm 3.5.1916 (mùng 2 tháng 4 năm Bính Thìn), cuộc khởi nghĩa quy mô lớn do Việt Nam Quang phục hội tổ chức, lãnh đạo đã nổ ra tại Huế và nhiều địa phương ở các tỉnh miền Trung. Mặc dầu có sự chuẩn bị rất công phu của tổ chức Việt Nam Quang phục hội và quần chúng nhân dân trên một địa bàn dài và hẹp qua nhiều năm trước lúc khởi sự, nhưng khởi nghĩa đã bị thất bại hết sức nhanh chóng ngay trong đêm khởi động, bởi ngoài cuộc tấn công vũ trang của lực lượng nghĩa binh Tam Kỳ (do các thủ lĩnh như Trần Huỳnh, Trần Ni, Trần Khuê, Lê Ngạn, Ngô Đồi... cầm đầu)¹ vào phủ đường và trụ sở Đại lý hành chính của Pháp ở đó, cũng như vua Duy Tân đã được quân khởi nghĩa đưa ra khỏi Kinh thành Huế theo kế hoạch, thì phần còn lại ở các tỉnh miền Trung gần như đều chưa kịp hành động vì đã bại lộ cơ mưu và bị thực dân ra tay đàn áp.

Tiếng súng khởi nghĩa vũ trang của nghĩa binh ở phủ Tam Kỳ diễn ra trong sự đơn lẻ, nhưng vẫn hoàn toàn nằm chung trong một hệ thống được kết nối bởi tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ, là một bộ phận quan trọng trong cuộc khởi nghĩa năm 1916 của tổ chức này, là minh chứng về cuộc khởi nghĩa đã được phát động chứ không chỉ mới là một kế hoạch chưa thực hiện. Cơ sở nào để chúng ta có thể quy kết như vậy?

Nguyên sau thành công rực rỡ của Trung Quốc qua cuộc Cách mạng Tân Hợi (10.1911), nhiều chí sĩ yêu nước đã cùng Phan Bội Châu sang Trung Quốc tìm hiểu, học hỏi để mong cầu tìm kiếm một

* Trường Đại học Khoa học Huế.

¹ Nguyễn Phước Tương, “Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916”, Trang tin điện tử Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, 8.12.2009.

con đường cứu nước mới. Tháng 3 năm 1912, các nhà yêu nước Việt Nam tại Trung Quốc đã mở cuộc hội nghị tại Quảng Châu để bàn thảo, cuối cùng đa số đã đi đến quyết định điều chỉnh tôn chỉ, cải tổ tổ chức Duy tân hội để thành lập tổ chức mới lấy tên là Việt Nam Quang phục hội. Sự ra đời của Việt Nam Quang phục hội đánh dấu bước chuyển của các nhà yêu nước từ lập trường quân chủ lập hiến sang lập trường dân chủ tư sản.

Về tổ chức, Việt Nam Quang phục hội có Bộ Tổng vụ và Bộ Chấp hành phụ trách công việc chung của toàn hội, còn Bộ Bình nghị trực tiếp nắm khâu tổ chức ở ba kỳ. Phan Bội Châu là Tổng lý điều hành toàn hội kiêm chủ tịch ủy viên Bộ Bình nghị chuyên phụ trách công việc của Trung Kỳ, còn phụ trách công việc ở Bắc Kỳ là Nguyễn Thượng Hiền, ở Nam Kỳ là Nguyễn Thần Hiến.

Sau hội nghị thành lập Việt Nam Quang phục hội, Tổng hội ở Quảng Đông, Trung Quốc đã cử các phái viên đem tôn chỉ và chương trình của hội về vận động trong nước, gồm Lâm Quang Trung về Trung Kỳ, Đặng Xung Hồng về Bắc Kỳ, Đặng Bình Thành về Nam Kỳ. Từ cuộc vận động rầm rộ này, những chí sĩ trước đó hoạt động trong Duy tân hội của Phan Bội Châu - Nguyễn Thành, trong phong trào Duy tân của Phan Châu Trinh, các chính trị phạm mới ra khỏi nhà tù thực dân và nhiều nhà yêu nước thuộc các tầng lớp xã hội khác nhau đã tự nguyện đứng vào tổ chức, tự xem nhau là thành viên của hội, hình thành nên Kỳ hội Việt Nam Quang phục hội tại Trung Kỳ.

Dù người phụ trách trực tiếp Trung Kỳ là Phan Bội Châu luôn ở hải ngoại, khâu phát triển chưa có quy định kết nạp hội viên mà chỉ mặc nhiên tự thừa nhận và công nhận nhau, chưa theo một hệ thống tổ chức chặt chẽ như các hội đảng về sau; nhưng dưới sự cầm đầu của các nhà hoạt động có uy tín lớn từng địa phương như Lê Ngung ở Quảng Ngãi, Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Đình Dương, Phan Thành Tài, Đỗ Tự ở Quảng Nam, Khóa Bảo (tức Nguyễn Hữu Đồng) ở Quảng Trị, Nguyễn Chính ở Quảng Bình..., Kỳ hội của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ vẫn luôn hoạt động theo kế hoạch hành động chung, đồng thời cố giữ liên lạc khá thường xuyên với Tổng hội và Phan Bội Châu ở hải ngoại.

Trong quãng thời gian 1912-1913, Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ hoàn toàn dựa vào đường lối hoạt động chung của Tổng hội, tích cực vận động quyên góp tiền nong và gửi thanh niên ra nước ngoài ăn học, gây dựng cơ sở cách mạng trong các đơn vị binh lính người Việt trong quân đội Pháp, chờ đợi lực lượng Quang phục quân từ hải ngoại kéo về để thực hiện “nội công ngoại ứng”. Các thủ lĩnh ở vùng Quảng Nam - Quảng Ngãi cũng thường xuyên liên lạc bằng thư từ để báo cáo tình hình hoạt động cho Tổng hội ở hải ngoại.

Tuy nhiên, từ khi Tổng hội thực hiện chủ trương bí mật đưa người về nước tiến hành các vụ ám sát một số yếu nhân người Pháp và Việt gian khét tiếng nhằm thức tỉnh đồng bào và kêu gọi hồn nước, thực dân Pháp đã tổ chức khủng bố ác liệt, gây trở ngại cho việc liên lạc giữa Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ và Tổng hội. Đặc biệt, sau vụ Tổng hội cho người ám sát viên Tuần vũ Nguyễn Duy Hàn tại Thái Bình (13.4.1913) và ném bom vào khách sạn Hà Nội giết chết hai sĩ quan Pháp (26.4.1913), biên giới Việt - Trung bị Pháp phong tỏa, kiểm soát gắt gao, khiến phái viên của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ là Nguyễn Công Mậu và Võ Hàm được cử đi Quảng Đông phải quay trở lại².

Nhằm tránh bị cô lập về tổ chức, cuối năm 1913, Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ đã cử Nguyễn Công Mậu và Bùi Phụ Thiệu sang Xiêm (Thái Lan) để liên lạc với các yếu nhân của Tổng hội. Nhờ sự liên lạc này mà các nhà yêu nước ở Trung Kỳ nắm được tình hình chung để rút kinh nghiệm, không thực hiện những hoạt động có tính chất manh động, ráo riết chuẩn bị chu đáo cho một kế hoạch khởi nghĩa đồng bộ và rộng khắp toàn miền.

Thực hiện kế hoạch của Tổng bộ, một cuộc vận động tổ chức lực lượng để tiến đến phát động khởi nghĩa ở Trung Kỳ đã được triển khai trên địa bàn nhiều tỉnh, thu hút sự tham gia của nhiều nhà yêu nước và quần chúng nhân dân, kéo dài từ đầu năm 1914 đến đầu tháng 5.1916.

² Nguyễn Quang Trung Tiến, “Nhận thức mới về cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916”, *Huế Xưa và Nay*, số 75, 2006, tr. 3-9.

Đứng về mặt tổ chức, hội nghị toàn Trung Kỳ do Thái Phiên và Lê Ngung chủ xướng tổ chức tại Đà Nẵng vào tháng 3.1914 được xem là hội nghị lần thứ nhất của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ³. Đến tháng 9.1915, hội nghị lần thứ hai của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ tổ chức tại Huế, do Thái Phiên đứng chủ trì. Hội nghị của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ lần thứ ba cũng được tổ chức tại Huế vào cuối tháng 2.1916⁴, với sự có mặt của các nhân sĩ Quảng Ngãi, Quảng Nam, Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình⁵ và hầu hết các yếu nhân thuộc Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ, chính thức quyết định tiến hành khởi nghĩa với một chương trình kiên quốc cụ thể.

Đặc biệt, sau ngày Thái Phiên, Trần Cao Vân tiếp xúc với vua Duy Tân giữa tháng 4.1916, Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ còn tổ chức một hội nghị Toàn Kỳ trước khi khởi nghĩa vào cuối tháng 4.1916 tại nhà một hội viên ở chợ Cầu Cháy, làng Xuân Yên, tỉnh Quảng Ngãi với sự có mặt của Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung, Nguyễn Thụy (thường gọi là cử Sự) để bàn bạc lại ý kiến của nhà vua về thời điểm tiến hành khởi nghĩa⁶.

Qua các kỳ hội nghị, Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ đã đề ra chủ trương phát động cuộc khởi nghĩa trên nhiều tỉnh miền Trung, phân công phụ trách cụ thể từng vùng cho các yếu nhân trong bộ phận lãnh đạo khởi nghĩa, đồng thời còn vạch ra phương án dự phòng khi thất bại thì rút về các căn cứ ở miền núi để cố thủ. Tuy nhiên, do thực tế là nhân sự chủ chốt và ảnh hưởng của Việt Nam Quang phục hội không đều trên địa bàn Trung Kỳ, nên kế hoạch khởi nghĩa được khoanh vùng từ Quảng Bình vào đến Bình Thuận (bao gồm cả Tây Nguyên)⁷.

³ Ngoài ra còn có cuộc hội nghị có tính chất địa phương ở Quảng Ngãi vào đầu năm 1914.

⁴ Hội nghị tháng 2.1916 tổ chức tại nhà viên thơ lại thuộc Bộ Hộ của triều đình Huế là Đoàn Bồng ở đường Đông Ba (nay là đường Mai Thúc Loan ở Huế).

⁵ Tô Đình Cơ, *Thân thế và sự nghiệp Trần Cao Vân (1866-1916)*, Sở Văn hoá Thông tin Bình Định xuất bản, 1995, trang 45.

⁶ Tô Đình Cơ, *Sđd*, trang 49.

⁷ Trước năm 1916, phần lớn vùng đất Tây Nguyên còn nằm trong sự quản lý hành chính của các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận và Bình Thuận nên được Kỳ hội Trung Kỳ xem là đất thuộc căn cứ miền núi của cuộc khởi nghĩa.

Tại hội nghị cuối cùng ở Quảng Ngãi vào cuối tháng 4.1916 trước khi ra tay hành động, Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ đã đưa ra những quyết định mang tính nội bộ như sau:

- Kiểm soát và chinh đồn chặt chẽ các tổ chức trong các tầng lớp quần chúng ở mỗi địa phương, các tổ chức trong lính Nam triều, nhất là đội lính mộ sắp đưa sang Pháp, trồng cây vào sổ lính này quay sung lại làm tiên phong cho quân cách mạng.

- Tổ chức sẵn bộ máy hành chính cai trị trong bóng tối chờ thay thế khi chính quyền về tay cách mạng.

- Huy động sức người, sức của để sức tích lực lượng và chế tạo vũ khí, mua sắm quân nhu, đúc 4 ấn Kinh lược cho 4 vùng là Bình Trị (Quảng Bình và Quảng trị), Nam Ngãi (Quảng Nam và Quảng Ngãi), Bình Phú (Bình Định và Phú Yên), Khánh Thuận (Khánh Hoà và Bình Thuận).

- Về ngoại giao: Phái người sang Xiêm vận động sứ thần Đức nhờ viện trợ vũ khí”.

Với việc phân vùng khởi nghĩa như kế hoạch đề ra và quyết định đúc 4 ấn Kinh lược chuẩn bị cho chính quyền mới của hội nghị, Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ còn phân công cụ thể chức danh, nhiệm vụ của bộ phận lãnh đạo với Thái Phiên làm Tổng chỉ huy hợp cùng Trần Cao Vân làm Quân sư phụ trách đánh chiếm Huế; Lê Đình Dương làm Tổng trấn Quảng Nam, Phan Thành Tài làm Kinh lược sứ Nam - Nghĩa, Lê Ngung làm Nam - Nghĩa dĩ nam chư tỉnh Kinh lý, hợp cùng các chí sĩ Đỗ Tự, Nguyễn Thụy, Phạm Cao Châm phụ trách ở Quảng Nam - Quảng Ngãi cùng các tỉnh Bình Định, Kon Tum và những tỉnh phía nam; Khoá Bảo tức Nguyễn Hữu Đồng làm Lãnh binh phụ trách ở Quảng Trị, Nguyễn Chính ở Quảng Bình⁸... Các yếu nhân phụ trách các tỉnh đã ra sức tuyên truyền, xây dựng, phát triển lực lượng nghĩa binh ở các phủ, huyện, tổng, xã trên địa bàn mình phụ trách, sôi nổi nhất là ở Nam - Nghĩa.

Suốt thời gian chuẩn bị khởi nghĩa, Việt Nam Quang phục hội ở

⁸ Tô Đình Cơ, Sdd, trang 46.

Trung Kỳ nhiều lần tìm cách bắt liên lạc với Tổng hội để xin ý kiến chỉ đạo: như vào cuối năm 1914, Đặng Tử Kính sang Xiêm để bàn bạc với phái viên của cụ Phan Bội Châu là Nguyễn Thượng Hiền⁹, tháng 7.1915 Lê Ngung cử người sang Quảng Đông tìm cách liên lạc xin ý kiến cụ Phan Bội Châu về việc phát động khởi nghĩa, hoặc tháng 9.1915 viết báo cáo và thỉnh thị cụ Phan cho Trung Kỳ tiến hành khởi nghĩa¹⁰...

Trong vai trò là cơ quan cấp trên, Tổng hội cũng đã có sự chỉ đạo các hoạt động của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ nhằm chuẩn bị tốt hơn cho cuộc khởi nghĩa. Quan trọng nhất là chỉ thị của Tổng bộ gửi về qua tay Nguyễn Công Mậu vào cuối năm 1914, trong đó Tổng hội thông báo chủ trương bắt tay với người Đức, dự định đưa quân về biên giới đánh Pháp để chiếm Bắc Kỳ và kêu gọi Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ chuẩn bị lực lượng vũ trang để phối hợp ở Trung Kỳ. Chính từ chủ trương của Tổng hội ở hải ngoại, Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ nhắm đến lực lượng binh lính Việt, đặc biệt là số lính mộ đang sắp sửa được đưa sang châu Âu phục vụ chiến tranh cho Pháp. Việc bắt tay với người Đức theo chủ trương của Tổng hội cũng được Kỳ hội Trung Kỳ thực hiện, thông qua hành động giao thiệp và hợp đồng tác chiến với viên đại tá người Đức là Harmandes chỉ huy lính Lê - dương (Légions) đóng tại đồn Mang Cá ở Huế.

Trong việc quyết định thời điểm tiến hành khởi nghĩa, nội bộ Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ cũng đạt đến sự thống nhất cao của tổ chức, ý muốn cá nhân phải phục tùng tổ chức. Bằng chứng là Lê Ngung nhiều lần nôn nóng muốn hành động khởi nghĩa ngay lập tức vào các thời điểm tháng 12.1914, tháng 1.1915 rồi tháng 9.1915, nhưng các thủ lĩnh trong Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ đã dứt khoát bác bỏ vì điều kiện chuẩn bị chưa đầy đủ. Nhờ vậy, Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ đã tránh được sự manh động, không cho Pháp có cơ đàn áp khủng bố như ở miền Bắc, bảo toàn được lực lượng chờ ngày nổi dậy chính thức.

⁹ Lúc đó cụ Phan Bội Châu đang bị nhốt trong tù của quân phiệt Trung Quốc tại Quảng Đông từ tháng 1.1914 đến tháng 9.1917.

¹⁰ Thư của Thái Phiên về sau có đến tay cụ Phan nhưng lúc đó mọi chuyện đã diễn ra và thất bại.

Đối với chủ trương mời vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa, Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ cũng bàn đi bàn lại nhiều lần trong các hội nghị. Hội nghị lần một chỉ có một số hội viên ở Quảng Nam ủng hộ việc mời vua Duy Tân; sang hội nghị lần hai thì chủ trương mời vua tham gia được thông qua trong toàn Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ; đến hội nghị lần thứ ba tổ chức tại Huế (2.1916), mọi người mới nhất trí tính chuyện liên lạc trực tiếp với nhà vua để mời cùng tham gia khởi nghĩa.

Như vậy, cuộc khởi nghĩa ở các tỉnh Trung Kỳ năm 1916 có sự chuẩn bị lâu dài của tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở hải ngoại cũng như tại miền Trung theo kế hoạch thống nhất của Tổng hội. Mối quan hệ giữa Tổng hội và Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ được duy trì thường xuyên trong suốt quá trình chuẩn bị, và những quyết định lớn nhỏ đều được bàn bạc nhiều lần, mang tính tổ chức cao đã khẳng định đây là khởi nghĩa của một hội đảng chứ không hề là của bất kỳ cá nhân nào. Thái Phiên và Trần Cao Vân và nhiều nhà yêu nước khác là những yếu nhân giữ vai trò hết sức quan trọng trong cuộc khởi nghĩa, nhưng đó là những người lãnh đạo của tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ, là những người điều hành cuộc khởi nghĩa của tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở địa bàn các tỉnh, phủ, huyện tại Trung Kỳ chứ không hề đứng trên hay ngoài tổ chức.

Tính bộ phận của cuộc khởi nghĩa ở phủ Tam Kỳ trong toàn bộ hệ thống kế hoạch khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ đã được chính thực dân Pháp khẳng định qua “Báo cáo về tình hình Trung Kỳ” trong khóa họp thường kỳ năm 1916 của Hội đồng Chính phủ Đông Dương như sau:

“Tại Quảng Ngãi xuất hiện nhiều tốp nghĩa binh, khá đông, vũ trang bằng dao và mác, đã vận động suốt đêm ngày, tại nhiều địa điểm trong tỉnh và với tư thế sẵn sàng chiến đấu; tại Quảng Nam có khoảng từ 250 đến 300 nghĩa binh, chia làm hai nhóm, đã công khai tấn công một đội lính tại địa hạt Tam Kỳ rồi rút lui an toàn; xung quanh bến cảng Đà Nẵng và Hội An cũng xuất hiện nhiều tốp nghĩa binh, với tư thế sẵn sàng chiến đấu; riêng tại Huế có khoảng 50 thủ lĩnh nghĩa quân trong số này từ Quảng Nam, Quảng Ngãi đến để vận

động, tổ chức nghĩa quân chuẩn bị tấn công tiểu đoàn thứ 16 để cướp vũ khí; trong khi đó, ở quanh thành Huế, xuất hiện nhiều tốp nghĩa quân, mỗi tốp chừng 50 đến 80 người, đóng rải rác khắp các cánh đồng, sẵn sàng chờ lệnh tấn công thành Huế; số thủ lĩnh này đã họp kín với vua Duy Tân vào hồi 10 giờ đêm ngày 3.5.1916, và vua Duy Tân đã ra lời kêu gọi quan lại, sĩ dân nổi dậy khởi nghĩa”¹¹.

Qua những phân tích làm rõ chủ thể của cuộc khởi nghĩa năm 1916 thuộc về tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ, cũng như dựa vào kế hoạch xây dựng địa bàn khởi nghĩa, phân công nhân sự phụ trách các vùng và diễn biến lịch sử xảy ra trên thực tế liên quan hầu hết các tỉnh miền Trung đêm 3.5.1916, có thể khẳng định dù đại bộ phận các địa phương chưa kịp nổ súng thì bị đàn áp do cơ mưu bại lộ trước, nhưng cuộc khởi nghĩa vũ trang của lực lượng nghĩa binh ở phủ Tam Kỳ là một bộ phận quan trọng nằm trong hệ thống khởi nghĩa toàn miền của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ, thể hiện tính chủ động thực hiện kế hoạch khởi nghĩa của nghĩa binh phủ Tam Kỳ ngay cả khi không nhận được hiệu lệnh chung, là minh chứng về một cuộc khởi nghĩa quy mô toàn miền đã bùng nổ và bị thất bại chứ không chỉ mới dừng lại là một âm mưu hay kế hoạch bất thành./.

NQTT

¹¹ Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*, Tái bản lần thứ nhất, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 2001, tr. 365.

THỜI CƠ CỦA CUỘC VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA Ở TRUNG KỲ NĂM 1916

PGS.TS. HÀ MINH HỒNG*

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác Lê-nin đã chỉ dẫn: chiến tranh đế quốc trên quy mô thế giới thường là cơ hội thuận lợi cho các dân tộc vùng dậy chống lại nền cai trị thuộc địa. Thực chất của cơ hội thuận lợi được gọi là thời cơ chiến lược ấy, là việc các đế quốc bận vào cuộc chiến tranh thế giới nhằm phân chia lại thuộc địa, tranh giành quyền lợi và ảnh hưởng của nhau, buộc phải lơ lửng chính sách cai trị ở thuộc địa. Do đó các dân tộc có thể lợi dụng vào tình trạng nói rộng độc quyền ở thuộc địa cũng như tình hình sa lầy ở chính quốc, xây dựng phát triển nhanh lực lượng dân tộc, thực hiện khởi nghĩa vũ trang lật đổ ách thống trị của ngoại bang, giành tự do độc lập và giải phóng dân tộc.

Thời cơ trong Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất

Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất - một trong những cuộc chiến tranh lớn của thế kỷ XX, mở đầu cho lịch sử Đại chiến thế giới trong lịch sử nhân loại. Mở đầu bằng việc Áo - Hung tấn công Serbia, dẫn đến việc Đức tuyên chiến với Nga (ngày 1.8.1914) và tuyên chiến với Pháp (ngày 3.8.1914), Anh tuyên chiến với Đức và đổ bộ vào lục địa (ngày 4.8.1914), chiến tranh lớn đã nổ ra và kéo dài hơn 4 năm, đến tháng 11.1918 mới kết thúc. Đó là cuộc chiến tranh đế quốc, diễn ra trên phạm vi rộng lớn, giữa các cường quốc phe Hiệp ước (Anh, Pháp, Nga, Hoa kỳ) và phe Liên minh (Đức, Áo, Hung, Bulgaria), lôi kéo nhiều cường quốc và quốc gia khác vào vòng chiến. Nguồn gốc mâu thuẫn từ lâu giữa các quốc gia hai bên đã thúc đẩy chuẩn bị cho chiến tranh để giải quyết các mâu thuẫn đối kháng, phân chia lại hệ thống thuộc địa và thị trường, lập lại trật tự thế giới mới.

*Khoa Lịch Sử, Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia TP. HCM.

Ngay khi chiến tranh thế giới vừa nổ ra, Lê-nin trong tác phẩm “*Chiến tranh và phong trào dân chủ - xã hội Nga*” (tháng 10.1914) đã vạch trần bản chất của cuộc chiến tranh và lần đầu tiên nêu ra khẩu hiệu có tính chất gọi mở một cơ hội hành động “Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng”. Liên tiếp trong các tác phẩm viết sau đó (*Sự phá sản của Quốc tế II*, tháng 6.1915; *Chủ nghĩa xã hội và chiến tranh*, tháng 8.1915, *Bàn về khẩu hiệu liên bang Châu Âu*, tháng 8.1915...), Lê-nin tiếp tục vạch rõ nguyên nhân của chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc và chỉ ra ba dấu hiệu của tình thế cách mạng và điều kiện nổ ra cách mạng khi có tình thế cách mạng (phần lớn các nước Châu Âu lúc đó đều có tình thế cách mạng); Người cũng phân biệt rõ các loại hình lịch sử của chiến tranh, chỉ rõ “chiến tranh là sự kế tục của chính trị bằng những thủ đoạn khác” và bắt đầu nêu lên những tư tưởng lớn có tính chất cương lĩnh về quyền dân tộc tự quyết. Đặc biệt là khi phê phán việc đưa ra khẩu hiệu Liên bang châu Âu, Lê-nin cho rằng đó chỉ là cách lập khối thực dân tập thể, một tổ chức thế lực phản động chống chủ nghĩa xã hội, một khối kinh tế và quân sự của chủ nghĩa đế quốc; Người đề ra tư tưởng cách mạng vô sản không thắng lợi đồng thời ở các nước tư bản phát triển mà “có thể và tất yếu thắng lợi trước tiên ở một số nước, thậm chí ở một nước”¹.

Nước Nga dưới chế độ phong kiến - quân sự chuyên chế của Sa Hoàng có nhiều thuộc địa. Khi chiến tranh thế giới nổ ra, mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chế độ chuyên chế Sa Hoàng ngày càng sâu sắc, đồng thời mâu thuẫn giữa đế quốc Sa Hoàng với các đế quốc phương Tây Anh, Pháp cũng lên cao, cùng nhiều mâu thuẫn khác đã làm cho nước Nga trở thành nơi hội tụ nhiều mâu thuẫn dân tộc - giai cấp - thời đại và trở thành khâu yếu nhất trong hệ thống dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc thế giới. Khi tham gia vào đại chiến, nước Nga thực sự bị đẩy vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội - chính trị trầm trọng, chế độ Nga Hoàng bị phân hóa cao độ. Trong tình thế đó, những cuộc cách mạng trong lòng chế độ Nga Hoàng đã bùng nổ, trước hết là bùng nổ lại cách mạng dân chủ tư sản (tháng

¹ Lê-nin toàn tập, tập 27, NXB. Tiến bộ, M.1980; NXB. Sự thật, H.1996.

2.1917)². Nhưng sự bùng nổ và thắng lợi của cách mạng dân chủ tư sản ấy trong thời kỳ chiến tranh thế giới, theo chủ trương của những người cộng sản Nga (Bolshevik) chống chiến tranh đế quốc “Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng”, đã đồng thời dẫn đến việc ra đời các Xô Viết. Tình trạng hai chính quyền song song tồn tại như thế đã cho phép Đảng Cộng sản Nga đưa ra Luận cương tháng Tư (4.4.1917) với khẩu hiệu “Tất cả chính quyền về tay Xô Viết”. Từ đó, cuộc Cách mạng tháng Mười Nga bùng, chỉ 10 ngày làm rung chuyển thế giới³.

Như vậy, theo các chỉ dẫn của Lê-nin và thực tế chiến tranh ở nước Nga, sẽ nhận ra một cơ hội - thời cơ chiến lược đã thực sự xuất hiện khi chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ; các nước - không chỉ châu Âu, các dân tộc thuộc địa ở các châu lục - đều có thể tranh thủ và ráo riết chuẩn bị trực tiếp cho một cuộc cách mạng giải phóng. Bởi Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất không chỉ tác động trực tiếp trên khắp các chiến trường châu Âu, mà còn tác động không nhỏ đến nhiều châu lục khác, kể cả các nước chính quốc và hệ thống thuộc địa.

Nước Pháp, tham gia cuộc chiến ngay từ đầu và là một trong những chiến trường chính của chiến tranh ở châu Âu; nơi đây diễn ra nhiều trận đánh khốc liệt với những tổn thất lớn về sức người sức của - nước Pháp tất yếu lôi kéo các thuộc địa vào vòng chiến.

Thuộc địa của Pháp cho đến thời kỳ Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất có ở châu Phi và miền viễn Đông, trong đó có 6 thuộc địa lớn là Đông Dương, Madagascar, Maroc, Sudan, Tunisie, Congo. Các thuộc địa ở Bắc Phi rất gần với chính quốc nên việc cung ứng sức người từ thuộc địa di dân châu Phi cho chiến tranh của đế quốc Pháp đã diễn ra từ sớm và suốt những năm chiến tranh. Nhưng thuộc địa quan trọng của Pháp ở Đông Dương không chỉ là nơi cung cấp sức người mà còn cả sức của cho chiến tranh. Thuộc địa Đông Dương

² Trước đó năm 1905, khi chiến tranh Nga-Nhật vừa kết thúc, đã nổ ra cuộc cách mạng dân chủ tư sản Nga lần thứ nhất, do Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga lãnh đạo.

³ Nguyễn Quốc Hùng, Cuộc cách mạng 10 ngày làm rung chuyển thế giới - Những giá trị xuyên thế kỷ. NXB. CTQG, H.2012, trang 21- 44.

gồm 5 xứ, có khoảng 25 triệu dân với nguồn tài nguyên khoáng sản, lương thực thực phẩm hết sức dồi dào; Pháp đã huy động cả sức người và sức của từ Đông Dương cung cấp cho chiến tranh.

Ở Đông Dương trong thời kỳ chiến tranh, để giữ thuộc địa chính quyền thực dân đã thi hành chính sách mới nới rộng độc quyền, tạo điều kiện cho nhiều bộ phận tư bản chính quốc và bản xứ hoạt động thuận lợi hơn; nhưng mục đích chính yếu của chính sách ấy là vơ vét sức người sức của từ Đông Dương để cung ứng cho chiến tranh.

Thuộc địa Đông Dương (chủ yếu là 3 xứ ở Việt Nam), đã phải cung ứng cho chiến tranh của Pháp 97.903 thanh niên, trong đó có 92.411 người đã bị đưa sang chiến trường châu Âu, 184.305.204 Franc vàng, 268.433 tấn gạo, 18.756 tấn ngô, 10.758 tấn đường...⁴

Việc tổn thất trong chiến tranh đã làm cho nước Pháp sớm phải khai thác sức đóng góp của thuộc địa, trong đó Đông Dương tỏ ra là nơi cung cấp nguồn nhân lực cả lính thợ và lính chiến rất dồi dào. Ngay từ năm đầu chiến tranh, Pháp đã phải tuyển mộ người thuộc địa, nhưng chủ yếu từ năm 1915 cho đến khi chiến tranh kết thúc (thậm chí khi chiến tranh đã chấm dứt, năm 1919 vẫn có hàng trăm người thuộc địa phải từ bỏ quê hương để sang chính quốc). Số lao động Đông Dương sang Pháp trong các năm 1915-1919 là 48.981 người (cụ thể: năm 1915 - 4.631 người, năm 1916 - 26.098 người, năm 1917 - 11.719 người, năm 1918 - 5.806 người, năm 1919 - 727 người)⁵.

Ở Trung Kỳ, chính quyền thuộc địa tuyển mộ lính thợ và lính chiến từ đầu cuộc chiến. Đến năm 1915, lính tuyển mộ được biên chế vào Tiểu đoàn 16 được gọi là tiểu đoàn lính tập tình nguyện, được triều đình An Nam động viên cả những người trong các gia đình hoàng tộc và họ hàng các quan chức cao cấp của triều đình tham gia, chính quyền thuộc địa cũng tăng thêm khoản tiền thưởng khi đăng lính, nhằm quảng bá cho việc tuyển mộ nhanh hơn; từ đó có thể lôi kéo thêm nhiều người gia nhập đội quân làm thuê, đánh thuê cho

⁴ Dương Kinh Quốc. Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918), NXB. Giáo dục, H., 2001. trang 382.

⁵ Bùi Thị Hệ, Đóng góp của Đông Dương trong Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918). <http://www.archives.gov.vn>.

chính quốc. “Lính tập xuất thân từ dòng dõi hoàng tộc và những gia đình quan lại tập hợp trong đại đội 1 dưới sự chỉ huy của đại úy Délétie, người đứng đầu phòng giáo dục ở An Nam, họ là hạt nhân trong vườn ươm cán bộ của tiểu đoàn”. Tiểu đoàn 16 trở thành đơn vị điển hình và dự kiến đưa sang chiến trường Pháp vào tháng 5.1916, nhưng phải thay đổi nhiều lần lịch di chuyển và phải dùng nhiều “khoản tiền thưởng đăng lính” để giữ chân họ mới có thể có quân đưa đi được⁶. Mặc dù được tuyển mộ như vậy, nhưng đây cũng là đơn vị đã có nhiều người tham gia cuộc vận động khởi nghĩa do Thái Phiên, Trần Cao Vân và nhà vua yêu nước Duy Tân lãnh đạo - đó là điều hết sức độc đáo mà chính quyền thực dân không thể giải thích nổi.

Như vậy trong thời gian chiến tranh, chính sách vơ vét sức người sức của từ thuộc địa đưa sang chiến trường châu Âu, đã làm cho mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc thực dân Pháp ngày càng sâu sắc. Lực lượng dân tộc ở Việt Nam trong phong trào đấu tranh chống đế quốc thực dân và tay sai lúc này (như tổ chức Việt Nam Quang phục hội, Hội kín Nam kỳ...) đã nhanh chóng phục hồi và phát triển, đã nhận thức rõ cơ hội thuận lợi đang đến và họ ra sức chuẩn bị cho những kế hoạch hành động.

Phong trào dân tộc Việt Nam trước cơ hội mới

Việt Nam Quang phục hội là tổ chức yêu nước được thành lập từ giữa năm 1912 do ảnh hưởng của Cách mạng Tân Hợi theo chủ xướng của lãnh tụ Phan Bội Châu và những người yêu nước theo xu hướng bạo động chống Pháp. Trước khi chiến tranh thế giới nổ ra (1912-1914), Việt Nam Quang phục hội đã phát triển nhanh hội viên cả bên ngoài và trong nước, bao gồm nhiều thành phần tham gia, đặc biệt là ngoài những sĩ phu yêu nước và các nghĩa quân, còn có cả một bộ phận những binh sĩ Việt Nam yêu nước trong quân đội Pháp, nhờ đó Việt Nam Quang phục hội đã tổ chức những hoạt động “kinh thiên động địa”. Ngày 19.4.1913 nhóm hội viên trong nước của Việt Nam Quang phục hội thi hành các bản án viết sẵn đối với Toàn quyền Đông Dương và những tên ác ôn tay sai khét tiếng như Hoàng Trọng

⁶ Người lính Việt trong Thế Chiến thứ nhất. <http://www.baomoi.com>.

Phu, Nguyễn Duy Hàn, đã ném tạc đạn giết tên ác ôn Nguyễn Duy Hàn ở Thái Bình. Ngày 26.4.1913 một nhóm khác lại đánh bom vào khách sạn Tràng Tiền ở Hà Nội, giết chết 2 sĩ quan Pháp... Những cuộc ám sát cá nhân ấy gây cho địch nhiều hoang mang, nhưng liền đó chúng đã tập trung đánh phá Việt Nam Quang phục hội. Hàng trăm người yêu nước bị bắt bớ giam cầm, 7 hội viên tích cực của Việt Nam Quang phục hội ở Bắc Kỳ bị xử tử hình, các cơ sở trong ngoài nước bị vỡ lở. Đầu tháng 1.1914 đến lượt Phan Bội Châu và Cường Để bị bắt, Việt Nam Quang phục hội đến đây tan rã về tổ chức và lực lượng, bắt lức về con đường cách mạng bạo động⁷.

Nhưng khi chiến tranh thế giới nổ ra, những người còn lại của Việt Nam Quang phục hội tập hợp lại dưới sự lãnh đạo của Hoàng Trọng Mậu, Đặng Tử Kính, Nguyễn Thượng Hiền và tiếp tục hoạt động nhằm tranh thủ viện trợ của các nước để tiến tới chuẩn bị một số cuộc bạo động chống Pháp dọc vùng biên giới ở Việt Nam. Đầu năm 1915 thông qua một số hội viên Việt Nam Quang phục hội là các cơ sở nội tuyến trong binh lính, họ đã xây dựng kế hoạch tấn công các đồn binh Pháp dọc biên giới Việt - Trung: Ngày 13.3.1915 lực lượng Việt Nam Quang phục hội đồng loạt nổ súng ở Tà Lùng, Móng Cái, Hà Khẩu và các cứ điểm nhỏ khác dọc đường Cao Bằng - Lạng Sơn; cùng lúc hơn 100 quân ăn mặc đồng phục có phù hiệu “Việt Nam Quang phục quân” tập kích đồn Tà Lùng đã ném tạc đạn và mìn làm sập các nhà trại cùng một số binh lính Pháp bị thương⁸. Một số địa phương có cơ sở của Việt Nam Quang Phục hội được khôi phục đã tích cực hoạt động tổ chức bạo động như: tấn công đồn binh Pháp ở Nho Quan (Ninh Bình) và đột kích đồn binh Pháp ở Lục Ngạn (Bắc Giang) tháng 10.1914, đánh úp tỉnh lỵ Phú Thọ tháng 1.1915, kế hoạch đánh Móng Cái, Lạng Sơn, Hà Khẩu năm 1915, phá ngục Lao Bảo tháng 9.1915, đột kích đồn Pháp ở Bát Xắc (Lào Cai) tháng 8.1916, Đồng Văn (Hà Giang) tháng 3.1917...⁹

⁷ Lịch sử Việt Nam cận hiện đại (1858-1975). NXB. ĐHQG TP. Hồ Chí Minh 2005, trang 47-48.

⁸ Lịch sử Việt Nam cận hiện đại (1858-1975). NXB. ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, 2005, trang 62-63.

⁹ Đại cương Lịch sử Việt Nam, Tập II. NXB. Giáo dục, H. 2006, trang 195-196

Trong khi đó ở Nam Kỳ từ những năm 1910-1911, các hội kín phát triển, phổ biến nhất là Thiên Địa Hội; đó là các tổ chức tương tề của các tầng lớp quần chúng, mang màu sắc tôn giáo, hoạt động theo xu hướng và nguyện vọng riêng của mình nhưng cùng chung mục tiêu đề cao tinh thần yêu nước, chống chế độ thuộc địa. Nổi bật nhất là tổ chức Hội kín của Phan Phát Sanh khi thủ lĩnh này nhận là dòng dõi “nhà Trời”, xưng là “Phan Xích Long Hoàng Đế”, lập căn cứ ở Thất Sơn (Châu Đốc) và gây dựng lực lượng, chuẩn bị cho những hoạt động chống Pháp. Trước chiến tranh thế giới, phong trào Hội kín Nam Kỳ hoạt động khá mạnh ở cả thành thị và nông thôn với những cuộc rải truyền đơn, ném tạc đạn, trừng trị cảnh cáo bọn ác ôn cường hào, những cuộc biểu tình từ nông thôn kéo vào các thành thị biểu dương lực lượng... Ngày 28.3.1913 Hội Kín tổ chức tấn công vào Sài Gòn - Chợ Lớn; quân Pháp đã đàn áp và bắt được thủ lĩnh Phan Xích Long cùng nhiều người khác đưa đi tù đầy... Tuy bị đàn áp rất khốc liệt, nhưng các Hội kín Nam Kỳ vẫn tồn tại¹⁰.

Khi chiến tranh thế giới bùng nổ, phong trào Hội kín Nam kỳ tiếp tục phát triển lan rộng, có tới 70-80 tổ chức Hội kín, mạnh nhất là ở Biên Hòa, Bến Tre, Châu Đốc... Các Hội kín đã làm bùng nổ những cuộc bạo động như: Bạo động vũ trang chống việc tuyển mộ lính ở Trà Vinh (20.1.1916), phá trụ sở tuyển mộ lính ở Biên Hòa (23.1.1916), tù nhân nổi dậy phá ngục ở Biên Hòa (25.1.1916), Hội kín nổi dậy ở Tây Ninh (2.1916), Hội kín vũ trang tấn công đồn Ô Cáp ở Bà Rịa (2.1916), Hội kín Nghĩa Hòa bao vây vũ trang giải thoát thanh niên bị tuyển mộ lính ở Mỹ Cày, Bến Tre (2.1916), Hội kín đột nhập phá Khám lớn ở Sài Gòn cứu thủ lĩnh Phan Xích Long (15.2.1916)...¹¹

Như vậy trước những điều kiện hoàn cảnh lịch sử mới khi chiến tranh thế giới nổ ra, khi các thuộc địa của Nga Hoàng đã tận dụng cơ hội của chiến tranh theo cách “Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng”, thì ở Đông Dương cũng có nhiều lực lượng yêu

¹⁰ Lịch sử Việt Nam cận hiện đại (1858-1975). NXB. ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, 2005, trang 58.

¹¹ Đại cương Lịch sử Việt Nam, Tập II, NXB. Giáo dục, H. 2006, trang 200-202.

nước nhận thức đúng thời cơ của chiến tranh đế quốc, đã nuôi những âm mưu khởi nghĩa theo con đường bạo động và thực hiện những hành động quả cảm nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ của lịch sử: đứng lên chống đế quốc thực dân Pháp giành độc lập tự do và giải phóng dân tộc.

Việt Nam Quang phục hội chớp thời cơ chiến tranh

Trong số những lực lượng yêu nước ấy, lực lượng Việt Nam Quang phục hội tuy không còn tổ chức và lãnh đạo như trước, nhưng đó vẫn là lực lượng đông, có nhiều người tâm huyết với sự nghiệp giải phóng dân tộc, nhận thức rõ cơ hội lớn và ráo riết tập hợp về tổ chức, xây dựng nhiều lực lượng khởi nghĩa trên nhiều địa phương thuộc Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Tại Trung Kỳ, một số thành viên còn lại của Việt Nam Quang phục hội như Thái Phiên, Trần Cao Vân đã thiết thực nắm lấy thời cơ mới khi vận động một cuộc khởi nghĩa rộng lớn.

Cuộc khởi nghĩa rộng lớn ấy cần những điều kiện gì? Lấy thực tế khởi nghĩa trong cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, hay thực tế khởi nghĩa tháng Tám 1945 sau này làm cơ sở, sẽ thấy những vấn đề chính yếu đặt ra cần và đủ cho việc tổ chức vận động khởi nghĩa, trước hết là cho những người lãnh đạo khởi nghĩa, gồm:

- Xác định cuộc khởi nghĩa vũ trang của toàn dân tộc hay là cuộc bạo động của lực lượng vũ trang?
- Khởi nghĩa hay bạo động nhằm mục đích và mục tiêu gì (trước mắt và lâu dài)?
- Những lực lượng nào là lực lượng chính yếu tham gia vào quá trình chuẩn bị và tiến hành khởi nghĩa?
- Chuẩn bị cho khởi nghĩa là chuẩn những gì và diễn ra trong quá trình như thế nào?
- Khi nào thì khởi sự và những điều kiện cần và đủ cho thời cơ chín muồi là gì?

Khi tổ chức cuộc vận động khởi nghĩa, các lãnh đạo Thái Phiên, Trần Cao Vân có vua Duy Tân tham chính, đã nhạy bén nhận thức đúng thời cơ chung (như ở nước Nga và ở nhiều nơi trên các xứ của

thuộc địa Việt Nam), đã tiến hành một cuộc vận động lớn để tiến tới khởi nghĩa lớn trên phạm vi rộng của Trung Kỳ. Các nhà tổ chức vận động này có giải quyết những vấn đề cần và đủ cho cuộc khởi nghĩa không ? Họ đã giương lên ngọn cờ nào để lãnh đạo phong trào dân tộc?

Thực ra ở những thời điểm chiến tranh thế giới lần thứ nhất, khó mà đòi hỏi các nhà yêu nước Việt Nam có tầm nhìn và khả năng lãnh đạo như những nhà cách mạng đương thời ở nước Nga xa xôi kia. Kể cả khi tổ chức Việt Nam Quang phục hội của lãnh tụ Phan Bội Châu có phục hồi được như ban đầu đang mô phỏng theo con đường cách mạng Tân Hợi (tháng 6.1912), cũng khó đòi hỏi nhà chí sĩ Sào Nam và các đồng chí của ông vượt qua được giới hạn của dân tộc, giai cấp và thế hệ, để làm nên một cuộc cách mạng dân chủ tư sản tháng 2.1917 (như kiểu Cách mạng dân chủ tư sản Nga do Đảng Bolshevik lãnh đạo trong chiến tranh). Huống chi thực tế ở Trung Kỳ cũng như trên toàn bộ Việt Nam trong suốt thời gian chiến tranh thế giới lúc ấy, chỉ là sự hồi phục hoạt động của một số người không phải yếu nhân của Việt Nam Quang phục hội, đã cố gắng tạo ra được về danh nghĩa của một tổ chức yêu nước để vận động khởi nghĩa (và cũng chỉ có thể đến thế mà thôi).

Đối chiếu với thực tế quá trình vận động tổ chức khởi nghĩa năm 1915-1916, các lãnh đạo cuộc vận động đã có nhiều cố gắng trong việc giải quyết những vấn đề đặt ra về mục đích cuộc khởi nghĩa, về lực lượng khởi nghĩa, về kế hoạch khởi sự... Song vấn đề nào cũng chưa có những xác định rõ ràng và chính xác, chưa có nhận chân đúng về lực lượng khởi nghĩa cũng như toàn bộ việc chuẩn bị cho một cuộc khởi nghĩa vũ trang đích thực của một thuộc địa muốn giải phóng dân tộc.

Mặc dù vậy, mặc dù thực tế những cố gắng của những nhà yêu nước Việt Nam trong thời kỳ Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất khó mà có kết quả trong quá trình chuẩn bị khởi nghĩa, khởi nghĩa khó nổ ra được và không thể thành công...; nhưng cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên, Trần Cao Vân có vua Duy Tân tham gia tổ chức lãnh đạo, vẫn là một điển hình trong sáng của phong trào dân tộc đầu thế

kỷ XX, là một trong những minh chứng cụ thể của việc chớp thời cơ đấu tranh giải phóng dân tộc khi chiến tranh đế quốc nổ ra.

*

Không bỏ lỡ thời cơ, nhưng cũng không thể đáp ứng được yêu cầu của thời cơ khi chiến tranh thế giới nổ ra, cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 đã kết thúc khi chưa nổ ra được khởi nghĩa và bị thực dân Pháp bóp chết từ trong trứng nước, các lãnh tụ của cuộc vận động bị bắt, bị giết hại và tù đầy, nhiều nghĩa quân bị bắt bớ giam cầm và sát hại. Kết cục ấy không chỉ là của một mình cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916, trước đó đã có nhiều mưu tính và bạo động cùng hứng chịu, ngay cả cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên nổ ra sau đó một năm cũng không khác được.

Sự thất bại chung ấy đặt ra cho phong trào dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX nói riêng, phong trào giải phóng dân tộc ở thuộc địa nói chung một kinh nghiệm xương máu về vận động chuẩn bị khởi nghĩa khi thời cơ đến; và quá trình ấy chỉ có thể thực sự bắt đầu với điều kiện phải có một tổ chức chính trị có đường lối cách mạng phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, đáp ứng đúng nhiệm vụ lịch sử của dân tộc để lãnh đạo nó đúng như quy luật của khởi nghĩa và chiến tranh đòi hỏi về “một biện pháp nghiêm túc để đạt một mục tiêu nghiêm túc”¹². Soi vào thực tế phong trào dân tộc sau đó, nhất là thời kỳ trước và trong chiến tranh thế giới lần thứ hai (1930-1945), càng cho thấy bài học của cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 có giá trị lịch sử sâu sắc biết chừng nào./.

HMH

¹² Các Phôn Clausevit, Bàn về chiến tranh, Phần I. NXB. QĐND, H.1981, trang 53.

TỪ PHONG TRÀO CHỐNG THUẾ ĐẾN CUỘC KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI TẠI QUẢNG NAM

TS. NGUYỄN VĂN DŨNG*

Cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, lịch sử dân tộc Việt Nam đã được ghi dấu bằng những sự kiện oai hùng và bi tráng của phong trào đấu tranh chống lại ách nô dịch của thực dân Pháp và phong kiến tay sai. Quảng Nam luôn là nơi khởi phát và là trung tâm của các phong trào đấu tranh, từ phong trào chống sưu thuế đến phong trào Duy tân và Việt Nam Quang phục hội. Qua mỗi phong trào đã góp phần hun đúc ý chí quyết tâm đứng lên chống thực dân giành độc lập cho dân tộc của nhân dân Quảng Nam.

Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội đã nổ ra cách nay 100 năm 1916-2016. Đó là cuộc khởi nghĩa có thể xem là lớn nhất của Quang phục hội kể từ khi thành lập, sau hàng loạt các sự kiện đánh chiếm các đồn ở biên giới Bắc Kỳ, ám sát... nhằm gây tiếng vang “kinh thiên động địa” để “kêu gọi hồn” nước lại, “đánh thức đồng bào”¹. Ở Quảng Nam, phong trào chống thuế bị thực dân và Nam triều dim trong biển máu, tù đầy, nhưng lòng yêu nước vẫn âm ỉ, và cuộc khởi nghĩa tại Quảng Nam nói chung, Tam Kỳ nói riêng thể hiện lòng yêu nước trong tuyên thống dựng nước và giữ nước của con người vùng đất địa linh xứ Quảng.

Trong bài viết này chúng tôi tập trung làm sáng tỏ một giai đoạn lịch sử từ 1908-1916, đặc biệt là cuộc khởi nghĩa tại Quảng Nam và Tam Kỳ, hy vọng bằng tấm gương hy sinh của các sĩ phu yêu nước và tầng lớp nhân dân lao động trong cuộc khởi nghĩa, góp phần khơi dậy niềm tự hào về truyền thống của vùng đất và con người Tam Kỳ, Quảng Nam. Qua đó góp phần vào việc khẳng định cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ là một khởi nghĩa vũ trang

* Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP Hà Nội 2.

¹ Trần Huy Liệu, *Lịch sử Tám mươi năm chống Pháp*, quyển I, Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa xuất bản, 1956, trang 172.

quan trọng và là trọng tâm của phong trào yêu nước ở miền Trung vào đầu thế kỷ XX.

1. Quảng Nam từ Phong trào chống thuế đến trước cuộc khởi nghĩa 1916

Sau khi ký được với triều đình nhà Nguyễn Hiệp ước Patenôtre (1884), thực dân Pháp đã chuyển sang thực hiện chính sách “bình định”, hòng dập tắt phong trào kháng chiến của nhân dân ta. Phong trào Cần vương do Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi khởi xướng đã thu hút được đông đảo các tầng lớp văn thân, sĩ phu và nhân dân yêu nước tham gia, nhiều cuộc khởi nghĩa đã nổ ra trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, phong trào Cần vương cuối cùng cũng thất bại, đánh dấu bằng sự kiện cuộc khởi nghĩa Hương Khê (Hà Tĩnh) do Phan Đình Phùng lãnh đạo bị thực dân Pháp dập tắt.

Đầu thế kỷ XX, các sĩ phu yêu nước có tư tưởng cấp tiến đã tiếp thu những tư tưởng dân chủ tiến bộ từ bên ngoài (Trung Quốc, Nhật Bản) đã chủ trương cứu nước theo khuynh hướng mới. Quảng Nam là nơi khởi phát của phong trào Duy Tân do Phan Châu Trinh², Trần Quý Cáp³ và Huỳnh Thúc Kháng⁴, là những người con của quê hương Quang Nam khởi xướng. Sau khi quan sát thực tế các cuộc bạo động chống Pháp trong phong trào Cần vương, cuộc khởi nghĩa của Hoàng Hoa Thám và những hiểu biết tích lũy được về mô hình chính trị, giáo dục của Nhật Bản, Phan Châu Trinh không tán thành với phương pháp bạo động để giành độc lập của Phan Bội Châu. Theo ông, căn cứ vào điều kiện trong nước lúc bấy giờ thì dung vũ lực cũng chỉ dẫn đến thất bại, làm tổn hao xương máu của dân chứ không cải thiện được tình hình. Còn nhờ đến đánh đuổi Pháp, theo ông là một việc không cần thiết. Nước ngoài nếu thấy đủ sức, sẽ tự đến không cần ai nhờ vả, nếu chưa đủ sức dù có nhờ vả họ cũng không đến. Họ có đến, vạn nhất thắng được cũng là cảnh thay thầy đổi chủ. Vì vậy, phương châm của ông là “bất bạo động, bạo động tắc tử; bất vọng ngoại, vọng ngoại

² Ông sinh năm 1872 ở làng Tây Lộc, xã Tam Lộc, thị xã Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

³ Ông sinh năm 1870 tại làng Bất Nhị, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

⁴ Ông sinh năm 1876 tại làng Thanh Bình, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

giả ngu”⁵. Nhiệm vụ cấp bách theo ông là phải “chấn dân khí, khai dân trí, hậu dân sinh”. Ông đề cao phương châm “tự lực khai hóa”, không thụ động ngồi chờ sự giúp đỡ của nhà cầm quyền. Với phương châm như vậy, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng đã tích cực vận động phong trào Duy tân.

Phong trào cải cách duy tân được triển khai trước tiên ở tỉnh Quảng Nam⁶, diễn ra trên nhiều lĩnh vực. Lĩnh vực buôn bán, được coi là “dĩ thương hợp quần”, lấy buôn bán để tập hợp nhau lại cùng lo việc nước, để kiếm lời nuôi các hoạt động khác như mở trường, nuôi thầy giáo, cung cấp sách vở cho học sinh. Các hợp thương nổi tiếng được lập là Hợp thương Diên Phong lập tại làng Phong Thử, nay thuộc huyện Điện Bàn do cử nhân Phan Thúc Duyệt chủ trương, Thương hội Hội An do Bang tá Kỳ Lam (tên thật là Nguyễn Toàn, người làng Kỳ Lam, phủ Điện Bàn) chủ trương. Ngoài hai thương hội trên còn có nhiều cửa hiệu của các sĩ phu với quy mô nhỏ hơn.

Về nông nghiệp, một số sĩ phu mở các hội khai khẩn đất hoang làm ruộng, trồng lúa ngô, đậu, chè, sắn,... thường gọi là “nhàn điền”. Thành công hơn cả là vườn quế ở Quảng Nam. Ở Quảng Nam có mấy nông hội lớn là Cẩm Nê (giáp Hòa Vang và Điện Bàn), Mỹ Sơn huyện Duy Xuyên, Bửu Sơn huyện Đại Lộc. So với thương nghiệp, hoạt động nông nghiệp gặp khó khăn hơn do điều kiện tự nhiên, thiếu nhân công, sĩ phu lại thiếu kiến thức và kinh nghiệm lập đồn điền.

Hoạt động nổi bật nhất ở Quảng Nam là mở trường dạy học. Trường học là nơi dạy học, đồng thời là nơi các sĩ phu diễn thuyết cổ động dân quyền, tự chủ, đổi mới cách sinh hoạt. Đến năm 1908 đã có hơn 40 trường được mở ở Quảng Nam, nổi tiếng nhất là trường Thăng Bình, Phước Bình, Diên Phong, Phú Lâm.

Phong trào Duy tân mặc dù là ôn hòa nhưng cũng đã có tác dụng nâng cao ý chí tự cường, tinh thần đấu tranh chống cường quyền áp bức của nhân dân cả nước nói chung và nhân dân tỉnh Quảng Nam

⁵ Chương Thâu, Hồ Song, Ngô Văn Hòa, Nguyễn Văn Kiệm, Đinh Xuân Lâm, *Lịch sử Việt Nam (1897-1918)*, NXB. Khoa học xã hội, 1999, trang 148.

⁶ Nguyễn Văn Xuân, *Phong trào Duy Tân*, NXB. Đà Nẵng, 1995, tr.62.

nói riêng. Đó là một trong những nguyên nhân quan trọng góp phần thúc đẩy phong trào chống sưu thuế ở Trung Kỳ, mà Quảng Nam là nơi khởi đầu và là trung tâm⁷.

Chính sách thuế khóa của thực dân Pháp hết sức khắc nghiệt. Trước đây, thuế điền nộp bằng thóc, nay mỗi mẫu hàng năm phải chịu thuế 1 đồng Đông Dương (1 piastre), sau tăng dần lên 1,50 piastre (1 đồng 5 hào Đông Dương). Sưu thuế ở Trung Kỳ nói chung là rất nặng và ngày càng tăng. Theo Huỳnh Thúc Kháng trong *Trung Kỳ cự sưu ký* đã nói lên nguyên nhân của phong trào chống thuế là do thực dân và quan lại, cường hào phong kiến: *“bóc lột nhân dân Việt Nam bằng sưu cao thuế nặng. bọn tham quan, ô lại... không trừ một thủ đoạn áp bức bóc lột nào, làm cho nhân dân đã khổ lại càng khổ hơn”*⁸.

Riêng tại Quảng Nam, nhân dân còn phải phục dịch nhiều công trường như đào sông Cu Nhí để chở than từ Nông Sơn ra Đà Nẵng, đắp đường tới mỏ Bồng Miêu, đường từ Đà Nẵng đến đèo Ai Lao để nối với con đường đi Di Linh (Lâm Đồng). Chính vì vậy, Quảng Nam là nơi khởi đầu và là trung tâm của phong trào chống thuế ở Trung Kỳ. Phong trào bắt đầu vào khoảng thượng tuần tháng 2 năm Mậu Thân (1908), ở huyện Đại Lộc, khi thực dân Pháp bắt nhân dân sử dụng con đường từ huyện lên tỉnh, viên tri huyện ăn hối lộ phân bổ công việc không đều, làng ít, làng nhiều, làng phải đi xa, làng không phải đi xa, làng không phải đi làm. Các nho sinh là Lương Châu, Trương Hoàn, Hứa Tạo bàn nhau làm đơn lấy chữ ký các xã, lên huyện đòi quan huyện đề đạt lên quan tỉnh cùng Tòa sứ, xin giảm nhẹ sưu thuế và phân bổ việc lại cho công bằng. Nguyên vọng không những không được đáp ứng mà quan Công sứ còn bắt 3 người đại diện đi đày ở Lao Bảo. Nhân dân càng căm phẫn, kéo tới bao vây Tòa công sứ Hội An ngày một đông. Đến ngày 12 và 13.3.1908, số người đã lên đến hàng vạn, cuộc biểu tình bao vây tòa sứ Hội An kéo dài trên một tháng. Sau cùng, Công sứ hứa cách chức viên tri huyện Đại Lộc và sẽ không tăng

⁷ Bùi Xuân, *Về diễn biến phong trào chống thuế 1908 ở Quảng Nam*, Tạp chí NCLS, số 2 (273), 1994, trang 82.

⁸ Thái Bạch, *Thi văn quốc cấm*, NXB. Khai Trí, 1968, trang 368.

thuế nữa, nhân dân đấu tranh lâu ngày đã mỗi một lại thấy không thể đòi hỏi hơn được nên đã giải tán dần⁹.

Trong thời gian tòa sứ Hội An bị bao vây, các phủ, huyện khác ở Quảng Nam như Điện Bàn, Thăng Bình, Tam Kỳ, Hòa Vang, Duy Xuyên, dân chúng cũng kế tục nhau nổi dậy. Khi Quảng Nam xảy ra biến động, chính quyền thuộc địa đã cho chặn cả hai đầu tỉnh, kiểm soát người qua lại, nhưng phong trào vẫn lan khắp các tỉnh miền Trung.

Đỉnh điểm là vào tối ngày 30.3.1908, sĩ phu yêu nước Trần Thuyết, tên thật là Trần Văn Vinh, sinh ngày 13.6 năm Đinh Ty (1857), người làng Phước Lợi, tổng Phước Lợi, phủ Tam Kỳ, nay là xã Tam Lãnh, huyện Phú Ninh dẫn hơn 3.000 người từ khắp nơi trong phủ kéo về bao vây tỉnh đường Tam Kỳ, đòi xử tội Đề đốc Trần Tuệ. Đồn trưởng Đại lý phải cho lính đến bảo vệ đưa Trần Tuệ về đồn. Tuy nhiên khi xe đưa Trần Tuệ đến cổng, sĩ phu yêu nước Trần Thuyết hô to “Đồng bào ta xin quan Đại lý giao Đề Tuệ cho dân ăn gan”, một tiếng “dạ” đồng thanh vang lên, Đề Tuệ ngắt xiū, hộc máu chết. Sau cuộc biểu tình, cụ Trần Thuyết cùng nhiều sĩ phu yêu nước khác bị thực dân Pháp bắt giam cầm, tra tấn dã man. Đến chiều ngày 5.4.1908 nhằm ngày 16.4 năm Mậu Thân bọn chúng kết án tử hình và đem Trần Thuyết ra xử chém tại đầu cầu Tam Kỳ, lúc bảy giờ ông mới 51 tuổi¹⁰.

Có thể nói, tiếp theo phong trào Duy tân, phong trào Chống sưu thuế đã góp phần hun đúc hơn nữa tinh thần yêu nước, ý chí quyết tâm đứng lên chống thực dân Pháp và phong kiến tay sai. Tiêu biểu sau đó là cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội trên đất Quảng Nam. Cuộc khởi nghĩa tại Quảng Nam và Tam Kỳ năm 1916, tuy không có sự nổi dậy của hàng vạn quần chúng như trong chống sưu thuế năm 1908, nhưng đã có tổ chức hơn, có sự lãnh đạo của các yếu nhân như Thái Phiên, Trần Cao Vân...

⁹ Đinh Xuân Lâm (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, Tập III, NXB. Giáo dục Việt Nam, 2012, trang 186-187.

¹⁰ Nguyễn Phước Tương, *Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916*. Nguồn: (<http://www.vusta.vn/vi/news>).

2. Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Nam và Tam Kỳ

Do ảnh hưởng Cách mạng Tân Hợi (1911), Phan Bội Châu đã quyết định theo tư tưởng dân chủ. Năm 1912, ông thủ tiêu Duy tân hội và thành lập tổ chức Việt Nam Quang phục hội. Tôn chỉ của Việt Nam Quang phục hội là “*Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam*”¹¹. Phương pháp đấu tranh là dùng bạo động vũ trang, tổ chức các cuộc ám sát gây tiếng vang để cổ vũ nhân dân. Phương pháp đấu tranh này càng làm cho thực dân Pháp tăng cường đàn áp, nhiều lãnh đạo quan trọng của tổ chức đã bị bắt, trong đó có Phan Bội Châu (1913). Tuy nhiên, nhiều hội viên ở khắp 3 miền vẫn hăng hái đấu tranh, tổ chức nhiều cuộc bạo động.

Cuộc vận động khởi nghĩa lớn nhất của tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở các tỉnh Trung Kỳ từ Quảng Trị đến Bình Định do Thái Phiên, Trần Cao Vân và vua Duy Tân là cuộc vận động lớn nhất trong những năm Chiến tranh Thế giới thứ nhất. Trần Cao Vân là một trong những sĩ phu bị thực dân Pháp bắt giam tại Côn Đảo do tham gia vào phong trào chống sưu thuế năm 1908. Khi ra tù, ông lại tiếp tục cuộc đấu tranh chống Pháp cùng với Thái Phiên, một yếu nhân của Hội Duy tân trước đây.

Khi Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất nổ ra, thực dân Pháp ráo riết bắt lính, lính khổ xanh có nguy cơ chuyển thành khổ đỏ để chuyển sang Pháp. Tình hình trên đã làm cho nhân dân và binh lính người Việt căm phẫn, mâu thuẫn lên cao ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Huế. Tháng 2.1916, Thái Phiên, Trần Cao Vân¹² đã triệu tập cuộc họp ở Huế quyết định khởi nghĩa, và mời vua Duy Tân tham

¹¹ *Lịch sử Việt Nam*, Tập III, Sdd, trang 195.

¹² Theo theo Nguyễn Q. Thắng trong *Quảng Nam đất nước và nhân vật* (NXB. Văn hóa, 2001) thì Thái Phiên (1882-1916), nội tổ ông vốn người tỉnh Bình Định ra lập nghiệp tại làng Nghi An, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam. Và Trần Cao Vân (1866-1916), quê làng Tư Phú, tổng Đa Hòa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Điện Thọ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam).

gia để “Phụng Kim Thượng vi an dân cơ sở”¹³ (mời vua Duy Tân tham gia để yên lòng dân chúng).

Sau mấy tháng chuẩn bị tích cực, Thái Phiên và Trần Cao Vân ấn định với các tỉnh ở Trung Kỳ khởi nghĩa vào đêm mùng 3 rạng ngày mùng 4 tháng 5.1916, ám hiệu là bắn súng thần công ở kinh đô Huế và đốt lửa ám hiệu trên đỉnh Hải Vân. Nhưng trước đó, kế hoạch khởi nghĩa đã bị lộ, ngay đêm 3.5.1916, Thái Phiên đã bị bắt tại Huế nên không thực hiện được hiệu lệnh khởi nghĩa. Trần Cao Vân đã đưa vua Duy Tân ra ngoại ô kinh thành Huế để di chuyển lên chiến khu Bà Nà (Quảng Nam) để lánh nạn nhưng cũng bị thực dân Pháp bắt vào ngày 6.5.1916. Chính sử nhà Nguyễn đã nói đến cuộc khởi nghĩa vào đêm ngày 2 (Canh tý), tháng 4 (Quý Tỵ), tức đêm ngày mùng 3 rạng sáng ngày mùng 4 tháng 5 năm 1916 như sau: “*Vua tự rời ngôi báu. Lúc đầu là vua bị phi nhân Trần Cao Vân mê hoặc, nửa đêm ngấm rời khỏi hoàng thành ra ngoài, theo đảng nghịch Vân bàn bày việc quang phục, mưu đồ nổi loạn (Vân người Tư Phủ, Quảng Nam, từng can trọng án, được tha về lại mưu sự, cùng Thái Phiên thông đồng tin tức với nước ngoài, tạo cờ hiệu, chế khí giới, họp đồ đảng lên tới kinh sư, ngấm liên kết với Suất đội Siêu, Thị vệ Đề đưa tin vào đại nội. Lúc đầu giả làm người câu cá sau hồ Tịnh Tâm, mưu xin chiếu văn, kế tới Thương Bạc dùng thuyền lừa mời ngự giá. Lại vẽ bản đồ dài Trấn Bình, tụ họp dụ dỗ lính mộ ở đồn Mang Cá nội ứng ngoại công, nhiều cách bắt mối. Vua gần đây ngôn ngữ cử chỉ dường như có vẻ uất ức, đến lúc ấy gặp lời tà làm dao động, bèn tới nổi vứt bỏ ngôi báu như chiếc giày rách, bốn ba gió bụi. Đã qua mấy ngày, lòng người nháo nhác, nhờ có Phủ Phụ chính đồng tâm dẹp nạn, vẫn hồi đại cục, theo vết tìm kiếm thì kẻ sinh sự đều là bọn đầu sỏ phản nghịch Trần Cao Vân gây ra tội nghiệt, việc lộ ra bắt tra nghịch Vân và bè đảng là bọn Thái Phiên. Nguyễn Quang Siêu, Nguyễn Đề khếp vào tội đại nghịch đều xử chém, đồng mưu có nguyên Tá lý (hưu trí) Nguyễn Thượng Trung xử đánh trượng đi đày đổi thành khổ sai 9 năm nhưng chờ xét lại lời khẩu cung chước lượng nghĩ xử. Lại Thống*

¹³ Phạm Văn Sơn, *Chế độ pháp thuộc ở Việt Nam*, Việt sử tân biên, Quyển 7, tập hạ, Cơ sở xuất bản Đại Nam, 1972, trang 21.

ché vệ Thân binh Trần Văn Liên là Thị vệ kẻ càn trong cấm cung mà không phát giác ra được, nghĩ biếm xuống hàm Chương vệ cho về hưu, còn lại đều chiếu theo tội nặng nhẹ cùng mười người can tội dự mưu làm phản giao cho tòa kết án). Kế mời xa giá trở về ở đài Trấn Bình trong thành, ngày 3 tháng 6 hộ tống tới Nam Kỳ. Mùa đông, tháng 10 lại đón Phế đế Thành Thái từ Cap Saint Jacques (tức Vũng Tàu), cùng đáp tàu máy tới cư trú ở đảo Réunion thuộc địa của nước Đại Pháp.

Ngày 15 (ngày Quý Sửu) tháng ấy Tôn nhân đình thần văn vũ bàn với quý Bảo hộ đón con trưởng của Cảnh tông Thuần hoàng đế là Phụng Hóa công (tức Hoàng tông Tuyên hoàng đế) vào nối dòng đại thống (tức vua Khải Định lên kế vị)”¹⁴. Như vậy, sử triều Nguyễn đã chép về việc vua Duy Tân đã tham gia khởi nghĩa cùng với Thái Phiên và Trần Cao Vân, và đã bị phế, bị đày đi tới đảo Réunion thuộc địa của Pháp, Khải Định đã được chọn lên thay làm ông vua bù nhìn thân Pháp. Thái Phiên và Trần Cao Vân bị xử án chém ngay tại làng An Hòa¹⁵.

Để ngăn chặn một cuộc khởi nghĩa lan rộng ra cả nước Khâm sứ Trung kỳ đã thông báo cho công sứ các tỉnh từ Quảng Bình đến Bình Định để đối phó, chặn cuộc khởi nghĩa có thể nổ ra.

Do không nhận được lệnh phát động khởi nghĩa từ kinh thành Huế ngày 3.5.1916, nên ở các tỉnh các cuộc khởi nghĩa đã không diễn ra như dự kiến. Ở tỉnh lỵ Hội An, tỉnh Quảng Nam, nghĩa quân bị thực dân Pháp phát hiện và giải tán. Ở phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, nghĩa quân dưới sự chỉ huy của Trần Chương (cháu Trần Cao Vân) đã đột nhập vào tỉnh thành La Qua và đốt cháy một số nhà tranh bỏ trống để làm tín hiệu nhưng do nghĩa quân chỉ trang bị gậy gộc nên đã bị lính tập giải giáp. Trong tỉnh Quảng Nam và trong các tỉnh Trung Kỳ, chỉ duy nhất có phủ Tam Kỳ là nổ ra cuộc khởi nghĩa.

Mặc dù không nhận được lệnh khởi nghĩa từ kinh đô Huế nhưng

¹⁴ Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, Chính biên Đế lục kỷ Phụ biên*, Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu, NXB. Văn hóa - Văn nghệ, 2011, trang 642-643.

¹⁵ Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm,... *Lịch sử cận đại Việt Nam*, tập III, NXB. Giáo dục, 1961, trang 309.

trước đó các sĩ phu yêu nước phủ Tam Kỳ đã nhận được mật dụ của vua Duy Tân hiệu dụ tham gia Việt Nam Quang Phục hội nên đã chủ động quyết tâm khởi nghĩa.

Các sĩ phu yêu nước ở các làng Tân An Tây, Tam Mỹ, Ngọc Mỹ, Khương Mỹ, Trường Xuân, Ngọc Thọ, Thọ Khương, Vân Trai, Quý Thượng, Quảng Phú, Trung Đàn Thượng, Phú Lâm, Cây Cốc, An Hòa, Kim Đái, Thanh Bình... đã bí mật thành lập các đội nghĩa binh tham gia Việt Nam Quang Phục Hội. Đặc biệt, có nhiều công nhân của mỏ vàng Bồng Miêu và đồn điền chè Đức Phú của Pháp đã bỏ nơi làm việc về quê tham gia các đội nghĩa binh. Các đội nghĩa binh ở phủ Tam Kỳ được các tầng lớp nhân dân ủng hộ về tài chính, lương thực, ... tiêu biểu như ông Lê Khâm Duy (tức Bát Kiện) ở Hòa Hạ, ông Bá Ba ở Thanh Lâm... là những hào phú ở phủ Tam Kỳ có những đóng góp tiền bạc và lúa gạo nhiều nhất cho nghĩa quân. Một nhóm phụ nữ là thợ dệt, thợ may ở các vùng Tam Kỳ, Bãi Dương, Cầu Duối... đã bí mật dung thuyền rở, thuyền đăng, ghe chở hàng đậu dọc sông Ba Kỳ ở vùng Phú Ninh, Trường Cửu dệt vải may quần phục, túi rết; các nhóm thợ rèn ở nhiều nơi được huy động đến phối hợp với xóm lò rèn ở Xuân Trung để rèn giáo, gươm trang bị cho nghĩa quân¹⁶.

Các thành viên chủ chốt của Việt Nam Quang phục hội ở phủ Tam Kỳ đã tổ chức một cuộc họp bí mật tại nhà ông Lê Ngạn ở làng Trung Đàn Thượng để bầu ra Ban Chỉ huy nghĩa binh Việt Nam Quang phục hội ở phủ Tam Kỳ gồm 5 người do Trần Huỳnh¹⁷ (làng Tân An Tây, Tiên Phước, là Phó tổng Phước Lợi) làm Tổng lãnh binh.

Chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa, chiều ngày 3.5.1916, các đội nghĩa binh gồm khoảng 650 người đã bí mật tập kết tại căn cứ Gò Chùa (còn gọi là Gò Đỏ) để làm lễ xuất quân. Sau khi nghĩa binh uống rượu thề phục quốc, Tổng lãnh binh Trần Huỳnh đọc tuyên các rồi bắn một phát súng lệnh khởi binh. Trời bắt đầu tối, đoàn nghĩa

¹⁶ *Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916*, tldd.

¹⁷ Ngô Văn Minh, *Chỉ sĩ Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX*, NXB. Đà Nẵng, 2012, trang 174.

binh xuất phát hướng về phủ lý Tam Kỳ với lá cờ Ngũ tinh¹⁸ giương cao.

Lê Tiễn dẫn một đội nghĩa binh tiến đánh đồn Trà My và cướp được đồn, bọn lính khố xanh sống sót tháo chạy vào rừng. Nguyễn Tình chỉ huy một đội nghĩa binh đánh chiếm đồn Thương Chánh Hiệp Hòa. Trần Huỳnh, Trần Ni và Trầm Tùng Vân (người Minh Hương) chỉ huy một đội nghĩa binh lớn có nhiệm vụ đánh chiếm phủ đường Tam Kỳ và đồn Đại lý Pháp.

Do kế hoạch khởi nghĩa bị lộ từ trước, nên Đại lý Pháp và Tri phủ Tam Kỳ Tạ Thúc Xuyên đã trốn đi nơi khác và tìm cách bảo vệ phủ đường Tam Kỳ. Nghĩa binh trước tiên tấn công Tòa Đại lý Pháp nhưng không thấy địch chống cự. Nghĩa binh đã chiếm được đồn, phá kho và chỉ thu được một số đạn, quần áo và vài khẩu súng hỏng. Nghĩa quân lặng lẽ tiến đến bao vây phủ đường trong đêm khuya, nhìn bên ngoài im lìm như không hề hay biết gì, những thực ra quân địch đã tập trung lực lượng binh lính của toàn phủ Tam Kỳ tại đây và bố trí phục kích để đánh trả.

Khi Trịnh Uyên, chỉ huy đội nghĩa binh Kim Đái leo lên cột cờ của phủ đường để thay thế lá cờ Quê lý bằng lá cờ Ngũ tinh thì bị bắn tử thương. Súng từ các ngõ ngách trong các công thự của phủ đường bắn xối xả vào nghĩa binh. Bị đánh bất ngờ, các nghĩa binh đã dựa vào địa hình, địa vật phản kích quyết liệt, nhưng do tương quan lực lượng của địch mạnh hơn, sau tám giờ làm chủ phủ lý Tam Kỳ, nghĩa binh không chống cự nổi, phải rút lui.

Quân địch đã bắt được 31 nghĩa binh trong đó phần lớn là chỉ huy, cốt cán gồm có Trần Huỳnh, Trầm Tùng Vân, Trần Thu, Trần Khuê... Trần Ni không bị bắt lánh về quê ngoại ở núi đất tại làng Quảng Phú¹⁹. Những người bị bắt bị Pháp chuyển về Nhà lao Hội An chiều ngày 6.5.1916.

¹⁸ Lá cờ của Việt Nam Quang phục hội có màu đỏ, hình vuông, ở giữa có vòng tròn với 5 ngôi sao màu trắng.

¹⁹ Dẫn theo: Hội Khoa học Lịch sử Đà Nẵng, *Lịch sử xứ Quảng - tiếp cận và khám phá*, NXB. Đà Nẵng, 2011, trang 319.

Sau khi rút lui trong đêm 3.5.1916, các đội nghĩa binh còn lại đã phân tán về các làng mình. Sáng hôm sau, bọn Pháp điều thêm quân từ Hội An đến và tiến hành việc lùng sục các tổng, các làng để vây bắt nghĩa binh. Một số nghĩa binh đã bỏ làng rút vào rừng để ẩn tránh. Sau nửa tháng trời, quân Pháp mới dẹp yên được nghĩa binh và đưa lại trật tự an ninh trong phủ Tam Kỳ. Giặc bắt bớ tràn lan trên 500 người đưa về phủ đường tra tấn.

Nhân cơ hội này, tri phủ Tam Kỳ tìm cách bắt bớ, hành hạ vợ con, thân nhân của những nghĩa binh bị bắt đều bị quy tội liên can và bị đóng gông giải về nhà lao phủ đường để tra hỏi. Cả những nho sĩ trước đây hay làm thơ đả kích bọn tham quan ô lại và cả những người giàu có ở địa phương cũng bị bắt để tống tiền. Tuy bị đàn áp dã man nhưng các nghĩa binh và nhân dân trong phủ Tam Kỳ vẫn vững vàng khí tiết.

Ngày 27.5.1916, Tòa án hình sự Quảng Nam mở phiên toà xét xử Trần Huỳnh và kết án ông hình phạt xử chém “trảm giam hậu” và đưa đi đày tại ngục Buôn Ma Thuột. Sau đó, ngày 3.6.1916, ông bị xử chém tại Chợ Cui gần tỉnh lỵ La Qua (nay thuộc xã Điện Phương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Trước khi thọ hình, ông vẫn hiên ngang vẫy chào mọi người và hô vang: “Dòng giống Lạc Hồng thiên thu! Việt Nam vạn tuế!”.

Đối với Trần Ni, thực dân đã tổ chức cuộc truy lùng ráo riết sau ba tháng mới bắt được ông. Chúng kết án tử hình ông và xử chém ông cũng tại Chợ Cui, một chợ lớn của tỉnh Quảng Nam để răn đe mọi người. Còn Trần Siêu (quê làng Hạ Thanh, xã Tam Thanh) đã quyền sinh trong nhà lao Hội An. Trầm Tùng Vân bị kết án chung thân, bị đày đi ngục Buôn Ma Thuột. Cuộc khởi nghĩa do Việt Nam Quang phục hội đề xướng thất bại, “*Thực dân Pháp đàn áp, khủng bố rất dã man. Chúng đày đi Lao Bảo tới 62 người, trong đó Quảng Nam có các ông: Lê Cơ, Trương Bá Huy, Đỗ Tự, Lâm Nhĩ, Trần Chương. Một số khác bị đày đi Côn Đảo, Buôn Ma Thuột, Thái Nguyên...*”²⁰. Ngoài ra, những người bị kết án dưới 3 năm tù giam tại nhà lao Hội

²⁰ Tỉnh ủy - UBND tỉnh Quảng Nam - Thành ủy - UBND TP Đà Nẵng *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng*, NXB. Khoa học xã hội, 2010, trang 466.

An, gồm có Võ Dương (làng Khương Mỹ, Tam Xuân), Nguyễn Lược (làng Diêm Trường, Tam Anh), Bùi Quang Ngọc (làng Phú Ninh, Tam Ngọc)...

Kế hoạch khởi nghĩa bị thực dân Pháp đập tan mà còn tìm cách ngăn không cho lan ra các tỉnh phía Bắc và phía nam Trung Kỳ, “Quang Phục hội sau khi cuộc bạo động bị thất bại đã tan rã. Ở Tàu và Xiêm đảng chỉ còn rải rác một nhóm đồng chí sống nương nhờ với nhau để chờ thời”²¹.

3. Kết luận

Sau khi phong trào Cần vương thất bại, từ đầu thế kỷ XX, Quảng Nam nói chung và phủ Tam Kỳ nói riêng luôn là nơi khởi đầu và là trung tâm của phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp: từ Phong trào Chống sưu thuế (1908) đến phong trào Duy tân và tham gia khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội. Điều này thể hiện truyền thống yêu nước, bất khuất của người dân Quảng Nam trong suốt tiến trình vận động giải phóng dân tộc.

Trong cuộc vận động tham gia và chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916, thì nhân dân tỉnh Quảng Nam, đặc biệt là phủ Tam Kỳ có lực lượng tham gia và ủng hộ cho nghĩa binh đông đảo. Các nhân sĩ lãnh đạo chủ chốt đã thể hiện được tinh thần chủ động, sáng tạo, chớp thời cơ phát động khởi nghĩa mặc dù hiệu lệnh từ kinh đô không được phát ra do kế hoạch bị lộ. Cuộc khởi nghĩa ở phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam thực sự là một điểm sáng trong cuộc vận động khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội ở miền Trung đầu thế kỷ XX. Sự kiện này có ý nghĩa cổ vũ tinh thần nhân dân Quảng Nam đấu tranh chống thực dân, phong kiến ở chặng đường tiếp theo./.

NVD

²¹ *Chế độ pháp thuộc ở Việt Nam*, Sdd, trang 27.

TỔ CHỨC VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC TỪ NĂM 1912-1916

ThS.NCS. PHAN THỊ LỆ DUNG*

Sau thất bại của các phong trào Duy tân, Chống thuế ở Trung Kỳ, Nhật - Pháp câu kết với nhau làm cho phong trào Đông du phải ngừng hoạt động, Phan Bội Châu cùng một số hội viên của Duy tân hội và phong trào Đông du đã thủ tiêu tổ chức Duy tân hội vào năm 1912, và quyết định thành lập Hội Việt Nam Quang phục. Việt Nam Quang phục hội được thành lập ở Trung Quốc, mục đích là *đánh đuổi thực dân Pháp, khôi phục Việt Nam*. Với đường lối bạo động, tổ chức đã thực hiện nhiều hoạt động yêu nước thông qua các cuộc bạo động ám sát để gây dựng thanh thế của hội. Trong những hoạt động yêu nước của hội từ năm 1912 đến 1916, cuộc khởi nghĩa năm 1916, nổ ra tại Quảng Nam là tiêu biểu hơn cả. Mặc dù, không thành công, nhưng đã gây tiếng vang lớn trong phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX.

1. Tổ chức Việt Nam Quang phục hội ra đời

Cuối năm 1908, quân phiệt Nhật câu kết với thực dân Pháp “*hạ lệnh đuổi những người Việt Nam ra khỏi nước Nhật. Phan Bội Châu cùng một số nhà cách mạng Việt Nam dòi về Trung Quốc và Thái Lan tìm cách hoạt động*”¹. Năm 1911, Cách mạng Tân Hợi do Tôn Trung Sơn lãnh đạo thắng lợi, ách thống trị của triều đình phong kiến Mãn Thanh bị đánh đổ, những thắng lợi đó đã tác động lớn đến phong trào cách mạng ở châu Á, trong đó có nước ta. Trước tình hình đó, hội viên Duy tân hội và những người Đông du còn lại trên dưới 100 người, từ Xiêm đến, Nhật Bản về, ở trong nước sang đã họp hội nghị thành lập Việt Nam Quang phục hội và quyết định thủ tiêu Duy tân hội vào giữa

* ThS.NCS. Khoa Lịch sử Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

¹ Trần Huy Liệu, *Lịch sử Tám mươi năm chống Pháp*, quyển I, Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa xuất bản, 1956, tr.172.

tháng 5, năm Nhâm Tý² (1912), tại từ đường Lưu Vĩnh Phúc ở Sa Hà, Quảng Đông (Trung Quốc).

Mục đích của hội là “*Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam*”³, và chủ trương phát triển lực lượng về trong nước.

Tổ chức của Hội có ba bộ: bộ Tổng vụ, bộ Bình nghị, bộ Chấp hành. Hội phát hành quân dụng phiếu làm nguồn tài chính, soạn thảo Phương Lược Quang phục quân, quy định tổ chức, kỷ luật và hoạt động của quân đội, định ra quân kỳ, quốc kỳ. Tháng 8, Hội tổ chức ra Hội Chấn Hoa Hưng Á nhằm tranh thủ sự viện trợ của các nhà yêu nước châu Á đối với cách mạng Việt Nam. Nhà Cách mạng, Giáo sư Viện sĩ Trần Huy Liệu đã nhận xét về Tổ chức của Hội như sau: “*Một điểm mà chúng ta chú ý là Việt Nam Quang phục hội có một bộ máy công kênh ở trên đầu, nhưng không có chân, nghĩa là không có gốc rễ ở dân chúng trong nước*”⁴.

Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ được thành lập. Những nhân vật trọng yếu của Kỳ bộ gồm có: Thái Phiên, Đỗ Tự, Phan Thành Tài, Phạm Thành Chương (Quảng Nam); Đoàn Bổng (ở Thừa Thiên); Nguyễn Suy, Nguyễn Công Phương, Bùi Phú Thiệu, Võ Hàm (Quảng Ngãi)... Về sau, có sự tham gia của một số tù chính trị mãn hạn ở Côn Đảo về⁵.

Phan Bội Châu đã ghi nhận vai trò của Thái Phiên với Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ như sau: “*Đảng ta ở trong nước đã cơ hồ không còn ai, chỉ còn một mình Nam Xương tiên sinh; nhưng đến lúc việc duy tân (khởi nghĩa năm 1916), tiên sinh lại là người trọng yếu ở trong Đảng*”⁶.

Như vậy, kể từ khi thành lập Tổ chức Việt Nam Quang phục hội,

² *Cuộc đời cách mạng Cường Để*, Nhà in Tôn Thất Lễ, Sài Gòn, 1957, tr.54.

³ Chương Thâu, Hồ Song, Ngô Văn Hòa... *Lịch sử Việt Nam 1897-1918*, Nxb Khoa học xã hội, 1999, tr.226.

⁴ *Lịch sử Tám mươi năm chống Pháp*, quyển I, Sdd, tr.173.

⁵ Tỉnh ủy - UBND tỉnh Quảng Nam, Thành ủy - UBND Thành phố Đà Nẵng, *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng*, NXB. Khoa học xã hội, 2010, tr.464.

⁶ Phan Bội Châu, *Toàn tập*, tập 6, NXB. Thuận Hóa, 1990, tr.248.

nắm quyền lãnh đạo cách mạng ở Việt Nam, dù sự chỉ đạo của Trung ương hội và Phan Bội Châu từ Trung Quốc đối với trong nước gặp khó khăn. Nhưng đã có những ảnh hưởng nhất định, đối với trong nước.

2. Những hoạt động yêu nước tiêu biểu của Việt Nam Quang phục hội

* *Thực hiện một số vụ bạo động ám sát*: Sau Cách mạng Tân Hợi, và trước Chiến tranh Thế giới thứ nhất. Để khuấy động phong trào yêu nước trong nước, Quang phục hội thấy rằng cần phải làm một việc gì “kinh thiên động địa” để “đánh thức đồng bào”, “gọi hồn nước lại” thức tỉnh nhân dân trong nước. Cuối năm 1912, Hội cử 3 nhóm cầm tử về nước thực hiện kế hoạch gồm: Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Trọng Thường mang 6 quả tạc đạn đi theo đường Lạng Sơn về Bắc Kỳ; Hà Đường Nhân, Đặng Tử Vũ mang 4 quả tạc đạn đi đường Thái Lan về Trung Kỳ; Bùi Chính Lộ mang hai quả tạc đạn cũng đi theo đường Thái Lan về Nam Kỳ, để giết mấy tên trùm thực dân và tay sai của chúng: Như: Toàn quyền Albert Sarraut, Lê Hoan, Hoàng Trọng Phu, Nguyễn Duy Hàn... Do gặp một số khó khăn, hai nhóm Trung Kỳ và Nam Kỳ không hoàn thành nhiệm vụ. Riêng nhóm về Bắc Kỳ, Nguyễn Hải Thần định mang tạc đạn ám sát tên toàn quyền Albert Sarraut nhân dịp ông ta đến tuyên bố kết quả kỳ thi Hương tại Nam Định (tháng 11 năm 1912), song không thực hiện được nên đã trở lại Trung Quốc. Những dự định gây tiếng vang đầu tiên của Việt Nam Quang phục hội đã không thành.

Sau thất bại này, tháng 2 năm 1913, lãnh đạo Hội đã quyết định cử cầm tử quân về trừ khử tên Tuần phủ Thái Bình Nguyễn Duy Hàn là Việt gian khét tiếng. Ngày 13 tháng 4 năm 1913, Phạm Văn Tráng ném một quả tạc đạn giết chết Tuần phủ Nguyễn Duy Hàn, “*Mấy ngày trước khi các đại úy Chapuis và Montgrand bị ám sát tại Khách sạn Hà Nội. Quan Tuần phủ của tỉnh là Nguyễn Duy Hàn, bước ra khỏi một cuộc hội thương với quan Công sứ đã bị một quả bom do một phần tử cách mạng ném... và ông chết ngay*”⁷. Những vụ ám sát này có tiếng vang lớn, nhưng thực dân Pháp khủng bố dã man: bắt

⁷ Notice sur la province de Thai Binh (Chú thích về tỉnh Thái Bình), tr.15.

254 người, tử hình 7 người, bắt đầy 8 người... Phan Bội Châu, Cường Để, Nguyễn Hải Thần đều bị tử hình vắng mặt.

Ngoài ra, Hội đã tiến hành một số cuộc bạo động như tấn công vào các đồn binh của Pháp ở Phú Thọ, Móng Cái ngày 7.1.1915, ở Tà Lùng⁸ (Cao Bằng) ngày 13.3.1915, Nho Quan,... Ở Trung Kỳ, hoạt động đáng kể của Hội là tổ chức phá ngục Lao Bảo⁹ (Quảng Trị) ngày 28.9.1915. Tại đây, một số hội viên đã vận động tù nhân cướp súng, phá nhà lao rồi rút vào rừng chiến đấu. Nhưng do bị giam cầm lâu ngày nên sức khỏe suy kiệt, lại bị cô lập, cuối cùng nghĩa quân đã thất bại. Sau một số trận đánh chiếm biên giới Bắc Kỳ không thành công hoạt động của Hội ở bên ngoài có phần lắng xuống, “uy tín của Quang phục hội với Đức không còn nữa, nội bộ Hội cũng có nhiều mâu thuẫn... Thực dân Pháp mua chuộc bọn quân phiệt Trung Quốc và thuê thổ phỉ giết những yếu nhân của Hội. Đặng Tử Kính bị chết, Hoàng Trọng Mậu bị bắt. Thực dân Pháp giao thiệp với chính phủ Xiêm bắt thêm 10 người nữa: Lâm Đức Mậu, Giáo Chung, Ba Nho... Hoàng Trọng Mậu và 6 người nữa bị chúng đem bắn ở Nam Định”¹⁰.

Một số hoạt động lẻ tẻ trên đã thể hiện lòng yêu nước nhiệt thành của các chiến sĩ hội viên Quang phục hội. Tuy nhiên, những hoạt động trên chỉ thiên về những ám sát cá nhân, chưa thể làm suy yếu kẻ thù, chưa làm lung lay chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương.

Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại Quảng Nam 1916: Những nhân tố chủ quan và khách quan của tình hình thế giới và trong nước là những nguyên nhân tác động dẫn đến Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội tại Nam Trung Kỳ.

Chiến tranh Thế giới thứ nhất (1914-1918) nổ ra, nước Pháp tham chiến và thực dân Pháp ở Đông Dương bắt binh lính người Việt ra chiến trường làm bia đỡ đạn chết thay cho chúng, cùng với đó là những khoản thuế má nặng nề, công trái để phục vụ cho chiến tranh. Những thông tin bại trận của Pháp trên chiến trường, người Đức tung

⁸ Trần Huy Liệu, Nguyễn Công Bình, Phan Khôi, Văn tạo, *Tài liệu tham khảo lịch sử Cách mạng cận đại Việt Nam*, tập III, Sdd, tr.84,85,86.

⁹ Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm, Hoàng Văn Lân... *Lịch sử cận đại Việt Nam*, tập III, NXB. Giáo dục, 1961, tr.294.

¹⁰ *Tài liệu tham khảo lịch sử Cách mạng cận đại Việt Nam*, Sdd, tr.86.

tin nước Pháp sẽ bị đánh bại, để gây bất lợi cho chính quyền Pháp ở Đông Dương. Ngoài ra, còn có một nguyên nhân khác nữa là người Đức muốn giúp đỡ cuộc khởi nghĩa, nhằm làm suy yếu Pháp, vì Pháp là nước tham chiến trong cuộc chiến tranh thế giới đang diễn ra tại châu Âu “Đức bỏ ra một số tiền lớn để giúp các nhà cách mạng Việt Nam quấy rối Pháp ở thuộc địa và còn mong lật đổ cả chính quyền Pháp ở đây, hầu thế lực Pháp tại hải ngoại phải giảm sút”¹¹. Tất cả những nguyên nhân trên đã khiến cho các nhà yêu nước nhận định, đây là cơ hội tốt để chuẩn bị kế hoạch khởi nghĩa và có thể đi đến thành công.

Trước tình hình ấy các sĩ phu yêu nước ở Trung Kỳ, nhất là các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi đã quyết định xúc tiến một cuộc khởi nghĩa quy mô lớn để cứu nước và cứu dân đang bị dồn vào con đường cùng.

Cuộc khởi nghĩa được sự hưởng ứng và tham gia của nhân dân, đặc biệt là ở Quảng Nam, Quảng Ngãi lên cao. Nhân dân phủ Tam Kỳ đã bí mật ủng hộ nghĩa quân của Việt Nam Quang phục hội và tham gia nghĩa quân... Đáng chú ý nhất là nhiều công nhân của mỏ vàng Bồng Miêu và đồn điền chè Đức Phú của Pháp đã bỏ nơi làm việc về quê tham gia các đội nghĩa binh. Nghĩa binh phủ Tam Kỳ được các tầng lớp nhân dân ủng hộ về lương thực, tài chính, giúp đỡ về hậu cần. Một nhóm phụ nữ là thợ dệt, thợ may ở các vùng Tam Kỳ, Bãi Dương, Cầu Duối... đã bí mật dệt vải may quân phục; các nhóm thợ giáo, grom trang bị cho nghĩa quân¹².

Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội 1916 nổ ra ở các tỉnh Trung Kỳ từ Quảng Trị cho đến Bình Định do Thái Phiên¹³ và Trần Cao Vân¹⁴ lãnh đạo và sau đó có sự tham gia của vua Duy Tân.

¹¹ Phạm Văn Sơn, *Việt Sử tân biên: Chế độ Pháp thuộc ở Việt Nam*, Việt Nam kháng Pháp sử quyển VII (tập hạ), Cơ sở xuất bản Đại Nam (Sài Gòn), 1972, tr.20.

¹² Nguyễn Phước Tương, *Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916*, Tạp chí Xưa & Nay, số 335, 2009, tr.26.

¹³ Quê ông ở làng Nghi An, tổng Phước Tường, huyện Hoà Vang, tỉnh Quảng Nam, nay thuộc phường Hoà Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

¹⁴ Quê ở làng Tư Phú, tổng Hoà Đa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, nay là xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Cuộc khởi nghĩa sẽ tiến hành vào đêm mùng 3 rạng ngày mùng 4 tháng 5 năm 1916 (dương lịch) khi có lệnh súng thần công nổ ở kinh đô Huế và tín hiệu lửa đốt trên đỉnh Hải Vân “Thái Phiên và Trần Cao Vân bàn nhau rồi quyết định tối mùng 3 rạng ngày mùng 4 khởi sự để báo cho Duy Tân biết”¹⁵. Nhưng trước đó, do đại tá Harmand, người Pháp gốc Đức, tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Trung Kỳ đã biết thời điểm cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội, Khâm sứ Egène Charles ra lệnh hạ sát đại tá Harmandes và đến đêm 3.5.1916 bắt Thái Phiên tại Huế nên ông không thể phát lệnh cuộc khởi nghĩa bằng súng thần công được. Cuộc nổi dậy bị thất bại, Trần Cao Vân đã đưa vua Duy Tân lánh ra ngoại ô kinh đô Huế để tìm đường rút về chiến khu ở Bà Nà, tỉnh Quảng Nam, nhưng đã bị quân Pháp bắt ngày 6.5.1916. Khâm sứ Trung Kỳ đã thông báo trước tình hình cho các Công sứ Pháp các tỉnh từ Quảng Bình đến Bình Định để đối phó với cuộc khởi nghĩa có thể xảy ra.

Do kế hoạch khởi nghĩa bị lộ, không nhận được lệnh phát động cuộc khởi nghĩa từ kinh đô vào đêm 3.5.1916, nên ở các tỉnh nghĩa quân đã tự giải tán hoặc bị quân Pháp giải giáp. Thực dân Pháp đã bắt và đày vua Duy Tân ra đảo Réunion, thuộc địa của Pháp ở Đông Phi, xử chém Thái Phiên và Trần Cao Vân cùng hai quan cận thần của vua là Tôn Thất Đề và Nguyễn Quang Siêu tại trường chém An Hòa ở Huế. Sự kiện vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa do Thái Phiên Trần Cao Vân lãnh đạo được chính sử triều Nguyễn ghi chép rất rõ ràng “*Mùa hạ, tháng 4 (Quý Tỵ). Đêm ngày 2¹⁶ (Canh Tý) vua tự rời ngôi báu. Lúc đầu là vua bị phỉ nhân Trần Cao Vân mê hoặc, nửa đêm ngấm rời khỏi hoàng thành ra ngoài, theo đảng nghịch Vân bàn bày việc quang phục, mưu đồ nổi loạn (Vân người Tư Phú, Quảng Nam, từng can trọng án, được tha về lại mưu sự, cùng Thái Phiên thông đồng tin tức với nước ngoài, tạo cờ hiệu, chế khí giới, họp đồ đảng lên tới kinh sư, ngấm liên kết với Suất đội Siêu, Thị vệ Đề đưa tin vào đại nội. Lúc đầu giả làm người câu cá sau hồ Tịnh Tâm, mưu xin chiếu văn, kế tới Thương Bạc dùng thuyền lừa mời ngự giá. Lại vẽ bản đồ đài Trấn*

¹⁵ Lịch sử cận đại Việt Nam, tập III, Sdd, tr.307.

¹⁶ Tức đêm ngày mùng 3 tháng 5 năm 1916 dương lịch.

Bình Đài, tụ họp dụ dỗ lính mộ ở đồn Mang Cá nội ứng ngoại công, nhiều cách bắt mồi. Vua gần đây ngôn ngữ cử chỉ dường như có vẻ uất ức, đến lúc ấy gặp lời tà làm dao động, bèn tới nổi vứt bỏ ngôi báu như chiếc giày rách, bốn ba gió bụi. Đã qua mấy ngày, lòng người nháo nhác, nhờ có Phủ Phụ chính đồng tâm dẹp nạn, vẫn hồi đại cục, theo vết tìm kiếm thì kẻ sinh sự đều là bọn đầu sỏ phản nghịch Trần Cao Vân gây ra tội nghiệt, việc lộ ra bắt tra nghịch Vân và bè đảng là bọn Thái Phiên. Nguyễn Quang Siêu, Nguyễn Đề khép vào tội đại nghịch đều xử chém, đồng mưu có nguyên Tá lý (hưu trí) Nguyễn Thượng Trung xử đánh trượng đi đầy đổi thành khổ sai 9 năm nhưng chờ xét lại lời khẩu cung chước lượng nghĩ xử. Lại Thống chế vệ Thân binh Trần Văn Liên là Thị vệ kẻ cận trong cấm cung mà không phát giác ra được, nghĩ biếm xuống hàm Chưởng vệ cho về hưu, còn lại đều chiếu theo tội nặng nhẹ cùng mười người can tội dục mưu làm phản giao cho tòa kết án). Kế mời xa giá trở về ở đài Trấn Bình trong thành, ngày 3 tháng 6 hộ tống tới Nam Kỳ. Mùa đông, tháng 10 lại đón Phế đế Thành Thái từ Cap Saint Jacques¹⁷, cùng đáp tàu máy tới cư trú ở đảo Réunion thuộc địa của nước Đại Pháp”¹⁸.

Trong các địa phương của tỉnh Quảng Nam và trong các tỉnh Trung Trung kỳ chỉ duy nhất ở phủ Tam Kỳ là đã xảy ra cuộc khởi nghĩa thực sự. Mặc dù không nhận được lệnh khởi nghĩa từ kinh đô Huế, nhưng trước đó các sĩ phu yêu nước phủ Tam Kỳ đã nhận được mật dụ của vua Duy Tân hiểu dụ tham gia Việt Nam Quang phục hội nên quyết tâm nổi dậy đánh Pháp.

Chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa, chiều ngày 3.5.1916, các đội nghĩa binh bồm khoảng 650 người đã bí mật tập kết tại căn cứ Gò Chùa (còn gọi là Gò Đồi) kín đáo để làm lễ xuất quân, lễ tế cờ Ngũ tinh. Đây là lá cờ Việt Nam Quang phục hội màu đỏ, hình vuông, ở giữa có vòng tròn với 5 ngôi sao màu trắng. Sau khi nghĩa binh uống rượu thề phục quốc, Tổng lãnh binh Trần Huỳnh đọc tuyên các rồi

¹⁷ Nguyên bản viết là “Cấp Xanh Giắc”, tức Vũng Tàu.

¹⁸ Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục Chính biên Đế lục kỷ Phụ biên*, Người dịch: Cao Tự Thanh, NXB. Văn hóa - Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, 2011, tr.642-643.

bắn một phát súng lệnh khởi binh. Trời bắt đầu tối, đoàn nghĩa binh xuất phát hướng về phủ lý Tam Kỳ với lá quốc kỳ Ngũ tinh dẫn đầu từ tay Lê Ngạn giương cao¹⁹.

Lê Tiện dẫn một đội nghĩa binh tiến đánh đồn Trà My và cướp được đồn, lính khố xanh sống sót tháo chạy vào rừng. Nguyễn Tinh chỉ huy một đội nghĩa binh đánh chiếm đồn Thương chánh Hiệp hòa. Trần Huỳnh, Trần Ni và Trầm Tùng Vân (người Minh Hương) chỉ huy một đội nghĩa binh lớn có nhiệm vụ đánh chiếm phủ đường Tam Kỳ và Tòa Đại lý Pháp.

Do kế hoạch khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội bị bại lộ tại kinh đô, nên Đại lý Pháp và Tri phủ Tam Kỳ Tạ Thúc Xuyên đã biết trước nên đã trốn tránh đi nơi khác và tìm cách bảo vệ phủ đường Tam Kỳ. Nghĩa binh trước tiên tấn công Tòa Đại lý Pháp có đồn lính khố xanh ở đây, nhưng không thấy địch chống cự. Nghĩa binh đã chiếm được đồn, phá kho và chỉ thu được một số đạn, quần áo và vài khẩu súng hỏng. Nghĩa quân lặng lẽ tiến đến bao vây phủ đường trong đêm khuya, nhìn bên ngoài im lìm như không hề hay biết gì, nhưng thực ra quân địch đã tập trung lực lượng binh lính của toàn phủ Tam Kỳ tại đây và bố trí quân phục kích để đánh trả.

Khi Trịnh Uyên, chỉ huy đội nghĩa binh Kim Đái leo lên cột cờ của phủ đường để thay thế lá cờ Quê ly bằng lá cờ Ngũ tinh thì bị một loạt đạn làm tử thương. Súng từ các ngõ ngách trong các công thự của phủ đường bắn ra xối xả vào nghĩa binh. Bị đánh bất ngờ, các nghĩa binh đã dựa vào địa hình, địa vật phản kích quyết liệt, nhưng do tương quan lực lượng của địch mạnh hơn, sau tám giờ làm chủ phủ lý Tam Kỳ, nghĩa binh không chống cự nổi, phải rút lui.

Kết quả, quân địch đã bắt được 31 nghĩa binh trong đó phần lớn là chỉ huy, cốt cán gồm có Trần Huỳnh, Trầm Tùng Vân, Trần Thu, Trần Khuê... Trần Ni không bị bắt lánh về quê ngoại ở núi đất tại làng Quảng Phú. Những người bị bắt bị Pháp chuyển về Nhà lao Hội An chiều ngày 6.5.1916. Trong nhà lao, Trần Huỳnh luôn luôn động

¹⁹ Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916, tlđd, tr.27.

viên các bạn chiến đấu vững ý chí và khảng khái nhận hết trách nhiệm về mình trước bọn mất thám Pháp²⁰.

Sau khi rút lui trong đêm 3.5.1916, các đội nghĩa binh còn lại đã phân tán về các làng mình. Sáng hôm sau, Pháp điều thêm quân từ Hội An đến và tiến hành việc lùng sục các tổng, các làng để vây bắt nghĩa binh. Một số nghĩa binh đã bỏ làng rút vào rừng để ẩn tránh. Sau nửa tháng trời, quân Pháp mới dẹp yên được nghĩa binh và đưa lại trật tự an ninh trong phủ Tam Kỳ. Giặc bắt bớ tràn lan trên 500 người đưa về phủ đường tra tấn.

Nhân cơ hội ngày, tri phủ Tam Kỳ Tạ Thúc Xuyên tìm cách bắt bớ, hành hạ nhân dân...²¹ Vợ con, thân nhân của những nghĩa binh bị bắt đều bị quy tội liên can và bị đóng gông giải về nhà lao phủ đường để tra hỏi. Cả những nho sĩ trước đây hay làm thơ đã kích bọn tham quan ô lại và cả những người giàu có ở địa phương cũng bị bắt để tống tiền. Đang giữa trưa hè nắng chang chang, bọn lính lệ trong phủ bắt những người này phải đeo gông tạ, quỳ trên gai xơ mít giữa sân để buộc họ hối lộ cho Pháp. Hình thức tra tấn khổ sai này, ngày đó người ta gọi là già hiệu (hiệu mang gông). Tuy bị đàn áp dã man nhưng các nghĩa binh và đồng bào ta vẫn vững vàng khí tiết trước đòn tra tấn của Pháp.

Cuộc nổi dậy vũ trang đã xảy ra vào đêm 3.5.1916 tại phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam là một thực tế lịch sử, là một cuộc khởi nghĩa với đầy đủ tính chất của nó do Việt Nam Quang phục hội lãnh đạo, đã để lại một dấu ấn sâu sắc trong truyền thống cách mạng chống Pháp của xứ Quảng địa linh nhân kiệt mà nhân dân Quảng Nam có quyền tự hào.

3. Một số đánh giá

Tính chất cuộc khởi nghĩa, cuộc vận động khởi nghĩa ở Quảng Nam năm 1916 là hoạt động tiêu biểu của Hội Việt Nam Quang phục, là sự tiếp tục phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản

²⁰ Dẫn theo: *Lịch sử xứ Quảng - tiếp cận và khám phá*, NXB. Đà Nẵng, 2011, tr.317.

²¹ Xem thêm: Lê Ước, *Cuộc Duy Tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài (1882-1916)*, Tập san Sử Địa, số 11, 1968, tr.98.

đã được hình thành từ những năm đầu thế kỷ XX. Điều này phù hợp với tôn chỉ của tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở nước ngoài: “Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước cộng hòa dân quốc Việt Nam”. Mặc dù cuộc khởi nghĩa này mời vua Duy Tân tham gia, nhưng thực chất là để tranh thủ tầng lớp trên, tranh thủ lực lượng, nói cách khác sự tham gia của vua Duy Tân là nhằm “yên lòng dân chúng”²² (Phụng Kim thượng vi an dân cơ sở), chứ không phải mục đích cuối cùng của cuộc khởi nghĩa là thiết lập chế độ quân chủ. Chính vì vậy, khi cuộc khởi nghĩa thất bại, hầu như hoạt động của tổ chức Việt Nam Quang phục hội cũng chấm dứt hoạt động, chấm dứt đường lối cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản của Hội, của tư tưởng Phan Bội Châu.

Vai trò lãnh đạo, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa là những sỹ phu yêu nước tiến bộ, họ đã hấp thụ tư tưởng tư sản mới. Đó là Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung, Nguyễn Sụy..., thậm chí có một số xuất thân là trí thức tiểu tư sản như Thái Phiên, Lê Đình Dương.

Động lực chính của cuộc khởi nghĩa là binh lính, nhưng cũng có cơ sở trong quần chúng, chứ không phải là hành động của một nhóm người, ở một địa bàn nhất định, mà đã có sự ủng hộ của nhân dân các tỉnh miền Trung, điển hình là nhân dân phủ Tam Kỳ, Quảng Nam.

Nhân dân phủ Tam Kỳ đã bí mật ủng hộ nghĩa quân của Việt Nam Quang phục hội và tham gia nghĩa quân.. Đặc biệt, đáng chú ý nhất là nhiều công nhân của mỏ vàng Bông Miêu và đồn điền chè Đức Phú của Pháp đã bỏ nơi làm việc về quê tham gia các đội nghĩa binh. các tầng lớp nhân dân ủng hộ về lương thực, tài chính, giúp đỡ về hậu cần. Các hào phú trong phủ Tam Kỳ như ông Lê Khâm Duy (tức Bát Kiện) ở Hòa Hạ, ông Bá Ba ở Thanh Lâm... là những người đóng góp tiền bạc và lúa gạo nhiều nhất cho nghĩa quân²³.

Chính thành phần xuất thân của những người lãnh đạo phong trào đã hạn chế tư tưởng của họ khi đến với khuynh hướng cứu nước mới.

²² Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vận, *Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền Nam Trung Bộ năm 1916*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 22, tháng 1-1961, tr.40.

²³ *Lịch sử xứ Quảng - tiếp cận và khám phá*, Sdd, tr.315.

Nguyên nhân thất bại, nhìn toàn cục cuộc khởi nghĩa năm 1916 ở các tỉnh Trung Kỳ, chủ yếu là Nam Kỳ (vì chỉ có mưu mà chưa kịp khởi sự), hay nhìn cả một quá trình từ khi bắt đầu nhen nhóm, vận động, xây dựng và phát triển tổ chức, đặt kế hoạch hoạt động ở trong nước và liên lạc với tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở nước ngoài, mời vua Duy Tân tham gia và mật liên lạc với người Đức, vận động binh lính người Việt hưởng ứng và gắn với tên hai nhà lãnh đạo chính, thì có thể thấy vai trò lãnh đạo của Thái Phiên và Trần Cao Vân. Đây là một cuộc quật khởi mới, thể hiện tinh thần và khả năng nổi dậy của sĩ phu và nhân dân các tỉnh Trung Kỳ tiếp sau các phong trào duy tân, chống thuế. Nó là một nước cờ hiểm phản kháng lại ách đô hộ của thực dân Pháp bằng hình thức vũ trang. Tuy nhiên, cuối cùng cuộc khởi nghĩa không thành công, do:

Thứ nhất, hạn chế về vai trò lãnh đạo của cuộc khởi nghĩa. Những người lãnh đạo chủ yếu là các sỹ phu phong kiến, được đào tạo trong nội Nho học, từ “Cửa Khổng sân Trình”, mặc dù theo đường lối dân chủ tư sản, nhưng bản thân họ chưa có cơ sở xã hội để thực hiện, chủ yếu vẫn dựa vào binh lính, nông dân.

Thất bại của Việt Nam Quang phục hội cũng chính là thất bại của đường lối cứu nước của tầng lớp sỹ phu yêu nước Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX. Sự thất bại này đòi hỏi phải có một giai cấp tiên tiến đang lên đủ sức để tập hợp lực lượng, nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Thứ hai, việc tuyên truyền tổ chức chưa thận trọng, chắc chắn dễ rồi có những phần tử phản động làm lộ kế hoạch, cuộc khởi nghĩa bị chìm trong biển máu. Hơn nữa, đường lối và phương pháp cách mạng không có gì đổi mới, nặng về phiêu lưu, mạo hiểm.

Rõ ràng hoạt động của Hội Việt Nam Quang phục kể từ khi ra đời, đặc biệt là cuộc khởi nghĩa năm 1916 mặc dù không thành công nhưng nó thể hiện tinh thần yêu nước của nhân dân ta, tiêu biểu là nhân dân Tam Kỳ - Quảng Nam, góp phần làm phong phú thêm phong trào giải phóng dân tộc chống thực dân Pháp của dân tộc ta./.

PTLD

BÀN THÊM VỀ VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI VÀ CUỘC KHỞI NGHĨA NĂM 1916 Ở NAM TRUNG KỲ

TS. NGÔ VƯƠNG ANH*

Nhìn từ cuộc khởi nghĩa năm 1916 của *Việt Nam Quang phục hội* có thể thấy những điểm mạnh và mới so với những hoạt động trước đó của tổ chức này. Tuy nhiên, cuộc khởi nghĩa ở nam Trung kỳ ở với sự kiện lớn nhất là cuộc đánh chiếm phủ Tam Kỳ (4.5.1916) như một điểm bùng cháy cuối cùng của tổ chức này. Tinh thần anh dũng hy sinh của các nghĩa sĩ nổi rõ nhưng những kế hoạch và hành động mang đậm màu sắc bạo động bị dập tắt nhanh chóng đã cho thấy sự bế tắc và bất lực của khuynh hướng cứu nước theo cách bạo động của Phan Bội Châu và những đồng chí của ông - các sĩ phu “mới”, những môn đồ của *Cửa Khổng sân Trình* nhưng đã tiếp thu thêm những ý tưởng của Montesquieu, của Jean-jacques Rousseau... qua tân thư tân văn, tiếp nhận thêm tinh thần cải cách Minh Trị qua phong trào Đông du hồi đầu thế kỷ XX. Sau những sự biến năm 1916, cuộc đấu tranh ở Việt Nam sẽ còn phải trải qua một giai đoạn chuyển biến khoảng 10 năm có tính bước đệm trước khi tiếp nhận con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc.

“Những người bảo vệ cho cục than cứ hồng dưới mấy lớp tro khô”

Trước hết, những biến cố trong năm 1916 liên quan đến *Việt Nam Quang phục hội* là kết quả của những nỗ lực hành động theo khuynh hướng bạo động vũ trang của Phan Bội Châu, được đề ra từ khi thành lập *Duy tân hội* (1904). Khi những cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp của các tướng lĩnh Cần vương đã lui tàn thì hình thức tổ chức mới (hội) và biện pháp đấu tranh *bạo động* của Phan Bội Châu và các đồng chí của ông mang màu sắc tư tưởng dân chủ tư sản là sự thay thế đầy hy vọng trong buổi đầu thành lập.

*Tòa soạn Báo Nhân Dân.

Phong trào Đông du đã thất bại song trong bầu không khí còn đang khá “nóng” sau Cách mạng Tân Hợi 1911 của Trung Hoa, có nhiều yếu tố thuận lợi từ bên ngoài, *Việt Nam Quang phục hội* được thành lập ngày 19.6.1912¹. Tôn chỉ của *Việt Nam Quang phục hội* là: “Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục Việt Nam, kiến lập Việt Nam cộng hòa dân quốc”. Nhiệm vụ hàng đầu là bạo động vũ trang. Phan Bội Châu chọn phương thức bạo động vũ trang, khôi phục độc lập bằng “máu và thép”, thậm chí ông còn cho rằng chỉ có một việc là bạo động mới có thể đem lại thành công: “Bây giờ chúng tôi tìm đường sống ở trong muôn vàn cái chết, chỉ nghĩ đến bạo động mà thôi”. Phan Bội Châu giải thích rõ hơn chủ trương này trong tác phẩm *Ngục trung thư* của mình: “Nghĩ xem thể lực người Pháp lớn thế kia, tài sức tôi nhỏ bé thế này, tôi ỷ vào quốc dân, mà quốc dân thì ở vào trình độ còn thấp thối ra sao, tôi dựa vào thời thế mà thời thế nhằm lúc khó khăn ra sao, không nói cũng rõ. Dù sao mặc lòng, tôi cứ việc hăng hái đi tới, không nhằm trước, nhằm sau gì hết”. “Đến nỗi này tôi không thể nào không sang con đường bạo động. Vẫn biết bạo động với tự sát đều là việc làm của những kẻ kiến thức hẹp hòi, không biết lo xa, nhưng nếu tình thế bắt buộc phải tự sát thì thà rằng xoay ra bạo động, thà chết còn hơn. Nếu bạo động thì may ra trông được có chỗ thành công trong muôn một. Huống gì tôi đã suy đi tính lại, lúc này bỏ sự bạo động ra thì không có gì đáng làm nữa”.

Bạo động trong phương pháp cách mạng của Phan Bội Châu đặt nhiều chú trọng vào số đông, trong đó chủ lực là binh lính, nhưng cũng gồm cả mảng (không nhỏ) bạo lực do những cá nhân thực hiện bằng những hành động quả cảm với tâm niệm “Việc vận động trong nước nếu không có tiếng vang kinh thiên động địa thì không thể nào có hiệu quả”. Việc “nổ những tiếng vang” để làm “mọi người giật mình tỉnh lại”, để “đánh thức nhân tâm” và làm cho “dã tâm của bọn cường quyền chùn lại”. Tư tưởng này đã dẫn đến những hoạt động ám sát cá nhân: Giết Tuần phủ Thái Bình Nguyễn Duy Hàn và ném lựu đạn ở khách sạn Hà Nội giết hai sĩ quan Pháp trong tháng 4 năm

¹ Theo sách *Lịch sử quân sự Việt Nam* - NXB. CTQG, Hà Nội, 2000, tập 9, tr65 – 66.

1913... Dù gây được tiếng vang nhưng tổn thất về lực lượng và cơ sở là rất lớn do bị Pháp khủng bố khốc liệt. Những ảnh hưởng của tư tưởng bạo động mang màu sắc manh động cá nhân còn kéo dài tới những lãnh tụ của *Việt Nam Quốc dân đảng* sau này và cũng đã gây hậu quả lớn trong những năm 1929-1930.

Những âm mưu đầy tham vọng của *Việt Nam Quang phục hội* như kế hoạch đánh chiếm Hà Nội (tháng 9 năm 1914), vụ tập kích trại lính khổ xanh Phú Thọ (ngày 6 và 7.1.1915), tập kích đồn Tà Lùng (Cao Bằng, ngày 13.3.1915), vụ phá ngục Lao Bảo (tháng 9 năm 1915) dù thất bại nhưng đều ghi dấu tinh thần bất khuất của các chiến sĩ *Việt Nam Quang phục hội*. Cuộc đấu tranh cứu nước đang ở giai đoạn khó khăn, sự đàn áp khốc liệt của chính quyền thực dân đã gây ra nhiều tổn thất về lực lượng nhưng tình yêu nước, lòng quả cảm, ý chí bất khuất hy sinh giành độc lập của các chiến sĩ - liệt sĩ đã làm cho ngọn lửa đấu tranh được duy trì bền bỉ. Dù có lúc bùng cháy mạnh mẽ, có lúc âm ỉ song những hoạt động của *Việt Nam Quang phục hội* vẫn có tác dụng lớn nuôi dưỡng tinh thần yêu nước và nhen nhóm những hy vọng cứu nguy giống nòi. Xin dẫn ý kiến của GS. Trần Văn Giàu, sau này đánh giá về chí khí của cụ Phan và những đồng chí của cụ như sau: "... người đời sau phải hiểu cho Phan, và càng hiểu thì càng khâm phục chí khí của cụ và các sĩ phu đồng hành: những người bảo vệ cho cục than cứ hồng dưới mấy lớp tro khô cũng có công lớn như những người đến sau thổi lên thành biển lửa đốt rụi quân thù cướp nước"². Đó là một nhận xét chân xác và khách quan.

Lực lượng cứu nước được mở rộng

Với nhiều nỗ lực, Phan Bội Châu và các đồng chí đã xây dựng được một số cơ sở cách mạng, đào tạo cán bộ ở những trường quân sự Nhật Bản và Trung Quốc, thành lập được một số đơn vị vũ trang ở vùng biên giới Việt - Trung. Ngoài lĩnh vực quân sự, các lĩnh vực khác như kinh tế, giao tế, văn hóa và vận động ở trong nước cũng

² Trần Văn Giàu (1997) - *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám*, NXB. CTQG, Hà Nội, Tập II - *Hệ tư tưởng tư sản và sự bất lực của nó trước các nhiệm vụ lịch sử*, tr. 146.

được chú ý v.v... Đây là những nét hoàn toàn mới nếu so với các cuộc kháng chiến chống xâm lược theo kiểu khởi nghĩa địa phương do các thủ lĩnh nông dân chủ xướng trước đó.

Trong quan niệm của Phan Bội Châu, lực lượng để làm cuộc cách mạng dân chủ cứu nước chưa (không) có tiêu chí phân định, xác định rõ vị trí trên trận tuyến, vai trò trong cuộc đấu tranh. Thậm chí ông còn xếp cả các nhà hào phú; các quan lại tại chức, các con nhà quyền quý (dù cũng có ngoại lệ) ở những vị trí đầu trong mười “hạng người” có thể kêu gọi làm cách mạng (*Hải ngoại huyết thư*). Nhưng Phan Bội Châu đã có cái nhìn rộng mở trong việc tập hợp lực lượng cho cách mạng. Ông kêu gọi cả giới phụ nữ và những tín đồ Thiên chúa giáo tham gia vào cuộc đấu tranh cứu nước. Dù mang nặng hàm hồ trong việc phân tích để xác định lực lượng cách mạng nhưng chủ trương đoàn kết rộng rãi đồng bào trong công cuộc đánh Pháp cứu nước giành độc lập của Phan Bội Châu lại có thể coi là một điểm sáng.

Đặc biệt, Phan Bội Châu đặt sự kỳ vọng vào đội ngũ binh lính người Việt trong hệ thống cai trị của Pháp. Ông nhìn thấy và đặt nhiều hy vọng ở lòng yêu nước của họ, nhìn thấy sức mạnh khi vũ khí họ đang sử dụng quay lại bắn vào quân Pháp. Vì luôn chủ trương khuynh hướng bạo động, muốn thúc đẩy “võ trang cách mạng”, coi binh lính là lực lượng trọng yếu nhất, có thể làm xoay chuyển tình thế của cách mạng nên việc binh vận được đặt ở vị trí quan trọng gần như hàng đầu. Cho tới *Việt Nam Quang phục hội*, công tác binh vận được xúc tiến khá mạnh mẽ so với tất cả những thời kỳ và các tổ chức trước đó. Dù chưa nhận thức được rằng cách mạng muốn thành công phải hình thành những làn sóng xã hội mạnh mẽ, phải là cuộc nổi dậy thắng lợi của đông đảo nhân dân - nếu không thì các cuộc binh biến dẫu có bùng nổ cũng chỉ như những đốm lửa dễ dàng bị dập tắt - nhưng có thể nói *Việt Nam Quang phục hội* cũng mở ra một mặt trận mới, nêu những tiền đề lập nên lịch sử một mũi tiến công mà sau này được phát huy mạnh mẽ trong cả hai cuộc kháng chiến của dân tộc giữa thế kỷ XX - *mũi tiến công binh vận*.

Phan Bội Châu và các đồng chí còn nỗ lực xúc tiến những hoạt động liên kết cách mạng Việt Nam với môi trường quốc tế. Ông lập *Hội Đông Á đồng minh, Hội chấn Hoa hưng Á...* nhằm liên lạc các chí sĩ của các dân tộc thuộc địa để giúp nhau. Điều này cho thấy rõ Phan Bội Châu đã xem trọng sự cần thiết tương trợ, phối hợp giữa các lực lượng chống thực dân đế quốc. Ông đã vượt khỏi tư tưởng quốc gia dân tộc hẹp hòi mà nêu cao tư tưởng “đoàn kết các dân tộc đồng bệnh” - *đồng bệnh tương liên*, coi các dân tộc đang bị áp bức đều là anh em. Điều này có thể đánh giá như một điểm sáng trong tư tưởng cách mạng của Phan Bội Châu, một cái nhìn vượt trước thời đại của ông.

Nghĩa khí thôi thúc hành động

Nếu so với những địa bàn khác, tổ chức của *Việt Nam Quang phục hội* ở Trung Kỳ mạnh hơn hẳn. Ở đây họ đã lập được *Kỳ bộ* và thiết lập được các đường dây liên lạc thường xuyên với bên ngoài (Xiêm, Trung Quốc). Những nhà yêu nước đứng đầu *Việt Nam Quang phục hội* ở miền Trung là những người có bề dày hoạt động sát cánh với Phan Bội Châu (Thái Phiên), có thâm niên ở tù do chống Pháp (Trần Cao Vân), là những sĩ phu địa phương đầy nhiệt huyết (Lê Ngung, Trần Huỳnh, Cử Sứ), các trí thức (Lê Đình Dương, Phan Thành Tài...) Họ đều nhiệt tâm hành động theo xu hướng bạo động.

Một nhân tố đặc biệt, thôi thúc cuộc nổi dậy ở miền Trung là vua Duy Tân (Nguyễn Phước Vĩnh San) được vận động tham gia và đã ủng hộ chủ trương khởi nghĩa. Vị hoàng đế trẻ tuổi yêu nước được tôn xưng lãnh đạo như một biểu tượng để tập hợp nhân tâm. Điều này cũng thể hiện rõ tư tưởng tôn quân vẫn chưa hẳn đã hết của những người lãnh đạo khởi nghĩa. Trong tư tưởng của những người lãnh đạo *Việt Nam Quang phục hội* lúc đó ở Huế và Quảng Nam vẫn “dùng đảng” mẫu hình quân chủ lập hiến.

Thêm vào sự lạc quan của những người đứng đầu khởi nghĩa năm 1916 là những tín hiệu hứa hẹn thuận lợi từ bên ngoài: Lãnh sự Đức ở Thái Lan hứa sẽ ủng hộ những hoạt động chống Pháp ở Việt Nam khi hai nước Đức và Pháp đang có chiến tranh với nhau ở châu

Âu trong Chiến tranh Thế giới thứ nhất, lại có nội ứng là một sĩ quan gốc Đức trong đội quân lê dương Pháp ở Huế. Việc trông chờ sự trợ giúp của một thế lực bên ngoài để giành độc lập là một ảo tưởng chính trị rất ngây thơ và nguy hiểm. Tuy nhiên nó cũng cho thấy sự nhìn nhận thức thời nhất định của các sĩ phu trong việc lợi dụng mâu thuẫn của các kẻ thù, muốn cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Việt Nam có thêm những nguồn lực ủng hộ từ bên ngoài.

Trong lúc Phan Bội Châu đang bị giam ở Quảng Đông (Trung Quốc), *Việt Nam Quang phục hội* ở Trung Quốc không thể hỗ trợ trong nước, những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa năm 1916 ở nam Trung kỳ đã hoàn toàn chủ động chuẩn bị và thực hiện kế hoạch của mình với sự tin tưởng mạnh mẽ vào chiến thắng. Thậm chí một kế hoạch xây dựng đất nước sau khi thắng lợi cũng đã được soạn thảo cùng với *Hịch khởi nghĩa*.

Theo đúng đường lối xây dựng lực lượng vũ trang của *Việt Nam Quang phục hội*, dựa hẳn vào việc vận động binh lính, các nhà lãnh đạo khởi nghĩa ở nam Trung Kỳ năm 1916 có thể tin ở thắng lợi khi nghe Lê Ngung báo cáo trong cuộc Hội nghị Huế lần thứ 1 (tháng 9 năm 1915) phần lớn binh sĩ người Việt đã được vận động ngả về phía quân khởi nghĩa (450/580 lính khố xanh ở Quảng Ngãi và khoảng 80% lính khố xanh và lính tập ở Quảng Nam); số vũ khí dự kiến chiếm được cũng khá lớn; lực lượng quân Pháp ở Huế, Quảng Nam cũng giảm đáng kể do bị điều bớt về chiến trường châu Âu; trong số 2500 lính người Việt mới được tuyển mộ để đưa sang châu Âu cũng đã có khá đông nhận làm nội ứng cho cuộc nổi dậy³... Ở Quảng Nam, *Việt Nam Quang phục hội* cũng đã xây dựng được một số căn cứ địa, vận động được nhân dân giúp đỡ ủng hộ về hậu cần, may quân trang, rèn dao kiếm cho quân khởi nghĩa. Đây là những tiền đề của việc khởi nghĩa nổ ra mạnh nhất ở phủ lý Tam Kỳ, nơi lực lượng được chuẩn bị kỹ hơn cả.

Cho tới đầu năm 1916, tất cả những yếu tố thuận lợi hội tụ đã gây nên sự phấn khích có phần bùng nổ của những người chủ trương

³ Theo sách *Lịch sử quân sự Việt Nam* - NXB. CTQG, Hà Nội, 2000, tập 9, tr. 82.

bạo động khởi nghĩa ở miền trung. Bị thúc ép về thời gian do số lính mộ người Việt sẽ phải chuyển đi Pháp sớm, ngày khởi sự được chuyển sang đêm ngày 2 rạng ngày 3.5.1916. Với niềm tin khá chủ quan nhưng đi cùng với nhiều khiếm khuyết trong việc bảo mật và liên lạc, với nhiều trục trặc trong phối hợp hành động và để lọt vào hàng ngũ những kẻ phản bội và chỉ điểm... cuộc khởi nghĩa nổ ra và nhanh chóng bị dập tắt. Những yếu nhân bị bắt và bị hành hình, bị lưu đày. Vua Duy Tân cũng bị bắt và bị Pháp đày sang đảo Réunion.

Vĩ thanh

Dù vẫn tiếp nối các phong trào đấu tranh trước, với rất nhiều lòng quả cảm hy sinh nhưng thất bại của cuộc khởi nghĩa năm 1916 ở nam Trung Kỳ đã đánh dấu sự kết thúc vai trò lãnh đạo đấu tranh cứu nước của các sĩ phu. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất vai trò này dần chuyển sang tay một lực lượng khác, trẻ và cấp tiến hơn. Thế hệ cách mạng thứ hai sau thế hệ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Lương Văn Can đã dần trưởng thành và đã nhận thấy con đường của thế hệ “già” đi vào bảo thủ. Tổ chức của *Việt Nam Quang phục hội* cũng không còn thích nghi được với tình hình đã biến chuyển. Đã diễn ra sự phân ly của bộ phận thanh niên cấp tiến nhất và *Việt Nam Quang phục hội* đã tự tan rã sau khi Phan Bội Châu bị Pháp bắt ở Thượng Hải (11.5.1925).

Tuy vậy, dù không còn hoạt động đáng kể nào sau những sự kiện năm 1916, *Việt Nam Quang phục hội* vẫn để lại những tiếng vang, những tấm gương nghĩa liệt bất khuất. Những đường dây đưa người từ trong nước gia nhập các cơ sở cách mạng ở Xiêm, ở Trung Quốc vẫn hoạt động và vẫn có nhiều người xuất dương thành công, bổ sung lực lượng và nuôi dưỡng các tổ chức.

Nhóm *Tâm tâm xã* hình thành từ năm 1923 trong lòng *Việt Nam Quang phục hội* gồm những thành viên trẻ cấp tiến (Hồ Tùng Mậu, Lâm Đức Thụ, Lê Hồng Sơn, Phạm Hồng Thái, Lê Hồng Phong...). Họ là thế hệ hội viên mới của *Việt Nam Quang phục hội*. Những thanh niên đầy nhiệt huyết này dù vẫn còn trong tâm tưởng những hào quang của chủ nghĩa anh hùng cá nhân theo kiểu “quân tử Tàu”,

vẫn thích những âm mưu nổ bom và ám sát nhưng cũng dần nhận ra con đường cứu nước của *Việt Nam Quang phục hội* đã rơi vào bế tắc.

Tiếng bom Sa Diện của Phạm Hồng Thái (19.6.1924) nổ giữa bàn tiệc chiêu đãi Toàn quyền Đông Dương Merlin tại tô giới Pháp ở Quảng Châu “như cánh én báo hiệu mùa xuân” đã thôi thúc Nguyễn Ái Quốc tìm cách về hoạt động ở Quảng Châu (tháng 11 năm 1924) và tìm bắt liên lạc với nhóm thanh niên yêu nước ở đây. Với kinh nghiệm dày dặn và sự nhạy cảm đặc biệt, Nguyễn Ái Quốc đã nhận thấy rõ đây chính là mảnh đất tốt để ươm mầm tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của mình. Những thành viên của *Tâm tâm xã* được Nguyễn Ái Quốc giác ngộ và huấn luyện ở Quảng Châu đã trở thành những cán bộ cách mạng nòng cốt đầu tiên của *Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên* - tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam sau này. Lòng yêu nước, ý chí đấu tranh kiên cường, tinh thần hy sinh quả cảm vẫn được ấp ủ, nuôi dưỡng như “cục than cứ hồng dưới những lớp tro khô” từ *Việt Nam Quang phục hội* cho đến năm 1925 đã được thổi cháy sáng lại bằng ngọn gió mới - tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh./.

NVA

QUY MÔ CUỘC VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA NĂM 1916 TẠI TRUNG KỲ

ThS. NGUYỄN THẾ TRUNG*

Cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 của Vua Duy Tân, Thái Phiên, Trần Cao Vân... đã không thể nổ ra như dự định. Nhưng nó đã có một quá trình chuẩn bị khá đầy đủ về mặt lực lượng và địa bàn cho cuộc khởi nghĩa, đặc biệt là với khoảng thời gian từ lúc quyết định cho đến ngày khởi nghĩa được dự kiến.

1. Về lực lượng khởi nghĩa

Năm 1915, do những điều kiện thôi thúc của lịch sử xuất hiện, cuộc khởi nghĩa được quyết định. Đến thời điểm này, lực lượng của nghĩa quân đã được tập hợp và phát triển như sau:

Tại thời điểm quyết định khởi nghĩa trong Đại hội lần thứ nhất ở Huế (9.1915), lực lượng quân sự được xác định chủ yếu tập trung tại Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi. Trong đó, lực lượng tại Huế khoảng một ngàn lính¹ với các lực lượng như của Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu (với thân binh, thị vệ); Trần Quang Trứ, Phạm Thành Chương, Lại Hà; 300 lính Pháp do đại tá người Đức, Harmandes làm nội ứng; Trần Đại Trinh, Đặng Khánh Khải, Lê Cảnh Hàn (chỉ huy lực lượng lính tập). Ngoài ra, lực lượng khởi nghĩa còn hiệp đồng được với 3.000 lính được mộ sang Pháp đang kết tập ở đồn Mang Cá, sẵn sàng nổi dậy. Ngoài ra, phía hải ngoại của Việt Nam Quang phục hội sẽ có lực lượng tiếp ứng qua cửa biển Đà Nẵng khi cuộc khởi nghĩa nổ ra. Trước đó, Hội cũng đã chuyển một số lượng vũ khí về Việt Nam để vũ trang cho nghĩa quân. Trong khi đó, tại các vùng phụ cận ngoài kinh thành, các đội dân quân được xác định là đã tập hợp và sẵn sàng tham gia khởi nghĩa. Ở Quảng Nam, Quảng Ngãi cũng thành lập được các đội cảm tử.

*Khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Tp HCM.

¹ Thạch Phương (2008), *Đất Quảng - những sự kiện đáng nhớ*, NXB. Đà Nẵng, trang 125.

Về cơ bản, lực lượng trong lúc này đã tập hợp được nhiều thành phần. Nhưng số lượng vẫn còn ít, đặc biệt là chưa tạo được lực lượng rộng ở các địa phương. Do đó ngay trong Đại hội lần thứ nhất, khởi nghĩa đã quyết định phải: “Cấp tốc vận động thêm binh lính hưởng ứng và tổ chức thêm đoàn ngũ dân chúng chờ đợi yểm trợ của khởi nghĩa”².

Trên tinh thần đó, từ năm 1915 đến 1916, Thái Phiên, Trần Cao Vân đã tìm kiếm việc kết nối các lực lượng. Trần Cao Vân với uy tín và sự ảnh hưởng của mình đã tích cực cùng các nhân sĩ tại địa phương tiếp tục vận động sự tham gia của dân chúng. Thái Phiên cùng Lê Cảnh Hàn còn ra đến Nghệ An để liên hệ với Nguyễn Thái Bạt (một người xuất dương trong Đông du, giỏi về quân sự) để cùng hiệp sức. Địa bàn Quảng Trị được chú ý vì gần kinh thành, tại đây, nghĩa quân đã xây dựng được lực lượng binh lính của Quân Thiệu và dân chúng của Khóa Bảo. Sau một thời gian, trong Đại hội lần thứ hai tại Cầu Cháy (3.1916, làng Xuân Yên, Quảng Ngãi), nghĩa quân đã xác định lực lượng một cách rộng khắp và dự kiến phối hợp khởi nghĩa đồng thời trong nhiều địa phương. Các nơi như Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi đều có lực lượng tiếp ứng với các chỉ huy quân sự và dân chúng, bao gồm lính tập, lính mộ và các đội dân quân vũ trang. Trong kế hoạch khởi nghĩa nhận định “hoạt động trong thời gian ngắn, lực lượng đã bành trướng khắp các tỉnh Trung kỳ, riêng ở Quảng Nam, Quảng Ngãi thì phải kiên toàn hơn cả”³.

Đại hội Bãi Cháy đã nhận định cụ thể lực lượng các nơi⁴:

“- Xét tổng quát, thực lực cách mạng cũng tạm đủ.

- Xét tại Huế: đồn Mang Cá hiện có viên thiếu tá người Đức sẵn sàng hỗ trợ khởi nghĩa, với 1.000 lính mộ sẽ là lực lượng xung phong của cách mạng, nói mau, đây là lực lượng chính của khởi nghĩa. Còn 2.000 lính khổ xanh, khổ vàng sẽ là lực lượng hưởng ứng. Ngoài ra, tại các vùng thôn quê và ngoại ô Huế có thêm một số lớn quan lại viên chức và dân chúng tham gia giúp đỡ khởi nghĩa nữa.

² Lê Ước (1968), “Cuộc Duy Tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài”, *Tập san Sử Địa*, số 11, năm 1968, Sài Gòn, tr 84.

³ Nguyễn Q. Thắng (2005), *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước*, NXB. Tổng hợp TP. HCM, tr 587.

⁴ Lê Ước (1968), *Sđd*, tr 88.

- Xét tại Quảng Nam Quảng Ngãi: lực lượng Đảng mạnh mẽ hơn, cơ sở dân chúng kiên cố hơn hết. Vì vậy đại hội lấy hai tỉnh này làm chủ tịch trung kiên của khởi nghĩa.

- Tại Quảng Bình: chỉ có 3 đồng chí.

- Tại Quảng Trị: có Quân Thiệu và Quân Nghiên xuất lãnh lính khổ xanh trợ lực, còn các tổ chức dân chúng thì đã có ông Khóa Bảo điều động.

- Tỉnh Bình Định: hàng ngũ binh sĩ và dân chúng chưa được mạnh lắm, nên ít trông cậy. Chỉ mong chờ hưởng ứng khởi nghĩa với Quảng Ngãi.

- Còn các tỉnh ở miền Nam như Phú Yên Khánh Hòa Khánh Thuận: lực lượng chẳng có bao nhiêu”.

2. Địa bàn khởi nghĩa

Với quá trình xây dựng lực lượng nghĩa quân như trên, địa bàn khởi nghĩa cũng được xác định một cách tương ứng. Tuy trên thực tế, khởi nghĩa đã không nổ ra nhưng với sự chuẩn bị của mình, nghĩa quân đã bố trí lực lượng tại các địa phương để cùng phối hợp với kinh thành. Tác giả Nguyễn Khánh Toàn đã sớm nhận xét: “vụ mưu khởi nghĩa do hai sĩ phu yêu nước Thái Phiên, Trần Cao Vân trực tiếp lãnh đạo bùng nổ ở Huế, nhưng khởi nghĩa có quan hệ mật thiết với phong trào Việt Nam Quang phục hội ở các tỉnh Nam Trung kỳ, nhất là Quảng Nam, Quảng Ngãi”⁵.

Có thể thấy rằng, ban đầu, ý định của khởi nghĩa là chiếm ngay 3 tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi để làm căn cứ, còn các nơi khác như ra đến Quảng Bình hay vào Khánh Thuận sẽ tổng phát động sau khi thành công ở ba tỉnh trên⁶. Theo kế hoạch ban đầu do Lê Ngung soạn, khởi nghĩa sẽ chiếm ngay Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi để làm trung tâm lãnh đạo, sau đó phát động khởi nghĩa rộng khắp Trung Kỳ.

Nhưng cũng trong thời điểm này, trong Đại hội lần thứ nhất, ngoài các đại biểu của Huế (Đoàn Bổng), Quảng Nam (Thái Phiên,

⁵ Nguyễn Khánh Toàn (1989), *Lịch sử Việt Nam, tập 2*, NXB. KHXH, Hà Nội, tr 135.

⁶ Lê Ước (1968), *Sdd*, tr 85-86.

Phan Thành Tài), Quảng Ngãi (Lê Ngung), lực lượng nghĩa quân có thêm đại biểu của các địa phương Quảng Bình (Nguyễn Chánh), Quảng Trị (Phan Phú Tiên)⁷. Được sự đồng ý của Vua Duy Tân, nghĩa quân cũng quyết định đúc bốn ấn binh lược để động viên khởi nghĩa toàn kỳ, gồm: Bình Trị, Nam Ngãi, Bình Phú, Khánh Thuận và phân công người phụ trách từng địa phương.

Do quá trình vận động xây dựng lực lượng được mở rộng, đến thời điểm cuối cùng, dựa trên tình hình các nơi như thế, kế hoạch cuối cùng được hoạch định tại Đại hội Cầu Cháy:

“- Chọn Huế làm điểm phát động, bắt đầu bằng tiếng súng thần công để báo hiệu cho kinh thành Huế và cho Quảng Trị, Quảng Bình. Lúc này ở đèo Hải Vân sẽ nổi lửa báo hiệu cho Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Hội An;

- Tất cả các tỉnh và Huế: lấy lính Việt hưởng ứng cách mạng làm lực lượng chính của cuộc khởi nghĩa, lính này cấp tốc quay súng cướp ngay chính quyền để làm chủ tình thế. Bên ngoài, kéo các đạo quân và dân chúng vùng ngoại ô vùng thôn quê (võ trang mã tấu, dao phạn, trái phá...) về hưởng ứng trợ lực khởi nghĩa.

- Đặc biệt ở Quảng Nam và Quảng Ngãi: dốc toàn lực của lính tập và dân chúng chiếm giữ cửa biển Đà Nẵng để quân lực viện trợ ở Xiêm về nước đổ bộ lên bờ và để mở đường giao thông suốt từ Đà Nẵng vào tận Đức Phổ.

- Nếu gặp khởi nghĩa bất thành, thì các đạo quân sẽ rút về hướng tây, như Quảng Nam lui về chiếm vùng núi Bà Nà, Quảng Ngãi rút lên miền Gió Rút, Bình Định kéo lên miền rừng Gia Rai (Pleiku), toàn là những vùng địa thế hiểm trở làm hậu thuẫn các cuộc phản công về sau, nếu có.

- Vì lực lượng yếu kém, nên các tỉnh miền Nam chỉ nổi dậy hưởng ứng khởi nghĩa lúc nào quân cách mạng kéo tới”⁸.

Như vậy, cuộc khởi nghĩa tháng 5.1916 đã được quyết định bùng nổ cùng lúc gần như trên khắp Trung Kỳ, kéo dài từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi, một số nơi khác cũng được chiếu cố đề cùng

⁷ Nguyễn Q Thắng (2005), *Sdd*, tr 581.

⁸ Lê Ước (1968), *Sdd*, trang 89.

hưởng ứng với dân chúng và binh lính cảm tình. Thêm một dữ kiện mà chúng ta biết là chính Thái Phiên, Trần Cao Vân đã mong muốn kéo dài thời gian chuẩn bị, ít nhất là dời khởi nghĩa lại vào tháng 6 - 1916. Nhưng do những điều kiện bắt buộc về lực lượng như lính (lính thợ) được mộ đi Pháp đang chờ để chuẩn bị lên đường và cũng do đề nghị của vua Duy Tân, cuộc khởi nghĩa đã được quyết định sớm. Nếu có thêm thời gian, việc xây dựng lực lượng có thể sẽ lớn mạnh hơn và địa bàn khởi nghĩa cũng được chú trọng trong vấn đề mở rộng. Mặt khác, ngay trước khi bị Pháp bắt, ngày 5.5.1916, vua Duy Tân đã có một bản “chiếu khởi nghĩa” do chính tay mình viết, trong đó Vua kêu gọi lực lượng các nơi tham gia khởi nghĩa và tập trung hội binh ở Huế. Vua Duy Tân cũng phong tướng cho một số người ở các địa phương, như Nguyễn Đức Công ở Hà Tĩnh, Nguyễn Bùi Lễ ở Quảng Nam, Trần Phú ở Hà Tĩnh, Vũ Đình Xán ở Nghệ An⁹. Tuy nhiên, với kế hoạch khởi nghĩa vào tháng 5.1916, nghĩa quân đã cho thấy sự tính toán cụ thể của mình với vị trí chiến lược và lực lượng cụ thể của từng khu vực trên một địa bàn rộng lớn.

3. Đặc điểm và tính chất

Như vậy đến tháng 5.1916, so với quyết định ban đầu, địa bàn chiến lược của khởi nghĩa được mở rộng, các địa phương được chiêu cổ với các vai trò khác nhau trước và sau thời điểm mở đầu khởi nghĩa. Ngoài ra, cuộc khởi nghĩa không được xác định như một quá trình xây dựng lực lượng, tổ chức kháng chiến như thời kỳ của Cần vương mà được xác định là một cuộc tiến công tổng lực, nhanh chóng, có mục đích, mục tiêu rõ ràng ngay từ đầu, hay nói đúng hơn đây là “một cuộc tổng khởi nghĩa” được chuẩn bị kỹ lưỡng giữa vua Duy Tân, nghĩa quân đối với chế độ thực dân Pháp tại Trung Kỳ. Nghĩa quân không chỉ chuẩn bị những vấn đề về quân lực, sức mạnh mà còn hướng đến tổ chức chính phủ (lâm thời), chuẩn bị phân công quản lý các khu vực địa phương. Cũng tại đây, lần đầu tiên ta thấy một sự kết hợp giữa khởi nghĩa vũ trang và cuộc nổi dậy của quần chúng.

Xây dựng một kế hoạch tổng lực trong khởi nghĩa tại các địa phương, nhưng nghĩa quân đã chọn Huế làm tâm điểm, coi cuộc khởi

⁹ Nguyễn Trương Đàn (2014), *Vua Duy Tân 1916*, NXB. Văn học, trang 134.

nghĩa tại Huế như một hiệu lệnh với các nơi khác thay vì hiệp đồng khởi nghĩa cùng một thời điểm. Điều này đã làm cho cuộc khởi nghĩa không bùng nổ được khi Pháp không chế được nhóm lãnh đạo tại Huế và kiểm soát lực lượng tại đây. Các nơi khác, dù đã được tổ chức nhưng vì không nhận được hiệu lệnh từ trung tâm nên đã không triển khai được kế hoạch. Như vậy, Huế thất bại, các nơi im ắng, khởi nghĩa tan rã. Nhưng cũng cần ghi nhận rằng tại một số nơi, như Tam kỳ, từ sự năng động của một số lực lượng, quân khởi nghĩa cũng đã tiến hành khởi sự. Tại đây, nghĩa quân chiếm được Phủ Tam kỳ trong hơn một ngày trước khi bị Pháp tái chiếm và đàn áp. Có được điều này là nhờ Tam Kỳ trước đó có tổ chức “Phục quốc quân” thành lập từ năm 1915 với địa bàn liên kết nhiều xã như: Tân An Tây (Tiên Thọ), Tích Phước (Tiên Lộc), Trung Đàn (Tam Thái), Phước Lâm. Tổ chức này đã thể hiện vai trò của mình trong mối quan hệ độc lập với cuộc khởi nghĩa tại Huế, cũng như thể hiện tinh thần chủ động của một cuộc khởi nghĩa vũ trang của quần chúng tại địa phương.

Thông qua những phân tích trên, có thể thấy một số đặc điểm của cuộc mưu khởi về quy mô. Lực lượng cuộc khởi nghĩa đã được hình thành trong một quá trình vận động bí mật kéo dài qua nhiều năm của Ban chỉ huy khởi nghĩa. Tuy nhiên, lực lượng này chủ yếu hình thành dựa trên hoạt động binh vận đối với lực lượng có sẵn của Pháp, tại Huế hay một số nơi khác. Bên cạnh đó, về địa bàn, ở một số nơi, dư âm của phong trào quần chúng những năm 1905-1908 vẫn còn như Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị. Tại những tỉnh thành này, nghĩa quân đã tạo được một cơ sở quần chúng mạnh, vững chắc. Trong khi đó ở một số nơi khác như Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, lực lượng nghĩa quân về vũ trang lẫn dân chúng vẫn còn yếu. Qua đó ta thấy, cuộc khởi nghĩa không chỉ là sự kiện xuất hiện nhờ những điều kiện thuận lợi của cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất mà còn là kết quả của một quá trình vận động, tổ chức quần chúng từ thời kỳ những năm đầu thế kỷ XX. Đó là một nỗ lực của cách mạng Việt Nam nhằm bày tỏ tinh thần đấu tranh sau thời gian mà những phong trào ôn hòa như Đông du (bạo động nhưng bí mật), Duy tân bị ngăn chặn và dập tắt trong tức tưởi./.

NTT

NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI NĂM 1916 TẠI TRUNG KỲ

ThS. ĐỖ CAO PHÚC*

Với công cuộc khai thác thuộc địa của Pháp ở Đông Dương từ những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã làm gia tăng mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với Pháp càng sâu sắc dẫn đến các phong trào đấu tranh diễn ra trên qui mô lớn. Trung Kỳ là xứ bảo hộ, nơi đây từng diễn ra các hoạt động chống lại chính quyền thuộc địa, tiêu biểu vào năm 1916 nổ ra cuộc khởi nghĩa Việt Quang phục hội mà trong đó các yếu nhân Quảng Nam thể hiện vai trò của mình trong quá trình lãnh đạo phong trào.

1. Sự ra đời của tổ chức Việt Nam Quang phục hội

Tại nhà tù đường của Lưu Vĩnh Phúc ở Sa Hà, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc diễn ra hội nghị thành lập tổ chức Việt Nam Quang phục hội, bao gồm các đại biểu: Bắc Kỳ, Nam Kỳ, Trung Kỳ đã quyết định bãi bỏ *Duy tân hội* và thành lập *Việt Nam Quang phục hội* để phù hợp với tình hình thực tế. Vấn đề gay go nhất được thảo luận đó là theo quân chủ hay dân chủ, Phan Bội Châu là người đầu tiên đề ra và cũng là người tranh luận để bảo vệ chính thể dân chủ và được đa số tán thành. Thông qua Hội nghị đã nhất trí đồng ý đề: *Cường Để là hội trưởng, Phan Bội Châu là tổng lý hội*. Cơ quan lãnh đạo của Việt Nam Quang phục hội gồm ba bộ: *Bộ Tổng vụ; Bộ Bình nghị; Bộ Chấp hành*. Việt Nam Quang phục hội có tổ chức một lực lượng vũ trang mang tên “Quang phục quân”, có đặt ra Quốc kỳ, Quân kỳ, có cho phát hành “Quân dụng phiếu” lưu hành ở trong nước và Lưỡng Quảng¹. Như vậy,

*NCS. Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Đại học Sài Gòn.

¹ Dương Kinh Quốc (2001), *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*, NXB. Giáo Dục, Hà Nội, tr. 334.

Việt Nam Quang phục hội² (越南光復會) là một tổ chức cách mạng thành lập năm 1912 do Phan Bội Châu đề xướng theo chủ nghĩa dân chủ. Tôn chỉ của tổ chức này là: đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam.

Tháng 8 năm 1912, để tranh thủ sự giúp đỡ của cách mạng châu Á với cách mạng Việt Nam, Hội tổ chức “Hội chấn Hoa hưng Á”. Từ sau khi thành lập Hội đẩy mạnh hoạt động vũ trang, để gây tiếng vang “kinh thiên động địa” nhằm “thức tỉnh đồng bào”, “kêu gọi hồn nước”, Hội chủ trương ám sát những tên thực dân đầu sỏ kẻ cả Toàn quyền Albert Sarraut và những tên tay sai đắc lực của Pháp. Tiến hành những vụ bạo động nhằm gây tiếng vang lớn như vụ ám sát tuần phủ Thái Bình ngày 13.4.1913; vụ ám sát các sĩ quan Pháp tại khách sạn Hà Nội (26.4.1913). Tuy nhiên, do Hội có hạn chế trong đường lối lãnh đạo và sự kiểm soát bắt bớ, sẵn lòng của Pháp gay gắt nên hoạt động của Việt Nam Quang phục hội sau các vụ bạo động trên đã trở nên khó khăn hơn. Cuối năm 1913, Toàn quyền Đông Dương là A.Sarraut cấu kết với Long Tế Quang để bắt Phan Bội Châu và một số yếu nhân khác khi đang ở Trung Quốc, khi đó Long Tế Quang đã bắt Mai Lão Bạng và Phan Bội Châu rồi giam vào tù Quảng Đông (24.12.1913) và đến tháng 2.1917 mới được thả ra.

Từ khi Phan Bội Châu bị chính quyền Lưỡng Quảng bắt giam, tổ chức Việt Nam Quang phục hội cơ bản đã tan rã. Tuy nhiên, tại Trung Kỳ hoạt động của tổ chức này diễn ra mạnh mẽ với vai trò nòng cốt là Thái Phiên và Trần Cao Vân và có sự tham gia của vua Duy Tân đã tạo nên bước nhảy vọt quan trọng của phong trào đấu tranh chống Pháp ở Trung Kỳ mà đặc biệt là tại tỉnh Quảng Nam.

2. Nhân tố tác động và quá trình khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội tại Trung Kỳ

Với phạm vi hoạt động của Việt Nam Quang phục hội chủ yếu diễn ra ở các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và một số tỉnh lân cận cho thấy sức ảnh hưởng to lớn của tổ

² Theo *Ngọc trung thư* thì Việt Nam Quang phục hội được thành lập vào ngày 5.5 Nhâm Tý (19.6.1912).

chức này. Tuy nhiên, phong trào đấu tranh bị thất bại do kế hoạch bạo động tại kinh thành Huế bị lộ do đó tín hiệu đồng khởi nghĩa ở các địa phương trên không diễn ra. Trừ Quảng Nam, cuộc khởi nghĩa được tiến hành, theo tài liệu nghiên cứu có đề cập đến nội dung phong trào này, tôi được biết cuốn sách *Chí sĩ Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX của PGS.TS. Ngô Văn Minh* nội dung đề cập đến khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ đường Tam Kỳ vào năm 1916. Từ nhiều góc độ nghiên cứu, cho rằng đây là cuộc khởi nghĩa, nhưng cũng có quan điểm là mưu khởi nghĩa. Nhìn chung, mưu khởi nghĩa hay khởi nghĩa đã nói lên giá trị lịch sử sâu sắc của nhân dân ta đấu tranh quyết liệt chống lại âm mưu thống trị của Pháp. Bài viết làm rõ hơn nhân tố tác động đến việc quá trình khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội vào năm 1916 tại Trung Kỳ. Nhằm mục đích khai thác sâu về bài học, giá trị lịch sử trong lịch sử dân tộc thì tôi chọn Quảng Nam là nơi diễn ra hoạt động vũ trang chống Pháp.

2.1. Vùng đất Trung Kỳ và địa danh Tam Kỳ trong tiến trình lịch sử

Sau khi tiến hành chiến tranh xâm chiếm Việt Nam, để có thể cai trị được thực dân Pháp đã tiến hành thiết lập chính quyền thuộc địa trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Năm 1887, tổng thống Pháp quyết định thành lập Liên Bang Đông Dương, bao gồm Việt Nam và Campuchia (Cao Miên), trong đó Việt Nam bị chia cắt ra làm 3 kỳ: Bắc Kỳ, Trung Kỳ gọi là đất bán bảo hộ và bảo hộ, còn Nam Kỳ vẫn là xứ thuộc địa³. Năm 1899, nước Lào (Ai Lao) cũng bị thực dân Pháp sáp nhập vào Liên Bang Đông Dương⁴. Đến năm 1900, còn có thêm Quảng Châu Loan, phần đất của Trung Quốc do Pháp thuê cũng bị lệ thuộc vào. Phủ toàn quyền là cơ quan đầu não của Liên bang Đông Dương, đứng đầu là một viên toàn quyền người Pháp.

Trung Kỳ được chia thành 14 đơn vị hành chính gọi là tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên,

³ Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam 1897-1918*, NXB. KHXH, Hà Nội, 1999.

⁴ Dương Kinh Quốc, *Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước tháng 8.1945*, NXB. KHXH, H., 1988, tr.99.

Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Phan Rang, Bình Thuận, Đắk Lắk. Thành phố Đà Nẵng từ 1888 được Đồng Khánh nhượng cho Pháp trọn quyền sở hữu, gọi là nhượng địa. Trung Kỳ là xứ bảo bộ do một viên Khâm sứ Pháp đứng đầu. Triều đình Huế vẫn được duy trì với danh hiệu “chính phủ Nam triều” nhưng thực chất là chính phủ bù nhìn, tay sai của thực dân Pháp. Quyền hành thực sự trong tay Khâm sứ. Từ vua đến quan lại đều do người Pháp sắp đặt và trả lương.

Tam Kỳ là một phủ của tỉnh Quảng Nam, thuộc ven biển miền Trung của vùng đất Trung Kỳ. Phía đông giáp biển Đông; phía tây giáp Kon Tum và Lào; phía bắc cách thành phố Đà Nẵng 70 km; phía nam giáp Quảng Ngãi cách sân bay Chu Lai, cảng Kỳ Hà khoảng 30 km và cách khu công nghiệp và nhà máy lọc dầu Dung Quất khoảng 40 km, gần với QL1A, QL40 (đường Nam Quảng Nam) và kết nối với hệ thống giao thông quốc gia gồm đường sắt, đường bộ, hàng không, đặc biệt Quốc lộ 14D, 14B, 14E nối các huyện miền biển, trung du, đồng bằng và duyên hải, gắn kết với các tỉnh Tây Nguyên, Lào và khu vực.

Theo tiến trình lịch sử, Tam Kỳ có những thay đổi về địa giới và tên gọi. Trước thế kỷ XV, đây vốn là vùng đất Chiêm Động của vương quốc cổ Chăm-pa. Trong quá trình nam tiến, vùng đất này từng bước được sáp nhập vào lãnh thổ của Đại Việt dưới nhiều tên gọi khác nhau: từ năm 1400 đến 1406 là vùng đất thuộc châu Hoa dưới thời nhà Hồ; năm 1471, dưới triều vua Lê Thánh Tông, lập huyện Hà Đông, cùng với sự ra đời của Thừa tuyên Quảng Nam; năm 1841 dưới triều vua Thiệu Trị, huyện Hà Đông trực thuộc phủ Thăng Hoa, sau đó đổi thành phủ Thăng Bình. Năm 1906, huyện Hà Đông được nâng lên thành phủ Hà Đông và sau đó đổi thành phủ Tam Kỳ. Từ một phủ lỵ năm 1906 đến năm 1997 trở thành Thị xã tỉnh lỵ và nay là thành phố tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Nam. Trước đây, Tam Kỳ đặt tại làng Chiên Đàn (xã Tam Đàn - Phú Ninh ngày nay), năm 1906, thực dân Pháp và Nam triều đã dời về làng Tam Kỳ (thôn An Hòa, xã Tam Kỳ nay thuộc UBND phường An Mỹ) để dễ bề kiểm soát các phong trào yêu nước của nhân dân ta. Tại đây, Pháp xây dựng nhiều đồn bót

kiên cố làm địa điểm giam giữ những người yêu nước; đồng thời đặt các cơ quan đầu não để thuận tiện cho việc đàn áp các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Tam Kỳ và các vùng lân cận. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, được gọi là huyện Tam Kỳ; ngày 30.01.1951, Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung bộ đã ra Nghị định số 241-MNS thành lập thị xã Tam Kỳ, sau đó giải thể thị xã để lập xã đặc biệt Tam Kỳ. Từ năm 1962, vùng đất này thuộc quận Tam Kỳ của tỉnh Quảng Tín, nhưng là thị xã Tam Kỳ, thuộc tỉnh Quảng Nam theo cách gọi của ta (từ năm 1963). Sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (năm 1975), huyện Tam Kỳ được tái lập bao gồm cả 3 đơn vị hành chính là: huyện Nam Tam Kỳ, huyện Bắc Tam Kỳ và thị xã Tam Kỳ. Để phù hợp với sự phát triển trong thời kỳ mới, ngày 03.12.1983, theo Quyết định số 144/QĐ-HDBT của Hội Đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) chia huyện Tam Kỳ thành 2 đơn vị hành chính là: thị xã Tam Kỳ và huyện Núi Thành. Ngày 05.01.2005, theo Nghị định số 01/2005/NĐ-CP của Chính phủ, Tam Kỳ được chia tách thành 2 đơn vị hành chính là: thị xã Tam Kỳ và huyện Phú Ninh. Ngày 29.9.2006, theo Nghị định số 113/2006/NĐ-CP, Tam Kỳ đã trở thành thành phố trực thuộc tỉnh Quảng Nam⁵.

2.2. Nhân tố tác động đến quá trình khởi nghĩa

Có thể thấy được rằng, quá trình khởi nghĩa của tổ chức Việt Nam Quang phục hội tại các tỉnh Trung Kỳ vào năm 1916 được chi phối bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, được dẫn chứng cụ thể như sau:

Thứ nhất, sự ra đời của tổ chức Việt Nam Quang phục hội mà Phan Bội Châu đề xuất đã tác động mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh yêu nước. Tuy hoạt động của Hội bị tan rã vào cuối năm 1913 tại Quảng Châu, nhưng dưới ảnh hưởng của Hội từ các vụ bạo động trước đã tác động mạnh đến các yếu nhân Trung Kỳ, mà trong đó có hai nhân vật tiêu biểu là Trần Cao Vân và Thái Phiên, cả hai từng tham gia các tổ chức chống Pháp, như hội *Duy tân* hay *chống sưu thuế Trung Kỳ năm 1908*. Vì vậy, cuộc vận động khởi nghĩa của Thái

⁵<http://www.thanhuytamky.org.vn>.

Phiên và Trần Cao Vân bắt nguồn từ truyền thống cách mạng của nhân dân Trung Kỳ, chủ yếu là của nhân dân và sĩ phu Quảng Nam, Quảng Ngãi, phản ánh yêu cầu chống lại và cải bỏ ách thống trị của chính quyền thực dân Pháp, đáp ứng được yêu cầu thoát khỏi cuộc sống ngột ngạt vì chính chính sách động viên của Pháp trong những năm chiến tranh.

Thứ hai, Chiến tranh Thế giới lần nhất bùng nổ (1.8.1914), ngay từ đầu Pháp đã bị lôi kéo vào chiến tranh, trong khối Hiệp ước bên cạnh Anh, Nga, sau thêm Ý chống lại khối liên minh gồm Đức, Áo, Hungari, Bungari, Thổ Nhĩ Kỳ. Nhiệm vụ của chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương là động viên tận lực sức người, sức của Việt Nam phục vụ cho chính quốc tham chiến, đồng thời bằng mọi cách duy trì cho tất cả guồng máy ở Đông Dương hoạt động ổn định. Đường lối này đã được ba đời Toàn quyền trong chiến tranh là Van Vollenhoven, Ernest Roume và Albert Sarraut thực hiện một cách nhất quán. Ngay từ đầu của cuộc chiến, việc bắt lính chiến và lính thợ đưa sang Pháp được tiến hành ráo riết. Những lính chiến đầu sang Pháp bị đưa ra mặt trận đánh nhau hoặc làm lính công binh. Họ được luyện tập ít, bỏ ngõ, không quen thủy thổ nên bị chết rất nhiều.

Thứ ba, dưới chế độ bảo hộ Trung Kỳ là nơi tiếp thu những tư tưởng tiến bộ dân chủ, các sĩ phu yêu nước tiến bộ đầu thế kỷ XX chủ trương kết hợp cứu nước với duy tân, tức là học văn minh tư sản phương Tây, cải tạo xã hội Việt Nam cũ, xây dựng một nhà nước Việt Nam mới theo hình ảnh các nước tiên tiến lúc bấy giờ. Thực ra những tư tưởng này đã manh nha từ cuối thế kỷ trước với với người sớm nhạy cảm với thời cuộc như: Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ, Trương Vĩnh Ký. Xu hướng này còn được trợ lực, khích lệ bởi phong trào duy tân ở Á Đông được phản ánh qua tân thư, tân văn. Điều này cho thấy, đầu thế kỷ XX thì hai xu hướng yêu nước tiêu biểu của hai cụ: Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

Thứ tư, điếm qua sơ lược về các phong trào đấu tranh của nhân dân ta từ khi Pháp chiếm đóng. Kể từ năm 1884, triều đình phong kiến đầu hàng Pháp thì nhân dân ta đã nổi dậy. Trong xã hội phong

kiến lúc bấy giờ, tầng lớp văn thân hào mục là tầng lớp có năng lực hơn cả đứng ra lãnh đạo của kháng chiến. Mục đích đánh đuổi quân xâm lược để khôi phục nhà nước phong kiến. Những năm cuối thế kỷ XIX, Trung Kỳ là vùng đất diễn ra mạnh mẽ các hoạt động kháng chiến chống Pháp, tiêu biểu là: cuộc nổi dậy của phái chủ chiến ở kinh thành Huế năm 1885; phong trào nhân dân chống Pháp bình định (1885-1886) với các việc sĩ phu hưởng ứng Dụ Cần vương và các cuộc khởi nghĩa Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê.

Thứ năm, riêng ở Quảng Nam do đặc điểm và điều kiện riêng nên nơi đây đã sinh ra nhiều nhân tài, từ các nhà khoa bảng nổi tiếng đến các nhà cách mạng yêu nước lỗi lạc, tiêu biểu: Trần Quý Cáp, Hoàng Diệu, Phan Thành Tài, Nguyễn Duy Hiệu, Trần Cao Vân, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Thành, Phan Châu Trinh, Trần Văn Dư, Đỗ Đăng Tuyển, Mai Dị, Phan Thanh, Nguyễn Văn Trỗi, Trần Thị Lý. Đây là những nhân vật luôn đấu tranh chống Pháp đòi lại quyền độc lập cho dân tộc.

Thứ sáu, dưới chính sách khai thác thuộc địa của thực dân trong chương trình khai thác thuộc địa của Paul Dume triển khai làm gia tăng mâu thuẫn ngày càng sâu sắc giữa chính quốc với thuộc địa. Phong trào chống thuế của đồng bào Quảng Nam và sau đó là các tỉnh miền Trung diễn ra từ nửa đầu năm 1908 là một trong những sự kiện nổi bật của đòi chính quyền thực dân Pháp thực hiện quyền tự do, dân chủ, bình đẳng ở Việt Nam. Từ Quảng Nam, phong trào chống thuế nhanh chóng lan rộng khắp các tỉnh Trung Kỳ như Thừa Thiên - Huế, Quảng Trị, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa ở phía bắc và Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa ở phía nam. Vậy là, ngọn lửa yêu nước, căm thù bọn thực dân xâm lược và tay sai đã trở thành rừng lửa không lồ tuy chưa đốt cháy được chủ nghĩa thực dân nhưng cũng đã làm cho chúng lo sợ và quan trọng hơn, là tạo thêm niềm tin trong tầng lớp nông dân cho các cuộc tranh đấu ở giai đoạn sau.

Như vậy, từ các nhân tố trên đã tác động đến quá trình khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại Trung Kỳ năm 1916. Nhờ đó, mà ta thấy được rằng nơi đây luôn diễn ra mạnh mẽ, dẫn đầu các phong trào đấu tranh chống Pháp giành độc lập cho dân tộc.

2.3 Ảnh hưởng của Việt Nam Quang phục hội đến việc khởi nghĩa ở Quảng Nam

Các công việc chuẩn bị cho việc bạo loạn cơ bản đã hoàn thành, sự sắp xếp và bố trí các lực lượng ở các tỉnh được ổn định và chờ tín hiệu để khởi nghĩa. Ngày 3.5.1916 các yếu nhân quê Quảng Nam gồm Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Cơ lên đường ra Huế để trực tiếp chỉ huy cuộc khởi nghĩa. Đúng theo kế hoạch, khuya ngày 3.5.1916, Tôn Thất Đề cùng Nguyễn Quang Siêu và Phạm Hữu Khánh đưa vua Duy Tân ra khỏi hoàng thành. Tại các đồn trại của quân Pháp, số tân binh và cựu binh đã hưởng ứng khởi nghĩa rất nóng lòng chờ đợi. Nhưng chờ mãi không nghe tiếng pháo lệnh khiến họ càng thêm lo lắng. Có người chủ trương tự phá thành, nhưng cổng thành đã bị đóng kín. Chờ đến rạng sáng vẫn không thấy hiệu lệnh nên họ phải đành rút lui. Tại các tỉnh cũng vậy, vì không có pháo lệnh ở đèo Hải Vân không đốt lên được để báo hiệu cho Đà Nẵng; các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình cũng vậy. Đến ngày 5.5.1916 Thái Phiên bị bắt ở Truồi, đến ngày 6.5.1916, vua Duy Tân, Trần Cao Vân, Nguyễn Quang Siêu cũng bị bắt.

Riêng tỉnh Quảng Nam, cuối 1915 đầu 1916, công việc chuẩn bị khởi nghĩa đã được đẩy mạnh ở tất cả các phủ huyện. Tại tổng Phước Lợi thuộc phủ Tam Kỳ đã có đến 240 phục quốc quân và trên 2000 dân binh. Trên các sông Thu Bồn, Vĩnh Điện, Ba Kỳ và nguồn Ô Da, một số thuyền được tập trung lại, ban ngày lững lờ trên sông, tới khuya mới cập bến ở chỗ thanh vắng đã định sẵn. Trong thuyền là những phụ nữ làm nghề dệt lụa, vải ở các vùng Phú Phong, Tư Phú của Điện Bàn... khăn trương may quân trang cho phục quốc quân⁶. Theo kế hoạch khởi nghĩa như đã định trước, trước ngày khởi sự lực lượng khởi nghĩa ở các địa phương tập kết về một địa điểm để chuẩn bị tiến đánh các đồn binh lính Pháp và các cơ quan Nam triều như phủ, huyện đường và tỉnh đường. Đồng thời còn kéo một cánh quân ra ém sẵn ở chung quanh kinh thành Huế. Ở phủ Điện Bàn, nghĩa quân dưới sự chỉ huy của Trần Chương (là cháu của Trần Cao Vân),

⁶ Ngô Văn Minh, *Chí sĩ Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX*, NXB. Đà Nẵng, 2012, tr.205.

dù không nhận được lệnh khởi nghĩa, Trần Chương trèo thành vào trước, đốt một cái nhà bỏ trống để làm hiệu nhưng lính tập đã bị thu hết và đốt cháy một số nhà tranh bỏ trống để làm tín hiệu, nhưng do nghĩa quân chỉ trang bị bằng gậy gộc nên bị lính tập giải giáp. Biết lộ nên các đội phục quốc quân và dân binh được lệnh tự động giải tán. Lúc bấy giờ phủ Tam Kỳ gồm 7 tổng: *tổng An Hòa, Đức Hòa, Đức Tân, Phú Quý, Chiên Đàn, Vinh Quý và Phước Lợi*. Trải qua các đời tri phủ Từ Thiệp, Tạ Thúc Xuyên, Ung Úy, Lê Trung Khoản, Phan Trúc Ngô, Hoàng Yên, Trần Đạo Tề, Nguyễn Hữu Tụ, Các Văn Huý và Trần Kim Lý; dù không có lệnh nhưng gần 1.500 phục quốc quân và dân binh dưới sự chỉ huy của Trần Huỳnh và Trầm Tùng Vân từ nơi tập kết đầu ở một đám ruộng cạnh gọi là đám Trang, trước đình làng Phú Vang, cạnh sông Cà Dong (huyện Tiên Phước) vẫn tiến xuống hợp cùng các cánh quân khác từ các làng Ngọc Mỹ, Kim Đái, Trường Xuân, Khương Mỹ, Quý Thượng kéo đến bao vây phủ đường. Trầm Tùng Vân bắn một phát súng làm thủng một lỗ bên trái tiền đường, rồi phục quốc quân tràn vào bên trong, nhưng tất cả quan lại đều đã bỏ trốn. Đội quân này kéo sang vây tòa đại lý, song viên đại lý người Pháp cũng đã bỏ trốn từ trước nên họ chỉ giải thoát được một số lính tập đang bị giam, phá kho thu 2 khẩu súng trường và một số đạn, tịch thu quần áo và mũ của viên đại lý. Một cánh quân khác trên 150 người cũng xuất phát từ đám ruộng Trang, do Lê Tiệm chỉ huy kéo sang Tích Phước rồi lên Thạnh Bình, Tứ Chánh để tiến đánh đồn Trà My. Tại đây đồn trại cũng bỏ trống nên Lê Tiệm cho quân lui về lại Thạnh Bình. Sau khi rút lui trong đêm 3.5.1916, các đội nghĩa binh còn lại đã phân tán về các làng mình. Sáng hôm sau, Pháp điều thêm quân từ Hội An đến và tiến hành việc lùng sục các tổng, các làng để vây bắt nghĩa binh. Một số nghĩa binh đã bỏ làng rút vào rừng để ẩn tránh. Sau nửa tháng, Pháp bình định được và đưa lại trật tự an ninh trong phủ Tam Kỳ.

Vụ khởi nghĩa hoàn toàn bị thất bại, Pháp ra sức bố ráp bắt giam những người tham gia khởi nghĩa. Trần Huỳnh, Tổng lãnh binh vụ phá phủ Tam Kỳ, bị tòa Nam án tỉnh Quảng Nam xử án vào ngày 26 tháng 4 năm Bính Thìn (27.5.1916) với tội trạng: “Dụng ngũ kỹ mê hoặc nhân tâm, tích binh khí vi huỳnh phiến biến”. Nghĩa là: Dùng 5

điều quân kỹ để mê hoặc lòng người, chứa vũ khí lập lòe làm giặc. Khi ra pháp trường tại cầu Chợ Cui, ông dọng đặc hô lớn: “Giọng giống Hồng Lạc thiên thu Việt Nam vạn tuế”⁷.

Theo tài liệu của thực dân Pháp để lại, thì trong những ngày đó tình hình như sau: tại Quảng Ngãi xuất hiện nhiều tốp nghĩa binh, khá đông, vũ trang bằng dao và mác, đã vận động suốt ngày đêm, tại nhiều địa điểm trong tỉnh và với tư thế sẵn sàng chiến đấu; tại Quảng Nam có khoảng từ 250 đến 300 nghĩa binh, chia làm hai nhóm, đã công khai tấn công một đội lính tại địa hạt Tam Kỳ rồi rút lui an toàn; xung quanh bên cạnh Đà Nẵng và Hội An cũng xuất hiện nhiều tốp nghĩa binh với tư thế sẵn sàng chiến đấu, riêng tại Huế có khoảng 50 thủ lĩnh nghĩa quân (trong số này có vua Duy Tân) từ Quảng Nam, Quảng Ngãi đến để vận động, tổ chức nghĩa quân chuẩn bị tấn công Tiểu đoàn thứ 16 để cướp vũ khí, trong khi đó ở quanh thành Huế, xuất hiện nhiều tốp nghĩa quân, mỗi tốp chừng 50 đến 80 người, đóng rải rác khắp các cánh đồng, sẵn sàng chờ lệnh tấn công thành Huế, số thủ lĩnh này đã họp kín với vua Duy Tân vào hồi 10 giờ đêm ngày 3.5.1916 và vua Duy Tân đã ra lời kêu gọi quan lại, sĩ dân nổi dậy khởi nghĩa. Trong khóa họp thường kỳ năm 1916 của Hội đồng Chính phủ Đông Dương, khi đề cập đến sự kiện này, bọn cầm quyền thực dân Pháp đã nhận định như sau: “... Phong trào hồi tháng 5.1916 vừa qua, cũng giống như các cuộc phiến loạn hồi năm 1908 là sự nghiệp của đảng phái cách mạng đang có hoạt động chống lại sự nghiệp của người Pháp. Bởi vậy, phần lớn bọn thủ mưu là những văn thân đã can dự vào vụ 1908 và vẫn đang có liên lạc với những phần tử người Trung Kỳ đã trốn ra nước ngoài và bọn này cũng không ngừng bắt liên lạc với người của chúng còn ở lại Trung Kỳ hay đã trở lại Trung Kỳ. Bọn chúng đã mưu toan nhân cơ hội nước Pháp đang bận bịu về cuộc chiến tranh ở châu Âu mà gây rối loạn ở Đông Dương nhằm đánh đuổi người Pháp ra khỏi đất nước An Nam, giành nền độc lập cho xứ sở”⁸.

⁷ Ngô Văn Minh, *Chí sĩ Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX*, NXB. Đà Nẵng, 2012, tr.231.

⁸ Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1945*, Tập II: 1897-1918, NXB. HXH, Hà Nội, 1982, tr.234.

Việc khởi nghĩa tại phủ đường Tam Kỳ của Việt Nam Quang phục hội vào năm 1916 đã phân nào làm rõ được quá trình đấu tranh chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Nam nói riêng mà cả dân tộc Việt Nam nói chung. Qua đó thấy được nguồn gốc sâu xa của quá trình đấu tranh này nhằm mục đích khôi phục lại đất nước, đánh đuổi Pháp để giành độc lập. Tuy nhiên, với lực lượng và trang thiết bị mạnh nên Pháp nhanh chóng đàn áp, dập tắt các vụ bạo loạn.

3. Kết luận

Từ đầu những năm đầu thế kỷ XX các phong trào đấu tranh chống Pháp liên tiếp bùng nổ, đặc biệt là hoạt động của Việt Nam Quang phục hội tại khu vực Trung Kỳ năm 1916 đã để lại những giá trị lịch sử tiêu biểu cho dân tộc. Với quy mô diễn ra rộng khắp, tổ chức này đã tập hợp, quy tụ nhiều lực lượng tham gia nhưng do những hạn chế nhất định nên phong trào nhanh chóng bị thất bại. Tuy các phong trào nổ ra chưa thành công nhưng đã có tiếng vang lớn cảnh báo sự lung lay của chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương, đồng thời khẳng định tinh thần yêu nước, đấu tranh bất khuất, đoàn kết của nhân dân ta trong suốt chiều dài lịch sử chống ngoại xâm./.

ĐCP

KHỞI NGHĨA THÁI PHIÊN - TRẦN CAO VÂN QUA MỘT SỐ TÀI LIỆU LƯU TRỮ

ThS. LƯU ANH RÔ*

Cho đến nay, mặc dù nhiều công trình lịch sử địa phương tại Quảng Nam và Đà Nẵng hầu hết đều có đề cập đến cuộc khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân, một sự tự hào rất chính đáng, song vẫn chưa có một công trình nào đề cập một cách đầy đủ, đa chiều, đa diện về cuộc khởi nghĩa này. Do phần nhiều các tài liệu được công bố lâu nay chủ yếu dựa vào các hồi ức, các ghi chép được lưu trữ tại các gia tộc có các yếu nhân tham gia phong trào; một số tài liệu được sưu tầm tản mác đó đây (chủ yếu là trong nước), nên diện mạo của cuộc khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân tại địa bàn Quảng Nam và Đà Nẵng vẫn còn nhiều vấn đề tồn nghi, mâu thuẫn lẫn nhau.

Bằng những tài liệu vừa được phát hiện, hiện đang lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ quốc gia hải ngoại ở Aix-en-Provence (Pháp), bài viết này chúng tôi xin trình bày các nét chính liên quan đến các nhân vật, sự kiện, diễn biến của cuộc Khởi nghĩa Thái phiên - Trần Cao Vân tại địa bàn Quảng Nam và Đà Nẵng mà chúng ta ít được biết đến.

1. Quảng Nam Đà Nẵng - địa bàn trọng điểm của khởi nghĩa

Từ xưa, Quảng Nam - Đà Nẵng luôn là một đơn vị hành chính chung (Từ thế kỷ XIX đến những năm đầu thế kỷ XX, tỉnh Quảng Nam gồm có 4 phủ: Điện Bàn, Duy Xuyên, Thăng Bình và Tam Kỳ, 4 huyện: Hoà Vang, Đại Lộc, Quế Sơn, Tiên Phước, cùng hai đô thị lớn là Hội An và Đà Nẵng (tức Tourane)¹. Tuy nhiên, do có vị trí

* Hội Khoa học Lịch sử thành phố Đà Nẵng.

¹ Tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng trước đây nằm ở toạ độ 15⁰13'-16⁰12' vĩ độ Bắc và 107⁰13'-108⁰44' kinh độ Đông; phía bắc giáp tỉnh Thừa Thiên Huế, phía nam giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía đông giáp biển Đông, phía tây giáp tỉnh Kon Tum và nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào. Chiều ngang từ biển đến biên giới Việt - Lào chỗ rộng nhất là 125 km và chỗ hẹp nhất là 72 km, bờ biển dài 150 km, từ đèo Hải Vân đến vịnh Dung Quất (Vũng Quất). Diện tích tự nhiên là 11.989 km². Trên vùng biển của Quảng Nam - Đà Nẵng có nhóm đảo Cù

trọng điểm sát kinh đô, lại có hải cảng lớn nên Đà Nẵng luôn là một địa bàn vô cùng trọng yếu đối với cả Quảng Nam và kinh đô Huế. Việc các yếu nhân của cuộc khởi nghĩa có gốc là người Quảng, địa bàn Quảng Nam và Đà Nẵng được xác định là một trọng điểm của cuộc khởi nghĩa (do sát kinh đô Huế, nơi có thể lập căn cứ để kháng chiến chống Pháp lâu dài tại Trung Man (Hiên), Bến Giằng (Giằng) như Thái Phiên - Trần Cao Vân đã trù liệu) cho thấy vị trí chiến lược của vùng đất này.

Cuối thế kỷ XIX, người Pháp đã nhận thấy vị trí quan trọng của hải cảng Đà Nẵng trong ý đồ đánh chiếm nước ta: *“Đà Nẵng là một trong những hải cảng đẹp nhất thế giới, với 100 lính Âu Châu và 150 lính Phi Châu phòng ngự bằng một pháo đài mà gỗ có sẵn tại chỗ để cung cấp vật liệu, thì có thể giữ vững, chống lại lực lượng của xứ Đàng Trong”*². Từ thương nhân đến các giáo sĩ hay những nhà quân sự phương Tây có dịp đến Đà Nẵng lúc bấy giờ, đều nung nấu một khát vọng mạnh mẽ là đánh chiếm Đà Nẵng để chia cắt đất nước ta, làm bàn đạp tấn công kinh đô Huế nhằm làm vô hiệu hóa sức đề kháng của nhân dân ta. Theo Taboulet thì: *“Đà Nẵng là nơi rất dễ phòng thủ, một đồn binh nhỏ nó có thể làm ra pháp luật và cắt đứt giao thông từ tỉnh này sang tỉnh khác, thì sự kháng cự của nhân dân sẽ yếu ớt”*³. Vì lẽ đó, Trung tướng Rigault cho rằng chỉ cần đánh chiếm Đà Nẵng để khống chế mặt biển, vượt Hải Vân để đánh vào kinh đô Huế và *“Chỉ cần chiếm được Huế thôi là chắc chắn bẻ gãy ý chí kháng cự của đối phương”*⁴.

Mãi sau này, sau khi đã “bình định” được nước ta, trong nhận thức của các tướng lĩnh Pháp đều có cái nhìn chung quát về vị trí chiến lược của Đà Nẵng như trên. Đúng như lời Tướng De Castries đã nói: *“Trong dải đất nhỏ hẹp đó (tức miền Trung), thì “Tua-ran” (tức Đà Nẵng), rất đáng giá về quân sự. Đà Nẵng là hải cảng và là căn cứ hải quân và không quân quan trọng. Vì thế, Đà Nẵng là điểm*

Lao Chàm, nằm cách thị xã Hội An 40 km và quần đảo Hoàng Sa gồm trên 120 đảo, cách phần đất liền Đà Nẵng 170 hải lý, nằm ở toạ độ 15°45'-17°07' vĩ độ Bắc và 111°-113° kinh độ Đông, diện tích 305 km².

² Taboulet, Georges: *La Geste Francaise en Indochine, T1*, Paris, 1955, tr. 150.

³ Taboulet, sdd, tr.146.

⁴ Taboulet, sdd, tr.437.

giữa, điểm phòng thủ chiến lược, kiểm soát đường biển, đường bộ và đường hàng không của toàn miền Trung Đông Dương. Bản thân của “*Tua-ran nhỏ*” rất dễ bảo vệ và rất khó bị tấn công hoặc bị đánh chiếm, vì 1 phía là biển, 2 phía là núi. Đèo Hải Vân và núi Sơn Trà là những cao điểm thiên nhiên quý giá bảo vệ cho Đà Nẵng”. Từ nhận định trên De Castries cho rằng: “Đà Nẵng được bảo vệ theo 2 kế hoạch: “*Tua-ran nhỏ*” (*Petite Tourane*) và “*Tua-ran lớn*” (*Grande Tourane*). “*Tua-ran lớn*” bao gồm cả vùng Lăng Cô, đèo Hải Vân, An Ngãi Tây, Hội An, Tam Kỳ và vùng biển khơi xa bờ 15km. Nếu không giữ được toàn bộ “*Tua-ran lớn*” thì quyết bảo vệ cho bằng được “*Tua-ran nhỏ*”. Đó là vùng đỉnh đèo Hải Vân trở vào gồm: *Tua-ran phố*, *Tua-ran cảng*, bán đảo Sơn Trà, Hội An và vùng hải phận xa bờ khoảng 15km. Cả “*Tua-ran nhỏ*” và “*Tua-ran lớn*” đều được bảo vệ chắc chắn bằng 3 lực lượng hải, lục, không quân mạnh, kể cả hỏa lực pháo binh nặng đã tính sẵn thành ô vuông khắp đồng bằng và núi cao”⁵. Nhắc lại điều này để chúng ta thấy rằng, các vị trí nỏ ra cuộc khởi nghĩa tại Quảng Nam như Tam Kỳ, Hội An, Đà Nẵng, đèo Hải Vân đều nằm trong tầm kiểm soát về quân sự, chính trị của thực dân Pháp. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà Thái Phiên - Trần Cao Vân chọn Quảng Nam và Đà Nẵng là địa bàn chiến lược của cuộc khởi nghĩa năm 1916.

Chọn Quảng Nam, Đà Nẵng làm địa bàn chiến lược của cuộc khởi nghĩa, các yếu nhân của phong trào này còn hướng đến tinh thần “nghĩa khí cương cường”, ý chí chống giặc ngoại xâm của lực lượng sĩ phu và nhân dân tại đây. Như chúng ta đã biết, ngay sau khi triều Huế đầu hàng thực dân Pháp, Quảng Nam là nơi nỏ ra phong trào Cần vương mạnh mẽ nhất Trung Kỳ. Tiếp đó, Phong trào chống thuế 1908, nỏ ra ở Quảng Nam và lan khắp Trung Kỳ, với sức mạnh của lòng “chuyên nhất”, chí “kiên quyết”, “hành động sáng tỏ”, sĩ dân Quảng Nam đã giáng một đòn chí mạng vào chính sách cai trị của thực dân Pháp và phong kiến Nam Triều.

Từ tất cả các phong trào trên, thực dân Pháp tại Quảng Nam đã thấy được Quảng Nam là “xứ bất trị nhất tại Trung Kỳ”: “*Không còn nghi ngờ gì nữa, không bao giờ mà tinh thần quốc gia lại được trở*

⁵ Lê Mạnh Thái: *Hồi chuyện tướng Đờ Cát*, NXB. Thanh Niên, Hà Nội, 2000, tr.164.

dậy rất hăng hái trong những năm gần đây. Tỉnh Quảng Nam chắc chắn là tỉnh có tinh thần quốc gia nhiều hơn hết ở Đông Dương. Những phần tử có liên quan đến những sự việc xảy ra năm 1908 và 1916 còn giữ những quan hệ liên tục với nhau về lòng trong sạch của họ và trở thành một lực lượng tích cực có quan hệ với những người cộng sản Đông Dương. Người ta tưởng rằng như thế tỉnh Quảng Nam là một tỉnh căn bản bảo hoàng. Sự thật không phải thế”⁶.

Điều này một lần nữa được khẳng định và kiểm chứng, khi gần một năm trước khi nổ ra cuộc khởi nghĩa (tháng 5.1916), từ nguồn tin của Nha Chính trị và Bản xứ, Toàn quyền Đông Dương đã có bức công điện số 1321 sau đây gửi cho Khâm sứ Trung Kỳ cho biết: “Một nguồn tin rất chính xác cho biết trung tâm của cuộc nổi loạn là ở vùng Trà My, phủ Tam Kỳ - Tỉnh Quảng Nam do các tên ẩn náu từ Xiêm trở về. Cuộc nổi dậy đang chuẩn bị tại vùng này của tỉnh Quảng Nam và tỉnh Quảng Ngãi ở lân cận. Cần đề phòng và báo cáo tình hình”. Một tài liệu khác cho thấy sự liên hệ giữa các yếu nhân của phong trào đối với các lãnh đạo của Việt Nam Quang phục hội bên ngoài: “Những người An nam di cư sang Xiêm đã từ lâu khuyên là nên để những người có tiền án trong vụ biến động năm 1908 đảm nhiệm, và chính những người này đã được các mật vụ người Đức cố vấn. Hội đồng tối cao của cuộc khởi nghĩa (bộ tham mưu của Thái Phiên gồm): Thái Phiên, Trần Cao Vân (thầy phù thủy và bạn Vua Duy Tân), Phan Thành Tài, Hương Thủy”⁷. Toàn quyền Đông Dương Roume sau này đã tự kiểm điểm trong báo cáo ngày 20.5.1916 gửi về Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp, như sau: “Từ tháng 6 năm 1915, dựa trên tin tức được Nha Chính trị và Bản xứ cung cấp, tôi đã chỉ rõ với Khâm sứ Trung Kỳ rằng tại tỉnh Quảng Nam, phủ Tam kỳ, nơi đã diễn ra các cuộc rối loạn cuối cùng của thời gian trước, thì nay đang tồn tại một ổ phiến loạn do những kẻ cầm đầu từ Xiêm trở về đề chuẩn bị cho một phong trào phiến loạn tại tỉnh Quảng Nam và tỉnh lân cận là Quảng Ngãi”⁸. Một tài liệu khác cũng cho thấy sự liên hệ giữa Quảng Nam và Quảng Ngãi, giữa Thái Phiên - Trần Cao Vân đối

⁶ Báo cáo chính trị từ tháng 6.1934 đến tháng 6.1935 của Sở mật thám Quảng Nam. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

⁷ Tài liệu số 188, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

⁸ Tài liệu số 10, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

với vua Duy Tân trước khi cuộc khởi nghĩa nổ ra: “Theo hải điện tín số 199, 1T, 2T và 7T của các ngày 6, 8, 10 tháng 5 tôi đã báo cáo về những biến cố xảy ra tại Trung Kỳ có đoạn đáng chú ý: “Ngày càng rõ là nhà vua trẻ này (tức vua Duy Tân), đã liên lạc với những kẻ phiến loạn đã từ lâu, cùng với họ chuẩn bị cho cuộc nổi dậy đầu tiên ở hai tỉnh thường hay làm loạn là Quảng Nam và Quảng Ngãi”⁹.

2. Huy động lực lượng, rèn đúc vũ khí tại Quảng Nam

Một công việc quan trọng hàng đầu mà Thái Phiên, Trần Cao Vân và cả tổ chức Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ ra sức tiến hành là việc vận động và tuyển mộ nguồn nhân lực chuẩn bị cho khởi nghĩa.

Tại Quảng Nam, trước giờ khởi nghĩa, công tác tuyển mộ binh lính, rèn đúc vũ khí được triển khai hết sức khẩn trương. Một số tài liệu trong khuôn khổ đề tài này cho thấy việc tuyển mộ dân binh cho cuộc nổi dậy tại Quảng Nam vô cùng sôi động. Từ các yếu nhân của phong trào, công tác tuyển mộ dân binh được giao cho nhiều vị ở các địa phương khác nhau. Điều này được Phan Thành Tài cho biết như sau: “Việc mộ binh phải đạt cho được từ 500 đến 600 người. Chi phí cho việc tuyển mộ do Trần Cao Vân và Thái Phiên chi trả với yêu cầu có chữ ký của người nhận tiền. Tôi thường thấy Trần Cao Vân phái Thừa Phong người làng La Bông đi lấy chữ ký ở Bình Định và Phú Yên song tôi không nhớ là chi hết bao nhiêu và tên những người ký tên.

Sau đây là danh sách những người chịu trách nhiệm mộ lính ở các địa phương: Tại phủ Tam Kỳ: Phó Bêm, người làng Tân Tây, Xã Duân người làng Phú Quý - Ngọc Giáp, Nguyễn Thuyên, làng Tân An Tây, Lê Thùy tự Lê Tùng, làng Thạnh Mỹ Trung. Tại huyện Đại Lộc: Đội Đóa làng Quảng Huế Trung. Tại phủ Điện Bàn: Nguyễn Trình làng Bảo An Tây, Phan Khôi làng Phong Thử. Tại huyện Duy Xuyên: Nguyễn Nhân làng Phúc An, Nguyễn Uýnh làng Mỹ Lộc. Tại huyện Quế Sơn: Thầy Lãm làng Trung Lộc. Tại phủ Thăng Bình. Huỳnh Phùng làng Tiên Đóa, huyện Diên Phước. Tại huyện Hòa Vang: Do Thông Phiên trực tiếp nên tôi không rõ tên những người đứng ra mộ

⁹ Tài liệu số 10, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

binh... Thông Phiên trực tiếp giao tiền cho Huỳnh Phùng ở Thăng Bình và Phan Khôi ở Điện Bàn... Tiền còn lại ở tôi là 185 đồng dùng để dệt 130 cây vải xanh (chỉ dọc màu trắng, chỉ ngang màu xanh) để phân phối cho những người đứng ra mộ lính (xem danh sách những người đó ở phía trên) để may đồng phục. Còn dao, mác, mã tấu do người phụ trách lính lo liệu. Việc sắm cò, đúc ấn, đúc con dấu do Thông Phiên chịu trách nhiệm”¹⁰. Ông Lương Đình Thự ở thôn Phú Quý Thượng, tổng An Hòa, Quảng Nam cũng cho biết việc triển khai tuyển mộ dân binh ở vùng quê ông trong những ngày tháng 4.1916 đã được tiến hành như sau: “Xã Mới còn nói với tôi có nghe Xã Hai đã tuyển mộ được một số người để tham gia vào cuộc nổi dậy... ông nói với tôi là đã tuyển mộ được 20 người và đã chuyển cho Xã Hai để đưa đến Phú Hòa...”¹¹.

Từ các tài liệu mới cho ta thấy việc tuyển mộ dân binh chủ yếu diễn ra ở các làng khắp tỉnh, việc liên hệ với anh em công nhân tại mỏ đồng Đức Bồ, đồn điền chè Đức Phú, đồn điền chè Phú Thượng, mỏ vàng Bồng Miêu... như lâu nay trong các tài liệu được công bố là không rõ ràng và không đủ sức thuyết phục. Điều này, được viên Công sứ Pháp ở Quảng Nam - Lesterlin cho biết: “Ở Tam Kỳ, người ta đã chuyển sang hành động: 200 đến 250 người được tuyển mộ ngay ngày hôm đó, trung bình mỗi người được phát từ một đến hai đồng và một chiếc áo vải mỏng màu xanh. Những người này phần lớn là những tên tưng bấn, sống bằng cướp giết và cưỡng đoạt”; “những tên kẻ cướp chỉ có gươm, đao, giáo, mác, không có một khẩu súng, một viên đạn,... nên cuộc tấn công của họ bị thất bại ngay”; “Còn những kẻ khác tham gia vì được của bố thí là một đồng bạc và một bộ áo quần”. Bỏ qua cái nhìn phiến diện của một tên thực dân trong đoạn trích vừa dẫn, chúng ta nhận thấy rằng, mục tiêu lôi cuốn anh em công nhân, lính tập, lính thợ (cả nghỉ hưu và đương chức) tại Quảng Nam và Đà Nẵng là không được chú ý đúng mức.

Càng gần đến ngày khởi nghĩa, công việc tuyển mộ dân binh thêm khẩn trương và việc tuyển mộ, vận động, lôi kéo lính khổ xanh, lính mộ được đặt ra gấp rút. Trong một tài liệu, viên công sứ Lesterlin

¹⁰ Tài liệu số 42, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

¹¹ Tài liệu số 50, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

ở Quảng Nam cho biết điều này, dù rằng ông ta nói quanh co để giảm bớt tầm mức của sự kiện: *“Trong những ngày cuối họ bí mật tuyển người, lôi kéo các người chỉ huy trong đội lính khố xanh thuộc các tiểu đoàn lính mộ mới được thành lập. Âm mưu đó hình như thực hiện được ở Quảng Ngãi, còn ở Hội An tôi không thấy một bằng chứng khả nghi nào trong số những người của chúng ta ở tỉnh lý... Người ta có nói đến một số toán phiến loạn đi ghe đến Hội An, nằm vùi trong bãi cát cạnh thành phố để chờ tín hiệu hành động. Nhưng không một ai thấy họ, cho nên sự việc không chính xác. Nhưng ở thành tỉnh thì khác. Ở Tam Kỳ họ đã tuyển mộ được 200 đến 250 người...”*¹².

Trần Cao Vân, Thái Phiên và các thủ lĩnh khác của Việt Nam Quang phục hội đã vừa triển khai việc tuyển mộ dân binh, vận động binh lính địch ủng hộ cách mạng, vừa cho rèn đúc vũ khí, may cờ, sắm sửa mọi vật dụng cần thiết sẵn sàng cho khởi nghĩa. Bản báo cáo của Trigon, Khâm sứ Trung kỳ ngày 10.7.1916 nhắc lại rằng: *“Tổ chức phản loạn đã tiến hành may đồng phục, may cờ, rèn đúc vũ khí như giáo, mã tấu, và sản xuất cả bom... Việc khám phá ra một số giáo, mã tấu, guom, thang và bom đã làm sáng tỏ những dự định của những người khởi nghĩa. Những quả bom... là loại bom tự chế gồm có khối thuốc nổ đen, có những mảnh sắt vụn được đóng vào những giỏ đan bằng tre. Cũng đã phát hiện ra những bó rựa được đưa tới các hào quanh thành Hội An...”*

Cùng với huy động lực lượng, việc sắm vũ khí, may cờ, may quần áo cho nghĩa quân cũng được triển khai rộng khắp và cấp bách. Từ lời khai của Phan Thành Tài, cho thấy việc sản xuất vũ khí và may cờ, may đồng phục như sau: *“Trong những ngày đầu của tháng 3, tôi đã nhận được 300 đồng do Trần Cao Vân giao và đã chi như sau: Chi cho Đội Đóa là 15 đồng. Đưa cho Phó Bém, Lê Thùy, Nguyễn Uýnh, Nguyễn Trình, Nguyễn Phiên mỗi người 20 đồng (20đ x 5 thành 100đ cộng 15 đ thành 115đ). Tổng cộng hết 115 đồng. Thông Phiên trực tiếp giao tiền cho Huỳnh Phùng ở Thăng Bình và Phan Khôi ở Điện Bàn. Tiền còn lại ở tôi là 185 đồng dùng để dệt 130 cây vải xanh (chỉ dọc màu trắng, chỉ ngang màu xanh) nhằm để phân phối cho những người đứng ra mộ lính để may đồng phục. Còn áo, quần...”*

¹² Tài liệu số 75, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

mác, mã tấu do người phụ trách lĩnh lo liệu. Việc sắm cò, đúc con dấu, do Thông Phiên chịu trách nhiệm”¹³.

Về việc may cò, rèn vũ khí được tập sách *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930-1975)* cho biết như sau: “*Tại Quảng Nam và Đà Nẵng, không khí chuẩn bị khởi nghĩa rất sôi nổi như: thành lập các đội nghĩa binh, lạc quyền tiền bạc, rèn vũ khí. Chị em dệt vải, dệt lụa ở Tư Phú, Giao Thủy được huy động đem cả khung cửi xuống thuyền dệt vải rằn để may quân trang cho nghĩa quân. Thuyền đậu ở những nơi thanh vắng trên các sông: Thu Bồn, Vĩnh Điện, Tam Kỳ... bí mật dệt vải. Các thợ rèn Phú Xuân, Thanh Hà được gọi về các căn cứ Phước Sơn, Phú Vinh nổi lửa ngày đêm sản xuất vũ khí. Công nhân mỏ vàng Bồng Miêu, mỏ than Nông Sơn, các đồn điền Tùng Sơn, Đúc Phú phần lớn bỏ việc về quê tham gia chuẩn bị khởi nghĩa”¹⁴. Theo lời kể của bà Phan Thị Châu Liên - con gái cụ Phan Châu Trinh cho chúng ta biết cụ thể hơn như sau: “*Bà Cử Phú Lâm này nhà giàu nhưng rất tốt, bà tài trợ cho ông Lương Trọng Hối và ông Trần Thuyền con ông Trần Quý Cáp đi học. Trong vụ khởi nghĩa Duy Tân, có vua Duy Tân tham dự, bà tổ chức việc dệt vải rằn, đưa cho các nhà nghèo quanh xóm dệt hoặc đưa lên núi dệt rồi may thành quần áo, bỏ vào những cái chậu thau giả đi buôn chè, buôn cau, dùng chè cau phủ lên trên, chở xuống Hội An, đưa ra Huế cho quân khởi nghĩa”¹⁵.**

Tại Tam Kỳ, các tầng lớp nhân dân ủng hộ về lương thực, tài chính, giúp đỡ về hậu cần; các hào phú trong phủ như Lê Khâm Duy (tức Bát Kiện) ở Hòa Hạ, Bá Ba ở Thanh Lâm... là những người đóng góp tiền bạc và lúa gạo nhiều nhất cho nghĩa quân. Một nhóm phụ nữ là thợ dệt, thợ may ở các vùng Tam Kỳ, Bãi Dương, Cầu Duối v.v... đã bí mật dùng thuyền rở, thuyền ghe chở hàng đậu dọc sông Ba Kỳ ở vùng Phú Ninh, Trường Cửu dệt vải may quân phục, túi rết, các nhóm thợ rèn ở nhiều nơi được huy động đến phối hợp với xóm lò rèn ở Xuân Trung để rèn giáo gươm trang bị cho nghĩa quân. Các nhân

¹³ Tài liệu 42, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

¹⁴ Tỉnh ủy Quảng Nam-Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ QN-ĐN (1930 - 1975)*, 2005, tr. 47.

¹⁵ Nguyễn Thúy: “Chuyện về con gái cụ Phan Châu Trinh”, Lưu Anh Rô biên tập và hiệu đính, *Tạp chí Huế Xưa&Nay*, số tháng 7.2002.

vật quan trọng thành lập và chỉ huy lực lượng nghĩa quân phủ Tam Kỳ vào thời đó gồm có:

- Trần Huỳnh chỉ huy đội nghĩa binh Tân An Tây
- Trần Ni chỉ huy đội nghĩa binh Trường Xuân
- Lê Tiệm chỉ huy đội nghĩa binh Thanh Bình
- Trịnh Uyên chỉ huy đội nghĩa binh Kim Đái
- Trần Thu chỉ huy đội nghĩa binh Ngọc Mỹ
- Võ Dương chỉ huy đội nghĩa binh Khương Mỹ
- Lương Đình Thự chỉ huy đội nghĩa binh Quý Thượng
- Nguyễn Tình chỉ huy đội nghĩa binh An Hoà
- Nguyễn Kế chỉ huy đội nghĩa binh Vân Trai...

Tuy nhiên như chúng tôi đã nói, sự hiện diện của anh em “Công nhân mỏ vàng Bồng Miêu, mỏ than Nông Sơn, các đồn điền Tùng Sơn, Đức Phú phần lớn bỏ việc về quê tham gia chuẩn bị khởi nghĩa”, như tài liệu vừa dẫn, không được tài liệu nào trong khuôn khổ đề tài này cho ta thấy rõ điều đó. Chúng ta chỉ có thể suy đoán là có thể đã có những sự việc như vậy, mà các tài liệu mới không đề cập cụ thể.

3. Các cuộc họp bàn bạc và phân công phụ trách khởi nghĩa tại Quảng Nam và Đà Nẵng

Đề tiên tới khởi nghĩa, các thủ lĩnh quê ở Quảng Nam đã tiến hành nhiều cuộc gặp mặt trao đổi, thảo luận ở nhiều địa điểm, khi thì ở nhà của Thái Phiên, khi thì ở nhà Lâm Nhĩ, mà cuộc họp quan trọng nhất lại tổ chức ở nhà tú tài Đỗ Tự ở làng Miếu Bông. Về số lượng các cuộc họp do các yếu nhân của phong trào khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân tại địa bàn Quảng Nam - Đà Nẵng từ khi khởi sự đến lúc nổ ra cho đến nay vẫn còn nhiều tài liệu nói không thống nhất nhau. Căn cứ vào tài liệu có được, nhất là các bản khai của các yếu nhân phong trào mà khuôn khổ đề tài này đề cập, chúng tôi lần lượt dựng lại các cuộc họp dưới đây. Về cuộc họp tại nhà của Thái Phiên, như chính ông đã kể lại rằng: “*Thượng tuần tháng 2, (...) chúng tôi quyết định triệu tập các ông Phan Thành Tài, Phạm Thành Chương,*

Trương Bá Huy, Lâm Nhĩ, có hiệu là Thanh Minh Đạo Nhơn - là bạn chiến đấu với ông Trần Cao Vân, quê làng Cẩm Toại. Khi những người đó đến tôi thông báo cho họ biết những tin tức mà các người Trung Hoa đã truyền đạt, và tôi cũng nói rõ ý muốn của Nhà Vua về việc khôi phục Vương quốc, để mọi người cùng bàn định và sắp đặt kế hoạch hưởng ứng khởi nghĩa”¹⁶.

Các tài liệu tham khảo trước đây thì cho rằng, cuộc họp ở nhà Lâm Nhĩ tại làng Cẩm Toại là cuộc họp chính yếu quyết định ngày giờ khởi nghĩa. Trong tài liệu mới mà chúng tôi có được thì có một vài lần cả Thái Phiên và Trần Cao Vân đã đến nhà Lâm Nhĩ gặp gỡ và trao đổi. Trần Cao Vân thuật lại điều đó như sau: “*Khi chúng tôi đến, Thái Phiên trao đổi và yêu cầu ông Lâm Nhĩ phối hợp, cộng tác để tập hợp lực lượng. Lâm Nhĩ trả lời rằng ông không nắm bắt được tình hình thời cuộc, cho nên ông từ chối đề xuất của Thái Phiên. Nhưng do Thái Phiên kiên trì thuyết phục, nên cuối cùng Lâm Nhĩ chấp nhận. Vài ngày sau, Thái Phiên lại trở lại nhà Lâm Nhĩ để hỏi xem ông ấy thích chế độ quân chủ lập hiến hay cộng hòa. Lâm Nhĩ quay sang phía tôi và hỏi tôi rằng hình như những người ủng hộ Thái Phiên đều ưa thích chế độ cộng hòa. Tôi trả lời: Vâng. Nhưng Thái Phiên và tôi đều thích chế độ quân chủ lập hiến. Lâm Nhĩ chia xẻ cách xem xét của tôi và hỏi lại rằng: Làm thế nào chúng ta có được các chiếu chỉ của nhà vua để tỏ rõ cho dân chúng biết rằng chúng ta không phải là các nhóm giặc cỏ? Thái Phiên giao cho tôi việc chịu trách nhiệm công việc liên lạc đó, còn ông ta và Lâm Nhĩ sẽ lo việc kêu gọi, vận động nhân dân nổi dậy”¹⁷. Tuy nhiên, cuộc họp có tính quyết định của cuộc khởi nghĩa thì được tổ chức tại nhà tú tài Đỗ Tự, tại làng Miếu Bông vào ngày 27.4.1916.*

Bản báo cáo của Khâm sứ Trung kỳ Trigon ngày 10.7.1916 thuật lại về cuộc họp này như sau: “*Trong đêm 27.4, tại làng Miếu Bông, tỉnh Quảng Nam, đã tiến hành một cuộc họp lớn của những người đồng mưu. Tại cuộc họp này đã phổ biến chiếu chỉ của nhà Vua gọi quan lại ba miền kêu gọi mở cuộc chiến đấu, tổng khởi nghĩa lấy tên là “NGHĨA” - của những người trung thành - vào đêm 2 rạng*

¹⁶ Tài liệu số 48, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

¹⁷ Tài liệu số 39, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

ngày 3 tháng tư âm lịch - tức đêm 3 rạng sáng 4 tháng 5 năm 1916. Chiều chỉ này cũng bổ nhiệm 4 nhân vật cao cấp như sau:

- Trần Cao Vân - Cố vấn tối cao, người bảo vệ nhà Vua, phụ trách về quân sự.

- Thái Phiên - Phụ tá cố vấn tối cao, phụ trách kinh tế, tài chính.

- Lâm Nhĩ - Thống chế.

- Nguyễn Siêu - Tổng quản kinh đô và Hoàng cung.

Cũng tại cuộc họp này, đã nêu ra những phương hướng cơ bản về tổ chức một Nhà nước mới, gồm có ba Hội đồng: Hội đồng quân sự, Hội đồng tài chính và Hội đồng hành chánh. Một số chức sắc mới của Vương quốc được bổ nhiệm, gồm:

- Phan Thành Tài - Phó vương, phụ trách hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi.

- Y sĩ Lê Dương - Tổng đốc Quảng Nam.

- Cửu Xuyên - Phó vương, phụ trách hai tỉnh Bình Định, Phú Yên.

- Tú Hiệp - Phó vương, phụ trách hai tỉnh Bình Thuận, Khánh Hòa.

- Võ Hàng - Phó vương, phụ trách hai tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình...”.

Chúng tôi đặc biệt chú ý đến việc phân công trách nhiệm của các nhân sự chủ chốt, chịu trách nhiệm lãnh đạo cuộc khởi nghĩa tại địa bàn Quảng Nam và Đà Nẵng, qua lời khai của cụ Phan Thành Tài như sau:

“- Lê Đình Dương - Tổng đốc Quảng Nam, người làng Đông Mỹ, phủ Điện Bàn.

- Ngô Diêm - Án sát Quảng Nam, người làng Kế Xuyên, phủ Thăng Bình.

- Nguyễn Uýnh - Tán tương Quảng Nam.

- Lê Lãm - *Thương biện Quảng Nam.*
- Đỗ Tự - *Tham tán Quảng Nam.*
- Võ Kiên, Trần Tu tức Huy, làng Đại An phủ Điện Bàn: *Tri phủ.*
- Huỳnh Phùng, Nguyễn Văn Tuấn làng Hà Lam, hiện đang là lại mục ở Đại Lộc giữ chức *Tri huyện.*
- Về Bang biện có: Dương Ngọc Địch, làng Phước Kiều, phủ Điện Bàn. Trọng Hư, làng Châu Lâu, phủ Điện Bàn. Nguyễn Quang, làng Miếu Bông, phủ Điện Bàn. Khóa Luyện làng Tích Bi tỉnh Thừa Thiên, nhà ở phía Cửa Hậu thành tỉnh (Quảng Nam). Bùi Oánh làng Vĩnh Trinh, huyện Duy Xuyên. Học Ngô làng Chiên Đàn, phủ Tam Kỳ. Lê Thùy, Lê Uyên làng Phước Ninh, Quế Sơn. Trương Thúc Bân, làng Châu Lâu, bố chính (giảng sư?) của tỉnh. Lâm Mễ (tức Lâm Nhĩ), làng Cẩm Toại, huyện Đại Lộc, Nguyên soái. Lê Cơ, Chánh tướng, chỉ huy các đội quân. Còn 4,5 chức chánh tướng và phó tướng còn để trống, chưa có tên. Tất cả 4 người: Trần Cao Vân, Thái Phiên, Lê Thùy và tôi đã đề cử hết các chức vụ theo chiếu chỉ bổ nhiệm. Riêng các ông Nguyễn Nhữ, Ngô Diêm, Trần Tu, Trương Hữu, Trương Thúc Bân ở làng Châu Lâu, phủ Điện Bàn, Nguyễn Hữu Tuấn, làng Hà Lam, phủ Thăng Bình, Nguyễn Quang, Bùi Oánh, Học Ngô, Lê Uyển làng Phước Ninh Quế Sơn do chúng tôi đề cử song các ông không tham gia vì các ông còn muốn giữ danh vọng của mình”¹⁸.

Cũng chính Phan Thành Tài đã thuật lại rằng, trong cuộc họp suốt đêm 27.4.1916 tại nhà của Thái Phiên, các thủ lĩnh đã phân công trách nhiệm phụ trách khởi nghĩa đối với từng người ở mỗi địa phương như sau: Trần Cao Vân và Thái Phiên sẽ phụ trách chỉ đạo khởi nghĩa ở Huế; Phan Thành Tài phụ trách chỉ huy khởi nghĩa ở Đà Nẵng và tỉnh thành La Qua tại Điện Bàn; Lê Đình Dương phụ trách chỉ huy khởi nghĩa ở Hội An. Việc chỉ huy các đội quân (tức các mũi tiến công) như sau:

- Lê Cơ và Tú Huy sẽ phối hợp với các đội quân của Thừa Thiên và Quảng Trị, sẽ đi ra Huế.

¹⁸ Tài liệu số 42, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

- Phụ trách các đội quân tấn công đánh chiếm Đà Nẵng: Đội Đóa, làng Quảng Huê Trung; Nguyễn Trinh, làng Bảo An Tây; Nguyễn Uýnh, làng Mỹ Lộc; Huỳnh Côn, làng Phương Xá, phủ Thăng Bình.

- Phụ trách các đội quân đánh chiếm thành tỉnh La Qua: Phan Khôi; Hồ Tấn, làng Hà Mật; Xã Trì, làng Hương Quế, Quế Sơn.

- Phụ trách các đội quân đánh chiếm Hội An: Tú Phùng, làng Tiên Đóa, Diên Phước; Nguyễn Nhân, làng Phúc An; Thầy Lãm, làng Trung Lộc; Hương Thùy, (Lê Thùy?), làng Phước Ninh, Quế Sơn hay chẳng là Lê Thùy, tức Lê Tùng - người làng Thạch Mỹ Trung phủ Tam Kỳ? - Chúng tôi chưa làm rõ được điều này).

Từ các tài liệu lưu trữ của Pháp cho chúng ta thấy vai trò của Phan Thành Tài giữ trọng trách cao nhất của cuộc khởi nghĩa tại địa bàn Quảng Nam và Đà Nẵng: *“Còn Phan Thành Tài, Trương Bá Huy, Lâm Nhĩ thì tiến hành vận động, lôi cuốn các hội viên và dân chúng trong tỉnh nhằm hàng phục cho được các đồn binh ở Đà Nẵng để trước được nhiều súng đạn”*¹⁹. *“Phan Thành Tài và các chiến hữu chỉ huy dân chúng Quảng Nam phải tấn công chiếm lấy Đà Nẵng”*²⁰. Tuy nhiên một chi tiết đáng chú ý - khác biệt với tài liệu được công bố xưa nay mà chúng ta từng biết là, người chịu trách nhiệm lãnh đạo cao nhất tại Quảng Nam và Đà Nẵng không phải là Phan Thành Tài mà là Lâm Nhĩ. Từ lời khai lần thứ 3 của Trần Cao Vân với mật thám Pháp cho biết: *“Cuối cùng tôi xin nói lại rằng người Tổng chỉ huy là Lâm Nhĩ chứ không phải Phan Thành Tài như tôi nói ở lần khai đầu tiên của tôi”*²¹.

Như chúng tôi đã nói, chúng ta chưa có được tư liệu nào đáng tin cậy về việc lực lượng khởi nghĩa liên hệ, móc nối anh em binh lính trong các đồn binh của Pháp tại Hội An và Đà Nẵng, nhất là việc liên hệ với số lính tập đang tập trung tại Cửa Hàn chờ ngày sang Pháp và các viên sĩ quan người Đức tại đây lại khó được kiểm chứng hơn.

¹⁹ Tài liệu số 48, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

²⁰ Tài liệu số 39, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

²¹ Tài liệu số 39: nđd.

Tuy nhiên, việc huy động lực lượng chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa ở Quảng Nam là khẩn trương, nhất là vùng phụ cận Đà Nẵng như Hòa Vang. Tập *Lịch sử Đảng bộ huyện Hòa Vang (1928-1975)* cho biết việc: “*Phân công cho các thủ lĩnh quê ở Hòa Vang những nhiệm vụ như sau: - Đỗ Tự, Lê Văn Bính (tức là Tú Bính), Ông Văn Long (người Phong Bắc) nắm nghĩa quân đánh thành tỉnh Quảng Nam và liên lạc vận động 1.500 lính thợ người Việt mà Pháp vừa mới mộ, đóng ở Đà Nẵng. - Các ông Lâm Nhĩ (người Cẩm Toại), Trần Ngọc Đạm (người Khuê Trung) đánh chiếm cửa Hàn (Đà Nẵng) và tiếp nhận vũ khí viện trợ của Đức. - Dân binh hai làng Nghi An và Phong Lệ lấy gỗ chặn đường ngăn quân Pháp từ Hội An ra. - Ngày 2.5.1916, toàn bộ công nhân các đồn điền Hòa An, Trung Sơn đều tham gia khởi nghĩa*”²².

4. Diễn biến khởi nghĩa tại địa bàn Quảng Nam và Đà Nẵng

Tại Tam Kỳ: Cần nhận thấy rằng, trong các địa phương của tỉnh Quảng Nam và cả Trung Kỳ, chỉ duy nhất ở phủ Tam Kỳ là đã xảy ra cuộc khởi nghĩa thực sự và đây chính là “điểm nhấn” cho ý đồ sử dụng vũ lực để đánh Pháp của phong trào khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân tại địa bàn Quảng Nam nói riêng và Trung Kỳ nói chung.

Trước khi cuộc khởi nghĩa nổ ra, các thành viên chủ chốt của Việt Nam quang phục hội ở phủ Tam Kỳ, đã tổ chức một cuộc họp bí mật tại nhà ông Lê Ngoạn ở làng Trung Đàn Thượng [có tác giả cho biết đó là ngày rằm tháng 7 Ất Dậu tức 25.8.1915] để bầu ra ban chỉ huy nghĩa binh Việt Nam Quang phục hội phủ Tam Kỳ. Ban Chủ nhiệm đề tài chúng tôi đã thực hiện các cuộc điền dã tại Tam Kỳ, Hội An, Đà Nẵng... ngõ hầu bổ khuyết những vấn đề mà tài liệu thành văn và các “hư truyền” lâu nay không thể làm sáng tỏ được. Tại Tam Kỳ, qua công tác điền dã, chúng tôi được các cụ cao niên trong vùng cho biết: Ban chỉ huy nghĩa binh tại phủ Tam Kỳ được bầu ra từ cuộc họp trên gồm có năm người:

²² Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hòa Vang: *Lịch sử Đảng bộ huyện Hòa Vang (1928 - 1975)*, 2005.

- Trần Huỳnh - Tổng lãnh binh (làng Tân An Tây, Tiên Phước)²³.

- Trần Ni - Phó tổng lãnh binh (làng Trường Xuân, Tam Kỳ)

- Trần Khuê - Đề Các (làng Cây Cốc, Tam Kỳ)

- Lê Ngạn - Tán tương quân vụ (làng Trung Đàn Thượng, Tam Kỳ)

- Ngô Đồi - Tán lý sự vụ

Chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa, chiều ngày 3.5.1916, các đội nghĩa binh gồm khoảng 650 người đã bí mật tập kết tại căn cứ Gò Chùa (còn gọi là Gò Đỏ) kín đáo để làm lễ xuất quân, lễ tế cờ ngũ tinh. Đây là lá cờ của Việt Nam Quang phục hội màu đỏ, hình vuông, ở giữa có hình tròn với năm ngôi sao màu trắng. Sau khi nghĩa binh uống rượu thề phục quốc, tổng lãnh binh Trần Huỳnh đọc tuyên cáo rồi bắn một phát súng lệnh khởi binh. Trời bắt đầu tối, đoàn nghĩa binh xuất phát hướng về phủ lý Tam Kỳ với lá quốc kỳ ngũ tinh dẫn đầu từ tay Lê Ngạn giương cao. Một nhân chứng sau này thuật lại đêm trước của cuộc khởi nghĩa tại Tam Kỳ như sau: *“Tối mùng 1 tháng Tư âm lịch - tức mùng 2 tháng 5 dương lịch - khi tôi đến nhà Xã Mới thì thấy Xã Vắn, các con của Hương Kiền và Xã Hai, - họ đều là dân Phú Vang - Xã Mới nói với tôi con của ông Xã Hoàn ở làng Chiên - Đàng, đến và báo về phần Tú Kiền thì hoàn lại để chờ danh - Quỳnh đến hỏi ý kiến của Học Tài đến ngày quy định sẽ đưa người tới phân phát các chiếu chỉ cần thiết. Xã Mới còn nói với tôi có nghe Xã Hai đã tuyển mộ được một số người để tham gia vào cuộc nổi dậy. Tôi hỏi lại Xã Hai, ông ta trả lời không có, rồi tất cả giải tán. Đêm đó*

²³ Trần Huỳnh là Phó tổng tổng Phước Lợi, có con trai đầu tên là Bêm, nên nhân dân trong vùng thường gọi là Phó Bêm. Ông sinh ngày 14.3 (Mậu Ngọ), tức là ngày 27.4.1858 tại làng Tân An Tây, tổng Đức Hòa Trung, phủ Hà Đông, về sau là tổng Phước Lợi, huyện Tiên Phước, phủ Tam Kỳ, nay là xã Tiên Thọ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Sinh thời ông là người có uy tín với dân trong làng và tổng, đã từng tham gia phong trào nghĩa hội Quảng Nam (1885-1887) do tiến sĩ Trần Văn Dư và phó bảng Nguyễn Duy Hiệu lãnh đạo. Sau đó ông tham gia phong trào Duy tân do phó bảng Phan Châu Trinh khởi xướng. Trong thời kỳ này, từ 1905-1908, ông đã thành lập trường tân học Tân Xuân dạy chữ quốc ngữ và trường Dục Thanh dạy võ dân tộc cho thanh niên. Ông cũng là người cùng một số người nhiệt tâm trong phong trào Duy tân đã dựng một lều chợ bằng gỗ rất lớn gồm 11 gian tại chợ Cây Cốc (Tiên Thọ) để lập hội thương.

tôi nghỉ trong một cái quán ở làng Khương Mỹ. Sáng hôm sau - ngày 3 tháng 5 dương lịch - tôi đang đi ở đó thì gặp Xã Mới, ông ta nói với tôi là vừa đến chỗ ông Tu ở Phú Hòa, tại đó đã nghe nói rõ ràng về mọi việc, rồi dẫn tôi đến nơi đã hẹn khi được tin Quỳnh đã trở về. Chiều tối, Xã Mới cho tôi biết là Quỳnh đã trở về, tôi đến ngay chỗ Quỳnh nhưng không thấy ai cả, ông nói với tôi là đã tuyển mộ được 20 người và đã chuyển cho Xã Hai để đưa đến Phú Hòa, là nơi tổ chức cuộc tụ họp. Vì sự kiểm soát quá gắt gao chúng tôi không thể đi đến chỗ tụ họp được. Trong đêm tối mịt mù, chúng tôi nghe được những tin hiệu về cuộc tấn công phủ đường và tòa đại lý. Và sáng hôm sau tôi âm thầm trở về nhà. Tôi biết trong đêm qua, các bộ đồng phục, các chiếu chỉ ghi danh các người được bổ nhiệm, đã được ông Triết phân phát. Việc này do người anh của Quỳnh phụ trách cùng với những người đến từ nhà của Học Tài. Tôi không nhớ ai đã nhận chức vụ gì để điều khiển các đoàn người đó, cũng như danh xưng các chức vụ đó”²⁴.

Khởi sự, Lê Tiễn dẫn một đội nghĩa binh tiến đánh đồn Trà My và cướp được đồn, bọn lính khố xanh sống sót tháo chạy vào rừng. Nguyễn Tinh chỉ huy một đội nghĩa binh đánh chiếm đồn Thương chánh Hiệp Hòa. Trần Huỳnh, Trần Ni và Trầm Tùng Vân chỉ huy một đội nghĩa binh lớn có nhiệm vụ đánh chiếm phủ đường Tam Kỳ và đồn Đại Lý Pháp. Như trên đã nói, do kế hoạch khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội bị bại lộ tại kinh đô, Đại lý Pháp và tri phủ Tam Kỳ là Tạ Thúc Xuyên đã biết trước nên đã đi trốn tránh nơi khác và tìm cách bảo vệ phủ đường Tam Kỳ.

Nghĩa binh trước tiên tấn công tòa Đại lý Pháp có đồn lính khố xanh ở đây, nhưng không thấy địch chống cự. Nghĩa binh đã chiếm được đồn, phá kho và chỉ thu được một số đạn, quần áo và khẩu súng hỏng. Nghĩa quân lạng lẽ tiến đến bao vây phủ đường trong đêm khuya, nhìn bên ngoài im lìm như không hề hay biết gì, nhưng thực ra quân địch đã tập trung lực lượng binh lính của toàn phủ lý Tam Kỳ tại đây và bố trí quân phục kích để đánh trả. Khi Trịnh Uyên, chỉ huy đội nghĩa binh Kim Đái leo lên cột cờ phủ đường để hạ lá cờ quẻ ly của

²⁴ Tài liệu số 50, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

Nam triều, treo lá cờ ngũ tinh của phe khởi nghĩa thì bị một loạt đạn làm tử thương. Súng từ các ngõ ngách trong các công thự của phủ đường bắn ra xối xả vào nghĩa binh. Bị đánh bất ngờ, các nghĩa binh đã dựa vào địa hình, địa vật phản kích quyết liệt, nhưng do tương quan lực lượng của địch mạnh hơn, sau 8 giờ làm chủ phủ lý Tam Kỳ, nghĩa binh không chống cự nổi, phải rút lui.

Phản ánh tình hình này, hàng loạt bức điện được mật thám Pháp tới tấp phát đi tại Hội An: Bức điện cực khẩn của số 99-S, ngày 4.5.1916 của Khâm sứ Trung Kỳ gửi cho Toàn quyền Đông Dương báo tin: “Số 99-S. *Thượng khẩn. Tiếp theo công điện số 98-S. Công sứ tại Hội An điện báo: Đồn trưởng lính khố xanh tại Tam Kỳ báo cáo là Quan Phủ và tất cả người Âu Châu bị tấn công trong đêm nay. Các người Âu châu phải tập trung lại. Một nhóm phiến loạn đã chiếm phủ, Văn phòng Tòa Đại lý phải di chuyển*”²⁵. Tiếp ngay sau đó, Khâm sứ lại điện báo cáo: “*Hội An điện báo việc xảy ra ở Tam Kỳ vào lúc 2 giờ đến 4 giờ sáng. Nhà ở của người Âu và Tòa Đại lý không bị tấn công. Tòa Phủ của Quan Phủ bị phá hoại. Chỉ huy lính khố xanh khi biết tin phủ đường bị tấn công đã cùng với mấy người lính đi ra ngoài, đến phía sau tòa Đại lý thì gặp toán quân đầu đang tán loạn, 2 phiến loạn chết, đi đến chỗ phủ đường đã bị phá hoại có 1 phiến loạn chết. Quân phiến loạn đã kéo cờ tại Phủ đường. Cờ màu đỏ, ở góc trên là màu xanh với 5 ngôi sao trắng. Phiến quân có ba hoặc bốn súng sẵn, ta đã lấy được 1 khẩu, có 4 thường dân bị thương*”²⁶.

Ở Tam Kỳ, người ta đã chuyển sang hành động. Họ đã tuyển mộ được 200 đến 250 người. Mỗi người được nhận từ 1 đến 2 đồng, một áo vải xanh, mỏng. Những người này đều là dân trộm cướp, tổ chức thành 2 đoàn vào lúc 2 giờ sáng ngày 4 tháng 5 tấn công vào bất gác của đồn lính khố xanh thuộc tòa đại lý và phủ đường. Nhưng vào cuối buổi chiều lúc 4 giờ, ông thanh tra Fouconnet tình cờ đi ngang qua tòa đại lý Tam kỳ (nơi đây đã bỏ trống hơn một năm) đã được báo cho biết và đã cùng với quan phủ, có sự giúp đỡ của Chánh tổng

²⁵ Tài liệu số 118, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

²⁶ Tài liệu số 120, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

Phước Lợi điều tra ra được kế hoạch tấn công của nhóm phiến loạn. Với lực lượng 5 người (4 người khác đã đi hộ tống về Bồng Miêu) cùng với số người Âu có tại Tam Kỳ, họ nhanh chóng tập hợp về tòa Đại lý. Ông Fouconnet đã đứng ra tổ chức việc phòng vệ. Công cuộc bảo vệ đó được tăng cường nhờ có một phân đội gồm 6 lính bộ binh thuộc địa từ Đà Nẵng đi ô tô vào Quảng Ngãi, đúng lúc đó xe bị hỏng phải dừng lại nhiều giờ trên đoạn đường giữa Đà Nẵng và Hội An. Những người phản loạn chỉ là bạch binh, nên cuộc tấn công của họ bị thất bại ngay bởi vì cái đồn nhỏ kia không có người, họ lại không có một khẩu súng, một viên đạn, nên đã bị thanh tra Fouconnet cùng với 10 người (trong đó có 6 người Âu) đẩy lui.

Trong lúc toán quân thứ nhất này bỏ chạy, thì quan phủ hốt hải chạy đến nhờ thanh tra Fouconnet đến giải cứu phủ đường đang bị một toán quân khoảng chừng 100 đến 150 người chiếm giữ, phá phách, mà ông ta thoát được một cách lạ lùng. Có nhiều tiếng súng ở hướng phủ đường, ông Fouconnet cùng với số người của ông ta chạy đến đó. Trong đêm không trăng, trời tối như mực, ban đầu ông Fouconnet ngờ rằng đó là một đám nhà quê đang kéo tới vì sự tò mò. Ông ta gọi hỏi thì đám người này trả lời: “Chúng tôi là những người nổi dậy!”. Ông ta ra lệnh cho quân mình nạp đạn tấn công thì những người dân quê đó đã phân tán đi nhiều hướng nên không thể đuổi kịp họ. Họ để lại một người chết, một khẩu súng săn 2 nòng còn mới, 9 túi da đựng đạn chì, hàng tá dao rựa. Trong nhà của quan phủ, tất cả đều bị phá, các rương hòm bị đục thủng. Như trên tôi đã trình bày, quan phủ đã đề phòng, nên đã tổ chức việc bảo vệ với số lính lệ và khoảng bốn mươi người phu có trang bị giáo mác. Ngay những phát súng đầu tiên đã làm hai người bị thương, một người đã chết trước khi đưa đi bệnh viện, một người đang điều trị sau khi mổ lấy mảnh đạn 12 ly găm trong đùi. Tất cả số người còn lại chạy đã trốn thoát với chính quan phủ. Sáng hôm sau người ta thấy cờ của nhóm phiến loạn treo trên trụ cờ trước khi những người này rút chạy. Cờ nền màu đỏ, phía góc trái có một hình vuông màu xanh với 5 ngôi sao màu trắng.

Một vài người tù tạm giam trong nhà tù ở phủ đường được bọn phiến loạn giải thoát, ngày hôm sau đã trở lại nhà giam. Việc tấn công

của quân phiến loạn ở Tam kỳ chỉ giới hạn chừng đó, nhóm phiến loạn cũng không phục hồi lại được. Đường dây điện thoại không bị cắt, nhà bưu điện bị bỏ trống vì người quản lý tạm lánh sang tòa đại lý, cũng không bị tấn công²⁷... Tiếp đó, Bức điện số 44 ngày 6.5.1916 cho biết: “*Trong đêm mùng 3 rạng mùng 4, khoảng 2 giờ sáng, một nhóm culi (công nhân) khoảng 20 người bản xứ đã tấn công*”. “*Các người biểu tình này hướng về các đồn lính bản xứ của phái đoàn Tam Kỳ, thường do một ông Đội (Trung sĩ) dân quân chỉ huy, và tấn công các đồn này nhằm mục đích chiếm vũ khí, đạn dược*”. “*Trong lúc đàn áp, lính bảo an đã bắn chết 4 người và làm bị thương 2 người khi họ bị tấn công trước. Những người Tây ở trung tâm Tam Kỳ đã di tản vào khu đại biểu địa phương với sự hỗ trợ của phân đội Bảo an*”²⁸.

Sau những lúng túng ban đầu trước lực lượng khởi nghĩa, thực dân Pháp huy động lực lượng nhanh chóng đàn áp phong trào nổi dậy tại Tam Kỳ. Chúng đã bắt được 31 nghĩa binh trong đó phần lớn là chỉ huy cốt cán gồm có Trần Huỳnh, Trần Tùng Văn, Trần Thu, Trần Khuê... Riêng ông Trần Ni thì không bị địch bắt, lánh về quê ngoại ở núi Đất tại Quảng Phú. Những người bị bắt, Pháp chuyển về nhà lao Hội An chiều ngày 6.5.1916. Trong nhà lao, Trần Huỳnh luôn luôn động viên các bạn chiến đấu giữ vững ý chí và khăng khai nhận hết trách nhiệm về mình trước bọn mật thám Pháp. Sau khi rút lui trong đêm 3.5.1916, các đội nghĩa binh còn lại đã phân tán về các làng mình. Sáng hôm sau, bọn Pháp điều thêm quân từ Hội An đến và tiến hành việc lùng sục các tổng, các làng để vây bắt nghĩa binh. Một số nghĩa binh đã bỏ làng rút vào rừng để ẩn tránh. Sau nửa tháng trời, quân Pháp bắt bớ tràn lan trên 500 người đưa về phủ đường tra tấn. Nhân cơ hội này Tri phủ Tam Kỳ tìm cách bắt bớ, hành hạ nhân dân. Vợ con, thân nhân của những nghĩa binh bị bắt đều bị qui tội liên can và bị đóng gông giải về nhà lao phủ đường để tra hỏi. Cả những nho sĩ trước đây hay làm thơ đả kích bọn quan lại tham ô và cả những người giàu có ở địa phương cũng bị bắt để tống tiền. Đang giữa trưa hè trời nắng chang chang, bọn lính lệ trong phủ bắt những người này phải đeo gông tạ, quỳ trên gai sớ mít giữa sân để buộc họ hối lộ cho

²⁷ Tài liệu 75, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

²⁸ Tài liệu số 120, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

chúng. Hình thức tra tấn khổ sai này, ngày đó người ta gọi là “già hiệu” (lệnh mang gông). Tuy bị đàn áp dã man, nhưng các nghĩa binh và đồng bào ta vẫn vững vàng khí tiết trước đòn tra tấn của chúng.

Cuộc nổi dậy vũ trang đã xảy ra vào đêm mùng 3 rạng sáng ngày 4.5.1916 tại phủ Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam là một thực tế lịch sử, là một cuộc khởi nghĩa với đầy đủ tính chất của nó do Việt Nam Quang phục hội lãnh đạo, đã để lại một dấu ấn sâu sắc trong truyền thống đấu tranh chống Pháp của nhân dân dân xứ Quảng²⁹.

Tại Hội An: Tập *Lịch sử Đảng bộ thành phố Hội An (1930-1975)* khi đề cập đến phong trào khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân tại Hội An có đoạn: “Hưởng ứng cuộc khởi nghĩa ở Huế 1916 do Thái Phiên và Trần Cao Vân chủ trương, Hội An là điểm khởi nghĩa quan trọng của tỉnh Quảng Nam do y sĩ Lê Đình Dương và Quản Thái chỉ huy. Lê Đình Dương tổ chức lực lượng bí mật, tích trữ quân lương, rèn đúc vũ khí chuẩn bị lật đổ chính quyền Pháp đương thời nhưng kế hoạch bại lộ, cuộc khởi nghĩa bị chìm trong bể máu”³⁰.

Như chúng tôi đã trình bày ở phần trên, Hội An là một địa bàn trọng điểm của khởi nghĩa tại Quảng Nam, điều này đã được Phan Thành Tài cho biết như sau: “Tại Hội An, do Đốc Dương (tức Lê Đình Dương) chỉ huy, sẽ vận động các đồn lính tập nổi dậy, mục tiêu tấn công là tòa Công sứ và trại lính khổ xanh. Cuộc tấn công phải hoàn tất được trước 23 giờ đêm, sau đó lực lượng dân binh và số lính tập chiêu mộ được có trang bị vũ khí sẽ kéo lên phối hợp với lực lượng ở thành tỉnh nổi dậy vào 2 giờ sáng. Sau đó các lực lượng này sẽ cùng tiến lên phối hợp đánh chiếm các mục tiêu ở Đà Nẵng giống như ở Hội An³¹. Kế hoạch là vậy song trên thực tế, kế hoạch khởi nghĩa tại Hội An đã không xảy ra được như mong muốn, mặc dù Lê Đình Dương sắp đặt khá kỹ lưỡng. Điều này đã được một báo cáo mật thám Pháp cho hay rằng: “Tôi rất nghi ngờ về việc khởi đầu của

²⁹ Sau cuộc bạo động vũ trang này, vào năm 1919, Tòa khâm sứ Trung Kỳ và triều đình Huế đã quyết định tách phần đất phía tây rộng lớn của phủ Tam Kỳ để thành lập huyện Tiên Phước, nhằm dễ bề kiểm soát và cai trị.

³⁰ Lê Đình Dương người làng La Kham, phủ Điện Bàn, tốt nghiệp Cao đẳng Y khoa Hà Nội, làm việc ở bệnh viện Hội An. Kế hoạch khởi nghĩa tại Hội An bị bại lộ, Lê Đình Dương bị thực dân Pháp bắt ngay trong đêm.

³¹ Tài liệu số 42, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

nổi loạn tại Hội An. Người ta có nói đến một số toán phiến loạn đi ghe đến Hội An, nằm vùi trong bãi cát cạnh thành phố để chờ tín hiệu hành động. Nhưng không một ai thấy họ, cho nên sự việc không chính xác”³².

Đúng giờ quy định, do đã phát hiện được kế hoạch khởi nghĩa nên khi đến giờ khai cuộc, thực dân Pháp tại Hội An đã nhanh chóng đàn áp phong trào, Lê Đình Dương bị bắt ngay trong đêm đó. Như chúng ta đều biết, phân công khởi nghĩa tại Hội An gồm các ông: Tú Phụng - người làng Tiên Đũa, Diên Phước; ông Nguyễn Nhân - người làng Phúc An; Thầy Lãm - người làng Trung Lộc; Hương Thùy... đã được chuẩn bị từ trước song vẫn không phát động tấn công được. Việc khởi nghĩa tại Hội An bị bại lộ trước khi kế hoạch tấn công xảy ra là bắt đầu từ Quảng Ngãi. Viên chỉ huy hiến binh ở Hội An là Guisset, trong bức điện số 44, ngày 6.5.1916, báo cáo cho Manot, chỉ huy trưởng Hiến binh Hải Phòng, và được Manot chuyển cho Toàn quyền vào ngày 14.5.1916, cho biết: *“Ngày 2 vừa qua vào khoảng 16 giờ, tôi được ông Công sứ Pháp tại Hội An cho hay có bạo loạn lớn do dân chúng bản xứ của các hội đoàn tỉnh Quảng Ngãi xúi giục, ông ta bảo không được để phong trào phổ biến và lan ra tỉnh của ông ta, và yêu cầu cảnh giác trong bất cứ trường hợp nào. Tôi cùng nhân viên cảnh sát dưới quyền thiết lập ngay các cuộc tuần tra ở thành phố và các điểm đặc biệt, ngăn cản bất cứ một cuộc tấn công nào có thể xảy ra...”³³.*

Tuy nhiên, do lo sợ sẽ bị quân khởi nghĩa tấn công nên thực dân Pháp đã điều động lực lượng quân sự vào tăng cường tại Hội An. Một báo cáo của mật thám Pháp tại Hội An cho thấy: *“An ninh nội thành Hội An, ngoài cảnh sát thường địa phương còn được bổ sung lính bảo an và lính biệt kích bản xứ thường xuyên tuần tra. Một phân đội gồm 50 lính Tây và lính biệt kích bản xứ của quân đồn trú ở Đà Nẵng dưới sự chỉ huy của viên trung úy được gọi đến Hội An và đã tiến hành nhiều cuộc tuần tra lưu động ở trong thành phố và các điểm khác nhau trong tỉnh...”³⁴.*

³² Tài liệu số 75, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

³³ Tài liệu số 178, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

³⁴ Tài liệu số 178, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

Việc khởi nghĩa tại Hội An bị thất bại, được Phan Thành Tài thuật lại với mật thám Pháp sau đó như sau: “Đến 2 giờ sáng, Hương Thủy cùng toán quân của ông từ Hội An lên đến cửa Tả báo với xã Trị rằng ở Hội An do Lê Dương sợ hãi nên không phát triển được”. Về lời thuật này của Phan Thành Tài, chúng tôi cho rằng do ông “nghe Hương Thủy thuật lại” nên không chắc là do thực dân Pháp đã biết trước nên đàn áp ngay từ đầu hay do Lê Đình Dương - Thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa tại Hội An do “sợ hãi” nên không dám phát động tấn công. Từ các cứ liệu lịch sử mà chúng ta có được cho thấy: Sự thật về lý do khởi nghĩa ở Hội An thất bại cho đến nay vẫn còn những giả thiết khó giải đáp tường minh.

Tuy nhiên, ngay thời điểm đó, trong những tài liệu còn lưu giữ, thì quân thù tỏ ra đánh giá rất cao về những hoạt động yêu nước và khí tiết của Lê Đình Dương. Trong bản lý lịch vẫn tắt về Lê Đình Dương, người Pháp cho biết rằng, lúc đó Lê Đình Dương đang là y sĩ tập sự tại bệnh viện Hội An, và lý do ông bị bắt là do “*phạm trọng tội trong cuộc nổi dậy đêm 3 sáng ngày 4.5 với tư cách là đại diện thủ lĩnh của cuộc nổi dậy tại Hội An, bị bắt ngày 18 tháng 5 năm 1916 và sẽ đưa ra xét xử tại tòa án bản xứ*”³⁵. Còn chính Công sứ Pháp Lesterlin, trong báo cáo nhìn lại cuộc khởi nghĩa tháng 5.1916 ở Quảng Nam, đã đưa ra những suy nghĩ cay đắng khi ông ta tỏ ra không hiểu nổi vì sao những người An Nam có thể có cuộc sống tốt đẹp và địa vị quan trọng trong xã hội như Lê Đình Dương lại tham gia vào khởi nghĩa để lật đổ chính phủ bảo hộ. Ông ta viết rằng: “*Có thể nói gì đây về người thầy thuốc trẻ tuổi kia, con một vị đại thần đã thể hiện lòng trung thành của mình. Y có thể trở thành một quan chức cao cấp đảm nhận sứ mệnh của xứ An Nam, suốt mấy tuần lễ vừa qua vẫn sống bên cạnh chúng ta, thế nhưng y lại chuẩn bị trong bóng tối, trong sự dối trá, tham gia trong nhóm tổ chức bạo loạn hòng đánh đuổi chúng ta đi?*”³⁶.

Tại tỉnh thành La Qua, Vĩnh Điện: Về diễn biến của cuộc khởi nghĩa tại tỉnh thành La Qua ở Vĩnh Điện, trong tập *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930-1975)* có đoạn: “Ở Quảng Nam, dân

³⁵ Tài liệu số 89, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

³⁶ Tài liệu số 75, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

binh đã sẵn sàng đợi lệnh đánh chiếm thành La Qua, nhưng lính ở Hội An bị thu súng nên dân binh phải giải tán”³⁷. Như vậy, các thông tin mà chúng ta có được cho đến nay đều xác quyết rằng; chỉ cần Hội An nổi dậy thì tại tỉnh thành La Qua, quân khởi nghĩa sẽ quyết định tấn công. Tuy nhiên, do Hội An không khởi nghĩa được nên lực lượng khởi nghĩa mặc dù đã được ém quanh thành tỉnh song đành phải giải tán.

Như chúng ta đều biết, Phan Thành Tài là người chịu trách nhiệm phụ trách chỉ huy khởi nghĩa ở Đà Nẵng và Tỉnh thành La Qua tại Điện Bàn. Thêm vào đó, phụ trách các đội quân đánh chiếm thành tỉnh La Qua có các ông: Phan Khôi - người làng Phong Thử huyện Điện Bàn; ông Hồ Tấn - người làng Hà Mật; ông Xã Trì - người làng Hương Quế, huyện Quế Sơn. Đó là chưa kể cùng với việc phân công khởi nghĩa, các cơ sở cũng đã được chỉ định các chức vụ sau khi đại sự thành công như: Tri phủ là: Võ Kiên, Trần Tu tức Huy, làng Đại An phủ Điện Bàn. Bang biện có: Dương Ngọc Địch, làng Phước Kiều, phủ Điện Bàn; Trọng Hư, làng Châu Lâu, phủ Điện Bàn; Nguyễn Quang, làng Miếu Bông, phủ Điện Bàn; Khóa Luyện làng Tích Bi tỉnh Thừa Thiên, nhà ở phía Cửa Hậu thành tỉnh Quảng Nam. Đáng chú ý, tham gia khởi nghĩa tại thành tỉnh còn sự chỉ huy của Trần Chương là cháu của Trần Cao Vân.

Về diễn biến cuộc nổi dậy tại tỉnh thành La Qua, cụ Phan Thành Tài sau này thuật lại: *“Tôi đi qua Phong Thử để tìm toán quân của Nguyễn Uyển, nhưng không thấy nên tôi lại lên xe kéo trở về Vĩnh Điện. Tại đây tôi gặp chiếc ghe của Huỳnh Côn người làng Phương Xá phủ Tam Kỳ. Tôi lên ghe thấy khoảng 30 người lính mộ, tôi bảo họ lên bộ đi Đà Nẵng, còn tôi ở lại thành tỉnh đợi các toán quân sau khi tấn công vào tòa sứ và thành tỉnh sẽ đưa tất cả cùng ra Đà Nẵng để cùng hành động. Toán quân của Huỳnh Côn ra Đà Nẵng vừa đến chợ Thi An thì gặp một xe đang đứng chặn lại cùng với một số lính Pháp. Vì bị chặn đường nên toán này phải quay về thành tỉnh. Tôi báo cho Huỳnh Côn, xã Trì, Phan Khôi và Hồ Tân đem số người có vũ trang này bố trí ở chỗ cửa Tiền, nhưng xã Trì và Phan Khôi để số người*

³⁷ Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành Ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930-1975)*, 2005, tr. 47.

này ở phía cửa Tả gần rừng cấm của làng La Qua. Đến 18 giờ, Phan Khôi nói với tôi là đã đưa Trần Chương vào trong thành tỉnh để báo tin hiệu. Khi tiếng súng trong thành phát ra mọi người leo thang đã đặt sẵn ở cửa Tiền để vào thành. Đến 2 giờ sáng Hương Thủy cùng toán quân của ông từ Hội An lên đến cửa Tả báo với xã Trị rằng ở Hội An do Lê Dương sợ hãi nên không phát triển được. Lập tức xã Trị phá hết thang và báo tin cho mọi người đang ở quanh thành hãy giải tán ai đi ngã nấy bỏ lại vũ khí và cờ. Đêm đó tôi lên đò về Phong Lệ, ném ấn, dấu “Kinh lược Nam Ngãi” xuống sông, theo lái buôn lên vùng Mọi ở Phú Túc theo đường núi Túy Loan”³⁸. Hành động đáng ghi nhận nhất tại tỉnh thành La Qua là dù không nhận được lệnh khởi nghĩa, song nghĩa quân do Trần Chương chỉ huy đã đột nhập vào bên trong tỉnh thành La Qua, đốt cháy một số nhà tranh bỏ trống, để làm tín hiệu nhưng do nghĩa quân chỉ trang bị bằng gậy gộc nên bị lính tập giải giáp.

Phản ánh thực tế này, một tài liệu của mật thám Pháp cho biết: “Nhưng ở thành tỉnh thì khác. Ta có thể đoán được là có nhiều toán quân đã đến chốt tại các cửa thành, trong đó có cửa thành do Phan Thành Tài trực tiếp chỉ huy. Tất cả chờ hiệu lệnh, nhưng không thấy hiệu lệnh nên họ đã di tản trước lúc trời sáng để lại một lô 50 mã tấu, một bó 9 lá cờ của tân chế độ, những cái thang dẫu trong bụi bên các hố, rãnh. Các quan lại cũng không còn nghi ngờ gì nữa về một âm mưu đốt nhà tranh trong thành tỉnh. Vào lúc 2 giờ sáng họ đã thấy một người lạ khả nghi nên bắt hỏi. Người này đã không thể nào khai vì sao mình có mặt ở đây vào giờ đó nên đã thú tội là có nhiệm vụ đốt một ngôi nhà để gây ra hiệu lệnh cho cuộc tấn công. Họ làm sao có thể đánh chiếm một thành như thành tỉnh Quảng Nam được canh phòng nghiêm ngặt, phòng thủ chu đáo với 28 tay súng trong khi họ không có một cây súng nào! Thật là ngây thơ!”³⁹.

Tại Đà Nẵng: Kế hoạch của quân khởi nghĩa sẽ chọn Đà Nẵng làm điểm quyết chiến chiến lược, bởi nơi đây nghĩa quân trông cậy vào lực lượng lính tập đang tập trung tại Cửa Hàn để chờ ngày sang

³⁸ Tài liệu số 42, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

³⁹ Tài liệu 75, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

Pháp sẽ hậu thuẫn cuộc nổi dậy. Vì vậy, quân khởi nghĩa tại tỉnh thành La Qua và Hội An, sau khi thành công sẽ tăng cường cho Đà Nẵng. Đặc biệt, vùng phụ cận Đà Nẵng là Hòa Vang, dưới sự chỉ huy của các ông Lâm Nhĩ, Đỗ Tự, Lê Văn Bính (tức là Tú Bính), Ông Văn Long (người Phong Bắc), Trần Ngọc Đạm (người làng Khuê Trung)...

Phản ánh kế hoạch này, một báo cáo của mật thám Pháp cho biết: *“Phong trào có mục tiêu tấn công thành phố Đà Nẵng với sự tham gia của lính chiến, việc chiếm lấy thành tỉnh, Hội An có sự giúp sức của lính khổ xanh. Phan Thành Tài, người sẽ đảm nhận chức Kinh lược Nam Ngãi, là người chịu trách nhiệm tổ chức và chỉ huy tất cả phong trào đó với sự tham gia của y sĩ người bản xứ Dương phụ trách Hội An. Chính Phan Thành Tài sẽ chỉ huy đánh chiếm thành tỉnh và tiếp đó tiến đánh Đà Nẵng”*⁴⁰. Để phòng trừ khả năng Đà Nẵng bị tấn công, viên Toàn quyền Roume, vào lúc ấy, ông ta đã điện ngay cho Khâm sứ Charles, trong bức điện số 1561 ngày 4.5 rằng: *“Nếu ông thấy cần thiết tôi sẽ yêu cầu quân đội đưa vào Đà Nẵng một đại đội người Âu, một đại đội lính khổ đỏ đi trên tàu thủy Kouang - Si vào ngày kia”*. Sự tự tin của quân Pháp tại Đà Nẵng trong cuộc khởi nghĩa này (cũng đồng nghĩa với việc kế hoạch của quân khởi nghĩa ở Đà Nẵng đã không diễn ra được) qua Bức điện số 574 lúc 23 giờ ngày 4.5.1916 của Đại úy Dérosiaux: *“Tôi vừa nhận được công điện của Hiến Binh Đà Nẵng. Nội dung: Số 47: Sau khi nhận được tin báo của Khâm sứ Trung kỳ về cuộc nổi loạn ở Quảng Ngãi, đã điều một phân đội gồm 21 lính người Âu xuất phát vào lúc 14 giờ chiều hôm qua từ Đà Nẵng để đi Quảng Ngãi. Hôm nay công sứ cho biết Tam Kỳ (Quảng Nam) cách Hội An 50km, bị tấn công bởi một nhóm vũ trang”*⁴¹. Với những lý do trên, khởi nghĩa tại Đà Nẵng đã không xảy ra như dự định, lực lượng tăng cường cũng bị Pháp chặn lại ở vùng ngoại ô: *“Toán quân của Huỳnh Côn ra Đà Nẵng vừa đến chợ Thi An thì gặp một xe đang đứng chặn lại cùng với một số lính Pháp. Vì bị chặn đường nên toán này phải quay về thành tỉnh”*⁴².

⁴⁰ Tài liệu 75, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

⁴¹ Tài liệu số 166, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

⁴² Tài liệu số 42, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

5. Thực dân Pháp đàn áp khởi nghĩa ở Quảng Nam

Cuộc khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân bị thất bại ngay từ khi mới nổ ra. Giặc Pháp đàn áp dã man những người tham gia phong trào, trong đó có cả những yếu nhân của cuộc khởi nghĩa như: Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài cùng U Thay (người Cotu), Khánh Kiêm, Nguyễn Bạng bị thực dân Pháp xử chém. Chúng bắt bớ giam cầm nhiều người, phát hiện nhiều tài liệu quan trọng của Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ, nhiều quân trang bằng vải rằn chôn ở các bãi cát. Có 62 chiến sĩ yêu nước trong đó có Lê Đình Dương, Lê Cơ, Trương Bá Huy, Đỗ Tự, Lâm Nhĩ, Trần Chương bị bắt đi đày Lao Bảo (Quảng Trị). Một số người bị đày đi Côn Đảo, Buôn Ma Thuột, Thái Nguyên. Xã Mãi ở làng Phước Kiều (Điện Bàn) là người đúc bốn chiếc Ấn Kinh Lược cũng bị thực dân Pháp cầm tù... Tài liệu số 70: Báo cáo số 578 ngày 5.6.1916 của Khâm sứ Trigon cho biết rõ hơn: Việc truy tố được thực hiện đồng thời ở Quảng Ngãi, Hội An và Huế. Ở Faifo (Hội An): Chỉ thị được xem như kết thúc với 155 người bị bắt và kết án, một phần ba trong số họ là những người không quan trọng được tuyển vào phút cuối để thành lập nhóm tấn công. Họ sẽ được quản chế tại làng họ. Những người khác là đối tượng xét xử của Toà án bản xứ mà ngài công sứ định chuyển để phê chuẩn trước một tuần. Các bản án này gồm với hình phạt khác 5 án tử hình.

Đối với lực lượng khởi nghĩa tại phủ Tam Kỳ, Công sứ Lesterlin ở Quảng Nam cho biết: *“Hơn 120 cuộc truy bắt đã được tiến hành liên tục từ ngày 4 đến ngày 25 tháng 5 trong phủ Tam Kỳ, ... chúng tôi đã lọc ra số can phạm không quan trọng giao cho các nhà chức trách địa phương tạm thời coi giữ. Chúng tôi không còn chỗ để giam giữ và không có đủ người để trông coi họ...”*⁴³. Từ cơ sở đó, ngày 27.5.1916, Tòa án hình sự Quảng Nam mở phiên tòa xét xử Trần Huỳnh và kết án ông hình phạt xử chém “trảm giam hậu” và đưa đi đày tại ngục Buôn Ma Thuột. Sau đó, ngày 3.6.1916 ông bị xử chém tại Chợ Củi gần tỉnh lỵ La Qua (nay thuộc xã Điện Phương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Trước khi thọ hình, ông vẫn hiên ngang vẫy chào mọi người và hô vang: “Dòng giống Lạc Hồng thiên thu, Việt Nam vạn tuế!”. Đối với Trần Ni, thực dân đã tổ chức truy

⁴³ Tài liệu số 75, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

lùng ráo riết sau ba tháng mới vây bắt được ông và xử chém ông cũng tại Chợ Cũ. Còn Trần Siêu (làng Hạ Thanh, xã Tam Thanh) đã quyền sinh trong nhà lao Hội An. Trầm Tùng Vân bị kết án chung thân, bị đày đi ngục Buôn Ma Thuột. Những người bị kết án 3 năm tù trở lên bị đi đày ở nhà lao Lao Bảo gồm có Nguyễn Tình (làng An Hòa, Tam Hải), Trần Thu (làng Ngọc Mỹ, Tam Phú), Lương Đình Thự (làng Quý Thượng), Nguyễn Châu Ân (làng Tam Quý, Tam Phú), Nguyễn Kế (làng Vân Trai, Tam Hiệp), Trần Cang (làng An Mỹ Đông, Tam An), Trần Khuê (làng Cây Cốc), Lê Tiệp (làng Thạnh Bình), Lê Cơ (làng Phú Lâm), Nguyễn Buốt (làng Khương Mỹ), Lê Ngạn (làng Trung Đàn Thượng), Ngô Đồi... Những người bị kết án dưới 3 năm tù bị giam tại nhà lao Hội An gồm có: Võ Dương (làng Khương Mỹ, Tam Xuân), Nguyễn Lược (làng Diêm Trường, Tam Anh), Bùi Quang Ngọc (làng Phú Ninh, Tam Ngọc)...

Kết luận

Cuộc khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân đặt trong tổng thể của cả cuộc nổi dậy khắp Trung Kỳ năm 1916, dưới “ngọn cờ” vua Duy Tân đã thể hiện rõ những nét kiêu hùng, tinh thần quật khởi của người dân xứ Quảng. Bằng các tài liệu mới phát hiện được từ khuôn khổ đề tài này, đã hiện hiện lên những gương mặt sĩ phu tiêu biểu của đất Quảng lúc bấy giờ và vai trò của họ đối với cả xứ Trung kỳ.

Qua các nguồn tài liệu có được, chúng ta thấy rõ sự huy động lực lượng (theo chúng tôi chủ yếu là dân binh, các hưu quan, những người từng tham gia chống Pháp các cuộc khởi nghĩa trước đây) mà thiếu hẳn lực lượng công nhân, lực lượng lính tập, nhất là mối liên hệ với các “sĩ quan Đức” như các tài liệu lâu nay chúng ta có được. Tài liệu cũng cho ta thấy rõ hơn hành trạng của các nhân vật lâu nay ít được đề cập đến như Lâm Nhĩ, Đỗ Tự, Phan Khôi, Trần Huỳnh, Trần Ni; nhất là các cuộc họp quan trọng tại địa bàn Quảng Nam, Đà Nẵng có tính quyết định đến kế hoạch của cuộc khởi nghĩa... Tất cả các tài liệu có được, dù đã được phản ánh qua nhãn quan của bọn mật thám Pháp song đều toát lên được tinh thần yêu nước, ý chí chống ngoại xâm, tính “nghĩa khí cương cường, hành động sáng tỏ”... của các sĩ phu và nhân dân đất Quảng trong cuộc khởi nghĩa này./.

LAR

CUỘC KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI NĂM 1916 VÀ HỒ SƠ LƯU TRỮ TẠI PHÁP

*PGS.TS. ĐÌNH KHẮC THUÂN**

Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ dự định nổ ra vào ngày mùng 3 tháng 5 năm 1916. Song bị bại lộ và bị trấn áp. Tuy nhiên, cuộc khởi nghĩa vẫn được tiến hành tại Tam Kỳ. Tư liệu về cuộc khởi nghĩa này không nhiều, nhất là tư liệu gốc. Nay nhân kỷ niệm 100 năm diễn ra cuộc khởi nghĩa ở Tam Kỳ, chúng tôi điểm lại diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa, đồng thời giới thiệu tư liệu mới trong hồ sơ lưu trữ của Pháp.

1. Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội

Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội do Thái Phiên, người làng Nghi An, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng) lãnh đạo năm 1916 với sự tham gia của Trần Cao Vân, người làng Tư Phú, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Điện Quang, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam) và vua Duy Tân.

Theo kế hoạch, cuộc khởi nghĩa sẽ tiến hành vào đêm mùng 3 rạng ngày mùng 4 tháng 5 năm 1916 khi có lệnh súng thần công nổ ở kinh đô Huế và tín hiệu lửa đốt trên đỉnh Hải Vân. Nhưng bị bại lộ và người chỉ huy cuộc khởi nghĩa là Thái Phiên bị bắt ngay trong đêm ngày mùng 3 tháng 5. Do đó, ông không thể phát lệnh cuộc khởi nghĩa bằng súng thần công được, khiến cuộc khởi nghĩa bị thất bại. Trần Cao Vân đưa vua Duy Tân lánh ra ngoại ô kinh đô Huế để tìm đường rút về chiến khu, nhưng đã bị quân Pháp bắt ngày mùng 6 tháng 5. Khâm sứ Trung kỳ đã thông báo trước tình hình cho các Công sứ Pháp các tỉnh từ Quảng Bình đến Bình Định để đối phó với cuộc khởi nghĩa có thể xảy ra.

* Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm KHXX Việt Nam.

Do không nhận được lệnh phát động cuộc khởi nghĩa từ kinh đô vào đêm mùng 3 tháng 5 năm 1916, nên ở các tỉnh Trung Kỳ, nghĩa quân đã tự giải tán hoặc bị quân Pháp giải giáp. Duy nhất ở phủ Tam Kỳ cuộc khởi nghĩa vẫn được thực hiện, mặc dù không nhận được lệnh khởi nghĩa từ kinh đô Huế. Bởi lẽ, trước đó các sĩ phu yêu nước ở phủ Tam Kỳ đã nhận được mật dụ của vua Duy Tân hiệu dụ tham gia Việt Nam Quang phục hội, nên đã quyết tâm nổi dậy đánh Pháp.

Nhân dân phủ Tam Kỳ đã bí mật ủng hộ nghĩa quân của Việt Nam Quang phục hội và tham gia nghĩa quân. Tuy nhiên, cuộc khởi nghĩa bị trấn áp, nhiều nghĩa binh bị bắt và bị kết án tù tội.

Cuộc khởi nghĩa do Việt Nam Quang phục hội tổ chức bị thất bại. Vua Duy Tân bị đày đi đảo Réunion, thuộc địa của Pháp ở Đông Phi, Thái Phiên và Trần Cao Vân, cùng hai quan cận thần của vua là Tôn Thất Đề và Nguyễn Quang Siêu bị chém.

Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội, mặc dù trên toàn cục, do âm mưu nổi dậy bị bại lộ nên thất bại ở kinh đô và một số tỉnh khác, nhưng nó đã nổ ra trong một bộ phận tại phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Để góp phần làm rõ hơn cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội tại Trung Kỳ, chúng tôi giới thiệu dưới đây tư liệu mới trong hồ sơ lưu trữ tại Pháp.

2. Tài liệu lưu trữ tại Pháp

Hồ sơ lưu trữ tại Pháp về cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội khá nhiều. Song ở đây chúng tôi giới thiệu một tập trong số các tài liệu trong Lưu trữ Đông Dương tại Văn khố hải ngoại (Aix-en-Provence, Pháp).

Hồ sơ mang số hiệu 135, ngày 17 tháng 5 năm 1916. Hồ sơ có 5 trang, viết bằng chữ Hán, trên giấy dó. Trang cuối có năm tháng đề ngày 16 tháng 4 năm Duy Tân thứ 10, tức tây lịch ngày 17 tháng 5 năm 1916. Có dấu đỏ của và dấu của phủ Phụ chính và Thừa biện Trần Đình Kiêm vâng ban.

Đầu đề hồ sơ này là Thư của phủ Phụ chính. Nguyên văn chữ

Hán, chữ viết đá thảo, có một số chữ sai, được đánh dấu bỏ đi. Chúng tôi đây là bản gốc.

Nội dung văn bản được phiên âm như sau:

Phiên âm:

Phụ chính phủ thừa liệt kính thư, thời nhất bách tam thập ngũ hiệu.

Đại Pháp khâm sung trú kinh Khâm sứ đại thần Sa Quý Đài đại nhân thanh giám. Tư tiếp hội đồng Hình bộ Tham tri Hoàng Quảng Phô, Binh bộ Thị lang kiêm Hộ thành binh mã Phó sứ Vũ Liêm, lãnh Hình bộ Thị lang Ứng Thông, Đô sát viện Ngự sử Tôn Thất Uyên trình tỵ.

Bản nguyệt sơ lục nhật thừa Hà hội đồng tra cứu Trần Cao Vân, Thái Phiên đẳng phản nghịch chi dư, mỗ dĩ cụ thủ cung sáo tại án sự thẩm Trần Cao Vân tiết kinh can án thích tứ bất sữ bản phân văn đặc Hoàng thượng xung linh cảm dư liên thông ngoại sự chi Thái Phiên mưu đồng liêu tập đảng quả tiềm trú Kinh sư tầm Suất đội Siêu, Tam đẳng đề ám thông tín tức từ thông

Hoàng thượng phiên thủ chiếu văn tự phong quan tước yêu giá xuất ngoại dĩ tiện hiệu triệu Suất đội Nguyễn Siêu, Tam đẳng Thị vệ Tôn Thất Đề quân hệ thị hầu tại nội khước cảm thông dữ ngoại nhân Siêu tác thụ Nguyễn soái chi chức trấn thủ Hoàng thành đề tặc dĩ cấm cận thân tùy giá xuất ngoại. Kỳ dư tứ đẳng Dương Đức Tuyên, ngũ đẳng Lê Đình Thương, Hoàng Khảo tập binh, Hoàng Văn Lựu, Nguyễn Kiệt tức Năm Hưu, Lê Chu Hàn, Phạm Thành Chương, Lê Cảnh Vận, Nguyễn Khoan tức Vệ, Phú Liệt, suất đội Lê Viết Kinh, Nguyễn Duy tức xã Dòng đẳng quân hệ cộng mưu thất phẩm đội trưởng Tôn Thất Quyền, bát phẩm đội trưởng Vũ Phụng, cửu phẩm Mai Trí, Vũ Ngô, Lại Hà chúng quân hệ tri tình phân biệt quyền xú tội thành ưng đặc can án mưu phản đại thông luật tái nội nhất khoản. Phàm mưu phản bất lợi ư quốc lộc mưu nguy xã tắc cập đại nghịch: bất lợi ư quân. Đán cộng mưu giả bất phân thủ dĩ vị hành giai lãng trì áp tử đẳng nhân kì Trần Cao Vân, Thái Phiên, Nguyễn Siêu, Tôn Thất Đề đẳng tứ danh thỉnh ưng chiếu thủ luật miễn lý lãng trì danh hưởng

trảm chủ quyết kiêu thị dĩ chính điển hình. Tồn Dương Đức Tuyên, Lê Đình Thường, Hoàng Văn Lự đẳng tam danh tình tội hiệu trọng. Nhưng thị dữ Trần Cao Vân đẳng tứ danh hữu gian hữu ung lập quyết hoặc hoãn quyết chi xử. Thỉnh do bản phủ thẩm định thừa như Nguyễn Kiệt, Lê Chu Luân, Phạm Thành Chương, Lê Cảnh Vận, Nguyễn Khoan, Lê Viết Kinh, Nguyễn Duy, Tôn Thất Quyền, Vũ Nhàn, Mai Trí, Vũ Ngô, Lại Hà đẳng khải sĩ tra cứu tội danh xác giám tính dữ lưỡng vị đáo khuyết. Sĩ duy thủ cúng tiểu lãnh thừa tục trình thứ biện các đẳng nhân bản phủ chiếu giá án kinh độc hội văn tùy chiếu tình tội chiếu luật tu án phả hợp. Kỳ phạt Vân phạt Phiên, phạt Đề, phạt Siêu thỉnh khai trảm quyết miễn kì kiêu thị. Tồn Dương Đức, Thất Siêu, Hoàng Văn Lự đẳng tam danh sĩ lãnh tục nghị.

Thư kính thư chi kỳ mật bằng biện, kính trọng ý. Đồng kính thư.

Duy Tân thập niên tứ nguyệt thập lục nhật. Tây nhất thiên cửu bách thập lục niên ngũ nguyệt thập thất nhật.

Approuvé, Hue le 17 Mai 1916

Thừa biện Trần Đình Kiểm phụng ban.

Dịch nghĩa:

Nội dung văn bản cho biết, đây là thư của phủ Phụ chính, số 135.

Thư trình lên Đại Pháp khâm sai, Khâm sứ đại thần Sa Quý Đài đại nhân để xem xét. Sau đó trình đến hội đồng Hình bộ Tham tri Hoàng Quảng Phô, Binh bộ Thị lang kiêm Hộ thành binh mã Phó sứ Vũ Liêm lãnh Hình bộ Thị lang Ứng Thông, Đô sát viện Ngự sử Tôn Thất Uyển.

Vào ngày mùng 6 trong tháng, Hội đồng xem xét kẻ phản nghịch Trần Cao Vân và Thái Phiên. Trần Cao Vân mưu cầu kết với Hoàng thượng, Thái Phiên mưu lập bè đảng với Suất đội Siêu ở Kinh đô...

Xem xét tội phạm, xét bốn tên Trần Cao Vân, Thái Phiên, Nguyễn Siêu, Tôn Thất Đề được chiếu theo luật mà miễn tội phạt

lăng trì. Còn ba tên Dương Đức Tuyên, Lê Đình Thường, Hoàng Văn Lựu thì miễn tội bêu đầu.

Còn Dương Đức, Thất Siêu, Hoàng Văn Lựu sẽ nghị bàn luận tội.

Ngày 16 tháng 4 năm Duy Tân thứ 10, tức Tây lịch ngày 17 tháng 5 năm 1916.

Thừa biện Trần Đình Kiềm phụng ban.

Nội dung thư cho biết đã kết án xử trảm bốn vị cầm đầu cuộc khởi nghĩa là Trần Cao Vân, Thái Phiên, Nguyễn Siêu và Tôn Thất Đề, nhưng miễn tội bị lăng trì, và ba vị Dương Đức Tuyên, Lê Đình Thường, Hoàng Văn Lựu miễn tội bị bêu đầu. Ngoài ra, còn danh tính các sĩ phu khác trong cuộc khởi nghĩa này bị án phạt.

Cũng trong hồ sơ còn có tờ Ủy dụng trạng của Việt Nam quốc Quang phục quân quân Thánh phú do Tổng đại biểu là Cường Để ký.

Tư liệu lưu trữ trên đây góp thêm cứ liệu xác thực tìm hiểu về cuộc khởi nghĩa của nghĩa sĩ Quang phục hội xảy ra ở Tam Kỳ năm 1916, đến nay vừa tròn 100 năm.

Cuộc nổi dậy vũ trang này là một thực tế lịch sử, là một cuộc khởi nghĩa với đầy đủ tính chất của nó do Việt Nam Quang phục hội lãnh đạo, đã để lại một dấu ấn sâu sắc trong truyền thống cách mạng chống Pháp của xứ Quảng địa linh nhân kiệt mà nhân dân Quảng Nam có quyền tự hào và tri ân các anh hùng đã hy sinh quên mình./.

ĐKT

ẢNH HƯỞNG CỦA CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914-1918) ĐỐI VỚI CUỘC KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI

*ThS.NCS. PHAN VĂN CẢ**

Chiến tranh Thế giới thứ nhất (1914-1918) là cuộc chiến xảy ra giữa hai khối liên minh quân sự Anh - Pháp - Nga và Đức - Áo - Hung, được hình thành cuối thế kỷ XIX nhằm lập lại trật tự thế giới mới giữa các nước đế quốc. Tuy nhiên, phạm vi ảnh hưởng của nó không chỉ giới hạn trong các nước tham chiến mà nó còn tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có thuộc địa Đông Dương của Pháp. Là một trong các bên tham chiến, nước Pháp khi đó đã phải huy động mọi nguồn lực từ Chính quốc và các thuộc địa trong đó có Đông Dương. Không chỉ đóng góp tài nguyên, con người, thuộc địa vùng Viễn Đông này còn là cơ sở hậu cần quan trọng của Mẫu quốc trong Chiến tranh Thế giới thứ nhất.

Do vậy, Chiến tranh Thế giới thứ nhất là nhân tố khách quan tác động đến các cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam trong giai đoạn này và cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916 được xem như một phong trào tiêu biểu cho xu thế đó.

1. Chiến tranh Thế giới thứ nhất bùng nổ và sự bùng phát phong trào dân tộc ở Việt Nam

Đầu tháng 8.1914, Đức xâm lược Bỉ, đánh dấu sự khởi đầu của cuộc thế chiến kéo dài trong 4 năm, từ tháng 8.1914 đến tháng 11.1918. Cuộc chiến lan ra ở ba châu lục lớn, với 33 nước tham chiến. Đây là kiểu chiến tranh tổng lực, chiến tranh toàn diện, thử thách tiềm lực kinh tế và sức mạnh tinh thần của đối phương.

Cuộc thế chiến khiến Đông Dương, một trong những bông hoa

* Khoa Lịch Sử, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG TP. HCM.

thuộc địa đẹp nhất của thực dân Pháp chịu ảnh hưởng nặng nề bởi Albert Sarraut khi sang thay cho Ernest Roume làm Toàn quyền Đông Dương đã khẳng định: *“Tất cả những điều chúng ta có thể nói và làm hiện nay là phải xoay vào ý nghĩ này: ra sức làm việc cho nước Pháp đang tham chiến”*¹. Tất nhiên, Đông Dương mà chủ yếu là Việt Nam phải cung cấp cho Pháp những điều kiện cần thiết cho cuộc chiến của Mẫu quốc. Trong các năm 1915-1919, những chuyến tàu từ Đông Dương sang Pháp đã đưa đến chính quốc tổng cộng 92.411 người bản xứ². Để giải quyết nhu cầu nhân công tại các nhà máy sản xuất vũ khí và lương thực, giải pháp duy nhất là kêu gọi nhân công thuộc địa.

Bắt đầu từ tháng 1.1916, nhiều lớp thanh niên tại miền Trung Việt Nam bị gọi nhập ngũ, được huấn luyện nhanh chóng trước khi xuống tàu sang Pháp, đa số lính thợ bị tuyển mộ từ các làng xã để đưa đi phục vụ các mặt trận ở Pháp. Chỉ tính riêng hai năm từ 1915 đến 1916, số lính thợ Đông Dương sang Pháp tăng từ 4.631 lên 26.098. Số lao động trên đây được tổ chức thành các tiểu đoàn *“thợ không chuyên”* (ouvriers non spécialistes) và được giao do Văn phòng Lao động thuộc địa (Service des Travailleurs coloniaux) quản lý³. Bên cạnh đó, Đông Dương còn phải đóng góp 184 triệu đồng dưới hình thức công trái và 336.000 tấn lương thực. Những đóng góp đó càng nặng nề vì vào những năm 1914-1917, mùa màng bị thiên tai trầm trọng⁴. Đời sống của lính Việt trong quân đội Pháp rất cực khổ. Những lính chiến đấu sang Pháp bị đưa vào mặt trận đánh nhau hoặc làm lính công binh. Họ được luyện tập ít, bờ ngỡ, không quen khí hậu khắc nghiệt nên chết trận rất nhiều.

Không những thực hiện chính sách kinh tế thời chiến, thực dân Pháp ra sức bắt lính phục vụ cho chiến tranh ở chính quốc, lính khổ xanh có nguy cơ phải chuyển thành lính khổ đỏ để sang Pháp. Người dân Việt đã khổ nay lại càng khổ hơn, sưu cao thuế nặng, bị đem đi

¹ Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm, Lịch sử cận đại Việt Nam, Tập 3, NXB. Giáo dục, H., 1961, tr.288.

² <http://www.archives.gov.vn>.

³ <http://www.archives.gov.vn>.

⁴ Nguyễn Khắc Viện, Việt Nam một thiên lịch sử, NXB. Khoa học xã hội, 2007, tr.235.

làm bia đỡ đạn ở trời Tây. Nhân dân Việt căm phẫn, uất ức và như một kết quả tất yếu: nhiều cuộc bạo động, nổi dậy bùng phát trong thời điểm thế chiến xảy ra. Tại chính quốc, quân Pháp liên tiếp bại trận. Nhân cơ hội này, các tổ chức cách mạng và sĩ phu yêu nước ở khắp ba miền của tổ quốc đứng lên tập hợp lực lượng, đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa, chống lại chính sách thực dân của Pháp nhằm tháo gông cùm cho dân tộc.

Tổ chức cách mạng hoạt động khá mạnh trong những năm thế chiến là Việt Nam Quang phục hội. Đầu năm 1912, Phan Bội Châu tập hợp các thành phần hoạt động cách mạng Việt Nam đang sống ở Trung Quốc, thành lập Việt Nam Quang phục hội tại Sa Hà (Quảng Châu, Trung Quốc) do Cường Để làm hội trưởng và Phan Bội Châu làm tổng lý. Quang phục hội hoạt động tích cực ở Trung Quốc và cử người về nước phát triển tổ chức, nhất là trong thời kỳ Pháp đang bối rối vì Thế chiến thứ nhất (1914-1918) xảy ra ở Âu Châu. Từ khi Phan Bội Châu bị chính quyền Lương Quang bắt giam, Việt Nam Quang phục hội đã tan rã nhưng nhiều hội viên vẫn hăng hái đấu tranh khi có thời cơ. Nhiều cuộc bạo động đã xảy ra do hội viên Việt Nam Quang phục hội hoặc dưới danh nghĩa của hội tổ chức như: kế hoạch đánh chiếm Hà Nội của cơ sở hội ở Vân Nam (năm 1913), trận đánh úp tỉnh lỵ Phú Thọ (6.1.1915), phá ngục Lao Bảo (28.5.1915), kế hoạch đánh Móng Cái, Lạng Sơn (năm 1915)...

Tại các tỉnh miền Trung, đặc biệt là những tỉnh, thành phố có tầm quan trọng về chính trị và quân sự như Quảng Nam, Quảng Ngãi, Huế, các nhà hoạt động Duy tân và Đông du trước đây cũng chuyển đổi tổ chức theo Quang phục hội. Phan Thành Tài, Lê Ngung, Thái Phiên là những người đầu tiên tổ chức Quang phục hội. Khi Trần Cao Vân từ đảo Côn Lôn mãn hạn tù trở về Quảng Nam vào tháng 1.1915, cũng tham gia vào tổ chức này. Họ đã làm nên cuộc khởi nghĩa gây rung động vùng đất Trung Kỳ vào năm 1916.

Ở Nam Kỳ, những năm 1915-1916, các hội kín hoạt động mạnh, tấn công vào nhiều trung tâm hành chính, đặc biệt là cuộc tấn công khảm lớn Sài Gòn và Phủ Thống sứ Nam Kỳ. Đồng thời, các hội kín ở địa phương cũng hoạt động mạnh, làm nổ ra phong trào chống bắt

lính và trừng trị các chức dịch tay sai của chính quyền thực dân ở Trà Vinh, Biên Hòa, Bến Tre, Thủ Dầu Một, Tây Ninh... Ở Bắc Kỳ, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên do Trịnh Văn Cấn, viên cai đội (caporal) lính khố xanh ở Thái Nguyên cầm đầu cuộc nổi dậy vào đêm 30.8.1917 là cuộc khởi nghĩa lớn, kéo dài và gây được tiếng vang. Ngoài ra, đồng bào dân tộc ít người cũng vùng dậy, tiêu biểu là cuộc bạo động của nhân dân Tây Bắc Bắc Kỳ (1914-1916), của N'Trang Long (1914-1916), cuộc khởi nghĩa Bình Liêu (14.11.1918)...

Trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất, nhân thời cơ nước Pháp tập trung mọi nguồn lực vì chiến cuộc ở chính quốc, hàng chục cuộc bạo động, binh biến, khởi nghĩa nổ ra và điểm chung thường thấy ở các cuộc bạo động này là: lực lượng nòng cốt là binh lính người Việt trong quân đội Pháp - những người nặng lòng với quê hương, đất nước. Sự bùng phát của phong trào đấu tranh yêu nước những năm 1914-1918 cho thấy những người lãnh đạo phong trào đã biết nắm bắt điểm yếu của kẻ thù để hành động.

2. Những yếu nhân Việt Nam Quang phục hội nhìn nhận về Chiến tranh Thế giới thứ nhất - thời cơ khởi nghĩa

Có nhiều yếu tố dẫn đến cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội nổ ra ở đất Trung Kỳ. Chiến tranh Thế giới thứ nhất 1914-1918 là một trong số đó. Sử gia Phan Khoang nhận xét: *“Áu Châu đại chiến thứ nhất phát sinh, Pháp lâm vào tình thế khó khăn. Lính Pháp ở Đông Dương một phần lớn phải đưa về nước dự chiến. Một nhóm chí sĩ, hầu hết là người đã dự vào phong trào xin suu năm 1908, muốn nhơn cơ hội để lật đổ nền thống trị Pháp, bèn tổ chức một cuộc âm mưu để đạt mục đích này. Những người cầm đầu là Lê Ngung (Tủ tài, người Quảng Ngãi), Trần Cao Vân, Thái Phiên, Phan Thành Tài, Đỗ Tự (đều người Quảng Nam)”*⁵. Những yếu nhân của cuộc khởi nghĩa cổ kết lại với nhau. Khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tuy mang danh nghĩa vua Duy Tân nhưng chủ mưu là các sĩ phu ái quốc, động lực là binh lính, những người nông dân bị bắt đi làm bia đỡ đạn cho thực dân Pháp. Bài hịch do Lê Ngung soạn thảo có nói rõ: *“Nguy báo*

⁵ Phan Khoang, *Việt Nam Pháp thuộc sử 1862-1945*, Tủ sách Sử học, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, 1971, tr.464.

hộ thực dân Pháp dã, bạch ngô quốc chi thổ địa dĩ vi vinh; kiệt ngô dân chi cao chi dĩ vi lạc; xu ngã thanh niên tử u Pháp Đức chiến trường, bảo vệ tha môn quyền lợi” (Ngụy bảo hộ thực dân Pháp, quét sạch đất đai nước ta cho là vinh, hút hết máu mủ dân ta cho là thích; xua những thanh niên ra chết ở chiến trường Pháp - Đức để bảo vệ quyền lợi của bọn chúng)⁶.

Những sĩ phu yêu nước ở các địa phương Quảng Nam, Quảng Ngãi đã bắt gặp tư tưởng lớn với một số chiến sĩ phong trào Duy Tân 1908 bị Pháp lưu đày Lao Bảo, Côn Đảo lần lượt được Pháp trả tự do. Những người lãnh đạo phong trào nghiên cứu khá kỹ về thời điểm tiến hành khởi nghĩa, đưa ra những nhìn nhận xác đáng về thời cuộc, nhất là khi thế chiến bùng nổ. Tháng 8.1914, khi Đức bắt đầu tiến quân đánh vào đất Pháp, Lê Ngung cho rằng đây là thời cơ nên họp anh em Quảng Ngãi bàn bạc và viết thư cho Thái Phiên đề nghị tiến hành khởi nghĩa: “*Đức Pháp khởi hân chi nhật, tức Việt Nam độc lập chi thời*” (nghĩa là ngày Đức - Pháp đánh nhau cũng là thời cơ độc lập của nước Việt Nam). Nhưng ở Quảng Ngãi, anh em không ai đồng ý vì lực lượng còn non yếu, đề nghị của Lê Ngung không được Thái Phiên và các nhà lãnh đạo khác chấp nhận. Thái Phiên trả lời: “*Quân Pháp tuy liên tiếp bại trận nhưng chưa đến lúc thật suy yếu, vì vậy nên chờ một thời gian nữa để xây dựng lực lượng thêm mạnh mẽ. Nếu chúng ta thất bại thì xây dựng mười năm cũng chưa bình phục được*”⁷. Từ tháng 12.1914 đến tháng 1.1915, Lê Ngung hai lần đề nghị Việt Nam Quang phục hội Quảng Nam, Quảng Ngãi tiến hành bạo động bởi Pháp phải rút lực lượng ở Đông Dương về phòng thủ, tạo ra cơ hội rất tốt cho cuộc khởi nghĩa đánh đuổi thực dân Pháp ở Đông Dương.

Cho đến giữa năm 1915, Pháp vẫn liên tục thua Đức trên chiến trường Châu Âu. Đầu tháng 7.1915, Lê Ngung biết được tin quân Đức đang tiến đến gần Paris, chính phủ Pháp buộc phải rút một bộ phận quân đội viễn chinh ở Đông Dương về bảo vệ chính quốc. Một

⁶ Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vện, *Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền nam Trung Bộ năm 1916*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 22, 1961, tr.40.

⁷ Như trên, đã dẫn, tr.36.

lần nữa ông lại gửi thư cho Thái Phiên và gửi ra nước ngoài cho Phan Bội Châu, thúc giục khẩn thiết: *“Thời hô, thời hô, thời bắt tái lai! Kim trì bất phản cô đãi hà thời?”* (Thời cơ! thời cơ! Thời cơ không trở lại. Lúc này không phản đầu đợi đến lúc nào?)⁸. Đề nghị lần này của Lê Ngung được chấp thuận. Thái Phiên triệu tập ngay đại biểu các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên, Quảng Bình tiến hành cuộc họp lần thứ nhất của Việt Nam Quang phục hội ở Phú Xuân (Huế) vào tháng 9.1915. Cuộc họp đã đưa ý kiến của Lê Ngung ra bàn bạc kỹ lưỡng. Tất cả đều đi đến thống nhất là địch tuy đại bại ở chính quốc nhưng ở đây lực lượng nói chung còn mạnh, nhất là ở Huế và Đà Nẵng, cần hoãn khởi nghĩa một thời gian nữa để chuẩn bị cho kỹ. Lê Ngung kiên quyết tiến hành vì nhiều lý do, trong đó có lý do *“phải tranh thủ thời cơ nếu không thì một là Pháp thắng Đức, hai là Đức thắng Pháp, trong cả hai trường hợp đó đều bất lợi cho ta, vì địch có thể tập trung được lực lượng tấn công lại cách mạng”*⁹.

Cuối năm 1915, quân Đức đại thắng quân Pháp, vượt qua sông Aisme tiến thẳng đến Paris khiến quân đội Pháp ở thuộc địa phải khẩn trương rút về tiếp viện cho chính quốc. Tin bại trận từ Pháp truyền sang Việt Nam, phá cách mạng lợi dụng thời cơ, tung ra nhiều tin đồn gây hoang mang cho hàng ngàn lính mộ đang tập trung ở Huế và rải rác ở các tỉnh. *“Những lời tuyên truyền ấy đã làm rung động những người đương bị bắt đi làm bia đỡ đạn cho thực dân Pháp. Ấy là chưa kể những bài ca nhớ nhà, nhớ nước, nhớ vợ, nhớ con, nhớ cây đa bên đình, nhớ lũy tre xanh quanh làng của những người nông dân bị bắt đi lính cho giặc được phổ biến rộng rãi. Do đó, tinh thần phản chiến và hưởng ứng cách mạng của binh lính ngày một lên cao”*¹⁰. Những tin tức đại loại như: *“lính Pháp chết như rạ”*, *“tàu Pháp bị đánh đắm vô số”*, *“lính An Nam chết rất nhiều”*... được truyền vào các trại lính mộ hàng ngày đã kích thích tinh thần khởi

⁸ Lê Hồng Khánh, *Nhân vật Quảng Ngãi: Lê Ngung (1865-1916)*, <http://www.baoquangngai.vn>

⁹ Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vận, *Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền nam Trung Bộ năm 1916*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 22, 1961, tr.38.

¹⁰ Trần Huy Liệu, *Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh*, NXB. KHXH, H., 2003, tr.205.

nghĩa của anh em lính tập. Không khí vừa căm thù uất hận vừa hoang mang lo sợ tràn ngập từ trong trại lính đến các thôn xóm. Đội lính mộ ước hơn một ngàn người đang tập trung tại Huế để chuẩn bị sang Pháp càng thêm nao núng.

Trước sự chuyển biến của tình hình thế giới, tháng 1.1916, Việt Nam Quang phục hội triệu tập một cuộc họp tại huyện Hòa Vang để triển khai kế hoạch khởi nghĩa. Mục tiêu khởi nghĩa là: đánh đổ thực dân Pháp, xây dựng Việt Nam thành nước “*Việt Nam cộng hòa dân quốc*”. Cũng bắt đầu từ năm 1916, nhiều lớp thanh niên tại Trung Việt bị gọi nhập ngũ, được huấn luyện sơ lược trước khi xuống tàu sang “*mẫu quốc*”. Thanh niên thuộc hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi phải tập trung về kinh đô Huế, tạm trú rải rác tại nha Hộ thành, tại tòa Hậu bổ, tại ngã tư Anh Danh, tại đồn Mang Cá và mỗi ngày hai lần, ra tập dượt tại Trường thi, trong thành nội. Việc tuyển mộ gần như cưỡng bách này, thực hiện trong một phạm vi rộng lớn, đã gây nhiều sự xáo trộn về phương diện xã hội làm cho mọi tầng lớp dân chúng ta thán, trông đợi và sẵn sàng hưởng ứng nếu một cuộc khởi nghĩa được phát động. Tại châu Âu, người Đức đã bắt đầu tổng phản công, cố gắng chọc thủng hàng ngũ đồng minh tại khúc lồi Verdun trên đường chiến lũy miền tây. Cuộc xung đột diễn ra ác liệt hơn lúc nào hết trên lãnh thổ nước Pháp từ tháng 2 đến tháng 6.1916. Thời gian này, nhiều toán binh sĩ tại Thuận Hóa đã chuẩn bị lên đường làm cho các đơn vị khác phải bị “*một phen xao xuyến*”.

Những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội trong lần họp đại hội lần thứ 2 vào tháng 3.1916 đã phân tích cặn kẽ tình hình quốc tế và quốc nội để đưa ra quyết định khởi nghĩa. Trần Cao Vân đề nghị một chương trình hoạt động gồm có ba điểm chính: một là phối hợp công tác với lực lượng cách mệnh hải ngoại, hai là đặt mối bang giao với người Đức, ba là tổ chức một cuộc bạo động để lật đổ chính phủ bảo hộ và thiết lập một chính quyền lâm thời. Phan Thành Tài thì cho rằng tình hình quốc tế sẽ biến chuyển một cách thuận lợi cho cách mạng Việt Nam, nước Đức sẽ ca khúc khải hoàn trong trận thế chiến này. Nhưng bản thân ông vẫn còn băn khoăn vì nước Pháp cầm cự đã hai năm mà không hề nao núng, lại có

tin Hoa Kỳ sẽ tham dự vào chiến cuộc bên cạnh phe đồng minh. Nếu vậy thì nguy cơ nước Đức bị cô lập, phe hiệp ước đầu hàng vô điều kiện là có thể xảy ra. Và như thế thì cuộc khởi nghĩa của hội sẽ bị ảnh hưởng không nhỏ. Do đó, Việt Nam Quang phục hội gấp rút chốt kế hoạch khởi nghĩa và ấn định thời gian là đêm mùng 3 rạng ngày mùng 4 tháng 5.1916 khi có lệnh súng thần công nổ ở kinh đô Huế và tín hiệu lửa đốt trên đỉnh Hải Vân.

Có thể nói, những yếu nhân của cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916 nắm bắt rất sát sao diễn biến của chiến tranh thế giới thứ nhất nhằm chọn ra thời điểm tốt nhất để hành động. Trong phiên họp thường kỳ của Hội đồng chính phủ Đông Dương năm 1916, thực dân Pháp nhận định về cuộc khởi nghĩa này: *“phần lớn bọn thủ mưu là những văn thân đã can dự vào vụ năm 1908 và vẫn đang có liên lạc với những phần tử người Trung Kỳ đã trốn ra nước ngoài. Và bọn này cũng không ngừng bắt liên lạc với người của chúng còn lại ở Trung Kỳ hay đã trở lại Trung Kỳ. Bọn chúng đã mưu toan nhân cơ hội nước Pháp đang bận bịu về cuộc chiến tranh ở châu Âu mà gây rối loạn ở Đông Dương nhằm đánh đuổi người Pháp ra khỏi đất An Nam, giành lại nền độc lập cho xứ sở”*¹¹. Những người lãnh đạo Việt Nam Quang phục hội “nhân cơ hội” thế chiến thứ nhất nhưng thực dân Pháp không nhận ra rằng: *“...từ vua quan đến các sĩ dân cho đến hàng quân ngũ dưới quyền quân lính Pháp cùng bạn học Tây học mà người Pháp đào tạo ra đều ôm lòng phần uất, chứng tỏ rằng chính sách cai trị của bọn thực dân ở Việt Nam hung ác cực điểm, chúng bạn thân ly bày ra cái tình cảnh “trong một thuyền đều là kẻ cừu địch”(chu trung gian địch). Vậy mà không biết tự xét, cứ thi cái độc thủ “giết đày” tàn khốc, rõ là lòng đen và mắt mù”*¹². Tất cả những yếu tố ấy đã làm dấy lên nhiều cuộc khởi nghĩa lật đổ ách cai trị của thực dân Pháp nhằm đem lại độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam.

¹¹ Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước*, NXB. Tổng hợp TP. HCM, tr.613.

¹² Như trên, đã dẫn, tr.613.

3. Chiến tranh Thế giới thứ nhất thực sự tác động đến cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916 ở mức độ nào?

Những nhà lãnh đạo khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội coi thế chiến thứ nhất mà cơ hội hiếm có cần nắm bắt kịp thời. Nhiều cuộc bạo động, nổi dậy ở ba miền đất nước cũng nhắm vào yếu tố thời cơ này. Thực tế, Chiến tranh Thế giới thứ nhất có tác động đến cục diện cách mạng ở Việt Nam hay không? Câu trả lời chắc chắn là có. Bối cảnh quốc tế lúc bấy giờ đã ảnh hưởng đến tình hình ở Việt Nam trên nhiều phương diện. Tuy nhiên, mức độ tác động của nó đến đâu còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố.

Trong kế hoạch khởi nghĩa, những lãnh đạo Việt Nam Quang phục hội “*dùng lực lượng của độ vài nghìn lính mộ đương luyện tập ở Huế (để đưa sang Pháp) và các hạng lính khổ đỏ, khổ xanh ở Huế và các tỉnh có các đạo dân quân và dân chúng ở ngoại ô và thôn quê kéo đến trợ lực, để chiếm lấy kinh đô và 3 tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Nghĩa làm căn cứ, lật đổ chánh phủ Nam triều, đặt chánh phủ khác và tôn đức Duy Tân lên làm vua lại. Họ bí mật giao thiệp với viên thiếu tá người nước Đức chỉ huy lính Lê dương tại đồn Mang Cá và tin rằng viên này sẽ hỗ trợ cuộc khởi nghĩa. Họ cũng tin đảng Quang Phục ở Xiêm sẽ đưa lực lượng và vũ khí về tiếp viện*”¹³. Ở đây, ta thấy có một sợi dây liên kết với bên ngoài, cụ thể là Quang phục hội ở Xiêm và sự hiện diện của Đức. Từ tháng 8.1914, Tổng bộ Việt Nam Quang phục hội đã liên lạc được với lãnh sự Đức và họ hứa sẽ hết sức giúp đỡ cách mạng Việt Nam. Nguyễn Thượng Hiền đã thay mặt tổng bộ nhận một vạn đồng của họ. Họ hứa nếu ta cố gắng chiếm lại được một cửa biển nào đó, lập tức họ sẽ mang vũ khí đến tiếp tế cho ta. “*Trong chiến tranh 1914-1918, Đức là kẻ thù của nước Pháp nên được các nhà theo chủ nghĩa quốc gia chú ý. Trong khi hoàng thân Cường Để lên đường sang Berlin, lãnh sự Đức tại Bangkok mở các cuộc gặp gỡ trao đổi với những người lưu vong. Từ nhà tù ở Quảng Châu, Phan Bội Châu đã cử Nguyễn Thượng Hiền đại diện cho mình. Những người này được nhận một số tiền là mười*

¹³ Phan Khoang, *Việt Nam Pháp thuộc sử 1862-1945*, Tủ sách Sử học, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, 1971, tr.465.

ngàn đồng để sử dụng trong khi chờ đợi một sự hỗ trợ quân sự thực sự”¹⁴. Điều này chứng tỏ có một mối liên hệ giữa Việt Nam Quang phục hội và nước Đức.

Thực ra, Đức không như họ tưởng, ra tay giúp đỡ phong trào cách mạng Việt Nam mà hiện thời, Đức và Pháp đang là kẻ thù của nhau nên “dù không nhằm gây ảnh hưởng sau này đi nữa thì cũng tạo được một yếu tố làm suy yếu nước thù địch”. “Trong thời đại chiến 1914-1918, người Đức đã bắt đầu liên lạc với các nhà cách mạng Việt Nam ở Xiêm, trợ cấp tiền để gây lực lượng lật đổ chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương. Theo Phan Bội Châu, lãnh sự Đức và Áo ở Xiêm có trao cho Mai Sơn, người đại diện của Cụ, một vạn bạc Xiêm chỉ để tỏ ý muốn giúp đỡ thôi và hứa rằng sau này nếu có gây được phong trào thì sự giúp đỡ sẽ quy mô hẳn hoi hơn. Người Đức thừa hiểu dù có giúp bằng triệu bạc đi nữa vẫn còn hơn là để Đông Dương tiếp tế nguyên liệu, gửi hàng vạn lính và gần 50 triệu quan quốc trái cho nước Pháp để đánh nước Đức”¹⁵. Việt Nam Quang phục hội tìm cách khai thác mâu thuẫn giữa hai kẻ thù để làm sao có lợi cho mình.

Khi chuẩn bị tiến hành khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội, tại Đại hội trung tuần tháng 3.1916, những người đứng đầu cuộc khởi nghĩa có đề cập đến sự hỗ trợ của nước Đức: “Chi bộ Đảng tại Xiêm đưa lực lượng Việt kiều Quang phục quân và quân lính Đức về nước bằng đường thủy và sẽ đổ bộ lên cửa biển Đà Nẵng”. Còn về vũ khí thì “Ngoài một số lớn vũ khí do Trần Hữu Lực ở Xiêm gửi về, Đảng còn phải tạo thêm vũ khí khác nữa bằng cách tạm đóng cửa vài thương hội rút người vào núi rèn đúc thêm mã tấu dao phan tạc đạn. Đồng thời phái người sang Xiêm vận động viên sứ thần Đức cầu viện thêm vũ khí cho cách mạng”¹⁶. Các sĩ phu yêu nước của cuộc khởi

¹⁴ Lê Thành Khôi, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XX*, NXB. Thế giới, 2014, tr.490.

¹⁵ Nguyễn Văn Trung, *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam – Thực chất và huyền thoại*, Nam Sơn xuất bản, Huế, 1963, tr.185-186.

¹⁶ Đại Thạch Lê Ước, *Cuộc Duy Tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài (1882-1916)*, Tập san Sử Địa số 11, 1968, tr.91.

nghĩa có mối liên hệ mật thiết với Harmandes¹⁷ và viên đại tá người Pháp gốc Đức này đã nhận lời làm hậu thuẫn cho chính phủ cách mạng sau này khi cần cầu viện Đức.

Nhìn một cách tổng thể thì Việt Nam Quang phục hội cố gắng tận dụng tốt yếu tố bên ngoài nhưng cuộc khởi nghĩa không thành công. Chiến tranh thế giới thứ nhất làm nước Pháp suy yếu nghiêm trọng nhưng thực lực cách mạng trong nước của ta chưa đủ mạnh để có thể quật ngã Pháp. Phong trào yêu nước ở Việt Nam còn non kém, Việt Nam thiếu một tổ chức thống nhất trên quy mô toàn quốc, thiếu một lực lượng lãnh đạo đủ năng lực nên mặc dù phong trào yêu nước Việt Nam vẫn luôn tồn tại nhưng đã không lợi dụng được những khó khăn của nước Pháp do chiến tranh gây ra để đưa cuộc khởi nghĩa đến thành công. Do đó, điều kiện cần và đủ của một cuộc khởi nghĩa là phải kết hợp được yếu tố khách quan và chủ quan, yếu tố bên ngoài và bên trong. Ở đây, trong cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội, mức độ ảnh hưởng của yếu tố bên ngoài, yếu tố khách quan là rất lớn nhưng yếu tố bên trong chưa đủ. Phong trào đấu tranh dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước yếu dần là vậy.

Tuy cuộc khởi nghĩa không diễn ra như kế hoạch mà chỉ nổ ra ở phủ Tam Kỳ, Quảng Nam, những người đứng đầu cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp bắt và tử hình nhưng cuộc khởi nghĩa đã tạo một tiếng vang lớn về tinh thần yêu nước của các sĩ phu và nhân dân Việt Nam. Trần Cao Vân trước ngày ra pháp trường vẫn giữ tinh thần vững vàng, gửi lại hậu thế niềm tin vào tương lai dân tộc:

Đứng giữa càn khôn thế chẳng dòi

Việt Nam vẫn vật tự bao đời

Vua, dân chung dạ tinh sao hội

Tôi tớ bằng lòng nhật nguyệt soi

¹⁷ Harmandes nguyên là người Đức, năm 1891, ông Jean De Oliviere là người Pháp sang Đức du lịch. Lúc đó Harmandes 5 tuổi, ông Oliviere xin cha mẹ của Harmandes đem Harmandes về Pháp làm con nuôi và cho ăn học. Trở thành công dân Pháp, Harmandes đi lính thăng đến Trung tá, sau thăng đại tá, chỉ huy đồn lính khổ vàng và khổ xanh đóng ở trấn Bình Đài (đồn Mang Cá). Ông là tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Trung Kỳ.

*Đất Việt dẫu không còn Bạch Sĩ
 Khí trung kia vẫn ngập bầu trời
 Anh hùng sá kể cơn thành bại
 Sử sách ngàn thu chép rạch ròi¹⁸.*

Các nhà lãnh đạo Việt Nam Quang phục hội xác định Chiến tranh Thế giới thứ nhất là thời cơ để Việt Nam vùng dậy là hoàn toàn chuẩn xác. Tuy ngọn cờ khởi nghĩa của họ không đem lại kết quả như mong đợi nhưng họ đại diện cho thế hệ cung cấp một bản chất nối liền giữa Việt Nam truyền thống và những hoạt động chính trị hiện đại được theo đuổi trong thập niên 1920. Bài học lớn về nắm bắt tình hình quốc tế để hành động từ cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang Phục Hội đã được Đảng cộng sản Việt Nam sau này áp dụng khi cuộc chiến tranh thế giới lần thứ 2 bùng nổ. Đảng cộng sản Việt Nam xác định chiến tranh thế giới là thời cơ “*ngàn năm có một*” nên ngay từ khi chiến tranh vừa bắt đầu năm 1939, Đảng và nhân dân Việt Nam đã có sự chuẩn bị về vật chất và tinh thần. Khi thời cơ chín muồi thì ta sẵn sàng đứng lên, “*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”./.

PVC

¹⁸ Nhiều tác giả, *Danh nhân đất Quảng*, NXB. Đà Nẵng, 1987, tr.105.

GÓP PHẦN TÌM HIỂU THÊM VỀ LÒNG YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN XỨ QUẢNG QUA CUỘC KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI NĂM 1916

ĐÀO VĂN TRÀ*

Quảng Nam là một vùng đất “địa linh nhân kiệt” với những con người vốn có truyền thống hiếu học, giàu lòng yêu nước, chiến đấu không mệt mỏi vì dân vì nước, luôn tìm cách giành bằng được độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân. Nhà văn Nguyên Ngọc đã từng khẳng định rằng người Quảng Nam “hằn sâu trong tư duy một ý thức trách nhiệm chính trị hầu như là tự nhiên đối với vận mệnh chung của đất nước”¹. Đó chính là lòng yêu nước được hun đúc từ đời này qua đời khác. Lòng yêu nước của mỗi cá nhân đã tạo thành sức mạnh vững chắc giúp ta đánh bại kẻ thù đông và mạnh hơn ta gấp nhiều lần. Đầu thế kỷ XX, tại Quảng Nam nói riêng và các tỉnh miền Nam Trung Bộ nói chung, các phong trào yêu nước chống Pháp diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ, khiến cho thực dân Pháp phải mất ăn mất ngủ, trong đó cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916 tuy thất bại nhưng đã thể hiện lòng yêu nước sâu sắc của nhân dân xứ Quảng lúc bấy giờ, đóng góp tích cực vào việc duy trì khí thế đấu tranh chống Pháp liên tục, bền bỉ của dân tộc.

1. Truyền thống yêu nước của nhân dân xứ Quảng

Trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, Quảng Nam là vùng đất giàu truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng. Suốt thế kỷ thứ II, nhân dân Tượng Lâm (nay là vùng đất Quảng Nam) liên tiếp nổi dậy chống lại ách đô hộ của nhà Hán. Năm 192, Khu Liên đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa, giành được chủ quyền, lập ra Lâm Ấp.

* Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Phú Nhuận, TP. HCM.

¹ Nguyên Ngọc (Chủ biên), *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam, 2004, tr.123.

Thời Trịnh - Nguyễn phân tranh, dân và quân xứ Quảng đã đóng góp cho chúa Nguyễn 7 trận thắng lớn, giữ vững xứ Đàng Trong, 1 trận đánh thắng thủy quân Hà Lan tại vùng biển Nại Hải (1644), 3 trận thắng quân Chiêm, 6 trận tấn công dũng mãnh vào quân Chân Lạp, 4 trận đánh bại quân Xiêm La trên đất Nam Vang. Khi tiến quân ra Bắc đại phá quân Thanh, Quang Trung đã dừng lại ở các nơi để tuyển mộ thêm binh lính. Tại Quảng Nam, Quang Trung đã tuyển được nhiều chiến binh mưu lược, quả cảm, giàu lòng yêu nước khiến cho quân của Tôn Sĩ Nghị phải lo và run sợ “giặc Quảng Nam”.

Năm 1858, cửa biển Quảng Đà là nơi đầu tiên liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng xâm lược nước ta. Với lòng yêu nước nồng nàn, nhân dân Quảng Đà đều gia nhập nghĩa quân chiến đấu, trừ những người ốm đau và bệnh tật. Họ hợp sức cùng quân đội triều đình thực hiện kế hoạch “vườn không nhà trống” khiến cho Pháp bị sa lầy tại nơi đây. Kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp bị thất bại ngay từ khi chúng vừa đặt chân lên đất nước ta.

Năm 1885, khi Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần vương, các sĩ phu yêu nước ở Quảng Nam đã thành lập nên Nghĩa hội Quảng Nam để hưởng ứng. Phong trào phát triển mạnh và liên tiếp giành những chiến thắng vang dội. Đầu thế kỷ XX, vùng đất Quảng Nam lại là nơi hình thành phong trào Duy Tân, nơi sục sôi khí thế đấu tranh quyết liệt của phong trào chống thuế năm 1908 lan rộng khắp các tỉnh miền Nam Trung Kỳ. Thuở ấy, những nhân vật kì tài, xuất sắc của Quảng Nam chỉ mới ở độ tuổi ngoài 30, 40 nhưng đã dám “luyện đá vá trời”, dám đem chính xương máu của mình để viết nên những trang sử bất hủ của dân tộc.

Tóm lại, nói đến xứ Quảng là nói đến truyền thống yêu nước và chống ngoại xâm. Chính truyền thống quý báu này là cơ sở và nền tảng cho phong trào yêu nước và đấu tranh cách mạng của nhân dân Quảng Nam đầu thế kỉ XX.

2. Bối cảnh lịch sử đầu thế kỷ XX

Năm 1896, khi tiếng súng trên núi Vụ Quang của cuộc khởi

nghĩa Hương Khê bị dập tắt thì cũng là thời điểm báo hiệu sự thất bại của phong trào yêu nước theo ngọn cờ Cần vương. Từ đây, thực dân Pháp bắt đầu đặt ách cai trị lên toàn cõi Việt Nam, ra sức khai thác thuộc địa, vơ vét sức người, sức của ở Việt Nam để phục vụ cho chính quốc. Việt Nam trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến. Quá trình chuyển biến này đã tạo ra một giai đoạn giao thời kéo dài trong khoảng vài chục năm đầu thế kỷ XX.

Nhà nước “bảo hộ” thi hành nhiều chính sách thực dân nhằm biến nước ta thành một thị trường tiêu thụ hàng hóa và bóc lột nhân công để thu về lợi nhuận cao nhất cho tư bản Pháp, đồng thời vẫn kìm hãm xã hội Việt Nam trong tình trạng tối tăm của một nước nông nghiệp lạc hậu dễ bề thống trị. Nền kinh tế Việt Nam chỉ được đầu tư trên lĩnh vực công nghiệp nhẹ, hoàn toàn không thấy bóng dáng của ngành công nghiệp nặng. Chính điều đó đã làm cho kinh tế Việt Nam phát triển một cách què quặt, yếu ớt và bị lệ thuộc, bị cột chặt vào nền kinh tế Pháp.

Tuy vậy, cùng với chế độ thuộc địa nửa phong kiến ra đời và thay thế chế độ phong kiến vốn đã tàn lụi, xã hội Việt Nam cũng có những chuyển biến nhất định. Sự thay đổi này không chỉ do hoàn cảnh lịch sử trong nước mà còn do ảnh hưởng tác động của trào lưu cách mạng thế giới.

Ở châu Á, sau khi Minh Trị thiên hoàng cải cách duy tân, vào đầu thế kỷ XX, Nhật Bản trở thành một cường quốc tư bản chủ nghĩa phát triển về mọi mặt. Đặc biệt, thắng lợi của Nhật trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904-1905) càng làm cho thanh thế Nhật càng vang dội và Nhật Bản được xem như một tấm gương đáng cho các nước châu Á học tập. Còn ở Trung Quốc, năm 1911, cuộc cách mạng tư sản Tân Hợi bùng nổ và giành được thắng lợi. Lúc bấy giờ ở Trung Quốc xuất hiện nhiều tân thư, trong đó có một số sách dịch các tác phẩm của các nhà tư tưởng dân chủ tư sản và được đưa vào nước ta làm ảnh hưởng đến tư tưởng các sĩ phu yêu nước.

Như vậy, những biến đổi sâu sắc bên trong của xã hội Việt Nam cùng với những ảnh hưởng từ bên ngoài đã dẫn đến sự chuyển hướng mới trong phong trào đấu tranh của nhân dân ta đầu thế kỷ XX:

phong trào chuyển từ phạm trù phong kiến sang phạm trù tư sản. Lãnh đạo phong trào là một số sĩ phu có nguồn gốc phong kiến nhưng chịu ảnh hưởng của trào lưu dân chủ tư sản nên đã đi theo con đường cứu nước mới.

Năm 1914, Chiến tranh Thế giới thứ nhất bùng nổ. Chiến tranh mặc dù diễn ra chủ yếu ở châu Âu song nó có tác động đến nhiều nước trên thế giới. Việt Nam là thuộc địa của Pháp nên không tránh khỏi bị tác động, ảnh hưởng của chiến tranh. Tháng 8.1914, Đức tấn công Pháp. Thực dân Pháp ở Đông Dương tiến hành một đợt bắt lính mạnh, gần 10 vạn thanh niên Việt Nam bị đưa sang chiến trường châu Âu làm lính chiến hay lính thợ. Cách bắt lính của thực dân Pháp như sau: “Viên công sứ ở Đông Dương ra lệnh cho bọn dưới quyền của ông trong một thời gian nhất định phải nộp đủ số người quy định. Bằng cách nào, điều đó không quan trọng. Các quan cứ liệu mà xoay xở... Thoạt tiên, thực dân Pháp tóm những người khỏe mạnh, nghèo khổ... Sau đó chúng mới đòi đến con cái nhà giàu. Những ai cứng cổ thì chúng tìm ngay ra cớ để sinh sự với họ và gia đình họ, và nếu cần thì giam cổ họ lại cho đến khi họ phải dứt khoát chọn lấy một trong hai con đường: đi lính tình nguyện hoặc xì tiền ra”². Những người lính bị bắt, tốp thì bị xích tay về tỉnh lỵ, tốp thì trong khi chờ đợi xuống tàu bị nhốt trong các trường trung học ở Sài Gòn, có lính canh gác, “lưỡi lê tuốt trần, súng lên đạn sẵn”.

Ngoài việc bắt lính, thực dân Pháp ở Đông Dương còn thẳng tay đàn áp các phong trào cách mạng, khủng bố nhân dân, giết hại các chiến sĩ yêu nước. Nhưng với tinh thần nồng nàn yêu nước, lòng căm thù giặc sâu sắc, ý chí quyết tâm giành độc lập vẫn nung nấu trong lòng dân ta và các sĩ phu cách mạng. Tháng 3.1912, Phan Bội Châu cùng những người bạn chân thành Trung Quốc đã tập hợp được những người yêu nước, thành lập nên tổ chức Việt Nam Quang phục hội. Sau đó, hội cử một số thành viên đem chương trình và điều lệ của hội về tuyên truyền trong nước. Do đó, phong trào cách mạng trong nước lại được nhen nhóm. Trong quá trình hoạt động, Việt Nam Quang phục hội đã kiên trì chủ trương vũ trang bạo động đánh đổ cường quyền, giải

² Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 2, NXB. Chính trị Quốc gia, H. 1996, tr. 24-25.

phóng đất nước. Trong hoàn cảnh một nước thuộc địa, bạo lực cách mạng là con đường đúng đắn để giành thắng lợi. Chỉ có con đường bạo lực cách mạng mới có thể đánh đổ cường quyền, giải phóng đất nước. Sức mạnh của bạo lực là sức mạnh có vũ trang của nhiều người, do đó phải chuẩn bị chu đáo và phải đấu tranh lâu dài.

3. Lòng yêu nước của nhân dân xứ Quảng qua cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916

Từ đầu năm 1914, các sĩ phu yêu nước như Thái Phiên, Lê Ngung, Trần Cao Vân đã tổ chức họp mặt các nhà yêu nước Trung Kỳ ở Đà Nẵng. Trước khí thế sôi sục căm thù của nhân dân và binh lính, hội nghị tán thành chủ trương phải hành động ngay và phân công người chuẩn bị. Tháng 9.1915, Thái Phiên triệu tập các nhà yêu nước họp tại Huế để bàn định. Một số địa phương nôn nóng khởi nghĩa nhưng hội nghị nhận định rằng công tác chuẩn bị chưa đầy đủ và chưa đều nên quyết định hoãn cuộc khởi nghĩa.

Đầu năm 1916, Thái Phiên tiếp tục chủ trì cuộc họp ở Huế và nhất trí tán thành chủ trương khởi nghĩa. Hội nghị định ra quốc hiệu, quốc kỳ, quân kỳ và quốc đô. Đa số các nhà yêu nước đều tán thành việc thiết lập chế độ quân chủ lập hiến và ấn định ngày khởi nghĩa là trung tuần tháng 5.1916.

Theo kế hoạch đã nhất trí giữa các tỉnh, cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội sẽ tiến hành vào đêm mùng 3 rằm ngày mùng 4.5.1916 khi có lệnh súng thần công nổ ở kinh đô Huế và tín hiệu lửa đốt trên đỉnh Hải Vân. Tuy vậy, trước đó, việc chuẩn bị khởi nghĩa của những người lãnh đạo có nhiều sơ hở nên kế hoạch bị bại lộ. Tại những nơi quan trọng như Quảng Nam, Quảng Ngãi và Huế, thực dân Pháp ban lệnh giới nghiêm, tước vũ khí của binh lính người Việt, cho canh gác nghiêm ngặt, đồng thời bịt kín các đường giao thông quan trọng. Do không nhận được lệnh phát động cuộc khởi nghĩa từ kinh đô vào rạng sáng ngày 4.5.1916 nên ở các tỉnh, nghĩa quân đã tự giải tán hoặc bị quân Pháp giải giáp.

Trong các địa phương của tỉnh Quảng Nam và trong các tỉnh miền Trung, chỉ duy nhất ở phủ Tam Kỳ là đã xảy ra cuộc khởi nghĩa

thực sự. Mặc dù không nhận được lệnh khởi nghĩa từ kinh đô Huế, nhưng trước đó các sĩ phu yêu nước phủ Tam Kỳ đã nhận được mật dụ của vua Duy Tân hiểu dụ tham gia Việt Nam Quang phục hội nên quyết tâm nổi dậy đánh Pháp. Nhân dân phủ Tam Kỳ đã bí mật ủng hộ nghĩa quân của Việt Nam Quang phục hội và tham gia nghĩa quân. Các sĩ phu yêu nước ở các làng đã bí mật thành lập các đội nghĩa binh. Nghĩa binh phủ Tam Kỳ được các tầng lớp nhân dân ủng hộ về lương thực, tài chính, giúp đỡ về hậu cần.

Đêm 3.5.1916, cuộc khởi nghĩa nổ ra ở Tam Kỳ. Các nghĩa binh đã dựa vào địa hình, địa vật để chiến đấu nhưng do tương quan lực lượng, chênh lệch vũ khí nên sau 8 giờ làm chủ phủ lỵ Tam Kỳ, nghĩa binh không chống cự nổi, đành phải rút lui, phân tán về các làng. Sáng hôm sau, bọn Pháp điều thêm quân từ Hội An đến và tiến hành việc lùng sục các tổng, các làng để vây bắt nghĩa binh. Một số nghĩa binh đã bỏ làng rút vào rừng để ẩn tránh. Sau nửa tháng trời, quân Pháp mới dẹp yên được nghĩa binh và đưa lại trật tự an ninh trong phủ Tam Kỳ. Giặc bắt bớ tràn lan trên 500 người đưa về phủ đường tra tấn, hành hạ. Vợ con, thân nhân của những nghĩa binh bị bắt đều bị quy tội liên can và bị đóng gông giải về nhà lao phủ đường để tra hỏi. Vua Duy Tân và các sĩ phu lãnh đạo trong tổ chức khởi nghĩa đều rơi vào tay giặc. Vua bị đày đi đảo Réunion. Còn các thủ lĩnh cách mạng như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài... đều bị án chém. Tuy bị đàn áp dã man nhưng với lòng yêu nước, ý chí bất khuất, các nghĩa binh và đồng bào ta vẫn vững vàng khí tiết trước đòn tra tấn của kẻ thù. Sau cuộc bạo động vũ trang đó, năm 1919, tòa Khâm sứ Trung kỳ và triều đình Huế đã quyết định tách phần đất phía tây rộng lớn của phủ Tam Kỳ thành lập huyện Tiên Phước để dễ bề kiểm soát và cai trị.

Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916 bắt nguồn từ truyền thống cách mạng của nhân dân Trung Kỳ, chủ yếu là các sĩ phu và nhân dân Nam Ngãi, phản ánh yêu cầu chống lại và cởi bỏ ách cai trị ghệt thờ của thực dân Pháp. Lực lượng chính tham gia cuộc khởi nghĩa là binh lính nhưng cuộc khởi nghĩa cũng có cơ sở trong quần chúng nhân dân. Nhân dân đóng góp lương thực, tài chính,

xây dựng căn cứ. Cuộc khởi nghĩa có quá trình chuẩn bị lâu dài và gian khổ, tiếp nối các phong trào đấu tranh cũ như Đông du, Duy tân, chống thuế, do đó đã nói lên tinh thần đấu tranh liên tục và bất khuất của nhân dân ta. Đây không phải là một phong trào tự phát mà do Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ lãnh đạo, đứng đầu là Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung... Họ là những sĩ phu yêu nước và tiên bộ đã tiếp thu tư tưởng tư sản mới. Do vậy, có thể nói đây là phong trào yêu nước có tính chất tư sản. Mặc dù cuộc khởi nghĩa có vua Duy Tân tham gia “nhưng hoàn toàn không có tính chất phong kiến. Đó vẫn là sự nối tiếp của phong trào yêu nước có khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX”³. Các phong trào cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản là “bông hoa cuối mùa của cách mạng thế giới nhưng lại là bông hoa đầu mùa của cách mạng Việt Nam” vì đầu thế kỷ XX Việt Nam mới tiếp thu tư tưởng mới này từ các trào lưu tiên bộ trên thế giới.

Những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa có lòng yêu nước, tha thiết cứu nước nhưng họ vẫn bị hạn chế bởi tầm nhìn và có những trở lực không thể vượt qua. Những cố gắng đáng khâm phục của các sĩ phu chỉ mới tạo ra một cuộc vận động theo khuynh hướng dân chủ tư sản chứ chưa có khả năng làm bùng nổ một cuộc cách mạng tư sản thực sự ở nước ta. Các sĩ phu chỉ coi nặng vai trò cách mạng của binh lính, thực hiện binh vận, coi nhẹ vai trò của quần chúng nhân dân, nhất là nông dân. Chính vì vậy nhân dân sôi sục chí căm thù giặc nhưng không được vận động đúng mức. Sự tuyên truyền, tổ chức trong phong trào chưa chặt chẽ, chưa thận trọng và thiếu tính khoa học. Do đó mà có những kẻ phản động tay sai đã phá hoại, làm cho cuộc khởi nghĩa bị bại lộ. Cuộc khởi nghĩa thiếu lực lượng lãnh đạo đủ năng lực, tôn chỉ của hội lạc hậu so với trào lưu cách mạng thế giới (thiết lập thể chế quân chủ lập hiến) và không đưa ra chính sách cụ thể đáp ứng cho yêu cầu cách mạng lúc bấy giờ.

Như vậy, trong 4 năm chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), khi tư bản Pháp bị sa lầy ở châu Âu, nhân dân ta đã tiến hành

³ Nguyễn Khánh Toàn (Chủ biên), Lịch sử Việt Nam, Tập 2, NXB. Khoa học xã hội, H., 1989, tr.136.

đấu tranh vũ trang với sự kiện có tiếng vang lớn lúc bấy giờ là cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916. Mặc dù bị thất bại nhưng cuộc khởi nghĩa đã cho thấy chính sách cai trị tàn bạo của thực dân Pháp ở Đông Dương, như Huỳnh Thúc Kháng nhận xét: “Cuộc Duy Tân năm 1916 có cái đặc sắc là từ vua quan đến các sĩ dân cho đến hàng quân ngũ dưới quyền quân lính Pháp cùng bạn học Tây học mà người Pháp đào tạo ra đều ôm lòng phẫn uất, chứng tỏ rằng chính sách cai trị của bọn thực dân ở Việt Nam hung ác cực điểm”. Cuộc khởi nghĩa có tác dụng lớn trong việc phản đối chiến tranh đế quốc phi nghĩa, góp phần làm suy yếu hậu phương của chủ nghĩa đế quốc; thể hiện lòng yêu nước quật khởi, bồi đắp thêm truyền thống cách mạng của nhân dân ta nói chung và nhân dân Nam - Ngãi nói riêng. Sau vụ đầu độc của binh lính Pháp ở Hà thành thì cuộc khởi nghĩa năm 1916 là lần thứ hai binh lính Việt Nam tỏ quyết tâm dùng súng giặc giết giặc, đánh dấu một mốc son trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc, để lại một dấu ấn sâu sắc trong truyền thống cách mạng chống Pháp của xứ Quảng mà ngày nay nhân dân Quảng Nam có quyền tự hào. Đó là cống hiến lớn lao của nhân dân xứ Quảng vào sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc./.

ĐVT

ĐÓNG GÓP CỦA CÁC SĨ PHU YÊU NƯỚC TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI Ở QUẢNG NAM VÀ TẠI PHỦ TAM KỲ NĂM 1916

HÀ THỊ HẢI*

Cách đây đúng 100 năm, một cuộc nổi dậy vũ trang với đầy đủ tính chất của nó do Việt Nam Quang phục hội lãnh đạo đã bùng nổ ở phủ Tam Kỳ - Quảng Nam như một hiện tượng lịch sử đặc biệt, đồng thời là minh chứng hùng hồn về tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh chống Pháp bất khuất của nhân dân phủ Tam Kỳ đầu thế kỷ XX. Mặc dù bị chìm trong bể máu, song cuộc khởi nghĩa đã để lại một mốc son đậm nét về những con người đã làm nên dấu ấn lịch sử, trong đó các sĩ phu yêu nước trở thành biểu tượng sinh động về tinh thần quả cảm, dốc lòng vì việc nghĩa “*dám đem chính xương máu của mình để viết nên những trang sử bất tử*”¹. Chính vì vậy, trong quá trình nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa này, chúng tôi đặc biệt chú ý đến đóng góp của các sĩ phu yêu nước đương thời, bởi họ không chỉ là linh hồn của cuộc khởi nghĩa, mà quan trọng hơn, chính họ - đại diện cho thế hệ các sĩ phu yêu nước thức thời xứ Quảng, là lực lượng tiên phong biến Quảng Nam thành nơi “*phát khởi những tư tưởng và những phương sách cứu nước mới*”² và biến thành thực tiễn đấu tranh một cách sôi nổi ở địa phương trong hai thập kỷ đầu của thế kỷ XX.

Sĩ phu Quảng Nam vốn nổi danh bậc nhất Trung Kỳ về tinh thần hiếu học, trọng nghĩa khí, thức thời và luôn trăn trở trước vận mệnh dân tộc. Bởi vậy, trước những biến động của lịch sử dân tộc do cuộc xâm lược của thực dân Pháp gây nên, sĩ phu Quảng Nam tự nhận lấy trọng trách cứu nước cứu đời mà không cần phải thúc giục, vì trước cảnh nước mất nhà tan thì “*kẻ thất phu còn hữu trách hướng*

* Trường Đại học Quảng Nam.

¹ Lê Minh Quốc (2007), *Người Quảng Nam*, NXB. Đà Nẵng, tr.193.

² Ngô Văn Minh (2008), “Tiểu La Nguyễn Thành, một nhân vật kiệt kiệt trong phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX”, *Nghiên cứu Huế*, (6), tr. 102.

gì với một người trong hàng tiên giác, lẽ nào không tự ý thức được trách nhiệm của mình đối với quốc dân”³. Có thể khẳng định, trong hai thập kỷ đầu thế kỷ XX, chưa lúc nào ở Quảng Nam phong trào yêu nước chống Pháp do các sĩ phu chủ xướng lại diễn ra sôi nổi đến thế: Phan Châu Trinh đề xuất tư tưởng dân chủ, phát động phong trào Duy tân, Nguyễn Thành đề xuất với Phan Bội Châu thành chủ trương Đông du cầu viện Nhật. Đến năm 1908 đây lại là nơi khởi phát phong trào chống thuế và nhanh chóng lan ra khắp cả 13 tỉnh Trung kỳ. Đặc biệt, sự xuất hiện của Việt Nam Quang phục hội những năm 1912 - 1916 do Thái Phiên đứng cùng với các sĩ phu yêu nước Quảng Ngãi, Thừa Thiên bí mật vận động khởi nghĩa để đoạt lại lợi quyền về cho dân tộc càng làm cho bức tranh chính trị ở Quảng Nam đầu thế kỷ này thêm phần sinh động, khác biệt. Tuy vụ bạo động khởi nghĩa không thành do kế hoạch bị bại lộ nhưng nó đã chứng tỏ tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất của nhân dân Quảng Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp đầu thế kỷ XX nói chung và các sĩ phu yêu nước nói riêng. Bởi lẽ đó, sau 100 năm nhìn lại cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ, chúng tôi muốn nhấn mạnh thêm về đóng góp của các sĩ phu trong việc chuẩn bị cũng như trực tiếp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa vũ trang đầy tính chất bi tráng này.

Trước hết, trên bình diện là những người khởi xướng, thủ lĩnh tinh thần của cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội, các sĩ phu yêu nước Quảng Nam đứng đầu là Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Đình Dương, Trần Huỳnh,... đã thực hiện chu đáo công tác chuẩn bị khởi nghĩa, đồng thời làm chỗ dựa cho nhân dân, vận động sự ủng hộ của nhân dân và các thành phần có khả năng tranh thủ được để mưu việc lớn.

Năm 1912, sau khi giải thể phong trào Đông du và chấm dứt hoạt động của Duy Tân hội, dưới tác động của tình hình trong nước và bên ngoài, đặc biệt là sự thành công của cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc (năm 1911) đã thúc đẩy Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Quang phục hội tại Quảng Đông (Trung Quốc) để cụ thể hóa một cách rõ nhất xu hướng bạo động của ông. Với tôn chỉ mục đích

³ Ngô Văn Minh (2012), *Những hoạt động chính trị của Huỳnh Thúc Kháng từ 1904-1947*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Thân thế, sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng”, tr.229.

“*Khu trục Pháp tặc, khôi phục Việt Nam, kiến lập Việt Nam cộng hòa dân quốc*”⁴, Việt Nam Quang phục hội nhanh chóng nhận được sự hưởng ứng của các sĩ phu yêu nước Việt Nam đương thời. Ở Quảng Nam, sự thất bại của phong trào Duy Tân đã khiến cho nhiều sĩ phu tên tuổi như Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Thành, Đỗ Đăng Tuyển,... bị bắt, tổn thất to lớn. Trước tình hình đó, Thái Phiên và Trần Cao Vân đã tìm cách bắt liên lạc với Phan Bội Châu để dựng lại phong trào yêu nước. Qua các nguồn tài liệu cho phép chúng tôi nhận định, năm 1913 chính là thời điểm khai sinh Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Nam bởi các sĩ phu tên tuổi như: Thái Phiên, Lê Đình Dương, Phan Thành Tài, Trần Cao Vân,... Thái Phiên chính là nhà lãnh đạo chủ chốt, thủ lĩnh đầu tiên của Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Nam (chứ không phải là Trần Cao Vân như nhiều sách vẫn viết). Ngay từ khi thành lập cho đến ngày ấn định khởi nghĩa, những yếu nhân của Việt Nam Quang phục hội đã dốc hết sức mình để chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho hành động của hội, trong đó việc gây ảnh hưởng, gắn kết, vận động quân chúng và liên hệ thường xuyên với các tổ chức Việt Nam Quang phục hội các tỉnh Trung kỳ: Quảng Ngãi, Thừa Thiên - Huế, Quảng Trị, Quảng Bình đặc biệt được coi trọng. Bởi vì, mục tiêu cao nhất của Việt Nam Quang Phục Hội là dùng vũ lực đánh đổ Pháp và Nam triều tiến tới “Việt Nam cộng hòa dân quốc”.

Khâu đầu tiên trong việc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa là huy động lực lượng tham gia và thành lập các nghĩa binh của Việt Nam Quang phục hội. Muốn vậy, những người lãnh đạo Việt Nam Quang phục hội phải bí mật tìm cách dùng uy tín cá nhân để nói về tôn chỉ mục đích của tổ chức nhằm thu hút sự hưởng ứng tham gia của các nhân sĩ dũng trí cũng như quần chúng nhân dân rồi gắn kết họ trên một mặt trận đấu tranh thống nhất. Sở dĩ ở Quảng Nam, Việt Nam Quang phục hội có khả năng nhanh chóng nhận được sự hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân là bởi vì uy tín của các sĩ phu đối với nhân dân rất lớn, mối quan hệ giữa tầng lớp sĩ phu và quần chúng nhân dân

⁴ Phan Bội Châu, *Phan Bội Châu niên biểu*, NXB. Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr. 222

luôn ở trạng thái bền chặt, khăng khít. Do đó, chỉ cần các sĩ phu yêu nước ra mặt kêu gọi thì số người tham gia ở khắp thôn cùng ngõ hẻm sẽ vì tinh thần trọng nghĩa mà chủ động hòa vào. Với người dân Quảng Nam, việc đứng chung hàng ngũ với bộ phận sĩ phu để cùng cầm vũ khí đứng lên chống nô dịch cường quyền, cứu nước, cứu nhà không còn là việc lạ lẫm đối với họ. Bằng chứng là trong trận đầu đối diện với vũ lực xâm lược của liên quân Pháp - Tây Ban Nha tại cửa biển Đà Nẵng năm 1858, họ đã làm nên một cuộc chiến tranh vệ quốc anh dũng (1858-1860) đánh bại âm mưu “*đánh nhanh thắng nhanh*” của Pháp, buộc chúng phải bỏ chiến trường Đà Nẵng sau 22 tháng 18 ngày bị giam chân tại đây. Sự gắn kết đó còn được biểu hiện rõ trong cuộc Trung kỳ dân biến năm 1908 chống thuế, cự sưu, hình ảnh “*những người dân bình thường cùng những nho sinh và một số lý hào tiến bộ nhận thức được nỗi bất công của chế độ hà khắc*”⁵ để vùng lên với tinh thần long trời lở đất... Chính mối quan hệ gắn bó này là điều kiện thuận lợi nhất để Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Nam bám rễ và thực thi trọng trách lịch sử của nó. Bởi thế, ngay từ khi Việt Nam Quang phục hội Quảng Nam vừa khai sinh, dưới ảnh hưởng của các sĩ phu, nhân dân Quảng Nam ở hầu khắp các tổng đã nhanh chóng tham gia với lực lượng đông đảo. Riêng ở Tam Kỳ, có khoảng hơn chục nghĩa binh bí mật được thành lập và được các hội viên cùng nhân dân trong vùng lạc quyền tiền gạo, áo quần, rèn đúc vũ khí, thậm chí còn tổ chức tập kích vào một số gia đình địa chủ giàu có để tịch thu tiền bạc, lúa gạo, đồng khí,... phục vụ chiến đấu. Điều đáng chú ý là có một bộ phận không nhỏ công nhân mỏ vàng Bông Miêu và đồn điền chè Đức Phú của Pháp đã bỏ nơi làm việc về quê tham gia các đội nghĩa binh đã làm cho không khí chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa thêm nhộn nhịp. Hơn nữa, các sĩ phu, kỳ hào địa phương có tinh thần yêu nước được tôn lên làm lãnh đạo các nghĩa binh đã ra sức động viên hàng ngũ nghĩa binh chăm chỉ tập luyện võ trang để thực hiện nhiệm vụ. Công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa ở Tam Kỳ được đẩy lên cao độ, chỉ chờ hiệu lệnh xuất binh sẽ giáng một đòn bất ngờ để trút hờn căm nung nấu bấy lâu.

⁵ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Nam (2008), “100 năm phong trào chống thuế Quảng Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học*, tr. 384.

Tuy nhiên, có một thực tế không thể phủ nhận rằng, cuộc vận động khởi nghĩa của các sĩ phu Tam Kỳ được chuẩn bị kỹ lưỡng hơn các địa phương khác trong tỉnh, đây chính là lý do để Tam Kỳ trở thành nơi duy nhất cuộc khởi nghĩa đã có thể bùng phát mà không cần chờ hiệu lệnh chung. Theo các nguồn tài liệu nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ, ở vào thời điểm giữa năm 1915, không khí chuẩn bị khởi nghĩa đã bao trùm khắp các thôn xóm. Để cuộc khởi nghĩa nổ ra nắm chắc phần thắng, việc tổ chức quy củ hoạt động của các đội nghĩa binh được các sĩ phu hết sức chú ý. Một cuộc họp bí mật giữa các sĩ phu tại nhà ông Lê Ngạn ở làng Trung Đàn Thượng nhằm bầu ra Ban Chỉ huy nghĩa binh Việt Nam Quang phục hội phủ Tam Kỳ đã được tiến hành. Theo đó, 5 nhân vật lãnh đạo chủ chốt của hội tại phủ Tam Kỳ bao gồm các ông: Trần Huỳnh, Tổng Lãnh binh (làng Tân An Tây, Tiên Phước), Trần Ni, Phó Tổng Lãnh binh (làng Trường Xuân, Tam Kỳ), Trần Khuê, Đề các (làng Cây Cốc, Tam Kỳ), Lê Ngạn, Tán tương Quân vụ (làng Trung Đàn Thượng, Tam Kỳ), Ngô Đồi, Tán lý Sự vụ. Trong đó, các tên tuổi nổi bật như Trần Ni, Trần Khuê mà đặc biệt là Trần Huỳnh có uy tín rất lớn không chỉ trong nghĩa binh mà còn cả trong nhân dân khiến ông trở thành một trong những người danh tiếng nhất Tam Kỳ lúc bấy giờ.

Song song với quá trình vận động quần chúng tham gia và thành lập các nghĩa binh, những yếu nhân của Việt Nam Quang phục hội Quảng Nam còn chú trọng đến việc liên hệ với tổ chức Việt Nam Quang phục hội các tỉnh Trung Kỳ nhằm thống nhất các vấn đề quan trọng liên quan đến chủ trương và hành động của tổ chức. Thông qua các thương hội, hiệu sách do mình thành lập, chí sĩ Thái Phiên đã dùng cách này để liên hệ với những người cùng chí hướng các tỉnh. Năm 1914, chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ và Pháp là một bên tham chiến, cùng với đó là sự tăng cường chính sách vơ vét, bóc lột thuộc địa phục vụ chiến tranh. Nhận thấy thời cơ thích hợp đang đến gần, Việt Nam Quang phục hội các tỉnh Nam Trung Kỳ quyết định triệu tập cuộc họp dưới sự chủ trì của Thái Phiên để tiến hành phân công nhiệm vụ. Từ đây, cuộc vận động vũ trang bước sang một giai đoạn mới với trọng trách đặt lên vai các yếu nhân đất Quảng nặng nề hơn trước, nhất là việc tiếp xúc và vận động vua Duy Tân tham gia

cuộc khởi nghĩa. Sự hiện diện của nhà vua yêu nước Duy Tân trong hàng ngũ lãnh đạo của Việt Nam Quang phục hội là một sự kiện đặc biệt. Chính sự tham gia của nhà vua đã có tác dụng động viên tinh thần quần chúng nhân dân rất lớn và lôi kéo được sự hưởng ứng tham gia đông đảo của các thành phần yêu nước có tư tưởng chống Pháp lúc bấy giờ. Đây là một sáng kiến chính trị độc đáo của Thái Phiên nhằm “*Phụng kim thượng vi an dân cơ sở*”⁶ (rước vua làm cơ sở để yên lòng dân) đã được tất cả những người tham gia Đại hội các đại biểu Việt Nam Quang phục hội lần thứ nhất (9.1915) diễn ra ở Huế tán thành. Đầu năm 1916, một cuộc họp nữa của đại biểu Việt Nam Quang phục hội lại được Thái Phiên triệu tập. Tại phiên họp lần này đã quyết định nhiều vấn đề cốt yếu như ấn định ngày khởi nghĩa (nhằm đêm giao thừa năm Bính Thìn, tức ngày 22.1.1917), hiệu lệnh khởi nghĩa cũng như các vấn đề về Quốc kỳ, thể chế chính trị sau khi cuộc khởi nghĩa thành công,...

Khâu cuối cùng trong công tác chuẩn bị khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội chính là xây dựng và phát hành kế hoạch khởi nghĩa đảm bảo tính bất ngờ để Pháp không kịp trở tay, nhân đó mà bị tiêu diệt. Theo kế hoạch ban đầu, lệnh khởi nghĩa sẽ được phát đi từ trên đỉnh núi Hải Vân và kinh thành Huế sẽ mở đầu chính biến, sau đó từ Quảng Nam các tỉnh nam Trung Kỳ sẽ tiếp ứng tạo thành một cuộc phản công quy mô lớn. Tuy nhiên, do kế hoạch ban đầu bị bại lộ, vua Duy Tân đã quyết định để cuộc khởi nghĩa diễn ra sớm hơn dự định đến nửa năm (tối mùng 3 rạng ngày 4 tháng 5 năm 1916) và lệnh này được truyền đạt đến các lãnh đạo ở các tỉnh nam Trung kỳ. Đối với nhân dân Quảng Nam, mặc dù sự thay đổi đột ngột này có khiến họ bất ngờ, song không vì thế mà khí thế bị chùng xuống, trái lại càng khiến họ nóng lòng mong chờ ngày được xuất binh, bởi vì trên thực tế công tác chuẩn bị đã vào giai đoạn chín muồi.

Như vậy, đóng vai trò là những lãnh đạo chủ chốt của Việt Nam Quang phục hội, các sĩ phu yêu nước đất Quảng đã cho thấy sự chủ động về mặt chính trị khi họ (Trần Cao Vân, Thái Phiên) đã đưa ra được nhiều quyết định quan trọng để từ tổ chức chuẩn bị tiến tới dự

⁶ Nguyễn Phước Tương, *Xứ Quảng Nam - Vùng đất và Con người*, NXB. Hồng Đức, 2013, tr.520.

liệu cho một cuộc khởi nghĩa trên quy mô lớn. Tuy nhiên, do kế hoạch khởi nghĩa bị bại lộ, cuộc khởi nghĩa này chưa kịp diễn ra đã phải chịu tổn thất nặng nề: Thái Phiên, Trần Cao Vân, vua Duy Tân cùng các cộng sự đắc lực lần lượt bị rơi vào tay Pháp và bị xử tử (trừ vua Duy Tân bị lưu đày sang thuộc địa khác của Pháp). Tại Quảng Nam, cuộc khởi nghĩa chỉ diễn ra duy nhất tại phủ Tam Kỳ với đầy đủ tính chất của nó. Mặc dù không giành được thắng lợi song đã khiến cho Pháp phải một phen khốn đốn.

Trên bình diện là những người trực tiếp tổ chức vận động một cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội, các sĩ phu yêu nước Quảng Nam không chỉ thể hiện xuất sắc vai trò đầu tàu chủ xướng của mình, ở họ còn là sự dũng cảm, bất khuất, sẵn sàng hi sinh để giữ trọn khí tiết của người nghĩa sĩ khiến kẻ thù run sợ.

Phải nói ngay rằng, khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội được chuẩn bị kỹ lưỡng là thế, nhưng do bị bại lộ ở kinh đô Huế, Pháp đã bố trí canh phòng cẩn mật và cuộc khởi nghĩa đã không được diễn ra như kế hoạch. Chỉ riêng duy nhất ở phủ Tam Kỳ, cuộc khởi nghĩa vẫn diễn ra đúng kế hoạch ấn định lần 2 của vua Duy Tân với đầy đủ tính chất vốn có của một cuộc khởi nghĩa. Đây là một điều khá đặc biệt mà trước nay chưa được giới sử học chưa có điều kiện nhìn nhận một cách tổng thể. Thực tế, sự kiện lịch sử này hết sức quan trọng bởi vì nó không chỉ góp phần khẳng định đóng góp của bộ phận sĩ phu và nhân dân phủ Tam Kỳ trong phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản, mà còn làm phong phú thêm các phong trào yêu nước ở Quảng Nam những năm đầu thế kỷ XX, cho phép nhận định Quảng Nam chính là trung tâm khởi phát các phong trào yêu nước theo các khuynh hướng mới.

Lần theo diễn biến của cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ được miêu tả lại thì ở đây các sĩ phu, hào lý chính là những người xông pha tuyển đầu tập kích vào các cơ quan đầu não của phủ lý Tam Kỳ. Đúng kế hoạch, chiều ngày 3.5.1916, các đội nghĩa binh lên đến hàng trăm người người đã bí mật tập kết tại căn cứ Gò Chùa để làm lễ xuất quân, lễ tế cờ Ngũ tinh⁷. Ngay sau phát súng

⁷ Lá cờ của Việt Nam Quang phục hội (màu đỏ, hình vuông, ở giữa có vòng tròn với 5 ngôi sao màu trắng).

hiệu lệnh xuất quân của Tổng lãnh binh Trần Huỳnh, vận vào bóng tối, nghĩa binh theo hướng phủ lý Tam Kỳ để thực hiện nhiệm vụ đánh chiếm đồn Đại lý Pháp và phủ đường Tam Kỳ bởi sự dẫn đường của các sĩ phu. Song, do đối phương đã nắm được kế hoạch của nghĩa binh nên đã tổ chức bố phòng và lên kế hoạch đối phó. Sau 8 tiếng chiến đấu ác liệt với kẻ thù, 31 nghĩa binh trong đó phần lớn là chỉ huy, cốt cán gồm có Trần Huỳnh, Trầm Tùng Vân, Trần Thu, Trần Khuê... Liền sau đó một ngày, chúng vội vàng chuyển toàn bộ những người này về nhà lao Hội An để giam giữ và tra khảo. Tại nơi giam giữ này, chỉ huy các nghĩa binh vẫn bình thản trước những đòn tra tấn của kẻ thù, khẳng khái nhận trách nhiệm và *“hiên ngang bước lên án chém của kẻ thù để đi vào cõi bất tử”*⁸. Riêng Trần Huỳnh, người có ảnh hưởng lớn nhất của Việt Nam Quang phục hội tại Tam Kỳ đã khiến Pháp không thể trì hoãn việc xử tử đối với ông. Trước khi bị xử chém, ông vẫn hiên ngang vẫy chào mọi người và hô vang: “Dòng giống Lạc Hồng thiên thu! Việt Nam vạn tuế!”.

Có một điều đáng lưu ý ở cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ là tâm thế sẵn sàng chiến đấu và hi sinh của các sĩ phu và những người tham gia nghĩa binh. Một sự thật không chối cãi là dường như các sĩ phu Tam Kỳ đã không còn quan tâm đến hiệu lệnh khởi nghĩa phát ra từ kinh đô mà tự động tổ chức tấn công theo kế hoạch của riêng họ. Trong khi các nơi khác lần lượt giải tán nghĩa binh sau một đêm chờ đợi không thấy hiệu lệnh khởi nghĩa thì ở phủ Tam Kỳ mọi công đoạn tiến hành khởi nghĩa đều diễn ra trong thế chủ động. Đây thực sự là một “canh bạc” sống còn bởi vì nếu thất bại thì tổn thất sẽ vô cùng lớn. Và thực tế, sau một đêm chiến đấu sinh tử với kẻ thù tại tòa đại lý Pháp và phủ đường Tam Kỳ, do phương tiện tác chiến lạc hậu hơn quân Pháp, lại bị quân Pháp mai phục, bố phòng cẩn mật để đối phó nên sự thất bại của khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội là điều không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, việc Pháp bị tấn công vào tận sào huyệt bởi một lực lượng được tổ chức tương đối bài bản thực sự là một đòn giáng mạnh vào chúng khiến chúng phải vất vả đối phó và điên cuồng trong việc tuy lũng bắt bớ. Và điều khiến chúng khiếp sợ, lo ngại khi thu dọn hậu quả của

⁸ Lê Minh Quốc, *Người Quảng Nam*, NXB. Đà Nẵng, 2007, tr.198.

cuộc khởi nghĩa là sự hiện diện của đông đảo các sĩ phu yêu nước Tam Kỳ trong cuộc khởi nghĩa này. Bởi vì với tầm ảnh hưởng của họ trong nhân dân, việc Pháp xử tử đối với những nhân vật này chỉ càng làm lòng căm hờn trong quần chúng nhân dân tăng cao và các cuộc đấu tranh chống Pháp kiểu như thế này hoặc lớn hơn sẽ không ngừng bùng nổ ở giai đoạn sau.

Như vậy, về cơ bản cuộc vận động vũ trang của Việt Nam Quang phục hội nhằm đánh đổ Pháp, lật đổ Nam triều bù nhìn và thành lập một thể chế chính trị dân chủ đã không thành công như mong đợi. Sự thất bại này không hẳn được quyết định bởi việc bại lộ kế hoạch vì ngay từ khi Phan Bội Châu khai sinh ra tổ chức này ông đã nói rằng: *“Chỉ ao ước cho có vũ trang cách mệnh được thực hiện, hoặc là có cách mệnh một phen, gọi rằng: tìm được một cách chết cũng đã may lắm!”*⁹.

Song trên thực tế, đại bộ phận sĩ phu yêu nước Quảng Nam khi tham gia Việt Nam Quang phục hội đã làm cho tổ chức này có một diện mạo hoàn toàn khác, đó là trên cơ sở ảnh hưởng của cá nhân họ cộng với khát khao cống hiến hết mình vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc đã tạo ra một cuộc vận động rộng khắp không chỉ trong tỉnh mà còn mở rộng liên hệ với các tỉnh khác, có tổ chức tương đối chặt chẽ và thống nhất nhằm mưu sự một cuộc chính biến lớn. Mặc dù sau sự cố bại lộ kế hoạch hành động và nơi duy nhất bùng nổ cuộc khởi nghĩa là phủ Tam Kỳ (rồi nhanh chóng bị thất bại) nhưng đã chứng tỏ tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất của sĩ phu và nhân dân Quảng Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp đầu thế kỷ XX. Bởi vậy, dấu ấn sâu sắc nhất của cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916 chính là những đóng góp to lớn của bộ phận sĩ phu yêu nước đất Quảng - những con người dám xả thân vì dân vì nước với một chân lý “không thành danh cũng thành nhân”./.

HTH

⁹ Phan Bội Châu, *Phan Bội Châu niên biểu*, NXB. Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh, 2001, tr. 231.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ XUNG QUANH CUỘC VẬN ĐỘNG YÊU NƯỚC Ở TRUNG KỲ NĂM 1916

TS. DƯƠNG TẤN GIÀU*
ThS. NGUYỄN THANH TIẾN**

Trong các sách giáo khoa phổ thông, giáo trình, tài liệu chuyên khảo, cuộc vận động yêu nước ở Trung Kỳ năm 1916 được gọi với nhiều tên khác nhau như: “*Cuộc khởi nghĩa Duy Tân (1916)*”, “*Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916)*”, “*Cuộc âm mưu khởi nghĩa ở Huế tháng 5.1916 của vua Duy Tân*”, “*Cuộc binh biến ở Huế*”, “*Vụ bạo động bằng binh cách*”,... Đến nay sự kiện này vẫn còn một số vấn đề cần làm rõ. Trong khuôn khổ một bài tham luận ngắn, chúng tôi xin góp thêm một số ý kiến xung quanh cuộc vận động yêu nước này.

1. Vai trò của vua Duy Tân với kế hoạch khởi nghĩa 1916

Vài nét về vua Duy Tân

Duy Tân (1900-1945), tên thật là Nguyễn Phúc Vĩnh San, là vị vua thứ 11 trong tổng số 13 vua của vương triều Nguyễn, triều đại phong kiến cuối cùng trong lịch sử Việt Nam. Trong thời gian ở ngôi (1907-1916) và thời gian bị lưu đày (1916-1945) ông đều tỏ rõ là vị vua có nhiều hoài bão, canh cánh với vận mệnh dân tộc.

Đưa Hoàng tử Vĩnh San còn nhỏ tuổi lên ngôi¹, Pháp muốn biến vua thành bù nhìn để dễ dàng thao túng mọi việc, song đây có lẽ là một quyết định sai lầm khi nhà vua trẻ tuổi còn có thái độ dứt khoát

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

**Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

¹ “*Vĩnh San lên ngôi mới bảy tuổi đầu. Triều đình thấy vua nhỏ bèn xin tăng thêm một tuổi thành tám*” Theo: Viện Sử học (1999), *Lịch sử Việt Nam (1897-1918)*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 8.

và kiên quyết chống Pháp hơn vua cha. Ngay niên hiệu “Duy Tân” đã là một sự thách thức với chế độ thực dân. Chính vì vậy, Pháp đã lập một hội đồng (gồm 6 người) để điều khiển nước Nam dưới sự chỉ đạo của người Pháp và cử một tiến sĩ sinh học người Pháp, tên Eberhard, sang dạy cho nhà vua nhằm theo dõi vị vua yêu nước.

Duy Tân là một vị vua thông minh và có tài đối đáp. Tài đối đáp của ông được thể hiện qua khá nhiều mẫu chuyện còn lưu truyền lại. Chẳng hạn, năm vua 12 tuổi, một vị cố đạo người Pháp gặp vua, đưa ra về đối: “*Rút ruột ông vua tam phân thiên hạ*”(Ý nói người Pháp chia nước ta làm 3 kỳ. Chữ Hán, vương 王 là vua, nếu bỏ nét sổ dọc ở giữa thành chữ tam 三). Nhà vua sau lúc ngẫm nghĩ rồi đáp: “*Chặt đầu thằng Tây, tứ hải giai huynh*” (Diệt được thằng Tây, anh em bốn biển một nhà, chữ Tây 西 nếu cắt bỏ phần đầu thành chữ Tứ 四)[8,tr.103]. Mản đáp trả của vua Duy Tân rõ ràng rất sâu sắc trước thái độ kiêu căng, ngạo mạn của vị cố đạo nọ.

Tinh thần yêu nước, thương dân của vua Duy Tân là sự kế tục từ vua cha Thành Thái. Thành Thái là vị vua tiến bộ, sớm có tư tưởng chống Pháp, vì lẽ đó, ông bị Pháp phế truất, quản thúc tại Cap saint Jacques (Vũng Tàu). Tinh thần yêu nước của vua cha hẳn ảnh hưởng trực tiếp đến tâm tư, tình cảm vua Duy Tân, vì thế ngay từ khi lên ngôi, ông đã tiếp nối công việc của vua cha. Lúc còn ở ngôi, vua Thành Thái nhiều lần yêu cầu các quan đại thần trình ông xem bản Hiệp ước năm 1884, song vì sợ Pháp, các quan đại thần trì hoãn, ý nguyện ông cuối cùng không thực hiện được. Vua Duy Tân, ngay từ khi 13 tuổi, ngoài giờ học, đã tự vào Nội các xem các hiệp ước được ký kết giữa Pháp và triều đình Huế, còn muốn cử người sang Pháp để xem xét lại hiệp ước khi nhận thấy việc thi hành chưa đúng với những điều khoản đã ký kết².

² Lê Ước trong bài viết *Cuộc Duy tân khởi nghĩa năm 1916 và Phan Thành Tài* cho biết nhà vua đã tự mình viết thư cho người Pháp khi nhận thấy Hòa ước năm 1884 chưa được thi hành đúng và yêu cầu xét duyệt lại. Xem chi tiết trong *Tập san Sử - địa*, Nhà sách Khai trí bảo trợ, Sài Gòn, 1968, tr.84.

Lên ngôi trong bối cảnh nước mất, nhà tan, ngay từ thuở nhỏ, nhà vua đã mang nặng nỗi niềm ưu tư, canh cánh trước vận mệnh dân tộc. Ông có nhiều lời nói, việc làm chống Pháp quyết liệt, không nhút nhát, sợ Tây, giọng điệu đúng khẩu khí vương quyền. Trong một lần đi câu, ông hỏi Nguyễn Hữu Bả là một vị quan đại thần: “*Ngồi trên nước, không ngăn được nước/ Buông câu ra đã lỡ phải lần!*”. Ý câu hỏi của nhà vua là người ngồi trên ngai vàng, không cứu được đất nước, đất nước bị rơi vào vòng đô hộ thì cần phải tìm cách để cứu đất nước. Nguyễn Hữu Bả - từng cộng tác với người Pháp, song không đến nỗi làm tay sai cho Pháp, đã đáp: “*Sống ở đời mà ngán cho đời,/Nhắm mắt lại đến đâu hay đến đó*”³. Nghe câu đáp của Nguyễn Hữu Bả nhà vua tỏ ý thất vọng, coi thường vị quan này.

Lên ngôi được một năm thì xảy ra vụ chống thuế của nhân dân Trung Kỳ năm 1908, mọi việc bị Tòa khâm sứ Pháp bung bít, dấu kín, song tình hình đó không qua nổi đôi mắt của vị vua trẻ tuổi. Chiều chiều nhà vua lên lầu cao trong Nội nhìn ra ngoài thành, hỏi đám thị vệ: “*Có phải dân đó không?*”. Đám thị vệ không ai dám đáp, chỉ những ông nhạc chánh thưa: “*Tâu bệ hạ, dân đó. Dân khổ lắm, họ đi xin ăn đó!*”. Nhà vua nhìn đăm đăm, nước mắt lưng tròng⁴. Thương cảnh dân nghèo đói, nhà vua tự nguyện dành 300 trong tổng số 500 đồng lương để giúp người nghèo.

Lần khác, Nguyễn Hữu Bả, trong lúc trò chuyện với nhà vua đã chất vấn: “*Ngài muốn đánh Tây vậy lấy gì mà đánh?*”. Nhà vua bình tĩnh đáp: vũ khí ở khắp nơi trên đất nước Việt Nam, đồng thời chỉ vào dân cày nghèo, những người đánh cá và khẳng định vũ khí ở lòng dân⁵. Như vậy, nhà vua đã ý thức rất rõ ràng về sức mạnh của nhân dân, “*chở thuyền, lật thuyền cũng là dân*”.

Trong một lần rửa tay bồn (do vốc cát), nhà vua hỏi thị vệ: “*Tay*

³ Nguyễn Đắc Xuân (1998), *Những bí ẩn về cựu hoàng Duy Tân*, NXB. Thuận Hóa, Huế, Tr.22.

⁴ Nguyễn Đắc Xuân (1998), *Những bí ẩn về cựu hoàng Duy Tân*, NXB. Thuận Hóa, Huế, Tr.12.

⁵ Nguyễn Đắc Xuân (1998), *Những bí ẩn về cựu hoàng Duy Tân*, NXB. Thuận Hóa, Huế, Tr.24-25.

nhóp lấy nước mà rửa, nước nhóp lấy chi mà rửa?”. Trong khi đám thị vệ còn sợ sệt, nói không nên lời, nhà vua nhắc họ câu trả lời: *“Nước nhóp thì lấy máu mà rửa”*⁶. Phải chăng nhà vua đã ý thức được nợ máu chỉ có thể trả bằng máu, phải dùng bạo lực vũ trang mới có thể lấy lại chính quyền, giải phóng dân tộc, đem lại tự do, ấm no cho muôn dân.

Tóm lại, vua Duy Tân tuy còn nhỏ tuổi nhưng đã tỏ rõ sự thông minh, sâu sắc, luôn mang nặng nỗi niềm trước vận mệnh của dân tộc.

Về vai trò của vua Duy Tân với kế hoạch khởi nghĩa năm 1916

Để xem xét vai trò của vua Duy Tân đối với cuộc nổi dậy tháng 5.1916 ở Trung Kỳ nói chung cần xem xét thời điểm mà vị vua trẻ gặp Thái Phiên, Trần Cao Vân và những đóng góp của ông cho kế hoạch nổi dậy.

- Cuộc gặp gỡ lịch sử với Thái Phiên và Trần Cao Vân⁷

Những câu nói đầy khí phách của nhà vua trẻ tuổi đã lan truyền đi rất nhanh trong dân chúng, trở thành chuyện thời sự với những người có chút tâm huyết với vận mệnh đất nước. Cuộc gặp gỡ lịch sử giữa vua Duy Tân với Thái Phiên và Trần Cao Vân, những nhân vật chủ chốt trong cuộc vận động khởi nghĩa tháng 5.1916 phải kể đến công của ông Khóa Bảo và Phan Hữu Khánh⁸.

⁶ Nguyễn Đắc Xuân (1998), *Những bí ẩn về cựu hoàng Duy Tân*, NXB. Thuận Hóa, Huế, Tr.22-23.

⁷ Thái Phiên quê ở làng Nghi An, tổng Phước Tường, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam, nay thuộc phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Trần Cao Vân quê ở làng Tư Phú, tổng Hòa Đa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, nay là xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

⁸ Tiếng lành đồn xa, biết vua Duy Tân là một vị vua nặng lòng với nước, với dân, có thói quen vi hành nghĩ mát ở Cửa Tùng, Khóa Bảo (tên thật là Nguyễn Hữu Đông) - người chí sĩ yêu nước ở Cam Lộ (Quảng Trị), đã tìm cách yết kiến nhà vua. Từ đó, nhiều lần báo cáo cho nhà vua tình hình đói khổ của nhân dân. Khóa Bảo đem sự việc báo cáo lại cho các đồng chí của tổ chức Việt Nam Quang phục hội biết. Thái Phiên và Trần Cao Vân bắt đầu xúc tiến kế hoạch gặp gỡ với vị vua trẻ tuổi, đầy khí khái.

Ngày 14.4.1916, cuộc tiếp xúc lịch sử giữa nhà vua với Thái Phiên và Trần Cao Vân đã diễn ra.

Hai ông trình bày cho nhà vua biết kế hoạch nổi dậy gồm hai điểm chính yếu:

- “1. Chiếm ngay ba tỉnh Thừa Thiên - Nam - Ngãi để làm căn cứ.
2. Tổng phát động khởi nghĩa khắp các tỉnh Trung Kỳ từ Quảng Bình đến Khánh Thuận”⁹.

Do cùng chí hướng, trong cuộc gặp gỡ đầu tiên, nhà vua cùng hai nhà cách mạng đã có cuộc bàn luận rất sôi nổi và cởi mở về kế hoạch vận động khởi nghĩa. Nhà vua đặt khá nhiều câu hỏi xoay quanh việc tổ chức lực lượng khởi nghĩa, đồng thời, tiết lộ ngày 10.5.1916, khoảng 2.500 binh lính sẽ tập trung ở Huế để chuẩn bị đưa sang chiến trường châu Âu làm bia đỡ đạn. Từ đó, nhà vua đề nghị thời gian thực hiện kế hoạch sẽ diễn ra trước ngày này. Cuối cùng, các bên nhất trí chọn đêm mùng 3 rạng mùng 4 tháng 5.1916 làm thời điểm tiến hành khởi nghĩa. Theo Lê Ước trong bài viết *Cuộc Duy Tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài*, kể từ đó về sau vua Duy Tân nhiều lần mật bàn với các lãnh tụ về kế hoạch khởi nghĩa này.

Như vậy, từ ngày gặp mặt (14.4.1916) đến ngày khởi nghĩa theo kế hoạch (3.5.1916) chưa đầy 20 ngày, trong khoảng thời gian ngắn ngủi ấy, rõ ràng khó đòi hỏi ở nhà vua đóng góp gì lớn lao cho cuộc vận động khởi nghĩa tháng 5.1916. Kế hoạch khởi nghĩa do Thái Phiên, Trần Cao Vân và một số vị lãnh đạo khác vạch ra, còn vua Duy Tân có vai trò dùng danh nghĩa nhà Vua để tập hợp quần chúng nhân dân tham gia cuộc khởi nghĩa.

Ngoài ra, vua Duy Tân với tấm lòng yêu nước nhiệt thành, đang

Để thực hiện kế hoạch, các lãnh đạo của cuộc khởi nghĩa đã dùng một số tiền lớn thương lượng với người lái xe của vua, yêu cầu người này nghỉ việc và giới thiệu Phạm Hữu Khánh - người của tổ chức Việt Nam Quang phục hội vào thay. Phạm Hữu Khánh là người tài năng, đức độ, được vua vô cùng cảm mến. Trong một dịp, ông đã dâng vua một bức thư khá dài do Trần Cao Vân viết.

⁹ Viện Sử học (1999), *Lịch sử Việt Nam (1897-1918)*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.36

sống trên ngai vàng bệ ngọc, ông đã tự nguyện rời bỏ, để cùng với đồng bào đấu tranh chống lại thực dân Pháp và cả chính quyền Nam Triều bù nhìn (do chính ông đứng đầu) là điều đáng ghi nhận. Luôn canh cánh trong lòng vận mệnh dân tộc, điều đó thôi thúc ông tham gia cuộc khởi nghĩa với một tinh thần vô tư, không suy tính thiệt hơn cho gia đình dòng họ. Điều này thể hiện qua suy nghĩ về công việc sau cuộc nổi dậy, ông tâm niệm: “*Công việc sau này xin nhường lại cho toàn thể quốc dân định đoạt*”¹⁰.

Việt Nam Quang phục hội và kế hoạch khởi nghĩa năm 1916

Việt Nam Quang phục hội là một tổ chức cách mạng do Phan Bội Châu thành lập tại Quảng Đông (Trung Quốc) vào tháng 2.1912. Tôn chỉ của hội là “*chống Pháp giành độc lập, thành lập nước Cộng hòa dân quốc Việt Nam*”. Theo nhiều giáo trình, sách chuyên khảo, hoạt động của Việt Nam Quang phục hội kéo dài đến năm 1917¹¹, một số đẩy mốc thời gian đến tận năm 1924¹². Thực tế, có thể nhận thấy, một năm sau khi thành lập (1913), sau các vụ ném tạc đạn ám sát tuần phủ tỉnh Thái Bình Nguyễn Duy Hàn (19.4.1913) của Phạm Văn Tráng, Phạm Đề Huy và ném tạc đạn vào khách sạn Hanoi Hotel giết chết hai thiếu tá Pháp Chapuis và Montgrand (26.4.1913) của Nguyễn Khắc Cần, Nguyễn Văn Thụy, thực dân Pháp đàn áp dữ dội, nhiều yếu nhân trong Việt Nam Quang phục hội đã bị bắt và kết án. Bảy người bị chém bao gồm: Phạm Văn Tráng, Nguyễn Văn Túy, Nguyễn Khắc Cần, Vũ Ngọc Thụy, Phạm Hoàng Quế và Phạm Hoàng Triết. Năm hội viên của Việt Nam Quang phục hội bị tuyên bố tử hình khiếm diện, gồm: Cường Để, Phan Bội Châu, Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Huỳnh Chi và Nguyễn Bá Trác. Ngày 24.12.1913, Mai

¹⁰ Hoàng Hiến (1996), *Vua Duy Tân*, NXB. Thuận Hóa, Huế, Tr.58.

¹¹ *Tiến trình lịch sử Việt Nam* do Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) có đoạn: “Đối với Phan Bội Châu và Việt Nam Quang phục hội, cuộc khởi nghĩa này (tức là cuộc khởi nghĩa của Đội Cần năm 1917) có thể xem là sự chấm dứt thời kỳ đấu tranh vũ trang hào hùng”.

¹² Trong mục hoạt động của Việt Nam Quang phục hội, Bách khoa toàn thư mở (Wikipedia.org) dẫn sự kiện Vụ mưu sát toàn quyền Merlin tháng 6.1924 của Phạm Hồng Thái như là hành động cuối cùng của Việt Nam Quang phục hội (Xem chi tiết: <https://vi.wikipedia.org/wiki/>).

Lão Bạng và Phan Bội Châu bị Tổng đốc Quảng Đông là Long Tế Quang bắt giam vào ngục. Việt Nam Quang phục hội lúc này trở nên “*khó khăn đặc biệt, cơ hồ đến vô phương cứu vãn!*”¹³.

Về hoạt động gây dựng tổ chức của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ, khi Lâm Quang Trung về nước vận động cho việc thành lập Việt Nam Quang phục hội, ông đã gặp Thái Phiên - vốn là một yếu nhân của hội Duy Tân trước đây. Sau đó, “*Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ được thành lập. Những nhân vật trong nước gồm có: Thái Phiên, Đỗ Tự, Phan Thành Tài, Phạm Thành Chương (Quảng Nam), Đoàn Bồng (Thừa Thiên), Cử Suy, Nguyễn Công Phương, Bùi Phú Thiệu, Võ Hàm (Quảng Ngãi). Về sau có thêm một số chính trị Phạm ở Côn Đảo mãn hạn tù về tham gia*”¹⁴. Trong đó có thể kể đến một nhân vật nổi bật là chí sĩ Trần Cao Vân (một sĩ phu bị bắt trong cuộc biểu tình chống thuế ở Trung Kỳ năm 1908) sau khi mãn hạn tù đã được Thái Phiên mời tham gia Việt Nam Quang phục hội và chuẩn bị kế hoạch khởi nghĩa ở Trung Kỳ.

Về mối quan hệ giữa Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ và Tổng bộ Việt Nam Quang phục hội ở nước ngoài, “*...Tháng 3 năm 1914, sau khi cử người liên lạc với Tổng bộ ở Xiêm, Thái Phiên và Lê Ngung đã triệu tập hội nghị ở Quảng Nam. Hội nghị đã nhất trí chủ trương: “Từ nay những người ở ngoài có nhiệm vụ ở ngoài, chúng ta ở trong có nhiệm vụ ở trong. Việc chúng ta hiện nay là vẫn tiếp tục liên lạc với anh em ở ngoài như cũ để trao đổi tình hình, nắm được phần nào hay phần ấy, khi cần giúp đỡ theo khả năng, có cơ hội và điều kiện tốt, xét thấy được thì hưởng ứng chứ không nên quá ý lại như trước*”¹⁵. Các tác giả của sách Lịch sử Việt Nam (1897-1918) khi viết về Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân thì cho biết: các sĩ phu Trung Kỳ đã nhiều lần cử người sang Quảng

¹³ Viện Sử học (1999), *Lịch sử Việt Nam (1897-1918)*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.242.

¹⁴ Trần Việt Ngạc (2005), *Tài liệu tham khảo Lịch sử Việt Nam cận hiện đại*, Trường ĐHSPTP. Hồ Chí Minh, tr.63.

¹⁵ Trần Việt Ngạc (2005), *Tài liệu tham khảo Lịch sử Việt Nam cận hiện đại*, Trường ĐHSPTP. Hồ Chí Minh, tr.63.

Đông và Xiêm đặt kế hoạch phối hợp với Tổng bộ Việt Nam Quang phục hội, song “*khi biết được thực trạng của Quang phục hội, các ông đành hoạt động độc lập*”¹⁶.

Một điểm cần lưu ý nữa là theo tôn chỉ của Việt Nam Quang phục hội, chính thể được hướng đến là dân chủ cộng hòa. Tuy nhiên, trong hội nghị bàn về khởi nghĩa và các vấn đề khác vào tháng 2.1916 tại Huế do Thái Phiên chủ trì, các sĩ phu đã tranh cãi quyết liệt về vấn đề chính thể. Cuối cùng, chính thể được đa số tán thành lại là quân chủ lập hiến¹⁷. Như vậy, chính thể mà các sĩ phu lãnh đạo cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 chủ trương khác với tôn chỉ ban đầu mà Quang phục hội hướng đến.

Với những cứ liệu nêu trên, chúng tôi cho rằng vai trò chủ yếu trong công cuộc vận động và chuẩn bị cho kế hoạch khởi nghĩa ở Trung Kỳ năm 1916 thuộc về Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ. Trong quá trình chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa cũng như bàn về chính thể của Việt Nam sau khi giành được độc lập, Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ gần như tự quyết định. Lúc này, phải chăng quan hệ giữa Tổng bộ Việt Nam Quang phục hội ở nước ngoài và Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ có sự độc lập tương đối, chủ trương vận động khởi nghĩa ở Trung Kỳ mà trung tâm ở kinh đô Huế chủ yếu là do Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ phát động chứ không phải là do Tổng bộ của Việt Nam Quang phục hội có trụ sở ở nước ngoài quyết định?

Về cuộc nổi dậy ở phủ Tam Kỳ năm 1916

- Địa danh Tam Kỳ

Phủ Tam Kỳ, trước năm 1906 là huyện Hà Đông, tỉnh Quảng Nam. Theo *Đại Nam nhất thống chí*, “*Huyện Hà Đông: đời Trần tên Châu Hoa, đời Lê đổi tên hiện nay, bản triều vẫn theo như thế. Lãnh*

¹⁶ Viện Sử học (1999), *Lịch sử Việt Nam (1897-1918)*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.301.

¹⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, NXB. Thuận Hóa, tr.304.

6 tổng, 224 xã phường châu”¹⁸. Năm 1906, từ huyện Hà Đông nâng lên thành phủ Hà Đông, sau đó đổi tên thành phủ Tam Kỳ. Ngày nay, Tam Kỳ là thành phố tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Nam¹⁹, nơi đây đã ghi dấu nhiều sự kiện lớn trong lịch sử dân tộc. Trong đó, có thể kể ra 3 sự kiện tiêu biểu: phong trào chống sưu cao thuế nặng năm 1908, cuộc nổi dậy năm 1916 và cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

- Về cuộc nổi dậy ở phủ Tam Kỳ²⁰ năm 1916

Do sự phản bội của Trần Quang Trứ (Phán Trứ), công chức ở Tòa Khâm sứ, lọt vào hàng ngũ nghĩa binh, đã mật báo cho Pháp biết trước kế hoạch. Đêm mùng 3 rạng sáng mùng 4 tháng 5.1916, không có hiệu lệnh của súng thần công từ kinh đô Huế như dự định. Ngày 3.5.1916, Thái Phiên bị bắt ở Huế. Ba ngày sau (6.5.1916), Trần Cao Vân cùng vua Duy Tân cũng bị Pháp bắt²¹. Nhiều toán nghĩa binh do không nhận được hiệu lệnh nên đã tự giải tán hoặc bị Pháp giải tán. Ở tỉnh lỵ Hội An, Quảng Nam, đội nghĩa binh do Lê Đình Dương và Phan Thành Tài chỉ huy bị phát hiện và giải tán. Hai nhân vật chủ chốt của đội nghĩa binh này cũng bị Pháp bắt ngay sau đó. Tương tự, ở Điện Bàn, Trần Chương cùng nghĩa quân đã có nhiều cố gắng đốt nhà tranh để phát đi tín hiệu, nhưng cuối cùng cố gắng này cũng bị dập tắt.

Ở phủ Tam Kỳ, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đã có sự chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa từ trước. Ở khắp các làng như Tân An Tây, Ngọc Mỹ, Khương Mỹ, Tam Mỹ, Trường Xuân, Ngọc Thọ..., các sĩ phu lập các đội nghĩa binh. Thành phần nghĩa binh gồm cả những người công nhân ở các hầm mỏ, đồn điền, bỏ làm tham gia khởi nghĩa. Nhân dân ủng hộ tài lực, vật lực (lương thực, vũ khí) cho các đội

¹⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, NXB. Thuận Hóa, tr.336.

¹⁹ Theo tư liệu của Phòng quản lý đô thị thành phố Tam Kỳ tổng hợp. Ngoài ra, một bài báo có tên *Về địa danh Tam Kỳ* được đăng tải trên baodanang.vn, căn cứ vào một đạo sắc phong còn được lưu giữ bởi cụ Trần Văn Tuyên, xã mới Tam Kỳ được thành lập muộn nhất là ngay trong năm ban sắc (tức năm 1767). Xem chi tiết: <http://www.baodanang.vn>.

²⁰ Xem thêm: Nguyễn Phước Tương, *Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916* (Nguồn: <http://www.vusta.vn>).

²¹ Một số tư liệu ghi nhận, ngày 6.5.1916, vua Duy Tân, Thái Phiên và Trần Cao Vân bị bắt.

nghĩa binh. Đáng chú ý là sự hỗ trợ về tiền bạc và lúa gạo của các hào phú ở Tam Kỳ (như Bát Kiện ở Hòa Hạ, Bá Ba ở Thanh Lâm). Nhiều nhóm thợ rèn tập hợp lại, rèn giáo gươm cung cấp cho nghĩa binh. Công tác vận chuyển vũ khí, lương thực phải kể đến công lao của các nhóm phụ nữ ở các làng dệt, may. Họ không quản ngại khó khăn, nguy hiểm, dùng thuyền vận chuyển vũ khí, lương thực, đảm bảo an toàn, cung ứng cho các đội nghĩa binh. Hầu hết tầng lớp nhân dân trong phủ Tam Kỳ, không kể sang hèn, khác biệt giai cấp, đều ráo riết chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa.

Về phía nhân dân địa phương, họ đã thành lập được nhiều đội nghĩa quân phủ Tam Kỳ²². Các lãnh đạo của cuộc khởi nghĩa tổ chức họp tại nhà ông Lê Ngạn, nhất trí thành lập Ban Chỉ huy tại Tam Kỳ gồm 5 thành viên (Trần Huỳnh, Trần Ni, Trần Khuê, Lê Ngạn, Ngô Đồi). Trần Huỳnh giữ vai trò Tổng lãnh binh. Ông từng tham gia phong trào Nghĩa hội Quảng Nam do Trần Văn Dư, Nguyễn Duy Hiệu đề xướng, phong trào Duy Tân của Phan Châu Trinh. Căn cứ khởi nghĩa được đặt tại Gò Chùa. Ngày 3.5.1916, nghĩa quân làm lễ tế quân, lễ tế cờ đúng như kế hoạch chung.

Cuộc nổi dậy tại phủ Tam Kỳ cũng có nhiều hoạt động gây tiếng vang lớn như: đánh đồn Trà My, chiếm Thương Chánh Hiệp Hòa, chiếm phủ đường Tam Kỳ và Đại lý Pháp. Nghĩa quân thu được nhiều quân trang, quân dụng.

Do kế hoạch bại lộ từ trước nên thực dân Pháp cũng có kế hoạch đối phó. Chúng bố trí bao vây, phục kích đánh trả nhiều nơi,

²² Các đội nghĩa quân bao gồm:

- Trần Huỳnh chỉ huy đội nghĩa quân Tân An Tây;
- Trần Ni chỉ huy đội nghĩa binh Trường Xuân;
- Lê Tiệp chỉ huy đội nghĩa binh Thanh Bình;
- Trịnh Uyên chỉ huy đội nghĩa binh Kim Đái;
- Trần Thu chỉ huy đội nghĩa binh Ngọc Mỹ;
- Võ Dương (thân sinh ông Võ Chí Công) chỉ huy đội nghĩa binh Khương Mỹ;
- Lương Đình Thự chỉ huy đội nghĩa binh Phú Thượng;
- Nguyễn Tình chỉ huy đội nghĩa binh An Hòa;
- Nguyễn Kế chỉ huy đội nghĩa binh Văn Trai...

Xem thêm: Nguyễn Phước Tương, *Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916* (Nguồn: <http://www.vusta.vn>).

lùng sục ở khắp các làng. Các đội nghĩa binh phải rút lui vào rừng lẫn trốn. Hầu hết các nhân vật chủ chốt (Trần Huỳnh, Trần Ni...) đều bị bắt và bị xử tử. Sau cuộc khởi nghĩa ở Tam Kỳ, cuối năm 1916, triều đình Huế và Pháp ký quyết định tách phần đất rộng lớn phía tây Tam Kỳ ra, đặt tên là Tiên Phước, để dễ dàng cai trị.

Nhìn vào cuộc nổi dậy ở phủ Tam Kỳ, Quảng Nam, chúng tôi cho rằng nên xem xét sự kiện này ở một số khía cạnh sau:

- *Thứ nhất*, khi xem xét cuộc nổi dậy ở phủ Tam kỳ năm 1916, phải đặt nó trong tổng thể kế hoạch khởi nghĩa mà các sĩ phu đã vạch ra. Đây không phải là một sự kiện bộc phát riêng rẽ ở một địa phương. Do vậy, nếu không có sự phối hợp nhịp nhàng với các nơi khác, thì phong trào nổi dậy ở địa phương, dù có mạnh mẽ thế nào đi chăng nữa, cũng không thể đạt được mục tiêu đề ra.

- *Thứ hai*, cuộc nổi dậy ở phủ Tam Kỳ không phải cuộc đấu tranh tự phát mà có sự chuẩn bị, có kế hoạch hẳn hoi, nhân dân Tam Kỳ đã có sự chuẩn bị cho đêm trước khởi nghĩa. Tuy nhiên, nếu đặt trong bối cảnh kế hoạch khởi nghĩa đã bại lộ, chính quyền thực dân và phong kiến Nam triều đã chuẩn bị đối phó, thì cuộc nổi dậy ở phủ Tam Kỳ rõ ràng không có cơ may thành công nào.

Qua phân tích trên, có thể rút ra một số nhận xét như sau:

1. Vai trò của vua Duy Tân trong cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung Kỳ tháng 5.1916, nhất là dấu ấn ở địa bàn Tam Kỳ là đáng ghi nhận. Mặc dù vai trò của ông chủ yếu thể hiện trên danh nghĩa, song đó là cố gắng của vị vua trẻ tuổi, nặng lòng với đất nước. Trong bối cảnh lúc bấy giờ, ta không thể đòi hỏi vị vua trẻ nhiều hơn những gì ông có thể làm.

2. Cuộc vận động yêu nước ở Trung Kỳ năm 1916 nói chung và cuộc nổi dậy ở Tam Kỳ nói riêng chủ yếu được lên kế hoạch và dẫn dắt bởi các lãnh đạo của Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ là chủ yếu. Tổng bộ Việt Nam Quang phục hội ở nước ngoài lúc này hầu như đã tan vỡ và không thể hiện được vai trò của cơ quan lãnh đạo tối cao.

3. Trong phong trào đấu tranh những năm Chiến tranh Thế giới thứ nhất (1914-1918), cuộc nổi dậy ở Trung Kỳ tháng 5.1916 thực sự rất đáng chú ý. Theo kế hoạch vạch ra, cuộc khởi nghĩa có quy mô khá lớn, tập trung chủ yếu ở Nam Trung Kỳ. Mặc dù cuộc nổi dậy chỉ thực sự diễn ra lẻ tẻ một vài nơi nhưng cũng góp phần cho thực dân thấy nhân dân Việt Nam không dễ dàng khuất phục.

Trong khi hầu hết các tỉnh thành bị động do kế hoạch bị lộ, những cuộc nổi dậy sớm bị dập tắt thì một cuộc nổi dậy thực sự đã nổ ra ở địa bàn phủ Tam Kỳ. Đó là một cố gắng nhỏ nhưng rất đáng ghi nhận của những lãnh đạo cuộc nổi dậy nơi đây.

Cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung Kỳ tháng 5.1916 đã khép lại vai trò của các sĩ phu yêu nước, tiến bộ, nhường bước cho thế hệ mới, đại diện cho ý thức hệ mới bước lên vũ đài chính trị. Mặc dù thất bại, song cuộc khởi nghĩa tháng 5.1916 cũng để lại nhiều bài học kinh nghiệm, nhất là bài học về nghệ thuật chỉ đạo, đánh giá đúng đắn động lực cách mạng và vai trò của tất cả các tầng lớp nhân dân trong cuộc khởi nghĩa./.

DTG - NTT

ẢNH HƯỞNG CỦA NHÂN TỐ BÊN NGOÀI ĐẾN SỰ CHUYỂN BIẾN TƯ TƯỞNG CỦA PHAN BỘI CHÂU

*PGS.TS. VÕ KIM CƯỜNG**

*ThS. LÊ THỊ THU HẰNG***

Sự chuyển biến tư tưởng của Phan Bội Châu từ quân chủ lập hiến sang tư tưởng dân quyền dân chủ tư sản phương Tây là cả một quá trình và chịu ảnh hưởng, tác động của rất nhiều yếu tố: bên trong - bên ngoài, nội tại - khách quan. Tuy nhiên, trong báo cáo này, chúng tôi chỉ tập trung làm rõ thêm sự ảnh hưởng và tác động của nhân tố khách quan/bên ngoài đến tư tưởng của Cụ Phan.

Chúng ta đều biết rằng trong một xã hội thuộc địa như Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX, bất kỳ người dân Việt yêu nước nào cũng mang lòng căm thù sâu sắc đối với bọn thực dân cướp nước. Những người Việt Nam yêu nước đều nung nấu đứng lên đánh đuổi kẻ thù xâm lược ngoại bang, xây dựng một triều đình của chính dân tộc Việt. Trong nước, nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân, sỹ phu, văn thân yêu nước và của đại đa số nhân dân đã liên tục nổ ra, với mục tiêu đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng dân tộc khỏi ách cai trị ngoại bang. Chính vì vậy, con đường dẫn Phan Bội Châu đến với cuộc đấu tranh cách mạng cũng là điều tất yếu.

Sự chuyển biến từ tư tưởng quân chủ lập hiến sang cộng hòa dân chủ ở Phan Bội Châu, cố nhiên là phải có cơ sở xã hội bên trong và đó là điều không thể thiếu. Tuy nhiên, tác động và ảnh hưởng của các nhân tố khách quan hoàn toàn không thể nói là không quan trọng. Nhân tố bên ngoài tác động đến nhận thức tư tưởng của Cụ Phan trước hết chính là sự ảnh hưởng của luồng văn hóa phương Tây được truyền bá qua các ấn phẩm từ Trung Quốc và Nhật Bản, là sự tiếp xúc trực tiếp của Cụ với các chính khách Nhật và sau đó là các nhà cách

* Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

** Tòa soạn Tạp chí Sử học, Viện Sử học.

mạng Trung Quốc. Cuối cùng là sự thành công của Cách mạng Tân Hợi và việc thành lập Trung Hoa Dân Quốc đã trở thành điểm mấu chốt, thành cú hích quan trọng đối với sự chuyển biến tư tưởng từ chủ nghĩa quân chủ lập hiến sang cộng hòa dân chủ của các chiến sỹ cách mạng Việt Nam (mà phần lớn đều xuất phát từ tầng lớp sỹ phu phong kiến) với tấm gương tiêu biểu là Phan Bội Châu.

Chúng ta đều rõ, từ cuối thế kỷ XIX, phong trào cách mạng tư sản ở phương Tây đã phát triển mạnh mẽ và sự ảnh hưởng của trào lưu này đã nhanh chóng lan rộng ra nhiều nước trên thế giới, không chỉ đối với các nước châu Âu mà đến cả các nước ở phương Đông. Trước hết, biểu hiện của ảnh hưởng của cách mạng tư sản được thể hiện rõ nét tại Nhật Bản. Từ năm 1868, vua Minh Trị của Nhật Bản đã khởi xướng công cuộc Duy tân. Tư tưởng dân chủ tư sản như một làn gió mới đã được các tầng lớp trí thức Trung Quốc nhanh chóng đón nhận, nhất là các nhà chính khách như Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi... Kết quả “Phong trào Duy tân” cải cách đã được phát động vào năm 1898 ở Trung Quốc, hay gọi là “Mậu Tuất biến pháp”. Cùng với những hoạt động thực tiễn, các chính khách Trung Quốc cũng đã cho xuất bản nhiều sách vở, báo chí nhằm cổ động cho tư tưởng dân chủ cộng hòa. Trong số ấn phẩm này đặc biệt có *Trung Quốc hồn*, *Mậu Tuất chính biến* của Lương Khải Siêu, các tác phẩm của Khang Hữu Vi, Đàm Tự Đồng, Nghiêm Phục... hay các tờ Tân dân tòng báo, Thanh Nghị báo... Những ấn phẩm này, từ những năm cuối thế kỷ XIX đã được truyền bá vào Việt Nam. Cụ Huỳnh Thúc Kháng cũng cho rằng: “*Thời bấy giờ tại Trung Quốc sau cuộc Mậu Tuất chính biến và Canh Tý liên binh (chỉ liên quân các nước tư bản Tây Âu tấn công Bắc Kinh năm 1899-TG), sỹ phu hơi tỉnh ngộ, có phong trào (trào) hoan nghênh Âu học chuyển động toàn quốc, sách báo của Khang Hữu vi, Lương Khải Siêu (phái lãnh tụ Duy Tân) dần dần du nhập vào nước ta*”¹.

Bên cạnh đó, các ấn phẩm mang tư tưởng dân chủ tư sản từ Nhật Bản lúc này cũng được lưu truyền vào Việt Nam như sách báo của

¹ Đinh Xuân Lâm, Chương Thâu. *Phong trào yêu nước cách mạng đầu thế kỷ XX - Nhân vật và sự kiện*. NXB. Lao động, Hà Nội 2012, tr.49.

Yoshida Shohin (Cát Điền Tùng Âm), Fukuzawa Yukichi (Phúc Trạch Dụ Cát).

Khi xuất hiện ở Việt Nam, các ấn phẩm nước ngoài mang tư tưởng dân chủ tư sản, nhất là tân thư, tân văn của Trung Quốc nhanh chóng được các nhà nho yêu nước Việt Nam đón nhận nồng nhiệt. Các tác phẩm của các nhà cải cách Trung Quốc và Nhật Bản đã có ảnh hưởng tới tầng lớp sỹ phu Nho học Việt Nam, trong đó có Cụ Phan Bội Châu, người lúc này đang tìm đường cứu nước và hoạt động chống Pháp. Họ nhận ra trong các tác phẩm ấy những luồng gió mới, những tư tưởng mới phù hợp với thời đại. Đó là những tư tưởng dân chủ và các thành tựu của khoa học kỹ thuật. Đặc biệt đối với các nhà yêu nước Việt Nam lúc này thì đó là những tri thức mới, tối cần thiết về thế giới và trên nền tảng đó có thể vận dụng vào con đường cứu nước của nhân dân Việt Nam. Nhờ đó, những người yêu nước Việt Nam đã bắt đầu biết đến yêu cầu cải cách thể chế chính trị, tổ chức kinh tế, giáo dục, xã hội... theo lối phương Tây.

Phan Bội Châu khẳng định: “Tư tưởng mới của học giả đương thời, ảnh hưởng của sách vở của Lương nhiều lắm. Như bán sách *Trung Quốc hồn*, *Mậu Tuất chính biến* thời đều ảnh hưởng đến học giả nước ta”. Chính làn sóng du nhập tư tưởng dân chủ tư sản vào Việt Nam đã mang lại kết quả là sự bùng phát của phong trào Duy tân cải cách ở trong nước vào những năm đầu thế kỷ XX. Như nhận định của GS. Đinh Xuân Lâm về hiện tượng này rằng: “Về thực chất đây là cuộc vận động của giai cấp tư sản nước ta đang trên con đường hình thành, nhưng đã bộc lộ nguyện vọng muốn tự giải phóng khỏi sự áp bức và nô dịch của đế quốc và phong kiến để gia nhập vào xã hội mới”².

Việc du nhập tư tưởng dân quyền dân chủ tư sản phương Tây vào Việt Nam từ những năm đầu thế kỷ XX đã diễn ra cùng với cuộc đấu tranh khá quyết liệt giữa hai luồng tư tưởng: quân chủ phong kiến và dân chủ cộng hòa tư sản, giữa các nhà Nho thủ cựu đại diện cho giai cấp phong kiến đã đánh mất vai trò lịch sử nhưng vẫn khẳng

² Đinh Xuân Lâm, Chương Thâu. *Phong trào yêu nước cách mạng đầu thế kỷ XX - Nhân vật và sự kiện*. Sdd, tr. 49.

khăng hồng bảo vệ ngai vàng của triều đại phong kiến lỗi thời và các nhà Nho tiến bộ đại diện cho ý thức hệ tư sản vừa được gieo mầm và đang vươn lên, đồng thời cũng như đại diện cho tâm lý và nguyện vọng của tầng lớp tư sản dân tộc đang trong giai đoạn hình thành trong quá trình khai thác thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, đang trên con đường tập hợp lực lượng và phát triển... Cuộc đấu tranh giữa các trào lưu tư tưởng nói trên đã khơi mào cho sự chuyển hướng quan trọng trong đời sống tư tưởng của nhân dân Việt Nam, tạo ra tiền đề cho cuộc vận động cách mạng dân tộc chuyển sang một thời kỳ mới.

Tất nhiên, sự ảnh hưởng của luồng gió mới đó không thể chỉ theo một chiều mà có nhiều lúc là đa chiều, và Việt Nam lúc này là một minh chứng sinh động. Trước sự ảnh hưởng từ bên ngoài, lúc bấy giờ ở Việt Nam đã có nhiều xu hướng như bạo động và cải lương hình thành. Trong dòng chảy chung đó ở Việt Nam đã xuất hiện một loạt các phong trào cách mạng như: phong trào Đông du (1905-1908), trường Đông kinh nghĩa thực (1907), cuộc vận động Duy tân và phong trào Chống thuế ở miền Trung (1907-1908)... Mọi xu hướng như vậy, có thể còn có nhiều sự khác biệt lẫn nhau nhưng có một điểm đồng nhất là đều hướng đến nguyện vọng tiến hành canh tân đất nước về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội theo gương các nước phương Tây.

Đối với bản thân cụ Phan Bội Châu, từ những năm cuối thế kỷ XIX - đầu XX, chính xác là vào năm 1897, khi vào Huế, cụ Phan đã được tiếp xúc với các tác phẩm của Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi và đã bắt đầu hướng sự suy nghĩ của mình về những luồng gió mới đó³. Từ thời điểm này, Phan Bội Châu đã sớm hình thành ý thức tập hợp những người cùng chí hướng bàn tính chuyện khởi sự cách mạng đánh đuổi thực dân xâm lược, khôi phục nền độc lập của Tổ quốc. Tuy nhiên lúc đầu mối liên hệ của Cụ chưa được rộng rãi nên chưa thực hiện được ý định này. Từ năm 1902, cụ Phan tích cực đi khắp mọi miền đất nước để vận động cho việc gây dựng một Hội đảng mới. Vào tháng 5.1904 tại Quảng Nam, Phan Bội châu đã triệu tập được

³ Đinh Xuân Lâm (Chủ biên). *Đại cương lịch sử Việt Nam*. T.II. NXB. Giáo Dục, Hà Nội, 1999, tr.138.

khoảng 20 đồng chí chủ chốt cùng họp nhau ở Nam Thịnh sơn trang (Quảng Nam) để thành lập một hội đảng bí mật, sau này gọi là Hội Duy tân với tôn chỉ: “*Đánh đổ giặc Pháp, khôi phục Việt Nam, kiến thiết nước quân chủ lập hiến*”. Tôn chỉ mục đích đó đã phản ánh rõ tư tưởng quân chủ lập hiến của Cụ Phan cùng các đồng chí trong Duy tân hội. Để triển khai có hiệu quả mục tiêu của Hội, Phan Bội Châu và các đồng chí của Cụ đã hướng đến chủ trương “*thủ đoạn xuất dương cầu viện*”⁴. Như vậy, xuất phát điểm đầu tiên của cụ Phan chính là ý tưởng đi cầu ngoại viện, và Nhật Bản, một nước “*đồng văn*”, “*đồng chủng*”, lại mới chiến thắng oanh liệt trước đế quốc Nga, nước đứng thứ hai trong bốn cường quốc (Anh, Nga, Pháp, Phổ) mà các nhà Nho tiến bộ ở Việt Nam vào đầu thế kỷ thường coi là thần tượng của mình. Nhật Bản, nước “*anh cả da vàng*” với sức mạnh đã được minh chứng sẽ trở thành sự lựa chọn hợp lý đối với Phan Bội Châu.

Hơn nữa, vốn đã được tham khảo từ trước những tác phẩm của Lương Khải Siêu, cho nên trên một chừng mực nào đó nhân vật này đã có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của cụ Phan. Vì thế, sau khi rời quê nhà vào đầu tháng 2.1905 và vào tháng 5.1905, Phan Bội Châu đã có mặt ở Nhật Bản, lập tức Cụ đã tới Hoành Tân (Yokohama) - nơi Lương Khải Siêu đang tạm trú từ sau chính biến Mậu Tuất (1898).

Phan Bội Châu thừa nhận: “Lúc tôi còn ở trong nước, đã được đọc những sách *Mậu Tuất chính biến, Trung Quốc hồn, Tân dân tùng báo* đều do Lương Khải Siêu soạn ra, tôi rất lấy làm hâm mộ. Nhân lúc ấy trong tàu (trên đường đi sang Nhật - TG) có Chu Xuân, học sinh ở Mỹ trở về nước. Chu mách tôi biết trụ sở của ông Lương hiện ở dưới chân núi Hoành Tân thuộc Nhật Bản; tôi lấy làm mừng, trong bụng nghĩ khi đến Nhật thì trước hết đến yết kiến Lương”⁵. Để giới thiệu mình và giải thích mục đích cuộc gặp, Phan Bội Châu thông báo cho Lương Khải Siêu rằng: “*Lạc địa nhất thanh khốc tức ư tương tri; Độc thư thập niên nhân toại thành thông gia*” (Có nghĩa: *Lọt lòng một tiếng khóc đã là tương tri; Độc sách trong mười năm thành ra*

⁴ Phan Bội Châu - Niên biểu. NXB. Văn Sử Địa, H.1957, tr.42.

⁵ Phan Bội Châu - Niên biểu. NXB. Văn Sử Địa, H.1957, tr.52.

tình nghĩa thông gia)⁶. Nhờ vậy, cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa hai nhà cách mạng đã nhanh chóng trở thành hiện thực.

Trong các cuộc hội đàm giữa Lương Khải Siêu và Phan Bội Châu, hai Cụ có chung tư tưởng về nhiều vấn đề như bồi dưỡng thực lực quốc dân với 3 nội dung dân trí, dân khí, nhân tài; đẩy mạnh tuyên truyền chống thực dân; cổ động thanh niên du học để mở mang kiến thức. Cụ Phan đã ghi nhận: “*Nghe Lương nói, óc tôi mở rộng, mắt tôi sáng ra, nghĩ lại những tư tưởng cũng như hoạt động của tôi trước kia thật là lông bông không có điều gì khả thủ*”⁷. Nhờ sự tư vấn và trao đổi đó, Phan Bội Châu đã viết và xuất bản cuốn *Việt Nam vong quốc sử* (7.1905). Cuốn sách đã được Lương Khải Siêu góp thêm ý kiến và đề tựa rồi đưa in, phát hành rộng rãi. Tác phẩm này của Phan Bội Châu đã có vai trò to lớn trong việc tuyên truyền cách mạng cả trong nước cũng như ra quốc tế vào thời điểm lúc bấy giờ.

Tuy nhiên, vì lúc này Phan Bội Châu vẫn còn chưa thể thoát khỏi tư tưởng quân chủ lập hiến, chỉ mới “cảm nhận”, trên mức độ cảm tính do vậy qua trao đổi, đã có những vấn đề mà hai ông không nhất trí với nhau: Lương Khải Siêu hoàn toàn không tán thành chủ trương cầu viện Nhật Bản của Phan Bội Châu và các đồng chí. Lương nhấn mạnh đến nhân tố nội tại là căn bản nhất; và theo ông cần phải coi trọng 3 điểm mấu chốt là *dân trí, dân khí và nhân tài*; đây là thực lực của đất nước, sau đó mới cần đến các nhân tố viện trợ từ bên ngoài. Ngoài ra, giữa hai nhân vật này cũng còn có sự khác biệt khác: Lương Khải Siêu lúc này là đại biểu cho phái tư sản bảo thủ của Trung Quốc, chủ trương cải lương; còn Phan Bội Châu lại chủ trương bạo động cách mạng, coi đây là con đường phù hợp với Việt Nam. Do vậy, lúc này Phan vẫn theo đuổi mục tiêu cầu viện Nhật, tìm gặp các chính khách Nhật để tranh thủ sự viện trợ về quân sự nhằm thực hiện phương pháp “bạo động” đã được xác định từ trước. Cụ Phan cũng đã gặp gỡ một số chính khách Nhật Bản nhưng không đạt được mục đích như mong muốn. Đổi lại, các chính khách Nhật như Inukai

⁶ Phan Bội Châu - Niên biểu. NXB. Văn Sử Địa, H.1957, tr.52.

⁷ Phan Bội Châu - Niên biểu. NXB. Văn Sử Địa, H.1957, tr.58

Tsuyoshi, Okuma Shigenobu đã gợi ý nên gửi thanh niên Việt Nam qua Nhật Bản du học; và kết quả là Phong trào Đông du được khởi xướng (Đi sang phía Đông nên gọi là Đông du)⁸. Như vậy, có thể thấy trong tư tưởng của cụ Phan đã bắt đầu hình thành một bước ngoặt quan trọng: từ chủ trương Đông du cầu viện quân sự sang chủ trương Đông du cầu học. Qua sự kiện này cũng có thể thấy rằng nếu nhìn theo một góc độ khác thì Đông du không chỉ là một phong trào xuất dương cầu học mà còn là một phong trào chính trị, phong trào cách mạng, là sự chuyển hướng về tư tưởng của một thế hệ mới những người yêu nước Việt Nam lúc bấy giờ.

Đối với bản thân Phan Bội Châu vốn được xem là người chủ trương bạo động, thì đến lúc này, trước sự ảnh hưởng và tác động của các luồng tư tưởng từ bên ngoài, trong nhận thức của Cụ cũng đã có sự thay đổi nhất định và có những hành động thích hợp khi cần thiết. Đi sang Nhật, theo mục tiêu đề ra là tìm ngoại viện về quân sự, nhưng một khi yêu cầu đó khó thực hiện thì đã linh hoạt chuyển sang tranh thủ học tập tri thức mới, Duy tân, cải cách theo lối mới để mở ra con đường tự cường dân tộc... Vì vậy, có thể khẳng định Phan Bội Châu chính là một ngọn cờ đầu trong phong trào Duy tân hồi đầu thế kỷ XX và là người phát động phong trào Đông du năm 1905⁹.

Bên cạnh đó còn phải ghi nhận một nhân vật khác cũng đã có ảnh hưởng lớn đến sự chuyển biến tư tưởng của Phan Bội Châu, đó là

⁸ Phong trào Đông du với mục đích chọn những thanh niên, học sinh thông minh, hiếu học, có tinh thần chịu khó, chịu khổ xuất dương cầu học. Đầu tiên là việc Phan Bội Châu đưa 3 thanh niên là Nguyễn Thức Canh, Nguyễn Điền, Lê Khiết sang Nhật Bản vào tháng 10.1905. Tiếp sau là đoàn 5 người, trong số đó có 2 anh em Lương Ngọc Quyến, Lương Nghị Khanh là con cụ Lương Văn Can (Hiệu trưởng trường Đông kinh nghĩa thực ở Hà Nội). Năm 1906, đến lượt hội chủ Duy tân là Cường Để cũng bí mật lên đường sang Nhật, được bố trí vào học trường Chấn Võ. Còn hầu hết những thanh niên học sinh Việt Nam đến Nhật vào các năm 1906-1907 đều học tại Đông Văn thư viện Tokyo. Ngay từ giữa 1907, việc học tập của học sinh Việt Nam ở Nhật đã ổn định và phát triển thuận lợi. Năm 1908, số học sinh Việt Nam tại Nhật đã lên tới 200 người. Chương trình học tập (của học sinh Việt Nam ở Nhật) nhằm thực hiện nhiệm vụ mà Duy tân hội đã xác định ngay trong kỷ họp thành lập (1904) là đào tạo những người có trình độ văn hóa và quân sự cần thiết chuẩn bị cho công cuộc bạo động đánh Pháp giành lại độc lập cho Tổ quốc.

⁹ Đinh Xuân Lâm, Chương Thâu. *Phong trào yêu nước cách mạng đầu thế kỷ XX - Nhân vật và sự kiện*, Sdd, tr. 82.

Tôn Trung Sơn - lãnh tụ đảng cách mạng Trung Quốc. Ngay từ năm 1902, Tôn Trung Sơn đến Việt Nam và đã liên lạc được với một số Hoa kiều có tư tưởng tiến bộ để thành lập phân hội Hưng Trung Hội ở Hà Nội. Đây không chỉ là phân hội duy nhất ở Đông Nam Á, mà còn là tổ chức cách mạng được thành lập sớm nhất trong xã hội người Hoa và Hoa kiều ở khu vực này. Sau khi Đồng Minh hội Trung Quốc thành lập, Tôn Trung Sơn cùng với các đồng chí còn đến Sài Gòn xây dựng phân hội Đồng Minh hội đầu tiên ở hải ngoại¹⁰. Vào năm 1907, Tôn Trung Sơn đã cải tổ Phân hội Hưng Trung hội Hà Nội thành Phân hội Đồng Minh hội; và ít lâu sau, phân hội Đồng Minh hội Hải Phòng cũng tuyên bố thành lập. Những hoạt động đó của Tôn Trung Sơn đã được các chiến sỹ cách mạng Việt Nam để ý tới, trong đó có Phan Bội Châu. Những sự kiện đó chính là tiền đề cho các cuộc tiếp xúc của cụ Phan với Tôn Trung Sơn sau đó.

Từ trước khi Việt Nam Quang phục hội ra đời, khi ở Nhật Bản, ngoài việc tiếp xúc với Lương Khải Siêu và nhiều chính khách Nhật, thì đặc biệt cụ Phan còn tìm gặp Tôn Trung Sơn. Năm 1906, được Khuyến Dưỡng Nghị giới thiệu cụ Phan đã có hai lần tiếp xúc với lãnh tụ đảng cách mạng Trung Quốc vừa ở Mỹ về tạm trú trên đất Nhật (tại khách sạn Trí Hòa Đường). Cụ Phan đã thuật lại hai lần tiếp xúc đó như sau: *“Mấy hôm sau tôi đem danh thiếp và giấy giới thiệu... đến Trí Hòa Đường yết kiến ông Tôn, lúc bấy giờ vào 8 giờ đêm, ông cùng tôi bút đàm công việc cách mạng; Ông đã đọc qua quyển Việt Nam vong quốc sử của tôi, biết là tư tưởng của tôi chưa gột rửa được đầu óc quân chủ, nên ông thống thiết đã kích về hình thức giả dối của đảng quân chủ lập hiến”*¹¹. Mặc dù hai người không hoàn toàn đồng ý quan điểm của nhau (Tôn Trung Sơn theo chủ nghĩa dân chủ cộng hòa nên công kích chủ trương quân chủ lập hiến của Phan Bội Châu, điển hình là phong trào Đông du) nhưng Tôn Trung Sơn khuyến khích cụ Phan và các nhà cách mạng Việt Nam trước hết hãy tham gia đảng cách mạng Trung Quốc, khi Trung Quốc thành

¹⁰ Nguyễn Văn Hồng, Nguyễn Thị Hương, Chương Thâu, *Tôn Trung Sơn với Việt Nam*, NXB. Giáo Dục, Hà Nội 2013, tr. 199.

¹¹ Phan Bội Châu - Niên biểu. Nxb Văn Sử Địa, H.1957, tr.67.

công sẽ giúp Việt Nam và các nước châu Á được độc lập¹². Mặc dầu cụ Phan “*cũng nhận thấy chính thể dân chủ cộng hòa là hay là đúng*”¹³ nhưng vẫn bảo lưu quan điểm cho rằng tình hình Việt Nam lúc đó chưa thể thực hiện dân chủ ngay được. Bởi vì, như chính cụ Phan thú nhận: “*thực ra tôi với ông lúc bấy giờ đều phon phớt bề ngoài cả; tôi chưa biết nội dung đảng cách mạng Trung Quốc thế nào, mà ông Tôn cũng chưa biết chân tướng của đảng cách mạng Việt Nam thế nào, thành ra hai bên đều không nhằm đúng chỗ cốt yếu*”¹⁴.

Trong lúc đó, vào đầu thế kỷ XX, tình hình ở Việt Nam có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, các phong trào cách mạng trong nước như Phong trào Đông du (1905-1908), trường Đông kinh nghĩa thực (1907), cuộc vận động duy tân và phong trào chống thuế ở miền Trung (1907-1908) nối tiếp nhau tan rã. Tháng 2.1909 bị Nhật ra lệnh trục xuất, cụ Phan trở về Trung Quốc nhưng cũng không có điều kiện để hoạt động nên phải tạm lánh qua Thái Lan. Đúng vào thời điểm này, Cách mạng Tân Hợi (10.1911) bùng nổ, triều đình nhà Thanh sụp đổ, chính phủ Trung Hoa Dân quốc được thành lập ở Nam Kinh do Tôn Trung Sơn làm tổng thống.

Được tin Cách mạng Tân Hợi thành công, Phan Bội Châu nhanh chóng quay trở lại Trung Quốc, đến Quảng Đông là trung tâm cách mạng lúc bấy giờ, nơi đang có mặt khá đông những người yêu nước Việt Nam. Việc Chính phủ Trung Hoa Dân quốc được thành lập, theo Phan Bội Châu “*như có luồng gió tiếng vang, rung động tới nước mình nhiều. Dân khí ta lại phấn chấn dào dạt. Những hạng chí khí lại rủ nhau bỏ nước mào hiểm trốn ra ngoài, chân nối gót chân tới Quảng Châu đông lắm*”¹⁵. Đồng thời, đến Trung Quốc, cụ Phan còn được trực tiếp tiếp xúc với đông đảo thanh niên cách mạng Trung

¹² Đinh Xuân Lâm, Chương Thâu. *Phong trào yêu nước cách mạng đầu thế kỷ XX - Nhân vật và sự kiện*, sdd, tr. 58.

¹³ Phan Bội Châu - Niên biểu. NXB. Văn Sử Địa, H.1957, tr. 67.

¹⁴ Phan Bội Châu - Niên biểu. NXB. Văn Sử Địa, H.1957, tr. 67-68.

¹⁵ Đinh Xuân Lâm, Chương Thâu. *Phong trào yêu nước cách mạng đầu thế kỷ XX - Nhân vật và sự kiện*, Sdd, tr.56.

Quốc ở Vân Nam... Trong bầu không khí cách mạng sục sôi đó, nhận thức của cụ Phan càng được tiếp tục bổ sung thêm những nhân tố mới¹⁶. Cụ thú nhận: *“tuy bị kế hoạch cũ (chủ trương quân chủ lập hiến) ngăn trở lời lẽ chưa nói mạnh được nhưng trong bụng đã chứa sẵn một động cơ thay đổi bắt đầu từ đó”*¹⁷. Như vậy, việc chuyển hướng tư tưởng của cụ Phan đã có sự tác động của nhiều thử thách như việc Nhật câu kết với Pháp để giải tán phong trào Đông du vào tháng 9.1908, do Anh - Pháp xúi giục nên chính phủ Nhật giải tán Đông Á Đồng minh hội... và cuối cùng là việc Nhật ra lệnh trục xuất Phan Bội Châu và Cường Để (3.1909) buộc Cụ phải chạy sang Trung Quốc... Với sự giúp đỡ của đảng cách mạng Trung Quốc, cụ Phan mới nhận ra rằng: *“công việc của mình không thể trông cậy vào Nhật Bản được, nên chuyển hướng về đảng cách mạng Trung Hoa và các dân tộc trên thế giới đồng bệnh với ta”*¹⁸.

Cách mạng Tân Hợi thành công với sự thành lập Trung Hoa dân quốc đã tạo điều kiện khách quan thuận lợi cho việc thành lập Việt Nam Quang phục hội. Tất nhiên, điều kiện tiên quyết của sự ra đời của tổ chức này trước hết là do đòi hỏi của thực tiễn xã hội thuộc địa Việt Nam lúc bấy giờ. Trong sự khủng bố và đàn áp của Pháp, trong sự nhu nhược của triều đình nhà Nguyễn trước ách xâm lược và nô dịch của đế quốc ngoại bang thì xã hội Việt Nam lúc này đòi hỏi cần có một tổ chức cách mạng thích hợp với yêu cầu của thời đại. Tư duy ủng hộ chế độ quân chủ cho đến lúc này đã trở nên lỗi thời, mà sự chứng minh rõ ràng nhất là việc thất bại của Duy tân hội. Nhiều chiến sỹ cách mạng đương thời đã dần nhận thức ra điều này. Các lực lượng thủ cựu đã từng kiên quyết theo đuổi chủ nghĩa quân chủ cho rằng chỉ có dưới ngọn cờ của vua chúa mới tập hợp được lực lượng yêu nước thì đến lúc này, với thực tiễn của phong trào cách mạng chống đế quốc thực dân dâng cao của đông đảo các tầng lớp xã hội ở khắp đất nước chứ không chỉ đóng khung trong các giai tầng bên trên (quan

¹⁶ Đinh Xuân Lâm (Chủ biên). *Đại cương lịch sử Việt Nam*. T.II. NXB. Giáo Dục, Hà Nội, 1999, tr.144.

¹⁷ Phan Bội Châu - Niên biểu. NXB. Văn Sử Địa, H.1957, tr.91.

¹⁸ Phan Bội Châu - Niên biểu. NXB. Văn Sử Địa, H.1957, tr.117.

lại, hào phú, trí thức Nho học...) như trước đây đã chứng minh rõ, sức mạnh cách mạng đã trở nên mạnh mẽ hơn với sự tham gia của đông đảo các tầng lớp trong xã hội, và chính điều này đã trở thành mảnh đất màu mỡ cho tư tưởng dân chủ nảy sinh và ươm mầm phát triển. Sự tham gia tích cực và sáng tạo của đông đảo các giai tầng như tầng lớp công thương, thợ thuyền, dân cày đã chứng tỏ khả năng cách mạng của quần chúng lao động. Điều này đưa lại kết quả là các nhà lãnh đạo cách mạng nhìn rõ hơn sự cần thiết phải chuyển sang chủ nghĩa dân chủ để có được sự ủng hộ và tham gia của quảng đại quần chúng nhân dân. Chính trên nền tảng đó mà những người tham gia thành lập Việt Nam Quang phục hội, số đông là những người trước đây từng ủng hộ chủ nghĩa quân chủ đều không thể phủ nhận, và ít nhiều đều tán thành chủ nghĩa dân chủ.

Như vậy, nhờ có sự tập hợp đông đảo của các chiến sỹ cách mạng, đầu tháng 6.1912, một cuộc hội nghị có đông đủ đại biểu ba xứ Trung - Nam - Bắc tại Quảng Châu đã quyết định thành lập một tổ chức cách mạng mới lấy tên là *Việt Nam Quang phục hội* để thay thế cho Duy tân hội đã ngừng hoạt động từ năm 1908. Tôn chỉ duy nhất của Việt Nam Quang phục hội khi mới thành lập là “*Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa dân quốc Việt Nam*”¹⁹. Chính cụ Phan cũng đã thừa nhận: “*Tôi từ khi sang Nhật, được nghiên cứu các nguyên nhân cách mạng nước ngoài và chính thể các nước, thì rất say sưa về lý luận của Lư Thoa; và lại được giao tiếp với các đồng chí Trung Hoa nhiều; nên trong đầu óc đã xếp tư tưởng quân chủ vào một xó, nhưng sở dĩ trước kia chưa dám bộc lộ ra, là lúc đó ở trong nước ra đi dựa vào quân chủ mà được nhiều người tin theo, nếu cục diện hãy còn như xưa thì mình cũng không dám thay đổi thủ đoạn; nhưng hiện nay cục diện đã thay đổi hẳn rồi, thế đứng trước hội trường tôi mạnh dạn đề ra nghị án “Dân chủ chủ nghĩa”*”²⁰.

Nhìn lại quá trình chuyển biến tư tưởng của cụ Phan có thể thấy,

¹⁹ Phan Bội Châu - Niên biểu. NXB. Văn Sử Địa, H.1957, tr. 141.

²⁰ Phan Bội Châu - Niên biểu. NXB. Văn Sử Địa, H.1957, tr.140-141

Cụ là một chí sỹ cách mạng nhiệt thành và rất thức thời nên đã nhanh nhạy nắm bắt những nhân tố mới mà từ trước chưa xuất hiện trong hệ ý thức phong kiến với điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội của nước nhà lúc bấy giờ. Nhận rõ những nhân tố mới của thời đại, Cụ đã có sự suy nghĩ thấu đáo để chuyển dần nhận thức của mình từ hệ ý thức quân chủ lập hiến sang hệ ý thức dân chủ cộng hòa tư sản phương Tây. Tuy nhiên, quá trình đó không phải ngay lập tức mà phải có sự trăn trở suy tư thấu đáo, suy nghĩ có chiều sâu, từ chỗ ban đầu chỉ mới mang tính chất như cụ mô tả là *“óc tôi mở rộng, mắt tôi sáng ra”*, sau đó mới đến *“lời lẽ chưa nói mạnh được nhưng trong bụng đã chứa sẵn một động cơ thay đổi”* và *“cũng nhận thấy chính thể dân chủ cộng hòa là hay là đúng”* nhưng chưa phù hợp với tình hình Việt Nam lúc đó, để đến cuối cùng Cụ mới khẳng khái: *“hiện nay cục diện đã thay đổi hẳn rồi, thế đứng trước hội trường tôi mạnh dạn đề ra nghị án “Dân chủ chủ nghĩa”*.

Tất nhiên, sự chuyển biến về tư tưởng của Cụ do có sự ảnh hưởng mạnh mẽ của thời đại, của các hệ tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây qua lăng kính của các nhà dân chủ tư sản Nhật Bản và Trung Quốc, nhưng nhận thức của Cụ là hoàn toàn độc lập, không sao chép y nguyên những gì nhận biết. Chúng tôi nhất trí với nhận định của GS. Đinh Xuân Lâm khi cho rằng: Sự tiếp thu ảnh hưởng của Phan Bội Châu đối với Lương Khải Siêu là một sự tiếp thu có điều kiện, trong đó tinh thần yêu nước căm thù giặc của Cụ đóng vai trò “trọng tài” sáng suốt đã giúp Cụ tước gạt bớt phần cải lương chủ nghĩa để phát huy phần cách mạng, và điều thú vị là như vậy vô tình cụ Phan đã tiếp cận được phần chân chính, phần tinh hoa của cuộc đại cách mạng tư sản Pháp phần nào đã bị Lương Khải Siêu làm rơi rụng đi qua cái lăng kính bảo hoàng cải lương chủ nghĩa của ông ta... Còn đối với Tôn Trung Sơn, do điều kiện giai cấp và thời đại hạn chế nên sự tiếp thu ảnh hưởng của cụ Phan vẫn là một sự tiếp thu gay go và gian khổ, mặc dù mới trông qua dường như thuận lợi hơn nhiều²¹. Hai thuận lợi căn bản đó, một là vì cụ Phan có tinh thần yêu nước rất

²¹ Đinh Xuân Lâm, Chương Thâu. *Phong trào yêu nước cách mạng đầu thế kỷ XX - Nhân vật và sự kiện*, sdd, tr. 29.

mạnh luôn luôn bồi dưỡng thúc đẩy cụ vươn lên “*nhằm mục đích giành được thắng lợi trong phút cuối cùng*”²², hai là từ quân chủ lập hiến sang dân chủ cộng hòa thì sự chuyển biến tư tưởng vẫn nằm chung trong một hệ tư tưởng tư sản.

Ngoài ra, mặc dù trên một mức độ nào đó, cụ Phan đã ghi nhận sự tiến bộ của hệ tư tưởng tư sản mà các nhà cải cách Nhật Bản cũng như các nhà cách mạng Trung Quốc tiến hành, nhưng trong nhận thức cũng như hoạt động của Cụ vẫn luôn khát khao con đường bạo lực cách mạng để nhanh chóng đánh đuổi hết kẻ thù xâm lược ngoại bang. Chính vì thế, cho dù tôn chỉ của Việt Nam Quang phục hội là: “*Khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa dân quốc Việt Nam*”²³ nhưng chủ trương hành động của tổ chức này trong những năm 1913-1915 vẫn coi yêu sách khôi phục chủ quyền cho Việt Nam quyết dùng bạo động để gây tiếng vang trong dân chúng cùng áp lực đối với chính quyền Pháp làm đường lối chiến lược. Hơn nữa, sự chuyển biến về tư tưởng của cụ Phan cũng chỉ dừng lại ở mức độ nhận thức, và trên một chừng mực nào đó vẫn chưa dứt khoát hẳn để đến với cuộc đấu tranh cách mạng mang tính chất mới.

Song có thể nói, quá trình chuyển biến tư tưởng của Phan Bội Châu dưới sự ảnh hưởng của các nhân tố khách quan và những hoạt động thực tiễn của Cụ cho đến nay vẫn luôn mang giá trị lịch sử to lớn. Có thể thấy, trong điều kiện bị kìm hãm và áp bức của chế độ xã hội lúc bấy giờ, bị hạn chế đủ mọi điều kiện, nhưng khi xuất hiện những luồng gió mới của thời đại, khi nhận biết được sự vận động của thời đại, cụ Phan đã nhanh chóng nắm bắt để thay đổi nhận thức của mình, một sự chuyển mình về nhận thức rất quan trọng để rồi vận dụng những kiến thức mới vào sự nghiệp giải phóng đất nước. Điều này luôn đóng một vai trò quan trọng trong sự nghiệp hoạt động của Cụ cũng như đối với công cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc. Nếu từ góc độ đó, chúng ta có thể thấy tầm quan trọng của việc tiếp thu những nhận thức mới từ bên ngoài, những kiến thức của nhân loại là

²² Phan Bội Châu - Niên biểu. NXB. Văn Sử Địa, H.1957, tr. 22

²³ Phan Bội Châu - Niên biểu. NXB. Văn Sử Địa, H.1957, tr. 141.

vô cùng quan trọng. Nó không chỉ đơn thuần là mở mang nhận thức của mỗi cá nhân, mà nó còn đóng góp vào cho cộng đồng, dân tộc trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể. Liên hệ đến hiện nay, có thể thấy rằng, việc đi ra ngoài để tiếp thu những kiến thức mới, những thành tựu về khoa học và công nghệ là vô cùng cần thiết. Nó chắc chắn sẽ góp phần không những xây dựng và phát triển đất nước mà còn đóng góp vào mục tiêu hội nhập quốc tế toàn diện của chúng ta, mở rộng và tăng cường củng cố mối quan hệ quốc tế của Việt Nam hiện nay. Vấn đề đưa nhiều thanh niên Việt Nam ra nước ngoài học tập để tiếp thu những giá trị toàn cầu sẽ là một giải pháp trong tổng thể những giải pháp để hội nhập của đất nước Việt Nam. Có thể thấy rõ: Ngay sau thời điểm Cách mạng Tân Hợi thành công thì Việt Nam Quang phục hội đã nhanh chóng được thành lập. Điều này góp phần khẳng định sự gắn kết giữa phong trào cách mạng 2 nước Việt Nam và Trung Quốc, sự tác động qua lại giữa 2 phong trào, trở thành nhân tố khách quan có tác động trực tiếp đến phong trào trong mỗi nước. Cũng còn có thể thấy rằng, Tôn Trung Sơn đã từng nhiều lần sang Việt Nam (1907-1908) để gây dựng lực lượng cho cách mạng Trung Quốc, hay quân cách mạng Trung Quốc cũng có thời kỳ rút sang nương náu ở Việt Nam tránh chiến đấu trực diện với quân triều đình Mãn Thanh; các chiến sỹ cách mạng Việt Nam do Phan Bội Châu đứng đầu cũng đã quyên góp mua súng ống, vũ khí tặng quân cách mạng Trung Quốc... là những minh chứng rõ ràng cho mối liên hệ giữa các phong trào cách mạng ở các nước trên thế giới.

Sự thành lập Việt Nam Quang phục hội, mặc dầu cuối cùng đã chịu thất bại nhưng đã ghi dấu một sự chuyển biến quan trọng trong phong trào cách mạng nước ta nói chung, đánh dấu rõ rệt về bước phát triển quan trọng về tư tưởng chính trị của các nhà cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX./.

VKC - LTTH

TỪ CUỘC CÁCH MẠNG TÂN HỘI NĂM 1911 Ở TRUNG QUỐC ĐẾN CUỘC KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI NĂM 1916

NGUYỄN THỊ MINH TÂM*

1. Cách mạng Tân Hợi 1911 và những ảnh hưởng của nó đến tư tưởng của Phan Bội Châu

Đến cuối thế kỷ XIX Chủ nghĩa tư bản ở Trung Quốc khá phát triển, sang đầu thế kỷ XX, mặc dù bị nước ngoài chèn ép, kinh tế Tư bản chủ nghĩa ở Trung Quốc vẫn có bước phát triển mới trong các ngành Công Nghiệp nhẹ và cả công nghiệp nặng. Giai cấp tư sản ra đời và ngày càng lớn mạnh, sự xuất hiện của tầng lớp quý tộc tư sản Trung Quốc đã làm cho sự phân hóa xã hội diễn ra sâu sắc.

Cũng trong lúc này, xã hội Trung Quốc xuất hiện những mâu thuẫn gay gắt: mâu thuẫn dân tộc với đế quốc, mâu thuẫn giữa nhân dân triều đình phong kiến nhà Mãn Thanh. Lực lượng kinh tế dân tộc Trung Quốc vừa mới ra đời đã gặp phải sự xâm nhập của đế quốc, và xâm hãm của triều đình phong kiến nên trong sự phát triển của mình, giai cấp tư sản ở Trung Quốc dần trở thành một lực lượng tích cực đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế - chính trị và đòi quyền dân tộc.

Năm 1905, sự thành lập tổ chức “Trung Quốc đồng minh hội” trên cơ sở hợp nhất 3 tổ chức, hưng trung hội, Hoa Hưng hội và Quang Phục hội với cương lĩnh tiến bộ hơn so với Hưng Trung hội gồm 4 điểm: Đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập dân quốc, bình quân địa quyền là một bước ngoặt lớn trong phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản. Hội thừa nhận Chủ nghĩa Tam Dân do Tôn Trung Sơn đề ra “Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc”. Đây được đánh giá là một trào lưu tư tưởng chính trị có

*Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục CEA, ĐHQG TP. HCM.

hiều điểm tiến bộ của giai cấp tư sản Trung Quốc thời bấy giờ. Từ 1903-1911, phong trào bảo vệ đường sắt, tẩy chay hàng hóa nước ngoài, đòi thủ tiêu những hiệp ước bất bình đẳng, chống lại triều đình Mãn Thanh diễn ra mạnh mẽ. Phong trào bị đàn áp giữ dội nên đã dẫn đến cuộc khởi nghĩa Vũ Xương (Hồ Bắc). Cuộc khởi nghĩa thắng lợi và lan sang các tỉnh miền Nam và miền Trung. Đến đầu tháng 11.1911, quân cách mạng chiếm Nam Kinh. Ngày 1.11.1911 chính phủ Nam Kinh được thành lập do Tôn Trung Sơn làm tổng thống lâm thời mở đầu thời nền Cộng hòa Trung hoa Dân quốc. Cách mạng nhanh chóng phế truất được ngôi vua Mãn Thanh, nền quân chủ Mãn Thanh sụp đổ.

Cách mạng Tân Hợi là cuộc cách mạng dân chủ tư sản, đã lật đổ triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại lâu đời ở Trung Quốc, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển và có ảnh hưởng nhất định đến cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á. Ở Việt Nam, cách mạng Tân Hợi Trung Quốc thành công là bước ngoặt quan trọng để Phan Bội Châu thay đổi hướng đấu tranh của mình. Nếu trước kia ông chủ yếu theo tư tưởng bảo thủ, quân chủ lập hiến thì sau cách mạng Tân Hợi, ông nhận ra thời cuộc đã đổi thay. Tư tưởng dân chủ cải cách và tiến bộ hơn chính là một bước phát triển mới của tiến trình đấu tranh trong lịch sử. Nếu lúc đó, Phan Bội Châu không thay đổi hướng đi, có lẽ Việt Nam Quang phục hội đã “chết yểu” sớm hơn. Vì lẽ nhân dân đã không còn mấy mặn mà với triều đình và cách thức của các phong trào yêu nước do triều đình khởi xướng, khi mà hàng loạt các phong trào như Cần Vương bị bắt bớ, giết hại đã man trước đó. Tuy nhiên, Phan Bội Châu vẫn giữ Cường Để - Kỳ ngoại hầu làm trưởng hội. Phan Bội Châu ý thức được rằng tư tưởng đấu tranh thì phải thay đổi để phù hợp với xu thế, nhưng cách làm thì phải thật khôn ngoan, khéo léo mới từ từ chiêu mộ được lòng dân.

Việt Nam Quang phục hội do Phan Bội Châu thành lập ra đời năm 1916 đánh dấu sự tăng tiến trong tư tưởng của Phan Bội Châu trên con đường dân chủ tư sản - từ chế độ quân chủ lập hiến đến chế độ dân chủ tư sản. Tôn chỉ của Việt Nam Quang phục hội khẳng định:

“Chính thể dân chủ cộng hoà là một chính thể rất tốt đẹp. Quang phục quân trong khi vừa đánh đuổi giặc Pháp, đồng thời cũng vừa xây dựng một nước cộng hòa dân chủ. Quyền bính của nước là của chung toàn dân do nhân dân quyết định. Những dấu vết độc hại của chính thể chuyên chế không còn nữa”. Có thể nói, đến đây, trong lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam đã hình thành một quan niệm mới về quyền lực của nhân dân. Quyền lực của nhân dân phải là yếu tố được đặt lên hàng đầu.

Với cách mạng Tân Hợi 1911, nền cộng hoà dân chủ là mục tiêu hướng tới khi dân tộc ta đang tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Tư tưởng đó đã phần nào phản ánh được tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc. Và đó cũng chính là cống hiến của Phan Bội Châu với tư cách nhà tư tưởng chính trị. Sự ra đời của Việt Nam Quang phục hội là sự thể hiện Phan Bội Châu đã dứt khoát từ bỏ quân chủ để đi theo con đường cách mạng dân chủ.

2. Khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội ở xứ Trung Kỳ

Việt Nam Quang phục hội là một tổ chức cách mạng thành lập năm 1912 do Phan Bội Châu đề xướng theo chủ nghĩa dân chủ với mục đích đánh đuổi người Pháp khỏi Đông Dương. Tôn chỉ chung của Việt Nam Quang phục hội là: “Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục Việt Nam, kiến lập Việt Nam cộng hoà dân quốc”. Nhiệm vụ hàng đầu là bạo động vũ trang. Người chỉ huy tối cao của Hội là Phan Bội Châu, giữ chức Phó bộ trưởng (Cường Để làm Bộ trưởng) nhưng kiêm Tổng lý của Hội. Đại đa số những người nắm cương vị chủ chốt của Hội là thuộc phong trào Đông du, được đào tạo về quân sự tại Nhật Bản, Trung Quốc, có tư tưởng tiến bộ, có khả năng lãnh đạo, có kiến thức về quân sự.

Về cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội ở xứ Trung Kỳ, cần nói rõ hơn là lúc này, Phan Bội Châu đã bị nhà cầm quyền giam giữ tại Huế. Do đó, cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội của các tỉnh Trung Kỳ từ Quảng Trị cho đến Bình Định với tư tưởng và tôn chỉ chung của Phan Bội Châu do Thái Phiên (quê ở làng Nghi An, tổng Phước Tường, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam, nay thuộc

phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng) lãnh đạo năm 1916 với sự tham gia của Trần Cao Vân (quê ở làng Tư Phú, tổng Hoà Đa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, nay là xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam) và vua Duy Tân.

Cuộc vận động khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội, với sự tham gia trực tiếp của vua Duy Tân ở miền nam Trung Bộ với không khí khởi nghĩa dâng lên mạnh mẽ, nhất là trong đêm mùng 3 rạng sáng mùng 4 tháng 5 năm 1916. Theo tài liệu của thực dân Pháp để lại, thì trong những ngày đó tình hình như sau: tại Quảng Ngãi xuất hiện nhiều tốp nghĩa binh, khá đông, vũ trang bằng dao và mác, đã vận động suốt đêm ngày, tại nhiều địa điểm trong tỉnh và với tư thế sẵn sàng chiến đấu, tại Quảng Nam có khoảng 250 đến 300 nghĩa binh, chia làm hai nhóm, đã công khai tấn công một đội lính tại địa hạt Tam Kỳ rồi rút lui an toàn, xung quanh bên cảng Đà Nẵng và Hội An cũng xuất hiện nhiều tốp nghĩa binh, với tư thế sẵn sàng chiến đấu, riêng tại Huế có khoảng 50 thủ lĩnh nghĩa quân trong số này (của vua Duy Tân) từ Quảng Nam, Quảng Ngãi đến để vận động, tổ chức nghĩa quân chuẩn bị tấn công. Trong khi đó, ở quanh thành Huế, xuất hiện nhiều tốp nghĩa quân - mỗi tốp chừng 50 đến 80 người đóng rải rác khắp các cánh đồng, sẵn sàng chờ lệnh tấn công thành Huế. Số thủ lĩnh này đã họp kín với vua Duy Tân hồi 10 giờ đêm ngày 3.5.1916, và vua Duy Tân đã ra lời kêu gọi quan lại, sĩ dân nổi dậy khởi nghĩa.

Theo kế hoạch đã nhất trí giữa các tỉnh, cuộc khởi nghĩa sẽ tiến hành vào đêm mùng 3 rạng ngày mùng 4 tháng 5.1916 khi có lệnh súng thần công nổ ở kinh đô Huế và tín hiệu lửa đốt trên đỉnh Hải Vân. Nhưng trước đó, do Đại tá Harmand, người Pháp gốc Đức, tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Trung Kỳ đã biết thời điểm cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội, Khâm sứ Egène Charles ra lệnh hạ sát Đại tá Harmandes và đến đêm 3.5.1916 Thái Phiên bị bắt tại Huế nên ông không thể phát lệnh cuộc khởi nghĩa bằng súng thần công được. Biến cuộc nổi dậy bị thất bại, Trần Cao Vân đã đưa vua Duy Tân lánh ra ngoại ô kinh đô Huế để tìm đường rút về chiến khu ở Bà Nà, tỉnh Quảng Nam nhưng đã bị quân Pháp bắt ngày 6.5.1916. Khâm sứ

Trung Kỳ đã thông báo trước tình hình cho các Công sứ Pháp các tỉnh từ Quảng Bình đến Bình Định để đối phó với cuộc khởi nghĩa có thể xảy ra.

Do không nhận được lệnh phát động cuộc khởi nghĩa từ kinh đô vào đêm 3.5.1916 nên ở các tỉnh nghĩa quân đã tự giải tán hoặc bị quân Pháp giải giáp. Ở tỉnh lỵ Hội An, tỉnh Quảng Nam, nghĩa quân bị quân Pháp phát hiện và bị giải giáp, Lê Đình Dương bị bắt ngay đêm đó, còn Phan Thành Tài liền lánh vào núi Bà Nà nhưng sau đó cũng bị bắt. Ở phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, nghĩa quân dưới sự chỉ huy của Trần Chương (là cháu của Trần Cao Vân), dù không nhận được lệnh khởi nghĩa, đã đột nhập vào tỉnh thành La Qua và đốt cháy một số nhà tranh bỏ trống để làm tín hiệu, nhưng do nghĩa quân chỉ trang bị bằng gậy gộc nên bị lính tập giải giáp.

Đáng chú ý là trong các địa phương của tỉnh Quảng Nam và trong các tỉnh trung Trung Kỳ chỉ duy nhất ở phủ Tam Kỳ là đã xảy ra cuộc khởi nghĩa thực sự. Mặc dù không nhận được lệnh khởi nghĩa từ kinh đô Huế, nhưng trước đó các sĩ phu yêu nước phủ Tam Kỳ đã nhận được mật dụ của vua Duy Tân hiểu dụ tham gia Việt Nam Quang phục hội nên quyết tâm nổi dậy đánh Pháp. Nhân dân phủ Tam Kỳ đã bí mật ủng hộ nghĩa quân của Việt Nam Quang phục hội và tham gia nghĩa quân. Các sĩ phu yêu nước ở các làng Tân An Tây, Tam Mỹ, Ngọc Mỹ, Khương Mỹ, Trường Xuân, Ngọc Thọ, Thọ Khương, Vân Trai, Quý Thượng, Quảng Phú, Trung Đoàn Thượng, Phú Lâm, Cây Cốc, An Hòa, Kim Đái, Thạnh Bình... đã bí mật thành lập các đội nghĩa binh. Đặc biệt, đáng chú ý nhất là nhiều công nhân của mỏ vàng Bồng Miêu và đồn điền chè Đức Phú của Pháp đã bỏ nơi làm việc về quê tham gia các đội nghĩa binh. Nghĩa binh phủ Tam Kỳ được các tầng lớp nhân dân ủng hộ về lương thực, tài chính, giúp đỡ về hậu cần. Các hào phú trong phủ Tam Kỳ như ông Lê Khâm Duy (tức Bát Kiện) ở Hòa Hạ, Bá Ba ở Thanh Lâm... là những người đóng góp tiền bạc và lúa gạo nhiều nhất cho nghĩa quân. Các nhóm thợ rèn ở nhiều nơi được huy động đến phối hợp với xóm lò rèn ở Xuân Trung để rèn giáo, gươm trang bị cho nghĩa quân.

Các thành viên chủ chốt của Việt Nam Quang phục hội ở phủ Tam Kỳ đã tổ chức một cuộc họp bí mật tại nhà ông Lê Ngạn ở làng Trung Đàn Thượng để bầu ra Ban Chỉ huy nghĩa binh Việt Nam Quang phục hội phủ Tam Kỳ. Theo đó, ban chỉ huy nghĩa binh được bầu ra gồm có 5 người:

- Trần Huỳnh, Tổng Lãnh binh (Tân An Tây, Tiên Phước)
- Trần Ni, Phó Tổng Lãnh binh (Trường Xuân, Tam Kỳ)
- Trần Khuê, Đề Các (Cây Cốc, Tam Kỳ)
- Lê Ngạn, Tán tương Quân vụ (Trung Đàn Thượng, Tam Kỳ)
- Ngô Đối, Tán lý Sự vụ.

Chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa, chiều ngày 3.5.1916, các đội nghĩa binh bồm khoảng 650 người đã bí mật tập kết tại căn cứ Gò Chùa (còn gọi là Gò Đỏ) kín đáo để làm lễ xuất quân, lễ tế cờ Ngũ tinh. Quốc kỳ của Việt Nam quang phục hội là cờ vàng, góc tư trên màu đỏ với năm ngôi sao trắng xếp thành chữ X gọi là “ngũ tinh liên châu”, cờ đỏ, sao trắng làm quân kỳ. Ngôi sao ở đây chỉ là chấm tròn chứ không có cánh. Màu vàng tượng trưng cho nòi giống “Việt” da vàng. Màu đỏ biểu ý phương “Nam” lửa đỏ. Còn màu trắng là mục đích chính đại¹. Sau khi nghĩa binh uống rượu thề phục quốc, Tổng Lãnh binh Trần Huỳnh đọc tuyên các rồi bắn một phát súng lệnh khởi binh. Trời bắt đầu tối, đoàn nghĩa binh xuất phát hướng về phủ lý Tam Kỳ với lá quốc kỳ Ngũ tinh dẫn đầu từ tay Lê Ngạn giương cao.

Lê Tiện dẫn một đội nghĩa binh tiến đánh đồn Trà My và cướp được đồn, bọn lính khố xanh sống sót tháo chạy vào rừng. Nguyễn Tình chỉ huy một đội nghĩa binh đánh chiếm đồn Thương Chánh Hiệp Hòa. Trần Huỳnh, Trần Ni và Trầm Tùng Vân (người Minh Hương) chỉ huy một đội nghĩa binh lớn có nhiệm vụ đánh chiếm phủ đường Tam Kỳ và đồn Đại lý Pháp.

Do kế hoạch khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội bị bại lộ

¹ Trần Đức Thanh Phong và ctv. *Kỷ niệm 100 năm Phong trào Đông du*. Đông Kinh, Nhật Bản: Tân Văn, 2005. tr. 117.

tại kinh đô, nên Đại lý Pháp và Tri phủ Tam Kỳ đã biết trước nên đã trốn tránh đi nơi khác và tìm cách bảo vệ phủ đường Tam Kỳ. Nghĩa binh trước tiên tấn công Tòa Đại lý Pháp có đồn lính khổ xanh ở đây, nhưng không thấy địch chống cự. Nghĩa binh đã chiếm được đồn, phá kho và chỉ thu được một số đạn, quần áo và vài khẩu súng hỏng. Nghĩa quân lặng lẽ tiến đến bao vây phủ đường trong đêm khuya, nhìn bên ngoài im lìm như không hề hay biết gì, nhưng thực ra quân địch đã tập trung lực lượng binh lính của toàn phủ Tam Kỳ tại đây và bố trí quân phục kích để đánh trả.

Khi Trịnh Uyên, chỉ huy đội nghĩa binh Kim Đái leo lên cột cờ của phủ đường để thay thế lá cờ Quê ly bằng lá cờ Ngũ tinh thì bị một loạt đạn làm tử thương. Súng từ các ngõ ngách trong các công thự của phủ đường bắn ra xối xả vào nghĩa binh. Bị đánh bất ngờ, các nghĩa binh đã dựa vào địa hình, địa vật phản kích quyết liệt, nhưng do tương quan lực lượng của địch mạnh hơn, sau tám giờ làm chủ phủ lý Tam Kỳ, nghĩa binh không chống cự nổi, phải rút lui. Quân địch đã bắt được 31 nghĩa binh trong đó phần lớn là chỉ huy, cốt cán gồm có Trần Huỳnh, Trần Tùng Vân, Trần Thu, Trần Khuê... Trần Ni không bị bắt lánh về quê ngoại ở núi đất tại làng Quảng Phú. Những người bị bắt bị Pháp chuyển về Nhà lao Hội An chiều ngày 6.5.1916. Trong nhà lao, Trần Huỳnh luôn luôn động viên các bạn chiến đấu vững ý chí và khẳng khái nhận hết trách nhiệm về mình trước bọn mắt thám Pháp.

Sau khi rút lui trong đêm 3.5.1916, các đội nghĩa binh còn lại đã phân tán về các làng mình. Sáng hôm sau, thực dân Pháp điều thêm quân từ Hội An đến và tiến hành việc lùng sục các tổng, các làng để vây bắt nghĩa binh. Một số nghĩa binh đã bỏ làng rút vào rừng để ẩn tránh. Sau nửa tháng trời, quân Pháp mới dẹp yên được nghĩa binh và đưa lại trật tự an ninh trong phủ Tam Kỳ. Giặc bắt bớ tràn lan trên 500 người đưa về phủ đường tra tấn. Nhân cơ hội ngày, tri phủ Tam Kỳ tìm cách bắt bớ, hành hạ nhân dân. Vợ con, thân nhân của những nghĩa binh bị bắt đều bị quy tội liên can và bị đóng gông giải về nhà lao phủ đường để tra hỏi. Cả những nho sĩ trước đây hay làm thơ đã kích bọn tham quan ô lại và cả những người giàu có ở địa phương

cũng bị bắt để tổng tiền. Đang giữa trưa hè nắng chang chang, bọn lính lệ trong phủ bắt những người này phải đeo gông tạ, quỳ trên gai xơ mít giữa sân để buộc họ hối lộ cho chúng. Tuy bị đàn áp dã man nhưng các nghĩa binh và đồng bào vẫn vững vàng khí tiết trước đòn tra tấn của chúng. Ngày 27.5.1916, Tòa án hình sự Quảng Nam mở phiên tòa xét xử Trần Huỳnh và kết án ông hình phạt xử chém “trảm giam hậu” và đưa đi đày tại ngục Buôn Ma Thuột. Sau đó, ngày 3.6.1916, ông bị xử chém tại Chợ Củi gần tỉnh lỵ La Qua (nay thuộc xã Điện Phương, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Trước khi thọ hình, ông vẫn hiên ngang vẫy chào mọi người và hô vang: “Dòng giống Lạc Hồng thiên thu! Việt Nam vạn tuế!”.

Đối với Trần Ni, thực dân đã tổ chức cuộc truy lùng ráo riết sau ba tháng mới bắt được ông. Chúng kết án tử hình ông và xử chém ông cũng tại Chợ Củi, một chợ lớn của tỉnh Quảng Nam. Còn Trần Siêu (làng Hạ Thanh, Tam Thanh) đã quyên sinh trong nhà lao Hội An. Trầm Tùng Vân bị kết án chung thân, bị đày đi ngục Buôn Ma Thuột. Những người bị kết án 3 năm tù trở lên, bị đi đày ở nhà lao Lao Bảo gồm có Nguyễn Tình (làng An Hòa, Tam Hải), Trần Thu (làng Ngọc Mỹ, Tam Phú), Lương Đình Thự (làng Phú Thượng), Nguyễn Châu Ân (làng Tam Quý, Tam Phú), Nguyễn Kế (làng Vân Trai, Tam Hiệp), Trần Cang (làng An Mỹ Đông, Tam An), Trần Khuê (làng Cây Cốc), Lê Tiệp (làng Thạnh Bình), Lê Cơ (làng Phú Lâm), Nguyễn Buốt (làng Khương Mỹ), Lê Ngạn (làng Trung Đàn Thượng), Ngô Đối... Những người bị kết án dưới 3 năm tù giam tại nhà lao Hội An, gồm có Võ Dương (làng Khương Mỹ, Tam Xuân), Nguyễn Lược (làng Diêm Trường, Tam Anh), Bùi Quang Ngọc (làng Phú Ninh, Tam Ngọc)... Sau cuộc bạo động vũ trang đó, cuối năm 1916, Khâm sứ Trung Kỳ và triều đình Huế đã quyết định tách phần đất phía tây rộng lớn của phủ Tam Kỳ thành lập huyện Tiên Phước để dễ bề kiểm soát và cai trị.

Có thể khẳng định sự kiện đêm mùng 3.5.1916 tại phủ Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam là cuộc nổi dậy duy nhất của cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội. Cuộc nổi dậy vũ trang đã xảy ra tại phủ Tam Kỳ là một thực tế lịch sử, là một cuộc khởi nghĩa với đầy đủ tính chất

của nó do Việt Nam Quang phục hội lãnh đạo, đã để lại một dấu ấn sâu sắc trong truyền thống cách mạng chống Pháp của xứ Quảng địa linh nhân kiệt mà người dân Quảng có quyền tự hào.

Cuộc khởi nghĩa do Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ bị bại lộ từ trước nên thất bại ở kinh đô Huế và các tỉnh, thực dân Pháp đã bắt và đày vua Duy Tân ra đảo Réunion, thuộc địa của Pháp ở Đông Phi. Trong nhà lao Huế, Trần Cao Vân và Thái Phiên vẫn giữ vững tinh thần. Trước khi lên đoạn đầu đài, Trần Cao Vân đã gửi lại niềm tin cho hậu thế bằng những vần thơ giàu nghĩa khí:

*Giữa trời đứng vững không nghiêng
Nghìn năm nước Việt còn truyền sử xanh
... Người thù non nước còn đây
Trời xanh với tấm lòng này tương tri.*

Ngày 16.4 năm Bính Thìn (tức 17.5.1916), Cống Chém An Hòa tại Huế đã ghi nhận khí phách anh hùng vì nước của Thái Phiên và Trần Cao Vân, cùng với hai đồng chí trung kiên của ông là Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu.

3. Giá trị lịch sử cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội

Tuy thất bại, nhưng khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội, đặc biệt là ở xứ Trung Kỳ đã tạo nên một giá trị lịch sử to lớn. Nó không phải chỉ là một cuộc bạo động như nhiều người vẫn nhầm tưởng. Nó là một cuộc khởi nghĩa vũ trang có người lãnh đạo, có tôn chỉ hành động rõ ràng. Khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội đã để lại nhiều giá trị lịch sử to lớn:

- Đấu tranh để giành được độc lập dân tộc

Hướng đi ban đầu của Việt Nam Quang phục hội vạch ra là khuấy động phong trào, kêu gọi lòng yêu nước của nhân dân bằng những cuộc oanh tạc với quy mô vừa và nhỏ nhằm vào những nhân vật chủ chốt của thực dân Pháp. Thời gian đầu đã gây được tiếng vang và thanh thế khiến thực dân Pháp lo sợ và tìm cách đàn áp. Rõ ràng trong hoàn cảnh một nước thuộc địa mà bất cứ một sự phản kháng hòa bình nào cũng bị đàn áp dã man thì việc dùng bạo lực cách

mạng để dập tắt bạo lực phản cách mạng là con đường đúng đắn để giành thắng lợi.

Sau khi Phan Bội Châu bị bắt giữ, phong trào Việt Nam Quang phục hội diễn ra mạnh mẽ ở miền Trung dưới sự chỉ huy của Trần Cao Vân, Thái Phiên và vua Duy Tân. Với tôn chỉ đã có sẵn từ trước, Hội vẫn kiên trì tư tưởng đấu tranh vũ trang để giành được độc lập. Dù lực lượng tương quan rất lớn nhưng quân và dân ta vẫn kiên cường đấu tranh bất khuất vì các chí sĩ yêu nước nhận ra trong tình trạng đất nước lúc bấy giờ, bạo động vũ trang là con đường duy nhất để giành được độc lập.

- Phát huy sức mạnh nội lực của đất nước, đoàn kết chống lại cường quyền

Trong đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc, chủ trương làm cách mạng bạo lực nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa dân tộc ta và thực dân Pháp là khuynh hướng chủ đạo trong tư tưởng của Phan Bội Châu. Đối với Phan Bội Châu, cứu nước, giải phóng dân tộc là mục đích tối cao, nhất quán trong mọi suy tư và hoạt động chính trị của mình. Theo ông, để thực hiện mục đích này cần phải có một nguồn lực cần thiết để lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp, trước hết là nguồn lực trong nước - nguồn nội lực. Nguồn lực trong nước là cái giữ vai trò quyết định, còn ngoại viện, một trong những yếu tố của nguồn lực nước ngoài - ngoại lực chỉ làm thanh thế cho nội lực mà thôi, lực lượng bên ngoài phải thông qua lực lượng bên trong mới phát huy được tác dụng của nó. Tư tưởng của Phan Bội Châu là vừa tranh thủ và phát huy sức mạnh nội lực, vừa tranh thủ, tận dụng những cơ hội từ bên ngoài.

Song song với tận dụng sức mạnh nội lực và ngoại lực thì cũng phải cùng đồng lòng thì mới cùng sức, cùng sức thì mới mạnh, mạnh thì mới chiến thắng được quân thù, còn khi lòng đã chia lìa thì tất sẽ thất bại. Việt Nam Quang phục hội ngay từ đầu đã xác định phải có sự phối hợp nhất trí nên đã tiến hành trên cả ba miền Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ nhằm mục tiêu cùng nhau tiến hành các cuộc đấu tranh vũ trang để giành lại chính quyền. Ở Trung Kỳ, từ Huế trở vào Bình

Định, nhất là ở cái nôi Quảng Nam - Quảng Ngãi, phong trào phát triển mạnh mẽ. Toàn dân đoàn kết thống nhất một lòng, quyết sống mái với kẻ thù. Đa số các sĩ phu và nhân dân Nam Trung bộ lúc bấy giờ với lòng yêu nước, căm thù giặc sâu sắc đã nhanh chóng tán thành và hưởng ứng phong trào yêu nước có lợi cho sự nghiệp giải phóng đất nước.

- Tổ chức cách mạng phải chính quy, tinh nhuệ, chặt chẽ

Tổ chức đấu tranh cách mạng theo tư tưởng, đường lối, chính sách của Phan Bội Châu ban đầu tương đối chính quy và chặt chẽ. Theo đó, Phan Bội Châu tự đảm nhận làm phó hội chủ cùng là đại diện Trung Kỳ, Nguyễn Thượng Hiền là đại diện Bắc Kỳ, và Nguyễn Thân Hiền là đại diện Nam Kỳ. Ba ông là thành phần “Bình nghị Bộ” của Hội. Mười thành viên khác là “Chấp hành bộ” để lo việc điều hành gồm:

- Quân vụ Ủy viên: Hoàng Trọng Mậu và Lương Ngọc Quyến
- Kinh tế Ủy viên: Đặng Tử Kính và Mai Lão Bạng.
- Giao tế Ủy viên: Lâm Đức Mậu và Đặng Bình Thành
- Văn hóa Ủy viên: Phan Bá Ngọc và Nguyễn Yên Dực
- Thư vụ Ủy viên: Đinh Tế Dân và Phan Quý Chức

Thành phần trong nước có ba ủy viên đảm nhiệm ba kỳ: Bắc Kỳ là Đặng Xung Hồng (Đặng Hữu Bằng), Trung Kỳ là Lâm Quảng Trung (Võ Quang), và Nam Kỳ là Đặng Bình Thành. Trụ sở Hội đặt ở Quảng Châu, Trung Quốc. Đội quân thành lập lấy tên là “Quang phục quân” có sách nội quy với tên “Quang phục quân Phương lược” hơn 100 trang do Phan Bội Châu và Hoàng Trọng Mậu soạn. Rõ ràng với điều kiện thực tế lúc bấy giờ thì tổ chức quân sự của cụ Phan tương đối hoàn chỉnh, chính quy.

Tuy nhiên, sự chặt chẽ thì vẫn còn bỏ dở bởi trong nội bộ vẫn có nội gián. Chương trình nổi dậy, người lãnh đạo, phương thức hành động... của Hội đã bị lộ ra ngoài ngay trước khi cuộc khởi nghĩa nổ ra. Một số cá nhân vì mưu cầu danh lợi đã tiết lộ bí mật tổ chức cho

thực dân Pháp, gây nên tổn thất về lực lượng cho quân ta vì bị phục kích, người lãnh đạo tối cao bị bắt bớ, giết hại, đày ải... Bài học lịch sử đau thương này cho chúng ta kinh nghiệm về tổ chức chính trị cần phải chặt chẽ hơn, loại bỏ nội gián, bảo toàn bí mật quân sự, quân dân từ trên xuống dưới đồng lòng đồng sức thì mới có thể đánh bại được quân thù.

Với đường lối cách mạng của Phan Bội Châu, với tinh thần yêu nước, thề trung kiên với Tổ quốc, Việt Nam Quang phục hội, dù còn non trẻ, đã tạo được tiếng vang lớn trong một thời gian dài ở dải đất miền Trung, gây nao núng, khiếp sợ cho thực dân Pháp. Đi trong những ngày tháng 5 lịch sử này, chúng ta càng thêm tự hào về sự kiện bi hùng diễn ra trên dải đất miền Trung vào tháng 5 năm 1916, về ngày hi sinh anh dũng đầy nghĩa khí của Thái Phiên - Trần Cao Vân và những anh hùng áo vải của tổ chức Việt Nam Quang phục hội. Cho đến hôm nay, bài học về tinh thần yêu nước, về con đường cách mạng, về đoàn kết phát huy sức mạnh của dân tộc chống ngoại bang cường quyền của tổ chức Việt Nam Quang phục hội vẫn sẽ còn nguyên giá trị cho lớp hậu bối vận dụng và phát huy./.

NTMT

VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI VÀ CUỘC KHỞI NGHĨA TAM KỲ (1916) GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - NGUYÊN NHÂN THẤT BẠI

TS. HOÀNG THỊ NHƯ Ý*

Cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, lịch sử Việt Nam có nhiều biến đổi to lớn. Thực dân Pháp xâm lược và biến nước ta thành một nước thuộc địa, nửa phong kiến. Trái ngược với sự bạc nhược, thiếu kiên quyết, “thủ để hoà” của một bộ phận vua quan nhà Nguyễn, phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân vẫn diễn ra rất quyết liệt với nhiều con đường cứu nước khác nhau, nhưng cùng chung một mục đích giành độc lập dân tộc. Một số sĩ phu yêu nước đương thời đã có bước chuyển tư tưởng mới cao hơn về chất, từ bỏ dần ý thức hệ phong kiến, tìm đến với hệ tư tưởng mới cho dân tộc - *Tư tưởng dân chủ tư sản*, từ bỏ chế độ quân chủ tiến đến một mô hình nhà nước mới “*chính thể dân chủ cộng hòa*”. Tiêu biểu như Việt Nam Quang phục hội - một tổ chức cách mạng do Phan Bội Châu - nhà chính trị xuất sắc, tiêu biểu nhất của hai thập niên đầu thế kỷ XX, đề xướng và thành lập vào tháng 2 năm 1912 tại Quảng Đông (Trung Quốc).

Trong quá trình tồn tại và hoạt động, Việt Nam Quang phục hội đã xây dựng được các tổ chức cơ sở trên địa bàn cả nước, thực hiện nhiều cuộc bạo động và đặc biệt là tổ chức chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa ở miền Trung, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Phủ Tam kỳ tháng 5.1916, để lại những giá trị lịch sử nhất định và bài học kinh nghiệm rút ra từ sự thất bại của cuộc khởi nghĩa này.

1. Giá trị lịch sử cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội

Trước hết, những hoạt động của Việt Nam Quang phục hội và sự bùng nổ của cuộc khởi nghĩa Tam Kỳ tuy không giành được thắng

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Đà Lạt.

lợi, nhưng với đường lối táo bạo đã thức tỉnh dân chúng “phát tiết những cảm hờn đang nung nấu”. Thể hiện được tính liên tục trong ý chí đấu tranh theo khuynh hướng cách mạng bạo lực chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam nói chung và nhân dân Quảng Nam nói riêng.

Việt Nam Quang phục hội ra đời khi cách mạng nước ta đang ở vào giai đoạn thoái trào, thực dân Pháp và phong kiến tay sai đẩy mạnh khủng bố trắng, bắt bớ tàn sát đẫm máu. Sau thất bại của các phong trào như Đông du, Duy tân, chống thuế ở Trung Kỳ, vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội... phong trào cách mạng trong nước tạm thời lắng xuống. Từ thực tế đó, Việt Nam Quang phục hội ra đời với những hoạt động như coi trọng việc xây dựng “chiến lược biên giới” với phong trào 100 tay súng, tiến hành nhiều cuộc bạo động như tấn công phá ngục Lao Bảo ở Quảng Trị; ném tạc đạn vào khách sạn Gà Trống Vàng trên phố Tràng Tiền Hà Nội; chuẩn bị kế hoạch thực hiện khởi nghĩa vũ trang ở Trung bộ, và khởi nghĩa đã nổ ra ở phủ Tam Kỳ tháng 5.1916 gây được tiếng vang lớn “gọi tỉnh hồn nước”¹, khuấy lên dư luận trong và ngoài nước. Điều đó chứng tỏ tinh thần quật khởi quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược không chịu làm nô lệ luôn âm ỉ cháy trong lòng mỗi người dân đất Việt không bao giờ tắt. Kế hoạch tiến hành khởi nghĩa vũ trang của Việt Nam Quang phục hội ở miền Trung nói chung và phủ Tam Kỳ nói riêng là một minh chứng cho sự kiên trì chủ trương dùng bạo lực cách mạng để dập tắt bạo lực phản cách mạng đánh đổ cường quyền, giải phóng đất nước.

Quá trình chuẩn bị và sự bùng nổ của cuộc khởi nghĩa Tam Kỳ là một thực tiễn sinh động bổ sung vào hệ thống lý luận sơ khai về bạo lực cách mạng mà cụ Phan là người đầu tiên xây dựng theo các bước: Đầu tiên là xây dựng lực lượng vũ trang đến chuẩn bị mua sắm vũ khí và bước cuối cùng là vận động binh lính tham gia khởi nghĩa. Phương châm này đã được thể hệ các nhà cách mạng vô sản sau này, đặc biệt là Đảng Cộng sản, tiếp tục khẳng định tính đúng đắn của nó và kế thừa phát triển lên.

¹ Dương Kinh Quốc, Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918), Hà Nội, NXB. Giáo Dục, 2001, tr. 355.

Thứ hai, hoạt động của Việt Nam Quang phục hội và việc lãnh đạo chuẩn bị phát động khởi nghĩa ở miền Trung đã có sự đóng góp nhất định vào quá trình tạo dựng lực lượng để giành độc lập tự do, kết hợp tìm kiếm sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại của dân tộc Việt Nam trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể.

Nếu như ở phong trào Đông du trước đó mở rộng hoạt động ra bên ngoài với phương châm và thủ đoạn xuất dương tìm ngoại viện về quân sự ở đế quốc Nhật thì Việt Nam Quang phục hội tiếp bước theo lên một mức cao hơn trong nhận thức; Phan Bội Châu đã chủ trương tìm kiếm nguồn nhân lực gắn với mục tiêu, hoàn cảnh cụ thể đã thay đổi lúc bấy giờ. Ở đây đã có sự hình thành tư tưởng liên kết quốc tế với cách mạng Trung Quốc và các dân tộc trên thế giới cùng “đồng bệnh với chúng ta”. “Thừa cơ hội cách mệnh Tàu thành công, mượn tay người Tàu mà xoay chuyển một cuộc cách mệnh mới khác”². Để nhằm tạo thêm uy tín quốc tế, hướng đến sự giúp đỡ bên ngoài, Phan Bội Châu đã cùng các chí sĩ Trung Hoa lập ra “Chấn Hoa hưng Á”. Trong kế hoạch bàn thảo chuẩn bị khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền Trung thể hiện rõ việc nỗ lực tìm kiếm sự ủng hộ từ người Đức, chuyển lối tư duy cùng chung kẻ thù tức là bạn bè, các nhà lãnh đạo Việt Nam Quang phục hội đã tìm kiếm mọi khả năng, mọi cơ hội dù là nhỏ nhất để tạo ra lực lượng, như tận dụng địa bàn hoạt động ở hải ngoại để triển khai các hoạt động đấu tranh giải phóng dân tộc khi điều kiện trong nước không thuận lợi. Liên hệ với Sứ quán Đức ở Xiêm yêu cầu giúp đỡ về vũ khí, tài chính. Từ thực tế thất bại của các phong trào trước đó đã cho thấy rằng: nếu muốn giành thắng lợi không thể xem nhẹ vấn đề binh lực và binh khí với giải pháp hữu hiệu nhất là cầu ngoại viện. Từ những cố gắng không mệt mỏi đó, cuối năm 1915, các nhà ngoại giao của Đức đã phát tín hiệu liên lạc, đề nghị được gặp lãnh tụ của phong trào yêu nước Việt Nam, và trong cuộc gặp giữa Nguyễn Thượng Hiền với lãnh sự người Đức tại Băng Cốc, phía Đức đã tặng cho Việt Nam Quang phục hội một vạn đồng để mua vũ khí. Rõ ràng, tư tưởng hướng ngoại ở đây đã có bước phát triển vượt qua những sai lầm trước đây, tiến dần đến sát

² Phan Bội Châu toàn tập, tập 6, NXB. Thuận hóa, 2000, tr 215.

với thực tế hơn... Điều đó còn được thể hiện rõ trong cuộc họp sơ bộ các đại diện miền Nam Trung bộ tại Điện Bàn vào tháng 2.1916 bàn về kế hoạch khởi nghĩa do Thái Phiên và Trần Cao vân chủ trì đã đưa ra chủ trương đường lối của đoàn thể gồm 3 điểm: “phối hợp công tác cách mạng hải ngoại; đặt mối bang giao với người Đức; tổ chức một cuộc bạo động để lật đổ chính phủ bảo hộ và thiết lập chính quyền lâm thời...”³. Những hoạt động thực tiễn đó đã để lại bài học quý báu cho các thế hệ sau nối bước tiếp theo trên con đường thực hiện sự nghiệp giải phóng dân tộc và cho cả chúng ta hôm nay trong việc đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với thực tiễn của xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

Thứ ba, Khởi nghĩa vũ trang của Việt Nam Quang phục hội ở miền Trung nói chung và phủ Tam Kỳ nói riêng nổ ra đêm mùng 3.5.1916, giữ một vị trí kết nối, chuyển tiếp giữa thế hệ trước - sau, giữa cũ - mới trong phong trào đấu tranh bất khuất với lòng yêu nước nồng nàn của dân tộc Việt Nam nói chung và nhân dân Quảng Nam nói riêng.

Biết bao người con ưu tú của vùng đất Quảng Nam có tên và không tên đã từng ghi những dấu ấn vẻ vang trong trang lịch sử vàng của dân tộc. Từ Trần Quý Cáp, Trần Huỳnh, Phan Thúc Duyện, Mai Dị là những chiến sĩ tiêu biểu đi đầu trong phong trào Duy tân; đến Trần Cao Vân, Lê Đình Dương, Phan Thành Tài, Trần Ni, Trần Huỳnh, Lê Ngạn, Lê Tiệp, Trịnh Uyên, Trần Thu, Võ Dương, v.v... đều là những người con ưu tú tham gia Việt Nam Quang phục hội. Những chiến sĩ cách mạng đó luôn mang trong mình dòng “Máu nóng phục thù sôi lên sùng sục”, với lòng căm thù giặc sâu sắc, sẵn sàng vùng lên dũng cảm chiến đấu tới giọt máu cuối cùng cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Những người lãnh đạo khởi nghĩa ở cả hai trung tâm khởi nghĩa là Huế và Quảng Nam như vua Duy Tân, Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài,... đều bị bắt nhưng mãi mãi là tấm gương trung thành và dũng cảm hy sinh vì sự nghiệp chung, là niềm

³Nguyễn Văn Thiệt (biên soạn): “Nhân vật lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. NXB. Quân đội Nhân dân, 2013, tr 155.

tự hào của quê hương đất nước. Khi biết chắc chắn không tránh khỏi cái chết, Thái Phiên đã tìm mọi cách ghi lại các điều cần thiết gửi tới Phan Thành Tài - người mà ông tin tưởng sẽ tiếp tục sự nghiệp yêu nước của Việt Nam Quang phục hội. Nhưng rất tiếc Phan Thành Tài và hàng chục chiến sĩ của Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Nam đều sa vào tay giặc và đều bị “*chiếu án trăm quyết*”⁴. Thái Phiên, Trần Cao Vân và nhiều người trong đội thị vệ của Duy Tân bị chém ở Huế vào ngày 17.5.1916. Riêng vua Duy Tân bị lưu đày ở đảo Réunion.

Rõ ràng kế hoạch khởi nghĩa ở miền Trung và cuộc khởi nghĩa nổ ra ở Tam Kỳ đầu tháng 5.1916 đã nhanh chóng bị dập tắt, Việt Nam Quang phục hội bị tổn thất nặng nề, nhưng từ trong thất bại đó đã tạo ra những tiền đề mới, những bài học vô giá cho các thế sau tiếp tục mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử yêu nước cách mạng Việt Nam. Có thể xem nó đóng vai trò trong việc “chuyển giao thế hệ”, chuyển giao từ “kiểu cũ” sang “kiểu mới” trong phong trào cách mạng Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Chính từ sự bế tắc của Việt Nam Quang phục hội, sự thất bại của cuộc khởi nghĩa ở miền Trung và phủ Tam Kỳ đã góp phần trong việc thúc đẩy tầng lớp thanh niên trí thức có khuynh hướng dân chủ tư sản ở miền Trung nói riêng và trên cả nước nói chung đi tìm một con đường cứu nước mới, bồi đắp thêm vào “miếng đất màu mỡ” của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, dẫn đến sự xuất hiện tổ chức “Tâm Tâm Xã” năm 1923 và hội “Phục Việt” năm 1925; cùng với “tiếng bom Sa Diện” đã làm choáng váng kẻ thù, làm cầu nối cơ sở cho Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh Niên đưa thanh niên yêu nước Việt Nam đến với chủ nghĩa Mác - Lênin.

2. Nguyên nhân thất bại

Thất bại của Việt Nam Quang phục hội trước hết là ở đường lối vận động và tổ chức phong trào của những người đứng đầu, chính Phan Bội Châu đã thừa nhận rằng: “Sau này nghĩ lại... kế hoạch này

⁴ Nguyễn Phước Tương: “cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916”.

hoang đường quá , bởi vì trong nước không có tổ chức kinh dinh gì mà chỉ có hư trương ngoại lực, vạn sự ỷ nhân. (hư trương thế lực bên ngoài, trăm nghìn sự việc đều dựa vào người khác). Xưa nay đông - tây tuyệt không một đảng cách mệnh nào chỉ là *đoàn ăn mày* mà thành công được”⁵. Phan Sào Nam chưa nhận ra ngay từ đầu bản chất đích thực của chủ nghĩa đế quốc, chưa nhận thức được về đối tượng và động lực của cách mạng, nhìn nhận mâu thuẫn giữa dân tộc ta và thực dân Pháp là mâu thuẫn giữa hai chủng tộc da trắng và da vàng, ngộ nhận bạn bè là “đồng chủng đồng văn” rồi cùng “đồng bệnh”. Những người lãnh đạo Việt Nam Quang phục hội cho rằng: nước Đức có thù với Pháp nên sẽ hiểu và đồng tình với cuộc đấu tranh chống pháp của nhân dân Việt Nam, do đó nên “kết với Đức làm một cánh”. Bởi vậy trong cuộc đời hoạt động của mình Phan Bội Châu đã “100 lần thất bại mà không một lần thành công”⁶. Mặt khác, Phan Bội Châu - người sáng lập và là lãnh đạo tối cao của Việt Nam Quang phục hội chưa được trang bị đầy đủ về lý luận cũng như phương pháp đấu tranh khi kẻ thù còn mạnh. Những vụ bạo động nổ ra với kết quả thu được không nhiều nhưng đã phải trả một giá quá đắt bởi sự đàn áp của kẻ thù. Phan Bội Châu bị bắt giam từ tháng 2.1913-1917 là một tổn thất vô cùng to lớn cho Việt Nam Quang phục hội nói chung cũng như trong cuộc đời hoạt động cách mạng của cụ.

Mặt khác, sự thất bại của cuộc khởi nghĩa do Việt Nam Quang phục hội tổ chức và lãnh đạo ở miền Trung nói chung, nổ ra ở phủ Tam Kỳ nói riêng do chưa có một chính Đảng của giai cấp tiên phong lãnh đạo vì thế không vạch ra được một đường lối cách mạng khoa học, không tuân thủ triệt để theo những nguyên tắc của một cuộc khởi nghĩa vũ trang.

Quy tắc đầu tiên của một cuộc khởi nghĩa vũ trang như chủ nghĩa Mác-Lênin đã nêu: *“Khởi nghĩa không được dựa vào một âm mưu, một chính đảng mà phải dựa vào giai cấp tiên phong”*⁷, ở đây

⁵ Phan Bội Châu toàn tập, tập 6, NXB. Thuận Hóa, 2000, tr 210.

⁶ Phan Bội Châu toàn tập, Tập 6, NXB. Thuận Hóa, 2000, tr 224.

⁷ <https://www.macxists.org.lenin>.

ngay từ đầu chủ trương tiến hành khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội được truyền đạt trong cuộc họp sơ bộ tại Điện Bàn tháng 2.1916 gồm các đại diện miền Nam Trung bộ đã cho thấy: Khởi nghĩa nổ ra chủ yếu hành động theo những suy nghĩ chủ quan của những người cầm đầu với “vốn liếng” quá nghèo về tri thức cách mạng.

*“Khởi nghĩa phải dựa vào cao trào cách mạng của quần chúng nhân dân”*⁸, nhưng ở đây trong kế hoạch khởi nghĩa, hai điểm chính đặt lên hàng đầu đều dựa vào lực lượng bên ngoài “chủ trương đường lối của đoàn thể gồm 3 điểm: phối hợp công tác cách mạng hải ngoại; đặt mối bang giao với người Đức; tổ chức một cuộc bạo động để lật đổ chính phủ bảo hộ và thiết lập chính quyền lâm thời”⁹. Như vậy, Việt Nam Quang phục hội tiến hành khởi nghĩa với lực lượng chủ yếu trông chờ ở bên ngoài “vận động viện trợ của 2 nước Đức và Áo về vật chất và tranh thủ sự ủng hộ của diễn đàn quốc tế từ tổ chức hải ngoại của Việt Nam Quang phục hội”¹⁰.

Rõ ràng những người lãnh đạo Việt Nam Quang phục hội chưa nhận ra được sự cần thiết căn bản nhất của việc kết hợp giữa cầu viện bên ngoài và sức mạnh bên trong thì yếu tố quyết định chính là nội lực; là sự kiên trì tổ chức vận động quần chúng, tập trung bồi dưỡng “thực lực trong nước” mới là yếu tố quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng cứu nước cứu dân. Những người lãnh đạo chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của quần chúng nhân dân, nhất là đối với giai cấp nông dân - một lực lượng chiếm tới 90% dân số ở một nước thuộc địa như nước ta trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Khi quyết định tiến hành khởi nghĩa thì lực lượng chính của cuộc khởi nghĩa mà những người lãnh đạo hướng đến là số thanh niên được gọi nhập ngũ chỉ mới được “huấn luyện sơ trước khi xuống tàu sang Pháp” chưa nhận thức nhiệm vụ cách mạng và tầm quan trọng của cuộc khởi nghĩa... lòng căm thù của họ chỉ mới ở mức độ “ca thán” do bị cưỡng bức bắt lính. Do đó, cuộc khởi nghĩa này thiếu hẳn một cơ sở rất quan

⁸ <https://www.macxists.org/lenin>.

⁹ <https://vi.m.wikipedia.org>. Việt Nam Quang phục hội.

¹⁰ <https://vi.m.wikipedia.org>. Việt Nam Quang phục hội.

trọng sâu rộng trong nhân dân làm chỗ dựa nên tan rã nhanh chóng trước sự khủng bố của kẻ thù. Khởi nghĩa nổ ra “không dựa vào quảng đại quần chúng thì nhất định sẽ thất bại”¹¹.

Quy tắc thứ 3 của một cuộc khởi nghĩa vũ trang “*phải dựa vào một bước ngoặt trong lịch sử, là khi mà tính tích cực của quần chúng lên cao nhất và hàng ngũ địch bị phân tán lớn; tập hợp ở một điểm quyết định, một thời cơ quyết định những lực lượng ưu thế lớn*”¹². Trên thực tế một số người lãnh đạo Việt Nam Quang phục hội đã nôn nóng muốn tiến hành khởi nghĩa ngay từ cuối năm 1914, đầu năm 1915 khi Chiến tranh Thế giới thứ nhất nổ ra kéo nước Pháp vào vòng tham chiến, nhưng chưa được sự thống nhất chung giữa các Kỳ bộ nên kế hoạch lùi lại. Sang năm 1916, quyết định tiến hành khởi nghĩa vũ trang trong khi vẫn chưa làm được 2 giai đoạn đầu là “xây dựng lực lượng vũ trang” và “Chuẩn bị khởi nghĩa”, tức là đã đốt cháy giai đoạn. Có thể xem cuộc khởi nghĩa này “bị ép” nổ ra khi tình thế và điều kiện cần thiết chưa hề xuất hiện. Tình hình lúc đó các cơ sở của Việt Nam Quang phục ở miền Bắc sau các cuộc bạo động bị thực dân Pháp khủng bố tổn thất nặng nề. Những người đứng đầu các kỳ hội ở miền Trung bất đồng nhau, chưa thống nhất về quan điểm giữa quân chủ và dân chủ. Chính Trần Cao Vân đã thừa nhận: “Hiện nay sự lãnh đạo của Việt Nam Quang phục hội chưa được chặt chẽ, lòng người còn đương phân vân. Chúng ta muốn cử hành đại sự phải rước vua Duy Tân tham gia cách mệnh để thu phục nhân tâm”...; “Nhiệm vụ cấp bách của chúng ta là phải lợi dụng cơ hội ngàn năm một thừa sắp xảy ra để lật đổ người Pháp thu hồi nền độc lập cho quê hương”¹³. Việc xác định sai thời cơ, sự phân tán lực lượng “ở quanh thành Huế, xuất hiện nhiều tốp nghĩa quân - mỗi tốp chừng 50 đến 80 người đóng rải rác khắp các cánh đồng, sẵn sàng chờ lệnh tấn công thành Huế;” “Quảng Nam có khoảng 250 đến 300 nghĩa binh, chia làm hai nhóm”, dự định “dựa vào 2500 lính đang tập dượt ở Huế, 1500 lính ở Đà

¹¹ Trần Văn Giàu, Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám, NXB. KHXH, Hà Nội, 1973.

¹² <https://www.marxists.org/lenin>.

¹³ <https://vi.wikipedia.org>. Việt Nam Quang phục hội.

Năng tiến hành khởi nghĩa ở kinh thành Huế”¹⁴ và phần lớn các tỉnh miền Trung, lại đặt trọn niềm tin giao trọng trách quan trọng cho viên đại tá Harmandes người Đức để rồi “vô tình” làm lộ kế hoạch khởi nghĩa dẫn đến sự thất bại từ trong “trứng nước” là không thể tránh khỏi như Lenin đã từng cảnh báo “không bao giờ đùa với khởi nghĩa” và “Khởi nghĩa vũ trang chỉ thắng lợi khi thời cơ cách mạng chín muồi”¹⁵.

Ngoài ra cuộc khởi nghĩa ở Tam Kỳ vẫn nổ ra như dự định mặc dù không thấy tín hiệu bằng ngọn lửa trên đèo Hải Vân như đã giao ước, vì thế nghĩa quân đã bị lọt vào bẫy giăng sẵn của kẻ địch. Điều đó chứng tỏ sự phối hợp giữa trung tâm chỉ huy và các cứ điểm lỏng lẻo. Những người tổ chức lãnh đạo khởi nghĩa còn non yếu về sự phán đoán tình hình thực tiễn, dự đoán những bất trắc có thể xảy ra để rút lui bảo toàn lực lượng khi cần thiết. Tình hình khi nghĩa quân tấn công tòa đại lý Pháp chiếm được đồn có lính khố xanh ở một cách dễ dàng, không thấy địch chống cự gì, chiến lợi phẩm thu được “chỉ có quần áo và vài khẩu súng hỏng” mà nghĩa quân vẫn không chút nghi ngờ, tiếp tục “tiến đến bao vây phủ đường trong đêm khuya” nên rơi vào ổ phục kích “Súng từ các ngõ ngách trong các công thự của phủ đường bắn ra xối xả vào nghĩa binh” và kết cục không thể tránh khỏi thất bại sau tám giờ chống cự, những người cầm đầu bị địch bắt gọn. Các sĩ phu yêu nước Trần Thu, Cai Chùy, Lương Đình Thự, Nguyễn Thước, Nguyễn Châu Ân đều bị thực dân Pháp bắt tử hình hoặc bị đày đi khổ sai ở nhà tù Lao Bảo¹⁶.

Như vậy từ những hạn chế cụ thể như đã phân tích ở trên cho thấy cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội ở miền Trung nói chung và nổ ra ở phủ Tam Kỳ nói riêng thất bại là điều không thể tránh khỏi.

¹⁴ Nguyễn Văn Thiét (Biên tập): *Nhân vật lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, NXB. Quân đội Nhân dân, 2013, tr 151.

¹⁵ <https://www.marxists.org.lenin>.

¹⁶ Nguyễn Phước Tương, *Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916*.

Tóm lại

Tầng lớp sĩ phu yêu nước lãnh đạo khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội nói riêng và phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX nói chung mặc dù lòng yêu nước “có thừa” nhưng không sao tìm được một con đường cứu nước đúng đắn cả, bởi lẽ các cụ đã đi ngược với quy luật lịch sử lấy cái mà nhân loại đã vượt qua làm cái vươn tới cho mình, nên không thể nào chiến thắng được trong cuộc đọ sức khốc liệt với kẻ thù thực dân đế quốc có tiềm lực kinh tế - kỹ thuật hiện đại mạnh hơn mình gấp bội. Điều đó chứng tỏ chỉ có giai cấp vô sản - giai cấp tiên tiến mới đủ năng lực lãnh đạo cách mạng thành công. “cách mạng Việt Nam muốn giành thắng lợi chỉ có đi theo con đường cách mạng vô sản”¹⁷ và vấn đề dân tộc phải được giải quyết trên lập trường của giai cấp vô sản .

Những giá trị lịch sử của khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội cũng như các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX để lại, chính là nền tảng cơ bản để thế hệ yêu nước sau tiếp thu và nâng lên tầm cao mới. Nguyễn Ái Quốc nối tiếp và rút kinh nghiệm từ thế hệ của bậc cha chú đó, đã đổi mới tư duy, đổi mới nhận thức, đổi mới từ động lực, mục đích, cách đi, nơi đến và quyết định lựa chọn tiếp nhận cái mới, cái tiến bộ của thời đại để hành trình đi đến được con đường cứu nước đúng đắn, khoa học, cách mạng, vừa đáp ứng nhu cầu lịch sử dân tộc, vừa phù hợp xu thế của thời đại mới được mở ra ở thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Từ đó, Người đã sáng tạo nên một hệ thống những quan điểm mới về chiến lược, sách lược cách mạng phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam - là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đưa đất nước ta đến được bến bờ vinh quang như hôm nay./.

HTNY

¹⁷ Hồ Chí Minh toàn tập, Tập1, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.219.

VỀ NGUYÊN NHÂN THẤT BẠI CUỘC KHỞI NGHĨA CỦA KỲ BỘ HỘI VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI Ở TRUNG KỲ NĂM 1916

TS. NGUYỄN TẤN THẮNG*
ThS. DƯƠNG THANH MỪNG**

1. Một số nét khái quát về sự ra đời của Việt Nam Quang phục hội

Năm 1911, Cách mạng Tân Hợi thành công ở Trung Hoa đã tạo ra bước ngoặt lớn đối với Phan Bội Châu trong việc chuyển chủ trương cứu nước từ quân chủ sang dân chủ tư sản. Phan Bội Châu, trong cuốn *Tự phê*, cũng đã bộc bạch rằng: “*Từ khi sang Nhật, được nghiên cứu nguyên nhân cách mạng nước ngoài và chính thể các nước, thì rất say sưa về lý luận của Lu Thoa (J. Rousseau), và lại được giao thiệp với các đồng chí Trung Hoa nhiều nên tư tưởng quân chủ đã bỏ trong đầu óc; nhưng trước kia chưa dám bộc lộ ra vì lúc ở trong nước ra đi dựa vào quân chủ mà được nhiều người tin theo. Nếu cục diện đang còn như xưa thì mình cũng không dám thay đổi thủ đoạn. Nhưng hiện nay thì cục diện đã thay đổi hẳn rồi nên đứng trong hội trường tôi mạnh bạo đề ra nghị án dân chủ chủ nghĩa*”¹.

Ngay sau Cách mạng Tân Hợi, Phan Bội Châu đã khởi thảo cuốn *Đông Á sô ngôn* (cuốn sách này sau được một cơ sở cách mạng Trung Hoa tại Bangkok là Hoa Xiêm Tân báo in vào đầu năm 1912), đồng thời chuẩn bị kế hoạch trở về Trung Hoa và Nhật Bản để tiếp tục tham gia hoạt động cách mạng. Một trong những động cơ tiếp theo thúc đẩy Phan Bội Châu trở về Trung Hoa là sự ủng hộ của các nhà lãnh đạo Cách mạng Tân Hợi đang có cảm tình với cách mạng

* Trường Đại học Sư phạm Huế.

** Viện Nghiên cứu Kinh tế - Xã hội, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng.

¹ Lê Văn Trinh (1957), “Góp vài ý kiến về Phan Bội Châu”, *Tập san Nghiên cứu Văn Sử Địa*, số 31, tr.84.

Việt Nam. Thực tế đó đã được cụ Phan ghi lại: “*Năm Canh Tý (1912), mùa xuân, tháng giêng, Tôn Trung Sơn được cử làm Trung Hoa lâm thời Đại Tổng thống. Bạn cũ của tôi là Hồ Hán Dân làm Quảng Đông Đô đốc. Đô đốc Thượng Hải là Trần Kỳ Mỹ lại là người tương đắc với tôi lắm*”².

Tháng 1.1912, Phan Bội Châu cùng Đặng Tử Mậu, Nguyễn Quỳnh Lâm, Đặng Hồng Phấn, Nguyễn Thành Hiến, Hoàng Hưng, Đặng Bình Thành, Mai Lão Bạng trở về Quảng Đông để cùng với các chí sĩ như Đặng Trọng Hồng, Lâm Quảng Trung, Hoàng Trọng Mậu, Nguyễn Thúc Canh lúc đó đang có mặt tại Trung Hoa và Nguyễn Hải Thần từ Việt Nam sang bàn tính cách mạng. Theo báo cáo của Nguyễn Hải Thần, Cách mạng Tân Hợi thành công đã có tác động lớn đối với tình hình cách mạng Việt Nam. Do đó, với niềm tin rằng nếu phong trào ở bên ngoài lên tiếng thì phong trào trong nước mới phục hồi được, các sĩ phu yêu nước đã cùng nhau bàn định việc cải tổ Duy Tân hội thành một tổ chức cách mạng mới. Mục đích là để tránh sự khủng bố của chính quyền thực dân Pháp cùng các thế lực tay sai, vừa để quy tụ, tập hợp lực lượng và chuyển hướng mục tiêu, phương hướng cứu nước, giải phóng dân tộc cho phù hợp với tình hình mới. Trên cơ sở đó, ngày 19.6.1912, Việt Nam Quang phục hội được thành lập với tôn chỉ là “*Khu trục giặc Pháp để khôi phục Việt Nam, dựng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*”³.

Cơ cấu tổ chức của Hội được chia làm 3 bộ. Bộ Tổng vụ do Kỳ ngoại Hầu Cường Để làm Hội trưởng, kiêm Bộ trưởng Bộ Tổng vụ; Phan Bội Châu làm Tổng lý kiêm Hội phó. Bộ Bình nghị gồm: Nguyễn Thượng Hiền (Bắc Kỳ), Phan Bội Châu (Trung Kỳ), Nguyễn Thành Hiến (Nam Kỳ). Bộ Chấp hành gồm có 10 người: Ủy viên Quân vụ là Hoàng Trọng Mậu và Lương Nhập Nham (Lương Ngọc Quyến), Ủy viên Kinh tế là Đặng Tử Kính và Mai Lão Bạng, Ủy viên Văn học là Nguyễn Yên Châu và Phan Bá Ngọc, Ủy viên Giao tế là Lâm Đức Mậu và Đặng Bình Thành, Ủy viên Thứ vụ là Phạm Quý

² Phan Bội Châu (2001), *Toàn tập*, tập 6, NXB. Thuận Hoá và Trung tâm Ngôn ngữ Văn hoá Đông Tây, tr.211-212.

³ Đào Duy Anh (1955), *Lịch sử cách mạng Việt Nam*, NXB. Xây dựng, Hà Nội, tr.104.

Chuân và Đinh Tế Dân⁴. Trụ sở Hội đặt ở Quảng Châu, Trung Hoa. Những người nắm cương vị chủ chốt trong Hội cũng là các thành viên nòng cốt của phong trào Đông Du, Duy Tân trước đó và từng được đào tạo qua ở các trường quân sự tại Trung Hoa và Nhật Bản. Sau này, nhờ sự giúp đỡ của các nhà cách mạng Trung Hoa nên nhiều thành viên khác của Hội được tiếp tục theo học như: Lương Ngọc Quyến, Lâm Quảng Trung, Hồ Hình Sơn, Hà Đường Nhân, Nguyễn Thiệu Tổ, Đặng Hồng Phấn, Phan Bá Ngọc tại Trường Sĩ quan Học hiệu Bắc Kinh; Lưu Khải Hồng, Nguyễn Yên Chiêu tại Trường Quân nhu Học hiệu Bắc Kinh; Trần Hữu Lực, Nguyễn Bá Trắc, Nguyễn Thái Bạt tại Trường Lục quân Cán bộ Quảng Tây; Hoàng Trọng Mậu, Nguyễn Quỳnh Lâm, Đặng Trọng Hồng, Nguyễn Hải Thần cũng được thực tập trong quân đội Trung hoa một thời gian. Ngoài ra, Hội còn cử ra ba uỷ viên vận động trong nước là: Lâm Quảng Trung (Võ Quang) ở Trung Kỳ, Đặng Xung Hồng (Đặng Hữu Bằng) ở Bắc Kỳ và Đặng Bình Thành ở Nam Kỳ.

Hội Việt Nam Quang phục đã vận động và thành lập Quang phục quân gồm phần lớn đồng bào các dân tộc miền núi vùng biên giới Việt - Trung (sau này có thêm lính tập). Hội tổ chức biên soạn *Việt Nam Quang phục Phương lược quân* (trên 100 trang), gồm 5 chương trong đó, Phan Bội Châu viết hai chương đầu, Hoàng Trọng Mậu viết ba chương sau. Nội dung tài liệu này gồm: chủ nghĩa và tôn chỉ Quang phục quân, kỷ luật Quang phục quân, cách biên chế của Quang phục quân, viên chức và lương bổng của Quang phục quân, kế hoạch dự định tiến hành của Quang phục quân⁵. Trong lịch sử quân sự Việt Nam cuối thế kỉ XIX, đầu XX, Việt Nam Quang phục Phương lược quân có thể được xem là một trong những bản quy định đầu tiên về cách thức tổ chức quân đội.

Quốc kỳ do Hội thiết kế là lá cờ nền đỏ với 5 sao màu trắng, quân kỳ là nền đỏ và xanh sẫm với 5 sao trắng bên góc phải (5 sao này nằm trên nền đỏ). Về vũ khí, ngoài một số súng mua sắm được,

⁴ Phạm Văn Sơn (1971), *Quân dân Việt Nam chống Tây xâm lược (1847-1945)*, xuất bản tại Sài Gòn, tr.350.

⁵ Phạm Văn Sơn (1971), *Quân dân Việt Nam chống Tây xâm lược (1847-1945)*, Tlđđ, tr.350-351.

Hội còn lập xưởng chế tạo đạn, binh khí. Xác định vấn đề cấp bách trước mắt là tài chính nên Hội đã vận động các nhà cách mạng trong và ngoài nước tham gia giúp đỡ. Ở trong nước, Hội đã kêu gọi ủng hộ được 2000 đồng. Một số nhà cách mạng Trung Hoa đã tham gia ủng hộ như: Lưu Phục Quyển 200 đồng, Tạ Anh Bá và Đặng Cảnh A 100 đồng, Thống Lĩnh Quan Nhân 100 đồng... Tuy nhiên, số tiền này vẫn chưa thể cho phép triển khai các hoạt động quy mô lớn nên Hội đã nghĩ ra hình thức phát hành Việt Nam Quang phục quân dụng phiếu⁶, được Việt kiều và những nhà cách mạng Trung Hoa hưởng ứng tiêu thụ. Nhằm tranh thủ thêm ngoại viện, tháng 8.1912, các thành viên của Hội Việt Nam Quang phục còn chủ trương thành lập Hội Chấn Hoa hưng Á thu hút trên 200 người tham gia. Để thuận lợi cho quá trình hoạt động, Hội đã mời Đặng Cảnh A (người Quảng Đông) giữ chức Hội trưởng, và Phan Bội Châu làm Hội phó. Mục đích của Hội là “*Cốt chấn chính nước Trung Hoa để làm cho châu Á cường thịnh, mà phát súng thứ nhất là nhằm vào quân giặc đã xâm lược Việt Nam*”⁷. Kế hoạch của Hội: bước 1 viện trợ cho Việt Nam; bước 2, viện trợ cho Ấn Độ và Miến Điện; bước 3 viện trợ cho Triều Tiên. Cũng trong năm này, Hội Việt Nam Quang phục đã mở rộng quy mô hoạt động qua sự tham gia của nhiều nhà cách mạng đến từ các nước. Cụ thể: Hoàng thân Cường Để vẫn giữ chức Hội trưởng và Phan Bội Châu vẫn làm Tổng lý, Phó Tổng lý được giao cho Tô Thiếu Lâm (người Hoa), Bộ trưởng Tài chính là Lê Lộc Nam (người Hoa), Mai Lão Bạng làm phó Bộ trưởng, Hoàng Trọng Mậu làm Bộ trưởng Quân sự và phó là Đặng Đông Sinh (người Hoa); Bộ trưởng Thứ vụ là Dương Chấn Hải (người Đài Loan) và phó là Phan Lí Thuần. Ngoài ra, Hội còn lợi dụng mâu thuẫn giữa Đức và Pháp để tranh thủ viện trợ. Lãnh sự Đức ở Xiêm hứa sẽ giúp cách mạng Việt Nam về tài chính cũng như quân giới.

⁶ Có loại phiếu cơ bản là 5đ, 10đ, 20đ và 100đ. Trên mỗi tấm phiếu đều có ghi là: Phiếu này do Việt Nam Quang Phục quân Lâm thời Chính phủ phát hành. Theo số bạc ghi trên mặt phiếu mà đổi lấy hiện ngân. Đại Dân quốc Chính phủ chính thức thành lập thì lấy thực ngân mà đổi về, cấp lại gấp đôi. Người kí tên là Phan Sào Nam (Phan Bội Châu), người được giao cho kiểm phiếu là Hoàng Trọng Mậu.

⁷ Đinh Trần Dương (2005), “Phan Bội Châu trong cuộc tìm kiếm bạn đồng minh để cứu nước”, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2, tr.9.

Sau một thời gian chuẩn bị, Hội quyết định tổ chức các cuộc bạo động ở trong nước: “*Muốn cho người ngoài tín nhiệm và sẵn lòng giúp cho món tiền lớn cũng như muốn khuấy động được không khí trầm trọng trong nước thì tất phải có được một việc gì gây được ảnh hưởng lớn lao. Phan Bội Châu cùng các đồng chí bèn quyết định cử hành mấy cuộc bạo động*”⁸. Theo chủ trương đó, các cuộc bạo động do Hội Việt Nam Quang phục tổ chức đã nổ ra dưới nhiều hình thức như ám sát cá nhân (1912-1913), trù tính kế hoạch tổng bạo động trong toàn quốc mà trước hết là đánh chiếm Hà Nội (9.1914), tập kích một số đồn như Phú Thọ (6-7.1.1915), Tà Lùng (13.3.1915), Nho Quan (Ninh Bình), Móng Cái, Lạng Sơn, Phá ngục Lao Bảo, Quảng Trị (9.1915)...

Sau các hoạt động này, nhiều nhân vật quan trọng của Hội đã bị chính quyền thực dân Pháp bắt và bị xử bắn hoặc lưu đày. Như ở kế hoạch ám sát Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut và Tuần phủ Nguyễn Duy Hàn, tính đến tháng 8.1913, thực dân Pháp đã bắt được 254 người đưa về tập trung tại Hà Nội để chờ xét xử. Ngày 29.8.1913, thực dân Pháp đã thành lập Hội đồng Đề hình để truy tố tội danh 87 người. Trong đó 7 người bị tuyên án tử hình, 1 người bị án chung thân khổ sai, và 8 người bị án lưu đày và rất nhiều án tù khác. Theo báo *Tương lai xứ Bắc Kỳ* số ra ngày 25.9.1913, 7 chiến sĩ bị đưa ra xử bắn theo thứ tự là Phạm Văn Tráng, Vũ Ngọc Thụy (tức Hàn Linh), Phạm Đức Quý, Nguyễn Khắc Cần, hai anh em Phạm Hoàng Luân, Phạm Hoàng Triết và cuối cùng là Phạm Văn Tiến (tức Lý Tiến). Ngoài ra, Cường Để, Phan Bội Châu, Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Quỳnh Chi và Nguyễn Bá Trác cũng bị tuyên án tử hình vắng mặt. Cũng từ sau những sự kiện bạo động này, Toàn quyền Sarraut đã sang Quảng Đông yêu cầu Lâm Tế Quang bắt giam, trục xuất các nhà cách mạng Việt Nam. Cuối năm 1914, Long Tế Quang đã buộc Hội Việt Nam Quang phục phải giải tán, Mai Lão Bạng, Phan Bội Châu bị bắt và phải tù ba năm...⁹. Trong kế hoạch đánh chiếm Hà Nội, Đỗ Chân Thiết bị xử tử, trận tập kích đồn khố xanh Phú Thọ là Tổng Chế và Bang Hạnh, tập

⁸ Đào Duy Anh (1955), *Lịch sử cách mạng Việt Nam...* Tlđđ, 108.

⁹ Nguyễn Văn Trung (1963), *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam - thực chất và huyền thoại*, nhà in Nam Sơn xuất bản, Sài Gòn, tr.210.

kích đồn Tà Lùng là Hoàng Trọng Mậu... Có thể nói, đến gần cuối Chiến tranh thế giới thứ nhất, Hội Việt Nam Quang phục đã tỏ ra suy yếu trên nhiều mặt (xét từ cơ cấu tổ chức cũng như lực lượng tham gia). Tuy nhiên, các yếu nhân còn lại của Hội vẫn tiếp tục thể hiện tinh thần yêu nước của mình thông qua hai cuộc khởi nghĩa lớn, một tại các tỉnh Trung Kỳ (1916) và một tại Phú Thọ (1917).

2. Cuộc khởi nghĩa của Kỳ bộ Hội Việt Nam Quang phục ở Trung Kỳ (5.1916)

Cuộc khởi nghĩa của Hội Việt Nam Quang phục tại Trung Kỳ diễn ra trong bối cảnh lịch sử có nhiều điều kiện thuận lợi. Đó là việc thực dân Pháp buộc phải tập trung lực lượng để đối phó với cục diện chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) đang bước vào giai đoạn căng thẳng, quyết liệt, nên bộ máy cai trị tại Việt Nam có phần suy yếu. Chính sách huy động sức người, sức của phục vụ cho cuộc chiến của thực dân Pháp đã làm cho đời sống của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam gặp nhiều khó khăn. Do đó, mâu thuẫn vốn có giữa quần chúng nhân dân Việt Nam và thực dân Pháp ngày càng trở nên sâu sắc và họ sẵn sàng vùng dậy khi thời cơ xuất hiện. Cũng trong giai đoạn này, số thanh niên người Việt bị bắt đi lính, bị ngược đãi ngày càng tăng nên họ rất muốn quay lưng chống lại sự cai trị của Pháp... Tại Trung Kỳ, Hội Việt Nam Quang phục đã tổ chức được *Kỳ bộ* với sự tham gia của các sĩ phu yêu nước như: Trần Cao Vân, một nhà Nho đã từng tham gia chống thuế ở Trung Kỳ năm 1908; là Thái Phiên đã hơn 20 năm hoạt động cứu nước và là cộng sự thân tín của Phan Bội Châu; là Đỗ Tự, Lê Ngung, Phạm Thành Chương, Phan Thành Tài, Lê Đình Dương, Cử Suy... Thông qua cha xứ Bầu Gốc, Kỳ bộ đã xây dựng được mối quan hệ với Lãnh sự Đức (lúc này đang ở Xiêm) và vị Lãnh sự này đã đồng ý tham gia viện trợ khi cuộc khởi nghĩa nổ ra. Đồng thời, Kỳ bộ còn liên hệ được với Đại tá người Đức đang có mặt ở Huế và viên Đại tá này hứa hẹn sẽ làm nội cho cuộc khởi nghĩa...

Tháng 9.1915, Kỳ bộ Hội Việt Nam Quang phục đã tiến hành đại hội tại nhà của ông Đoàn Bổng (thư lại bộ Hộ) ở đường Đông Ba, Huế (nay là đường Mai Thúc Loan). Tham dự Hội nghị gồm: Nguyễn Chánh (Quảng Bình), Phan Phú Tiên (Quảng Trị), Đoàn Bổng (Huế),

Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Đỗ Tự (Quảng Nam), Lê Ngung, Lê Triết, Nguyễn Thụy, Nguyễn Mậu (Quảng Ngãi). Đại hội đã thông qua hai vấn đề cơ bản: 1/Mời vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa. 2/Phân công nhiệm vụ cho các thành viên để mưu sự khởi nghĩa. Cụ thể: Thái Phiên và Trần Cao Vân sẽ chịu trách nhiệm mời vua Duy Tân với mục đích là: *Phụng kim thượng vi an dân cơ sở* (tức là mời vua tham gia vào cuộc khởi nghĩa cho an lòng dân)¹⁰. Nguyễn Thụy và Lê Đình Dương giao thiệp với cố đạo Bàn Gốc để kêu gọi Lãnh sự Đức viện trợ khi cuộc khởi nghĩa nổ ra; Lê Ngung sẽ tiến hành soạn thảo kế hoạch khởi nghĩa cũng như viết hịch kêu gọi quần chúng tham gia. Nguyễn Chánh được phân công làm uỷ viên kiểm soát. Cuối cùng là cấp tốc vận động thêm binh lính, quần chúng tham gia vào cuộc khởi nghĩa¹¹. Cũng trong đại hội lần này, theo báo cáo của Lê Ngung, ở Quảng Ngãi có 450 lính khổ xanh (trong tổng số 580 lính) đã đứng về phía cách mạng; ở Quảng Nam cũng vậy, khoảng 80% lính khổ xanh và lính mộ đã sẵn sàng tham gia vào cuộc khởi nghĩa. Về vũ khí, ngoài 580 khẩu súng do lính khổ xanh sử dụng, còn 350 khẩu đang trong kho và rất nhiều đạn dược¹².

Ngày 14.4.1916, Trần Cao Vân và Thái Phiên đến gặp vua Duy Tân, hai bên đã thông qua một kế hoạch hoạt động với 4 điểm cơ bản là: 1/Chiếm ngay ba tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi để làm căn cứ. 2/Tổng phát động khởi nghĩa khắp các tỉnh Trung Kỳ từ Quảng Bình vào đến Khánh Thuận. 3/Đúc 4 ấn kinh lược là Bình Trị, Nam Ngãi, Bình Phú, Khánh Thuận cho vua Duy Tân. 4/Chọn lúc 1h sáng ngày 4.5.1916 (giờ Tý ngày 3.4 năm Bính Thìn) làm thời điểm bắt đầu cuộc khởi nghĩa¹³. Để làm hiệu lệnh cho cuộc khởi nghĩa Trần Cao Vân đã làm một bài thơ với nhan đề là: Hòa Xa Huế Hàn:

¹⁰ Tác giả Lưu Anh Rô trong bài viết: *Phát hiện mới về cuộc gặp giữa Thái Phiên và Trần Cao Vân với vua Duy Tân*, Tạp chí Non Nước, số 220, tháng 3.2016, cũng đã cho biết thêm về mục đích của Thái Phiên và Trần Cao Vân trước khi họ đến gặp vua Duy Tân là: “mong có sự đồng thuận của hoàng thượng, để họ không gọi chúng ta là quân nổi loạn”.

¹¹ Lê Ước, “Cuộc duy tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài (1882 - 1916)”, *Tập san Sử Địa*, số 11, tr.83-83.

¹² Lê Ước (1968), “Cuộc duy tân khởi nghĩa 1916 ...”, Tlđđ, tr.86.

¹³ Lê Ước (1968), “Cuộc duy tân khởi nghĩa 1916 ...”, Tlđđ, tr.85.

*Một nỗi xa thư đã biết chưa?
 Bắc Nam hai ngã gặp nhau vừa.
 Đường rầy đã sẵn thang mây bước,
 Ống khói càng cao ngọn gió đưa.
 Sấm dậy từ bề trăm máy chuyển,
 Phút thâu muôn dặm nửa giờ trưa.
 Trời sai ra dọn xong từ đây,
 Một mối xa thư đã biết chưa?*

Trung tuần tháng 3.1916, Kỳ bộ Hội Việt Nam Quang phục tiếp tục mở đại hội lần thứ 2 tại chợ Cầu Cháy thuộc làng Xuân Yên, tỉnh Quảng Ngãi. Nội dung của đại hội lần này là: *Nghe báo cáo về tình hình tại các tỉnh, xúc tiến các công việc để tiến tới khởi nghĩa.*

Cụ thể, tại Huế, đã vận động được 1 nghìn lính tập làm lực lượng chính cho cuộc khởi nghĩa (ngoài ra còn có khoảng 2 nghìn lính mộ và quần chúng nhân dân sẽ hưởng ứng). Đại tá Harmandes (người Đức) cũng đã đồng ý sẵn sàng hỗ trợ 3 nghìn lính khi cuộc khởi nghĩa nổ ra. Tại Quảng Nam, Quảng Ngãi, các cơ sở đảng phát triển mạnh, cơ sở quần chúng được củng cố vững chắc nên đại hội quyết định chọn 2 tỉnh này làm đơn vị chủ lực trong cuộc khởi nghĩa. Tại Quảng Bình, Hội mới chỉ mọc nổi được với 3 người. Quảng Trị sẽ có Quân Thiệu, Quân Nguyên đứng ra lãnh đạo lính khổ xanh hưởng ứng, các tổ chức quần chúng thì do Ông Khóa Bảo điều động. Tại Bình Định, công tác vận động binh lính và dân chúng tham gia cuộc khởi nghĩa gặp khó khăn nên địa phương này sẽ phối hợp cùng các tỉnh khác nổi dậy. Các tỉnh miền Nam như Phú Yên, Khánh Thuận lực lượng chưa xây dựng được nhiều¹⁴.

Về kế hoạch khởi nghĩa: hội nghị tiếp tục chấp thuận đề nghị của vua Duy Tân trong việc chọn thời gian diễn ra cuộc khởi nghĩa là

¹⁴ Lê Ước (1968), “Cuộc duy tân khởi nghĩa 1916”, Tlđđ, tr.89.

vào lúc 1h sáng ngày 4.5.1916¹⁵. Huế sẽ báo hiệu khởi nghĩa cho các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị thông qua tiếng nổ đại bác. Cùng lúc này, tại đèo Hải Vân sẽ nổ lửa báo hiệu cho Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng... Tất cả các tỉnh đều lấy lính Việt đang tham gia trong quân đội Pháp làm lực lượng chính cho cuộc nổi dậy. Khi cuộc khởi nghĩa nổ ra, số lính này sẽ đánh từ bên trong và bên ngoài các đảng viên của Kỳ bộ sẽ cùng quần chúng tấn công vào. Đặc biệt, tại Quảng Nam và Quảng Ngãi, phải dốc toàn lực đánh chiếm cảng biển Đà Nẵng để mở đường cho quân viện trợ Đức từ Xiêm vào¹⁶. Do vậy, Đại hội đã giao cho Phan Thành Tài và Đỗ Tự, Ông Văn Long sẽ chỉ huy nghĩa quân dùng hỏa lực chiếm ngay Đà Nẵng khi cuộc khởi nghĩa nổ ra. Quần chúng nhân dân hai làng Nghi An, Phong Lệ sẽ đốn ngã cây xuống đường tạo thành chướng ngại vật ngăn chặn thực dân Pháp cứu viện Đà Nẵng. Nếu như cuộc khởi nghĩa bất thành thì các lực lượng sẽ rút về các vùng rừng núi để củng cố lực lượng cho lần tấn công tiếp theo.

Về nhiệm vụ: Đại hội đã thành lập Ủy ban khởi nghĩa do Thái Phiên làm Chủ tịch, Trần Cao Vân làm Quân sự và ba Ủy viên là Phan Thành Tài, Đỗ Tự và Lê Ngung. Thái Phiên sẽ phối hợp cùng Lý trưởng Lê Cơ (là người sẽ nổ pháo làm hiệu cho cuộc tấn công đồn Mang Cá) để chỉ huy cuộc khởi nghĩa tại Huế; Trần Cao Vân phụ trách nhiệm vụ đưa vua Duy Tân vào Quảng Ngãi ẩn tránh và khi cuộc khởi nghĩa thành công sẽ đón vua về lại; Lê Cảnh Vận sẽ là người nổ súng phát động khởi nghĩa; Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu đốc xuất binh lính trấn giữ hoàng thành; Nguyễn Đình Trứ, Lại Hà, Phạm Thành Chương,... công phá Đồn Mang Cá; Lê Cảnh Hàn, Đặng Khánh Khải, Trần Đại Trinh,... điều động binh lính quay súng chiếm tòa Khâm sứ Trung Kỳ; ngoài ra sẽ có một đội cảm tử Nam Ngãi sẽ cùng với dân quân miền phụ cận Huế hỗ trợ công hãm tòa

¹⁵ Trước đó, Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài trong một cuộc họp tại nhà ông Lâm Nhĩ (Hòa Vang, Quảng Nam), đã dự định thời điểm diễn ra cuộc khởi nghĩa vào lúc 12h ngày 8.6.1916. Tuy nhiên, do vua Duy Tân yêu cầu phải tiến hành sớm hơn nên cuộc khởi nghĩa đã buộc phải lùi lại vào tháng 5.

¹⁶ Phạm Văn Sơn (1951), *Việt Nam tranh đấu sử* (lược khảo), NXB. Vũ Hùng, Hà Nội, tr.156.

Khâm Sứ nhằm tạo ra tình thế áp đảo ngay từ đầu đối với thực dân Pháp. Phan Thành Tài, Đỗ Tự được giao phụ trách tại Quảng Nam với sự hỗ trợ của Trương Bá Huy, Huỳnh Khâm, Huỳnh Phùng, Lê Văn Bính, Mai Dị, Ông Văn Long...; Giao Lâm Nhĩ, Hồ Cẩm Vinh, Lê Tường, Trần Ngọc Đảm phụ trách tại thị xã Đà Nẵng; Y sĩ Lê Đình Dương, Quản Thái phụ trách tại Hội An; hoa kiều Thẩm Tường Vân và Út Pem phụ trách tại Tam Kỳ; Lê Ngung, Phan Cao Chuẩn phụ trách tại Quảng Ngãi¹⁷.

Về vũ khí, ngoài số một số lớn vũ khí do Trần Hữu Lực ở Xiêm gửi về, Kỳ bộ còn cử người rèn thêm mã tấu, dao, chế thêm tạc đạn. Đồng thời, Hội nghị còn dự tính thành lập bộ máy hành chính để thay thế cho triều đình Nam Triều khi cuộc khởi nghĩa thành công gồm: Viện hành chính trung ương với cơ cấu là 1 vị Tổng thống và 2 vị phó Tổng thống, 7 vị Tổng trưởng đứng đầu 7 bộ, ở mỗi tỉnh có ủy nhiệm tòa gồm có 3 người, cơ quan lập pháp là nhân dân đại biểu viện. Đồng thời, sẽ tiến hành ban bố quyền tự do dân chủ cho nhân dân; bãi bỏ thuế đinh và sửa lại thuế điền cùng các thứ thuế khác; lấy Quy Nhơn làm kinh đô vì địa thế Huế chật hẹp¹⁸.

Đại hội đã thông qua bài hịch kêu gọi khởi nghĩa của Lê Ngung với nội dung là:

“Thời cơ thuận lợi, vận nước đang đổi cũ thay mới, tình thế khả quan, chúng ta nắm được thời kỳ thiên thời địa lợi tốt. Nay may trời sinh bậc thánh minh, có chí khí giết giặc pháp dựng nước; đất nầy người tuấn kiệt, có tinh thần giết giặc cứu dân.

Nguyện bảo hộ thực dân Pháp, quét sạch đất đai nước ta cho là vinh; hút hết máu mủ dân ta cho là thích; xua những thanh niên ra chết ở chiến trường Pháp - Đức để bảo vệ quyền lợi của bọn chúng; giết chết những chiến sĩ của ta ở ngục thất Côn Lôn, Lao Bảo.

Đức phụ hoàng để tội gì mà phải truất ngôi? Tôn lãng Đức Dực tôn có gì mà phải đào bới?

¹⁷ Lê Ước (1968), “Cuộc duy tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài (1882 - 1916)”, Tlđd, tr.89-90.

¹⁸ Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vận (1961), “Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền Nam Trung Bộ năm 1916”, *Nghiên cứu Lịch sử*, số 22, tr.41.

Lòng tham chưa thỏa, chuỗi ác đã đầy! Tội ác của chúng mực không sao chép hết được. Sự tàn bạo của chúng không bút giấy nào tính cho hết được”¹⁹.

Định cờ khởi nghĩa với 5 sao màu trắng (có một số sách viết là màu vàng) trên nền đỏ với ý nghĩa là: Ngũ tinh quy viên thiên hạ đại định. Ngũ tinh tụ khuê thiên hạ thái bình (nghĩa là 5 ngôi sao châu về sao Bắc Đẩu thì đẹp yên thiên hạ, 5 ngôi sao tụ lại sao Khuê thì thiên hạ thái bình); 4 ấn kinh lược sau khi đúc xong và các giấy tờ chỉ thị khởi nghĩa sẽ giao cho Phan Thành Tài cất giữ.

Theo kế hoạch vào đêm mùng 3 rạng ngày 4.5, khi vua Duy Tân cùng 4 thị vệ ra khỏi hoàng thành xuống thuyền ra sông Phủ Cam sẽ phát động khởi nghĩa. Tuy nhiên, kế hoạch khởi nghĩa đã bị lộ do việc bảo mật quá sơ hở. Đầu tiên là tại Quảng Ngãi, ngày 1.5.1916, Võ Huệ²⁰ là lính trong dinh Án Sát đột nhiên vào dinh xin Phạm Liễu về thăm quê. Điều này đã làm cho viên Án Sát sinh nghi và tra hỏi. Cuối cùng, Võ Huệ đã khai ra kế hoạch của nghĩa quân. Thông tin về cuộc *bạo loạn* tại Quảng Ngãi nhanh chóng cấp báo đến Khâm sứ Trung Kỳ là Y. Charles. Mật lệnh giới nghiêm đã được Khâm sứ thông báo đến các tỉnh. Do vậy, từ 6h chiều ngày 3.5.1916, binh lính người Việt tại các đồn đều bị tước hết vũ khí và đạn dược cất vào kho; binh lính Pháp tăng cường tuần tiểu, chốt chặn những nơi trọng yếu. Tiếp đó, vào tối ngày 3.5.1916, khi vua Duy Tân được hai thị vệ là Tôn Thất Đề và Nguyễn Quang Siêu phò tá ra khỏi hoàng thành hướng về Thương Bạc (tại đây Trần Cao Vân và Thái Phiên đã cho thuyền sẵn sàng đón vua vào Quảng Ngãi) cũng đã bị Nguyễn Đình Trứ (trước đó đã được hội giao nhiệm vụ là tuyên truyền lính đồn Mang Cá cùng tham gia khởi nghĩa, ủng hộ nghĩa quân) phát hiện và cấp báo cho thực dân Pháp. Ngay lập tức, thực dân Pháp đã cho người tìm bắt vua về, đồng thời lệnh cho binh lính tiến hành đàn áp cuộc khởi nghĩa tại các địa phương.

¹⁹ Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vân (1961), “Cuộc khởi nghĩa của”, Tlđđ, tr.40.

²⁰ Võ Huệ là lính trong dinh Án Sát ở Quảng Ngãi và là anh trai của Võ An, một thành viên trong Ban khởi nghĩa. Lo sợ cuộc bạo động sẽ gây nguy hại đến tính mạng của anh trai nên Võ An đã thông báo kế hoạch khởi nghĩa cho Võ Huệ để ông này tìm cách lánh mặt tại thời điểm cuộc khởi nghĩa nổ ra. Do đó, ngày 1.5, Võ Huệ đã xin về quê thăm nhà.

Mặc dù thông tin về cuộc khởi nghĩa đã bị lộ nhưng quần chúng nhân dân ở nhiều nơi vẫn kéo về tỉnh lỵ để sẵn sàng tham gia khởi nghĩa. Chờ mãi không có lửa hiệu đốt lên, không có tiếng nổ của đại bác cũng như không có binh lính nổi dậy, lực lượng này đã buộc phải tự giải tán trước sự truy bắt gắt gao của thực dân Pháp. Riêng ở Điện Bàn, Quảng Nam, dân quân ngoại thành do Trần Chương chỉ huy đã dùng thang treo vào thành, đốt một nhà nhỏ bỏ trống, làm hiệu, nhưng bên trong binh lính không nổi dậy, nên cũng phải giải tán. Ở Tam Kỳ, quân khởi nghĩa nổi dậy diệt ba lính Pháp, chiếm phủ lỵ... Nhưng ngay sau đó đã bị thực dân Pháp kéo quân tới đàn áp, nghĩa quân tan rã. Đặc biệt, do được cựu tuần vũ Nguyễn Đình cung cấp thông tin nên thực dân Pháp đã bắt được tất cả các yếu nhân của cuộc khởi nghĩa như: Y sĩ Lê Đình Dương (bị lưu đày vào Khánh Hòa), Lý trưởng Lê Cơ, Tú tài Trương Bá Huy, Thừa Phong, Trần Chương (bị đày ra Lao Bảo và mất tại đây), Đỗ Tự (bị kết án tử hình tại Huế), Phan Thành Tài (bị hành quyết tại Chợ Củi - Điện Bàn vào ngày 9.6.1916). Tại Huế, vua Duy Tân bị bắt ở núi Thiên Mụ (6.5.1916) và sau đó bị đưa đi đày ở đảo Réunion, các thủ lĩnh nghĩa quân như Trần Cao Vân, Thái Phiên, Phan Hữu Khánh, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu bị bắt và đem ra xử tử tại cửa An Hòa. Tại Quảng Ngãi, các thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa như Nguyễn Thụy, Trần Thêm, Võ Cẩn, Võ Cư, Mai Tuấn, Hứa Thọ đều bị thực dân Pháp bắt và sau đó bị xử chém. Phạm Cao Châm cùng nhiều binh lính người Việt bị đày đi các nhà lao Côn Đảo, Thái Nguyên. Tiếp theo là Lê Ngung và Cử Sụy cũng bị bắt và uống thuốc độc tự vẫn. Cuộc khởi nghĩa của Hội Việt Nam Quang phục tại các tỉnh Trung Kỳ bị thất bại.

3. Một số nguyên nhân thất bại của cuộc khởi nghĩa

Thứ nhất, nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự thất bại của cuộc khởi nghĩa được bắt nguồn từ những hạn chế về đường lối cũng như cách thức hoạt động của Hội Việt Nam Quang phục. Chính điều này đã để lại nhiều hệ lụy cho cuộc khởi nghĩa của Kỳ bộ tại Trung Kỳ. Trước tiên phải khẳng định rằng, Hội Việt Nam Quang phục đã quy tụ được những phần tử ái quốc cũ và mới vào một tổ chức thống nhất. Tổ chức này có chương trình, kế hoạch hoạt động và điểm này đã vượt lên trên phong trào Cần vương trước đó. Các sĩ phu yêu nước tham

gia phong trào đã nhận thấy một cách đúng đắn rằng nhiệm vụ đầu tiên của một cuộc cách mạng là giải phóng dân tộc và muốn thực hiện được nó thì phải dùng hình thức đấu tranh vũ trang là hình thức chủ yếu. Và trong suốt thời gian tồn tại, Hội Việt Nam Quang phục đã tiến hành được nhiều cuộc đấu tranh từ Bắc tới Nam và kéo dài hoạt động của nó đến năm 1918. Qua đó chứng tỏ rằng, lực lượng vũ trang của Hội đã mạnh hơn nhiều so với thời Duy tân hội. Theo Nguyễn Thế Anh, *“tầm quan trọng trong lịch sử của Hội Việt Nam Quang phục không chỉ dừng lại ở những kết quả trực tiếp mà Hội gặt hái được mà nó còn được thể hiện qua sự giúp đỡ của Hội đối với các nhóm hoạt động khác”*²¹. Chẳng hạn như việc tạo điều kiện cho sinh viên sang học tập các trường võ bị, hậu cần tại Trung Quốc, Nga...; hay là cử người về giúp đỡ cuộc khởi nghĩa Yên Thế của Hoàng Hoa Thám.... Tuy nhiên, bên cạnh những điểm mới mang tính tích cực, Hội Việt Nam Quang phục đã gặp phải những hạn chế nhất định:

Một là, chưa đề ra được một đường lối cứu nước đúng đắn. Tôn chỉ của Hội Việt Nam Quang phục là: *“Khôi phục Việt Nam, kiến lập Việt Nam Dân Quốc”*²². Tuy đã thay đổi chủ thuyết cũng như mục tiêu cứu nước, nhưng những người đứng đầu Hội Việt Nam Quang phục (chủ yếu là Phan Bội Châu) lại chưa đưa ra được một chương trình hoạt động cụ thể, *“không nghĩ đến việc dự thảo những cải cách về chính trị và những biện pháp kinh tế, vừa để làm chương trình hoạt động một khi đạt được độc lập, vừa lôi cuốn khối quần chúng hưởng ứng sự tranh đấu quốc gia. Trái lại, Cường Để, Phan Bội Châu vẫn chờ đợi sự giúp đỡ của Trung Hoa và giúp đỡ của nước Đức nữa”*²³. Trong nội bộ Hội cũng chưa thực sự thống nhất với chủ trương hoạt động. Ngoài Phan Bội Châu, Đặng Tử Mậu,... cùng với sự gượng gạo của Nguyễn Thượng Hiền về chủ trương đưa phong trào cách mạng đi theo con đường dân chủ tư sản thì gần như các đại biểu của Hội ở Nam Kỳ vẫn chủ trương tôn quân, nhất là đối với Trần Cao Vân. *“Trong các người này (thành viên của Hội, TG giải thích), thì Nam*

²¹ Nguyễn Thế Anh (1970), *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, Sđd, tr.310.

²² Trần Thị Hạnh (2013), “Sự chuyển biến trong quan niệm đạo đức của Phan Bội Châu đầu thế kỉ XX”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 12 (73), tr.80. (79-86).

²³ Nguyễn Thế Anh (1970), *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, NXB. Lửa Thiêng, Sài Gòn, tr.312.

Kỳ không ai tán thành chủ nghĩa dân chủ cả, còn Trung, Bắc Kỳ thì chỉ các thanh niên hăng hái tán thành chủ nghĩa dân chủ, còn các lão thành có danh vọng như Nguyễn Thượng Hiền, Mai Lão Bạng là những người trung thành với Cường Để, có tán thành chủ nghĩa dân chủ cũng là gượng gạo mà thôi, mà cũng với điều kiện là Cường Để vẫn làm Hội trưởng”²⁴.

Hai là, chưa gắn liền chủ trương phản đế và phản phong với nhau. Bởi ngoài những phần tử ái quốc còn trăn trở với sự tồn vong của dân tộc thì rất nhiều quan lại đương thời đã can tâm đầu hàng và làm tay sai cho chính quyền thực dân Pháp. Chính sự sơ hở này mà trong quá trình hoạt động, nhiều thông tin quan trọng của Hội đã bị lộ.

Ba là chưa xây dựng được cơ sở vững chắc trong nước cũng như chưa quy tụ được các lực lượng quần chúng nhân dân - vốn là một trong những thành phần đông đảo và có nhiều mâu thuẫn với hệ thống chính quyền thực dân cũng như Chính phủ Nam Triều đương thời. *“Vì không có cơ sở quần chúng nên Đảng chỉ có thể tổ chức những cuộc bạo động nhỏ, lẻ tẻ, không đồng thời, không nhất trí, rất dễ bị đàn áp, chứ không tổ chức được những cuộc khởi nghĩa lớn. Bởi những cơ trên, mỗi khi cuộc bạo động thất bại thì cơ sở tổ chức của đảng vỡ hết, phong trào xẹp xuống ngay”²⁵.*

Bốn là, quá chú trọng đến sự viện trợ từ bên ngoài. Điều này đã khiến cho các hoạt động mà Hội triển khai thiếu tính bền vững. Theo Đào Duy Anh: *“Nếu không có thực lực tự bản thân mình mà chỉ trông cậy vào sự giúp đỡ của người ngoài thì có đuối được kẻ địch hiện tại nữa cũng sẽ mất nước vào tay người viện trợ mình”²⁶.* Hai nước được các hội viên của Hội kỳ vọng nhất đó là Trung Hoa và Nhật Bản. Phan Bội Châu cũng đã từng bộc bạch suy nghĩ của mình rằng: *“Nước Trung Hoa đã chấn hưng được uy quyền thì các nước ở Á Đông nhân đấy mà cường thịnh, mà phương châm thứ nhất thì không*

²⁴ Tôn Quang Phiệt (1958), “Nói thêm về Phan Bội Châu sau khi đọc hai bài góp ý kiến của các ông Hải Thu và Lê Văn Trinh”, *Tập san Nghiên cứu Văn - Sử - Địa*, số 44, tr.61. (53-65).

²⁵ Đào Duy Anh (1955), *Lịch sử cách mạng Việt Nam*, NXB. Xây dựng, Hà Nội, tr.116.

²⁶ Đào Duy Anh (1955), *Lịch sử cách mạng Việt Nam...* Tlđđ, tr.117.

gì bằng viện trợ Việt Nam để đánh đuổi giặc Pháp”²⁷. Trong khi đó, phía cách mạng Trung Hoa thì lại mong muốn: “Người đảng Việt Nam tham gia vào Đảng cách mạng Trung Quốc. Khi cách mạng trung Quốc đã thành công thì đem toàn lực giúp các nước châu Á bị đô hộ, đồng thời giúp họ độc lập, mà trước hết là giúp Việt Nam”²⁸. Trước khi chuyển sự kỳ vọng vào sự viện trợ của Trung Hoa, các thành viên của Hội cũng đã từng kỳ vọng vào Nhật Bản: “Nếu cầu viện Nhật, Nhật tất sẵn lòng giúp cho, vì Nhật với Việt Nam là đồng văn đồng chủng. Nhật lại rất trọng đạo nghĩa, chỉ sợ không có sức giúp mà thôi, chứ đã có sức thì chắc thế nào cũng giúp. Thế rồi chúng tôi kết luận rằng: Vấn đề khí giới có thể cậy vào Nhật Bản mới giải quyết được”²⁹.

Năm là, quá nhấn mạnh đến chủ trương bạo động mà quên đi các nội dung khác đã nêu ra trong kế hoạch, nhất là việc cải thiện dân sinh cho quần chúng nhân dân. Tuy Hội Việt Nam Quang phục đã kết hợp được với các sĩ phu lập được các thương hội và học hội nhưng phần lớn thời gian Hội gần như dành cho hoạt động bạo động, ám sát cá nhân. Mà trong đấu tranh vũ trang, ám sát cá nhân chỉ là một hình thức thấp, vạn bất đắc dĩ các nhà cách mạng mới phải dùng đến. Với Hội Việt Nam Quang phục, do yêu cầu cần gây được tiếng vang nhằm cổ vũ nhân dân trong nước, nên ám sát trở thành biện pháp chủ yếu để giết những viên sĩ quan người Pháp đang cai trị ở Việt Nam. Các vụ ám sát này đã gây tiếng vang lớn trong nhân dân. Nhưng hành động ám sát cá nhân đó, do không có cơ sở quần chúng làm hậu thuẫn, cho nên dù có gây được vài vụ nổ, diệt được một vài người đứng đầu, cũng không bù lại được những tổn thất cho Hội. Trước tiên, tin tức về các cuộc ám sát không thành công đã làm cho uy tín của Hội bị giảm sút: “Người ta mất hẳn tin tưởng về sự thành công của đảng cách mạng Việt Nam, nên không ai dám bỏ tiền mua phiếu nữa. Thế là Quang phục hội lại hãm vào bước khốn quẫn. Các đồng chí lại phải

²⁷ Chương Thuần (1966), “Mối quan hệ giữa Tôn Trung Sơn và cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX”, *Nghiên cứu Lịch sử*, số 91, tr.22.

²⁸ Đinh Trần Dương (2005), “Phan Bội Châu trong cuộc tìm kiếm”, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2, tr.8.

²⁹ Tùng Lâm (1957), *Cuộc đời cách mạng Cường Để*, nhà in Tôn Thất Lễ, Sài Gòn, tr.15.

tan tác nhiều nơi”³⁰. Tiếp theo, thực dân Pháp nâng cao cảnh giác và đẩy mạnh các hoạt động càn quét: “*Các cuộc bắt bớ diễn ra khắp mọi nơi. Trước thực trạng này, phong trào bị ngò vực nhiều nhất, bọn thực dân phá hoại dữ dội. Kế tiếp đến vấn đề kiểm soát đi lại hết sức gắt gao*”³¹. Tại Trung Kỳ, ngay khi phát hiện những dấu hiệu bất thường (vợ con lính tập bỏ về quê, một số lính cũng xin nghỉ về thăm gia đình), thực dân Pháp cũng như chính quyền tay sai đã chủ động điều tra và phát hiện được kế hoạch khởi nghĩa. Do đó, cuộc khởi nghĩa chưa kịp nổ ra đã bị thực dân Pháp đàn áp.

Thứ hai, thất bại của cuộc khởi nghĩa còn được bắt nguồn từ sự chênh lệch về thực lực giữa thực dân Pháp so với Kỳ bộ cũng như nghĩa quân. Trước tiên phải nói đến sức mạnh từ sự hiện đại của chủ nghĩa tư bản Pháp. Tính đến thời điểm trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp là một trong 4 nước tư bản có nền kinh tế Phát triển nhất thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế đã giúp những nhà cầm quyền Pháp xây dựng được một đội quân hùng mạnh, đi cùng với đó là những trang thiết bị vũ khí chiến đấu hiện đại để tham gia vào các cuộc chiến tranh xâm lược. Tiếp theo, Pháp cũng là một trong những nước thực dân có số lượng thuộc địa đứng thứ hai thế giới (sau Anh). Do đó, quân lính, nhất là những người chỉ huy trong quân đội Pháp đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong việc xâm lược, bình định tại các nước thuộc địa. Tính đến trước thời điểm nổ ra cuộc khởi nghĩa, thực dân Pháp đã thiết lập được bộ máy cai trị đối với Việt Nam. Hay nói cách khác là thực dân Pháp về cơ bản đã làm chủ được tình thế ở Việt Nam. Do vậy, các cuộc khởi nghĩa nổ ra tại các địa phương nếu thiếu sự tính toán đi cùng với tính chất tự phát của nó sẽ khó có thể giành được thắng lợi.

Quay trở lại với Kỳ bộ và nghĩa quân. Kỳ bộ của Hội Việt Nam Quang phục ở Trung Kỳ đã quy tụ được các sĩ phu yêu nước, có tinh thần cách mạng cao. Tuy nhiên, do phần lớn các sĩ phu lãnh đạo phong trào đều xuất thân từ cửa Khổng, sân Trình nên tầm nhìn của

³⁰ Đào Duy Anh (1955), *Lịch sử cách mạng Việt Nam...* Tlđđ, tr.109.

³¹ Phạm Giật Đức (1960), *50 năm cách mạng hải ngoại (hồi ký Hoàng Nam Hùng)*, Nhà in Hồng Phát, Sài Gòn, tr.31.

bộ phận này chưa hoàn toàn thoát ra khỏi sự chi phối của ý thức hệ phong kiến. Dù mong muốn sau khi giành được thắng lợi sẽ xây dựng đất nước theo con đường tư bản chủ nghĩa, nhưng họ chưa thể hình dung một cách cụ thể về thể chế này. Và dù một số sĩ phu đã được đào tạo qua các khóa huấn luyện quân sự ở Trung Hoa và Nhật Bản và đã tiếp cận được trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây nhưng về cơ bản họ vẫn chưa phải là những nhà quân sự thực thụ. Về nghĩa quân có thể tạm chia thành 3 thành phần chính. Đóng vai trò chủ đạo là binh lính người Việt trong quân đội Pháp. Họ có vũ khí, nhưng trước khi kịp mưu sự thì đã bị tước đoạt và kiểm soát hoàn toàn. Đối với số lính mộ thì gần như không được trang bị vũ khí. Đối với quần chúng nhân dân, vũ khí hiện đại nhất mà họ có được là một vài quả tạc đạn và một vài khẩu súng từ Xiêm và Trung Hoa gửi về, còn chủ yếu là giáo mác, mã tấu và gậy gộc....

Thứ ba, thất bại của Hội Việt Nam Quang phục nói chung và cuộc khởi nghĩa của Kỳ bộ tại Trung Kỳ nói riêng cũng là sự thất bại của một phong trào cách mạng chỉ căn cứ trên các nguyện vọng chính trị của giới thượng lưu trí thức. *“Hội Việt Nam Quang phục không phải là một một đảng phái chính trị thực thụ mà là một liên minh mưu bạn, tin tưởng ở hiệu năng chính trị của các hoạt động khủng bố bởi các tổ chức bí mật. Hội đòi hỏi các hội viên phải trả những khoản tiền nhập hội khá cao và điều này loại bỏ khỏi quần chúng nghèo khổ. Quan niệm tổ chức này, cùng với tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây, đã khiến cho các hoạt động của Hội trở nên xa lạ với khối quần chúng và chỉ giới hạn trong giới học thức và có khả năng tài chính”*³². Tại Trung Kỳ, sau khi nghe tin Hội Việt Nam Quang phục thành lập, thì với nhiệt tình cứu quốc, các sĩ phu yêu nước đã mặc nhiên chuyển từ tổ chức cũ sang tổ chức mới mà không trải qua một sự chuẩn bị gì về tư tưởng và tổ chức. Chính đó là lí do giải thích tại sao các cơ sở của Hội Việt Nam Quang phục ở miền Trung yếu về cả hai mặt tư tưởng lẫn tổ chức³³.

³² Nguyễn Thế Anh (1970), *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, NXB. Lửa Thiêng, Sài Gòn, tr.311.

³³ Đinh Xuân Lâm (1997), “Khởi nghĩa Thái Nguyên (1917) -”, *Nghiên cứu Lịch sử*, số 3, tr.5.

Thứ tư, cũng giống như Hội Việt Nam Quang phục, tình cảm từ những mối quan hệ và lý tưởng cá nhân là cơ sở chủ yếu cho các mối quan hệ mà các thành viên Kỳ bộ đã xây dựng. Chính yếu tố này đã làm mất đi tính bền vững cũng như thiếu sự chắc chắn mỗi khi các hoạt động được triển khai, cũng như có phần thiếu tinh tế trong việc xây dựng các kế hoạch hành động. Sự kỳ vọng từ các nhân tố bên ngoài đã trì hoãn hay nói cách khác là đã chiếm rất nhiều thời gian và công sức của Kỳ bộ. Để chuẩn bị cho khởi nghĩa, Kỳ bộ đã cử các thành viên sang Xiêm để cầu viện sự giúp đỡ của quân Đức và Áo, đã móc nối được với đại tá Harmandes (người Đức) tại đồn Mang Cá (Huế). Và các lực lượng này đã trở thành một phần không thể thiếu trong kế hoạch khởi nghĩa của Kỳ bộ. Cụ thể là ngay khi cuộc khởi nghĩa nổ ra phải tập trung làm chủ cửa biển Đà Nẵng để cho quân Đức từ Xiêm kéo vào, phải liên lạc với viên thiếu tá người Đức ở đồn Mang Cá để trợ lực... Tuy nhiên, các thành viên của cuộc khởi nghĩa lại không nhận thấy được âm mưu của người Đức lúc này. Người Đức chỉ muốn quần chúng nhân dân tại các thuộc địa của Pháp nổi dậy để thu hút sự tập trung đối phó và qua đó, làm giảm thực lực của Pháp trên các chiến trường khác. Thêm vào đó, Kỳ bộ thiếu sự tin tưởng vào khả năng quy tụ lực lượng của chính mình. Việc mời vua Duy Tân tham gia cuộc khởi nghĩa tuy với lý do là để an lòng dân, nhưng nó cũng phản ánh phần nào sự thiếu quyết đoán của các thành viên trong Kỳ bộ.

Thứ năm, chưa có một giai cấp tiên bộ và đủ năng lực để đứng ra lãnh đạo cuộc khởi nghĩa. Những người lãnh đạo trong Kỳ bộ phần lớn là những phần tử ưu tú nhất của một giai cấp đã suy tàn là giai cấp phong kiến. Do vậy, kế hoạch khởi nghĩa do các thành phần này xây dựng, mặc dù đã mang màu sắc dân chủ tư sản, nhưng phần nào vẫn thể hiện những hạn chế của nó so với yêu cầu của thời cuộc. Một trong những điểm nổi rõ nhất là sự mâu thuẫn ngay trong việc xác định mô hình nhà nước cũng như vị trí của vua Duy Tân. Nhiệm vụ quan trọng được Kỳ bộ đặt lên hàng đầu là việc mời cho bằng được vua Duy Tân tham gia vào cuộc khởi nghĩa và khi thành công sẽ đón vua trở về lại kinh thành. Tuy nhiên, mô hình nhà nước mà các thành viên của Kỳ bộ muốn xây dựng sau khi cuộc khởi nghĩa thành công

sẽ là chính thể cộng hòa dân chủ, có tổng thống, có bộ trưởng chứ không phải là quân chủ.

Thứ sáu, chưa xây dựng được cơ sở vững chắc trong quần chúng, từ đó dẫn đến một hệ lụy là khi cuộc khởi nghĩa bị phản công, nghĩa quân không có điểm tựa nên nhanh chóng bị tan rã. Lực lượng chủ yếu mà cuộc khởi nghĩa hướng đến và tin cậy chủ yếu là binh lính người Việt bất mãn với sự đối đãi của thực dân Pháp hoặc các lính mộ sắp bị bắt sang tham chiến tại các chiến trường Âu - Phi. Tuy nhiên, trong quá trình bàn định kế hoạch khởi nghĩa, những người đứng đầu hàng ngũ binh lính này lại không thể có mặt. Chính sự chuyển tải kế hoạch khởi nghĩa gián tiếp như vậy đã làm cho yếu tố bí mật không được đảm bảo cũng như sự phối hợp giữa nghĩa quân bên ngoài và binh lính bên trong thiếu sự ăn ý, nhịp nhàng. Thêm vào đó là sức ép của vua Duy Tân và sự nóng lòng của số lính tập cũng như lính mộ đã làm cho cuộc khởi nghĩa nổ ra trong tình thế vội vã và thiếu sự chuẩn bị chu đáo nên dẫn đến thất bại.

Thứ bảy, sức mạnh từ áp lực tinh thần do thực dân Pháp tạo ra cũng là một trong những nguyên nhân khách quan đưa đến sự thất bại cho cuộc khởi nghĩa. Sau thất bại của phong trào Cần vương, nhiều phong trào yêu nước do các sĩ phu phong kiến lãnh đạo vẫn tiếp tục nổ ra như: khởi nghĩa Yên Thế, chống Thuế ở Trung Kỳ... Tuy nhiên, các phong trào này cuối cùng đều bị thất bại. Sự khủng bố gắt gao, đàn áp mạnh mẽ của thực dân Pháp đối với các phong trào đã tạo ra tâm lý e ngại trong một bộ phận quần chúng nhân dân: “Đám sĩ phu và dân chúng đương thời thì chưa hết khiếp sợ cuộc đàn áp năm 1908 và những khủng bố lẻ tẻ tiếp sau. Chính Phan Bội Châu đã nhận rằng, sự vận động của đảng bấy giờ khó khăn gấp mười tình trạng hồi thịnh thời của Duy Tân Hội”³⁴. Thế Nguyên trong cuốn *Phan Bội Châu thân thế và thi văn* cũng đã có những miêu tả rằng: “Thực dân Pháp đã biết cao trào cách mạng đang lên liền hết sức áp đảo. Vì thế người trong nước hưởng ứng rất ít, chỉ ở miền Nghệ An, Hà Tĩnh được một số người mạo hiểm ẩn núp trên rừng núi hi sinh tính mạng

³⁴ Đào Duy Anh (1955), *Lịch sử cách mạng Việt Nam...* Tlđđ, tr.107.

để ủng hộ”³⁵. Điều này đã tác động đến các hoạt động của Kỳ bộ tại Trung Kỳ trong việc xây dựng cơ sở, quy tụ lực lượng tham gia khởi nghĩa. Kể cả khi công tác chuẩn bị cho cuộc khởi đã hoàn tất thì tâm lý này tiếp tục chi phối và rồi kế hoạch bị bại lộ (trường hợp Võ Huệ), thậm chí một số thành viên đã quay trở lại phản bội phong trào (Nguyễn Đình Trứ...).

Thứ tám, nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự thất bại của cuộc khởi nghĩa là thiếu sự bảo mật và sớm để lộ kế hoạch khởi nghĩa nên thực dân Pháp đã kịp thời đề phòng và đàn áp. Hai ngày trước khi cuộc khởi nghĩa nổ ra, thông tin về kế hoạch hoạt động của nghĩa quân đã bị lộ và thực dân Pháp đã cho binh lính tuần tiễu, chốt chặn những vị trí quan trọng. Đặc biệt, lực lượng lính tập trong các đồn đã bị thực dân Pháp tước hết vũ khí. Đây chính là lực lượng quan trọng nhất của cuộc khởi nghĩa nhưng đã bị cô lập. Do vậy, đến thời điểm khởi nghĩa, lực lượng này không thể thực hiện đúng kế hoạch nội ứng ngoại hợp: không có vũ khí để quay lại tấn công quân Pháp, cũng như không thể đốt lửa, nổ đại bác làm hiệu... Đây chính là một trong những điểm hạn chế so với cuộc khởi nghĩa của Hội Việt Nam Quang phục ở Thái Nguyên (1917). Cuộc khởi nghĩa ở Thái Nguyên cũng được bàn bạc nhiều lần, chương trình hành động đã được vạch ra, công tác tuyên truyền, vận động đã được xúc tiến, ngày khởi nghĩa đã được ấn định,... và yếu tố bí mật đã giữ được cho đến giây phút cuối cùng. Tuy nhiên, cuộc khởi nghĩa ở Thái Nguyên cũng lại một lần nữa thể hiện tính chất thiếu triệt để của nó. Sau khi cuộc khởi nghĩa bùng nổ và thu được những thắng lợi nhất định thì Bộ chỉ huy nghĩa quân lại lâm vào tình thế bị động, lúng túng. Chiếm được tỉnh lỵ, có tuyên nguyên, có quốc kỳ, quốc hiệu nhưng suốt trong 1 tuần lễ làm chủ tỉnh lỵ, các vấn đề xây dựng chính quyền mới, ban bố quyền lợi cho nhân dân vẫn chưa được nghĩa quân giải quyết, đề trên cơ sở đó huy động mọi lực lượng quần chúng tham gia và ủng hộ chính quyền, đẩy mạnh cách mạng tiến lên. Bên cạnh đó, đội quân còn gặp phải sai lầm do chính sách phòng thủ của Đội Cận đưa ra mà không biết rằng,

³⁵ Thái Nguyên (1956), *Phan Bội Châu thân thế và thi văn (1867-1940)*, nhà in Tân Việt, Sài Gòn, tr.29.

trong khởi nghĩa một khi đã bắt đầu thì phải hành động với quyết tâm to lớn và phải tấn công. F. Engels trong công trình *Cách mạng và phản cách mạng ở Đức* cũng đã cho rằng: Phòng ngự là sự diệt vong của mọi cuộc khởi nghĩa vũ trang; nếu phòng ngự, khởi nghĩa sẽ thất bại ngay trước khi độ sức với kẻ thù.

Trên đây là một số nguyên nhân dẫn đến sự thất bại cuộc khởi nghĩa của Kỳ bộ Hội Việt Nam Quang phục tại Trung Kỳ. Tuy nhiên, sẽ là thiếu sót nếu chúng ta không nhìn nhận một cách hợp lý những yếu tố tiến bộ, tích cực từ cuộc khởi nghĩa này.

Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Thái Phiên,... là những lãnh tụ chính của cuộc khởi nghĩa. Tư tưởng và kế hoạch hành động mà họ dự kiến trước lúc đến gặp vua Duy Tân đã phản ánh bước tiến quan trọng về chủ trương, quan điểm cứu nước của họ. Cụ thể: *“Trong thời gian nổi dậy nếu người châu Âu nào sát hại đồng bào thì bị bắn ngay, còn nếu những ai không làm gì chống lại thì chúng ta tôn trọng đời sống của họ; ...Đối với những người công giáo chúng ta phải tôn trọng tín ngưỡng của họ, không đối xử xấu với họ như các tiên vương của chúng ta từng đối xử; Khi tấn công, ta phải bảo vệ, không được xâm phạm tài sản của dân chúng để thể hiện sự chính nghĩa trong sự nghiệp của chúng ta”*³⁶. Và chính sự đổi mới về tư duy này đã cho phép họ tiến xa hơn trong việc tạo dựng một mô hình nhà nước hoàn toàn mới trong lịch sử Việt Nam đương thời - mô hình nhà nước theo thể chế cộng hòa dân chủ (dù chỉ mới nằm trong kế hoạch khởi nghĩa), và thực hiện các hoạt động cải cách dân sinh, dân chủ cho quần chúng nhân dân sau khi cuộc khởi nghĩa đã thành công (ban bố các quyền tự do dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xóa bỏ thuế đinh cùng các thứ thuế khác...). Qua đó cho thấy rằng, trong chừng mực nhất định, các sĩ phu phong kiến yêu nước đã nhận thấy được những vấn đề cấp bách của cách mạng Việt Nam đương thời. Đó là phải đấu tranh chống ngoại xâm, kết hợp với việc bảo đảm các quyền lợi, lợi ích thiết thực cho quần chúng nhân dân. Và nếu so với các hoạt động bạo động vũ trang do Hội Việt Nam Quang phục tổ chức trước đó,

³⁶ Lưu Anh Rô (2016), “Phát hiện mới về cuộc gặp giữa Thái Phiên và Trần Cao Vân với vua Duy Tân”, *Tạp chí Non Nước*, số 220.

cuộc khởi nghĩa của Kỳ bộ tại Trung Kỳ đã vượt lên ở một mức độ nhất định về tư tưởng chính trị cũng như cách thức tổ chức các hoạt động, nó không còn mang tính chất phiêu lưu, mạo hiểm (để đi đến cuộc khởi nghĩa, Kỳ bộ đã nhóm họp và bàn định kỹ lưỡng: 2 lần đại hội, các lần hội đàm riêng giữa Phan Thành Tài, Trần Cao Vân, Thái Phiên, Đỗ Tự,...; phân công nhiệm vụ, thành lập ban chỉ huy, định quốc kì, kinh đô, định thể chế và bộ máy nhà nước sẽ thành lập...).

Mặc dù thất bại nhưng cuộc khởi nghĩa của Kỳ bộ Hội Việt Nam Quang phục tại Trung Kỳ đã tiếp tục minh chứng cho tinh thần yêu nước, ý chí và quyết tâm chống kẻ thù xâm lược của quần chúng nhân dân Việt Nam nói chung và các sĩ phu phong kiến yêu nước nói riêng. Cũng chính do vậy mà trong báo cáo về tình hình Đông Dương, thực dân Pháp đã có nhận định: *“Cho đến khi đệ nhất thế chiến chấm dứt, không có một hành động kháng chiến nào xảy ra mà không có sự nhúng tay của các uỷ viên mà Việt Nam Quang phục hội phái về vận động trong nước hay thực hiện những kế hoạch hoạt động ấy”*³⁷. Điều quan trọng hơn, cuộc khởi nghĩa này đã góp phần giữ và truyền lửa cho các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của quần chúng nhân dân Việt Nam trong các giai đoạn tiếp theo./.

NTT - DTM

³⁷ Nguyễn Thế Anh (1970), *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, Sdd, tr.305-306.

NGUYÊN NHÂN THẤT BẠI VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA Ở NAM TRUNG KỲ THÁNG 5.1916 CỦA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI

TS. NGUYỄN THU HỒNG*

Cuộc khởi nghĩa ở Nam Trung Kỳ nổ ra vào tháng 5 năm 1916 do Việt Nam Quang phục hội lãnh đạo là cuộc khởi nghĩa rất đáng chú ý trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam thời kỳ Chiến tranh Thế giới thứ nhất (1914-1918). Mặc dù âm mưu cuộc khởi nghĩa sớm bị bại lộ, nên không nổ ra ở kinh đô Huế và một số tỉnh lân cận khác, nhưng cuộc khởi nghĩa thực tế đã nổ ra ở một bộ phận tại phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Một số tác giả có lẽ không nắm được cuộc nổi dậy đêm mùng 3 rạng ngày mùng 4 tháng 5 năm 1916 tại phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, nên đã cho rằng đây không phải là một cuộc khởi nghĩa, mà chỉ cho đó là “*một cuộc vận động khởi nghĩa*” mà thôi. Vì vậy, bài viết này đi sâu phân tích nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa, với mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé vào đánh giá đúng vị trí, vai trò của cuộc khởi nghĩa nổ ra vào tháng 5 năm 1916 ở Nam Trung Kỳ do Việt Nam Quang phục hội lãnh đạo trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX.

1. Nguyên nhân thất bại

Cuộc khởi nghĩa tháng 5 năm 1916 có quy mô rộng lớn, trải dài từ các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, thậm chí xuống tận vùng Khánh Hòa, do một số sĩ phu yêu nước, tiên bộ và một số tri thức tiểu tư sản thuộc tổ chức Việt Nam Quang phục hội khởi xướng và tổ chức.

Việt Nam Quang phục hội là một tổ chức yêu nước do Phan Bội Châu thành lập năm 1912 ở Quảng Đông (Trung Quốc). Với tôn chỉ

* Khoa Khoa học Chính trị, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội.

là “đánh đuổi giặc Pháp giành lại nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa dân quốc Việt Nam”. Hoạt động của Hội chủ yếu là tạo ra “tiếng vang kinh thiên động địa” để “gọi tỉnh hồn nước”, vì vậy từ khi thành lập cho tới khi tan rã Hội đã tổ chức nhiều cuộc bạo động, như ở Thái Bình và Hà Nội (1912), Phú Thọ và Móng Cái (7.1.1915), Đồn Tà Lùng (13.3.1915). Sau khi trận đánh đồn Tà Lùng thất bại, nhiều yếu nhân của Quang Phục hội bị bắt và bị giết, một số tiếp tục hoạt động ở trong nước, một số lưu lại ở Trung Quốc và một số di chuyển sang Xiêm. Phân hội Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ được thành lập từ khoảng thời gian năm 1913-1914, trong thế giới thứ hai, xuất phát từ tình hình thực dân Pháp mộ lính người Việt để đưa xuống tàu đi tham gia vào cuộc chiến tranh Pháp - Đức, đã gây tâm lý hoang mang, lo sợ tới lực lượng này. Các yếu nhân trong phân hội Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ cho rằng đây là cơ hội tốt để phát động khởi nghĩa.

Thời gian khởi sự cuộc khởi nghĩa được ấn định vào 1 giờ sáng ngày 3 tháng 5 năm 1916. Lực lượng lãnh đạo cuộc khởi nghĩa là Thái Phiên¹, Trần Cao Vân², Phan Thành Tài³, Lê Ngung⁴ và vua Duy Tân... Để quyết định kế hoạch khởi nghĩa, ban lãnh đạo phong trào phải trải qua hai lần Đại hội. Lần thứ nhất diễn ra vào tháng 9 năm 1915 tại Phú Xuân, do Thái Phiên tổ chức. Trong lần Đại hội này, các yếu nhân lãnh đạo phong trào chưa đưa ra được thời gian khởi sự, mà chỉ mới thống nhất một số công việc chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa, như: Viết thư xin chỉ thị của Phan Bội Châu; phát triển lực lượng ra các tỉnh; mời vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa để tranh thủ tầng lớp trên; dự thảo tờ hịch, chương trình kiến quốc; liên lạc với thiếu tá người Đức chỉ huy quân đội Pháp đóng ở đồn Mang Cá để làm nội ứng khi khởi nghĩa... Sau Đại hội, cùng với việc vận động các tỉnh

¹ Thái Phiên (1882-1916), quê ở làng Nghi An, tổng Phước Tường, huyện Hoà Vang, tỉnh Quảng Nam, nay thuộc phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

² Trần Cao Vân (1866-1916), quê ở làng Tư Phú, tổng Hòa Đa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, nay là xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

³ Phan Thành Tài (1869-1916), quê ở Bảo An, nay là xã Điện Trung, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông vốn là giáo sư trường Diên Phong, Quảng Nam.

⁴ Lê Ngung (1865-1916), quê ở Đông Phước, nay là thôn Phước Hòa, xã Bình Thanh Tây, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

tham gia khởi nghĩa, việc vận động vua Duy Tân và bố trí kế hoạch tiếp cận nhà vua được giới lãnh đạo phong trào nghiên cứu hết sức chu đáo.

Đầu năm 1916, được sự hướng dẫn của viên đội thị vệ Nguyễn Quang Siêu và tài xế lái xe nhà vua là Phạm Hữu Khánh, hai nhà cách mạng Thái Phiên và Trần Cao Vân đã gặp được vua Duy Tân, cùng vua bàn bạc chủ trương khởi nghĩa và được nhà vua tán thành chủ trương, đồng thời cũng được vua nhắc nhở là nên hành động gấp kéo lỡ thời cơ. Thái Phiên và Trần Cao Vân sau đó đã cho triệu tập Đại hội lần hai vào trung tuần tháng 2 năm 1916 tại Phú Xuân. Đại hội lần này đã thông qua chương trình kiến quốc và kế hoạch khởi nghĩa. Trong chương trình kiến quốc, Đại hội thống nhất Quốc hiệu là Việt Nam, kinh đô là Quy Nhơn. Quốc kỳ hình vuông, nền đỏ có 5 sao trắng quanh một cái vòng tròn, về chính thể thì không nói rõ theo chế độ quân chủ hay chế độ dân chủ. Về kế hoạch khởi nghĩa, Đại hội thống nhất thời gian phát động khởi nghĩa là đúng giờ Tý, ngày 2 tháng 4 năm Bính Thìn (tức 1 giờ sáng ngày 3 tháng 5 năm 1916). Khởi điểm tại kinh đô Huế, sẽ bắn súng thần công báo hiệu lệnh cho hai tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, đồng thời ở đèo Hải Vân nổi lửa báo hiệu cho hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi. Cùng với đó, còn tiến hành huy động các đội dân binh Thừa Thiên Huế hưởng ứng với các đội binh sĩ chiếm lấy kinh đô. Lực lượng Quảng Nam, Quảng Ngãi sẽ đánh chiếm trụ sở tỉnh thành và chiếm Đà Nẵng để mở đường giao thông với quân Đức. Ngoài lực lượng chính thức là lính tập, lính mộ ra, các đội dân binh võ trang sẽ hỗ trợ đánh ở bên ngoài. Thông qua Đại hội lần 2 này, cũng quyết định cụ thể kế hoạch cũng như phân công người lãnh đạo khởi nghĩa ở các tỉnh.

Sau Đại hội, các Đại biểu trở về địa phương tiến hành chuẩn bị và chờ ngày khởi nghĩa. Tuy nhiên, không may trước ngày khởi sự, âm mưu đã bị bại lộ ở Huế và Quảng Ngãi. Lý do vì sao bại lộ, cho đến nay vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau, có tài liệu cho rằng kế hoạch bị bại lộ là do Huỳnh Quang Trị - người phụ trách tài chính quân lương bị bắt mà khai ra, tài liệu khác lại cho rằng Võ An (Võ Cư) - cai khổ xanh ở đồn Quảng Ngãi và Võ Huệ (Võ Trung) - anh Võ Cư

là lính giản phục vụ tại dinh án sát⁵. Có tài liệu lại cho rằng, do gần đến ngày khởi sự, việc tuyên truyền trong binh lính không được thận trọng. Vợ con lính tấp nập rời về quê, gây ra một không khí khác thường, làm cho giặc Pháp sinh nghi. Chúng tung mật thám đi dò manh mối. Kết quả là đã điều tra thấy một số người, trong đó có cả Trần Cao Vân đã liên lạc từ Huế và Quảng Nam, Quảng Ngãi. Trong lúc Pháp đang ráo riết đề phòng, thì chiều ngày 3 tháng 5, tên Trần Quang Trứ đã phản bội, báo cho khâm sứ Huế biết hết ngày giờ khởi nghĩa⁶...

Sau khi tin tức bại lộ, lập tức viên công sứ ra lệnh giới nghiêm trong tỉnh, tước vũ khí và tổng giam binh lính, đồng thời đánh điện mật báo khâm sứ Trung Kỳ. Khâm sứ một mặt mật báo công sứ các tỉnh nỗ lực canh phòng, một mặt ra lệnh giới nghiêm. Từ 6 giờ chiều ngày 2 tháng 5 (lịch dương), tất cả các đồn ở Huế đều đóng chặt cửa, các lính người Việt bị giữ lại trong thành, tất cả vũ khí bị tịch thu cất vào kho. Ngoài đường chỉ có các đội lính lê dương đi tuần tiễu. Ở Đà Nẵng, Hội An, Quảng Ngãi cũng đều bao trùm hiện tượng bất thường, các thủ lĩnh cách mạng mặc dù có sinh nghi, nhưng tuyệt nhiên không biết gì về việc cơ mưu đã bị bại lộ, nên vẫn tiếp tục theo mật lệnh thi hành khắp các nơi. Đến 1 giờ ngày 3 tháng 5 (lịch dương), không nghe tiếng súng lệnh, và tất nhiên không thể đốt lửa ở đèo Hải Vân báo hiệu cho hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi được. Và như vậy, từ không được lệnh báo ở kinh đô, các tỉnh, thành cũng phải nằm yên, các đoàn dân binh tụ tập ở hầu hết các phủ, huyện chờ đợi không thấy hiệu lệnh khởi nghĩa nên đến gần sáng cũng tự tan đã.

Tuy nhiên, chỉ có dân binh ở phủ Tam Kỳ, Quảng Ngãi dù không thấy hiệu lệnh, nhưng vì lòng căm thù giặc chứa chất bấy lâu, nay dưới sự chỉ huy của Nguyễn Bàng (tức phó Bêm) đã vây tòa đại lý, bắn chết tên đại lý Pháp và kéo đến phủ lý bắt trói tri phủ Tạ Thúc

⁵ Lâm Quang Thự (1974). *Quảng Nam địa lý lịch sử nhân vật*, Ban Liên lạc đồn hương tỉnh Quảng Nam và UBMTTQ tỉnh Thanh Hóa xuất bản, tr 95.

⁶ Trần Huy Liệu, Nguyễn Công Bình, Phan Khôi, Văn Tạo biên soạn. *Cách mạng Cận đại Việt Nam*, tập III, tr 99.

Xuyên đưa đi hỏi tội.^{7,8} Cuộc khởi nghĩa đang trên đà phát triển thì bị lực lượng quân Pháp kéo tới, tìm kiếm bắt bớ, đồng thời bắn chết một dân binh đang treo lên cột cờ hạ lá cờ tam tài xuống và thay vào đó là cờ khởi nghĩa⁹. Trước áp lực của quân Pháp, cuộc khởi nghĩa nhanh chóng tan rã.

Sau đó giặc Pháp mở một đợt khủng bố. Những yếu nhân trong quân đội và ngoài dân chúng hầu hết bị giặc bắt. Đến ngày 6 tháng 5, vua Duy Tân bị giặc bắt ở trên núi Thiên Mục (cách Huế khoảng 5km). Khi lực lượng quân Pháp đến núi Thiên Mục bắt nhà vua, một viên quan Pháp định tiến lại gần vua Duy Tân để lấy một gói nhỏ ở thắt lưng nhà vua. Với một giọng của người bề trên và khinh miệt, vua Duy Tân nói: *“không được lại gần, lùi lại một bước, nếu tao có một khẩu súng lục, tao có thể đánh được cả bốn chúng mày”*¹⁰. Sau khi bị địch bắt, vua Duy Tân bị đày đi đảo Réunion ở Ấn Độ Dương. Còn Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phạm Thành Chương cùng một số người khác bị tử hình ở Cống chém An Hòa (Huế). Phan Thành Tài, Phó Bểm cũng bị giết. Số còn lại không bị giết cũng bị giam giữ ở nhà tù Côn Đảo và Lao Bảo.

Qua phần trình bày phía trên, chúng ta thấy mặc dù cuộc khởi nghĩa mới chỉ nổ ra nhỏ lẻ ở một bộ phận phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam thì đã bị dập tắt. Nhưng cuộc khởi nghĩa này hoàn toàn không phải là một cuộc đấu tranh tự phát của quần chúng nhân dân và cũng không phải do lực lượng triều đình khởi xướng, mà do một số sĩ phu yêu nước, tiến bộ và một số tri thức tiểu tư sản thuộc tổ chức Việt Nam Quang phục hội khởi xướng. Hơn thế nữa, chúng ta còn thấy cuộc khởi nghĩa này hoàn toàn đã có sự chuẩn bị, bởi sau khi một loạt

⁷ Lâm Quang Thự (1974). *Quảng Nam địa lý lịch sử nhân vật*, Ban Liên lạc đồn hương tỉnh Quảng Nam và UBMTTQ tỉnh Thanh Hóa xuất bản, tr 97.

⁸ Trong tài liệu *Cách mạng Cận đại Việt Nam*, tập III, của Trần Huy Liệu, Nguyễn Công Bình, Phan Khôi, Văn Tào biên soạn, thì lại nói là quân khởi nghĩa giết được 3 giặc, cướp dinh nhà một tên quan lại thì quân Pháp kéo tới.

⁹ Lâm Quang Thự (1974). *Quảng Nam địa lý lịch sử nhân vật*, Ban Liên lạc đồn hương tỉnh Quảng Nam và UBMTTQ tỉnh Thanh Hóa xuất bản, tr 97; Trần Huy Liệu, Nguyễn Công Bình, Phan Khôi, Văn Tào biên soạn. *Cách mạng Cận đại Việt Nam*, tập III, tr 100.

¹⁰ Trần Huy Liệu, Nguyễn Công Bình, Phan Khôi, Văn Tào biên soạn. *Cách mạng Cận đại Việt Nam*, tập III, tr 100.

những cuộc bạo động của tổ chức Việt Nam Quang phục hội bị đàn áp ở khu vực miền Bắc, và trước đó là phong trào chống thuế ở Trung Kỳ bị khủng bố. Các yếu nhân của tổ chức Việt Nam Quang phục hội và một số yếu nhân lãnh đạo phong trào chống thuế ở Trung Kỳ năm 1908 đã nhìn nhận lại thực lực của cách mạng bên trong, về đội ngũ lãnh đạo, lực lượng tham gia khởi nghĩa, thời cơ tiến hành khởi nghĩa, phương pháp tổ chức cuộc khởi nghĩa... Đặc biệt hơn nữa, cuộc khởi nghĩa ở Nam Trung Kỳ lại diễn ra trong thời cơ hết sức thuận lợi, đó là ở bên ngoài Pháp - Đức đang xâu xé lẫn nhau, Pháp lại bị đại bại liên tiếp và mất khả năng đảm đương hết tất cả các thuộc địa, ở trong nước do chính sách động viên trong chiến tranh về nhân tài vật lực của Pháp đã làm cho mâu thuẫn giữa toàn dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai trở nên gay gắt, tinh thần hưởng ứng cách mạng của nhân dân và binh lính dâng cao... Nhưng cuối cùng cuộc khởi nghĩa ở Nam Trung Kỳ tháng 5 năm 1916 vẫn sớm bị dập tắt, và bị thực dân Pháp chìm trong bể máu.

Lý giải điều này, trước đây một số nhà sử học miền Nam đã giải thích rằng, vì do âm mưu khởi nghĩa bị bại lộ từ đầu, do sự phản bội của một vài đảng viên trọng yếu, khởi nghĩa thiếu sự phối hợp... Kỳ thực đây chỉ là những nguyên nhân trực tiếp làm cho cuộc khởi nghĩa thất bại. Nguyên nhân căn bản và sâu xa theo chúng tôi chủ yếu là do thiếu một số nhân tố sau đây:

Thứ nhất, cuộc khởi nghĩa chưa phát huy đầy đủ lực lượng quần chúng. Marx đã từng nói “*quần chúng nhân dân là người làm nên lịch sử*”¹¹. Thức tế trong lịch sử đấu tranh của dân tộc ta đã chứng minh, yếu tố quần chúng là một trong những yếu tố rất quan trọng quyết định tới thắng lợi. Thế nhưng chúng ta thấy động lực trong cuộc khởi nghĩa ở Nam Trung kỳ lại chủ yếu là lực lượng lính mộ và lính khổ xanh. Cụ thể ở Huế: Từ đồn Mang Cá, viên thiếu tá người Đức hỗ trợ khởi nghĩa với 1000 lính mộ, sẽ là lực lượng xung phong và cũng là lực lượng chính của cuộc khởi nghĩa. Bên cạnh đó còn có 2000 lính khổ xanh sẽ là lực lượng hưởng ứng.¹² Ngoài ra, ở các vùng

¹¹ Ăngghen (1984), *Phép biện chứng tự nhiên*. NXB. Nhân dân Bắc Kinh (Trung văn), tr 89.

¹² Lê Ước (Đại Thạch), *Cuộc Duy tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài (1882-1916)*, Tạp chí Văn Sử địa, số 11.1968, tr 88.

thôn quê và ngoại ô còn có sự tham gia của quan lại viên chức, dân chúng; ở Quảng Nam và Quảng Ngãi, cơ sở dân chúng kiên cố hơn cả; ở Quảng Trị, cùng với lực lượng lính khổ xanh là sự tham gia của một số quần chúng; ở Quảng Bình chỉ có 3 đồng chí; ở Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa lực lượng không có bao nhiêu. Như trên đã nói, lý do những yếu nhân lãnh đạo khởi nghĩa dựa vào lực lượng lính mộ và lính khổ xanh là động lực cách mạng chủ yếu, là yếu tố quyết định để giành thắng lợi, vì muốn nhân cơ hội lực lượng binh lính này đang hoang mang tâm lý vì sắp phải tham gia cuộc chiến tranh giữa Pháp và Đức, mà vận động họ phản chiến, tham gia hưởng ứng cách mạng. Bên cạnh đó, lực lượng ở tầng lớp trên của xã hội cũng được coi là đối tượng vận động thứ hai. Trong khi đó, quần chúng nhân dân (chủ yếu là nông dân) với số lượng đông đảo lúc bấy giờ lại bị xem nhẹ.

Thứ hai, thiếu một đường lối cách mạng đúng đắn. Trong giới lãnh đạo khởi nghĩa, dù nói rằng họ đã mang tư tưởng dân chủ tư sản, nhưng trong hoàn cảnh lịch sử Việt Nam lúc đó, tư tưởng đó cũng chỉ dừng lại ở mức cao nhất là quân chủ lập hiến. Thành phần xuất thân có khác nhau: Trần Cao Vân, Lê Ngung là những sĩ phu yêu nước cũ; Lê Đình Dương, Phan Thành Tài là những nhà trí thức Tây học (y sĩ, giáo sư); bản thân Thái Phiên cũng đã từng làm Thông phán, Ký lục và đã từng đứng đầu các công việc kinh doanh theo lối làm ăn mới. Do đó, trong họ chính kiến cũng chưa hẳn đã hoàn toàn thống nhất. Trong Hội nghị Phú Xuân lần II vào trung tuần tháng 2 năm 1916, khi bàn về vấn đề chính thể, Hội nghị đã thảo luận khá lâu. Một số người chủ trương theo tư tưởng quân chủ lập hiến, đứng đầu là Trần Cao Vân cho rằng, với điều kiện xã hội và nhân dân ta lúc này chưa biết tư tưởng dân chủ là gì,¹³ vì vậy nếu đưa chính thể dân chủ vào thì quá sớm, do đó để có danh nghĩa triệu tập quần chúng nhân dân tham gia phong trào thì nên mời vua tham gia khởi nghĩa. Cũng có một số người lại cho rằng, chế độ quân chủ đã lỗi thời, không còn phù hợp với xu hướng lúc bấy giờ, thậm chí mất uy tín đối với người dân, vì thế nên theo chế độ dân chủ là hơn. Mặc dù Hội nghị vẫn chưa ngã ngũ về vấn đề chính thể, thể hiện trong phần nội dung về “chương

¹³ Hoàng Hiến (1996), *Vua Duy Tân*. NXB. Thuận Hóa, tr 55.

trình kiến quốc”, mục “chính thể”, không hề nói rõ là theo chế độ quân chủ hay dân chủ, tuy nhiên Hội nghị đã nhất trí mời nhà vua đứng vào cuộc khởi nghĩa cốt để tranh thủ nhân dân. Về quyết định này của Hội nghị, đã khiến cho phong trào mang tính chất quân chủ lập hiến. Tuy nhiên cũng có thể cắt nghĩa bằng hai mặt “một là vấn đề chiến thuật; hai là nó phản ánh sự hạn chế về tính chất giai cấp của những người lãnh đạo bấy giờ, tuy có tiếp thu được trào lưu cách mạng thế giới... nhưng ý thức hệ phong kiến vẫn còn tồn tại ít nhiều...”¹⁴.

Thứ ba, thiếu một sách lược cách mạng thích hợp. Vào đầu thế kỷ XX, do tác động của hoàn cảnh lịch sử, phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam diễn ra khá phức tạp, nổi lên hai xu hướng chính: xu hướng bạo động của Phan Bội Châu và cải cách của Phan Châu Trinh. Trong chủ trương cách mạng của Phan Bội Châu, do chưa nhìn thấy bản chất đế quốc của Nhật nên ông đã có ý dựa vào Nhật để mong Nhật giúp đỡ giải phóng dân tộc mình, và kết cục của phong trào Đông du khiến cho ông bừng tỉnh. Còn Phan Châu Trinh lại mong dựa vào Pháp để thực hiện duy tân đất nước, chủ trương này khi qua đời ông vẫn không thôi ảo tưởng. Cuối cùng, phong trào cách mạng của hai ông đều bị thực dân Pháp đàn áp. Tới cuộc khởi nghĩa ở Nam Trung Kỳ tháng 5 năm 1916, các yếu nhân lãnh đạo cuộc khởi nghĩa cũng do không thấy được dã tâm của Đức ở Viễn Đông lại bắt tay với Đức để đánh Pháp, đây là một chủ trương rất nguy hiểm. Ngoài ra, việc xây dựng “căn cứ địa”, cách tấn công phòng ngự..., công tác tổ chức không được chặt chẽ để kẻ thù trà trộn vào phá hoại phong trào. Công tác binh vận tuy sôi nổi nhưng thiếu sâu sắc và có phần bừa bãi.¹⁵ Kế hoạch khởi nghĩa thay đổi đã đánh động cho kẻ thù biết đề phòng. Cơ sở nội tuyến, liên lạc không chặt chẽ, cho nên khi một trung tâm bị lộ, vẫn không thể báo tin kịp cho các nơi khác biết, để kẻ thù có điều kiện tập trung lực lượng tiêu diệt từng nơi một.

Thứ tư, thiếu một cơ sở xã hội mạnh mẽ làm hậu thuẫn. Do bị tác động của chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân

¹⁴ Hoàng Hiến (1996), *Vua Duy Tân*. NXB. Thuận Hóa, tr 59.

¹⁵ Hoàng Hiến (1996), *Vua Duy Tân*. NXB. Thuận Hóa, tr 53.

Pháp, xã hội Việt Nam có sự chuyển biến từ một xã hội phong kiến cổ truyền trở thành một xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Mặc dù nền kinh tế hàng hóa có điều kiện phát triển, nhưng quan hệ sản xuất phong kiến lỗi thời vẫn được tiếp tục được duy trì. Kinh tế tư sản dân tộc mặc dù đã hình thành, nhưng hoạt động một cách yếu ớt và luôn bị kìm hãm, chèn ép, không có điều kiện để phát triển. Cơ cấu xã hội cũng đã bắt đầu có sự thay đổi: những lực lượng xã hội mới đã hình thành, phát triển bên cạnh sự phân hóa các giai cấp cũ, nhưng hoàn toàn chưa có ý thức đầy đủ về mình, đây là: tầng lớp tư sản dân tộc và tiểu tư sản, giai cấp công nhân đang còn ở giai đoạn “tự mình”. Đồng thời các bộ mặt thành thị Việt Nam bắt đầu thay đổi. Tất cả những biến chuyển ấy ít nhiều sẽ chi phối tới phong trào cách mạng của Việt Nam nói chung và phong trào đấu tranh của nhân dân ở Nam Trung Kỳ trong giai đoạn chiến tranh thế giới thứ nhất nói riêng.

2. Ý nghĩa lịch sử

Kể từ phong trào Cần vương và khởi nghĩa Văn thân (1885), thời kỳ thứ nhất của cách mạng Việt Nam thuộc phạm trù cách mạng tư sản kết thúc với cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội vào tháng 5 năm 1916.

Như vậy, với cuộc khởi nghĩa tháng 5 năm 1916, đã đánh dấu sự kết thúc vai trò của các sĩ phu yêu nước, tiến bộ xuất thân từ giai cấp phong kiến, để sau chiến tranh thế giới thứ nhất, nhường bước cho một thế hệ mới, đó là giai cấp công nhân Việt Nam. Mặc dù cuộc khởi nghĩa này thất bại, nhưng nó vẫn là sự tiếp nối các phong trào và các cuộc khởi nghĩa trước đó, thể hiện tinh thần yêu nước cao độ, sự nhạy bén cách mạng của các sĩ phu, của quần chúng nhân dân và của binh lính người Việt ở miền Nam Trung Kỳ nói riêng, cũng như bồi đắp thêm truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam nói chung. Đồng thời, nó còn góp phần tích cực vào việc chặn đứng bàn tay của đế quốc Pháp trong việc vơ vét sức người, sức của ở Việt Nam để cung ứng cho cuộc chiến tranh phi nghĩa ở châu Âu, từ đó góp phần làm suy yếu hậu phương của chủ nghĩa đế quốc trong thời gian chiến tranh Thế giới thứ nhất (1914-1918).

Từ sự thất bại của cuộc khởi nghĩa ở Nam Trung Kỳ tháng 5

năm 1916 do Việt Nam Quang phục hội lãnh đạo, những nhà cách mạng Việt Nam sau này có điều kiện rút ra những bài học kinh nghiệm xương máu cho mình, như: về vấn đề xác định động lực cách mạng, vấn đề kết hợp đấu tranh giữa lực lượng quân sự với lực lượng chính trị, yếu tố bảo mật trong khởi nghĩa, vấn đề tiếp thu và nâng cao truyền thống binh vận trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng... Tất cả những vấn đề này đều được giải quyết thỏa đáng khi chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam ra đời vào tháng 2 năm 1930, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối và lãnh đạo của cuộc cách mạng Việt Nam, đưa đến những thắng lợi vang dội sau này.

Với những ý nghĩa cao cả đó, đến nay chúng ta cũng nên thống nhất lại tên gọi của cuộc khởi nghĩa này, để có thể phản ánh đúng nội dung và tính chất của phong trào. Bởi, không ít tác giả căn cứ vào sự tham gia của các yếu nhân là những sĩ phu yêu nước và vua Duy Tân, hay dựa vào kế hoạch khởi sự đầu tiên ở Huế, hoặc là dựa vào năm nổ ra cuộc khởi nghĩa... để đặt tên cho phong trào, như: “cuộc Duy Tân khởi nghĩa”, “cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân”, “cuộc khởi nghĩa năm Bính Thìn 1916”, “cuộc âm mưu khởi nghĩa ở Huế tháng 5. 1916 của vua Duy Tân”, “cuộc binh biến ở Huế”... Tuy nhiên, toàn bộ những tên trên đều không phản ánh đầy đủ nội dung của cuộc khởi nghĩa. Bởi vì:

Thứ nhất, phong trào không chỉ nổ ra ở Huế, mà phạm vi của nó hầu như toàn bộ các tỉnh ở Nam Trung Bộ. Huế chỉ là nơi khởi điểm cho cuộc khởi nghĩa mà thôi.

Thứ hai, vua Duy Tân không phải là người đề xướng ra cuộc khởi nghĩa, mà là do một số sĩ phu yêu nước, tiến bộ và một số tri thức tiêu tư sản thuộc tổ chức Việt Nam Quang phục hội khởi xướng.

Thứ ba, đây là một cuộc khởi nghĩa đấu tranh bằng bạo lực, do đó nếu một số tác giả sử dụng với cái tên “cuộc Duy Tân khởi nghĩa” thì rất dễ khiến người đọc nhầm lẫn phong trào như một cuộc vận động cải cách, mà trước đó đã có.

Vì thế tôi cũng đồng ý với một số học giả cho rằng, có lẽ nên sử dụng thuật ngữ “Cuộc khởi nghĩa ở Nam Trung Kỳ tháng 5 năm 1916 của Việt Nam Quang phục hội”. Với tên gọi này, nó phản ánh toàn

diện hơn, thực chất phong trào. Đồng thời, cũng làm sáng tỏ vấn đề, đó là sau khi một loạt cuộc bạo động của Việt Nam Quang phục hội tiến hành ở một số tỉnh miền Bắc bị đàn áp trong thời gian từ 1912 đến 1915, thì sau đó năm 1916, dưới sự lãnh đạo của tổ chức này, cuộc khởi nghĩa ở Nam Trung Kỳ đã nổ ra, khẳng định hoạt động của hội này vẫn được duy trì tiếp tục sau đó và có sở khá vững chắc ở miền Trung. Mà từ trước tới nay, nhiều người cho rằng Việt Nam Quang phục hội không có cơ sở ở trong nước.

Kết luận

Cuộc khởi nghĩa ở Nam Trung kỳ do Việt Nam Quang phục hội lãnh đạo bắt nguồn từ truyền thống cách mạng của nhân dân Trung Kỳ, phản ánh yêu cầu của nhân dân chống lại và cởi bỏ ách thống trị ngột thở của chính quyền thực dân. Mặc dù tôn chỉ của những người lãnh đạo còn lạc hậu so với trào lưu cách mạng chung, dù tổ chức còn thiếu chặt chẽ và không khoa học, nhưng phong trào này vẫn được nhân dân và binh lính người Việt nhiệt liệt hưởng ứng. Mặc dù âm mưu nổi dậy bị bại lộ nên kế hoạch khởi nghĩa không được thực hiện ở Huế và một số tỉnh khác, nhưng nó đã nổ ra trong một bộ phận tại phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Cuộc nổi dậy vũ trang xảy ra vào đêm 3 tháng 5 năm 1916 tại phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam là một thực tế lịch sử, là một cuộc khởi nghĩa với đầy đủ tính chất của nó, đã để lại một dấu ấn sâu sắc trong truyền thống cách mạng chống Pháp của xứ Quảng địa linh nhân kiệt mà nhân dân Quảng Nam có quyền tự hào./.

NTH

CẦN CÓ MỘT DANH XƯNG THỐNG NHẤT CHO CUỘC CHUẨN BỊ KHỞI NGHĨA VŨ TRANG Ở TRUNG KỲ NĂM 1914 -1916

TS. NGUYỄN THỊ ĐÀM*

Trong những năm Chiến tranh Thế giới thứ nhất (1914-1918) ở Việt Nam đã bùng lên một phong trào khởi nghĩa vũ trang sôi nổi trong cả nước. Tại Trung Kỳ cũng dấy lên một công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa mà lâu nay sử sách chưa có một tên gọi nhất quán. Sách thì viết là “Cuộc khởi nghĩa Duy Tân”, sách thì viết là “Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên, Trần Cao Vân”, sách thì gọi đó là “Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội năm 1916”. Sách khác gọi là “Cuộc khởi nghĩa ở miền Nam Trung Kỳ và ở Huế”. Dưới những tit gọi khác nhau nhưng cùng phản ánh một nội dung là tình hình chuẩn bị khởi nghĩa của nhân dân Trung Kỳ, nhất là ở Quảng Nam, Quảng Ngãi những năm 1914-1916 trên danh nghĩa một cá nhân hoặc một tổ chức cách mạng. Vậy cần có một danh xưng thống nhất thích hợp với phong trào yêu nước này.

1. Có nên dùng danh xưng cá nhân, đặt tên cho một phong trào yêu nước?

Trong quá trình nghiên cứu và viết về cuộc vận động khởi nghĩa chống Pháp ở miền Trung trong những năm 1914-1916, một số nhà nghiên cứu đã lấy tên của vua Duy tân hoặc Thái Phiên và Trần Cao Vân để gọi tên cho phong trào này. Tác giả Thiện Sinh giới thiệu bài “Thái Phiên và cuộc Duy tân khởi nghĩa năm 1916”¹. Huỳnh Thúc Kháng cũng viết “Khởi nghĩa Duy tân năm 1916”² hay “Cuộc Khởi

* Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên - Huế.

¹ Thiện Sinh, Thái Phiên và cuộc khởi nghĩa Duy Tân 1916, Tạp chí Bách khoa số 123 Sài Gòn 1962.

² Vương Đình Quang, Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng, NXB. Văn học, Hà Nội, 1965.

nghĩa Duy Tân và Phan Thành Tài” của Lê Ước³; nhóm tác giả sách Lịch sử Việt Nam 1897-1918 thì gọi là “Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên - Trần Cao Vân”⁴. Giáo trình lịch sử Việt Nam Cận đại (1858-1945) của Đại học Sư phạm Huế coi đó là Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên, Trần Cao Vân và Duy Tân⁵.

Thiết nghĩ có nên dùng danh xưng của các nhân vật lịch sử này để gọi một phong trào yêu nước như trên đây không? Danh xưng “Khởi nghĩa Duy Tân”, hay “Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân” có lẽ chưa phản ánh đầy đủ nội dung của phong trào yêu nước này. Danh xưng ấy mới đạt một yêu cầu là đề cao vai trò của cá nhân Duy Tân, Thái Phiên và Trần Cao Vân, xác định được sự đóng góp nhất định của họ trong sự kiện này. Song lại nảy sinh ra nhiều vấn đề chưa thỏa đáng. Duy Tân có vai trò nhất định trong phong trào này nhưng không phải là người khởi xướng phong trào, cũng không phải là nhân vật trọng yếu. Tháng 2.1916 ông mới chính thức được mời tham gia mà mục đích là để “yên lòng dân”⁶. Ở những năm đầu của thế kỷ XX, dù triều đình phong kiến đã câu kết với Pháp để áp bức bóc lột nhân dân. Nhưng trong truyền thống yêu nước của Việt Nam, những ông vua yêu nước cùng nhân dân chống Pháp vẫn có tác dụng to lớn thu hút nhân tâm. Lòng dân vẫn dành cho ông vua như vậy một niềm tin nhất định. Duy Tân được mời tham dự với mục đích ấy, chứ không có vị trí cụ thể trong chính phủ tương lai. Sau khi gặp Trần Cao Vân, Duy Tân hứa sẽ tích cực hợp tác, cung cấp thông tin về kế hoạch chuyển lính mộ của Pháp cho người lãnh đạo khởi nghĩa. Những người lãnh đạo ở Thừa Thiên tích cực chuẩn bị khởi nghĩa nhưng không tập trung nhiều vào việc liên hệ với vua Duy Tân⁷.

³ Lê Ước. Cuộc khởi nghĩa Duy Tân và Phan Thành Tài, Tập san Sử - Địa số 11 Sài Gòn, 1968.

⁴ Chương Thâu, Hồ Song, Ngô Văn Hòa, Nguyễn Văn Kiệm, Đinh Xuân Lâm, Lịch sử Việt Nam 1897-1918, NXB. Khoa học Xã hội. H; 1999 tr 301.

⁵ TS. Nguyễn Thị Đàm, CN Huỳnh Kim Thành, Giáo trình lịch sử Việt Nam cận đại tập 1, ĐHSF Huế 2003, tr 220.

⁶ Chương Thâu...Sdd, tr 305.

⁷ Chương Thâu...Sdd, tr 305.

Các hội nghị quan trọng của những người lãnh đạo, vua Duy Tân không được mời tham dự và khi bàn về chính phủ trong tương lai không đề cập đến vai trò của Duy Tân. Vua Duy Tân chỉ biết kế hoạch bạo động qua Trần Cao Vân, chứ không hay biết gì về kỳ hội Quang phục Trung Kỳ⁸.

Như vậy Duy Tân không phải là người khởi xướng phong trào, không đóng vai trò quyết định. Mặt khác lấy danh xưng của một cá nhân đặt cho một phong trào yêu nước không hàm chứa được phạm vi hoạt động và phong trào quần chúng. Theo Trần Văn Giàu và đồng sự của ông thì đứng đầu cuộc khởi nghĩa này là các ông Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung, Phan Thành Tài, Nguyễn Thụy, Nguyễn Công Mậu⁹.

Do vậy cũng không nên gọi là Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân, đành rằng Thái Phiên và Trần Cao Vân có vai trò rất quan trọng trong phong trào. Nhưng Lê Ngung có vai trò quan trọng không kém Thái Phiên và thường ông rất chủ động trước tình hình.

Năm 1914 sau khi nghe Nguyễn Công Mậu và Bùi Phụ Thiệu sang Xiêm bắt liên lạc với Quang phục hội trở về, Lê Ngung đã cùng Thái Phiên triệu tập hội nghị Đà Nẵng họp mặt các nhà yêu nước ở Trung Kỳ. Lê Ngung đã hai lần viết thư cho Thái Phiên và các đồng chí Quảng Nam yêu cầu khởi sự. Có thể nói Hội nghị Huế lần thứ nhất (9.1915) được triệu tập dưới tác động “trực tiếp của Lê Ngung”. Tiếp được thư của Lê Ngung, Thái Phiên đứng ra triệu tập hội nghị Huế vào tháng 9.1915. Lê Ngung và Nguyễn Công Phương lại ra Huế gặp Thái Phiên đề nghị triệu tập hội nghị để xét công việc và cả ba dự định triệu tập hội nghị vào cuối tháng 2.1916. Hội nghị Huế lần thứ 2 (2.1916) đã thành lập ủy ban khởi nghĩa gồm 6 ủy viên, Lê Ngung là một trong 6 người ấy. Lê Ngung là người chịu trách nhiệm tổ chức phong trào tại các tỉnh từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận để có thể cùng

⁸ Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm, Hoàng Văn Lân, Nguyễn Văn Sự, Đặng Huy Vận, Giáo trình Lịch sử cận đại Việt Nam tập III, NXB. Giáo dục, H, 1961, tr 299, 301, 310.

⁹ Trần Văn Giàu (Đinh Xuân Lâm, Hoàng Văn Lân, Nguyễn Văn Sự, Đặng Huy Vận. Giáo trình Lịch sử cận đại Việt Nam... Sdd, tập III, NXB. Giáo dục. H; 1961) tr 299, 301, 310.

khởi nghĩa một lúc, nếu không cũng phải hưởng ứng tăng thêm lực lượng. Vậy nếu gọi là cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên, Trần Cao Vân thì thật không công bằng với các vị lãnh đạo khác của phong trào yêu nước như Lê Ngung, Phan Thành Tài, Nguyễn Sứ, Nguyễn Công Mậu...

Thực tế trong lịch sử hầu hết chúng ta không lấy danh xưng của cá nhân đặt tên cho một phong trào yêu nước của quần chúng. Phong trào võ trang chống Pháp, cuối thế kỷ XIX do Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết khởi xướng nhưng lịch sử gọi là phong trào Cần vương. Ta không gọi khởi nghĩa Phan Đình Phùng mà gọi khởi nghĩa Hương Khê, không gọi khởi nghĩa Tống Duy Tân mà gọi khởi nghĩa Hùng Lĩnh, v.v... Ngay cuộc khởi nghĩa do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo kéo dài gần 30 năm, lịch sử gọi là khởi nghĩa Yên Thế. Phong trào khởi nghĩa vũ trang trong thời kỳ Chiến tranh Thế giới thứ nhất do những nhân vật nổi tiếng khởi xướng và lãnh đạo như Giàng Tá Chay, N'Trang Long, Lương Ngọc Quyến nhưng lịch sử vẫn gọi là khởi nghĩa của đồng bào Mèo Lai Châu, khởi nghĩa của nhân dân Tây Nguyên, khởi nghĩa Thái Nguyên chứ không gọi là khởi nghĩa của những nhân vật nổi tiếng đó.

Thực tế lịch sử đã viết về các cuộc khởi nghĩa gắn liền với danh xưng của người lãnh đạo. Nhưng chỉ để khẳng định vai trò đầu tàu của họ đối với quần chúng yêu nước chứ không xác định rằng cuộc khởi nghĩa đó là của họ để làm lu mờ phong trào của quần chúng. Ví dụ viết về phong trào kháng chiến của nhân dân ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, nhiều sách viết: Căn cứ kháng chiến Gò Công và Trương Định, căn cứ kháng chiến Đồng Tháp Mười và Thiên Hộ Dương, căn cứ Giao Loan, Tây Ninh và Trương Quyền.

Ngay trong khi khẳng định “Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân” sách Lịch sử Việt Nam 1897-1918 vẫn viết rõ “... Trong tình hình ấy, các sĩ phu yêu nước ở Trung Kỳ quyết định xúc tiến một cuộc khởi nghĩa quy mô lớn để cứu nước, cứu dân đang bị dòn vào nước sôi lửa bỏng”¹⁰. Như vậy cuộc chuẩn bị bạo động vũ

¹⁰ Chương Thâu... Sdd, tr 302, 304, 305.

trang này là do một tập thể các sĩ phu yêu nước chứ đâu phải của riêng Thái Phiên, Trần Cao Vân. Về vai trò của nhân dân cũng được phản ánh rõ nét”... Tuy đã hoãn ngày khởi nghĩa, nhưng tinh thần hưởng ứng của nhân dân, đặc biệt là hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi lên rất cao. Nhiều địa phương xuất hiện lệnh kêu gọi binh lính phản chiến và vận động nhân dân góp tiền của... Trên nhiều dòng sông, thuyền của nghĩa quân dập diu đi lại, mỗi thuyền có đặt khung cửu có chị em phụ nữ mài mề dẹt vải để may quần áo cho nghĩa quân, nhiều thợ rèn giỏi được mời về căn cứ Ba Tơ, Minh Long làm vũ khí, nhiều công nhân mỏ vàng Bồng Miêu, mỏ than Nông Sơn, đồn điền Tùng Sơn, Đức Phú bỏ việc về nhà ủng hộ nghĩa”¹¹. “...Lực lượng dân binh được tổ chức đông và chu đáo. Họ được tập hợp thành nhóm, cử một người chỉ huy gọi là “cai”. Mỗi huyện có một người “quản” để chỉ huy”¹².

Vì vậy, đứng trên quan điểm nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử hay cách mạng là sự nghiệp của quần chúng thì không nên lấy danh xưng của một cá nhân để gọi một phong trào yêu nước của đông đảo quần chúng nhân dân. Vì như thế chỉ đáp ứng được một vấn đề là tôn vinh cá nhân, làm rõ được sự đóng góp của cá nhân đó cho đất nước, nhưng lại làm lu mờ vai trò tích cực của quần chúng nhân dân. Do đó có lẽ không nên gọi là “Khởi nghĩa Duy tân” hay “Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân” như lâu nay ta vẫn quan niệm.

2. Có nên lấy danh xưng là cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội?

Một số nhà nghiên cứu đã viết về cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung Kỳ năm 1914-1916 dưới tiêu đề “Cuộc khởi nghĩa ở miền Nam Trung Kỳ và ở Huế”¹³. Các tác giả của công trình này có đôi lần nhắc đến Kỳ hội Quang phục hội Trung Kỳ. Trong cuộc gặp gỡ giữa Thái Phiên và Trần Cao Vân sau hội nghị Đà Nẵng tháng 3.1914, Thái

¹¹ Chương Thâu... Sdd, Tr 302, 304, 305.

¹² Chương Thâu... Sdd, Tr 302, 304, 305.

¹³ Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm, Hoàng Văn Lân, Nguyễn Văn Sự, Đặng Huy Văn. Giáo trình Lịch sử cận đại Việt Nam... Sdd, tập III, NXB. Giáo dục, H, 1961, tr 299, 301, 310.

Phiên đã “trình bày tình hình trong nước với phương hướng hoạt động mới và các công việc đã làm và đang làm của Kỳ hội Quang phục Trung Kỳ”. Hay việc liên lạc với vua Duy Tân “do một số người cầm đầu ở Quảng Nam chủ trương trước. Toàn bộ Kỳ hội Quang phục thì mãi đến hội nghị Huế lần thứ nhất (9.1915) mới được biết chính thức”. Như vậy Kỳ hội Quang phục hội như đang tồn tại và hoạt động nhưng không rõ các công việc đã và đang làm là công việc gì, và dường như những việc quan trọng không phải do toàn thể kì hội quyết định. Có lẽ vì thế mà các tác giả Giáo trình Lịch sử cận đại Việt Nam tập 3 đã kết luận cuộc khởi nghĩa miền Nam Trung Kỳ và ở Huế “không phải tự phát, cũng không phải do vua Duy Tân chủ trương như từ trước đến nay (đến 1961 - TG) ta vẫn quan niệm, mà do các sĩ phu yêu nước tự tập hợp lực lượng dưới danh nghĩa “Quang phục Hội”¹⁴.

Hoàng Văn Khánh trong luận văn tốt nghiệp ngành Lịch sử Đại học Sư phạm Huế (1981) đã cho rằng sau hội nghị Đà Nẵng tháng 3.1914 Kỳ bộ Quang phục hội ở Trung Kỳ đã có cơ sở ở khắp nơi, trong đó trọng điểm là Quảng Nam, Quảng Ngãi và Huế. Tại hội nghị lần thứ hai ở Huế (2.1916) thành phần tham dự là các yếu nhân của Kỳ bộ Quang phục hội Trung Kỳ như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung, Phan Thành Tài, Nguyễn Công Phương và một số đại biểu các tỉnh.

Tác giả Lâm Quang Thự viết về phong trào này với một tiêu đề khác là “Quảng Nam và khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội năm 1916”¹⁵.

Lê Trọng Khánh và Đặng Huy Vận thì viết cụ thể về “Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục Hội miền Nam Trung Bộ năm 1916”¹⁶.

¹⁴ Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm, Hoàng Văn Lân, Nguyễn Văn Sự, Đặng Huy Vận. Giáo trình Lịch sử cận đại Việt Nam... Sdd, tập III, NXB. Giáo dục, H; 1961, tr 299, 301, 310.

¹⁵ Lâm Quang Thự, Quảng Nam - Địa lý - nhân vật lịch sử, Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hóa, 1974.

¹⁶ Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vận. Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền Nam Trung Bộ 1916, NCLS số 22 (1961).

Như vậy, theo các tác giả trên, trong thời gian 1914-1916 ở Trung Kỳ vẫn tiếp tục tồn tại một tổ chức cách mạng là Kỳ hội Quang phục Trung Kỳ tổ chức cuộc vận động cứu nước nên một số nhà nghiên cứu đã lấy tên tổ chức cách mạng này đặt cho cuộc vận động cứu nước ấy là khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội” hay “dưới danh nghĩa Việt Nam Quang phục hội”.

Lấy danh xưng của tổ chức cách mạng Việt Nam Quang phục hội đặt tên cho cuộc vận động cứu nước ở Trung Kỳ từ 1914-1916, xem ra có vẻ hợp lý, có sức thuyết phục về mặt lý luận. Bởi nó đúng với quan điểm “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”. Nó phản ánh một phong trào quần chúng được tổ chức và tránh được xu hướng đề cao vai trò cá nhân. Nhưng lại nảy sinh vấn đề phân vân trên thực tiễn. Nhìn đại cục của Việt Nam Quang phục hội thì từ cuối năm 1913 tổ chức này đã suy yếu sau khi Mai Lão Bạng và Phan Bội Châu bị chính quyền Lương Quảng bắt giam. Một số hội viên cố gắng tổ chức một số cuộc bạo động như kế hoạch bạo động ở Hà Nội (1914), cuộc đánh úp tỉnh ủy Phú Thọ (1915), cuộc phá ngục Lao Bảo (1915), tấn công đồn Tà Lùng (1915). Nhưng bị đàn áp khốc liệt, đến (1916) Việt Nam Quang phục hội thực sự đã tan rã. Trong tình trạng tan rã về mặt tổ chức như vậy, liệu có Kỳ bộ Quang phục hội Trung Kỳ hoạt động mạnh để tổ chức lãnh đạo cuộc khởi nghĩa quy mô lớn ở cả miền Trung? Nếu đây là cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục Hội thì tại sao hai hội nghị quan trọng, bàn việc đại sự của cuộc khởi nghĩa và đường lối kiến quốc khi khởi nghĩa thành công lại không được triệu tập với tư cách chủ động của Kỳ bộ Quang phục hội Trung Kỳ? Hội nghị Huế lần thứ nhất (9.1915) được triệu tập do sự hối thúc thống thiết của Lê Ngung. Lê Ngung là hội viên Quang phục hội nhưng ông đề xuất yêu cầu khởi sự với tư cách cá nhân ông, chứ không phải tư cách của Kỳ bộ Quang phục hội Trung Kỳ. Có thể nói Thái Phiên triệu tập hội nghị Huế lần thứ nhất trong thế bị động trước tình hình khách quan chứ không phải với thế chủ động của người lãnh đạo. Hội nghị Huế lần thứ hai (2.1916) lại được triệu tập bởi sự hối thúc của những người yêu nước Nam Ngãi chứ không phải dựa trên kết quả phát triển của công cuộc chuẩn bị từ sau hội nghị Huế lần thứ

nhất với tư cách Kỳ bộ Quang phục hội có kế hoạch triệu tập hội nghị lần thứ hai để thúc đẩy sự chuẩn bị tích cực hơn, tiến tới khởi nghĩa.

Mặt khác việc cãi nhau kịch liệt về chính thể sau khi khởi nghĩa thành công ở hội nghị Huế lần hai cho thấy có lẽ đây không hẳn là cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội. Bởi lẽ nếu là cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội thì sẽ trung thành với tôn chỉ của tổ chức này "ắt là dân chủ cộng hòa mới nên" chứ không vắn vương với quân chủ nữa. Việc đa số tán thành quân chủ lập hiến chứng tỏ thành phần tham dự hội nghị Huế lần hai nhiều người là trí thức tiểu tư sản mà không phải là hội viên Việt Nam Quang phục hội.

Có thể vì thiếu cơ sở hoạt động thực tiễn có sức thuyết phục của Kỳ bộ Quang phục hội Trung Kỳ nên Trần Văn Giàu và các cộng sự của ông đã kết luận rất thận trọng là “Cuộc khởi nghĩa này do những sĩ phu yêu nước tự tập hợp theo danh nghĩa Quang phục hội”.

Như vậy có thể nói trong cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung Kỳ trong những năm 1914-1916 có những hội viên Quang phục hội tham gia chứ không có tổ chức Việt Nam Quang phục hội thực sự đóng vai trò lãnh đạo. Do đó gọi là khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội thiếu sức thuyết phục.

Từ sự trình bày trên đây cho thấy lấy danh xưng vua Duy Tân, hay Thái Phiên, Trần Cao Vân để đặt tên cho một phong trào yêu nước có cái được, song cũng có cái chưa được. Lấy danh nghĩa tổ chức cách mạng Quang phục hội để gọi phong trào yêu nước này là khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội cũng chưa ổn.

Mà gọi là cuộc khởi nghĩa cũng không ổn vì công việc vẫn trong thời kỳ chuẩn bị, và trước nhật trình khởi nghĩa hai ngày, lực lượng chủ lực của cuộc khởi nghĩa đã bị tước khí giới, bị thiết quân luật. Bởi vậy thực tế chưa có lệnh khởi nghĩa của ủy ban khởi nghĩa và khởi nghĩa chưa bùng nổ. Và lấy mốc thời gian là năm 1916 cũng không ổn, vì để định được kế hoạch khởi nghĩa vào tối 3 và sáng ngày 4.5.1916 thì công việc chuẩn bị được tiến hành từ hội nghị Đà Nẵng 3.1914. Từ 3.1914 đến 5.1916 là thời gian hai năm tiến hành công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa; là nội dung cơ bản của hoạt động yêu nước

của nhân dân Trung Kỳ. Trong những năm này, phạm vi phong trào được xác định là nam Trung Kỳ và ở Huế cũng không ổn vì còn có cả Quảng Trị, Quảng Bình tham gia. Vậy nên có một danh xưng như thế nào cho tương đối hợp lý?

Theo thiên ý chủ quan, thì danh xưng đó phải đáp ứng được một số tiêu chí cơ bản sau đây:

- Phản ánh đúng phạm vi hoạt động của phong trào.
- Phản ánh đúng nội dung hoạt động yêu nước của nhân dân Trung Kỳ.
- Tránh ngộ nhận một tổ chức cách mạng không có thực.
- Tránh xu hướng đề cao vai trò cá nhân làm lu mờ vai trò quần chúng.

Từ các tiêu chí đó xin đề xuất một danh xưng mới cho phong trào yêu nước đó là: Cuộc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang của nhân dân Trung Kỳ từ 1914 đến 1916.

Hoặc muốn làm rõ thêm vai trò lãnh đạo thì có thể gọi phong trào đó là: Cuộc chuẩn bị khởi nghĩa (hay cuộc vận động khởi nghĩa) của nhân dân Trung Kỳ từ 1914 đến 1916 dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước.

Cả hai cách gọi đó đều đáp ứng được các tiêu chí đã nêu trên./.

NTĐ

NHỮNG TẤM GƯƠNG YÊU NƯỚC

LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG TRONG PHONG TRÀO VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI

ThS. TRỊNH THỊ HÀ*

Việt Nam Quang phục hội là một tổ chức cách mạng do Phan Bội Châu đề xướng thành lập năm 1912 theo chủ nghĩa dân chủ với mục đích đánh đuổi người Pháp khỏi Đông Dương, nhằm “*Khôi phục Việt Nam, kiến lập Việt Nam Dân quốc Cộng hòa*”. Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội đã đạt được một số kết quả, các cuộc bạo động cũng đã khuấy động dư luận trong và ngoài nước, đã kiên trì chủ trương vũ trang bạo động đánh đổ cường quyền, giải phóng đất nước. Mặc dù cuối cùng Việt Nam Quang phục hội bị thất bại, song những giá trị lịch sử của cuộc bạo động cách mạng trong những năm 1912-1917 còn trường tồn mãi với thời gian, đánh dấu một bước tiến mới của phong trào cách mạng Việt Nam, *phong trào đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản, từ bỏ con đường cách mạng quân chủ*. Đồng thời hoạt động của tổ chức cách mạng *Việt Nam Quang phục hội* trên khắp ba miền đất nước đã để lại một số bài học quý cho sự nghiệp cách mạng sau này của dân tộc, một trong những giá trị và bài học đó chính là vấn đề lực lượng cách mạng, làm thế nào để tập hợp được quanh tổ chức lực lượng cách mạng khá đông đảo, bao gồm nhiều tầng lớp xã hội khác nhau, không phân biệt lứa tuổi, địa vị xã hội, nghề nghiệp, giới tính.

1. Sự ra đời của Việt Nam Quang phục hội

Trong trào lưu cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản Việt Nam đầu thế kỷ XX, *Việt Nam Quang phục hội* là một tổ chức chính trị, một phong trào cách mạng ra đời trong bối cảnh lịch sử hết sức đặc biệt. Nói đặc biệt bởi ở trong nước lúc này khuynh hướng dân chủ tư sản từng bước được định hình, thắng thế tư tưởng quân chủ khi các phong trào đấu tranh do các sĩ phu lãnh đạo chịu ảnh hưởng từ

* Viện Sử học, Viện hàn lâm KHXH Việt Nam.

tưởng các nước bên ngoài như phong trào Đông du, Đông kinh nghĩa thực của Phan Bội Châu bùng nổ và có sức ảnh hưởng không nhỏ đến tư tưởng yêu nước của giới trí thức trong nước lúc bấy giờ, đã làm cho phong trào đấu tranh của nhân dân ta nổ ra khá rầm rộ mà tiêu biểu là phong trào kháng thuế ở Trung Kỳ, hoạt động của Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế, cuộc bạo động ở Nghệ - Tĩnh... Tuy nhiên, sau khi phong trào Đông du của Phan Bội Châu bị chính phủ Nhật đàn áp vào năm 1908, không chỉ làm cho hoạt động cách mạng do Phan Bội Châu lãnh đạo chính thức bước sang một giai đoạn mới, giai đoạn chịu ảnh hưởng trực tiếp của cách mạng Trung Quốc với đường lối dân chủ tư sản của Tôn Trung Sơn¹ mà nó còn ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh trong nước. Cuộc bạo động ở Nghệ - Tĩnh do Tùng Nham dẫn đầu đang nhen nhóm nhằm mưu bạo động hưởng ứng chống Pháp thì bị bại lộ. Sau khi Tùng Nham bị bắt, cuộc bạo động Nghệ - Tĩnh không thành, nghĩa quân Yên Thế sa vào tình trạng cô lập. Cơ sở Duy tân hội trong nước bị khủng bố, các yếu nhân bị bắt gần hết, nhất là sau các vụ Đông kinh nghĩa thực, Hà Thành đầu độc và phong trào chống thuế Trung Kỳ bị thất bại, đã làm “xẹp” phong trào đấu tranh vũ trang trong nước. Cách mạng Việt Nam ở vào thế yếu, tất phải mong chờ vào ngoại viện.

Trong khi đó, vào năm 1911, tại Trung Quốc cuộc cách mạng Tân Hợi bùng nổ, kết thúc sự tồn tại của triều đình Mãn Thanh, chính phủ Dân quốc thành lập ở Nam Kinh không chỉ chấm dứt vĩnh viễn chế độ quân chủ chuyên chế Trung Quốc đánh dấu thắng lợi của nền dân chủ tư sản, đưa Trung Quốc lên địa vị thành trì cách mạng ở châu Á, mà cuộc cách mạng này đã có ảnh hưởng sâu sắc tới cách mạng Việt Nam. Đối với nhân dân trong nước, thắng lợi của cuộc cách mạng Tân Hợi có sức cổ vũ tinh thần rất lớn: *“Nhân dân trong nước phấn khởi nhiều lắm, nếu bấy giờ ở ngoài tạo thành thế thì không lo gì khí thế bên trong không sống lại được”*². Riêng đối với những người hoạt động cách mạng, đặc biệt là đối với các nhân sĩ cách mạng

¹ Trần Thanh Nhân, *Quan hệ giữa các tổ chức yêu nước và cách mạng Việt Nam với nước ngoài đầu thế kỷ XX (1904 -1929)*, NXB. Đại học Quốc gia TP. HCM, 2013; tr.44.

² Phan bội Châu toàn Tập, tập 6, NXB. Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2001; tr.132.

Việt Nam đang hoạt động ở Xiêm và Trung Quốc, trong đó có Phan Bội Châu, Nguyễn Thức Đường... thắng lợi của cuộc cách mạng Tân Hợi đã thôi thúc các ông trở lại Trung Hoa tiếp tục hoạt động.

Với mong muốn khôi phục nền độc lập dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản như cuộc cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc, vào thượng tuần tháng 2 năm 1912, tại từ đường nhà Lưu Vĩnh Phúc, một cuộc hội nghị đông đủ đại biểu khắp ba kỳ đã khai sinh ra *Việt Nam Quang phục hội* trên cơ sở thủ tiêu *Duy tân hội* với tôn chỉ duy nhất của hội là “*Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam*”³. Hội nghị quyết định cử Cường Để làm Hội trưởng kiêm Bộ trưởng, cử Phan Bội Châu làm Tổng lý kiêm phó Bộ trưởng. Đồng thời ủy nhiệm cho Trần Hữu Lực cùng Hoàng Trọng Mậu ủy viên trưởng phụ trách Quân vụ, viết *Tuyên cáo của Việt Nam Quang phục hội* - để nêu lên mục đích thành lập hội, trong đó có đoạn viết như sau:

“*Đồng bào nghe lấy ai ơi!*
Phơi gan trải dạ mấy lời như sau:
Một là phải báo thù như trước,
Một là toan dựng nước cộng hòa,
Anh em ta, nòi giống ta
Người chung của lại, kẻ ra sức làm.
Hợp đoàn thể cả Nam lẫn Bắc,
Lấy máu hồng, vẽ mặt non sông;
Nghìn năm con cháu Lạc Hồng,
Lòng chung nhau hợp, việc cùng nhau lo.”

Qua những vần thơ thể *song thất lục bát* rất dễ đọc, dễ nhớ trên đây, mục đích, đường lối cách mạng của *Việt Nam Quang phục hội* đã được thể hiện rất cụ thể trong việc đoàn kết dân tộc từ Nam ra Bắc để đánh đuổi thực dân, giành độc lập dân tộc. Như vậy, sự ra đời của *Việt Nam Quang phục hội* đã đánh dấu một bước tiến mới của phong trào

³ Tôn Quang Phiệt, Phan Trọng Điềm (dịch), *Phan Bội Châu niên biểu*, NXB. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1957; tr.141.

cách mạng Việt Nam, phong trào đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản, từ bỏ con đường cách mạng quân chủ.

2. Việt Nam Quang phục hội - hội tụ của đội ngũ trí thức Nho học

Trong tổ chức Việt Nam Quang Phục hội, Phan Bội Châu là “linh hồn” giữ vai trò đặc biệt quan trọng cả về mặt tư tưởng, chiến lược cũng như hoạt động của tổ chức. Do vậy, khi đề ra đường lối cách mạng dân tộc, dân chủ, Phan Bội Châu rất chú trọng đến lực lượng tham gia cách mạng. Với tư tưởng thân dân, ông cho rằng nhân dân mới là chủ của đất nước, là người có trách nhiệm giữ nước, vì vậy trong tác phẩm *Hải ngoại huyết thư* - một bài viết bằng chữ Hán hơn 11.000 chữ của Phan Bội Châu viết năm 1906 đăng trên *Văn Nam tạp chí* của Trung Quốc, tác giả đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc muốn làm cách mạng phải dựa vào sức dân:

“Nghìn muôn ức triệu người trong nước

Xây dựng nên cơ nghiệp nước nhà

Người dân ta, của nước ta

Dân là dân nước, nước là nước dân

...

Cốt rằng người nước chung nhau một lòng”⁴

Trong đó, Phan Bội Châu có đề cập đến 10 hạng người đồng tâm bao gồm: phú hào, quan tước, thế gia, sĩ tịch, lính tập, giáo đồ, côn đồ nghịch tử, nhi nữ anh si, bồi bếp thông ký, cừu gia tử đệ, người đi du học. Trong mười hạng người đồng tâm đó, Phan Bội Châu lại đặt lên hàng đầu những hào phú, quan tước thế gia, sĩ tịch và những người đi du học ở nước ngoài, chủ yếu là tầng lớp sĩ phu và con em những người sĩ phu yêu nước. Theo Phan Bội Châu, đây sẽ là tầng lớp giữ vai trò xướng suất và lãnh đạo sự nghiệp cứu nước, cứu dân bởi họ là những người có học, ưu thời mẫn thế sẽ có khả năng

⁴ Phan Bội Châu, *Hải ngoại huyết thư*, in trong *Phan bội Châu - Toàn Tập*, tập 2, NXB. Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2001; tr.152.

“lấy đạo lý giác ngộ nhân dân”. Bởi vậy, ngay khi mới thành lập trong cơ quan lãnh đạo của Quang Phục hội, Phan Bội Châu cùng các đồng chí của mình đã lựa chọn những sĩ phu vừa có tuổi, có học thức và đức vọng để giao giữ các chức vụ quan trọng. Trong *Bộ bình nghị* (một trong ba bộ phận lớn của tổ chức), gồm đủ đại biểu ba Kỳ, những đại biểu này đều là người các bậc danh sĩ nổi tiếng như Nguyễn Thượng Hiền (Bắc Kỳ), Phan Bội Châu (Trung Kỳ) và Nguyễn Thành (Thần) Hiến (Nam Kỳ). Trong *Bộ chấp hành* gồm có 10 ủy viên cũng đều là những gương mặt sĩ phu xuất thân từ gia đình có truyền thống giáo dục theo lối Nho học hoặc được đi học ở Nhật trong phong trào Đông Du như: Hoàng Trọng Mậu, Lương Lập Nham (ban Quân vụ); Mai Lão Bạng, Đặng Tử Kính (ban Kinh tế); Giao tế có Lâm Đức Mậu, Đặng Bình Thành; Văn thư có Phan Bá Ngọc; Thư vụ có Phan Quý Chuân và Đinh Tế Dân. Ngoài ủy viên Bộ chấp hành, có ba ủy viên vận động trong nước gồm Đặng Bình Thành (Nam Kỳ), Lâm Quảng Trung (Trung Kỳ) và Đặng Xung Hồng (Bắc Kỳ).

Trong quá trình hoạt động ở cả hải ngoại và trong nước, các Nho sĩ trong ban lãnh đạo của hội bằng tài năng và lòng nhiệt huyết đã vận động, thu hút được nhiều nho sĩ, hoặc con cháu gia đình có truyền thống Nho học đi theo cách mạng ở cả ba miền đất nước, góp phần tạo nên đội ngũ Nho sĩ đông đảo trong phong trào cách mạng *Việt Nam Quang phục hội*. Nhiều người trong số đó đã trở thành những chí sĩ quả cảm, nhiệt huyết, khi rơi vào tay giặc họ quyết hy sinh tính mạng chứ không đầu hàng, không làm tay sai cho giặc, khi cận kề với cái chết họ vẫn thể hiện ý chí hiên ngang, trở thành tấm gương sáng cho ý chí, tinh thần cách mạng của cả một thế hệ trẻ trong một giai đoạn lịch sử đầy hào hùng của dân tộc.

Tại vùng đất Bắc Kỳ đã có biết bao nho sĩ có xuất thân hoặc bản thân là những văn thân nho nhã đang theo nghiệp bút nho nhưng vì “nặng tình với giang sơn, đất nước”, chán ghét cảnh cai trị của chính quyền thực dân đã từ bỏ sự nghiệp của mình, tự tìm đến với tổ chức cách mạng Việt Nam Quang phục hội để thực hiện hoài bão làm cách mạng như Lê Văn Tập, Nguyễn Khắc Cần (Thái Bình), Trịnh Khắc Công (Thanh Trì, Hà Nội), Dương Văn Quanh (Hà Đông, Hà Nội), Nguyễn Duy Cự (Phú Xuyên, Hà Nội), Nguyễn Khắc Cần, Nguyễn

Thế Trung (Bắc Ninh), Đỗ Huy Nam (Hưng Yên), Đặng Hữu Quý (Hành Thiện, Nam Định), Đặng Tử Mẫn (Nam Định)... Mỗi một nho sĩ có tính cách riêng, lý do để tham gia vào cách mạng riêng nhưng đều có chí khí, lòng nhiệt huyết với con đường cách mạng. Nguyễn Khắc Cần - một nho sĩ nổi tiếng của vùng đất Bắc Ninh, tuy là người trầm nghị, ít nói nhưng ông lại là con người giàu nghĩa khí, nhiệt huyết, dám hy sinh bản thân khi đứng ra chịu tội thay cho Hán Minh về hành động ném tạc đạn vào quan Pháp để Hán Minh chạy thoát và tiếp tục hoạt động cách mạng. Ông bị quy án tử hình. Hành động của ông thực sự rất nghĩa khí, được sử sách ca ngợi: “Than ôi! tôi thấy một bọn người ham danh ham lợi, lúc vô sự thì ăn uống chơi bời, chỉ giành lấy phần hơn cho sướng thân, chợt có biến cố hoặc bị bại lộ thì đổi mặt đổi lời, chọn lời tránh hại, có kẻ lại đổ tai vạ cho bạn hữu để mình được thoát thân. Những bọn này so với Nguyễn Khắc Cần nhận thay cái án tử hình cho đồng chí, sao lại khác nhau một trời một vực?”⁵.

Miền Trung cũng là vùng đất giàu truyền thống cách mạng bởi ở đây là quê hương của rất nhiều nho sĩ nổi tiếng, có đóng góp to lớn vào phong trào cách mạng, đặc biệt là phong trào đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản những năm đầu thế kỷ XX, trong đó có phong trào Việt Nam Quang phục hội. Trong đó có thể kể đến các nho sĩ như Nguyễn Thức Đường (Trần Hữu Lực), Nguyễn Đức Công, Hoàng Trọng Mậu, Đặng Tử Mẫn, Hoàng Xuân Hành (Nghệ An), Phạm Đường Nhân (Hà Tĩnh), Nguyễn Chánh (Quảng Bình), Phạm Phú Tiên (Quảng Trị), Đoàn Bổng (Thừa Thiên Huế), Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Đỗ Tự (Quảng Nam), Lê Ngung, Lê Triết, Nguyễn Suy, Nguyễn Nậm (Mậu), Nguyễn Công Phương (Quảng Ngãi).... Trong số những bậc nho sĩ này, có người giữ vai trò chủ chốt trong phong trào của Việt Nam Quang phục hội ở từng địa phương, có người chỉ là chí sĩ bình thường nhưng không vì thế mà có sự phân biệt trong hành động và tinh thần yêu nước của họ, đặc biệt là lòng quả cảm hy sinh thân mình chịu chết chứ không chịu nhục.

⁵ Đặng Đoàn Bằng, Phan Thị Hán (tu đình già), *Việt Nam nghĩa liệt sử*, (do Tôn Quang Phiệt dịch và chú thích), NXB. Văn hóa, Cục xuất bản, Bộ Văn hóa, 1959; tr.100.

Phan Thành Tài (hiệu Đạt Đức)⁶, một người con, một chí sĩ cách mạng nổi tiếng của vùng đất Quảng Nam không chỉ trong phong trào Duy tân, mà khi Hội Việt Nam Quang phục được thành lập, ông trở thành lớp người tiên phong của tổ chức ở Trung Kỳ và trở thành yếu nhân của cuộc khởi nghĩa dưới danh nghĩa vua Duy Tân (1916) do Trần Cao Vân và Thái Phiên lãnh đạo. Sắp đến ngày hành động (kế hoạch là ngày 3.5.1916 cuộc khởi nghĩa bùng nổ mở đầu ở Huế), thì công việc bị bại lộ, lãnh đạo cuộc khởi nghĩa là vua Duy Tân, Trần Cao Vân và Thái Phiên bị bắt, xử chém. Phan Thành Tài trốn thoát nhưng sau đó lại bị bắt, bị xử tội tử hình. Trước khi bị chém, ông đã để lại bài Di ngôn thể hiện ý chí, tinh thần yêu nước quả cảm của ông:

“Con còn bụng mẹ, cha đã chết

Con bước ra đời nước đã suy.

Thù nhà, nhục nước con nên biết

Chẳng đội trời chung - chữ ấy ghi.

Máu đem làm nước, xác làm tro

Vun cho hoa nở, hoa chưa nở

Con hãy vì cha thế mặt lo”.

Nguyễn Suy là một trong những người con tiêu biểu của mảnh đất Quảng Ngãi. Là một cử nhân của nền giáo dục khoa cử Hán học, một người có trình độ học vấn cao, thơ hay nhưng Nguyễn Suy lại sớm hình thành trong mình tư tưởng canh tân đất nước, ông tích cực tham gia vào phong trào Duy tân và khi cuộc vận động cách mạng Việt Nam quang phục hội lan rộng về Việt Nam, ông đã tham gia rất tích cực, trực tiếp cùng với Tú tài Lê Ngung, Lê Triết, Phạm Cao Châm đứng ra lãnh đạo phong trào cách mạng khởi nghĩa tại Quảng Ngãi, liên kết quân đội, tổ chức cơ sở cách mạng trong dân chúng. Khi được giao nhiệm vụ, ông đã tập hợp được hầu hết thân sĩ, đồng

⁶ Phan Thành Tài (1878-1916) sinh ra tại xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, Quảng Nam, trong một gia đình khoa bảng, bản thân ông cũng là bậc trí thức vừa am hiểu Hán học và Pháp văn, từng làm Thông ngôn ở dinh Tổng đốc Bình Phú (Bình Định), làm Thông phán ở Bắc cô học viện Nam Kỳ ở Sài Gòn. Từ năm 1902-1908, khi tham gia phong trào Duy tân, ông là hiệu trưởng đồng thời giáo viên dạy quốc ngữ và Pháp ngữ ở Nghĩa thực Diên Phong, tại làng Phong Thử, một trong những Nghĩa thực lớn của Quảng Nam lúc bấy giờ.

bào trong tình huống ứng phong trào cách mạng, trong đó đã có 1/3 binh sĩ người Việt phục vụ trong quân đội Pháp đã tình nguyện tham gia làm nội ứng cho cuộc khởi nghĩa. Không những vậy, Nguyễn Suy còn có công trong việc bí mật tổ chức nghĩa binh, vận động dân chúng quyên góp tiền của, vật chất cho cách mạng rất có kết quả, trong số đó có bà hộ Gà ở xã Sơn Hương (Sơn Tịnh) đã bí mật xuất tiền may 1.000 bộ áo cho nghĩa quân gọi là “áo đầu gà” vì ở trên có thêu một đầu gà làm dấu hiệu⁷. Cuộc binh biến tại Quảng Ngãi bị bại lộ, ông cùng các đồng chí của mình bị bắt và đem ra cửa Bắc thành Quảng Ngãi áp giải đến pháp trường, nhưng không vì thế mà khí phách hiên ngang của ông bị biến mất.

Tại Nam Kỳ, khi tổ chức cách mạng Việt Nam Quang phục hội chủ trương mở rộng cơ sở, xây dựng lực lượng về Việt Nam thì khí thế cách mạng của vùng đất này vốn được tiếp nối từ phong trào Đông du đã có những bước chuyển đáng kể, lôi kéo được mọi tầng lớp nhân dân tham gia, trong đó có rất nhiều những bậc nho sĩ. Nhiều tổ chức cách mạng do các Nho sĩ khởi xướng từ phong trào Đông du tiếp tục hoạt động và có sự liên hệ chặt chẽ với ủy viên vận động trong nước của hội Quang Phục như nhóm Biện Khách, Mười Hô ở Long Xuyên; nhóm Đình Chí Thiện, Hương lễ Tín ở Trà Vinh; nhóm Nguyễn Văn Điền, Hồ Nhựt Tân ở Đốc Vàng, ở Vĩnh Long có nhóm Bộ Tông, Xã Trinh... Đặc biệt, dưới ảnh hưởng và vai trò của Nguyễn Thần Hiến trong tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở hải ngoại, hoạt động cách mạng vẫn diễn ra sôi nổi khi nhiều Nho sĩ miền Nam, trong đó chủ yếu ở vùng miệt Hậu Giang thường lui tới Hồng Kông để tiếp xúc với cụ và tiếp tế tiền bạc, vận động khí giới. Đặc biệt đã có một số Nho sĩ miền Nam hoạt động rất tích cực cho tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở cả ngoài nước và trong nước như: Huỳnh Hưng, Nguyễn Quang Diêu... Trong đó, Huỳnh Hưng là người có vai trò quan trọng trong việc tạo cầu nối liên lạc giữa các đồng chí trong Nam xuất ngoại với lãnh tụ của Đảng ở hải ngoại⁸.

⁷ Phạm Trung Việt, *Non nước xứ Quảng*, Tập 2, NXB. Thanh Niên, 2005.

⁸ Theo khảo cứu của Nguyễn Văn Hào trong *Chỉ sĩ Nguyễn Quang Diêu một lãnh tụ trọng yếu trong phong trào Đông du miền Nam*, Hương Sen tái bản năm 1974, Huỳnh Hưng tên thật là Huỳnh Văn Nghi, quê gốc Tam Bình (Vĩnh Long) là một trong những người có công

Nguyễn Quang Diêu (1880-1936), người con ưu tú của vùng Cao Lãnh cũng là một trong những nho sĩ đầy nhiệt huyết với cách mạng. Sinh trưởng trên mảnh đất giàu truyền thống cách mạng, vùng đất Cao Lãnh vốn là nơi gặp gỡ của nhiều chính khách yêu nước, lại được sinh ra trong một gia đình nổi tiếng nho lưu và đức vọng, ngay từ nhỏ ông nổi tiếng là thông minh gan dạ, năm 6 tuổi được học chữ Nho với cha và đến 10 tuổi đã bắt đầu học sang chữ Quốc ngữ với Hương Hào Dục, cho nên ngay từ sớm, ngọn lửa cách mạng đã nhen nhóm trong tâm hồn của ông⁹. Vì vậy, khi đang theo học tại trường của Tú tài Trần Hữu Thường - một nho sĩ nổi tiếng ở vùng Châu Đốc thời bấy giờ, Nguyễn Quang Diêu vẫn không quên theo dõi tình hình chính trị. Khi phong trào Đông du lan rộng xuống miền Nam, ông đã tích cực tham gia cùng với Nguyễn Thần Hiến, và khi phong trào Việt Nam Quang phục hội dấy lên, ông bỏ học chính thức đứng lên tích cực đấu tranh cứu nước. Tại Cao Lãnh, ông đã mượn chùa Linh Sơn để quy tụ anh em, đồng thời liên lạc với các tổ chức cách mạng ở Long Xuyên, Trà Vinh... Năm 1913, theo tiếng gọi xuất dương của Nguyễn Thần Hiến sang Hồng Kông để thảo luận các nhiệm vụ quan trọng, Nguyễn Quang Diêu cùng với các đồng chí của mình gồm 10 người lớn và 2 thiếu niên đã xuất dương. Sau đó, theo kế hoạch Nguyễn Quang Diêu và Đinh Hữu Thuật sẽ ở lại đi Hàng Châu với Nguyễn Thần Hiến để hội kiến các lãnh tụ, còn tập người còn lại sẽ chờ chuyển tàu nhỏ neo từ Hồng Kông chạy Sài Gòn khoảng trung tuần tháng 6, sẽ mang tạc đạn và tín phiếu trở về Việt Nam¹⁰. Tuy nhiên, ít sau đó do kế hoạch bị bại lộ nên Nguyễn Quang Diêu, Nguyễn Thần Hiến, Đinh Hữu Thuật và Huỳnh Hưng bị cảnh sát Anh bắt giam giữ, rồi giải về cho Pháp ở Hà Nội, sau đó bị đày sang Guyane, Nam Mỹ.

rất lớn đối với cách mạng miền Nam, nhất là trong phong trào cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản những năm đầu thế kỷ XX. Ông cùng với vợ của mình đều xuất dương năm 1906, được Cường Để và Phan Bội Châu yêu quý, tin cậy, vì vậy ông được vào học tại trường Đại học võ bị Shimbu Gakko cùng với Cường Để, Đặng Tử Kính và Phan Bá Ngọc. Vợ của ông có biệt hiệu Thiệu Trung, cũng là người rất đồng tâm với ông, suốt đời tận tâm với cách mạng.

⁹ Nguyễn Văn Hào, *Chỉ sĩ Nguyễn Quang Diêu một lãnh tụ trọng yếu trong phong trào Đông du miền Nam*, Sdd, tr.28.

¹⁰ Nguyễn Văn Hào, *Chỉ sĩ Nguyễn Quang Diêu một lãnh tụ trọng yếu trong phong trào Đông du miền Nam*, Sdd, tr.41.

3. Việt Nam Quang phục hội - hội tụ đông đảo quần chúng nhân dân

Không chỉ là tổ chức cách mạng tập hợp đông đảo tầng lớp Nho sĩ, văn thân, *Việt Nam Quang phục hội* kể từ khi thành lập, trong quá trình hoạt động đã vận động và tập hợp trong phong trào của mình một lực lượng khá đông đảo bộ phận quần chúng nhân dân, làm nhiều ngành nghề khác nhau, không phân biệt giới tính, tôn giáo. Họ tuy không phải là những người có trình độ học vấn cao nhưng trước thời cuộc nhiều nhurong, họ đã tích cực tham gia vào cuộc vận động cách mạng do các sĩ phu yêu nước lãnh đạo, đóng góp cho cách mạng theo những cách riêng của mình. Nguyễn Thế Trung - một người dân bình thường của vùng đất Bắc Ninh là con người như vậy. Theo *Việt Nam nghĩa liệt sử*, ông là người rất thẳng tính, “thiên tính của ông giận bọn gian tà, ghét thế tục xấu, thường nói với người ta rằng: người Pháp vẫn là kẻ thù của ta, những đứa nịnh Pháp làm hại người ta lại là kẻ thù của ta”¹¹. Vì vậy, vào năm 1912 khi nghe tin tổ chức Đảng thành lập, và chủ trương vận động cuộc đấu tranh trong nước, ông đã lên lên cửa Lạng Sơn đến Long Châu mưu tìm đồ (chủ yếu là tìm mua tạc đạn) để hành thích.

Tuy làm nghề thợ may nhưng Nguyễn Khuyến (người Hà Nội), Nguyễn Huy Nam (người Hưng Yên) lại là những người giàu nghĩa khí. Vì thấy cuộc sống xung quanh mình nhiều người tuy làm nghề ăn xin nhưng xu phụ, quyền thế, lên mặt với hàng xóm, Nguyễn Khuyến rất khinh bỉ nên vào năm 1912 ông đã lên sang Long Châu, họp với các đồng chí, xin đảm nhiệm các việc trong tiệm buôn Hồng Xương. Ông thường nói với các đồng chí rằng: “nước nhà mất còn, xuất phu có trách nhiệm, chúng ta ngày nay đã đem thân hứa với nước với đảng, thì nên hy sinh cái khoái lạc một mình, để gắng sức làm việc nước việc đảng cho tiến bộ, hết lòng hết sức sao cho làm tròn nhiệm vụ”¹². Khi bị bắt và giải về Việt Nam giao cho Pháp ông đã tìm mọi

¹¹ Đặng Đoàn Bằng, Phan Thị Hán (tu đính già), *Việt Nam nghĩa liệt sử*, Sdd, tr.95.

¹² Dẫn từ: Đặng Đoàn Bằng, Phan Thị Hán (tu đính già), *Việt Nam nghĩa liệt sử*, Sdd;tr.118-119.

cách để tự tử nhiều lần nhưng không thành, cuối cùng chết tại dinh Đốc Biện của người Hoa, khi đó mới 28 tuổi.

Nhờ chủ trương tập hợp đoàn kết rộng rãi, đề cao vai trò của người phụ nữ trong gia đình và xã hội như Phan Bội Châu đã viết trong “Tân Việt Nam”: *“Phụ nữ là những người có trách nhiệm làm mẹ tốt, làm vợ hiền, biết việc văn thư, hay nghề buôn bán, khéo đường dạy dỗ con em, giúp đỡ quân lính. Mẹ tốt thì sinh được con ngoan, vợ hiền thì giúp được chồng giỏi. Hơn nữa về các sự nghiệp chính trị, người phụ nữ thực có quyền lợi không cùng. Có chú trọng giáo dục thì mới bỏ được riêng tư mà theo công lợi, mới làm cho nước nhà giàu mạnh tấn tới”*¹³. Chính nhờ có quan điểm đúng đắn như vậy, nên trong hàng ngũ của Việt Nam Quang phục hội, Phan Bội Châu đã kết nạp được những nữ đồng chí có năng lực và rất mực trung thành với sự nghiệp cách mạng, đó là bà Lua (Trần Thị Trâm), O Thanh (Nguyễn Thị Thanh - (Bạch Liên), mẹ ông Bá Bích, mẹ ông Tú Quang... trong đó bà Trần Thị Trâm¹⁴ là người hoạt động tích cực nhất. Bà tham gia cách mạng từ rất sớm từ khi vua Hàm Nghi ban dụ Cần vương, khởi nghĩa của Phan Đình Phùng, khởi nghĩa Yên Thế, phong trào Đông du của Phan Bội Châu. Khi Việt Nam Quang phục hội thành lập, bà cùng người cháu là Hồ Bá Kiện tích cực tham gia cho hội, chủ yếu quyền góp tiền, đưa thanh niên vượt biên sang Xiêm, bà bán hết gia tài để hỗ trợ tiền cho thanh niên đi du học hoặc trợ cấp cho những các nhà cách mạng bị truy nã. Sau này khi bị bắt, tra khảo tàn nhẫn, mua chuộc nhưng bà vẫn kiên cường, bất khuất không khai. Bà mất năm 1930 thọ 71 tuổi, được Phan Bội Châu liệt vào hạng nữ lưu là “Tiểu Trung” (Bà Trung nhỏ).

Không những vậy, hoạt động của các chí sĩ của Việt Nam Quang phục hội còn thu hút được các thành phần khác như tu sĩ công

¹³ Phan Bội Châu, *Tân Việt Nam*, in trong *Phan bội Châu - Toàn Tập*, tập 2, Sdd.

¹⁴ Theo nhiều nguồn tư liệu: Trần Thị Trâm sinh năm 1860 là con gái cát sĩ Trần Hữu Dực, quê làng Đăng Cao, Diễn Châu, Nghệ An (nay thuộc xã Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An), được anh nuôi cho ăn học, sau gả Hồ Bá Trị ở huyện Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu. Bà sinh được hai con trai là Hồ Xuân Kiêm và Hồ Xuân Lan (sau đổi Hồ Học Lãm) cũng đều tham gia vào phong trào cách mạng Việt Nam Quang phục hội. Để che mắt giặc, lại có tiền làm lộ phí, bà đem lụa đi bán, từ đó có tên “cô hàng lụa”.

giáo Mai Lão Bạng (làng Vang, xã Hưng Vĩnh, thành phố Vinh, Nghệ An), hay Hòa Thượng Hoằng Đạo - trụ trì chùa Linh Sơn (Cao Lãnh - Đồng Tháp) vì rất có cảm tình với Nguyễn Quang Diêu và cách mạng nên đã tham gia cách mạng rất nhiệt tình, không ngại gian nguy.

4. Việt Nam Quang phục hội, tổ chức cách mạng có sự liên kết lực lượng quốc tế

Không chỉ chú trọng việc vận động, xây dựng lực lượng cách mạng trong nước, ban lãnh đạo Việt Nam Quang phục hội rất đề cao chủ trương xây dựng mối liên kết về lực lượng cách mạng với các nước bên ngoài, chủ yếu là vận động binh lính và học viên quân sự của Trung Hoa.

Với chủ trương “đánh đuổi giặc Pháp” bằng bạo lực nên Việt Nam Quang phục hội đã thành lập một đội quân ở biên giới Việt Trung có tên là “*Quang phục quân*”, trong đó nghĩa quan phần lớn là đồng bào miền núi ở gần biên giới Việt - Trung và một số thổ phi Trung Quốc. Cán bộ được lấy từ số học viên các trường quân sự như Trường sĩ quan Bắc Kinh, Trường quân nhu Bắc Kinh, Trường Lục quân cán bộ Quảng Tây, các học sinh Đông du đã từng công tác trong quân đội Trung Quốc... giữ những địa vị trọng yếu trong Việt Nam Quang phục hội¹⁵.

Ngay từ khi có chủ trương thành lập, các nhà lãnh đạo của tổ chức Việt Nam Quang phục hội còn mong muốn nhận được sự giúp đỡ của chính phủ Nam Kinh về mặt quân sự. Vì vậy, khi mới từ Xiêm trở về Trung Quốc, Phan Bội Châu đã có những cuộc tiếp xúc với các nhân vật quan trọng của chính phủ Nam Kinh là Tôn Văn Hoàng Hưng. Tuy nhiên, các nhân vật này chỉ hứa hẹn sẽ giúp ông hợp tác về mặt giáo dục, đào tạo cán bộ cách mạng, kể cả đào tạo cán bộ quân sự, còn việc viện trợ về mặt quân sự quân dụng thiết yếu thì không

¹⁵ Cán bộ *trường sĩ quan Bắc Kinh* gồm: Lương Lập Nham, Lâm Quảng Trung, Đặng Hồng Phấn, Phan Bá Ngọc, Nguyễn Thiệu Tô, Hà Dương Nhân, Hồ Hình Sơn); *Trường quân nhu Bắc Kinh* gồm: Lưu Khải Hồng, Nguyễn Yên Chiêu; *Trường Lục quân cán bộ Quảng Tây* gồm: Trần Hữu Lực, Nguyễn Tiêu Đầu, Nguyễn Thái Bạt, các học sinh Đông Du đã từng công tác trong quân đội Trung Quốc gồm: Hoàng Trọng Mậu, Nguyễn Quỳnh Lâm, Đặng Xung Hồng, Nguyễn Hải Thần.

được họ trả lời. Mặc dù vậy, tổ chức cũng đã nhận được sự giúp đỡ của Đô đốc Thượng Hải là Trần Kỳ Mỹ đã giúp Phan Bội Châu 4.000 đồng và 30 quả tạc đạn dùng cho quân sự¹⁶.

Đồng thời để tranh thủ sự viện trợ của người Trung Quốc, Hội đã quyết định thành lập hội *Chấn Hoa hưng Á* vào tháng 8 năm 1912, gồm 200 người tham gia do Đặng Cảnh Á, người Trung Quốc làm Hội trưởng, Phan Bội Châu làm Phó hội trưởng. Các ủy viên khác đều do người hai nước đảm nhiệm, trụ sở đặt ở Quảng Đông. Mục đích của hội là liên hiệp những người cách mạng Trung Quốc với cách mạng Việt Nam làm cách mạng giải phóng dân tộc: “*Cốt chấn Hoa, hưng Á mà tiếng súng thứ nhất bùng ra, trước hết là ở Việt Nam*”¹⁷. Để viện trợ về mặt tài chính, trong hội nghị thành lập, Đặng Cảnh Á đã vận động mọi người mua quân dụng phiếu, kết quả là số lượng quân dụng phiếu tiêu thụ ở Quảng Đông được khá nhiều, ngay trong buổi họp đã bán được hơn 1.000 đồng¹⁸.

Việt Nam Quang phục hội là một tổ chức cách mạng theo khuynh hướng bạo động cách mạng, về chủ trương xây dựng lực lượng, Đảng không chỉ chủ động liên kết với lực lượng bên ngoài chủ yếu là binh lính, cán bộ trong các trường quân sự Trung Quốc mà ở trong nước, phong trào cũng đã vận động được đông đảo mọi tầng lớp xã hội tham gia, từ Nho sĩ đến người nông dân bình thường, từ người không theo đạo đến người theo đạo Ki tô, Phật giáo, từ người thầy giáo đến người làm thợ may, đặc biệt là sự tham gia đóng góp của nhiều phụ nữ. Các tầng lớp quần chúng nhân dân tham gia trong phong trào Việt Nam Quang phục hội xuất thân từ nhiều thành phần xã hội khác nhau, có điều kiện về kinh tế, khả năng cách mạng khác nhau nhưng với nhiệt huyết, ý chí cách mạng kiên cường, họ đã có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển chung của phong trào. Trong đó, nhiều yếu nhân đã tham gia vào các cuộc bạo động do tổ chức Hội phát động nhằm tạo thanh thế cho hội cũng như tạo nên những tiếng vang làm những dấu hiệu kịch liệt để “gọi tỉnh hồn nước” trong dân chúng. Trong đó, vụ ám sát thành công tên tay sai

¹⁶ Nhóm nghiên cứu Sử Địa, *Phan Bội Châu niên biểu*, Sài Gòn, 1971; tr.155-156.

¹⁷ Nhóm nghiên cứu Sử Địa, *Phan Bội Châu niên biểu*, Sdd; tr.163.

¹⁸ Chương Thâu (dịch), “Tân Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 78, 1965; tr.165.

Nguyễn Duy Hàn của Phạm Văn Tráng, hạ sát tại chỗ ba người trong đó có hai viên thiếu tá về hưu người Pháp là Chapuis và Montgrand cùng 12 người khác bị thương là những cuộc bạo động thành công của hội đã phần nào góp phần khuấy động tinh thần cách mạng trong nước cũng như ngoài nước.

Do chưa có cơ sở vững chắc trong lòng quần chúng trong nước, lại mô phỏng một cách khá máy móc *Đồng minh hội* của Trung Quốc nên sau khi cách mạng Trung Quốc thất bại, phong trào Việt Nam Quang phục hội cũng nhanh chóng bị dập tắt. Các lãnh đạo chủ chốt của phong trào như Cường Để, Nguyễn Thần Hiến, Huỳnh Hưng, Phan Bội Châu, Nguyễn Hải Thần.... đều bị bắt giam, trong đó Phan Bội Châu bị bắt giam đến tháng 2.1917. Mặc dù thất bại, nhưng Việt Nam Quang phục hội cũng đã tiến hành được nhiều cuộc đấu tranh vũ trang khắp ba miền đất nước và kéo dài hoạt động đến tận những năm 1917, 1918 điều đó phần nào chứng tỏ lực lượng cách mạng của hội trong giai đoạn này đã mạnh hơn so với Duy tân hội. Qua đó cũng khẳng định được rằng sự ra đời của Việt Nam Quang phục hội cùng với những hoạt động tích cực trong sự giúp đỡ của các tổ chức cách mạng Trung Quốc đã đánh dấu một bước tiến bộ quan trọng trong phong trào cách mạng Việt Nam.

Mặc dù thất bại nhưng bài học về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, tập hợp mọi lực lượng trong quần chúng nhân dân và có sự liên minh với lực lượng cách mạng nước ngoài của Việt Nam Quang phục hội vẫn còn nguyên giá trị đến ngày nay. Thành quả cách mạng tháng Tám thành công, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ năm 1975 trong lịch sử dân tộc đã minh chứng cho giá trị bài học về sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc./.

TTH

BÀN THÊM VỀ LỰC LƯỢNG THAM GIA CUỘC KHỞI NGHĨA DUY TÂN NĂM 1916

*ThS. NCS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Năm 1916, một cuộc khởi nghĩa lớn có thành phần rộng rãi, từ vua, quan đến các giới thân hào, thân sĩ, các cấp tư sản, quân nhân, nông dân... đều tham gia. Cuộc khởi nghĩa ấy tượng trưng cho tinh thần của một dân tộc yêu tự do, muốn độc lập và được chuẩn bị khá kỹ lưỡng.

Những thành phần chính tham gia cuộc khởi nghĩa Duy Tân

Sau gần một năm tham gia Chiến tranh Thế giới thứ nhất (1914), quân Pháp bị tổn thất nhiều về người và của. Cuối năm 1915, Pháp bị thua nhiều trận, quân Đức đã vượt sông Aisne và đang tấn công ồ ạt theo hướng thủ đô Paris. Tại Đông Dương, Pháp tăng cường bắt lính thuộc địa để bù đắp vào sự thiếu hụt quân số. Đợt bắt lính thứ 2 ở Đông Dương thực hiện ráo riết vào tháng 7.1915. Hàng ngàn lính người Việt tập trung ở Huế chuẩn bị xuống tàu vượt đại dương sang châu Âu, tình hình đó gây nên sự phản ứng trong nhân dân, nhất là ở Quảng Nam, Quảng Ngãi và Huế.

Cuộc biểu tình chống thuế của nhân dân Trung Kỳ năm 1908 bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu, nhiều sĩ phu bị bắt hoặc bị tù đầy đi Côn Đảo, phong trào đấu tranh chống Pháp tự lắng xuống. Sự căm thù quân xâm lược và bè lũ tay sai vẫn âm ỉ cháy trong lòng dân chúng và các sĩ phu yêu nước. Trong chiến tranh, thực dân Pháp ráo riết vơ vét của cải và bắt lính tại các thuộc địa đưa sang chính quốc phục vụ chiến tranh. Nhân dân ngày càng căm phẫn, nhiều sĩ phu mãn hạn tù trở về như Trần Cao Vân không hề nhụt chí, tích cực sát cánh với những người cùng chí hướng vận động cứu nước. Năm 1912,

*Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

Lâm Quảng Trung (Quảng Ngãi) là thành viên của Hội Việt Nam Quang phục tới Trung Kỳ vận động tài chính, phổ biến chương trình hành động, tuyên ngôn của Hội và xúc tiến xây dựng tổ chức. Đồng đạo nhân sĩ yêu nước quanh vùng đã gia nhập tổ chức trên và lập ra Kỳ bộ Hội Việt Nam Quang Phục Trung Kỳ (bao gồm các tỉnh từ Quảng Bình đến Bình Định, chủ yếu là Quảng Nam, Quảng Ngãi) như: Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung, Nguyễn Thụy...

Tháng 4.1913, Nguyễn Công Mậu và Võ Hoàng được cử sang Quảng Đông bắt liên lạc với chi nhánh của Hội Việt Nam Quang phục tại đây. Sau đó không lâu, họ lại sang Thái Lan tìm gặp những chí sĩ Hội Việt Nam Quang phục. Sau hai lần xúc tiến nói trên, những người lãnh đạo Kỳ bộ Hội Quang phục tại Trung Kỳ hiểu rõ tổ chức này đã suy yếu, không còn khả năng lãnh đạo phong trào cứu nước nên quyết định hoạt động độc lập.

Tháng 3.1914, tại cuộc họp mặt các nhà yêu nước Trung Kỳ ở Đà Nẵng. Hội nghị nhất trí việc chuẩn bị khởi nghĩa và kế hoạch vận động binh lính người Việt, số lính này sắp phải sang Pháp tham gia chiến tranh, đồng thời tổ chức thêm dân binh để hỗ trợ.

Tháng 2.1915, đại biểu hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi hội bàn ở Đà Nẵng để nghe Nguyễn Công Mậu và Bùi Phụ Thiệu báo cáo kết quả chuyến đi công du qua Thái Lan và bàn việc sắp tới. Lê Ngung đã nôn nóng tiến hành bạo động gấp, nhân chuyện “Pháp Đức khai hân” để giành độc lập. Nhận thấy thời cơ chưa tới cũng như công tác chuẩn bị còn hạn chế, Thái Phiên khuyên Lê Ngung nên bình tĩnh, còn Nguyễn Thụy thì nói: “Ta làm bạo động vì toàn thể đồng bào, hay chỉ vì một số đồng bào, đồng chí bị khùng bó? Nếu vì toàn thể đồng bào thì được, nếu chỉ vì mấy trăm đồng chí, đồng bào bị khùng bó mà nổi dậy thì bạo động chưa được”¹.

Hội nghị đã nhận định tình hình, chủ trương gấp rút tăng cường, chỉnh đốn thực lực, nhất là đẩy mạnh công tác vận động binh lính để khi có thời cơ thì chớp lấy khởi nghĩa đánh Pháp giành quyền độc lập cho đất nước.

¹ Bùi Định (2008), *Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Nghĩa (1885-1945)*, NXB. Thuận Hóa, tr 82.

Hội nghị đã phân công ông Thái Phiên, Hoàng Công Mậu lo xây dựng lực lượng ở Quảng Nam và qua công tác lĩnh biện (thầu khoán) lo tài chính cho Hội. Còn các ông Lê Ngung, Nguyễn Thụy, được giao trách nhiệm xây dựng phong trào ở Quảng Ngãi, đặc biệt là phải gấp rút xây dựng căn cứ cách mạng ở miền núi và mở rộng một con đường sang Lào để tạo lợi thế cho tiến công và thủ thế khi khởi sự sau này.

Tháng 9.1915, Thái Phiên đã triệu tập các nhà yêu nước về Huế họp, thành phần gồm đại biểu của 5 tỉnh, bao gồm:

Quảng Bình: ông Nguyễn Chánh

Quảng trị: ông Phan Phú Tiên

Thừa thiên: ông Đoàn Bổng

Quảng Nam: ông Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Đỗ Tự.

Quảng Ngãi: ông Lê Ngung, Lê Triết, Nguyễn Thụy, Nguyễn Nam.

Sau khi thảo luận, nhận thấy các điều kiện chuẩn bị chưa đầy đủ, hội nghị đã nhất trí hoãn cuộc khởi nghĩa và đưa đến 2 quyết định quan trọng: “Mời vua Duy Tân tham gia cuộc khởi nghĩa để an lòng dân chúng; phân công tác mỗi người để gấp rút xúc tiến mưu sự khởi nghĩa”².

Hội nghị do Thái Phiên chủ trì đã thống nhất nhận định: “Lực lượng cách mạng đã phát triển đều khắp trong các tỉnh miền Trung, có khả năng nổi dậy đánh Pháp giành thắng lợi và thời cơ cho một cuộc khởi nghĩa đã chín muồi”³.

Hội nghị đã bàn sâu về công tác chuẩn bị khởi nghĩa, nhấn mạnh địa bàn trọng điểm là các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, đặc biệt phải chiếm cho được Đà Nẵng để có đường thông thương với nước ngoài.

² Viện sử học (2015), *Lịch sử Việt Nam*, tập 7, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 546.

³ Viện sử học (2015), *Lịch sử Việt Nam*, tập 7, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 547.

Công tác khó khăn và quan trọng nhất lúc này là tiếp xúc bí mật với Hoàng đế Duy Tân. Từ lâu đảng cũng hiểu được tâm lý và tính khẳng khái của nhà vua. Mới 13 tuổi, nhà vua đã dám viết thư trách Pháp việc Pháp không thi hành đúng đắn Hòa ước 1884 và yêu cầu duyệt lại các điều khoản bất bình đẳng trong Hòa ước ấy. Một nhà vua yêu nước, muốn đánh đuổi bọn xâm lược giành lại độc lập tự do cho tổ quốc là một phẩm chất cao quý và tấm lòng ấy sẽ kêu gọi được nhiều tầng lớp tham gia.

Những thành phần rộng rãi trên địa bàn rộng lớn

So với một số cuộc khởi nghĩa vũ trang chống Pháp diễn ra cùng khoảng thời gian như phá ngục Lao Bảo (28.9.1915), lực lượng chủ yếu là tù nhân; khởi nghĩa của binh lính và tù chính trị Thái Nguyên (1917), lực lượng chủ yếu binh lính và tù chính trị; khởi nghĩa của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên (1912-1916), lực lượng chủ yếu là đồng bào các dân tộc ít người khác, cuộc khởi nghĩa Duy Tân (1916) mang tính rộng rãi có sự tham gia của tất cả các lực lượng trong xã hội.

Trong cuộc họp tháng 9.1915 do Thái Phiên chủ trì, Hội nghị đã chủ trương “Tích cực tuyển mộ trong quân chúng cách mạng, lấy thêm người bổ sung vào các đội “tân quân” để đủ sức mạnh vùng lên khởi nghĩa, vận động lính tập, lính mộ và đẩy mạnh việc chuẩn bị quân trang vũ khí”⁴.

Về những người tham gia khởi nghĩa là binh lính: Theo báo cáo của Lê Ngung thì “Ở Quảng Ngãi có 580 lính khổ xanh, đã có tới 450 người ngã theo cách mạng. Ở Quảng Nam, khoảng 80% lính khổ xanh và lính tập ngã theo ta. Đồng thời qua các nguồn tin, Kỳ bộ còn biết được tình hình là lúc bấy giờ, đang diễn ra sự thiên chuyển lực lượng của địch do chúng phải điều động lực lượng cho chiến tranh. Ở Quảng Nam, trước có 150 lính lê dương nay chỉ còn 35 tên. Ở Huế cũng vậy, riêng ở Mang Cá, trước có một sư đoàn, trong đó nhiều lính Tây, nay chỉ còn 50 tên. Trong số lính mộ, mà Pháp chuẩn bị cho xuống tàu, ta đã vận động được khá đông là nội ứng”⁵.

⁴ Viện sử học (2015), *Lịch sử Việt Nam*, tập 7, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 548.

⁵ Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2000), *Hoạt động quân sự từ năm 1897 đến Cách mạng tháng Tám 1945*, tập 9, NXB. Chính trị Quốc gia Hà Nội, tr 82.

Về những người tham gia khởi nghĩa là quan lại: Là những người có vị trí trong xã hội thời bấy giờ, nếu được sự ủng hộ của quan lại sẽ dễ dàng trong tập hợp lực lượng cho cuộc khởi nghĩa. Những người cốt cán tại phủ Tam Kỳ có các ông: “Phó Bèm, người làng Tân An Tây; Xã Duân, người làng Phú Quý - Ngọc Giáp; Nguyễn Thuyên người làng Tân An Tây; Lê Thùy tự Lê Tùng, người làng Thanh Mỹ Trung. Tại huyện Đại Lộc có Đội Đóa, người làng Quảng Huế Trung. Tại phủ Điện Bàn có Nguyễn Trình, người làng Bảo An Tây và Phan Khôi, người làng Phong Thử. Tại huyện Duy Xuyên bao gồm: Nguyễn Nhân làng Phúc An, Nguyễn Uýnh làng Mỹ Lộc. Tại huyện Quế Sơn có thầy Lãm, người làng Trung Lộc. Tại phủ Thăng Bình có Huỳnh Phùng, người làng Tiên Đỏa...”⁶.

Sau khi chiêu mộ được những vị quan lại, Thái Phiên đã trực tiếp giao tiền cho ông Huỳnh Phùng ở Thăng Bình và ông Phan Khôi ở Điện Bàn để chăm lo một số việc trong cuộc khởi nghĩa như: Phân phối cho những người đứng ra mộ lính, may đồng phục. Những vũ khí sử dụng trong cuộc khởi nghĩa như giáo, mác, mã tấu sẽ do người phụ trách lính lo liệu. Việc sắm cờ, đúc ấn, đúc con dấu do ông Thông Phiên chịu trách nhiệm. Càng gần đến ngày khởi nghĩa, công việc tuyển mộ dân binh thêm khẩn trương, theo Công sứ Lesterlin thì “Tại Tam Kỳ, họ đã tuyển mộ được 200 đến 250 người”⁷.

Về người tham gia khởi nghĩa là các hào phú: Tiêu biểu là các hào phú trong phủ Quảng Nam như ông Lê Khâm Duy (tức Bát Kiện) ở Hòa Hạ, ông Bá Ba ở Thanh Lâm... Sự tham gia của các hào phú có vai trò quan trọng đối với cuộc khởi nghĩa trong việc quyên góp tiền bạc và lúa gạo nhiều cho nghĩa quân.

Về người tham gia khởi nghĩa là nông dân: Nông dân luôn là lực lượng đông đảo, đi tiên phong đứng lên đấu tranh của cuộc khởi nghĩa. Trong cuộc khởi nghĩa Duy tân 1916, bên cạnh sự đồng lòng của toàn dân ở Quảng Nam nói riêng và các tỉnh Quảng Trị, Thừa

⁶ Bùi Định (2008), *Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Nghĩa (1885-1945)*, NXB. Thuận Hóa, tr 158.

⁷ Nguyễn Thị Đàm, *Bàn thêm về tên gọi của sự kiện lịch sử vận động khởi nghĩa ở Trung Kỳ*, Tạp chí Huế Xưa và Nay số 9-10.2006, tr 36.

Thiên, Quảng Ngãi... đều có sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân. Riêng ở Quang Nam, một nhóm phụ nữ là thợ dệt, thợ may ở các vùng Tam Kỳ, Bãi Dương, Cầu Duối... đã bí mật dùng thuyền rở, thuyền ghe chở hàng đậu dọc sông Tam Kỳ ở vùng Phú Ninh để dệt vải, may quân phục. Các nhóm thợ rèn ở nhiều nơi được huy động đến phối hợp với xóm lò rèn ở Xuân Trung để rèn giáo, gươm trang bị cho nghĩa quân.

Khí thế chuẩn bị cuộc khởi nghĩa nhộn nhịp khắp Trung Kỳ. Nhiều nơi đã tập hợp nghĩa binh, rèn sắm vũ khí, tích trữ quân nhu, quyên góp tiền gạo, một số căn cứ được tập trung xây dựng ở vùng rừng núi Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, mở đường thông sang Lào.

Song song với công tác tập hợp lực lượng là việc tiếp cận và mời vua Duy Tân tham gia cuộc khởi nghĩa. Trên ngai vàng tại kinh đô Huế, Vua Duy Tân đã 16 tuổi. Không khí cách mạng trên khắp cả nước sục sôi có ảnh hưởng không nhỏ tới vị vua trẻ tuổi yêu nước. Lợi dụng lúc triều đình Huế và bảo hộ Pháp lập một lương đình ở Cửa Tùng (Quảng Trị) để vua nghỉ mát. Các lãnh tụ cuộc khởi nghĩa là Thái Phiên và Trần Cao Vân đã bỏ ra một số tiền lớn thương lượng với người tài xế Vua xin thôi việc và chịu đứng giới thiệu người khác thay thế, đưa đồng chí Phạm Hữu Khánh vào nội lái xe cho vua Duy Tân. Là một đảng viên ưu tú, một thanh niên tài năng lỗi lạc, tốt nghiệp Trường Bá công Huế, sau hai tháng làm việc, Khánh đã được vua tin yêu. Một hôm vua ngự du ở Cửa Tùng, Khánh dâng một phong thư của đồng chí Trần Cao Vân gửi. Trong bức thư dâng vua, Trần Cao Vân đã nói về sự lầm than của nhân dân, thảm họa của quốc gia khi bị Pháp đô hộ và ý định phục quốc của quốc dân. Lời lẽ trong thư có nhiều đoạn lâm ly, cảm kích như các câu: *“Tha Mỹ quốc, hắc nô chủng tộc, ngũ thập niên du khả tự cường; hà hướng ngô dân Hoàng đế tử tôn, năm ngũ triệu khởi cam chung nhược!* (Kìa nước Mỹ dòng giống rợ đen, 50 năm còn có tự cường, hướng dân ta con cháu nhà vua, 25 triệu nữ đàn hèn yếu) và câu: *Thiên khai thánh minh hữu bài Pháp hưng binh chi chí. Đại sinh tuần kiệt hữu truất dân thảo tặc chi quyền.* (Trời sinh vua thông minh, sẵn có chí cử binh

chống Pháp. Đất sinh người tài giỏi có quyền đuổi giặc thương dân)". Xem xong vua bị cảm xúc mạnh, tim não nóng lên như lửa đốt, ruột gan đau như dao cắt. Vua yêu cầu được gặp người viết thư và chỉ định nơi sẽ gặp.

Một cuộc họp nhanh chóng được diễn ra giữa ba nhà cách mạng yêu nước là Thái Phiên, Trần Cao Vân và Phan Thành Tài. Trong buổi triệu tập, các ông đã bàn bạc kỹ lưỡng để tránh sự theo dõi của Pháp. Được sự sắp xếp của Phan Hữu Khánh, ngày 12.3.1916 âm lịch, sau khi ngự xem quân lính luyện tập ở bãi Trường Thi, vua thả bách bộ trên con sông đào gần đó. Tại bến Ngự Hà, Trần Cao Vân và Thái Phiên đã ôm giỏ, buông cần câu cá ngồi dưới gốc cây chờ vua ở đó. Sau cuộc hội kiến này, vua Duy Tân chính thức tham gia khởi nghĩa, mọi chỉ thị đưa ra trong nội bộ đều mang chữ ký "Cô Đà" là bí danh của Thái Phiên. Sự tham gia của vua Duy Tân khiến lòng dân càng tin tưởng, hăng hái sôi nổi. Các cựu chiến sĩ Cần vương, văn thân, các giới tư sản hào phú đến một phần trong hàng quan lại cũng nhiệt liệt ủng hộ cách mệnh.

Trước khi bước vào khởi nghĩa, Đại hội Kỳ bộ Hội Việt Nam Quang phục Trung Kỳ họp lần thứ 2 tại làng Xuân Yên (Bình Sơn, Quảng Ngãi), kể kiểm điểm tình hình công tác chuẩn bị khởi nghĩa, xét duyệt tờ hịch, chương trình kiến quốc và kế hoạch khởi nghĩa. Đại hội đã họp những vấn đề trọng yếu:

- "Theo ý Vua Duy Tân, cuộc khởi nghĩa sẽ cử hành vào giờ Tý đêm 3.4 năm Bính Thìn (1 giờ sáng ngày 4.5.1916).

- Những người lãnh đạo Kỳ bộ quyết định lấy danh nghĩa vua Duy Tân kêu gọi nhân dân nổi dậy đánh Pháp, giành độc lập cho đất nước. Hội nghị bàn bạc sẽ lập bộ máy chính quyền sau khi khởi nghĩa"⁸.

Để chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa, đại hội đã kiểm điểm lực lượng tại các địa phương như sau:

- Xét tổng quát thực lực của cách mạng tạm đủ

⁸ Trần Trúc Tâm (1999), *Chỉ Sỹ Trần Cao Vân 1866-1916*, NXB. Đà Nẵng, tr 56.

- Xét tại Huế: Dựa vào lực lượng lính mộ ở đồn mang cá, do viên thiếu tá người Đức sẵn sàng hỗ trợ cuộc khởi nghĩa, với 1000 lính mộ sẽ là lực lượng xung phong của cách mạng và đây cũng là lực lượng chính của cuộc khởi nghĩa. Còn 2000 lính khổ xanh, khổ vàng sẽ là lực lượng hưởng ứng. Ngoài ra ở các vùng ngoại ô và thôn quê Huế còn có lực lượng quan lại và dân chúng tham gia giúp đỡ khởi nghĩa. Ở Đà Nẵng dựa vào dân binh, lính mộ, lính tập.

- Xét tại Quảng Nam, Quảng Ngãi: Lực lượng đảng mạnh mẽ hơn, cơ sở dân chúng kiên cố hơn hết. Vì vậy, Đảng lấy hai tỉnh này làm chủ lực kiên trung của cuộc khởi nghĩa.

- Tỉnh Quảng Bình: chỉ có 3 người

- Tỉnh Quảng Trị: có Quản Thiệu và Quản Nguyên xuất lãnh khổ xanh trợ lực, còn các tổ chức dân chúng đã có ông Khóa Bảo trợ lực....

Hội nghị chủ trương khởi sự tại kinh đô Huế, sẽ bắn súng thần công báo hiệu lệnh cho hai tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, đồng thời ở đèo Hải Vân cũng nổi lửa để báo hiệu cho hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi.

- Huy động các đạo dân quân Thừa Thiên hưởng ứng trợ lực với các đội binh sĩ chiếm lấy kinh đô Huế.

- Thu cả toàn lực Quảng Nam, Quảng Ngãi, dân quân hợp lực với binh sĩ chiếm giữ cửa biển Đà Nẵng để mở đường giao thông với Đức. Ngoài ra, các tỉnh khác cũng theo kế hoạch bạo động cướp chính quyền như thế...

- Vạn nhất tấn công không thắng lợi, thì đạo quân Quảng Nam rút về phía tây chiếm vùng rừng núi Bà Nà, đạo quân Quảng Ngãi kéo lên miền Gió Rút, là những địa thế hiểm trở để làm hậu thuẫn cho những cuộc phản công.

-Do sự ủy nhiệm của *Việt Nam Quân chính phủ* các yếu nhân cách mạng mỗi người đều có công tác phụ trách điều khiển mỗi tỉnh. Hai ông Trần Cao Vân, Thái Phiên điều động chiếm kinh đô và phụ trách rước vua Duy Tân ra khỏi hoàng thành, chờ cuộc hỗn loạn yên ổn trở lại sẽ tôn nhà vua trở lại ngôi.

Tiếp đó là mấy tháng chuẩn bị ráo riết của những người phụ trách các khu ở Quảng Nam, Quảng Ngãi. Đặc biệt là Quảng Ngãi, dưới sự chỉ đạo của Lê Ngung, việc chuẩn bị có phần sôi nổi hơn. Ở đây Lê Ngung mở cuộc họp riêng, phân công tỷ mỉ và chu đáo việc chỉ đạo không những ở Quảng Ngãi và còn ở các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Kon Tum. Ở đây cũng là nơi duy nhất lực lượng dân binh được tổ chức đông và chu đáo. Dân binh là những người nhanh nhẹn, can đảm, được tập hợp thành từng nhóm, mỗi nhóm cử một người chỉ huy gọi là “cai”. Mỗi huyện cử một người chỉ huy gọi là “quản”. Y phục của nghĩa quân màu đen. Vũ khí là dao tự chế và lựu đạn tự chế bằng thuốc súng trộn mảnh chai bọc vỏ tre. Những người lãnh đạo Thừa Thiên cũng tích cực chuẩn bị nhưng không tập trung nhiều vào việc liên hệ với vua Duy Tân.

Như vậy, việc mưu sự diễn ra trong toàn cõi Trung Kỳ suốt một thời gian dài và được che đậy dưới nhiều hình thức mà chính quyền thực dân bảo hộ không hề hay biết. Mặc dù thất bại, cuộc khởi nghĩa đã thể hiện tinh thần yêu nước bất khuất, quật khởi của nhân dân Trung Kỳ, gây tiếng vang lớn và có tác dụng tích cực đối với phong trào cách mạng của cả nước./.

NTH

THÁI PHIÊN - MỘT LÃNH TỰ TRỌNG YẾU CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA NĂM 1916

ThS. LƯU ANH RÔ*

Thái Phiên là con trai duy nhất của ông Thái Duy Tân và bà Lê Thị Lý trú tại làng Nghi An (nay thuộc phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng). Đứng trước cảnh nước mất nhà tan, phải chứng kiến cảnh thực dân Pháp ra sức đàn áp nhân dân, bắt bớ giam cầm hàng loạt các sĩ phu từng tham gia các phong trào Nghĩa hội Quảng Nam, phong trào chống thuế năm 1908, Thái Phiên nung nấu trong mình ý chí: đánh đổ thực dân Pháp thành lập một nước Việt Nam tự do, dân chủ. Chính vì thế nên ông nhanh chóng tham gia tổ chức “*Việt Nam Quang phục hội*” do Phan Bội Châu khởi xướng.

Tuy nhiên, không phải đợi đến khi trở thành một đảng viên của “*Việt Nam Quang phục hội*” với cuộc khởi nghĩa Duy Tân, vai trò lãnh tụ của ông mới được thể hiện. Hồ sơ của mật thám Pháp tại Trung Kỳ từ sau phong trào chống thuế năm 1908 đã hiện diện cái tên Thái Phiên với một lưu ý là “một phần tử nguy hiểm”, sở dĩ có điều đó là vì chính ông là người lãnh đạo cuộc đấu tranh giành đất Cẩm Đình của dân làng Nghi An quê ông với tên thực dân “*Tây kho bạc Gravelle*”. Sau khi đàn áp phong trào chống thuế, bọn tư sản, thực dân tại Đà Nẵng, Hội An bắt đầu tiến hành cướp đất của nhân dân trong tỉnh Quảng Nam để lập đồn điền chè, đồn điền cà phê và huyện Hòa Vang cũng không ngoài số đó. Đầu năm 1909, Gravelle muốn cướp đất Cẩm Đình để lập đồn điền cà phê nên y ngang nhiên cho tay chân phá đình Nghi An để mở rộng diện tích. Gravelle hy vọng sau khi cướp được đất Cẩm Đình thì đặt vùng đất trên dưới sự bảo vệ bởi 2 đồn Phong Lệ và Phước Tường của thực dân Pháp. Nhân dân Phước

* Hội Khoa học Lịch sử thành phố Đà Nẵng.

Tường và Nghi An, dưới sự lãnh đạo bí mật của Thái Phiên, một mặt cử người làm giấy kiện đưa ra Huế đòi chính phủ Nam triều phải can thiệp, mặt khác trực tiếp đấu tranh với tên tây Gravelle¹. Cuộc đấu tranh đó kéo dài 3 năm và phần thắng nghiêng về nhân dân làng Nghi An, Thái Phiên thoát khỏi cảnh tù tội trong vụ này là nhờ ông đang làm thư ký cho một tay chủ xưởng chè tại Đà Nẵng. Chính cuộc tập dượt trên đã giúp Thái Phiên có nhiều kinh nghiệm trong việc qui tụ lực lượng, tổ chức hoạt động bí mật như ta thấy trong cuộc khởi nghĩa Duy Tân sau này.

Năm 1912, Thái Phiên gặp Tú tài Lê Ngung - một nhà yêu nước ở tỉnh Quảng Ngãi có chân trong tổ chức “*Việt Nam Quang phục hội*”, để bàn việc chuẩn bị lực lượng, chờ thời cơ nổi dậy đánh đổ thực dân Pháp. Năm 1915, “*Việt Nam Quang phục hội*” tổ chức Đại hội lần đầu tại Huế để bàn việc khởi nghĩa, lúc này chí sĩ Trần Cao Vân vừa mới bị đày từ Côn Đảo về, cũng tình nguyện tham gia.

Tuy nhiên, do chưa liên hệ được với vua Duy Tân (tức Nguyễn Phúc Vĩnh San), để tạo dựng ngọn cờ cho đại sự, nên Thái Phiên và Trần Cao Vân đề nghị hoãn kế hoạch khởi nghĩa. Thái Phiên tự mình đề xướng cùng Trần Cao Vân lãnh trọng trách gặp gỡ, liên hệ với vua Duy Tân - một nhiệm vụ rất nguy hiểm, bởi vì vị vua yêu nước Duy Tân lúc này đang bị mật thám Pháp kiểm soát chặt chẽ tại Huế.

Để tiếp xúc được vua Duy Tân, Thái Phiên và Trần Cao Vân đã vận động người lái xe chở vua thôi việc và đưa người đồng chí của mình là Phạm Hữu Khánh vào thay. Chính Khánh là người liên lạc, làm cầu nối giữa vua Duy Tân và Thái Phiên, Trần Cao Vân sau đó. Lúc này, cuộc chiến tranh thế giới lần thứ Nhất nổ ra, nước Pháp đang sa lầy vì cuộc chiến, nên hơn lúc nào hết, các yếu nhân của phong trào như: Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung... quyết định phát động khởi nghĩa đánh đổ thực dân Pháp.

¹ Người trực tiếp kêu kiện tại triều đình Huế là cụ Thái Văn Lọ - lý trưởng làng Nghi An. Để phản đối vua quan nhà Nguyễn không chịu can thiệp vụ giành đất này, cụ Lọ đã treo cổ tại cổng kinh thành Huế, Triều đình Huế bèn cho mang thi hài cụ về quê chôn cất và can thiệp không cho Pháp phá đình Nghi An và lấy đất của dân.

Tháng giêng năm 1916, Thái Phiên triệu tập một cuộc họp tại nhà ông Lâm Nhĩ ở làng Cẩm Toại (nay thuộc xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang) để triển khai kế hoạch khởi nghĩa. Mục tiêu khởi nghĩa được các ông đưa ra là: đánh đổ thực dân Pháp, xây dựng Việt Nam thành nước: “*Việt Nam cộng hòa dân quốc*”. Tháng 2.1916, “*Việt Nam Quang phục hội*” tiến hành Đại hội tại Huế gồm các yếu nhân quan trọng như: Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài (ở Quảng Nam) Lê Ngung, Nguyễn Thụy (Quảng Ngãi), Nguyễn Chánh (Quảng Bình), Đoàn Bổng (Thừa Thiên - Huế)... để bàn việc chuẩn bị khởi nghĩa. Đại hội thành lập ủy ban khởi nghĩa do Thái Phiên đứng đầu, kiêm Tổng chỉ huy quân sự. Kế hoạch nổi dậy như sau:

Thái Phiên và Trần Cao Vân trực tiếp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa tại kinh đô Huế. Theo đó, đúng 1 giờ sáng ngày khởi nghĩa, quân khởi nghĩa sẽ đốt lửa trên đồi Thiên Mụ để báo hiệu cho các cánh quân đồng loạt nổi dậy. Lính lệ ở Trường Thi sẽ hợp với quân một sĩ quan người Đức chỉ huy đồn Mang Cá, tiến hành đánh chiếm Tòa Khâm và trụ sở các bộ. Súng thần công tại kinh thành sẽ được bắn, để đúng 1 giờ sáng ngày 4.5.1916 thì trên đỉnh đồi Hải Vân sẽ được nổi lửa phát tín hiệu truyền đi.

Tại Quảng Ngãi, Lê Ngung, Phạm Cao Chảm, Nguyễn Công Phương chỉ huy khởi nghĩa và có nhiệm vụ liên hệ với Bình Định, Kon Tum... Nếu cuộc khởi nghĩa thất bại thì nghĩa quân ở Quảng Nam sẽ rút lên núi Bà Nà, Quảng Ngãi sẽ rút lên Gia Vút để lập căn cứ kháng chiến lâu dài.

Tại Quảng Nam, kế hoạch khởi nghĩa được phân công như sau:

- Các ông: Đỗ Tự, Lê Văn Bính (tức tú Bính), ông Văn Long (người làng Phong Bắc thuộc xã Hòa Thọ, huyện Hoà Vang cũ) nắm nghĩa quân đánh thành La Qua ở Quảng Nam và liên hệ với 1500 lính thợ bị Pháp bắt đi lính chờ xuống tàu sang Pháp đang tập trung ở cửa Hàn - Đà Nẵng.

- Các ông Lâm Nhĩ (ở làng Cẩm Toại - Hòa Phong, Hòa Vang), Trần Ngọc Đạm ở Khuê Trung lãnh trách nhiệm đánh chiếm cửa Hàn và tiếp nhận vũ khí của Đức.

- Nhân dân 2 làng Nghi An, Phong Lệ đồn cây, chặn đường tiến quân cứu viện của Pháp từ Hội An kéo ra. Công nhân các đồn điền Hòa An, đồn điền cà phê Phước Tường, đồn điền chè Tùng Sơn cũng được vận động tham gia cuộc khởi nghĩa². Đây là một nét mới trong cuộc khởi nghĩa này, qua đó cho ta thấy uy tín và khả năng qui tụ lực lượng của Thái Phiên.

Tuy nhiên, do kế hoạch tiếp xúc vua Duy Tân vẫn chưa có cơ hội thực hiện nên cuộc khởi nghĩa tiếp tục bị hoãn. May thay, ngày 14.4.1916, nhân lúc vua Duy Tân đi duyệt binh ở Trường Thi, Phạm Hữu Khánh đã tìm cách đưa nhà vua đến chỗ gặp Thái Phiên, Trần Cao Vân. Do mưu đồ việc lớn, Thái Phiên và Trần Cao Vân đã bất chấp nguy hiểm, giả làm người câu cá trên sông Ngự Hà để vào Hoàng thành gặp vua (Thời đó, một người dân thường bị bắt gặp lọt vào Hoàng thành đều bị xử chém, không cần tra xét - Tg). Duyệt binh xong, nhà vua thả bộ theo sông Ngự Hà rồi tạt vào Hậu Hồ để gặp 2 ông bàn việc đại sự. Sau cuộc gặp mặt đó, mọi chỉ thị đưa ra của tổ chức “*Việt Nam Quang phục hội*” đều do một mình Thái Phiên thảo ra và đều được ký tên là “*Cô Đà*”, tức bí danh của ông lúc bấy giờ. Chính Thái Phiên đã thảo chương trình, mật chiếu, bài hịch của cuộc khởi nghĩa rồi cho người đưa vua Duy Tân xem, việc làm đó cho thấy ông là một yếu nhân hết sức quan trọng của phong trào này. Nhưng công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa đang được các tỉnh chuẩn bị rất khẩn trương thì cơ mưu bị lộ.

Tìm hiểu về cuộc khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân chúng ta sẽ rất ngạc nhiên trước uy tín, ảnh hưởng của Thái Phiên đối với lực lượng nổi dậy ngay tại quê nhà của ông, nhất là vùng tây bắc Hoà Vang. Trước ngày khởi sự, Thái Phiên, Trần Cao Vân đã gặp gỡ những nhân sĩ, phú hào của Hoà Vang như: Tú Bình (tức Nguyễn Văn Bình),

² Theo nhiều tài liệu của Pháp thì lúc bấy giờ đồn điền Hòa An có diện tích 5ha chuyên trồng hoa lai dùng để ướp chè do tên tư sản Pháp là Roobe cai quản, công nhân đồn điền này độ 50 người. Đồn điền cà phê ở Phước Tường diện tích khoảng 20ha chuyên trồng cà phê. Nguyên trước kia do Hoa kiều cai quản, sau đó họ bán cho tên Gravelle. Đến năm 1920, tên này cho tên tây Ri Doon cùng sở hữu, culi của trang trại này chừng 200 người.

Trương Sĩ Khai, Nguyễn Duy Nhạc, tú Xước, tú Điền, khóa Ngoạn, Phan Hải (ở Bồ Bản, Khánh Sơn), khóa Can, Mai Ấn (ở làng Phước Lý), Nguyễn Như Cơ, Nguyễn Như Thức, Nguyễn Ngọc Khiết (ở làng Trung Nghĩa và Hòa An), xã Công (tức Hứa Thống Thường), giáo Chương (ở làng Yên Khê)... để bàn việc mưu sự khởi nghĩa. Hầu hết những người này là bạn đồng môn, đồng khoa và đồng chí hướng “*quyết đánh cả Triều lẫn Tây*” của hai ông.

Thái Phiên đã nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của dân làng ông và các làng phụ cận cho cuộc đại sự này. Tại làng Nghi An, cụ Khương Điền được Thái Phiên chỉ định làm Chánh ban khởi nghĩa, cụ Trịnh Nghệ làm Phó ban, cụ Trịnh Tiến (tức Thông Tiến) lo việc liên lạc, lo vũ khí, quần áo, lương thực. Làng Nghi An có lò rèn ngày đêm rèn giáo mác, có bàn máy may áo quần rằn cho quân khởi nghĩa. Ông Thủ Ba - một nhà phú hộ ủng hộ nghĩa quân bằng cách xuất gạo nấu cơm, làm gà, vịt nuôi những người “quân nghĩa dũng”. Chiều tối ngày 2.5.1916, các cánh quân khởi nghĩa các xã ở Hoà Vang mặc áo quần thường dân đổ về Nghi An, tập trung ở Trùng Bò (âm linh Nghi An bấy giờ) xếp thành đội ngũ, thay quần áo, trang bị vũ khí sẵn sàng chờ lệnh khởi nghĩa. Cấp chỉ huy của quân khởi nghĩa thì mặc quần áo vải rằn, đội viên thì mặc quần áo đen. Trong khi đó, các cánh quân chủ lực tập kết vào vị trí, áp sát huyện đường Hoà Vang và một số cơ quan đầu não của địch tại Đà Nẵng; một bộ phận đợi sẵn ở Nghi An làm quân ứng cứu. Nghĩa quân tại Nghi An phân công ông Hồ Hữu Mùi cùng ông Khương Điền (một võ sĩ) bồi bếp cho Gravelle sẵn sàng giết chết hắn ngay sau khi lệnh khởi nghĩa nổ ra. Nhà bà Hương nề (một phú hộ khác), trong đêm huy động trai bạn nấu đầy ba nong cơm vắt, để tiếp tế cho nghĩa quân. Tại Hoà An, cụ Nguyễn Ngọc Khiết được giao làm thủ quỹ cho bộ phận khởi nghĩa ở Hoà Vang và Đà Nẵng. Đội nghĩa quân Hòa An, có 20 người do cụ Nguyễn Như Thức làm đội trưởng, thường xuyên về đêm tập trung ở sân nhà cụ Nguyễn Ngọc Khiết. Trước ngày khởi nghĩa, cụ Nguyễn Như Thức được Thái Phiên giao nhiệm vụ dẫn đường cho quân khởi nghĩa chiếm huyện lỵ Hoà Vang, nếu đại sự thành công, thì cụ được giao nhận chức tri huyện Hoà Vang.

Giữa đêm ngày 3.5.1916, theo kế hoạch đã định, vua Duy Tân “chân đi đất, đầu chít cái khăn đen, mình mặc áo cụt đỏ sẫm và quần vải trắng” được bí mật đưa ra khỏi Hoàng thành để đến Nha Thương Bạc gặp Thái Phiên, Trần Cao Vân. Tại đây, nhà vua được hai ông đưa xuống thuyền xuôi về làng Hà Trung ở Phú Vang (Huế). Sau khi đưa vua đến Bến Ngự, Thái Phiên nghe Nguyễn Quang Siêu báo: “Khi đưa vua ra đến bến Thương Bạc thì tôi gặp Trần Quang Trứ hốt hải cho chèo thuyền qua Tòa Khâm!”. Thái Phiên giật mình nhìn Trần Cao Vân và hỏi: “Trứ được giao nhiệm vụ phối hợp hành động ở Trấn Bình Đài, tại sao hấn lại qua Tòa Khâm giờ này làm gì?”. Đến đây, các lãnh tụ phong trào Duy Tân đã có dự cảm rằng: kế hoạch nổi dậy đã bị bại lộ.

Đợi đến 3 giờ sáng mà súng hiệu vẫn chưa nổ, biết cơ mưu bị lộ, Thái Phiên, Trần Cao Vân bèn đưa vua Duy Tân rời Hà Trung, theo đường núi để vào núi Bà Nà thuộc huyện Hoà Vang như đã định. Khi vua tới đi ngược lên vùng núi Tây Nam Huế và trọ lại tại chùa Thuyền Tôn thuộc xóm Ngũ Tây, thôn An Cựu, thì tại đây bọn mật thám Pháp, Đồng lý văn phòng Le Font, Khâm sứ Charles và quan quân Nam triều cùng lính Pháp vây kín khắp sân chùa. Vua Duy Tân, Thái Phiên, Trần Cao Vân và những người đồng chí của các ông đều bị bắt giữ.

Bản án kết tội Thái Phiên và Trần Cao Vân do phong kiến Nam triều lập có đoạn: *“Ban đầu buông câu ở Hậu Hồ, tự thảo chiếu văn, kế đến neo thuyền ở bến Thương Bạc, chở rước nhà vua, mời vua dùng cơm lạt ở làng Hà Trung, ăn cháo gà ở núi Ngũ Phong, mình rỗng phải chịu dãi dầu sương gió, tội lỗi này đều do bọn kia (tức Trần Cao Vân, Thái Phiên - Tg) tạo ra”* Bản án đã làm xong, Tòa Khâm cho người đến tận Lao Hồ để chụp hình các tử tội: Thái Phiên, Trần Cao Vân, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu làm hồ sơ lưu trữ³. Trước khi chết, Thái Phiên và Trần Cao Vân viết một bản trần tình khẳng

³ Từ chi tiết này cho ta hay rằng: Có thể trong Thư khố Bộ thuộc địa Pháp tại Paris, còn lưu di ảnh của Thái Phiên. Điều đó, sẽ giúp chúng ta tìm thấy ảnh và tạc tượng cho ông đặt tại trường Thái Phiên ở Đà Nẵng như mong ước của nhiều người hiện nay.

khái nhận hết tội lỗi về mình và đề nghị thực dân Pháp tha tội chết cho vị vua trẻ Duy Tân. Bài trần tình có câu:

“Trung là ai? Nghĩa là ai? Cân đai võng lọng là ai? Thà để cô thần tử biệt!

Trời còn đó! Đất còn đó! Xã tắc sơn hà còn đó! Mong cho Thánh Thượng sinh toàn!”.

Ngày 17.5.1916, Thái Phiên và các đồng chí của ông bị thực dân Pháp áp giải đến pháp trường An Hòa (Huế) và đều bị chém chết. Cái chết của các yếu nhân trong phong trào Duy Tân, đã thể hiện nghĩa khí cương cường của các sĩ phu yêu nước Quảng Nam thời bấy giờ và tên tuổi của Thái Phiên, Trần Cao Vân đã trở nên bất tử trong lịch sử chống xâm lăng của dân tộc ta. Cái chết của họ minh chứng cho một điều, đúng như lời vua Duy Tân sau này đã nói: *“Nếu như chúng tôi không có nghĩa cử cầm đầu cuộc vận động ấy thì dưới con mắt của dân tộc tôi, tôi được coi như một kẻ hèn nhát, phản bội xứ sở, phản bội cha ông tôi”*./.

LAR

PHAN THÀNH TÀI - NGƯỜI CON ƯU TÚ CỦA XỨ QUẢNG

Th.S NGUYỄN VĂN TÙNG*

Th.S TRẦN ĐÌNH PHIÊN**

Vùng đất Quảng Nam thuộc dải đất nam Trung Bộ vốn là nơi có truyền thống đấu tranh yêu nước bất khuất. Từ cuộc kháng chiến chống Pháp đầu tiên năm 1858 cho đến khi giành thắng lợi hoàn toàn, nhân dân Quảng Nam đã cùng với nhân dân cả nước liên tục nổi dậy đấu tranh giành lại độc lập, tự do cho dân tộc. Từ phong trào Cần vương, Đông du cho đến phong trào chống sưu thuế, khởi nghĩa năm 1916 do Việt Nam Quang phục hội khởi xướng, nhân dân Quảng Nam đều tích cực hưởng ứng và tham gia sôi nổi, nhiệt thành. Qua những phong trào đấu tranh đó, xuất hiện nhiều tấm gương yêu nước lớn, tiêu biểu cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân xứ Quảng. Một trong những nhà yêu nước tiêu biểu, có nhiều đóng góp cho Quảng Nam giai đoạn này đó là nhân vật Phan Thành Tài.

1. Thầy giáo nho học có tư tưởng canh tân

Phan Thành Tài (1878-1916)¹ còn được mọi người gọi là Ông Học Tài, hiệu Đạt Đức, quê làng Bảo An phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam), trong một gia đình khoa bảng; thân sinh ông là Phan Thành Tích, đỗ cử nhân.

Được sinh ra trong một gia đình có truyền thống khoa bảng, Phan Thành Tài sớm tỏ ra là con người chăm học. Thuở nhỏ, ông học

*Viện Lịch sử quân sự, Bộ Quốc phòng.

**Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

¹ Về năm sinh của ông, tác giả Đại Thạch Lê Ước trong bài *Cuộc Duy tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài (1882 - 1916)*, Tập san Sử địa, số 11, 1968 cho rằng ông sinh năm Nhâm Ngọ 1882.

chữ nho, lớn lên học chữ Quốc ngữ và chữ Pháp tại Đà Nẵng đến bậc Trung học. Năm 1899, ông tốt nghiệp Trung học và được chính quyền Pháp bổ nhiệm làm thông ngôn ở dinh Tổng đốc Bình Phú (Bình Định - Phú Yên) dưới quyền của Tổng đốc Bình Phú. Sau đó, ông làm thông phán ở Bác cổ học viện Nam Kỳ ở Sài Gòn, nhưng chỉ một thời gian ngắn lại bỏ về quê, ông xin từ chức trở về quê Quảng Nam mưu đồ việc nước, giúp nhân dân thoát khỏi ách thống trị của bọn thực dân².

Phan Thành Tài rất nhiệt huyết với tân học do cụ Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp chủ trương. Từ năm 1904, ông đã tích cực tham gia phong trào Duy tân tại Điện Bàn. Ông từng làm giáo viên dạy chữ Quốc ngữ, Pháp ngữ tại trường nghĩa thực Diên Phong³. Cùng giảng dạy với thầy Phan Thành Tài còn có những người nổi tiếng khác như Trần Quý Cáp, Phan Thúc Duyện, Mai Ái... ông là người tổ chức, quản lý và là giáo viên chính của trường.

Nét mới của ngôi trường nơi Phan Thành Tài giảng dạy, đó là dạy học hoàn toàn mang tính “duy tân”, không dạy theo chương trình và không liên hệ với trường của chính quyền thuộc địa như các ngôi trường khác trong tỉnh. Nội dung giảng dạy của trường hoàn toàn do các thầy biên soạn từ các môn toán, văn, sử, địa, hát, thể dục. Tài liệu giảng dạy là những cuốn sách có nội dung mới mẻ, phong phú như sách *Bác Vật chí* do Phạm Phú Thứ đề tựa và ấn hành dạy các môn khoa học như sấm, chớp, điện lực, xe lửa; sách *Đình Hoàn chí lược*, sách địa lý của Trung Hoa truyền sang Việt Nam và Nhật Bản, sách giới thiệu địa lý và lịch sử của nhiều nước ở châu Á và thế giới; sách *Đại Nam nhất thống chí*, *Quảng Nam dư địa chí*... Đặc biệt, đối với ban II (sách bán cho người lớn) còn có sách của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, thuyết nhân quyền⁴.

² Xem thêm: Nguyễn Q.Thắng, *Quảng Nam đất nước và nhân vật I&II*, NXB. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2001, tr. 549.

³ Theo tài liệu *Tiểu sử Trần Quý Cáp* thì khi đến Thăng Bình, ông đã mở lớp Tân học ngay trong trường giáo và rước thầy (chỉ Phan Thành Tài - TG) về “dạy chữ Pháp, chữ Quốc Ngữ, học trò xã gần đến học có hơn đôi trăm người”.

⁴ Theo Vũ Thanh Sơn, *Nhân vật lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX-Q.15: Việt Nam Quang phục hội (1913 – 2.1917)*, NXB. Quân đội Nhân dân, 2013, tr 181-182.

Nếu như các ngôi trường ngày xưa giảng dạy theo lối thầy giảng, trò chép trực tiếp vào vở. Bây giờ, trường Diên Phong đã thực hiện cải cách lớn là dùng phấn trắng viết lên bảng, nhờ vậy học sinh dễ theo dõi và nhớ kiến thức lâu hơn. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức diễn thuyết và tổ chức hội thảo để các bậc khoa bảng đến dự.

Có thể nói, trong bối cảnh xã hội đương thời, lại được xuất thân trong gia đình có truyền thống khoa bảng, việc thầy Phan Thành Tài cùng với những thầy giáo khác của trường Diên Phong xây dựng cho mình được một chương trình học tập cho đến phương thức giảng dạy mới mẻ là một bước tiến bộ, đúng với tinh thần “canh tân” của các sĩ phu tiến bộ đương thời. Mặc dù là những trí thức nho học nhưng các ông đã thể hiện một tư tưởng cấp tiến, thoát ra khỏi lối giáo dục tầm chương trích cú, góp phần tích cực vào việc mở mang dân trí, canh tân cho xứ sở.

Tuy nhiên, chịu chung số phận với các ngôi trường khác, sau sự kiện phong trào chống thuế ở Trung Kỳ năm 1908, các ngôi trường đều bị đóng cửa. Những người phụ trách giảng dạy của trường như Trần Quý Cáp, Phan Thành Tài, tham gia lãnh đạo phong trào chống thuế đều bị bắt. Trần Quý Cáp bị xử chém, thầy giáo Phan Thành Tài đã may mắn thoát được cuộc khủng bố đó. Sau sự kiện đó, thầy Phan Thành Tài tiếp tục tham gia nhiều hoạt động yêu nước, nhất là khi Việt Nam Quang phục hội do Phan Bội Châu thành lập năm 1912. Ông đã tích cực tham gia vào Hội và cùng với những nhân vật ưu tú đương thời khác như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Đình Dương trở thành linh hồn của cuộc khởi nghĩa do Việt Nam Quang phục hội phát động vào năm 1916.

2. Từ thầy giáo trường Diên Phong trở thành linh hồn của khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916

Cuộc Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc nổ ra và thành công năm 1911 đã có tác động không nhỏ đến phong trào cách mạng các nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam. Lúc này, nhà yêu nước Phan Bội Châu đã rời Xiêm (Thái Lan) về Hoa Nam (Trung Quốc), tiến hành cải tổ Duy tân hội thành Việt Nam Quang phục hội, ra

tuyên ngôn và thông báo chủ trương của hội về trong nước. Kỳ bộ của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ đã được thành lập. Những nhân vật trọng yếu của Kỳ bộ ở Quảng Nam gồm có Thái Phiên, Đỗ Tự, Phạm Thành Chương, Phan Thành Tài. Từ đây, ông đã tích cực hoạt động cách mạng để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa ở Quảng Nam năm 1916. Cần nói thêm rằng, chính Phan Thành Tài là người tiên phong ủng hộ phong trào Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Nam.

Tháng 3.1914, sau khi liên lạc với Tổng hội ở Xiêm, Thái Phiên đã mời Lê Ngung ra Đà Nẵng để Hội nghị đã nhất trí chủ trương hành động chung. Căn cứ vào tình hình cách mạng cụ thể, Hội nghị lần này xác định: “Từ nay về sau, những người ở ngoài có nhiệm vụ ở ngoài; chúng ta ở trong có nhiệm vụ ở trong. Việc của chúng ta hiện nay là vẫn tiếp tục liên tục liên lạc với anh em ở bên ngoài như cũ để trao đổi tình hình, nắm được phần nào hay phần ấy. Khi cần giúp đỡ theo khả năng có cơ hội và có điều kiện tốt, xét thấy được thì hưởng ứng chứ không nên quá ỷ lại như trước”⁵. Có thể thấy, Hội nghị này đã “đánh dấu một bước tiến quan trọng trong công tác vận động cách mạng ở Quảng Nam, Quảng Ngãi lúc bấy giờ vì nó đánh dấu bước chuyển biến tư tưởng của những người lãnh đạo biết nhìn vào thực lực trong nước là chính, do đó đặt được công tác cụ thể để tiến hành”⁶.

Giữa lúc tình hình trong nước có chuyển biến nhanh chóng thì tình hình thế giới có biến chuyển mới, tác động đến cách mạng nước ta nói chung và Quảng Nam nói riêng.

Tháng 6.1914, Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất bùng nổ, Pháp tham chiến và phải rút bớt lực lượng quân đội Pháp ở Đông Dương về. Mặt khác, bọn chúng ra sức bắt thanh niên người Việt sang châu Âu là bia đỡ đạn thay cho chúng. Trước đó, từ ngày 1.11.1904, Tổng thống Pháp đã ra sắc lệnh “bắt thanh niên ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ đi lính, gia nhập lực lượng quân đội chính quy”, hay còn gọi là Quân đội

⁵ Trần Văn Giàu, *Lịch sử cận đại Việt Nam - tập 3*, NXB. Giáo dục, 1961, tr 464.

⁶ Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vện, *Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền Nam Trung Bộ năm 1916*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 22, 1961, tr 35.

thuộc địa Armée colonial. Khi Chiến tranh Thế giới thứ nhất bước vào giai đoạn căng thẳng, để bổ sung quân số cho cuộc chiến tranh phi nghĩa, Toàn quyền Đông Dương ra quyết định bắt lính người Việt ở Nam Kỳ để đưa sang chiến trường bên Pháp. Hội đồng Phụ chính Nam triều còn ra lời kêu gọi thanh niên Việt Nam tòng quân để “giúp mẫu quốc dẹp tan Đức tặc”. Đầu năm 1916, thực dân Pháp và Nam triều đã mở đợt tuyển bắt lính quy mô lớn để đưa người Việt sang châu Âu là bia đỡ đạn thay cho chúng. “Riêng tại Trung Kỳ, từ ngày 22.1.1916 đến ngày 30.3.1916, chúng đã tập trung được 5.000 lính chiến và hơn 13.000 lính thợ, tuyển lựa trong số hơn 60.000 thanh niên”⁷. Tình hình đó cùng với tin tức quân lính ta bị thiệt mạng ở chiến trường báo về càng làm cho nhân dân sôi sục ý chí căm thù và quyết tâm nổi dậy khởi nghĩa.

Tháng 9.1915, diễn ra cuộc họp ban lãnh đạo Việt Nam Quang phục hội toàn Trung Kỳ lần thứ nhất tại nhà ông Đoàn Bổng ở Huế. Dự hội cuộc họp có các nhân vật chủ chốt đại diện cho các địa phương: Thái Phiên, Phan Thành Tài (Quảng Nam), Nguyễn Chánh (Quảng Bình), Lê Ngung (Quảng Ngãi), Đoàn Bổng (Huế)... Hội nghị đã quyết định một số vấn đề quan trọng, đó là:

- Rước hoàng đế Duy Tân tham gia cuộc khởi nghĩa để yên lòng dân và danh chính ngôn thuận

- Phân công mỗi người một việc để tiến hành mưu sự⁸.

Từ sau khi vua Duy Tân nhận lời tham gia khởi nghĩa, Phan Thành Tài luôn cùng Thái Phiên, Trần Cao Vân bàn bạc, chỉ đạo cho các tỉnh tích cực chuẩn bị việc khởi nghĩa.

Tại Quảng Nam, trước khi diễn ra các cuộc họp ở Huế, Phan Thành Tài đã cùng những người lãnh đạo chủ chốt khác như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Đỗ Tự, Lê Cơ, Lâm Nhĩ... tiến hành cuộc họp tại nhà Lâm Nhĩ ở Cẩm Toại. Cuộc họp được tiến hành tổ chức bí mật

⁷ Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*, NXB. Giáo dục, HN, 2002, tr 362.

⁸ Xem thêm: Theo Vũ Thanh Sơn, *Nhân vật lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX-Q.15: Việt Nam Quang phục hội (1913-2.1917)*, NXB. Quân đội Nhân dân, 2013, tr 84.

dưới hình thức đi đám giỗ tại nhà ông Lâm Nhĩ nhằm che mắt chính quyền sở tại. Ngay sau đó, ông cùng các đồng chí bí mật họp kín trên một chiếc đò dưới dòng sông Yên.

Cuộc họp tập trung bàn bạc một số vấn đề sẽ đưa ra tại Hội nghị ở Huế lần hai, cử người đi giúp Thừa Thiên xúc tiến hơn nữa việc đẩy mạnh xây dựng lực lượng; phân công người vận động lính khổ xanh và 1.500 lính thợ Pháp mới tập trung đưa đến Đà Nẵng, ráo riết chuẩn bị lương thực, khí giới, các căn cứ sào huyệt và tổ chức thêm các đội dân binh. Hội nghị còn bàn việc định lấy cờ khởi nghĩa sẽ là 5 ngôi sao màu trắng quay thành một vòng tròn trên nền đỏ. Hội nghị cũng quyết định thành lập Ban khởi nghĩa ở Quảng Nam và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng người ở từng vùng.

Trong bối cảnh tình hình ngày càng chuyển biến nhanh chóng, một số lính mộ gần 1.000 người tình nguyện hưởng ứng khởi nghĩa nay sắp phải bị đưa xuống tàu sang Pháp; mặt khác vua Duy Tân hối thúc khởi nghĩa sớm. Hội nghị lần hai đã được mở vào giữa tháng 3.1916 tại làng Xuân Yên Quảng Ngãi. Tham dự Hội nghị lần hai là các nhân vật trọng yếu. Hội nghị đã quyết định một vấn đề rất quan trọng là ấn định thời gian và địa điểm khởi nghĩa. “Đại hội quyết định chấp thuận lời đề nghị của vua Duy Tân. Tổng phát động khởi nghĩa toàn diện vào giờ Tý ngày 3 tháng 4 Bính Thìn (Tức là lúc 1 giờ sáng ngày 4.5.2016). Chọn Huế làm khởi điểm phát động...”⁹. Phan Thành Tài được phân công giao nhiệm vụ chỉ huy khởi nghĩa tại Quảng Nam cùng với nhà yêu nước khác như tú tài Trương Bá Huy, tú Tài Đỗ Tự, Huỳnh Khâm, Huỳnh Phùng...

Phan Thành Tài có nhiệm vụ quan trọng là cùng với nhân vật chủ chốt khác ở Quảng Nam là Đỗ Tự, Phan Long điều động hỏa lực của tỉnh để phối hợp cùng lực lượng Đà Nẵng quyết chiếm giữ lập tức Đà Nẵng để viện binh ở Xiêm tràn vào đất liền¹⁰. Ông cũng là người

⁹ Đại Thạch Lê Ước, *Cuộc Duy tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài (1882-1916)*, Tập san Sử địa số 11, 1968, tr 89.

¹⁰ Nguyễn Q.Thắng, *Quảng Nam đất nước và nhân vật I&II*, NXB. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2001, tr 554.

được giao giữ chiếc ấn Nam Ngãi¹¹. Như vậy, ngoài trung tâm đầu não của cuộc khởi nghĩa là Huế do trực tiếp vua Duy Tân và hai thủ lĩnh phong trào là Thái Phiên và Trần Cao Vân lãnh đạo thì Quảng Nam, Quảng Ngãi chính là trung tâm quan trọng thứ hai của cuộc khởi nghĩa. Và để có thể đảm nhận vai trò đứng đầu, chỉ huy khởi nghĩa phải là một nhân vật quang trọng, chủ chốt của tổ chức, người đó không ai khác chính là Phan Thành Tài!

Kể vai sát cánh cùng Phan Thành Tài trong suốt quá trình chuẩn bị cho khởi nghĩa không thể không kể đến vợ ông là bà Bùi Thị Hậu. Bà cũng hết lòng cùng chồng lo việc cứu nước. Trong những năm 1915-1916, Bà đã chuẩn bị lương thảo và quyên góp tiền bạc mua vải, tổ chức may quân phục. Nhờ có công lao giúp sức của bà, quân đội của Phan Thành Tài mặc đồng phục quần áo vải, trang bị tốt.

Chép về cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội năm 1916, bộ chính sử của nhà Nguyễn là *Đại Nam thực lục chính biên* cũng chỉ dành 6 điều để nói về cuộc khởi nghĩa này, trong đó chỉ có 3 điều trực tiếp nói đến việc khởi nghĩa và xét xử những người lãnh đạo; còn lại nói về việc nói về việc ban thưởng cho những người có công truy quét cuộc khởi nghĩa. Trong những dòng ghi chép ngắn ngủi của bộ chính sử có nhắc đến nhân vật Phan Thành Tài, đó là: “Tỉnh Quảng Nam bắt được đảng giặc Phan Thành Tài (người Điện Bàn, Quảng Nam, đồng đảng của Trần Cao Vân), chiếu án trăm quyết”¹². Việc ghi chép này phần nào nói lên được vai trò quan trọng của Phan Thành Tài trong quá trình chuẩn bị khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội. Bởi sau các yếu nhân của cuộc khởi nghĩa là Thái Phiên và Trần Cao Vân, Phan Thành Tài chính là nhân vật quan trọng thứ ba của phong trào.

Mặc dù quá trình chuẩn bị cho khởi nghĩa của Việt Nam Quang

¹¹ Trước đó, vua Duy Tân đã chấp thuận cho Trần Cao Vân đúc 4 chiếc ấn kinh lược để sử dụng sau khi khởi nghĩa thành công, gồm: Ấn Bình - Trị (Quảng Bình - Quảng Trị), Ấn Nam - Ngãi (Quảng Nam - Quảng Ngãi), Ấn Bình - Phú (Bình Định - Phú Yên), Ấn Khánh - Thuận (Khánh Hòa - Bình Thuận).

¹² Theo: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, Chính biên đệ thất kỷ* (Cao Tự Thanh dịch), NXB. Văn hóa Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh, 2012, tr 84.

phục hội ở các địa phương diễn ra rất khẩn trương và từ khá sớm. Song, do trước khi khởi sự, có kẻ đã phản bội cách mạng, tiết lộ kế hoạch khởi nghĩa cho bọn thực dân. Vì vậy, bọn chúng đã lên kế hoạch phòng bị, tước vũ khí của quân lính trước khi chiến sự nổ ra. Kết quả, cuộc khởi nghĩa bị thất bại ngay từ đầu. Tất cả những yếu nhân của phong trào như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Nguyễn Quang Siêu, Tôn Thất Đề... đều bị bắt giam và chờ ngày lĩnh án. Vị vua trẻ tuổi, yêu nước Duy Tân bị triều đình kết tội “Vọng thính sàm ngôn, khuynh xã tắc (nghĩa là nghe theo lời dùa nịnh, làm cho xã tắc khuynh ngụy). Thực dân Pháp đưa nhà vua xuống tàu thủy và đày sang đảo Réunion tận châu Phi, lúc này vua Duy Tân mới 17 tuổi¹³.

Phan Thành Tài từ Đà Nẵng trốn lên miền núi Bến Hiên, Bến Giằng và được một người thượng tên là U They che giấu. Bọn Pháp đã lùng sục gắt gao, chỉ sau 7 ngày, cả hai người cùng bị bắt áp giải về Vĩnh Điện¹⁴. Ông bị hành quyết tại chợ Củi, gần thị trấn Vĩnh Điện, Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam khi mới 38 tuổi. Theo tác giả Đại Thạch Lê Ước thì hôm Phan Thành Tài bị xử bắn, có “một điện tín chạy thẳng đến pháp trường ra lệnh đình chỉ việc xử trảm, là lúc chiếc đầu của liệt sĩ rời khỏi cổ”¹⁵. Sau khi ông mất, Tú tài Phan Bá Thảo đã viết một bài thơ chữ Hán khắc mặt sau tấm bia và được dịch ra. Cuối bài thơ có câu:

“Vẻ sương phụ vẹn tròn một tiết, khuôn khổ khuê nghi

Chữ trượng phu ghi tạc nghìn thu tấm bia Đạt Đức”.

(“Đạt Đức” là hiệu của Phan Thành Tài, còn từ “Khuê nghi” chỉ phu nhân của ông, là bà Bùi Thị Hậu).

Ở các địa phương, lực lượng của các nghĩa quân cũng dễ dàng bị thực dân Pháp tước vũ khí đàn áp. Những người đứng đầu các địa

¹³ Đại Thạch Lê Ước, *Cuộc Duy tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài (1882-1916)*, Tập san Sử địa số 11, 1968, tr 94.

¹⁴ Theo Gia phả chép: “Quân Pháp và Nam triều chiếm đóng làng Bảo An, tàn sát dân chúng, đốt phá nhà cửa. Chúng đe dọa nếu Phan Thanh Tài không về hàng thì chúng giết hết dân làng. Thương dân, ông tự về cho chúng bắt và xử chém ông vào ngày 9.7.1916.

¹⁵ Đại Thạch Lê Ước, *Cuộc Duy tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài (1882-1916)*, Tập san Sử địa, số 11, 1968, tr 100.

phương lần lượt bị thực dân Pháp bắt giam hoặc xử tử. Riêng ở Tam Kỳ, Quảng Nam, cuộc khởi nghĩa nổ ra khá mạnh mẽ. Nhân dân vốn căm ghét bọn thực dân và tay sai của chúng, nhân sự kiện này đã kéo đến vây chặt đồn Đại lý và Phủ, bắt trói viên Tri phủ Tạ Thúc Xuyên và giết chết viên Đại lý người Pháp. Theo tài liệu của thực dân Pháp để lại thì “tại Quảng Nam có khoảng 250 đến 300 nghĩa binh, chia làm hai nhóm đã công khai tấn công một đội lính tại địa hạt Tam Kỳ rồi rút lui an toàn”¹⁶. Tuy vậy, kết quả cuối cùng, nghĩa quân nổi dậy đều bị thực dân Pháp bắt bớ, truy lùng và xử tử. Những người thân của họ bị bắt bớ, hành hạ, tra tấn dã man.

Trong cuộc họp thường kỳ năm 1916 của Hội đồng Chính phủ Đông Dương, khi đề cập đến sự kiện này, thực dân Pháp đã nhận định như sau: “... Phong trào hồi tháng 5.1916 vừa qua, cũng giống như các cuộc phiên loạn hồi năm 1908, là sự nghiệp của đảng phái cách mạng đang có hoạt động chống lại sự nghiệp của người Pháp. Bởi vậy, phần lớn bọn thủ mưu là những văn thân đã can dự vào vụ 1908 và vẫn đang có liên lạc với những phần tử người Trung Kỳ đã trốn ra nước ngoài và bọn này cũng không ngừng liên lạc với người của chúng còn lại ở Trung Kỳ hay đã trở lại Trung Kỳ. Bọn chúng mưu toan nhân cơ hội nước Pháp đang bận bịu về cuộc chiến tranh ở châu Âu mà gây rối loạn ở Đông Dương nhằm đánh đuổi người Pháp ra khỏi đất nước An Nam, giành lại nền độc lập cho xứ sở”¹⁷.

3. Một vài nhận xét

Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916 ở Trung Kỳ nói chung và Quảng Nam nói riêng đã bị thất bại nhanh chóng, kéo theo sự tan rã của tổ chức Việt Nam quang phục hội. Một lần nữa, mưu sự tiêu diệt quân xâm lăng, giành độc lập cho dân tộc của những nhà yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX đã không thành. Có thể kể ra một vài nguyên nhân lý giải cho sự thất bại đó:

¹⁶ Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr 365.

¹⁷ Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr 366.

Nguyên nhân chính là do kế hoạch khởi nghĩa đã bị lộ trước nên dẫn đến thất bại nhanh chóng của nghĩa quân các địa phương. Do có người trong hội phản bội, cung cấp thông tin cho thực dân Pháp nên bọn chúng đã dễ dàng chủ động ứng phó với các kế hoạch của nghĩa quân. Như vậy, yếu tố bí mật và bất ngờ đã bị mất ngay trước khi khởi nghĩa nổ ra, ví như ở Quảng Nam, tuần phủ hưu trí Nguyễn Đình đã chui vào phá hoại phong trào, đem kế hoạch khởi nghĩa báo cho tòa sứ Hội An. Chúng liền cho bắt ngay y sĩ Lê Đình Dương, sau đó ông bị chúng đưa vào Nam rồi đẩy đi Buôn Ma Thuột. Đối với Phan Thành Tài, ông đã bị chúng lục soát nhà và tịch thu một số quần áo của tàn quân.

Nguyên nhân thứ hai, do cuộc khởi nghĩa chưa có sự chuẩn bị kỹ lưỡng và đồng đều ở các địa phương. Ngoại trừ những trung tâm lớn như Huế, Quảng Nam có lực lượng đầy đủ thì các địa phương khác sự chuẩn bị chưa được nhiều. Như các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa... “lực lượng chẳng có bao nhiêu”.

Nguyên nhân thứ ba, khởi nghĩa thất bại do chưa có một đội ngũ lãnh đạo thống nhất giữa các địa phương ở Trung Kỳ, dẫn đến các cuộc khởi nghĩa nổ ra lẻ tẻ ở mỗi địa phương khác nhau, không tạo ra được một hiệu ứng chung đáng kể. Vì vậy, thực dân Pháp càng dễ dàng bẻ gãy các cuộc tấn công đó của quân ta.

- Về mặt khách quan, dù quân Pháp đã bị rút bớt để đưa sang chiến trường châu Âu nhưng rõ ràng lực lượng cầm lại ở nước ta vẫn còn mạnh, hoàn toàn đủ sức để đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân ta.

- Đối với nhân vật Phan Thành Tài, ông thực sự là tấm gương tiêu biểu cho tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh kiên cường và khát vọng cống hiến cho quê hương. Là một người thầy - ông tận tâm với nghề nghiệp với mong muốn khai sáng, mở mang dân trí cho con em địa phương, cho quê hương. Với vai trò người chiến sĩ cách mạng - ông hoạt động hết mình, cùng với những nhà yêu nước khác, chuẩn bị mọi điều kiện tốt nhất để cuộc khởi nghĩa nổ ra và giành thắng lợi.

Lời kết:

Từ 1916 đến 2016, tròn 100 năm nhìn lại cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội. 100 năm qua, dấu cho cuộc vận động khởi nghĩa chống Pháp do vua Duy Tân và các nhà lãnh đạo Việt Nam quang phục hội tổ chức, chỉ đạo bất thành, nhưng sự kiện đó đã để lại di sản tinh thần to lớn về tình yêu quê hương, tinh thần tự chủ, tự cường đánh giặc ngoại xâm.

Quảng Nam chính là trung tâm quan trọng thứ hai trong cuộc vận động khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ chỉ sau Kinh thành Huế. Và là quê hương của những nhân vật chủ chốt trong cuộc khởi nghĩa như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài.

Nhân dân Tam Kỳ nói riêng và nhân dân Quảng Nam nói chung có quyền tự hào về một quê hương có truyền thống yêu nước, đấu tranh giành độc lập; tự hào về những tấm gương yêu nước của những bậc tiền bối trên quê hương mình. Từ nhận thức đó, tạo thêm sức mạnh, tiếp thêm ý chí trong công cuộc xây dựng và phát triển quê hương hiện nay./.

NVT - TĐP

CHÍ SĨ PHAN THÀNH TÀI

NGƯỜI CON ƯU TÚ CỦA GIA TỘC, QUÊ HƯƠNG

HÀ PHAN - BÁ LƯƠNG - ĐỨC LONG*

Phan Thành Tài - lãnh đạo cấp cao của Việt Nam Quang phục hội Kỳ bộ Trung kỳ, tổng chỉ huy lực lượng nghĩa binh tại Quảng Nam, Kinh lược Nam - Ngãi, thống lĩnh quân đội toàn quyền của Việt Nam quân chính phủ sau khi khởi nghĩa Duy Tân năm 1916 thành công - là người họ Phan làng Bảo An, tổng Đa Hòa, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, nay thuộc xã Điện Quang, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Cha là ông Phan Thành Tích, mẹ là bà Lê Thị Truyền, vợ là bà Bùi Thị Hậu, con gái ông Bùi Thân (Quản Nghi) người tộc Bùi làng Vĩnh Trinh, huyện Duy Xuyên cùng tỉnh.

1. Đôi nét về quê hương, gia thế của Phan Thành Tài

Gò Nổi - nơi có làng Bảo An - là vùng đất gồm 3 xã Điện Quang, Điện Phong, Điện Trung thuộc thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Vùng đất này nằm giữa hai nhánh con sông Thu Bồn. Sông này bắt nguồn từ khối núi Ngọc Linh (Nam Quảng Nam - Bắc Kon Tum), chảy ngược lên phía bắc qua các huyện trung du Nam Trà My, Bắc Trà My, Tiên Phước, Hiệp Đức của tỉnh Quảng Nam, rồi chảy theo hướng tây nam - đông bắc qua ranh giới giữa huyện Duy Xuyên và Đại Lộc, hợp lưu với sông Vu Gia ở tả ngạn tại Giao Thủy, tiếp tục chảy về xuôi. Gặp một cồn cát giữa sông (ở đầu làng Văn Ly của Gò Nổi), dòng nước chia ra làm dòng nam, bắc. Ngày trước *“dòng nam là sông Cái, chảy qua bãi Thi Lai, huyện Duy Xuyên ... dòng phía Bắc là sông Con, chảy qua xã Câu Nhi, huyện Diên Phước”*¹. Người trong vùng thường gọi dòng phía nam là sông Trước hay sông Bà Rén và dòng phía bắc là sông Sau tức sông Thu Bồn, như đã lưu truyền trong

* Tộc Phan Bảo An, Điện Quang, Điện Bàn.

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 2*, Viện sử học, Phạm Trọng Diễm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nhà xuất bản Thuận Hóa, 2006, tr 421.

câu ca dao xưa “*Ai đua sông Trước thì đua/Sông Sau có miếu thờ vua xin dừng!*”.

Trên vùng đất Gò Nổi, có nhiều làng xã hình thành từ lâu đời và khá nổi tiếng như Bảo An, Xuân Đài, La Kham, Đông Bàn, Bàn Lành, Cẩm Lậu, Thi Lai, Hà Mật,... Trong đó, Đông Bàn, Thi Lai là các làng có tên trong số 66 làng xã đầu tiên thuộc huyện Điện Bàn, phủ Triệu Phong, được Tiến sĩ Dương Văn An ghi lại trong sách *Ô Châu cận lục*² năm 1553; Hà Mật là nơi có xưởng đóng tàu lớn thời Chúa Nguyễn “*có tới 4.000 thợ và đóng những chiếc thuyền trọng tải đến 400 tấn bằng gỗ cứng, theo kiểu thức phương Tây*”³.

Gò Nổi nổi tiếng không chỉ trong tỉnh Quảng Nam mà còn trong cả nước là vùng “*địa linh*” sinh “*nhân kiệt*”. Từ xưa, thời nào đất Gò Nổi cũng sinh ra những người con ưu tú cho đất nước. Làng Xuân Đài có hai vị tướng “*sanh vi tướng, tử vi thần*”. Đó là Đô đốc Đoàn Ngọc Tài, thân tướng của Trần Quang Diệu nhà Tây Sơn đã tuần tiết khi Nguyễn Ánh vây hãm thành Phú Xuân, Huế năm 1801 và Tổng đốc Hà Ninh Hoàng Diệu, quyết tử với Hà thành khi Pháp tấn công Hà Nội năm 1882. Làng Phi Phú là quê hương của chí sĩ Trần Cao Vân, người cùng vua Duy Tân và Thái Phiên lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống pháp tại Trung Kỳ năm 1916 do Việt Nam Quang phục hội lãnh đạo. Làng Đông Bàn là nơi sinh của Tiến sĩ Thương chính đại thần Phạm Phú Thứ, người nổi tiếng có tư tưởng canh tân cuối thế kỷ XIX,...

Bảo An là một trong 24 làng của vùng Gò Nổi thuộc xã Điện Quang bây giờ. Theo phả hệ các tộc trong làng, thủy tổ tộc Phan, Nguyễn, Ngô, Thái, Phạm, từ bắc vào đây khai phá lập nên làng Phi Phú, nay là làng Bảo An. Trong đình làng Bảo An, có câu đối “*Bắc địa từng vương long hữu nghị/Nam thiên lập xã tác dân sơ*”, chính là để ghi lại công lao mở đất, lập làng của các bậc tiền nhân xưa kia.

Đến thế kỷ XVII, XVIII với sự giao thương của người Hoa,

² Dương Văn An, *Ô châu cận lục*, Bùi Lương dịch. Văn hóa Á châu xuất bản 1961, tr 41.

³ Trần Đức Anh Sơn, *Ngành đóng thuyền và tàu thuyền ở Việt Nam thời Nguyễn*, Tạp chí Kinh tế - Phát triển Đà Nẵng 2014, tr 67.

người Nhật, người châu Âu tại Hội An, từ một làng quê thuần nông, Bảo An nhanh chóng phát triển nhiều ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp. Bến Đường - tên bến thuyền nằm bên dòng sông Thu Bồn của Bảo An - trở thành điểm trung chuyển nhộn nhịp sản vật từ miền núi xuống, hàng hóa từ vùng xuôi lên, nhất là sau khi Vua Minh Mạng cho đào sông Vĩnh Điện, nối liền sông Thu Bồn với cửa Hàn, chuyên chở hàng hóa sản vật Quảng Nam ra Đà Nẵng xuất khẩu. Nhiều nghề thủ công trong làng như nghề trồng mía nấu đường, nghề nấu rượu, nghề trồng dâu nuôi tằm,... phát triển mạnh mẽ. Thời phong trào Duy tân, khi “*hội thương*”, “*quốc thương*” trong tỉnh sôi nổi, vải Bảo An được thương nhân mua đem bán ra tận Hà Nội. Người thợ nấu đường, người thợ dệt vải,... của Bảo An có tiếng điều luyện, lành nghề, tài hoa: “*Bảo An có thợ nấu đường/Vừa vôi, thén khéo, chẳng nhường nhìn ai*”, “*Tiếng đồn con gái Bảo An/Khéo mua sợi nhỏ về đan mảnh mảnh*.”⁴. Chợ Bảo An là trung tâm mua bán đông đúc, tập nập phục vụ nhu cầu sinh hoạt, đời sống cho nhiều làng chung quanh trong khu vực. Ở làng Bảo An, nhà cửa, công trình, ruộng vườn được phân định rõ ràng, quy củ, đường sá giao thông bố trí ngang dọc, đi lại thuận tiện, có nét đặc trưng khác biệt với những làng quê trong tỉnh Quảng Nam thời bấy giờ.

Nhờ kinh tế phát triển, đời sống khấm khá, việc học được người làng Bảo An chú trọng. Gia đình nào trong làng cũng có người đi học, số học trò đi thi rất nhiều. Thời nhà Nguyễn, tính đến năm 1919, làng Bảo An có đến “*2 phó bảng, 17 cử nhân, 27 tú tài*”⁵, là một trong các làng có người đỗ đạt nhiều nhất trong cả tỉnh Quảng Nam, xứng danh là vùng “*đất học*”. Trường tiểu học Bảo An - Phan Thanh ngày nay, tiền thân là trường ông Giáo Lộc⁶, được hình thành từ rất sớm, là mái

⁴ Phan Nam (chủ biên), *Bảo An - Đất và người*, Nhà xuất bản Đà Nẵng 1999, tr 33 - 39.

⁵ Phan Nam (chủ biên), *Bảo An - Đất và người*, Nhà xuất bản Đà Nẵng 1999, tr 108.

⁶ Ông Giáo Lộc tên là Phan Đắc Lộc (1893-1956), người tộc Phan làng Bảo An, trong tộc là chú của Phan Thành Tài, tốt nghiệp bằng tiểu học Pháp Việt (Certificat D'études primaires Franco - annamites) năm 1914. Ông tham gia cuộc khởi nghĩa Duy tân năm 1916 tại Quảng Nam do Phan Thành Tài, Đỗ Tự lãnh đạo. Sau khởi nghĩa thất bại, ông bị bắt giam tại nhà lao Hội An. Sau khi ra tù, Phan Đắc Lộc mở trường dạy Quốc ngữ tại đình làng Bảo An, thường gọi là “Trường ông Giáo Lộc”. Đến năm 1928, chính quyền bảo hộ thực dân Pháp cho phép mở trường công lập tiểu học Pháp - Việt từ cơ sở trường này.

trường đầu tiên của nhiều người thành danh như Giáo sư Nhà giáo nhân dân Lê Trí Viễn, Giáo sư Tiến sĩ toán học Hoàng Tụy, nhà thơ Khương Hữu Dụng, Bùi Giáng, Xuân Tâm,...

Phan Thành Tài sinh năm 1878, hiệu Đạt Đức, là người Phái Nhì, đời 13 của tộc Phan làng Bảo An, một dòng tộc có truyền thống hiếu học, khoa bảng trong vùng Gò Nổi. Theo Phả hệ Phan tộc năm 1994, Thủy tổ tộc Phan làng Bảo An là ngài Phan Nhơn Bàn, cháu đời thứ 6 của ngài Nghệ An Trại chủ⁷, làm quan thời nhà Trần, tước Quan phục hầu. Thời Lê sơ, Ngài Sơ tổ Phan Nhơn Huyện, thân phụ ngài Thủy tổ, cùng ngài Nguyễn Liệt - Thủy tổ tộc Nguyễn - và ngài Ngô Bồ - Thủy tổ tộc Ngô - “*theo lệnh vua ban*”, đưa gia đình từ bắc vào Quảng Nam khai khẩn lập nên ấp Hòa Đa. Rồi các Ngài tiếp tục vượt sông, kiến tạo một vùng đất mới đặt tên là Phi Phú, sau đổi thành Bảo An. Sau đó, khi đất nước loạn lạc, theo lệnh triều đình, ngài Thủy tổ xuất sĩ, gia nhập đoàn quân dẹp giặc ở bờ cõi phía tây, lập nên công lớn nên được nhà vua sắc phong Đặc tấn Phụ quốc thượng tướng quân Cẩm y vệ Đô chỉ huy sứ với tước hiệu cao quý Địch Nghĩa Bá. Trong sổ nhà khoa bảng của Bảo An thời nhà Nguyễn, tộc Phan làng Bảo An có đến 1 phó bảng, 10 cử nhân, 12 tú tài. Nhiều người thành danh, nổi tiếng như Phan Khắc Nhu⁸ (Phan Trinh) đỗ cử nhân khoa Đinh Mùi (1847), làm Án sát tỉnh Khánh Hòa; Phan Trân⁹ đỗ phó bảng năm 1895, làm Tri phủ Khánh Hòa; Phan Văn Ngoạn¹⁰ (còn gọi là Hương Đạo) là nhà buôn giàu có nổi tiếng đến mức dân gian trong tỉnh ngày đó có câu “*Giàu tiền Hương Đạo, giàu gạo Quẩn Nghi*”,...

⁷ Ngài Nghệ An trại chủ sinh ra Ngài Quang và Ngài An, Ngài Quang sinh ra Ngài Đa Lôì là con thứ tư, Ngài Đa Lôì sinh ra Ngài Đa Lư, Ngài Đa Lư sinh ra Ngài Nhơn Huyện, Ngài Nhơn Huyện sinh ra Ngài Nhơn Bàn.

⁸ Phan Khắc Nhu người tộc Phan làng Bảo An đời thứ 11, đỗ cử nhân khoa Đinh Mùi (1847), là thân sinh của Phan Trân.

⁹ Phan Trân (1862 - ?), người tộc Phan làng Bảo An đời thứ 12, đỗ cử nhân khoa Mậu Tý, Đồng Khánh thứ 3 (1888), đỗ phó bảng khoa Ất Mùi, Thành Thái thứ 7 (1895), là thân sinh học giả Phan Khôi, vợ là Hoàng Thị Lệ, con gái Thượng thư bộ Binh, Tổng đốc Hà - Ninh Hoàng Diệu.

¹⁰ Phan Văn Ngoạn là người tộc Phan làng Bảo An đời thứ 11, là con “*bà cố*” Nguyễn Thị Thống của học giả Phan Khôi (trong *Chuyện bà cố tôi*), anh trai của Phan Khắc Nhu.

Thân phụ Phan Thành Tài - ông Phan Thành Tích - thường gọi là Giáo Ba, có hiệu là Phong Đông, đỗ cử nhân Khoa Mậu Tý, Đồng Khánh thứ 3 (1888). Khoa thi này tộc Phan làng Bảo An 2 người đỗ cử nhân trong số 7 cử nhân của tỉnh Quảng Nam, là Phan Trân đỗ Á nguyên và Phan Thành Tích đỗ vị thứ 3. Phan Thành Tích được bổ làm Giáo thọ phủ Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận, hàm chánh thất phẩm, sau một thời gian ông nghỉ việc xin về.

Nội tướng - đồng chí trong cuộc khởi nghĩa Duy tân năm 1916 - của Phan Thành Tài là bà Bùi Thị Hậu, thứ nữ của Bùi Thân, người tộc Bùi làng Vĩnh Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Theo Phả hệ Bùi tộc làng Vĩnh Trinh, Ngải Tiên hiền Bùi tộc là Thi tổ Bùi Tấn Diên cùng Ngải Tiên hiền Đào tộc, thời vua Lê Thánh Tông, theo cuộc Nam tiến vĩ đại của dân tộc vào cuối thế kỷ XV, từ Hoan Châu (Nghệ An) vào Quảng Nam khai phá và lập ra xã hiệu Bình Khương, sau đổi thành Bình Thuận, nay là làng Vĩnh Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam ngày nay. Tộc Bùi làng Vĩnh Trinh truyền đến đời thứ 14 có Bùi Thân, còn gọi Quản Nghi. Bùi Thân (1844-1924) được phong Hàn lâm viện Thị giảng dưới thời Thiệu Trị, là con của Phụng nghị đại phu Bùi Văn Kiệt. Thừa nhỏ, Bùi Thân được thúc phụ là Tú tài Bùi Văn Thi chăm nom, nuôi dưỡng và được anh rể là Cử nhân Phan Thế Diên¹¹ dạy dỗ. Vốn cần cù lao động, tính tình cương nghị, có chí tự lập, tự cường, nên chỉ trong thời gian khoảng 30 năm, từ độ 10 mẫu ruộng đất cha ông để lại, Bùi Thân đã phát triển thành một sản nghiệp to lớn trên 3000 mẫu ruộng đất, rải rác khắp nhiều huyện trong tỉnh Quảng Nam. Câu nói ví von trong dân gian ngày trước “*Tiền Hương Đạo, gạo Quản Nghi*” nêu ở trên đây, chính là nói đến mức độ giàu có, ruộng đất bao la bạt ngàn của Bùi Thân - Quản Nghi. Trong điệu văn khóc Bùi Thân, nhà báo, nhà văn Bùi Thế Mỹ¹², cháu

¹¹ Phan Thế Diên người xã Ngung Lĩnh, huyện Diên Phước, đỗ cử nhân khoa Ất Mão, Tự Đức thứ 8 (1855).

¹² Bùi Thế Mỹ (1904-1943) tự là Hy Tô, người tộc Bùi làng Vĩnh Trinh ở Phú Nhuận, Đông An (nay là Duy Tân, Duy Xuyên), Bùi Thế Mỹ ông thay cho Nam Kiều Trần Huy Liệu (1901-1969), chủ trương tờ Đông Pháp thời báo, rồi sau đó làm chủ bút các tờ Trung lập, Tân thế kỷ, Thần chung và chủ nhiệm tờ Dân báo, tờ báo ông theo đuổi đến cuối đời, là người đầu tiên dịch tiểu thuyết Trà Hoa Nữ nổi tiếng của Alexandre Dumas (con) ra tiếng Việt.

gọi Bùi Thân là ông nội bác, gọi Phan Thành Tài là cậu vợ, có câu “*Chôn chân ngựa, cửa nhà đi dễ khắp/Thẳng cánh cò, ruộng đất biết là bao!*”.

Bùi Thân tính tình phóng khoáng, giao lưu rộng rãi, thường giúp đỡ những người làm ăn cần mẫn, đi lại thâm tình với bậc hàn nho như các cụ Song bằng Nguyễn Khải ở Long Xuyên, Tiến sĩ Hồ Trung Lượng¹³ ở An Dương, Cử nhân Văn Phú Trùng¹⁴ ở Mỹ Xuyên, Tú tài Phan Tuyên ở Cổ Tháp, v.v... Chính từ mối quan hệ thân tình giữa Bùi Thân với các nhà khoa bảng, cũng là bạn đồng niên, đồng khoa của Cử nhân Phan Thành Tích, mà hai nhà tộc Phan ở Bảo An và Bùi ở Vĩnh Trinh tác thành đạo nghĩa phu thê cho Phan Thành Tài và Bùi Thị Hậu. Bùi Thân tích cực và kín đáo ủng hộ cuộc dân biến năm 1908, khởi nghĩa Duy tân năm 1916. Sau khi khởi nghĩa thất bại, nghĩa tế của ông, Phan Thành Tài bị án tử hình, cháu nội ông như Bùi Thống, Bùi Huýnh đều bị nhà cầm quyền đương thời theo dõi, khủng bố. Thế hệ sau Bùi Thân có Bùi Thống¹⁵, là người cần cù, thông thạo kỹ thuật, tạo dựng cơ sở thủy lợi, giúp nông dân trong vùng canh tác có hiệu quả cao, được nhiều người nhớ đến.

Truyền thống khoa bảng, hiếu học, lao động cần cù, kiên định, tự cường của hai dòng tộc nổi tiếng Phan làng Bảo An và Bùi làng

¹³ Hồ Trung Lượng (1860-1942) người làng An Dương, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, đỗ cử nhân khoa Tân Mão, Thành Thái thứ 3 (1891), đỗ Đề tam giáp đồng tiến sĩ khoa Nhâm Thìn, Thành Thái thứ 4 (1892). Đương thời ông biết tác giả bài thơ Chí thành thông thánh, bài phú Lương ngọc danh sơn do Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng làm nhưng ông giấu kín để bảo vệ cho 3 sĩ tử ông mến phục. Việc này, về sau các cụ Phan, Trần, Huỳnh đều biết nên rất biết ơn ông. Sự tích này có khắc trên bia đá tại nhà thờ tộc Hồ thờ ông tại làng An Dương, Duy Xuyên (theo Phạm Ngô Minh - Trương Duy Hy, Khoa bảng Quảng Nam dưới thời nhà Nguyễn 1601-1919).

¹⁴ Văn Phú Trùng (1873 - ?) người xã Mỹ Xuyên, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, đỗ cử nhân năm 34 tuổi, khoa thi Kỷ Dậu, Duy Tân thứ 3 (1909).

¹⁵ Bùi Thống (1885 - ?), còn gọi Cửu Nhứt hay Nghè Thu Bồn, cháu nội Bùi Thân, là người sáng lập Bùi Thống Vệ nông Công ty cơ khí hóa thủy lợi bằng cách lập nhà máy bơm nước sông Thu Bồn tọa lạc tại làng Phú Đa, huyện Duy Xuyên. Máy bơm vận hành bằng động cơ chạy bằng hơi nước, sử dụng củi làm nhiên liệu chính. Nước từ sông Thu Bồn được bơm lên, đưa vào một hệ thống đường mương chạy từ Phú Đa đến Thu Bồn để cung cấp nước cho nông dân. Mùa nắng, nhà máy chạy âm ỹ liên tục, ban đêm đèn điện sáng trưng như ban ngày, dòng nước ồ ạt chảy vào mương cái như thác đổ là những cảnh tượng khó quên trong làng Phú Đa hẻo lánh ngày đó, được nhiều người chiêm ngưỡng, thán phục.

Vĩnh Trinh, đã hội tụ và phát huy ở vợ chồng chí sĩ Phan Thành Tài - Bùi Thị Hậu. Với những đóng góp to lớn trong khởi nghĩa Duy Tân 1916 nói riêng và trong công cuộc chống thực dân Pháp cứu quốc nói chung, ông bà mãi mãi là những tấm gương sáng ngời cho lớp lớp thế hệ con cháu mai sau noi theo.

2. Cuộc đời chí sĩ Phan Thành Tài

Phan Thành Tài sinh ra và lớn lên trong giai đoạn bi hùng nhất trong lịch sử chống thực dân Pháp của dân tộc ta. Sau thất bại của cuộc tấn công tại kinh thành Huế năm 1885, Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi ra Tân Sở, Quảng Trị và phát hịch Cần vương kêu gọi kháng chiến chống Pháp. Hưởng ứng lời kêu gọi của vua Hàm Nghi, sĩ phu khắp nơi trong nước đứng lên lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa Cần vương cứu nước¹⁶, trong đó ở Quảng Nam có Trần Văn Dư, Nguyễn Duy Hiệu, Phan Bá Phiến,... Phong trào Nghĩa hội Quảng Nam do Trần Văn Dư lãnh đạo bắt đầu từ năm 1885, kéo dài cho đến tháng 10.1887 thì tan rã hoàn toàn, sau khi Nguyễn Duy Hiệu bị Pháp bắt và xử chém, Phan Bá Phiến uống thuốc độc tự tử để khỏi rơi vào tay kẻ thù.

Tuổi trẻ - lên đường “khai trí”

Như bao lớp thanh thiếu niên thời bấy giờ, Phan Thành Tài theo đuổi Nho học. Ông nổi tiếng thông minh, học giỏi, được gia đình kỳ vọng sẽ “*bảng hổ đề danh*”, quan lộ thênh thang. Nhưng rồi chứng kiến sự thất bại lần lượt của các cuộc khởi nghĩa Cần vương cứu nước, nhận thấy những bế tắc trên con đường học vấn, tệ nạn trong quan trường, Phan Thành Tài sớm chán lối học từ chương lỗi thời, không phù hợp với trào lưu phát triển của thời cuộc. Ông bỏ học chữ Hán, tìm thầy theo học chữ quốc ngữ, chữ Pháp. Vào những năm cuối

¹⁶ Các cuộc khởi nghĩa Cần vương như Phan Đình Phùng, Cao Thắng với khởi nghĩa Hương Khê ở Hà Tĩnh, Nguyễn Xuân Ôn ở Nghệ An, Đinh Công Tráng, Phạm Bành với khởi nghĩa Ba Đình ở Nga Sơn, Thanh Hóa, Mai Xuân Thưởng ở Bình Định, Lê Thành Phương ở Phú Yên, Tống Duy Tân với khởi nghĩa Hùng Lĩnh ở Bá Thước và Quảng Xương, Thanh Hóa, Nguyễn Thiện Thuật với khởi nghĩa Bãi Sậy ở Hưng Yên, của Tạ Quang Hiến và Phạm Huy Quang ở Thái Bình-Nam Định, của Nguyễn Quang Bích với khởi nghĩa Hưng Hóa ở Phú Thọ và Yên Bái, của Đốc Ngữ (Nguyễn Đức Ngữ) với khởi nghĩa Sông Đà ở Hòa Bình,...

thế kỷ XIX, sau khi đã cơ bản dập tắt các cuộc khởi nghĩa Cần vương yêu nước, ổn định tình hình, thực dân Pháp bắt đầu tiến hành cải cách giáo dục, xóa bỏ cựu học thay bằng tân học. Họ “*thiết lập vài trường để làm nòng cốt cho hệ thống giáo dục phổ thông là các trường trung học Le Myre de Vilers ở Mỹ Tho (1879), trường Quốc Học Huế (1896), trường trung học Bảo Hộ (Collège du Protectorat) tức trường Bưởi Hà Nội (1908). Ba trường này khi mới mở chỉ có bậc tiểu học, mấy chục năm sau mới giảng dạy đến các bậc cao hơn.*”¹⁷. Trong lúc ở Nam Kỳ, nền giáo dục Pháp học nhanh chóng thay thế nền giáo dục Nho học, thì ở Trung kỳ, vùng đất bảo hộ do Nam triều quản lý, các cuộc thi Hương, thi Đình theo chương trình Nho học, vẫn được Triều đình tổ chức và chỉ chấm dứt hoàn toàn sau kỳ thi năm 1919 tại Huế. Riêng ở Đà Nẵng vốn là đất thuộc địa của Pháp, đã sớm hình thành hệ thống giáo dục Pháp - Việt. Ngày 27.5.1890, Chính phủ Pháp đã cho mở Trường sơ học, sau đổi thành “*Trường Pháp - Việt Đà Nẵng (Ecole Franco - An namite de Tourane)*”¹⁸, (ngày nay là trường tiểu học Phù Đồng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng). Phan Thành Tài rời Bảo An, ra Đà Nẵng để học chữ Quốc ngữ, chữ Pháp và tốt nghiệp năm 1899, trở thành một trong những người Tây học đầu tiên ở Quảng Nam thời bấy giờ. Vào thời gian này, những người đồng chí với Phan Thành Tài trong sự nghiệp khai dân trí tại nghĩa thực Diên Phong như Phan Thúc Duyện¹⁹ hoặc trong cuộc khởi nghĩa Duy tân 1916 như Lê Bá Trinh²⁰, vẫn đang tiếp tục theo học và đỗ cử nhân Hán học vào năm 1900. Qua đó, mới thấy được tính cách quyết đoán, ý chí kiên cường trong con người Phan Thành Tài trên con đường đấu tranh cách mạng sau này, vốn đã hình thành từ thời thanh niên. Bỏ con đường Nho học, theo con đường tân học - thực sự là một cuộc dẫn thân đầu đời vô cùng khó khăn, gian nan và đầy ý nghĩa, đối với một nho sĩ thuộc gia đình khoa bảng như Phan Thành Tài!

¹⁷ Trần Bích Sơn, *Thi cử và giáo dục Việt Nam dưới thời thuộc Pháp*. Văn hóa Nghệ An, <http://vanhoanghean.com.vn>.

¹⁸ Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng, 2010 và Trang tin Trường Tiểu học Phù Đồng <http://phudongdn.edu.vn>.

¹⁹ Phan Thúc Duyện (1873-1944) hiệu My Sanh, người xã Phong Thử, nay là xã Điện Thọ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đỗ cử nhân khoa Canh Tý, Thành Thái thứ 12 (1900).

²⁰ Lê Bá Trinh (1875-1934) người xã Hải Châu, nay là Hải Châu, Đà Nẵng, đỗ cử nhân khoa Canh Tý, Thành Thái thứ 12 (1900).

Sau khi hoàn thành việc học tại Đà Nẵng, ông được bổ vào làm Thông ngôn tại dinh Tổng đốc Bình Phú (Bình Định - Phú Yên) dưới thời Tổng đốc Dương Lâm²¹. Sau đó, ông chuyển vào Sài Gòn làm Thông phán tại Viện Viễn Đông bác cổ²². Là một trong số rất ít người có trình độ Tây học thời bấy giờ, với công việc tại Viện Viễn Đông bác cổ, hơn nữa lại được sự hỗ trợ của gia đình hào phú Bùi Thân, Phan Thành Tài không chỉ có cuộc sống an nhàn mà còn có nhiều cơ hội thăng tiến trong bộ máy chính quyền thuộc địa Pháp. Nhưng vốn là người có ý chí kiên định, quật cường, lại được nung nấu bằng những tấm gương tiền nhân sáng ngời của chính quê hương như Tổng đốc Hoàng Diệu, tuần tiết theo thành Hà Nội năm 1882,... Phan Thành Tài không đành lòng cam tâm làm việc cho Pháp. Ông quyết định từ bỏ nhiệm sở, về lại Quảng Nam nguyện đem sở trường và trí thức để truyền bá những tư tưởng, kiến thức văn minh tiến bộ cho đồng bào mình. Vào thời kỳ này, bộ ba chí sĩ yêu nước Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, từ Quảng Nam khởi cuộc “*Nam du*” qua các tỉnh miền Trung, cổ súy phong trào Duy tân. Chủ trương của phong trào là tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân kịch liệt lên án bọn vua quan phong kiến thối nát làm tay sai cho thực dân Pháp, phê phán mạnh mẽ lối học từ chương, tích cực mở trường học để dạy chữ Quốc ngữ, chữ Pháp với các môn học địa lý, toán pháp, lịch sử, khoa học,... mở mang phát triển kinh tế công nghiệp - thương nghiệp, tạo khâu đột phá để canh tân xứ sở. Ở Quảng Nam, phong trào Duy tân phát triển mạnh mẽ, sâu rộng, như một luồng sinh khí mới thức tỉnh quần chúng và các nhân sĩ tiến bộ. Từ đó, phong trào hót tóc ngắn, dùng hàng nội, mặc đồ Âu, học chữ Quốc ngữ, bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan bùng phát, rầm rộ khắp mọi nơi, nhiều hợp thương, quốc thương, nghĩa hội, nông hội liên tiếp ra đời.

²¹ Dương Lâm (1851-1920), là một danh sĩ nổi tiếng về tài văn chương, tính tình tao nhã, một nhà giáo có nhiều đóng góp cho nền giáo dục nước nhà.

²² Viện Viễn Đông bác cổ vốn là Phái đoàn Khảo cổ học thường trực tại Đông Dương được chuyển đổi tên theo Nghị định của Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer ngày 20.01.1900, trụ sở đặt tại 140 đường Pellerin (nay là đường Pasteur, TP. Hồ Chí Minh).

Nhận thấy chỉ có môi trường giáo dục ở trường học mới có cơ hội tiếp xúc và truyền bá những nguyện vọng, tư tưởng của mình, Phan Thành Tài cùng Tiến sĩ Trần Quý Cáp, Cử nhân Phan Thúc Duyệt, Cử nhân Mai Dị, Tú tài Trương Bá Huy thành lập Nghĩa thực Diên Phong nhằm động viên, cổ vũ mọi người tham gia học theo cái mới của phong trào Duy Tân. Trường Diên Phong ở làng Phong Thử (sau này trở thành trường tiểu học công lập đầu tiên ở Quảng Nam), có hai cơ sở, cơ sở thứ nhất ở ngay tại hội thương Diên Phong, phía sau ngôi nhà dài dùng buôn bán, cơ sở thứ hai ở chùa gần chợ Phong Thử cũ. Tổng số học sinh của trường có trên, dưới 200 người. Theo Nguyễn Văn Xuân trong *Phong trào Duy tân*, nhà trường giảng dạy văn thơ, toán pháp, tư tưởng, khoa học, địa lý, lịch sử,... sử dụng các sách như “*Giáo khoa*” của Tàu, Bắc vật chí do Phạm Phú Thứ đề dẫn và ấn hành, Dinh hoàn chí lược là sách địa lý của Trung Hoa, Địa Nam nhất thống chí, Quảng Nam dư địa chí, Việt sử cảnh của Hoàng Cao Khải,...; về dạy hát thì cho đọc lớn, ngân nga những bài ca ái quốc, bài ca Duy tân; về thể dục, thì bắt nhảy qua ghế bàn, tập vãi miếng võ ta, động tác thể dục của Tây phương. Ngoài việc giảng dạy, nhà trường còn tổ chức những cuộc diễn thuyết mời các bậc khoa cử đến tham dự trình bày, thảo luận.

Phan Thành Tài là người “*nói tiếng Pháp giỏi và lịch thiệp*” (lời của nhà nghiên cứu Nguyễn Đình An, Đà Nẵng), đảm nhận trọng trách hiệu trưởng của nghĩa thực Diên Phong. Ông rất quan tâm đến việc chăm lo sự nghiệp giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ theo đường hướng mới, biết ham học, tiếp thu nền văn minh, tiến bộ, biết yêu nước, thương dân, thấy rõ những bất công của xã hội đương thời, những thủ đoạn của bọn quan lại Nam triều kết cấu làm tay sai cho thực dân Pháp để thống trị áp bức, bóc lột đồng bào ta. Ông còn trực tiếp lên lớp “*dạy Quốc ngữ và chữ Pháp, toán học*”²³. Nhiều người theo học tiếng Pháp với thầy giáo Phan Thành Tài, về sau này đều có tiếng tăm, trong đó có học giả Phan Khôi²⁴. Nghĩa thực Diên Phong gây tiếng vang to lớn trong cả tỉnh không chỉ vì quy mô, chương trình dạy

²³ Ngô Văn Minh, *Chí sĩ Lê Cơ*... Nhà xuất bản Đà Nẵng, năm 2012, tr 119.

²⁴ Học giả Phan Khôi (1887-1959), người tộc Phan làng Bảo An đời thứ 13.

khá bài bản mà còn do đây là ngôi trường của tư nhân, không phải là trường của Chính quyền Pháp thành lập. Từ ảnh hưởng của trường Diên Phong, đến năm 1908 trong cả tỉnh Quảng Nam đã hình thành trên 40 nghĩa thực lớn, nhỏ, ngoài trường Phú Lâm, có một số trường điển hình như Bảo An, Phú Bông, Quảng Huế, La Châu, Lạc Thành, Quảng Phước, Phước Bình,... đã góp phần thúc đẩy thực hiện chủ trương khai dân trí của phong trào Duy tân.

Từ bỏ cuộc đời một viên chức trong bộ máy chính quyền thực dân Pháp để làm một *thầy giáo - hiệu trưởng* nghĩa thực Diên Phong, Phan Thành Tài trở thành một trong những người tham gia tích cực và đóng góp nhiều công sức cho phong trào Duy tân ở Quảng Nam. Đây chính là bước dần thân thứ hai của Phan Thành Tài - dần thân phụng sự sự nghiệp “*khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh*”!

Năm 1908, phong trào dân biến bùng phát tại Đại Lộc, Quảng Nam và nhanh chóng lan ra khắp 10 tỉnh Trung Kỳ từ Thanh Hóa đến Phú Yên. Đây là một cuộc đấu tranh trực diện của nhân dân với chính quyền Nam triều, nhằm kiên quyết chống đi sâu, chống nộp thuế gây ra tình trạng đói khổ, bần cùng. Phong trào bắt đầu nổ ra ở làng Phiếm Ái (Đại Lộc) rồi lan dần đến Điện Bàn, Hòa Vang. Hàng ngàn người biểu tình, đầu hớt tóc ngắn ùn ùn kéo đến các huyện lỵ, tỉnh lỵ đòi giảm sưu thuế. Trước khí thế nổi dậy áp đảo của nhân dân, thực dân Pháp và chính quyền Nam triều hoảng hốt, ra lệnh đàn áp, bắt bớ, đánh đập những người biểu tình. Sau đó, thực dân Pháp tiến hành các đợt khủng bố trắng. Nhiều nhà yêu nước tham gia trực tiếp vào cuộc dân biến bị Pháp bắt xử chém, đày đi nhà tù Côn Đảo, Lao Bảo. Nhiều lãnh đạo chủ chốt của phong trào Duy tân tuy không có mặt tại 10 tỉnh Trung kỳ có “*dân biến*” cũng bị bắt tù đầy như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng,... hay bị sát hại như Trần Quý Cáp. May mắn, Phan Thành Tài cùng “*một số sĩ phu khác thoát được lưới giặc sau cuộc đàn áp của chúng vào năm 1908 như Trần Huỳnh, Trầm Diệp Chi, Trầm Tùng Vân, Lê Vĩnh Huy, Phan Quang, Trịnh Đông Lâm, Trần Quới, Đỗ Tự, Lâm Nhĩ, Thái Phiên, ...*”²⁵.

²⁵ Ngô Văn Minh, *Chí sĩ Lê Cơ...* Nhà xuất bản Đà Nẵng, năm 2012, tr 187.

Không chỉ đàn áp dã man, bắt tù đầy, bức hại nhiều chí sĩ Duy tân, thực dân Pháp và Nam triều còn cho phá hoại hoàn toàn các cơ sở hiệp thương, nông hội, nghĩa thực mà phong trào Duy tân đã dày công xây dựng. Chứng kiến những tổn thất to lớn của phong trào, Phan Thành Tài không khỏi băn khoăn, trăn trở về con đường đấu tranh bằng biện pháp ôn hòa bất bạo động mà ông và các chí sĩ duy tân đang theo đuổi. Trước bản chất và dã tâm của thực dân Pháp, Phan Thành Tài nhận định duy tân là một con đường lâu dài, nhưng muốn có độc lập, tự do thật sự, người dân Việt Nam phải tự đứng lên đánh đuổi thực dân Pháp ra khỏi đất nước. Ông bắt đầu hướng đến con đường giải phóng dân tộc bằng đấu tranh vũ trang trực diện để mưu cầu độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân. Đây là chuyển biến về nhận thức vô cùng quan trọng trong con người Phan Thành Tài, từ duy tân sang phục quốc, từ đấu tranh ôn hòa, bất bạo động sang đấu tranh vũ trang, đánh đổ thực dân. Bước dần thân lần này của Phan Thành Tài thật quyết liệt, kiên định, sẵn sàng chấp nhận hy sinh cho dân tộc, đất nước.

Dấn thân làm cách mạng

Năm 1912, sau thành công của cách mạng Tân Hợi (1911), Phan Bội Châu từ Xiêm La về Trung Quốc, thành lập Việt Nam Quang phục hội, thay thế cho Duy tân hội để tiếp tục công cuộc cứu nước, đánh đuổi thực dân Pháp. Tôn chỉ của Việt Nam Quang phục hội là khôi phục Việt Nam, kiến lập Việt Nam Dân Quốc. Phan Bội Châu suy tôn Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm hội chủ giữ chức Bộ trưởng Tổng vụ, tự mình đảm nhận Hội phó kiêm đại diện Trung Kỳ, Nguyễn Thượng Hiền đại diện Bắc Kỳ và Nguyễn Thần Hiến đại diện Nam Kỳ, là thành phần cơ quan *Bình nghị Bộ* của Hội, lập cơ quan *Chấp hành Bộ*²⁶ để điều hành công việc. Hội đặt trụ sở ở Quảng Châu, Trung Hoa, thành lập đội quân lấy tên là Quang phục quân có sách nội quy với tên Quang phục quân phương lược hơn 100 trang do Phan Bội Châu và Hoàng Trọng Mậu soạn.

²⁶ Chấp hành bộ gồm Quân vụ Ủy viên là Hoàng Trọng Mậu và Lương Ngọc Quyến; Kinh tế Ủy viên là Đặng Tử Kính và Mai Lão Bạng; Giao tế Ủy viên là Lâm Đức Mậu và Đặng Bình Thành; Văn hóa Ủy viên là Phan Bá Ngọc và Nguyễn Yên Dục; Thư vụ Ủy viên: Đinh Tế Dân và Phan Quý Chức.

Sau khi tuyên ngôn và chủ trương của Hội được thông báo về trong nước, Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ được thành lập. Lúc bấy giờ, sau khi Tiểu La Nguyễn Thành qua đời năm 1911, Thái Phiên gánh vác toàn bộ trọng trách của Duy tân hội ở Quảng Nam và đã *“liên lạc với các sĩ phu cả phái Duy tân hội lẫn phái Duy tân đã chuyển hướng đấu tranh ở các tỉnh trong khu vực Trung Kỳ như Phan Thành Tài, Đỗ Tự, Lâm Nhĩ, Nguyễn Bùi Lễ, về sau mở rộng sang các nhà yêu nước ở Quảng Ngãi vừa mới ra tù về như Tú tài Lê Ngung, Cử nhân Nguyễn Suy, Nguyễn Đăng Quế, Phạm Cao Châm”*²⁷... để phát triển Hội ở Trung Kỳ. Phan Thành Tài là người tiên phong gia nhập Việt Nam Quang phục hội và trở thành một trong những lãnh đạo chủ chốt của Kỳ bộ Trung kỳ. Trong vai trò lãnh đạo cấp cao, Phan Thành Tài cùng với Thái Phiên, Trần Cao Vân tham gia thảo luận, quyết nghị chủ trương, hoạch định đường lối, xây dựng kế hoạch khởi nghĩa, đồng thời trực tiếp phụ trách xây dựng cơ sở, tổ chức lực lượng nghĩa binh sẵn sàng cho cuộc khởi nghĩa đánh thực dân Pháp giải phóng dân tộc, giành lại độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân.

Ngay sau khi Việt Nam Quang phục hội hải ngoại có kế hoạch đưa người về Việt Nam hoạt động, Phan Thành Tài cùng các lãnh đạo của Kỳ hội đã tiếp nhận thông tin, cùng thảo luận đường hướng hoạt động của Hội phù hợp với đặc điểm, diễn biến tình hình. Chính Thái Phiên, trong bản khai cung lần thứ hai, đã cho hay khi nhận được thông báo của Quang phục hội hải ngoại về việc chuẩn bị khởi nghĩa của những người tỵ nạn ở Trung Hoa đã hoàn tất, đã lập tức *“báo cho ông Trần Cao Vân, ông Phan Thành Tài và một số người trong tổ chức ... (tài liệu số 17 trong hồ sơ 65530)”*²⁸ để chuẩn bị lực lượng trong nước làm nội ứng.

Cuối năm 1915, Chiến tranh thế giới thứ nhất lan rộng ra khắp châu Âu, quân Đức uy hiếp nước Pháp, chuẩn bị đánh vào Paris. Nước Pháp cho triệu hồi một phần quân đội ở thuộc địa, đồng thời

²⁷ Ngô Văn Minh, *Chỉ sĩ Lê Cơ...* Nhà xuất bản Đà Nẵng, năm 2012, tr 193.

²⁸ Nguyễn Trương Đan, *Vua Duy Tân 1916*, NXB. Văn học - Trung tâm nghiên cứu Quốc học 2014, tr 139 -140.

tuyển thêm binh lính đưa về nước tham gia bảo vệ chính quốc. Nhận định đây là thời cơ của cách mạng, Kỳ bộ Trung Kỳ triệu tập hội nghị toàn kỳ nhằm trù liệu phương sách hoạt động. Phan Thành Tài đã cùng Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Đình Dương tham gia trong đoàn đại biểu Quảng Nam ra dự hội nghị Kỳ bộ Quang phục hội Trung Kỳ lần thứ nhất tổ chức vào tháng 9.1915 tại nhà ông Đoàn Bổng ở Đông Ba, Huế. Tại đây, dưới sự chủ trì của Thái Phiên, đoàn đại biểu Quảng Nam cùng với các đoàn đại biểu tỉnh Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, đã thống nhất quyết định “(rước vua Duy Tân tham gia vào công cuộc cách mệnh để yên lòng dân)... các cụ Trần Cao Vân, Thái Phiên lo việc tiếp xúc vua Duy Tân, Nguyễn Thụy²⁹, Lê Đình Dương, giao thiệp với cố đạo Bàn Gốc để mật giao với thiếu tá người Đức, hiện đương chỉ huy quân đội Pháp đóng ở đồn Mang Cá (Huế), Lê Ngung thảo tờ hịch, Nguyễn Chánh ủy viên kiểm soát, .v.v...”³⁰. Chủ trương vận động vị vua yêu nước Duy Tân tham gia cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội của lãnh đạo Kỳ hội Trung Kỳ, trong đó có Phan Thành Tài, là một chủ trương rất sáng suốt, đúng đắn, phù hợp với tình hình nước nhà lúc bấy giờ.

Sau khi Trần Cao Vân và Thái Phiên tiếp cận và được vua Duy Tân nhận lời tham gia cuộc khởi nghĩa, lãnh đạo Kỳ hội Trung Kỳ triệu tập cuộc họp toàn kỳ ở “chợ Bãi Cháy, làng Xuân Yên, tỉnh Quảng Ngãi, để đem ý kiến vua Duy Tân ra thảo luận, để trù liệu kế hoạch phát triển đảng lực, tích cực chuẩn bị khởi nghĩa”³¹. Hội nghị quyết định rà soát và chỉnh đốn chặt chẽ các tổ chức trong tầng lớp nhân dân, các tổ chức trong các cấp lính Nam triều, Bảo hộ, nhất là đội lính mộ sắp đưa sang Pháp; tổ chức sẵn sàng bộ máy hành chính sẽ thay thế vào các cấp quan lại Nam triều, Bảo hộ, khi chính quyền về tay cách mạng; huy động cả sức người và tiền của để sung vào công cuộc chế tạo vũ khí, mua sắm quân nhu, quân phục và tạm đúc

²⁹ Theo Nguyễn Duy Long trong “Nguyễn Sứ hay Nguyễn Sụy?” trên tạp chí Xưa & Nay số 469 (3.2016) là Nguyễn Sứ hoặc Nguyễn Sụy.

³⁰ Hành Sơn, *Cụ Trần Cao Vân - Người đã đề xướng Dịch trung thiên và đã cùng Hoàng đế Duy Tân điều động cuộc cách mệnh năm 1916*, Minh Tâm - Paris năm 1952, tr 79.

³¹ Hành Sơn, *Cụ Trần Cao Vân - Người đã đề xướng Dịch trung thiên và đã cùng Hoàng đế Duy Tân điều động cuộc cách mệnh năm 1916*, Minh Tâm - Paris năm 1952, tr 83.

bốn cái ấn kinh lược Bình - Trị, Nam - Ngãi, Bình - Phú, Khánh - Thuận, phái người sang Xiêm nhờ sứ thần Đức viện trợ vũ khí,... Phong trào từ đó phát triển mạnh mẽ, lòng dân tin tưởng, nghĩa binh hăng hái, ngày càng có nhiều phú hào, quan lại tham gia ủng hộ cách mạng. Tháng 4 năm 1916, trước tình hình anh em lính mộ - một trong số lực lượng tham gia khởi nghĩa chủ yếu - đang luyện tập tại Huế, có thể xuống tàu sang Pháp sớm hơn dự định, vua Duy Tân thúc giục gấp rút khởi sự, ban hành chiếu khởi nghĩa ngày 29.4.1916. Trước quyết định quan trọng này của vua Duy Tân, Phan Thành Tài và Thái Phiên, Trần Cao Vân tổ chức *“cuộc họp tại làng Cẩm Toại ... bàn trước một số vấn đề sẽ đưa ra bàn trong hội nghị lần thứ hai tại Huế và cử người đi giúp Thừa Thiên”*³². Theo Hành Sơn trong *Cụ Trần Cao Vân - Người đã đề xướng Dịch trung thiên và đã cùng Hoàng đế Duy Tân điều động cuộc cách mệnh năm 1916*, tại cuộc họp này (Hành Sơn có nhầm lẫn khi cho rằng tổ chức tại nhà ông Lâm Nhĩ, làng La Châu, huyện Hòa Vang), trong hàng ngũ lãnh đạo Kỳ bộ, vẫn còn ý kiến khác nhau về thời điểm khởi nghĩa. Tuy nhiên, đến hội nghị lần thứ hai Kỳ bộ Trung Kỳ tổ chức tại kinh đô Phú Xuân (Huế), vào khoảng trung tuần tháng ba năm Bính Thìn, đã thống nhất với đề nghị ngày khởi nghĩa của vua Duy Tân, quyết định *“kiểm điểm lại lực lượng và ban hành kế hoạch khởi nghĩa”*³³. Trong bản khai của mình, Phan Thành Tài đã thuật lại việc phổ biến, thảo luận bức chiếu ngày 29.4.1916 của vua Duy Tân ở cuộc họp tại làng Cẩm Toại như sau: *“Về phần tôi, tôi đã tin cho ông Phạm Lương yêu cầu ông tin cho đồng đội đến họp tại nhà Tú Tự vào ngày 27 tháng 4 để nghe đọc bản chiếu chỉ. Vào ngày đó tại nhà Tú Tự lại có lễ ăn mừng nhà mới (nhà lâu) có mặt ngài Trần Cao Vân, Tú Kiên làng Du Nghĩa phủ Thăng Bình, Tú Huy làng Phước Am phủ Thăng Bình, Phó Bêm và 4,5 người nữa tôi không rõ tên. Vì buổi ăn mừng nhà lâu mới xây trùng vào ngày họp nên tại đây quá đông người. Sau bữa tiệc một người của Thông Phiên đến tin là chuyển cuộc họp đến nhà Thông Phiên vì không họp được tại đây do có nhiều người. Khi trời bắt đầu tối,*

³² Ngô Văn Minh, *Chí sĩ Lê Cơ...* Nhà xuất bản Đà Nẵng năm 2012, tr 213-214.

³³ Hành Sơn, *Cụ Trần Cao Vân - Người đã đề xướng Dịch trung thiên và đã cùng hoàng đế Duy Tân điều động cuộc cách mệnh năm 1916*, Minh Tâm - Paris năm 1952, tr 85.

Hương Thủy cùng với một mình tôi đi đến nhà Thái Phiên. Đến nơi tôi đã thấy có Trần Cao Vân. Thái Phiên nói sáng nay hai ông Tú Diễn và Tú Kiên đến đây xin xem chiếu chỉ của nhà vua. Tôi bảo hai ông đợi vì tôi đã mang ra nhà Tú Tự để cho mọi người cùng xem” (tài liệu số 42, hồ sơ 65530)”³⁴. Cũng theo tài liệu này, Phan Thành Tài đã cùng với Thái Phiên, Trần Cao Vân và Hương Thủy tại nhà Thái Phiên ở Nghi An bàn bạc, thảo luận suốt đêm để soạn thảo kế hoạch tổ chức nhà nước mới sẵn sàng để thay thế cho hệ thống nhà nước của thực dân và Nam triều, một khi khởi nghĩa thành công. Tại đây, Phan Thành Tài được giao giữ trọng trách của cuộc khởi nghĩa, như trong lời khai của Thái Phiên: “Ngày 28 tháng 3 âm lịch, chúng tôi quay lại Quảng Nam tổ chức ngay các cuộc họp với đồng chí, bạn bè thân tín để bàn cách đẩy nhanh cuộc khởi nghĩa ... Lúc đó, tôi giới thiệu các ông Lê Châu Hàn, Phạm Thành Chương, Phan Thành Tài để giữ các vị trí trọng trách”³⁵. Phan Thành Tài được cử tham gia Ủy ban khởi nghĩa được phân công theo địa bàn khởi nghĩa như sau: “Huế: Thái Phiên (Chủ tịch), Trần Cao Vân (Quân sự); Quảng Nam: Phan Thành Tài, Đỗ Tự; Quảng Ngãi: Lê Ngung”³⁶. Ông được giao giữ ấn Kinh lược Nam - Ngãi (Quảng Nam - Quảng Ngãi), một trong 4 ấn kinh lược để sử dụng sau này là ấn Bình - Trị (Quảng Bình - Quảng Trị), ấn Bình - Phú (Bình Định - Phú Yên), ấn Khánh - Thuận (Khánh Hòa - Bình Thuận). “Nếu khởi nghĩa thành công, Việt Nam sẽ có một chính phủ gọi là Việt Nam quân chính phủ”³⁷ do hoàng đế Duy Tân làm Tối cao lãnh đạo, chính phủ gồm sẽ các bộ trưởng, trong đó Phan Thành Tài giữ trọng trách thống lãnh quân đội toàn quyền.

Vai trò quan trọng của Phan Thành Tài còn ở chỗ ông chính là người được Thái Phiên tin tưởng giao lại những thông tin bí mật nhất của Hội, của cách mạng mà Thái Phiên đã cố gắng giữ kín mặc dù bị

³⁴ Nguyễn Trương Đan, *Vua Duy Tân 1916*, NXB. Văn học - Trung tâm nghiên cứu Quốc học 2014, tr 185 -187.

³⁵ Nguyễn Trương Đan, *Vua Duy Tân 1916*, NXB. Văn học - Trung tâm nghiên cứu Quốc học 2014, tr 204.

³⁶ Đại Thạc Lê Ước, *Cuộc Duy tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài*, Tập san Sử địa số 1, Sài Gòn xuất bản, 1968, tr 83.

³⁷ Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước - nhìn từ góc độ văn hóa*, NXB. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2005, tr 630.

thực dân Pháp đánh đập, tra khảo dã man. Thái Phiên đã quyết định “di ngôn” và chuyển lại cho Phan Thành Tài trước khoảnh khắc bước lên đoạn đầu đài. Bản di ngôn của Thái Phiên nằm trong tài liệu số 56 trong tập hồ sơ số 65530, được người Pháp ghi chú là: *“Bản dịch của một trang giấy, có thể là di ngôn của Thái Phiên được viết bằng đầu que diêm đã đốt cháy có than, ngay trước khi ra pháp trường đã được Thái Phiên chuyển cho Lê Châu Hàn đang bị giam tại nhà lao Hộ Thành”*. Tờ di ngôn chỉ có 17 dòng ghi lại những đầu mối, cơ sở cách mạng mà Thái Phiên muốn Phan Thành Tài tiếp nhận để tiếp nối phong trào yêu nước đang dở dang. Về việc này, tài liệu số 58 dẫn lại bản khai của Lê Châu Hàn (và Lê Cảnh Vận) vào ngày 23.5.1916 cho hay, Thái Phiên đã đề nghị Lê Châu Hàn *“sau khi được tự do, hãy nói với Phan Thành Tài đến tìm những người phiên dịch là TRÚ, nhân viên Bưu điện Đà Nẵng; THỨ - nhân viên Sở Thương chánh; KIM, nhân viên ở Tòa án Đà Nẵng để họ làm cố vấn cho những người Trung Hoa là ông NGỌ, nhân viên Giáo đoàn Triều Hưng; Trịnh - Quang - Trự (Trợ), người làm mãi biện (kiểm hóa viên) cho ngành vận tải hàng hải Đà Nẵng; NGÔ ĐỒ (ĐỒ) nhân viên bang hội Nghĩa Thành, ông này có thể thấy khi thì ở Đà Nẵng, khi thì ở Hội An để thu thập tình hình và tin tức cho các sinh viên Việt Nam ở Trung Hoa hoặc ở Xiêm, để chuyển tiền cho một người trung gian của những người Trung Hoa và để chu cấp cho những sinh viên khi họ có nhu cầu ... khi tổ chức bí mật cần tài chính, Phan Thành Tài chỉ việc đến ĐỘI MẠI, người giúp việc cho ông CUÉNIN ở Đà Nẵng, và KHÓA TRÁ, người buôn gạo ở gần chợ Hàn (chợ Đà Nẵng)...”*³⁸. Có thể thấy Thái Phiên đặt niềm tin tuyệt đối vào Phan Thành Tài, kỳ vọng ông có thể đảm nhận trọng trách tiếp tục gây dựng lại sự nghiệp cứu nước của Việt Nam Quang phục hội, sau tổn thất nặng nề của cuộc khởi nghĩa bất thành tháng 5.1916.

Phan Thành Tài còn vị “*tướng quân*” của lực lượng khởi nghĩa (lời của Nguyễn Văn Xuân), bởi sự am hiểu, trình độ và khả năng tổ chức quân sự. Ông trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ xây dựng lực lượng, phát triển cơ sở nghĩa binh, tạo nguồn tài trợ tài lực, vật lực, trang bị

³⁸ Nguyễn Trương Dân, *Về bản di ngôn của nhà cách mạng Thái Phiên*, Tạp chí Sông Hương, www.tapchisonghuong.com.vn.

quân khí, quân trang, thực hiện nghị quyết cuộc họp của Kỳ hội tại chợ Bãi Cháy là *“huy động cả sức người và tiền của để sung vào công cuộc chế tạo vũ khí, mua sắm quân nhu, quân phục”* ở các tỉnh trong Kỳ. Ở Quảng Nam, địa bàn do Phan Thành Tài trực tiếp phụ trách, ông khẩn trương tích cực bắt tay vào việc phát triển lực lượng khởi nghĩa của tỉnh. Ông chủ trương người nào mộ được một trăm nghĩa dũng lập thành một đội thì được cử làm Suất đội trưởng của đội đó, phát triển các cơ sở rèn đúc binh khí, dệt may quân trang, vận động nhân dân đóng góp tiền bạc, gạo thóc nuôi quân, luyện binh. Người dân hưởng ứng việc *“NGHĨA”* rất nhiệt tình, ban đầu chỉ ở một vài xã tổng, sau lan rộng ra các địa phương trong tỉnh, tạo thành một phong trào quần chúng sôi nổi chưa từng có. Khắp nơi trong tỉnh, người tham gia ủng hộ cách mạng rất đông, lực lượng nghĩa binh phát triển nhanh chóng. Ở Thăng Bình, Tam Kỳ, Tiên Phước,... *“thanh niên vào đội dân binh và phục quốc quân (người dân thường gọi là đội quân áo rằn) ngày đêm tập luyện. Các dân binh hoặc phục quốc quân khi đi đường mặc áo dài nhưng bên trong có áo ngắn, khi đến bãi tập thì cởi áo dài ra để luyện tập”*.³⁹ Ở Tam Kỳ, nhân dân *“đã bí mật ủng hộ nghĩa quân của Việt Nam Quang Phục hội và tham gia nghĩa quân. Các sĩ phu yêu nước ở các làng Tân An Tây, Tam Mỹ, Ngọc Mỹ, Khương Mỹ, Trường Xuân, Ngọc Thọ, Thọ Khương, Vân Trai, Quý Thượng, Quảng Phú, Trung Đoàn Thượng, Phú Lâm, Cây Cốc, An Hòa, Kim Đài, Thanh Bình... đã bí mật thành lập các đội nghĩa binh. Đặc biệt, đáng chú ý nhất là nhiều công nhân của mỏ vàng Bồng Miêu và đồn điền chè Đức Phú của Pháp đã bỏ nơi làm việc về quê tham gia các đội nghĩa binh.”*⁴⁰

Để tăng cường khả năng chiến đấu của lực lượng nghĩa binh, Phan Thành Tài cho lập thêm nhiều lò rèn để làm các loại binh khí như kiếm trường, giáo, mác nhiều nhất là loại dao mã tấu để vũ trang cho nghĩa binh trong xã, trong tổng. Ông chỉ đạo nơi nào làm được nhiều binh khí phải điều phối đến nơi làm được ít để lực lượng nghĩa binh được trang bị vũ khí đồng đều. Ở làng Phú Lâm, huyện Lễ

³⁹ Ngô Văn Minh, *Chí sĩ Lê Cơ...* NXB. Đà Nẵng, 2012, tr 203.

⁴⁰ Nguyễn Phước Tương, *Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916*, Lịch sử xứ Quảng, tiếp cận và khám phá, NXB. Đà Nẵng, 2011, tr 349.

Dương (nay thuộc xã Tiên Sơn, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam), chí sĩ Lê Cơ⁴¹ “cũng cho lập thêm một số lò rèn bí mật rèn binh khí như kiếm trường, giáo, mác nhiều hơn cả là loại dao mã tấu. Số binh khí này không chỉ cung cấp cho dân binh và phục quốc quân trong tổng mà còn gửi Ban chỉ huy khởi nghĩa cấp tỉnh để trang bị cho nghĩa quân một số địa phương khác, khi đem đi được giấu trong những thanh quế nẹp, dưới hình thức đi bán quế thanh...”⁴². Về quân trang, Phan Thành Tài cho huy động thợ dệt vải rằn, may áo quần cho nghĩa binh. Ở Điện Bàn, nội tướng của ông, bà Bùi Thị Hậu tích cực vận động phụ nữ trong địa bàn tham gia dệt vải rằn. Ở Phú Lâm, Lê Cơ “vận động 30 phụ nữ giao cho bà Lê Thị Vịnh tổ chức vào núi dệt vải rằn, may quân trang suốt 3 năm. May xong xếp vào giỏ rồi bỏ chèo hoặc cau khô ngụy trang bên trên để gửi đến Ban vận động khởi nghĩa của tỉnh”⁴³. Ở Tam Kỳ, “Một nhóm phụ nữ là thợ dệt, thợ may ở các vùng Tam Kỳ, Bãi Dương, Cầu Duối... đã bí mật dùng thuyền rở, thuyền đặng, ghe chở hàng đậu dọc sông Ba Kỳ ở vùng Phú Ninh, Trường Cửu dệt vải may quân phục, túi rết; các nhóm thợ rèn ở nhiều nơi được huy động đến phối hợp với xóm lò rèn ở Xuân Trung để rèn giáo, gươm trang bị cho nghĩa quân... các tầng lớp nhân dân ủng hộ về lương thực, tài chính, giúp đỡ về hậu cần. Các hào phú trong phủ Tam Kỳ như ông Lê Khâm Duy (tức Bát Kiện) ở Hoà Hạ, ông Bá Ba ở Thanh Lâm... là những người đóng góp tiền bạc và lúa gạo nhiều nhất cho nghĩa quân”⁴⁴. Dưới sự chỉ đạo Phan Thành Tài và nỗ lực của đồng chí của ông khắp nơi trong tỉnh, một lực lượng nghĩa binh “áo rằn” khá đông đảo, được huấn luyện bài bản, trang bị vũ khí dao, mác các loại đã sẵn sàng cho cuộc khởi nghĩa. Chính vì vậy, hội nghị toàn kỳ lần thứ hai tại Huế đã đánh giá Quảng Nam, Quảng Ngãi là địa phương có thực lực mạnh mẽ, đủ sức làm chủ lực cho cuộc cách

⁴¹ Lê Cơ (1859-1916) người làng Phú Lâm, huyện Lễ Dương (nay thuộc xã Tiên Sơn, huyện Tiên Phước, Quảng Nam, ông sáng lập trường Phú Lâm, là trường tân học đầu tiên của phong trào Duy tân và cũng là trường đầu tiên ở Quảng Nam và cả nước dạy nữ học sinh, là chí sĩ tham gia khởi nghĩa Duy tân năm 1916.

⁴² Ngô Văn Minh, *Chí sĩ Lê Cơ...* NXB. Đà Nẵng, 2012, tr 203.

⁴³ Ngô Văn Minh, *Chí sĩ Lê Cơ...* NXB. Đà Nẵng, 2012, tr 203.

⁴⁴ Nguyễn Phước Tương, *Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916*, Lịch sử xứ Quảng, tiếp cận và khám phá, NXB. Đà Nẵng, 2011, tr 349.

mạng. Qua đây có thể khẳng định Phan Thành Tài đã “đóng vai trò tích cực bên cạnh Trần Cao Vân, Thái Phiên, quan yếu trong việc thống lĩnh quân đội”⁴⁵.

Theo kế hoạch, cuộc khởi nghĩa sẽ được khởi sự vào lúc 1 giờ sáng ngày 4.5.2016, chọn Huế làm địa bàn khởi sự, sau đó Quảng Nam, Quảng Ngãi sẽ tiếp tục nổi dậy, hình thành nên vùng kháng chiến làm bàn đạp phát triển ra các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình ở phía Bắc, vào các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Khánh Thuận ở phía Nam. Chỉ huy lực lượng khởi nghĩa ở Quảng Nam là Phan Thành Tài, cùng Đỗ Tự, Trương Bá Huy, Huỳnh Khâm, Huỳnh Phùng, Lê Văn Bính, Mai Dị, Ông Văn Long,...; ở Đà Nẵng là Lâm Nhĩ, Hồ Cẩm Vinh, Lê Tường, Trần Ngọc Đạm; ở Hội An là Lê Đình Dương, Quán Thái,...; ở Tam Kỳ là Thắm Tường Vân, Út Pem,...; ở Quảng Ngãi là Lê Ngung, Cử Sụy, Phạm Cao Chằm,...; ở Quảng Trị là Khóa Bảo, Tú Cơ, Khóa Ngô, Quán Thiệu, Đào Duy Chánh,... Ở Điện Bàn, Quảng Nam, lực lượng dân binh do Phan Thành Tài chỉ huy đều mặc đồng phục vải rằn, trang bị đầy đủ các công cụ chiến đấu. Ngoài dân binh chiến đấu, lực lượng khởi nghĩa còn có đội phụ lực quân mang phương tiện leo thành, túc trực, sẵn sàng chờ lệnh tấn công vào tỉnh thành Quảng Nam, nơi tập trung các cơ quan đầu não của tỉnh. Phan Thành Tài, Đỗ Tự và Ông Văn Long sẽ điều động binh lực tỉnh Quảng Nam hiệp cùng lực lượng khởi nghĩa của Đà Nẵng quyết chiếm giữ lập tức thành phố để viện binh ở Xiêm về tràn vào đất liền, tham gia đánh đổ quân Pháp và Nam triều, thiết lập chính quyền mới.

Vị quốc vong thân

Do kế hoạch bị bại lộ, cuộc khởi nghĩa Duy tân tháng 5.1916 bất thành, bị thực dân Pháp, Nam triều đàn áp dã man. Vua Duy Tân bị bắt đưa về cung và sau đó bị đày sang đảo Réunion (Châu Phi). Thái Phiên, Trần Cao Vân, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu... bị chém ở An Hòa. Lãnh đạo khởi nghĩa ở các địa phương, người bị tù hình, người bị đày đi Lao Bảo, Thái Nguyên, Côn Đảo,...

⁴⁵ Nguyễn Văn Xuân, *Phong trào Duy tân*, Lá Bối xuất bản, 1969, tr 213 - 214.

Ở Quảng Nam, thực dân Pháp cho bủa vây, lùng sục, bắt bớ, thu được nhiều tài liệu quan trọng, nhiều loại quân trang bằng vải rằn được chôn giấu quanh các bãi cát ven sông Thu Bồn. Phan Thành Tài trốn thoát lên miền núi cùng với U They, người đồng chí dân tộc Cotu. Quân Pháp huy động lực lượng, truy lùng ráo riết, quyết tâm bắt cho được ông. Theo *Những sự kiện lịch sử huyện Giăng: 1885-1975, NXB. Đà Nẵng, 1989*, trong thời gian ẩn thân ở miền tây Quảng Nam, ông đã sống ở các làng Alanh và Pache, xã Mả Cooih thuộc Bến Hiên, sau đó qua Bến Giăng nương nhờ làng Palanh (xã Cà Dy). Những ngày ẩn thân ở đây, mặc dù thực dân Pháp ráo riết truy tìm, được đồng bào địa phương giúp đỡ cư mang, che giấu nên ông đều trốn thoát. Trong đồng bào Cotu đến nay còn lưu truyền một giai thoại về “Ông già chống Pháp” Phan Thành Tài sau đây.

“Đó là vào một buổi chiều, “Ông già chống Pháp” ra ngồi một mình trên gành đá ở bến sông Palanh bên dòng sông Cái, đôi mắt nhìn xa xăm về dưới miền xuôi nơi có những đồng bào đang chịu ách áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến. Bất chợt nghe tiếng khua chèo quấy nước, ông bèn nhìn xuống dòng sông thì thấy một chiếc thuyền câu của hai vợ chồng người chài lưới nghèo ven sông đi qua. Chiếc thuyền nhỏ bé trôi trên giữa bốn bề sông nước, người vợ chèo mũi, người chồng chống sào, ở giữa khoang có treo một cái nôi... “Ông già chống Pháp” gọi hai vợ chồng nọ lại và hỏi:

- Răng nghèo lắm rứa hả lão? Người chồng nhìn ông trả lời:

- Tại trời ông ạ! Cái số con nó vậy.

Nghe đến đó, “Ông già chống Pháp” liền bảo:

- Bây giờ tau có cái nì quý lắm, tau cho hai vợ chồng mi thì tức khắc hai vợ chồng mi sẽ giàu to, lại có chức có quyền nữa đó. Vợ chồng người chài lưới ngạc nhiên. “Ông già chống Pháp” lại bảo:

- Tau chẳng có của cải gì đâu nhưng tau là người chống Pháp, thằng Tây mà bắt được tau nó mừng lắm, nó đang treo thưởng lớn lắm. Vợ chồng người chài lưới nghe vậy bỗng giật mình bèn lên tiếng:

- Ôi, con được sung sướng mà ông chết thì chúng con có vui gì.

Nói rồi họ kính cẩn chào từ biệt “Ông già chống Pháp”, tiếp

tục công việc mưu sinh của mình bên bến sông Palanh... ”⁴⁶

Không bắt được Phan Thành Tài, thực dân Pháp cho bao vây làng Bảo An, gọi hào lý trong làng đến dọa nếu Phan Thành Tài không về nạp mình thì chúng sẽ ra tay làm cỏ cả làng. Lo sợ trước lời hăm dọa đó, xã Trưởng, lý trưởng Bảo An Tây họp thân hào nhân sĩ trong làng bàn hướng giải quyết và rồi cử người lên miền núi Bến Hiên - Bến Giằng để gặp Phan Thành Tài. Khi người của làng đến trình bày, Phan Thành Tài nói: *“Tây nó dọa đấy thôi, nhưng nếu chúng có làm thật đốt làng, giết dân, tội ác tày trời đó sẽ bị sử sách lên án, thế giới nguyên rủa. Tôi thà bỏ xác nơi đây chứ không về Bảo An để bị bắt”*.

Sau khi người làng trở về báo lại thái độ kiên quyết của Phan Thành Tài, thực dân Pháp và Nam Triều cho làm cổng gai vây làng, hẹn 3 ngày Phan Thành Tài không ra trình diện thì đốt cả làng, đem đất Bảo An nhập vào các làng lân cận như Phi Phú, Xuân Đài, Thạnh Mỹ, Tư Phú, xóa bỏ tên làng Bảo An, đồng thời tru di tam tộc họ Phan. Hoàn cảnh làng Bảo An bấy giờ rất bi thảm, mật thám Pháp và Nam Triều ngày đêm rình rập bao vây, tình nghi ai là chúng bắt bớ, đánh đập rất dã man, làm dân làng hoang mang, lo lắng không yên. Làng lại phân công gia tộc cử tiếp hai người thân tộc lên lại núi để thuyết phục Phan Thành Tài lần nữa. Lần này, theo lời kể lại của ông Phan Điều (Cử Điều), chú Phan Thành Tài, khi nghe hai người thân tộc thuật lại chuyện ở làng và gia đình, Phan Thành Tài, lúc đó đang bị sốt rét, liền nói: *“Tưởng sao chó như vậy, tôi làm thì tôi chịu”*. Rồi bảo công ông ra ghe, có U They đi cùng, về đến Bảo An lúc 12 giờ khuya, không ai hay biết. Phan Thành Tài ghé qua thăm nhà, rồi bảo người công xuống Vĩnh Điện, đến trạm thuế chỗ nhà đóng lúa, tự nộp mình cho giặc. Khi ra đi, ông có để lại bài thơ dặn dò vợ con như sau:

*“Con còn bụng mẹ cha đã mất
Con bước vào đời nước đã suy
Thù nhà, nhục nước con nên biết
Chẳng đội trời chung chữ ấy ghi!*

⁴⁶Mai Hồng Lâm, *Chuyện “Ông già chống Pháp”*, Báo Đà Nẵng điện tử, www.baodanang.vn.

*Cha muốn gây ra đoá tự do
Máu đem làm nước, xác làm tro
Vun cho hoa nở, hoa chưa nở
Con hãy vì cha, thế mặt lo”⁴⁷*

Bọn lính Pháp và Nam Triều lập tức bắt ông đưa về giam ở nhà lao Vĩnh Điện. Trong nhà lao, ông luôn tỏ rõ chí khí của một sĩ phu yêu nước, quyết tâm thà chết chứ không chịu đầu hàng giặc. Ông còn có bài thơ nhắn nhủ anh em, đồng chí:

*“Nay nói với anh em lớn nhỏ
Có chịu khó mới nên khôn
Phải lo cho hết việc nước non
Tiến bộ hễ tiến bộ
Mau mau theo trái đất lăn tròn
Dẫn anh, dẫn cháu, dẫn con
Còn trời, còn nước, còn non
Nước Nam là nước Nam ta”⁴⁸*

Sau nhiều ngày dụ dỗ, tra tấn hết sức dã man, không khuất phục được, thực dân Pháp đưa ông cùng người chiến hữu thân cận U They ra hành quyết tại một cồn hoang gần chợ Vĩnh Điện vào sáng ngày mùng 9 tháng 5 năm Bính Thìn (9.6.1916). Nhân dân trong vùng lên chôn cất ông ngay tại nơi thọ hình. Cảm xúc về cái chết oanh liệt của tướng quân Phan Thành Tài, “*hình ảnh tượng trưng cho sự kiêu hùng của dân tộc*”⁴⁹, một nhà thơ vô danh (thực ra là Huỳnh Thúc Kháng) có bài thơ:

*“Khẳng bả Tây văn khừ tác nô
Bất thành cam tự đoạn đầu lô*

⁴⁷ Bài thơ này còn lưu lại được là nhờ bà Nguyễn Thị Luyện (vợ ông Phan Khắc Doãn) dặn dò cháu nội là bà Phan Thị Điện “*Cháu nên nhớ bài thơ để truyền lại cho đời sau nói về sự hy sinh của ông Phan Thành Tài và hoàn cảnh bị thảm của bà Bùi Thị Hậu năm 1916*”.

⁴⁸ Phan Minh Kế - Phan Sô - Phan Văn Thê, *Phan tộc Kỳ yếu*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, năm 2002, tr 221.

⁴⁹ Nguyễn Văn Xuân, *Phong trào Duy tân*, Lá Bối xuất bản năm 1969, tr 214.

*Quốc trung Tây học nhân như tức
 Thanh dạ, môn tâm quý tử vô?
 Huỳnh Thúc Kháng đã dịch:
 Âu học không đem rút của người
 Chả thành, đời sống vớt như chơi
 Kìa phường học mới đen như kiến
 Đem hỏi lòng chẳng có hổ người?”⁵⁰*

Tú tài Phan Bá Tảo⁵¹, một người đồng tộc có viết bài văn bia chữ Hán ca ngợi Phan Thành Tài, được Cử nhân Lương Trọng Hối⁵² dịch ra quốc ngữ, khắc ở mặt sau bia mộ ông, như sau:

*“Ca chính khí vang vùng Vĩnh Điện
 Máu anh hùng xối sạch Quảng Nam
 Sông Thu Bồn mặt nước lênh đênh ứa dòng lệ thảm
 Tháp Bàng An làn mây sâm sẫm ử giọt tình thâm
 Chạnh niềm nghĩ nổi nước non, nhớ người thiên cổ
 Ngán nhẽ thương tình nòi giống, vì việc cận kim
 Giận giặc Pháp dày xéo non sông gấm vóc, lòng nào lòng
 chẳng xót xa
 Tỏi dân Nam thua thiệt số phận hẩm hiu, dạ để dạ càng chua
 xót
 Kết nạp đồng chí Phan, Mai, Trần lập Đông Kinh nghĩa thực
 đào tạo thanh niên
 Tổng tư lệnh Nam, Nghĩa, Bình quyết tổ chức nghĩa binh tẩy trừ
 quốc nạn*

⁵⁰ Đại Thạch Lê Ước, *Cuộc Duy tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài*, Tập san Sử địa số 11, Sài Gòn xuất bản năm 1968, tr100.

⁵¹ Phan Bá Tảo (còn gọi Tú Chức) người họ Phan làng Bảo An, Điện Bàn, Quảng Nam, đỗ Tú Tài khoa Mậu Ngọ, Khải Định thứ 3 (1918).

⁵² Lương Trọng Hối (1888 - ?) quê xã Đông Thành, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, đỗ cử nhân khoa Mậu Ngọ, Khải Định thứ 3 (1918).

*Muru Cần vương chẳng rời một phút, ân cần đá tạc vàng ghi
Chí phục quốc quyết vững mọi bề, khảng khái máu rơi thịt nát
Công cả còn ghi, tiếng thơm càng nức*

*Sóng Duy tân dồn dập, quốc hồn thức tỉnh, Cuộc Đông du gõ
trống khua chuông*

*Gió cách mạng ào ào, dân chí càng hăng, lớp Tây học cầm cân
nẩy mực*

Vẻ sương phụ vẹn tròn một tiết, khuôn khổ khuê nghi

Chữ trượng phu ghi tạc nghìn thu, tấm bia Đạt Đức.

Thế hệ tiếp bước

Sau ngày Phan Thành Tài bị hành quyết, toàn bộ gia sản ông bị tịch thu. Vợ ông, bà Bùi Thị Hậu, lúc đó mang thai gần ngày sinh người con út, bị đuổi ra khỏi nhà với một đàn con thơ dại. Bà Bùi Thị Hậu gánh chịu nhiều cơ cực, một phần vì thiếu vắng bàn tay người chồng, người cha chăm sóc gia đình, phần gia đình lâm cảnh bần cùng, sinh kế gian nan bởi sự đe nẹt, hăm dọa của thực dân Pháp, Nam triều. Thân phụ bà - Bùi Thân - đã phải lén lút cho người qua làng Bảo An giúp đỡ gia đình con gái, các cháu ngoại bằng cách mua hết những hàng quán bà Hậu đem bán hằng ngày. Bà Hậu đã vượt qua những khó khăn chồng chất, tần tảo nuôi bốn người trai và ba người con gái ăn học. Các con ông, bà đều học giỏi, sau này đều thành đạt, trong đó có nhiều người là nhà giáo tận tụy, có nhiều góp phần tích cực vào sự nghiệp giáo dục, đào tạo nhân tài cho đất nước.

Phan Bá Lân là con trai trưởng của Phan Thành Tài, sinh năm 1906 tại Bảo An. Thuở nhỏ, Phan Bá Lân học chữ Hán, sau theo học chữ Quốc ngữ và chữ Pháp. Ông tốt nghiệp Cao đẳng tiểu học tại trường Quốc học Huế. Sau khi tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm Hà Nội, ông đi dạy ở Trường trung học Phan Thanh Giản ở Cần Thơ, rồi Trường tư thực Huỳnh Khương Ninh ở Đa Kao, Sài Gòn. Năm 1931, Phan Bá Lân mở Trường tư thực Chấn Thanh tại Sài Gòn, tham gia giảng dạy có các ông Dương Bạch Mai, Trần Văn Thạch, Hồ Hữu Tường, Trần Văn Ngà, Trần Văn Huân, Tạ Thu Thâu, Phan Văn

Hùm, Trần Văn Chánh, Huỳnh Dư, Bửu Tiếp, Cao Xuân Huy,... Phan Bá Lân còn mở trường trung học tư thực Nam Hưng tại Cần Thơ và trường tiểu học Chấn Hưng ở Vĩnh Hội. Năm 1940, sau khi Chiến tranh Thế giới lần thứ 2 bùng nổ, Phan Bá Lân cùng với người em Phan Kinh về Đà Nẵng mở một trường trung học tư thực cũng có tên Chấn Thanh, quy tụ được nhiều thầy giáo như các ông Huỳnh Tân, Huỳnh Hòa, Lưu Trọng Lư, Chế Lan Viên, Phan Khoang,... Đến năm 1944, Mỹ ném bom xuống Đà Nẵng đe uy hiếp quân Nhật, Phan Bá Lân đóng cửa trường Chấn Thanh ở Đà Nẵng, về Bảo An tiếp tục mở trường dạy học. Sau năm 1954, Phan Bá Lân ra Hà Nội, dạy học tại các trường Chu Văn An, Tô Hiệu, Thăng Long, Hoàng Hoa Thám và dạy vật lý cho các trường Kiến trúc, Thủy lợi. Những người em ông Phan Bá Lân, trừ Phan Kinh chết sớm, còn hai ông Phan Thuyết và Phan Út đều được đi du học tại Pháp. Phan Thuyết đỗ cử nhân văn chương tại đại học Sorbonne (Paris). Năm 1952, Phan Thuyết về nước thành lập và làm hiệu trưởng trường tư thực Đạt Đức và Tân Thịnh tại Sài Gòn. Phan Út đỗ kỹ sư ngành giấy tại đại học Grenoble, kỹ sư hóa tại đại học Toulouse. Năm 1948, Phan Út về nước mở trường Tân Thanh, trường Tân Thạnh, trường Thành Tài ở Sài Gòn. Phan Út còn là chủ nhiệm kiêm chủ bút nhật báo Tân Thanh, nguyệt san khoa học, là hiệu trưởng trường lái xe hơi Tân Thanh.

Gia đình Phan Thành Tài từ Cử nhân Giáo thụ Phan Thành Tích, thầy giáo - hiệu trưởng Nghĩa thực Diên Phong Phan Thành Tài, đến thầy giáo - hiệu trưởng Phan Bá Lân, Phan Thuyết, Phan Út, trở thành một gia đình ba thế hệ theo đuổi sự nghiệp giáo dục tiêu biểu của tộc Phan làng Bảo An, suốt đời tận tụy với nghề giáo, góp phần đào tạo những công dân ưu tú trên mọi lĩnh vực cho sự nghiệp xây dựng đất nước qua nhiều thời kỳ khác nhau.

Chí sĩ Phan Thành Tài đã cống hiến trọn đời mình cho phong trào Duy tân và công cuộc đấu tranh đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập cho dân tộc. Là thầy giáo - hiệu trưởng nghĩa thực Diên Phong, ông đã dành tâm huyết cho phát triển nhà trường, giáo dục học sinh, góp phần mở mang dân trí, khơi dậy dân khí, kiến tạo dân sinh cho bà con đồng bào. Là lãnh đạo chủ chốt của phong trào khởi nghĩa Duy tân năm 1916, với tầm nhìn chiến lược và tài tổ chức quân

sự ông đã giữ vai trò quan trọng trong việc tham gia hoạch định chủ trương, đường lối, xây dựng kế hoạch khởi nghĩa, phát triển lực lượng nghĩa binh khá đông đảo, được huấn luyện và được trang bị vũ khí, quân trang, sẵn sàng cho cách mạng.

Tiếc thay, khởi nghĩa bất thành!

Nhưng, sự nghiệp giáo dục của *Hiệu trưởng* Phan Thành Tài tưởng như đã đành dở dang vào buổi sáng sớm tháng sáu u ám bên dòng sông Vĩnh Điện năm nào, nay đã được chính thể hệ con cháu ông tiếp nối, khơi sáng theo con đường “*khai dân trí*”. Ý chí bất khuất, tinh thần đấu tranh quật cường, xả thân vì nước của *Tướng quân* Phan Thành Tài, tưởng như đã nằm im trong lòng đất Điện Bàn, nơi có quê hương Bảo An, Gò Nổi của ông, ngày nay vẫn sáng ngời, kiêu hãnh, tự hào trong lòng dân tộc Việt Nam. Mỗi người dân xứ Quảng đều “*tự thấy có bốn phận nêu danh Người, một liệt sĩ đã hy sinh mình vì đại cuộc, vì chính nghĩa*”⁵³. Sự nghiệp Duy tân khai trí của *Hiệu trưởng* - cách mạng cứu nước của *Tướng quân* Phan Thành Tài, đã, đang và sẽ được các thế hệ tuổi trẻ Quảng Nam, hàng ngàn học sinh các trường học mang tên Phan Thành Tài ở Đà Nẵng, ở Điện Bàn, cùng lớp lớp cháu con tộc Phan làng Bảo An noi gương, tiếp bước./.

HP-BL-ĐL

⁵³ Lê Ước, *Cuộc Duy tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài* - Tập san Sử địa số 11.1968, xuất bản tại Sài Gòn, tr 81.

NHÂN VẬT THÁI PHIÊN (1882-1916) TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI

MAI THỊ HUYỀN*

Thái Phiên là một trong những thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916. Ông giữ vai trò quan trọng trong cuộc khởi nghĩa, đặc biệt là giai đoạn chuẩn bị khởi nghĩa. Để làm rõ vai trò của Thái Phiên, chúng tôi tìm hiểu những hoạt động của ông trước năm 1916.

1. Vài nét về Thái Phiên (1882-1916)

Theo tác giả Vũ Thanh Sơn trong *“Nhân vật lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX”*, Thái Phiên sinh năm Nhâm Ngọ (1882) là con thứ tư của cụ Thái Duy Tân và bà Lê Thị Lý. Tổ tiên của ông có nguồn gốc từ Bình Định, nhưng trong cơn binh lửa giữa anh em Tây Sơn và chúa Nguyễn, nội tổ đã di thiên lập nghiệp tại làng Nghi An, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam (nay là Khố Nghi An, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng). Vũ Thanh Sơn khẳng định: “Thái Phiên là người yêu nước thiết tha, tính tình cương trực, căm thù giặc Pháp cướp nước và bè lũ việt gian làm tay sai cho giặc Pháp”¹.

Nguyễn Phước Tương trong *“Xứ Quảng - vùng đất và con người”* viết về Thái Phiên: “Ông có nhiều biệt hiệu: Nam Xương, Nam Thạnh, Cô Đà và Hoàng Anh. Ông vốn có tư chất thông minh, học mau tiến bộ, ban đầu học chữ Hán ở làng, sau ra Đà Nẵng học tiếng Pháp, sớm bộc lộ tinh thần yêu nước và thường nói với bạn bè “Quốc sĩ ngô thân sĩ, quốc nhục ngô thân nhục” (Nước hổ thì thân ta

* Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

¹ Vũ Thanh Sơn, *Nhân vật Lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, quyển 15, Việt Nam Quang phục hội (1913-2.1917), NXB. Quân đội Nhân dân, 2013, tr 118.

hổ, nước nhục thì thân ta nhục)”².

Tác giả Nguyễn Q. Thắng trong “*Quảng Nam đất nước & Nhân vật*” đề cập đến Thái Phiên: “Lúc nhỏ ông theo học với người bạn của thân phụ mình là ông Phan Chí Học một nhà Nho trong làng, sau cho xuống Đà Nẵng học tiếng Pháp rồi cưới vợ (bà Trịnh Thị Thuận). Gặp kỳ thi ký lục Thương Chánh (do Pháp mở) Thái Phiên thi đậu, được cử đi trông coi làm đường tận Hiệp Hòa (Tam Kỳ). Tại đây ông quen biết viên thầu khoán người Pháp tên là Le Roy. Tuy được yêu mến, quý trọng; nhưng việc đi làm cho người Pháp không phải là sở nguyện của ông... Thái Phiên bèn xin thôi việc trở về quê”³.

Khoảng tháng 5 năm 1903, chủ kho bạc Đà Nẵng Gravelle dựa vào một nghị định ký năm 1899 cho phép công nhân điền (đất bỏ hoang) ở Trung Kỳ để tạo điều kiện cho Pháp và triều Nguyễn xây dựng đồn điền, thì Thái Phiên (21 tuổi) đã lãnh đạo nhân dân làm đơn kiện chống lại chính quyền thực dân. Mặt khác Thái Phiên chủ trương đấu tranh quyết liệt trên đồng đất. Vụ tranh chấp kéo dài 3 năm buộc Gravelle phải trả đất cho dân.

Từ năm 1903 trở đi, Thái Phiên bắt đầu hoạt động cho phong trào Đông du do Phan Bội Châu thành lập. Một lần, ông nhờ một người hoa kiều là Lý Bình Quân ở Đà Nẵng ra Nghệ An chuyển thư và tiền đóng góp của ông cho Phan Bội Châu. Người hoa kiều này bị Pháp bắt, việc vỡ lở, ông bị Pháp bắt giam tại nhà lao Hội An. Nhờ sự bảo lãnh của thầu khoán Le Roy, công sứ tỉnh Quảng Nam mới tha cho ông.

Sách “*Xứ Quảng vùng đất và con người*”, “*Quảng Nam đất nước & Nhân vật*”, “*Nhân vật Lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*”, thể hiện khá rõ hoạt động của Thái Phiên từ năm 1905 đến năm 1916:

- Tháng 5.1905: Thái Phiên cùng với Tiểu La Nguyễn Thành, Đỗ Đăng Tuyển tham gia thành lập Duy tân hội ngay từ đầu. Ông trở

² Nguyễn Phước Tương, *Xứ Quảng vùng đất và con người*, NXB. Hồng Đức, Hội Sử học thành phố Đà Nẵng, 2013, tr 517.

³ Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam đất nước & Nhân vật*, NXB. Văn hóa thông tin, 2001, tr 585.

thành yếu nhân của Duy tân hội ở Quảng Nam và hoạt động có hiệu quả, được Phan Bội Châu tin cậy. Ông là thành phần chủ yếu của phái Duy tân với xu hướng duy tân tự cường rồi mới “dần mưu tính việc khác”.

- Năm 1908, phong trào Duy tân diễn ra ở Quảng Nam bị Pháp khủng bố, Thái Phiên may mắn thoát khỏi lưới giặc.

- Ảnh hưởng của cách mạng Tân Hợi (1911) đến Phan Bội Châu và các thành viên trong Duy tân hội, nhận thấy cách mạng phải chuyển hẳn sang bạo động, vì vậy năm 1912 Phan Bội Châu triệu tập cuộc họp tại Quảng Đông (Trung Quốc) giải thể Duy tân hội, thành lập Việt Nam Quang phục hội. Trong hai năm 1913-1914, Thái Phiên đã liên lạc với Tú tài Lê Ngung, Trần Cao Vân tổ chức cơ sở Quang phục hội tại Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.

- Năm 1914: Thái Phiên cùng Lê Ngung tổ chức một cuộc họp các nhà yêu nước Trung Kỳ tại thành phố Đà Nẵng. Hội nghị nhất trí phải hành động vì nước Pháp đang sa vào cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất, thời cơ của cuộc khởi nghĩa đã tới. Phương hướng hành động là vận động binh lính người Việt, chủ yếu là lính khổ xanh và binh lính bị động viên sắp phải đưa sang Pháp phản chiến chống lại quân Đức, đồng thời tổ chức thêm dân binh để hỗ trợ.

- Đầu năm 1916, ông và Trần Cao Vân vận động vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa do Việt Nam Quang phục hội tổ chức.

- Cuối năm 1915 đầu năm 1916: Thái Phiên cùng các nhân vật trọng yếu trong Việt Nam Quang phục hội mở cuộc hội nghị tại chợ Cầu Cháy, làng Xuân Yên, Quảng Ngãi, chủ trương chuẩn bị cuộc khởi nghĩa chống Pháp.

- Tháng 2.1916: Thái Phiên triệu tập Hội nghị tại Huế định ra quốc hiệu, quốc kỳ, quân kỳ, quốc đô. Quốc kỳ và quân kỳ do Việt Nam Quang Phục hội đã chế định. Ngày khởi nghĩa quy định vào một ngày trung tuần tháng 5 năm 1916.

- Ngày 3.5.1916: các yếu nhân quê Quảng Nam gồm Thái Phiên, Trần Cao Vân và Lê Cơ lên đường ra Huế để trực tiếp chỉ huy

cuộc khởi nghĩa, nhưng lại không biết mình đã bị tên Khâm sứ Trung Kỳ theo dõi và có kế hoạch bố phòng tại kinh thành.

- Ngày 5.5.1916, mưu khởi sự không thành, Thái Phiên bị bắt ở Truồi.

- Ngày 17.5.1916: Thái Phiên bị Pháp xử chém cùng với Trần Cao Vân, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu ở An Hòa (Huế).

Những sự kiện trong cuộc đời hoạt động của Thái Phiên cho thấy trước năm 1912, ông là thành phần của Duy tân hội, tham gia phong trào Duy tân do Phan Châu Trinh khởi xướng. Từ năm 1912 trở đi, Thái Phiên tham gia Việt Nam Quang phục hội, chủ trương của ông chuyển sang hình thức đấu tranh theo xu hướng bạo động (đứng đầu là Phan Bội Châu).

2. Vai trò của Thái Phiên trong khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội

Từ năm 1909 trở đi, đặc biệt sau khi Đỗ Đăng Tuyển, một yếu nhân của Duy tân hội ở Quảng Nam bị bắt thì một mình Thái Phiên phải gây dựng lại tổ chức Duy tân hội ở Quảng Nam, đồng thời bắt liên lạc với Lê Ngung để gây phục hồi tổ chức Duy tân hội ở tỉnh Quảng Ngãi.

Theo Nguyễn Phước Tương trong “*Xứ Quảng vùng đất và con người*”, sau cuộc biểu tình chống sưu thuế năm 1908, các thủ lĩnh của phong trào Đông du như Tiểu La Nguyễn Thành (1863-1911), Đỗ Đăng Tuyển (1856-1911) đều bị bắt và lưu đày tại Côn Lôn, Lao Bảo và đã hy sinh. Trần Cao Vân (1866-1916) bị bắt giam ở Côn Lôn mãi tới năm 1914 mới được tự do, trong khi năm 1912, Phan Bội Châu đã giải thể phong trào Đông Du và thành lập tổ chức Việt Nam Quang phục hội tại Quảng Đông (Trung Quốc), đưa người về nước vận động hưởng ứng.

Nguyễn Phước Tương cho rằng từ năm 1912 đến năm 1914, Thái Phiên là người thành lập Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Nam sau đó Lê Đình Dương và Phan Thành Tài mới tham gia. Sau khi Trần Cao Vân ra tù (1914), Thái Phiên đã mời ông tham gia tổ

chức với vai trò là cố vấn. Trong khoảng thời gian đó, Thái Phiên đã đứng ra thành lập các thương hội ở Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Thuận để liên lạc với các nhà yêu nước tại đây. Ông ủy nhiệm cho Lê Cảnh Vận mở cửa hiệu bán sách tại cửa Thượng Tứ tại Huế nhằm vận động cho Quang Phục hội, mặt khác cử Trịnh Mai đi Hương Cảng để liên lạc với Phan Bội Châu.

Phan Khôi (1887-1960) trong bài viết “*Địa vị của Thái Phiên và Trần Cao Vân trong cuộc biến ở Huế năm 1916*” cho biết: “... Người ta nói Thái Phiên sắp đặt công việc khởi loạn đầu vào đó rồi mới thỉnh Trần Cao Vân ra mặt, chỉ có việc làm “quân sư” chớ khỏi lo gì nữa. Có người làm chứng chắc rằng việc biến ấy phát ra từ tháng hai ta mà tháng giêng Thái Phiên mới bắt đầu rủ Trần Cao Vân vào đảng... Cứ theo những mảnh việc đó mà tìm đến các ngọn nguồn của hai người nữa thì đủ biết trong cuộc biến ấy, cái địa vị của Thái Phiên là ở chính mà Trần Cao Vân là phụ. Trần không phải là tay chủ động cuộc ấy. Cứ như tôi biết thì Trần Cao Vân vào với Thái Phiên còn ở sau Lê Đình Dương nữa... Vì lẽ Lê Đình Dương gặp Thái Phiên từ tháng 9 năm trước mà tháng giêng năm sau Trần mới gặp Thái Phiên”⁴.

Theo ghi chép của tác giả Vũ Thanh Sơn trong “*Nhân vật lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*” thì: “Thái Phiên và Trần Cao Vân nhiều lần cử người sang Trung Quốc, Xiêm La để đặt kế hoạch phối hợp. Nhưng các yếu nhân của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Quốc như Phan Bội Châu bị Tổng đốc Quảng Đông Long Tế Quang bắt ngày 24 tháng 12 năm 1913, mưu đồ nộp cho nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương. Do Nguyễn Thượng Hiền ở Bắc Kinh vận động nên Long Tế Quang không giao nộp Phan Bội Châu cho Pháp mà đưa vào giam ở nhà tù Quảng Đông, đến tháng 2 năm 1917 Phan Bội Châu mới được giải thoát. Các yếu nhân khác như Cường Để bị bắt tháng 6 năm 1913 ở Hương Cảng, sau khi được một luật sư bào chữa cho tại ngoại đã thừa dịp xuống tàu thủy trốn đi châu Âu.

⁴ Nguyễn Phước Tương, *Xứ Quảng vùng đất và con người*, NXB. Hồng Đức, Hội Khoa học Lịch sử thành phố Đà Nẵng, 2013, tr 518-519.

Các yếu nhân khác như Trần Hữu Lực, Hoàng Trọng Mậu... đều hy sinh khi trở về Việt Nam hành động, Nguyễn Trọng Thường (Nguyễn Thạc Chi) bị bắt đày đi Côn Đảo, Lương Ngọc Quyến bị đày đi Thái Nguyên. Thực trạng Việt Nam Quang phục hội ở Trung Quốc và Xiêm la còn rất mỏng. Vì vậy, các ông Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung, Phan Thành Tài... đành phải hoạt động độc lập”⁵.

Ngô Văn Minh đề cập đến tình hình Trung kỳ trong những năm 1913-1914: “Bị mất liên lạc với Việt Nam Quang phục hội, các sỹ phu ở Trung Kỳ tuy không kết được thành một tổ chức cách mạng thật chặt chẽ nhưng vẫn tập hợp xung quanh Thái Phiên và vẫn hy vọng có thể bắt nối được liên lạc để nhận sự hỗ trợ từ bên ngoài của tổ chức này”⁶.

Nguyễn Công Phương (người Quảng Ngãi) từng bị bắt trong phong trào chống thuế Quảng Ngãi sau khi được thả ra đã bắt liên lạc với các nhà yêu nước Quảng Nam. Ông cũng đề cập đến Thái Phiên: “Đối với bên Quảng Nam, chúng tôi liên lạc với Thái Phiên, Đỗ Tự. Thời kỳ này, chúng tôi còn nhờ tin tức nước ngoài biến chuyển ra sao đã rồi mới định phương cách hoạt động rõ ràng. Tuy vậy nhưng đã chú ý đến việc vận động thanh niên cho ra nước ngoài học và quyên tiền gửi cho những người Việt Nam yêu nước đang hoạt động ở nước ngoài. Đầu mối liên lạc giữa những người Việt Nam hoạt động ở nước ngoài với những người hoạt động ở trong nước đều thông qua ông Thái Phiên, hoặc tình hình trong nước thế nào thì ông Thái Phiên lại báo đi”⁷.

Tháng 2.1914, sau khi Nguyễn Công Mậu và Bùi Phú Thiệu về nước, Thái Phiên đã mời Lê Ngung ở Quảng Ngãi ra Đà Nẵng tổ chức một cuộc hội nghị để bàn chủ trương mới. Hội nghị đề ra chủ trương một mặt phải giữ liên lạc với bên ngoài, nhưng vì biết tình

⁵ Vũ Thanh Sơn, *Nhân vật Lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, quyển 15, Việt Nam Quang phục hội (1913-2.1917), NXB. Quân đội Nhân dân, 2013, tr 121.

⁶ Ngô Văn Minh, *Chí sĩ Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX*, NXB. Đà Nẵng, 2012, tr 194.

⁷ Ngô Văn Minh, *Chí sĩ Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX*, NXB. Đà Nẵng, 2012, tr 194-195.

hình ở bên ngoài không có gì lạc quan nên quán triệt không được trông chờ ỷ lại mà phải lo tăng cường chỉnh đốn hàng ngũ, củng cố lực lượng, mở rộng thể lực trong nước, chuẩn bị mọi điều kiện, chờ khi có thời cơ sẽ khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị đã giao nhiệm vụ cho Thái Phiên và Hoàng Công Mậu củng cố, phát triển lực lượng ở Quảng Nam và lo tài chính cho Việt Nam Quang phục hội. Ngoài ra, Thái Phiên có nhiệm vụ liên lạc với Trần Cao Vân mới từ Côn Đảo về từ năm 1914 để tham gia phong trào. Ngay sau Hội nghị, Thái Phiên đã hoàn thành nhiệm vụ liên lạc với Trần Cao Vân và hai ông trở thành yếu nhân của tổ chức.

Trong thời gian này, Thái Phiên thành lập các thương hội và hiệu sách, thông qua đó liên hệ chặt chẽ với các tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Ngãi do Lê Ngung (?-1916) thành lập, ở Thừa Thiên do quan Bát phẩm bộ Hộ Đoàn Bổng lập ra, ở Quảng Trị và Quảng Bình do Phan Phú Tiên và Nguyễn Chánh thành lập. Mặt khác Thái Phiên và Nguyễn Công Mậu đứng ra lĩnh ứng làm đoạn đường nhựa Đồng Hới - Phan Thiết. Nhờ có số tiền lớn nên đã mua sắm được số lượng vũ khí lớn và chi tiêu vào việc vận động binh lính.

Đối với việc vận động cuộc khởi nghĩa, khó khăn mà Thái Phiên gặp phải là việc tiếp xúc với vua Duy Tân. Đại Thạch Lê Ước trong *“Cuộc Duy tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài (1882-1916)”* cho biết: “Thái Phiên và Trần Cao Vân phải bỏ một số tiền lớn thương lượng người Tài xế Vua xin thôi việc và chịu đứng giới thiệu người khác thay thế, để đưa đồng chí Phan Hữu Khánh vào nội lái xe cho vua Duy Tân. Khánh là một đảng viên ưu tú, dũng cảm, một thanh niên tài năng lỗi lạc, tốt nghiệp trường Bá Công Huế. Sau hai tháng làm việc, Khánh được vua tin yêu”⁸. Cuộc vận động đã thành công, biểu hiện bởi việc ngày 22 tháng 3 năm Duy Tân thứ 9 (ngày 5.5.1915) vua Duy Tân ra một chỉ dụ kêu gọi thần dân trong nước nổi dậy hưởng ứng phong trào đấu tranh chống Pháp và giao trọng trách cho một số yếu nhân.

⁸ Đại Thạch Lê Ước, *Cuộc Duy tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài (1882-1916)*, Tập san Sử địa, số 11.1968, tr 84.

Thái Phiên và Lê Cơ, Lê Ngung cùng với những người khác đã hoàn thành nhiệm vụ vận động khởi nghĩa. Tại Quảng Nam, đến năm 1915 đã thành lập được nhiều Ban chỉ huy khởi nghĩa từ cấp tổng đến phủ, huyện và cấp tỉnh.

Tháng 3.1916, Thái Phiên và Trần Cao Vân đã triệu tập các yếu nhân Việt Nam Quang phục hội ở các tỉnh Trung Kỳ họp đại hội lần thứ hai. Đại hội bầu ra Ủy ban khởi nghĩa do Thái Phiên đứng đầu. Đại hội nhận định Huế là địa bàn quan trọng trung tâm cuộc khởi nghĩa nên giao cho Trần Cao Vân, Thái Phiên, Nguyễn Thụy phụ trách. Các ông có nhiệm vụ vận động 2.500 lính mộ đang luyện tập ở trường thi chuẩn bị xuống tàu đi Pháp đánh Đức. Đại hội phân công Ủy ban khởi nghĩa: tại Huế do Thái Phiên chỉ huy có sự trợ lực của Lê Cơ và Lê Cảnh Vận để nổ súng phát lệnh. Ngoài ra một đội quân cảm tử của hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi sẽ cùng hiệp cùng dân binh các vùng phụ cận Huế đánh chiếm bằng được toàn Khâm sứ này.

Ngay sau khi nhận được mệnh lệnh của vua Duy Tân, Thái Phiên, Trần Cao Vân thông báo cho các Ủy ban khởi nghĩa quyết định vào giờ Tý ngày 3 tháng 4 năm Bính Thìn, tức là 1 giờ sáng ngày 4 tháng 5 năm 1916. Mật hiệu khởi nghĩa là Lê Cơ, Lê Cảnh Vận bắn súng thần công ở Huế làm hiệu đốt lửa trên đỉnh đèo Hải Vân để báo cho Quảng Nam. Quảng Nam đốt lửa báo hiệu cho Quảng Ngãi biết. Tại Huế, Thái Phiên, Trần Cao Vân mất liên lạc với các trại lính nhưng vẫn quyết định điều động thuyền đến bến Thương Bạc rước vua Duy Tân ra lãnh đạo cuộc khởi nghĩa.

Kế hoạch khởi nghĩa bị bại lộ, Pháp nhanh chóng khống chế và cắt đứt sự liên lạc tại Huế với các nơi khác. Dù không nhận được mật hiệu khởi nghĩa ở Huế, nhưng nhân dân Quảng Nam, Quảng Ngãi vẫn nổi dậy dành chính quyền.

Cuộc vận động khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội là sự tiếp tục phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản vào những năm đầu thế kỷ XX, thể hiện tinh thần và khả năng nổi dậy của nhân dân và sỹ phu tại các tỉnh Trung kỳ, tiếp nối phong trào Duy tân

và Chống thuế trước đó. Dù không thành công nhưng cuộc khởi nghĩa đã để lại ý nghĩa quan trọng. Thực dân Pháp đã nhận định: “Phong trào hồi tháng 5 năm 1916 vừa qua cũng giống như các cuộc phản loạn hồi năm 1908, là sự nghiệp của đảng phái cách mạng đang có hoạt động chống lại người Pháp.... Bọn chúng đã mưu toan nhân cơ hội nước Pháp đang bận bịu về cuộc chiến tranh ở châu Âu mà gây rối loạn ở Đông Dương nhằm đánh đuổi người Pháp ra khỏi đất nước An Nam, giành lại nền độc lập cho xứ sở”⁹.

3. Kết luận

Như vậy, trước khi cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội diễn ra, Thái Phiên là yếu nhân của Duy tân hội. Sau khi Phan Bội Châu giải thể Duy tân hội, thành lập Việt Nam Quang phục hội (1912), Thái Phiên có vai trò quan trọng trong việc giữ liên lạc, vận động lực lượng cách mạng cho cuộc khởi nghĩa. Thái Phiên là thủ lĩnh đầu tiên của Việt Nam Quang phục hội tại Quảng Nam và là người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa.

Khi Việt Nam Quang phục hội chủ trương khởi nghĩa giành chính quyền vào năm 1916, Thái Phiên cùng với Trần Cao Vân đã thuyết phục được vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa. Đại hội của tổ chức Việt Nam Quang phục hội đã bầu ông làm Chủ tịch ủy ban khởi nghĩa, chỉ huy cuộc nổi dậy giành chính quyền tại Huế. Thái Phiên trở thành thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội./

MTH

⁹ Vũ Thanh Sơn, *Nhân vật Lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, quyển 15, Việt Nam Quang phục hội (1913-2.1917), NXB. Quân đội Nhân dân, 2013, tr 131.

NHÀ YÊU NƯỚC CÁCH MẠNG THÁI PHIÊN VỚI CUỘC KHỞI NGHĨA Ở TRUNG KỲ NĂM 1916

LÊ THANH HẢI*
PHÙNG THỊ HOAN**

*“Bấy thước thân trai gánh nợ đời
Tinh thần khu xác một mà hai
Trong vòng lòng chậu chim không cá,
Trước mặt non sông có bể trời.
Cây cỏ biết đem dây máu nhuộm,
Ruột gan hồng cây tẩm trắng soi.
Chúng ta cũng vẫn dòng Hồng Lạc
Xin hỏi Nam Xương có mấy ai ?”¹*

Tiểu sử nhà yêu nước cách mạng Thái Phiên

Nhà yêu nước cách mạng Thái Phiên² sinh năm 1882, quê gốc của ông là ở tỉnh Bình Định, trong cơn binh lửa giữa anh em nhà Tây Sơn với chúa Nguyễn, tổ tiên của ông đã ra lập nghiệp ở làng Nghi An, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam cũ (nay là quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng). Thuở nhỏ ông theo học nhà nho ở trong làng là Phạm Chí Học. Thái Phiên thường đem câu “*Quốc sĩ ngô thân sĩ, quốc nhục ngô thân nhục*” để đàm luận với bạn bè, đồng chí.

Cha ông là Thái Duy Tân, mẹ là bà Lê Thị Lý. Thái Phiên có tư chất thông minh và học rất giỏi, cha ông cho về Đà Nẵng học chữ Pháp do ông thầy kiện Thông Phong dạy. Thái Phiên thi đỗ ký lục và được giao làm ký lục cho Sở Thương chính Tam Kỳ, đồng thời làm cho nhà thầu khoán Le Roy, nhưng nghĩ đến nỗi nhục vì phải làm

* Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam.

** Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam.

¹ Thơ khóc Thái Phiên của Sào Nam Phan Bội Châu.

² Thái Phiên còn có nhiều biệt hiệu như: Nam Xương, Nam Thạnh, Cô Đà, nhưng biệt hiệu thường dùng là Nam Xương.

thuê cho Pháp và lại bị sĩ quan Pháp làm nhục ông bỏ về làng Nghi An. Thái Phiên là người yêu nước thiết tha, tính tình cương trực, căm thù giặc Pháp và Việt gian tay sai³. Thái Phiên đã chứng kiến tận mắt nỗi đau của người dân mất nước. Ông thân sinh của Thái Phiên, một hương chức kiên cường đã có lần bị thực dân Pháp làm nhục, do đó Thái Phiên sớm có lòng yêu nước, nợ nước thù nhà đã gây cho ông ý thức vùng dậy, đấu tranh để cứu nguy cho dân, cho nước.

Năm 21 tuổi, Thái Phiên lãnh đạo tập hợp nhân dân một mặt làm đơn kiện đòi đất với chính quyền thực dân, một mặt tổ chức đấu tranh quyết liệt trên đồng đất khi tên chủ kho bạc Đà Nẵng là Gravelle vào tháng 5 năm 1903 dựa vào một nghị định ký năm 1899 cho phép cấp nhà điền (đất bỏ hoang) ở Trung Kỳ để tạo điều kiện cho bọn thực dân Pháp và quan lại triều Nguyễn xây dựng đồn điền. Bọn chủ Gravelle cho đào hồ trồng cây, lập tức có người được phân công nhảy xuống hồ quyết sống chết giành lại đất đai với khẩu hiệu “*Thằng Tây đào lỗ, dây xanh trói liền*”. Vụ tranh chấp này kéo dài 3 năm buộc tên Gravelle phải trả đất cho dân⁴.

Năm 1904, Phan Bội Châu lập “Duy tân hội” với mục đích phát triển thế lực chuẩn bị vũ trang bạo động. Thái Phiên là một trong những người sáng lập, đã có những đóng góp quan trọng trong công tác kinh tài, giúp cho Hội có điều kiện hoạt động. Về sau ông còn đảm nhiệm thêm công việc liên lạc, tuyên truyền và cổ động.

Tháng 5 năm 1905, Thái Phiên cùng với Tiểu La Nguyễn Thành, Đỗ Đăng Tuyển tham gia thành lập Duy tân hội. Ông trở thành một yếu nhân của Duy tân hội ở Quảng Nam và hoạt động có hiệu quả được Phan Bội Châu tin cậy. Thái Phiên cùng Trần Cao Vân, Lê Ngung, Phan Thành Tài đều là những yếu nhân của Duy tân hội với xu hướng duy tân tự cường rồi mới “*dần mưu tính việc khác*”⁵. Nhưng rồi cả hai phái Duy tân là bạo động và tự cường đều bị thực dân Pháp đàn áp khốc liệt, tiêu biểu như vụ “*khất thuế*”, “*xin xâu*” ở Quảng Nam do phong trào Duy tân chủ trương.

³ *Nhân vật lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Quyển 15, Việt Nam Quang phục hội (1913-1917)*, Nxb QĐND, Hà Nội, 2012, tr 118.

⁴ Đảng bộ thành phố Đà Nẵng, *Lịch sử thành phố Đà Nẵng*, NXB. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 1996.

⁵ Còn lại là phái bạo động dẫn đến phong trào Đông du do Phan Bội Châu đứng đầu.

Từ năm 1909 trở đi, nhất là sau khi Đỗ Đăng Tuyển một yếu nhân của Duy tân hội ở Quảng Nam bị bắt thì một mình Thái Phiên phải lo gây dựng lại tổ chức Duy tân hội ở Quảng Nam, đồng thời bắt liên lạc với Lê Ngung để gây dựng lại tổ chức Duy tân hội ở tỉnh Quảng Ngãi.

Tham gia lãnh đạo khởi nghĩa ở Trung Kỳ của Việt Nam Quang phục hội năm 1916

Với sự khủng bố trắng của thực dân Pháp làm cho các cơ sở Duy tân hội ở trong nước bị tan rã, các yếu nhân của Duy tân hội đều bị bắt và bị giết, trước tình hình đó đòi hỏi phải có một hướng đi mới cho cách mạng Việt Nam là phải chuyển sang bạo động vũ trang trở nên cấp thiết. Thượng tuần tháng 5 năm Nhâm Tý (1912), Phan Bội Châu triệu tập “Đại hội nghị” tại từ đường nhà ông Lưu Vĩnh Phúc ở Quảng Đông, tuyên bố thủ tiêu Duy tân hội, thành lập Việt Nam Quang phục hội. Tôn chỉ duy nhất của Hội là: “Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam”⁶. Chủ trương của Phan Bội Châu được tổ chức Duy tân hội ở trong nước hưởng ứng. Tại Quảng Nam, đồng chí Thái Phiên đã cùng các đồng chí ở Quảng Ngãi, Phú Yên, Thừa Thiên, v.v... chuyển Duy tân hội sang tổ chức Việt Nam Quang phục hội.

Năm 1913, Thái Phiên bí mật vận động đưa Phạm Hữu Khánh vào lái xe cho vua Duy Tân để thuyết phục nhà vua - người có thái độ bất hợp tác với Pháp. Sau một thời gian thăm dò, Phạm Hữu Khánh dâng vua kế sách cứu nước và thỉnh nhà vua tham gia cách mạng. Thái Phiên cho lập nhiều thương quán rải rác khắp hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi với mục đích “Dĩ thương hợp quân” chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa.

Tháng 1 năm 1914, được tin Trần Cao Vân và các cử nhân Lê Bá Trinh, Nguyễn Hồ Khê, tú tài Lê Ngung, Trương Bá Huy vừa ở nhà tù Côn Đảo về, Thái Phiên tới Quảng Nam gặp gỡ để bàn kế hoạch khởi nghĩa. Sau đó, Thái Phiên và Lê Ngung tổ chức một cuộc

⁶ Nhân vật lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Quyển 15, Việt Nam Quang phục hội (1913-1917), NXB. QĐND, Hà Nội, 2012, tr 119.

hợp các nhà yêu nước tại Trung Kỳ (Đà Nẵng). Hội nghị nhất trí phải hành động, vì nước Pháp đang sa vào cuộc Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất, đang phải trực tiếp chống lại cuộc xâm lược của Đức. Hội nghị phân công người chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa. Phương hướng hành động là vận động binh lính người Việt, chủ yếu là lính khổ xanh và binh lính bị động viên sắp phải đưa sang Pháp chống lại quân Đức, đồng thời tổ chức thêm dân binh để hỗ trợ.

Lực lượng khởi nghĩa quan trọng mà Việt Nam Quang phục hội nhằm vào là lính tập sắp bị đưa sang Pháp. Vì vậy công tác vận động lính tập tiến hành ráo riết, trong đó có hình thức thơ ca, hò vè. Công việc chuẩn bị khởi nghĩa ở các tỉnh chưa được đồng đều, trong đó chỉ có Quảng Ngãi là có lực lượng lính khổ xanh hưởng ứng đông đảo, lực lượng dân binh cũng sẵn sàng đòi khởi nghĩa ngay.

Trước tình hình đó, Thái Phiên, Trần Cao Vân quyết định triệu tập Đại hội các nhân vật trọng yếu của cuộc khởi nghĩa lần thứ nhất vào tháng 9 năm Ất Mão (1915) tại nhà ông Đoàn Bổng làm thư lại ở bộ Hộ, trên đường Đông Ba (Huế). Đại hội có sự hiện diện của đại diện 5 tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Thái Phiên chủ trì Đại hội. Đại hội đã kiểm điểm tình hình tuyển chọn dân binh, vận động lính khổ xanh, sắm sửa vũ khí, xây dựng căn cứ địa.

Đại hội phân công Nguyễn Thụy và Lê Đình Dương giao thiệp với cố đạo Bầu Gốc (Quảng Ngãi) để mật giao với viên đại tá người Đức là Harmandes, chỉ huy lính lê dương tại Trấn Bình đài (đồn Mang Cá) và các viên đội trưởng người Việt dưới quyền Harmandes như Đoàn Văn Cồn, Nguyễn Đình Trứ, Hà Lại, Đào Duy Phong nhận làm hậu thuẫn khi nổ ra khởi nghĩa. Hội nghị ủy nhiệm Lê Ngung thảo "*Hịch khởi nghĩa*" và vạch chương trình hành động. Trần Cao Vân đề nghị rước vua Duy Tân tham gia cuộc khởi nghĩa để tranh thủ chính nghĩa. Đại hội tán thành và ủy nhiệm Thái Phiên, Trần Cao Vân tiếp xúc với vua Duy Tân. Sau khi đọc bức thư thống thiết nêu lên nỗi khốn cùng và nỗi uất ức của dân chúng với sự thống trị Pháp và lũ Việt gian của Trần Cao Vân, vua Duy Tân đã hẹn gặp Thái Phiên và Trần Cao Vân ở Hậu Hồ vào lúc 2 giờ chiều ngày hôm sau. Hai nhà

cách mạng trình bày tình hình trong nước, chiến tranh Pháp - Đức và công việc chuẩn bị khởi nghĩa ở các tỉnh, hai ông cũng trình bày kế hoạch khởi nghĩa và thời gian khởi nghĩa cho nhà vua nghe. Sau cuộc gặp mặt đó, các chỉ thị của tổ chức Việt Nam Quang phục hội như chương trình, mật chiếu, hịch của cuộc khởi nghĩa đều do một mình Thái Phiên soạn thảo rồi trình cho vua Duy Tân xem.

Sau cuộc tiếp xúc với vua Duy Tân, Thái Phiên và Trần Cao Vân triệu tập các yếu nhân Việt Nam Quang phục hội ở các tỉnh Trung Kỳ họp Đại hội lần thứ hai vào trung tuần tháng 3 năm Bính Thìn (1916) tại nhà một đảng viên ở chợ Cầu Cháy, làng Xuân Yên, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Đại hội kiểm điểm tình hình chuẩn bị lực lượng cách mạng, quyết định kế hoạch khởi nghĩa với danh nghĩa: *“Việt Nam quân Chính phủ”*.

Hội nghị cử ra Ủy ban khởi nghĩa do Thái Phiên đứng đầu kiêm tổng chỉ huy quân sự, Trần Cao Vân làm phó chủ tịch. Hội nghị phân công như sau:

- Kinh thành Huế: Thái Phiên, Trần Cao Vân trực tiếp chỉ huy; rước vua Duy Tân ra khởi hoàng thành. Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu chỉ huy các đội thân binh, thị vệ trấn giữ hoàng thành. Lê Châu Hàn, Trần Đại Trinh, Đặng Khải Khánh chỉ huy các đội quân cảm tử Nam - Ngãi phối hợp với lính phản chiến đánh chiếm Tòa Khâm sứ. Phan Thành Chương, Nguyễn Đình Trứ, Hà Lại phối hợp với đại tá người Đức là Harmandes chỉ huy lính lê dương, hô hào 3.000 lính mộ, lính khổ đỏ, khổ xanh đang chờ đưa đi Pháp.

- Quảng Trị: ông Giáo Tú Cơ, Khóa Bảo, Khóa Ngô, Đào Duy Chánh điều động dân chúng, Quản Thiệu chỉ huy.

- Quảng Nam: Đỗ Tự, Trương Bá Huy, Phan Thành Tài, Mai Dị, Huỳnh Khâm, Huỳnh Phùng, Ông Văn Long, Lê Văn Bính chỉ huy.

- Đà Nẵng: Lâm Nhĩ, Lê Tường, Hồ Cẩm Vinh, Trần Ngọc Đạm chỉ huy.

- Tam Kỳ: Thảm Tường Vân (người Minh Hương), Út Pem (người dân tộc thiểu số) chỉ huy.

- Quảng Ngãi: Lê Ngung, Cử Suy, Phạm Cao Chằm chỉ huy.

Về vũ khí, ngoài số vũ khí từ Xiêm gửi về, tạm thời đóng cửa vài thương hội, rút người vào rừng rèn đúc vũ khí thô sơ, chế tạo tạc đạn. Ủy ban quyết định thảo “Hịch khởi nghĩa” tuyên đi các nơi; đúc bốn ấn kinh lược Bình - Trị; Nam - Ngãi; Bình - Phú; Khánh - Thuận. Phan Thành Tài giữ ấn Nam - Ngãi kinh lược; Lê Đình Dương giữ chức Tổng trấn Quảng Nam; và các chức Nguyễn soái, Đề đốc, Lãnh binh v.v... Cờ khởi nghĩa là lá cờ nền đỏ, năm ngôi sao trắng, lấy ý nghĩa “ngũ trình tụ tỉnh” ở Kinh dịch.

Quyết nghị dâng lên được vua Duy Tân đồng ý. Ngay sau khi nhận được lệnh của nhà vua, Thái Phiên và Trần Cao Vân thông báo cho các ủy viên Ủy ban khởi nghĩa quyết định vào giờ Tý sáng ngày 3 tháng 4 năm Bính Thìn, tức ngày 4.5.1916. Mật hiệu khởi nghĩa là Lê Cơ, Lê Cảnh Vận bắn súng thần công ở Huế làm hiệu đốt lửa trên đỉnh đèo Hải Vân để báo cho Quảng Nam. Quảng Nam đốt lửa báo cho Quảng Ngãi biết.

Tại Huế, Thái Phiên, Trần Cao Vân mất liên lạc với các trại lính, nhưng vẫn quyết định điều động thuyền đến bến Thương Bạc rước vua Duy Tân ra lãnh đạo cuộc khởi nghĩa. Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu, Phạm Hữu Khánh rước vua Duy Tân ra khỏi hoàng thành. Trên đường đi, nhà vua gặp Trần Quang Trứ (Phán Trứ), Trứ đoán biết việc bại lộ và đang trên đường đi tiết lộ tất cả sự việc cho tòa khâm sứ. 9 giờ đêm, Thái Phiên, Lê Cảnh Vận, Lê Cơ ngồi ở cửa Nhà Đồ chờ nổ phát lệnh, được tin lính Pháp kéo đến, đồng thời tiếng kêu khóc trong cung vọng ra. Biết việc không xong, Thái Phiên bảo Cảnh Vận đến Bến Ngự báo hung tin.

4 giờ sáng, đồn binh Pháp thổi kèn tập hợp lính rồi lính bộ binh, kỵ binh, sen đầm, mật thám nhón nháo khắp cả đường. Mật thám Pháp bắt hết các yếu nhân chỉ huy đánh vào Tòa Khâm sứ và Trấn Bình đài. Ngày 5 tháng 5 năm 1916, Thái Phiên bị bắt ở Truồi. Ngày 17 tháng 5 năm 1916, thực dân Pháp thi hành án chém Thái Phiên, Trần Cao Vân, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu ở An Hòa (Huế), cách kinh thành không đầy một cây số. Cái chết của các yếu nhân

trong khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội đã thể hiện nghĩa khí cương cường của các sĩ phu yêu nước thời bấy giờ và tên tuổi của Thái Phiên, Trần Cao Vân đã trở nên bất tử trong lịch sử chống xâm lăng của dân tộc ta. Đúng như vua Duy Tân sau này khi bị lưu đày đã nói: *“Nếu như chúng tôi không có nghĩa cử cầm đầu cuộc vận động ấy thì dưới con mắt của dân tộc tôi, tôi được coi như một kẻ hèn nhát, phản bội xứ sở, phản bội cha ông tôi”*. Vua Duy Tân bị bắt ở thôn Ngũ Tây huyện Hương Thủy và đưa về giam tại đồn Mang Cá, Huế.

Ngày hôm sau, Pháp thắng tay đàn áp, chém giết nghĩa quân, hều hết các thủ lĩnh nghĩa quân đều bị bắt. Tại Quảng Ngãi, Lê Ngung tự tử trước khi bị bắt, nhưng vẫn bị chặt đầu đem bêu. Các ông Nguyễn Thụy, Trần Thiêm (Thêm), Võ Cầu, Mai Tuấn, Hứa Thọ đều bị chém. Ở Quảng Nam số bị chém đến hàng trăm người.

Vụ mưu khởi nghĩa bị thất bại, vì không nổ được pháo lệnh, không đốt được lửa trên đèo Hải Vân, nên các nơi đều phải rút. Ở các tỉnh khác, lực lượng Phục quốc quân, dân binh đã ém sẵn buộc phải tự động rút. Chỉ riêng ở phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, dân binh dù không có lệnh, vẫn bao vây Tòa Đại lý Pháp, phá kho thu được hai khẩu súng trường rồi kéo vào phủ đường nhưng tri phủ đã bỏ trốn.

Cuộc khởi nghĩa tuy bị thất bại nhưng đã tạo ra một tiếng vang lớn ở các tỉnh Nam Trung Kỳ, một cuộc vận động chính trị, quân sự rộng lớn, quyết liệt chỉ bị bại lộ trước hai ngày, khiến cho Pháp vô cùng bất ngờ và kinh ngạc. Mặc dù phải giấu giếm, nhưng trong khóa họp thường kỳ năm 1916, Hội đồng Chính phủ Đông Dương (Pháp) cũng phải nhận định rằng: *“Phong trào hồi tháng 5 năm 1916 vừa qua cũng giống như các cuộc phản loạn hồi năm 1908, là sự nghiệp của đảng phái cách mạng đang có hoạt động chống lại người Pháp... Bọn chúng đã mưu toan nhân cơ hội nước Pháp đang bận bịu về cuộc chiến tranh ở châu Âu mà gây rối loạn ở Đông Dương nhằm đánh đuổi người Pháp ra khỏi đất nước An Nam, giành lại nền độc lập cho xứ sở”*⁷.

⁷ Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*, NXB. KHXH, Hà Nội, 1961.

Mặc dù, cuộc vận động khởi nghĩa Trung Kỳ đã diễn ra trong bối cảnh “Châu Á thức tỉnh”, cuộc khởi nghĩa tuy không thành công, nhưng nó như tiếng chuông đánh thức các nước châu Á đang bị các nước Châu Âu thống trị hầy vùng lên làm cách mạng. Lãnh tụ vô sản thế giới V.I. Lenin đã đánh giá rất cao cuộc khởi nghĩa Trung Kỳ năm 1916: “Ở An Nam thuộc Pháp, nhân dân đã vùng lên chống chủ nghĩa thực dân Pháp báo hiệu một thời kỳ mới của cách mạng Á Đông”⁸.

Trong nước, các nhà chí sĩ cách mạng Việt Nam đã ca ngợi cuộc khởi nghĩa, đặc biệt là đối với Thái Phiên - người lãnh đạo phong trào - kiến trúc sư trưởng của cuộc khởi nghĩa năm 1916. Nhà cách mạng Phan Bội Châu bị Long Tế Quang, Tổng đốc Quảng Đông bắt, giam ở nhà tù Quảng Đông (ông bị giam từ năm 1914 đến 1917 mới được giải thoát) nhận được tin về cuộc khởi nghĩa đã nhận xét: “Năm Dậu, năm Tuất (1909-1910), Đảng ta ở trong nước đã cơ hồ không còn ai, chỉ còn một mình Nam Xương Tiên sinh, nhưng đến lúc việc Duy Tân (khởi nghĩa 1916), tiên sinh lại là người trọng yếu ở trong Đảng”⁹. Nhà chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng khi đó đang bị đày đọa ở nhà tù Côn Đảo nhận xét: “Trong bụng con cò chết, mà có nước cò đánh cái đập như thế, cũng là nước cò hiếm”¹⁰. Thái Phiên là người con ưu tú của quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng, một chí sĩ đã hiến cả tuổi thanh xuân của mình cho công cuộc giải phóng đất nước. Cuộc đời Thái Phiên mãi là tấm gương yêu nước cao cả để thế hệ trẻ Việt Nam noi theo./.

LTH-PTH

⁸ V.I.Lenin, *Phong trào giải phóng dân tộc của dân tộc Phương Đông*, NXB. Sự Thật, Hà Nội, 1963.

⁹ Phan Bội Châu, *Toàn tập*, Tập 4, NXB. Thuận Hóa, Huế, 1990, tr 298.

¹⁰ Huỳnh Thúc Kháng, *Thi tù tùng thoai*, NXB. Nam Cường, Sài Gòn, 1951, tr 191.

ĐỖ TỰ, YẾU NHÂN TRONG CUỘC KHỞI NGHĨA CỦA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI TẠI QUẢNG NAM

LÊ THỊ*

Đỗ Tự - Người của hai cuộc Duy tân

Không những là yếu nhân của cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội cách đây 100 năm, Đỗ Tự còn là người tham gia tích cực phong trào Duy tân.

Về phong trào Duy tân (1904-1908). Dựa vào những thông tin ít ỏi của Châu bản triều Duy Tân, ta biết chắc chắn Đỗ Tự đã tham gia tích cực phong trào với việc diễn thuyết kêu gọi việc học chữ Quốc ngữ, hô hào bỏ lối học khoa cử Nho học, tham gia hội thương, hội nông, cắt tóc ngắn, mặc âu phục, thực hiện lối sống mới. Châu bản số 9 của triều Duy Tân ngày 3 tháng 8 năm Duy Tân thứ 2; 29.8.1908) viết: “*Hồ Cảnh, Nguyễn Bính, Ngô Diệm, Phạm Hữu Đôn, Hoàng Hữu Huyền, Đỗ Tự, Đinh Ích, Trương Ngọc Phiên và Nguyễn Phùng hoặc có hội thương diễn thuyết, chẳng qua là muội thỉnh a tong, không có tình gì nặng. Vậy chín tên này xin nên phóng thích, nhưng chúng đều là người trong danh sắc, mà lại a tong như thế, chuốc lấy tiếng như xin nên đều cách khử phẩm hàm danh sắc, trước tịch chịu sưu thuế*”¹.

Có nhiều người còn cho biết Đỗ Tự là học trò của Trần Quý Cáp. Ông từ quê nhà Diệm Sơn xuống học tại trường của Trần Quý Cáp ở Bất Nhị. Vì là học trò của Trần Quý Cáp, nhà ông lại ở Diệm Sơn rất gần Cẩm Nê nên Đỗ Tự đã từng tham gia điều hành nông hội Cẩm Nê (do Trần Quý Cáp thành lập và điều hành vào năm 1905). Nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Xuân cho biết: “*Thất bại rồi, họ rút về*

* Nhà nghiên cứu, thành phố Đà Nẵng.

¹ Nguyễn Thế Anh, Phong trào kháng thuế ở miền Trung qua các châu bản triều Duy Tân, NXB. Văn Học, 2008.

Cẩm Nê (Yến Nê). Khu vực này giáp giới huyện Hòa Vang và phủ Điện Bàn, ở giữa các vùng Hà Thanh, Quang Châu, Dương Sơn, cách đập An Trạch hiện nay 3 cây số. Nông hội Yến nê chừng 20 mẫu ta. Đất này do lý hương tự ý cắt cho một phần, phần khác do những người có tâm huyết “cúng” vào. Người có công đầu là ông Học Bổng (ông gia liệt sĩ Thái Phiên), ông có chân học sinh, giỏi, giàu có nhưng hơi nhát gan...”. (Phong trào Duy tân, NXB. Đà Nẵng, 1995)

Việc Đỗ Tự là học trò của Trần Quý Cáp và tham gia nông hội Cẩm Nê làm ta nghĩ đến việc có thể Đỗ Tự có mối quan hệ rất sớm với tổ chức Việt Nam Quang phục hội của Phan Bội Châu. Điều này không có gì quá ngạc nhiên vì có lẽ chính Trần Quý Cáp cũng đã từng tham gia vào tổ chức này². Và có lẽ cũng nhờ tham gia nông hội Cẩm Nê và tổ chức Việt Nam Quang phục hội mà Đỗ Tự quen biết với Học Bổng nhờ thế ông đã mai mối cho Thái Phiên lấy con gái của Học Bổng sau này.

Tuy nhiên hiện nay đây cũng chỉ là những suy đoán, chưa có một tài liệu nào đề cập cụ thể. Chúng tôi chỉ nêu ra như một gợi ý, mong sẽ có người nghiên cứu kỹ hơn.

Về cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội: Tất cả các tài liệu đều cho rằng Đỗ Tự là nhân vật trọng yếu của cuộc khởi nghĩa. Điều này đã rõ vì:

- Đỗ Tự vốn là thành viên kỳ cựu của tổ chức này, tham gia từ ngày đầu thành lập như ta đã phân tích ở trên.

- Đỗ Tự là nhà nho uy tín, từ bỏ khoa cử (sau khi đỗ tú tài năm

² Trong: Phong trào Duy tân, NXB. Đà Nẵng năm 1995, Nguyễn Văn Xuân cho biết Trần Huỳnh Sách (học trò Trần Quý Cáp) cho rằng Trần Quý Cáp từng là hội viên của Việt Nam Quang phục hội: “Lúc đến nhà cụ Tiểu La, gặp Kỳ Ngoại Hầu Cường Để và ông Tăng Bạt Hổ, các cụ cũng bàn với nhau: cụ Sào Nam lo việc Đông Du, còn tiên sinh (Trần Quý Cáp) ở lại trong nước vận động mưu đồ” (Tiểu sử Trần Quý Cáp, trang 14). Nguyễn Văn Xuân không xác quyết như Trần Huỳnh Sách nhưng cũng “xa gần” về điều này qua các câu: “Cũng thời kỳ này, thơ văn và các cuộc giao du của Trần Quý Cáp còn nặng về thuyết huyết”, “Còn vào thời kỳ này 1903-1905, hai tư tưởng ấy vẫn gặp nhau nhiều lắm”, “Huống chi ở giữa (Minh xã và Ám xã) còn có Trần Quý Cáp, con người có đủ uy tín, tài năng, đức độ để duy trì sự hòa hợp”.

1903, bài xích khoa cử nên không tham gia thi cử), hoạt động tích cực cho phong trào Duy tân.

- Ông có mối giao tình với Thái Phiên, người được xem là “kiến trúc sư trưởng” của cuộc khởi nghĩa.

Điều này được thể hiện ở:

- Đỗ Tự cùng Trần Cao Vân, Thái Phiên, Phan Thành Tài, Lâm Nhĩ là những người đại diện cho Quảng Nam tham dự hầu hết đại hội, các cuộc họp quan trọng để vạch kế hoạch cho cuộc khởi nghĩa (Đại hội lần thứ nhất vào tháng 9 năm 1915 ở nhà ông Đoàn Bổng tại Huế, Đại hội lần thứ 2 vào năm 1916 tại Quảng Ngãi, các cuộc họp ngày 26 và 28.4.1916 tại nhà Đỗ Tự và Lâm Nhĩ ở Hòa Vang, Quảng Nam).

- Ông cũng được tổ chức phân công cùng Phan Thành Tài tấn công đánh chiếm tỉnh thành Quảng Nam vào đêm khởi nghĩa 3.5.1916, sau đó đưa quân hỗ trợ cho Lâm Nhĩ chiếm Đà Nẵng để đón viện binh và vũ khí đưa từ Thái Lan về theo đường biển vào cảng Đà Nẵng.

- Đỗ Tự cũng là người được tổ chức tín nhiệm bầu vào thành phần nội các của chính phủ cách mạng với chức vụ Bộ trưởng bộ Lễ nghi. (vua Duy Tân là lãnh đạo tối cao, Lê Đình Dương Bộ trưởng Ngoại giao, Thái Phiên Bộ trưởng bộ Kinh tế kiêm Giáo dục, Phan Thành Tài Tổng tư lệnh quân đội, Trần Cao Vân cố vấn tối cao, Nguyễn Thụy Thủ tướng...)

- Tại ngôi nhà của ông đã diễn ra cuộc họp quan trọng vào ngày 27.4.1916 của các lãnh đạo khởi nghĩa bàn về việc thành lập chính phủ (thường gọi là Chính phủ Việt Nam quốc quân) sau khi khởi nghĩa thành công, nhưng lấy cớ mừng nhà mới Đỗ Tự để tránh sự dòm ngó của mật thám Pháp. Trong báo cáo của Công sứ Quảng Nam gửi Khâm sứ Huế ngày 1.6.1916 có viết: “... vào ngày 27 tháng 4, trong ngôi nhà của tú tài Đỗ Tự, nằm gần chợ Miếu Bông, nơi đang tổ chức khai trương một cách hợp pháp ngôi nhà mới đó, người ta đã tiết lộ cho một số rất ít người biết về chiều chỉ của nhà vua kêu gọi nổi

dậy trong những người trung thành - gọi là “Nghĩa” - vào đêm mùng 3 rạng sáng ngày 4 tháng 5. Cũng trong đêm hôm đó, một cuộc họp lớn của những người đồng mưu do Thông Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài và Hương Thủy triệu tập đã thông qua những đường hướng lớn về tổ chức nhà nước mới và một bản tuyên ngôn kêu gọi dân chúng hưởng ứng cuộc khởi nghĩa...” (Báo cáo số 119-C tại Hồ sơ mang số hiệu 65530, hiện lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia hải ngoại của Pháp đặt tại Aix-en-Provence).

- Nhiều nhân chứng cho biết nhà Đỗ Tự ở Miếu Bông (Hòa Châu, Hòa Vang) và các nhà bà con tộc Đỗ gần đó được dùng làm nơi cất giấu tài liệu, vũ khí, ấn triện, cờ khởi nghĩa, và cũng là nơi tổ chức nhiều cuộc họp bàn chuyện quốc sự, ban bố những hịch truyền kêu gọi khởi nghĩa. Sau khi cuộc khởi nghĩa bị lộ và thất bại, căn nhà của ông bị bao vây lục soát. Địch đã phát hiện rất nhiều tài liệu, cờ khởi nghĩa và vũ khí, được “chất lại thành đống lớn trước chợ Miếu Bông” trước khi mang đi. Vợ con ông bị quản thúc, bị bắt phải đi tìm chồng, tìm cha về nộp mạng; tộc Đỗ phải tìm ông và đưa ông ra hàng nếu không sẽ giết tất cả.

Món nợ của các nhà nghiên cứu.

Đỗ Tự là người có nhiều đóng góp cho các phong trào đấu tranh giành độc lập của đất nước nhưng lịch sử chưa ghi nhận đúng tầm vóc và công sức của ông.

Tên của ông chỉ được nêu kèm theo những sự kiện có liên quan một cách riêng lẻ. Chưa thấy tài liệu nào trình bày tiểu sử của ông một cách chính xác và có hệ thống.

Sách Lịch sử thành phố Đà Nẵng khi đề cập những nhân vật trọng yếu của cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội đã viết về ông bằng mấy dòng ngắn ngủi và có tính chất chung chung: “*Cho đến cuộc khởi nghĩa Duy tân diễn ra trong bối cảnh chiến tranh thế giới lần thứ nhất, những người chủ trương trong đó có những yếu nhân người Quảng Nam như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Đỗ Tự...*” (NXB. Đà Nẵng, 2001, tr. 92).

Lâm Quang Thự trong phần Quảng Nam: Địa lý - Lịch sử - Nhân vật (Lâm Quang Thự - Người con đất Quảng, NXB. Đà Nẵng, 2012) khi nói về cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân đã cung cấp một số thông tin khá khiêm tốn về Đỗ Tự:

- *Hội nghị họp tại nhà ông Đoàn Bổng ở đường Đông Ba, có mặt các ông Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Đỗ Tự (Quảng Nam), Lê Ngung, Nguyễn Thụy... (Quảng Ngãi)...* (trang 744).

- *“Về kế hoạch khởi nghĩa... Quảng Nam: Đỗ Tự, Trương Bá Huy, Phan Thành Tài... nắm nghĩa quân, đánh chiếm tỉnh thành...”* (trang 751).

- *“Trong những người bị đày có y sĩ Lê Đình Dương, lý trưởng Lê Cơ, tú tài Đỗ Tự, Trương Bá Huy, Lâm Nhĩ...”* (trang 757).

Nhà nghiên cứu Nguyễn Q. Thắng trong các cuốn sách được xem là “kinh điển” về Quảng Nam như Quảng Nam - Đất nước và Nhân vật (NXB. VHTT, 2001), Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước (NXB. Tổng hợp TP. HCM, 2005) vv... cũng chỉ cung cấp một số thông tin về Đỗ Tự không nhiều hơn so với Lâm Quang Thự là mấy.

Trong tác phẩm “Tự điển nhân vật lịch sử” (Nguyễn Q. Thắng, Lê Bá Thế, NXB. Văn hóa) giới thiệu khá đầy đủ các nhân vật lịch sử (cả chính diện lẫn phản diện) và mặc dầu đã tái bản lần thứ 8 cũng không thấy một trang nào dành cho Đỗ Tự.

Gần đây nhiều tác phẩm mang tính “địa chí” viết về địa phương Điện Bàn và Quảng Nam như Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng, Danh nhân Điện Bàn cũng không tìm thấy tên của Đỗ Tự. Đây là thiếu sót đáng tiếc nếu không nói là ... đáng trách.

Đó là chưa kể những thông tin về ông rất thiếu chính xác như:

- Cho rằng quê Đỗ Tự ở Hòa Châu, Hòa Vang chứ không phải là Diêm Sơn, Điện Tiến, Điện Bàn. Có tài liệu còn cho rằng quê ông ở tận ... Tiên Phước.

- Ông bị bắt và bị đày ra Lao Bảo và chết ở đây năm 1918 cùng với Lê Cơ, Trương Bá Huy, v.v..

Hiện nay liên quan đến ông, chúng ta chỉ thấy duy nhất một biển tên đường nhưng lại ở thành phố Đà Nẵng (chứ không phải quê hương Quảng Nam của ông). Gõ vào mạng để tìm nhân vật Đỗ Tự ta chỉ gặp hai bài báo³ viết tương đối chính xác nhưng lại khá sơ sài về ông (vì khuôn khổ có hạn) mà bài báo thì giá trị về khảo cứu chưa cao và mang tính nhất thời.

Tiểu sử tóm lược về Đỗ Tự:

Xin được giới thiệu một tiểu sử tóm lược về Đỗ Tự để tham khảo:

Theo gia phả tộc Đỗ ở Diệm Sơn thì tổ tiên có nguồn gốc từ Hải Dương, di cư vào Nam dưới thời nhà Lê 1433(?). Đỗ Tự sinh năm 1881 tại làng Diệm Sơn (nay là xã Điện Tiến, thị xã Điện Bàn), thi đỗ tú tài năm 1903 và được triều đình Huế bổ làm quan nhưng ông từ chối, chỉ ở nhà làm thuốc và dạy học. Ông tham gia phong trào Duy tân, lập Hội nông, Hội thương, cắt tóc ngắn, mặc âu phục, tham gia diễn thuyết bài xích khoa cử, mở trường dạy chữ quốc ngữ... cùng các sĩ phu trong tỉnh. Năm 1908, nhân cuộc biểu tình chống thuế của nhân dân miền Trung ông bị bắt giam ở nhà lao Hội An, sau đó được tha nhưng bị cắt hết danh sắc và phải đóng thuế như dân thường.

Năm 1912, Đỗ Tự tham gia Việt Nam Quang phục hội⁴ và là

³ Bài “Vị tú tài tận trung tận hiếu” của Nguyễn Trương Đàn (Báo Đà Nẵng số ngày 12.11.2011) và bài “Ông tú làng Diệm Sơn” của Lê Thị (Báo Quảng Nam số ngày 12.10.2015).

⁴ Có lẽ giai đoạn 1903-1905, Đỗ Tự đã tham gia Việt Nam Quang phục hội nhưng sau đó theo chủ trương “bất bạo động” của Phan Châu Trinh. Phan Khôi trong bài “Vai trò của Thái Phiên và Trần Cao Vân trong cuộc biến năm 1916” (Tập chí Sông Hương, số 7, 1936) cho biết sau cuộc kháng thuế 1908, nhiều người bên “minh” (bất bạo động) đã phải “khí mình đầu ám”. Có lẽ Đỗ Tự nằm trong trường hợp này.

Phan Khôi viết: “Do việc “dân biến” năm 1908 mà hết thấy những người có chân trong cuộc vận động bất luận minh hay ám đều bị mắc vào một lưới. Ở trong tù, họ ngó nhau mà cười. Vì không ai ngờ có một thứ pháp luật lạ lùng đến nỗi ghép được hai cái tội gần đến trái nhau vào một án như nhau!

Sau khi ông Nguyễn Hàm vừa đi vừa cười tủm tỉm vì được đày ở Côn Lôn chung với

yếu nhân trong cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân năm 1916. Ông là người mai mối để Thái Phiên cưới con gái của phú hộ Học Bổng (người làng Quan Châu, huyện Hòa Vang) nhằm tạo thuận lợi cho việc vận động tài chính cho tổ chức. Đỗ Tự làm rể về làng Miếu Bông huyện Hòa Vang, nay là xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (vợ ông là bà Nguyễn Thị Thúc) và làm nhà về đây để tiện việc liên lạc với các nhà cách mạng (vì nằm ngay trên đường thiên lý Bắc - Nam). Ông vận động gia đình bên vợ tham gia đóng góp nhân lực và tài lực cho cuộc khởi nghĩa; còn các gia đình tộc Đỗ gần nhà ông cũng là nơi hội họp, cất giữ tài liệu, vũ khí, ấn triện, cờ khởi nghĩa. Tại ngôi nhà của ông đã diễn ra cuộc họp quan trọng vào ngày 27.4.1916 của các lãnh đạo khởi nghĩa bàn về việc thành lập chính phủ (thường gọi là Chính phủ Việt Nam quốc quân) sau khi khởi nghĩa thành công, nhưng lấy cớ mừng nhà mới Đỗ Tự để tránh sự dòm ngó của mật thám Pháp.

Ông là một trong những đại biểu của Quảng Nam: Trần Cao Vân, Thái Phiên, Phan Thành Tài, Lâm Nhĩ, Đỗ Tự... tham dự hầu hết đại hội, các cuộc họp quan trọng để vạch kế hoạch cho cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội.

Ông cũng được tổ chức phân công cùng Phan Thành Tài tấn công đánh chiếm tỉnh thành Quảng Nam vào đêm khởi nghĩa 3.5.1916, sau đó đưa quân hỗ trợ cho Lâm Nhĩ chiếm Đà Nẵng để đón viện binh và vũ khí đưa từ Thái Lan về theo đường biển vào cảng Đà Nẵng.

Đỗ Tự cũng là người được tổ chức tín nhiệm bầu vào thành phần nội các của chính phủ cách mạng với chức vụ Bộ trưởng bộ Lễ nghi.

bọn ông Huỳnh Thúc Kháng, Phan Thúc Duyện một lần, thì ở nhà cái ngôi lãnh tụ huyền khuyết. Phải biết, đến lúc này người ta chỉ nói lãnh tụ là đủ rồi, vì không còn có mình xã nữa nên cũng chẳng cần phân biệt chữ ám với ai.

Bọn Minh xã bấy giờ còn sót lại người nào, bị bên kia bêu diều dử lắm. Như chửi vào mặt, họ bảo: “Hãy cứ tin cậy ở nước Pháp đi, rồi có đi Côn Lôn một thể với chúng tôi!”. Bởi vậy mà, buồn tình, những người này đều vào với họ. Cho đến sau đó một vài năm, nhiều kẻ bên mình hồi trước ở tù ra, cũng lục tục vào sau. Nhân đó, mà thế lực hội kín được duy trì và mạnh thêm”.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Trương Đàn đi điền dã về tận quê của Đỗ Tự tìm gặp con cháu của ông để tìm hiểu. Dựa vào phả tộc, kỷ yếu của tộc Đỗ và nhất là vào lời kể của người cháu nội của Đỗ Tự là ông Thái Duy Hòa (hiện ở tại phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng). Ông Đỗ Thái Hòa đã cung cấp một số thông tin về ông mà lâu nay chưa có tài liệu nào nói đến hoặc nói không chính xác:

Khi cuộc khởi nghĩa bị bại lộ, lính đến vây nhà ông, vợ con ông bị quản thúc, cha ông bị giặc bắt trói tay chân khiêng đi. Dịch bắt tộc Đỗ phải tìm ông và đưa ông ra hàng nếu không sẽ giết tất cả. Trước chữ hiếu với cha, trách nhiệm với gia tộc và vì cuộc khởi nghĩa đã bị bại lộ, thất bại nên ông phải ra nộp mạng để cứu cha với lời than cùng anh: “Chữ Trung không dặng - chữ Hiếu đau lòng. Thôi thì em ra nộp mạng để cứu cha”.

Đỗ Tự bị bắt giải ra Huế, bị kêu án tử hình nhưng gia đình tộc Đỗ đã bán tất cả ruộng đất để lo lót, nhờ thế án tử hình được cải lại khổ sai chung thân đầy Côn Đảo. Gia đình lại lo lót thêm nên ông chỉ bị đưa vào giam ở nhà lao Trà Kê tại Tuy Hòa (Phú Yên).

Năm 1919, do cảnh tù đầy khắc nghiệt ông bị đau nặng, khó bảo toàn mạng sống nên gia đình phải lo lót lần nữa để xin được đưa ông về quê nhà trước lúc lâm chung. Ông mất năm 1919 tại quê nhà khi chỉ mới 38 tuổi. Mộ ông hiện ở tại nghĩa trang tộc Đỗ ở làng Diệm Sơn, xã Điện Tiến, thị xã Điện Bàn.

Đề xuất:

- Cần đầu tư nghiên cứu kỹ hơn về nhân vật Đỗ Tự để có được một tiểu sử chính thức, chính xác, đầy đủ về ông.

- Quảng Nam nên đặt tên Đỗ Tự cho một ngôi trường, một đường phố (ở Hội An, Tam Kỳ hoặc Vĩnh Điện) để ghi công ông và giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ.

- Bổ sung tiểu sử Đỗ Tự trong các tài liệu nghiên cứu về lịch sử kháng Pháp nhất là các quyển sách nghiên cứu về Quảng Nam./.

LT

TRẦN CAO VÂN - NGƯỜI CON QUẢNG NAM VÀ CUỘC KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI Ở TRUNG KỲ NĂM 1916

*ThS. PHẠM THỊ VƯỢNG**

Quảng Nam - vùng đất phen giậu phía Nam đất nước, mảnh đất địa linh nhân kiệt với nhiều vẻ đẹp chiều sâu giá trị văn hóa đa dạng và độc đáo. Mảnh đất tự hào sản sinh ra biết bao tài danh, hào kiệt cho đất nước. Trong suốt quá trình lịch sử đấu tranh của dân tộc Việt Nam từ các phong trào Cần vương, Đông du, Duy tân và những phong trào kháng chiến về sau, những người con ưu tú của đất Quảng như: Phạm Phú Thứ, Hoàng Diệu, Nguyễn Duy Hiệu, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh, Trần Cao Vân, v.v... không chỉ làm rạng danh quê hương Quảng Nam mà còn làm rạng danh cho cả dân tộc Việt Nam. Những hoạt động cách mạng của các nhân sĩ Quảng Nam tuy không đem lại sự thành công trực tiếp nhưng đã góp phần tích cực vào việc duy trì một khí thế đấu tranh liên tục của dân tộc.

Trong khí thế đấu tranh liên tục của cả dân tộc Việt Nam, không thể không kể đến cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916 ở Trung Kỳ. Cuộc khởi nghĩa do các sĩ phu yêu nước Trung Kỳ khởi xướng và lãnh đạo, một trong những yếu nhân của cuộc khởi nghĩa là chí sĩ Trần Cao Vân - một người con ưu tú Quảng Nam...

1. Trần Cao Vân - Người con ưu tú của Quảng Nam

Trần Cao Vân (tên thật là Trần Công Thọ) quê làng Tư Phú, tổng Đa Hòa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Điện Thọ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Mảnh đất Điện Bàn cũng là quê hương của Hoàng Diệu, Phạm Phú Thứ và nhiều anh tài khác. Thuở nhỏ, ông sớm tỏ ra là người thông minh, hiếu học và nuôi chí lớn

* Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

trong con đường khoa cử. Sau khi bỏ lỡ cuộc thi năm 1882, đất nước xảy ra nhiều biến cố, nhất là phong trào Cần vương nổi dậy như kiến vỡ tổ, đâu đâu cũng hùng hực khí thế “Bình Tây sát tả”, đã tác động rất lớn đến Trần Cao Vân. “Cụ cảm thấy cái mộng cử nghiệp dù đạt thành cũng chẳng làm gì! Cái danh vọng ông cống, ông nghè dù có được, cũng không thiết thực đối với thời thế hiện tại”¹. Với suy nghĩ đó, Trần Cao Vân quyết định từ bỏ nghiệp thi cử và bắt đầu dấn thân vào con đường đấu tranh giành độc lập cho dân tộc.

Sự kiện đầu tiên là năm 1886, ông rời xa gia đình đến sống tại chùa Cổ Lâm, huyện Đại Lộc để giao lưu, kết nạp bạn bè đồng chí hướng mưu đồ cứu nước. Quyết tâm thoát ly khỏi gia đình, chí sĩ họ Trần chính thức đặt chân lên con đường đấu tranh đầy chông gai và gian khổ, thậm chí là tù tội và hy sinh. Sau khi cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Duy Hiệu thất bại, các tổ chức công khai và bí mật có quan hệ trực tiếp và gián tiếp với Nghĩa Hội đều bị truy lùng rất gắt gao, chùa Cổ Lâm bị khám xét. Trần Cao Vân phải rời chùa Cổ Lâm về làng Đại Giang mở trường dạy học. Tuy vậy, trong lòng ông luôn nung nấu chí lớn đấu tranh. Ông vẫn ấp ủ tìm địa bàn đứng chân tốt để khởi nghiệp, có thể đảm bảo cho cuộc đấu tranh trường kỳ.

Tiếp đến là sự kiện năm 1892, Trần Cao Vân rời Quảng Nam và chọn Bình Định là địa bàn hoạt động. Đây cũng là một mốc đáng nhớ trong sự nghiệp đấu tranh của Trần Cao Vân. Rời quê hương Quảng Nam đến mảnh đất Bình Định xây dựng địa bàn, phát triển lực lượng, Trần Cao Vân tỏ rõ quyết tâm đi trên con đường tranh đấu đến cùng. Trong suốt thời gian ở Bình Định, trải qua nhiều nghề, ông khéo léo lôi kéo được một số người trở thành đồng chí với mình. Uy tín và danh tiếng của Trần Cao Vân dần lan rộng. Nhờ vậy, ông có cơ hội giao lưu và liên kết với những người đồng chí hướng.

Cuộc bạo động chống lại chế độ bảo hộ Pháp kết hợp với Võ Trứ năm 1898, Trần Cao Vân tham gia với tư cách là cố vấn. Đánh Pháp xâm lược, Võ Trứ muốn sử dụng yếu tố bất ngờ, tiến hành bạo lực để giành thắng lợi. Còn Trần Cao Vân chủ trương không vội vàng

¹ Hành Sơn, *Cụ Trần Cao Vân*, Minh Tân xuất bản, tr 18.

dùng bạo động mà phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, dựa vào lòng dân, gieo đức tin trong dân, góp tiền rèn đúc khí giới, tích trữ lương thực, tìm địa thế núi rừng hiểm trở để làm nơi thoái thủ, chờ cơ hội phát khởi một cuộc bạo động bất ngờ khiến kẻ thù không kịp trở tay. Không ngăn được tâm lý nóng vội của Võ Trứ, cuộc bạo động thất bại, ông bị bắt giam ở ngục Phú Yên, sau đó một thời gian thì được thả. Ra tù chưa được 2 năm, năm 1900, ông lại bị bắt tại nhà lao Bình Định vì vụ án “Trung thiên dịch” với tội danh xúi nhủ nhân dân phiến loạn, đến năm 1907 mới được thả tự do.

Sau khi ra tù, Trần Cao Vân trở về tiếp tục liên hệ với những người cùng chí hướng. Năm 1908 tại tỉnh Quảng Nam lại xảy ra một biến cố quan trọng, gây ảnh hưởng lớn tới các tỉnh Trung Kỳ, đó là phong trào Chống sưu thuế. Từ phong trào kháng thuế ở Quảng Nam rồi lan rộng ra các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Thừa Thiên, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An, v.v... Phong trào đã gây tiếng vang lớn, là một trong những sự kiện nổi bật của phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XX. Chính quyền thực dân phong kiến bắt các nhà yêu nước trong phong trào Duy tân như Trần Quý Cáp, Châu Thơ Đồng, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Thúc Duyện, Lê Bá Trinh, Châu Thượng Vãn... Chúng bắt cả Trần Cao Vân. Ông bị đày ra nhà tù Côn Đảo cùng với các chí sĩ yêu nước khác của đất Quảng đến năm 1914 mới được phóng thích.

Khi Lâm Quang Trung² - Ủy viên của tổ chức Việt Nam Quang phục hội về Trung Kỳ phổ biến chương trình hành động, tuyên ngôn của hội và xúc tiến xây dựng tổ chức. Trần Cao Vân và đông đảo các sĩ phu yêu nước tiến bộ hăng hái gia nhập Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ. Trần Cao Vân đưa ra ý kiến vận động vua Duy Tân tham gia phong trào chống Pháp.

Từ đó trở đi, Quảng Nam và Quảng Ngãi trở thành hai địa bàn trọng yếu trong việc xây dựng lực lượng và căn cứ địa chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa. Năm 1914, Chiến tranh Thế giới thứ nhất bùng nổ. Đế quốc Pháp ngày càng bị lún sâu vào cuộc chiến tranh. Nhân cơ hội

² Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam, tập 7, từ năm 1897 đến năm 1918*, NXB. KHXH, Hà Nội, 2013, tr 545.

này, các nhà yêu nước Trung Kỳ quyết định khởi nghĩa. Trần Cao Vân và Thái Phiên được giao nhiệm vụ liên lạc phong trào, tiếp xúc với vua Duy Tân và mời vua tham gia phong trào để yên lòng dân và để “danh chính ngôn thuận”.

Sau rất nhiều cố gắng và nỗ lực, Trần Cao Vân và Thái Phiên đã gặp, thuyết phục được vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa. Vua Duy Tân còn ban mật dụ để kết nạp thân sĩ yêu nước, chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa. Nhà vua cũng chấp nhận để cho Trần Cao Vân đúc 4 chiếc ấn kinh lược để sử dụng sau khi khởi nghĩa thành công: Ấn Bình - Trị (Quảng Bình - Quảng Trị), ấn Nam - Ngãi (Quảng Nam - Quảng Ngãi), ấn Bình - Phú (Bình Định - Phú Yên), ấn Khánh - Thuận (Khánh Hòa - Bình Thuận). Sự tham gia của vua Duy Tân có tác dụng nhất định trong việc gây thanh thế cho phong trào, lôi kéo được lực lượng “cựu nho học” hay một số quân chúng trong lính mộ và nhân dân.

Từ đó về sau, vua Duy Tân còn nhiều lần cho mời Trần Cao Vân đến Huế cùng bàn sách lược cho cuộc khởi nghĩa. Mọi hoạt động đều được trao đổi thường xuyên giữa vua Duy Tân và Trần Cao Vân. Ông trở thành cầu nối liên lạc quan trọng giữa vua Duy Tân và Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ. Tuy thời gian này, ông hoạt động chủ yếu ở Huế với vai trò là Quân sư Ủy ban khởi nghĩa cùng với Thái Phiên (Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa) nhưng ông vẫn thường xuyên liên lạc, bàn kế hoạch khởi nghĩa với các đồng chí tại quê hương, cụ thể là qua Phan Thành Tài - người nhận nhiệm vụ lãnh đạo khởi nghĩa tại tỉnh Quảng Nam. Trần Cao Vân và Phan Thành Tài vẫn trao đổi thông tin qua lại giữa Huế và Quảng Nam.

Sau khi bàn bạc, Trần Cao Vân, Thái Phiên và Phan Thành Tài chủ trương giờ Ngọ ngày 8.6.1916 khởi nghĩa, tức là sau ngày khởi nghĩa chính thức 4.5.1916 hơn 1 tháng. Tuy nhiên, tại đại hội Việt Nam Quang phục hội, Trần Cao Vân đưa ra quan điểm của mình về ngày khởi nghĩa nhưng không được đại hội tán thành. Đại hội thống nhất và quyết định ngày khởi nghĩa là 4.5.1916. Với vai trò lãnh đạo cuộc khởi nghĩa, cùng Thái Phiên và vua Duy Tân, Trần Cao Vân đã thể hiện rõ tinh thần và khí tiết của một chí sĩ yêu nước, dù hy sinh không tiếc thân mình.

Từ trí thức nho học trở thành nhà hoạt động yêu nước, chủ nghĩa yêu nước của Trần Cao Vân mang tính chiến đấu cực kỳ mãnh liệt. Năm hai mươi tuổi già biệt quê hương, năm hai mươi bảy tuổi đặt chân trên con đường đấu tranh, trải hết ngục Bình Định, rồi đến ngục Phú Yên, Quảng Nam và Côn Lôn nhưng ý chí tranh đấu trong con người ông chưa bao giờ nao núng. Thời điểm đối diện với cái chết - khi cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội thất bại và bị bắt giam tại nhà lao Hội An, chờ xét xử - tinh thần chiến đấu đó vẫn mãnh liệt không ngừng. Ông khẳng khái cùng với Thái Phiên nhận hết trách nhiệm về mình để che chở cho vua Duy Tân.

2. Trần Cao Vân và cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại Quảng Nam năm 1916

Về Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ, sau cuộc biểu tình chống thuế của nhân dân Trung Kỳ năm 1908 bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu, nhiều sĩ phu bị bắt, bị tù đầy. Phong trào yêu nước của nhân dân Trung Kỳ tạm lắng song tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh luôn âm ỉ cháy trong lòng nhân dân và các sĩ phu yêu nước. Nhiều sĩ phu mãn hạn tù trở về như Trần Cao Vân vẫn tích cực liên hệ, sát cánh cùng các đồng chí mưu đồ làm cuộc cách mạng cứu nước. Năm 1912, một thành viên của Việt Nam Quang phục hội về Trung Kỳ để vận động xây dựng tổ chức. Chương trình hành động và chủ trương vũ trang đánh đuổi chính quyền Bảo hộ Pháp để giành độc lập dân tộc của tổ chức Việt Nam Quang phục hội nhận được sự ủng hộ, hưởng ứng rất nhiệt liệt của đông đảo sĩ phu yêu nước Trung Kỳ. Kỳ bộ Hội Việt Nam Quang phục Trung Kỳ được thành lập. Trong đó, thành viên chủ yếu là nhân sĩ hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi: Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phạm Thành Chương, Phan Thành Tài, Đỗ Tự, Lê Ngung, Nguyễn Thụy, Nguyễn Mậu, Lê Triết, v.v... Sau khi bắt liên lạc với Ban chấp hành Việt Nam Quang phục hội tại Quảng Đông năm 1913, Kỳ bộ Hội Việt Nam Quang phục Trung Kỳ nhận thức rất rõ tổ chức này đã suy yếu, không còn khả năng lãnh đạo phong trào cứu nước. Kỳ bộ Hội Việt Nam Quang phục Trung Kỳ quyết định hoạt động độc lập và nhận trách nhiệm lãnh đạo phong trào yêu nước của nhân dân Trung Kỳ nói riêng, ráo

riết chuẩn bị nhân lực, vật lực khởi nghĩa khi thời cơ đến. Có thể nói, đây là một sự chuyển biến tư tưởng rất lớn của các sĩ phu tiến bộ. Các nhà yêu nước đã nhìn và dựa hoàn toàn vào thực lực trong nước, không còn tư tưởng trông mong vào sự hỗ trợ của lực lượng bên ngoài nữa.

Chiến tranh Thế giới thứ nhất bùng nổ (1914-1918), Pháp tham chiến và ngày càng lâm vào tình thế bị động, đang đứng trước nguy cơ bại trận. Lính Pháp ở Đông Dương được điều động đưa về để dự chiến. Cuối năm 1915, quân đồng minh bại trận, quân Đức đang phong tỏa Paris, thanh thế của nước Pháp đang suy kém. Hơn nữa, các chí sĩ của phong trào Duy tân bị lưu đày ở Lao Bảo, Côn Đảo đều được Pháp trả tự do, nay đều hội tụ trong tổ chức Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ và đang mưu sự đánh đổ chế độ bảo hộ Pháp, xây dựng một chế độ độc lập, tự chủ dưới danh nghĩa vua Duy Tân. Sau một thời gian chuẩn bị, khí thế khởi nghĩa của nhân dân Trung Kỳ, đặc biệt là hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi đang lên rất cao. Nhiều địa phương đã xuất hiện hịch kêu gọi binh lính phản chiến và vận động nhân dân góp tiền của cho phong trào. Nhiều nơi đã tập hợp binh nghĩa, rèn sắm vũ khí, tích trữ quân nhu, quyên góp gạo tiền, xây dựng một số căn cứ ở vùng rừng núi Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định. Khi biết tin giữa tháng 5.1916, Pháp sẽ đưa 2.500 lính mộ ở Huế sang châu Âu tham chiến các nhà yêu nước trong tổ chức Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ họp đại hội và cho rằng đây thời cơ thuận lợi để tổ chức khởi nghĩa vũ trang đánh đổ Pháp giành độc lập.

Đại hội quyết định phát lệnh vào 1 giờ sáng ngày 4.5.1916. Huế là khởi điểm cho cuộc nổi dậy; Quảng Bình, Quảng Trị cùng hưởng ứng; sau đó sẽ là Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên. Theo kế hoạch, lực lượng khởi nghĩa sẽ chiếm 3 tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên để làm căn cứ lâu dài và phát động khởi nghĩa khắp các tỉnh Trung Kỳ, từ Quảng Bình đến Khánh Thuận. Khởi nghĩa thành công thành lập Chính phủ gọi là “*Viện hành chính Trung ương*”, Trần Cao Vân giữ vai trò cố vấn Chính phủ.

Trong lần họp bàn của Kỳ bộ, Trần Cao Vân tỏ ý muốn trì hoãn khởi nghĩa, chưa muốn khởi sự gấp nhưng vấp phải sự phản đối của

các đồng chí trong tổ chức. Do sự hối thúc của vua Duy Tân, cũng như tinh thần khởi nghĩa đang lên cao của nhân dân, nhất là nhân dân hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, các nhà yêu nước nhận thấy không thể trì hoãn khởi nghĩa được nữa, lực lượng cách mạng đủ mạnh để tiến hành khởi nghĩa thành công. Trần Cao Vân giữ vai trò quân sự Ủy ban khởi nghĩa và có nhiệm vụ phụ trách hộ giá vua Duy Tân vào Quảng Ngãi ẩn náu, chờ khởi nghĩa thành công rước vua về.

Ban chỉ huy chung cho toàn bộ cuộc khởi nghĩa gồm: Thái Phiên, Nguyễn Thụy và Trần Cao Vân. Trong đó, có sự phân công chỉ huy khởi nghĩa ở từng địa phương như sau: Tại kinh đô Huế do Thái Phiên và Trần Cao Vân chỉ đạo; phụ trách tại Quảng Nam do Phan Thành Tài, Đỗ Tự, Trương Bá Huy, Huỳnh Khâm, Huỳnh Phùng, Lê Văn Bính...; tại Quảng Ngãi do Lê Ngung, Nguyễn Thụy, Phạm Cao Châm...; tại Quảng Trị do Tú Cơ, Khóa Bảo, Khóa Ngô, Đào Duy Chánh...; tại Đà Nẵng do Lâm Nhĩ, Hồ Cẩm Vinh, Lê Tường...; tại Bình Định, Phú Yên giao cho Trần Kỳ Truyện về tổ chức, tại Kon Tum giao cho Phạm Quán về tổ chức, tại Hội An do Lê Đình Dương, Quản Thái...; tại Tam Kỳ do Thảm Tùng Vân, Út Pem, Trần Cang, Trần Văn Ni, Trần Huỳnh...

Quảng Nam và Quảng Ngãi là hai tỉnh chủ lực của cuộc khởi nghĩa.

Đến ngày khởi sự, do âm mưu bị bại lộ từ trước, ở Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và các vùng lân cận, giặc đóng chặt cửa thành, trại lính, ra lệnh giới nghiêm, tước vũ khí lính Việt và cho lính tây đi tuần tiễu canh phòng khắp ngã đường. Lực lượng khởi nghĩa ở các địa phương, theo đúng kế hoạch, đêm ngày 3.5.1916, tụ tập ở các địa điểm sẵn sàng chờ hiệu lệnh. Chờ mãi không thấy lệnh báo hiệu từ kinh đô, đến gần sáng tự giải tán rút lui. Kế hoạch khởi nghĩa đã thất bại. Thực tế là cuộc khởi nghĩa đã không được diễn ra, đều bị thực dân Pháp dập tắt khi chưa bắt đầu, chỉ có một vài nơi của hai tỉnh Quảng Ngãi và Quảng Nam, nhân dân nổi dậy nhưng không đáng kể.

Điểm sáng duy nhất của cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ năm 1916 phải kể đến cuộc nổi dậy của nhân dân phủ Tam Kỳ. Mặc dù không nhận được lệnh khởi nghĩa từ kinh đô Huế,

nhưng các sĩ phu yêu nước phủ Tam Kỳ vẫn quyết tâm nổi dậy đánh Pháp. Nhân dân Tam Kỳ cùng với nghĩa binh đã công phá, chiếm phủ đường, tòa Đại lý.

Tinh thần cách mạng của nhân dân Tam Kỳ rất hăng hái. Sự chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa cũng toàn diện. Tại Tam Kỳ, đội nghĩa binh đã được thành lập. Nhân dân Tam Kỳ bí mật ủng hộ và tham gia nghĩa binh rất đông, đáng chú ý nhất là nhiều công nhân của mỏ vàng Bồng Miêu và đồn điền chè Đức Phú của Pháp đã bỏ nơi làm việc về quê tham gia các đội nghĩa binh. Thời gian này, đội nghĩa binh được trang bị vũ khí tương đối, phần lớn là giáo mác, gươm kiếm, một số ít đội viên sử dụng súng khai hậu hai nòng. Nghĩa binh phủ Tam Kỳ được các tầng lớp nhân dân ủng hộ về lương thực, tài chính, giúp đỡ về hậu cần, trang bị vũ khí..., trong số đó có cả hào phú trong phủ.

Chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa, các thành viên của Việt Nam Quang phục hội ở phủ Tam Kỳ tổ chức cuộc họp bí mật và bầu ra Ban Chỉ huy nghĩa binh Việt Nam Quang phục hội phủ Tam Kỳ, gồm: Trần Huỳnh, Trần Ni, Trần Khuê, Lê Ngạn, Ngô Đối, Trần Chương,... Ban chỉ huy còn vận động được hai đội lính tập ở phủ Tam Kỳ làm nội ứng khi lực lượng nghĩa quân tấn công phủ lý.

Chiều ngày 3.5.1916, các đội nghĩa binh bồm khoảng 650 người đã bí mật tập kết tại căn cứ Gò Chùa (còn gọi là Gò Đò) làm lễ xuất quân, lễ tế cờ Ngũ tinh. Đây là lá cờ Việt Nam Quang phục hội màu đỏ, hình vuông, ở giữa có vòng tròn với 5 ngôi sao màu trắng. Sau lễ tuyên thệ, đoàn nghĩa binh xuất phát hướng về phủ lý Tam Kỳ.

Lê Tiện dẫn một đội nghĩa binh tiến đánh đồn Trà My và cướp được đồn, bọn lính khố xanh sợ hãi tháo chạy vào rừng. Nguyễn Tình chỉ huy một đội nghĩa binh đánh chiếm đồn Thương Chánh Hiệp Hoà.

Trần Huỳnh, Trần Ni và Trầm Tùng Vân (người Minh Hương) chỉ huy một đội nghĩa binh lớn có nhiệm vụ đánh chiếm phủ đường Tam Kỳ và đồn Đại lý Pháp. Nghĩa binh đã chiếm được đồn, phá kho và thu được một số đạn, quần áo và súng. Sáng ngày 4.5.1916, lực lượng khởi nghĩa chiếm đóng phủ lý Tam Kỳ và chung quanh đồn Đại lý.

Nhưng sau đó Pháp phản công. Bị đánh bất ngờ, các nghĩa binh đã dựa vào địa hình, địa vật phản kích quyết liệt, nhưng do tương quan lực lượng của địch mạnh hơn, sau tám giờ làm chủ phủ lý Tam Kỳ, nghĩa binh không chống cự nổi, phải rút lui. Quân địch đã bắt được 31 nghĩa binh trong đó phần lớn là những người lãnh đạo khởi nghĩa tại phủ Tam Kỳ như Trần Huỳnh, Trần Tùng Vân, Lê Ngạn, Ngô Đồi, Trần Khuê, Trần Ni,... và đưa về giam tại nhà lao Hội An chiều ngày 6.5.1916.

Có thể nói, cuộc nổi dậy tại phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, do Việt Nam Quang phục hội lãnh đạo để lại một dấu ấn sâu sắc trong truyền thống mà nhân dân Quảng Nam có quyền tự hào.

Còn về Trần Cao Vân, ông bị bắt cùng với Thái Phiên và vua Duy Tân khi đang trên đường hộ giá nhà vua tham gia khởi nghĩa. Để bảo vệ vua Duy Tân, Thái Phiên và Trần Cao Vân lãnh hết trách nhiệm về mình. Trần Cao Vân và các đồng chí đều bị Pháp kết án tử hình.

*

Từ sự phân tích trên cho thấy vai trò và sứ mệnh lịch sử của Việt Nam Quang phục hội, nhất là vai trò của các sĩ phu yêu nước Trung Kỳ. Cuộc khởi nghĩa năm 1916 nổ ra không phải là tự phát hay do vua Duy Tân chủ trương. Đây là cuộc khởi nghĩa do các sĩ phu yêu nước Trung Kỳ khởi xướng và lãnh đạo, tập hợp dưới danh nghĩa của Việt Nam Quang phục hội. Ảnh hưởng sâu đậm nhất của Trần Cao Vân là chủ trương mời vua Duy Tân tham gia cuộc khởi nghĩa. Sự tham gia của vua Duy Tân là một nét độc đáo thú vị khi bàn về cuộc khởi nghĩa. Song không vì thế mà tính chất cuộc khởi nghĩa bị hiểu sai, không phải là cuộc khởi nghĩa mang phạm trù phong kiến, mà chuyển sang sắc thái tư sản. Đây là thời kỳ phong trào yêu nước chuyển từ phạm trù phong kiến sang phạm trù dân chủ tư sản. Các sĩ phu tiến bộ Trung Kỳ lựa chọn con đường cách mạng dân chủ tư sản và phương pháp vũ trang cách mạng. Nếu thành công, chính phủ quân chủ lập hiến sẽ được thành lập. Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ góp phần làm phong phú thêm các hình thức đấu tranh giành độc lập của dân tộc Việt Nam.

Cuộc khởi nghĩa đã đã thu hút được đông đảo từ vua, quan đến các giới thân hào, thân sĩ, các cấp tư sản, quân nhân, nông dân... đều triệt để tham gia cách mạng. Đáng chú ý là phong trào đã thu hút được một lực lượng quần chúng nhân dân tham gia ủng hộ, như tại Tam Kỳ, quần chúng tham gia nghĩa binh rất đông, quần chúng cũng là lực lượng, đóng góp tiền bạc, lương thực cho nghĩa binh Tam Kỳ và chính quần chúng đã làm nên cuộc nổi dậy lịch sử tại phủ Tam Kỳ năm 1916.

Qua chí sĩ Trần Cao Vân - một người con ưu tú của đất Quảng, chúng tôi muốn khẳng định vai trò khởi xướng và lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước trong cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ năm 1916. Nhờ tinh thần cách mạng sôi nổi của các sĩ phu, Trung Kỳ (tiêu biểu là hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi) đã có cuộc khởi nghĩa đáng tự hào trong lịch sử đấu tranh của dân tộc.

Cuộc khởi nghĩa tuy không thành công nhưng khẳng định ý chí đấu tranh liên tục của dân tộc Việt Nam, tô đậm thêm tinh thần đấu tranh kiên cường, không cam chịu thân phận mất nước. Đồng thời, cuộc khởi nghĩa báo hiệu sẽ có một đường lối cứu nước mới, không phải là đường lối cứu nước theo phong kiến hay tư sản, mà phải là đường lối cách mạng vô sản./.

PTV

THÁI PHIÊN - TRẦN CAO VÂN, NHÀ LÃNH TỤ TRỌNG YẾU CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI NĂM 1916

ThS. NGUYỄN VĂN BẢO*

Thái Phiên, Trần Cao Vân người có nhiều đóng góp to lớn trong phong trào đấu tranh yêu nước ở Việt Nam nói chung và Trung Kỳ nói riêng vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Đặc biệt, với cương vị người thủ lĩnh Thái Phiên, Trần Cao Vân đã lãnh đạo tổ chức Việt Nam Quang phục hội tại Trung Kỳ tổ chức nhiều hoạt động đánh đuổi thực dân, nổi bật là cuộc khởi nghĩa năm 1916. Mặc dù, không thành công nhưng sự kiện trên đã có tiếng vang lớn đối với phong trào đấu tranh yêu nước trên cả nước và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về con đường cứu nước và phương pháp tổ chức đấu tranh. Đến nay, lịch sử đã lùi xa 100 năm kể từ khi cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội (1916-2016) diễn ra, nhưng nhiều vấn đề về cuộc khởi nghĩa vẫn cần phải tiếp tục nghiên cứu. Nhân kỷ niệm 100 năm ngày mất của 2 nhà yêu nước Thái Phiên, Trần Cao Vân chúng tôi xin góp thêm một số tư liệu, tìm hiểu về đóng góp của hai ông đối với phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và đặc biệt là với cương vị người lãnh đạo của cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916.

1. Vài nét về hoạt động Thái Phiên, Trần Cao Vân trước khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916.

Thái Phiên sinh năm Nhâm Ngọ (1882) là con thứ tư và là con trai duy nhất của cụ Thái Duy Tân và bà Lê Thị Lý. Tổ tiên của ông có nguồn gốc từ Bình Định, nhưng trong cơn binh lửa giữa anh em Tây Sơn và chúa Nguyễn, nội tổ đã di thiên lập nghiệp tại làng Nghi

* Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

An, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam (nay là Khối Nghi An, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng). Ông có các biệt hiệu như: Nam Thanh, Cô Đà, Hoàng Anh, Nam Xương. Là người có tư chất thông minh, chăm học: *“Lúc nhỏ ông theo học với người bạn của thân phụ mình là ông Phan Chí Học một nhà Nho trong làng, sau cho xuống Đà Nẵng học tiếng Pháp rồi cưới vợ (bà Trịnh Thị Thuận). Gặp kì thi kỳ lục Thương Chánh (do Pháp mở) Thái Phiên thi đậu, được cử đi trông coi làm đường tạn Hiệp Hòa (Tam Kỳ). Tại đây ông quen biết viên thầu khoán người Pháp tên là Le Roy. Tuy được yêu mến, quý trọng; nhưng việc đi làm cho người Pháp không phải là sở nguyện của ông... Thái Phiên bèn xin thôi việc trở về quê”*¹.

Với tố chất thông minh giỏi giang ngay từ sớm Thái Phiên đã bộc lộ tinh thần yêu nước, ông thường nói với bạn bè *“Quốc sĩ ngô thân sĩ, quốc nhục ngô thân nhục”* (Nước hổ thì thân ta hổ, nước nhục thì thân ta nhục)². Chính vì vậy, ông đã từ bỏ chốn *“quan trường”*, không chịu phục tùng cho thực dân Pháp và bắt đầu dần thân vào còn đường đấu tranh, đánh đuổi thực dân với nhiều hoạt động tiêu biểu. Lúc bấy giờ, tên chủ kho bạc Đà Nẵng Gravelle dựa vào một nghị định ký năm 1899 cho phép công nhân điền (đất bỏ hoang) ở Trung Kỳ để tạo điều kiện cho Pháp và triều Nguyễn xây dựng đồn điền, thì Thái Phiên đã tổ chức nhân dân làm đơn kiện chống lại chính quyền thực dân và buộc Gravelle phải trả đất cho dân.

Sau sự kiện đấu tranh đòi thực dân trả lại đất cho dân, năm 1903, Thái Phiên bắt đầu hoạt động cho phong trào Đông du do Phan Bội Châu thành lập. Ông nhờ một người hoa kiều là Lý Bình Quân ở Đà Nẵng ra Nghệ An chuyển thư và tiền đóng góp của ông cho Phan Bội Châu. Người hoa kiều này bị Pháp bắt, việc vỡ lở, ông bị Pháp bắt giam tại nhà lao Hội An. Nhờ sự bảo lãnh của thầu khoán Le Roy, công sứ tỉnh Quảng Nam ông mới được thả.

¹ Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam đất nước & Nhân vật*, NXB. VHNT, 2001, tr 585.

² Nguyễn Phước Tương, *Xứ Quảng vùng đất và con người*, NXB. Hồng Đức, Hội Khoa học Lịch sử thành phố Đà Nẵng, 2013, tr 517.

Tiếp sau đó với tháng 5.1905, Thái Phiên cùng với Tiểu La Nguyễn Thành, Đỗ Đăng Tuyển tham gia thành lập Duy tân hội và trở thành yếu nhân của Duy tân hội ở Quảng Nam với nhiều hoạt động tích cực và được Phan Bội Châu tin cậy và trở thành thành phần chủ yếu của phái Duy tân.

Năm 1911 cuộc Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc thành công đã tác động mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh của nhân dân. Trước tình hình đó Phan Bội Châu và các thành viên trong Duy tân hội, nhận thấy cách mạng phải chuyển sang khuynh hướng bạo động. Năm 1912, Phan Bội Châu cho triệu tập cuộc họp tại Quảng Đông (Trung Quốc) và tuyên bố giải thể Duy tân hội, thành lập tổ chức Việt Nam Quang phục hội. Như vậy, có thể thấy Thái Phiên đã trở thành yếu nhân quan trọng có mặt ngay từ đầu khi tổ chức Việt Nam Quang phục hội được thành lập. Sau khi hội được thành lập đã liên lạc với các nhà yêu nước như Tú tài Lê Ngung, Trần Cao Vân và tổ chức cơ sở Việt Nam Quang phục hội tại Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định nhằm chuẩn bị đánh Pháp khi có thời cơ.

Trần Cao Vân tên thật là Trần Công Thọ, ông sinh năm 1866 tại quê làng Tư Phú, tổng Đa Hòa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Điện Thọ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Ông có nhiều tên khác nhau, khi đi thi ông lấy tên là Trần Cao Đệ, đến lúc ông vào chùa thì lấy pháp danh là Như Ý, biệt hiệu Hồng Việt, Chánh Minh, Bạch Sĩ. Trong thời gian ông hoạt động chống Pháp thì đổi tên là Trần Cao Vân. Sinh thời, ông là người thông minh, hiếu học và nuôi chí lớn trong con đường khoa cử. Tuy nhiên, năm 1882 khi triều đình tổ chức thi thì ông bị ốm nặng, không tham dự kỳ thi được. Trước những biến cố của đất nước đặc biệt là phong trào Cần vương diễn ra sôi nổi đã tác động sâu sắc tới tư tưởng và nhận thức, ông cảm thấy: *“cái mộng cử nghiệp dù đạt thành cũng chả làm gì! Cái danh vọng ông cống, ông nghè dù có được, cũng không thiết thực đối với thời thế hiện tại”*³. Từ đó, ông quyết định từ bỏ nghiệp khoa cử và bắt đầu dấn thân vào con đường đấu tranh giành độc lập cho dân tộc.

³ Hành Sơn, *Cụ Trần Cao Vân*, Minh Tân xuất bản, tr 18.

Năm 1886, ông đi tu ở chùa Cổ Lâm (thuộc huyện Đại Lộc), mà thực chất là chính thức tham gia vào phong trào đấu tranh yêu nước nhằm mục đích giao lưu với bạn bè đồng chí hướng. Tuy nhiên, vào thời gian này cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Duy Hiệu⁴ thất bại, các tổ chức công khai và bí mật có quan hệ trực tiếp và gián tiếp với Nghĩa Hội đều bị truy lùng rất gắt gao, chùa Cổ Lâm bị khám xét. Chính vì vậy, Trần Cao Vân phải rời chùa Cổ Lâm về làng Đại Giang mở trường dạy học và tiếp tục nung nấu chí lớn đấu tranh.

Năm 1892, Trần Cao Vân quyết định rời quê hương Quảng Nam và chọn Bình Định là địa bàn hoạt động, đây cũng là bước đánh dấu quan trọng trong cuộc đời hoạt động của ông, chính từ đây ông đã trưởng thành và có nhiều đóng góp cho phong trào yêu nước. Tại Bình Định bằng uy tín của mình ông đã thuyết phục được nhiều đồng chí cùng tham gia hoạt động và liên kết được với nhiều người có cùng chí hướng.

Năm 1898⁵(?), Trần Cao Vân tham gia phong trào bạo động chống lại chế độ Bảo hộ Pháp cùng với Võ Trứ⁶. Vào thời gian này ở Phú Yên liên tục bị mất mùa, dân đói khổ lại bị hào lý, cường quyền thúc thuế, đánh đập gông cùm, tịch biên tài sản để trừ thuế nên nhân dân rất phẫn uất. Võ Trứ mới nhận cơ hội này lãnh đạo dân chúng bạo động⁷. Nhưng tư tưởng nóng vội Võ Trứ muốn sử dụng yếu tố bất ngờ, tiến hành bạo lực để giành thắng lợi. Tuy nhiên, Trần Cao Vân chủ trương không vội vàng dùng bạo động mà phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về mọi mặt như: góp tiền rèn đúc khí giới, tích trữ lương thực, tìm địa thế núi rừng hiểm trở để làm nơi thoái thủ, chờ cơ hội phát

⁴ Nguyễn Duy Hiệu (1847-1887), quê tại làng Thanh Hà, huyện Duyên Phúc (nay là xã Cẩm Hà, thị xã Hội An), tỉnh Quảng Nam. Ông là chí sĩ yêu nước, lãnh tụ trong phong trào Cần vương ở Quảng Nam.

⁵ Theo tác giả: Nguyễn Văn Giác, Trần Minh Đức, *Trao đổi xung quanh nhân vật lịch sử Trần Cao Vân trên Tạp chí Xưa và Nay* số 5 năm 2016, trang 28: thì cuộc khởi nghĩa của Võ Trứ phải diễn ra vào năm 1900 chứ không phải là năm 1898 như một số tài liệu đã công bố.

⁶ Võ Trứ: còn có tên là Võ Văn Trứ, Nguyễn Trứ (1852 - 1898), sinh ra tại làng Nhơn Ân, xã Phúc Thuận, tổng Kỳ Sơn, phủ Tuy Phước, tỉnh Bình Định (nay là thôn Nhơn Ân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định). Ông là Nho sĩ, nhà sư và là lãnh tụ cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp năm 1898 tại Phú Yên.

⁷ Sơn Bình, Chí Sĩ Trần Cao Vân, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 4 năm 2016, tr 22.

khởi một cuộc bạo động bất ngờ khiến kẻ thù không kịp trở tay. Nhưng với tâm lý nóng vội nhân lúc nhân dân Phú Yên bị mất mùa, sưu thuế cao Võ Trứ đã phát động cuộc bạo động, phong trào nhanh chóng bị thất bại. Võ Trứ bị bắt giam, sau đó Pháp tìm mọi cách để mua chuộc ông nhưng không được nên đã đem ông đi xử chém (1898). Còn Trần Cao Vân bị xử tù. Nhưng mới ra tù ông đã nhanh chóng bắt liên lạc với các nhà yêu nước và diễn thuyết “*Trung Thiên dịch*”, ở các tỉnh Bình Định và Phú Yên được khá đông người tin theo. Tuy nhiên, lo sợ trước ảnh hưởng của ông, chính quyền thực dân đã cho bắt ông cùng với một số môn đồ và ông bị kết án với tội danh xúi nhủ nhân dân phản loạn. Ông bị chính quyền thực dân giam cho đến năm 1907 mới được thả tự do.

Sau khi ra tù, không từ bỏ chí hướng Trần Cao Vân trở về tiếp tục con đường đấu tranh giành độc lập, ông liên hệ với những người cùng chí hướng và tiếp tục hoạt động sôi nổi. Năm 1908, ông tham gia phong trào Chống sưu thuế, khởi đầu là tỉnh Quảng Nam và tiếp tục lan rộng tới các tỉnh Trung Kỳ như: Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Thừa Thiên, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An,... Phong trào đã gây tiếng vang lớn, là một trong những sự kiện nổi bật của phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XX. Trước những ảnh hưởng lớn của phong trào chống thuế, chính quyền thực dân đã tìm mọi cách để đàn áp phong trào và bắt giam các nhà yêu nước trong phong trào Duy tân như: Trần Quý Cáp, Châu Thor Đồng, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Thúc Duyện, Lê Bá Trinh, Châu Thượng Văn,... và Trần Cao Vân lại tiếp tục một lần nữa bị thực dân bắt, lần này ông bị đày ra nhà tù Côn Đảo cùng với các chí sĩ yêu nước khác của đất Quảng Nam. Nhờ sự vận động của các môn đồ và những người ở triều đình Huế nên đến năm 1914 thì Trần Cao Vân được ân xá trở về. Sau khi được ra khỏi tù Trần Cao Vân tiếp tục liên lạc với những người yêu nước tham gia hoạt động cho Hội Việt Nam Quang phục và xúc tiến chuẩn bị mọi điều kiện cho cuộc khởi nghĩa.

2. Vai trò của Thái Phiên - Trần Cao Vân trong khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916

Năm 1908, phong trào chống thuế của nhân dân Trung Kỳ bị

thực dân Pháp đàn áp, nhiều đồng chí bị bắt tù như: Tiểu La, Nguyễn Thành (1863-1911), Đỗ Đăng Tuyển (1856-1911), trong đó có cả Trần Cao Vân dẫn đến phong trào đấu tranh tạm thời lắng xuống. Tuy nhiên, lòng yêu nước căm thù giặc vẫn nung nấu trong lòng các sĩ phu yêu nước và chờ đợi thời cơ để vận động nhân dân đánh Pháp.

Năm 1912, Phan Bội Châu đã giải thể phong trào Đông du và thành lập tổ chức Việt Nam Quang phục hội tại Quảng Đông (Trung Quốc), đưa người về nước vận động hưởng ứng. Lâm Quảng Trung được cử về Trung Kỳ vận động tài chính, phổ biến chương trình hành động, tuyên ngôn của hội và xây dựng tổ chức. Tại đây, ông đã được đông đảo các nhân sĩ yêu nước quanh vùng hưởng ứng gia nhập tổ chức như: Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung và Nguyễn Thụy,... Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội tại Trung Kỳ được thành lập gồm các tỉnh từ Quảng Bình đến Bình Định và hoạt động chủ yếu là ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Đến tháng 4.1913, Nguyễn Công Mậu và Võ Hàng được cử sang Quảng Đông bắt liên lạc với chi nhánh của Việt Nam Quang phục hội và không bao lâu Nguyễn Công Mậu và Bùi Phụ Thiệu lại sang Thái Lan để tìm gặp những chí sĩ của Hội Việt Nam Quang phục. Sau những lần tiếp xúc nói trên những người lãnh đạo của Việt Nam Quang phục hội thấy tổ chức đã suy yếu, không còn khả năng lãnh đạo phong trào nên quyết định hoạt động độc lập⁸ và chuẩn bị mọi điều kiện để đánh Pháp khi thời cơ xuất hiện.

Năm 1914, cuộc Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất (1914-1918) bùng nổ, thực dân Pháp tham chiến và ngày càng lấn sâu vào cuộc chiến tranh. Lợi dụng thời cơ Pháp đang phải tập chung mọi nhân lực cho các chiến trường trên thế giới, chính vì vậy phong trào đấu tranh của nhân dân trong nước cũng có điều kiện hoạt động mạnh mẽ. Lúc này Trần Cao Vân và các đồng chí trong phong trào Duy tân hội bị đày tại Lao Bảo và Côn Đảo đều được Pháp thả về và đều tập hợp dưới tổ chức Việt Nam Quang phục hội tại Trung Kỳ.

Năm 1915, đại biểu hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi hội bàn

⁸ Tạ Thị Thúy (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam tập 7 từ 1897 đến 1918*, NXB. KHXH, Hà Nội, năm 2013, tr 544.

tại Đà Nẵng để nghe Nguyễn Công Mậu và Bùi Phụ Thiệu báo cáo kết quả chuyến đi Thái Lan và bàn các công việc sắp tới. Vào thời điểm này cũng là lúc Đức và Pháp ngày càng sa lầy trên chiến trường, Lê Ngung và các sĩ phu yêu nước nôn nóng tiến hành bạo động. Tuy nhiên, nhận thấy thời cơ chưa đến nên Thái Phiên đã khuyên Lê Ngung nên bình tĩnh chờ đón thời cơ. Hội nghị cũng đã thống nhất chủ trương gấp rút chuẩn bị các điều kiện về nhân lực, vật lực khi thời cơ đến và giao cho Thái Phiên và Trần Cao Vân tìm mọi cách để vận động vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa⁹.

Không khí chuẩn bị khởi nghĩa nhộn nhịp ở Trung Kỳ, nhiều nơi đã tập hợp nghĩa binh, rèn vũ khí, tích trữ quân nhu, quyên góp tiền, một số căn cứ được tập chung xây dựng ở vùng rừng núi Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, mở đường thông sang Lào. Biết tin vào khoảng tháng 5.1916, Pháp sẽ đưa 2.500 lính từ Huế đáp tàu sang châu Âu. Trước tình hình chuyển biến tích cực có lợi cho phong trào Kỳ bộ Hội Việt Nam Quang phục tổ chức họp tại làng Xuân Yên (Bình Sơn, Quảng Ngãi) để chuẩn bị cho công tác khởi nghĩa.

Đại hội đã quyết định nhiều vấn đề quan trọng như sau khi khởi nghĩa thành công sẽ thành lập bộ máy chính quyền gồm: Một cơ quan lập pháp lấy tên là “*Viện nhân dân đại biểu*” và một Chính phủ gọi là “*Viện hành chính trung ương*”, Trần Cao Vân giữ vai trò cố vấn Chính phủ, bên dưới nữa là các kinh nha, đứng đầu nhà nước mới sẽ là một tổng thống. Hội nghị cũng quyết định chọn Quốc hiệu, Quốc kỳ và thủ đô đặt tại Quy Nhơn và chủ trương khởi nghĩa diễn ra đồng loạt đầu tiên là ở Huế và các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị. Hội nghị quyết định bầu ra Ban chỉ huy chung cho cuộc khởi nghĩa gồm: Thái Phiên, Trần Cao Vân, Nguyễn Thụy. Quyết định theo ý vua Duy Tân là cuộc khởi nghĩa sẽ cử hành vào giờ Tý ngày 3 tháng 4 (ngày 4.5.1916)¹⁰, các công việc được phân công cụ thể ở từng địa phương như sau:

⁹ *Lịch sử Việt Nam tập 7 từ 1897 đến 1918*, Sdd, tr 546-148.

¹⁰ Theo tác giả: Nguyễn Văn Giác, Trần Minh Đức, *Trao đổi xung quanh nhân vật lịch sử Trần Cao Vân trên Tạp chí Xưa & Nay* số 5, 2016, trang 30. Trên cơ sở các nguồn tư liệu mà tác giả có được 2 tác giả này đều khẳng định thời điểm diễn ra khởi nghĩa là đêm ngày 3 rạng ngày 4 tháng 5 năm 1916, và bác bỏ các nguồn tư liệu trước đây là đêm ngày 1 rạng sáng ngày 2 tháng 4 (tức là ngày 3.5.1916).

Tại kinh đô Huế Thái Phiên và Trần Cao Vân được giao trực tiếp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa, theo kế hoạch đúng 1 giờ sáng, quân khởi nghĩa sẽ đốt lửa trại trên đồi Thiên Mục để báo hiệu cho các cánh quân đồng loạt nổi dậy. Lính lệ ở Trường Thi sẽ hợp với quân sĩ quan người Đức đánh chiếm đồn Mang Cá, tiến hành đánh chiếm Tòa Khâm sứ và trụ sở các bộ, còn tại kinh thành 1 giờ sáng ngày 4.5.1916 sẽ bắn súng thần công và đốt lửa trên đỉnh đèo Hải Vân báo hiệu.

Tại Quảng Ngãi: Lê Ngung, Phạm Cao Chảm, Nguyễn Công Phương, Nguyễn Suy....

Quảng Trị: Lãnh đạo là các nhân vật như Tú Cơ, Khóa Bảo, Duy Chánh, Quán Thiệu...

Đà Nẵng: Lâm Nhĩ, Lê Tư, Hồ Cẩm Vinh, Trần Ngọc Đạm...

Tại Quảng Nam hoạt động sôi nổi là ở Tam Kỳ, kế hoạch khởi nghĩa được phân công cho các ông như: Phạm Hoanh, Trần Cang, Đỗ Tự, Lê Văn Bính, Lâm Nhĩ, Trần Ngọc Đạm,...

Ngoài các địa phương trên cuộc khởi nghĩa còn được sự hỗ trợ từ các tỉnh lân cận như Bình Định, Kom Tum...

Đúng như kế hoạch ngày 10.5.1916, Pháp đưa 2.500 lính mộ ở Huế đáp tàu sang Châu Âu. Thái Phiên và Trần Cao Vân quyết định khởi nghĩa diễn ra vào đêm ngày 2 rạng sáng ngày 3 tháng 4 (tức ngày 4.5.1916), mọi công việc chuẩn bị cho khởi nghĩa ở các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi đều sẵn sàng. Ngoài ra các tỉnh như Bình Định, Phú Yên, Kom Tum,... đều xin hưởng ứng, mọi công việc đều được chuẩn bị một cách kỹ lưỡng và bí mật.

Tuy nhiên, trước cuộc khởi nghĩa thì thông tin đã bị bại lộ do viên khố xanh tên Võ Cư¹¹ (có tài liệu viết là Võ An), thành viên của Hội Việt Nam Quang phục đóng đồn tại Quảng Ngãi và bị đổi đi Đức Phổ. Trước khi đi, ông có đến từ biệt người em là Võ Trung (có tài liệu viết là Võ Huệ) và khuyên người em ngày 2.5 nên lánh xa nhiệm

¹¹ Võ Cư: quê tại làng Long Phụng, phủ Tư Nghĩa, Quảng Ngãi.

sở vì có biển. Nghe theo anh, ngày 2.5.1916, Võ Trung xin phép viên An sát Phạm Liệu về thăm nhà, Phạm Liệu nghe phong phanh về phong trào cách mạng nên sinh nghi, gượng hỏi Võ Trung, do bị dồn ép ông đã khai những gì nghe được từ Võ Cư. Ngay sau đó Võ Cư bị bắt, do không chịu được tra khảo ông đã để lộ nhiều thông tin của cuộc khởi nghĩa. Ngay lập tức, thực dân Pháp có kế hoạch đối phó, ban bố lệnh giới nghiêm phòng mật.

Theo kế hoạch khoảng 11 giờ đêm ngày 3.5.1916, vua Duy Tân cải trang thành thường dân và Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu hộ vệ ra khỏi Hoàng Thành đến bến Thương Bạc thì có sẵn thuyền của Trần Cao Vân và Thái Phiên đón, ngay sau khi rước vua xuống thuyền thì gặp Trần Quang Trứ (còn gọi là Phán Trứ), thành viên của tổ chức cách mạng đang làm việc tại Tòa Công sứ Thừa Thiên. Đến 3 giờ sáng vẫn không thấy hiệu lệnh đã định, biết tin đại sự không thành. Trần Cao Vân, Thái Phiên vội vã đưa vua Duy Tân đến một ngôi chùa bên núi Ngũ Phong. Nhưng thực dân Pháp đã nhanh chóng lần theo dấu vết và đến vây chặt ngôi chùa, toàn bộ đoàn tùy tùng đều bị bắt giam. Vua Duy Tân vì cương quyết không về triều nên bị đưa về quản thúc tại đồn Mang Cá. Thái Phiên, Trần Cao Vân, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu bị giải về Huế chờ xét xử.

Về lực lượng khởi nghĩa ở các địa phương theo đúng kế hoạch đêm ngày 3.5 đã sẵn sàng chờ tín hiệu nổi dậy. Nhưng chờ mãi không thấy hiệu lệnh từ kinh đô, đến gần sáng thì rút lui. Chỉ có ở phủ Tam Kỳ (Quảng Nam), đêm hôm đó dân chúng kéo nhau bao vây đồn trại và trị sở phủ, bắt tri phủ Tạ Phúc Xuyên, nhưng ngay sáng hôm sau do chính quyền bảo hộ khủng bố nên phong trào nhanh chóng bị dập tắt, cùng với đó là nhiều yếu nhân của cuộc khởi nghĩa ở khắp Trung Kỳ đã nhanh chóng bị chính quyền thực dân đàn áp và bắt bớ cầm tù. Những người lãnh đạo như: Lê Ngung, Cử Suy, Lê Đình Dương, Trần Công Chương, Trương Bá Huy, Đỗ Tự,... đều bị chính quyền thực dân xử chém hoặc xử lưu đày. Đối với Thái Phiên và Trần Cao Vân để giảm tội cho vua Duy Tân, tại phiên tòa trước Khâm sứ Charles, Đồng lý văn phòng Khâm sứ Le Font và các quan Nam triều hai ông đã nhận hết mọi tội về mình, hai ông đã bị chính quyền thực

dân kết cho tội xử trảm và vua Duy Tân thì bị kết án với tội danh “*Vong sinh sàm ngôn, khuynh nguy xã tắc*” (nghe theo lời duy nịnh làm cho xã tắc khuynh nguy), và bị thực dân Pháp đày sang đảo Réunion. Cuộc khởi nghĩa thất bại và bị thực dân chìm trong bể máu, tuy nhiên phong trào yêu nước ở Trung Kỳ đã thể hiện tinh thần bất khuất, quật khởi của nhân dân và để lại tiếng vang lớn đối với phong trào đấu tranh yêu nước trên cả nước.

3. Một vài nhận xét

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở nước ta diễn ra một phong trào yêu nước sôi nổi được tập hợp dưới nhiều hình thức, đặc biệt là sau khi triều đình phong kiến nước ta ký với Pháp hiệp ước Harmand năm 1883 và Patenôtre năm 1884, thì phong trào đấu tranh của các sĩ phu yêu nước và các tầng lớp nhân dân càng diễn ra mạnh mẽ. Nổi bật của thời kỳ này là phong trào đấu tranh của nhân dân miền trung đã tập hợp được đông đảo quần chúng, các tầng lớp xã hội khác nhau cùng tham gia, dưới lá cờ của tổ chức Việt Nam Quang phục hội.

Đến nay, việc nghiên cứu tìm hiểu về những đóng góp của hai nhà yêu nước Thái Phiên và Trần Cao Vân có nhiều vấn đề đã được làm rõ và các nhà nghiên cứu đều ghi nhận những đóng góp to lớn của hai ông đối với phong trào cách mạng nước ta. Tuy nhiên, cũng còn có những vấn đề đang được tranh luận để làm sáng tỏ hơn như thời gian Trần Cao Vân tham gia tổ chức Việt Nam Quang phục hội hay vai trò của ông như thế nào trong cuộc khởi nghĩa năm 1916... Nhưng thiết nghĩ chúng ta khi đánh giá về các nhân vật lịch sử Việt Nam nói chung và 2 hai nhà yêu nước Thái Phiên, Trần Cao Vân chúng ta cần phải đánh giá nhìn nhận trên một diện rộng hơn về không gian và thời gian, để chúng ta có được một cái nhìn trung thực và khách quan và toàn diện hơn.

Đối với cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội, Thái Phiên là yếu nhân của Duy tân hội, sau khi Phan Bội Châu giải thể Duy tân hội, thành lập Việt Nam Quang phục hội (1912), Thái Phiên có vai trò quan trọng ban đầu trong việc giữ liên lạc, vận động lực lượng cách mạng cho cuộc khởi nghĩa. Thái Phiên là thủ lĩnh đầu tiên của Việt

Nam Quang phục hội tại Quảng Nam và là người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa. Đối với Trần Cao Vân sau khi được thực dân trả tự do, ông đã nhanh chóng bắt liên lạc lại được với tổ chức Việt Nam Quang phục hội và trở thành người lãnh đạo chủ chốt của cuộc khởi nghĩa cùng với Thái Phiên. Vai trò của Trần Cao Vân được biểu hiện rõ nhất là từ khi tổ chức giao cho ông nhiệm vụ cùng với Thái Phiên vận động vua Duy Tân tham gia tổ chức và lãnh đạo tổ chức cuộc khởi nghĩa năm 1916.

Cuộc khởi nghĩa do tổ chức Việt Nam Quang phục hội cũng như nhiều phong trào đấu tranh yêu nước ở nước ta cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đều thất bại, tuy nhiên, đã góp một phần quan trọng cổ vũ phong trào đấu tranh trên cả nước, đồng thời thể hiện tinh thần bất khuất quật cường của dân tộc, tô thêm một trang sử hào hùng về lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân ta. Cuộc đời của hai nhà yêu nước kết thúc quá ngắn Thái Phiên (34 tuổi) và Trần Cao Vân (50 tuổi), nhưng hai ông đã dành trọn cả cuộc đời cho phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc đến hơi thở cuối cùng./.

NVB

TRẦN CAO VÂN VÀ ÂM VANG HÀO KHÍ VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI

ThS. NGUYỄN THỊ QUẾ*

Lịch sử Việt Nam nổi bật với nhiều cuộc đấu tranh, các phong trào yêu nước diễn ra liên tục, có thành công, có thất bại nhưng đều để lại những dấu ấn khó phai mờ; lưu danh các tên tuổi của những người xả thân vì dân tộc. Năm 1916, cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội nổ ra sau đó thất bại (do kế hoạch bị bại lộ), nhiều người con ưu tú bị bắt, bị tra tấn, hành quyết dã man... song vẫn giữ được khí tiết, phẩm chất kiên trinh của mình. Kẻ thù cướp đi mạng sống của họ nhưng không thể cướp đi nhuệ khí, tinh thần đấu tranh bất diệt mà họ tạo nên. Trong số đó, chúng ta không thể không nhắc đến Trần Cao Vân - là một trong những người “cầm đầu” âm mưu khởi nghĩa tại Trung Việt, do Việt Nam Quang phục hội chủ xướng. Vì vậy, sự ra đi của nhân sĩ yêu nước Trần Cao Vân sẽ là sự bất tử, ông và âm vang của hào khí khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội trong tương lai của đất nước vẫn sống dậy. Đó là lý do để chúng tôi hướng tới tham luận này *Trần Cao Vân và âm vang hào khí Việt Nam Quang phục hội*.

Con người và khí phách Trần Cao Vân

Làng Tư Phú, tổng Đa Hòa, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam là một trong mười một làng thuộc khu đất “Gò Nổi”, một khu đất sản sinh ra nhiều bậc anh tài, những người con trung kiên của xứ sở như Phạm Phú Thứ, Hoàng Diệu, v.v... trong đó có nhà cách mạng Trần Cao Vân (tên thật là Trần Công Thọ) sinh năm Bính Dần (1866) với biệt hiệu là Hồng Việt và Chánh Minh, biệt danh là Bạch Sĩ. Năm 21 tuổi, ông bắt đầu ly hương cho đến ngày từ giã cuộc đời, *ông đã trải qua nhiều giai đoạn: từ một nho sĩ, một đạo sĩ rồi đến một nhà cách mạng, ông sống một cuộc đời thanh đạm. Luôn luôn ông mặc một cái*

* Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa.

áo vải ta nhuộm màu xanh chàm, bịt khăn nhiễu thâm, đội chiếc nón lá, ngoài ra không có thêm một trang phẩm nào cả. Tuy là một nhà cách mạng, nhưng Trần Cao Vân rất nổi tiếng về văn chương thi phú. Lúc thiếu thời, khi còn là một thư sinh. Ông tỏ ra xuất sắc nhất¹. Có giai thoại kể rằng: Có lần vào lúc tháng mười âm lịch. Cao Vân đến nghe giảng sách ở nhà cụ Cử. Sau buổi giảng sách xong, có người láng giềng đưa đến biếu bà cụ một mớ hành hương để làm giống. Bà cụ bảo: Hành này còn non mà tàn sớm e giống không mạnh (không là do tiếng không đọc trại ra, tiếng nói địa phương Quảng Nam, ngay tại miền Nam tiếng không ở miền quê vẫn đọc là “hổng” hay “khổng”. Cũng như: Tôi hổng biết hay Tôi không biết nó đi đâu mất rồi). Cụ Cử nghe câu nói hay hay, liền lấy ý ấy ra câu đối cho học trò làm: “Hành tàn giống khổng mạnh”. Câu đối này có hai nghĩa:

1- Nghĩa đen: Giống hành hay tàn không tốt

2- Nghĩa bóng: Lúc tiến lúc thoái đều theo đạo Khổng Mạnh

(Hành tàn đồng âm với Hành tàng, tức hành động và đi ở ẩn - Khổng mạnh đồng âm với Khổng Mạnh, tức Khổng Tử và Mạnh tử trong nho giáo).

Nghe xong Trần Cao Vân ứng khẩu đối lại: “Cải hóa con càng khôn”.

Câu đối này có hai nghĩa:

1- Nghĩa đen: Rau cải nảy nở càng tốt (vì cải con “hoá” tức là nảy nở lên, “càng khôn”, tức là càng tốt).

2. Nghĩa bóng: Làm người cần phải biết thay đổi, cách mạng để tiến hóa theo biến dịch của vạn vật (Cải hóa: thay đổi, tiến hóa, càng khôn, đồng nghĩa với càng khôn. Theo lối đối miện (ứng khẩu) ngày trước các cụ thường dùng cách mượn âm).

Cụ cử và các môn đệ đều tán thưởng tài của Cao Vân không ngớt lời. Chẳng mấy lúc mà câu đối trên được truyền tụng khắp các vùng Bình Định, Quảng Nam².

¹ <http://www.thivien.net>.

² <http://www.thivien.net>.

Trần Cao Vân cũng奔走 nhiều nơi, tham dự nhiều sự kiện của dân tộc (tham dự lễ tang của Hoàng Diệu), kết giao với nhiều người, làm nhiều việc để mưu sinh, hoạt động...

Vào khoảng tháng 9 năm 1915, Trần Cao Vân được Việt Nam Quang phục hội ủy nhiệm cùng đồng chí là Thái Phiên tiếp xúc với vua Duy Tân để mời nhà vua tham gia cuộc khởi nghĩa chống Pháp. Trải qua nhiều sự chuẩn bị, sắp xếp quyết định quan trọng cho cuộc khởi nghĩa đã nung nấu bấy nay cho sự nghiệp *Khôi phục Việt Nam, kiến lập Việt Nam Dân Quốc* theo tôn chỉ của Hội.

Tháng 3 năm 1916, Trần Cao Vân và Thái Phiên toan khởi nghĩa ở Huế và Quảng Nam sau khi liên lạc được với Duy Tân hầu đưa nhà vua ra quân khu dựng cờ chống Pháp. Trần Cao Vân đã làm bài thơ *Hỏa xa Huế - Hàn* để ra hiệu lệnh mật cho các nơi:

*Một nỗi xa thơ đã biết chưa?
Bắc Nam hai ngã gặp nhau vừa,
Đường rầy đã sẵn thang mây bước.
Ổng khói càng cao ngọn gió đưa.
Sầm dậy tứ bề trăm máy chuyển,
Phút thâm muôn dặm nửa giờ trưa
Trời sai ra dọn xong từ đây,
Một mối xa thơ đã biết chưa?*

Mượn lời thơ để bộc lộ nỗi lòng, kế hoạch của mình, của tổ chức nhằm liên kết anh em mọi nơi đứng lên và cũng tung ra mật hiệu *Ổng khói càng cao ngọn gió đưa* một cách hợp lý với thời gian *Phút thâm muôn dặm nửa giờ trưa*, coi đó là sứ mệnh thiêng liêng được giao phó *Trời sai ra dọn xong từ đây*. Mở đầu, kết thúc lặp lại câu hỏi day dứt, một sự giục giã nhanh chóng hành động và phải chăng cũng chứa đựng những nỗi lo thầm của Trần Cao Vân. Chỉ những con người có tầm tư tưởng, có tâm cứu nước an dân mới có thể xuất nên những lời thơ vừa tha thiết, sâu kín vừa hối thúc đến như vậy!

Mưu việc lớn của Việt Nam Quang phục hội bị bại lộ; tháng 5 năm 1916, Trần Cao Vân, Thái Phiên, vua Duy Tân bị bắt và giam tại

nhà lao Huế. Trước ngày ra pháp trường lên đoạn đầu đài đền nợ non sông, Trần Cao Vân có làm hai bài thơ tuyệt mệnh với tiêu đề: *Tuyệt mệnh thi* và *Vịnh Tam tài*. Qua *Tuyệt mệnh thi*, Trần Cao Vân đã thể hiện được tiết tháo của mình là người mà uy vũ bất năng khuất; không chỉ vậy, ông còn coi sự nghiệp của kẻ sĩ, của những người anh hùng là thành bại xá gì, bởi đó là vận mệnh đã có trời xanh và lịch sử giám minh:

*Anh hùng đề cục hưu thành bại,
Công luận thiên thu phó sử truyền!*

Tạm dịch:

*Anh hùng thành bại xá gì,
Nghìn thu lịch sử còn ghi lại đời*

Không dừng lại ở đó, chúng ta còn thấy được quan điểm, sự gắn kết chặt chẽ của con người với vũ trụ. Giáo sư Kim Định đã có những nhận xét thật sắc sảo về *Vịnh Tam tài*: *Quả là một bài thơ triết lý có tầm kích mênh mông như vũ trụ. Cái tài tình của bài là từ đầu chỉ cuối Trời, Đất, Người luôn luôn cùng xuất hiện “ba mặt một lời” xoắn xuýt trong Nhất thể uy linh⁽⁴⁾; tất cả các câu đều có sự xuất hiện của ba yếu tố: Thiên - Địa - Nhân (bộ Tam tài gốc), cho thấy sự gắn kết của trời, đất với con người, là vạn vật nhất thể; phần nào đã giải tỏa những bức xúc của kẻ sĩ trước sự an nguy của giang sơn, xã tắc:*

*Trời đất sinh ta có ý không ?
Chưa sinh trời đất có ta trong
Ta cùng trời đất ba ngôi sánh,
Trời đất in ta một chữ đồng.
Đất nứt ta ra trời chuyển động,
Ta thay trời mở đất mênh mông.
Trời che đất chở ta thông thả,
Trời đất ta đầy đủ hóa công³*

Qua hai bài thơ, quan điểm về sự quan điểm nhân sinh của

³ Kim Định, Con người qua những nét căn cơ, <http://newvietart.com>.

người chí sĩ, thi sĩ họ Trần. Sự nghiệp của những người anh hùng vì xã tắc có lúc thăng, lúc trầm và khi chết, người ta sẽ chọn cái chết của một kẻ sĩ, cái chết vinh quang để tiếng thơm lưu danh hậu thế. Và cái chết đó không thể làm lay chuyển được chí khí của người tù yêu nước, xả thân vì đại nghĩa, chết làm kinh động kẻ thù:

*Đưa nào muốn chết, chết như chơi,
Chết vì non sông, chết vì Trời.
Chết thảo, bao nài xương thịt nát,
Chết ngay, há ngại cổ đầu rơi.
Chết trung, tiếng để ngoài muôn dặm,
Chết nghĩa, danh lưu đến vạn đời.
Chết được như vậy là hả lắm,
Ta không sợ chết, hỡi ai ơi!⁴*

Chết là bài thơ mà Trần Cao Vân đã khẩu chiến trước khi bị hành hình sau vụ thất bại đưa vua Duy Tân rời kinh thành đại nội để tổ chức chống Pháp. Tác giả bài thơ, kẻ tử tù nguy hiểm trong mắt thực dân Pháp đã cao ngạo vang lên lời thách thức sấm động non sông, lay động lòng người.

Như vậy, cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội diễn ra trong thời gian ngắn và nhanh chóng bị thực dân Pháp đàn áp, bắt, giết những người đứng đầu, những yếu nhân dẫn đến sự thất bại của kế hoạch. Một kết cục đau lòng: *Vua Duy Tân bị đày sang Réunion. Các ông Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phạm Hồng Chương, Phan Thành Tài đều bị hành quyết*⁵. Nhưng có những ảnh hưởng nhất định cho phong trào yêu nước của nhân dân ta ở thế kỷ XIX. *Cuộc nổi dậy vũ trang đã xảy ra vào đêm ngày 3 rạng sáng ngày 4.5.1916 tại phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam là một thực tế lịch sử, là một cuộc khởi nghĩa với đầy đủ tính chất của nó do Việt Nam Quang phục hội lãnh đạo, đã để lại một dấu ấn sâu sắc trong truyền thống cách mạng chống*

⁴ <http://www.thivien.net>.

⁵ Đinh Xuân Lâm (Chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam - Tập 1*, NXB. Giáo dục, H., 2007, trang 197-198.

*Pháp của xứ Quảng địa linh nhân kiệt mà nhân dân Quảng Nam có quyền tự hào*⁶. Trong cuộc khởi nghĩa đó, người con xứ Quảng là Trần Cao Vân đã có nhiều đóng góp quan trọng và hy sinh quên mình vì tôn chỉ của tổ chức, vì vận mệnh của dân tộc; đồng thời thể hiện được khí phách kiên cường, anh dũng, một sự vô úy đáng kính nể trong lòng nhân dân, một sự kinh hoàng đối với kẻ thù. Con người ấy sẽ mãi được hậu thế tôn vinh!

Lưu danh Trần Cao Vân và cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội

Mặc dù, khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội thất bại song tên tuổi của những người con trung kiên Trần Huỳnh, Trần Tùng Vân, Trần Thu, Trần Khuê, Thái Phiên, Trần Cao Vân, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu, Nguyễn Châu Ân, Nguyễn Kế, Trần Cang, Trần Khuê, Lê Tiệp, Lê Cơ, Nguyễn Buốt, Lê Ngạn, Ngô Đồi... mãi sáng trong lòng dân xứ Quảng và cả nước. Trần Cao Vân đã để lại một âm chủ hào hùng, một dư âm sau cuộc khởi nghĩa này.

Xót xa, tiếc thương một con người xả thân vì nghĩa lớn, đã có người khóc than khi Trần Cao Vân bị xử chém:

*Hy tiên văn hậu thử chân thuyên
Biệt tự trung gian tạo nhất thiên
Học thuyết năng tương tiên huyết nhiệm
Nam phương tân dịch tích vô truyền*

Cụ Huỳnh Thúc Kháng dịch Nôm như sau:

*Văn sau Hy trước văn kinh này,
Riêng giữa “trung thiên” đứng một tay,
Học thuyết đem bầu tâm huyết nhuộm,
Trời Nam dịch mới tiếc không thầy*⁷

Nỗi lòng người dân tri ân nhà yêu nước họ Trần - thông tuệ kinh

⁶ Nguyễn Phước Tương, *Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916*, www.vusta.vn.

⁷ www.thivien.net.

dịch, hiểu được sự vận động của vũ trụ mà đã phải đầu rơi, máu chảy và rồi *Học thuyết đem bầu tâm huyết nhuộm* ấy sẽ ra sao?

Không chỉ nhất thời là khi Chánh Minh - Trần Cao Vân bị chém mà sau này, tình cảm của lớp cháu con dành cho ông vẫn nồng nàn như máu nóng của người chiến sĩ chảy ra trên đất nước của mình. Bác sĩ Hồ Đắc Duy đã tạc hình tượng Trần Cao Vân sừng sững bằng ngôn từ với âm vang của cuộc khởi nghĩa. Trong *Đại Việt sử thi*, quyển 29 với bài thơ *Trần Cao Vân và Việt Nam Quang phục hội*, tác giả đã tái hiện lại toàn bộ sự chuẩn bị, kế hoạch, phương án hành động cũng như những diễn biến, chiến công của Việt Nam Quang phục hội.

*Có một người ở làng Tư Phú
Phủ Điện Bàn thuộc xứ Quảng Nam
Thấy quân Pháp quá tham tàn
Dấy binh tụ nghĩa vạch đường đánh Tây
Trần Cao Vân một tay uyên bác
Hệ tư tưởng rất được đời ưa
“Trung thiên Dịch Thuyết” bảy giờ
Gieo mầm Cách mạng vào cho dân mình
Cùng Thái Phiên liên minh lập đảng
Quy tụ quân Cách mạng dưới tay
Việt Nam Quang phục lập ngay
Vạch ra kế hoạch đánh Tây diệt thù
Họ nhắm vào vị vua yêu nước
Cài người vào đến được kinh đô
Giả làm tài xế cho vua
Cùng vua: lãnh đạo diệt đồ ngoại bang⁸*

Trần Cao Vân, người trực tiếp dẫn thân vào nguy hiểm, không ngại chết chóc để mong có được sự thay đổi sơn hà. Với hệ tầm tư tưởng thông tuệ, dám làm, cùng đồng đội của mình, ông đã có những tính toán táo bạo:

⁸ Hồ Đắc Duy, www.jaist.ac.jp.

*Khuya mỏng hai, một giờ, trời sáng
 Lê Cảnh Vận sẽ bắn thần công
 Báo cho dân, lính hợp đồng
 Nhất tề nổi dậy xung phong chiếm đồn
 Trước, phải dồn giặc vào thế bí
 Chiếm xong rồi ta sẽ phát binh
 Riêng vua tạm phải di hành
 Vào vùng Quảng Ngãi lập thành chiến khu
 Theo kế hoạch, đánh vào Mang Cá:
 Trừ, Chương, Hà đột phá trung tâm
 Khai, Hàn, Trinh đánh Tòa Khâm
 Cao Vân hộ giá men đường Quan San...⁹*

Cuộc khởi nghĩa lấy được sự ủng hộ của nhân dân, cùng nhất tề nổi dậy đã được lưu truyền tới ngày nay, người người có thể thuộc từng dòng từng chữ và thấu tỏ từ đầu chí cuối cuộc khởi nghĩa đau thương này. Dù đau đến đâu, nuối tiếc đến mức nào, người ta vẫn cảm thấy tự hào về một người con trung kiên đến hơi thở cuối cùng vẫn ngạo nghễ, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, chết là để sống trong lòng dân tộc, sống với thiên thu vạn đại:

*Cửa An Hòa, nơi bày bãi chém
 Bọn thực dân giải đến mấy người
 Cao Vân vẫn nở nụ cười
 Phát tay viết lại cho đời mấy câu:
 “Anh hùng để cục hươu thành bại
 Công luận thiên thu phó sử biên”
 Mấy lời tâm huyết lưu truyền
 Ngàn năm gương đó vẫn nguyên giữa đời¹⁰
 Có thể nói, nụ cười của Trần Cao Vân là nụ cười chiến thắng,*

⁹ Hồ Đắc Duy, www.jaist.ac.jp.

¹⁰ <http://www.thivien.net>.

làm kinh động kẻ thù vì chúng cố tình lấy cái chết để uy hiếp ông và mọi người. Sự ra đi với một khí phách trường phu, hảo hán đã tạc Trần Cao Vân vào lịch sử dân tộc với niềm tự hào, kính yêu vô hạn.

Giờ đây, tên Trần Cao Vân đã quen thuộc với nhiều thế hệ học sinh của xứ Huế nơi ông đã hy sinh cho cuộc khởi nghĩa với tên trường Trung học cơ sở Trần Cao Vân - 121 Lê Huân, phường Thuận Hóa, thành phố Huế. Ở quê hương ông - tỉnh Quảng Nam, người ta biết đến nhiều học sinh của ngôi Trường Trung học cơ sở Trần Cao Vân ở Duy Xuyên, Trường THPT Trần Cao Vân, phường An Mỹ, thành phố Tam Kỳ. Dải đất miền Trung đã ghi nhớ công ơn của ông với ngôi Trường THPT Trần Cao Vân ở Ninh Hòa, Khánh Hòa, Tiểu học Trần Cao Vân ở Đà Nẵng. Miền đất Bazan đầy nắng gió cũng thể hiện tình cảm chân thành qua trường Tiểu học Trần Cao Vân ở thôn Thanh Bình, xã Easar, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk. Thành phố Hồ Chí Minh đã vinh danh tên tuổi Trần Cao Vân qua ngôi trường THPT Trần Cao Vân ở 247 Tân Kỳ, Tân Quý, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú... Nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước có tên đường, tên phố Trần Cao Vân. Đây chính là minh chứng thể hiện lòng biết ơn vô hạn, lòng tự hào của hậu thế với Trần Cao Vân. Nhắc đến ông là nhắc đến dư âm khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội.

3. Kết luận

Đã một thế kỷ trôi qua, với bao niềm tự hào của dân tộc qua các trang sử hào hùng, khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội cùng với tên tuổi của nhiều chí sĩ, chiến sĩ, nhà yêu nước vẫn sống trong lòng người dân. Dân tộc khắc ghi những tên tuổi ấy, những công trạng ấy, và tên gọi Trần Cao Vân đi vào đời sống hiện đại như một lẽ tự nhiên. Người ta nhớ tới ông vì hành động cao cả, vì khí phách oai hùng, vì tinh thần bất khuất... Gắn với sự kiện lịch sử quan trọng của dân tộc, tên ông và sự kiện ấy cứ song hành cùng nhau giữ gìn nên một quá khứ đau thương mà bi tráng và dệt nên một hiện tại văn hóa, hào hùng. Người đời sau sẽ tự ngẫm về những gì đã qua để có những hoạch định trong tương lai xứng với nơi họ đang học tập và làm việc, sinh sống mà tự hào về tên tuổi Trần Cao Vân./.

NTQ

MỘT VÀI NHẬN THỨC MỚI XUNG QUANH NHÂN VẬT LỊCH SỬ TRẦN CAO VÂN

TS. NGUYỄN LỤC GIA^{*}
TS. TRẦN MINH ĐỨC^{**}

Trong những năm gần đây, với việc phát hiện, biên dịch và xuất bản một số tư liệu mới về thời kỳ lịch sử trung - cận đại Việt Nam, hành trạng cùng những biến cố sự kiện liên quan đến các nhân vật lịch sử cùng thời cũng dần dần được sáng tỏ, trong đó có nhân vật Trần Cao Vân với các phong trào dân tộc chủ nghĩa mà ông chủ xướng hoặc vận động, tham gia.

Nhân 100 năm cuộc khởi nghĩa Hội Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ và ngày mất của chí sĩ Trần Cao Vân, chúng tôi cập nhật một vài tư liệu cùng nhận thức mới về cuộc đời - sự nghiệp của ông.

1. Phong trào cách mạng đầu tiên mà Trần Cao Vân đứng ra vận động là cuộc khởi nghĩa năm 1900 tại Phú Yên, thường được lịch sử gọi là Khởi nghĩa Võ Trứ hoặc Khởi nghĩa Võ Trứ - Trần Cao Vân. Do vai trò của ông bí mật nằm sau hậu trường, hơn nữa vị trí chỉ huy tiên phong cùng cái chết có phần nổi tiếng của Võ Trứ đã khiến tên tuổi Trần Cao Vân lùi xuống hàng thứ yếu.

Tuy vậy, ông mới đích thực là linh hồn của cuộc khởi nghĩa này, với ngọn cờ Cần vương mà ông cùng Võ Trứ giương cao. Trong khi cuốn giáo trình đại học *Đại cương Lịch sử Việt Nam* xếp cuộc Khởi nghĩa Võ Trứ - Trần Cao Vân vào nhóm “Phong trào yêu nước mang màu sắc tôn giáo” (chứ không phải nhóm Phong trào Cần vương)¹ thì tài liệu của Sử quán triều Nguyễn cho biết tính chất của sự kiện như sau: “Gian tăng Võ Trứ dấy loạn (... Tháng trước tỉnh Phú Yên phái quân tìm kiếm được một quả ấn đồng trong khắc sáu

^{*} Trường THPT. Trần Quốc Tuấn, Phú Hòa, Phú Yên.

^{**} Khoa Lịch sử, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Bình Dương.

¹ Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn (Chủ biên) (2009), *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, toàn tập, NXB. Giáo dục, Hà Nội, tr 561.

chữ ‘Đại Hóa quốc chủ tể ấn’, lại thấy một lá cờ vải đỏ treo ở cột điện, trong viết ‘Nam triều ta có một danh tướng xuất hiện ở xứ Bàn Thạch, Tây Dương các người cứ dốc cả nước kéo tới mà tấn công. Ngày 16 tháng này [tháng 4 năm Canh Tý (1900)] đảng ấy khoảng 300 người đều cầm gậy gộc ngằm tới thôn Triều Sơn huyện Đồng Xuân gần Tòa sứ tỉnh ấy, lính tập đuổi bắn đảng ấy chạy tan, lấy được một lá cờ vải đỏ trong viết ‘Chủ tể Minh Tề nước Đại Hóa, Dấy binh nhưng phù tá thánh vương. Ngày 16 tháng 4 năm Minh Tề thứ 1’...)’². Đại Hóa từng là quốc hiệu mà trong lúc vận nước suy vi bởi các trở lực nội loạn và ngoại xâm, Hoàng đế Tự Đức đem ra bàn luận với Triều đình có nên thay đổi. Chắc hẳn vị Hoàng đế mang nhiều nỗi bất hạnh này trong những năm cuối đời vẫn canh cánh bên lòng ước vọng về một Vương quốc Đại Hóa cường thịnh mà sinh thời không được thỏa nguyện bởi những đại họa chẳng thể nào chống đỡ nổi bủa vây từ nhiều phía.

Đã rõ, Khởi nghĩa Võ Trứ - Trần Cao Vân mang tính chất Cần vương thực sự. Nếu Võ Trứ đóng vai trò một danh tướng theo như lời thách đấu với quân Pháp nói trên, Trần Cao Vân phải đứng ở vị trí trung tâm Chủ tể Minh Tề với vai trò minh chủ nắm quyền lực tối cao, trong khi Thánh vương ý chỉ Hoàng đế Tự Đức hay triều đại nhà Nguyễn nói chung với những hoàng đế sáng danh từ Tự Đức trở ngược đến Gia Long³.

² Quốc sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam thực lục Chính biên Đế lục kỷ Phụ biên*, NXB. Văn hóa Văn nghệ TP. HCM, tr 374.

³ Sử quan triều Nguyễn thống nhất đánh giá hoàng đế Tự Đức xứng danh một vị thánh vương. Điều văn trong lễ truy tôn thụy hiệu Tự Đức có đoạn: “... ba mươi sáu năm nối ngôi trời, làm rạng rỡ mưu tốt của thánh thần truyền nối; kẻ ức nghìn năm để tiếng tốt, nên chính trị giáo hóa như ngọc báu vàng mười. To như trời không hình dung nổi, **chẳng phải thánh sao được thể ư?** [tác giả nhấn mạnh]”. Miếu hiệu lúc đầu của Tự Đức là Thành Tổ, sau chiếu theo Di chúc đổi là Dực Tông, bởi Di chúc truyền rằng: “Trẫm có tội với tổ tiên, không dám thờ vào Thế miếu, trước đã nói rồi, chỉ có quan và dân lượng thứ cho. Miếu hiệu đều xưng tông, như phép nhà Hán, không đặt nhiều tên thụy. Trẫm không có công to, không được xưng là tổ, cũng nên theo thể mà làm”. Như vậy, chính đức khiêm nhường, ngay thẳng của hoàng đế đã khiến cho quần thần và chúng dân càng thêm nể phục.

Trần Cao Vân từng có tên hiệu là Chánh Minh. Có thể niên hiệu Minh Tề này được đặt dựa theo tên hiệu trước. Trần Cao Vân cũng từng xướng thuyết Thiên Trung Đạo, do đó khả năng ông được các tướng lĩnh và quần chúng suy tôn làm minh chủ hay lãnh tụ tối cao là tương đối thuyết phục.

Có năm kết luận từ sự kiện mang tính phát hiện mới mẻ này:

Thứ nhất, Niên đại cho cuộc Khởi nghĩa Võ Trứ - Trần Cao Vân là năm Canh Tý hay Thành Thái thứ 12 (1900), không phải năm Mậu Tuất hay Thành Thái thứ 10 (1898) theo *Cụ Trần Cao Vân* của Hành Sơn, *Nhân vật Bình Định* của Lộc Xuyên Đặng Quý Dịch hay như bảng *Tiểu sử Chí sĩ Trần Cao Vân* tại Trường Tiểu học Trần Cao Vân - Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng.

Thứ hai, Trong khi phong trào Cần vương theo quan điểm trước đây kết thúc ở niên điểm 1896 bởi sự thất bại của cuộc Khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng lãnh đạo, thì với cuộc Khởi nghĩa Võ Trứ - Trần Cao Vân, phong trào này kéo dài thêm 4 năm, tức nói rộng biên độ thời gian đến năm 1900.

Thứ ba, Thông thường trước nay tên gọi các cuộc khởi nghĩa được đặt theo tên người khởi xướng hoặc địa danh chọn đặt đại bản doanh, địa danh xảy ra. Bởi vậy, cần gọi đúng tên cuộc khởi nghĩa là Khởi nghĩa Trần Cao Vân - Võ Trứ hay Khởi nghĩa Sông Cầu/Khởi nghĩa Phú Yên.

Thứ tư, Lực lượng tham gia cuộc khởi nghĩa chỉ xấp xỉ 300 người. Sách *Lịch sử Việt Nam* (tập 7, phần do Tạ Thị Thúy chủ biên) dẫn lại bài viết *Võ Trứ và cuộc khởi nghĩa năm 1900 ở Phú Yên* của tác giả Đào Nhật Kim đã thổi phồng con số này lên tới “trên 1.000 người” trong trận tấn công Tòa sứ Sông Cầu, còn trước đó thì “... số lượng nghĩa quân và những người có cảm tình sẵn sàng tham gia khởi nghĩa ở Phú Yên lên đến 2 vạn người”⁴.

Thứ năm, Lá cờ hay danh nghĩa “Minh Trai chủ tử” của cuộc khởi nghĩa mà sách *Lịch sử Việt Nam* của Viện Sử học, *Cụ Trần Cao Vân* của Hành Sơn, *Nhân vật Bình Định* của Lộc Xuyên Đặng Quý Dịch, *Võ nhân Bình Định* của Quách Tấn - Quách Giao, *Võ Trứ và cuộc khởi nghĩa năm 1900 ở Phú Yên* của Đào Nhật Kim... đề cập, chính xác là “Minh Tề chủ tử”. Minh Tề (theo nghĩa: cùng nhau làm

⁴ Tạ Thị Thúy (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam từ năm 1897 đến năm 1918*, tập 7, NXB. KHXH, Hà Nội, 2013, tr 432, 434.

việc sáng) vừa là ngọn cờ hiệu triệu khởi nghĩa Cần vương, vừa là niên hiệu của triều đại mới sáng lập do Trần Cao Vân đứng đầu, không phải “Minh Trai chủ tể Võ Trứ” trong *Nhân vật Bình Định*, hay “Võ Trứ đề ra chủ trương tự tôn xưng Minh Trai chủ tể (vị chúa tể chay tịnh, sáng suốt)... cụm từ Minh Trai chủ tể dùng để chỉ Võ Trứ với hiệu Minh Trai đứng đầu trong cuộc khởi nghĩa năm 1900. Nếu gộp tất cả các nghĩa của cụm từ Minh Trai chủ tể thì có nghĩa một vị vua với đức tính nhà Phật... chữ Trai có thể từ chữ Trứ đọc trại ra...” theo cách giải thích trong *dung hợp dân tộc, tôn giáo trong cuộc khởi nghĩa Võ Trứ và Trần Cao Vân những năm cuối thế kỷ XIX* của Ngô Minh Sang⁵.

2. Liên quan đến cuộc khởi nghĩa ở Phú Yên, Trần Cao Vân sau đó đã bị liên chính quyền Pháp - Nam truy nã. Việc Võ Trứ nhận lãnh tất cả trách nhiệm về mình đã cứu Trần Cao Vân thoát khỏi án chém. Từ bản kết tội trong phong trào Duy Tân năm 1908 của Tổng đốc tỉnh Bình Phú (Bình Định - Phú Yên) Bùi Xuân Huyền vào lúc tháng 8 năm Duy Tân thứ 2 (1908), được Phủ Phụ chính thẩm định lại vào ngày 24 tháng chạp, việc mang án của Trần Cao Vân đối với sự kiện năm 1900 được tiết lộ như sau qua trích đoạn của Châu bản: “Trần Cao Vân, (ấp Đông, xã Tư Phú, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam), năm trước đến tỉnh Phú Yên giảng thuyết Trung Thiên Đồ, kể vì xảy ra việc treo cờ nã được, án xử tội đầy (khô sai 9 năm), mãn hạn về không biết an phận. Năm ngoái (1907) còn dám lén đến hạt ấy, lén trú tại nhà của Nhữ Doanh, tụ hội đông người giảng thuyết Trung Thiên Đồ, giả danh thần tiên mà nói về nỗi khổ binh dân chiến tranh và vận hội đồng bào cất tóc... xử trăm quyết, giấy Trung Thiên Đồ nói trên thủ tiêu... Phủ thần đẳng vâng xét Trần Cao Vân, trước kia... giảng thuyết đồ thư, can quấy suy trắc việc vị lai rồi trở về tỉnh quán Quảng Nam. Từ mùa thu năm ngoái đến nay, đảng cất tóc Bình Định nổi lên, y ở Quảng Nam, mà dân đảng hạt nói trên không có người nào khai ra

⁵ Lộc Xuyên Đặng Quý Dịch, *Nhân vật Bình Định*, Hạnh Phúc ấn quán, Sài Gòn, 1971, tr 138.

Ngô Minh Sang, “Dung hợp dân tộc, tôn giáo trong cuộc khởi nghĩa Võ Trứ và Trần Cao Vân những năm cuối thế kỷ XIX”, Hội Khoa học Lịch sử Bình Dương, <http://www.sugia.vn>.

sự tình gì, hướng chỉ khi ấy y giảng thuyết, so với việc niêm yết tuyên bố có khác. Vậy Trần Cao Vân, xin chiếu y luật nói trên (truyền tụng hoặc chúng), xử trăm giam hậu, phát giao Côn Lôn phối dịch”⁶.

Qua đây, Trần Cao Vân bị tòa án liên chính quyền Pháp - Nam kết án 9 năm tù khổ sai, vì trước là tội rao giảng học thuyết kích động ý thức hệ đấu tranh của dân tộc Việt Nam, sau là tội treo cờ, tức “lả cờ vải đỏ treo ở cột điện” với nội dung thách đấu quân Pháp trong cuộc khởi nghĩa cùng với Võ Trứ. Như vậy, quãng thời gian ông chấp án là liên tục cho đến năm 1907, song dường như ông được nhà cầm quyền trả tự do sớm trước hạn định khoảng 1-2 năm. Cứ liệu này bác bỏ sự suy diễn tùy tiện của tác giả Phạm Việt Hưng cùng bảng *Tiểu sử Chí sĩ Trần Cao Vân* của Trường Tiểu học Trần Cao Vân tại Thành phố Đà Nẵng, rằng “Liên lụy vì cuộc khởi nghĩa của Võ Trứ, ông [Trần Cao Vân] bị giam 11 tháng tại nhà lao tỉnh Phú Yên. Sau đó vì vụ án ‘Trung thiên dịch’... tuyên án tử hình Trần Cao Vân, nhưng nhờ có một số người muốn che chở, cho nên bản án được phê: 3 năm khổ sai”, hoặc đào thoát sự truy đuổi một cách ngoạn mục về Quảng Nam như theo *Võ nhân Bình Định* của Quách Tấn⁷.

Học thuyết Trung Thiên Đồ do Trần Cao Vân xướng xuất là có thật, tuy nhiên đã bị nhà cầm quyền tiêu hủy trong vụ án Cải cách Duy Tân năm 1908. Đó cũng là lý do chính yếu để kẻ thù buộc tội ông với mức án cao nhất: tử hình. Dù vậy, việc nghị án của Phủ Phụ chính Nam triều đã mang lại cho ông vận may sống sót: từ án trăm quyết giảm xuống còn xử trăm giam hậu, đầy đi Côn Đảo. Được biết, khi cuộc vận động phong trào Duy Tân bùng phát, Trần Cao Vân bị bắt tại Quảng Nam, nhưng sau đó được dẫn độ vào Bình Định để kết án. Hồi ký của Hà Ngại kể về một cuộc tiếp xúc trực tiếp với Trần Cao Vân vào khoảng năm 1915, sau khi mãn hạn tù Côn Đảo, cho biết lý do của sự vụ như sau: “Ngoài những chuyện hàn huyên, thì

⁶ Nguyễn Thế Anh (Giới thiệu), *Phong trào kháng thuế ở miền Trung qua các Châu bản triều Duy Tân*, NXB. Văn học, 2008, tr 106-107.

⁷ Tiểu sử Chí sĩ Trần Cao Vân, tại Trường Tiểu học Trần Cao Vân, Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng; theo: thtrancaovandn.com
Phạm Việt Hưng, vietsciences.free.fr

Quách Tấn - Quách Giao, *Võ nhân Bình Định*, NXB. Trẻ, TP. HCM, 2001, tr 518.

chúng tôi không nghe cụ nói về chính trị. Thật ra, cụ Trần Cao Vân cả đời chỉ biết làm chính trị. Cụ hay ở Bình Định, ít khi về Quảng Nam. Ở Bình Định, học trò cụ nhiều lắm. Nhất là các hạt Phù Cát, Phù Mỹ. Trong vụ khất sưu, các ông Huỳnh Thúc Kháng, Phan Thúc Duyện đều bị đày ra Côn Lôn mà riêng cụ còn bị giải về Bình Định kết án sau mới đày Côn Lôn”⁸.

Với mối quan hệ gắn bó như vậy, đặc biệt là tác động của thuyết Trung Thiên Đồ, uy tín và ảnh hưởng cá nhân của Trần Cao Vân đối với dân chúng vùng Bình Định - Phú Yên là rất lớn. Khoảng năm 1920, nghĩa là nhiều năm sau cái chết của Trần Cao Vân, Hà Ngại còn kể rằng “... tôi bỏ Tri huyện Phù Cát. Đến nơi quen biết dân tình, tôi mới hiểu một điều khiến tôi kinh ngạc: người dân ở Phù Cát tưởng nhớ cụ Trần lắm. Người ta phục cụ, trọng cụ, và yêu cụ, cho đến nỗi nhiều gia đình giỗ cụ như đối với thần linh... Thế mà chưa hết, còn có một nguồn dư luận chuyện riêng với nhau trong bóng tối: Cụ Trần còn sống chứ chưa chết đâu! Tôi chưa thấy ở đâu mà lại có quần chúng tôn thờ lãnh tụ như thế. Hình như trong đó có điều gì huyền bí”⁹. Trung Thiên Đồ mang màu sắc Đạo giáo của chí sĩ Cần vương Trần Cao Vân được lưu dấu như vậy, dù rằng nguyên tác của học thuyết này đã vĩnh viễn thất truyền¹⁰.

3. Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ tồn tại về sau dưới danh nghĩa một hội buôn, phù hợp với phong trào cổ động chấn hưng kinh tế nước nhà thông qua loại thổ sản đặc trưng của địa phương: Hội Thương mại Quế Viên (theo nghĩa: Hội Buôn Trại Quế/Vườn Quế). Từ đó, Hội đã thu hút được nhiều yếu nhân và phát triển thực lực nhanh chóng, tập trung ở các tỉnh Quảng Nam, Thừa Thiên, Quảng Ngãi và Bình Định. Ghi chép của Sử quán triều Nguyễn cho biết: “Trần Cao Vân, Thái Phiên đều là người Quảng Nam, Cao Vân từng can trọng án, mãn hạn được tha, lại ngầm mưu đồ cùng Thái Phiên lên tới kinh sư tìm bọn Suất đội Nguyễn Quang

⁸ Hà Ngại, *Khúc tiêu đồng - Hồi ký của một vị quan triều Nguyễn*, NXB. Trẻ, 2014, tr 114.

⁹ *Khúc tiêu đồng - Hồi ký của một vị quan triều Nguyễn*, Sdd, tr 115-116.

¹⁰ Cả Đặng Quý Định lẫn Quách Tấn đều nói về một hay hai văn bản Trung Thiên Dịch đang được lưu giữ bí mật trong dân gian. Tuy nhiên, xét thấy nếu điều đó quả thực, chắc hẳn văn bản đã được in sao rộng rãi từ thời kỳ dân chủ công khai sau năm 1945.

Siêu, Tá lý Nguyễn Thượng Trung (đã về hưu) cùng tổ chức một hội bí mật (tên là Hội Thương mại Quế Viên), thu góp tiền bạc, ngầm ngầm hành động... nguyên nhân tạo nghiệt thì Cao Vân là kẻ thủ ác”¹¹. Vấn đề đặt ra ở đây là cần phân định vào thời điểm nào thì tổ chức Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ đổi gọi hoặc ẩn xưng thành Hội Thương mại Quế Viên?; đồng thời Trần Cao Vân là lãnh tụ của Hội Thương mại Quế Viên hay của Kỳ bộ Hội Việt Nam Quang phục?

Khi Việt Nam Quang phục hội thành lập (1912), ngoài ủy viên chấp hành bộ, còn đặt thêm 3 người làm “hội nội vận động ủy viên 3 kỳ”, trong đó Lam Quảng Trung [Lâm Quảng Trung?] phụ trách Trung Kỳ¹². Vào quãng thời gian 1912-1914, Trần Cao Vân còn đang mang án khổ sai ở Côn Đảo nên không có chuyện ông là đảng viên, theo như *Lịch sử Việt Nam* đề cập rằng “Năm 1912... Đông đảo nhân sĩ yêu nước quanh vùng đã gia nhập tổ chức trên và lập ra Kỳ bộ... như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung, Nguyễn Thụy...”¹³. Sang năm 1915, sau khi từ Côn Đảo trở về, Trần Cao Vân tiếp tục bị quản thúc ở Quảng Nam như Hồi ký của Hà Ngại cho biết: “Năm ấy cụ ở Côn Lôn về, chính quyền bắt cụ phải làm nhà ở trong thành tỉnh Quảng Nam. Có lẽ để dễ bề kiểm soát”¹⁴. Bị quản thúc nghiêm ngặt, hơn nữa những tin tức về việc lãnh tụ Phan Bội Châu bị tù ở nhà ngục Quảng Đông (4 năm, từ tháng 12 năm Quý Sửu/1913 đến tháng 3 năm Bính Thìn/1916) cùng sự thất bại liên tiếp của những vụ bạo động trên cả nước do Hội Việt Nam Quang Phục tiến hành khiến cho Trần Cao Vân khó có thể tiến gần đến tổ chức này. Từ đó, không có cơ sở chắc chắn để khẳng định rằng Trần Cao Vân hoạt động trong Kỳ bộ Hội Việt Nam Quang phục Trung Kỳ.

Vậy, ai là lãnh tụ tối cao của Hội/Đảng Việt Nam Quang Phục ở Trung Kỳ? Nhân vật sáng giá nhất đó nhất định phải là Thái Phiên. Trong *Tự phán*, hai tên tuổi liên quan đến sự thất bại của vụ biến năm 1916 ở Trung Kỳ được nhà cách mạng Phan Bội Châu nhắc đến là Hoàng đế Duy Tân với tấm lòng ngưỡng mộ, và Thái Phiên với tính

¹¹ *Đại Nam thực lục Chính biên Đế lục kỷ Phụ biên*, Sdd, tr 83.

¹² Phan Bội Châu, *Tự phán*, NXB. Văn hóa - Thông tin, 2000, tr 179.

¹³ *Lịch sử Việt Nam từ năm 1897 đến năm 1918*, Sdd, tr 545.

¹⁴ *Khúc tiêu đồng - Hồi ký của một vị quan triều Nguyễn*, Sdd, tr 114.

cách đồng chí: “Vua Duy Tân cách mạng thất bại... Nam Xương tiên sinh tuân nghĩa (Nam Xương là hiệu riêng của Thái Phiên), ông nhiệt tâm đại nghĩa có tài kinh tế và biện sự, cộng sự với các đồng chí như ông Tiểu La, ông Ngư Hải đã lâu năm lắm. Khoảng năm Dậu, Tuất (1909-1910), đảng ta [Hội Duy Tân - NLG] ở trong nước cơ hồ không còn ai, chỉ còn một mình Nam Xương tiên sinh; nhưng đến lúc việc Duy Tân [việc Hoàng đế Duy Tân tham gia khởi nghĩa - NLG], tiên sinh lại là người trọng yếu trong đảng [Việt Nam Quang phục hội - NLG]”¹⁵. Rõ ràng rằng Phan Bội Châu đã trực tiếp thừa nhận Thái Phiên là lãnh tụ đứng đầu Kỳ bộ Hội Việt Nam Quang Phục Trung Kỳ, nhân danh Hoàng đế Duy Tân phát động khởi nghĩa. Đối với Trần Cao Vân, Phan Bội Châu dường như không có mối liên hệ nào, ngoài một đôi câu đối tiếc thương tiễn biệt.

Ngược lại, Trần Cao Vân cũng không có một manh mối quan hệ trực tiếp nào với phong trào Duy Tân do Phan Châu Trinh đề xướng hay Duy Tân hội của Phan Bội Châu sôi động đương thời. Việc ông bị kết án trong cuộc vận động Duy Tân năm 1908 là do bị liên lụy bởi hoạt động truyền bá thuyết Trung Thiên Đồ ở Bình Định - Phú Yên trước đó, còn tội hô hào “cắt tóc” là do nhà cầm quyền tỉnh Bình Định vu cáo, nhờ vậy mà án phạm của ông giảm từ trăm quyết xuống thành khổ sai như tờ Châu bản đề cập bên trên. Phan Khôi, người gắn với phong trào Duy Tân và có quãng thời gian bị giam chung với Trần Cao Vân tại nhà lao Hội An năm 1908, cũng như căn cứ theo lời thuật của Phan Bội Châu và các nhân chứng khác cùng thời đã khẳng định vị trí thứ yếu của Trần Cao Vân trong vụ biến năm 1916 dưới nhãn quan Việt Nam Quang phục hội chủ xướng: “Bây giờ [1936] vẫn còn có mấy người nhúng tay trong công việc ấy đương sống, họ có thể làm chứng chắc rằng chủ động là Thái Phiên chứ không phải Trần Cao Vân”¹⁶. Phái viên Tôn Thất Đề của Hoàng đế Duy Tân vào lần đầu tiên tiếp xúc với hai vị thủ lĩnh nổi dậy đã gọi thẳng tên Trần Cao Vân, trong khi Thái Phiên được gọi bằng tên hiệu là “người bạn lớn Huỳnh Anh”¹⁷, chứng tỏ Trần Cao Vân đứng ở vị thế trung gian hay

¹⁵ *Tự phán*, Sdd, tr 211.

¹⁶ Hoài Quảng (2014), “Chí sĩ Trần Cao Vân (1866-1916) và danh thắng Ngũ Hành Sơn”; theo: nguohanhsan.org, trang Văn hóa - Nghệ thuật.

¹⁷ Lưu Anh Rô; theo: <http://nguoiquangxaque.com/> đăng ngày 19.2.2016.

môi giới cho cuộc gặp chính thức Duy Tân - Thái Phiên, đại diện hai đường lối và lực lượng tương hợp trong mục tiêu chung đánh đuổi thực dân.

Trong bối cảnh bế tắc của Việt Nam Quang phục hội nói chung và sự thúc bách của cục diện tình hình biến chuyển tại Trung Kỳ, Thái Phiên đứng đầu Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ đã chủ trương hành động như một phe đảng độc lập, sẵn sàng liên kết có điều kiện với các nhóm cách mạng khác, phô trương thanh thế của một số yếu nhân yêu nước hàng đầu để tập hợp lực lượng, trong đó đối tượng tranh thủ tối thượng là vị hoàng đế đương kim với những tư tưởng kháng Pháp vừa mới bộc lộ ở độ tuổi trưởng thành và vị chí sĩ nổi tiếng bị thụ án nhiều lần bởi thể chế bất công bạo ngược hiện hành. Hơn thế, muốn tiếp cận với lực lượng kháng Pháp của Triều đình do Hoàng đế Duy Tân đứng đầu, Thái Phiên buộc phải đàm phán thông qua Trần Cao Vân, người xác lập được nhiều mối quan hệ với Hoàng gia nhờ ảnh hưởng uy tín lớn của cá nhân cùng nhiều thế hệ học trò đang tại chức trong bộ máy liên chính quyền Pháp - Nam.

Thật vậy, theo Hồ sơ GGI-65530 với bản cung khai đầu tiên của Trần Cao Vân đề cập đến cuộc bàn bạc giữa ông và Thái Phiên trong việc vận động Hoàng đế Duy Tân vào khoảng cuối năm 1915, ông đưa ra 5 điều kiện, trong đó nội dung ở điều kiện 1 và 4 rằng: “Chọn một vị vua của triều đình nhà Nguyễn” và “Chúng ta lấy Nho giáo làm quốc giáo...”¹⁸. Đến đầu tháng 3.1916, trước khi hội kiến chính thức với Hoàng đế, Trần Cao Vân truyền đạt mô hình chính thể thông qua viên đặc phái Tôn Thất Đề và được Hoàng đế đồng thuận, theo như lời khai trong Hồ sơ của viên này như sau: “Trần Cao Vân nói, những người khởi nghĩa muốn chiếm lại vương quyền và thành lập nền cộng hòa, nhưng ý của ông ấy [Trần Cao Vân] là muốn tái lập quyền lực tuyệt đối của nhà vua và chỉ có vua là lãnh đạo tối cao. Không biết vua nghĩ gì về vấn đề này. Ông ta yêu cầu tôi chuyển lời đến đức vua. Khi tôi trình lên đức vua những suy nghĩ của Trần Cao Vân, nhà vua sai tôi mang thư có nội dung: ‘trẫm cũng nghĩ như các khanh!’ trao cho ông Vân”¹⁹.

¹⁸ Lưu Anh Rô, Sdd.

¹⁹ Lưu Anh Rô, Sdd.

Chính trong thời điểm này, khi Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ của Thái Phiên hợp tác với lực lượng Cần vương do Hoàng đế Duy Tân cùng Trần Cao Vân hướng đạo, có thể còn có sự liên kết của các yếu nhân từng hoạt động theo phong trào dân chủ của Phan Châu Trinh, những lãnh tụ của cuộc bạo động sắp tới đã thống nhất đặt tên cho tổ chức thành Hội Thương mại Quế Viên. Đến đây, từ vị trí người trung gian kết nối giữa các tổ chức - lực lượng, Trần Cao Vân trở thành một trong những lãnh tụ chủ chốt của tổ chức mới. Do vậy, đứng về quan điểm của liên chính quyền Pháp - Nam, Trần Cao Vân là kẻ chủ mưu đứng ra kích động làm xáo trộn nội tình chính trị xứ Trung Kỳ, đúng như lời nghị án của Quốc Sử quán đã nêu trên: “... nguyên nhân tạo nghiệt thì Cao Vân là kẻ thủ ác”.

Có lẽ nhận ra sự ấu trĩ với một chính thể quân chủ thuần túy so với bước tiến của thời đại, cả Duy Tân lẫn Trần Cao Vân thống nhất với Thái Phiên đi đến thiết chế quân chủ lập hiến. Chiếu kêu gọi khởi nghĩa do Hoàng đế ký, đề ngày 27 tháng 3 năm Duy Tân thứ 10, tức ngày 29.4.1916 cho biết 2 trong 4 nội dung của bản cương lĩnh rằng: “1. Rất coi trọng việc thi hành những nhiệm vụ xã hội, được thể hiện ở nguyên tắc cơ bản về sự trung thành với các vị vua của triều Nguyễn; 2. Tạo lập một Nhà nước lập hiến với khẩu hiệu ‘Vì sự hoàn thiện cao nhất trên con đường văn minh’...”²⁰.

Phân cấp quyền hạn của Trần Cao Vân và Thái Phiên trong chính quyền mới cũng từ chiếu chỉ trên như sau: “đạo nhơn Trần..., tỵ Hồng Việt - chức vụ và cấp bậc: Cố vấn cao cấp, Tể tướng để phục hưng, phòng vệ đoàn tùy tùng hoàng gia, phụ trách các vấn đề quân sự; đạo nhơn Thái..., tỵ Hoàng Anh, Phó cố vấn cao cấp, Tổng đốc Hoàng thành, phụ trách các vấn đề tài chính và kinh tế”²¹. Điều này chứng tỏ phái quân chủ sẽ kiểm soát quyền lực chứ không phải Đảng Việt Nam Quang phục. Sự ưu vượt quyền lực của Trần Cao Vân đối với Thái Phiên chứng tỏ một nghịch lý rằng, trong khi Việt Nam Quang phục hội với lý tưởng dân chủ đứng ra tiên phong đánh đuổi kẻ thù, họ buộc phải nhượng bộ trước những quyền lợi thiết thực

²⁰ Nguyễn Trương Đan, “Chiếu khởi nghĩa của vua Duy Tân”, Báo Đà Nẵng, ngày 5.4.2011.

²¹ Nguyễn Trương Đan, “Chiếu khởi nghĩa của vua Duy Tân”, Sdd.

xứng đáng được có; ngược lại, nền quân chủ thực tế chỉ còn là hư vị, song ý thức dân chủ chưa tiến đến chỗ thấu đạt nên vẫn phải chấp nhận chiêu bài phô trương các vị quân vương để tập trung lực lượng. Nói cách khác, về nhận thức chính trị, trào lưu chủ nghĩa dân quyền đang được các nhà cách mạng Việt Nam tiếp nhận chưa thực sự tạo nên sức mạnh vật chất để đột phá quân quyền.

Những biểu hiện nêu trên cho thấy sự trung thành với lập trường quân chủ diễn ra gần như suốt cuộc đời của nhà chí sĩ Trần Cao Vân. Bởi thế, ông cũng là thủ lĩnh Cần vương kiên định nhất đối với sự nghiệp trung hưng Nguyễn triều. Tuy vậy, từ sau thất bại cuộc khởi nghĩa ở Phú Yên năm 1900, Trần Cao Vân không đứng ra vận động được một phong trào kháng Pháp tiêu biểu nào nữa. Chỉ đến khi hợp tác với tổ chức Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ của Thái Phiên cùng các nhà hoạt động dân chủ đương đại, hoài vọng về một nền quân chủ cuối mùa của ông mới bị cảnh tỉnh. Chính vào lúc Trần Cao Vân đặt được một bàn chân ý thức hệ sang thế giới nhân sinh của chủ nghĩa dân quyền, sự nghiệp cách mạng cao trào của ông cũng đành đoạn kết thúc.

4. Theo các tài liệu cập nhật nêu trên, vì mục tiêu sau cùng của cuộc khởi nghĩa là thiết lập thể chế quân chủ lập hiến nên người đứng đầu Nhà nước mới rõ ràng là Hoàng đế Duy Tân và kế sau là Cố vấn cao cấp kiêm Tể tướng Trần Cao Vân. Thủ đô của Nhà nước cách mạng vẫn định đặt tại Huế, bởi đó là nơi duy nhất Hoàng đế Duy Tân duy trì quyền lực thế tục của Nguyễn triều. Sách *Lịch sử Việt Nam* dẫn theo *Chí sỹ Trần Cao Vân 1866-1916* của Trần Trúc Tâm với việc xác định “Đứng đầu nhà nước mới sẽ là một tổng thống... thủ đô đặt tại Quy Nhơn”²² là những phỏng đặt thiếu cơ sở.

Riêng ngày tháng ấn định thời điểm bắt đầu cuộc khởi nghĩa, *Đại Nam thực lục* chép đêm mồng 2 tháng 4 năm Duy Tân thứ 10 (1916), *Bản báo cáo về tình hình chính trị của Annam* của Le Marchant de Trigon ghi đêm mồng 2 rạng ngày mồng 3 tháng 4 âm lịch, tức mồng 3 sáng mồng 4 tháng 5 dương lịch. *Lịch sử Việt Nam* cho rằng “Thái Phiên và Trần Cao Vân đã quyết định khởi nghĩa vào

²² Lịch sử Việt Nam từ năm 1897 đến năm 1918, Sdd, tr. 556.

đêm mùng 2 rạng sáng ngày 3 tháng 4 năm Bính Thìn (tức rạng sáng ngày 4.5.1916)”²³. Hồi ký của Hà Ngại mô tả cuộc bạo động diễn ra tại Quảng Nam trùng khớp với mốc thời gian bản báo cáo của Trigon. Ngoài ra, với tính cách là nhân chứng cùng thời, Hà Ngại còn cung cấp nhiều tình tiết sinh động về thủ đoạn chính quyền Pháp - Nam phỉnh dụ lãnh tụ Phan Thành Tài, về thân thế nhà ngoại giao Lê Đình Dương, xung quanh túi hồ sơ tài liệu mật mà quân khởi nghĩa đánh rớt bên đường²⁴.

Những bất nhất giữa các tài liệu nêu trên xung quanh cuộc Khởi nghĩa Duy Tân nói riêng, nhân vật Trần Cao Vân nói chung cần được sớm điều chỉnh.

Tạm kết

Trần Cao Vân có một cuộc đời thăng trầm kỳ lạ trong chuỗi dài thời gian hiến thân liên tục cho sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu XX. Ông là vị thủ lĩnh châm ngòi cho các biến cố sôi động hiện thời, rồi lại lướt nhanh qua chúng chuẩn bị kích hoạt loạt sự kiện tiếp sau. Dường như ông lẩn khuất dấu đó để né tránh sự phán xét của lịch sử. Song, không có bị kịch hay vinh quang nào vĩnh viễn bị che vùi. Ông vẫn phải là nhà lãnh đạo mang ý thức Cần vương kiên định sau cùng len lỏi giữa ngóc ngách các trào lưu tân học, cũng như bí thuyết Trung Thiên Đồ phải thất truyền để mới hóa cuộc nhân sinh của hậu thế người Việt Nam hiện đại.

Một hàm xét bao quát: Trần Cao Vân là vị thủ lĩnh tối cao của cuộc Cần vương cuối cùng ở Phú Yên năm 1900, song ông chưa phải là nhà cách mạng tiên phong của cao trào canh tân hiện đại. Bị kịch của Trần Cao Vân nằm ở sứ mệnh dung hòa hai chủ nghĩa - đường lối có tiền đồ trái ngược nhau trong một phong trào chung mang nhiều sơ sót. Hiên nhiên ông mãi là pho tượng đồng ái quốc đầy nhiệt huyết của lịch sử nước nhà./.

NLG-TMB

²³ *Lịch sử Việt Nam từ năm 1897 đến năm 1918*, Sdd, tr 554.

²⁴ *Khúc tiêu đồng - Hồi ký của một vị quan triều Nguyễn*, Sdd, tr 146-151.

VUA DUY TÂN VỚI CUỘC KHỞI NGHĨA TRUNG KỲ NĂM 1916

ThS. NGUYỄN THỊ HUỆ*

Trong 13 vị vua triều Nguyễn, có những ông vua thực tâm yêu nước, một lòng chống Pháp, không chịu khuất phục ngoại bang. Hàm Nghi, Thành Thái và Duy Tân là ba vị vua đã để lại trong lòng người dân Việt Nam sự cảm kích và kính trọng. Các vị không màng danh lợi, coi ngai vàng lúc ấy là cái ghế mà người Pháp đặt con rối lên trên để diễn trò bịp bợm. Các vị đã không chịu nhượng bộ, ra mặt chống lại thực dân Pháp để rồi bị người Pháp đưa đi đày ở Réunion và Algéri, những thuộc địa của thực dân Pháp ở châu Phi. Trong đó, vua Duy Tân với cuộc đời có nhiều điều đặc biệt, chứa đựng cả những nghi vấn cho đến tận hôm nay.

1. Hoàng tử Vĩnh San - Sự nhâm tướng của người Pháp

Vua Duy Tân tên là Nguyễn Phúc Vĩnh San, còn có tên là Hoảng, con thứ 5 của vua Thành Thái và bà Nguyễn Thị Định. Ông sinh ngày 26.8 năm Canh Tý (19.9.1900), là vị vua thứ 11 của vương triều Nguyễn.

Vua cha - Thành Thái lên ngôi lúc lên 10 (1889), sớm bộc lộ tinh thần dân tộc, yêu nước chống Pháp. Ngài khinh ghét bọn quan lại xu phụ thực dân, chỉ biết vun vén cho đầy túi tham, chấp nhận làm tay sai cho ngoại bang, không biết lo cho dân, cho nước. Nhà vua có tinh thần tự cường dân tộc và đầu óc cải cách. Ông ngầm ngầm chuẩn bị cho công cuộc chống Pháp¹. Nhưng sự việc cuối cùng bị lộ khi Thượng thư Bộ Lại và Cơ mật viện báo cho Khâm sứ Pháp Lévêque.

* Trường Đại học Văn hóa, thành phố Hồ Chí Minh.

¹ Có tài liệu nói rằng, nhà vua đã toan bí mật sang Trung Quốc, nhưng mới đi đến Thanh Hóa đã bị người Pháp ngăn chặn. Cũng có ý kiến cho rằng ông đã đồng tình giúp đỡ, tạo điều kiện cho Cường Để xuất dương theo Phan Bội Châu sang Nhật. Ông còn bí mật lập các đội nữ binh để che mắt Pháp. Có tài liệu ghi rằng vua đã chiêu nạp được 4 đội, mỗi đội 50 người, đội trước huấn luyện xong thì trở về gia đình và nạp đội mới, khi có thời cơ sẽ cùng nổi dậy chống Pháp.

Để che mắt, Thành Thái giả hành động như một người mất trí. Lợi dụng cơ hội này, người Pháp vu cho ông bị điên, ép ông thoái vị, nhường ngôi cho con vì lý do sức khỏe. Khâm sứ Pháp còn nói thẳng là đã biết ông có ý đồ chống Pháp, nên không để ông ở ngôi được. Còn nếu Thành Thái muốn tại vị thì ông phải ký vào một tờ giấy xin lỗi, tuyên bố với quốc dân là âm mưu chống lại nước Pháp, nay phải thành thực hồi tâm. Nhưng ông ném tờ tuyên cáo thảo sấn xuống đất, từ chối.

Ngày 29.7.1907, nhân dịp Thành Thái không phê chuẩn việc bổ nhiệm một số quan lại đã được Khâm sứ Lévêque và Hội đồng Thượng thư thỏa thuận, Lévêque đã tuyên bố truất quyền và quản thúc Thành Thái trong Đại nội. Một Hội đồng Phụ chính do Trương Như Cương cầm đầu được thành lập và ngày 3.9.1907, triều thần theo lệnh của Pháp vào điện Càn thành dâng vua dự thảo chiếu thoái vị, có chữ ký của các đại thần (trừ Ngô Đình Khả)², với lý do sức khỏe không bảo đảm, xin tự nguyện thoái vị. Xem xong bản dự thảo, Thành Thái chỉ cười, ghi ngay hai chữ “phê chuẩn” rồi quay lưng đi vào.

Ngày 12.9.1907, Thành Thái bị đưa đi quản thúc ở Cap Saint Jacques (Vũng Tàu ngày nay). Đến năm 1916 ông bị đày ra đảo Réunion cùng với con trai là vua Duy Tân.

Vua Duy Tân sinh ngày 19.9.1900, con trai thứ 5 của vua Thành Thái và bà Nguyễn Thị Định. Vua Thành Thái có 16 hoàng tử, theo lệ cũ của triều đình, người con trưởng Vĩnh Diễm sẽ là người kế vị, nhưng Pháp sợ vua trưởng thành khó sai khiến, muốn chọn một người nhỏ tuổi. Chuyện kể rằng, hôm Khâm sứ Lévêque cầm danh sách các Hoàng tử con vua Thành Thái vào Hoàng cung chọn vua, trong lúc điểm danh thì thiếu mất Vĩnh San. Triều đình hốt hoảng chạy đi kiểm thì thấy Vĩnh San đang chui dưới gầm giường bắt dế. Vĩnh San

² Ngô Đình Khả là thân sinh Ngô Đình Diễm, không chịu ký vào dự thảo chiếu thoái vị của vua Thành Thái. Vì vậy, sĩ phu miền Trung có câu: “Phê vua không Khả”. Sau đó, Ngô Đình Khả bị buộc tội lập giáo đường không xin phép, phải về hưu tại nguyên quán xã Đại Phong, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình, không được lãnh hưu bổng. Theo Hoàng Trọng Thước (1993), *Hồ sơ vua Duy Tân*, Mỗ Làng, Paris, tr 52 - 53.

bị lôi ra, mặt mày lem luốc, quần áo ướt nhẹp vì mồ hôi. Không kịp đưa về nhà tắm rửa, thị vệ đưa ngay Vĩnh San ra trình diện quan Pháp. Mới trông thấy Vĩnh San, các quan Pháp vừa ý ngay vì theo họ đứa bé mặt mày dơ tèm lem có vẻ nhút nhát và dằn dặt chắc là dễ sai khiến. Thế là Pháp chọn Vĩnh San làm vua lúc mới 8 tuổi. Nghĩ tình vua Thành Thái suốt đời ước nguyện đổi mới mà không làm được, nên những người phò tá còn chút quyền hành đã lấy niên hiệu cho người nối nghiệp là Duy Tân.

Thế nhưng, người Pháp đã nhầm! Hoàng tử Vĩnh San - vua Duy Tân không như họ tưởng. Cậu bé Việt Nam tám tuổi này tỏ ra không phải là một cậu bé dễ bị bắt nạt, không muốn làm một ông vua bù nhìn. Chỉ một ngày sau lễ tôn vương, ngày 5.9.1907, vua Duy Tân đã tỏ ra khác hẳn, không còn là một “cậu bé bắt dế” nữa. Nhà vua không hề tỏ ra nhút nhát và sợ Tây, ngược lại, ông tiếp quan Toàn quyền Đông Dương một cách tự nhiên, với tư thế của một ông vua và trao đổi bằng tiếng Pháp, vì vậy, một nhà báo Pháp đã phát biểu rằng: “*Un jour de trône a complètement changé la figure d'un enfant de huit ans*” (“Một ngày lên ngai vàng đã thay đổi hoàn toàn bộ mặt của cậu bé lên tám”). Để kiểm soát hành vi của nhà vua, người Pháp đã lập một Phụ chính gồm sáu ông đại thần³ đặt dưới sự điều khiển của Khâm sứ Pháp; đưa Ebérhard, một tiến sĩ sinh học qua dạy cho vua Duy Tân học khoa học với mục đích theo dõi những hành động của nhà vua.

Thái độ chống Pháp của vua Duy Tân sớm bộc lộ ngay khi còn nhỏ. Có nhiều giai thoại kể về điều này. Nguyễn Đắc Xuân khi viết về *Vua Duy Tân - Lòng yêu nước của một vị vua trẻ*, đã kể lại rằng, chẳng bao lâu sau khi đưa hoàng tử Vĩnh San lên ngôi, người Pháp đã phải làm một ngôi nhà ở Cửa Tùng, xa kinh đô Huế hàng trăm cây số để cho Duy Tân ra đó chơi đùa, sao nhãng bớt chuyện làm vua.

“Ở Cửa Tùng, giữa cảnh trời cao bể rộng, vua Duy Tân không thể quên được lý do vì sao vua cha bị đày. Ông lại càng không quên trách nhiệm làm vua của ông đối với nỗi khổ cực lầm than của dân,

³ Gồm Tôn Thất Hân, Nguyễn Hữu Bài, Huỳnh Côn, Miên Lịch, Lê Trinh và Cao Xuân Dục.

của nước. Một hôm ông ngồi vốc cát biển lên chơi, hai tay bần. Một ông quan thị vệ bưng nước đến cho ông rửa tay. Vừa thò tay vào nước rửa lõm bõm, ông vừa nhìn ông quan thị vệ hỏi rằng:

- Tay nhóp lấy nước mà rửa. Nước nhóp lấy chi mà rửa?

Ông quan sợ quá, nhìn ông hai môi mấp máy mà không nói được nên lời. Nhà vua thông cảm cho người quản gia tội nghiệp, ông tự trả lời:

- Máu!”⁴.

Năm vua 12 tuổi, khi đến dự yến ở Tòa Khâm sứ, một viên cố đạo Pháp giỏi cả tiếng Việt lẫn tiếng Hán, thấy vua vẻ mặt khôi ngô bèn đưa ra câu đối “*Rút ruột ông Vua, tam phân thiên hạ*”. Đây là một câu chiết tự, chữ Vương khi bỏ đi nét Cồn ở giữa thành chữ Tam, vừa mượn tích Tam Quốc, vừa ám chỉ việc chia nước Việt Nam thành ba kỳ. Không chút bối rối, Duy Tân đối lại ngay “*Chặt đầu thằng Tây, Tứ hải giao huynh*”. Vua cũng đối lại bằng một câu chiết tự, chữ Tây bỏ bớt phần đầu phía trên trở thành chữ Tứ. Tuy về sau chưa thật chuẩn nhưng đã thể hiện chí khí chống Pháp dứt khoát của nhà vua⁵.

Năm 1912, Khâm sứ Georges Marie Joseph Mahé mở chiến dịch tìm vàng ở Huế, thậm chí đào cả lăng Tự Đức. Trừ đại thần Nguyễn Hữu Bài, cả triều đình đều nhắm mắt làm ngơ⁶. Duy Tân tức tốc thân hành đến ngăn chặn, nhưng tới nơi thì đã muộn, mọi việc đã xong xuôi. Vua nổi giận đóng cửa Hoàng cung, tuyên bố không giao tiếp với người Pháp, cho đến khi Mahé bị Toàn quyền Đông Dương khiển trách. Tuy nhiên, với Nguyễn Hữu Bài, một đại thần lớn trong triều, vua Duy Tân cũng bày tỏ sự thất vọng. Một lần đi câu ở Phú Văn Lâu, vua ra về đối “*Ngồi trên nước mà không ngăn được nước, trót buông câu nên lỡ phải lần*”. Ông Bài đối lại: “*Nghĩ việc đời mà ngăn cho đời, đành nhắm mắt đến đâu hay đó*”. Vì vậy, vua Duy Tân cho rằng Nguyễn Hữu Bài là người cam chịu trước số mạng, tinh thần

⁴ Có tài liệu viết rằng, vua Duy Tân đã tự trả lời với viên thị vệ rằng, “*Nước bần thì phải tìm cách trừ khử những chất ngoại lai lẫn vào trong đó, hiểu không?*”.

⁵ Theo báo *Tri Tân* số 196.

⁶ Vì vậy trong dân gian có câu: “*Phế vua không Khả, đào mã không Bài*”.

cầu an đó không thể cùng vua lo đại nghiệp cứu nước, từ đó nhà vua không bao giờ tỏ lộ tâm tình với ông này nữa.

Vua Duy Tân nhiều lần bày tỏ sự phản kháng của mình đối với người Pháp. Đầu năm 1914, Duy Tân họp các vị Thượng thư, chỉ thị cho hai người phải qua Pháp trình Tổng thống Pháp một dự án sửa đổi bản hiệp ước Patenôtre (ký năm 1884) vì nhà vua cảm thấy người Pháp đã vi phạm rất nhiều điều mà hai bên đã ký kết với nhau. Nhưng không ai dám nhận sứ mạng này. Thượng thư Huỳnh Côn lại đi mách với Hoàng thái hậu để Bà la rầy nhà vua một cách gắt gao.

Về sau, trong một buổi học chữ Hán với Thượng thư Huỳnh Côn, Duy Tân phàn nàn: “*Không có ông Thượng thư nào chịu nghe ta cả. Ta làm vua chỉ có hư danh thôi*”. Huỳnh Côn tức tức đi mời Chủ tịch hội đồng và Thượng thư bộ Hình đến. Duy Tân lặp lại câu đã nói đó. Vừa lúc Nguyễn Hữu Bài đi ngang qua, nghe được, tâu: “*Ngài muốn đánh Pháp, nhưng Ngài lấy gì mà đánh? Ngài không có tài chánh mà cũng không có quân đội*”. Nhà vua làm thinh một chốc, rồi nổi giận la to lên: “*Lúc này chính là lúc phải xúi dân nổi dậy, lúc mà nước Pháp đang lâm chiến*”⁷. Có lẽ, quan điểm dựa vào dân chúng để khởi nghĩa chống Pháp của vua Duy Tân đã bộc lộ rõ từ lúc này.

Năm 15 tuổi, vua Duy Tân đã triệu tập cả sáu ông Phụ chính đại thần, buộc các vị phải ký vào biên bản đề đích thân vua sẽ cầm qua trình với Tòa Khâm sứ, nhưng việc không thành vì các quan trong triều đều sợ người Pháp nổi giận nên họ đã báo cho Thái hậu để nhờ Thái hậu can vua. Điều này đã khiến vua Duy Tân không còn tin tưởng vào triều đình trong việc chống Pháp nữa.

Cuộc Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất nổ ra đã khiến nước Pháp tổn thất nhiều về người và của. Để bù đắp cho những thiệt hại này, chính quyền Đông Dương buộc phải tăng cường bắt lính một cách ráo riết. Chúng tập trung hàng ngàn binh lính ở Huế chuẩn bị đưa xuống tàu sang chiến trường châu Âu. Điều này gây nên sự phản ứng mạnh mẽ trong nhân dân và binh lính, nhất là ở Quảng Nam,

⁷ Huỳnh Côn, *Hồi ký*, do Jean Jacnal ghi lại bằng tiếng Pháp, đăng trong *Revue Indochinoise* năm 1924. Hoàng Trọng Thước, Sdd, tr 95.

Quảng Ngãi và Huế. Các sĩ phu yêu nước ở Trung Kỳ, đặc biệt là các hội viên Quang phục hội, xem đây là cơ hội để vận động quần chúng đứng lên khởi nghĩa.

Tình hình ngày càng trở nên cấp thiết. Song, trong cuộc họp của các yếu nhân tại nhà Đoàn Bổng, thư lại bộ Hộ ở đường Đông Ba (Huế) vào tháng 9.1915, do Thái Phiên chủ trì, sau khi bàn bạc, phân tích kỹ lưỡng đã quyết định hoãn cuộc khởi nghĩa thêm một thời gian và mời vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa để yên lòng dân chúng⁸. Thái Phiên và Trần Cao Vân đảm nhận việc vận động nhà vua.

Vua Duy Tân ngày càng tỏ ra kín đáo hơn, ấp ủ chờ cơ hội đánh Pháp để giải phóng đất nước. Nhưng ý muốn cứu nước của nhà vua lại được nhân dân địa phương biết đến rất nhanh. Bấy giờ có ông Khóá Bảo - một người hoạt động cách mạng ở Quảng Trị - đã tìm mọi cách để được đến gặp nhà vua. Gặp nhau vua tôi rất vui mừng. Ông Khóá đã kể hết những chuyện tai nghe mắt thấy về tội ác của giặc Pháp bóc lột dân ta và nỗi lầm than khổ ải của dân mình. Nhà vua nghe chuyện và đã khóc. Nhờ ông Khóá Bảo mà Việt Nam Quang phục hội biết được vua Duy Tân đang muốn hoạt động cứu nước.

Để có điều kiện tiếp xúc với nhà vua, Quang phục hội đã bỏ ra một món tiền rất lớn để thương lượng với người lái xe ô tô của vua, để người này tự xin thôi việc và giới thiệu Phan Hữu Khánh, hội viên Quang phục hội vào thay. Phan Hữu Khánh hằng ngày ở cạnh ông vua yêu nước. Một hôm, nhà vua ngự du Cửa Tùng, Phan Hữu Khánh dâng lá thư của Quang phục hội (do Lê Ngung viết, đứng tên một số yếu nhân). Nội dung lá thư nói về sự cơ cực, lầm than của nhân dân, nỗi nhục của quốc gia, dân tộc và nêu lên ý định phục quốc của nhân dân. Lời lẽ trong thư có nhiều đoạn thật hào hùng, cảm động, vừa khích lệ tinh thần ái quốc, vừa khơi gợi lòng căm hận vì vua cha bị truất phế, lăng tẩm cha ông bị đào bới:

“Kia nước Mỹ dòng giống da đen, năm mươi năm còn có thể tự cường,

⁸ Có lẽ có sự nhầm lẫn, bởi nếu căn cứ vào Chỉ dụ của vua Duy Tân ban bố ngày 22 tháng 3 Duy Tân thứ 9, tức ngày 5.5.1916, thì việc liên hệ này đã diễn ra trước đó rồi.

Hướng dân ta con cháu nhà vua, hai lăm triệu nữ đàn hèn yếu?

Trời sinh vua thông minh, có chí cử binh chống Pháp.

Đất sinh người tuấn kiệt, có quyền đuổi giặc yên dân!

Đức vua cha của Ngài tội gì phải bị đày?

Lăng Dục Tôn có gì bị bói?”⁹.

Xem xong thư, vua Duy Tân rất cảm động, tha thiết nói với Khánh cho gấp gấp người đã gửi phong thư. Khánh sung sướng quỳ xuống bái tạ và xin sẽ tổ chức cuộc gặp mặt. Vua Duy Tân thoát đứng dậy cầm vai Khánh nâng lên:

- Đáng lẽ ta phải tạ ơn nhà ngươi, sao nhà ngươi lại bái lạy ta, thương mến ta thì hãy giúp ta!¹⁰.

Thế là Trần Cao Vân và Thái Phiên cùng vua Duy Tân mưu đồ khởi nghĩa đánh Pháp. Việc đầu tiên nhà vua làm là tránh liên lụy đến những người mà vua quý mến. Vua Duy Tân thích con gái của Thượng thư Hồ Đắc Trung và muốn lấy làm phi, lễ hỏi đã được gửi đến nhà, thế nhưng, khi chỉ còn 2 tháng nữa là nhập cung thì vua đột ngột từ hôn, yêu cầu triều thần tìm người khác. Sau này, Pháp điều tra mới biết vua linh cảm được sự nguy hiểm nên không muốn gia đình họ bị liên lụy, bởi lúc này vua đã được Việt Nam Quang phục hội thuyết phục cùng tham gia kế hoạch khởi nghĩa đánh Pháp¹¹.

2. Vua Duy Tân - Linh hồn của cuộc khởi nghĩa

Sau khi biết vua Duy Tân đã sẵn lòng hợp tác, Thái Phiên và

⁹ Âm chữ Hán: “*Tha Mỹ quốc hắc nô chủng tộc, ngũ thập niên do khả tự cường, Hướng ngô dân hoàng đế tử tôn, năm ngũ triệu khởi cam chủng nhược? Thiên khai thánh minh, hữu bài Pháp hưng binh chi chí, Địa sanh nhân kiệt, hữu truật dân thảo tặc chi quyền. Phụ hoàng Hoàng đế hà tội kiến thiên? Dục Tôn tôn lăng hà tội kiến quật?*”.

¹⁰ Kể chuyện các vua Nguyễn, Tôn Thất Bình dẫn theo Thái Văn Kiểm. Nguồn: *Truyện Danh nhân: Duy Tân*, truyenviet.com.

¹¹ Theo “‘Giải mã’ số phận bi thảm của một vị vua chống Pháp”. Kỳ 1: “Chống Pháp từ tuổi còn thơ”. Nguồn: <http://huc.edu.vn>; Hoàng Trọng Thước (1993), Hồ sơ vua Duy Tân, Mỗ Làng, Paris, tr. 52 - 53; Nguyễn Tấn Lộc, “Duy Tân (1900 - 1945)”. Nguồn: <http://vietsciences.free.fr>.

Trần Cao Vân tìm cách tiếp cận nhà vua. Hai ông giả làm người đi câu, vào hồ trong thành nội dâng kế hoạch lên, vua xem và đồng ý tất cả. Nhà vua bày tỏ sự lo ngại việc Pháp sớm đưa 3.000 lính mộ ở Mang Cá (mà Quang phục hội đã kết nạp được) xuống tàu sang Pháp¹², nên có ý hối thúc hành sự càng sớm càng tốt.

Sau cuộc gặp gỡ lịch sử bên hồ Tịnh Tâm, Thái Phiên và Trần Cao Vân trở lại đất Quảng khẩn trương vạch kế hoạch để đón thời cơ khởi nghĩa, còn nhà vua lặng lẽ trở về Hoàng cung. Ngày 5.5.1915 (22 tháng 3 năm Duy Tân thứ 9), vua Duy Tân đã ra một bản chỉ dụ kêu gọi thần dân trong nước nổi dậy hưởng ứng cuộc đấu tranh chống Pháp với lời lẽ thông thiết:

“Kính thừa Thiên mệnh

Hoàng đế truyền rằng:

Trẫm thấu tỏ rằng trong khắp đất nước Đại Nam ta, biết bao những thần dân can trường, dũng cảm, tận tụy, tràn đầy lòng hy sinh cao cả cho non sông đất nước, đang phải trôi dạt lẫn khuất giữa chốn núi rừng. Những thần dân cao cả đó giờ đây đang rời nơi ẩn náu để cùng nhau tiến hành cuộc chiến đấu chống lại bọn người Tây phương.

Hỡi các người! Các thần dân can trường bất khuất của Vương quốc ta. Tất cả các người đều là những thần dân dũng cảm, giàu lòng ái quốc, sục sôi bầu nhiệt huyết cao quý. Nếu các người muốn thấy gia đình dòng tộc được bền vững dài lâu và còn muốn bảo vệ Đức Vua của đất nước Đại Nam, các người hãy cùng tụ hội về lãnh địa làng Văn Xá phủ Thừa Thiên. Đó là nơi vốn có một ngọn núi nhỏ.

Trẫm chỉ định các thần dân dưới đây được lãnh trọng trách làm tướng:

- Một người là ông Nguyễn Đức Công ở tỉnh Hà Tĩnh,
- Một người là ông Nguyễn Bùi Lễ ở tỉnh Quảng Nam,

¹² Hàng chục ngàn lính Việt mà Pháp tuyển mộ để gửi sang “mẫu quốc”, phần lớn đã được cách mạng ta kết nạp làm “nghĩa binh”, sẵn sàng ứng tiếp lúc lâm sự.

- Một người là ông Trần Phu ở tỉnh Hà Tĩnh,
- Một người là ông Vũ Đình Xán ở tỉnh Nghệ An.

Trẫm phong cho ông Nguyễn Đức Công làm Tả quân chính đạo, thống lĩnh toàn thể các đạo quân cánh trái; phong các ông Lễ, Phu, Xán làm Thủ toán, chỉ huy các đạo quân.

Ngày 22 tháng 3 Duy Tân thứ chín.

Ngự bút”¹³

Sau nhiều ngày hội họp bí mật, một kế hoạch khởi nghĩa đã được thông qua, Ủy ban khởi nghĩa được thành lập bao gồm:

Chỉ huy tối cao: Vua Duy Tân

Cố vấn: Trần Cao Vân

Chủ tịch, phụ trách khu vực Huế: Thái Phiên

Phụ trách vùng Quảng Nam: Phan Thành Tài, Đỗ Tự, Ông Văn Long

Phụ trách vùng Đà Nẵng: Lâm Nhĩ, Hồ Cẩm Vinh

Phụ trách vùng Hội An: Lê Đình Dương

¹³ Âm bản chữ Hán: “*Khâm thừa Thiên mệnh, Hoàng đế chế viết:*

Trẫm dữ Đại Nam ly phiếm hùng nhân giả đương kim ẩn tại Nam sơn chi trung, xuất dã dĩ địch lực dữ Tây phương quốc nhân, giai kê hung tài khí chi nhân dã. Nhược Nam nhân tồn thân thiết ư Đại Nam vương tắc giai tựu tại Thừa Thiên phủ Văn Xá xã chi địa nhưng tại tiểu sơn chi trung. Dĩ hậu kế vi tướng:

Nhất dã Hà Tĩnh tỉnh Nguyễn Đức Công

Nhất dã Quảng Nam tỉnh Nguyễn Bùi Lễ

Nhất dã Bình Định tỉnh Trần Phu

Nhất dã Nghệ An tỉnh Vũ Đình Xán.

Phong Nguyễn Đức Công vi Tả quân chính đạo, tôn các Lễ, Phu, Xán phong vi đạo toán.

Duy Tân cửu niên tam nguyệt nhị thập nhị nhật.

Ngự bút. Trong văn bản này có 2 dấu kiểm. Một dấu kiểm đóng áp trên chữ “Cửu” và một dấu kiểm mang dòng chữ “Ngự tiền chỉ bảo” đóng sát bên phải. Bản dịch của Nguyễn Trương Dân dựa vào bản chữ Hán và tham khảo bản dịch tiếng Pháp ở Trung tâm Lưu trữ quốc gia hải ngoại, kho Toàn quyền Đông Dương. Dẫn theo Ngô Văn Minh (2012), *Chỉ sử Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX*, NXB. Đà Nẵng, tr 210 - 212.

Phụ trách vùng Quảng Ngãi: Lê Ngung, Nguyễn Sụy, Phạm Cao Châm

Theo Trần Cao Vân, dịch số ấn định cuộc khởi nghĩa sẽ phải nổ ra vào một ngày giờ thích hợp mới mong thành công, và ông đã chọn “ngày vàng” rồi truyền đi đến các tỉnh, thông tin đó ẩn trong một bài thơ¹⁴. Theo ý thơ thì, ngày giờ được chọn là giờ Ngọ, ngày Ngọ và tháng Ngọ (phút đầu muôn dặm nửa giờ trưa).

Nhưng vì tình thế bức bách, hàng ngàn binh lính Việt sắp xuống tàu đi Tây, nếu không khởi nghĩa sớm thì mất một lực lượng lớn nên phải thuận theo yêu cầu của vua Duy Tân khởi nghĩa sớm hơn, tức là ngày 3.5.1916¹⁵. Sắp đến ngày khởi nghĩa, vua Duy Tân còn ban bố mật chiếu để ra lệnh cho *“tất cả các quan lại trên ba kỳ nổi dậy, bắt đầu cuộc đấu tranh gọi là “Nghĩa” của những người trung thành vào đêm mùng 2 rạng ngày mùng 3 tháng Tư, tức mùng 3 sáng ngày 4 tháng Năm”*¹⁶, gọi là Chiếu Phục quốc hay Chiếu Khởi nghĩa với nội dung như sau:

“Thuận theo ý Trời, Trẫm công bố Chiếu chỉ Phục quốc:

Tình yêu Tổ quốc khiến Trẫm không đội trời chung với kẻ thù; đó là nguyên tắc xử thế trong quá khứ của các vị vua lớn cũng như của các nhà ái quốc anh minh.

Từ tuổi nhỏ ngồi lên ngai vua, đến nay Trẫm tính đã có mười năm trị vì. Nhìn cảnh đất nước Trẫm thật xiết bao đau buồn, tình thế của vương triều càng đem lại cho Trẫm nỗi thống khổ biết chừng nào. Tấm lòng của Trẫm ưu sầu vì nhân dân đã trải qua những thời gian thử thách nặng nề và hai vị vua đã không trở về.

¹⁴ Một mối xa thư đã biết chưa?

Bắc - Nam hai ngả gặp nhau vừa

Đường rầy đã thẳng thang mây bước

Ông khói càng cao ngọn gió đưa

Sấm dậy tứ bề trăm mây chuyển

Phút đầu muôn dặm nửa giờ trưa

Trời sai ra dọn xong từ đây

Một mối xa thư đã biết chưa?

(Hóa xa Huế - Hàn)

¹⁵ Tôn Thất Bình, *Kể chuyện các vua Nguyễn*, NXB. Văn hóa Thông tin, 2008.

¹⁶ Dẫn theo Ngô Văn Minh (2012), Sdd, tr 220.

Mong muốn phục quốc cháy sáng trong tâm can Trẫm, và đối với Trẫm, đã trở thành một lý do để trấn trở, vì Trẫm vẫn chưa tìm thấy một con đường giải quyết thuận lợi. Ý Trời cũng vừa tỏ ra thuận theo mong muốn của Trẫm, đã cổ súy tất cả những người cùng chung nguyện vọng được bộc lộ vào một thời cơ tốt lành. Mọi người đã cùng Trẫm bàn bạc, rồi thảo ra một văn kiện cho lưu hành khắp nơi, nhằm giành lại di sản của tổ tiên Hồng Bàng.

Sau đây là Cương lĩnh của Trẫm tóm tắt qua những đường lối lớn:

1- Rất coi trọng việc thi hành những nhiệm vụ xã hội, được thể hiện ở nguyên tắc cơ bản về sự trung thành với các vị vua của triều Nguyễn.

2- Tạo dựng một Nhà nước lập hiến với khẩu hiệu “Vì sự hoàn thiện cao nhất trên con đường Văn Minh”.

3- Thiết lập một Hiến chương chính trị liên quan đến Nhà nước lập hiến và những quyền tự do chính trị.

4- (Câu này đề cập sự tôn trọng các tôn giáo hay một giáo phái, không thật rõ) (*).

Mục đích mà Trẫm theo đuổi có tầm quan trọng lớn nhất. Cần biết rằng con người khi bắt tay thực hiện một mưu sự nào, phải có sự phù hộ của Trời Đất để có thể thành công. Vậy thì, khi mà Đấng Chí tôn đã biểu thị sự đồng cảm với con người, chúng ta còn có gì phải do dự nữa? Chính vì vậy, không chút chậm trễ, Trẫm gửi đi Chiếu chỉ này và đặt vào đây Danh dự và Tính mệnh của mình. Trong tất cả mọi việc, Trẫm trao quyền hành động cho Hồng Việt, Hoàng Anh, Thanh Minh và Lam Giang, với sự hợp tác của những người có tâm lòng cao cả trong ba kỳ của Quốc gia Annam, dù họ là quan chức, viên chức, đương nhiệm hay không đương nhiệm, các nho sĩ, thân hào, người bình dân, và tất cả đều vì mục đích theo đuổi là đem lại một kỷ nguyên Văn Minh.

Ngay sau khi sự nghiệp hoàn thành, tất cả những ai có công hiến sẽ được nhận những phần thưởng xứng đáng và sẽ trở thành bất tử qua thời gian.

Bất cứ ai cản trở sự nghiệp này sẽ bị truy tố và trừng phạt không tha thứ.

Nay kính báo”.

Phần cuối của bức chiếu này có ghi thêm những người nhận đề thi hành. Tạm dịch (từ nguyên văn tiếng Pháp):

“Chuyển để thi hành:

- đến đạo nhơn Trần..., tự Hồng Việt – chức vụ và cấp bậc: Cố vấn cao cấp, Tế tướng để phục hưng, phòng vệ đoàn tùy tùng hoàng gia, phụ trách các vấn đề quân sự.

- đến đạo nhơn Thái..., tự Hoàng Anh, Phó cố vấn cao cấp, Tổng đốc Hoàng Thành, phụ trách các vấn đề tài chính và kinh tế.

- đến đạo nhơn Lâm..., tự Thanh Minh, Thống chế, người bảo vệ đoàn tùy tùng hoàng gia, phụ trách các công tác quản trị.

- đến đạo nhơn Nguyễn..., tự Lam Giang, Phó Thống chế, Tổng đốc Thành nội và thành phố Kinh đô, phụ trách hành chính.

Hạ chiếu chỉ ngày 27 tháng 3 năm Duy Tân thứ 10”¹⁷.

Với bức Chiếu này, quả là nhà vua đã đặt cả danh dự và tính mệnh của mình vào đây. Bởi ta biết rằng, chấp nhận đánh Pháp là cả một sự dấn thân, cả một sự hy sinh cao cả của nhà vua. Không thể quay lại ngai vàng nếu đại nghiệp không thành, trừ phi chấp nhận sự hèn nhát, nhục nhã! Bức Chiếu cũng đã cho thấy rằng, trong cuộc đấu tranh này, vua Duy Tân trở thành ngọn cờ tập hợp lực lượng, là linh hồn của cuộc khởi nghĩa và trong tất cả mọi việc, nhà vua đã “trao quyền hành động cho Hồng Việt, Hoàng Anh, Thanh Minh và Lam Giang” là các yếu nhân của Việt Nam Quang phục hội để họ cùng “với sự hợp tác của những người có tấm lòng cao cả trong ba kỳ của Quốc gia Annam” mà làm nên nghiệp lớn¹⁸.

¹⁷ Theo Nguyễn Trương Đan. Nguồn: *Đà Nẵng cuối tuần*.

¹⁸ Về bức Chiếu khởi nghĩa đề ngày 29.4.1916 của vua Duy Tân, ông Nguyễn Trương Đan cho biết, ông có được là nhờ “những người được vua Duy Tân “trao quyền hành động trong tất cả mọi việc”, và là những người tiếp nhận chiếu chỉ của nhà vua để thi hành theo như đoạn cuối của bức chiếu”.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Trương Đàn cho biết, tại Trung tâm lưu trữ Hải ngoại Aix-en-Provence, Pháp, trong Thư khố Toàn quyền Đông Dương, tại hồ sơ 4199, là “*Bản báo cáo về tình hình chính trị của Annam*” do Le Marchant de Trigon đề ngày 10.7.1916 có đoạn (Tạm dịch từ nguyên văn tiếng Pháp):

“Vào đêm 27 tháng Tư 1916 ở làng Miếu Bông - Quảng Nam đã diễn ra một cuộc họp lớn của những người mưu phản. Tại đây đã thông báo chiếu chỉ của nhà vua ra lệnh cho tất cả các quan lại trên ba kỳ nổi dậy, bắt đầu cuộc đấu tranh gọi là “Nghĩa” - của những người trung thành - vào đêm mùng 2 rạng ngày mùng 3 tháng Tư - tức mùng 3 sang 4 tháng Năm. Chiếu chỉ này cũng kèm theo thông báo việc bổ nhiệm bốn quan chức cao cấp:

Trần Cao Vân, Cố vấn cao cấp, người bảo vệ Đức Vua, phụ trách công tác quân sự;

Thái Phiên, Phụ tá cố vấn cao cấp, phụ trách công tác tài chính và kinh tế;

Lâm Nhĩ, Thống soái;

Nguyễn Siêu, Tổng đốc thành nội và kinh đô...”¹⁹.

Như vậy sử liệu này có thể coi như lời kể lại một chi tiết về đêm trước của sự kiện bùng nổ ở Kinh đô Huế, tức là cuộc khởi nghĩa đêm ngày 3 rạng sáng 4.5.1916. Chi tiết đó đã diễn ra chính ở một làng nhỏ ven thành phố nhượng địa Đà Nẵng lúc bấy giờ: làng Miếu Bông; và những yếu nhân được nhà vua trao mọi quyền hành động, có đến ba người là những người con xứ Quảng: Trần Cao Vân, Thái Phiên, và Lâm Nhĩ²⁰.

Về cuộc họp này, ông Nguyễn Trương Đàn cho biết, trong Báo cáo tình hình chính trị ở Trung kỳ quý 2 năm 1916, dài 12 trang do

¹⁹ Theo: Nguyễn Trương Đàn, Tlđđ.

²⁰ Theo Nguyễn Trương Đàn. (*) Câu này in nghiêng trong tài liệu, không phải là một câu trong bản gốc, để nói rằng người dịch bản Chiếu chỉ từ tiếng Hán ra tiếng Pháp, vì một lý do nào đó, không có được nguyên văn câu viết ở điểm 4 này. Người dịch: Nguyễn Chí Tình, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam. Nguồn: Đà Nẵng cuối tuần. <http://trinhthikimloan.violet.vn>.

Khâm sứ Le Marchand de Trigon viết ngày 10.7.1916 (lưu trữ tại Hồ sơ Toàn quyền Đông Dương số 4199, Trung tâm lưu trữ quốc gia Pháp tại Aix-en-Provence, Pháp - viết tắt là ANOM-GGI-4199), có đoạn viết: *“Trong cuộc họp đêm 27.4.1916 tại làng Miếu Bông cũng đã đưa ra quyết định soạn thảo một bản tuyên ngôn gửi cho quốc dân khi cuộc tổng khởi nghĩa nổ ra.*

*Bản tuyên ngôn do Thái Phiên soạn thảo và được Mai Dị tu chỉnh. Một bản sao của Tuyên ngôn này đã được tìm thấy ở Hội An...”*²¹.

Công việc chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa cơ bản đã hoàn thành. Trong thành nội, Tôn Thất Đề và đội trưởng Nguyễn Quang Siêu đốc suất các đội thân binh, thị vệ trấn giữ Hoàng thành. Trần Đại Trinh điều động lính tập giữ Tòa Khâm sứ Pháp quay súng giúp nghĩa quân. Một đội cảm tử Nam Ngãi hiệp cùng dân quân phụ cận kinh thành công hãm cho được Tòa Khâm sứ. Ở các tỉnh Quảng Trị, Đà Nẵng, Hội An, Quảng Nam, Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Bình Định, ngoài các lực lượng chính thức (lính tập, lính mộ) đã kết nạp được, còn có nghĩa quân vũ trang với vũ khí trợ giúp từ bên ngoài đưa vào.

Cờ khởi nghĩa sẽ là nền đỏ với 5 ngôi sao trắng, lấy ý nghĩa “Ngũ tinh tụ tĩnh” ở Kinh Dịch. Lúc này, Phan Bội Châu đang bị Long Tế Quang bắt giam tại Trung Quốc đã bí mật gửi Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền sang Xiêm liên lạc với lãnh sự Đức. Lãnh sự Đức biểu một vạn đồng bạc Xiêm và hứa nếu hoạt động có tiếng vang ra để chính phủ Đức được biết, thì sẽ có viện trợ chính thức nhiều hơn.

Ngày khởi nghĩa như đã định là 1 giờ sáng ngày 4.5.1916, Thái Phiên và Trần Cao Vân sẽ điều động chiếm giữ kinh đô và rước Duy Tân ra khỏi Hoàng thành để tiến hành cuộc khởi nghĩa. Sau khi khởi nghĩa thành công sẽ rước vua trở lại ngai vàng.

Theo kế hoạch, đúng một giờ sáng ngày khởi nghĩa, quân khởi

²¹ Nguyễn Trương Đan, “Tìm hiểu di ngôn của Thái Phiên”. Nguồn: <http://www.baodanang.vn>.

nghĩa sẽ đốt lửa trên đồi Thiên Mục để báo hiệu cho các cánh quân đồng loạt nổi dậy. Lính lệ ở Trường Thi sẽ hợp với quân của một sĩ quan người Đức chỉ huy đồn Mang Cá²², tiến hành đánh chiếm Tòa Khâm và trụ sở các bộ. Súng thần công tại kinh thành sẽ được bắn, để đúng 1 giờ sáng ngày 4.5.1916, trên đỉnh đèo Hải Vân sẽ nổi lửa phát tín hiệu truyền đi.

Nhưng trước đó một ngày, kế hoạch bị bại lộ²³. Đêm ấy, mùng 3 tháng 5, vua Duy Tân đi chân đất, đầu chít khăn đen, mặc áo cụt đỏ sẫm, quần vải trắng, bí mật ra khỏi Hoàng thành. Một chiếc thuyền dưới sự điều khiển của Trần Cao Vân đậu chờ vua ở bến Thương Bạc. Người vừa bước xuống thì thuyền quay mũi ngược lên sông đào Lợi Nông.

Lúc ấy, trong một ngôi nhà bên bờ sông Lợi Nông²⁴, các lãnh tụ cuộc khởi nghĩa họp mặt lần cuối trước lúc hành động. Nơi đây nhà vua đã gặp Trần Quang Trứ²⁵, người được chỉ định tấn công vào

²² Tại đồn Mang Cá (Huế), Trần Quang Trứ (thư ký tòa Công sứ Pháp ở Huế) vận động viên đại tá lính lê dương (gốc người Đức tên là Harmandes) để nội ứng chỉ huy 3.000 lính mộ, lính khổ xanh, lính khổ vàng.

²³ Võ An, lính khổ xanh, mới được kết nạp vào Quang phục hội, bị đổi từ Quảng Ngãi đi Phú Yên. Trước khi đi, y dặn với em trai là Võ Huệ làm lính gián ở dinh Án sát Quảng Ngãi rằng, đến ngày 2.4 Bính Thìn (3.5.1916), hãy về quê và xa lánh công đường vì bữa đó có biến (!). Khi Huệ xin nghỉ việc, Án sát Phạm Liệu tra hỏi lý do, Huệ trả lời lỏng vòng, Liệu sinh nghi, truy đến cùng, Huệ sợ quá nên khai ra. Phạm Liệu trình với Công sứ De Tastes. De Tastes mặt điện ra Huế. Khâm sứ Charles ra lệnh tịch thu tất cả súng đạn, tập trung hết thầy binh lính lại, và điện cho các tỉnh biết đề phòng.

²⁴ Hai anh em Lê Cảnh Vận và Lê Châu Hàn quê làng Mỹ Thị, nay là phường Bắc Mỹ An, thành phố Đà Nẵng, đồng hương rất gần với Thái Phiên. Vào thời kỳ nổ ra cuộc khởi nghĩa, hai anh em ra Huế, ở tại nhà của thân phụ là Phó đô ngự sử Lê Hữu Khánh, chính là căn nhà này (nằm ở vùng Phú Cam, ngay gần bờ con sông nhỏ chảy từ sông Hương đến An Cựu). Thái Phiên và hai anh em Vận, Hàn đã dùng ngôi nhà này làm đại bản doanh trong đêm khởi nghĩa ngày 3 rạng sáng 4.5.1916.

²⁵ Có tài liệu viết rằng, Trần Quang Trứ (Thông phán ở Tòa Khâm sứ Huế), người có công lớn chiêu dụ lính ở đồn Mang Cá, thấy lệnh thu súng, cấm trại, biết việc đã bị lộ, liền đi đến bến Thương Bạc lúc 11 giờ đêm gặp vua Duy Tân đã cải trang theo lối thường dân, có Tôn Thất Đề và Nguyễn Quang Siêu hộ vệ, xuống thuyền của Thái Phiên và Trần Cao Vân đến rước. Trứ liền đi vòng ra ngã sau vào Tòa Khâm sứ tố giác. Một tài liệu khác nói rằng, Trứ biết thông tin khởi nghĩa từ cô cháu gái Trần Thị Nương (Trần Thị Rớt), mồ côi cha mẹ, ở với ông Trứ (chú ruột) từ nhỏ, là bạn gái của đại tá Harmandes. Viên sĩ quan người Pháp gốc Đức này muốn bạn gái yên lòng là ông sẽ ở lại Việt Nam lâu dài. Trứ hay tin liền vào

Mang Cá. Nhà vua tướng Trứ là người tâm huyết nên thổ lộ tâm can với Trứ, khuyến khích Trứ hãy ra sức giết bọn Pháp để trả thù cho nước. Trứ giờ tay tuyên thệ trước đảng mình vương.

Thay vì đi thẳng xuống Mang Cá hành động, Trứ về ngay tòa Khâm sứ, báo cho Công sứ biết tất cả bí mật của tổ chức khởi nghĩa. Công sứ báo ngay với Khâm sứ Trung kỳ. Khâm sứ Charles không ngạc nhiên khi nghe vua Duy Tân dám bỏ cung vàng điện ngọc theo đuổi cuộc khởi nghĩa chống Pháp. Charles nghe báo cáo lúc hai giờ sáng, vội vào điện Càn thành để xem xét, chỉ thấy vài thị vệ đi lại, mặt mày nhón nhác lo sợ như có một biến cố gì hết sức quan trọng sắp nổ ra. Charles về ngay Tòa Khâm, truyền lệnh bằng điện thoại và dùng lính Pháp chạy truyền lệnh chặn đứng ngay cuộc khởi nghĩa: giới nghiêm, bắt bất cứ ai giờ đó còn lảng vãng ngoài đường, thu hết súng ống của binh lính Việt đồn trú trong Mang Cá, các đoàn lính Pháp tuần tiểu khắp các nẻo đường. Tòa Khâm thông báo tình hình cho Công sứ Pháp các tỉnh từ Quảng Bình vào đến Bình Thuận (?) để đối phó với cuộc khởi nghĩa có thể xảy ra.

Cuộc khởi nghĩa bị bại lộ. Thuyền chở vua Duy Tân chèo gấp về Hà Trung, dự định sẽ trốn ở đó, rồi dùng ghe bầu bí mật rước vua vào Quảng Nam hay Quảng Ngãi. Ở Hà Trung một hôm, dân chúng biết được chạy đến báo yết. Sợ lộ bí mật, vua Duy Tân và đoàn tùy tùng phải ngược lên vùng núi phía tây nam Thừa Thiên. Đoàn trú vào nhà Võ Đình Cơ. Biết tin²⁶, Tòa Khâm chuẩn bị phương tiện đi bắt vua Duy Tân. Trong lúc ấy, Đội Cơ hay tin vua ngự nhà mình, liền tức tốc chạy về nhà. Thấy dáng điệu hốt hoảng của Đội Cơ, vua Duy Tân biết là ở đây không ổn, định ra đi thì Đội Cơ sụp lạy trước mặt vua và van xin:

Quảng Ngãi báo tin và thăm dò ý kiến anh trai là Trần Tiến Hối. Hối liền đưa Trứ đến gặp Công sứ De Tastes. Công sứ De Tastes chờ anh em Trứ ra Huế để mật trình với Khâm sứ Charles. Charles cấp báo cho Toàn quyền Đông Dương. Toàn quyền lệnh phải theo dõi Duy Tân, từ đó, Trứ được giao nhiệm vụ theo dõi vua và chui vào hàng ngũ nghĩa binh. Trước khi khởi nghĩa nổ ra, đại tá Harmandes bị mật thám Pháp ám sát.

²⁶ Nhà Võ Đình Cơ ở xóm Ngũ Tây, thôn An Cựu (xã Thủy An ngày nay). Khi đoàn đến thì ông Cơ đi vắng, bà Đội tiếp vua rất nhiệt tình, nấu cháo dâng vua. Nghe lao xao, trùm Tôn, anh ruột Đội Cơ ở gần đó, chạy sang. Thấy vua tôi đang húp cháo gà, y chạy một mạch về báo với Tòa Khâm.

- Ngài Ngự đi, Tòa Khâm lên bắt mà không có thì nhà tôi chết hết.

- Vua thấy nguy cơ không thể trốn được bèn trở cán quạt nện vào đầu Đội Cơ mấy cái và mắng:

- Mày ăn cơm ai, mày mặc áo ai, mày lại phản vua của mày.

Nói xong, vua Duy Tân nhìn lên trời than:

- Cứu dân mà bị dân phản thì chỉ có trời biết!

Cuộc khởi nghĩa bị thất bại, Thái Phiên và Trần Cao Vân định đưa vua đi tắt đường núi về địa điểm đã định là Bà Nà ở Quảng Nam, nhưng vua bị mệt, tạm nghỉ lại một ngôi chùa bên núi Ngũ Phong²⁷, gần vùng Nam Giao. Sáng hôm sau, khi nhà vua đang sửa soạn lên đường, thì có Le Fol, Đồng lý văn phòng tòa Khâm, Sogny chánh mật thám Huế, Lanneluc, giám binh với 21 lính khố xanh và Trần Quang Trứ; Võ Liêm, Tá lý bộ Lễ và Hồ Hành, Đội cơ, với một toán lính Nam triều, đến bắt. Duy Tân vẫn bình thản, đối đáp như khi còn ở trong triều. Gặp vua, Le Fol trình trọng cất mũ chào:

- Tâu Hoàng thượng, Ngài ngự giá dạo chơi xong rồi chứ?

Duy Tân nhún vai đáp:

- Các ông chả hiểu được đâu!

Trần Quang Trứ tiến đến hỏi:

- Tâu Hoàng thượng, tôi là người cùng Trần Cao Vân hội kiến Hoàng thượng tối qua ở bên Thương Bạc, chẳng hay Hoàng thượng có nhớ không?

²⁷ Về địa điểm vua Duy Tân bị bắt, Nguyễn Văn Mai, trong *Lô Giang tiểu sử*, ghi rõ: “... Ngày mồng một tháng tư [âm lịch] vua Duy Tân xuất ngoại... ngày 2 [âm lịch, tức 3.5.1916] lúc 10 giờ sáng, nghe tin vua hiện trú tại trong nhà dân ở dưới chân núi Tam Thai, thuộc huyện Hương Thủy. Tòa lập tức cho xe đến rước Ngài về ở tại Trấn Bình Đài (Mang Cá)...” (Nguyễn Văn Mai, *Lô Giang tiểu sử*, bản dịch của Nguyễn Hy Xước, in Ronéo, Huế, 1961, tr 158). Tác giả Hoàng Trọng Thước cũng ghi lại theo lời kể của Hòa thượng Thích Mật Hiền, trụ trì chùa Trúc Lâm rằng, năm 13 tuổi Hòa thượng đã chứng kiến cảnh vua Duy Tân bị bắt ở chùa Thuyền Tôn, núi Thiên Thai (Tam Thai). Hoàng Trọng Thước, *Hồ sơ vua Duy Tân*, California: Mỗ Làng tái bản, 1993, tr 187 - 189 và Hoàng Văn Hiến (1996), *Vua Duy Tân*, NXB. Thuận Hóa, Huế, phần chú thích, tr 152.

Vua nhìn Trứ một cách khinh bỉ:

- Phải, ta nhớ mi, đồ phản quốc!

Rồi vua ngoảnh mặt quay sang chỗ khác. Triều thần gặp vua, vừa mừng vừa tủi, năn nỉ vua trở về Nội, Duy Tân khẳng khái từ chối, thà chịu bị bắt, nhất định không quay lại hoàng cung.

Tại các tỉnh tình hình cũng xảy ra tương tự, thực dân Pháp tiến hành đàn áp, bắt bớ, giết chóc và tù đầy đối với những người liên quan đến khởi nghĩa.

3. Một kết cục bi hùng

Sau khi bắt được vua Duy Tân, Khâm sứ Trung Kỳ Charles và Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut ra sức thuyết phục vua trở lại ngai vàng nhưng không có kết quả. Vua Duy Tân ra điều kiện: *“Các ngài muốn bắt buộc tôi phải làm vua nước Nam, thì hãy coi tôi như là một ông vua đã trưởng thành và có quyền tự do hành động, nhất là quyền tự do trao đổi tin tức và ý kiến với chính phủ Pháp”*. Cuối cùng, chúng đưa vua Duy Tân về giam ở đồn Mang Cá (Trần Bình Đài) còn các ông Thái Phiên, Trần Cao Vân bị giam ở nhà lao Hộ thành (vị trí trường Nữ Trung học Thành Nội sau này, hiện là Trường THPT Nguyễn Huệ). Để tránh tiếng là phế lập ngôi vua ở nước ta, người Pháp bắt triều đình Huế phải xét xử vua công khai và người phụ trách việc này là thượng thư bộ Học, ông Hồ Đắc Trung.

Theo ông Lê Thanh Cảnh, lúc bấy giờ là nhân viên Tòa Khâm sứ Pháp, người dịch bản án vua Duy Tân sang tiếng Pháp, thì ông Hồ Đắc Trung (theo mật thư thỉnh cầu của Trần Cao Vân) bàn rằng *“... Nước Nam còn chế độ quân chủ, hôm nay mình lên án vua rồi ngày mai mặt mũi nào đối xử với vua mới mà mình sẽ tôn lên để khuông phò nữa. Lễ thứ hai, tuy tuổi công khai của vua là mười sáu tuổi, nhưng vì lúc đăng quang chỉ mới bảy tuổi, triều đình tăng thêm cho Ngài một tuổi để Ngài có thêm tầm thước mà trị vì, ai ngờ hôm nay lại dựa vào tuổi ấy để vắn tội vua. Dẫu sao mười sáu tuổi cũng còn trong tuổi vị thành niên. Theo pháp luật vua chưa có năng lực dùng tự quyền... làm sao dựng ra một bản án thích hợp được...”*²⁸. Do đó,

²⁸ Hoàng Văn Hiến, Sdd, tr 153.

Hồ Đắc Trung đã làm án đồ hết tội cho Thái Phiên, Trần Cao Vân, cùng hai thị vệ là Tôn Thất Đề và Nguyễn Quang Siêu. Cuối cùng, sau khi triều đình nghị án, vua Duy Tân bị kết tội: “... *Vọng thánh sàm ngôn, khuynh nguy xã tắc...*” (nghe theo lời xua nịnh làm nguy khốn đất nước). Thái Phiên, Trần Cao Vân, Tôn Thất Đề và Nguyễn Quang Siêu bị kết án tử hình vì những tội: “... *Thủy nhi Hậu Hồ thùy điếu, thiện tả chiếu văn, kế nhi Thương Bạc đình thuyền, yếu nghinh thánh giá. Hà Trung mạch phạn, Ngũ Lĩnh kê thang, thánh thể phong trần, giai thử bối vi, chi nghiệp dã...*” (... Thoạt tiên buông câu ở Hậu Hồ, tự ý viết chiếu văn; sau neo thuyền ở bến Thương Bạc, chờ rước thánh giá. Đến làng Hà Trung ăn cơm lạt, lên núi Ngũ Lĩnh ăn cháo gà, mình thánh dãi dầu gió bụi, tội nghiệp ấy đều bởi tội giặc gây ra...) ²⁹.

Chiều ngày 16.5.1916³⁰, cả bốn ông Thái Phiên, Trần Cao Vân, Tôn Thất Đề và Nguyễn Quang Siêu đều bị chém ở pháp trường An Hòa, cách Huế 3 cây số về phía bắc.

Thấy sự nguy hiểm của vua Duy Tân đối với nền cai trị của Pháp, chính quyền thực dân quyết định đưa nhà vua đi đày ở Réunion, một thuộc địa của Pháp ở Trung Phi. Ngày 3.11.1916, gia đình vua Thành Thái và Duy Tân lên tàu Guadiana ở Cap Saint-Jacques, đến ngày 20.11 họ tới bến Pointe de Galets đảo La Réunion.

Mặc dù bị đi đày nhưng vua Duy Tân vẫn thiết tha với đất nước, vẫn luôn tìm cách để trở về với hy vọng giải phóng quê hương. Ông tích cực hoạt động xã hội, học tập để nâng cao trình độ, làm nghề để

²⁹ Theo Nguyễn Q. Thắng (1996), *Quảng Nam, Đất nước & Nhân vật*, NXB. Văn Hóa, Hà Nội, tr 575; Hoàng Văn Hiến, Sdd, tr 66. Ngũ Lĩnh là núi xóm Ngũ Tây, thôn An Cựu, xã Thủy An, còn gọi là núi Thiên Thai hay Tam Thai, nơi vua được gia đình Đội Cơ nấu cháo gà thết đãi vua. Chính em của Đội Cơ là trùm Tồn (làm nghề rao mô) đi báo cho nhà cầm quyền để lãnh thưởng, và nhà vua bị bắt sau đó. Theo tài liệu gia phả họ Hoàng Như, phái nhì, ở Cầu Hai, Phú Lộc, do hai ông Huỳnh Ích và Hoàng Như Linh sao lục và biên soạn năm 1999, thì ông Mai Xuân Trí ở làng Hà Trữ (chứ không phải Hà Trung), đưa vua Duy Tân đến làng Bàn Môn. Ở đây bị lộ, nhà vua trốn lên Khe Dài, sau lưng núi Bạch Mã. Việc tiếp tế khó khăn, nhà vua về vùng gần Huế thì bị bắt. Gia phả tộc Hoàng Như đề cập đến việc trên vì có một vị tổ là ông Hoàng Như Bình, thân cận với vua Duy Tân trong giai đoạn này. (Gia phả viết tay, do ông Hoàng Như Giao, Toronto cung cấp).

³⁰ Thái Phiên và Trần Cao Vân bị xử trảm vào lúc 16g30 ngày 16.5.1916. Không phải ngày 17.5.1916 như nhiều tài liệu đã ghi.

kiếm sống. Đệ nhị thế chiến xảy ra, ông nghĩ đó là cơ hội để có thể thoát ra khỏi nơi giam cầm bằng cách xin đi lính cho Pháp. Ông xem De Gaulle là thần tượng, là hình mẫu cho hoạt động cứu nước của mình³¹. Quả đúng như Cựu hoàng đã tiên liệu, năm 1945, Hoàng tử Vĩnh San đã có dịp sang Pháp gặp Tướng De Gaulle, được ông này ký quyết định thăng cấp bậc liên tục đến cấp Thiếu tá và hứa là sang tháng 3.1946 sẽ đích thân đưa Vua về Việt Nam để trở lên ngôi, mặc cho bộ Thuộc địa phản đối. Vua Duy Tân mừng vui khi nhận được đầy đủ tin tức nước nhà đã được hoàn toàn độc lập sau ngày Cách mạng tháng Tám 1945 thành công và ông sắp được hồi hương. Nhưng rất tiếc, tháng 12.1945, chiếc phi cơ chở ông trên đường từ Pháp về đảo Réunion để thăm vua cha và gia đình đã bị rơi và không ai sống sót. Bấy giờ nhà vua mới ở tuổi 46. Cái chết của vua Duy Tân thật bất ngờ và có nhiều uẩn khúc.

Câu đối gửi điếu Khải Định năm 1925: *“Ông vội bỏ đi đâu, bỏ tiền, bỏ bạc, bỏ vợ, bỏ con, bỏ thầy tu, hát bội, bỏ hết trần duyên trong một lúc. Tôi may còn lại đó, còn trời, còn đất, còn nước, còn non, còn anh hùng, hào kiệt, còn nhiều vận hội giữa năm châu”*, những tưởng vận hội lớn đã đến với Duy Tân, với con dân nước Việt, vậy mà, mãi cho đến ngày 28.3.1987, hài cốt của vua Duy Tân mới được gia đình đưa từ M’Baiki, Trung Phi về Paris làm lễ cầu siêu tại Viện Quốc tế Phật học Vincennes và sau đó đưa về an táng tại An Lăng, Huế, cạnh nơi an nghỉ của vua cha Thành Thái, vào ngày 6.4.1987.

Một kết cục bi hùng cho một ông vua Việt Nam yêu nước, thương nòi với tinh thần dân tộc cao cả, suốt cuộc đời chỉ biết hiến dâng./.

NTH

³¹ Ngày 18.6.1940, Charles de Gaulle kêu gọi chống Đức quốc xã. Sự việc nước Pháp bại trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai, đầu hàng phát xít Đức và sau đó lực lượng kháng chiến Pháp ở hải ngoại do De Gaulle đứng đầu được thành lập ở Anh trở về tái chiếm đất Pháp đã có tác động rất lớn đến tư tưởng, tình cảm của Cựu hoàng.

MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH VỀ VUA DUY TÂN QUA CUỘC VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA CHỐNG PHÁP NĂM 1916 TẠI TRUNG KỲ

TRẦN ANH ĐỨC*

Lịch sử cận đại Việt Nam bắt đầu từ khi thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng vào tháng 9.1858 và không lâu sau đó từng bước một mở rộng xâm lược, thiết lập bộ máy cai trị trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Cuộc xâm lăng của chủ nghĩa thực dân đã kích thích tinh thần dân tộc chủ nghĩa của người dân Việt Nam trở dậy. Do đó, đi liền với quá trình xâm lăng và thống trị của thực dân Pháp là hàng loạt phong trào kháng chiến, phong trào phản kháng, diễn ra dưới những hình thức, quy mô, cấp độ đa dạng hướng tới những mục tiêu ngày càng đa dạng. Đặc biệt từ cuối thế kỷ XIX trở về sau, khi các cuộc bạo động chống Pháp trong phong trào Cần vương suy yếu, dần bị đàn áp thì cuộc vận động dân chủ dân quyền trong giới sĩ phu tân học lại nổi lên thay thế, đưa đến nét mới cho hoạt động dân tộc chủ nghĩa. Trong bối cảnh mới mẻ của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX, khi yếu tố văn minh Tây phương đã có một thời gian khá lâu dài tiếp xúc, thấm thấu từng phần, nhận thức về quốc gia dân tộc, về thảm trạng “nước mất nhà tan” và hướng đi cho vấn đề dân tộc cũng có nhiều thay đổi, rõ ràng là theo chiều tiến bộ. Song dù có thay đổi nào đi nữa, xu hướng bạo động vẫn có ưu thế hơn hẳn trong những người yêu nước Việt.

Nghiễm tưởng sau Hàm Nghi sẽ chẳng còn ông hoàng “Nam triều” nào dám hiên ngang phản kháng Pháp, chống Pháp, chứ chưa nói đến việc trở thành linh hồn cho một cuộc bạo động dân tộc thì vua Duy Tân, vị vua nhỏ tuổi nhất lên ngôi của triều đình Huế, đã làm được điều này. Nuôi tinh thần “bất phục” nền bảo hộ của Pháp, ông đã có những tiếp xúc ban đầu khá chắc chắn với các lãnh tụ Việt Nam

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Quang phục hội tại Quảng Nam nhằm tiến tới một cuộc bạo động chống Pháp ngay tại Kinh đô Huế. Tuy sự việc không thành, nhưng đóng góp của vua Duy Tân trong cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 tại Trung Kỳ cũng như sự chuyển biến trong nhận thức của ông về vấn đề quốc gia dân tộc giai đoạn tại vị 1907-1916 là những vấn đề cần thiết phải xem xét, nghiên cứu. Trong khuôn khổ bài viết, thông qua nguồn tư liệu ít ỏi về vua Duy Tân và sự kiện 1916, tác giả mong muốn đưa ra những nhận định ban đầu về con người cũng như vai trò của vua Duy Tân trong giai đoạn lịch sử dân tộc có những chuyển biến đáng kể.

Dựa trên việc khai thác một số tư liệu, tài liệu, ghi chép, giai thoại rải rác về vua Duy Tân trong thời kỳ tại vị từ năm 1907 đến năm 1916, tác giả có 3 nhận định về vua Duy Tân như sau:

1. Tư tưởng chống Pháp của vua Duy Tân hình thành từ rất sớm và nằm ngoài chủ ý ban đầu của chính quyền thuộc địa Pháp

Chính sử nhà Nguyễn cũng như những giai thoại đương thời có đề cập đến sự lên ngôi của vua Duy Tân như là kết quả của một sự bức bách phải có một người kế vị ngai vàng bỏ trống của ông vua được xem là “phản loạn” - Thành Thái Nguyễn Phúc Bửu Lân từ phía chính quyền thuộc địa Pháp. Đại Nam thực lục chính biên, Đế lục kỷ phụ biên có đoạn chép về sự kiện phía Pháp gây sức ép lên triều đình Huế và hoàng thất, buộc vua Thành Thái phải thoái vị, đồng thời chấp thuận để quan triều đình soạn sẵn Chiếu nhường ngôi với đại ý: “Trẫm lấy đức bậc kế thừa đại thống mười chín năm nay, nhờ có Đại Pháp giúp đỡ cùng bề tôi phụ bật tài giỏi khuông phù nên có ngày nay... đã bàn với quý Toàn quyền đại thần chọn hoàng tử thứ năm Vĩnh San đáng nhường ngôi cho để thừa kế tôn miếu xã tắc...”¹. Bản Chiếu nhường ngôi được soạn sau khi Toàn quyền Đông Dương, Khâm sứ Pháp tại Huế trực tiếp lựa chọn người kế vị trong số hàng chục hoàng tử của vua Thành Thái. Đại Nam thực lục có lẽ muốn phản ánh cuộc sắp đặt có chủ đích thực dân của giới chức Pháp đối với người kế vị Thành Thái, ông vua đã bị người Pháp quản thúc ở

¹ Đại Nam thực lục chính biên, Đế lục kỷ phụ biên, Cao Tự Thanh biên dịch, quyển thứ 19, đoạn số 1448 (bản PDF).

Vũng Tàu. Các giai thoại được tập hợp trong cuốn *Kể chuyện chín Chúa, mười ba Vua triều Nguyễn* có nhắc lại sự kiện “tuyển chọn người kế vị vua Thành Thái” diễn ra năm 1907. Theo đó, Hoàng tử Vĩnh San, tức vua Duy Tân sau này, được mô tả giống như một đứa trẻ ham chơi nhưng thông minh, đĩnh đạc và có cả tâm thế chống đối người Pháp ngay từ nhỏ.

Lên ngôi khi mới 8 tuổi, người Pháp lúc đó chỉ xem Vĩnh San là đứa trẻ ngây dại, nhát gan và với tính cách đó, sẽ giúp ích nhiều cho họ trong quá trình khống chế, kiểm soát triều đình An Nam ở Trung Kỳ. Tuy vậy, ông lại chính xác là người có “tư chất đĩnh ngộ kỳ lạ..., cử chỉ nghiêm trang..., dung mạo cử chỉ khác với người thường”². Và theo W.J. Duiker, mặc dù tỏ ra quy phục thực dân, thông minh, nói được tiếng Pháp và có cả thầy phụ đạo người Pháp nhưng “tin đồn đã vượt ra khỏi hoàng cung rằng hoàng đế Duy Tân là một người chống Pháp kịch liệt hơn cả vua cha”³. Tư tưởng chống thực dân xuất hiện trong ý nghĩ của một đứa bé mới 7, 8 tuổi có lẽ có nguồn cội từ môi trường giáo dục, môi trường sống xung quanh. Ông được học tiếng Pháp, có gia sư là một Tiến sĩ khoa học Pháp (ông Eberhardt), tiếp xúc với văn minh Pháp song song với nội dung giáo dục Khổng giáo truyền thống. Thời kỳ trước khi vua Duy Tân lên ngôi, xã hội Việt Nam chứng kiến những thay đổi lớn lao ở giao thời của hai thế kỷ, hai thiên niên kỷ. Đó là sự xâm nhập của văn hóa, văn minh Pháp, nền kỹ thuật cơ giới, sự thất bại của phong trào dân tộc phong kiến, những ấn phẩm ngập tràn tư tưởng cách mạng từ châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, phong trào Duy tân của giới sĩ phu tân học... Và chắc chắn ông đã chịu ảnh hưởng rất mạnh bởi cha của mình, vua Thành Thái, người có tinh thần chống Pháp rất mạnh, đã từng nuôi ý định “lật đổ chính quyền Bảo hộ”, xung đột với Khâm sứ Trung Kỳ, bí mật xây dựng một đội nữ binh kháng Pháp trong Đại Nội và bị người Pháp đánh giá là một “trung tâm tiềm năng của

² Đại Nam thực lục chính biên, Đế lục kỷ phụ biên, Cao Tự Thanh biên dịch, quyển thứ 20, đoạn số 1449 (bản PDF).

³ William J. Duiker (2001), Ho Chi Minh: A life, Hyperion Books, New York, p.35 dẫn lại trong bài viết của Robert Aldrich (2014), Imperial Banishment: French Colonizers and the Exile of Vietnamese Emperors, French History and Civilization, Vol 5, p.127.

phong trào kháng chiến”⁴. Hình ảnh một người cha - một quân vương gần như không còn uy quyền, bị thực dân Pháp bao vây, o ép, vẫn kiên định, bền chí chống Pháp để cuối cùng bị kết án lưu đày có lẽ đã tác động mạnh đến nhân quan của một cậu bé vốn hiểu biết, sắc sảo trong tư duy, tinh tế trong cử chỉ như hoàng tử Vĩnh San.

Vua Duy Tân có nhiều câu hỏi được xem là “trịch thượng, gây khó” và thậm chí “xác xược” đối với nhà cầm quyền Pháp, bao gồm cả Toàn quyền Đông Dương ngay trong buổi lễ đăng quang⁵. Sự thay đổi đột ngột trong cách ứng xử của vua Duy Tân trước và sau khi được tuyển chọn kế vị, thực sự làm thay đổi cách nhìn của các quan chức Pháp về bản thân ông. Dường như, một tâm lý chống đối thực tại đang hình thành trong tâm thức của “ông vua nhỏ”. Những phản kháng ban đầu đó của vua Duy Tân trước nhà cầm quyền Pháp chủ yếu bộc lộ qua lời nói, cử chỉ, tuy rất nhỏ bé và không gây ra một biến cố nào đáng kể nhưng điều này diễn ra liên tục trong một thời gian dài. Sự chống đối ách cai trị thực dân được hình thành từ khi vua Duy Tân còn là vị hoàng tử 7; 8 tuổi là một trong những cơ sở quan trọng góp phần lý giải những nỗ lực lớn của ông trong công cuộc giải phóng dân tộc được hỗ trợ từ những người thuộc Việt Nam Quang phục hội sau này.

2. Nhận thức của vua Duy Tân về vấn đề chống Pháp, giải phóng dân tộc có sự chuyển biến liên tục, từ thấp lên cao, từ ý tưởng đến hành động cụ thể

Nếu xem xét nhận thức của vua Duy Tân từ năm 1907, khi đăng quang đến năm 1916, khi ông bị buộc thoái vị và lưu đày cùng vua cha Thành Thái, ta có thể thấy một sự chuyển biến logic theo chiều hướng đi lên của chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa dân tộc. Từ chỗ thường xuyên hỏi các đình thần vấn đề quốc gia thế sự, lo lắng tình hình dân chúng đang sống trong cảnh lầm than, bần khổ, trần trở

⁴ Xem trong Tôn Thất Bình (1997), Kể chuyện chín chúa, mười ba vua triều Nguyễn, Nxb Đà Nẵng và Robert Aldrich (2014), Imperial Banishment: French Colonizers and the Exile of Vietnamese Emperors, French History and Civilization, Vol 5, p.127.

⁵ Xem thêm Hoàng Trọng Thuộc (1994), Hồ sơ vua Duy Tân, NXB. Thanh Hương, California, Mỹ trên website của Thư viện quốc gia Australia. Hoặc trong tác phẩm của Tôn Thất Bình (1997), Kể chuyện chín Chúa, mười ba vua triều Nguyễn, NXB. Đà Nẵng.

đường hướng cứu nước, giúp dân đến sự phản kháng trực tiếp trong các giao thiệp với chính quyền thuộc địa Pháp, vừa tinh tế, thâm thúy, vừa mạnh mẽ, khí phách. Đỉnh cao trong chuỗi phản kháng chế độ thuộc địa của vua Duy Tân là việc ông tham gia cùng các lãnh tụ của Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Nam lập kế hoạch khởi nghĩa ở các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, vận động lính từng chinh sắp sang Pháp tham chiến nổi dậy chống Pháp. Cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 nói trên hầu như chưa tiến hành được bất cứ hoạt động nào đáng kể đối với chế độ thuộc địa hiện có nhưng dấu ấn của vua Duy Tân trong đó rất đậm nét.

Duy Tân có lẽ là ông vua có tình cảm mạnh mẽ nhất với cảnh “nước mất nhà tan”, dân chúng cơ cực đương thời. Giai thoại về cuộc đối thoại giữa nhà vua và anh thị vệ cho thấy tình cảm đó một cách rõ ràng. Khi bàn tay bị dính cát, người thị vệ bưng thau nước ngọt mời vua rửa, vua hỏi: “Tay bẩn thì lấy nước mà rửa, nước bẩn thì lấy chi mà rửa? và sau đó đã đưa ra câu trả lời đậm chất yêu nước: “Nước bẩn thì lấy máu mà rửa”. Hay câu chuyện vua Duy Tân muốn dò hỏi ý kiến của Thượng thư Nguyễn Hữu Bài về hoàn cảnh quốc gia dân tộc khi biết ông Bài làm việc cho người Pháp.

“Ngồi trên nước không ngăn được nước

Buông câu ra đã lỡ phải lần

Sống ở đời mà ngán cho đời

Nhắm mắt lại đến đâu hay đó”

Bài thơ này đã có hai câu đầu do nhà vua ngự chế, ý nói cảnh ngồi trên ngai vàng nhưng không ngăn được bàn tay đô hộ của Pháp, đỡ lỡ trách nhiệm với quốc gia dân tộc thì phải tìm mọi cách để cứu nước, cứu dân. Nhưng Nguyễn Hữu Bài đã đáp lại nhà vua bằng hai câu sau, thể hiện rõ tâm lý buông xuôi, thuận theo thời cuộc nên nhà vua sau đó không còn tin tưởng các quan chức triều đình.

Khi đã trưởng thành hơn, vua Duy Tân cũng có phản ứng mạnh mẽ hơn, cụ thể là bằng sự cương quyết trong hành động. Khoảng năm 1912, Khâm sứ Trung Kỳ G. Mahé mở một chiến dịch

tìm vàng ráo riết. Mahé lấy tượng vàng đúc từ thời Chúa Minh Nguyễn Phúc Chu trên tháp Phước Duyên chùa Thiên Mụ, đào lăng vua Tự Đức và đào xói lung tung trong Đại Nội để tìm vàng. Vua Duy Tân phản đối quyết liệt những hành động thô bạo đó, nhưng Mahé vẫn làm ngơ. Duy Tân ra lệnh đóng cửa cung không tiếp ai. Tòa Khâm sứ Pháp gây áp lực với nhà vua thì Duy Tân đe dọa sẽ tuyệt giao với các nhà đương cục ở Huế lúc bấy giờ. Cuối cùng Toàn quyền Albert Sarraut từ Hà Nội phải vào giải quyết vua Duy Tân mới cho mở Hoàng thành.

Năm vua Duy Tân 13 tuổi, ông xem lại những hiệp ước mà hai nước Việt - Pháp đã ký. Nhà vua cảm thấy việc thi hành của hiệp ước ấy không đúng với những điều kiện mà hai bên đã ký kết với nhau nên đã có lần giữa triều đình, nhà vua tỏ ý muốn cử ông Nguyễn Hữu Bài là người giỏi tiếng Pháp sang Pháp để yêu cầu duyệt lại Hiệp ước ký năm 1884 (Patenôtre). Nhưng cả triều đình không ai dám đảm nhận chuyến đi đó. Năm 15 tuổi, vua Duy Tân đã triệu tập cả sáu ông đại thần trong Phụ chính, bắt buộc các vị phải ký vào biên bản để đích thân vua sẽ cầm qua trình với tòa Khâm Sứ nhưng các đại thần sợ người Pháp giận sẽ kiếm chuyện nên từ chối không ký và phải xin yết kiến bà Thái hậu để nhờ bà can gián nhà vua. Từ đó không những nhà vua có ác cảm với thực dân Pháp mà còn ác cảm với cả quan lại triều đình.

Rõ ràng, vua Duy Tân đã không dè dặt, lo sợ hay tỏ ý quy phục trong bất kể tiếp xúc nào với chính quyền bảo hộ Pháp hay những cá nhân thân Pháp trong triều đình. Nhưng cùng với sự trưởng thành của bản thân, tư tưởng chống Pháp, giải phóng dân tộc của ông càng ngày càng nảy nở, đưa dẫn ông đến với bước ngoặt đầu tiên của cuộc đời mình - tham gia xướng nghĩa vào sự kiện Trung Kỳ khởi nghĩa 1916.

Cuộc gặp gỡ giữa vua Duy Tân với các nhà lãnh đạo của Việt Nam Quang phục hội (gồm 2 yếu nhân: Thái Phiên, Trần Cao Vân đều là nghĩa sĩ Quảng Nam) diễn ra vào năm 1916, giữa lúc nhà vua bị giằng xé giữa quyết tâm cứu nước sôi sục với thực tế quyền lực và thế lực quá nhỏ yếu hiện có. Hiểu được tấm lòng cũng như tình cảnh hiện tại của nhà vua, Quang phục hội đã khéo léo bố trí tiếp cận Duy

Tân với một bức tâm thư. Nội dung thư có những câu thống thiết, hùng hồn, đề cập trực tiếp tới tinh thần tự cường, tự hào dân tộc, tới nỗi đau của bản thân vua Duy Tân: “Kìa Mỹ quốc dòng giống rợ đen, 25 năm còn có thể tự cường, hướng chỉ ta con cháu nhà vua, 25 triệu nữ đành hèn yếu... Đức vua cha là vua Thành Thái, vì tội gì mà bị đày? Lãng tâm vua Dục Tôn (Tự Đức) vì có gì mà bị đào bới?”⁶. Vua Duy Tân cuối cùng chấp nhận tham gia Bộ chỉ huy khởi nghĩa cùng với Thái Phiên, Trần Cao Vân và là người có vai trò trực tiếp quyết định việc thay đổi thời điểm nổ ra khởi nghĩa. Cụ thể, theo một công văn bí mật của Trần Cao Vân được soạn dưới dạng một bài thơ có tên “Hỏa xa Huế - Hàn” ngày giờ đồng loạt khởi nghĩa của các tỉnh Trung Kỳ là “ngày ngọ, tháng ngọ, năm ngọ” trùng vào thời điểm lực lượng lính người Việt bị bắt sang châu Âu tham chiến chống quân Đức (lính tù binh chính) xuống tàu sang Pháp. Vua Duy Tân muốn sử dụng lực lượng này đánh Pháp nên thời điểm khởi nghĩa ấn định sớm hơn. Các tỉnh sẽ theo pháo lệnh của Thừa Thiên để ứng nghĩa nên hành động của Bộ chỉ huy rất quan trọng.

Vào đêm mùng 3, rạng sáng mùng 4 tháng 5, vua Duy Tân rời hoàng thành, cùng các lãnh tụ Quang phục hội chỉ đạo hoạt động tấn công đồn Mang Cá gần sát kinh thành. Đây có lẽ là đỉnh cao trong chuỗi hoạt động chống Pháp của nhà vua vốn mạnh mẽ từ khi ông còn nhỏ. Tuy nhiên, cuộc khởi nghĩa bất thành do sự phản bội của một chỉ huy khởi nghĩa. Nhà vua cùng các lãnh tụ khởi nghĩa đã không thoát được cuộc truy lùng của thực dân Pháp trong nỗ lực bỏ trốn ở khu vực cách không xa kinh thành Huế. Mặc dù “đại sự bất thành” song nỗ lực chống Pháp của vua Duy Tân chưa hẳn đã kết thúc, ông hiện ngang đối diện với chính quyền thuộc địa trong những ngày tháng cuối cùng ở Việt Nam trước khi bị lưu đày.

3. Con người hiên ngang, kiên định ngay cả khi công cuộc chống Pháp đã thất bại

Trong một bài viết của mình, GS. Robert Aldrich, Đại học Sydney đã dẫn lại quan điểm của Pierre Brocheaux cho rằng cựu

⁶ Xem thêm trong Tôn Thất Bình (1997), Kể chuyện chín chúa, mười ba vua triều Nguyễn, NXB. Đà Nẵng, tr 140 - 141.

hoàng Duy Tân hành động chống Pháp không phải thực sự do sự đồng cảm của ông với sứ mệnh của một quân vương mà “can dự vào sự kiện năm 1916 để tránh một cuộc tắm máu”. Điều này được cựu hoàng nhắc đến vào năm 1936, nhiều năm sau cuộc bạo động và trong thời kì ông tìm kiếm sự nhượng bộ từ phía người Pháp để quay lại Việt Nam⁷. Dẫu sao, phát ngôn trên, dù có chính xác là của cựu hoàng Duy Tân thì nó cũng nảy sinh trong một cảnh huống khác xa cảnh huống của năm 1916, khi ông bị xem là “phản loạn” vì đã “khởi loạn chống lại Pháp”. Nhưng ngay cả khi bị người Pháp bắt giữ, chịu sự quản thúc trước khi kết án, vua Duy Tân vẫn thể hiện thái độ điềm tĩnh, không hề sợ sệt, khảng khái và kiên định, thái độ mà trước nay ông vẫn dành để đối diện với các quan chức Pháp. Theo các giai thoại đương thời, Duy Tân thậm chí còn điềm nhiên ngắm trời mây khi đã bị bắt, thông thả trả lời các câu hỏi của đại diện Pháp, từ chối việc sử dụng lọng che... Mặc dù sau đó, người Pháp gây áp lực rất lớn lên triều đình Huế đòi hoặc là thuyết phục nhà vua hối lỗi với phía Pháp hoặc là nhà vua sẽ chịu trọng tội song, vua Duy Tân đã từ chối mọi cuộc tiếp xúc từ phía triều đình, kể cả hai bà Hoàng mẫu. Khi Tòa Khâm sứ mời Toàn quyền Đông Dương can thiệp để thuyết phục nhà vua, họ đã nhận được câu trả lời rất rõ ràng từ phía một “quân vương thiếu niên”: “Các người muốn cưỡng ép ta làm vua nước Nam thì phải coi ta như ông vua trưởng thành, bắt tất phải đặt phụ chánh và phải giao cho ta quyền hành của một vị vua được trực tiếp giao thiệp với nước Pháp và ngoại quốc”⁸. Do đó phía Pháp hoàn toàn bất lực trong việc thuyết phục ông vua này và quyết định đẩy trách nhiệm phán xét về cho triều đình Huế. Giải pháp cuối cùng được phía Pháp chấp thuận (sau khi Thượng thư Hồ Đắc Trung làm bản án, đổ hết tội lỗi lên các lãnh tụ Quang phục hội) đó là lưu đày nhà vua cùng với vua cha Thành Thái sang đảo Réunion, một lãnh thổ hải ngoại Pháp trên Ấn Độ Dương.

⁷ Xem trong Robert Aldrich (2014), *Imperial Banishment: French Colonizers and the Exile of Vietnamese Emperors*, French History and Civilization, Vol 5, p.127.

⁸ Theo Nguyễn Văn Mại, Thái Văn Kiểm, Phạm Khắc Hòe, dẫn lại trong Tôn Thất Bình (1997), *Kể chuyện chín chúa, mười ba vua triều Nguyễn*, NXB. Đà Nẵng, tr 145.

Kết luận

Như vậy, qua các tư liệu, tài liệu khá ít ỏi về vua Duy Tân giai đoạn trước năm 1916 mà tác giả có thể tiếp cận được, tác giả đã cố gắng làm rõ 2 vấn đề cơ bản về dấu ấn của ông vua này trong lịch sử Việt Nam cận đại trước năm 1916.

Thứ nhất, việc lên ngôi của vua Duy Tân chỉ là giải pháp cấp thời của người Pháp, một hành động gượng gạo, khiên cưỡng nhằm bố trí một ông hoàng hợp pháp cho triều đình Huế trong bối cảnh “khuyết ngôi vua”. Nhưng tính toán có phần giản đơn của người Pháp lại nuôi mầm cho một sai lầm tệ hại trong tương lai: Duy Tân là ông vua chống Pháp, tư tưởng chống thuộc địa, giải phóng dân tộc hình thành rất sớm, khi ông còn là đứa trẻ lên 7. Đây là một hiện tượng đáng chú ý trong lịch sử cận đại dân tộc từ đầu thế kỷ XX trở về sau.

Thứ hai, rõ ràng nhận thức về vấn đề quốc gia dân tộc, về con đường chống Pháp, cứu nước của vua Duy Tân có sự tiến triển hợp logic theo thời gian, từ nhận thức đến tư duy đến hành động. Đỉnh cao trong sự phản kháng của vua Duy Tân với hiện trạng quyền lực đương thời là việc tham gia trực tiếp vào cuộc khởi nghĩa ở Trung Kỳ năm 1916. Theo David Marr, cuộc khởi nghĩa năm 1916 được xem là “nỗ lực đáng kể cuối cùng của những người theo tư tưởng quân chủ chống ách thuộc địa xứng đáng được đề cập bất cứ khi nào”. Marr khẳng định vai trò có tính biểu tượng được thể hiện bởi một hoàng đế trẻ, người đã tham gia cuộc khởi nghĩa, tạo ra một kết quả nhỏ bé nhưng có tác động ảnh hưởng tinh thần ghê gớm⁹. Hình ảnh, tấm gương của vua Duy Tân trong cuộc đối kháng với người Pháp chắc chắn đã ảnh hưởng đến nhận thức đương thời về các vị vua triều Nguyễn, không phải ai cũng là hạng tay sai của Pháp, vẫn có những vị vua vì dân vì nước./.

TAD

⁹ David Marr (1971), *Vietnamese Alticolonialism, 1885-1925*, University of California Press, U.S, p.233.

DẤU TÍCH ĐỊA ĐIỂM VUA DUY TÂN BỊ PHÁP BẮT TỪ GÓC NHÌN CỦA NGƯỜI NGHIÊN CỨU ĐIỀN DÃ

ThS. TRẦN VĂN DŨNG*

Cách đây đúng 100 năm (1916-2016), cuộc nổi dậy vũ trang chống thực dân Pháp, gắn liền với vai trò lãnh tụ tối cao của vua Duy Tân, chí sĩ Thái Phiên, Trần Cao Vân mặc dù bị thất bại khá nhanh chóng ngay từ những ngày đầu khởi phát nhưng đã gây một tiếng vang lớn nói lên ý chí nguyện vọng giành độc lập dân tộc của các tầng lớp nhân dân Việt Nam. Đó là bằng chứng sinh động về một bản hùng ca bất diệt trong công cuộc chống ngoại xâm của dân tộc ta đầu thế kỷ XX. Những yếu nhân của cuộc khởi nghĩa ấy như vua Duy Tân, chí sĩ Thái Phiên, Trần Cao Vân đã trở thành những anh hùng bất tử, mãi mãi là tấm gương sáng về tinh thần yêu nước, dám xả thân vì nghiệp lớn để các thế hệ con cháu noi theo.

Từ trước đến nay đã có nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến địa điểm vua Duy Tân, chí sĩ Thái Phiên, Trần Cao Vân và một số đồng chí khác bị thực dân Pháp bắt vào ngày 6.5.1916 trong các công trình khảo cứu đã được công bố nhưng cho đến nay vẫn chưa có sự thống nhất và còn đó nhiều ý kiến trái chiều nhau. Bằng việc đi tìm những dấu tích địa điểm vua Duy Tân bị Pháp bắt qua tài liệu nghiên cứu điền dã, chúng tôi mong muốn góp thêm những cứ liệu cụ thể nhằm xác định vị trí một cách chính xác để tránh sự nhầm lẫn về một sự kiện lịch sử quan trọng này.

Từ những bí ẩn của lịch sử...

Trong tác phẩm “*Đất Việt Trời Nam*” của tác giả Thái Văn Kiểm xuất bản năm 1960 là một tư liệu công bố khá sớm nhắc đến cuộc khởi nghĩa vua Duy Tân năm 1916. Sách có đoạn viết: “Ngày 6 tháng 5 dương lịch, thám tử báo tin cho viên Khâm sứ biết vua Duy Tân còn đang ẩn trú tại một ngôi chùa ở trên núi gần Nam Giao,

* Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thừa Thiên - Huế.

cách kinh thành Huế mấy cây số. Ông liền phái Đồng lý Le Fol và viên Chánh Liêm phóng Léon Sogny đến đây tìm ngài. Hai người này đến nơi từ lúc sáng, không gặp vua. Nhưng Trần Cao Vân và hai đồng chí đều bị bắt tại đây. Hỏi vua đâu họ không chỉ. Sogny trông thấy xa xa một bóng người mặc y phục của dân quân đang đứng chăm chú nhìn mặt trời rạng đông tươi đỏ. Sau lưng người ấy có hai người khác hình như hộ vệ. Le Fol và Sogny tiến tới”¹. Một năm sau, nhà nghiên cứu Phan Khoang trong sách “Việt Nam Pháp thuộc sử” công bố năm 1961 cũng cho biết thông tin: “Ba ngày sau, ngày vua xuất cung, người ta tìm được vua ở một ngôi chùa gần Nam Giao”². Qua đó, chúng ta có thể thấy rằng nhà nghiên cứu Thái Văn Kiểm, Phan Khoang đều nhận định vua Duy Tân và các lãnh tụ cuộc khởi nghĩa đã trú ẩn tại một ngôi chùa gần Đan Nam Giao³.

Nhóm tác giả Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vận trong bài viết “Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền nam Trung Bộ năm 1916” đăng trên *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* vào năm 1961 cho biết vua Duy Tân bị Pháp bắt tại một ngôi chùa gần núi Ngũ Phong, tác giả viết: “Theo kế hoạch đã định, vua Duy Tân cũng ra khỏi hoàng thành và được Trần Cao Vân, Thái Phiên, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu đưa ra khỏi làng Hà Trung đến chùa bên núi Ngũ Phong thì bị bắt”⁴. Đồng quan điểm trên, nhà nghiên cứu Lê Ước với bài viết “Cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân và Phan Thành Tài” đăng trên *Tạp san Sử Địa* năm 1968 cũng viết: “Rời khỏi làng Hà Trung, cứ nhắm hướng Nam mà đi, các nhà cách mạng phò Vua theo đường mòn ở núi rừng. Vì hành trình mệt quá, nên đành tạm lưu Vua nghỉ chân tại một ngôi chùa bên núi Ngũ Phong (gần vùng Nam Giao) ở phía nam Huế. Qua ngày sau sẽ tiếp tục hành trình. Nhưng sáng hôm sau (6.5.1916) lúc đang sửa soạn lên đường, chùa bị Nguyễn Đình Khôi và có mặt cả Le Fol (Chánh văn phòng Tòa Khâm sứ), Léon Sogny (Chánh mật thám) nữa”. Gặp tình thế vậy, vua Duy

¹ Thái Văn Kiểm (1960), *Đất Việt Trời Nam*, NXB. Nguồn Sống, Sài Gòn, tr 539.

² Phan Khoang (1961), *Việt Nam Pháp thuộc sử*, NXB. Khai Trí, Sài Gòn, tr 463.

³ Đan Nam Giao được xây dựng năm 1806, là nơi các vua Nguyễn tế trời cầu cho mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an, tạ ơn trời đất.

⁴ Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vận (1961), “Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang Phục Hội ở miền Nam Trung Bộ năm 1916”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 22, tr 45.

Tân vẫn thản nhiên không chút gì sợ hãi, vẫn nói chuyện như lúc còn ở triều”⁵.

Còn nhà sử học Phạm Văn Sơn trong bộ sử công phu “*Việt sử tân biên*” cho rằng vua Duy Tân bị Pháp bắt tại chùa Thiên Mụ tọa lạc trên đồi Hà Khê, tả ngạn sông Hương, cách trung tâm thành phố Huế khoảng 5 km về phía tây. Tác giả viết: “*Vua bị lính đuổi theo, túng thế nhà vua phải gói ẩn bỏ lại trên cầu Tràng Tiền để đánh lừa quân lính rồi theo Thái Phiên và Trần Cao Vân đi trốn. Tòà Khâm phái Phan Đình Khôi mang quân tầm nã, bắt được nhà vua và Thái Phiên ở chùa Thiên Mụ, đưa về Huế và nhốt trong đồn Mang Cá*”⁶.

Nhóm tác giả Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế trong tác phẩm “*Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*” tái bản lần thứ 5, năm 1999, trong mục chép về nhân vật Trần Cao Vân cho rằng vua Duy Tân bị bắt tại làng Hà Trung, cho biết: “*Kế hoạch khởi nghĩa sẽ tiến hành vào lúc 1 giờ sáng ngày 4.5.1916, nhưng cơ mưu bị tiết lộ, ông và vua Duy Tân bị bắt tại làng Hà Trung (ngoại thành Huế)*”⁷. Tiếp đến năm 2005, tác giả Nguyễn Q. Thắng cho ra đời cuốn sách “*Quảng Nam trong hành trình mở cõi & giữ nước từ góc độ văn hóa*” đã một lần nữa đề cập đến địa điểm vua Duy Tân bị bắt, cho rằng: “*Rời khỏi làng Hà Trung, nhằm hướng nam mà đi, các nhà cách mạng phò vua theo đường mòn ở núi rừng. Vì hành trình nhọc mệt quá, nên tạm lưu vua nghỉ chân tại một ngôi chùa bên núi Ngũ Phong (gần vùng Truồi), ở phía nam Huế. Qua ngày sau sẽ tiếp tục hành trình. Nhưng sáng hôm sau (6.5.1916) lúc đang sửa soạn lên đường, chùa bị lính vây đông nghẹt từ bên trong ra ngoài với sự điều khiển của Phan Đình Khôi, và có mặt cả Le Fol (chánh văn phòng Tòà Khâm sứ), L. Sogny (Chánh mật thám Trung Kỳ)*”⁸.

⁵ Lê Ước (1968), “Cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân và Phan Thành Tài”, *Tập san Sử Địa*, Số 11, Sài Gòn, tr 94.

⁶ Phạm Văn Sơn (1972), *Việt sử tân biên - Chế độ Pháp thuộc ở Việt Nam*, Quyển 7, NXB. Đại Nam, Sài Gòn, tr 27.

⁷ Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế (1999), *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, In lần thứ 5, NXB. Văn hóa, Hà Nội, tr 854.

⁸ Nguyễn Q. Thắng (2005), *Quảng Nam trong hành trình mở cõi & giữ nước từ góc độ văn hóa*, NXB. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr 600.

Qua khảo sát nguồn tài liệu lưu trữ tại Pháp, nhà nghiên cứu Lưu Anh Rô đã cung cấp cho độc giả biết về thông tin việc bắt giữ vua Duy Tân, được Sogny - Chánh văn phòng Sở Mật thám Trung Kỳ mô tả lại vị trí như sau: *“Ngày 6.5.1916: 8h.45. Khởi hành từ Thừa Thiên. 9h.30. Đến nơi tìm Vua, cách chùa Thiên Thai 300m ở phía trước chùa nơi mà Vua đến đó được khoảng vài giờ rồi. Chùa này cách Huế khoảng 7-8 km hướng đông nam của nơi thờ cúng những người đã hy sinh gọi là Nam Giao. Cách khoảng 500m trước khi đến vùng có liên quan, nhóm đi đầu nhận ra Vua nhờ dấu hiệu trang phục, cái áo màu đỏ sậm theo kiểu Việt Nam thuần túy, màu này thường dùng cho y phục sư nữ, và đội khăn đen. Hiện diện khi bắt có các ông Le Fol, Châtel, Lanneluc và Sogny; lính chiến Trứ và một lính chiến số quân 79, một số lính bảo an, và vài vị quan... Không có phản ứng nào từ phía nhà vua - Từ xa, người ta nhìn thấy hình như nhà Vua đang đợi. Có cảm tưởng rằng nhà Vua đang chờ người ta đến bắt. Câu hỏi đầu tiên ngay khi toán đi đầu đến nơi: - Ngài đang làm gì ở đây, thưa Bệ hạ? Vua trả lời bằng tiếng Pháp: - Ta đang đi dạo!”*⁹. Ngôi chùa Thiên Thai mà Sogny nói đến trong bản báo cáo chính là chùa Thiên Tôn. Do địa cuộc chùa dựa lưng vào núi Thiên Thai nên còn có tên là Thiên Thai Thiên Tôn Tự (hoặc chùa Thiên Thai Nội). Chùa do Tổ sư Liễu Quán khai sơn vào khoảng năm 1708. Theo sách *“Đại Nam nhất thống chí”* của Quốc Sử Quán triều Nguyễn trong mục núi sông có ghi: *“Núi Thiên Thai ở phía tây bắc huyện Hương Thủy hình thế cao vót, phía tây trông ra cánh đồng bằng, cạnh núi có chùa, gọi là chùa Thiên Thai Nội, ngọn núi vòng quanh châu ôm vào chùa, phong cảnh tuyệt đẹp”*¹⁰.

Tác giả Hoàng Hiến trong sách *“vua Duy Tân”* cho biết có nhà nghiên cứu cho rằng vua bị bắt ở chùa Thiên Tôn dựa theo lời kể của Hòa thượng Thích Mật Hiển trụ trì chùa Trúc Lâm gần đây. Hòa

⁹ Lưu Anh Rô (2016), “Việc thực dân Pháp phát hiện và bắt giữ các yếu nhân trong cuộc khởi nghĩa Duy Tân 1916 - Qua một số tài liệu lưu trữ”, in trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học vua Duy Tân và cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung kỳ năm 1916*, Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên-Huế, tr 150.

¹⁰ Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1992), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 1, Bản dịch Viện Sử học, NXB. Thuận Hóa, Huế, tr 126.

thượng là người chứng kiến cảnh vua Duy Tân bị sa vào tay giặc. Năm đó Hòa thượng mới 13 tuổi¹¹.

Như vậy, qua việc trích dẫn một số công trình nghiên cứu nêu trên chúng ta nhận thấy một điều: Từ trước đến nay các nhà nghiên cứu trong các công trình khảo cứu của mình về cuộc khởi nghĩa vua Duy Tân năm 1916 đều viết một cách chung chung và không có sự thống nhất về địa điểm vua Duy Tân bị Pháp một cách cụ thể, gồm:

- Ngôi chùa ở trên núi gần Nam Giao;
- Ngôi chùa bên núi Ngũ Phong;
- Chùa Thiên Mụ;
- Làng Hà Trung;
- Chùa Thiên Tôn/Thiên Thai.

Trong số các địa điểm nêu trên, thông tin cho rằng vua Duy Tân bị Pháp bắt tại làng Hà Trung hoặc chùa Thiên Mụ thì chắc chắn không thể xảy ra; chúng tôi xin được kiến giải như sau:

- Đêm 3 tháng 5, chí sĩ Thái Phiên, Trần Cao Vân bố trí thuyền đón vua Duy Tân. Nhà vua cải trang theo lối thường dân đi cùng hai người hộ vệ là Tôn Thất Đề và Nguyễn Quang Siêu tới làng Hà Trung (nay thuộc xã Vinh Hà, huyện Phú Vang), lên nhà cụ Mai Xuân Trí (hay Cừ Trí) một hội viên của Việt Nam Quang phục hội để chờ giờ phát lệnh khởi nghĩa ở Huế. Nhưng đến 3 giờ sáng vẫn không nghe hiệu lệnh, biết đã thất bại, chí sĩ Thái Phiên và Trần Cao Vân đã đưa vua Duy Tân đi ngược lên vùng núi tây nam Huế để ẩn trú. Do vậy, vua Duy Tân không thể bị Pháp bắt tại làng Hà Trung.

- Chùa Thiên Mụ là ngôi Quốc tự nằm trên đồi Hà Khê, tả ngạn sông Hương. Chùa được xây dựng năm Tân Sửu (1601), đời chúa Tiên Nguyễn Hoàng - vị chúa Nguyễn đầu tiên ở Đàng Trong. Chùa Thiên Mụ được xếp vào hai mươi thắng cảnh đất Thần Kinh với bài thơ “*Thiên Mụ chung thanh*” do đích thân vua Thiệu Trị sáng tác và được ghi vào bia đá dựng gần cổng chùa. Với sự nổi tiếng của chùa

¹¹ Hoàng Hiến (1996), *Vua Duy Tân*, NXB. Thuận Hóa, Huế, tr 64.

Thiên Mụ, lại nằm gần Kinh thành Huế nên các yếu nhân trong cuộc khởi nghĩa không thể đưa vua Duy Tân đến trú ẩn tại đây vì sẽ sớm bị bại lộ.

...đến việc giải mã qua khảo sát thực địa

Vào năm 2011, cuốn sách “Đại Nam thực lục Chính biên đệ lục kỷ Phụ biên” của Quốc Sử Quán triều Nguyễn biên soạn viết về lịch sử Việt Nam dưới hai triều vua Thành Thái (1889-1907), vua Duy Tân (1907-1916) do nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu đã cung cấp cho độc giả nhiều sử liệu mới về cuộc khởi nghĩa vua Duy Tân năm 1916. Sách “Đại Nam thực lục Chính biên đệ lục kỷ Phụ biên”¹² có đoạn chép: “Mùa hạ, tháng 4 năm (Quý tỵ). Đêm ngày 2 (Canh Tý) vua tự rời ngôi báu. Lúc đầu là vua bị phi nhân Trần Cao Vân mê hoặc, nửa đêm ngấm rời khỏi hoàng thành ra ngoài, theo đảng nghịch Vân bày bày việc quang phục, mưu đồ nổi loạn (Vân người Tư Phú Quảng Nam, từng can trọng án, được tha về lại mưu sự, cùng Thái Phiên thông đồng tin tức với nước ngoài, tạo cớ hiệu, chế khí giới, họp đồ đảng lên tới kinh sư, ngấm liên kết với Suất đội Siêu, Thị vệ Đề đưa tin vào đại nội. Lúc đầu giả làm người câu cá sau hồ Tịnh Tâm, mưu sinh chiếu vắn, kế tới Thương Bạc dùng thuyền lừa mời ngự giá. Lại vẽ bản đồ dài Trấn Bình, tụ họp dụ dỗ lính mộ ở đồn Mang Cá nội ứng ngoại công, nhiều cách bắt mồi. Vua gần đây ngôn ngữ cử chỉ dường như có vẻ uất ức, đến lúc ấy gặp lời tà làm dao động, bèn tới nổi vứt bỏ ngôi báu như chiếc dầy rách, bốn ba gió bụi. Đã qua mấy ngày lòng người nháo nhác, nhờ có Phủ Phụ chính đồng tâm dẹp nạn, vẫn hỏi đại cục, theo vết tìm kiếm thì kẻ sinh sự đều là bọn đầu sỏ phản nghịch Vân gây ra tội nghiệt, việc lộ ra bắt tra nghịch Vân và bè đảng là bọn Thái Phiên, Nguyễn Quang Siêu, Nguyễn Đề khép vào tội đại nghịch đều bị xử chém, đồng mưu có nguyên Tá lý (hưu trí) Nguyễn Thượng Trung xử đánh trượng đi đày đoid thành khổ sai 9 năm nhưng chờ xét lại lời khẫu cung chước lượng nghĩ xử. Lại Thống chế vệ Thân binh Trần Văn Liên là Thị vệ kẻ cận trong cấm cung mà không phát giác ra

¹² Sách Đại Nam Thực lục Chính biên Đệ lục kỷ Phụ biên, do nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu được tái bản năm 2012. Bản mới này đã có sửa chữa những lỗi kỹ thuật trong bản in năm 2011 nên tác giả chọn bản năm 2012 để nghiên cứu và trích dẫn tư liệu.

được, nghĩ biếm xuống hàm Chưởng vệ cho về hưu, còn lại đều chiếu theo tội nặng nhẹ cùng mười người can tội dự mưu làm phản giao cho tòa kết án). Kế mời xa giá trở về ở đài Trấn Bình trong thành, ngày 3 tháng 6 hộ tống tới Nam Kỳ. Mùa Đông, tháng 10 lại đón Phế đế Thành Thái từ Cap Saint Jacques, cùng đáp tàu máy tới cư trú ở đảo Réunion thuộc địa nước Đại Pháp”¹³. Có thể nói, sách *Đại Nam thực lục Chính biên đệ lục kỷ Phụ biên* của Quốc Sử Quán triều Nguyễn mô tả tương đối sát với thực tế của cuộc khởi nghĩa và phản ánh vai trò của chí sĩ Thái Phiên, Trần Cao Vân cùng những chuyển biến tư tưởng chống Pháp của vua Duy Tân nhưng đáng tiếc nguồn sử liệu quý giá này không có một dòng nào đề cập đến thông tin về địa điểm vua Duy Tân bị thực dân Pháp bắt vào ngày 6.5.1916.

Vì vậy, chúng tôi đã tiến hành khảo sát, nghiên cứu điền dã ở vùng Ngũ Tây thuộc phường An Tây, thành phố Huế và đã có một số phát hiện quan trọng liên quan đến địa điểm vua Duy Tân, chí sĩ Thái Phiên, Trần Cao Vân và một số đồng chí khác bị Pháp bắt giữ.

Căn cứ vào các nguồn sử liệu liên quan đến cuộc khởi nghĩa vua Duy Tân năm 1916 và kết quả phỏng vấn một số cụ cao niên sống lâu năm ở vùng Ngũ Tây, chúng tôi đã tìm đến ngôi nhà thờ cụ Võ Đình Cơ tại số 119 đường Thiên Thai, phường An Tây, thành phố Huế (trước đây thuộc ấp Ngũ Tây, xã An Cựu, tổng An Cựu, huyện Hương Thủy). Sau một quá trình nghiên cứu tìm hiểu, chúng tôi nhận định khuôn viên ngôi nhà thờ cụ Võ Đình Cơ là địa điểm ghi dấu sự kiện vua Duy Tân, chí sĩ Thái Phiên, Trần Cao Vân và một số đồng chí tham gia cuộc khởi nghĩa đã bị thực dân Pháp bắt vào ngày 6.5.1916. Theo lời kể của ông Võ Đình Nam¹⁴, cụ cố Võ Đình Cơ làm chức Đội trưởng Đội Nhã nhạc dưới triều vua Duy Tân, người dân thường gọi là *Đội Cơ*¹⁵. Khi vua Duy Tân và các cận vệ vượt đường rừng núi đến đây

¹³ Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam thực lục Chính biên Đệ lục kỷ Phụ biên*, Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, tr 711-712.

¹⁴ Ông Võ Đình Nam (57 tuổi) là hậu duệ đời thứ 4 của cụ Võ Đình Cơ, hiện đang ở và hương khói nhà thờ. Ông Nam thường được nghe mẹ nội và cha mình kể chuyện về sự kiện vua Duy Tân đến ẩn nấp và bị Pháp bắt tại nhà của mình.

¹⁵ Trong sách *vua Duy Tân* (NXB. Thuận Hóa, Huế, 1996, tr 64), tác giả Hoàng Hiến viết: “Đội Cơ coi lính Giản Hộ Thành” nhưng theo lời truyền ngôn của hậu duệ cụ Võ Đình Cơ thì cụ làm chức Đội trưởng Đội Nhã nhạc dưới triều vua Duy Tân. Vì vậy, trước đây

ăn nếp thì cụ cố đang ở Đại nội Huế. Lúc này bà cố Hồ Thị Lan nhằm tưởng vua Duy Tân là người đi thăm mộ vì nhà vua lúc này cải trang thành thường dân chân đi đất, đầu chít cái khăn đen, mình mặc áo cụt đồ sẫm và quần vải trắng. Sau một hồi nói chuyện với vua Duy Tân thì bà cố biết vua Duy Tân ngụ tại nhà mình và bắt một con gà mái đang ấp trứng để nấu cháo gà dâng vua. Đối sánh với các nguồn tư liệu, chúng tôi nhận thấy sự kiện vua Duy Tân ăn bát cháo gà tại nhà cụ Võ Đình Cơ do ông Võ Đình Nam vừa kể đã được triều đình Huế nhắc đến trong bản kết án hai nhà ái quốc Thái Phiên và Trần Cao Vân như sau: “*Thủy nhi Hậu Hồ thủy điều, thiện tả chiếu văn, nhi Thương Bạc đình thuyền, yêu nghinh Thánh giá. Hà Trung mạch phạn, **Ngũ Phong kê thang**, Thánh thể phong trần giai bị bôi vi chi tội nghiệt. (Ban đầu buông câu ở Hậu Hồ, mạo viết chiếu văn, rồi đậu thuyền ở Thương Bạc đến đón rước nhà vua, dâng cơm nếp làng Hà Trung, **cháo gà núi Ngũ Phong**, làm mình rông phải chịu dãi dầu gió bụi đều là tội của bọn ấy cả)*”¹⁶.

Sau khi nhà vua ăn bát cháo gà xong thì quân Pháp do Đồng Lý của Tòa Khâm Le Fol, Chánh văn phòng Sở Mật thám Trung kỳ Sogny cầm đầu kéo đến bắt vua Duy Tân. “*Gặp tình thế vậy, vua Duy Tân vẫn thản nhiên không chút gì sợ hãi, vẫn nói chuyện như lúc còn ở triều*”¹⁷. Theo sách “*Đất Việt Trời Nam*” của tác giả Thái Văn Kiểm viết: “*Một người trẻ tuổi đang mơ tưởng một bình minh rực rỡ nghe tiếng động quay lại Le Fol cất nón chào hỏi vua:*

- *Eh bien, Sire! Vous avez fini cette randonnée! (Thế nào, Hoàng Thượng ngự giá đến đây là hết rồi chứ?)*

một số con cháu Đệ Nhất đánh trống, thổi kèn, kéo đàn nhị giỏi, rất tiếc bây giờ ngón nghề nhạc lễ đã bị thất truyền trong gia đình. Do ngôi nhà rường lưu giữ nhiều tài liệu Hán Nôm liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của cụ Võ Đình Cơ đã bị cháy trước năm 1954 nên việc tìm hiểu và nghiên cứu về ông gặp rất nhiều khó khăn. Vị trí ngôi nhà rường bị cháy ngày nay vẫn còn nền móng, và trên đó có xây dựng một ngôi miếu thờ nhỏ. Sau khi nhà rường bị cháy thì con cháu cụ đã xây dựng một ngôi nhà ba gian bằng bê tông tại vị trí ngày nay để thờ tự cụ Võ Đình Cơ và con cháu trong gia tộc đã khuất.

¹⁶ Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc (1995), *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, NXB. Thuận Hóa, Huế, tr 402.

¹⁷ Lê Ước (1968), “Cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân và Phan Thành Tài”, *Tập san Sử Địa*, Số 11, Sài Gòn, tr 94.

Vua Duy Tân nhún vai và cũng đáp lại bằng tiếng Pháp:

- Vous ne pouvez pas comprendre! (Các ông chẳng hiểu được đâu).

Ngay lúc ấy, Trần Quang Trứ, cùng đi với hai ông Le Fol và Sogny tiến đến trước mặt Vua.

- Tôi bệ hạ tôi là người cùng với Trần Cao Vân hội kiến với Ngài đêm mùng ba ở sông Phủ Cam, chẳng hay bệ hạ có nhớ mặt không?

Vị Hoàng đế 17 tuổi, từ nãy giờ vẫn giữ nét mặt điềm nhiên lạnh lùng nhìn tên Trứ bằng cặp mắt khinh bỉ:

- Phải, ta nhớ mặt mi: đồ phản quốc!

Rồi vua ngoảnh mặt nhìn nơi khác. Lúc bấy giờ, Léon Sogny trông thấy vua dấu dưới áo một vật gì khả nghi. Một khẩu súng lục chăng? Có lẽ nhà vua trẻ tuổi định dùng nó để bắn những người đến bắt Ngài, hay là để tự sát. Viên Chánh Liêm phóng cung kính hỏi Ngài và Ngài mỉm cười chua chát:

Ông tưởng tôi dấu khẩu súng sao? Ông đừng sợ. Tôi làm việc đại sự lỡ bị thất bại, còn cần chi những việc của tiểu nhân.

Rồi Ngài đưa cho xem: hai ấn vàng của nhà vua.

Ông Le Fol bảo người chạy đi kiếm một chiếc kiệu và một cây lọng để rước vua Duy Tân xuống xe hơi đậu ở trên đường cái lớn ở chân đồi. Nhà vua làm thinh, nghiêm nghị từ chối kiệu và lọng vàng, lui thủ đi bộ. Le Fol và Sogny lẽo đẽo theo sau với đoàn tùy tùng. Đúng 10 giờ sáng, xe đưa vua đến Tòa Khâm. Ông Khâm sứ Charles mỉm cười bắt tay Ngài:

-Eh bien, sire, vous êtes content de votre équipée? (Bệ hạ bằng lòng cuộc du ngoạn chứ?).

Vua Duy Tân trả lời xằng một câu bằng tiếng Pháp:

-Non! Puisqu'elle n'a pas réussi!

(Không! Bởi vì nó đã thất bại.)

Từ đó vua Duy Tân không nói thêm một lời. Ngài giữ một thái độ oanh nghi lãnh đạm. Cho đến khi Ngài bị đày qua đảo Réunion ở Phi châu”¹⁸.

Đây là một cuộc đối thoại lịch sử, dù là câu trả lời như thế nào thì vua Duy Tân đều tỏ rõ ý chí chống thực dân Pháp xâm lược rất quyết liệt. Ông Võ Đình Nam còn cho chúng tôi biết thêm thông tin mà các tư liệu sử sách trước đây không nhắc đến đó là khi vua Duy Tân bị Pháp bắt, một số cận vệ đi theo bảo vệ vua đã tuần tiết bằng cách treo cổ trên thân cây gần nhà mình để tránh không rơi vào tay giặc. Trong quá trình điền dã khảo sát các khu đất tiếp giáp với nhà thờ cụ Võ Đình Cơ chúng tôi đã phát hiện một số am miếu nhỏ mà người dân ở đây nói là để thờ tự các vị quan cận vệ vua Duy Tân đã hy sinh¹⁹ và cũng được nghe các vị cao niên²⁰ trong làng kể nhiều chuyện ly kỳ về sự linh thiêng họ truyền tụng cho đến ngày nay. Ông Võ Đình Nam kể tiếp một giai thoại về vua Duy Tân như sau: Khi Đồng Lý của Toà Khâm Le Fol, Chánh mật thám Trung Kỳ Sogny dẫn vua Duy Tân xuống chỗ xe đậu ở chân đồi, lúc đi ngang qua đường ruộng lầy lội²¹ nhà vua trề hét lên một tiếng: “*Trời ơi! Chân bẩn lấy nước mà rửa, nước bẩn lấy chi mà rửa đây?*”. Qua câu nói của nhà vua làm cho người nghe cảm nhận được sự tiếc nuối và tấm lòng yêu nước thương dân, tinh thần đấu tranh chống Pháp mạnh mẽ nhưng đành bất lực của vua Duy Tân²².

¹⁸ Thái Văn Kiểm (1960), *Đất Việt Trời Nam*, NXB. Nguồn Sống, Sài Gòn, tr 539.

¹⁹ Rất tiếc hiện nay người dân chỉ biết thờ vọng các nghĩa sĩ hy sinh mà không biết thông tin gì về tên tuổi nhân vật đang được họ thờ cúng là ai.

²⁰ Ông Võ Đình Thừa (83 tuổi), ông Hồ Văn Tân (76 tuổi) ở khu đất liền kề nhà thờ cụ Võ Đình Cơ đều khẳng định đã nghe ông cha kể về sự kiện vua Duy Tân bị bắt tại nhà cụ Võ Đình Cơ.

²¹ Người dân cho biết trước đây, vùng đất trước mặt nhà cụ Võ Đình Cơ là bờ ruộng, vào mùa mưa đường lầy lội gây rất nhiều khó khăn cho người dân trong việc đi lại.

²² Trước đó cũng có giai thoại rằng, mùa hè năm nào vua Duy Tân cũng ra nghỉ mát ở cửa Tùng, một cửa biển đẹp, yên tĩnh, có bãi tắm bằng phẳng, cát trắng và mịn. Một hôm, nhà vua từ bãi tắm lên, hai tay còn dính cát, một thị vệ liền bưng lại một thau nước ngọt mời vua rửa tay, vua vừa rửa vừa hỏi: “Tay bẩn lấy nước mà rửa, nước bẩn lấy chi mà rửa?”. Thị vệ lúng túng không trả lời được. Nhà vua bèn đặt lại câu hỏi: “Nước bẩn thì làm thế nào cho sạch?”. Thị vệ vẫn không trả lời được. Vua Duy Tân bèn nói: “Nước bẩn thì lấy máu mà rửa!”.

Ngoài việc dựa theo lời kể của ông Võ Đình Nam và các cụ cao niên trong vùng Ngũ Tây, chúng tôi đã kết hợp những tư liệu lịch sử và điền dã đã nói ở trên để đưa ra một số suy luận về hành động vua Duy Tân, chí sĩ Thái Phiên, Trần Cao Vân và một số đồng chí tham gia cuộc khởi nghĩa chọn nhà cụ Võ Đình Cơ làm nơi ẩn nấp khi kế hoạch cuộc khởi nghĩa đã bị bại lộ.

Thứ nhất, vị trí ngôi nhà cụ Võ Đình Cơ nằm trong khu vực phía Tây Nam, dưới chân núi Thiên Thai (còn gọi là núi Ngũ Tây), nằm khá gần chùa Thiên Tôn/Thiên Thai, cách không xa Đền Nam Giao. Những địa danh này đã xuất hiện trong các công trình khảo cứu của các nhà sử học, nhà nghiên cứu từ trước đến nay khi bàn về địa điểm vua Duy Tân bị Pháp bắt giữ.

Thứ hai, địa cuộc ngôi nhà cụ Võ Đình Cơ nằm trong vùng rừng núi, đường xá đi lại khó khăn nên rất thuận lợi để vua Duy Tân và đoàn hộ giá ẩn náu, trốn tránh khi địch vây lùng.

Thứ ba, cụ Võ Đình Cơ là một quan chức triều Nguyễn, với chức Đội trưởng Đội Nhã nhạc dưới triều vua Duy Tân nên cụ thường có điều kiện được diện kiến vua Duy Tân, đặc biệt cụ Võ Đình Cơ cũng là hội viên của Việt Nam Quang phục hội; do đó theo một hệ quả logic trong bối cảnh vua Duy Tân và đoàn tùy tùng đang chạy trốn ở vùng núi Ngũ Tây chắc chắn sẽ chọn nhà cụ Võ Đình Cơ để ẩn nấp. Trường hợp này đã từng xảy ra trước đó khi vua Duy Tân và đoàn tùy tùng ẩn nấp tại nhà cụ Mai Xuân Trí tại làng Hà Trung, là một Hội viên của Việt Nam Quang phục hội.

Từ những luận điểm nêu trên, chúng tôi xác định chính xác vị trí ngôi nhà cụ Võ Đình Cơ đã được các yếu nhân cuộc khởi nghĩa vua Duy Tân lựa chọn là nơi ẩn nấp, đồng thời nơi đây cũng ghi dấu sự kiện vua Duy Tân, chí sĩ Thái Phiên, Trần Cao Vân và một số đồng chí khác tham gia cuộc khởi nghĩa đã bị Pháp bắt vào ngày 6.5.1916.

Cũng xin dành một vài dòng nhắc đến gia tộc cụ Võ Đình Cơ. Bởi lẽ đây là một gia tộc có truyền thống yêu nước và cách mạng tiêu biểu ở địa phương. Ngôi nhà hiện cũng đang thờ phụng Mẹ Việt Nam Anh

hùng Lê Thị Rát (1894-1988), liệt sĩ Võ Đình Sâm (1905-1949) là con trai duy nhất của cụ Võ Đình Cơ, liệt sĩ Võ Đình Tri, liệt sĩ Võ Đình Tứ. Mẹ Lê Thị Rát tham gia hoạt động cách mạng nhiệt thành trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước. Chồng của Mẹ, ông Võ Đình Sâm là giao liên của cách mạng, bị địch bắt giam ở tại nhà lao Thừa Phủ và bị tra tấn cho đến chết vẫn kiên trung với lý tưởng (hy sinh ngày 6.5.1949). Phát huy truyền thống cách mạng của quê hương và gia đình, noi gương cha, hai người con của Mẹ đã nhập ngũ tham gia kháng chiến bảo vệ Tổ quốc. Anh Võ Đình Tri, con trai đầu của Mẹ đã chiến đấu anh dũng và hy sinh ngày 6.6.1948 tại Hà Đá Đông (Phú Thù, huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế). Anh Võ Đình Tứ, là Chính trị viên phó Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 271, Quân khu 4, hy sinh ngày 5.12.1967 tại huyện Tam Quan, tỉnh Bình Định nay vẫn chưa tìm thấy hài cốt. Với những cống hiến của Mẹ và những người thân trong gia đình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 24.10.2003, Đảng và Nhà nước đã được truy tặng Mẹ Lê Thị Rát danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng.

Cuộc khởi nghĩa vua Duy Tân năm 1916 có ý nghĩa rất to lớn đối với lịch sử dân tộc. Tuy cuộc khởi nghĩa chưa đạt được kết quả như mong muốn, nhưng các hoạt động của vua Duy Tân và các chí sĩ yêu nước đã làm chấn động bộ máy cai trị thực dân Pháp ở thuộc địa. Vua Duy Tân đã góp phần thức tỉnh triều đình và nhân dân về ý thức chống giặc ngoại xâm. Dấu tích địa điểm vua Duy Tân, chí sĩ Thái Phiên, Trần Cao Vân và một số đồng chí tham gia cuộc khởi nghĩa bị Pháp bắt là một thành tố quan trọng trong hệ thống các di tích, địa điểm ghi dấu các sự kiện, các nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc khởi nghĩa vua Duy Tân năm 1916. Vì vậy, nơi đây cần thiết phải có những giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị nhằm khơi gợi, giáo dục tinh thần yêu nước cho thế hệ hôm nay và mai sau./.

TVD

THÁI PHIÊN VÀ VẤN ĐỀ KINH TÀI TRONG KHỞI NGHĨA NĂM 1916

VÕ HÀ *

Khi tìm hiểu về các phong trào yêu nước, các cuộc vận động cách mạng, giới nghiên cứu thường chú ý đến diễn biến, tính chất, yếu tố chính trị, tác động xã hội, nhưng ít chú ý đến vấn đề xây dựng nguồn lực kinh tế (kinh tài). Trên thực tế, vấn đề kinh tài - bản thân nó chính là biểu hiện cụ thể về tính chất của một phong trào yêu nước - cách mạng, bởi thông qua vấn đề kinh tài cho thấy lãnh đạo phong trào có tầm nhìn chiến lược ra sao, đã đưa phong trào vào một lực lượng riêng lẻ hay vào rộng rãi trong quần chúng, phong trào đơn thuần là bí mật hay vừa bí mật - công khai, có tính bền vững hay chỉ là “không thành công cũng thành nhân”, thông qua đó làm rõ hơn các vấn đề cụ thể của một cuộc khởi nghĩa. Bài viết này thông qua một số tài liệu của chính quyền cai trị đương thời¹ với mong muốn làm rõ vai trò của Thái Phiên trong vấn đề xây dựng nguồn lực kinh tài cho khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916.

Năm 1904, khi mới ngoài 20 tuổi, trong cuộc đấu tranh giữ đất của làng Nghi An ngày 25.9.1904 (chính trên ngôi làng của mình), Thái Phiên đã tham gia và có một vai trò chủ chốt trong cuộc đấu tranh này. Nhà nghiên cứu Nguyễn Sinh Duy cho rằng “đây lại là tất cả đầu mối dẫn tới vụ giành đất Cẩm Đình (Nghi An) mà người chủ động bí mật không ai khác hơn là Thái Phiên”². Câu kết luận này nói lên hai vấn đề: nguyên nhân dẫn đến cuộc đấu tranh và vai trò chủ

* Hội Khoa học Lịch sử TP. Đà Nẵng.

¹ Tài liệu được lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia hải ngoại Pháp Aix-en-Provence (ANOM). Các tài liệu này đã được dịch sang tiếng Việt, một số được sử dụng trong đề tài “Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân (5.1916) qua một số tài liệu mới” của Hội Khoa học lịch sử thành phố Đà Nẵng (chủ trì) năm 2015.

² Nguyễn Sinh Duy: “Thái Phiên và vụ giành đất Cẩm Đình (Nghi An, Quảng Nam) với thực dân Pháp”, *Nghiên cứu Lịch sử*, Hà Nội, số 4 (205), 1982.

chốt của Thái Phiên dưới góc độ bí mật. Tham gia cuộc đấu tranh này, Thái Phiên thu nhận được những bài học ban đầu về tổ chức đấu tranh yêu nước và sau đó tham gia tổ chức Duy Tân hội. Khi tham gia tổ chức này, Thái Phiên có các hoạt động hết sức bí mật và bền bỉ, trong đó quan trọng nhất là Thái Phiên đã góp phần gây dựng nền kinh tài cho tổ chức và giữ mối liên lạc hiệu quả cho các cơ sở Duy tân hội ở Quảng Nam. Năm 1908, Quảng Nam nổi lên phong trào chống thuế³, Thái Phiên càng nung nấu trong mình ý chí đánh đổ thực dân Pháp, thành lập một nước Việt Nam độc lập, tự do, dân chủ. Chính vì thế, Thái Phiên ra sức hoạt động một cách âm thầm và bền bỉ, tiếp tục xây dựng nguồn kinh tài cho tổ chức.

Đặc biệt, trong công tác chuẩn bị khởi nghĩa năm 1916 cho thấy Thái Phiên, Trần Cao Vân phải chi tiền cho các công việc như tuyển mộ, vận động binh lính địch, tuyển mộ dân binh, phục vụ cho xây dựng lực lượng, chuẩn bị hậu cần, súng đạn, vũ khí, đi lại, liên lạc, xây dựng tổ chức... Để tiến hành được những công việc như thế, phải có một nguồn lực kinh tài dồi dào.

Trong bản di ngôn của Thái Phiên cho biết: “Những người Trung Hoa làm môi giới chịu trách nhiệm liên lạc cho các sinh viên Annam đang du học ở Trung Hoa và ở Xiêm, là các ông: Ngô - nhân viên nhà buôn Trung Hoa Triều Hưng; Trịnh Quang Trợ, biệt hiệu Mouton, người kiểm hóa của Hiệp Hội Thương Mại Đông Dương; Nhô Đô, nhân viên nhà buôn Trung Hoa “Nghĩa Thành”, chi nhánh Đà Nẵng. Cả ba người nói trên đều là dân Đà Nẵng.. Các thủ quỹ của

³ Về tên gọi và bản chất của phong trào kháng thuế, thông qua 3 tài liệu chính *Mậu thân dân ký biến* của Huỳnh Thúc Kháng, *Trung Kỳ dân biến tụng oan thi mật ký* của Phan Châu Trinh, *Phong trào kháng thuế miền trung năm 1908 qua các châu bản triều Duy Tân* do Nguyễn Thế Anh sưu tầm, phiên dịch. Cả ba nguồn tài liệu đều thống nhất gọi các cuộc biểu tình ở các tỉnh miền Trung năm 1908 là “dân biến” chứ không phải “phong trào kháng thuế”. Kháng thuế chỉ là nguyên nhân chính, cái cớ của phong trào, người biểu tình thỉnh nguyện giảm sưu, thuế và phong trào công khai tự nhận là “xin sưu, xin thuế”. Tuy nhiên, phong trào ngoài việc kháng thuế thì do các sĩ phu “đem những từ “dân quyền”, “đồng bào” đi khắp nơi mở trường diễn thuyết, ngậm tới hạt khác sách động dụ dỗ, bắt dân cúp tóc thay đổi quần áo”, theo Lê Thành Khôi: *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XX*, NXB. Thế giới, 2014, tr 492.

chúng ta là: Đội Mại, nhân viên trong nhà Ông Cuénin, ở Đà Nẵng; Khoá Trá, nhà buôn gạo bên cạnh chợ Đà Nẵng”⁴. Điều này chứng minh Thái Phiên là người phụ trách công tác kinh tài của tổ chức cách mạng, bởi chỉ có người ở vị trí phụ trách kinh tài mới có mối quan hệ với “các thủ quỹ của chúng ta”, và dặn lại với các đồng chí có thể thoát khỏi ngục tù để khi cần thì báo lại với một thủ lĩnh khác của phong trào.

Thuyết phục hơn, các đồng đội của Thái Phiên cũng cho biết những thông tin tương tự. Lê Châu Hàng, Lê Cảnh Vận kể lại rằng, Thái Phiên đã dặn lại “khi tổ chức bí mật cần tài chính, Phan Thành Tài chỉ việc đến Đội Mại, người giúp việc cho ông Cuénin ở Đà Nẵng, và Khoá Trá, người buôn gạo ở gần chợ Hàn (chợ Đà Nẵng). Sau nữa, ông Thái Phiên cũng yêu cầu chúng tôi nói với vợ ông đến Cầu Hai tìm Cô Ba Tị để tìm lại món tiền hàng nghìn đồng mà ông đã gửi nơi cô ấy khi ông trốn chạy đến Cầu Hai trên đường đuổi theo nhập đoàn với Hoàng Thượng”⁵. Chi tiết này giúp ta hình dung ra việc khi đi ra Huế để chỉ huy cuộc khởi nghĩa đêm 3.5.1916, Thái Phiên đã dự đoán sẽ phải chi phí rất lớn cho cuộc chiến đấu quyết liệt này, nên đã tính toán và đem theo một số lượng lớn kinh phí. Khi khởi nghĩa không thành, phải tìm đường trở về phía Nam, đuổi theo đoàn của vua Duy Tân do Trần Cao Vân dẫn đường, Thái Phiên vẫn mang theo trong người nhiều nghìn đồng, trong đó ông đã kịp gửi lại ở cô Ba Tị hàng nghìn đồng trước khi bị bắt. Thông qua đây cũng cho thấy phẩm chất đáng quý của Thái Phiên trong việc trù liệu chu đáo cho công tác hậu cần của khởi nghĩa, là người thủ lĩnh đáng tin cậy nắm giữ một khâu quan trọng về nguồn lực tài chính cho cả sự nghiệp cứu nước của tổ chức Việt Nam Quang phục hội bấy giờ, ít nhất là trên địa bàn Quảng Nam và Thừa Thiên - Huế.

Ngay khi bắt được Thái Phiên và các đồng chí của ông, các nhà chức trách của Pháp và Nam triều lập tức thẩm vấn xét hỏi, và họ đã

⁴ Tài liệu số 56, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

⁵ Tài liệu số 58, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM..

nghe ngay đến việc tịch thu tài sản của những người cầm đầu. Công văn bưu thiếp của Công sứ Thừa Thiên gửi Khâm sứ Trung kỳ, ngày 10.5.1916, đề cập việc tịch thu tài sản của “tên nổi loạn Thái Phiên” viết rằng: “Khẩn. Các quan đầu tỉnh Thừa Thiên yêu cầu tôi sưu tra về tên Nguyễn Đông, người hợp tác với Thái Phiên đang ở Đà Nẵng. Ký tên: Carlotti”⁶.

Cũng ngay trong ngày 10.5.1916, Toàn quyền Roume đang thị sát tình hình ở Huế, đã điện cho Tổng Chương Lý ở Hà Nội bức điện số 8-T về việc tịch thu tài sản của các can phạm. Sau một thời gian điều tra, Tổng Biện lý thuộc Nha Tư pháp Đông Dương đã trả lời lại Toàn quyền Đông Dương với bức điện 175 ngày 26.6.1916: “Cần lưu ý vấn đề này, về việc quyết định của Phủ Phụ chính ngày 17.5.1916, biện pháp đề nghị thi hành ở Đà Nẵng về tịch thu toàn bộ tài sản của tử tội Thông Phiên cho lợi ích quốc gia. Hình phạt tịch thu toàn bộ tài sản của người bị án trái với quy định của bộ luật hình sự của chúng ta, bởi nó gây hậu quả có hại cho, nhất là người thừa kế và những người được ủy quyền của người bị kết án... Ông biện lý ở Đà Nẵng có đánh điện cho tôi về vấn đề tài sản của ông Thông Phiên (tức Thái Phiên) ở Đà Nẵng. Tôi có yêu cầu ông ta và ông Thị trưởng ở Đà Nẵng tìm hiểu những vấn đề: Ông Thái Xuân tức Thái Phiên chỉ có thể có phần hùn trong Công ty Nguyễn Đông và Công ty thầu khoán, Công ty này có ở Đà Nẵng một miếng đất trên đường Quảng Nam, trên đó có xây nhà chia phòng dùng làm văn phòng và cửa hàng, đã cầm cho Jeandot và Battesty 4.200 đồng. Theo đơn, Hiệp hội Thương mại Đông Dương kiện ở Tòa án chống lại bà quả phụ Thái Phiên. Hiệp hội Thương mại Đông Dương cho ông Thái Phiên vay. Theo ủy quyền được làm, ông Thái Phiên còn thiếu 7.000 đồng. Hiệp hội Thương mại Đông Dương xin tòa tuyên và có lệnh giữ lại kho bạc có hiệu lực. Diện tích khu đất 2.935 mét vuông. Lá đơn yêu cầu đạt được lệnh thi hành án phải nộp theo thể thức thông thường theo yêu cầu Khâm sứ

⁶ Tài liệu số 180, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

nhân danh lợi ích của Nhà nước An Nam phải triệu tập bên bị án (như bà quả phụ và những người thừa kế của ông Thái Phiên) ra trước Tòa án Đà Nẵng”⁷.

Vấn đề được đặt ra là Thái Phiên xây dựng được nguồn kinh tài lớn đó từ đâu. Sau khi Thái Phiên hy sinh, *Nông Cổ Min Đàm* có bài “Vua Duy Tân bị phế - Hoàng đế Khải Định lên ngôi kế vị”, khi nói tới vai trò của Thái Phiên thì tờ báo viết: “Bọn làm đầu ngục bốn đứa mới làm án trăm huyết tức khắc, đến mai, qua 4 giờ rưỡi chiều sẽ dẫn đến pháp trường lệ, cách 100 thước gần ga xe lửa An Hòa đường ra Quảng Trị mà xử trảm. Một đứa là Thái Phiên nguyên là kẻ bao tiền, nó làm đồ đốc binh ngục, lãnh việc Sở Tạo tác, trong sở đó đều tin cậy nó, giỏi dẫn trong việc tru nghỉ. Khi còn thơ ấu thì học hành giỏi thông thạo mọi sự, dễ hiểu dễ dạy. Nay bởi kiêu căng, nó lại ghét ta mà đền ơn báo đáp đó”⁸. Mặc dù văn phong và cách diễn đạt rất cũ kỹ của thời đó, lại được viết trong hoàn cảnh phải lách qua được lưỡi kiếm duyệt của thực dân Pháp, nhưng chúng ta vẫn có thể thấy được rằng, những người thời đó đã thấy rõ rằng Thái Phiên là một trong số ít người cầm đầu quan trọng nhất (đô đốc binh ngục), và trong hoạt động trước đó, ông “nguyên là kẻ bao tiền”, làm việc ở Sở Tạo tác. Điều đó khẳng định Thái Phiên là người đóng vai trò chủ chốt để tổ chức cách mạng có được nguồn lực kinh tài lớn lao.

Trước đó vào năm 1904, khi diễn ra cuộc đấu tranh của dân làng Nghi An chống “ông Tây Kho Bạc” cướp đất Gò Đình, Thái Phiên đã làm thông dịch viên cho nhà thầu khoán Leroy ở Đà Nẵng. Thời điểm ấy, thầu khoán Leroy đang thi công một gói thầu ở chân núi Ngũ Hành Sơn của tuyến đường sắt từ cảng Đà Nẵng đến Hội An, và khoảng những năm 1903-1904, Thái Phiên đã làm việc với thầu

⁷ Tài liệu số 18, Hồ sơ 65530, Phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM. Trong thời gian này, nhà cầm quyền Pháp bắt ép dân ta phải mua công trái để cung đồn cho nhu cầu chiến tranh, trung bình mỗi người “dân phải mua 1 đồng 70 công trái, nhưng giá thu mua nông lâm sản lúc đó chỉ là: bông 1 cân 5 xu, dầu phụng một chai 8 xu, gạo một ang 2 hào” (theo Ngô Văn Minh: *Chí sĩ Lê Cơ...* NXB. Đà Nẵng, 2012, tr 198). Như vậy, làm một phép tính đơn giản có thể thấy được số tiền hàng chục nghìn đồng là số tiền rất lớn lúc bấy giờ.

⁸ Báo *Nông Cổ Min Đàm*, số 101, ngày 8.6.1916.

khoán Leroy⁹. Những năm 1901-1902, Thái Phiên đã làm việc ở Ty Công chính ở Đà Nẵng, việc này chính Trần Quang Trứ, kẻ phản bội chui vào trong hàng ngũ nghĩa quân, đã báo cáo với cấp chỉ huy ngày 5.5.1916 thuật lại việc y đã chứng kiến cuộc họp ở đại bản doanh khởi nghĩa và ở đó, y đã nhận ra “một người là Phiên, người đã làm việc tại Ty công chính Đà Nẵng vào các năm 1901-1902, lúc đó tôi làm việc bên Tòa thị chính”¹⁰.

Trong khoảng đầu thế kỷ 20, Thái Phiên đã làm việc ở Ty Công chính Đà Nẵng, rồi chuyển sang làm cho nhà thầu Leroy¹¹. Sau 1910, khi trở thành nhân vật chủ chốt của Kỳ hội, Thái Phiên chuyển thành nhà thầu khoán, chính Thái Phiên đã đầu thầu trúng được một công trình đường quốc lộ đoạn đi qua Quảng Ngãi, xuyên qua vùng Cầu Cháy. Thái Phiên kể lại trong bản khai khi bị bắt vào năm 1916 rằng: “Vào tháng 12 năm ngoái, tôi đi vào Quảng Ngãi tiến hành việc rải sỏi một đoạn đường mà tôi đã trúng thầu. Tôi trú tại một quán trọ trong vùng Cầu Cháy”¹². Như vậy, tuy là một thủ lĩnh hàng đầu của phong trào, nhưng bản thân Thái Phiên vẫn luôn luôn làm việc trên những công trình với hình thức nhà thầu khoán, hoặc tham gia nhóm thầu nào đó, vừa tạo ra nguồn tài chính lớn góp cho tổ chức cách mạng, vừa có điều kiện liên hệ với các đồng chí ở nhiều địa phương suốt dải đất Trung Kỳ.

Một nguồn khác để cung cấp kinh tài cho tổ chức cách mạng là việc xây dựng các hoạt động hội buôn¹³. Hình thức hội buôn này được lập ra ở vùng ven kinh thành Huế, ở làng Thanh Lam, tổng An Hòa, huyện Phú Vang, với tên gọi “Quế Viên Thương Mãi Hội”¹⁴. Trên thực tế, Thái Phiên, Phạm Thành Chương đã hoạt động lâu ở

⁹ Tài liệu trong tập hồ sơ số 93, Phòng Tòa hòa giải rộng quyền Đà Nẵng, Trung Tâm lưu trữ Quốc gia I, Hà Nội.

¹⁰ Tài liệu 37. Hồ sơ 65530, nđd.

¹¹ Có lẽ vì thế mà *Nông Cổ Mìn Đàm* gọi là “làm việc ở Sở Tào tác”.

¹² Tài liệu số 48. Hồ sơ 65530, tldd.

¹³ Giống với hình thức mà các thủ lĩnh phong trào Duy Tân đầu thế kỷ ở Quảng Nam là Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng đã sử dụng.

¹⁴ Có thể Lê Cơ đã “tham mưu” cho tổ chức cách mạng của Việt Nam Quang phục hội sử dụng hình thức này, vì Lê Cơ cũng đã ra Huế trong khoảng thời gian này.

vùng này, khi Thái Phiên làm thầu khoán xây đập ở vùng Thuận An - Phú Vang. Còn Phạm Thành Chương thì đã cùng các đồng chí như Nguyễn Quang Siêu, Đặng Khánh Khải, Hai Ngô... thường về vùng này xây dựng cơ sở, thuê thợ rèn vũ khí. Các nhà yêu nước xứ Quảng đầu thế kỷ 20 không xa lạ gì với hoạt động kinh tài theo hình thức hội buôn đã nổi tiếng một thời trong phong trào Duy tân. Họ có thể đã cùng Nguyễn Quang Siêu xây dựng hình thức hội buôn mà chính Nguyễn Quang Siêu là một nhân vật chủ chốt của hội này, chỉ đứng sau cự tá lý Nguyễn Thượng Trung.

Xét cho cùng, các phong trào yêu nước - cách mạng trong hoàn cảnh bí mật nếu không có kinh phí hoạt động thì khó có thể thực hiện những nhiệm vụ được giao. Thái Phiên đã thực sự là một người chủ soái lo liệu về kinh tài của cuộc khởi nghĩa. Với vỏ bọc là một nhà thầu khoán, Thái Phiên đã bí mật tổ chức hoạt động kinh doanh, vay ngân hàng cho hoạt động thông qua các đầu mối của tổ chức. Bên cạnh đó, làm rõ về truyền thống lập hội buôn để hoạt động cách mạng của các nhà cách mạng tiền bối trước đó của xứ Quảng trong phong trào Duy tân, Đông du đến Việt Nam Quang phục hội, hoạt động này cũng đã được vận dụng một cách thành công. Vấn đề này khơi gợi việc nghiên cứu các vấn đề cụ thể của cách mạng, về công tác kinh tài của các phong trào yêu nước - cách mạng trong tiến trình lịch sử Việt Nam./.

VH

QUẢNG NGÃI TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI Ở TRUNG KỲ NĂM 1916

ThS. NGUYỄN QUỐC NGHĨA *

Cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 ở các tỉnh Trung Kỳ là một sự kiện tiêu biểu của phong trào yêu nước chống Pháp ở nước ta trong những năm đầu thế kỷ XX. Trong quá trình đó, sĩ phu và nhân dân Quảng Ngãi có những đóng góp trên các mặt: *cùng với nhân sĩ Quảng Nam hoạch định công cuộc khởi nghĩa, chuẩn bị lực lượng để tiến hành khởi nghĩa.*

1. Nhân sĩ Quảng Ngãi cùng với nhân sĩ Quảng Nam hoạch định công cuộc khởi nghĩa

Sự đàn áp đẫm máu của thực dân Pháp đối với *Vụ dân biến ở Trung Kỳ năm 1908* (Phong trào chống sưu thuế ở Trung Kỳ năm 1908) làm cho phong trào yêu nước chống Pháp ở Trung Kỳ bị rơi vào tình trạng khó khăn. Song nhân dân và sĩ phu tâm huyết của Trung Kỳ nói chung vẫn nuôi dưỡng lòng yêu nước, chí căm thù, chờ cơ hội vùng dậy. Nguyễn Hàm, Trần Cao Vân, Châu Thượng Văn, Trương Bá Huy, Huỳnh Thúc Kháng... (Quảng Nam); Phạm Cao Chảm, Nguyễn Thụy, Trần Kỳ Phong, Lê Ngung (Quảng Ngãi)... đều có thái độ như vậy. Trải qua những cuộc khủng bố liên tục, các sĩ phu yêu nước Trung Kỳ bắt đầu hoạt động trở lại. Trong số ấy, ở Quảng Ngãi có phần khá hơn cả¹. Rút kinh nghiệm trong phong trào chống sưu thuế năm 1908, các sĩ phu yêu nước tăng cường phối hợp với các lực lượng chống Pháp của các tỉnh lân cận. Vì vậy, từ năm 1909, cùng với các nhân sĩ Trung Kỳ, các nhân sĩ Quảng Ngãi, như Nguyễn Điển, Lê Triết, Bùi Phụ Thiệu, Nguyễn Công Mậu, Nguyễn Công

* Trường THPT Chuyên Lê Khiết, Quảng Ngãi.

¹ Hành Sơn, *Cụ Trần Cao Vân*, NXB. Minh Tân, Paris VI, 1950, tr 75.

Phạm Văn Sơn, *Việt Nam đấu tranh đấu sử*, NXB. Vũ Hùng, Hà Nội, 1950, tr 152.

Phuong..., một mặt tìm bắt liên lạc với Thái Phiên - một yếu nhân của Duy tân hội trước đây và là người được Phan Bội Châu tin cậy - để bàn kế hoạch tiếp tục chống Pháp, mặt khác bí mật vận động thanh niên yêu nước xuất dương theo Phan Bội Châu². Trong bối cảnh đó, khi Phan Bội Châu tiến hành cải tổ Duy tân hội thành Việt Nam Quang phục hội (2.1912), nêu cao mục tiêu dân chủ tư sản. Sau khi ra đời, Việt Nam Quang phục hội cử người về nước để chấp nối tổ chức, tập hợp lực lượng, đồng thời chuẩn bị công cuộc bạo động, đã làm cho phong trào cách mạng Việt Nam bắt đầu chuyển sang giai đoạn phục hồi và hoạt động trong những năm 1914-1918. Đây chính là một trong những tiền đề dẫn đến cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 ở Trung Kỳ.

Mùa hè năm 1912, theo phân công của Việt Nam Quang phục hội, Võ Quán (Lâm Quảng Trung) - là Hội nội ủy viên của tổ chức Việt Nam Quang phục hội, về Trung Kỳ vận động tài chính, phổ biến Chương trình hành động, Tuyên ngôn của Hội và xúc tiến xây dựng tổ chức. Đồng đạo nhân sĩ yêu nước Nam Ngãi gia nhập và thành lập ra Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ (bao gồm các tỉnh từ Quảng Bình đến Bình Định, chủ yếu là Nam Ngãi). Ở Quảng Nam có Thái Phiên, Đỗ Tự, Phan Thành Tài, Phan Thành Chương, Lê Đình Dương, Lê Cơ...; Quảng Ngãi có Nguyễn Công Mậu, Bùi Phú Thiệu, Võ Hàng, Nguyễn Điền, Lê Triết..., Thừa Thiên có Đoàn Bổng, Quảng Trị có Khóa Bảo, Quảng Bình có Nguyễn Chánh... Từ năm 1914, một số sĩ phu yêu nước hết hạn tù ở Côn Đảo và Lao Bảo, như Lê Ngung, Nguyễn Đôn Quế, Nguyễn Thụy, Phạm Cao Chằm (Quảng Ngãi) Trần Cao Vân (Quảng Nam)... cũng tham gia Hội. Nhờ đó, cơ sở của Kỳ bộ có ở khắp các tỉnh từ Quảng Bình vào đến Phú Yên nhưng mạnh nhất là ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Thừa Thiên. Những người đóng vai trò lãnh đạo Hội là Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung, Nguyễn Thụy.

Dựa theo chủ trương của Việt Nam Quang phục hội, *các nhân sĩ yêu nước Quảng Nam, Quảng Ngãi, đã cùng nhau hoạch định chương trình hành động và giữ vai trò lãnh đạo cuộc vận động cứu*

² Bùi Định (1985), Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (1885-1945), Sở Văn hóa Thông tin Nghĩa Bình xuất bản, tr 76-77.

nước. Họ vạch kế hoạch “nội công, ngoại kích” phối hợp với Việt Nam Quang phục quân vượt biên giới đánh về nước và sự nổi dậy của cơ sở yêu nước trong hàng ngũ lính tập. Những nhân sĩ Quảng Ngãi còn nhận nhiệm vụ bắt liên lạc với tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở nước ngoài. Từ tháng 4 đến cuối năm 1913, các nhân sĩ yêu nước Quảng Ngãi đã hai lần ra nước ngoài tìm bắt liên lạc với Việt Nam Quang phục hội: Nguyễn Công Mậu và Võ Hàng sang Quảng Đông; Nguyễn Công Mậu và Bùi Phụ Thiệu sang Xiêm. Hiểu rõ Việt Nam Quang phục hội không còn khả năng lãnh đạo phong trào cứu nước, các nhà ái quốc Nam Ngãi quyết định hoạt động độc lập theo chủ trương của mình³.

Tháng 3.1914, Lê Ngung (Quảng Ngãi) cùng với Thái Phiên (Quảng Nam) tổ chức một cuộc hội nghị gồm các nhà yêu nước Trung Kỳ ở Đà Nẵng. Hội nghị đề ra đường lối hoạt động, biện pháp củng cố và phát triển lực lượng để chờ thời cơ khởi nghĩa giành độc lập. Phương hướng hành động là vận động binh lính người Việt, chủ yếu là lính khố xanh và phối hợp với tổ chức dân binh.

Thực hiện chủ trương của hội nghị, Thái Phiên, Nguyễn Công Mậu (người Quảng Ngãi) đứng ra lãnh đạo trên đoạn đường nhựa từ Đồng Hới đến Phan Thiết để lo việc tài chính⁴. Các ông còn tìm cách bắt liên lạc với các nhà yêu nước của các tỉnh ở Trung Kỳ, vận động binh lính ở Quảng Nam. Lê Ngung được phân công phụ trách vận động phong trào ở Quảng Ngãi.

2. Quảng Ngãi là một trong ba địa bàn chính của cuộc vận động khởi nghĩa⁵

Những người yêu nước Quảng Ngãi tán thành chủ trương của hội nghị và tích cực chuẩn bị cuộc vận động cứu nước. Từ đó trở đi, Quảng Ngãi trở thành một trong ba địa bàn trọng yếu trong việc xây dựng lực lượng và căn cứ địa của cuộc khởi nghĩa.

³ Phạm Văn Sơn (1972), *Chế độ Pháp thuộc tại Việt Nam*, Tác giả xuất bản Sài Gòn, tr 21. Chương Thâu, Hồ Song, Ngô Văn Hòa, Nguyễn Văn Kiệm, Đinh Xuân Lâm (1998), *Lịch sử Việt Nam (1897 - 1918)*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 301.

⁴ Chương Thâu, Hồ Song, Ngô Văn Hòa, Nguyễn Văn Kiệm, Đinh Xuân Lâm (1998), *Lịch sử Việt Nam (1897 - 1918)*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 302.

⁵ Ba địa bàn chính của cuộc khởi nghĩa: Huế, Quảng Nam và Quảng Ngãi.

Sau hội nghị Đà Nẵng, Lê Ngung triệu tập một cuộc hội nghị gồm các nhà yêu nước Quảng Ngãi để phân công trách nhiệm, tiến hành công cuộc chuẩn bị theo kế hoạch nhằm phát triển và củng cố lực lượng trong toàn tỉnh, đưa người vào lính tập, nắm số lượng binh lính và vũ khí của địch ở các đồn trại, đồng thời xây dựng các căn cứ ở Ba Tơ, Minh Long, Mang Đen, An Lão làm nơi thế thủ; mở đường bí mật từ Nghĩa Hành lên Minh Long, Ba Tơ, qua Lào (gọi là “đường xuyên sơn”); chuẩn bị quân lương cho cuộc khởi nghĩa.

Cuộc chiến tranh Thế giới thứ nhất bùng nổ (8.1914). Quân Pháp liên tiếp thất trận. Miền Bắc nước Pháp bị quân Đức chiếm đóng, thủ đô Paris bị đe dọa nghiêm trọng. Nhân cơ hội này, nhiều nhân sĩ yêu nước Quảng Ngãi, do Lê Ngung đứng đầu, muốn tiến hành khởi nghĩa ngay. Tháng 12.1914, Lê Ngung viết thư cho Thái Phiên và các đồng chí ở Quảng Nam nói rằng: “Pháp Đức khai hân chi nhật, thị Việt Nam độc lập chi thời” (“Pháp Đức đánh nhau là thời cơ cho Việt Nam giành độc lập”)⁶. Thái Phiên không tán thành chủ trương khởi nghĩa vì thời cơ chưa đến.

Tháng 7.1915, thực dân Pháp ráo riết bắt lính, các nhà yêu nước tiến hành tuyên truyền vận động chống lại kế hoạch này. Đồng thời, Lê Ngung viết mật thư gửi Phan Bội Châu ở Quảng Đông xin ý kiến và thư kêu gọi các đồng chí ở Quảng Nam khởi nghĩa với những lời lẽ thống thiết: “Thời là đây! Thời là đây! Thời đi không hề trở lại còn chờ lúc nào?”⁷. Lúc bấy giờ, ở Quảng Ngãi, Quảng Nam lực lượng tham gia chuẩn bị khởi nghĩa khá phát triển. Riêng ở Quảng Ngãi, hơn 80% (450 người) lính khổ xanh đã ngã về phía cách mạng và sẵn sàng nổi dậy. Căn cứ đã xây dựng ở vùng Minh Long, Giá Vụt (Ba Tơ), Mang Đen, An Lão; đây là những nơi vừa có địa thế hiểm trở, lại vừa có khả năng cung cấp sức người, sức của cho cuộc chiến đấu.

⁶ Tự thuật của Nguyễn Công Phương. Tài liệu lưu trữ tại Viện Bảo tàng cách mạng. K.H.39/TTTD/69. Nguyễn Công Phương (1888-1975) đã từng tham gia phong trào yêu nước trong những năm đầu thế kỷ XX, Tân Việt Cách mạng Đảng. Trong thời chống Mỹ, ông là Cố vấn tối cao của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.

⁷ Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm, Kiều Xuân Bá, Nguyễn Văn Sự (1961-1963), *Lịch sử cận đại Việt Nam (4 tập)*, NXB. Giáo dục, Hà Nội, tr 301.

Đường xuyên sơn để liên lạc với Nam Kỳ, Lào, Miên đã được khai thông.

Trước tình hình đó, tháng 9.1915, Thái Phiên tiến hành triệu tập các nhà yêu nước Trung Kỳ ở Huế lần thứ nhất tại nhà ông Đoàn Bổng - một viên chức ở bộ Hộ, ở đường Đông Ba (nay là đường Mai Thúc Loan) để bàn định. Cuộc họp có mặt hầu hết các hội viên quan trọng như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Đỗ Tự, Phan Thành Tài, Lê Ngung, Nguyễn Thụy, Lê Triết, Nguyễn Công Mậu, Nguyễn Công Phương, Đoàn Bổng, Nguyễn Chính...

Hội nghị kiểm điểm lực lượng và tình hình ở các tỉnh để quyết định đã đến lúc tiến hành khởi nghĩa hay chưa. Lê Ngung, đại biểu Quảng Ngãi vẫn giữ ý kiến không chờ đợi nữa mà phải khởi nghĩa ngay, vì nhân dân các tỉnh nhiệt liệt hưởng ứng, lực lượng cách mạng trước hết là binh lính trong hàng ngũ địch khá mạnh dù mới tập trung ở Nam Ngãi. Cân nhắc kỹ, hội nghị quyết định chưa khởi nghĩa mà cần tiếp tục chuẩn bị tốt hơn để xây dựng lực lượng mạnh ở khắp Trung Kỳ. Đối với các sĩ phu Quảng Ngãi, ngoài việc tăng cường lực lượng mạnh hơn ở địa phương, còn được giao trách nhiệm xây dựng lực lượng ở Kon Tum và Bình Định.

Tại hội nghị này, các nhà yêu nước quyết định một số vấn đề cần thực hiện: mời vua Duy Tân tham gia cuộc khởi nghĩa để gây thanh thế và giao cho Thái Phiên và Trần Cao Vân tiến hành; liên lạc với Tổng bộ Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Châu để xin ý kiến; vận động viên thiếu tá người Đức ở đồn Mang Cá để làm nội ứng.

Hầu hết những người lãnh đạo ở các tỉnh tán thành chủ trương hoãn lại khởi nghĩa, song các nhân sĩ còn bị giam giữ trong nhà lao Quảng Ngãi, nhiều người yêu nước trong hàng ngũ lính tập và ở các địa phương trong tỉnh phản đối việc ngừng lại cuộc khởi nghĩa, vì cho rằng lực lượng khởi nghĩa ở Quảng Nam, Quảng Ngãi khá mạnh, đã chuẩn bị tốt. Tuy vậy việc chuẩn bị khởi nghĩa vẫn tiến hành một cách khẩn trương. Một số địa phương ở Quảng Ngãi đã trích quỹ nghĩa binh mua ngựa ở Phú Yên để luyện tập. Nhiều thợ giỏi được

mời về căn cứ Ba Tơ, Minh Long để chế tạo vũ khí. Lực lượng dân binh vốn được tổ chức đông và chu đáo⁸, nay được củng cố thêm. Các nghĩa binh được tập hợp thành từng nhóm (từ 10 đến 20 người), do một người “cai” chỉ huy. Ở huyện có một “quản” chỉ huy chung. Y phục của nghĩa quân bằng vải màu đen. Vũ khí là dao tự sắc và lựu đạn tự chế tạo bằng thuốc súng trộn mảnh chai, bọc vỏ tre. Nếu ai không sắc được vũ khí và quần áo thì được quỹ quân lương của tỉnh trợ cấp, theo thời giá con dao được cấp một đồng, một bộ quần áo ba đồng. Đầu năm 1916, số dân binh ở Quảng Ngãi lên tới hơn 600 người, riêng ba huyện Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ lên tới 350 người. Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo vẫn trông cậy vào lính khổ xanh và lính mộ làm lực lượng chủ yếu của cuộc khởi nghĩa.

Đến đầu năm 1916, thực dân Pháp khôn quần trong cuộc chiến tranh đế quốc. Quân Đức vượt qua sông Aisne, uy hiếp thủ đô Paris. Lê Ngung, Nguyễn Công Phương và một số nhà yêu nước Nam Ngãi cho đó là thời cơ cho cuộc khởi nghĩa, đề nghị triệu tập hội nghị để đề ra chủ trương khởi nghĩa. Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ tổ chức hội nghị ở Huế lần thứ hai (2.1916), do Thái Phiên triệu tập, đã quyết định khởi nghĩa.

Hội nghị định ra quốc hiệu, quốc kỳ, quân kỳ, quốc đô do Lê Ngung đề xuất, song lại tranh luận gay gắt về chính thể (quân chủ lập hiến hay cộng hòa dân quốc). Sau 2 ngày bàn luận, đa số tán thành chế độ quân chủ lập hiến. Chủ trương này thấp hơn tôn chỉ của Việt Nam Quang phục hội là thể chế dân chủ cộng hòa. Tình hình này cũng bắt nguồn từ sự bất lực của Việt Nam Quang phục hội đối với tình hình trong nước.

Hội nghị cũng định ra nhật kỳ khởi nghĩa và kế hoạch hành động. Ngày khởi nghĩa sẽ tiến hành vào giữa tháng 5.1916 ở hầu hết các tỉnh Trung Kỳ từ Quảng Bình đến Bình Thuận. Huế là địa bàn phát lệnh khởi đầu tiên.

⁸ Chương Thâu, Hồ Song, Ngô Văn Hòa, Nguyễn Văn Kiệm, Đinh Xuân Lâm (1998), *Lịch sử Việt Nam (1897-1918)*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 305.

Một ban chỉ huy khởi nghĩa được thành lập, gồm chủ yếu các nhà ái quốc Nam - Ngãi: Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Đỗ Tự (Quảng Nam), Lê Ngung, Nguyễn Thụy (Quảng Ngãi).

Thái Phiên, Trần Cao Vân phụ trách khởi nghĩa ở Huế, vận động 2500 lính mộ đang luyện tập ở Trường Thi và dân quân nổi dậy phối hợp chiếm kinh đô.

Đỗ Tự và Phan Thành Tài cùng một số đồng chí chịu trách nhiệm ở Quảng Nam có nhiệm vụ vận động 1500 lính mộ ở Đà Nẵng, đồng thời giúp tỉnh Thừa Thiên. Huy động toàn lực Nam Ngãi chiếm giữ cửa biển Đà Nẵng.

Nguyễn Thụy, Lê Đình Dương giao thiệp với cố đạo Bà Gốc để mật giao với thiếu tá người Đức hiện đang chỉ huy quân Pháp đóng ở đồn Mang Cá (Huế) làm binh biến hỗ trợ.

Lê Ngung phụ trách ở Quảng Ngãi, Bình Định, Kon Tum và các tỉnh cực nam Trung Kỳ để cho các tỉnh này có thể cùng lúc nổi dậy...

Hịch khởi nghĩa và chương trình hành động do Lê Ngung soạn thảo⁹.

Các nhà lãnh đạo cuộc khởi nghĩa nhanh chóng về các tỉnh tích cực chuẩn bị và chờ lệnh nổi dậy. Ở Quảng Ngãi, Lê Ngung triệu tập một cuộc hội nghị toàn tỉnh, phân công tỉ mỉ và chu đáo không những đối với Quảng Ngãi mà còn đối với các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Kon Tum - những địa phương do các nhân sĩ Quảng Ngãi phụ trách.

Trong khi các địa phương đang tích cực chuẩn bị khởi nghĩa, thì 2500 lính mộ Huế - lực lượng tham gia khởi nghĩa - bị đưa sang Pháp vào ngày 10.5.1916 nên vua Duy Tân yêu cầu Thái Phiên và Trần Cao Vân tổ chức khởi nghĩa sớm hơn dự định, vào tối mùng 3 rạng ngày mùng 4 tháng 5 năm 1916. Cuộc khởi nghĩa nổ ra khi các tỉnh Quảng Bình, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận... chưa chuẩn bị đầy đủ. Đây là một nguyên nhân dẫn tới thất bại của cuộc khởi nghĩa.

⁹ Phạm Văn Sơn (1972), *Chế độ Pháp thuộc tại Việt Nam*, Tác giả xuất bản, Sài Gòn, tr 21.

Mặt khác, kế hoạch bị lộ, trước hết ở Quảng Ngãi, sau đó ở Huế nên thực dân Pháp kịp thời đối phó. Ở Quảng Ngãi, xuất phát từ hai anh em Võ An và Võ Huệ. Võ An là cai đội lính khổ xanh ở tỉnh thành, một đảng viên của Việt Nam Quang phục hội và Võ Huệ, lính giản đang phục vụ tại dinh Án sát Quảng Ngãi. Đến gần ngày chuẩn bị khởi nghĩa, Võ An bị điều vào huyện lỵ Đức Phổ. Trước khi đi, có dặn em họ mình tên Võ Huệ là đến đầu tháng 5.1916 thì xin phép về nhà chứ đừng đến dinh Án sát sẽ có biến. Đúng như lời anh dặn, sáng ngày 2.5.1916, Võ Huệ vào xin Án sát Phạm Liệu cho nghỉ phép về nhà. Thấy thái độ lúng túng, khác mọi ngày thường của Võ Huệ, Án sát Phạm Liệu nghi ngờ nên bắt Võ Huệ cung khai. Biết không thể giấu được, Huệ bèn thú thật. Do lời khai của Võ Huệ, Võ An bị bắt và tra tấn cực hình và đã khai sự việc. Phạm Liệu báo cho Công sứ De Tastes. De Tastes điện cho Khâm sứ Charles ở Huế. Lập tức lệnh giới nghiêm được ban bố ở khắp các tỉnh Trung Kỳ. Lính khổ xanh, lính mộ bị cầm trại, vũ khí bị thu hồi vào kho.

Tuy vậy, không khí khởi nghĩa vẫn dâng lên mạnh mẽ nhất là trong đêm mùng 3 rạng ngày mùng 4 tháng 5 năm 1916. Tại Quảng Ngãi xuất hiện nhiều nhóm nghĩa binh khá đông, vũ trang bằng dao, mác, vận động suốt ngày đêm tại nhiều địa điểm trong tỉnh với tư thế sẵn sàng chiến đấu.

Tại Quảng Nam nghĩa binh tấn công phủ Tam Kỳ. Xung quanh bến cảng Đà Nẵng và Hội An cũng xuất hiện nhiều tốp nghĩa binh với tư thế sẵn sàng chiến đấu. Riêng tại Huế, có khoảng 50 thủ lĩnh nghĩa quân từ Quảng Nam, Quảng Ngãi đến để vận động, tổ chức nghĩa quân chuẩn bị tấn công tiêu đoàn thứ 16 để cướp vũ khí¹⁰.

Cuộc khởi nghĩa năm 1916 ở Trung Kỳ bị thất bại!

¹⁰ Dương Kinh Quốc (1999), Việt Nam những sự kiện lịch sử tập 1, (1858-1918), NXB. Giáo dục, Hà Nội.

3. Kết luận

Tóm lại, trong cuộc vận động khởi nghĩa 1916 ở Trung Kỳ, Quảng Ngãi là một trong ba địa bàn chuẩn bị chủ yếu, một số nhà yêu nước Quảng Ngãi như Lê Ngung, Nguyễn Thụy... cùng với các nhân sĩ Quảng Nam còn giữ vai trò chủ chốt trong việc tổ chức, lãnh đạo cuộc vận động.

Qua thực tiễn cuộc vận động khởi nghĩa, đã thể hiện tính năng động, nhạy bén, sáng tạo, tự lực, tự cường trong đấu tranh anh dũng chống mọi sự áp bức bóc lột, bảo vệ và phát triển bản sắc dân tộc tạo nên một truyền thống tính cách nổi bật của người dân xứ Quảng. Chính quyền thực dân phải thừa nhận rằng “dân Quảng Ngãi là dân thượng khí”, “coi sự sống chết làm thường”, “có tư tưởng đối với nước”, “ưa tiếp thu các phong trào mới trong thế giới”¹¹. Chúng lại cho rằng, dân Quảng Ngãi “nổi tiếng có xu hướng làm giặc” và “không bỏ qua một cơ hội nào”¹² để “nổi loạn” chống chính quyền. Đây thực chất là ý chí kiên cường bất khuất, kiên quyết đứng lên chống các thế lực ngoại xâm khi có điều kiện. Những đặc tính trên đây là biểu hiện của truyền thống yêu nước, khí phách của dân tộc, là cơ sở quan trọng góp phần thúc đẩy nhân dân Quảng Ngãi đứng lên đấu tranh tiến kịp với các phong trào cả nước đồng thời là nơi nuôi dưỡng lực lượng lúc phong trào lắng xuống để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh mới.

Tuy thất bại, nhưng cuộc khởi nghĩa 1916 đã thể hiện tinh thần yêu nước quật khởi truyền thống của dân tộc nói chung, của nhân dân Nam Ngãi nói riêng, góp phần xây dựng cơ sở cho thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc./.

NQN

¹¹ Nguyễn Bá Trắc, Nguyễn Đình Chi (1933), *Quảng Ngãi tinh chí*, Nam phong tạp chí. Bản đánh máy, Tài liệu lưu trữ tại Thư viện tổng hợp tỉnh Quảng Ngãi. ĐC/322, tr 64,65,144.

¹² Commission d'enquête sur les événements du Nord - Annam (1931), Séance du 19 Juilliet 1931. Déclaration de M.Lavigne, Résident de France à Quang Ngai. Tài liệu lưu trữ tại Ban NCLS Đảng Quảng Ngãi. Bản dịch của Nguyễn Luận, tr 2.

SĨ PHU QUẢNG NGÃI TRONG CUỘC MƯU KHỞI DUY TÂN NĂM 1916

LÊ HỒNG KHÁNH*

Cuộc mưu khởi Duy Tân¹ tháng 5.1916, là đỉnh cao của một cuộc vận động chống Pháp, giành độc lập dân tộc có quy mô lan rộng từ kinh đô Huế đến các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Huế, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Quảng Bình do các sĩ phu yêu nước, đứng đầu là Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Ngung, Nguyễn Sủy (Suy)... lãnh đạo. Huế, Quảng Nam và Quảng Ngãi là những địa phương có phong trào mạnh nhất, có nhiều sĩ phu nhiệt huyết, tích cực tham gia cuộc mưu khởi, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp cứu nước của toàn dân tộc.

1. Phong trào đấu tranh yêu nước chống áp bức thực dân từ sau sự tan rã của Phong trào Duy tân và Duy tân hội.

Sự đàn áp khốc liệt của thực dân Pháp đối với cuộc kháng thuế, cự sưu năm 1908 làm cho phong trào yêu nước ở Trung Kỳ rơi vào tình thế khó khăn, song nhân dân và sĩ phu yêu nước vẫn nung nấu nhiệt tình ái quốc, nuôi chí căm thù, chờ cơ hội vùng lên. Những người bị bắt bớ, giam cầm trong lao tù, xem nhà tù là “trường học thiên nhiên” để rèn luyện, học tập, xem xét lại phương châm hành động cứu nước, bàn luận chính trị. Trong gian khổ lao tù, các nhà yêu nước kiên gan vững chí, chờ ngày ra tù để tiếp tục cuộc vận động cứu nước, trong số đó có các nhà yêu nước người Quảng Ngãi như Phạm Cao Chảm, Nguyễn Sủy, Trần Kỳ Phong, Lê Ngung...

Đến năm 1909, các hoạt động ái quốc đã bắt đầu sôi động trở lại ở Quảng Ngãi. Từ kinh nghiệm phong trào chống sưu thuế năm 1908,

* Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Quảng Ngãi.

¹ Còn có các tên gọi “Cuộc Khởi nghĩa Duy tân”, “Cuộc vận động khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội”, “Cuộc vận động khởi nghĩa Duy tân”, “Cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916”.

các sĩ phu yêu nước chủ động tăng cường phối hợp với các lực lượng chống Pháp tại các tỉnh lân cận. Cùng với các nhân sĩ Trung Kỳ, các nhân sĩ Quảng Ngãi (như Nguyễn Diễm, Lê Tựu Khiết, Bùi Phụ Thiệu, Nguyễn Công Mậu...) một mặt tìm bắt liên lạc với Thái Phiên - một yếu nhân của Duy Tân hội trước đây và là người được Phan Bội Châu tin cậy, để bàn kế hoạch tiếp tục chống Pháp; mặt khác bí mật vận động thanh niên xuất dương du học.

Về tình hình chung trong cả nước, sau khi phong trào Đông du tan rã, từ cuối năm 1908 đến năm 1909, phần lớn lưu học sinh Việt Nam ở Nhật đã về nước. Con đường đào tạo nhân tài, củng cố tổ chức ở Nhật Bản đã khép lại với lãnh tụ có uy tín nhất của phong trào yêu nước lúc bấy giờ là Phan Bội Châu. Rời khỏi Nhật, Phan Sào Nam và một số đồng chí của ông quay lại Hương Cảng, sau đó là Quảng Đông và cuối cùng qua đông bắc Thái Lan. Ở đây, họ vừa làm ruộng để sinh sống, vừa âm thầm liên lạc với quốc nội, nuôi dưỡng phong trào và chờ đợi thời cơ phục quốc.

Tháng 10.1911, Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc thắng lợi, lật đổ chế độ phong kiến Mãn Thanh, Trung Hoa Dân quốc được thành lập. Tin này đem đến cho Phan Bội Châu và đồng chí của ông một niềm tin mới. Ông đã viết thư chúc mừng những người bạn cũ ở Trung Quốc và đến tháng 12.1911, cùng với một số đồng chí trở lại hoạt động ở đó. Với sự giúp đỡ của những nhà cách mạng Trung Quốc, Phan Bội Châu bắt đầu thực hiện một phương sách cứu nước mới. Ông đoạn tuyệt hẳn với tư tưởng quân chủ từ thời còn lãnh đạo Duy tân hội và phong trào Đông du để hướng theo ngọn cờ dân chủ của cách mạng Tân Hợi.

Vào tháng 2.1912, tại Quảng Đông (Trung Quốc), một hội nghị gồm đầy đủ đại biểu của cả ba kỳ Trung - Nam - Bắc đã quyết định thành lập một tổ chức mới lấy tên là Việt Nam Quang phục hội. Việt Nam Quang phục hội đề ra tôn chỉ “Khôi phục Việt Nam, kiến lập Việt Nam Dân Quốc”, đề xướng theo chủ nghĩa dân chủ, xác lập mục đích của Hội là đánh đuổi người Pháp ra khỏi Đông Dương. Lâm Quán Trung (tức Võ Quán, người huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi), được cử làm đại diện Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ .

2. Sự hình thành Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ và vụ mưu khởi Duy tân năm 1916.

Mùa hè năm 1912, Lâm Quán Trung về Trung Kỳ phổ biến chương trình hành động và tuyên ngôn của Hội đồng thời xúc tiến xây dựng tổ chức. Đồng đảo các sĩ phu yêu nước tiến bộ Nam - Ngãi đã gia nhập và cùng sĩ phu các tỉnh thành lập ra Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ. Những người có uy tín nhất và có trách nhiệm lãnh đạo là Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài (Quảng Nam), Lê Ngung, Nguyễn Sụy (Quảng Ngãi).

Sự thành lập Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ thể hiện quyết tâm của các sĩ phu yêu nước tiến bộ Trung Kỳ đi theo con đường cách mạng dân chủ tư sản và phương thức hành động chủ yếu là đấu tranh vũ trang. Sự thật là, nội bộ các nhà yêu nước trong Kỳ bộ vẫn có những điểm khác biệt về mức độ và cách thức tiếp nhận tư tưởng cách mạng tư sản dân quyền, sự lựa chọn phương lược tiến hành đấu tranh. Tuy vậy, các phần tử ưu tú của phong trào yêu nước lúc bấy giờ đã nhanh chóng gác lại những bất đồng để cùng nhau chung tay vì mục tiêu ái quốc, đánh đuổi kẻ thù chung. Đây chính là điểm son ngời sáng về nhân cách, về chí khí, về tấm lòng yêu nước chân chính của các thành viên Việt Nam Quang phục hội.

Tháng 3.1914, Lê Ngung cùng Thái Phiên tổ chức một cuộc hội nghị gồm các nhà yêu nước Trung Kỳ ở Đà Nẵng để thống nhất chủ trương và phân công người chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa chống Pháp. Phương hướng hành động là vận động binh lính yêu nước người Việt, chủ yếu là lính khổ xanh và binh lính bị động viên sắp đưa sang Pháp phản chiến, phối hợp với lực lượng dân binh, tiến hành “nội công, ngoại kích”. Những người yêu nước Quảng Ngãi tán thành chủ trương trên và tích cực chuẩn bị cho ngày khởi sự. Từ đó trở đi, Quảng Ngãi cùng với Quảng Nam, Huế trở thành ba địa bàn trọng yếu trong việc xây dựng lực lượng và căn cứ địa của cuộc khởi nghĩa.

Tháng 8.1914, Chiến tranh Thế giới thứ nhất bùng nổ. Quân Pháp liên tiếp bại trận. Bắt đầu từ tháng giêng năm 1916, nhiều lớp thanh niên tại Trung Kỳ bị gọi nhập ngũ, được huấn luyện vội vã

trước khi xuống tàu sang Pháp. Thanh niên thuộc hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi phải tập trung về kinh đô Huế, tạm trú rải rác tại nha Hộ thành, tại tòa Hậu bổ, đồn Mang Cá... Mỗi ngày hai lần, họ tập dượt tại Trường Thi, trong thành nội. Việc tuyển mộ gần như cưỡng bách này, tiến hành trong một phạm vi rộng lớn, đã gây nhiều sự xáo trộn về phương diện xã hội, làm cho mọi tầng lớp dân chúng ta thán. Họ trông đợi và sẵn sàng hưởng ứng nếu một cuộc khởi nghĩa được phát động.

Nhân cơ hội này, các nhà yêu nước lãnh đạo cuộc vận động đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa. Ngoài việc xây dựng lực lượng ở địa phương, Quảng Ngãi còn được giao trách nhiệm xây dựng lực lượng ở Kon Tum và Bình Định. Căn cứ địa đã được xây dựng ở vùng Minh Long, Giá Vụt (Ba Tơ), Mang Đen (Kon Tum), An Lão (Bình Định). Đến tháng 7.1915, ở Quảng Ngãi có hơn 80% (450 người) lính khổ xanh đã ngả về phía những người yêu nước và sẵn sàng nổi dậy. Đến đầu năm 1916, số dân binh ở Quảng Ngãi lên tới 600 người. Theo nhận định của các tỉnh bộ Việt Nam Quang phục hội, thời cơ khởi nghĩa đã đến và họ phải cấp tốc hoạt động. Tháng 3.1916, các nhân vật trọng yếu của Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ họp tại làng Xuân Yên (huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi) để bàn kế hoạch bạo động. Lê Ngung, Nguyễn Sụy, Phạm Cao Châm, Nguyễn Công Mậu được phân công chịu trách nhiệm chỉ huy cuộc nổi dậy ở Quảng Ngãi. Cũng trong thời gian này, biết được vua Duy Tân là người có lòng yêu nước và không chịu khuất phục người Pháp nên Việt Nam Quang phục hội quyết định bắt liên lạc. Hai nhà lãnh đạo của Hội là Trần Cao Vân và Thái Phiên nhận nhiệm vụ trực tiếp tiếp cận và thuyết phục nhà vua. Tháng 4 năm 1916, vua Duy Tân đồng ý tham gia khởi nghĩa.

Những người lãnh đạo cuộc mưu khởi quyết định khởi sự vào trung tuần tháng 5.1916, nhưng sau đó lại chọn tối ngày 3 rạng ngày 4 tháng 5 năm 1916. Không may, kế hoạch bị lộ do sự bất cẩn của một thành viên của Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Ngãi. Số là, Võ An, người phủ Tư Nghĩa (là lính tập đóng trong thành Quảng Ngãi, được tổ chức vận động và trở thành đảng viên của Việt Nam Quang

phục hội), trước khi bị đỏi đi đã dặn người anh em trong họ là Võ Huệ: Đến ngày 1 tháng 4 Bính Thìn (tức ngày 2.5.1916), hãy về quê và xa lánh công đường vì hôm đó tất có biến. Nghe được tin này, Võ Huệ bối rối, lo sợ, đến bẩm báo với Án sát Quảng Ngãi là Phạm Liệu, liền bị Phạm Liệu bắt tra khảo để dò tìm kế hoạch khởi nghĩa. Chiều ngày mùng 2 tháng 5, công sứ Pháp ở Quảng Ngãi là Taste ra lệnh thu súng ở các trại lính người Việt cất vào kho và cấm trại, lính tập người Việt bị cấm ra khỏi doanh trại và chịu sự kiểm soát gắt gao.

Về diễn biến tình hình vụ mưu khởi ở Quảng Ngãi năm 1916, chúng tôi xin chép lại theo đây nguyên văn từ tập “Quảng Ngãi tỉnh chí” do Tuần vũ Quảng Ngãi Nguyễn Bá Trác chủ trương (cùng Án sát Nguyễn Đình Chi, các vị Hàn lâm viện sĩ Khiếu Hữu Kiều, Nguyễn Trân, Phan Đình Thi) biên soạn, như sau: *“Các mầm phiền - loạn ấu chưa phải dứt tuyệt đâu, chỉ chờ một cơ - hội tốt thì nảy ra. Cơ - hội ấy ở Quảng Ngãi xảy ra năm 1916, trong lúc Âu - chiến đương kịch - liệt.*

Lần này không may thì nổ ra to lắm, sẽ lan khắp các tỉnh Trung- kỳ, vì họ lợi dụng khi Âu - chiến và cổ - động binh - lính phần nhiều nghe theo, nhưng vì sao mà khởi nổ ra?

Định tối mùng 3 tháng 5 là một đêm không trăng thời khởi lệnh khắp tất cả trong nước. Nhưng ban chiều ngày mùng 3 ấy, nhân vì đổi gác, nên một tên lính tập ở tỉnh phải đổi lên đồn Ba- tư.

Tên lính này có một người anh tên là Võ Huệ lính đồng ở ty “niết”, nó mới chạy tin với anh nó rằng tối nay có giặc, để cho anh nó biết trước mà tìm đường lánh thân. Không ngờ anh nó chạy báo với quan án - sát Phạm Liệu. Khi ấy quan Sứ và quan Tuần - vũ đi hành hạt chưa về, quan Án ra đón báo tại cửa tây, xe điện gần tới nơi về đến tỉnh. Tức - thì quan sứ De Taste điện tòa khâm biết và xin một toán lính tây. Chiều ấy phòng - vệ mười phần nghiêm - mật, bắt được mấy tên đầu đảng và mấy tên lính tập sắp sửa ra khẩu - hiệu. Tiếp đến toán lính thuộc - địa thứ chín kéo đến giúp sức để cầm - phòng. Ở hạt Sơn - tịnh có một tốp dân đã kéo đến huyện - lỵ, bị lính ví chạy tán hết, bắt được ít tên có dao, áo. Ngày mùng 10, đem đầu đảng

nguyên Sứ, hai tên lính tập, do một tên làm long toong tòa Sứ và hai tên phạm khác xử tử tại Quảng Ngãi.”²

Nhà biên khảo Phạm Trung Việt trong cuốn “Non nước xứ Quảng” tường thuật diễn biến vụ mưu khởi có một vài khác biệt, so với “Quảng Ngãi tỉnh chí”: “Nguyên do ngày 30 tháng 3 âm lịch (1916) tại Quảng - Ngãi, viên cai lính khổ xanh tên là Võ - Cử bị đổi đi Đức - Phổ đã đại đột dấn người em họ tên là Trung làm lính quản ở dinh Án - sát dừng đi làm việc sẽ gặp biến. Tên này gặp Án - sát Phạm - Liên [đúng ra là Phạm Liệu - LHK] với một bộ điệu lúng túng nên bị điều tra. Y phải thú nhận rằng biết cách - mạng sẽ nổ súng vào đầu tháng 4 tới, có tùy phái Cẩn tại Tòa - sứ lãnh công tác đầu độc viên Công - sứ và cai Thiểm có nhiệm vụ chiếm trại lính khổ xanh.

Tức tức, bọn Pháp cho thiết quân luật ngay ở khắp thành phố, quân Lê - dương tuần hành ngày đêm cẩn thận khác thường.

Không được báo tin về diễn biến bất lợi và nhanh chóng của tình hình, các lực lượng cách mạng nhanh chóng tiến về địa điểm tập trung (đội lính khổ xanh ở Nghĩa - Hành do cai Xứ chỉ huy đã kéo đến cách thành Quảng - Ngãi 2 cây số) và các đoàn thể dân chúng vô trang không có hiệu lệnh phải vội vã rút lui và phân tán”³

Tại kinh thành Huế, đêm mùng 3 tháng 5, Trần Cao Vân và Thái Phiên đưa thuyền đến bến Thương Bạc đón vua Duy Tân. Nhà vua cải trang ăn mặc theo lối thường dân đi cùng hai người hộ vệ tới làng Hà Trung, đến nhà một hội viên Việt Nam Quang phục hội để chờ giờ phát lệnh bằng súng thần công. Chờ đến 3 giờ sáng vẫn không nghe hiệu lệnh, biết âm mưu quật khởi đã thất bại, Trần Cao Vân và Thái Phiên tính kế đưa vua Duy Tân vào Quảng Nam, Quảng Ngãi, nhưng sáng ngày 6 tháng 5 năm 1916, họ bị bắt.

² Nam Phong tạp chí số 183, tháng 4.1933; Quảng Ngãi tỉnh chí, phần III, tr 376. Để thuận lợi cho việc kê cứu, tham khảo, chúng tôi xin chép nguyên văn, giữ nguyên cả cách viết chữ Quốc ngữ quen thuộc trên báo chí thời bấy giờ. “Quảng Ngãi tỉnh chí” là bộ địa chí do Tuần vũ Quảng Ngãi Nguyễn Bá Trắc chủ trương (cùng Án sát Nguyễn Đình Chi, các vị Hàn lâm viện sĩ Khiếu Hữu Kiều, Nguyễn Trân, Phan Đình Thi) biên soạn trong những năm 1930-1933, từng được dâng lên vua Bảo Đại ngự lãm, sau đó đăng trên Nam Phong tạp chí từng phần từ số 181 đến số 187 năm 1933.

³ Phạm Trung Việt; Non nước xứ Quảng; tác giả tự xuất bản; Quảng Ngãi - 1965, tr 69.

Trong các địa phương của tỉnh Quảng Nam và trong các tỉnh Trung Trung kỳ chỉ duy nhất ở phủ Tam Kỳ Quảng Nam là đã xảy ra cuộc khởi nghĩa thực sự.

Cuộc khởi nghĩa thất bại. Tại Huế, Khâm sứ Egène Charles và Toàn quyền Đông Dương thuyết phục vua Duy Tân trở lại ngai vàng nhưng nhà vua không đồng ý. Vì vậy, chúng gây áp lực buộc Triều đình Huế phải xử nặng những người yêu nước. Thái Phiên, Trần Cao Vân, Tôn Thất Đề và Nguyễn Quang Siêu bị xử chém ở An Hòa. vua Duy Tân bị đày đi đảo Réunion cùng với vua Thành Thái vào năm 1916.

Ở Quảng Ngãi, các nhà yêu nước Nguyễn Sủy, Trần Thêm, Võ Cẩn, Võ Cư, Mai Tuấn, Hứa Thọ, Phạm Tuấn đều lần lượt sa vào tay giặc. Lê Ngung về nhà uống thuốc độc tự tử sau khi đã hủy toàn bộ tài liệu, nhưng thực dân Pháp và Nam triều vẫn đem thi hài ông chém lấy đầu, bêu ở thành Quảng Ngãi.

Nguyễn Sủy trốn thoát và bị tâm nã gắt gao. Không thể tìm được tung tích ông, kẻ thù hèn hạ bắt mẹ ông và truy bức dân làng. Để cứu mẹ, giải thoát cho những người vô tội, Nguyễn Sủy tự nộp mình cho phủ đường Tư Nghĩa. Ngày 9.4 năm Bính Thìn (10.5.1916), các thủ lĩnh khởi nghĩa Duy Tân người Quảng Ngãi bị kẻ thù đem ra hành quyết tại bãi cát sông Trà Khúc.

Phạm Cao Chấm bị kết án tù chung thân và đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Mùng 4 tết nguyên Đán, năm Mậu Ngọ (1918) ông cùng với Nguyễn Trọng Thường (con trai thủ lĩnh Cần vương ở Hưng Yên Nguyễn Thiện Thuật) lãnh đạo những người tù chung thân nổi dậy khởi nghĩa cướp đảo. Việc lớn bất thành, hai ông bị giặc hành hạ tàn bạo rồi đem ra xử bắn, vùi xác ở nghĩa địa Hàng Keo (Côn Đảo).

3. Ý nghĩa.

Tuy thất bại nhưng cuộc mưu khởi Duy tân năm 1916 đã một lần nữa thể hiện ý chí kiên cường, tinh thần quật khởi của nhân dân Việt Nam nói chung, nhân dân các tỉnh Trung Kỳ nói riêng, làm cho bọn thống trị thực dân phải chật vật đối phó, đồng thời góp phần đặt cơ sở cho các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc về sau.

Cuộc mưu khởi cũng cho thấy mối liên kết rộng rãi và hiệu quả của các nhà yêu nước Trung Kỳ trong mưu đồ đại sự cứu nước, đặc biệt là các nhà yêu nước ở Quảng Nam, Quảng Ngãi và Huế. Thực ra mối liên kết giữa các nhà yêu nước 3 địa phương đã xuất hiện ngay từ thời kỳ Cần vương, song đến lúc này mối quan hệ càng trở nên rõ rệt với sự xuất hiện các cuộc hội nghị, các đầu mối liên lạc thường xuyên và cao điểm là cùng hoạch định một kế hoạch khởi nghĩa thống nhất.

Về mặt tư tưởng, quá trình chuẩn bị vụ mưu khởi cũng chính là quá trình chuyển đổi và trưởng thành ý thức cứu dân, cứu nước theo đường lối cách mạng tư sản dân quyền, dần dần chỗi bỏ tư tưởng phong kiến - cần vương, vốn hằn sâu và chi phối rất nặng tư tưởng và hành động của sĩ phu Trung Kỳ, nhất là ở kinh đô và vùng phụ cận.

Cùng với ông vua yêu nước Duy Tân và các nhà yêu nước Quảng Nam, Đà Nẵng, Huế, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Quảng Bình, các nhà yêu nước, tham gia vụ mưu khởi Duy Tân người Quảng Ngãi: Lê Ngung, Nguyễn Sủy (Suy), Phạm Tuân, Phạm Cao Chảm, Mai Bá, Mai Tuấn... là những nghĩa liệt sĩ đã đem thân mình hiến dâng cho Tổ quốc - một hành động mà theo cụ Huỳnh Thúc Kháng là đã *“ghi một vết khá sâu trong đoạn lịch sử Việt Nam thuộc Pháp”*.

4. Cuộc đời và sự nghiệp một số nhà yêu nước người Quảng Ngãi tham gia vụ mưu khởi Duy tân.

Lê Ngung (1865 - 1916)

Lê Ngung sinh năm Ất Sửu - 1865, người làng Đông Phước, nay là thôn Phước Hoà, xã Bình Thanh Tây, huyện Bình Sơn. Ông thi đỗ Tú tài, nên thường gọi là Tú Ngung. Thuở nhỏ, Lê Ngung nổi tiếng văn hay, võ giỏi, tính tình khảng khái. Năm 1906, ông gia nhập Duy tân hội, được tổ chức chọn cho xuất dương du học, nhưng bị lộ, phải ở lại.

Năm 1908, phong trào Kháng thuế - Cự sưu nổ ra ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Lê Ngung và Trần Kỳ Phong được tổ chức cử ra Bắc liên hệ với nghĩa quân Đề Thám và vận động sỹ phu, nhân dân Bắc kỳ hưởng ứng phong trào. Trên đường ra Bắc, hai ông được tin

thực dân Pháp và Nam triều đàn áp đẫm máu những người tham gia đấu tranh, truy tìm gắt gao những người lãnh đạo phong trào, nên tìm cách trốn ra nước ngoài. Kế hoạch không thành, hai nhà yêu nước trở lại Quảng Nam. Ngày 23.10.1908, Lê Ngung bị Pháp bắt ở Hội An (Quảng Nam), đưa về Quảng Ngãi kết án 5 năm tù giam. Trong tù ông vẫn giữ liên lạc với phong trào, tích cực chuẩn bị cho các hoạt động về sau.

Mùa thu năm 1914, Lê Ngung ra tù, ông lập tức hoà nhập vào nhịp đập của phong trào, trở thành một trong những nhân vật có đóng góp tích cực vào sự lớn mạnh của Việt Nam Quang phục hội. Tại Quảng Ngãi, Lê Ngung vận động tập hợp những người yêu nước (Nguyễn Công Phương, Nguyễn Quang Mao, Lê Triết, Hứa Thọ, Mai Tuấn, ...) tổ chức đội Dân binh, lập Ban vận động lương thực, vũ khí (giao cho bà Võ Thị Đệ phụ trách), liên hệ với Việt Nam Quang phục hội các tỉnh, chuẩn bị khởi nghĩa.

Từ tháng 12.1914 đến tháng 1.1915, Lê Ngung 2 lần đề nghị Việt Nam Quang phục hội Quảng Nam, Quảng Ngãi tiến hành bạo động. Ông cho rằng Thế chiến thứ nhất nổ ra, Đức tấn công Pháp, do đó Pháp phải rút lực lượng ở Đông Dương về phòng thủ, tạo ra cơ hội rất tốt cho cuộc khởi nghĩa đánh đuổi thực dân Pháp ở Đông Dương. Tháng 8 năm 1914, khi Đức bắt đầu tiến quân đánh vào đất Pháp, Lê Ngung viết thư gửi Thái Phiên, nói rõ: Ngày Đức - Pháp đánh nhau chính là thời cơ độc lập của nước Việt Nam. Tuy nhiên, đề nghị của Lê Ngung không được Thái Phiên và các nhà lãnh đạo khác chấp nhận, vì cho rằng lực lượng khởi nghĩa chưa mạnh, tiềm lực quân sự của Pháp ở Đông Dương chưa thật sự suy yếu.

Tháng 2.1915, các đại biểu Việt Nam Quang phục hội Quảng Nam, Quảng Ngãi tổ chức Hội nghị tại Đà Nẵng. Lê Ngung được phân công cùng Nguyễn Sủy xây dựng phong trào ở Quảng Ngãi, gấp rút chuẩn bị lực lượng, chờ thời cơ khởi nghĩa. Từ sau Hội nghị này, phong trào ở Quảng Ngãi phát triển khá mạnh, hình thành một vùng căn cứ liên hoàn từ Minh Long đến Ba Tơ, mở rộng lên đến Mang Đen (Kon Tum), kéo vào tận tây bắc Bình Định, nhiều cơ sở yêu nước trong nhân dân và binh lính địch được gây dựng. Tiếp sau đó,

Việt Nam Quang Phục hội tổ chức Đại hội lần đầu tại Huế để bàn việc khởi nghĩa. Lúc này chí sĩ Trần Cao Vân vừa mới bị đày từ Côn Đảo về, cũng tình nguyện tham gia. Tuy nhiên, do chưa liên hệ được với vua Duy Tân, để tạo dựng ngọn cờ cho đại sự, nên Thái Phiên và Trần Cao Vân đề nghị hoãn kế hoạch khởi nghĩa. Thái Phiên tự mình đề xướng cùng Trần Cao Vân lãnh trọng trách gấp gỡ, liên hệ với vua Duy Tân lúc này đang bị mật thám Pháp kiểm soát chặt chẽ tại Huế.

Cho đến giữa năm 1915, Pháp vẫn liên tục thua Đức trên chiến trường Châu Âu. Đầu tháng 7 năm 1915, Lê Ngung biết được tin quân Đức đang tiến đến gần Paris, chính phủ Pháp buộc phải rút một bộ phận quân đội viễn chinh ở Đông Dương về bảo vệ chính quốc. Một lần nữa ông lại gửi thư cho Thái Phiên và gửi ra nước ngoài cho Phan Bội Châu, thúc giục khẩn thiết: “*Thời hồ, thời hồ, thời bất tái lai! Kim trì bất phán cô đãi hà thời?*” (Thời cơ! thời cơ! Thời cơ không trở lại. Lúc này không phân đầu đợi đến lúc nào?). Đề nghị lần này của Lê Ngung được chấp thuận.

Cuộc mưu khởi bất thành, tại Quảng Ngãi, hầu hết các chỉ huy khởi nghĩa và nhiều binh lính, dân binh hưởng ứng lời kêu gọi của Việt Nam Quang phục hội đều bị bắt. Lê Ngung tìm cách trốn thoát, nhưng giặc Pháp và tay sai biết ông là người cầm đầu cuộc khởi nghĩa ở Quảng Ngãi nên ra sức bao vây, truy nã gắt gao. Biết đã rơi vào thế cô, khó thoát khỏi vòng vây kẻ thù nên Lê Ngung uống thuốc độc tự vẫn.

Mặc dù Lê Ngung đã chết nhưng thực dân Pháp và Nam Triều vẫn đưa ông ra tòa khép tội, xử bằng hình phạt “Lục thi trăm niêm” (戮屍斬撚), quật lấy thi hài đem chém rồi bêu đầu ở bờ bắc sông Trà Khúc. Một thời gian sau, những người cảm phục ý chí vì nước quên mình của nhà chí sỹ đã bí mật cùng gia đình đưa di thân ông về an táng tại quê nhà.

Nguyễn Sủy (1880 - 1916)

Nguyễn Sủy 阮瑞 hiệu Hồ Khê, sinh năm Canh Thìn - 1880, người làng Hồ Tiểu, tổng Tư Nghĩa hạ, nay thuộc xã Nghĩa Hà, thành

phố Quảng Ngãi⁴. Ông xuất thân trong một gia đình giàu có, được người dân trong vùng trọng vọng. Thân phụ ông là Nguyễn Quỹ, Phó quản Hương binh Sơn Phòng, thân mẫu là Hồ Thị Tú, người tổng Chánh Lộ.

Nguyễn Sủy thi đỗ cử nhân năm Quý Mão 1903 (cùng khoa với Lê Đình Cẩn, người sau này đứng đầu Duy tân hội Quảng Ngãi) nhưng không ra làm quan mà ở nhà mở trường dạy học, ngấm ngấm truyền bá tư tưởng yêu nước. Năm 1916, ông cùng một số trí thức tỉnh nhà tham gia thành lập Duy tân hội Quảng Ngãi, chủ trương hành động theo phương hướng “*khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh*” do Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp đề xướng.

⁴ Tên ông được chép khác nhau trong các tài liệu:

- Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng; Thi tù tùng thoại (1908 - 1921). 1939: dùng chữ “Sủy” (Quốc ngữ).

- Cao Xuân Dục. Quốc triều hương khoa lục. Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Thị Lâm dịch. Cao Tự Thanh hiệu đính, giới thiệu. Nhà Xuất bản Lao động, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông tây, Hà Nội, 2011, trang 592: dùng chữ 瑞, phiên âm là “Sủy”.

- Đại Nam thực lục Chính biên Đế thất kỷ. Cao Tự Thanh dịch, giới thiệu. NXB. Văn hóa Văn nghệ. Thành phố Hồ Chí Minh. 2012: dùng chữ 瑞 phiên âm là “Sủy”.

- Nguyễn Văn Xuân. Phong trào Duy tân (biên khảo). Lá bối. Sài Gòn. 1970: Dùng chữ “Sủy”, cước chú thêm “Có lẽ là Cử Thụy hay Nguyễn Thụy”.

- Phạm Trung Việt; Non nước xứ Quảng; tác giả tự xuất bản; Quảng Ngãi- 1965: Dùng chữ “Thụy”. Tuy nhiên cũng chính Phạm Trung Việt, khi cho tái bản cuốn Non nước xứ Quảng (Cầm thành thư xã - 1974) lại viết tên nhân vật này là “Nguyễn Sủy (Thụy)”

- Nhiều tác giả (Hồng Nhân chủ biên); Quảng Ngãi: đất nước con người, văn hóa; Sở văn hóa Thông tin Quảng Ngãi; 2001 (tái bản): Dùng chữ “Thụy”, lại viết thêm “còn có tên là Sủy”.

- UBND thành phố Quảng Ngãi dùng chữ “Thụy” (Nguyễn Thụy) đặt tên cho một con đường ở phía tây thành phố Quảng Ngãi.

- UBND tỉnh Quảng Ngãi; Địa chí Quảng Ngãi; NXB. Từ điển Bách Khoa; HN, 2008: dùng chữ “Thụy”.

- Nguyễn Duy Long; Nguyễn Sủy hay Nguyễn Sủy?; Bài biên khảo in trên tạp chí Cầm Thành số 79, tr 57-61 (Sở VH, TT&DL Quảng Ngãi), cho là dùng chữ Sủy 瑞 mới đúng.

Chúng tôi (LHK) cho rằng, có thể chữ Thụy (瑞, bộ Ngọc) là do đọc nhầm từ chữ Sủy (瑞 bộ Thủ). Chữ 瑞 Khang Hy từ điển cho các cách đọc *sủy, xuyến, chuyên, đoá, chủy, chủy*. Bị thuyết phục bởi phân tích khá mạch lạc của Nhà nghiên cứu Nguyễn Duy Long, ở đây, chúng tôi chọn cách đọc “Sủy”. Cũng cần nhắc thêm, trong nhiều gia đình người Việt có tập quán đặt tên cha con, anh em theo cùng một vần. Cha của Nguyễn Sủy, theo ghi chép, tên là Nguyễn Quỹ.

Tham khảo: Khang Hy từ điển; Đồng Văn Thư cục nguyên bản. Tra cứu trực tuyến theo link: <http://www.kangxizidian.com>

Ông dạy học ở trường Vạn Tượng (do Duy tân hội thành lập), sáng tác nhiều thơ ca tuyên truyền cho phong trào Duy tân, cổ vũ quần chúng đòi dân sinh, dân chủ. “*Bài ca vận động binh lính*” do ông viết là một trong những sáng tác vận động cổ vũ đấu tranh được phổ biến khá rộng rãi trong quần chúng.

Năm 1908, phong trào Kháng thuế cự sưu bùng lên ở Quảng Nam (9.3.1908), Quảng Ngãi (24.3) rồi nhanh chóng lan rộng ở Trung Kỳ. Để thống nhất lãnh đạo phong trào, phát huy sức mạnh của quần chúng, đêm 29.2 năm Mậu Thân (31.3.1908), những người lãnh đạo và “hội viên cốt yếu” của Duy tân hội Quảng Ngãi đã tổ chức hội nghị, thành lập Ban lãnh đạo phong trào, phân công Trần Kỳ Phong, Lê Ngung bắt liên lạc với các nhà lãnh đạo phong trào ở Quảng Nam; cử Phan Long Bằng, Lê Đình Cơ vào Bình Định và Phú Yên để phát động phong trào cùng nổi dậy, nhằm làm cho Pháp phải đối phó nhiều nơi, không thể tập trung được lực lượng đàn áp. Mặt khác, Hội nghị lấy danh nghĩa “dân của 6 phủ, huyện” (lục phủ, huyện dân) làm đơn gửi kiến nghị lên Toàn quyền Đông Dương, nêu 7 yêu sách đòi dân sinh, dân chủ, miễn giảm sưu thuế, trừng trị bọn quan lại nhũng lạm, ức hiếp dân lành.

Đầu tháng 4 năm 1908, thực dân Pháp và tay sai đàn áp dã man phong trào Kháng thuế cự sưu. Nguyễn Sủy bị bắt và bị đày đi Côn Đảo. Sau khi mãn hạn tù ông về quê tham gia các hoạt động yêu nước dưới ngọn cờ Việt Nam Quang phục hội.

Tại cuộc hội nghị tháng 2.1915 của Kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung Kỳ, Nguyễn Sủy cùng Lê Ngung được phân công tổ chức lực lượng ở Quảng Ngãi, đặc biệt là xây dựng căn cứ ở miền núi phía tây và vận động binh lính, công chức trong hàng ngũ địch. Cuối năm 1915 Pháp thua Đức trong chiến tranh châu Âu, quân Đức tấn công thủ đô Paris. Bọn Pháp ở Đông Dương ráo riết bắt lính, lính thợ sang Paris làm bia đỡ đạn cho chúng, vợ vét tài nguyên ở Đông Dương chở về nước phục vụ chiến tranh. Các ông Lê Ngung, Nguyễn Thụy... mưu tính cuộc khởi nghĩa chống Pháp. Hầu hết đồng bào, thân sĩ đều hưởng ứng, một phần ba người Việt trong quân đội Pháp tình nguyện làm nội ứng cho quân khởi nghĩa. Nguyễn Sủy bí mật tổ chức nghĩa binh, vận động dân chúng quyên góp rất có kết quả.

Nhưng đại sự đã lộ ở Quảng Ngãi từ ngày 29 tháng 3 năm Bính Thìn (chiều 1.5.1916). Việc bại lộ, Nguyễn Sủy cho các toán nghĩa quân đang tiến về thành Quảng Ngãi rút lui để bảo toàn lực lượng. Nghĩa quân bỏ lại nhiều gươm giáo. Trong mấy ngày liền, lính Pháp và bọn tay sai tầm nã khắp nơi bắt trên 100 đảng viên Việt Nam Quang phục hội đầy đi Côn Đảo. Tri phủ Tư Nghĩa Nguyễn Mậu dẫn tổng lý, tập binh bao vây, đóng tại nhà Nguyễn Sủy, bắt mẹ ông làm con tin, kê khai tài sản, tầm nã ông gắt gao. Thương mẹ và để giấc không bắt thêm các đồng chí, đêm hôm ấy ông về nhà tắm rửa sạch sẽ và bị bắt, chúng giải ông về tỉnh. Dọc đường ông nằm trong võng vén màn cho đồng bào xem mặt.

Ngày 9 tháng 4 năm Bính Thìn (10.5.1916), thực dân Pháp và tay sai Nam triều đưa Nguyễn Sủy, Lê Triết, Trần Thân, Mai Tuấn, Hứa Thọ và một số đồng chí ra xử chém ở bãi sông Trà Khúc, cửa bắc thành Quảng Ngãi. Trên đường ra pháp trường ông vẫn bình tĩnh, hiên ngang đọc một bài thơ tuyệt mệnh, thể hiện ý chí can trường, sẵn sàng hiến thân vì nghĩa cả. Tin Nguyễn Sủy bị hại đến với nhà tù Côn Đảo, chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng tỏ lòng thương tiếc xót xa và làm thơ điếu ông với những lời lẽ đầy cảm khái, ca ngợi chí khí của một nhà yêu nước trung trinh, hiếu nghĩa. Nguyễn Sủy bỏ mình vì nước, để lại hai người con là Nguyễn Khải và Nguyễn Chuyết.

Phạm Cao Chằm (1872 - 1918)

Phạm Cao Chằm sinh năm Nhâm Thân - 1872 tại xóm Trại, làng Xuân Phổ, nay thuộc thôn Xuân Phổ Tây, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Ông đỗ tú tài Hán học, nên thường được gọi là Tú Chằm. Ông là người cùng chí hướng và là bạn tâm giao của các ông tú tài Hán học nổi tiếng ở Quảng Ngãi: Lê Ngung (?-1916), Trần Kỳ Phong (1872-1941), Nguyễn Tuyên...

Những năm 1905-1906, Phạm Cao Chằm cùng Cử Cẩn (Lê Đình Cẩn), Phạm Cao Đài, Lê Ngung, Bồ Khiết (Lê Tựu Khiết),... hưởng ứng phong trào Duy tân ở Trung Kỳ, khởi xướng thành lập Duy tân hội Quảng Ngãi, do Lê Đình Cẩn đứng đầu. Duy tân hội Quảng Ngãi phát động mạnh mẽ phong trào cải cách xã hội theo phương châm “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, khơi gợi tình

cảm yêu nước, ngấm ngấm nuôi dưỡng ý chí kháng Pháp, thổi luồng gió mới vào phong trào đấu tranh của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, được giới trí thức và đông đảo nhân dân hưởng ứng nhiệt thành.

Năm 1907, nhóm “Đông kinh nghĩa thực” hoạt động mạnh ở Hà Nội, gây được tiếng vang trong cả nước, thu hút sự chú ý của giới trí thức ái quốc. Phạm Cao Châm cùng Từ Hữu Lập được Duy tân hội Quảng Ngãi cử ra Hà Nội tiếp xúc và trao đổi với các yếu nhân của Đông kinh nghĩa thực (Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Đào Nguyên Phổ, Hoàng Tăng Bí...) để trao đổi, tìm hiểu và học tập kinh nghiệm, đặc biệt là về giáo dục cộng đồng và cổ vũ quần chúng. Khi trở về, ông và Từ Hữu Lập mang theo nhiều tài liệu của Đông kinh nghĩa thực, rồi nghiên cứu và biên soạn lại để in ấn phổ biến, cổ động cho phong trào Duy tân tỉnh nhà.

Năm 1908, phong trào Kháng thuế - Cự sưu bùng lên mạnh mẽ ở Quảng Nam, Quảng Ngãi và các tỉnh Trung Kỳ. Ở Quảng Ngãi, khi phong trào có dấu hiệu chuyển sang bạo động, các nhà Duy Tân, trong đó có Phạm Cao Châm, đã dũng cảm “đứng mũi chịu sào”, trực tiếp hướng dẫn người dân tranh đấu, đồng thời đại diện cho “lục phủ huyện dân” (dân chúng 6 phủ, huyện của tỉnh) đối mặt thương thảo với thực dân và phong kiến tay sai.

Cuộc Kháng thuế - Cự sưu ở Trung Kỳ bị đàn áp đẫm máu. Nguyễn Bá Loan, Lê Khiết, Phạm Mỹ bị xử tử. Trần Kỳ Phong, Nguyễn Sủy, Nguyễn Đình Quán, Nguyễn Tuyên, Phạm Cao Châm... bị đày ra Côn Đảo cùng với các nhà yêu nước Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận, Quảng trị, Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hoá, trong đó có Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Thúc Duyện... Trong tù, mặc cho bọn cai ngục đàn áp, đày ải, Phạm Cao Châm và các bạn tù đồng chí hướng vẫn giữ vững chí khí của người yêu nước. Ông thuộc thể hệ các chiến sĩ đầu tiên biến nhà tù thực dân thành nơi học tập trí thức, rèn luyện dũng khí, hun đúc tình cảm yêu nước, chuẩn bị cho cuộc đấu tranh mới với quân thù.

Năm 1915, được trả tự do, Phạm Cao Châm về lại quê nhà và nhanh chóng tham gia vào cuộc vận động chuẩn bị khởi nghĩa Duy

tân do Việt Nam Quang Phục hội khởi xướng. Ông cùng Lê Ngung, Nguyễn Sủy, Phạm Tuân... là những người được giao trách nhiệm tổ chức khởi nghĩa ở Quảng Ngãi. Âm mưu của các nhà yêu nước bị bại lộ, thực dân Pháp thẳng tay đàn áp. Lê Ngung, Nguyễn Sủy cùng nhiều sĩ phu khác bị xử chém. Phạm Cao Chắm bị kết án tù chung thân và đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Mùng 4 tết Nguyên đán, năm Mậu Ngọ (1918) Tú Chắm cùng với Nguyễn Trọng Thường (con trai thủ lĩnh Cần vương ở Hưng Yên là Nguyễn Thiện Thuật - tức Tán Thuật) lãnh đạo những người tù chung thân nổi dậy cướp đảo. Việc lớn bất thành, hai ông bị giặc hành hạ tàn bạo rồi đem ra xử bắn, vùi xác ở nghĩa địa Hàng Keo (Côn Đảo).

Tháng 7 năm 1988, di hài Phạm Cao Chắm được chính quyền tỉnh Quảng Ngãi, huyện Tư Nghĩa, Ban liên lạc tù chính trị Quảng Ngãi cùng gia đình đưa về quê nhà, tổ chức cải táng long trọng.

Phạm Cao Chắm là một nhà yêu nước, hy sinh vì nghĩa cả. Ông cũng là một nhà canh tân giáo dục theo xu hướng Duy tân ở Quảng Ngãi đầu thế kỷ XX.

Phạm Tuân (1868-1916)

Phạm Tuân (còn có tên là Phạm Ngao) sinh năm Mậu Thìn (1868) tại làng Lâm Lộc, tổng Tịnh Thượng (nay là thôn Lâm Lộc Nam, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh) là con thứ 10 trong một gia đình nho học - quan lại. Cha ông là Phạm Hân, từng giữ chức tri huyện Hà Đông (Quảng Nam).

Từ nhỏ Phạm Tuân nổi tiếng là người học giỏi, có chí. Ông từng thi đỗ tú tài tại trường thi hương Bình Định, nên người đời thường gọi là Tú Mười hoặc Tú Ngung. Uất ức, xót xa vì cảnh nước mất, nhà tan, triều đình làm tay sai cho giặc, Phạm Tuân từ bỏ giấc mơ khoa cử, mở trường dạy học ở quê nhà, ngầm ngầm vận động quần chúng tham gia các phong trào yêu nước - kháng Pháp, di dưỡng tinh thần ái quốc cho các môn sinh.

Đầu thế kỷ XX, sau một thời gian tạm lắng vì thất bại của cuộc khởi nghĩa Cần vương, phong trào yêu nước của sĩ phu và nhân dân Việt Nam lại rộ lên với cuộc vận động Duy tân do các nho sĩ tiên bộ khởi xướng. Năm 1906, Duy tân hội Quảng Ngãi được thành lập,

đứng đầu là cử nhân Lê Đình Cẩn (1870-1914), chủ trương đoàn kết đông đảo nhân dân và hoạt động theo phương hướng “*khai dân trí, chấn dân trí, hậu dân sinh*”. Phạm Tuân nhanh chóng trở thành một hội viên tích cực của Duy tân hội Quảng Ngãi, hoạt động ở vùng bắc Trà Khúc. Năm 1908, phong trào “*Kháng thuế, Cự sưu*” khởi phát ở 2 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi rồi nhanh chóng lan khắp Trung Kỳ. Ở Quảng Ngãi, phong trào mở đầu ở huyện Bình Sơn bằng sự kiện 30 nông dân làng An Điền, tổng Bình Hạ kéo về tỉnh thành, đưa đơn đến dinh công sứ xin giảm sưu thuế, trừng trị bọn quan lại sách nhiễu dân nghèo. Cuộc đấu tranh bị đàn áp, gây nên làn sóng công phần trong nhân dân. Từ Bình Sơn, phong trào bùng lên khắp 6 phủ, huyện của tỉnh Quảng Ngãi.

Đứng trước khả năng cuộc tranh đấu ôn hoà có thể chuyển sang hình thức bạo động, Duy tân hội tổ chức cuộc họp vào đêm 31.3.1908 (29.2 Mậu Thân), cử ra ban lãnh đạo phong trào. Nguyễn Bá Loan (Ấm Loan), Lê Khiết, Phạm Cao Chằm, Nguyễn Đình Quản, Phạm Mỹ và Phạm Tuân được cử vào ban lãnh đạo. Phong trào Kháng thuế - Cự sưu bị đàn áp đẫm máu, Nguyễn Bá Loan, Lê Khiết bị xử chém; Phạm Cao Chằm, Nguyễn Đình Quản, Phạm Tuân bị ghép vào tội “*trảm giam hậu*”, sau đó bị đưa đi đày ở Côn Đảo.

Ra tù, Phạm Tuân tiếp tục bí mật tham gia các hoạt động yêu nước, gia nhập kỳ bộ Việt Nam Quang phục hội Trung kỳ. Tháng 8.1914, chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ, các nhà lãnh đạo Quang Phục hội Trung kỳ cho đây là thời cơ khởi nghĩa giành độc lập. Cuộc mưu khởi được bí mật tiến hành với sự tham gia của ông vua yêu nước Duy Tân và nhiều lính khổ xanh ở tỉnh thành Quảng Ngãi. Kế hoạch khởi nghĩa không may bị bại lộ, vua Duy Tân bị bắt, sau đó bị Pháp đưa đi đày ở Réunion; Thái Phiên, Trần Cao Vân, Nguyễn Sủy, Trần Thâm, Võ Cầm, Võ Cư, Mai Tuấn, Hứa Thọ, Phạm Tuân cùng nhiều nhà yêu nước Trung Kỳ bị bắt và bị xử chém.

Ngày 9.4 năm Bính Thìn (10.5.1916), Phạm Tuân và các thủ lĩnh khởi nghĩa Duy Tân người Quảng Ngãi bị kẻ thù đem ra hành quyết tại bãi cát sông Trà Khúc, phía đông bắc thành Quảng Ngãi. Thi hài ông sau đó được gia đình và đồng chí còn trốn thoát đưa về an táng ở quê nhà, làng Lâm Lộc, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh.

Phần mộ Phạm Tuân, tại làng Lâm Lộc, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh đã được gia tộc và chính quyền địa phương trùng tu, tôn tạo. Tên nhà yêu nước cũng được dùng đặt tên cho một con đường ở thành phố Quảng Ngãi.

Mai Bá, Mai Tuấn

Mai Bá và Mai Tuấn là anh em ruột, sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống nho học ở làng Phong Niên, nay thuộc xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Về sau, hai ông dời về sinh sống ở Sung Tích (nay thuộc xã Tịnh Long), một làng nhỏ ven sông Trà Khúc.

Đến nay vẫn chưa xác định được năm sinh của 2 nhà yêu nước; song dựa vào quan hệ của người anh là Mai Bá với cử nhân Nguyễn Đình Quảng (1880-1916) và độ tuổi mà ông trở thành lý trưởng (theo quy định của triều đình Nguyễn), có thể phỏng đoán các ông sinh vào khoảng trước sau năm 1880.

Là người sống có đức độ, khoan hòa, Mai Bá được dân làng Phong Niên tín nhiệm cử vào chức lý trưởng. Thời bấy giờ, lý trưởng là hạng chức dịch công cụ của bộ máy cai trị phong kiến, trực tiếp là kẻ đôn sưu, thúc thuế cho phủ, huyện và hầu hết đều là hạng cường hào. Những lý trưởng, hương chủ đứng về phía người nghèo, bênh vực cùng dân như Mai Bá ở Phong Niên và Hương Năm Trương Quang Cận ở Trà Bình Trại (xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh) là rất hãn hữu.

Vì đứng về phía dân nghèo, không tróc thuế nghiệt ngã đối với người cùng đinh, nên suốt mấy năm liền làng Phong Niên không nộp đủ thuế cho quan trên, khiến Mai Bá bị bãi chức. Điều thú vị là từ sau vụ thu bằng triện của họ Mai, làng Phong Niên cũng không còn chức lý trưởng.

Một thời gian sau khi rời chân chức việc, Mai Bá cùng em trai là Mai Tuấn dời về làng Sung Tích để sống. Chưa rõ những lý do nào khiến hai nhà yêu nước làng Phong Niên chuyển về Sung Tích. Song, nếu xét vị trí của làng mới đến (nằm ven bờ bắc sông Trà Khúc, nhìn sang bờ phía Nam là tỉnh thành Quảng Ngãi), kết hợp với việc Mai Bá, Mai Tuấn cùng Cử Quảng (Nguyễn Đình Quảng) cùng dời nhà từ

Phong Niên về Phú Nhon (phía tây Sung Tích), gần như cùng thời gian, rồi sau đó cả 3 ông đều tham gia vụ mưu khởi Duy tân (1916), phần nào cho thấy sự di chuyển nơi cư trú của các nhà yêu nước là có chủ ý, nhằm chuẩn bị cho hành động phục quốc.

Về Sung Tích, hai anh em Mai Bá, Mai Tuấn đi lại, giao du khắp các làng xóm ven bờ bắc sông Trà, âm thầm vận động hình thành mạng lưới Nghĩa hội ở Sơn Tịnh. Chiến tranh Thế giới thứ nhất bùng nổ (1914), Duy tân hội nhanh chóng mở rộng tổ chức và lực lượng ở Quảng Ngãi, tập hợp hầu hết các nhà yêu nước trong tỉnh, liên hệ chặt chẽ với Thừa Thiên, Quảng Nam. Mai Bá, Mai Tuấn cùng Cử Quảng tham gia lãnh đạo Duy tân hội Quảng Ngãi, tích cực vận động binh lính triều đình làm nội ứng cho cuộc mưu khởi của các nhà yêu nước. Âm mưu khởi nghĩa bị bại lộ, thực dân Pháp và triều đình Huế lập tức có hành động đàn áp, triệt phá. Công sứ De Taste, Tuần phủ Trần Tiễn Hối, Án sát Phạm Liệu trực tiếp huy động lực lượng tại chỗ và xin khâm sứ Pháp tại Quảng Ngãi tăng cường thêm lính Tây để đối phó. Các cuộc truy lùng, bắt bớ diễn ra khắp nơi trong tỉnh, kể cả trong các trại lính tập An Nam.

Cùng với nhiều nhà yêu nước tham gia vụ mưu khởi, Mai Bá và Mai Tuấn bị bắt và bị xử chém.

Võ Thị Đệ (1860-1930)

Võ Thị Đệ sinh năm Giáp Tý - 1860 tại làng An Diêm (nay thuộc xã Bình Chương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi), trong một gia đình nho học.

Năm 1885, Kinh thành Huế thất thủ, phong trào Cần vương kháng Pháp nổ ra mạnh mẽ ở Quảng Ngãi, Quảng Nam rồi nhanh chóng lan khắp miền Trung. Bà Võ Thị Đệ và gia đình là những thành viên tích cực của lực lượng khởi nghĩa do Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Tấn Kỳ lãnh đạo, từ khi chuẩn bị lực lượng đến khi phát binh đánh chiếm thành Quảng Ngãi (tháng 7.1885).

Cuộc khởi nghĩa đầu tiên của phong trào Cần vương thất bại, cứ nhân Lê Trung Đình (1857-1885), tú tài Nguyễn Tự Tân (1848-1885) bỏ mình vì nước. Nguyễn Tấn Kỳ sau khi thoát khỏi nanh vuốt tên phản bội Nguyễn Thân đưa số nghĩa binh còn lại về căn cứ Tuyên

Tung (phía Tây huyện Bình Sơn) hợp cùng lực lượng nghĩa binh Nguyễn Bá Loan (Quảng Ngãi) và Nguyễn Duy Hiệu, Nguyễn Hàm (Quảng Nam) tiếp tục chiến đấu. Bà Võ Thị Đệ trở thành người vận động và tiếp tế lương thực cho nghĩa quân Nam - Ngãi suốt 3 năm 1886-1888.

Phong trào Cần vương dần dần tan rã, sĩ phu và nhân dân Quảng Nam, Quảng Ngãi lại gây dựng và đi đầu trong các phong trào yêu nước, chống áp bức dưới ngọn cờ Duy tân, Kháng thuế - cự sưu. Lúc này bà Võ Thị Đệ đã ngoại tứ tuần, ông Đoàn Như Thiện - chồng bà, cũng đã qua đời. Bà cùng các con là Đoàn Cổ, Đoàn Triết, Đoàn Thị Duẩn vẫn hăng hái tham gia các hoạt động yêu nước sôi nổi ở quê nhà.

Nhà thờ họ Đoàn trở thành nơi dạy học của phong trào khai dân trí. Nhiều thanh niên được bà Võ Thị Đệ giúp đỡ tiền của đi du học, trong đó có Võ Quán, người về sau trở thành một yếu nhân của Việt Nam Quang phục.

Năm 1916, các nhà yêu nước Quảng Nam - Quảng Ngãi trong Quang phục hội bắt liên lạc với vua Duy Tân, tích cực chuẩn bị khởi nghĩa. Bà Võ Thị Đệ được tin tưởng cử vào Ban chỉ huy, lo việc quân lương, chuyển vận vũ khí. Sĩ phu trong vùng kính trọng tặng bà danh hiệu “Hộ quốc mẫu nghi”. Từ đó nhân dân gọi bà một cách vừa kính trọng vừa thân mật là “Bà Hộ Gà” (Gà là tục danh người con trai cả của Bà).

Cuộc mưu khởi của Quang phục hội thất bại và bị giặc Pháp đàn áp dã man. Các nhà yêu nước, kẻ bị giết, người bị tù đầy. Bà Võ Thị Đệ cùng các con bị bắt giam và tra tấn dã man. Ba năm sau, vì không khai thác được gì, thực dân Pháp phải trả tự do cho bà.

Khi bà mất, nhà yêu nước Trần Kỳ Phong (1872-1941) cùng rất đông sĩ phu, trí thức, nghĩa sĩ Nam - Ngãi và nhân dân trong vùng đến viếng, dâng cúng nhiều câu đối ca ngợi tấm lòng của một người phụ nữ suốt đời tận trung với sự nghiệp phục quốc./.

LHK

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI Ở BẮC KỲ ĐẦU THẾ KỶ XX

TS. NGUYỄN THỊ LỆ HÀ*

Ngay sau khi “bình định” được Việt Nam bằng quân sự, chính quyền Pháp liền thực hiện cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất trên quy mô lớn (1897-1914), đã làm cho cơ cấu kinh tế-xã hội Việt Nam đã có những chuyển biến quan trọng. Nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân - bị bần cùng hóa, xã hội phân hóa ngày càng thêm sâu sắc, nông thôn và thành thị đều có những biến chuyển rõ rệt. Những biến đổi về cơ cấu kinh tế và xã hội nói trên tất yếu có ảnh hưởng đến tính chất cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta đang diễn ra ngày càng rộng lớn và quyết liệt.

1. Bối cảnh xã hội đầu thế kỷ XX dẫn đến sự ra đời Việt Nam Quang phục hội

Tháng 9.1908, Chính phủ quân phiệt Nhật Bản câu kết với thực dân Pháp ở Đông Dương cùng đàn áp cách mạng Việt Nam, giải tán tổ chức Đông du trên đất Nhật Bản. Phan Bội Châu bị trục xuất khỏi Nhật, trở về Trung Quốc, rồi qua Xiêm chờ thời cơ. Đúng vào lúc đó, tháng 10.1911, Cách mạng Tân Hợi bùng nổ, triều đình Mãn Thanh sụp đổ, Chính phủ dân quốc thành lập. Tin đó đem đến cho cụ Phan Bội Châu và các đồng chí cùng chí hướng với cụ một niềm tin tưởng mới. Vì vậy, cụ quyết định trở lại Trung Quốc hoạt động. Thượng tuần tháng 2 năm 1912, tại Quảng Đông đã có cuộc hội nghị gồm đông đủ đại biểu khắp ba kỳ Bắc - Trung - Nam quyết định khai sinh Việt Nam Quang phục hội với tôn chỉ duy nhất là đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa dân quốc Việt Nam. Hội trưởng là Cường Để, Tổng lý hội là Phan Bội Châu.

Cơ quan lãnh đạo Việt Nam Quang phục hội gồm ba bộ: Bộ

* Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

tổng vụ, bộ Binh nghị, bộ Chấp hành. Ngoài ra, có 3 ủy viên vận động trong nước là: Đặng Xung Hồng (phụ trách Bắc Kỳ); Lâm Quảng Trung (phụ trách Trung Kỳ); Đặng Bình Thành (phụ trách Nam Kỳ).

Việt Nam Quang phục hội có tổ chức một lực lượng vũ trang mang tên “Quang phục quân”, có đặt ra Quốc kỳ (nền vàng, một chuỗi 5 ngôi sao đỏ), Quân kỳ (nền đỏ, sao trắng), cho phát hành “Quân dụng phiếu” loại 5 đồng, 10 đồng, 20 đồng, 50 đồng và 100 đồng lưu hành ở trong nước và Lưỡng Quảng¹.

Hoạt động đáng kể đầu tiên của Việt Nam Quang phục hội là lập *Hội Chấn Hoa hưng Á*, trước sau có sự tham gia của hơn 200 người, do Đặng Cảnh Á, một người Trung Quốc làm Hội trưởng, Phan Bội Châu làm Phó hội trưởng. Chương trình hành động của Hội chủ yếu là giúp cho Việt Nam Quang phục hội thực hiện nhanh chóng việc đánh đổ thực dân Pháp xâm lược, trong đó: bước 1 là viện trợ cho Việt Nam, bước 2 là viện trợ cho Ấn Độ và Miến Điện, bước 3 là viện trợ cho Triều Tiên.

Trong lúc đó, phong trào cách mạng Việt Nam đang chuyển sang một giai đoạn thoái trào, thực dân Pháp và phong kiến tay sai đẩy mạnh khủng bố sau những vụ Đông du, chống thuế ở Trung Kỳ, đầu độc ở Hà Nội; các sĩ phu yêu nước bị bắt hầu hết, nhân dân các nơi bị sát hại hàng loạt... Chính quyền Pháp tăng cường khủng bố và bóc lột nhân dân, đồng thời tung ra những chiêu bài lừa phỉnh dư luận, lôi kéo một số trí thức làm tay sai cho chúng. Một số tên đại việt gian khét tiếng tàn ác là Lê Hoan, Nguyễn Duy Hàn... gây căm phẫn trong dân chúng. Năm 1912, một số ủy viên của Hội Quang phục cử về nước như Vũ Ngọc Thụy, Nguyễn Trọng Thường báo cáo sang cho Hội ở Trung Quốc là “việc vận động trong nước nếu không có một tiếng vang kinh thiên động địa thì không có hiệu quả”². Đứng trước tình hình đó, các ủy viên của Việt Nam Quang phục hội thấy

¹ Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)* NXB. Giáo dục, 1999, tr. 334.

² Trần Huy Liệu, Nguyễn Công Bình, Văn Tạo, *Tài liệu tham khảo cách mạng cận đại Việt Nam*, tập 3, NXB. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1958, tr.109.

phải gây nhiều tiếng vang “kinh thiên động địa” để “gọi tỉnh hồn nước”, kích động lòng người. Do đó, Hội quyết định tổ chức một số vụ án ám sát các tên thực dân đầu sỏ và tay sai.

2. Một số hoạt động của Việt Nam Quang phục hội ở Bắc Kỳ đầu thế kỷ XX

Khoảng cuối mùa thu năm 1912, Việt Nam Quang phục hội đã cử ba nhóm cảm tử mang vũ khí về nước, mục đích là giết mấy tên đầu sỏ chính quyền ở ba kỳ để tạo thanh thế, nhưng do gặp nhiều khó khăn trở ngại, hai nhóm Trung và Nam không hoàn thành nhiệm vụ. Riêng nhóm về Bắc Kỳ, Nguyễn Hải Thần lĩnh một quả tạc đạn và sứ mệnh hạ sát Toàn quyền Albert Sarraut tại Trường thi Nam Định vào tháng 11.1913 nhưng vì thiếu can đảm nên không hoàn thành nhiệm vụ. Sau đó, Nguyễn Hải Thần trốn về Trung Quốc.

Kế hoạch giết Tuần phủ Thái Bình (12.4.1913)

Sau lần “ra quân” thất bại, các nhà lãnh đạo Việt Nam Quang phục hội triệu tập một cuộc họp tại Nam Ninh (Quảng Tây, Trung Quốc) vào tháng 2.1913, chọn một số đồng chí can đảm về hạ sát Tuần phủ Thái Bình Nguyễn Duy Hàn là Nguyễn Khắc Cần, Phạm Văn Tráng và Nguyễn Trọng Thường.

Sau khi về nước, Phạm Văn Tráng xuống thị sát Thái Bình, rồi sang Nam Định nhận tạc đạn từ Lương Văn Phúc. Ngày 12.4.1913, Phạm Văn Tráng và Nguyễn Đệ Quý đứng đợi Tuần phủ Nguyễn Duy Hàn trên con đường chính của tỉnh mà hắn sẽ đi qua. Khoảng 11.30 phút hôm đó, xe kéo chở Tuần phủ đi qua, Phạm Văn Tráng đã quăng quả tạc đạn giết chết viên Tuần phủ Nguyễn Duy Hàn. Sau đó, Phạm Văn Tráng nói: “Cách mạng đã thành công”³ và đi tới nơi hẹn với đồng chí của mình về Nam Định an toàn. Nhóm cảm tử còn nhận được lệnh ngày hôm sau mai phục ám sát viên Tổng đốc Hà Đông Hoàng Trọng Phu, nhưng do lý do khách quan, kế hoạch không thực hiện được.

³ Chương Thâu, Hồ Song, Ngô Văn Hòa, Nguyễn Văn Kiệm, Đinh Xuân Lâm: *Lịch sử Việt Nam 1897-1918*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1999, tr.240.

Kế hoạch ném tạc đạn vào khách sạn ở Hà Nội (26.4.1913)

Ngày 26.4.1913, Nguyễn Khắc Cần cùng một người thợ máy xe lửa là Nguyễn Văn Túy về Hà Nội thực hiện kế hoạch ném tạc đạn giết người Pháp và gây tiếng vang. Khách sạn Hà Nội lúc bấy giờ ở số 23 phố Paul Bert (nay là khách sạn Dân Chủ, phố Tràng Tiền) thường là nơi lui tới ăn uống của bọn sĩ quan Pháp vào mỗi buổi sáng, tối. Nên Nguyễn Khắc Cần và Nguyễn Văn Túy chờ dịp có đông khách ngồi ăn uống ở sân trong trước mái hiên khách sạn để hành động. Khoảng 7h30 phút tối ngày 26.4, một trong hai người đã ném một quả tạc đạn vào đám thực khách, hạ sát tại chỗ ba người trong đó có hai thiếu tá về hưu là Chapuis và Montgrand, đồng thời làm cho 12 người khác bị thương. Nguyễn Khắc Cần⁴ và Nguyễn Văn Túy⁵ trốn thoát về nhà Nguyễn Khắc Cần ở Yên Viên (Gia Lâm, Hà Nội). Sau đó, cả hai nhận chỉ thị sang Trung Quốc nhận thêm một số tạc đạn nữa. Nhưng cả hai đã bị bắt trên đường trốn sang Trung Quốc.

Nhân sự kiện này, thực dân Pháp khủng bố dã man phong trào cách mạng. Chúng lùng bắt 254 người tập trung về Hà Nội. Ngày 29.8.1913, Hội đồng đề hình bắt đầu mở phiên tòa, 97 người bị đưa ra xét xử. Kết thúc phiên tòa ngày 5.9.1913, chúng kết án tử hình 7 bị cáo: Nguyễn Khắc Cần⁶, Phạm Văn Tráng, Phạm Đệ Quý, Vũ Ngọc Thụy, Phạm Hoàng Quế, Phạm Hoàng Triết⁷, Phạm Hoàng Tiên⁸. Theo lời tường thuật của tờ *Tương lai xứ Bắc Kỳ* số ra ngày 25.9.1913, “những chiến sĩ đó rất bình thản, vui vẻ đón nhận cái chết”⁹. Biên bản của Tòa án Pháp do H. De Massiac ghi đã công nhận rằng: “thái độ của tất cả các bị cáo có mặt tại phiên toàn đều hiên ngang hơn bao giờ hết”. Riêng về Phạm Hoàng Quế thì biên bản của Ủy ban Hình sự Pháp còn nói rõ hơn “không chỉ là đồng phạm với

⁴ Nguyễn Khắc Cần lúc đó 35 tuổi, dạy chữ nho, sinh tại Tiên Yên, trú tại Gia Lâm. Nguyễn Khắc Cần là người đã bí mật chuyển trái bom từ Long Châu về Hà Nội để Nguyễn Văn Túy sử dụng.

⁵ Nguyễn Văn Túy lúc đó 31 tuổi, người tỉnh Kiến An.

⁶ Nguyễn Khắc Cần tham gia vụ ném bom ở khách sạn Hà Nội.

⁷ Phạm Văn Tráng, Phạm Đệ Quý, Vũ Ngọc Thụy, Phạm Hoàng Quế, Phạm Hoàng Triết tham gia vụ ném bom ở Thái Bình.

⁸ Phạm Hoàng Tiên, ám sát chủ đồn điền Đặng Vũ Hoàng ngày 26.5.1913.

⁹ Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1918*, NXB. Giáo dục, 1999, tr.346.

các thủ phạm trong các vụ mưu sát ở Thái Bình và khách sạn Hà Nội, mà còn là kẻ đã sát hại, ở vùng ngoại ô Bắc Ninh một người đồng loại tên là Tiên Nhi”¹⁰. Ngoài ra, Tòa án cũng kết án Lương Văn Phúc chung thân vì mới 18 tuổi, và loạt án tù: 8 người bị lưu đầy, 5 phát phối, 2 án tù 5 năm, 11 khổ sai hữu hạn, 5 cầm cố, 9 án tù từ 10 tháng đến 5 năm. Có 2 người được miễn tố, 1 người lĩnh án treo, 11 người được tha bổng.¹¹

Qua điều tra, thực dân Pháp cho rằng hai vụ này đều có sự chỉ đạo của nhóm Phan Bội Châu, lúc đó đang ở bên Trung Quốc. Bởi vậy, ngày 5.9.1913, Hội đồng Đề hình cũng tuyên án *tử hình vắng mặt* 6 người nữa, trong đó có Phan Bội Châu, Hoàng Trọng Mậu, Cường Để, Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Văn Túy (người trực tiếp nổ bom tại khách sạn Hà Nội) và Hai Thạc¹². Ngày 20.1.1916, Tòa án binh Hà Nội kết án Hoàng Trọng Mậu tử hình; Hai Thạc kết án khổ sai chung thân.

Đánh úp tỉnh lỵ Phú Thọ, Ninh Bình, Móng Cái (7.1.1915)

Cuối năm 1914, đầu năm 1915, một số người yêu nước ở Phú Thọ lấy danh nghĩa Hội Việt Nam Quang phục để tổ chức nhân dân vũ trang lật đổ chính quyền Pháp. Nguyễn Văn Dậu, Nguyễn Văn Nguyên và Tổng Chế đã dùng hình thức thần bí để gây uy tín và tập hợp những người yêu nước, tổ chức vũ trang chống Pháp. Để gây thanh thế và thu hút quần chúng, những người lãnh đạo rao tin rằng Nguyễn Văn Dậu là “Thần núi Tản Viên phục sinh” sẽ lãnh đạo khởi nghĩa của các tỉnh Sơn Tây, Phú Thọ, Hòa Bình, Bắc Ninh, Vĩnh Yên và Hà Đông. Tổ chức của Nguyễn Văn Dậu được đông đảo nhân dân hưởng ứng, những người quyên góp cho nghĩa quân đều được phát bằng, cấp bậc tùy theo số tiền ủng hộ. Họ vừa chuẩn bị lực lượng vừa sắm sửa vũ khí chờ thời cơ hành động. Nguyễn Văn Dậu lập một cơ sở chế tạo bom ở làng Hạnh Dền (Hà Đông), có ba tráng đinh trong

¹⁰ Đinh Xuân Lâm, *Những hoạt động của Việt Nam Quang phục hội trên địa bàn Hà Nội đầu thế kỷ XX*, tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 2.2007, tr.5-6.

¹¹ Tạ Thị Thủy (cb), *Lịch sử Việt Nam*, tập 7 từ năm 1897 đến năm 1918, NXB. Khoa học xã hội, 2013, tr.483-484.

¹² Hai Thạc là con trai thứ hai của Nguyễn Thiện Thuật (Tán Thuật). Tòa án Hà Nội ngày 5.9.1913 kết án Hai Thạc tử hình nhưng đồng chí đã chống lại án tử hình đó.

làng trợ giúp là Chi, Su và một người anh em. Cơ sở đã chế tạo được khoảng 800 quả bom cho nghĩa quân¹³.

Đêm ngày 6 rạng sáng ngày 7.1.1915, một toán nghĩa quân chừng 150 người dưới sự chỉ huy của Hoàng Văn Khoa (tùy tướng của Tổng chế Khuất Văn Búc), Nguyễn Văn Lộc (Bang Hanh) và Vi Văn Va (Quản Va), vũ trang súng ống, giáo mác gây gộc vây đánh chỉ huy sở và trại lính khố xanh ở tỉnh Phú Thọ¹⁴. Một lính đồn bị giết, hai bị thương, vợ giám binh bị thương nhẹ. Thực dân Pháp phản kích dữ dội nên chỉ sau vài giờ chiến đấu, nghĩa quân phải rút lui để bảo toàn lực lượng.

Sau vụ bạo động nổ ra, thực dân Pháp đàn áp dã man. Tổng Chế, Bang Hanh, Quản Va bị bắt cùng một số nghĩa quân tổng cộng 45 người. Ngày 28.4.1915 Tòa án tuyên bố tử hình 28 người, khổ sai chung thân 10 người, 6 người khổ sai có hạn.

Cùng ngày 7.1.1915, tại Nho Quan (Ninh Bình) và Móng Cái (Quảng Ninh), nhiều người có vũ trang tập hợp lại dưới danh nghĩa Hội Quang phục đã nổi dậy tấn công đồn giặc nhưng không thu được kết quả do lực mỏng, vũ khí thô sơ. Vào những năm 1916, 1917, ở một số nơi như Bát Xát, Lào Cai (8.8.1916); Đồng Văn (Hà Giang) (3.3.1917) cũng nổ ra nhiều trận tập kích nhỏ lẻ tự phát nhưng đều bị thất bại. Thực dân Pháp đã nhận định về những vụ bạo động này như sau: “*Cuộc tấn công Phú Thọ không thể xem như là một cuộc đánh cướp thông thường riêng lẻ do mấy kẻ bắt lương gây ra vì lợi mà chính nó là một cuộc nổi dậy non của một phần kế hoạch chung là cùng một lúc đánh các đồn, các tỉnh lỵ Vĩnh Yên, Phúc Yên, Thái Nguyên, Sơn Tây, Hưng Hóa, Hòa Bình, Hà Đông*”¹⁵.

Sau vụ bạo động ở Phú Thọ, xét xử án ở Yên Bái và một số tỉnh khác, một hội kín có tên là *Hội đồng bào* do thầy địa lý Nguyễn Văn Dao đứng đầu nhằm tập hợp quần chúng đánh đuổi giặc Pháp giải phóng Việt Nam. *Hội đồng bào* cho người đi tuyên truyền nhân dân

¹³ Trần Huy Liệu, Đinh Xuân Lâm, Hoàng Văn Lân, Đặng Huy Vận, *Lịch sử cận đại Việt Nam*, tập 3, NXB. Giáo dục, 1961, tr.290.

¹⁴ Tạ Thị Thủy (cb), *Lịch sử Việt Nam*- Tập 7. NXB. Khoa học xã hội, 2013, tr.540.

¹⁵ Trần Huy Liệu, Đinh Xuân Lâm, Hoàng Văn Lân, Đặng Huy Vận, *Lịch sử cận đại Việt Nam*, tập 3, NXB. Giáo dục, 1961, tr.291.

đứng dậy chống Pháp. Thực dân Pháp thẳng tay đàn áp *Hội đồng bào* và dập tắt ngay. Những người hoạt động chủ yếu ở Phú Thọ như Nguyễn Văn Đào, Hoàng Tiến Lương, Nguyễn Văn Tạo đều bị xử tử.

Kế hoạch đánh đồn Tà Lùng Lạng Sơn (13.3.1915)

Vào đầu năm 1915, một số yếu nhân trong Việt Nam Quang phục hội ở nước ngoài tổ chức kế hoạch tập kích Móng Cái và đồn Tà Lùng ở Lạng Sơn. Tuy kế hoạch được đặt ra chia làm 3 mũi tấn công nhưng trong quá trình thực hiện, do chuẩn bị không cẩn thận giữa những người được giao trách nhiệm, đồng thời lại có sự bất đồng ý kiến nên việc thực hiện gặp nhiều khó khăn. Chỉ có kế hoạch tấn công Lạng Sơn là thực hiện được một phần. Nguyễn Hải Thần tự nhận kế hoạch này cùng Vũ Mẫn Kiến và Giáo Trung. Một nhân vật khác là Hoàng Trọng Mậu tuy chưa tán thành việc làm này nhưng cũng chuẩn bị lực lượng tiếp ứng. Rạng sáng 13.3.1915, lúc 4 giờ 30 phút, Nguyễn Hải Thần đem 100 quân, đeo băng tay “*Việt Nam Quang phục quân*”, trang bị súng lục, súng trường, bom, dao chia làm hai mặt Nam, Bắc tấn công đồn Tà Lùng. Trong đồn đã bố trí sẵn một số lính tập làm nội ứng, nhưng do những người tấn công không làm đúng mật hiệu, cộng với lực lượng tấn công quá yếu ớt nên họ không hưởng ứng. Nghĩa quân có ném được 5, 6 quả bom từ ngoài vào đồn. Nhưng trước sự chống trả bằng hỏa lực mạnh của địch chỉ một giờ, nghĩa quân phải rút để bảo toàn lực lượng.

Sau vụ này, một mặt ở trong nước chính quyền Pháp đã ra sức lùng bắt những hội viên Quang phục hội. Mặt khác, Pháp can thiệp với chính quyền Trung Quốc, Thái Lan và thực dân Anh để truy nã những chiến sĩ Quang phục lưu vong. Từ khoảng giữa năm 1915 đến năm 1916, hàng loạt các đồng chí bị các thực dân Anh, chính phủ Thái Lan bắt giao nộp cho thực dân Pháp như: Hoàng Trọng Mậu, Lê Dương, Giáo Trung, Bùi Đông Khê, Vũ Sĩ Lập, Hồ Hải Như...

3. Kết luận

Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội đã khẳng định xu hướng bạo động cách mạng của Phan Bội Châu cùng các đồng chí của ông. Đứng về mặt tư tưởng và tổ chức, Việt Nam Quang phục hội, mặc dù còn nhiều hạn chế, đã thể hiện một bước tiến rõ nét so

với Duy tân hội khi đi theo con đường dân chủ tư sản. Thế nhưng, Việt Nam Quang phục hội lại không có được khí thế lạc quan cách mạng cũng như sự hậu thuẫn mạnh mẽ của quần chúng nhân dân như buổi đầu của của Duy tân hội. Những hoạt động nhằm gây tiếng vang của hội đã tác động rất lớn tới xã hội Việt Nam trong giai đoạn này, đã thể hiện được lòng yêu nước nhiệt thành của các chiến sĩ Việt Nam Quang phục hội.

Sau những sự kiện có tiếng vang lớn này, thực dân Pháp ráo riết đẩy mạnh một đợt khủng bố trắng trên quy mô lớn hơn, rất nhiều đồng chí yêu nước bị kết án tử hình, tù chung thân, khổ sai... phong trào cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn thoái trào. Giữa lúc đó chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ (1914-1918). Đêm ngày 3 rạng sáng ngày 4.5.1916, Việt Nam Quang phục hội định tổ chức cuộc khởi nghĩa ở Huế và một số địa phương khác do vua Duy Tân, Thái Phiên, Trần Cao Vân lãnh đạo nhưng đã thất bại do bị lộ. Tuy nhiên, cuộc khởi nghĩa vẫn nổ ra trong một bộ phận tại phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam và gây tiếng vang, được đông đảo các tầng lớp nhân dân hưởng ứng tham gia. Tuy cuộc khởi nghĩa ở Tam Kỳ, Quảng Nam không đạt được kết quả như mong muốn do chính quyền Pháp đã biết trước kế hoạch nên đã bố trí một lực lượng lớn phản kích lại nghĩa quân. Nhưng cuộc khởi nghĩa đã để lại một dấu ấn sâu sắc trong truyền thống cách mạng chống Pháp của xứ Quảng địa linh nhân kiệt mà nhân dân Quảng Nam có quyền tự hào.

Những hoạt động bạo động của Việt Nam Quang phục hội ở Bắc Kỳ và cuộc khởi nghĩa ở Tam Kỳ, Quảng Nam thất bại đã chỉ ra rằng đường lối của Việt Nam Quang phục hội không đáp ứng được yêu cầu của phong trào cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh chưa xuất hiện tổ chức cách mạng mới có uy tín và trình độ lãnh đạo cao hơn thì danh nghĩa Việt Nam Quang phục hội cũng như uy tín của lãnh tụ Phan Bội Châu là nguồn cổ vũ và là niềm tin cho các lực lượng yêu nước trong những năm tháng chiến tranh. Từ năm 1919, với sự xuất hiện của Nguyễn Ái Quốc trên vũ đài chính trị quốc tế, một thời kỳ mới của cách mạng Việt Nam đã bắt đầu./.

NTLH

NHỮNG HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC CỦA NGUYỄN TRANG, NGUYỄN HÉT TRONG DUY TÂN HỘI VÀ VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI TRÊN ĐẤT HÀ TĨNH NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XX

TS. NGUYỄN TẮT THẮNG*

Hoạt động yêu nước của Nguyễn Trang - Nguyễn Hét trong phong trào chống thực dân phong kiến ở huyện Can Lộc, Hà Tĩnh có mối liên hệ giữa cuộc khởi nghĩa Trung Kỳ của Việt Nam Quang phục hội (1916) với phong trào yêu nước ở Hà Tĩnh thông qua những hoạt động của hai ông.

1. Những hoạt động yêu nước Nguyễn Trang, Nguyễn Hét trong tổ chức Duy tân hội

Sau khi thành lập tổ chức Duy tân hội - tổ chức chính trị xã hội đầu tiên của Việt Nam, tháng 1.1905, Phan Bội Châu và Tăng Bạt Hổ bí mật sang Nhật cầu viện. Tại Nhật, ông viết sách báo, như Việt Nam vong quốc sử, Hải ngoại huyết thư... rồi bí mật gửi về nước để tuyên truyền cổ vũ tinh thần yêu nước, tố cáo tội ác của thực dân Pháp, kêu gọi thanh niên sang Nhật học. *“Văn thơ của cụ Phan làm chấn động hàng triệu đồng bào, bởi nó nhào quện tim óc chiến sĩ giàu nhiệt huyết nơi Cụ và mang hơi gió thời đại. Đồng bào cả nước hướng về Cụ và cả một thế hệ đương thời bước trên nhịp văn thơ nóng bỏng của Cụ mà theo Cụ đi cứu nước”*¹.

Trong số các hội viên đầu tiên khi mới thành lập của Duy Tân Hội có Lê Võ là người Hà Tĩnh, ông là con của Lê Ninh - người *“xương nghĩa đầu tiên”* hưởng ứng Dục Càn vương trong phong trào Cần vương Hà Tĩnh (1885-1896). Lê Võ đã cùng các sĩ phu khác

* Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Huế.

¹ GS. Đinh Xuân Lâm: *Nhà yêu nước Phan Bội Châu (1867-1940)*, Đề dẫn trong Hội thảo kỷ niệm 130 năm ngày sinh Phan Bội Châu do Trường ĐHKHXH&NV (Đại học Quốc gia Hà Nội) tổ chức năm 1997; tr. 12.

tuyên truyền, vận động phong trào trong tỉnh. Cụ Huỳnh Thúc Kháng từng viết về sự hưởng ứng của nhân dân xứ Nghệ: *“Nghệ Tĩnh từ văn học đến phái Cần vương hội, thường một mạch câu thông với nhau. Đến phong trào Tân học cải cách cùng Đông học đều trở thành một nhịp với nhau, nhân dân Nghệ Tĩnh hò reo hưởng ứng như gió đưa diều”*².

Hưởng ứng lời kêu gọi của Phan Bội Châu, phong trào yêu nước Hà Tĩnh đã dấy lên mạnh mẽ ở các địa phương trong tỉnh, hàng chục thanh niên đã vứt bỏ mộng khoa bảng từ già xóm làng gia đình thân yêu để tham gia vượt biển sang Nhật. Bên cạnh những sĩ phu nổi tiếng như Lê Văn Huân, Ngô Đức Kế, Nguyễn Hàng Chi, Trịnh Khắc Lập... còn có sự tham gia tích cực của hai anh em Nguyễn Trang, Nguyễn Hết.

Nguyễn Trang là con của Nguyễn Duy Trạch (Đề Trạch) và Nguyễn Hết là con của Nguyễn Duy Chanh (Đề Chanh), quê ở làng Gia Hanh (Can Lộc). Hai ông trước đây đã từng theo cha làm lính trong cuộc khởi nghĩa Hương Khê do cụ Phan Đình Phùng lãnh đạo (1885-1896). Mặc dù chưa thực sự có nhiều đóng góp cho phong trào nhưng qua cuộc đấu tranh, hai ông đã sớm bộc lộ được tinh thần chiến đấu dũng cảm của mình. Cuộc khởi nghĩa Phan Đình Phùng và Cao Thắng thất bại (1896), nhiều binh lính và nghĩa quân trở về làm ruộng, nhưng vẫn ngầm nuôi ý chí chiến đấu lâu dài, trong đó có Nguyễn Trang, Nguyễn Hết.

Đến khi có phong trào vận động Đông du của Phan Bội Châu, hai ông đã nhiệt liệt hưởng ứng. Hà Tĩnh là một trong những địa phương sớm hưởng ứng và rất nhiệt thành với phong trào Đông du (1905-1908). Ngoài việc rất đông nhân sĩ trực tiếp tham gia phong trào Đông du, nhân dân Hà Tĩnh đã tích cực đóng góp kinh tế cho các hoạt động của Duy tân hội. Trong Duy tân hội, lúc bấy giờ có hai phái là Minh xã và Ám xã. Nếu như phái Minh xã hoạt động công khai, lo việc duy tân, mở mang dân trí, chấn hưng thương nghiệp làm cho nước nhà tự cường để tiến tới tự lập thì phái Ám xã hoạt động bí mật, cầu viện nước ngoài, chuẩn bị vũ trang giành độc lập. Tuy khuynh

² Thái Bạch (1968), *Thi văn quốc cảm*, NXB. Khai Trí, Sài Gòn; tr.3.

hướng, biện pháp khác nhau nhưng cả hai phái đều có liên hệ mật thiết với nhau trong hoạt động. Nguyễn Trang, Nguyễn Hét chủ yếu hoạt động bí mật trong phái Âm xã ở Can Lộc.

Hai ông ngày đêm len lỏi trong các thôn xóm để nhen nhóm lại tiếng súng chống ngoại xâm với các hoạt động trừ gian diệt ác. “Nguyễn Trang và Nguyễn Hét được giao tổ chức quyên tiền gây quỹ cho những người xuất dương. Hai ông đã tập hợp được một lực lượng gồm nhiều thanh niên nông dân ở Can Lộc, Đức Thọ, Hương Sơn... hàng ngày đi về các địa phương quyên góp tiền bạc”³. Ngoài việc đi quyên tiền, họ còn tổ chức các chuyến buôn để sinh lợi nhanh và nhiều hơn. Việc tổ chức buôn bán không chỉ đem lại nguồn kinh phí hoạt động mà còn tạo ra những duyên cớ về mặt pháp lý để họ có thể đi lại được nhiều nơi trong tỉnh nhằm liên lạc, thu nạp thêm nhiều hội viên. Đặc biệt, Nguyễn Trang và Nguyễn Hét còn tổ chức các cuộc đột nhập vào nhà bọn địa chủ và hào lý, quan lại giàu có để tịch thu của cải đem góp vào quỹ.

Trước sự phát triển của phong trào Đông du, thực dân Pháp một mặt tiến hành khủng bố, mặt khác cầu kết với Nhật trục xuất các nhà yêu nước Việt Nam ra khỏi đất Nhật. Sau khi phong trào Đông du bị giải tán, tháng 3.1909, Phan Bội Châu và các đồng chí về Trung quốc rồi sang Thái Lan hoạt động (chỉ còn 5 người ở lại Nhật Bản).

Ở Hà Tĩnh, thực dân Pháp đã thẳng tay đàn áp, “Chúng bắt giam hàng loạt người. Nhiều sĩ phu lãnh đạo phong trào như: Lê Văn Huân, Nguyễn Duy Phương, Phạm Văn Ngôn... bị đày ra Côn Đảo”⁴. Nguyễn Hàng Chi và Trịnh Khắc Lập, những người lãnh đạo chủ chốt của phong trào trong tỉnh đều bị kết án tử hình. Trịnh Khắc Lập bị chúng kết án “tạo yêu thư yêu ngôn” rồi đưa về chém ở chợ Giang Đình, Nguyễn Hàng Chi bị hành quyết sau thành Hà Tĩnh (án

³ Võ Huy Hồng - Thái Kim Đình (1999), *Dur địa chí Can Lộc*, Sở VH TT. Hà Tĩnh xuất bản; tr. 57.

⁴ BCH Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh (1993), *Lịch sử Đảng bộ Hà Tĩnh, TI (1930-1954)*, NXB. CTQG, H., tr. 62.

“*khích biến dân lương*”)⁵. Kẻ địch vô cùng dã man, sau khi chém còn bêu đầu hai ông ngay tại quê nhà để uy hiếp tinh thần nhân dân.

Kẻ thù đã không từ một thủ đoạn tàn ác nào để hành hạ tù nhân nhằm mục đích tiêu diệt ý chí đấu tranh và thân xác những chí sĩ yêu nước. Nhưng vượt qua mọi gian lao thử thách, các chiến sĩ duy tân Hà Tĩnh trong đó có Nguyễn Trang, Nguyễn Hét vẫn giữ vững được khí tiết của mình.

Như vậy, mặc dù thất bại, nhưng hoạt động của Duy tân hội và phong trào Đông du ở Hà Tĩnh những năm đầu thế kỷ XX đã có tác dụng cổ vũ tinh thần yêu nước, duy trì và phát triển ý thức đấu tranh đánh đuổi thực dân Pháp giành lại độc lập trong nhân dân Hà Tĩnh. Phong trào đã là cơ sở cần thiết cho những cuộc đấu tranh sau đó trên đất Hà Tĩnh, nhất là trong việc hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Trung Kỳ năm 1916 do Việt Nam Quang phục hội phát động.

2. Những hoạt động yêu nước của Nguyễn Trang, Nguyễn Hét trong tổ chức Việt Nam Quang phục hội.

Năm 1911, Cách mạng Tân Hợi thành công, lật đổ triều đình Mãn Thanh ở Trung Quốc và chính phủ Dân quốc lâm thời được thành lập ở Nam Kinh. Sự kiện đó đã đem lại cho Phan Bội Châu và các đồng chí của ông một nguồn phấn khởi và tin tưởng mới, họ xem đây là cơ hội tốt cho cách mạng Việt Nam. Vì vậy Phan Bội Châu cùng hơn 100 đồng chí từ Xiêm, Nhật Bản trở lại Trung Quốc để tiếp tục cuộc vận động cứu nước.

Tháng 6.1912, tại Quảng Đông (Trung Quốc), Phan Bội Châu cùng các đồng chí mở hội nghị tuyên bố giải tán Duy tân hội, từ bỏ lập trường quân chủ, đề ra Nghị án dân chủ chủ nghĩa và thành lập Việt Nam Quang phục hội.

Ngay sau khi ra đời, Hội cử người về nước vận động đấu tranh vũ trang. Để gây tiếng vang “*kinh thiên động địa*”, nhằm “*thức tỉnh đồng bào*”, “*kêu gọi hồn nước*”, Hội chủ trương ám sát những tên

⁵ E.Jolly, *Những sự việc ở Trung Kỳ*, báo Avenir du Tonkin (Tương lai Bắc Kỳ), số 3934, tháng 4 năm 1908.

thực dân đầu sỏ, kể cả Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut và những tay sai đắc lực như Tuần phủ Thái Bình Nguyễn Duy Hàn (4.1.1913) và hai trung tá Pháp tại khách sạn Hà Nội (4.1914).

Tại Hà Tĩnh, nhiều chí sĩ yêu nước (trong đó có nhiều người vốn là hội viên của tổ chức Duy Tân hội) đã tự nguyện đứng vào tổ chức Việt Nam Quang phục hội của Phan Bội Châu trong đó có Nguyễn Trang và Nguyễn Hét. Với truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm bằng bạo động vũ trang của quê hương, cả hai ông đã nhanh chóng tán thành chủ trương duy nhất của Việt Nam Quang phục hội là: Đánh đuổi thực dân Pháp bằng con đường vũ lực, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam⁶.

Khi yêu cầu của việc xây dựng quỹ xuất dương không đặt ra nữa do phong trào Đông du chấm dứt, Nguyễn Trang, Nguyễn Hét và những người theo hai ông đã tổ chức nhiều cuộc trừng trị bọn quan lại và tay sai gian ác trong vùng. Hoạt động trừ gian, diệt ác của Nguyễn Trang, Nguyễn Hét được nhân dân hết lòng ủng hộ, những tên tay sai đắc lực của Pháp hoang mang, không giám thẳng tay đàn áp nhân dân như trước đây. Thực dân Pháp và bọn phong kiến Nam triều vô cùng lo lắng. Chúng ra lệnh cho bọn quan lại các huyện, phủ phải bằng mọi cách tiêu diệt cho được phong trào chống đối này. Nhiều tên tay sai và binh lính của thực dân được đưa về vùng Can Lộc, Đức Thọ... ngày đêm tăng cường lùng sục, bủa vây khắp nơi.

Trong khi đó, mâu thuẫn giữa thực dân Pháp và nhân dân Việt Nam ngày càng lên cao. Sau gần một năm tham chiến trong Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất, quân Pháp bị nhiều tổn thất về người và của. Chính quyền Đông Dương tăng cường bắt lính thuộc địa để bù đắp vào sự thiếu hụt quân số. Đợt bắt lính thứ hai ở Đông Dương thực hiện ráo riết vào tháng 7.1915. Hàng ngàn lính người Việt tập trung ở Huế chuẩn bị xuống tàu vượt đại dương sang châu Âu, tình hình đó gây nên sự phản ứng trong nhân dân và binh lính, nhất là ở Quảng Nam, Quảng Ngãi và Huế. Tận dụng cơ hội này, các sĩ phu yêu nước Trung Kỳ quyết định vận động quần chúng đứng lên khởi nghĩa.

⁶ Trương Công Huỳnh Kỳ, Nguyễn Tấn Thắng, Đỗ Mạnh Hùng (2013), *Giáo trình Lịch sử Việt Nam cận đại*, NXB. Đại học Huế; tr. 204.

Lãnh đạo chủ chốt của cuộc khởi nghĩa là Trần Cao Vân, một sĩ phu yêu nước ở Quảng Nam, đã từng bị tù vì tham gia phong trào chống thuế ở Trung Kỳ năm 1908, và Thái Phiên, một thành viên của Việt Nam Quang phục hội.

Tháng 3 năm 1914, có cuộc họp mặt các nhà yêu nước Trung Kỳ ở Đà Nẵng. Hội nghị nhất trí việc chuẩn bị khởi nghĩa và kế hoạch vận động binh lính người Việt, số lính này sắp phải sang Pháp tham gia chiến tranh, đồng thời tổ chức thêm dân binh để hỗ trợ.

Cuối năm 1915, do những tin tức từ Pháp đưa về gây xôn xao dư luận, một số người lãnh đạo phong trào nôn nóng muốn khởi nghĩa. Trước tình hình ấy, Thái Phiên đã triệu tập các nhà yêu nước về Huế họp tháng 9.1915. Nhưng nhận thấy các điều kiện chưa đầy đủ, hội nghị đã quyết định hoãn khởi nghĩa, và tiếp tục đẩy mạnh vận động binh lính người Việt ở khắp các tỉnh Trung Kỳ, đồng thời cũng quyết định mời vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa.

Trước khí thế sục sôi hưởng ứng khởi nghĩa của nhân dân, đặc biệt ở hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi, tháng 2 năm 1916, Thái Phiên lại mời các nhà yêu nước về Huế họp. Lần họp này, hội nghị quyết định khởi nghĩa ngay, định ra quốc hiệu, quốc kỳ, quân kỳ, và quốc đô, chính thể, định ngày khởi nghĩa vào giữa tháng 5 năm 1916 từ Quảng Bình trở vào. Chỉ huy khởi nghĩa là Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Đỗ Tự, Lê Ngung và Nguyễn Sáng.

Là một hội viên nhiệt thành của Việt Nam Quang phục hội nên trước những khó khăn trong hoạt động tại Hà Tĩnh và chuyển biến mới của tình hình trong nước, Nguyễn Trang cũng đã tìm cách chấp nối hoạt động với các hội viên Việt Nam Quang phục hội ở các tỉnh khác, trong đó có hai lần ông vào Huế trong năm 1916⁷.

Với lòng yêu nhân dân và nhiệt tình của tuổi trẻ, sau khi biết được kế hoạch khởi nghĩa, Nguyễn Trang đã bắt liên lạc với Trần Văn

⁷ Đặng Duy Báu (Chủ biên) (2000), *Lịch sử Hà Tĩnh*, Tập 1, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội; tr.352.

Đức, Lê Văn Huy, Nguyễn Kiếm (Đức Thọ)⁸... họp nhau bàn bạc kế hoạch cổ động nhân dân đứng lên đấu tranh, ông đã được sự tín nhiệm của mọi người và trở thành người chỉ huy quan trọng của phong trào chống Pháp ở Hà Tĩnh. *“Ông là người trực tiếp vận động và cũng là tác giả các tờ truyền đơn kêu gọi mọi người đứng lên chống Pháp xâm lược...”*⁹.

*“Vào khoảng cuối tháng 5.1916, Nguyễn Trang giả làm người bán quế, đi khắp trong tỉnh dán tờ thông tư do ông soạn thảo: “Giặc Pháp mượn tiếng bảo hộ, ngược đãi dân ta thiệt là quá lắm! Hàng năm nộp xong sưu thuế rồi, mình không còn chiếc áo lành, bụng không được ăn cơm no, đi nơi khác tìm ăn, khổ hết chỗ nói. Cứ ngồi không mà chịu chết, chi bằng vùng dậy để tìm lối sống...”*¹⁰.

Tuy nhiên, cũng giống như ở Huế và các tỉnh Nam - Ngãi, do công việc chuẩn bị khởi nghĩa ở Hà Tĩnh có nhiều sơ hở, kế hoạch bị lộ từ trước nên thực dân Pháp đã kịp thời có biện pháp đối phó. Sau khi nhận được thông báo của công sứ Hà Tĩnh, thực dân Pháp lập tức điều động một lực lượng lớn từ Nghệ An vào án ngữ những vị trí quan trọng, đồng thời huy động lực lượng tại chỗ tấn công, khủng bố nhân dân ở hai huyện Can Lộc, Đức Thọ¹¹, nơi có đông người tham gia ủng hộ Nguyễn Trang, Nguyễn Hét.

Trước sự tăng cường khủng bố của kẻ thù, hoạt động của Nguyễn Trang - Nguyễn Hét gặp phải khó khăn, nhiều đồng chí của hai ông lần lượt sa vào tay thực dân Pháp và bị tử hình song chúng vẫn chưa bắt được hai ông. Được sự che chở của nhân dân, hai ông vẫn bí mật hoạt động, kẻ thù vẫn mắt ăn mắt ngủ trước sự xuất hiện xuất quỷ nhập thần của họ.

⁸ BCH Đảng bộ huyện Đức Thọ (1998), *Lịch sử Đảng bộ huyện Đức Thọ (1930 - 1954)*, Tập 1, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội; tr 23.

⁹ Phan Đình Bưởi (Chủ biên) 1998, *Lịch sử Hà Tĩnh*, Sở GDĐT. Hà Tĩnh xuất bản, tr. 25.

¹⁰ BCH Đảng bộ Huyện Can Lộc (2005), *Lịch sử Đảng bộ huyện Can Lộc*, NXB. CTQG, Hà Nội; tr. 34.

¹¹ *Báo cáo của Công sứ Hà Tĩnh số 11.100 ngày 17/06/1916 gửi Khâm sứ Trung Kỳ và Thanh tra mật thám Vinh*. Lưu tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, Phòng số 05, MS: 21, ĐVBQ 29.

Năm 1919, trước tình thế bị truy lùng gắt gao, “Nguyễn Trang và Nguyễn Hét định tìm đường trốn sang Lào, rồi từ đó sang Xiêm tìm gặp các đồng chí đang hoạt động bên đó. Nhưng khi đến làng Yên Phụ (Đức Thọ), hai ông bị tên chủ nhà, vốn là một người cùng hoạt động trước đây, phản bội đi báo cho Pháp ở đồn Linh Cảm”¹². Bọn lính Pháp ở đồn Linh Cảm bí mật kéo đến vây nhà, Nguyễn Trang và Nguyễn Hét cố sức chống cự nhưng vì lực lượng quá chênh lệch hai ông không thể mở được đường chạy thoát ra ngoài. Lính Pháp phóng lửa đốt nhà, hai ông đã hi sinh trong ngọn lửa.

Như vậy, những hoạt động của Nguyễn Trang và Nguyễn Hét tuy chỉ giới hạn trong một phạm vi nhỏ ở vùng Can Lộc, Đức Thọ, lại quá đơn độc nhưng đã làm cho kẻ thù hết sức lo sợ. Dù không có được mối liên hệ trực tiếp và cũng không tiêu biểu như các tỉnh Nam - Ngãi nhưng qua những hoạt động của mình, cả hai ông đã cùng góp sức mình trong việc hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Trung Kỳ năm 1916 do Thái Phiên, Trần Cao Vân và vị vua yêu nước Duy Tân phát động. Thực dân Pháp phải tập trung lực lượng, mất một thời gian dài mới có thể đàn áp được. Đây là một bước tiếp nối báo trước một chuyển hướng mới trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân Hà Tĩnh sau này./.

NTT

¹² Ban Nghiên cứu Lịch sử Nghệ Tĩnh (1980), *Danh nhân Nghệ Tĩnh*, T1, NXB. Nghệ Tĩnh; tr. 124.

TÌNH YÊU NƯỚC, Ý THỨC TỰ CƯỜNG TRONG THƠ VĂN PHONG TRÀO DUY TÂN, KHẮT THUẾ VÀ VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI Ở QUẢNG NGÃI

TS. NGUYỄN DIỄN XUÔNG*

NCS. BÙI VĂN THANH

Sự vận động dân tộc dân chủ ở Quảng Ngãi từ đầu thế kỷ XX đến hết chiến tranh thế giới thứ nhất có ba phong trào nối kết nhau:

Phong trào Duy tân, phong trào Chống sưu thuế 1908, phong trào Vận động khởi nghĩa năm 1916. Những phong trào này đều là bộ phận của phong trào yêu nước theo xu hướng dân chủ tư sản. Trong sự nối kết của các phong trào này có một số nội dung đặc điểm khác nhau, nhưng nét chung nhất của các phong trào là tinh thần yêu nước, chống Pháp, kiến lập một Việt Nam theo dân quốc cộng hòa. Hưởng ứng các phong trào này, ở Quảng Ngãi bên cạnh đông đảo nhân dân, còn có rất nhiều trí thức, văn thân, sĩ phu. Trong số họ, có nhiều người xuất hiện từ phong trào Cần vương, rồi chuyển qua phong trào Duy tân và kịp nối kết với những hoạt động của *Việt Nam quang phục hội*. Đó là các ông: Lê Đình Cẩn, Nguyễn Bá Nam, Phạm Cao Chảm, Trần Kỳ Phong, Lê Khiết, Lê Ngung, Nguyễn Suy, Võ Quán, Lê Trung Đình, Nguyễn Duy Cung, Phan Long Bằng... Họ hầu hết là những nhà khoa mục sống ở hương thôn, không có điền sản lớn, cũng không có đặc quyền đặc lợi ở tỉnh, phủ. Họ sống với nhân dân, được nhân dân tin cậy và nhất là họ hiểu được những tình cảnh, khát vọng của những người tay lấm chân bùn. Họ tự nhận thức việc “cứu quốc, hộ dân” đã đến hồi khẩn thiết và họ sẵn sàng tham gia các phong trào đấu tranh yêu nước, chống Pháp và phong kiến tay sai. Đồng thời với việc tham gia cứu dân, cứu nước, họ còn sử dụng thơ văn vừa để tố cáo bao thứ tội ác do thực dân, phong kiến gây ra, vừa tuyên truyền các quan điểm cứu nước của các tổ chức, phong trào mà họ theo đuổi.

* Trường Đại học Phạm Văn Đồng, Quảng Ngãi.

Thơ văn của họ tuy không phong phú, ít cách tân trong nghệ thuật thể hiện, nhưng tràn đầy nhiệt huyết, làm thức dậy ở nhân dân ý thức dân quyền, ý chí đánh giặc, tự cường, tinh thần độc lập. Thơ văn ấy còn có cái hào sảng của bậc nam nhi, cái mới trong chức năng nghệ thuật ngôn từ và do đó, có thể góp phần nhỏ vào khuôn mặt thơ văn yêu nước, chống đế quốc, phong kiến giành độc lập thời kỳ 1885-1945 của Văn học Việt Nam.

Tình yêu nước là truyền thống lâu đời của nhân dân ta. Đến lượt nho sĩ văn thân ở Quảng Ngãi lúc bấy giờ, tình yêu nước qua thơ văn là “Cổ quốc sơn hà trọng - Tân triều thể lực khinh”... là “Túng lương lưu nhiệt huyết - Đồng loại hấp văn minh” (Tâm sự - Lê Đình Cẩn, 1870-1914)¹. Trong nghĩa lý bài thơ, tình yêu nước phải gắn liền với việc đấu tranh canh tân đất nước để nhân dân được văn minh, chứ không như quan niệm “Văn dĩ tải đạo” của Chu Đôn Di từng yêu cầu đối với văn học thời phong kiến. Lê Đình Cẩn là nhà nho, người huyện Nghĩa Hành, có làm huấn đạo ở huyện Mộ Đức, nhưng ông tỏ thái độ “Luôn đít thẳng Tây, tứ chẳng màng” (Lê Đình Cẩn tự thán)². Những vần thơ trên của ông chứng tỏ có nét đổi mới trong chức năng thi ca. Còn tình yêu nước trong thơ Nguyễn Suy (Cử Suy, 1888-1916) lại cụ thể qua hình tượng từ con sông quê nhà. Đó là bài thơ ông làm thời gian bị đày ở Côn Đảo năm 1908, khi phong trào khát thuế ở Quảng Ngãi tan rã:

Sao chìm, sông lặng cảnh buồn teo,
Núi khóc, sông rên, vắng cạp beo
Một thót đầu lô đầy bụng huyết
Bến Trà con giận sóng thường reo

(Xem Thi tù tùng thoại, trang 196)³

¹ Thơ ca yêu nước cách mạng Quảng Ngãi 1885 - 1945, Phòng Văn hóa Thông tin Quảng Ngãi 1996, trang 16,17.

² Thơ ca yêu nước cách mạng Quảng Ngãi 1885 - 1945, Phòng Văn hóa Thông tin Quảng Ngãi 1996, trang 16,17.

³ Thi tù tùng thoại, 1908-1921, đã đăng Tiếng Dân, từ số 1106 đến số 1196, Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng, trang 196.

Cũng như ý thơ “Túng lương lưu nhiệt huyết” của Lê Đình Cẩn nói trên, thơ Cử Sự chứa chan một bầu máu nóng yêu nước. Những ý thơ này có thể nối kết với văn thơ cổ động của Phan Bội Châu: “Xối máu nóng rửa vết nhơ nô lệ” (Bài ca chúc tết thanh niên).

Tình yêu nước cũng là tình yêu những người cần lao mưa nắng trên đồng. Họ là chủ nhân ông của “Cổ quốc sơn hà trọng” mà đang làm than khổ ải. Nỗi khổ nhục của họ khó kể ra cho xiết. Trên những nét lớn, văn thơ của trí thức, văn thân từng nói đến việc “Đẩy hai mươi triệu thành đàn trâu ngựa - Xô xuống hầm không cựa không la” (Xin đúc một chữ đồng - Lê Đình Cẩn); “Kia trăm họ làm than trong vũ trụ” (Tới! bước tới - Phan Long Bằng). Đời sống của nông dân, công nhân lúc này, nói như nhà nho Trần Kỳ Phong (1872-1941) là thật ngược đời: “Người cày mà chẳng có cơm - mấy anh thợ ngói lấy rơm lợp nhà” (Chuyện ngược đời).

Trước tình cảnh làm than cơ cực, thơ văn Duy tân hội Quảng Ngãi vừa chỉ ra: “Vì chung giặc Pháp xâm lăng - Vì chung nhà Nguyễn bán mình cầu thân”, vừa hô hào ý chí tự lực, tự cường trong nhân dân để họ sống và bảo vệ mình:

Đường vinh nhục ta nay phải sáng
 Chí tự cường cày hẳ nhân dân
 Mong sao trên dưới một lòng
 Cùng nhau lấp hố bất bằng từ đây
 Đời nô lệ đấng cay quét sạch
 Đất tự do hạnh phúc xây nên
 Nghìn thu lộng cảnh rồng tiên
 Việt Nam chung đúc văn minh loài người⁴

Văn thơ duy tân còn bao quát được nhiều thực trạng xã hội đương thời từ thói chè rượu, nha phiến, cờ bạc đến mê tín dị đoan, mê

⁴ Thơ văn yêu nước và cách mạng Quảng Ngãi (1885-1945), Nguyễn Hồng Sinh sưu tập và giới thiệu, Hội Văn nghệ Nghệ An xuất bản, 1975, trang 20, 16.

công hầu, khoa cử... rồi chỉ ra tính chất lạc hậu, thủ cựu, xa xỉ của chúng. Từ đó, kêu gọi mọi người cần nhận thức đúng đắn hơn:

Phải tìm học khôn ngoan làm trước

Phải kết đoàn cả nước với nhau

Nông công hai nghiệp làm đầu⁵

Trong thực tế hoạt động của Duy tân hội Quảng Ngãi, sử sách còn chép khá phong phú những công việc đã làm được trong đời sống đề tự lập tự cường cho nhân dân mà thơ văn chưa phản ánh hết. Nhưng những vần thơ tuy chưa được gọt giũa nhiều như nói trên đã thực sự tuyên truyền được chương trình hành động tích cực của Duy tân hội Quảng Ngãi. Cũng nhờ vậy, nên dù phong trào thất bại, tư tưởng dân quyền, chủ trương “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” của các lãnh tụ duy tân đã truyền đến được với nhân dân các địa phương. Chính sự kích thích này đối với tâm lý, tinh thần nhân dân mà khi phong trào khát thuế nổ ra ở Quảng Nam (3.9.1908) lan toả đến Quảng Ngãi đã được trí thức sĩ phu và nhân dân ở đây nhiệt liệt ủng hộ.

Lịch sử Việt Nam mấy mươi năm đầu thế kỷ XX còn ghi lại bao nhiêu thứ thuế, nhưng hà khắc hơn cả là đi “xâu” cho nhà nước. Loại tô lao dịch này đã khai thác cạn kiệt sức khỏe của hầu hết mọi tầng lớp tráng đinh. Vần thơ hữu danh, khuyết danh lúc này như “Á tế á ca”, “Xin xâu”, “Về thuế nặng”... góp phần cho thấy tội ác của vua quan thân Pháp và thực dân. Ở Quảng Ngãi, việc xin giảm thuế của nhân dân 6 phủ huyện diễn ra ngày 10.4.1908 (tháng 3 Mậu Thân).

Trước lời đe dọa của công sứ Dodey, hàng ngàn người “đồng thanh ca tân thơ do Cử Sụy soạn, giọng ca như sấm vang làm cho bọn chúng phải run sợ”:

... “Anh em ta thấy cả xin khuyến ngã

Khuyến ngã dân quyền

⁵ Thơ văn yêu nước và cách mạng Quảng Ngãi (1885-1945), Sdd, trang 20, 16.

Răng rứa chừ không khai trí hoá
 Sao cho khá với người, để tiếng cười
 Xấu hổ nghìn năm
 Ngàn năm lâu dài, ai hay là ai!
 Cũng mặt tai trong cuộc trần ai!
 Sáu phủ huyện anh em ta gắng sức”⁶

Dù nhiều người dân biểu tình bị Lãnh Năng chỉ huy bắn chết, nhưng phong trào của nhân dân vẫn đồng thanh những âm thanh thôi thúc đấu tranh trước khi tìm bắt nhốt vợ con Lãnh Năng vào cũi lồng⁷. Bài ca “Kêu gọi đồng bào” của Cử Sự nói trên là một sáng tạo trong việc dùng điệu ca Huế truyền thống để đưa nội dung đấu tranh dân quyền vào vận động nhân dân. Phong trào chống sưu thuế ở Quảng Ngãi bùng nổ sau chống sưu thuế ở Quảng Nam gần nửa tháng, nhưng rất mạnh mẽ. Dù các nhà nghiên cứu trong nước và cả học giả nước ngoài có những cắt nghĩa khác nhau, nhưng phong trào chống sưu thuế ở Quảng Ngãi cho thấy ý thức dân tộc, dân chủ của nhân dân thật sự đã trỗi dậy và nó nối kết với tinh thần chống sưu thuế của cả miền trung, góp phần đáng kể vào việc làm rung chuyển sự cai trị tàn ác của thực dân, phong kiến. Phong trào này ở Quảng Ngãi, qua một số tài liệu còn cho thấy có sự chuẩn bị từ trước bởi những người lãnh đạo⁸ cũng như hội viên Hội Duy tân Quảng Ngãi và điều này có góp phần làm chuyển biến về tổ chức cũng như phương pháp đấu tranh.

Sau khi phong trào chống sưu thuế thất bại, các vị lãnh đạo Hội Duy tân Quảng Ngãi bị bắt hầu hết (7.4.1908), nhưng phong trào dân tộc, dân chủ đòi quyền sống, quyền tự do vẫn tiếp tục phát triển trong nhân dân các địa phương và tầng lớp trí thức, hương lý còn lại. Đến khi Duy tân hội được cải tổ thành *Việt Nam Quang phục hội* (tháng 2.1912) thì ở Quảng Ngãi có những người con ưu tú đã xuất hiện từ

⁶ Khuôn mặt Quảng Ngãi (1764-1916), Phạm Trung Việt, 1973, trang 185.

⁷ Khuôn mặt Quảng Ngãi (1764-1916), Sdd, trang 185.

⁸ Lãnh đạo Hội Duy tân ở Quảng Ngãi có 2 ông: Lê Tự Khiết và Nguyễn Bá Loan.

các phong trào Duy tân, chống sưu thuế trước đó liền tiếp cận với tổ chức “Khôi phục Việt Nam, kiến lập Việt Nam dân quốc Cộng hoà” này. Đó là các ông: Võ Quán, Nguyễn Sụy, Lê Ngung, Phạm Cao Châm, Nguyễn Công Mậu, Võ Hàng. Trong số họ, Võ Quán và Lê Ngung đều là Ủy viên ban chấp hành của hội. Từ mùa hè năm 1912, Võ Quán đã về Trung Kỳ hoạt động, mùa xuân 1914 Lê Ngung đi họp với Thái Phiên (Quảng Nam). Các ông Nguyễn Công Mậu, Võ Hàng sang Quảng Đông, Bùi Phụ Thiệu sang Xiêm... đều để chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang. Cùng với các hoạt động chính trị, xã hội này, thơ văn các ông tiếp tục bày tỏ tình yêu nước, ý chí đấu tranh chống bọn phong kiến thực dân. Những năm đầu hoạt động của *Việt Nam Quang phục hội*, Võ Quán công tác ở Trung Quốc. Trước đó, khi ông nóng lòng về sự nghiệp đấu tranh ở quê nhà, thương nhớ giống nòi, giang sơn khi chưa trở về được, ông có viết bài thơ thất ngôn bát cú: “Mộng về nước cũ” - tác giả dịch từ chữ Hán:

Thừa nhân bước tới đỉnh non chơi
 Dưới gót hiu hiu gió lạnh người
 Đã lúc lang thang bên góc biển
 Nay còn lơ lửng giữa chân trời
 Ba vùng thành thị phân từng chỗ
 Hai Quảng non sông rõ khắp nơi
 Muôn dặm gió đưa ta mượn được
 Muốn về đất nước chẳng lao hơi⁹

Còn Nguyễn Sụy, một yếu nhân trong phong trào Duy tân, từng tiếp kiến vua Duy Tân từ tháng 9.1915, đến lúc này vẫn xông pha cùng Việt Nam Quang phục hội. Hoạt động chính trị xã hội của ông luôn thống nhất với những vần thơ đầy ấp quyết tâm đánh giặc cứu nước. Đã hơn một lần ông nghĩ đến cái vui thú của “Gặp mặt ngày xuân khi cờ, khi kiệu - khi chén rượu ngâm qua ba bữa tết - lẫn lợi với đời chi cho mệt - Chi bằng vô sự tiểu thần tiên” (Để rồi xem)¹⁰. Nhưng là một trí thức nho học, ông đã làm một sự chọn lựa của bậc

⁹ Thơ ca yêu nước cách mạng Quảng Ngãi 1885 - 1945, Sdd, trang 47, 48.

¹⁰ Thơ ca yêu nước cách mạng Quảng Ngãi 1885 - 1945, Sdd, trang 47, 48.

nam nhi trong điều kiện mới của lịch sử dân tộc. Đến lúc này quan điểm *Trai thời trung hiếu làm đầu* đã lỗi thời. Ông đoạn tuyệt với sách vở từ dương, không học “chữ lang sa pháp tự”, chỉ quyết chí đi sửa nhục non sông, làm đúng nghĩa cử nam nhi khi giống nói làm than cơ cực:

Thử mà xem, ai đại với ai khôn
 Học làm chi mà lắm kẻ bôn chôn?
 Kẻ trông biên nọ, người dòm non kia
 Đường ai kia đêm khuya thanh vắng
 Để rồi xem vàng trắng lộn nhau
 Đòi đâu bề, hơi đâu mà lặn lội,
 Nhục non sông lo gọi cho xong
 Mới rõ mặt tang bồng hồ thỉ¹¹

Xưa kia Nguyễn Bình Khiêm triết lý về khôn đại đã nói “Khôn mà hiểm độc là khôn đại - Đại ấy hiền lành ấy đại khôn” (Khôn đại); còn Trần Tế Xương lại cho rằng “Khôn nghề cờ bạc là khôn đại - Đại chốn văn chương ấy đại khôn” (Đại khôn). Ở đây Nguyễn Suy quan niệm khôn là phải nghĩ cái “nhục non sông lo gọi cho xong”. Đây là một quan niệm mới mẻ, tích cực của người chí sĩ yêu nước. Cuối đời ông, trước khi bị kẻ thù hành quyết cùng với đồng chí tại bờ Quay (Góc thành hướng Tây bắc ở Quảng Ngãi), ông còn đọc lại hai câu cuối cùng:

Sinh Nam Việt sinh tuyệt hư danh
 Tử Tây phương tử tồn danh tiết¹²

Bản lĩnh, khí tiết ấy của người con làng Hồ Tiểu huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi góp phần bồi đắp thêm truyền thống yêu nước, thương nòi của nhân dân ta. Thơ văn yêu nước, chống Pháp ở Quảng Ngãi qua các phong trào nói trên còn có văn điều như “Điều Nguyễn Thân” của Lê Đình Cẩn, có “Điều Dương Trương Đình” của

¹¹ Khuôn mặt Quảng Ngãi (1764-1916), Sdd, trang 146.

¹² Khuôn mặt Quảng Ngãi (1764-1916), Sdd, trang 146.

Trần Kỳ Phong, có thơ gửi vua Duy Tân¹³ và Hịch khởi nghĩa tại Quảng Ngãi do Lê Ngung soạn¹⁴ và một số tác phẩm khác. Tuy chưa trình bày đầy đủ ở đây, nhưng đây cũng là những tác phẩm có chung một tinh thần yêu nước, chống xâm lăng của nho sĩ, văn thân Quảng Ngãi.

Từ những phân tích về tình yêu nước, ý thức tự cường trong thơ văn phong trào Duy tân, khát thuế và *Việt Nam Quang phục hội* nói trên, có thể thấy đây là một phần thơ văn cụ thể ở một địa phương giàu có tình yêu nước, quyết tâm chống giặc ngoại xâm. Những tác giả của phần thơ văn này tuy có phân hoá, chuyển đổi trong quan điểm cứu nước, nhưng điều họ cùng quan tâm là sự tồn vong của nhân dân, đất nước. Chuyện thành bại trong đấu tranh không chỉ ở cơ trời vận nước, mà còn phụ thuộc vào những điều kiện khác quan trọng hơn - giờ đã là chuyện của kinh nghiệm lịch sử dân tộc. Cùng với hoạt động chính trị xã hội và sự hi sinh can trường của họ, họ còn để lại một phần thơ văn tâm huyết, nhất quán với lý tưởng cứu nước, cứu dân. Thơ văn ấy ra đời chủ yếu mang nội dung tuyên truyền việc cứu dân, cứu nước nên dễ hiểu tính đơn sơ trong nghệ thuật thể hiện. Dù vậy, cùng với vai trò người trí thức nho học, bậc hương lý trong đấu tranh chính trị xã hội, họ còn có thể được xem là người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá, tư tưởng của phong trào yêu nước, chống Pháp ở Quảng Ngãi và Việt Nam trong thời gian từ 1885 đến năm 1930./.

NDX - BVT

¹³ Sao sáng sông Trà, Hồng Sinh - Hồng Phú, Hội Văn nghệ Nghệ An, 1975, trang 73.

¹⁴ Phong trào yêu nước chống Pháp ở Quảng Ngãi từ năm 1885 đến năm 1930, Trương Công Huỳnh Kỳ, luận án Tiến sĩ Lịch sử, Hà Nội. 2001, trang 126.

CUỘC VẬN ĐỘNG KHỞI NGHĨA CỦA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI Ở TRUNG KỲ NĂM 1916 QUA CÁCH NHÌN CỦA HUỖNH THÚC KHÁNG

TS. NGUYỄN VĂN HÙNG*

Huỳnh Thúc Kháng là nhà chính trị, chí sĩ, nhà thơ, học giả, nhà văn hóa chuẩn mực, nhà báo chân chính. Lịch sử còn ghi tên ông với tư cách là một nhà viết sử. Ông đã để lại nhiều tác phẩm lịch sử có giá trị về mặt sử liệu. Tuy còn sơ lược, nhưng từ trong những tác phẩm này đã toát lên những cống hiến của Huỳnh Thúc Kháng trên nhiều lĩnh vực của sử học như cung cấp nguồn tư liệu chính xác, khôi phục chân thực bức tranh lịch sử dân tộc thời cận đại, về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu lịch sử như quan niệm về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của sử học, tính khách quan khoa học của lịch sử, vấn đề phân kỳ, mối quan hệ giữa bản chất và hiện tượng lịch sử... Một trong những sự kiện lịch sử có giá trị được Huỳnh Thúc Kháng phản ánh, đó là Cuộc khởi nghĩa Duy tân (1916) in trong *Một ít dật sự trên đoạn sử Việt Nam cách mạng trong thời kỳ thuộc Pháp 1885-1945*.

Khởi nghĩa Duy tân 1916 của Huỳnh Thúc Kháng là một bản lược sử về quá trình vận động của cuộc khởi nghĩa năm 1916 ở các tỉnh Trung Kỳ do vua Duy Tân làm minh chủ và Thái Phiên cùng Trần Cao Vân giữ vai trò chủ đạo. Sử liệu này được Huỳnh Thúc Kháng tham khảo các tài liệu có liên quan đến biến cố và các nhân vật khi còn ở ngoài Côn Đảo và khi trở về đất liền, là nguồn tài liệu quý giá cho các nhà nghiên cứu lịch sử.

Trong tác phẩm này, tuy cuộc khởi nghĩa được trình bày trong mấy trang viết, song Huỳnh Thúc Kháng đã đề cập đến tính toàn vẹn của một cuộc khởi nghĩa, một biến cố lịch sử lớn, đó là nguyên nhân, thành phần lãnh đạo, lực lượng tham gia, diễn biến, kết quả và vị trí, ý nghĩa của cuộc vận động khởi nghĩa do Việt Nam Quang phục hội

* Trường Đại học Phạm Văn Đồng, Quảng Ngãi.

tiến hành ở Trung Kỳ trong những năm Chiến tranh Thế giới thứ nhất (1914-1918).

Theo Huỳnh Thúc Kháng, nguyên nhân trực tiếp của cuộc khởi nghĩa là do chính sách áp bức bóc lột của thực dân Pháp làm cho mâu thuẫn giữa thực dân Pháp với nhân dân Việt Nam trong đó có giai cấp phong kiến đứng đầu là vua Duy Tân trở nên sâu sắc. Để phục vụ cho cuộc chiến tranh đế quốc, thực dân Pháp ở Việt Nam tăng cường bóc lột, vơ vét các nguồn nhân lực, tài lực và vật lực của nhân dân Việt Nam, “51.000 người làm việc chế thuốc súng, đào hầm, vận chuyển, cứu thương và làm nhiều việc khác nữa. 49.000 người ra mặt trận ở Pháp, ở Xalônich và ở Xibêri, 20.000 người đã chết”¹. Tất cả các yếu tố trên đây khiến cho đời sống của nhân dân Việt Nam, nhất là nông dân trở nên khốn khổ hơn, làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp trong thời kỳ chiến tranh trở nên gay gắt như Huỳnh Thúc Kháng đã nhận xét: *“Cuộc Duy tân năm 1916 có cái đặc sắc là từ vua quan đến các sĩ dân, cho đến hàng quân ngũ dưới quyền quân lính Pháp cùng bạn học Tây học mà người Pháp đào tạo ra đều ôm lòng phẫn uất, chứng tỏ rằng chính sách cai trị của bọn thực dân ở Việt Nam hung ác đến cực điểm, chúng bọn thân li bày ra cái tình cảnh trong một thuyền đều là kẻ cừu địch”*². Đó là nguyên nhân cơ bản trực tiếp thúc đẩy nhân dân Trung Kỳ vùng lên mạnh mẽ khi cơ hội xuất hiện. Cơ hội lúc này là sự suy yếu trông thấy của chính quyền thuộc địa ở Đông Dương vào nửa đầu của cuộc chiến tranh. Điều này chúng ta đã nhận thấy, trong những năm 1914-1916, giai đoạn tiến hành cuộc vận động khởi nghĩa này, đã diễn ra một số cuộc bạo động. Đó là việc mưu đánh úp thành Hà Nội của Chi hội Việt Nam Quang phục hội ở Vân Nam do Đỗ Chân Thiết đứng đầu; các cuộc bạo động ở Lục Nam (10.1914), Phú Thọ (1.1915), Tà Lùng (Lạng Sơn, 3.1915), Hà Khẩu (Móng Cái, 3.1915), cuộc phá ngục Lao Bảo (9.1915), Nho Quan (Ninh Bình), Bát Xắc (Lào Cai, 8.1916), ... Đây là điều kiện khách quan thuận lợi để tiến hành một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở trong nước.

¹ Hồ Chí Minh toàn tập, tập 1, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.347.

² Huỳnh Thúc Kháng: “Cuộc khởi nghĩa Duy Tân năm 1916”, in trong Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước nhìn từ góc độ văn hoá*, NXB. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2005, tr 711.

Về động cơ vua Duy Tân tham gia cuộc khởi nghĩa này bắt nguồn từ hai cơ sở. Trước hết là do tình yêu quý của vua Duy Tân đối với phụ hoàng Thành Thái yêu nước đã bị thực dân Pháp phế truất và lưu đày tạo nên sự căm thù đối với thực dân. Đối với Duy Tân, việc vua Thành Thái bị ép thoái vị và bị an trí tại Cap Saint Jacques (Vũng Tàu) là một đau khổ, có tác động mạnh đến tư tưởng tình cảm yêu nước của nhà vua như Huỳnh Thúc Kháng đã nhận xét. *“Một dân tộc ở dưới chế độ quân quyền đã trên nghìn năm, đến thời kỳ thuộc Pháp sau tấn thảm kịch phế lập “Dục Đức, Hiệp Hòa”, tiếp đến quốc nạn năm Ất Dậu (1885), vua Hàm Nghi bị đày sang Phi Châu, cái ngai vàng đã mất cả tôn nghiêm, uy tín không còn gì là ngôi báu thần thánh bất khả xâm phạm như trước. Hơn nữa, phong trào Âu Tây cùng các sách báo “Dân quyền tự do” đã lọt vào đất Việt ta, theo thực tế cai ngôi báu ấy chỉ là cái tên trống. Thế mà trừ một số ít - rất ít - đã hấp thụ học thuyết mới, xem cái ngôi “bù nhìn” đó không có giá trị gì, còn đại đa số từ trên xuống dưới, nhất là trong trường nô lệ mà người Pháp tạo ra để lợi dụng đảng phỉnh gạt dân chúng còn nguyên như trước, lại trang sức mặt ngoài còn loè loẹt hơn. Vì thế, chính người được ngồi trên ngôi báu ấy tự xem là vinh dự, tôn quý, còn được hưởng cái sung sướng “vạn phương ngọc thực” dầu là quyền ở kẻ khác.*

Do thực trạng tồn tại như trên nên người Pháp, bọn thực dân quân buôn, cố giữ “cái ngôi bù nhìn” để dễ lừa dối bọn đầy tớ cùng dân mù chữ làm lợi cho chúng. Thường xuyên xưa nay mỗi lợi khiến cho người ta mờ trí khôn (lợi linh trí hôn), bọn thực dân Pháp mà các tay chính trị “xỏ lá” tự phụ là cao xảo cũng không khỏi vấp phải chỗ làm to, ấy là tấn kịch “Đày vua cha Thành Thái mà lập con là Duy Tân lên thay”³. Thực thế, một dân tộc đã hấp thụ Không giáo đã mấy trăm đời, luân lý in sâu vào trong não mọi người, nhất là cái luân cha con, cha con do huyết thống di truyền chứ không phải do sức người kết hợp, dầu cho kẻ ngu đại đến bậc nào cũng nhận đạo nghĩa trong cha con là kính trời nghĩa đất”.... Quân Pháp không hiểu hay không muốn hiểu chỗ tâm lý đó, nên có cuộc “đày cha lập con” như trên.

³ Huỳnh Thúc Kháng: “Cuộc khởi nghĩa Duy tân năm 1916”, in trong Nguyễn Q. Thắng, Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước nhìn từ góc độ văn hoá,... tr 707.

Theo tâm lý chung, dầu vị vua nhỏ tuổi (lúc lập vua Duy Tân mới 7 tuổi), ở trong buồng kín lại không tiếp xúc với dân chúng, song sĩ phu thức giả đều đoán được là ông vua ấy thế nào cũng bị lương tâm cắn rứt mà không xem ngai vàng kia là quý hơn cả cái nhục cha mình bị đi đày”⁴. Đây là một trong những nguyên nhân làm cho vua Duy Tân sớm có lòng yêu nước và ý chí chống Pháp xâm lược để khôi phục lại ngai báu cho vua cha.

Mặt khác, Thái Phiên, Trần Cao Vân, Nguyễn Thụy đã kích thích lòng yêu nước của nhà vua qua việc thông báo cho nhà vua biết chiến tranh thế giới đang diễn ra, thực dân Pháp tiến hành bắt lính, vợ vét về của cải để phục vụ cuộc chiến. Đây là một cơ hội thuận lợi để tiến hành công cuộc đánh Pháp giành độc lập. Tất cả các yếu tố trên đây được các chí sĩ khởi xướng, lãnh đạo cuộc vận động khởi nghĩa như Thái Phiên và Trần Cao Vân nhận thức và vận dụng để tiếp kiến mời vua Duy Tân làm minh chủ của cuộc vận động nhằm tạo ra chính danh để hiệu triệu dân chúng. Huỳnh Thúc Kháng đã khẳng định: *“Đoán trúng vào đáy lòng vị vua trẻ, lại gặp dịp Âu chiến (1914) cho là cơ hội tiện lợi, một vài tay trong bọn cách mạng mới tìm đường băng lối khêu mối lòng “tự ái” của vị vua trẻ, đặt lợi dụng danh nghĩa để hiệu triệu dân chúng. Việc này chủ động có Lê Đình Dương, Phan Thành Tài, Thái Phiên, Trần Cao Vân; Quảng Ngãi thì Nguyễn Thụy, Tú Ngung, Phạm Cao Chảm cùng một số sĩ dân và lính”⁵.*

Cách tiếp kiến, nơi gặp gỡ, người môi giới đã được xác định. Vai trò của vua Duy Tân trong cuộc vận động khởi nghĩa được Huỳnh Thúc Kháng phản ánh chính xác. Vua Duy Tân, trở thành vị minh chủ đồng thời là lãnh tụ tối cao, là ngọn cờ để tập hợp lực lượng lúc bấy giờ. Đó là cùng với Trần Cao Vân, Thái Phiên, Nguyễn Thụy xác lập kế hoạch vận động, tổ chức khởi nghĩa, ban bố mật dụ kêu gọi dân chúng, phân công những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa cũng như xác lập thể chế nhà nước sau khi giành được thắng lợi như Huỳnh

⁴ Huỳnh Thúc Kháng, Cuộc khởi nghĩa Duy tân (1916), In trong Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước nhìn từ góc độ văn hoá*, tr 707-708.

⁵ Huỳnh Thúc Kháng: “Cuộc khởi nghĩa Duy tân năm 1916”, Tài liệu đã dẫn, tr 708.

Thúc Kháng đã viết: “Nhà vua ưng thuận! Trước tiếp kiến Trần Cao Vân, Thái Phiên tại hậu hồ Tĩnh Tâm (...), một lần nữa tiếp kiến cử Suy (Hồ Tiểu người Quảng Ngãi) bày tỏ công việc tấn hành, thế rồi ban mật dụ cùng đặt ban chấp hành những việc liên kết quân đội, tổ chức cơ quan trong dân chúng v.v. Trong giấy tờ ấy có ngự phê bốn chữ “đồng khí tương cầu”. Nhờ có chiếu dụ nhà vua nên các giới quân dân cả trong đám quan cũng có người ám thông đều ưng thuận”⁶.

Ba địa phương đóng vai trò chủ yếu là Quảng Nam, Quảng Ngãi, Huế; song sự không chắc chắn của việc quyết định khởi nghĩa đã được phản ánh: “Công việc sắp đặt và đầu tư Nam - Ngãi và Huế đã định ngày đồng khởi sự. Không kể thành bại, những tay chủ động quyết đánh cô chủ một keo cho ảnh hưởng cả toàn quốc và trong ngoài”⁷.

Một nét nổi bật khác trong cuộc vận động khởi nghĩa này là việc vua Duy Tân tham gia cuộc vận động khởi nghĩa cũng như việc chuẩn bị lực lượng được đảm bảo bí mật, kể cả ở Huế là nơi có bộ máy quân đội, cảnh sát dày đặc nhưng không hề hay biết. Đây là hành động dũng cảm của nhà vua:

“Một ông vua ở trong cung mấy tầng cao, mấy lớp sâu, trong thì cấm cung thị vệ, ngoài thì có lục bộ, dinh thự viện bao bọc, cả mấy vòng quan đờng triều và quân lính hộ thành. Thêm nữa, ngoài hai vòng thành nội, thành ngoại ra, bên này thì đồn lính Tây trấn Bình Đài, phòng thủ cả trong và ngoài thành, bên kia có Toà Khâm phủ cả cơ quan chính trị và quân sự. Nói tóm lại, bao nhiêu công việc như một cơ thể hoàn bị cả mọi phương diện, mục đích độc nhất là ủng hộ một vị vua chỉ tôn là ông vua theo chế độ quân quyền vô thượng truyền thống xưa nay để thống ngự dân chúng và quốc gia.

Vậy mà đức vua ấy xem hoàn cảnh xung quanh mình như vật không có, trở lại ngấm ngấm giao thông với dân đang làm việc cách mạng, kinh dinh sắp đặt cả trong lẫn ngoài trải đã mấy tháng trời mà

⁶ Huỳnh Thúc Kháng: “Cuộc khởi nghĩa Duy tân năm 1916”, Sách đã dẫn, tr 708.

⁷ Huỳnh Thúc Kháng: “Cuộc khởi nghĩa Duy tân năm 1916”, Sách đã dẫn, tr 708.

cả Nam Triều và Tòa Khâm, các quan trong ngoài tuyệt nhiên không hay, không biết thì có lạ không?”⁸

Vấn đề cuộc vận động khởi nghĩa bị lộ và đi đến thất bại như thế nào đã được Huỳnh Thúc Kháng trình bày tương đối kỹ, đó là do tình cảm của hai anh em Võ Huệ và Võ Trung ở Quảng Ngãi..., sự phản bội của Thông phán Trần Quang Trứ ở Tòa Khâm sứ Huế⁹ như nhiều sách, báo đã đề cập.

Và sự bại lộ này đã được những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa nắm bắt kịp thời. Việc vua Duy Tân “xuất môn” do Thái Phiên và Trần Cao Vân định liệu: “*Phái chủ động biết việc hồng, thông tin cho nhau, Trần Cao Vân và Thái Phiên đồng thời ra Huế, tâu cái tin “chẳng lành” với vua và xin rước vua đi ra ngoài, đặt liệu thoát sang Tàu. Vua cũng đánh liều cùng thị vệ bỏ ngôi ra ẩn trong dân gian (làng Hà Trung)*”¹⁰. Trong các địa phương, chỉ có ở Tam Kỳ là đã diễn ra khởi nghĩa sau khi bị lộ: “...ở Nam Ngãi, những nơi đồn mà bọn lính đã ước kỳ nội ứng cùng các phủ huyện, dân quân đã tụ tập ẩn phục chờ phát lệnh thì khởi sự. Ở phủ Tam Kỳ (tri phủ Tạ Thúc Xuyền một tay ác, dân oán đã sẵn) dân tới vây phủ có bắn mấy phát súng. Còn các nơi khác thì không được lệnh, sau thấy lính Tây kéo đi khắp nơi, biết là hồng việc nên im lặng ra về”¹¹.

Kết cục của cuộc khởi nghĩa năm 1916 ở Trung Kỳ được ghi trong tác phẩm như sau: “*Tấn kịch này, các tôi của triều làm án vua (án trong có câu “vọng thỉnh sàm ngôn, khuynh nguy xã tắc...”)*. Vua bị đi đầy, mấy người tử hình.

Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Khánh Kiêm, Nguyễn Suy... đều bị tử hình, tú Ngung tự tử, còn thì giam và đầy rất đông, trong đó có người tề tuổi như tú tài Phạm Cao Chấn bị đầy ra Côn Lôn lần thứ hai..., Lê Cơ, Lê Tiềm, Cậu Khôi bị đầy chết ở Lao Bảo. Lê Vĩnh Huy (cựu đảng Tiểu La) chết ở nhà giam tỉnh, tú tài Trương Bá Huy bị án mấy năm. Hai mươi bảy người bị đầy ra Thái Nguyên.... Tấn thảm kịch Duy Tân hạ màn”¹².

⁸ Huỳnh Thúc Kháng: “Cuộc khởi nghĩa Duy tân năm 1916”, Sách đã dẫn, tr 709.

⁹ Huỳnh Thúc Kháng: “Cuộc khởi nghĩa Duy tân năm 1916”, Sách đã dẫn, tr 708 -709-710.

¹⁰ Huỳnh Thúc Kháng: “Cuộc khởi nghĩa Duy tân năm 1916”, Sách đã dẫn, tr 709.

¹¹ Huỳnh Thúc Kháng: “Cuộc khởi nghĩa Duy tân năm 1916”, Sách đã dẫn, tr 710.

¹² Huỳnh Thúc Kháng: “Cuộc khởi nghĩa Duy tân năm 1916”, Sách đã dẫn, tr 710 -711.

Về vị trí, ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916, Huỳnh Thúc Kháng khẳng định rằng: “*Cuộc khởi nghĩa Duy Tân đã ghi một vết khá sâu trong đoạn lịch sử “Việt Nam thuộc Pháp”*”¹³. Đây là một nhận xét xác đáng, bởi vì Cuộc vận động khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916 là một trong những sự kiện tiêu biểu nhất trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam thời cận đại, là một trong ba sự kiện nghiêm trọng nhất đối với thực dân Pháp trong những năm 1914-1918 (Cuộc khởi nghĩa của tổ chức Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916; Cuộc phá Khâm lớn Sài Gòn 1916; Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên 1917). Mặc dù cuộc khởi nghĩa thất bại và bị đàn áp đẫm máu, song nó có giá trị lịch sử trên nhiều mặt. Đây là một trong những sự kiện tiêu biểu của trào lưu “thức tỉnh Châu Á” đầu thế kỷ XX; cuộc khởi nghĩa đã tập hợp đầy đủ các thành phần nhất trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, từ nông dân đến công nhân, thợ thủ công, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, binh lính người Việt trong quân đội Pháp, địa chủ phong kiến đứng đầu là vua Duy Tân; Cuộc vận động khởi nghĩa có tính tổ chức và diễn ra trên địa bàn rộng lớn trên nhiều tỉnh từ Quảng Bình vào đến các tỉnh Nam Trung Bộ. Do đó, cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 ở các tỉnh Trung Kỳ có tính dân tộc và nhân dân sâu sắc.

Có thể nói, tuy tác phẩm *Khởi nghĩa Duy tân* còn hết sức sơ lược, nhưng qua đó, cụ Huỳnh đã để lại nguồn sử liệu rất quý về sự kiện này. Qua tác phẩm, chúng ta tiếp cận được cuộc khởi nghĩa này trên các phương diện: nguyên nhân, những người lãnh đạo, lực lượng tham gia, một vài nét về diễn biến, sự đàn áp của thực dân Pháp, kết cục và ý nghĩa. So với các nguồn tài liệu của chính quyền thực dân - phong kiến và các nguồn sử liệu khác, tác phẩm “*Cuộc khởi nghĩa Duy Tân 1916*” của Huỳnh Thúc Kháng tuy nội dung cuộc khởi nghĩa chưa được phản ánh đầy đủ, còn sơ lược, nhưng đây là những sử liệu và quan điểm nhìn nhận khá chính xác, đáng để ngày nay chúng ta học học tập, vận dụng trong nghiên cứu lịch sử./.

NVH

¹³ Huỳnh Thúc Kháng: *Cuộc khởi nghĩa Duy tân năm 1916*, Sách đã dẫn, tr 711.

TRĂM NĂM NHÌN LẠI...

VU GIA *

Nói như Tố Hữu sau này là *“Có những phút làm nên lịch sử/ Có cái chết hóa thành bất tử/ Có những lời hơn mọi bài ca/ Có con người như chân lý sinh ra”*. Và tròn 100 năm trước, suy nghĩ cùng hành động của những người con vùng đất Tam Kỳ là như thế!

Trước sự tồn vong của dân tộc thì cuộc khởi nghĩa yêu nước nào cũng đáng quý, đáng trọng. Nếu ai ai cũng có tư tưởng cầu an “mặc kệ nó, có họ cùng mình”, thì đất nước này, dân tộc này không được như ngày hôm nay. Tròn 100 năm trước (1916-2016), nhân dân Tam Kỳ cùng một số địa phương khác ở miền Trung đã nổi dậy chống thực dân Pháp xâm lược. Dẫu cuộc khởi nghĩa của họ đã bị chìm trong biển máu, nhưng tinh thần ấy được lớp người sau ghi nhận và phát huy. Nói như Tố Hữu sau này là *“Có những phút làm nên lịch sử/ Có cái chết hóa thành bất tử/ Có những lời hơn mọi bài ca/ Có con người như chân lý sinh ra”*. Và tròn 100 năm trước, suy nghĩ cùng hành động của những người con đồng đất Tam Kỳ là như thế!

Có phải cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội?

Một trăm năm đi qua, không ít tư liệu cho rằng cuộc khởi nghĩa tại phủ Tam Kỳ và một số địa phương ở miền Trung vào năm 1916 là cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội. Với tôi, chưa hẳn vậy.

Theo *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, “Thượng tuần tháng 5 Nhâm Tý (1912), trong cuộc “*Đại hội nghị*” tại từ đường nhà Lưu Vĩnh Phúc, có đông đủ đại biểu khắp ba kỳ đã quyết định thủ tiêu Duy tân hội và thành lập Việt Nam Quang phục hội. Vấn đề gay go nhất được nêu ra thảo luận là theo quân chủ hay dân chủ. Cụ Phan Bội Châu là người đầu tiên đề ra và cũng là người tranh luận hăng hái nhất để bảo vệ chủ nghĩa dân chủ, cuối cùng đã được đa số chấp thuận. *Chương*

* Nhà văn, nhà báo thành phố Hồ Chí Minh.

trình hành động do Phan Bội Châu thảo ra cũng được toàn thể hội viên thừa nhận.

Tôn chỉ duy nhất của Hội là: “*Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam*”¹.

Cuộc khởi nghĩa năm 1916 tại phủ Tam Kỳ và một vài địa phương khác ở miền Trung có vua Duy Tân tham dự. Nếu khởi nghĩa thành công, Lê Cơ sẽ giữ chức “Ngự tiền hộ giá đại tướng quân kiêm Tổng đốc Nam Ngãi lương Quảng; Phan Thành Tài giữ chức Kinh lược”². Nhưng cuộc khởi nghĩa thất bại. “Trước khi chết, Thái Phiên và Trần Cao Vân viết bản trần tình khăng khái nhận hết tội lỗi về mình và đề nghị thực dân Pháp tha tội chết cho vị vua trẻ Duy Tân. Bài trần tình có câu:

“Trung là ai? Nghĩa là ai? Cân đai võng lọng là ai? Thà để có thân tử biệt!

*Trời còn đó! Đất con đó! Xã tắc sơn hà còn đó! Mong cho Thánh Thượng sinh toàn!”*³.

Qua những chi tiết này, chúng ta có thể thấy nếu cuộc khởi nghĩa (1916) có thành công mỹ mãn, thì chính phủ của nước Việt Nam mới không phải là chính phủ của thể chế “*Cộng hòa Dân quốc*” như Tôn chỉ của Việt Nam Quang phục hội. Do vậy, cuộc khởi nghĩa này không thể gọi cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội.

Đại cương Lịch sử Việt Nam còn cho biết để tạo tiếng vang, “Việt Nam Quang phục hội quyết định tiến hành một số cuộc ám sát, xử trí một số tên thực dân đầu sỏ và tay sai đắc lực của chúng.

Cuối mùa thu năm 1912, Việt Nam Quang phục hội cử về nước một số người để thi hành các bản án trên. Nguyễn Hải Thần và Nguyễn Trọng Thường theo đường Lạng Sơn về Bắc Kỳ; Hà Đương Nhân và Đặng Tử Vũ theo đường Xiêm về Trung Kỳ; Bùi Chính Lộ

¹ Đinh Xuân Lâm (chủ biên), *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, T.2, NXB. Giáo dục, H, 1998, tr 176.

² *100 năm Trường Tân học Phú Lâm và Nhà thực hành duy tân xuất sắc Lê Cơ*, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam, 2006, tr 20.

³ Lưu Anh Rô, *Xứ Quảng theo dòng lịch sử*, NXB. Đà Nẵng, 2015, tr 225.

cũng theo đường từ Xiêm về Nam Kỳ, tất cả đều có mang tạc đạn để hành động.

Hai nhóm Trung và Nam Kỳ không hoàn thành được nhiệm vụ⁴. Điều này cho thấy ảnh hưởng Việt Nam Quang phục hội chưa nẩy mầm, bén rễ ở miền Trung và Nam Kỳ.

Nhưng theo sách *Chí sĩ Trần Cao Vân (1866-1916)*, thì sau khi “Đưa vợ con vào Bình Định, Trần Cao Vân trở ra Quảng Ngãi để gặp hai đại biểu của Quang Phục hội vừa nhận huấn lệnh của Việt Nam Quang Phục hội từ Xiêm về và triệu tập hội nghị các thủ lĩnh ở địa phận Quảng Ngãi, đề ra chương trình hoạt động. Trần Cao Vân giao cho Thừa Phong (Nguyễn Đức Đạt) quán làng Miếu Bông (Hòa Vang) và Thái Hòa (Kim Bông, Hội An) là hai môn đồ tin cẩn vào Nam Kỳ quyên góp tiền bạc, tổ chức lực lượng tạo thế lực, bắt nhịp với hoạt động của Quang Phục hội ở hải ngoại của cụ Phan Sào Nam (lúc này ở Trung Quốc) dự kiến sẽ đưa quân về theo 3 đường: Đông Hà - Móng Cái; Long Châu - Lạng Sơn; Hà Khẩu - Lào Cai hợp sức với lực lượng trong nước khởi nghĩa đánh đuổi thực dân Pháp giành lấy chính quyền. Tuy nhiên, 3 đội quân của Quang phục hội ở hải ngoại do nhiều nguyên nhân không về được, chỉ có một toán lính mộ chừng vài chục người do Võ Đình Mẫn chỉ huy, xâm nhập đánh phá một đồn lính Pháp ở Tà Lùng gần Lạng Sơn, không gây tiếng vang lớn. Vì vậy các lực lượng cách mạng của Quang phục hội ở Bình Định, Phú Yên, Quảng Ngãi do Trần Cao Vân lãnh đạo, ở Quảng Nam do Thái Phiên thống lãnh đành nằm yên chờ thời cơ vận hội”⁵.

Tài liệu này, theo tôi không chuẩn xác, bởi Trần Cao Vân ngồi tù ở Côn Lôn năm 1909, được tha vào cuối năm 1913, về tới đất liền đầu năm 1914, và ngày đó cũng không có liên lạc nhanh chóng như ngày nay thì làm sao “bắt nhịp với hoạt động của Quang Phục hội ở hải ngoại”, và thời điểm ấy, Việt Nam Quang phục hội xem như đã hết sinh lực.

Theo *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, ngày 13.4.1913, các thành

⁴ *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, T.2, Sdd, tr 179-180.

⁵ Trần Trúc Tâm, *Chí sĩ Trần Cao Vân*, NXB. Đà Nẵng, 1999, tr 50-51.

viên Việt Nam Quang phục hội mới bắt đầu tiến hành kế hoạch ám sát để gây tiếng vang. Tiến hành được hai vụ, thì “thực dân Pháp lùng sục khắp nơi, bắt 254 người tập trung về Hà Nội. Ngày 5.9.1913, Hội đồng đề hình tuyên án tử hình 7 người: Nguyễn Khắc Cần, Phạm Văn Tráng, Phạm Đệ Quý, Vũ Ngọc Thụy, Phạm Hoàng Quế, Phạm Hoàng Triết, Phạm Văn Tiên. Cường Để, Phan Bội Châu ở nước ngoài cũng bị kết án tử hình vắng mặt”⁶.

Khoảng thời gian ấy, ngày 8.7.1913, Cường Để bị bắt, sau đó trốn sang châu Âu; ngày 24.12.1913, Phan Bội Châu bị bắt, mãi đến tháng 2.1917, cụ mới được giải thoát. Trước đó, “ngày 16.6.1913, cảnh sát Anh đã vây một ngôi nhà ở Cửu Long (Hương Cảng) bắt 9 hội viên Việt Nam Quang phục hội. Họ đến đây mở một xưởng bí mật làm thuốc nổ, chế tạo vũ khí, trong số đó có Nguyễn Thần Hiến, Huỳnh Hưng”⁷.

Như vậy, có thể nói Việt Nam Quang phục hội chết từ khi mới chập chững vào đời, thì còn sinh lực đâu để vươn tới cuộc khởi nghĩa 1916 ở phủ Tam Kỳ?

Trong những tài liệu để lại, Huỳnh Thúc Kháng chưa một lần nói cuộc khởi nghĩa năm 1916 ở phủ Tam Kỳ là cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội. Qua *Thi tù tùng thoại*, Huỳnh Thúc Kháng cho hay trong vụ Dân biến Trung kỳ (1908), Châu Thơ Đồng bị kết án chung thân đày đi Lao Bảo. Ông tuyệt thực cho đến chết. Trước khi rời nhà ngục Hội An, ông nói với Huỳnh Thúc Kháng: “Mình Viên quân, tôi làm cái dễ, còn anh em gắng lấy sự khó”⁸. Hai giờ chiều hôm ấy, Châu Thơ Đồng đến Huế và chết ở nhà lao Phủ Thừa.

Huỳnh Thúc Kháng có viếng Châu Thơ Đồng câu đối. Trần Cao Vân cũng có câu đối viếng:

Ngã bất năng xã sinh! Nại hà tai Trung thiên dịch sơ khai, dữ lý thất niên tiền vị diễn;

⁶ Đại cương Lịch sử Việt Nam, T.2, Sdd, tr 180.

⁷ Đại cương Lịch sử Việt Nam, T.2, Sdd, tr 181.

⁸ Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng, *Thi tù tùng thoại*, Nam Cường xuất bản, S, không ghi năm, tr 21.

*Quân nãi năng tự nghĩa! Nan đắc giả vạn thế kinh độc thủ,
Thú Dương nghìn thuở vẫn còn nghe.*

Câu đối này được Huỳnh Thúc Kháng ghi vào *Thi tù tùng thoại*, và dịch ra quốc ngữ. Huỳnh Thúc Kháng viết: “Trần Bạch Sĩ sau đày ra Côn Lôn được tha về, chết vì nạn duy tân năm 1917. Câu đối trên đủ thấy định kiến của Trần đã định hy sinh từ lâu”⁹. Huỳnh Thúc Kháng nghĩ như thế, vì về đối, Trần Cao Vân có nhắc tới “Thú Dương” (*Thú Dương ngàn thuở vẫn còn nghe*). Theo Huỳnh Thúc Kháng, đó “là núi mà Bá Di, Thúc Tề không ăn cơm nhà Châu chết đói trên núi ấy”¹⁰. Về xuất của câu đối viếng này, Trần Cao Vân có nhắc tới “dịch Trung thiên” (*ngặt vì dịch Trung thiên mới mở đầu*), và được Huỳnh Thúc Kháng cho biết: “Trần có diễn bộ sách dịch gọi là Trung thiên dịch, tự sánh với dịch Thiên tiên của Phục Hy, dịch Hậu thiên của Văn Vương, cũng bạo gan nhì! Người tầm thường đâu có gan ấy”¹¹.

Đọc *Thi tù tùng thoại*, thấy qua vụ Duy Tân 1916, Quảng Nam không có ai bị đày ra Côn Lôn. Cụ Tú Châm (Phạm Xuân Phổ, người Quảng Ngãi), bị đày ra Côn Lôn năm 1908, được tha về năm 1913, cùng một lần với Trần Cao Vân; năm 1917 lại bị đày ra Côn Lôn vì can vụ Duy Tân. Nhờ đó, anh em tù ở Côn Lôn mới biết rõ vụ này. Huỳnh Thúc Kháng ghi lại có một người (vô danh) làm 10 bài tứ tuyệt, trong đó có một bài viết về Trần Cao Vân: “*Hy tiên Văn hậu thử chân thuyên/ Biệt tự trung gian tạo nhứt thiên/ Học thuyết năng tương tiên huyết nhiễm/ Nam phương tân dịch tích vô truyền*”. Huỳnh Thúc Kháng dịch: “*Văn sau Hy trước vẫn kinh này/ Riêng giữa trung thiên đứng một tay/ Học thuyết đem bầu tâm huyết nhuộm/ Trời Nam dịch mới tiếc hồng thầy*”, và chú thích: “Trần quân tự xưng có dị nhân truyền bản sách “*Trung thiên dịch để nói dịch*”. Trần chết về quốc sự, sách ấy không ai truyền”¹².

⁹ *Thi tù tùng thoại*, Sdd, tr 22.

¹⁰ *Thi tù tùng thoại*, Sdd, tr 22.

¹¹ *Thi tù tùng thoại*, Sdd, tr 22.

¹² *Thi tù tùng thoại*, Sdd, tr 193.

Nhưng cuộc khởi nghĩa của Đội Cần ở Thái Nguyên thì cụ Huỳnh Thúc Kháng viết đó là cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội: “Cuộc tù biến ở Thái Nguyên (1917) rung động toàn quốc, vì trong tù có mấy tay thủ hạ cựu bộ ông Đề Thám, có tay Đông học như Lương Ngọc Nham và mấy người võ biền làm chủ động, phá ngục Thái Nguyên chiếm giữ được 7 ngày sau việc hồng, có mấy người bị đày ra Côn Lôn: đội Giá, đội Trường, đội Lư và binh Thiều, nho Địch, v.v.

Thiều và Địch là người Quảng Ngãi. Thiều chun lính còn Địch là một cậu học trò, 2 người này can án Duy Tân bị đày ra Thái Nguyên, sau ra Côn Lôn, Địch thuật chuyện như dưới:

Tấn kịch Duy Tân xảy ra, y mới 17 tuổi, đương học với ông thầy là Tú Ngung, nhân có thầy mà trò bị lụy, sau này Tú uống thuốc chết, cậu cùng bọn đồng tội 25 người - cả lính và dân - bị đày ra Thái Nguyên, bị đau và chết dọc đường hết 21 người. Đến Thái Nguyên chỉ còn 4 người, tức Thiều, Địch và 2 người nữa. Ở ngục Thái Nguyên được một năm, vì ngục quan ngược đãi, bọn tù khởi biến, chiếm đồn Thái Nguyên cùng quan quân chống cự được 7 ngày, duy đồn lính không lấy được. Sau quan binh đến đánh riết quá, không chống lại nổi, mới tan vào rừng. Rồi kẻ bị bắt, kẻ ra thú, lãnh tụ là ông đội Cần - có tên là Trịnh Đạt cũng chết trong tù, Địch cùng Thiều cũng bị bắt, còn 2 người Quảng Nghĩa nữa lưu lạc đâu không biết (Địch năm 1925 được tha về rồi cũng tạ thế).

Nhân nghe chuyện trên, cụ Tập Xuyên Ngô Đức Kế có chép làm bài ký gọi là “*Thái Nguyên thất nhật Quang phục ký*”.

Những người can vụ Thái Nguyên đày ra Côn Lôn đều là tay đóng vai trong tuồng ấy nên thuật chuyện được tường tận. Gia dĩ ngài bút ký sự sở trường của cụ Tập Xuyên tả được linh động, ai đọc cũng sanh mỗi cảm xúc, nhân có đề 6 bài¹³. Trong 6 bài này, có bài nhắc tới vụ Duy Tân: “*Cự sưu hoạt kịch tái vô văn/ Tạc đạn thanh trầm Đế đảng phân/ Hảo vị hà sơn nhứt thổ khí/ Cường nhân ý thị Thái*

¹³ *Thi tù tùng thoại*, Sdd, tr 206-207.

Nguyên quân”. Huỳnh Thúc Kháng dịch: “*Tấn kịch xin râu đã hạ màn/ Quả bom ngòi tắt đảng vua (Duy Tân) tan/ Non sông còn có mùi sinh khí/ Tuồng Thái Nguyên lừa một tiếng vang*”¹⁴.

Trong tài liệu khác, khi nói về lịch trình cách mạng Việt Nam trong thời kỳ thuộc Pháp, thời kỳ 1900-1920, Huỳnh Thúc Kháng có nhắc tới cuộc khởi nghĩa năm 1916: “Vua Duy Tân ám thông Dân đảng (Trần Cao Vân, Thái Phiên, v.v.) diễn ra cuộc Duy Tân năm 1916”¹⁵.

Qua những tài liệu đã dẫn, tôi nghĩ nên gọi cuộc khởi nghĩa năm 1916 tại phủ Tam Kỳ, cùng một số địa phương khác hồi ấy là cuộc khởi nghĩa Duy Tân, nghe được chính danh hơn.

Cuộc khởi nghĩa bị bại lộ có phải do Phạm Liệu?

Không biết dựa vào tài liệu nào mà lâu nay hễ nói tới sự thất bại của cuộc khởi nghĩa năm 1916 là do Phạm Liệu - một trong “Ngũ phụng tề phi” của xứ Quảng. Về đại thể, “Việc mưu sự diễn ra trong toàn cõi Trung kỳ suốt một thời gian dài và được che đậy dưới nhiều hình thức mà chính quyền thực dân bảo hộ không hề hay biết. Tuy nhiên sự sinh hoạt của người trong cuộc thường là điểm yếu nhất để cho người khác nhìn ra. Võ An - một đảng viên Quang phục hội là cai lính khổ xanh, người phủ Tư Nghĩa cùng em là Võ Huệ từng sự tại dinh án sát Quảng Ngãi. Trong một bữa tiệc rượu chia tay với em để vào Phú Yên nhận nhiệm sở mới, Võ An nói:

- Đến ngày 1 tháng 4 Bính Thìn, em xin phép về quê xa lánh công đường vì bữa ấy có biến!

Sáng ngày 1 tháng 5 năm 1916, Võ Huệ vào dinh án sát Phạm Liệu xin phép về quê, nhưng không nói rõ lý do về làm gì? Án sát Phạm Liệu nghi ngờ vặn hỏi dồn dập. Võ Huệ tái mặt đành nói ra lời anh dặn. Phạm Liệu cho giam Võ Huệ vào ngục và thân hành đến dinh công sứ De Tasles. Hôm ấy, có cả tuần vũ Trần Tiến Hối ở đấy.

¹⁴*Thi từ từng thoại*, sdd, tr 208.

¹⁵*Bức thư bí mật của cụ Huỳnh Thúc Kháng trả lời cụ Kỳ Ngoại hầu Cường Để năm 1943*, NXB. Anh Minh, Huế, 1957, tr 40.

Phạm Liệu, người đỡ Hương nguyên khoa Giáp Ngọ (1894), và là người đỡ đầu Đề tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân, đứng đầu trong “Ngũ phụng tề phi” khoa Mậu Tuất (1898) của đất Quảng Nam, nữ đem tài học vấn của mình giúp cho chính quyền bảo hộ khám phá bí mật của công cuộc khởi nghĩa Duy Tân 1916. Phạm Liệu bầm báo lại lời Võ Huệ với hai quan. Lập tức Võ An từ Phú Yên bị triệu về công đường Quảng Ngãi và bị tra tấn. Chịu không nổi, Võ An đã khai thêm đồng đảng là Trần Thiềm, người phủ Bình Sơn, Quảng Ngãi giúp việc tại tòa công sứ De Tastes, cũng là đảng viên Quang phục hội - Trần Thiềm bị tra tấn dã man không chịu nổi đã khai ra bí mật khởi nghĩa của Đảng Quang phục hội. Nhưng không biết nổ ra ở đâu? Án sát Phạm Liệu liền điện báo cho khám sứ Trung kỳ tại Huế. Đây là đầu mối của khởi nghĩa 1916 bị bại lộ”¹⁶.

Chuyện này, tôi không rành và cũng tin như thế, bởi... “nói có sách”, và cũng buồn cho quê mình có bậc danh nho như thế.

Gần đây, đọc cuốn sách “*Xứ Quảng theo dòng lịch sử*” mới thấy... đây là nỗi oan 100 năm cần được chiêu tuyết cho cụ Trường Giang Phạm Liệu.

Theo tài liệu (tiếng Pháp) số 37, Hồ sơ số 65530: Báo cáo ngày 5.5.1916 của Trần Quang Trứ gửi Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 16, về cuộc gặp vua Duy Tân trong đêm khởi nghĩa, do nhà nghiên cứu Nguyễn Trương Đàn cung cấp; Lưu Anh Rô dẫn vào sách của mình: “Trần Quang Trứ, lính chiến số 16.673 thuộc tiểu đoàn lính chiến Đông Dương số 16. Kính gửi Ngài Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 16.

Thưa Ngài chỉ huy. Tôi rất lấy làm vinh dự để báo cáo với Ngài những sự việc của chiều ngày hôm kia khi tôi và bạn đồng đội số 79 được phép đi thu thập tin tức về những người từ Đà Nẵng ra Huế để tham gia cuộc nổi loạn. Vào sáng hôm qua, bạn đồng đội 79 nói với tôi rằng, anh đã thấy có một vài người anh biết mặt từ Đà Nẵng ra nhằm tham gia vào cuộc nổi loạn ở Huế. Những người cầm đầu này yêu cầu chúng tôi giúp đỡ để đánh đổ ách cai trị của người Pháp tại

¹⁶ *Chí sĩ Trần Cao Vân*, Sdd, tr 60-61.

xứ Annam... Buổi chiều ngài thông báo cho các cấp chỉ huy đại đội biết về tình hình cũng giống như thế, nên tôi xin phép được cùng đi với đồng đội 79 để thu thập tin tức của những kẻ cầm đầu cuộc phiến loạn. Như chúng ta đã biết, những người này từ Đà Nẵng ra Huế cách đây mấy hôm nhằm kích động binh lính quê Quảng Nam, Quảng Ngãi và số lính thợ ở đồn Mang Cá cùng hợp tác với họ để giết các người Âu châu nhằm giải phóng xứ Annam khỏi ách đô hộ của Pháp. Chúng tôi đến nhà hát tuồng để xem có thể có một vài người trong số họ ở đó không, vì 79 đã nói với tôi là đêm trước đã thấy họ đi lại trong thành phố. Một phu kéo xe cho chúng tôi biết, bọn người ở Đà Nẵng đang trú tại một căn nhà tranh nằm về phía tả ngạn kênh đào Phú Cam, gần đàn Nam Giao. Chúng tôi tìm đến căn nhà đó chỉ cách đàn Nam Giao 50 mét. Chúng tôi vào nhà, nhìn thấy 7-8 người đang ngồi trò chuyện, trong số đó tôi nhận ra một người là Nguyễn Duy Phiên (tức Thái Phiên), người đã làm việc tại Ty công chính Đà Nẵng vào các năm 1901-1902, lúc đó tôi làm việc bên Tòa thị chính. Chúng tôi được họ đón tiếp vui vẻ, bởi vì chúng tôi nói sẵn sàng giúp đỡ họ, để họ chuẩn bị cho một cuộc nổi loạn chống lại chính phủ bảo hộ với sự đồng lòng của các chiến binh thuộc Tiểu đoàn 16...”¹⁷.

Trần Quang Trứ là ai? Xin thưa, đó là một trong số ít nhân vật được có tên trong “*Quyết định khởi nghĩa*”, với vai trò: “Trần Quang Trứ (Phán Trứ), Phạm Thanh Chương, Lại Hà công phá trấn Bình Đài (đồn Mang Cá)”¹⁸.

Đôi điều còn lại

Cả trăm năm qua, tinh thần yêu nước của cụ Trần Cao Vân chưa ai phủ nhận; vai trò của cụ Trần Cao Vân trong cuộc khởi nghĩa năm 1916 cũng không ai dám phủ nhận. Nhưng khi viết về cụ, chúng ta không nên “vẽ rắn thêm chân” làm người đọc giảm lòng tin, chẳng hạn: “Đến năm 1909, Trần Cao Vân bị chúng xử lãnh án 6 năm khổ sai và bị đày ra Côn Lôn - địa ngục trần gian có đi không có về!”¹⁹.

¹⁷ *Xứ Quảng theo dòng lịch sử*, Sdd, tr 226.

¹⁸ *Chi sĩ Trần Cao Vân*, Sdd, tr 58.

¹⁹ *Chi sĩ Trần Cao Vân*, Sdd, tr 45.

Chuyện này chắc chẳng mấy ai rành, nhưng cụ Huỳnh Thúc Kháng ra Côn Lôn trước cụ Trần Cao Vân và về sau cụ Trần Cao Vân, nên những gì cụ Huỳnh Thúc Kháng ghi chép những ngày lao tù ở Côn Lôn chắc chắn đúng hơn, đúng hơn người đời sau. Cụ Huỳnh Thúc Kháng viết: “Bị đày đi Côn Lôn, cảm như người đã chết, định cùng người nhà trường biệt không còn được có tin tức gì nữa. Sau khi ra đảo, mới biết trong tù cấm cách vẫn nghiêm, song có cái lệ khoan là được phép gởi thơ về thăm nhà và người nhà gởi thơ từ và có gởi cho món quà gì, người tù cũng được nhận lãnh - những đồ ăn dùng không phải vật cấm”²⁰; “Ngoài đảo mỗi năm ngày tết âm lịch, 3 ngày cửa ngục mở toang, thả cả bạn tù ra ngoài hiên và giữa sân, chơi, đánh bạc, hát bội, có phát tiền lưu ký cho tù, mỗi đứa một đồng, ai có nhiều mandate gửi kho cũng được phát một đồng cho chơi 3 ngày tết. Trước sân banh (bagne - phòng giam) như hội chợ và đám hội, bọn khách trú, ma-tà và người trong làng đua nhau bán các thứ quà bánh cho tù được lời khá nhiều.

Ở tù trong một năm có cái ngày chơi ấy là đặc ân mà đã trở thành thông lệ vậy.

Mấy ngày chơi đó, bạn tù khác múa hát vui vẻ rất là náo nhiệt, duy có bọn tù quan to, về năm tết đầu tiên, ai nấy đều tỏ dạng buồn như mình có bị mất cái gì vậy”²¹.

Trần Trúc Tâm viết: “Sáu năm nằm ở ngục Côn Lôn, thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu tự do, sức khỏe Trần Cao Vân cùng các bậc chí sĩ cùng cảnh thêm hao mòn. Thân thể ông gầy rộc, tóc rụng, da xanh, ghẻ lở, mụn lành thâm đen, mụn sưng bóng mủ, tóc ông rụng thưa, nhưng trên khuôn mặt vuông với vàng trán cao, đôi mắt sáng, 5 chòm râu đen nhánh tạo cho Trần Cao Vân vẻ quắc thước, cương trực của người nghĩa sĩ đã trải dày gian khổ”²²... Có thực vậy không?

Trần Cao Vân ra Côn Lôn năm 1909, lúc đó còn ở chung với

²⁰ *Thi tù tùng thoại*, Sdd, tr 54.

²¹ *Thi tù tùng thoại*, Sdd, tr 60.

²² *Chí sĩ Trần Cao Vân*, Sdd, tr 47-48.

các loại tù khác, làm việc nặng. Tù quan to liên tục làm đơn xin được ở riêng và làm việc nhẹ. Theo Huỳnh Thúc Kháng thì hai năm sau (khoảng 1910 hoặc 1911), “có quan Tham biện mới, ông Cudené ra, chấn chỉnh quy chế trong tù, phân biệt tội án nặng nhẹ, án gì theo tội nấy, trong tù từ ăn mặc đến công việc đều có quy chế, làm đúng luật, lại có lệnh cấm đánh càn, tù có phạm tội thì tùy nặng nhẹ mà phạt. Quang cảnh trong tù đổi ra một vẻ mới, lời yêu cầu của tội quan to được y chuẩn, cho bọn tội “tù quốc sự phạm” (déportés politiques) được ở riêng một khám gọi là khám B lại được làm công việc nhẹ, lớp thì đan chiếu (natte), lớp thì ra làm sở rẫy (jardin), cái đặc ân trong tù, tội quan to được hưởng riêng. Từ đó, chúng tôi mới có thú sống chút ít, mà trong khám B trở thành trường học và thi đàn của chúng tôi”²³. Kể về chuyện học trong những ngày đầu ở nhà tù Côn Lôn, Huỳnh Thúc Kháng viết: “Tôi cùng cụ Tập Xuyên và vài ba người nữa, mỗi ngày giờ làm việc xong vào khám thì học chữ Tây. Kế đó, bọn tù “politique” được ở riêng một khám, không có bọn tù khác quấy nhiễu mỗi bữa nghỉ trưa, vào khám là kẻ học người viết. Sau lại mua thêm được ít sách Lecture và sách mẹo, cùng một bản “*L’Histoire nationale Francaise*” cùng nhau nghiên cứu, có hiểu biết Pháp văn nhiều ít. Tuy chúng tôi học bằng con mắt với cái não, nên nghe và nói tiếng Tây hay sai vụn và không được lanh lẹ; song đọc sách hiểu nghĩa, đặt câu và phiên dịch, biết được đại khái”²⁴.

Chuẩn bị cuộc khởi nghĩa năm 1916, Trần Trúc Tâm viết: “Hội nghị đã phân công Trần Cao Vân, Thái Phiên tiếp cận vận động vua Duy Tân, bác sĩ Lê Đình Dương, Nguyễn Thụy mật giao với đại tá Harmandes chỉ huy quân đội Pháp đóng tại đồn Mang Cá ở Tây Bắc kinh thành Huế”²⁵. Tài liệu này còn cho biết: “Harmandes là người Đức, được Jean De Oliviere người Pháp nhận là con nuôi. Harmandes học hành và lớn lên tại Pháp. Đi lính được phong hàm trung tá, đưa sang Việt Nam năm 1910, chỉ huy lính khổ vàng, khổ xanh toàn

²³ *Thi tù từng thời*, Sdd, tr 66 - Theo Tài liệu lưu trữ tại Ban Quản lý Di tích Côn Đảo, thi quan Tham biện Codenet đến Côn Đảo nhiệm kỳ 1909-1913.

²⁴ *Thi tù từng thời*, Sdd, tr 143-144.

²⁵ *Chỉ sĩ Trần Cao Vân*, Sdd, tr 52.

Trung kỳ và được phong hàm đại tá. Đại tá Harmandes thân với bác sĩ Lê Đình Dương nên nhận làm hậu thuẫn cho Chính phủ cách mạng do vua Duy Tân lãnh đạo”²⁶. Và “Đại tá Harmandes làm nội ứng chỉ huy 3.000 lính khố xanh, khố vàng toàn kỳ, có Trần Đại Trình, Phạm Khánh Khải, Lê Cảnh Hàn giúp sức điều động lính tập từ đồn Mang Cá qua đánh chiếm tòa Khâm sứ Huế”²⁷.

Chuyện này, tôi không tin. Một anh Tây 100%, đi lính lên đến cấp bậc đại tá, “tư lệnh” Trung kỳ mà nghe theo lời người bạn không có gì gọi là thân thiết (bác sĩ Lê Đình Dương) phản bội chính thể mình phục vụ, ủng hộ một nhóm chống đối mà không nhận được bất cứ quyền lợi nào (trong thành phần chính phủ không có tên Harmandes). Muốn dụ đứa trẻ 3 tuổi cũng phải cho nó cây kẹo hoặc cái bánh húống gì một sĩ quan cao cấp? Vả lại, một sĩ quan cao cấp từng trải chiến trận từ châu Âu sang châu Á như Harmandes mà không nhìn ra tương quan lực lượng lúc bấy giờ thì quá kém. Nếu cuộc khởi nghĩa thắng lợi, hoặc không thắng lợi thì Harmandes phải ra tòa án binh. Điều này, chắc chắn Harmandes hiểu rõ hơn ai hết, nên không thể đem sinh mạng của mình ra đùa giỡn.

Từ năm 1907, các trường học mới ở xứ Quảng đều được học: “*Khuyên khắp cả thị thiềng, thôn dã/ Đừng tin càn, tin chạ mà bậy/ Thử xem các nước đông tây/ Xưa nay Trời giúp loài ngậy bao giờ*” (Phan Châu Trinh, *Tỉnh quốc hồn ca*). Do đó, làm việc lớn như giải phóng đất nước mà chỉ tin vào Dịch lý thì thất bại là lẽ đương nhiên. Nhưng điều đáng mừng là qua những cuộc nổi dậy của nhân dân khắp ba kỳ thấy được tinh thần yêu nước luôn rực sáng trong lòng người dân Việt. Sự thất bại của các cuộc khởi nghĩa không phải do tinh thần yêu nước yếu kém mà do thiếu những điều kiện cần và đủ để đem đến thắng lợi. Năm 1943, trả lời thư cho Kỳ Ngoại hầu Cường Để, Huỳnh Thúc Kháng, viết: “Ba mươi năm lại đây đồng bào ta hy sinh vì nước đã nhiều phen không phải một lần, mà chỉ là chuyện “hoa quỳnh nở trong một chốc”. Tại sao? Chỉ tại trước việc không dự bị sẵn sàng

²⁶ Chí sĩ Trần Cao Vân, Sdd, tr 52.

²⁷ Chí sĩ Trần Cao Vân, Sdd, tr 58.

cùng sau lưng không có gì làm hậu thuẫn”²⁸. Và sau khi điếm ra lịch sử cách mạng Việt Nam trong thời kỳ thuộc Pháp, Huỳnh Thúc Kháng gợi ý, nếu Kỳ Ngoại hầu Cường Để muốn dựa vào quân Nhật làm hậu thuẫn, nghĩa là “đã có thực lực đi kèm phía sau, thì danh chính ngôn thuận, nên có tiếng gọi người mở đường đi trước, tức là lấy tư cách “Việt Nam Phục quốc đồng minh hội Hội trưởng”, tuyên bố lịch sử “Phục quốc hội” cùng tôn chỉ mục đích trên sử phương Đông gọi là “kẻ tội đến đánh” cùng “ra quân có danh” tức là lời thề lúc xuất sứ và hịch quân lệnh”²⁹. Nhưng mọi chuyện cũng chỉ... thư đi tin lại.

Trước khi trút hơi thở cuối cùng tại Côn Lôn, Tiểu La Nguyễn Thành để lại bài thơ tuyệt mệnh, trong đó có câu: “*Vá trời thiếu sức bàn nghe dễ/ Cứu thế không tài tránh ở đâu?*”³⁰. Lời tổng kết rất đáng giá. Và cuộc khởi nghĩa năm 1916 ở phủ Tam Kỳ đã khơi dậy tinh thần yêu nước của dân tộc, góp phần tạo đà cho Cách mạng tháng Tám thành công./.

VG

²⁸ *Bức thư bí mật của cụ Huỳnh Thúc Kháng trả lời cụ Kỳ Ngoại hầu Cường Để năm 1943*, sdd, trg 18.

²⁹ *Bức thư bí mật của cụ Huỳnh Thúc Kháng trả lời cụ Kỳ Ngoại hầu Cường Để năm 1943*, sdd, trg 76.

³⁰ *Thi tù tùng thoại*, sdd, trg 139.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tiếng Việt

Anh Minh, *Bức thư bí mật của cụ Huỳnh Thúc Kháng trả lời cụ Kỳ Ngoại hầu Cường Để năm 1943*, NXB. Anh Minh, Huế, 1957.

Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, *Báo cáo của Công sứ Hà Tĩnh số 11.100 ngày 7.6.1916 gửi Khâm sứ Trung Kỳ và Thanh tra mật thám Vinh*. Lưu tại Phòng số 05, MS: 21, ĐVBQ 29.

Báo cáo chính trị từ tháng 6.1934 đến tháng 6.1935 của Sở mật thám Quảng Nam. Tài liệu lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

BCH Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh, *Lịch sử Đảng bộ Hà Tĩnh, TI (1930-1954)*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993.

BCH Đảng bộ huyện Tiên Phước (1993), *Lịch sử đấu tranh cách mạng huyện Tiên Phước (1858-1975)*.

BCH Đảng bộ huyện Hòa Vang: *Lịch sử Đảng bộ huyện Hòa Vang (1928-1975)*, 2005.

Bùi Định, *Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (1885-1945)*, NXB. Thuận Hóa, 2008.

Bùi Hồng Nhân (Chủ biên), *Quảng Ngãi: Đất nước - Con người - Văn hóa*, Sở Văn hóa và Thông tin Quảng Ngãi, 1977.

Bùi Xuân, “Về diễn biến phong trào chống thuế 1908 ở Quảng Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 2 (273), 1994.

Các Phôn Clausevit, *Bàn về chiến tranh*, Phần I, NXB. QĐND, H.1981.

Cao Xuân Dục, *Quốc triều Hương khoa lục*, NXB. Lao động - Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, 2011.

Chương Thâu, “Mối quan hệ giữa Tôn Trung Sơn và cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX”, *Nghiên cứu Lịch sử*, số 91.1966.

Chương Thâu, “Ảnh hưởng của cách mạng Trung Quốc đối với

sự chuyển biến tư tưởng của Phan Bội Châu”, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, Hà Nội, số 43. 1962.

Chương Thâu, *Phan Bội Châu toàn tập*, tập 6, NXB. Thuận Hóa, Huế, 1990.

Chương Thâu - Hồ Song, *Lịch sử Việt Nam 1897-1918*, NXB. Khoa học xã hội, 1999.

Chương Thâu - Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn), *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, NXB. Đà Nẵng, 2010.

Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 2001.

Dương Văn An, *Ô châu cận lục*, Bùi Lương phiên dịch, Văn hóa Á châu, 1961.

Đại Thạch Lê Ước, “Cuộc Duy Tân khởi nghĩa 1916 và Phan Thành Tài” trong Tập san *Sử Địa* số 11.1968.

Đào Duy Anh, *Lịch sử cách mạng Việt Nam*, NXB. Xây dựng, Hà Nội, 1955.

Đặng Duy Báu (Chủ biên), *Lịch sử Hà Tĩnh*, Tập 1, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.

Đinh Trần Dương, *Sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX*, NXB. Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2000.

Đinh Trần Dương, “Phan Bội Châu trong cuộc tìm kiếm bạn đồng minh để cứu nước”, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2.2005.

Đinh Xuân Lâm (Chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam - Tập 1*, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 2007.

Đinh Xuân Lâm (Chủ biên), *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, T.2, NXB. Giáo dục, H, 1998.

Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), Phan Đại Doãn, Chương Thâu, *Từ điển các nhân vật lịch sử Việt Nam*, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 2000.

Đinh Xuân Lâm, *Nhà yêu nước Phan Bội Châu (1867-1940)*, Đề dẫn trong Hội thảo kỷ niệm 130 năm ngày sinh Phan Bội Châu do

Trường ĐHKHXH&NV (Đại học Quốc gia Hà Nội), 1997.

Đinh Xuân Lâm, “Khởi nghĩa Thái Nguyên 1917- Các đặc điểm hình thành và phát triển”, *Nghiên cứu Lịch sử*, số 3.1997.

Đỗ Thị Minh Thúy, Nguyễn Hồng Sơn, *Phong trào duy tân với sự chuyển biến của văn hóa Việt Nam đầu thế kỷ XX*, NXB. Từ điển Bách khoa và Viện Văn hóa, Hà Nội, 2010.

Hà Minh Hồng, *Lịch sử Việt Nam cận hiện đại (1858-1975)*, NXB. ĐHQG TP HCM, 2005.

Hà Ngai, *Khúc tiêu đồng, hồi ký của một vị quan triều Nguyễn*, NXB. Trẻ TP. HCM, 2014.

Hành Sơn, *Cụ Trần Cao Vân - Người đề xướng Dịch trung thiên và đã cùng hoàng đế Duy Tân điều động cuộc cách mạng năm 1916*, Minh Tâm, Paris, 1952.

Hội KHLS thành phố Đà Nẵng, *Lịch sử xứ Quảng, tiếp cận và khám phá*, NXB. Đà Nẵng, 2011.

Huỳnh Thúc Kháng, *Huỳnh Thúc Kháng tự truyện*, Anh Minh dịch và xuất bản, Huế, 1963.

Hoàng Trọng Thước, *Hồ sơ vua Duy Tân*, NXB. Thanh Hương, California, Mỹ, bản đăng tải trên Thư viện Quốc gia Australia, 1994.

Hoàng Văn Hiến, *Vua Duy Tân*, NXB. Thuận Hóa, 1996.

Hoàng Văn Hiến, “Vua Duy Tân trong phong trào đấu tranh yêu nước đầu thế kỷ XX”. Khoa Sử Trường Đại học Khoa học Huế. Tạp chí *Thông tin Khoa học và Công nghệ*, số 2 (12), 1996.

Huy Liệu, Nguyễn Công Bình, Phan Khôi, Văn Tạo biên soạn. *Cách mạng Cận đại Việt Nam*, tập III, NXB. Văn hóa, 2002.

Huỳnh Thúc Kháng, *Vụ kháng thuế ở Trung Kỳ năm 1908*, NXB. Ích Tri, Huế, 1946.

Huỳnh Thúc Kháng, “Cuộc khởi nghĩa Duy Tân”, *Huỳnh Thúc Kháng con người và thơ văn*, NXB. Văn học, 2006.

Huyện ủy Hòa Vang, *Lịch sử Đảng bộ huyện Hòa Vang*, NXB. Đà Nẵng, 2001.

Hoàng Cơ Thụy, *Việt sử khảo luận*, Nam Á, Paris, 2002.

Hồng Lâm, “Trần Huỳnh. Tổng Lãnh binh một đạo quân Duy Tân khởi nghĩa năm 1916”. Đặc san *Tiên Phước 30 năm xây dựng và phát triển*, 2006.

Hồng Sinh - Hồng Phú, *Sao sáng sông Trà*, Hội Văn nghệ Nghệ An, 1975.

Huỳnh Tôn, *Hoàng đế Duy Tân*, Nhà in Kim Sơn, 1949.

Lâm Quang Thự, *Quảng Nam địa lý lịch sử nhân vật*, BLL đồng hương tỉnh Quảng Nam và UBMTTQ tỉnh Thanh Hóa xuất bản, 1974.

Lâm Quang Thự, *Đất Quảng trong thơ ca*, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Thanh Hóa xuất bản, 1976.

Lâm Quang Thự, Huỳnh Lý, Trần Viết Ngạc, Chương Thâu, *Danh nhân đất Quảng*, NXB. Đà Nẵng, 1987.

Lê Hồng Khánh, *Nhân vật Quảng Ngãi*, Trung tâm Văn hóa tỉnh Quảng Ngãi, 2007.

Lê Mạnh Thái, *Hỏi chuyện tướng Đờ Cát*, NXB. Thanh Niên, Hà Nội, 2000.

Lê Minh Quốc, *Người Quảng Nam*, NXB. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2012.

Lênin toàn tập, tập 27, NXB. Tiến bộ, M.1980, NXB. Sự thật, H.1996.

Lê Tùng Minh, *Phan Bội Châu, nhà cách mạng tiêu biểu...* Hoa Lư, Houston, TX, 2000.

Lê Thành Khôi, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XX*, NXB. Thế giới, 2014.

Lê Thị Kinh, *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới*, NXB. Đà Nẵng, 2003.

Lê Trọng Khánh, Đặng Huy Vận, “Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền Nam Trung Bộ năm 1916”, *Nghiên cứu Lịch sử*, số 22. 1961.

Lê Văn Trinh, “Góp vài ý kiến về Phan Bội Châu”, *Tập san Nghiên cứu Văn Sử Địa*, số 31.1957.

Lộc Xuyên Đăng Quý Định, *Nhân vật Bình Định*, Hạnh Phúc ấn quán, Sài Gòn, 1971.

Lưu Anh Rô, “Phát hiện mới về cuộc gặp giữa Thái Phiên và Trần Cao Vân với vua Duy Tân”, *Tạp chí Non Nước*, số 220, 2016.

Lưu Anh Rô, *Xứ Quảng theo dòng lịch sử*, NXB. Đà Nẵng, 2015.

Lý nhân Phan Thứ Lang, *Giai thoại và sự thật về Bảo Đại - Vua cuối cùng triều Nguyễn*, NXB. Văn nghệ, tái bản 2006.

Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng, *Thi tù từng thoại, 1908-1921*, Tiếng Dân, số 1106 đến 1196.

Nguyễn Ngọc (Chủ biên), *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam, 2004.

Nguyễn Bá Trác và nhiều tác giả, *Quảng Ngãi tỉnh chí*, Nam Phong Tạp chí, 1933.

Nguyễn Đắc Xuân, *Những bí ẩn về cựu hoàng Duy Tân*, NXB. Thuận Hóa, Huế, 1998.

Nguyễn Hiến Lê, Thiên Giang, *Lịch sử thế giới*, NXB. Văn hóa Thông tin, TP. Hồ Chí Minh, 2006.

Nguyễn Hồng Sinh, *Thơ văn yêu nước và cách mạng Nghệ An (1885-1945)*, Hội Văn nghệ Nghệ An, 1975.

Nguyễn Khánh Toàn (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam tập II, 1858-1945*, NXB. KHXH, 2004.

Nguyễn Khắc Viện, *Việt Nam một thiên lịch sử*, NXB. Khoa học xã hội, 2007.

Nguyễn Ngọc Cơ (Chủ biên) (2010), *Giáo trình Lịch sử Việt Nam, tập IV, từ 1858 đến 1918*, NXB. Đại học Sư phạm Hà Nội.

Nguyễn Phước Tương, “Thái Phiên, nhà lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của Quang Phục Hội năm 1916”, *Tạp chí Huế xưa và nay*, số 5-6.2006.

Nguyễn Phước Trương, *Xứ Quảng vùng đất và con người*, NXB. Hồng Đức, Hội Sử học thành phố Đà Nẵng, 2013.

Nguyễn Quang Trung Tiến, “Nhận thức mới về cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung kỳ năm 1916”, Tạp chí *Huế xưa và nay*, số 5-6.2006.

Nguyễn Quốc Hùng, *Cuộc cách mạng 10 ngày làm rung chuyển thế giới - Những giá trị xuyên thế kỷ*, NXB. CTQG, H.2012.

Nguyễn Q. Thắng, *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước*, NXB. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2005.

Nguyễn Q. Thắng, *Phong trào Duy tân*, NXB. VHTT, Hà Nội, 2006.

Nguyễn Sinh Duy, *Quảng Nam và những vấn đề sử học*, NXB. Văn hóa Thông tin, 2006.

Nguyễn Sinh Duy, *Phong trào nghĩa hội Quảng Nam*, NXB. Đà Nẵng, 1996.

Nguyễn Thế Anh, *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, NXB. Lửa Thiêng, Sài Gòn, 1970.

Nguyễn Thế Anh (Giới thiệu), *Phong trào kháng thuế ở miền Trung qua các Châu bản triều Duy Tân*, NXB. Văn học, 2008.

Nguyễn Thị Đảm, “Bàn thêm về tên gọi của sự kiện lịch sử vận động khởi nghĩa ở Trung Kỳ”, Tạp chí *Huế xưa và nay* số 9.10.2006.

Nguyễn Thúy, “Chuyện về con gái cụ Phan Châu Trinh”, Lưu Anh Rô biên tập và hiệu đính, *Tạp chí Huế Xưa&Nay*, tháng 7.2002.

Nguyễn Trương Đan, *Vua Duy Tân 1916*, NXB. Văn học - Trung tâm nghiên cứu Quốc học, 2014.

Nguyễn Văn Tường, Mấy bài về, bài ca liên quan đến phong trào Duy tân tại Quảng Nam, *Bách khoa* số 406, 1974.

Nguyễn Văn Thiết (Biên tập): *Nhân vật lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, NXB. QĐND, 2013.

Nguyễn Văn Trung, *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam - Thực chất và huyền thoại*, Nam Sơn xuất bản, Huế, 1963.

Nguyễn Văn Xuân, *Phong trào Duy tân*, Lá Bối xuất bản, 1969.

Nguyễn Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á giữa thế kỷ XIX- đầu thế kỷ XX*, NXB. ĐHQG, Hà Nội, 2007.

Ngô Văn Minh, *Chí sĩ Lê Cơ trong phong trào yêu nước chống Pháp đầu thế kỷ XX*, NXB. Đà Nẵng, 2012.

Phạm Giật Đức, *50 năm cách mạng hải ngoại (hồi ký Hoàng Nam Hùng)*, nhà in Hồng Phát, Sài Gòn, 1960.

Phạm Trung Việt, *Non nước xứ Quảng*, Cẩm Thành thư xã tái bản, 1965.

Phạm Trung Việt, *Khuôn mặt Quảng Ngãi (1764-1916)*, Nam Quang, Sài Gòn, 1973.

Phạm Văn Sơn, *Chế độ Pháp thuộc tại Việt Nam, Việt sử tân biên quyển 7*, Sài Gòn, 1972.

Phạm Văn Sơn, *Việt sử tân biên, Quyển V - Tập trung*, Nhà sách Khai Trí phát hành, Sài Gòn, 1963.

Tô Đình Cơ, *Thân thế và sự nghiệp Trần Cao Vân (1866-1916)*, Sở Văn hóa Thông tin Bình Định xuất bản, 1995.

Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*, Tái bản lần thứ nhất, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 2001.

Phạm Văn Sơn, *Quân dân Việt Nam chống Tây xâm lược (1847-1945)*, Sài Gòn, 1971.

Phạm Văn Sơn, *Việt Nam tranh đấu sử* (Lược khảo), NXB. Vũ Hùng, Hà Nội, 1951.

Phạm Văn Sơn, *Chế độ pháp thuộc ở Việt Nam*, Việt sử tân biên, Quyển 7, tập hạ, Cơ sở xuất bản Đại Nam, 1972.

Phan Bội Châu, *Toàn tập*, NXB. Thuận Hóa và Trung tâm Ngôn ngữ Văn hóa Đông Tây Phan Bội Châu, 1990.

Phan Bội Châu, *Tự phán*, NXB. Văn hóa Thông tin, TP. HCM, 2000.

Phan Bội Châu, *Phan Bội Châu niên biểu (tự truyện của Phan Bội Châu)*, Nhóm nghiên cứu sử địa xuất bản Sài Gòn, 1971.

Phan Châu Trinh, *Trung Kỳ dân biến thử mạt ký*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa xuất bản, Sài Gòn, 1973.

Phan Châu Trinh tuyển tập, NXB. Đà Nẵng, 1995.

Phan Đình Bưởi (Chủ biên), *Lịch sử Hà Tĩnh*, Sở GDĐT. Hà Tĩnh, 1998.

Phan Khôi, Địa vị của Thái Phiên và Trần Cao Vân trong cuộc biến ở Huế năm 1916, *Phan Khôi tác phẩm đăng báo 1936* (Lại Nguyên Ân sưu tầm và biên soạn), NXB. Tri thức, Hà Nội.

Phan Khoang, *Việt Nam Pháp thuộc sử 1862-1945*, Tủ sách Sử học, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, 1971.

Phan Nam (Chủ biên), *Bảo An - Đất và người*, NXB. Đà Nẵng, 1999.

Phan Thị Mỹ Khanh, *Nhớ cha tôi - Phan Khôi*, NXB. Đà Nẵng, 2001.

Phan Thuận An, “Thương xác về địa điểm gặp mặt giữa vua Duy Tân, Trần Cao Vân và Thái Phiên”, *Tạp chí Xưa và Nay* số 28 (6.1996).

Phan Minh Kế - Phan Sô - Phan Văn Thê, *Phan tộc kỷ yếu*, NXB. Đà Nẵng, 2002.

Phòng Văn hóa Thông tin Quảng Ngãi, *Thơ ca yêu nước cách mạng Quảng Ngãi 1885-1945*.

Quách Tấn, Quách Giao, *Võ nhân Bình Định*, NXB. Trẻ TP. HCM, 2001.

Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục Chính biên*, (bản dịch của Viện Sử học) T.37, NXB. KHXH, 1977.

Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục Chính biên Đế tứ kỷ XVIII (1877-1880)*, Tập 34, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976.

Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục Chính biên Đế lục kỷ Phụ biên*, NXB. Văn hóa - Văn nghệ TP. HCM, 2012.

Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục Chính biên đệ thất kỷ Phụ biên*, Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu, NXB. Văn hóa - Văn nghệ, 2012.

Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí - Tập 2*, Viện sử học, Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, NXB. Thuận Hóa, 2006.

Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Quảng Nam, *100 năm Trường Tân học Phú Lâm và Nhà thực hành duy tân xuất sắc Lê Cơ*, 2006.

Tạ Thị Thúy, *Lịch sử Việt Nam, Tập 7*, NXB. Khoa học Xã hội, 2013.

Thành ủy Tam Kỳ, *Lịch sử Đảng bộ huyện Tam Kỳ*, 2007.

Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng, *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930-1975)*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

Thái Bạch, *Thi văn quốc cấm*, NXB. Khai Trí, Sài Gòn, 1968.

Thiện Sinh, “Thái Phiên và cuộc Duy Tân khởi nghĩa”, *Tạp chí Bách Khoa*, số 123, ngày 15.2.1962, Sài Gòn.

Tô Đình Cơ, *Thân thế và sự nghiệp Trần Cao Vân (1866-1916)*, Sở Văn hóa Thông tin Bình Định, 1995.

Thạch Phương - Nguyễn Đình An (Chủ biên), *Địa chí Quảng Nam*, NXB. Khoa học xã hội, 2010.

Thạch Phương, *Đất Quảng những sự kiện đáng nhớ*, NXB. Đà Nẵng, 2008.

Thế Nguyên, *Phan Bội Châu thân thế và thi văn (1867-1940)*, Nhà in Tân Việt, Sài Gòn, 1956.

Tôn Quang Phiệt, “Nói thêm về Phan Bội Châu sau khi đọc hai bài góp ý kiến của các ông Hải Thu và Lê Văn Trinh”, *Tập san Nghiên cứu Văn - Sử - Địa*, số 44.1958.

Tôn Thất Thọ: “Về cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân”, *Tạp chí Xưa & Nay*, số 469, tháng 3.2016.

Tổng Phước Phổ, “Nguyễn Hiền Dĩnh, một nhà sáng tác, đạo diễn

rất lỗi lạc trong nghệ thuật tuồng”, sách *Nguyễn Hiến Đình nhà hoạt động sân khấu tuồng lỗi lạc*, Sở Văn hóa Thông tin QNĐN, 1987.

Trần Đức Thanh Phong và CTV, *Kỷ niệm 100 năm Phong trào Đông du*, Tân Văn, Đông Kinh, Nhật Bản, 2005.

Trần Huy Liệu, *Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh*, NXB. KHXH, H., 2003.

Trần Huy Liệu, “Lịch sử Tám mươi năm chống Pháp”, quyển I, *Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa xuất bản*, 1956.

Trần Huy Liệu, Nguyễn Công Bình, Văn Tạo, *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam tập III*, NXB. Văn sử địa, Hà Nội, 1958.

Trần Thị Hạnh, “Sự chuyển biến trong quan niệm đạo đức của Phan Bội Châu đầu thế kỷ XX”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 12.2013.

Trần Trúc Tâm, *Chí sĩ Trần Cao Vân*, NXB. Đà Nẵng, 1999.

Trần Văn Giàu, *Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh*, Quyển II, NXB. KHXH, H., 2003.

Trần Văn Giàu, *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, Tập 1, NXB. TP. Hồ Chí Minh, 1993.

Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm, Hoàng Văn Lâm, Nguyễn Văn Sự, Đặng Huy Vận: *Lịch sử cận đại Việt Nam, tập III*, NXB. Giáo dục, Hà Nội, 1961.

Trần Viết Ngạc, *Tài liệu tham khảo Lịch sử Việt Nam cận hiện đại*, Trường ĐHSPTP. Hồ Chí Minh, 2005.

Trung Tâm từ điển Bách khoa Quân sự bộ Quốc Phòng, *Từ điển bách khoa Quân sự Việt Nam*, NXB. QĐND, 1996.

Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, *Châu bản triều Tự Đức (1848-1883)*, NXB. Văn học, 2003.

Trương Công Huỳnh Kỳ, *Phong trào yêu nước chống Pháp ở Quảng Ngãi từ năm 1885 đến năm 1930*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Hà Nội, 2001.

Trương Công Huỳnh Kỳ, Nguyễn Tất Thắng, Đỗ Mạnh Hùng, *Giáo trình Lịch sử Việt Nam cận đại*, NXB. Đại học Huế, 2013.

Trương Hữu Quỳnh, *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, Tập 2, NXB. Giáo dục, 1998.

Tùng Lâm, *Cuộc đời cách mạng Cường Để*, Nhà in Tôn Thất Lễ, Sài Gòn, 1957.

UBND Tỉnh Quảng Ngãi, *Địa Chí Quảng Ngãi*, NXB. Từ điển Bách Khoa, Hà Nội, 2009.

Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam (1897-1918)*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1999.

Viện sử học, *Lịch sử Việt Nam*, tập 7, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015.

Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, *Hoạt động quân sự từ năm 1897 đến Cách mạng tháng Tám 1945*, tập 9, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.

Võ Huy Hồng - Thái Kim Đình, *Dư địa chí Can Lộc*, Sở Văn hóa Thông tin Hà Tĩnh, 1999.

Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á*, NXB. ĐHQG, Hà Nội, 1997.

Vũ Ngự Chiêu, *Các vua cuối nhà Nguyễn, tập 2*. Houston, TX: Văn hóa, 2000.

Vũ Thanh Sơn, *Nhân vật lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, Quyển 14, 15, NXB. Quân đội nhân dân, 2012.

II. Tiếng nước ngoài

AOM. Aix-en Provence, Fonds Residence Supérieure, Série F. Affaire politiques.

AOM. Aix-en Provence, Note sur la situation politique en Annam, Rapport de Dufrenil, Inspecteur des Services civils de l'Indo-Chine, le 22 Septembre 1908.

David Marr, *Vietnamese Alticolonialism: 1885 - 1925*, University of California Press, U.S, 1971.

Das, Santanu (Ed.): *Race, empire and First World War writing*, Cambridge; New York 2011: Cambridge University Press.

E.Jolly, *Những sự việc ở Trung Kỳ*, báo Avenir du Tonkin (Tương lai Bắc Kỳ), số 3934, tháng 4 năm 1908.

Robert Aldrich, “Imperial Banishment: French Colonizers and the Exile of Vietnamese Emperors”, *French History and Civilization*, Vol 5, 2014.

Rapport Politique du Octobre 1907, No 167 (FaiFoo, le November 1907) Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV, Hồ sơ 235 RSA/RP.

Rapport Politique du November 1907, No 184 (FaiFoo, le Décembre 1907) Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV, Hồ sơ 235 RSA/RP.

Rapport Politique Octobre 1907, (Hoi An, le November 1907) No 167, Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV, Hồ sơ 242RSA/RP.

Rapport Politique, Décembre 1907 (Hoi An, 8.1.1908) No 4.Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV, Hồ sơ 244/1 RSA/RP.

Rapport Politique (Hoi An, 3.5.1908) No 64. Trung tâm lưu trữ Quốc gia IV, Hồ sơ 262/ RSA/RP.

Taboulet, Georges: *La Geste Francaise en Indochine, T1*, Paris, 1955.

David Marr, *Vietnamese Alticolonialism: 1885-1925*, University of California Press, U.S, 1971.

Robert Aldrich (2014), “Imperial Banishment: French Colonizers and the Exile of Vietnamese Emperors”, *French History and Civilization*, Vol 5.

Vu-Hill Kimloan (4 June 2015), *Indochinese Workers in France (Indochina)*.

Vu-Hill Kimloan (2 December 2015), *Between Acceptance and Refusal - Soldiers' Attitudes Towards War (Indochina)*.

Tài liệu tại phòng Toàn quyền Đông Dương, ANOM.

Vua Duy Tân 1916. Tài liệu số 120, hồ sơ 65530 tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia hải ngoại ở Aix en Provence - Pháp. Hồ sơ 65530.

Tài liệu số 10: Báo cáo ngày 20.5.1916 Toàn Quyền Đông Dương gửi Bộ Trưởng Bộ Thuộc địa phân tích, tổng hợp và nhận định về cuộc khởi nghĩa. Hồ sơ 65530.

Tài liệu số 39: Bản khai lần thứ 3 của Trần Cao Vân - Đại cố vấn và là người bảo vệ Nhà vua. Hồ sơ 65530.

Tài liệu số 48: Bản khai lần thứ 3 của Thái Phiên - Phụ tá cố vấn và là Tổng chỉ huy cuộc tấn công Kinh thành Huế. Hồ sơ 65530.

Tài liệu số 50: Quan Bô trong khi làm nhiệm vụ gửi Ngài Công sứ Pháp ở Hội An trình bản khai của Lương Đình Thự. Hồ sơ 65530.

Tài liệu số 75: Báo cáo số 119c ngày 1.6.1916 của Công sứ Quảng Nam gửi Khâm sứ Trung Kỳ về cuộc nổi loạn đêm 3 sáng 04.5.1916. Hồ sơ 65530.

Tài liệu số 89: Lý lịch cá nhân của Lê Đình Dương, y sĩ thực tập ở Hội An. Hồ sơ 65530.

Tài liệu số 120: Điện số 107s, 4.5.1916 - Khâm sứ Trung Kỳ gửi Toàn quyền Đông Dương về tình hình chung và của cuộc khởi nghĩa. Hồ sơ 65530.

Tài liệu số 166: Điện số 574 ngày 4.5.1916 - Đại úy Hiến binh Décosiau báo cáo về các cuộc nổi loạn ở tỉnh Quảng Ngãi và Tam Kỳ. Hồ sơ 65530.

Tài liệu số 178: Điện số 44 ngày 6.5.1916 - Hiến binh Guisset báo cáo tình hình nổi dậy ở Hội An. Hồ sơ 65530.

Tài liệu số 188: Bản thảo viết tay bài báo “Âm mưu khởi nghĩa 1916 ở Trung Kỳ” viết cho tờ Echo Annamite, ngày 4.5.1927. Hồ sơ 65530.

Tài liệu số 273: Báo cáo về tình hình chính trị Trung Kỳ quý II.1916 ngày 10.7.1916 của Khâm sứ Le Marchant de Trigon: tổng hợp và phân tích về cuộc khởi nghĩa tháng 5.1916 ở Trung Kỳ. Hồ sơ 4199.

MỤC LỤC

* Lời giới thiệu

PGS.TS. ĐÌNH QUANG HẢI 5

DƯỚI GÓC NHÌN SỬ HỌC

* Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội trong phong trào chống Pháp ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX

PGS.TS. NGUYỄN DUY BÌNH - ThS.NCS TRỊNH THỊ HƯỜNG 11

* Phong trào yêu nước và cách mạng ở đất Quảng từ Trung Kỳ dân biến 1908 đến khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân 1916

ThS. BÙI VĂN TIẾNG 27

* Thừa Thiên - Huế và Quảng Nam - Đà Nẵng trong cuộc vận động khởi nghĩa Trung Kỳ

PGS.TS. ĐỖ BANG 50

* Nhìn lại vụ mưu khởi nghĩa năm 1916

PGS.TS. NGÔ VĂN MINH 55

* Vị trí lịch sử của khởi nghĩa Tam Kỳ (1916)

GS.TS. TRƯƠNG SỸ HÙNG - NGUYỄN THỊ HUỆ 66

*Phủ Tam Kỳ (Quảng Nam) - trung tâm điểm của cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916

TS. NGUYỄN VĂN PHƯỢNG - TS. TRẦN QUỐC TUẤN 81

*Khởi nghĩa Tam Kỳ năm 1916 - Những nguyên nhân tạo nên sự khác biệt

TS. TRƯƠNG THỊ DƯƠNG 90

*Khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ qua một số tài liệu lưu trữ

VÕ HÀ 102

*Quảng Nam với cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục Hội năm 1916

ThS. HUỖNH VĂN TUYẾT 111

*Việt Nam Quang phục hội và một số hoạt động ở Nam Trung Kỳ

PGS.TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI 132

*Đặc điểm hình thành và phát triển của cuộc vận động khởi nghĩa do Việt Nam Quang phục hội tiến hành ở Trung Kỳ năm 1916

PGS.TS. TRƯƠNG CÔNG HUỖNH KỲ 146

*Tính chất cuộc khởi nghĩa Trung Kỳ năm 1916

PGS.TS. TRẦN THUẬN 173

*Khởi nghĩa tháng 5.1916 ở Tam Kỳ - Quảng Nam qua các tài liệu mới

NGUYỄN TRƯỞNG ĐÀN 191

*Muru khởi Trung Kỳ năm 1916 - cuộc gặp gỡ của tinh thần yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX

ThS. HUỖNH BÁ LỘC 225

*Khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội - Bức tranh phản chiếu về thời kỳ quá độ của cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX

TS. NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH 234

*Quảng Nam trước và trong cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916

ThS. NGUYỄN VĂN BIỂU 246

*Về cuộc khởi nghĩa ở Trung Kỳ năm 1916

ThS. NGUYỄN THỊ THÙY NHUNG 263

*Tiền đề tư tưởng của khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội

ThS. NGUYỄN THỊ HÀ GIANG 271

*Một số vấn đề về tư tưởng quân sự trong cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916

ThS. TRẦN VĂN GIÁP 280

*Khí phách kiên cường và lòng yêu nước của người miền Trung qua cuộc khởi nghĩa năm 1916

ThS. TRẦN THỊ THANH HUYỀN 286

*Tác động của chính sách tuyển mộ lao động, binh lính người Việt Nam tham gia Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất đến sự bùng nổ cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội (1916)

TS. NGUYỄN THỊ VĨNH LINH 297

*Yếu tố thời cơ của cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916

ThS. NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG 306

*Yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” trong phong trào Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Nam

NGUYỄN THỊ HẢI 318

*Ảnh hưởng của tổ chức Việt Nam Quang phục hội đối với phong trào yêu nước Việt Nam giai đoạn 1912-1918

ThS. PHẠM VĂN HÒA 327

*Giá trị lịch sử của cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916

TS. NGUYỄN VĂN CHIẾN 331

*Tính hệ thống trong cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ năm 1916 qua các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước

ThS. NGÔ XUÂN DƯƠNG 341

*Tính hệ thống trong cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở phủ Tam Kỳ và các tỉnh miền Trung năm 1916

ThS. NGUYỄN QUANG TRUNG TIẾN 350

*Thời cơ của cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung Kỳ năm 1916

PGS.TS. HÀ MINH HỒNG 358

*Từ phong trào chống thuế đến cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại Quảng Nam

TS. NGUYỄN VĂN DŨNG 368

*Tổ chức Việt Nam Quang phục hội hoạt động yêu nước từ năm 1912-1916

ThS.NCS. PHAN THỊ LỆ DUNG 380

*Bàn thêm về Việt Nam Quang phục hội và cuộc khởi nghĩa năm 1916 ở Nam Trung Kỳ

TS. NGÔ VƯƠNG ANH 391

*Quy mô cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 tại Trung Kỳ

ThS. NGUYỄN THẾ TRUNG 399

*Nhân tố tác động đến quá trình khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916 tại Trung Kỳ

ThS. ĐỖ CAO PHÚC 405

*Khởi nghĩa Thái Phiên - Trần Cao Vân qua một số tài liệu lưu trữ

ThS. LƯU ANH RÔ 416

*Cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916 và hồ sơ lưu trữ tại Pháp

PGS.TS. ĐINH KHẮC THUẬN 443

*Ảnh hưởng của cuộc Chiến tranh Thế giới thứ nhất (1914-1918) đối với cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội

ThS.NCS. PHAN VĂN CẢ 448

*Góp phần tìm hiểu thêm về lòng yêu nước của nhân dân xứ Quảng qua cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916

ĐÀO VĂN TRÀ 460

*Đóng góp của các sĩ phu yêu nước trong cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Nam và tại Phủ Tam Kỳ năm 1916

HÀ THỊ HẢI 468

*Một số vấn đề xung quanh cuộc vận động yêu nước ở Trung Kỳ năm 1916

TS. DƯƠNG TẤN GIÀU - Th.S. NGUYỄN THANH TIẾN 477

*Ảnh hưởng của nhân tố bên ngoài đến sự chuyển biến tư tưởng của Phan Bội Châu

PGS.TS. VÕ KIM CƯỜNG -ThS. LÊ THỊ THU HẰNG 489

*Từ cuộc cách mạng Tân Hợi năm 1911 ở Trung Quốc đến cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916

NGUYỄN THỊ MINH TÂM 503

*Việt Nam Quang phục hội và cuộc khởi nghĩa Tam Kỳ (1916) giá trị lịch sử - Nguyên nhân thất bại

TS. HOÀNG THỊ NHƯ Ý 515

*Về nguyên nhân thất bại cuộc khởi nghĩa của Kỳ Bộ Hội Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916

TS. NGUYỄN TẤN THẮNG - ThS. DƯƠNG THANH MỪNG 525

*Nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa ở Nam Trung Kỳ tháng 5.1916 của Việt Nam Quang phục hội

TS. NGUYỄN THU HỒNG 547

*Cần có một danh xưng thống nhất cho cuộc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang ở Trung Kỳ năm 1914-1916

TS. NGUYỄN THỊ ĐÀM 558

NHỮNG TẤM GƯƠNG YÊU NƯỚC

*Lực lượng cách mạng trong phong trào Việt Nam Quang phục hội

ThS. TRỊNH THỊ HÀ 569

*Bàn thêm về lực lượng tham gia Cuộc khởi nghĩa Duy Tân năm 1916

ThS. NCS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG 583

* Thái Phiên - Một lãnh tụ trọng yếu của cuộc khởi nghĩa năm 1916

ThS. LƯU ANH RÔ 592

* Phan Thành Tài - người con ưu tú của xứ Quảng

ThS. NGUYỄN VĂN TÙNG - ThS. TRẦN ĐÌNH PHIÊN 599

*Chí sĩ Phan Thành Tài - Người con ưu tú của gia tộc, quê hương

HÀ PHAN - BÁ LƯƠNG - ĐỨC LONG 610

*Nhân vật Thái Phiên (1882-1916) trong cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội

MAI THỊ HUYỀN 637

*Nhà yêu nước cách mạng Thái Phiên với cuộc khởi nghĩa ở Trung Kỳ năm 1916

LÊ THANH HẢI - PHÙNG THỊ HOAN 646

*Đỗ Tự, yếu nhân trong cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội tại Quảng Nam

LÊ THỊ 654

*Trần Cao Vân - người con Quảng Nam và cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916

ThS. PHẠM THỊ VƯỢNG 662

*Thái Phiên - Trần Cao Vân, nhà lãnh tụ trọng yếu của cuộc khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội năm 1916

ThS. NGUYỄN VĂN BẢO 672

*Trần Cao Vân và âm vang hào khí Việt Nam Quang phục hội

ThS. NGUYỄN THỊ QUẾ 683

*Một vài nhận thức mới xung quanh nhân vật lịch sử Trần Cao Vân

TS. NGUYỄN LỤC GIA - TS. TRẦN MINH ĐỨC 692

*Vua Duy Tân với cuộc khởi nghĩa Trung Kỳ năm 1916

ThS. NGUYỄN THỊ HUÊ 704

*Một số nhận định về vua Duy Tân qua cuộc vận động khởi nghĩa chống Pháp năm 1916 tại Trung Kỳ

TRẦN ANH ĐỨC 724

*Dấu tích địa điểm vua Duy Tân bị Pháp bắt từ góc nhìn của người nghiên cứu điền dã

ThS. TRẦN VĂN DŨNG 733

* Thái Phiên và vấn đề kinh tài trong khởi nghĩa năm 1916

VÕ HÀ 745

*Quảng Ngãi trong cuộc vận động khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916

ThS. NGUYỄN QUỐC NGHĨA 752

*Sĩ phu Quảng Ngãi trong cuộc mưu khởi Duy Tân năm 1916

LÊ HỒNG KHÁNH 761

*Một số hoạt động của Việt Nam Quang phục hội ở Bắc Kỳ đầu thế kỷ XX

TS. NGUYỄN THỊ LỆ HÀ 780

*Những hoạt động yêu nước của Nguyễn Trang, Nguyễn Hét trong Duy tân hội và Việt Nam Quang phục hội trên đất Hà Tĩnh những năm đầu thế kỷ XX

TS. NGUYỄN TẮT THẮNG 788

*Tình yêu nước, ý thức tự cường trong thơ văn phong trào Duy Tân, khát thuế và Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Ngãi

TS. NGUYỄN DIÊN XUỐNG - NCS. BÙI VĂN THANH 796

*Cuộc vận động khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916 qua cách nhìn của Huỳnh Thúc Kháng

TS. NGUYỄN VĂN HÙNG 804

*Trăm năm nhìn lại...

VU GIA 811

100 NĂM KHỞI NGHĨA VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI (1916-2016)

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

Lô 103, đường 30 tháng 4 - Hòa Cường Bắc - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0511. 3797874 - 3797823 - Fax: 0511 3797875

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc TRƯƠNG CÔNG BÁO

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập NGUYỄN KIM HUY

Biên tập: HUỲNH KIM HÙNG

Bìa và trình bày: V.LONG

Sửa bản in:

NGUYỄN PHƯỚC TÔN THẮT HƯỚNG

ĐỖ THỊ HẰNG

In 170 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Công ty Cổ phần In-Phát hành sách và Thiết bị trường học Quảng Nam. Địa chỉ: 260 Hùng Vương, thành phố Tam Kỳ, Quảng Nam. Điện thoại: 05103.859367. Email: chebaninqnam@gmail.com. Số ĐKXB: 3134-2016/CXBIPH/01-142/ĐaN cấp ngày 19/9/2016. QĐXB số: 436/QĐ-NXBĐaN, Nhà xuất bản Đà Nẵng cấp ngày 26/9/2016. Mã ISBN: 978-604-84-1821-2 . In xong và nộp lưu chiểu tháng 10/2016.